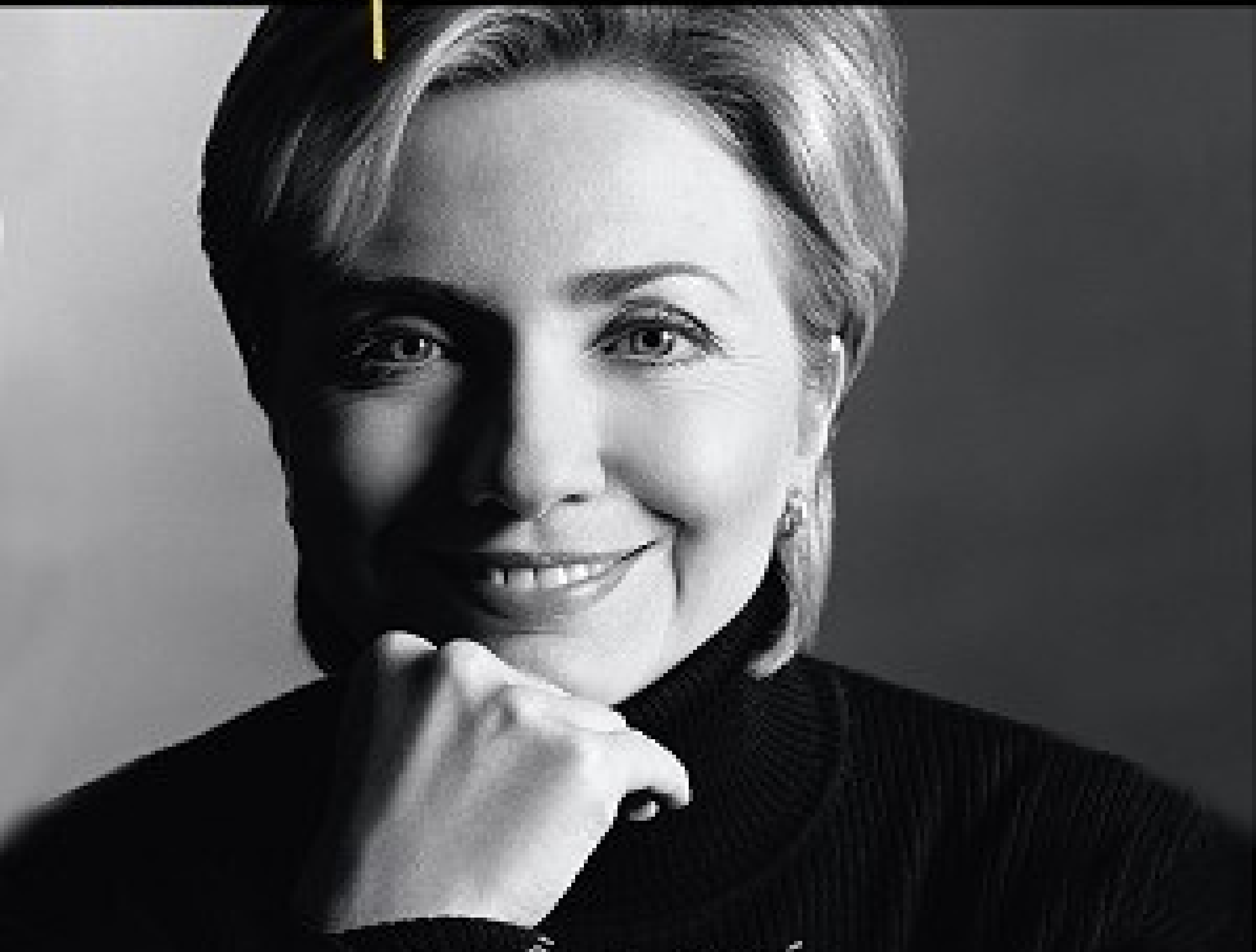
Hillary Rodham Clinton



HỒI KÝ
HILLARY CLINTON
VÀ CHÍNH TRƯỜNG NƯỚC MỸ

Living History

VHSG NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

First News

MỘT CUỐN HỒI KÝ ĐẶC BIỆT VÀ HẤP DẪN

- ĐẠI TƯỚNG MAI CHÍ THỌ

Cuốn hồi ký của Hillary Rodham Clinton thật hấp dẫn với rất nhiều thông tin thú vị đã thật sự cuốn hút tôi. Ngoài những tự sự đầy trăn trở của một phu nhân tổng thống Mỹ, tập hồi ký còn mô tả rất sinh động mọi mặt cuộc sống nước Mỹ, từ sinh hoạt gia đình, nuôi dạy con cái, giáo dục nhà trường, nội, ngoại khóa, quan hệ thầy trò, sinh hoạt của học sinh, sinh viên Mỹ, quan điểm sinh hoạt, sự thống nhất và mâu thuẫn về các mặt xã hội, kinh tế, chính trăn hóa, sắc tộc cho đến tổ chức vận hành của bộ máy quyền lực nước Mỹ, kể cả ở cấp cao nhất trong Nhà Trắng, Lầu Năm Góc... cũng như quan hệ đối ngoại của chính quyền Mỹ với phần còn lại của thế giới... Những tư liệu vừa phong phú, đa dạng, vừa phức tạp ấy đã được phán ảnh rất sống động qua các sự kiện và sinh hoạt của nhưng nhân vật trong hồi ký.

Ở Hillary hội tụ một số tính cách đặc biệt làm cho không những người Mỹ nể trọng mà nhiều người trên thế giới cũng như ở Việt Nam rất quan tâm. Chính sự mến mộ tính cách của người phụ nữ nổi tiếng ấy khiến tôi có cảm hứng viết lời giới thiệu cho cuốn hồi ký này với bạn đọc Việt Nam.

Hillary là một phụ nữ nhâ hậu và bản lĩnh. Từ nhỏ Hillary đã tổ chức quyên góp để làm từ thiện, phản đối phân biệt chủng tộc, chống cuộc chiến tranh phi nghĩa của Mỹ ở Việt Nam. Hillary từng rất đau buồn khi mục sư người da đen Martin Luther King - người nổi tiếng chống phân biệt chủng tộc – bị ám sát ở Mỹ và đã để tang Luther King như để tang một người thân. Khi trưởng thành Hillary càng quan tâm đến người nghèo và quyền bình đẳng của phụ nữ. Sau này, với cương vị Đệ nhất Phu nhân, cũng như khi làm Thượng nghị sĩ bang New York, Hillary rất quan tâm đến vấn đề chăm sóc y tế cho người già, người có thu nhập thấp cũng như chăm lo vấn đề giáo dục cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em thuộc tầng lớp nghèo khổ.

Ngay từ nhỏ, Hillary đã biểu hiện tài năng bẩm sinh, độc lập, tự chủ và năng khiếu lãnh đạo vượt trội. Hillary học giỏi, thường được học sinh, sinh viên chọn làm người lãnh đạo, người phát ngôn của họ.

LĐệ nhất Phu nhân nhưng Hillary không hề là cái bóng của người chồng Bill Clinton. Trong quá trình tranh cử tổng thống của Bill Clinton, Hillary đã đóng góp công sức quyết định vào thắng lợi của chồng mình. Khi Bill Clinton làm Tổng thống thì Hillary là một trợ thủ đắc lực. Trước khi là Đệ nhất Phu nhân, Hillary đã là một luật sư nổi tiếng và hiện là Thượng nghị sĩ

đại diện cho bang New York - một bang lớn của nước Mỹ.

Cách ứng xử của Hillary đối với vụ bê bối tình cảm của Bill Clinton ở Nhà Trắng càng thể hiện một nhân cách đáng nể trọng. Đối diện với bão táp của dư luận, và nỗi đau buồn lớn lao của một người vợ, Hillary vẫn bình tĩnh, cân nhắc giữa lợi ích của đất nước và tình cảm cá nhân; giữa hạnh phúc bền vững, lâu dài của gia đình với hành động trăng hoa nhất thời của một Tổng thống có tài mà nước Mỹ đang cần. Hillary đã ứng xử rất chủ động, trí tuệ, đức độ, được dân Mỹ đồng tình, nể trọng. Chắc chắn Bill Clinton cũng vậy.

Báo chí Mỹ cho rằng Hillary sẽ ra tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ tới. Rất có thể Hillary sẽ đắc cử vì là một phụ nữ có tâm, tài, đức, năng lực lãnh đạo, được nhiều người trong và ngoài nước Mỹ quý mến. Hiện nay nhân dân Mỹ mong muốn có được một nền hòa bình, tháo gỡ sự sa lầy ở Iraq, Afghanistan, Trung Đông, cũng như cải thiện tốt đẹp hơn mối quan hệ của nước Mỹ với phần còn lại của thế giới. Uy tín của nước Mỹ không chỉ dựa trên thế mạnh và vật chất mà còn phải dựa trên sự nể trọng về tinh thần và tình cảm hữu nghị trong quan hệ đối với các nước khác.

Quan hệ Việt Nam - Mỹ cũng sẽ được cải thiện rất nhiều nếu Hillary làm Tổng thống. Trước đây, Bill Clinton đã dỡ bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam, tạo ra bước ngoặt mới trong quan hệ giữa hai nước. Bill Clinton và Hillary là vợ chồng Tổng thống Mỹ đầu tiên sang thăm Việt Nam sau 25 năm hòa bình trên đất nước này. Cuộc thăm viếng của hai vợ chồng Tổng thống Mỹ đã để lại nhiều tình cảm trong lòng nhân dân Việt Nam.

Công ty Văn hóa Sáng tạo Trí Việt - First News thật biết lựa chọn và đã bỏ không ít công sức để dịch, xuất bản cuốn hồi ký này, đáp ứng đúng yêu cầu của độc giả. Tôi trân trọng giới thiệu cuốn sách đến với bạn đọc Việt Nam.

ĐẠI TƯỚNG MAI CHÍ THỌ

LỜI GIỚI THIỆU

HILLARY CLINTON MỘT ĐỆ NHẤT PHU NHÂN ĐẶC BIỆT CỦA HOA KỲ

Hơn một triệu ấn bản của cuốn hồi ký đã được bán hết ngay trong tháng đầu tiên phát hành và tám triệu USD là số tiền mà xuất bản danh tiếng Simon & Schuster trả trước đã khiến cho cuốn Living History của Hillary Rodham Clinton, phu nhân cựu tổng thống Hoa Kỳ, trở thành một hiện tượng xuất

bản đạt tầm kỷ lục, chứng tỏ một sức hút mãnh liệt đối với độc giả thế giới. Phần ghi âm của Hillary cho quyển hồi ký này đã được đề cử lần thứ hai giải Grammy Album đọc hay nhất. Living History đã được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới.

Sau khi thực hiện những cuốn sách về những con người đặc biệt có tầm ảnh hướng lớn trên thế giới được bạn đọc Việt Nam yêu thích như: Bush và Quyền Lực Nước Mỹ, Vladimia Putin - Nhân Vật Số Một, Arafat - Một Đời Cho Tự Do, Fidel Castro - Cuộc Đối Đầu với Mười Đời Tổng Thống Mỹ và Những Âm Mưu Ám Sát của CIA, Huyền thoại Che, Nhật Ký Che Guevara... First News đã mua bản quyền của NXB Simon & Schuster cuốn hồi ký nổi tiếng của Hillary Clinton để giới thiệu với bạn đọc Việt Nam. Đây không chỉ đơn thuần là hồi ký của một phu nhân cựu tổng thống Mỹ với hai nhiệm kỳ - tám năm - trong Nhà Trắng, mà còn chứa rất nhiều thông tin chưa được biết đến về chính trường và nhiều vấn đề khác của nước Mỹ, và trên hết, về cuộc đời, tính cách và suy nghĩ của Hillary Rodham Clinton - Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ, người có nhiều khả năng trở thành nữ tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ vào năm 2008.

Có thể xem cuốn sách là một tư liệu giúp chúng ta khám phá một phần lịch sử thế giới, đặc biệt là lịch sử Hoa Kỳ trong những thập niên gần đây. Dù tập trung chủ yếu vào 8 năm ở Nhà Trắng với cương vị là Đệ nhất Phu nhân tổng thống Hoa Kỳ, nhưng trong cuốn hồi ký của mình, Hillary đã phản ánh quãng thời gian trải dài từ những năm 1960 đến năm 2000, một giai đoạn quan trọng trên chính trường quốc tế, giai đoạn ở Mỹ đã diễn ra hai trong ba vụ xét xử quan trọng để luận tội tổng thống trong này, mà một trong hai vụ lại liên quan đến chồng bà - Tổng thống Bill Clinton.

Hillary Clinton là một luật sư, một người phụ nữ đặc biệt, là một nhân vật nổi tiếng trên chính trường quốc tế. Bên cạnh tài năng, bà đã có được nhiều cơ hội khi thừa nhận "...được sinh ra là một người Mỹ vào giữa thế kỷ hai mươi, vào một thời gian và một nơi may mắn. Tôi được tự do lựa chọn những điều mà phụ nữ của đất nước tôi trong các thế hệ trước không hề có... Tôi ra đời vào giai đoạn đỉnh điểm của sự thay đổi xã hội dữ dội và tham gia vào những cuộc đấu tranh chính trị về ý nghĩa của nước Mỹ và vai trò của nó trên thế giới...". Ngay cả chỉ so với thế hệ phụ nữ trước đó như mẹ và bà của Hillary, họ cũng chưa bao giờ có được cơ hội phát triển như thế.

Trước giờ, độc giả vốn rất tò mò, muốn biết về cuộc sống riêng, sinh hoạt của các chính khách, nhất là những chính khách hàng đầu như "đệ nhất gia" của Mỹ, nhưng Living History của bà Hillary không mang ý nghĩa câu khách

như thế. "Chuyện tình với cô nàng Lewinsky" của chồng bà - vốn từng là chủ đề của các nhật báo trong một thời gian dài - cũng chỉ được đề cập một phần. Trong khi đó, chủ đề trung tâm của cuốn hồi ký là những chuyến đi không mệt mỏi của bà trong vai trò Đệ nhất Phu nhân để chủ xướng giải quyết các vấn đề nối cộm trong xã hội Mỹ như chăm sóc y tế, giáo dục... hay các vấn đề toàn cầu liên quan đến nữ quyền, dân chủ.

Mặc dù bà Hillary Clinton từng tuyên bố: "Khoảng thời gian duy nhất mà tôi không có việc làm kể từ năm lên 13 tuổi là 8 năm tôi ở Nhà Trắng" nhưng thật ra, chính bà là người đã "định nghĩa" lại chức danh của một Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ. Tại Mỹ, phu nhân của các Thống đốc bang cũng được gọi là Đệ nhất Phu nhân. Và vì thế, bà Hillary Clinton đã từng được "thực tậpông Clinton nắm chức Thống đốc bang Arkansas từ năm 1979. Tuy nhiên, khi đến Nhà Trắng thì vai trò của một Đệ nhất Phu nhân lại khác và chúng ta có thể thấy rõ trong cuốn hồi ký này những trăn trở của ông bà Clinton về vai trò của một "nội tướng Nhà Trắng". Bà Hillary tâm sự : "...Tôi có thể có một "vị trí" nhưng đó lại không phải là một "công việc" thật sự. Làm thế nào tôi sử dụng phương tiện này để giúp chồng mình và phục vụ tổ quốc nhưng không đánh mất bản sắc của mình. Không có cẩm nang hướng dẫn làm Đệ nhất Phu nhân. Bạn tiếp nhận công việc này bởi vì chồng bạn đã trở thành Tổng thống... Giống như tất cả các Đệ nhất Phu nhân trước đây, tôi phải quyết định xem tôi muốn làm gì với những vận hội, trách nhiệm và nghĩa vụ mà tôi đã tiếp nhận...".

Từ lâu, vai trò của Đệ nhất Phu nhân Mỹ được cảm nhận có tính biểu tượng. Nhân vật này được trông chờ sẽ đại diện cho nữ giới Hoa Kỳ. Tổng thống Clinton đã không bổ nhiệm bà Hillary vào một vị trí chính thức nào. Mà thậm chí, nếu ông có muốn bổ nhiệm cũng không được vì các đạo luật chống đưa người thân trong gia đình, họ hàng vào làm việc đã được ban hành kể từ thập niên 1960 khi John F. Kennedy bổ nhiệm người em ruột của mình là Bobby làm Bộ trưởng Tư pháp. Chính bà Hillary cung thừa nhận: "Đệ nhất Phu nhân chỉ là chiếc bóng của Tổng thống, phụ thuộc chứ không độc lập với quyền lực của Tổng thống".

Tuy nhiên, sự đóng góp của bà Hillary trong sự nghiệp của chồng là rất rõ ràng. Vai trò của bà cùng đội ngũ "Hillaryland" thật sự quan trọng như bà từng nhấn mạnh: "Chưa từng có Đệ nhất Phu nhân nào có văn phòng đặt tại Dinh Tây nhưng chúng tôi biết nhân viên của Đệ nhất Phu nhân là một phần không thể tách rời của đội ngũ nhân viên Nhà Trắng và chúng tôi cần có bàn ghế theo cả hai đen và bóng". Không lâu sau đó, nhân viên của bà đã được nhiều người biết đến qua huy hiệu "Hillaryland" cài trên áo của mình. Điều

chúng ta cũng cần lưu ý là trong văn phong, bà Hillary đã thường dùng ngôi thứ nhất số nhiều "we" (chúng tôi) khi nói về chính quyền của chồng mình.

Bill Clinton xuất hiện trong tác phẩm với hình tượng nổi bật: Vị tổng thống tương lai của Hoa Kỳ vào năm 1970 trông giống như một tay cướp biển Viking hơn là một sinh viên vừa du học ở Oxford trở về. Ba mươi năm sau, sau tất cả những biến cố đã xảy ra, Hillary thường tự hỏi vì sao Bill và bà vẫn chung sống với nhau. Hillary chỉ có thể lý giải đó là do một tình yêu đã tồn tại hàng thập kỷ và đã trưởng thành qua các trải nghiệm mà họ đã cùng chia sẻ trong việc nuôi dạy cô con gái Chelsea, tổ chức tang lễ chôn cất bố mẹ, chăm nom cho gia đình, có một cuộc sống xứng đáng với bạn bè, một niềm tin chung và một cam kết tự nguyện phục vụ Tổ quốc. Hillary cũng thừa nhận là không ai hiểu bà hơn Bill, không ai có thể làm bà cười theo cách mà Bill đã làm và sau hơn 30 năm, cả hai vẫn còn nói chuyện say mê với nhau.

Những chuyện "nội cung" cũng được Hillary đề cập đến. Giống như đại đa số cách tổ chức của nhiều gia đình trên thế giới, khu nhà bếp là tâm điểm trong tất cả căn nhà mà bà đã từng ở. Và, căn bếp trên lầu hai của Nhà Trắng cũng không ngoại lệ. Cái bàn nhỏ trở thành trung tâm của sinh hoạt gia đình. Đây là nơi cả nhà tụ họp ăn uống, tổ chức sinh nhật, nơi tâm tình đêm khuya... Việc nuôi dạy Chelsea cũng là vấn đề mà vợ chồng Tổng thống Clinton quan tâm vì hầu hết con cái các vị nguyên thủ quốc gia đều trở thành mục tiêu của các tay săn ảnh (paparazzi). Jackie - bà quả phụ của cố Tổng thống Kennedy - trở thành một nguồn an ủi, động viên và tư vấn cho Hillary. Jackie đã cảnh báo với Hillary: "Cô phải bảo vệ Chelsea bằng mọi giá". Hoả để giúp Chelsea trưởng thành một cách độc lập và biết cách tiếp nhận các lỗi lầm của mình. Chelsea đã từng học trường dòng lập ở Arkansas nhưng ở Washinglon, ông bà Clinton đã chọn Trường Sidwell Friends, một trường tư thục của dòng Quaker. Lý do là các trường tư thục cấm giới truyền thông báo chí tiếp cận.

Một đặc điểm của Living History là cuốn hồi ký này đầy ắp các sự kiện mà theo bà Hillary, nếu mô tả chi tiết thì phải viết đến mấy tập. Nó chứa đựng nhiều sự kiện nổi bật của thế giới trong suốt hơn bốn thập niên cuối cùng đầy sôi động của thế kỷ XX. Qua cái nhìn của một chính trị gia phương Tây, sách đề cập đến những sự kiện nổi tiếng như chiến thắng của ông Nelson Mandela trước chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Nam Phi, cái bắt tay lịch sử của hai ông Arafat và Sharon, vụ ám sát Tổng thống Kennedy và Thủ tướng Rabin, sự sụp đổ của các nước Đông Âu... cũng như những nhận xét của một chính khách Mỹ về hoạt động của Quốc hội Mỹ, ảnh hưởng của báo giới,

những thủ thuật của các chính khách, sự can thiệp của Hoa Kỳ đối với phần còn lại của thế giới... Trong cuốn hồi ký này cũng không thiếu những mô tả tinh tế của một phụ nữ về tính cách của nhiều nguyên thủ quốc gia cùng phu nhân của họ và rất nhiều chi tiết thú vị khác.

First News trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc Việt Nam cuốn hồi ký của một người phụ nữ đặc biệt - không chỉ với nước Mỹ mà còn với thế giới. Và rất có nhiều khả năng người phụ nữ này sẽ làm thay đổi nước Mỹ và hình ảnh nước Mỹ trong một thời gian gần đây.

- First New>

LỜI TỰA CỦA TÁC GIẢ

Năm 1959, tôi từng viết tự truyện như một bài tập lớp sáu Trong hai mươi chín trang, trang nào cũng viết được một nửa, đầy những nét chữ hăm hở viết vội, tôi đã mô tả cha mẹ, anh em, thú nuôi, nhà cửa, sở thích, trường học, các môn thể thao và những dự tính trong tương lai. Bốn mươi hai năm sau, tôi lại bắt đầu viết một hồi ký khác, lần này kể về tám năm cư ngụ tại Nhà Trắng với Bill Clinton. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng mình không thể giải thích cuộc đời của một Đệ nhất Phu nhân mà không đề cập đến điểm khởi đầu - làm cách nào mà tôi có thể trở thành người phụ nữ đó, lần đầu tiên bước vào Nhà Trắng ngày 20 tháng 1 năm 1993; để đảm đương một vai trò mới và những kinh nghiệm sẽ thử thách và biến đổi tôi một cách không ngờ.

Lúc bước vào ngưỡng cửa Nhà Trắng, tôi đã được rèn giũa kỹ lưỡng từ nề nếp của gia đình, từ học đường, đức tin tôn giáo và mọi điều được học trước đây với tư cách là con gái của một người cha rất bảo thủ và một người mẹ phóng khoáng hơn, là một nhà hoạt động sinh viên, người bênh vực cho trẻ em, một luật sư, vợ của Bill và mẹ của Chelsea.

Trong từng chương, tôi muốn thảo luận nhiều ý tưởng hơn khuôn khổ cho phép, đưa vào nhiều nhân vật hơn đã nêu tên, đến thăm nhiều nơi hơn những gì có thể mô tả được. Nếu tôi đề cập đến tất cả những ai đã gây ấn tượng, tạo cảm hứng, dạy dỗ, tác động và giúp đỡ tôi trong suốt chặng đường thì cuốn sách này ắt sẽ phải dày đến vài tập. Mặc dù đã chọn lọc, nhưng hy vọng rằng tôi sẽ chuyển tải được sự thúc đẩy và cuốn hút của các sự kiện cũng như các mối quan hệ đã ảnh hưởng đến tôi, và vẫn tiếp tục định hình, làm phong phú cho đời sống của tôi hiện nay.

Từ khi rời Nhà Trắng, tôi đã dấn thân vào một giai đoạn mới của cuộc đời mình với tư cách là một Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ đại diện New York, một trách nhiệm khiêm tốn và dễ nản lòng. Xin kể đầy đủ việc tôi dời về New York, chiến dịch tranh cử vào Thượng viện và vinh dự cùng làm việc với những ai đã bỏ phiếu cho tôi vào một dịp khác. Nhưng tôi hy vọng hồi ký này minh họa phần nào vì sao kinh nghiệm tôi có từ Nhà Trắng đã giúp tôi tranh cử thành công vào Thượng viện.

Trong những năm làm Đệ nhất Phu nhân, tôi đã trở thành một người học trò giỏi trong việc học cách chính phủ phục vụ cho nhân dân như thế nào, Quốc hội thật sự hoạt động ra sao, người dân nhận thức về chính trị và chính sách như thế nào qua bộ lọc của báo chí, và những giá trị Mỹ có thể được diễn dịch ra sao trong tiến trình kinh tế và xã hội. Tôi đã học được tầm quan trọng về sự can thiệp của nước Mỹ vào phần còn lại của thế giới, và tôi đã phát triển mối quan hệ với nhiều nhà lãnh đạo các nước cũng như một sự hiểu biết văn hóa các nước mà hôm nay lại rất hữu ích. Tôi cũng học được cách tập trung khi phải sống trong tâm của nhiều cơn giông bão.

Tôi đã được nuôi dạy để yêu Thượng đế và Tổ quốc, giúp đỡ người khác, bảo vệ và che chở những lý tưởngân chủ đã thôi thúc và dẫn dắt con người tự do trong lịch sử hơn 200 năm qua. Những lý tưởng đó được nuôi dưỡng trong tôi từ thuở xa xưa. Trở lại năm 1959, tôi đã mơ ước trở thành một nhà giáo hoặc là một nhà vật lý nguyên tử. Nhà giáo cần thiết để "đào tạo những công dân trẻ” mà không có họ, bạn sẽ không có được "một đất nước đúng nghĩa". Nước Mỹ cần nhiều nhà khoa học bởi lẽ "người Nga có số nhà khoa học nhiều hơn Mỹ gấp năm lần". Ngay thời đó, tôi là một sản phẩm của đất nước và thời đại, hấp thu những bài học của gia đình và nhu cầu của nước Mỹ để định liệu tương lai riêng mình. Quãng đời tuổi thơ trong những năm 1950 và tình hình chính trị thập niên 1960 đã đánh thức cảm nhận của tôi vì bổn phận và sự tận tâm phục vụ đất nước. Trường đại học, trường luật và hôn nhân đã đưa đẩy tôi vào trung tâm chính trị của Hoa Kỳ.

Cuộc đời chính trị của tôi, như tôi vẫn thường nói, là sự học hỏi liên tục về bản chất của con người, kể cả của chính mình. Sự tham gia trực tiếp của tôi vào hai chiến dịch tranh cử tổng thống và những trách nhiệm của một Đệ nhất Phu nhân đã đưa tôi đến từng tiểu bang trong liên bang và thăm bảy mươi tám quốc gia. Ở mỗi nơi, tôi gặp gỡ nhiều người, thấy nhiều điều giúp mở mang đầu óc và trái tim tôi, giúp tôi hiểu biết sâu sắc hơn về những mối quan tâm chung của nhân loại.

Tôi biết rằng nước Mỹ có vai trò quan trọng đối với phần còn lại của thế

giới; các chuyến viếng thăm của tôi giúp tôi hiểu thêm rằng phần còn lại của thế giới cũng quan trọng đối với nước Mỹ. Lắng nghe người của các nước khác nói và cố hiểu được họ nhận thức thế nào về vị trí của họ trên thế giới là rất cần thiết cho tương lai hòa bình và an ninh trong nước cũng như quốc tế. Với suy nghĩ đó, tôi phải đưa vào đây những tiếng nói mà chúng ta ít thường được nghe thấy - tiếng nói của con người từ mọi nơi trên thế giới đang khao khát những điều giống chúng ta: thoát khỏi đói kém, bệnh tật và sợ hãi, được tự do nói lên vận mệnh của mình, không phân biệt nguồn gốc hoặc địa vị trong cuộc sống của họ. Tôi dành một phần đáng kể trong các trang sách này kể về các chuyến đi ra nước ngoài của tôi bởi tôi tin rằng đất nước và con người là quan trọng, và những gì tôi học từ họ là một phần con người của tôi ngày nay.

Hai nhiệm kỳ của Clinton không những bao hàm một giai đoạn thay đổi của tôi mà còn của cả nước Mỹ nữa. Chồng tôi nhậm chức Tổng thống với quyết tâm vực dậy nền kinh tế quốc gia đang suy thoái, ngân sách thâm thủng và sự bất công đang gia tăng làm hủy hoại cơ hội cho các thế hệ tương lai của nước Mỹ.

Tôi ủng hộ công việc của anh và cần mẫn chuyển tầm nhìn đó thành các hoạt động cải thiện cuộc sống con người, củng cố hơn nữa ý thức về cộng đồng và về giá trị dân chủ tại quê nhà và trên toàn thế giới. Trong suốt hai nhiệm kỳ của Bill, chúng tôi đã đương đầu với sự chống đối chính trị, thử thách về luật pháp và những bi kịch cá nhân. Chúng tôi cũng có những sai lầm như người khác. Nhưng khi anh ấy rời chức vụ vào năm 2001, nước Mỹ đã trở nên mạnh mẽ hơn, tốt đẹp hơn, công bằng hơn, sẵn sàng đương đầu với những thách thức của thế kỷ mới.

Tất nhiên, thế giới chúng ta đang sống hôm nay rất khác biệt với thế giới được mô tả trong cuốn sách này. Khi tôi viết nó vào năm 2003, thật không thể hình dung được là thời gian tôi sống ở Nhà Trắng mới chỉ cách đấy hai năm. Cứ như đấy là một cuộc đời khác bởi sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001 đã xảy ra. Tổn thất nhân mạng. Nỗi đau của con người. Hố sâu còn bốc khói. Kim loại bị vặn xoắn. Người sống sót tan tác. Gia đình nạn nhân ủng hoảng. Thảm họa không thể nào nói hết được. Buổi sáng tháng Chín đó đã thay đổi tôi và việc tôi phải làm trong cương vị một Thượng nghị sĩ, một cư dân New York và một người Mỹ. Nó thay đổi nước Mỹ theo mức độ mà chúng ta vẫn còn đang tìm hiểu. Mọi người chúng ta đang sống trên một vùng đất mới và bằng cách nào đó, chúng ta phải biến nó thành vùng đất chung cho mọi người.

Tám năm trong Nhà Trắng đã thử thách đức tin và quan điểm chính trị của tôi, hôn nhân của tôi và Hiến pháp nước tôi. Tôi trở thành một lưỡi tầm sét trong nhưng trận chiến chính trị và ý thức hệ về tương lai của nước Mỹ, là thỏi nam châm thu hút cảm xúc, cái hay và điều dở về những chọn lựa và vai trò của người phụ nữ. Cuốn sách thuật lại câu chuyện tôi đã trải qua tám năm làm Đệ nhất Phu nhân và làm vợ của một Tổng thống như thế nào. Có người sẽ hỏi làm sao mà tôi có thể viết một cách khách quan về nhiều sự kiện, con người và nhiều vấn đề mới diễn ra trong khi tôi vẫn còn một vai trò trong đó. Tôi đã cố gắng hết sức để thể hiện những điều mình quan sát, những suy nghĩ và cảm xúc mà tôi đã được trải qua. Điều đó không có nghĩa đây là một cuốn lịch sử toàn diện mà chỉ là một tự truyện kể về một thời kỳ khác thường trong cuộc đời tôi và đời sống của nước Mỹ.

MỘT CÂU CHUYỆN MỸ

Tôi không sinh ra là một Đệ nhất Phu nhân hay là một Thượng nghị sĩ, cũng không là một người theo Đảng Dân chủ, một luật sư hoặc một người bảo vệ cho nữ quyền và nhân quyền. Tôi không sinh ra là một người vợ hoặc người mẹ. Tôi được sinh ra là một người Mỹ vào giữa thế kỷ hai mươi, vào một thời gian và một nơi may mắn. Tôi được tự do lựa chọn những điều mà phụ nữ nước tôi trong các thế hệ trước không hề có và rất nhiều phụ nữ khác trên thế giới ngày nay cũng không hình dung ra được. Tôi ra đời vào giai đoạn đỉnh điểm của sự thay đổi xã hội dữ dội và tham gia vào những cuộc đấu tranh chính trị về ý nghĩa của nước Mỹ và vai trò của nó trên thế giới.

Mẹ và bà của tôi chưa bao giờ sống một cuộc sống như tôi, bố tôi và ông tôi cũng chẳng bao giờ tưởng tượng ra được cuộc sống đó như thế nào. Nhưng họ đã ban cho tôi một hứa hẹn về nước Mỹ, giúp cho cuộc sống và những sự lựa chọn của tôi trở thành hiện thực.

Câu chuyện của tôi bắt đầu từ những năm tháng sau Thế chiến thứ hai, khi những người đàn ông như bố tôi sau khi đã phục vụ cho tổ quốc quay về nhà để ổn định lại cuộc sống, kiếm tiền và nuôi nấng gia đình. Đó là lúc bắt đầu giai đoạn "Baby Boomer" - bùng nổ trẻ mới sinh, một thời kỳ lạc quan. Hoa Kỳ đã đưa thế giới thoát khỏi họa phát xít, và bây giờ đang là lúc quốc gia của chúng tôi làm việc để hợp nhất những đối phương trước đây trong thời hậu chiến, mở rộng những đồng minh và chìa tay ra cho kẻ thù xưa, bảo vệ nền hòa bình và giúp tái thiết một châu Âu và Nhật Bản đã bị tàn phá trong chiến tranh.

Cho dù cuộc chiến tranh lạnh với Liên Xô và Đông Âu đã bắt đầu nhưng bố mẹ tôi và thế hệ của họ vẫn cảm thấy an toàn và hy vọng. Uy thế của nước Mỹ có được không phải chỉ nhờ vào sức mạnh quân sự, mà còn từ giá trị của chúng tôi và từ vô số cơ hội dành cho mọi người như bố mẹ chúng tôi, những người đã lao động cần mẫn và có trách nhiệm. Đó là thời kỳ của nhiều người Mỹ trung lưu giàu tiền lắm của, với mọi thứ phồn thịnh - nhà mới, trường đẹp, công viên gần nhà, cộng đồng an ninh. Tuy vậy, đất nước chúng tôi vẫn còn những việc chưa giải quyết của thời hậu chiến, đặc biệt là về vấn đề chủng tộc. Chính thế hệ sống qua Thế chiến thứ hai và con cái họ đã ý thức được sự bất công, bất bình đẳng và thử thách của việc đưa lời hứa hẹn của nước Mỹ đến với mọi công dân.

Bố mẹ tôi là một thế hệ điển hình đặt lòng tin vào khả năng vô tận của nước Mỹ. Niềm tin đó của họ có nguồn gốc từ những kinh nghiệm sống qua thời kỳ Đại suy thoái. Họ tin vào việc lao động cần mẫn - chứ không phái đặc quyền, tin vào chính mình - chứ không phải dựa dẫm vào người khác.

Đó là thế giới và gia đình nơi tôi sinh ra vào ngày 26 tháng 10 năm 1947. Chúng tôi thuộc tầng lớp trung lưu ở vùng Trung Tây và thật sự là một sản phẩm của thời đại và đất nước. Mẹ tôi, Dorothy Howell Rodham, là một người nội trợ suốt ngày quanh quẩn bên tôi và hai em trai tôi. Bố tôi, Hugh E. Rodham, làm chủ một doanh nghiệp nhỏ. Những khó khăn trong cuộc đời bố mẹ đã dạy cho tôi biết ơn các cơ hội trong cuộc đời của mình nhiều hơn nữa.

Tôi vẫn còn ngạc nhiên về việc làm thế nào mẹ tôi với một tuổi thơ đơn độc lại có thể vượt lên trở thành một người phụ nữ trìu mến và điềm đạm. Mẹ tôi sinh năm 1919 ở Chicago. Ông ngoại tôi, Edwin John Howeu, Jr., vốn là một lính cứu hỏa ở Chicago, cưới bà Della Murray, là một trong chín người con của một gia đình có nguồn gốc pha trộn cả Pháp, Canada, Scotland và ng1;i Mỹ bản địa. Ông bà ngoại tôi rõ ràng là đã không chuẩn bị làm cha mẹ. Bà ngoại tôi thực chất đã bỏ rơi mẹ tôi khi bà mới lên ba hoặc bốn tuổi - luôn bỏ mặc mẹ tôi cả ngày với mấy phiếu thực phẩm của một nhà hàng gần khu căn hộ năm tầng ở phía nam Chicago. Ông ngoại tôi quan tâm hơn một chút, thỉnh thoảng có mang về một món quà, như con búp bê to nhờ thắng được từ một lễ hội, chứ không phải là sự gần gũi gia đình. Dì Isabelle được sinh ra năm 1924. Hai chị em mẹ tôi bị đưa đi đưa lại từ nhà người bà con này đến nhà người bà con khác, hết trường học này lại đến trường kia, chẳng ở nơi nào đủ lâu để có được bạn bè. Cuối cùng đến năm 1927, ông bà ngoại tôi - lúc ấy vẫn còn trẻ - quyết định ly dị nhau. Đó là một việc hiếm hoi và rất đáng hổ thẹn trong thời kỳ ấy. Chẳng ai muốn chăm sóc mấy đứa trẻ. Mẹ và dì tôi được gửi lên xe lửa từ Chicago về ở với ông bà nội của họ tại Alhambra, một thị trấn gần San Gabriel Mountains phía đông Los Angeles. Trong chuyến đi dài bốn ngày đó, mẹ tôi lúc đó lên tám tuổi phải trông nom đứa em ba tuổi của mình.

Mẹ tôi ở lại Califomia mười năm, chẳng có lúc nào được gặp lại mẹ mình và hiếm khi thấy được mặt bố. Ông nội của mẹ, Edwin, Sr. là một cựu thủy thủ người Anh. Ông giao mấy đứa trẻ cho vợ mình, Emma, là một người đàn bỏ mặc mẹ tôi trừ khi ép buộc bà phải tuân theo những luật lệ khe khắt trong nhà. Emma không khuyến khích khách đến nhà chơi và hiếm khi cho phép mẹ tôi được đi dự tiệc tùng bên ngoài. Vào một ngày lễ Halloween, khi bà Emma bắt gặp mẹ tôi tham dự trò vòi quà với lũ bạn cùng trường, bà đã phạt

mẹ tôi phải ở trong phòng riêng cả một năm, chỉ trừ những giờ lên lớp học. Bà cấm mẹ tôi không được ăn tại bàn trong bếp hoặc la cà trong sân trước nhà. Hình phạt độc ác này kéo dài trong nhiều tháng cho tới khi chị của bà Emma là Belle Andreson đến thăm và bắt phải chấm d

Mẹ tôi tìm ra vài niềm khuây khỏa ở bên ngoài căn nhà nghiệt ngã đó. Mẹ thích chạy xuyên qua cánh rừng cam trải dài nhiều dặm trong thung lũng San Gabriel, đắm mình trong mùi hương của trái cây đang chín dưới ánh mặt trời. Vào buổi tối, mẹ trốn vào sách vở. Bà là một học trò xuất sắc được các giáo sư khuyến khích đọc và viết thêm.

Lúc lên mười bốn tuổi, mẹ tôi không còn chịu đựng được cuộc sống trong nhà bà nội của mình nữa. Mẹ tôi tìm được việc giữ trẻ: chăm sóc hai đứa nhỏ để đổi lấy một căn phòng ở, ăn uống và ba đô la một tuần. Bà không còn chút thời gian để theo đuổi hoạt động điền kinh và kịch nghệ ngoại khóa mà bà yêu thích, cũng chẳng có tiền để sắm quần áo. Mẹ phải giặt áo mỗi ngày để mặc với cái váy duy nhất. Trong mùa lạnh giá, chiếc áo len cũng là chiếc duy nhất. Nhưng đây là lần đầu tiên mẹ tôi được sống trong một ngôi nhà mà ở đó, người cha và người mẹ bày tỏ tình thương yêu, sự quan tâm và chăm sóc đối với những đứa con của mình, những điều giản dị mà trước đó bà chưa bao giờ chứng kiến. Mẹ tôi thường kể lại rằng nếu không có thời gian sống cùng một gia đình tốt đẹp như thế, có lẽ mẹ chẳng bao giờ biết được cách chăm sóc cho gia đình và con cái của mình sau này.

Sau khi tốt nghiệp trung học, mẹ tôi dự tính vào đại học ở California. Nhưng lần đầu tiên sau 10 năm bà ngoại tôi, Della, đã liên lạc và muốn mẹ tôi chuyển về sống chung với bà ở Chicago. Bà ngoại vừa lập gia đình mới và hứa là sẽ lo cho mẹ ăn học tại đó. Nhưng khi đến Chicago, mẹ nhận ra rằng Della chỉ muốn mẹ làm người quản gia chứ chẳng giúp đỡ gì việc học hành cả. Quá đau khổ, mẹ tôi chuyển vào ở trong một căn hộ nhỏ và tìm một công việc văn phòng với mức lương mười ba đô la cho một tuần làm việc năm ngày rưỡi. Khi tôi hỏi tại sao mẹ lại quay về Chicago, mẹ đáp: "Vì mẹ quá hy vọng nhận được tình thương yêu của bà ngoại con. Niềm hy vọng ấy nhiều đến nỗi mẹ phải nắm lấy cơ hội để tìm ra điều đó. Và khi không có được điều ao ước đó, mẹ không còn biết phải đi đâu nữa".

Ông ngoại tôi mất năm 1947, vì vậy tôi chẳng bao giờ được gặp ông. Nhưng tôi biết bà ngoại mình, Della, một người đàn bà yếu đuối và bê tha, luôn luôn dán mắt vào những bộ phim truyền hình nhiều tập và xa lánh hiện thực. Lúc tôi lên mười, trong một lần bà đến trông nom mấy chị em tôi, tôi bị cánh cổng có dây xích đập vào mắt khi đang chơi ở sân trường. Tôi chạy về nhà

cách đó ba khu phố, vừa khóc vừa ôm đầu với máu me đầy mặt. Bà trông thấy tôi và ngất xỉu ngay. Tôi phải nhờ người hàng xóm giúp băng bó vết thương. Khi tỉnh lại, bà phàn nàn rằng tôi đã làm bà khiếp vía - và bà có thể bị thương nếu lỡ té nhào xuống đất lúc ngất đi ấy. Tôi phải chờ tới lúc mẹ về để được đưa đi bệnh viện khâu lại vết thương.

Trong những dịp hiếm hoi khi cho phép người khác đi vào thế giới nhỏ bé của mình, bà có vẻ rất vui. Bà thích ca hát và chơi bài. Khi chúng tôi đến thăm bà ở Chicago, bà thường dẫn chúng tôi đến Kiddieland - Khu vườn tuổi thơ - hoặc rạp chiếu phim gần đó. Khi mất năm 1960, bà vẫn là một người phụ nữ bất hạnh và bí ẩn. Nhưng chính bà đã đưa mẹ tôi đến Chicago, và đó là nơi mẹ đã gặp cha tôi, Hugh Rodham.

Bố tôi sinh quán ở Scranton, Pennsylvania, là con giữa của ông bà nội tôi - Hugh Rodham, Si. và Hannah Jones. Diện mạo như những người thợ mỏ than tóc đen xứ Wales của ông là từ bên ngoại. Giống tính bà nội tôi, bố là người ương ngạnh và cộc cằn, nhưng khi ông cười thì âm thanh như phát ra từ bên trong và làm rung cả người. Tôi thừa hưởng giọng cười này của bố, cũng hay cười vang ha hả làm mọi người trong nhà hàng phải quay đầu nhìn và làm mấy con mèo phát hoảng, chạy trốn khỏi phòng.

Scranton vào thời trẻ của bố tôi là một thành phố công nghiệp thô kệch với những nhà xưởng bằng gạch, xí nghiệp dệt, xưởng xe lửa, mỏ than, và những căn nhà gỗ. Những người thuộc hai dòng họ Rodham và Jones là những người lao động cần cù và là tín đồ nghiêm túc của Hội Thánh.

Ông nội tôi, Hugh Si., là người thứ sáu trong gia đình có mười một con. Ông đi làm cho Công ty Scranton Lace từ khi còn nhỏ và năm thập niên sau đó nghỉ hưu với chức vụ quản đốc. Ông là một người mềm mỏng, nhẹ nhàng, khá tương phản với bà vợ dữ dằn, Hannah Jones Rodham, người khăng khăng phải giữ đầy đủ tên gồm ba chữ của mình. Hannah thu tiền thuê các căn nhà do mình làm chủ và điều khiển gia đình cũng như bất cứ ai lọt vào tầm tay của bà. Bố tôi tôn sùng bà và thường kể cho chị em chúng tôi nghe câu chuyện bà đã cứu thoát bàn chân của ông ra sao.

Vào khoảng năm 1920, bố tôi và một người bạn đi nhờ sau thùng xe của một chiếc xe chở nước đá có ngựa kéo. Trong lúc mấy con ngựa đang gắng sức leo dốc, một chiếc xe tải có động cơ đâm thẳng vào phía sau chiếc xe kéo và nghiến nát hai chân của bố tôi. Ông được chở ngay vào bệnh viện gần nhất và các bác sĩ đã cho rằng hai chân ông không thể nào cứu chữa được - họ đã chuẩn bị phẫu thuật cắt bỏ cả hai. Khi Hannah đâm bổ đến bệnh viện và biết

được dự tính của các bác sĩ, bà cố thủ trong phòng mổ và nói rằng không một ai có thể chạm đến đôi chân con bà trừ phi muốn cứu chúng. Bà yêu cầu phải gọi ngay người em chồng của mình, bác sĩ Thomas Rodham, đang làm việc tại một bệnh viện khác đến ngay lập tức. Bác sĩ Rodham xem xét chân của bố tôi và tuyên bố rằng: "Không ai được cắt bỏ đôi chân của đứa bé này". Bố tôi trước đó đã ngất đi vì đau, khi tỉnh lại thấy mẹ mình đang đứng canh giữ, đoán chắc với ông rằng đôi chân của ông đã được cứu chữa và hứa hẹn sẽ đánh cho ông một trận ra trò khi ông được về nhà. Đó là câu chuyện gia đình mà chúng tôi vẫn nghe đi nghe lại, một bài học khi đương đầu với quyền lực và không bao giờ bỏ cuộc.

Ấn tượng của bà Hannah đối với tôi là một người phụ nữ quyết đoán với năng lực và sự thông minh không biết dùng vào đâu, vì thế bà đã can thiệp vào chuyện của bất cứ ai. Người con trai lớn, bác Willard của tôi, là kỹ sư tại thành phố Scranton, nhưng ông chẳng bao giờ đi đâu khỏi nơi ấy mà cũng chẳng lập gia đình. Ông mất chẳng bao lâu sau khi ông nội tôi chết vào năm 1965. Người con út, chú Russell, là đứa con được bà yêu thương nhất. Chú học và chơi điền kinh rất giỏi, tốt nghiệp y khoa, phục vụ quân đội, cưới vợ, có được một con gái, rồi trở lại Scranton hành nghề bác sĩ. Vào đầu năm 1948, chú bị suy nhược thần kinh. Ông bà nội gọi bố tôi về để giúp đỡ chú Russell. Bố tôi vừa về tới đã thấy chú đang tìm cách quyên sinh. Bố tôi phát hiện chú đang treo cổ trên gác mái và kịp cắt dây đưa chú xuống. Ông bèn đưa chú về Chicago sống với gia đình tôi.

Lúc chú Russell đến nhà tôi ở thì tôi chỉ mới tám hay chín tháng tuổi. Chú ấy ngủ trên chiếc đi văng đặt ở phòng khách trong căn hộ chỉ có một phòng ngủ của chúng tôi trong khi chờ được chữa trị tâm lý tại bệnh viện dành cho cựu chiến binh. Chú Russell là người đẹp trai với mái tóc vàng hoe và nước da sáng hơn bố tôi. Một ngày nọ, lúc được hai tuổi, tôi uống phải một chai Coca đựng đầy dầu thông do một người công nhân vô ý để không đúng chỗ. Chú Russell lậpức làm tôi nôn ra hết và đưa đi cấp cứu. Chú bỏ ngành y chẳng bao lâu sau đó và thường nói đùa rằng tôi là bệnh nhân cuối cùng của chú. Chú sống trong khu Chicago và là khách thường xuyên của chúng tôi. Chú Russell mất năm 1962 trong một trận hỏa hoạn do tàn thuốc gây ra. Tôi thương bố tôi vô cùng, trong bao nhiêu năm, người đã cố giữ cho Russell được sống. Thuốc an thần hiện đại có lẽ đã giúp được chú và tôi ước rằng ngày xưa phải chi có thuốc này. Bố muốn báo trực tiếp với ông nội tôi về cái chết của chú Russell và chờ cho tới lúc ông đến thăm. Cuối cùng, ông nội tôi cũng được nghe về cái chết của chú Russell, ông đã ngồi khóc ngay tại bàn ăn trong bếp. Ông tôi đã quá đau khổ và mất ba năm sau đó.

Dù bố tôi đạt được thành công về tài chính vào cuối đời, ông bà nội và ngay cả bố tôi đều cho rằng, bản thân ông cũng không hoàn toàn ngoan ngoãn hay đáng tin cậy như ông anh, Willard, cũng chẳng thông minh và giỏi giang như đứa em, Russell. Bố tôi luôn gây ra rắc rối, lúc thì lén lái chiếc xe mới tinh của hàng xóm đi chơi, khi thì trượt ván có bánh xe trong hành lang của nhà thờ Hội Giám lý Court Street tại một lễ cầu nguyện buổi chiều. Khi tốt nghiệp trường Trung học Central năm 1931, bố tôi dự tính vào làm việc trong xưởng sản xuất ren với ông nội tôi. Nhưng người bạn thân nhất của ông lại vừa được PennState tuyển vào chơi cho đội bóng nhà trường. Người bạn đó bảo huấn luyện viên rằng sẽ không chịu tham gia nếu không có người đồng đội của mình cùng chơi. Vì bố tôi là một vận động viên to khỏe nên huấn luyện viên đồng ý, và thế là bố tôi vào đại học công của tiểu bang để chơi cho đội bóng Nittany Lions. Ông còn chơi cả quyền Anh và tham gia hội sinh viên Delta Upsilon. Tại đó, như tôi được nghe kể lại, bố tôi trở thành một chuyên gia nấu rượu gin trong bồn tắm. Ông tốt nghiệp năm 1935 và quay về Scranton với tấm bằng vật lý vào đúng cao trào của thời kỳ suy thoái.

Chẳng một lời báo trước cho bố mẹ, ông một mình nhảy lên tàu hàng đi về Chicago tìm việc, trở thành một người bán vải màn quanh vùng Midwest. Khi bố tôi quay lại để báo tin và thu xếp hành lý, bà tôi nổi khùng lên và cấm ông không được đi đâu cả. Nhưng rồi ông bà nội tôi cũng nhận thấy rằng công việc lúc này . rất khó tìm trong khi gia đình cũng đang cần tiền để lo cho chú Russell theo học y khoa. Thế là bố tôi chuyển đến Chicago. Suốt cả tuần, bố tôi chạy quanh bán hàng trên vùng thượng Midwest, từ Des Moines tới Duluth, rồi lái xe về Scranton vào cuối tuần để đưa hết số tiền kiếm được cho mẹ mình. Dù bố tôi nói rằng ông chuyển đến Chicago là vì lý do kinh tế, tôi vẫn tin đó là vì ông biết mình phải tách ra khỏi bà nội tôi nếu ông muốn sống một cuộc sống cho riêng mình.

Lúc đó, mẹ tôi vừa nộp đơn vào chân thư ký đánh máy cho một công ty dệt và bắt gặp ánh mắt của chàng bán hàng lãng tử Hugh Rodham. Mẹ bị hấp dẫn bởi nghị lực, sự tự tin và tính hài hước trong tính cách của bố.

Sau một thời gian dài tìm hiểu, bố mẹ tôi kết hôn vào đầu năm 1942, chỉ một thời gian ngắn sau khi Nhật Bản tấn công Trân Châu Cảng. Họ chuyển đến một căn hộ nhỏ trong khu Lincoln Park của thành phố Chicago, gần hồ Michigan. Bố tôi đăng ký tham gia một chương trình đặc biệt của hải quân Gene Tunney - tên của một nhà vô địch quyền Anh hạng nặng - và được phân công đến căn cứ hải quân Great Lakes, cách Chicago một giờ xe chạy về phía bắc. Với cương vi sĩ quan cấp thấp, bố tôi đảm nhiệm huấn luyện

cho hàng ngàn thủy thủ trẻ trước khi đưa họ ra khơi, mà phần lớn được tung vào tham chiến ở khu vực Thái Bình Dương. Bố tôi kể lại rằng ông đã buồn vô cùng khi tháp tùng những tân binh trên bờ biển phía tây, đưa họ lên tàu và biết rằng nhiều người trong số đ sống sót để trở về. Sau khi ông mất, tôi đã nhận được thư của nhiều người từng phục vụ dưới quyền ông. Họ thường gửi theo tấm hình chụp một lớp huấn luyện thủy thủ nào đó, người bố đầy tự hào của tôi luôn đứng phía trước hoặc ngay trung tâm tấm ảnh. Tôi thích nhất tấm ảnh ông mặc quân phục và cười rạng rỡ. Trong mắt tôi, ông trông đẹp trai như một tài tử điện ảnh thập niên 1940.

Bố tôi vẫn giữ quan hệ gắn bó với gia đình mình ở Scranton và chở từng đứa con từ Chicago về Scranton để làm lễ rửa tội tại nhà thờ Hội Giám lý Court Street, nơi ông đã dự thánh lễ thời niên thiếu. Bà nội tôi mất khi tôi tròn năm tuổi. Bà hầu như đã lòa khi tôi biết được bà. Nhưng tôi vẫn nhớ việc bà cố mặc cho tôi chiếc áo và bện tóc cho tôi mỗi sáng. Tôi gần gũi với ông nội hơn, người về hưu khi tôi mới được sinh ra - và được thưởng một chiếc đồng hồ vàng sau năm mươi năm lao động tại nhà máy. Ông nội tôi là một người tốt bụng và đúng mực, luôn tự hào đeo chiếc đồng hồ vàng đó trên sợi dây chuyền và diện bộ com-lê với dây nịt treo tề chỉnh. Khi về thăm chúng tôi ở Chicago, ông thường cởi bộ com-lê đó ra và xắn tay áo lên giúp mẹ tôi làm việc nhà.

Bố tôi luôn nghiêm khắc với con cái, nhưng ông cứng rắn với mấy đứa con trai nhiều hơn đối với tôi. Ông nội tôi thường phải can thiệp và điều đó khiến chúng tôi càng quý trọng ông hơn. Mấy chị em tôi thường dành nhiều thời gian ở trong căn nhà của ông trên đại lộ Diamond tại Scranton. Vào mỗi dịp hè, chúng tôi dành trọn tháng Tám đến ở căn nhà vùng quê của ông được dựng lên từ năm 1921, cách khoảng hai mươi dặm về phía tây bắc của Scranton, trong dãy núi Pocono nhìn ra hồ Winola.

Căn nhà nhỏ ở vùng quê không có lò sưởi từ cái bếp lò bằng thép đúc trong nhà bếp, không có nhà tắm bên trong, cũng chẳng có vòi hoa sen. Chúng tôi tắm bằng cách bơi lội trong hồ hoặc đứng dưới mái hiên để được dội một thùng nước xuống đầu. Mái hiên rộng rãi trước nhà là chỗ chơi ưa thích của chúng tôi và cũng là chỗ ông tôi chơi bài với chị em chúng tôi. Ông dạy tôi chơi bài pinooc, mà theo ông là một loại bài thú vị nhất thế giới. Ông đọc truyện và kể cho chúng tôi nghe truyền thuyết về cái hồ mà ông cho rằng nó được đặt theo tên một nàng công chúa người da đỏ, Winola, người đã tự trầm khi bố nàng không cho phép cưới một chiến binh đẹp trai của bộ lạc láng giềng.

Căn nhà đó vẫn thuộc về gia đình chúng tôi và trở thành nơi nghỉ hè truyền thống. Bill và tôi đã dẫn Chelsea đến hồ Winola . lần đầu khi nó chưa tròn hai tuổi. Các em trai tôi luôn đến nghỉ hè ở đấy. Thật may là căn nhà đã được sửa chữa vài chỗ trong mấy năm qua, có gắn thêm vòi tắm hoa sen.

Vào thập niên năm mươi, rất ít người xây nhà ở cạnh con đường xa lộ hai làn xe chạy ngang phía trước như căn nhà vùng quê của chúng tôi. Trong cánh rừng trên núi phía sau nhà, gấu và mèo rừng thường xuất hiện. Bọn trẻ con chúng tôi thích khám phá các vùng thôn quê lân cận, đi dã ngoại và chạy xe trên con đường phía sau nhà, câu cá và bơi thuyền trên dòng sông Susquehanna. Bố tôi dạy tôi bắn súng ở sân sau. Chúng tôi tập nhắm bắn vào mấy cái lon hoặc tảng đá. Nhưng trung tâm của mọi hoạt động vẫn là khu vực từ hồ Winola trải dài theo con đường mòn xuống đến tiệm Foster. Tôi có mấy người bạn trong dịp hè. Họ dẫn tôi đi trượt nước hoặc đi xem phim được chiếu trên màn ảnh bằng tấm vải lớn ngoài trời cạnh bờ hồ. Dọc đường đi, tôi gặp vài người mà tôi không nghĩ rằng có thể gặp được ở Park Ridge, như một gia đình mà bố tôi gọi là "những người trên núi", họ chẳng cần dùng đến điện hay ô tô gì cả. Một thằng nhóc trạc tuổi tôi trong gia đình đóôm xuất hiện trên lưng ngựa trước nhà và hỏi tôi có muốn cưỡi ngựa đi dạo không.

Khi tôi lên mười hoặc mười một gì đó, tôi đã chơi bài pinooc với người lớn - ông nội, bố tôi, Willard và đủ loại người khác, gồm cả một người có tính cách đáng nhớ được gọi là "Lão Pete" và Hank, một kẻ thua bài nổi tiếng xấu tính. Pete sống ở cuối con đường đất và tới chơi bài mỗi ngày, lúc nào cũng chửi rủa và giậm chân khi bắt đầu thua. Hank chỉ đến chơi khi có mặt bố tôi. Ông ta khập khểnh bước lên mấy bậc thềm ở hành lang với cây gậy trong tay và hét lên: "Thằng nhóc tóc đen có ở nhà không? Tao muốn chơi bài đây". Ông ta biết bố tôi từ hồi bố tôi mới sinh ra và đã dạy bố tôi câu cá. Ông ấy chẳng bao giờ thích thua và thỉnh thoảng lại rời khỏi bàn, nhất là khi thua một ván bài tẻ nhạt.

Khi hết chiến tranh, bố tôi mở một công ty nhỏ kinh doanh vải màn đặt tên là Rodrik Fabrics, đặt ở trung tâm mua bán trong khu Loop của Chicago. Văn phòng đầu tiên của bố tôi trông ra dòng sông Chicago. Lần đầu đến đây, tôi mới được ba hoặc bốn tuổi. Để ngăn không cho tôi đến gần cửa sổ lúc nào cũng mở toang để đón gió, bố bảo tôi rằng có một con sói khổng lồ hung dữ đang sống bên dưới đó và sẽ nuốt gọn tôi nếu tôi rơi xuống. Sau này, ông mở một xưởng in lụa trong một tòa nhà ở North Side. Ông tuyển nhân công thời vụ và huy động cả mẹ và chị em tôi lúc ấy đã đủ lớn, vào giúp việc in. Chúng tôi thận trọng đổ mực in vào rìa tấm lụa để in ra mẫu hình lên tấm vải

phía dưới. Khi chúng tôi nhấc tấm lụa lên và kéo về phía cuối bàn, hết lần này đến lần khác, nó tạo nên những mẫu hoa văn xinh đẹp mà một số trong đó do bố tôi sáng tác ra. Tôi thích nhất mẫu có tên "Những nấc thang lên các vì sao".

Năm 1950, tôi lên ba và Hugh, em tôi vẫn còn là đứa bé sơ sinh, bố tôi đã đủ dư dả để chuyển gia đình đến ở khu ngoại ô Park Ridge. Có nhiều vùng ngoại ô thời thượng và được nhiều người ưa thích ở phía bắc Chicago, dọc theo hồ Michigan, nhưng bố mẹ tôi cảm thấy thoải mái khi được ở tại Park Ridge cùng với những cựu chiến binh khác. Bố mẹ tôi chọn nơi này cũng còn vì nơi đây có nhiều trường công lập nổi tiếng, nhiều công viên, những con đường rợp bóng cây, hè phố rộng rãi và nhà cửa tiện nghi. Một thị trấn của những người trung lưu da trắng, một nơi mà những người phụ nữ ở nhà để chăm sóc con cái trong khi đàn ông đón xe đi làm việc ở Loop, cách đó mười tám dặm. Nhiều người chọn đi làm bằng xe lửa, còn bố tôi vì phải đến thăm và giới thiệu hàng hóa với nhiều khách hàng nên ông lái chiếc xe của gia đình đi làm mỗi ngày.

Bố tôi mua căn nhà hai tầng xây bằng gạch tại góc đường Elm và Wisner. Nhà có hai sân thượng, một hành lang che bên trong và một mảnh vườn phía sau được rào để ngăn bọn trẻ hàng xóm quậy phá và leo vào hái trộm những trái cherry trên cây. Sau chiến tranh, dân số bùng nổ và nơi nào cũng có hàng tá trẻ con. Có lần mẹ tôi đã đếm được tới bốn mươi bảy đứa trẻ sống trong khu phố của chúng tôi.

Cạnh nhà tôi là bốn đứa trẻ nhà Williams và đối diện là sáu đứa khác của gia đình O'Collaghan. Vào mùa đông, ông Williams đổ đầy nước vào sân sau để tạo thành một sân băng cho chúng tôi chơi trượt băng và hockey hàng giờ sau khi tan trường và cả vào những ngày cuối tuần. Còn ông O'Collaghan thì treo một cái vòng bóng rổ lên ga-ra xe nhà mình. Nó lôi kéo trẻ con khắp nơi tới chơi trò ném-nhặt và thay người, trò "ngựa và heo". Trò chơi tôi thích nhất là những trò do chúng tôi đặt ra, như là trò chơi đồng đội "đuổi và chạy" - một kiểu chơi trốn-tìm nhưng khó hơn, cùng với môn bóng chày hiện đại và bóng đá marathon với cột mốc gôn là mấy rãnh nước

Mẹ tôi là một nữ quản gia đúng nghĩa. Ngày nay mỗi lần nghĩ đến bà, tôi lại hình dung ra một phụ nữ làm việc luôn tay, dọn giường, rửa chén, và bày biện bàn ăn tối vào đúng sáu giờ chiều. Từ Trường Field, tôi về nhà ăn trưa mỗi ngày và luôn luôn có món xúp cá hoặc xúp gà với phô mai nướng hoặc bơ đậu phụng hay bánh mì sandwich bologna. Trong lúc ăn, mẹ tôi và tôi thường nghe chương trình truyền thanh Mẹ Perkins hoặc Favorite Story.

Mẹ tôi cũng dành nhiều thì giờ cho chị em tôi. Mãi đến đầu những năm 1960, bà mới học lái xe nên vào thời điểm này bà dẫn chúng tôi đi bộ khắp nơi. Vào mùa đông, bà bọc chúng tôi trong nhiều lớp chăn và quần áo ấm, đặt lên chiếc xe trượt tuyết và kéo tới cửa hàng. Rồi chúng tôi giữ chặt mấy món tạp phẩm và làm cân bằng chiếc xe trên đường về nhà. Giữa lúc phơi đồ sau nhà, bà hay giúp tôi tập chơi ném bóng hoặc ngồi cạnh tôi trên cỏ để miêu tả hình dáng của các đám mây bay trên đầu.

Vào một mùa hè, bà giúp tôi tạo nên một thế giới diệu kỳ trong một thùng các-tông lớn. Chúng tôi dùng mấy miếng gương để tạo nên hồ nước và những nhánh cây non để làm rừng. Và tôi đã dựng nên một câu chuyện thần tiên với vai diễn là mấy con búp bê. Vào một mùa hè khác, mẹ tôi khuyến khích Tony, em trai tôi, theo đuổi giấc mơ của nó là đào một đường hầm nối dài tới tận Trung Hoa. Bà bắt đầu đọc sách cho nó nghe về đất nước Trung Hoa và ngày nào nó cũng dành thời gian đào cái hố của mình cạnh nhà. Thỉnh thoảng nó bắt gặp chiếc đũa ăn hoặc miếng bánh may mắn mà mẹ tôi đã giấu sẵn trước đó.

Cậu em Hugh của tôi thậm chí còn thích phiêu lưu hơn nữa. Khi mới là đứa trẻ tập đi, nó đã đẩy được cái cửa lên sân thượng và hào hứng đào được một con đường hầm chui dưới lớp tuyết dày cả mét cho tới lúc mẹ tôi phát hiện ra. Nhiều lần nó và lũ bạn đã tới chơi ở các khu đang xây dựng mọc khắp khu phố và kết cục là cảnh sát phải hộ tống chúng về nhà. Mấy đứa kia bị bắt lên ngồi trên xe tuần tra, còn Hugh thì năn nỉ được đi bộ cạnh xe để về nhà. Nó nói với viên cảnh sát và cha mẹ tôi rằng nó đã được dặn là không bao giờ được vào ngồi trong một chiếc xe của người lạ mặt.

Mẹ tôi khuyến khích chúng tôi tìm hiểu thêm về thế giới xung quanh bằng cách đọc sách. Bà thành công trong việc đó với tôi hơn là với mấy đứa em tôi. Mỗi tuần, bà đều dẫn tôi tới thư viện. Ở đó, tôi thích thú ngấu nghiến hàng đống sách dành cho trẻ em. Gia đình tôi sắm được chiếc máy truyền hình khi tôi được năm tuổi, nhưng bà không cho chúng tôi xem nhiều. Chúng tôi thường chơi bài - War, Concentration, Slapiack - hoặc cờ Monopoly và Clue. Cũng như mẹ, tôi tin rằng chơi cờ và chơi bài dạy cho trẻ con các kỹ năng toán học và chiến lược. Trong những năm còn đi học, tôi có khi phải nhờ mẹ tôi giúp làm bài tập ở nhà, chỉ trừ môn toán là dành cho cha tôi giúp. Bà giúp đánh máy các bài làm của tôi và giúp tôi thực hiện công việc khó khăn là may được một chiếc váy khi học môn nữ công gia chánh.

Mẹ tôi yêu quý ngôi nhà và gia đình mình nhưng vẫn cảm thấy gò bó vì cuộc sống không cho bà nhiều chọn lựa. Điều mà ngày nay mọi người thường dễ

quên là trong khi phụ nữ hiện đại có thể có rất nhiều điều để lựa chọn thì thế hệ của mẹ tôi chẳng được chọn lựa là bao. Mẹ tôi chỉ bắt đầu đi học đại học khi chúng tôi đã khá lớn. Chẳng hề tốt nghiệp, nhưng bà đạt được tín chỉ trong nhiều môn học, từ logic cho đến nuôi dạy trẻ con.

Mẹ tôi cảm thấy bất bình khi chứng kiến sự ngược đãi bất cứ ai, đặc biệt là trẻ em. Từ kinh nghiệm bản thân, bà biết được là nhiều đứa trẻ - dù chẳng tội tình gì - vẫn bị thua thiệt và phân biệt đối xử ngay khi mới lọt lòng. Bà ghét sự tự phụ và kiêu căng của đạo đức giả hơn tất cả. Bà dạy cho chị em tôi hiểu rằng mình chẳng tốt mà cũng chẳng xấu hơn ai. Khi còn là một đứa trẻ ở California, mẹ tôi đã thấy những đứa trẻ Mỹ gốc Nhật trong trường bà theo học phải chịu đau khổ vì sự phân biệt đối xử và chế nhạo của những đứa học trò gốc Anh. Sau khi chuyển về Chicago, bà vẫn thường tự hỏi chuyện gì đã xảy ra cho một bạn nam sinh mà bà quý mến. Bọn trẻ gọi nó là "Tosh", tên ngắn thay cho Toshihishi. Mẹ tôi gặp lại người bạn ấy lần nữa trong buổi họp mặt cựu học sinh lần thứ sáu mươi, khi bà đã về Alhambra để dẫn đầu cuộc diễu hành. Đúng như điều bà đã nghi ngờ, Tosh cùng cả gia đình bị giam giữ trong suốt Thế chiến thứ hai, nông trại của họ bị tịch thu. Nhưng bà cũng thấy phấn khởi khi biết rằng sau nhiều năm vật lộn với khó khăn, Tosh đã trở thành một nhà nông trồng rau thành đạt.

Tôi chịu tác động của nhưng giá trị mà bố mẹ tôi tin tưởng. Niềm tin chính trị của tôi đã phản ánh chiều hướng tư tưởng của cả hai người. Mẹ tôi về căn bản là một người theo Đảng Dân chủ nhưng bà đã giữ kín vì sống trong khu Park Ridge theo Đảng Cộng hòa. Còn bố tôi là một người vững vàng, tự lập, theo Đảng Cộng hòa bảo thủ và rất tự hào về điều đó. Ông quản lý tiền bạc rất cẩn thận. Chẳng tin vào chuyện tín dụng, bố tôi điều hành công ty theo chính sách tiền trao cháo múc. Niềm tin của bố tôi căn bản dựa trên sự tự tin và sáng kiến của chính mình. Tuy nhiên, ông khác với những người tự gọi mình là bảo thủ ngày nay, ông hiểu rõ trách nhiệm của mình đối với ngân sách nhà nước và với tư cách người đóng thuế, ông đã hỗ trợ việc đầu tư xây dựng xa lộ, trường học, công viên cùng những tiện ích quan trọng khác cho cộng đồng.

Bố tôi không chấp nhận sự lãng phí. những người đã sống qua thời kỳ Đại suy thoái, nỗi sợ nghèo đói chi phối lối sống của ông. Hiếm khi nào mẹ tôi được mua sắm quần áo mới. Mẹ và tôi thường mất nhiều tuần lễ để thuyết phục bố tôi về việc mua sắm một món đồ nào đó, chẳng hạn như một cái váy dành cho buổi khiêu vũ ở trường. Nếu các con quên đậy nắp ống kem đánh răng, bố ném luôn nó qua cửa sổ phòng tắm. Chúng tôi phải đi ra ngoài tìm trong các bụi cây, ngay cả khi trời đổ tuyết. Đấy là cách ông nhắc chúng tôi

không được lãng phí bất cứ thứ gì. Cho đến tận ngày nay, tôi vẫn quen trút những trái ô liu ăn không hết trở lại vào lọ, gói cất từng mảnh nhỏ phô mai và cảm thấy có tội nếu vất đi những gì còn sử dụng được.

Bố tôi là một người quản lý khó tính, nhưng chúng tôi biết rằng ông hết lòng chăm lo cho chúng tôi. Hồi tôi học lớp bốn, thấy tôi lo lắng vì giải toán quá chậm trong buổi kiểm tra hàng tuần với cô giáo Metzger, bố đánh thức tôi dậy sớm để ôn lại bản cửu chương và dạy tôi làm toán chia với nhiều số. Vào mùa đông, ông thường tiết kiệm bằng cách tắt bớt lò sưởi vào ban đêm, rồi thức dậy trước lúc rạng đông để đốt lại. Tôi thường bị đánh thức vì tiếng ồm ồm của bố cất lên những bài hát ông yêu thích của Mich Miller. Chị em tôi đều phải làm việc vặt trong nhà mà không mong nhận được một xu dằn túi. "Bố nuôi cơm các con rồi, phải không?” bố tôi hay nói vậy. Tôi có được công việc làm đầu tiên trong kỳ nghỉ hè khi tôi lên mười ba tuổi. Tôi làm việc cho Park Ridge-Park District, mỗi tuần ba buổi sáng với nhiệm vụ trông coi một công viên nhỏ cách nhà tôi vài dặm. Vì bố tôi đã đi làm từ rất sớm với chiếc xe duy nhất trong nhà, tôi phải đi bộ và kéo theo một chiếc xe chất đầy banh, gậy bóng chày, dây để nhảy và đủ mọi thứ khác trong cả lượt đi và về. Kể từ năm đó tôi luôn có việc làm trong mùa hè và thường là làm cả năm.

Bố tôiười cố chấp. Và để cho êm xuôi, tất cả chúng tôi đều phải điều chỉnh cho hợp theo những quan niệm của ông. Gia đình chúng tôi vẫn có những cuộc tranh luận sôi nổi quanh bàn ăn trong nhà bếp, về đề tài chính trị hoặc thể thao. Tôi đã nhận ra rằng nhiều quan điểm khác nhau vẫn có thể cùng chung sống dưới một mái nhà. Lúc đó tôi mới được mười hai tuổi nhưng đã có những ý kiến riêng trong nhiều vấn đề. Tôi cũng học được rằng một người nào đó không hẳn là xấu nếu bạn có ý kiến bất đồng với họ và rằng nếu bạn đã tin vào một điều gì thì bạn nên chuẩn bị để bảo vệ nó.

Bố mẹ đã dạy chúng tôi phải cứng rắn để có thể tồn tại trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời, muốn chị em tôi phải biết tự đứng vững. Chỉ một thời gian ngắn sau khi chuyển đến Park Ridge, mẹ tôi nhận ra rằng tôi ngại đi ra ngoài chơi. Một vài lần, tôi vừa chạy về nhà vừa khóc kể rằng mấy đứa con gái bên kia đường hay xô đẩy tôi. Suzy O’Callaghan có mấy anh trai nên quen chơi rất mạnh tay. Lúc đó tôi chỉ là đứa trẻ lên bốn, nhưng mẹ e rằng nếu tôi đầu hàng sự sợ hãi thì sẽ thành thói quen trong suốt cả cuộc đời. Thế là một ngày kia, khi tôi chạy vào nhà, mẹ ngăn tôi lại "Đi trở ra đó", bà ra lệnh, "và nếu Suzy đánh con, mẹ cho phép con được đánh trả. Con phải tự đứng vững trên đôi chân của mình. Căn nhà này không có chỗ cho những người hèn nhát". Sau này mẹ tôi kể lại là bà đã quan sát tôi từ phía sau tấm màn cửa nhà bếp,

thấy tôi hiên ngang bước qua đường. Vài phút sau tôi quay lại, rạng rỡ vì chiến thắng. "Bây giờ còn có thể chơi được với mấy thằng con trai rồi", tôi nói, “và Suzy sẽ là bạn con". Mẹ tôi là vậy và vẫn luôn như vậy.

Tham gia nhóm hướng đạo thiếu nhi rồi sau đó làm nữ hướng đạo sinh, tôi đã tham gia vào các cuộc diễu hành nhân ngày Quốc khánh 4/7, các chiến dịch về thực phẩm, bán hàng và bất kỳ hoạt động nào kiếm được các huy hiệu xuất sắc hoặc được sự ủng hộ của người lớn. Tôi bắt đầu giữ vai trò thủ lĩnh của lũ trẻ con hàng xóm trong các trò chơi, các sự kiện thể thao, các cuộc hội hè, trước hết là để vui và thứ hai để quyên góp các đồng năm xu và mười xu làm công tác từ thiện. Có một bức hình cũ trên một tờ báo địa phương Park Ridge Advocate chụp tôi và một số bạn đang trao tặng một túi tiền cho tổ chức từ thiện United Way. Đó là khi tôi được mười hai tuổi, chúng tôi đã quyên góp số tiền này bằng cách cùng với các bạn hàng xóm tổ chức diễn Thế vận hội giả cho khu phố.

Những người thân như bố và các cậu em tôi đều là những tín đồ thể thao cuồng nhiệt nên tôi cũng là một cổ động viên nhiệt thành, thậm chí còn chơi thể thao nữa. Tôi ủng hộ đội bóng của trường mình và đi cổ vũ trong nhiều trận khi có thể thu xếp được. Tôi ủng hộ đội Cubs giống như gia đình tôi và hầu hết các nhà ở khu phố tôi. Cầu thủ yêu thích của tôi là Ernie Banks. Ở khu tôi thì việc ủng hộ cho đối thủ White Sox của Cubs trong giải vô địch Mỹ gần như là một điều phạm thượng nên tôi coi đội Yankees là đội mình ủng hộ trong giải vô địch Mỹ, một phần bởi vì tôi thích Mickey Mantle. Những lời giải thích của tôi về tính đua tranh, đối địch này trong các môn thể thao ở Chicago đã bị bỏ ngoài tai trong cuộc vận động tranh cử Thượng nghị sĩ của tôi vào những năm sau này khi vẫn còn những người dân New York không tin rằng một người gốc Chicago lại có thể tuyên bố rằng thời bé cô ấy đã ủng hộ cho một đội bóng từ Bronx.

Tôi chơi trong đội bóng mềm mùa hè dành cho nữ suốt thời học trung học. Đội cuối cùng mà tôi tham gia được một hãng phân phối kẹo tại địa phương tài trợ. Chúng tôi mặc vớ trắng đến đầu gối, quần short đen hoặc váy hồng để quảng cáo cho hãng bánh kẹo trùng tên với đội là Good & Plenty. Những đứa trẻ vùng thường tấp nập đến công viên Hinckey theo từng nhóm, bơi lội vào mùa hè trong làn nước mát và chơi trượt băng trên sân băng khổng lồ ngoài trời vào mùa đông. Chúng tôi đi bộ hoặc dùng xe đạp để đến khắp mọi nơi - đôi khi bám theo các xe tải chạy chậm đang phun một làn sương thuốc trừ sâu DDT vào lúc chạng vạng tối trong những tháng mùa hè. Lúc đó không ai trong bọn nghĩ rằng thuốc trừ sâu là độc hại cả. Chúng tôi chỉ nghĩ thật là vui khi đạp xe xuyên qua làn sương, hít hà cái mùi ngọt ngọt và cay

nồng của cọng cỏ bị cắt trộn với mùi nhựa đường nóng bốc lên lan tỏa trong ánh chiều tà.

Thỉnh thoảng chúng tôi đi trượt băng trên sông Des Plaines trong khi các ông bố sưởi ấm và chuyện trò bên đống lửa về các vấn đề thời sự, chính trị. Tuy nhiên, "cuộc chiến tranh lạnh" là một khái niệm mơ hồ với tôi và thế giới của tôi lúc ấy dường như vẫn an toàn và ổn định. Tôi không biết đứa trẻ nào có bố mẹ ly hôn và mãi đến khi học lên trung học, tôi mới biết ngoài chết già thì người ta có thể chết vì những thứ khác nữa. Tôi nhận thấy tình trạng được bảo bọc chở che yên bình này tạo nên những nhận thức ngây thơ, nhưng đây là điều mà tôi mong ước cho mọi trẻ em.

Tôi lớn lên trong giai đoạn xã hội Mỹ chú trọng đến những khuôn mâu đạo đức định sẵn. Tuy nhiên trong cách giáo dục có tính "gia trưởng" đó, tôi lại được dạy cách chế ngự các áp lực từ bên ngoài. Mẹ tôi không bao giờ muốn nghe về việc các bạn tôi đang mặc gì hoặc họ nghĩ gì về tôi hoặc những việc đại loại như thế. "Con phải là con"; mẹ nói, "Con phải biết suy nghĩ độc lập. Mẹ không quan tâm là mọi người đang làm như thế nào. Chúng ta không phải là họ. Con không phải là họ."

Điều này hợp với tôi vì tôi cũng có cảm nghĩ giống như vậy. Dĩ nhiên tôi đã nỗ lực để hòa đồng. Tôi cũngáng của con gái nên đôi khi từ chối đeo các cặp kính dày cộp mà tôi đã phải sử dụng từ năm lên chín tuổi để khắc phục thị lực yếu kém của mình. Bắt đầu từ năm lớp sáu, bạn Besty Johnson đã giúp tôi rất nhiều trong việc đi đứng. Đôi khi tôi tình cờ đi qua trước mặt các bạn học cùng lớp nhưng lại không nhận ra, không phải vì tôi kiêu ngạo mà là vì thị lực kém, tôi thực sự không nhìn ra họ. Mãi đến sau này khi ở tuổi ba mươi, tôi mới biết dùng kính sát tròng để cải thiện thị lực của mình.

Tôi và Besty được cho phép đi xem kịch tại rạp Pickwick vào các buổi chiều thứ Bảy. Một ngày nọ, chúng tôi đã xem vở Lover come Back với diễn xuất của Doris Day và Rách Hudson đến hai lần. Sau đó chúng tôi vào một quán ăn thưởng thức khoai tây chiên với Coca Cola. Chúng tôi nghĩ là mình đã phát minh cách ăn nhúng khoai tây chiên vào nước xốt cà chua với nấm khi người phục vụ ở quán ăn Robin Hood nói với chúng tôi là cô chưa thấy ai làm như thế bao giờ. Mãi đến khi gia đình tôi bắt đầu đến các nhà hàng McDonald's vào khoảng năm 1960 thì tôi mới biết thức ăn nhanh là gì. Cửa hàng McDonald's đầu tiên trong vùng khai trương ở vùng gần thành phố Des Plaines vào năm 1955 nhưng gia đình tôi không biết. Mãi đến khi một cửa hàng nữa hoạt động gần chúng tôi hơn, ở thị trấn Niles, thì chúng tôi mới được đến thưởng thức vào những dịp đặc biệt. Tôi còn nhớ đã thấy số lượng

bánh mì kẹp thịt được bán hiển thị trên biển hiệu Golden Arches đã tăng từ con số vài ngàn đến cả triệu cái.

Tôi yêu mái trường và may mắn được học với những giáo viên giỏi, tận tụy của Trường Eugene Field, rồi Trường Ralph Waldo Emerson và sau đó là Trường East and South. Những năm sau này khi tôi làm Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Giáo dục của tiểu bang Arkansas, tôi mới nhận ra mình đã thật may mắn vì được học ở những ngôi trường được trang bị đầy đủ với đội ngũ giáo viên được đào tạo bài bản và các chương trình học chính khóa, ngoại khóa hoàn chỉnh. Thật là buồn cười về những hồi ức mà tôi còn nhớ đến bây giờ : Cô Taylor đọc truyện Winnie the Pooh cho cả lớp hồi lớp một vào mỗi buổi sáng. Cô Cappuccio, cô giáo dạy lớp hai, đố chúng tôi viết từ một đến một ngàn, một việc làm mà những bàn tay bé nhỏ cầm các cây bút chì to tướng khó có thể hoàn thành. Bài học này đã dạy tôi ý nghĩa của việc bắt đầu và kết thúc một công trình lớn. Sau này cô Cappuccio đã mời lớp tôi dự đám cưới của cô, ở đó cô chính thức trở thành bà O'Laughlin. Đây thật sự là một nghĩa cử tuyệt vời, bởi đối với các cô bé mới bảy tuổi đầu như chúng tôi, việc được chứng kiến cô giáo của mình trở thành một cô dâu xinh đẹp là một dấu ấn khó quên.

Trong suốt thời gian học tiểu học, tôi bị xem như một cô bé nghịch ngợm như con trai. Lớp năm của tôi có những cậu bé bất trị của trường và khi cô Krause rời khỏi lớp, cô thường nhờ tôi hoặc một nữ sinh khác "giữ trật tự lớp". Ngay khi cô vừa bước ra khỏi phòng, lũ con trai đã bắt đầu bày trò, chủ yếu là do chúng muốn chọc tức lũ con gái. Tôi có uy tín vì có thể đương đầu với bọn con trai. Đó là lý do tôi được bầu làm đội trưởng của đội trật tự vào năm sau. Đây là một sự kiện được xem là ghê gớm trong trường. Vai trò mới giúp tôi học được bài học đầu tiên về cách một số người sau này phản ứng trong những hoạt động bầu cử chính trị. Một trong những bạn gái trong lớp, Barbara đã mời tôi về nhà ăn trưa. Khi chúng tôi đến nhà thì mẹ Barbara, đang bận làm vệ sinh nhà cửa bằng máy hút bụi. Bà bảo cô con gái và tôi cứ tự lấy bánh sandwich phết bơ đậu phộng để dùng bữa trưa. Tôi không nghĩ ngợi gì cả cho đến khi chúng tôi chuẩn bị quay về trường và chào tạm biệt mẹ Barbara.

Bà hỏi cô con gái lý do tại sao chúng tôi lại đi sớm như vậy. Barbara trả lời là "Bởi vì Hillary là đội trưởng đội trật tự và phải đến trường trước các bạn khác."

"Ồ, nếu mẹ biết trước thì mẹ đã dọn cho các con một bữa ăn ngon rồi."

Cô giáo dạy lớp sáu của tôi, Elisabeth King, dạy chúng tôi môn ngữ pháp nhưng cô cũng khuyến khích chúng tôi suy nghĩ và viết sáng tạo, và thường đố chúng tôi thử đưa ra một số dạng từ ngữ mới. Nếu chúng tôi chậm chạp hoặc thụ động trong việc trả lời câu hỏi, cô nói "Các em còn chậm hơn cả sên bò lên núi vào mùa đông". Có thường diễn giải các câu thơ của Matthew : "Đừng giấu cái đèn của các con ở xó bếp mà phải mạnh dạn mang nó ra thắp sáng cho đời". Cô khuyến khích tôi, Besty Johnson, Gayle Elliot, Carol Farley và Joan Throop viết và đóng một vở kịch về năm cô gái thực hiện một chuyến du hành tưởng tượng đến châu Âu. Chính cô King cũng là người đưa ra đề bài để tôi viết tự truyện đầu tiên của mình. Tôi đã tình cờ tìm lại được nó trong một cái hộp giấy cũ sau khi tôi rời khỏi Nhà Trắng và việc đọc lại tự truyện này đã làm tôi hồi tưởng lại những năm tháng tuổi học trò. Hồi ấy, tôi rất ngây thơ và hầu như chỉ quan tâm về gia đình, học hành, thể thao. Nhưng rồi thời làm học sinh cũng kết thúc và tôi bước vào một thế giới phức tạp hơn những gì tôi từng được biết trước đó.

TRƯỜNG ĐỜI

“Điều gì bạn không học được từ mẹ mình thì sẽ học ở trường đời” là một câu nói mà tôi từng được nghe từ bộ lạc Masai ở Kenya. Trước mùa thu 1960, thế giới của tôi dần dần rộng mở và các cảm nhận chính trị của tôi cũng phát triển. John F. Kennedy đã thắng cử Tổng thống trước sự sững sờ của bố tôi. Ông đã ủng hộ Phó Tổng thống Richard M.Nixon và thầy dạy tôi môn xã hội học ở lớp tám, ông Kevin, cũng vậy. Thầy Kevin đã đến trường ngay sau ngày bầu cử. Ông chỉ cho chúng tôi những vết bầm tím trên người mà ông nói rằng đã nhận lãnh khi cố gắng chất vấn các hoạt động của các quan sát viên bầu cử trong bộ máy Dân chủ tại khu vực bầu cử của ông tại Chicago. Besty Johnson và tôi đã rất uất ức khi nghe câu chuyện của ông, nó càng củng cố niềm tin của bố tôi là sự gian lận trong việc kiểm phiếu bầu của Thị trưởng Richard J. Daley đã đem về chiến thắng cho Tổng thống Kennedy. Trong suốt khoảng thời gian ăn trưa, chúng tôi đã gọi điện thoại công cộng ngoài căn-tin trường đến văn phòng của Thị trưởng Daley để khiếu nại. Chúng tôi đã được một phụ nữ rất dễ thương tiếp máy và bà ta cam đoan rằng sẽ chuyển thông điệp của chúng tôi đến ngài Thị trưởng.

Một vài ngày sau đó, Besty nghe tin về một nhóm người Cộng hòa kêu gọi tình nguyện viên kiểm tra danh sách cử tri đối thành phố vào 9 giờ sáng thứ Bảy. Besty và tôi đã quyết định tham gia vụ này. Chúng tôi biết là bố mẹ mình không đời nào đồng ý nên đã không xin phép họ. Chúng tôi đi xe buýt xuống trung tâm thành phố, đi bộ tiếp đến khách sạn và được hướng dẫn vào một phòng khiêu vũ nhỏ. Chúng tôi đến bàn thông tin và bảo họ là mình đến đây để giúp đỡ theo lời kêu gọi. Số người tham gia có vẻ ít hơn kỳ vọng. Mỗi người chúng tôi được giao một chồng các danh sách đăng ký cử tri và được phân vào các nhóm khác nhau. Họ đưa chúng tôi đến các địa điểm khác nhau, thả xuống ở đó và báo là sẽ trở lại đón một vài giờ

Besty và tôi tách ra và đi cùng với những người hoàn toàn xa lạ Tôi đi cùng với hai người khác. Họ chở tôi đến vùng South Side, thả tôi xuống xe tại một khu dân cư nghèo và bảo tôi gõ cửa từng nhà dân hỏi tên tuổi để đối chiếu với danh sách đăng ký cử tri nhằm tìm ra chứng cứ gian lận bầu cử. Tôi rất hăng hái, đến mức ngờ nghệch, và không chút sợ sệt. Tôi tìm được một khu nhà trống được liệt kê là địa chỉ của chừng một chục cử tri. Tôi đánh thức nhiều người, khiến họ vội vàng ra mở cửa hoặc quát mắng xua đuổi tôi. Thậm chí tôi đã vào một quán bar có một nhóm người đang chè chén để hỏi xem có người nào trong danh sách của tôi hay không. Đám đàn ông nhìn tôi một cách sửng sốt đến nỗi họ lặng đi trong giây lát khi tôi đưa ra vài câu hỏi.

Vừa lúc đó, người phục vụ quầy bar đến và bảo tôi nên quay lại sau vì chủ quán không có mặt.

Sau khi hoàn thành công việc, tôi đứng ở một góc đường đợi xe đến rước. Tôi rất sung sướng là đã truy tìm ra bằng chứng cho chính kiến của bố tôi là "Daley đã gian lận kết quả bầu cử cho Kennedy".

Dĩ nhiên khi về nhà, tôi kể lại ngay với bố tôi đã đi đâu. Ông giận điên lên. Đi một mình xuống trung tâm không có người lớn đi kèm đã là không hay rồi chứ đừng nói chi đến việc dám đến khu South Side. Bố tôi nổi trận lôi đình nói rằng Kennedy sẽ là Tổng thống, cho dù chúng tôi có thích việc này hay không.

Năm học đầu tiên tại trường Trung học Maine East là một cú sốc về văn hóa đối với tôi. Cái trường học bé xíu tiếp nhận đăng ký của năm ngàn học sinh da trắng thuộc đủ thành phần kinh tế, xã hội và sắc tộc. Tôi vẫn còn nhớ cảm giác lần đầu tiên vào lớp chủ nhiệm, phải nép sát tường để tránh cảnh chen lấn xô đẩy của đám học sinh. Tất cả họ trông có vẻ lớn c và trưởng thành hơn tôi. Để chuẩn bị vào trung học, trước đó một tuần tôi đã quyết định để một kiểu tóc có vẻ "người lớn" hơn. Và chính điều đó đã khởi đầu cho một nỗi khổ sở của tôi về mái tóc.

Cho tới lúc đó, tôi vẫn để tóc dài, buộc theo kiểu đuôi gà hoặc cài một dải ruy-băng trên đầu. Khi mẹ và tôi muốn đi làm tóc thì chúng tôi thường đến chỗ người bạn thân của mẹ, cô Amalia Toland, trước đây đã từng là chuyên viên giải phẫu thẩm mỹ. Cô Amalia vừa chuyện trò với mẹ tôi, vừa chăm sóc tóc cho hai mẹ con. Tuy nhiên, tôi muốn đi học trung học với mái tóc tém giống như kiểu các bà chị mà tôi ngưỡng mộ. Thế là tôi năn nỉ mẹ dẫn tôi đến một tiệm làm tóc thời trang. Một người hàng xóm đã giới thiệu một người thợ làm tóc có cửa hiệu tại một căn phòng nhỏ không có cửa sổ nằm sau cái cửa hàng tạp hóa gần đó. Khi đến tiệm, tôi đưa cho anh ta một bức hình có kiểu tóc mà tôi ao ước và ngồi đợi nó hiện ra trên đầu mình. Anh ta vừa nói chuyện với mẹ tôi, vừa cầm kéo cắt, xoay vòng quanh tôi. Tôi lặng đi vì sợ hãi khi anh ta cắt đứt một mảng tóc lớn ra khỏi phần đầu bên phải của tôi. Tôi thét lên. Rồi thì anh ta cũng nhìn vào nơi tôi chỉ và nói, "Ồ, cái kéo của chú chắc là hơi quá tay, chú sẽ phải cắt luôn bên kia cho đều". Kinh hoàng, tôi nhìn phần tóc còn lại bên kia biến mất. Trong mắt tôi lúc đó, cái đầu của mình trông thật giống một củ atisô. Người mẹ tội nghiệp của tôi cố gắng trấn an tôi nhưng tôi thì chỉ nghĩ rằng cuộc đời mình thế là tàn.

Tôi không chịu ra khỏi nhà mất mấy ngày cho đến khi tôi nghĩ ra cách mua

một đuôi tóc hoặc một mái tóc giả tại cửa hàng Ben Franklin's Five and Dime để gắn nó lên cái đầu đáng thương của mình, giấu mối gắn dưới một dải ruy-băng và cứ giả vờ như cái tai họa bị kéo trượt chưa bao giờ xảy ra. Thế là tôi làm ngay và việc đó giúp tôi tránh khỏi cảm giác không tự nhiên, bối rối vào ngày khai giảng. Nhưng rồi một hôm, tôi không giữ được bí mật đó vì Ernest Ricketts, biệt danh "Ricky". Cậu ấy là bạn tôi từ thuở hai đứa cùng đi học mẫu giáo. Hôm ấy, khi tôi đang bước xuống cầu thang lớn giữa khu lớp học thì Ricky đang đi lên cầu thang. Cậu ta chào tôi, đợi tôi đi ngang qua và thế là, như cậu ta đã từng làm nhiều lần trước đó, túm lấy cái bím tóc đuôi ngựa của tôi. Nhưng lần này, nó tuột ra luôn và cả bím tóc nằm trong tay cậu ta! Lý do mà chúng tôi vẫn còn là bạn bè cho đến hôm nay là nhờ cậu ta không nói thêm lời nào trước sự tủi hổ của tôi. Thay vào đó, cậu ta cầm lấy bím tóc đưa lại cho tôi, xin lỗi là đã làm rơi tóc của tôi và bỏ đi mà không gây ra bất kỳ sự chú ý nào vào cái giây phút tồi tệ nhất đó - ít ra là tồi tệ nhất cho đến thời điểm ấy của đời tôi.

Nhưng trường trung học của tôi vào những năm đầu 1960 giống như trong bộ phim Grease hoặc chương trình truyền hình Happy Days. Tôi trở thành Chủ tịch Câu lạc bộ những thành viên ái mộ Fabian, thần tượng của giới trẻ, gồm có tôi và hai nữ sinh nữa. Chúng tôi xem Ed Sullivan Show vào mỗi buổi tối Chủ nhật cùng với gia đình mình, ngoại trừ buổi tối trình diễn của Beatles vào ngày 9/2/1964 đã trở thành một sự kiện của nhóm. Paul McCartney là thành viên Beatles ưa thích của tôi. Và thế là có các cuộc tranh cãi về thần tượng của mỗi người, đặc biệt là với Besty, người luôn luôn thần tượng George Harrison. Tôi có vé xem buổi trình diễn của ban nhạc Rolling Stones ở McCormick Placc thuộc thành phố Chicago vào năm 1965. Bài hát (I Can’t Get No) Satisfaction, đã trở thành một tuyên ngôn về tất cả những gì dằn vặt tâm tư của giới trẻ lúc bấy giờ. Nhiều năm sau, khi tôi gặp các thần tượng hồi trẻ của mình như Paul McCartney, George Harrison và Mick Jagger, tôi đã không biết là mình sẽ bắt tay với họ hay là nhảy cẫng hét lên vì sung sướng.

Cho dù bị ảnh hưởng bởi lối sống "văn hóa thanh niên" được hình thành từ truyền hình và âm nhạc, luôn có những nhóm khác nhau tạo ra sự đa dạng trong trựng như : nhóm thích thể thao, nhóm hoạt náo viên, các loại hội của học sinh, nhóm học sinh giỏi, nhóm học sinh quậy phá. Có những lối đi trong trường mà tôi không dám bước vào vì nghe người ta nói rằng có những học sinh chiếm lĩnh "địa bàn" đó và họ có thể bắt nạt hoặc gây khó dễ cho những học sinh khác. Chỗ ngồi trong căn-tin trường được quy định bởi các ranh giới vô hình mà lũ học trò chúng tôi ngầm hiểu. Năm tôi học lớp mười một, những căng thẳng, tranh chấp âm ỉ đã bột phát thành các trận ẩu đả giữa

các phe nhóm tại khu để xe sau trường hoặc trong các trận đấu bóng đá và bóng rổ.

Ban Quản lý trường nhanh chóng can thiệp và thành lập một nhóm học sinh được gọi là Ủy ban Giá trị Văn hóa bao gồm các thành viên đại diện từ các nhóm học sinh khác nhau. Thầy Hiệu trưởng, Tiến sĩ Clyde Watson đề nghị tôi tham gia Ủy ban này, giúp tôi có cơ hội gặp gỡ và trò chuyện với những học sinh mà trước đây tôi không biết hoặc né tránh tiếp xúc. Ủy ban của chúng tôi đưa ra các khuyến nghị cụ thể để xây dựng tính kiềm chế và giảm bớt những sự căng thẳng giữa các nhóm học sinh. Một số người trong bọn tôi được yêu cầu xuất hiện trên các chương trình truyền hình địa phương để thảo luận những hoạt động mà chúng tôi đã thực hiện. Đây không những là cơ hội đầu tiên để tôi xuất hiện trên truyền hình mà còn là kinh nghiệm đầu tiên của tôi khi nỗ lực trình bày thuyết đa nguyên, sự tôn trọng và thông hiểu lẫn nhau. Những giá trị này cần được định hướng, thậm chí ngay ở một trường trung học thuộc ngoại ô Chicago. Bởi vì mặc dù đại bộ phận học sinh là người da trắng và theo Công giáo nhưng chúng tôi vẫn nhận thấy có hiện tượng cô lập hoặc nói xấu nhau. Ủy ban đã cho tôi cơ hội kết thân với nhiều người bạn khác nhau. Sau đó một vài năm, khi tôi dự một vũ hội tại hội quán YMCA ở địa phương và bị một số gã thanh niên bắt đầu giở trò thì một "đại ca", trước đây từng là cựu thành viên của Ủy ban này, đã ưng tay này là hãy để tôi yên bởi vì tôi "chơi được".

Tuy nhiên, mọi sự không phải luôn thuận lợi trong suốt những năm trung học của tôi. Ngày 22 tháng 11 năm 1963, khi tôi ngồi trong lớp học giờ hình học và đang đánh vật với các bài toán hình của thầy Craddock thì một giáo viên đến lớp thông báo là Tổng thống Kennedy đã bị bắn tại Dallas. Thầy Craddock, một trong những giáo viên mà tôi rất quý mến và cũng là giáo viên chủ nhiệm lớp tôi đã thốt lên "Cái gì? Không thể có chuyện đó!". Và ông chạy ra khỏi lớp học. Khi quay về, thay xác nhận là có một kẻ nào đó đã bắn Tổng thống và đó có thể là phe nhóm "John Bircher", một tổ chức cực hữu chống lại Tổng thống Kennedy. Ông bảo chúng tôi đến hội trường để chờ nghe thêm thông tin. Các phòng học im phăng phắc trong khi hàng ngàn học sinh kéo đến hội trường trong tâm trạng hoang mang, ngờ vực. Cuối cùng, thầy hiệu trưởng đến và cho chúng tôi được tan trường sớm.

Khi về nhà, tôi thấy mẹ mình đang ngồi trước truyền hình xem Walter Cronkite. Cronkite thông báo là Tổng thống Kennedy đã từ trần vào lúc 1 giờ chiều. Bà thú nhận bà đã bỏ phiếu cho Kennedy và cảm thấy rất tiếc cho vợ con của Tổng thống. Tôi cũng vậy. Tôi cũng cảm thấy rất tiếc cho đất nước mình và tôi muốn giúp đỡ bằng một cách nào đó, mặc dù tôi không

hình dung ra là phải làm như thế nào.

Tôi đặt nhiều niềm tin vào việc đi làm để kiếm sống và tôi có toàn quyền lựa chọn nghề nghiệp theo ý mình. Tôi may mắn có được bố mẹ là những người không bao giờ cố bắt ép tôi phải theo một con đường. Tôi nhớ là chưa bao giờ bố mẹ hoặc thầy cô bảo tôi hay các bạn tôi rằng "Con gái không thể làm cái này hoặc "Con gái không nên làm việc kia". Mặc dù có khi thông điệp này được thể hiện bằng những cách khác.

Tác giả Jane O'Reilly, người trưởng thành vào thập niên 1950, đã có một bài viếối tiếng đăng trên tạp chí Ms vào năm 1972, hồi tưởng những giây phút trong cuộc đời mình vào những năm 1950, khi bà nhận ra mình đang bị đánh giá thấp chỉ vì là phụ nữ. Bà mô tả cái khoảnh khắc bà ngộ ra điều đó bằng một từ rất tượng thanh là click ! - giống như một cơ chế bật sáng một bóng đèn tròn. Điều đó quá rõ ràng và hiển nhiên trong các quảng cáo tuyển người - cho đến giữa những năm 60 vẫn còn được chia ra làm các mục riêng biệt dành cho nam và nữ - hoặc nó được thể hiện dưới dạng khó nhận ra hơn như phải nhường phần mặt trước của tờ báo cho tin tức mà quý ông quan tâm và đành phải bằng lòng với những trang sau dành cho phụ nữ, để các ông thuận tiện mà đọc các tin tức sốt dẻo!

Cũng có nhiều lúc tôi cảm thấy giống như thế. Tôi luôn bị lĩnh vực thám hiểm không gian hấp dẫn, có lẽ một phần vì bố tôi rất lo lắng về việc Hoa Kỳ bị tụt hậu so với Nga trong lĩnh vực này. Lời thề của Tổng thống Kennedy đưa người lên mặt trăng đã cổ vũ tôi rất nhiều và tôi đã viết thư cho NASA, tình nguyện tham gia vào lớp huấn luyện phi công vũ trụ. Tôi đã nhận được một bức thư hồi đáp, báo rằng họ không nhận phụ nữ trong chương trình. Đó là lần đầu tiên tôi vấp phải một trở ngại mà tôi không thể nào vượt qua bằng nỗ lực và lòng quyết tâm, điều này làm tôi cảm thấy bị xúc phạm. Dĩ nhiên, dù không kể yếu tố giới tính thì với thị lực kém và thể chất hạng xoàng của bản thân, tôi cũng sẽ bị loại. Nhưng tình trạng phân biệt đối xử này đã khiến tôi tổn thương và sau này giúp tôi cảm thông hơn với những ai lâm vào tình cảnh tương tự.

Ở trường trung học, một trong những bạn gái thông minh nhất của tôi đã bỏ các lớp bồi dưỡng học sinh giỏi chỉ vì bạn trai của cô không theo học. Một người bạn khác thì lại không muốn điểm các môn học của mình được niêm yết trên bảng vì cô nàng biết là mình sẽ đạt điểm cao hơn chàng trai mà cô đang yêu. Các cô gáày hiểu những dấu hiệu văn hóa, hoặc tế nhị hoặc lộ liễu, để tuân theo những khuôn mẫu định sẵn cho giới tính của mình, nhằm tránh việc trội hơn, giỏi hơn những cậu con trai xung quanh họ. Tôi cũng để ý vài

chàng trai thời trung học nhưng tôi chưa bao giờ hò hẹn với ai một cách nghiêm túc. Đơn giản là tôi không thể nào tưởng tượng là có thể từ bỏ học đại học hoặc không đi làm để lập gia đình khi mà một số người bạn gái của tôi lại đang lập kế hoạch như thế.

Tôi quan tâm đến chính trị từ hồi bé và thích mài giũa các kỹ năng tranh luận của mình với các bạn. Tôi thường ép người bạn Ricky Ricketts tội nghiệp của mình vào các cuộc tranh luận thường ngày về các vấn đề hòa bình thế giới, tỉ số các trận bóng chày hoặc bất kỳ chủ đề nào mà tôi chợt nghĩ ra. Tôi đã tranh cử thành công vào Hội đồng học sinh và làm lớp phó khi còn học lớp bốn. Tôi cũng là một thành viên tích cực của Đoàn Thanh niên Cộng hòa và sau này là thành viên của tổ chức Goldwater với bộ đồng phục miền viễn tây, đội mũ rơm cao bồi có đính khẩu hiệu "AuH20".

Giáo viên dạy Sử lớp chín của tôi là thầy Paul Carlson luôn là một nhà giáo tận tụy và là một người Cộng hòa rất bảo thủ. Thầy Carlson khuyến khích tôi đọc cuốn sách vừa mới xuất bản The Conscience of a Conservative của Thượng nghị sĩ Barry Goldwater. Cuốn sách này đã cho tôi nhiều cảm hứng trong việc viết bài tiểu luận cuối khóa về phong trào bảo thủ ở Hoa Kỳ, trong đó tôi có đề " Kính tặng cha mẹ là những người đã dạy con thành người". Tôi thích Thượng nghị sĩ Goldwater bởi vì ông là một người theo chủ nghĩa cá nhân bộc trực, dám đi ngược lại với các trào lưu chính trị. Những năm tháng sau đó, tôi khâm phục sự ủng hộ thẳng thắn của ông đối với những quyền tự do cá nhân vốn được ông xem là phù hợp với những nguyên tắc bảo thủ lỗi thời của mình: "Đừng tạo ra địa ngục cho những người đồng tính luyến ái, những người da đen và người Mễ. Những ngi tự do có quyền làm những điều họ thích". Sau này, khi Goldwater biết rằng tôi đã từng ủng hộ ông vào năm 1964, ông đã gửi đến Nhà Trắng một hộp thịt nướng cùng với tương cay và ông đã mời tôi đến gặp ông. Tôi đã đến nhà ông ở Phoenix vào năm 1996 và đã có một giờ đàm đạo tuyệt vời với ông và bà vợ rất năng động của ông là Susan.

Thầy Carlson cũng rất thích Tướng Douglas MacArthur nên thầy trò chúng tôi thường nghe đi nghe lại những cuốn băng ghi âm lời từ biệt của ông trước Quốc hội. Có một lần sau khi nghe xong đoạn băng, thầy đã kết luận đầy tâm huyết : "Hãy nhớ điều thiêng liêng nhất trên tất cả mọi thứ là thà chết chứ không chịu mất tự do". Ricky Ricketts ngồi bàn phía trước tôi đã bật cười và tôi cũng cười theo. Thế là thầy Carlson nghiêm nghị hỏi chúng tôi: "Các em nghĩ gì mà cười vậy?". Ricky trả lời : "Thưa thầy Carlson, em chỉ mới mười bốn tuổi và rất muốn được sống ạ !".

Sự tham gia tích cực của tôi trong Nhà thờ Hội Giám lý First United của thành phố Park Ridge đã giúp tôi thấu hiểu và cảm thông với những nhu cầu của người khác, cho tôi thấm nhuần ý thức trách nhiệm xã hội và giúp nó trở thành niềm tin của tôi. Song thân của bố tôi đã tuyên thệ theo Hội Giám lý bởi vì ông bà cố của họ đã được Mục sư John Wesley cải đạo hồi còn cư ngụ tại các khu làng khai thác mỏ than quanh vùng Newcatsle ở phía Bắc nước Anh và vùng South Wales. Mục sư John Wesley đã sáng lập ra Hội Giám lý vào thế kỷ 18. Wesley đã dạy rằng tình yêu Chúa được thể hiện bằng các việc thiện được ông giảng đạo theo một nguyên tắc đơn giản là "Các con hãy làm mọi điều tất với tất cả mọi người bằng mọi phương cách vào mọi lúc, ở mọi nơi, cho đến chừng nào mà các con còn có thể làm được". Luôn có những cuộc tranh luận hữu ích về định nghĩa "việc thiện" mà người ta theo đuổi nhưng đối ô gái trẻ như tôi thì điều răn của Mục sư Wesley luôn được khắc ghi trong lòng. Hàng đêm, bố tôi đều cầu nguyện bên giường và những lời cầu nguyện đó đã trở thành một nguồn động viên và chỉ dẫn cho tôi khi tôi còn bé.

Mẹ tôi dạy lớp giáo lý vào ngày Chủ nhật. Theo như bà nói, chủ yếu là để trông chừng các cậu em của tôi. Tôi học các lớp giáo lý và tham gia nhóm giáo hữu trẻ tuổi, rất tích cực trong các việc công đức như chăm sóc và lau dọn bàn thờ vào các ngày thứ Bảy để chuẩn bị cho lễ ngày Chủ nhật. Việc tôi tìm ra lý tưởng của mình, mà lý tưởng đó có thể dung hòa với quan niệm của bố về tính tự lập và nhưng lo lắng của mẹ về công bằng xã hội, có liên quan tới sự xuất hiện của một vị mục sư trẻ tuổi thuộc Hội Giám lý tên là Donald Jones vào năm 1961.

Mục sư Don Jones tốt nghiệp TrườngDòngDrewUniversity và đã có bốn năm phục vụ trong Hải quân. Ông chịu ảnh hưởng bởi các lời giáo huấn của Dietrich Bonhoeffer và Reinhold Niebuhr. Bonhoeffer nhấn mạnh rằng một tín hữu phải là một người đạo đức toàn tâm toàn ý với sứ mạng thúc đẩy sự phát triển của con người trên thế giới. Niebuhr thì nêu cao một sự cân bằng hợp lý giữa chủ nghĩa hiện thực khách quan về bản chất con người cùng khát vọng cháy bỏng về công lý và cải cách xã hội. Mục sư Jones đã nhấn mạnh rằng cuộc đời của một tín hữu là "đức tin thể hiện bằng hành động cụ thể". Tôi chưa bao giờ gặp bất kỳ ai giống như ông. Don gọi các buổi hành lễ Giáo hữu Thanh niên của Hội Thánh vào tối Chủ nhật và thứ Năm của mình là "trường đời". Ông rất nhiệt tình với chúng tôi bởi vì ông hy vọng rằng chúng tôi sẽ hiểu biết hơn về cuộc sống bên ngoài vùng Park Ridge. Với tôi thì đúng là như thế. Nhờ "trường đời" của Don mà tôi đã đọc các tác phẩm khó nu của T. S. Eliot, xem tranh của Picasso đặc biệt là bức họa Guernica - trăn trở với ý nghĩa "Tòa án Dị giáo" trong tác phẩm Brothers Karamazov

của nhà văn Dostoyevsky. Tôi về đến nhà, hân hoan với niềm phấn khích và chia sẻ điều tôi đã khám phá với mẹ tôi là người cũng nhanh chóng nhận ra ở Don một lý tưởng rất tâm đầu ý hợp. Tuy nhiên, "trường đời" không phải chỉ là nghệ thuật và văn chương. Chúng tôi đã viếng thăm các nhà thờ của người da đen và người gốc Mỹ La tinh ở vùng nội ô thành phố Chicago để giao lưu với những giáo hữu trẻ của các nhà thờ này.

Trong các buổi thảo luận, chúng tôi ngồi thành vòng tròn trong khuôn viên nhà thờ. Tôi biết được là mặc dù có nhiều khác biệt, những người bạn này cũng rất giống với tôi. Họ cũng muốn biết nhiều hơn về điều gì đang xảy ra trong phong trào đòi dân quyền ở miền Nam. Tôi chỉ nghe mơ hồ về Rosa Parks và Tiến sĩ Martin Luther King nhưng chính những cuộc thảo luận này đã đánh thức sự quan tâm của tôi.

Do đó, khi Don thông báo là một tuần nữa ông sẽ đưa chúng tôi đến nghe Mục sư King nói chuyện tại Nhà hát Giao hưởng, tôi thật sự háo hức. Bố mẹ đã cho phép tôi đi nhưng phụ huynh của một số bạn bè tôi lại từ chối cho con họ đi nghe "một tên kích động vớ vẩn" như thế.

Bài diễn thuyết của Mục sư King có tựa đề Remaining Awake through a Revolution (Hãy thức tỉnh bằng một cuộc cách mạng.) Cho đến trước khi ấy, tôi vẫn lờ mờ với những hiểu biết về một cuộc cách mạng xã hội đang xảy ra trên đất nước mình. Những lời nói của Mục sư King đã soi sáng cho cuộc đấu tranh đang xảy ra và làm cho chúng tôi không thể thờ ơ được nữa : "Chúng ta đang đứng bên biên giới của "vùng đất hứa" của sự hòa hợp. Trật tự cũ đang tiêu vong và một trật tự mới đang đến gần. Tất cả chúng ta nên chấp nhận trật tự này và học cách sống hòa đồng với nhau như anh em trong một xã hội toàn cầu. Nếu không, tất cả chúng ta sẽ hủy diệt, tàn sát lẫn nhau."

Mặc dù đã biết nhận thức nhưng tôi hầu như vẫn còn bắt chước các triết lý truyền thống của vùng Park Ridge và quan điểm chính trị của bố tôi. Trong khi Don Jones cho tôi các kinh nghiệm "mới mẻ" thì Paul Carlson lại giới thiệu cho tôi những người tị nạn từ Liên Xô. Don đã có lần nói rằng ông và Paul Carlson đang mắc kẹt trong một trận đấu để giành lấy tâm hồn tôi. Tuy nhiên Paul cũng là một thành viên trong nhà thờ của chúng tôi và mâu thuẫn của họ ngày càng trầm trọng đến mức lâm vào tình trạng khủng hoảng. Paul bất đồng với các ưu tiên của Don về chương trình giáo huấn "trường đời" và đẩy Don ra khỏi nhà thờ. Sau nhiều cuộc đối đầu, chỉ hai năm sau Don đã quyết định rời Hội Giám lý để trở lại dạy ở trường cũ, Drew University, nơi ông đã nghỉ hưu với danh hiệu Giáo sư ưu tú môn Đạo đức học. Chúng tôi

vẫn còn liên lạc trong nhiều năm. Don và vợ ông, Karen, là khách thường xuyên tại Nhà Trắng. Ông còn giúp đỡ lễ cưới của Tony, em trai tôi, tại Vườn Hồng vào ngày 28 tháng 5 năm 1994.

Giờ đây, tôi hiểu mâu thuẫn giữa Don Jones và Paul Carlson là sự biểu hiện sơ khai một loạt các khác biệt về tôn giáo, chính trị và văn hóa diễn ra tại Hoa Kỳ trong 40 năm qua. Về mặt cá nhân, tôi mến cả hai người và đôi khi không xem các niềm tin của họ là hoàn toàn đối lập.

Hết năm lớp mười một tại Trường Maine East, lớp của tôi bị tách ra làm hai và một nửa chúng tôi học lớp mười hai tại Trường Maine Township High School South được xây dựng trong thời bùng nổ dân số. Tôi ra tranh cử chức Chủ tịch Hội Học sinh với một số nam sinh khác và thất cử. Điều này không làm tôi bất ngờ nhưng vẫn làm tôi tổn thương vì một trong những đối thủ đã bảo tôi thật ngếch nếu nghĩ rằng một đứa con gái lại có thể được bầu làm Chủ tịch. Ngay khi cuộc bầu cử kết thúc, người thắng cử đề nghị tôi lãnh đạo Ủy ban Tổ chức mà theo tôi biết thì đó là nơi sẽ làm hầu hết công việc của Hội. Tôi đã đồng ý.

Điều này hóa ra lại rất vui. Vì là lớp cuối cấp nên chúng tôi tổ chức tất cả các hoạt động truyền thống của trường như diễu hành, múa hát, bầu cử hội đồng học sinh, hội hè, khiêu vũ. Chúng tôi dàn dựng mô phỏng một cuộc tranh luận tranh cử Tổng thống nhân cuộc bầu cử năm 1964. Thầy giáo trẻ Jerry Baker phụ trách hoạt động này. Thầy Baker biết tôi rất tích cực ủng hộ Thượng nghị sĩ Goldwater. Thậm chí tôi đã thuyết phục bố cho tôi và Besty đi dự buổi nói chuyện của ông Goldwater khi ông đến trong chiến dịch tranh cử bằng xe lửa ở khắp vùng ngoại vi Chicago.

Một trong những người bạn của tôi, Ellen Press là người duy nhất trong lớp ủng hộ Đảng Dân chủ. Cô ấy là người luôn lớn tiếng ủng hộ Tổng thống Johnson. Thầy Baker với một quyết định cực kỳ sáng suốt hoặc tai quái đã chỉ định tôi đóng vai Tổng thống Johnson và Ellen đóng vai Thượng nghị sĩ Goldwater. Cả hai chúng tôi cảm thấy bị xúc phạm và phản đối kịch liệt, nhưng thầy Baker nói rằng điều này sẽ buộc chúng tôi phải tìm hiểu các vấn đề của phía bên kia. Thế là lần đầu tiên tôi hóa thân làm Tổng thống Johnson của Đảng Dân chú nói về dân quyền, y tế, đói nghèo và chính sách ngoại giao. Tôi bực bội vì phải ở trong thư viện hàng giờ đồng hồ đọc cương lĩnh của Đảng Dân chủ và các bài diễn văn của Nhà Trắng. Nhưng khi lên diễn đàn, tôi nhận thấy mình tranh luận rất kịch liệt và sôi nổi hơn thường lệ. Ellen chắc là cũng trải qua trạng thái tương tự. Trước khi chúng tôi tốt nghiệp đại học, mỗi người chúng tôi đã thay đổi quan điểm ủng hộ chính trị

của mình. Còn thầy Baker sau đó đã bỏ nghề dạy học để đến thủ đô Washington D.C. làm cố vấn pháp lý cho Hiệội Phi công Hàng không, một vị trí thuận lợi giúp ông hiểu rõ các quan điểm của cả hai Đảng Dân chủ và Cộng hòa.

Học lớp cuối cấp trung học cũng có nghĩa là phải chuẩn bị cho giai đoạn lên đại học. Tôi biết là mình sẽ học lên nữa nhưng không định hướng là sẽ học ở đâu. Tôi đến gặp thầy phụ trách tư vấn hướng nghiệp vốn đã rất bận rộn với nhiều công việc. Thầy chỉ đưa cho tôi một số tập sách mỏng chứa thông tin về các trường đại học ở vùng Midwest, không giúp đỡ hay tư vấn gì thêm. Tôi được sự hướng dẫn của hai sinh viên mới tốt nghiệp đại học đang theo học cao học về giáo dục tại Đại học Northwestem. Họ đang dạy học tại Trường công lập Maine South. Đó là Karin Fahlstrom, sinh viên tốt nghiệp Trường Smith, và Janet Altman, Trường Wellesley. Tôi còn nhớ chị Fahlstrom nói với lớp tôi là chị muốn chúng tôi đọc một nhật báo nào khác chứ không phải là tờ Chicago Tribune của Đại tá McCormick. Khi tôi hỏi là nhật báo nào thì chị khuyên nên xem tờ The New York Times. Tôi trả lời "Nhưng đó là công cụ của giới tài phiệt các tiểu bang miền Đông". Chị Fahlstrom rất ngạc nhiên nói, "Được rồi, nếu vậy thì hãy đọc tờ The Washington Post”. Sự thật là cho đến lúc đó tôi chưa bao giờ đọc hai tờ báo này và cứ cho rằng tờ Tribune là chân lý rồi.

Vào trung tuần tháng Mười, cả hai chị Fahlstrom và Altman hỏi tôi đã nhắm sẵn một trường đại học nào chưa. Tôi nói là chưa thì họ khuyên tôi nên nộp đơn vào Trường Smith và Wellesley, hai trong số bảy trường đại học nữ thuộc hệ thống Seven Sisters. Họ bảo là nếu tôi theo học một trường nữ sinh thì tôi có thể tập trung vào việc học hành suốt tuần và thư giãn vào cuối tuần. Tôi chưa nghĩ đến việc rời Midwest để đi học đại học và chỉ ghé thăm TrườngMichiganState vì nơi này có chương trình danh dự mời các học sinh vào chung kết nhận học bổng xuất sắc ghé thăm. Nhưng khi ý tưởng đó xuất hiện thì tôi rất quan tâm. Họ mời tôi tham dự các hoạt động gặp gỡ cựu nữ sinh của trường và các sinh viên đang theo học. Cuộc gặp gỡ do Trường Đại học Smith tổ chức tại một căn nhà đẹp và rộng lớn ở một trong những khu ngoại ô giàu có dọc theo bờ hồ Michigan. Còn buổi gặp mặt do Trường Wellesley tổ chức tại một căn hộ trên lầu thượng bên bờ hồ Shore Drive ở Chicago. Tôi cảm thấy lạc lõng ở cả hai cuộc gặp gỡ này. Dường như tất cả các cô gái không những giàu mà còn lắm lời hơn tôi. Thậm chí một cô gái trong buổi họp mặt của Trường Wellesley còn hút thuốc và huyên thuyên về kỳ nghỉ hè của mình ở châu Âu. Điều đó rất xa lạ với quê hương ở vùng hồ Winola và lối sống của tôi.

Tôi nói với hai giáo viên tư vấn của mình là tôi không thích thú lắm chuyện đi học đại học tại "miền Đông". Nhưng họ lưu ý là tôi nên nói chuyện với bố mẹ về việc nộp đơn vào đại học của mình. Mẹ tôi nghĩ là tôi nên theo học bất kỳ trường nào tôi thích còn bố tôi thì nói tôi có toàn quyền tự do chọn lựa, nhưng ông sẽ không tài trợ cho tôi học ở các trường ở phía tây Mississippi hoặc ở vùng Radclifie vì ông nghe ở đó có bọn người theo trào lưu hip-pi. Trường Smith và Wellesley mà ông chưa từng được nghe đến thì chấp nhận được. Tôi chưa từng ghé thăm hai trường trên nhưng quyết đinh chọn Wellesley dựa trên các bức ảnh chụp trường này, đặc biệt là vì nó có một cái hồ nhỏ Waban gợi cho tôi liên tưởng đến hồ Winola ở quê nhà. Tôi luôn nhớ ơn Fahlstrom và Altman về việc tư vấn này.

Tôi không biết có ai khác theo học tại Wellesley. Hầu hết bạn bè tôi học tại các trường đại học vùng Midwest để đở gần nhà. Bố mẹ đưa tôi đến Trường Wellesley và không biết vì lý do gì mà chúng tôi bị lạc đường ở Boston, ngay tại quảng trường Harvard, nơi bố tôi chứng kiến những nhóm người hip-pi tụ tập. Nhờ không thấy bóng dáng những người này ở Trường Wellesley mà dường như ông đã an tâm. Mẹ tôi nói là bà đã khóc suốt quãng đường cả ngàn dặm rời Massachusetts về nhà ở Illinois. Thế mà bây giờ tôi lại trải qua cảm xúc ấy đối với con gái mình đang theo học ở một trường đại học xa xôi và tôi đã hiểu được lòng mẹ mình. Nhưng vào lúc đó, tôi chỉ háo hức hướng về tương lai mà thôi.

KHÓA ’69

Vào năm 1994, Frontline chương trình truyền hình nhiều tập của hãng PBS đã sản xuất một bộ phim tài liệu về khóa ’69 của Trường Wellesley, Lớp học của Hillary. Vâng đó là lớp của tôi nhưng nó có nhiều sự kiện hơn bộ phim đã thể hiện. Nhà sản xuất Rachel Dretzin giải thích lý do tại sao 25 năm sau khi chúng tôi đã tốt nghiệp, Frontline mới quyết định nghiên cứu lớp tôi : "Họ đã thực hiện một hành trình không giống bất kỳ một thế hệ nào khác trong một thời kỳ có nhiều thay đổi và biến động sâu sắc đối với nữ giới".

Các đồng lớp đã nói rằng Wellesley là một trường nữ sinh khi chúng tôi nhập học và trở thành một đại học của nữ khi chúng tôi rời trường. Tình cảm đó có lẽ đã thể hiện ở lớp chúng tôi cũng như ở trường đại học này.

Tôi đến Wellesley, mang theo niềm tin chính trị của bố cùng ước mơ của mẹ và rời trường với những ấp ủ chính kiến của riêng mình. Nhưng vào ngày đầu tiên đó, tôi cảm thấy thật cô đơn khi bố mẹ tôi ra về. Tôi cảm thấy hụt hẫng và lạ lẫm với nơi ở mới. Tôi đã gặp các cô gái từng đi học ở các trường nội trú tư thục, sống ở nước ngoài, nói lưu loát các thứ tiếng và được miễn một số môn học năm thứ nhất nhờ điểm số kiểm tra đầu vào của họ. Còn tôi chỉ mới một lần được ra nước ngoài để ngắm thác Niagara từ phía bên Canada. Ngoại ngữ duy nhất của tôi là tiếng La tinh học ở trung học.

Tôi đã không hòa nhập được ngay với cuộc sống sinh viên. Tôi ghi danh các môn học khó. Việc tôi học môn Toán và Địa chất một cách chật vật giúp tôi hiểu mình sẽ phái từ bỏ ý tưởng trở thành bác sĩ hoặc một nhà khoa học. Giáo sư dạy môn tiếng Pháp nhẹ nhàng bảo tôi: "Cô bé! Tài năng của em nằm ở lĩnh vực khác cơ". Một tháng sau ngày khai giảng, tôi gọi điện thoại về nhà, tôi nghĩ mình không đủ thông minh để học được ở đây. Bố bảo tôi quay về, nhưng mẹ tôi nói bà không muốn tôi trở thành người bỏ cuộc. Sau một khởi đầu nhiều dao động, những lo lắng, do dự nguôi ngoai dần. Tôi nhận ra rằng mình không thể quay về nhà được và tôi sẽ dấn bước để tiếp tục.

Vào một đêm đầy tuyết khi tôi học năm nhất, Margaret Clapp - lúc đó là Hiệu trưởng của trường - đã bất ngờ đến ký túc xá Stone-Davis của tôi nằm bên bờ hồ Waban đến phòng ăn và kêu gọi các tình nguyện viên giúp rung các nhánh cây xung quanh trường cho tuyết rơi xuống để chúng khỏi gãy vì sức nặng của tuyết đọng trên cành. Chúng tôi đi bộ từ gốc cây này sang cây kia trên mặt đất tuyết phủ dày đến tận đầu gối dưới bầu trời trong vắt đầy sao, nghe sự chỉ dẫn của một phụ nữ thông minh, mạnh mẽ, rất nhạy cảm về

các điều kỳ thú và tính dễ tổn thương của thiên nhiên. Bà hướng dẫn và đốc thúc cho cả sinh viên lẫn giáo viên một cách rất nhiệt tình. Vào tối đó, tôi đã quyết định được con đường đi cho mình.

Madeleine Albright, người từng giữ chức Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên hiệp quốc và Ngoại trưởng trong nội các của Clinton đã học ở Wellesley trước tôi mười năm. Tôi thường trò chuyện với bà về những khác biệt giữa thế hệ của bà và tôi. So với thế hệ tôi thì Albright và những người bạn của mình trong cuối thập niên 50 cố tìm cho mình một tấm chồng và ít bị tác động bởi các thay đổi thời cuộc ở thế giới bên ngoài. Tuy nhiên họ gặt hái được rất nhiều lợi ích từ một môi trường như Wellesley và nhà trường đặt nhiều kỳ vọng nơi họ về những thành quả mà phụ nữ có thể đạt được nếu họ có được cơ hội. Vào thời của Albright và tôi, Trường Wellesley nhấn mạnh đến sự cống hiến. Khẩu hiệu bằng tiếng La tinh của trường là Non Ministrari sed Ministrare - Hãy giúp người chứ đừng để người giúp. Một khẩu hiệu phù hợp với giáo lý tôn giáo đã răn dạy tôi. Vào lúc tôi nhập học, trong bối cảnh sinh viên hoạt động sôi nổi, nhiều sinh viên đã xem phương châm này như là một lời kêu gọi phụ nữ tham gia nhiều hơn nữa trong đời sống xã hội và tạo ảnh hưởng với thế giới xung quanh. Điều giá trị nhất tôi có được từ Wellesley là những người bạn suốt đời mà tôi đã kết giao và cơ hội mà trường đại học nữ này đã mang lại trong việc chắp cánh và mở mang tầm nhìn cho chúng tôi trên bước đường sau này, đến sự định hình và khẳng định bản thân. Chúng tôi đã học hỏi từ những câu chuyện kể cho nhau nghe trong lúc ngồi quây quần trong phòng ở ký túc xá hoặc trong các buổi ăn trưa kéo dài trong phòng ăn tập thể. Tôi ở tại ký túc xá Stone-Davis ròng rã bốn năm trời, chia sẻ cuộc sống với năm sinh viên đã trở thành những người bạn tri kỷ của mình. Johanna Branson, một vũ công có dáng người cao ráo đến từ Lawrence, Kansas, chọn ngành lịch sử mỹ thuật. Cô đã chia sẻ với tôi tình yêu hội họa và phim ảnh. Johanna giải thích trên chương trình Frontline là từ ngày đầu tiên tại Wellesley, chúng tôi đã được bảo mình là "... tinh hoa của những tinh hoa. Ngày nay điều này nghe thật sự khoe khoang và mang tính phân biệt. Nhưng vào lúc đó, thật là tuyệt vời khi nghe lời nói đó nếu bạn là một phụ nữ... bạn không phải ngồi ghế hạng hai trước bất kỳ ai”. Jinnet Fowles đến từ Connecticut và cũng là một sinh viên lịch sử mỹ thuật, đã đặt ra những câu hỏi khó trả lời về vấn đề thành công thông qua hành động của người sinh viên. Jan Krigbaum, một người có tâm hồn tự do đến từ Califomia, có nhiệt tâm không bao giờ cạn trước mọi thách thức, đã giúp thành lập chương trình trao đổi sinh viên châu Mỹ La tinh. Connie Hoenk, và mái tóc dài vàng óng từ vùng South Bend, bang Indiana là một cô gái rất thực tế, thường có những quan điểm rất đặc trưng cho dân gốc vùng Midwest. Suzy Salomon, một cô gái thông minh, cần mẫn ở vùng ngoại ô Chicago, luôn tươi cười và sẵn sàng

giúp đỡ mọi người.

Hai sinh viên lớn hơn, Shelley Parry và Laura Grosch là những cố vấn của nhóm. Đang học năm thứ ba khi tôi đến trường làm sinh viên năm đầu, Shelley có vẻ duyên dáng và tác phong rất đặc biệt. Có thường lặng lẽ nhìn chúng tôi với đôi mắt to, thông minh trong lúc tôi lên án những điều bất công trong thực tế hay cảm nhận được trên thế giới. Thế rồi cô khéo léo hỏi rõ nguồn gốc các lý lẽ hay cảm xúc dâng trào của tôi. Sau khi tốt nghiệp, cô giảng dạy ở Ghana và một số nơi khác ở châu Phi. Ở đây, cô đã gặp và kết hôn với một người Úc v đã định cư ở Úc. Bạn cùng phòng của Shelley là Laura Grosch bất khuất, một phụ nữ trẻ với nhiều hoài bão và tài năng nghệ thuật. Khi tôi thấy Fooly Scare, một trong những bức họa được cô sáng tác trong phòng mình ở ký túc xá, tôi thích đến nỗi đã mua luôn bức tranh cho dù phải trải qua vài năm tiêu xài hạn hẹp. Hiện nay bức tranh ấy được treo trong căn nhà của chúng tôi ở Chappaqua.

Trường đại học nữ của chúng tôi đảm bảo một sự tập trung vào kết quả học tập và kỹ năng lãnh đạo trong các buổi ngoại khóa mà chúng tôi có lẽ đã không có được tại một trường đại học có cả nam và nữ. Nữ sinh ở đây không những tham gia tất cả các hoạt động của sinh viên - từ chế độ tự quản, báo chí, câu lạc bộ sinh hoạt - mà còn cảm thấy thoải mái, tự do hơn khi dám mạo hiểm, phạm sai lầm và thậm chí bị thất bại trước mặt người khác. Lớp trưởng, chủ bút tờ báo và các sinh viên giỏi nhất trong mọi lĩnh vực đều là nữ giới. Và bất cứ ai trong số chúng tôi cũng đều có thể trở thành những người ấy. Không giống như một số nữ sinh ưu tú tại trường trung học của tôi ngày trước - cảm thấy bị áp lực phải từ bỏ các tham vọng của bản thân để có được một cuộc sống bình thường - các bạn học cùng lớp của tôi tại Wellesley muốn những khả năng, nỗ lực và các thành quả của họ phải được công nhận. Điều này có thể lý giải tại sao có một tỉ lệ cao bất thường các sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học nữ chọn các ngành nghề mà phụ nữ có khuynh hướng bị lu mờ.

Sự không có mặt các nam sinh viên đã giải tỏa được vấn đề tâm lý và tạo ra một vùng an toàn cho chúng tôi. Chúng tôi không phải e dè về dung nhan của mình - hiểu cả theo nghĩa đen và nghĩa bóng của từ này - từ thứ Hai đến tận thứ Sáu. Chúng tôi có thể chuyên tâm vào việc học mà không phải lo lắng về dung mạo khi đến lớp. Tuy nhiên, không có nam giới trong khu khuôn viên đại học, cuộc sống xã hội của chúng tôi chuyển hướng sang hình thức các chuyến đi chơi dã ngoại và các trò hẹn hò gọi là "các buổi giao lưu". Khi tôi đến học ở trường vào mùa thu năm 1965, trường vẫn đóng vai trò giám hộ nghiêm ngặt. Chúng tôi không được phép tiếp nam giới trong

phòng ngoài khoảng thời gian từ 2 giờ đến 5 giờ 30 chiều ngày Chủ nhật, với điều kiện để cửa phòng hé mở và tuân theo cái mà chúng tôi gọi là "Quy tắc hai chân" : hai (trong số bốn chân) phải luôn để trên sàn. Chúng tôi có giờ giới nghiêm là vào 1 giờ sáng cuối tuần và tuyến đường số 9 từ Boston đến Trường Wellesley giống như một đường đua trong giải Grand Prix vào các tối thứ Sáu và thứ Bảy vì bọn bạn trai phải chở chúng tôi tốc hành về ký túc xá để chúng tôi không vi phạm quy định giới nghiêm này. Chúng tôi có những bàn tiếp khách đặt ở phòng vào mỗi ký túc xá, nơi mà khách phải làm thủ tục khai báo và được nhận dạng thông qua một hệ thống chuông; có người thông báo cho chúng tôi biết khách muốn gặp chúng tôi là nam hay nữ. Nếu là nữ thì thông báo gọi là "khách" và nếu người đó là nam thì thông báo xướng lên là "bạn". Việc thông báo một "bạn" bất ngờ sẽ giúp các nữ sinh có thời gian sắp xếp hoặc gọi xuống cho sinh viên trực, nhờ nói hộ là mình đang bận.

Tôi cùng với các bạn học hành chăm chỉ và hò hẹn với những chàng trai cùng tuổi, hầu hết từ Trường Harvard và các trường hàng đầu khác. Đó là những chàng trai chúng tôi quen thông qua bạn bè hoặc tại các cuộc khiêu vũ "giao lưu”. Thường thì âm nhạc rất ầm ĩ tại các buổi khiêu vũ này, đến nỗi bạn không thể hiểu được người ấy đang nói gì trừ phi bạn bước ra ngoài. Thường thì bạn chỉ làm như vậy đối với ai mà mình thật sự để ý. Có một buổi tối, tôi đã khiêu vũ hàng giờ với một chàng trai tên Farce, mà sau này tôi mới biết tên đúng là Forrest. Tôi có hai người bạn trai có ý định nghiêm túc đến mức ra mắt bố mẹ tôi. Thái độ của bố tôi đối với bất cứ ai mà tôi hẹn hò đều giống như một sự thử thách hơn là một hoạt động giao tiếp xã hội. Cả hai chàng trai đều vượt được thử thách nà mối quan hệ của chúng tôi lại không tồn tại lâu.

Theo xu hướng của thời đó, chẳng bao lâu chúng tôi cảm thấy bị gò bó bởi các quy định lỗi thời của Trường Wellesley và yêu cầu được đối xử như những người lớn. Chúng tôi gây áp lực đối với Ban giám hiệu nhà trường, đòi hủy bỏ các quy định giám sát vô lý và cuối cùng cũng đạt được khi tôi ở cương vị Chủ tịch Hội Sinh viên. Sự thay đổi này trùng hợp với việc loại bỏ một chương trình học bắt buộc mà sinh viên cảm thấy nặng nề.

Nhìn lại những năm này, tôi không ân hận gì nhưng tôi không chắc là việc yêu cầu bãi bỏ các chương trình học và chế độ giám sát nghiêm khắc đó có phải là tiến bộ hoàn toàn không. Hai môn học mà tôi giỏi nhất lại là những môn học bắt buộc và bây giờ tôi mới đánh giá đúng hơn về giá trị của các môn cơ bản bắt buộc. Bước chân vào thăm ký túc xá dành cho cả nam và nữ của cô con gái tôi tại Trường Stanford, nhìn thấy những cô cậu sinh viên

nằm, ngồi dọc hành lang trường, tôi tự hỏi không biết làm thế nào người ta tổ chức được việc học nhỉ.

Vào giữa thập niên 1960, Đại học Wellesley bình lặng bắt đầu bị ảnh hưởng bởi các sự kiện của thế giới bên ngoài. Mặc dù tôi được bầu làm Chủ tịch Hội Thanh niên Cộng hòa của trường trong năm học đầu tiên nhưng tôi ngày càng nghi ngờ về Đảng Cộng hòa và các chính sách của nó, đặc biệt khi nó đề cập đến dân quyền và chiến tranh Việt Nam. Nhà thờ của tôi có tặng dài hạn cho những thanh niên tốt nghiệp trung học tạp chí Motive

được Hội Giám lý xuất bản. Hàng tháng, tôi đều đọc các bài báo trình bày quan điểm hoàn toàn tương phản với các nguồn tin thường có của mình. Tôi cũng bắt đầu đọc The New York Times, điều này làm bố tôi sửng sốt nhưng cô Fahlstrom thì khoái ch. Tôi đọc các bài diễn văn, xã luận của những tác giả thuộc giới diều hâu hoặc cánh ôn hòa cũng như của bất kỳ nhà bình luận nào. Các ý tưởng cũ và mới của tôi được kiểm nghiệm hàng ngày bởi các giáo sư dạy môn chính trị học, những người đã giúp tôi mở mang hiểu biết về thế giới và kiểm nghiệm các định kiến của mình với đầy đủ các dữ kiện đương thời. Chẳng bao lâu, tôi nhận thức rằng các tư tưởng chính trị của mình không còn đồng điệu với Đảng Cộng hòa. Đã đến lúc cần từ bỏ vai trò Chủ tịch Hội Thanh niên Cộng hòa.

Phó Chủ tịch Hội, cũng là bạn tôi - Besty Griffith - không những trở thành Chủ tịch mới mà còn gia nhập Đảng Cộng hòa cùng với chồng mình là nhà cố vấn chính trị John Deardourff. Cô đã nỗ lực giữ cho đảng của cô không quay sang cực hữu và là người ủng hộ trung thành phong trào đòi sửa đổi Hiến pháp về quyền bình đẳng nam nữ. Cô nhận được học vị Tiến sĩ Lịch sử và đã viết một cuốn tiểu sử về Elizabeth Cady Stanton được đón nhận nồng nhiệt. Sau này, cô quyết định dồn tâm huyết vào cương vị Hiệu trưởng Trường nữ sinh Madeira ở bắc Virginia. Tuy nhiên, tất cả những sự kiện đó là việc của mãi sau này, khi tôi đã chính thức rời tổ chức Thanh niên Cộng hòa ở Trường Wellesley và say mê tìm hiểu mọi thứ có thể tìm hiểu được về Việt Nam.

Khó mà giải thích cho thanh niên Mỹ ngày nay, đặc biệt là với một người lính tình nguyện về mức độ ám ảnh đối với thế hệ của tôi về chiến tranh Việt Nam. Bố mẹ tôi, sống qua Thế chiến thứ hai, đã kể cho chúng tôi những câu chuyện cảm động về tinh thần hy sinh của người Mỹ trong thời gian này và sự đồng tâm nhất trí của người dân Mỹ về việc cần thiết tham chiến của Hoa Kỳ sau vụ ném bom Trân Châu Cảng. Tuy nhiên trong cuộc chiến Việt Nam, đất nước lại bị chia rẽ, làm chúng tôi bối rối, mất phương hướng. Nếu chàng

trai trong chương trình huấn luyện sĩ quan dự bị ROTC rất trông mong được nhập ngũ khi họ tốt nghiệp và cũng không thiếu những thanh niên toan tính trốn quân dịch. Nữ sinh trường chúng tôi đã có những cuộc nói chuyện dài về nhưng điều mà chúng tôi có thể làm được nếu mình là nam giới. Chúng tôi biết rõ là mình không phải đối diện các lựa chọn tương tự. Đó là một nỗi dằn vặt đối với mọi người. Một bạn nam sinh viên ở Trường Đại học Princeton cuối cùng đã bỏ học giữa chừng và gia nhập Hải quân bởi vì anh ta nói với tôi là anh ta phát ốm với những tranh cãi và những điều không chắc chắn.

Cuộc tranh luận về Việt Nam đã thể hiện những thái độ khác nhau về cuộc chiến lẫn trách nhiệm công dân và tinh thần ái quốc. Có phải bạn tôn vinh tổ quốc bằng cách tham gia một cuộc chiến mà mình cho là phi nghĩa và đi ngược lại quyền lợi của Hoa Kỳ ? Liệu bạn có phải là người không yêu nước nếu bạn lợi dụng hoãn quân dịch hoặc trông chờ số phận may rủi để né tránh tham chiến ? Nhiều sinh viên mà tôi biết dù tranh luận và phản đối các giá trị đạo đức của cuộc chiến nhưng đều là người Mỹ yêu nước, cũng nồng nàn không kém các thanh niên dũng cảm khác đang phục vụ trong quân ngũ không mảy may hoài nghi hay những người nhập ngũ phục vụ trước rồi thắc mắc sau. Đối với nhiều nam nữ thanh niên có hiểu biết và suy nghĩ thì không hề có lời giải dễ dàng và đối với họ thì có nhiều cách để biểu lộ tinh thần ái quốc.

Một số nhà văn và chính tri gia đương thời cố gắng làm giảm nhẹ những đau đớn của những năm tháng này bằng cách miêu tả lối sống buông thả của những năm 60. Thật vậy, có một số người muốn viết lại lịch sử để xóa bỏ những di hại của chiến tranh và các biến động xã hội. Họ làm cho chúng ta tin rằng mâu thuẫn này không nghiêm trọng nhưng theo tôi nhớ thì hoàn toàn không phải v

Vấn đề Việt Nam đã biến đổi Hoa Kỳ một cách sâu sắc. Đất nước vẫn ôm một nỗi trăn trở về lỗi lầm và ý kiến lại đối với những người đã tham chiến hoặc không tham chiến tại Việt Nam. Là một phụ nữ, tôi biết mình không bị động viên nhập ngũ nhưng vẫn trải qua hàng giờ đồng hồ day dứt, trăn trở với những tình cảm mâu thuẫn của mình.

Nếu xét lại thì năm 1968 là một năm bước ngoặt đối với đất nước và cả đối với bản thản tôi cùng với xu hướng chính trị của mình. Các sự kiện trong nước và quốc tế diễn biến rất nhanh và liên tục : cuộc tấn công Tết Mậu Thân, sự rút lui của Lyndon Johnson khỏi cuộc đua bầu cử Tổng thống, vụ ám sát Mục sư Martin Luther King Jr., vụ ám sát Robert Kennedy và sự leo

thang liên tục của cuộc chiến tranh Việt Nam.

Đến lúc học đại học năm thứ ba, tôi đã biến từ một cô gái ủng hộ Goldwater sang ủng hộ phong trào phản chiến của Eugene McCarthy, một Thượng nghị sĩ Dân chủ của tiểu bang Minnesota - người đã tranh cử với Tổng thống Johnson trong cuộc bầu chọn ứng cử viên trong Đảng Dân chủ. Mặc dù tôi ngưỡng mộ Tổng thống Johnson với những thành tựu trong nước nhưng tôi nghĩ rằng việc ông kiên trì ủng hộ cho cuộc chiến tranh mà ông kế thừa là một sai lầm mang tính bi kịch. Cùng với một số bạn bè , tôi đã lái xe rời Wellesley đến Manchester, New Hampshire vào ngày thứ Sáu hay thứ Bảy để phát tờ bướm tại các khu đông người qua lại. Tôi có cơ hội gặp gỡ Thượng nghi si McCarthy khi ông dừng lại trước trụ sở của mình cám ơn những sinh viên tình nguyện đã tập hợp ủng hộ ông chống chiến tranh. Ông hầu như đã đánh bại Johnson trong cuộc bầu chọn ứng viên tại vùng New Hampshire và vào ngày l6 tháng 3 năm 68, Thượng nghị sĩ Robert F. Kennedy của New York bước vào cuộc đua tranh.

Vụ ám sát Tiến sĩ King vào ngày 4/4/1968, gần cuối năm thứ ba đại học của tôi đã làm tôi rất đau khổ và phẫn nộ. Bạo loạn đã bùng phát ở một số thành phố. Ngày hôm sau, tôi tham gia một đoàn biểu tình lớn và làm lễ tưởng niệm tại quảng trường Post Office ở Boston. Tôi quay về làng đại học, đeo băng tang trên cánh tay và trăn trở đau khổ cho tương lai mà Hoa Kỳ phải đối mặt.

Trước khi tôi đến Trường Wellesley, những người Mỹ da đen ít ỏi mà tôi biết là những người được bố mẹ tôi tuyển dụng trong việc kinh doanh và phụ giúp trong gia đình. Tôi đã từng nghe Tiến sĩ King nói chuyện và tham gia trao đổi với các thanh niên da đen và thanh niên gốc Mỹ La tinh tại nhà thờ. Nhưng tôi không có một người bạn da đen nào, thậm chí là hàng xóm hoặc bạn cùng lớp cho đến khi tôi vào đại học. Karen Wilhamson, một sinh viên năng động với tư duy độc lập đã trở thành một trong những người bạn da đen đầu tiên của tôi ở trường. Mặc dù tôi quý mến Karen và muốn hiểu hơn về người bạn này nhưng tôi vẫn ngại ngùng về động cơ của mình và hiểu rất rõ rằng tôi đang rời bỏ quá khứ của bản thân. Khi bắt đầu hiểu rõ hơn về những người bạn da đen cùng lớp, tôi biết rằng họ cũng ngại ngùng. Giống như tôi đến Trường Wellesley từ một môi trường toàn người da trắng, họ cũng đến đây từ một cộng đồng toàn người da đen. Janet McDonald, một cô gái duyên dáng và bản lĩnh đến từ vùng New Orleans, đã kể một câu chuyện giữa cô với bố mẹ ngay sau ngày cô đến trường. Khi cô nói với bố mẹ là, "Con ghét nơi này, toàn người da trắng", bố cô đồng ý để cô rời trường nhưng bà mẹ thì lại nhất quyết rằng, "Con làm được mà! Mẹ tin con sẽ trụ lại được". Điều này

cũng tương tự như câu chuyện của tôi với bố mẹ mình. Các ông bố của chúng tôi sẵn sàng, thậm chí khuyến khích tôi quay về nhà trong khi các bà mẹ lại khuyên nhủ chúng tôi ở lại. Và chúng tôi đã làm theo lời của mẹ.

Karen, Fran Rusan, Alvia Wardlaw và các sinh viên da đen khác tham gia vào tổ chức Ethos, một tổ chức đầu tiên của người Mỹ gốc Phi ở đại học, hoạt động như một mạng lưới xã hội dành cho các sinh viên da đen tại Trường Wellesley, đóng vai trò như một nhóm vận động hành lang trong các vấn đề cần giải quyết với ban điều hành trường. Sau vụ ám sát Mục sư King, tổ chức Ethos đã vận động trường quan tâm hơn tới các vấn đề sắc tộc, tuyển nhận thêm các giảng viên và sinh viên da đen. Họ đe dọa tổ chức một cuộc tuyệt thực nếu trường không đáp ứng các yêu cầu đó. Đây là cuộc phản đối công khai duy nhất của sinh viên Trường Wellesley vào cuối những năm 1960. Trường Wellesley đã đáp ứng bằng cách triệu tập một cuộc họp toàn trường tại Houghton Memorial Chapel để các thành viên của Ethos có thể giải trình các yêu cầu của mình. Cuộc họp bắt đầu có chiều hướng trở thành một đám đông huyên náo, hỗn loạn. Kris Olson, Nancy Gist và Susan Graber - những người sau này sẽ cùng tôi tiếp tục học lên Đại học Luật Yale - lo lắng là đám sinh viên có thể tổ chức đình công, bãi khóa. Tôi vừa được bầu làm Chủ tịch Hội Sinh viên trường nên Kris và các thành viên Ethos yêu cầu tôi cố gắng làm cho cuộc tranh luận đi theo chiều hướng xây dựng tích cực và cố truyền đạt những bức xúc chính đáng của đa số sinh viên đối với các cơ chế điều hành của trường. Trường Wellesley không làm họ thất vọng, trường đã nỗ lực tuyển thêm các giảng viên và sinh viên da màu. Việc làm này bước đầu đem lại những kết quả khích lệ vào thập niên 1970.

Vụ ám sát Thượng nghị sĩ Robert F. Kennedy vào hai tháng sau, ngày 5/6/1968, đã làm trầm trọng hơn sự thất vọng của tôi về các sự kiện trong đời sống xã hội Mỹ. Khi hay tin về vụ ám sát từ Los Angcles, tôi đang nghỉ học ở nhà. Mẹ tôi đánh thức tôi và bà nói "một chuyện gì đó rất tồi tệ lại tái diễn". Tôi gần như ôm máy điện thoại cả ngày nói chuyện với người bạn Kevin O’Keefe, một người Chicago gốc Ai Len-Ba Lan, rất mến mộ gia đình Kennedy và quan tâm đến các biến cố chính trị. Chúng tôi hay nói chuyện chính trị và hôm ấy anh rất phẫn nộ về việc mất đi John Kennedy và Robert Kennedy, trong khi đất nước rất cần sự lãnh đạo, mạnh mẽ và sáng suốt của họ. Chúng tôi đã nói chuyện rất nhiều, lúc đó và cả sau này, không biết hoạt động chính trị có đáng với nỗi đau và sự đấu tranh như thế không. Lúc đó, cũng như bây giờ, chúng tôi cho rằng là đáng, cho dù, nói theo cách của Kevin, là chỉ để "ngăn chặn bọn xấu đè đầu, cưỡi cổ mình".

Tôi đã nộp đơn xin theo Chương trình Sinh viên Thực tập Wellesley tại thủ

đô Washington. Mặc dù thất vọng và mất niềm tin vì vụ ám sát này nhưng tôi vẫn nung nấu ý định đi Washington. Chương trình thực tập hè chín tuần giúp sinh viên tham gia vào các cơ quan và văn phòng Quốc hội để có cái nhìn khái quát về "phương cách hoạt động của chính phủ”. Tôi rất ngạc nhiên khi giáo sư Alan Schechter, giám đốc chương trình, một giảng viên chính trị học tài ba và cũng là giáo viên hướng dẫn luận văn tốt nghiệp của tôi đã phân tôi vào làm việc thực tập tại Văn phòng Nghị sĩ Đảng Cộng hòa. Ông biết tôi vào đại học với tư tưởng của người ủng hộ Đảng Cộng hòa theo lập trường chính trị của bố mình, và cũng biết sau đó tôi đã từ bỏ chính kiến này. Ông nghĩ rằng chương trình thực tập này sẽ giúp tôi tiếp tục hoạch định con đường của riêng mình, bất kể là tôi đã quyết định điều gì đi nữa. Tôi phản đối, song vô ích, và cuối cùng phải đến trình diện với một nhóm do Gerald Ford - lúc đó là thủ lĩnh Phe thiểu số - lãnh đạo. Nhóm có cả Nghị sĩ Melvin Laird của bang Wisconsin và Nghị sĩ Charles Goodell của New York, người đã làm bạn và tư vấn tận tình cho tôi.

Các sinh viên thực tập có những tấánh chụp theo quy định cùng với các nghị sĩ Quốc hội. Nhiều năm sau này, khi tôi đã trở thành Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ, tôi đã kể cho cựu Tổng thống Ford nghe việc tôi đã từng là một trong số hàng ngàn sinh viên thực tập đã làm việc cho ông tại Trụ sở Quốc hội Mỹ. Bức ảnh chụp tôi cùng với ông Ford và các nhà lãnh đạo của Đảng Cộng hòa đã làm cho bố tôi rất hạnh phúc, ông đã treo nó trong phòng ngủ cho đến khi ông qua đời. Tôi cũng ký tên vào một bản sao của bức ảnh đó và tặng nó cho Tổng thống Ford với những lời cảm kích và xin lỗi vì đã xa rời đường lối của ông.

Tôi thường nghĩ về kinh nghiệm đầu tiên của mình ở Washington mỗi khi có dịp gặp gỡ các sinh viên thực tập tại văn phòng Thượng nghị sĩ của mình. Tôi đặc biệt nhớ buổi ông Mel Laird tổ chức cho một nhóm đông sinh viên chúng tôi thảo luận về chiến tranh Việt Nam. Mặc dù ông đã bày tỏ các quan ngại của mình về cách thức chính quyền Johnson viện trợ chiến tranh và nếu việc leo thang chiến tranh có vượt qua sự phê chuẩn của Quốc hội Mỹ thông qua nghị quyết Vịnh Bắc bộ nhưng ông vẫn công khai ủng hộ cuộc chiến với tư cách là một nghị sĩ. Trong cuộc họp mặt với các sinh viên thực tập, ông đã lý giải việc tham gia của Hoa Kỳ và bênh vực mạnh mẽ cho mục tiêu xây dựng lực lượng quân sự hùng mạnh hơn của Mỹ. Khi ông ngừng phát biểu để nghe đặt câu hỏi, tôi đã lặp lại ý kiến của Tổng thống Eisenhower quan ngại về sự tham gia của Hoa Kỳ trong những cuộc chiến lục quân ở châu Á và chất vấn tại sao ông nghĩ chiến lược này có khả năng thành công. Dù chúng tôi bất đồng quan điểm nhưng tôi vẫn đánh giá cao và kính trọng ông ở chỗ ông sẵn sàng giải thích và bảo vệ quan điểm của mình trước thế hệ trẻ.

Ông đã thu hút được sự quan tâm và kính trọng của chúng tôi. Sau đó ông đảm nhiệm vai trò Bộ trưởng Quốc phòng cho Tổng thống

Dân biểu Charles Goodell đại diện cho vùng tây New York là người sau này được Thống đốc Nelson Rockefeller chỉ định làm Thượng nghị sĩ thay thế Robert Kennedy cho đến khi tổ chức bầu cử Goodell là một chính khách Cộng hòa cấp tiến bị một nghị sĩ bảo thủ hơn nhiều là James Buckley đánh bại trong cuộc bầu cử vào năm 1970. Năm 1976, Buckley thất bại trong cuộc tranh cử với Daniel Patrick Moynihan, người tiền nhiệm của tôi đã giữ ghế suốt 24 năm. Khi tôi ra tranh cử ghế Thượng nghị sĩ vào năm 2000, tôi rất vui khi được kể cho mọi người ở Jamestown, quê hương của Goodell là tôi đã từng làm việc cho ngài Nghị sĩ. Gần cuối khóa thực tập, Goodell đề nghị tôi và một ít thực tập sinh khác đi cùng với ông đến Đại hội Đảng Cộng hòa ở Miami để hỗ trợ cho Thống đốc Rockefeller trong một nỗ lực cuối cùng cố vận động đảng mình đừng lựa chọn Richard Nixon. Tôi nắm lấy cơ hội và lên đường đi Florida.

Đại hội Đảng Cộng hòa là dịp để tôi lần đầu tiên được quan sát các hoạt động chính trị tầm cỡ và tôi nhận thấy một tuần lễ ở đây toàn là những ảo tưởng và âu lo. Khách sạn Fontainebleau bên bãi biển Miami là khách sạn đầu tiên tôi thật sự được ở - bởi gia đình tôi thường ngủ trong xe hơi trên đường đến hồ Winola hoặc ở trong các khách sạn lữ hành nhỏ dọc xa lộ. Quy mô, sự sang trọng và dịch vụ của khách sạn là một ngạc nhiên đối với tôi. Chính ở đó lần đầu tiên tôi gọi phục vụ phòng. Một buổi sáng, tôi gọi món ngũ cốc kèm với đào và đến nay, tôi như vẫn còn thấy rõ quả đào tươi mọng được bọc trong một chiếc khăn đặt trên một cái đĩa ấy. Tôi được dành cho một cái giường có bánh xe và ở cùng với bốn phụ nữ khác trong phòng nhưng tôi nghĩ là không người nào trong số chúng tôi có thể ngủ ngon. Chúng tôi trực căn phòng làm tổng hành dinh tranh cử của Rockefeller, tiếp điệnại và đưa nhận tin từ các phái viên hoặc đại diện chính trị của Rockefeller. Vào một đêm khuya, một nhân viên tham mưu chiến dịch của Rockefeller hỏi mọi người trong phòng là chúng tôi có muốn gặp Frank Sinatra hay không. Mọi người reo hò sôi nổi, háo hức trước viễn cảnh này. Tôi cùng với một nhóm người đến căn phòng trên lầu thượng để bắt tay với Sinatra, người làm ra vẻ quan tâm lịch sự đến chúng tôi. Tôi đi thang máy xuống cùng với John Wayne lúc đó đang bực bội và phàn nàn đủ thứ về các món ăn dở tệ ở trên lầu.

Mặc dù rất hồ hởi với tất cả các trải nghiệm mới mẻ này, từ dịch vụ phòng cho đến các nhân vật nổi tiếng, nhưng tôi biết rằng Rockefeller sẽ không được đề cử. Việc chọn Richard Nixon sẽ củng cố uy quyền của phe bảo thủ

đối với phái theo tư tưởng ôn hòa trong nội bộ Đảng Cộng hòa. Ưu thế này trở lên nổi trội suốt nhiều năm khi Đảng Cộng hòa tiếp tục khuynh hướng thiên hữu và phe ôn hòa suy yếu về số lượng và ảnh hưởng. Đôi khi tôi nghĩ rằng Đảng Cộng hòa đã rời bỏ tôi chứ không phải là tôi rời bỏ nó.

Tôi về nhà ở Park Ridge sau khi kết thúc Đại hội Đảng Cộng hòa mà không có kế hoạch nào cho những tuần lễ hè còn lại ngoài việc thăm gia đình, bạn bè và chuẩn bị cho năm học cuối. Vì gia đình tôi hàng năm có một chuyến đi nghỉ ở hồ Winola nên tôi tháp tùng theo mọi người. Tôi chắc chắn sẽ dành hàng tiếng đồng hồ đề tranh luận với bố tôi về Nixon và chiến tranh Việt Nam. Bố tôi rất thích Nixon và tin là Nixon sẽ trở thành một Tổng thống lỗi lạc. Về cuộc chiến Việt Nam, ông có thái độ nước đôi. Những nghi ngờ của ông về sự khôn ngoan của Hoa Kỳ trong việc dính líu vào cuộc chiến này thường bị chặn đứng bởi sự tức giận đối với lũ thanh niên tóc dài híp-pi phản chiến.

Ng1;i bạn thân Besty Johnson của tôi vừa về nước sau một năm học tập ở Tây Ban Nha. Mặc dù nhiều thứ đã thay đổi kể từ thời trung học - những đồng phục mà chúng tôi mặc ngày trước như áo dài tay, váy dài trang nhã đã được thay thế bằng chiếc quần jeans xanh bạc phếch và mái tóc xõa dài - nhưng có một thứ vẫn không đổi thay. Đó là việc tôi vẫn trông đợi một tình bạn với Besty và sự chia sẻ về những mối quan tâm chính trị. Cả hai chúng tôi đều không dự định đến Chicago khi Đại hội Đảng Dân chủ được tổ chức tại đây. Nhưng khi các cuộc phản đối nổ ra tại trung tâm thành phố, chúng tôi biết rằng đây là cơ hội để chứng kiến lịch sử. Besty gọi điện cho tôi nói "Chúng ta phải đích thân đến xem sự kiện này" và tôi đã đồng ý.

Giống như thời chúng tôi đi xuống trung tâm thành phố kiểm tra danh sách bầu cử lúc học cấp hai, chúng tôi biết rằng bố mẹ mình sẽ không bao giờ cho phép nếu họ biết được điều chúng tôi định làm. Mẹ tôi đã đi Pennsylvania và mẹ của Besty, bà Roslyn, đeo đôi găng tay trắng và mặc áo đầm chuẩn bị đi xuống trung tâm thành phố ghé qua khu Marshall Field để mua sắm và ăn trưa ở nhà hàng Stouffer. Do đó, Besty nói với mẹ mình "Mẹ cho Hillary và con đi lên phố xem xi-nê nhá".

Mẹ Besty đến đón tôi bằng một chiếc ô tô loại dành cho gia đình và thế là chúng tôi lên đường đi Grant Park, trung tâm sự kiện của các cuộc biểu tình, tuần hành. Đấy là buổi tối cuối cùng của Đại hội Đảng Dân chủ, Grant Park rơi vào tình trạng hỗn loạn. Bạn có thể ngửi thấy mùi hơi cay trước khi thấy cảnh sát dàn hàng ngang chắn đường. Trong đám đông phía sau có ai đó văng tục và ném một hòn đá sượt qua chúng tôi. Tôi và Besty đã phải bò lê

bò càng để thoát ra khi cảnh sát đàn áp đám biểu tình bằng dùi cui và gậy gộc.

Người đầu tiên chúng tôi tình cờ gặp là một người bạn từ học. Là một sinh viên ngành điều dưỡng, cô ấy đang tình nguyện tham gia đội cấp cứu để chăm sóc những người biểu tình bị thương. Cô bảo chúng tôi là điều mà cô đang chứng kiến và hành động đã làm cô trở thành một người cấp tiến, và tình hình nghiêm trọng này có thể dẫn đến một cuộc cách mạng.

Besty và tôi thật sự bị sốc khi chứng kiến sự tàn bạo của cảnh sát tại Grant Park. Nhưng hình ảnh này cũng được chiếu trên đài truyền hình quốc gia. Sau này, Besty đã nói với tờ The Washington Post là "Chúng tôi đã có một tuổi thơ tuyệt vời tại Park Ridge nhưng rõ ràng chúng tôi không được hưởng trọn vẹn."

Kevin O'keefe và tôi đã dành hàng tiếng đồng hồ vào mùa hè năm ấy để tranh luận về ý nghĩa của cách mạng và tranh cãi xem Hoa Kỳ có phải đối mặt với một cuộc cách mạng hay không. Mặc dù năm ngoái xảy ra một số sự kiện, cả hai chúng tôi đều kết luận là sẽ không xảy ra cuộc cách mạng và thậm chí nếu có cách mạng thì chúng tôi cũng không bao giờ tham gia. Tuy có tan vỡ những ảo tưởng về chính trị nhưng tôi biết rằng đây là con đường duy nhất cho chế độ dân chủ với những thay đổi ôn hòa và lâu dài. Lúc đó, tôi cứ nghĩ là mình sẽ không tham gia vào cơ quan chính quyền nữa nhưng tôi vẫn muốn đóng vai trò vừa là công dân vừa là nhà hoạt động chính trị. Tôi nghĩ rằng hành động phản kháng bất tuân và bất bạo động của Mục sư King và Mahatma Gandhi đã đem lại nhiều thay đổi thật sự hơn hành động ném đá của một triệu người biểu tình.

Năm cuối tại Đại học Wellesley đã cho tôi cơ hội kiểm chứng lại niềm tin của mình. Để chuẩn bị luận văn, tôi nghiên cứu và phân tích công việc của một nhà tổ chức nghiệp đoàn ở Chicago tên là Saul Alinsky, người mà tôi đã có dịp gặp gỡ vào mùa hè trước. Alinsky là một nhân vật mu mè, hay gây tranh cãi, từng xúc phạm hầu hết mọi người trong quá trình làm việc. Phương châm của ông cho vấn đề thay đổi xã hội là cần tổ chức dân chúng lại, hướng dẫn họ đối đầu với chính phủ và các doanh nghiệp nhằm giành lấy sức mạnh và quyền hạn để cải thiện cuộc sống. Tôi đồng ý với một số ý tưởng của Alinsky, đặc biệt là việc trao quyền cho nhân dân làm chủ. Nhưng chúng tôi có một bất đồng cơ bản. Ông tin rằng chỉ có thể thay đổi hệ thống từ bên ngoài. Tôi lại không nghĩ như vậy. Ông muốn tôi về làm việc cho ông sau khi tốt nghiệp đại học và ông đã thất vọng khi tôi quyết định học tiếp trường luật. Alinsky nói rằng tôi sẽ phung phí thời gian của mình. Nhưng

quyết định của tôi thể hiện niềm tin của bản thân là hệ thống có thể được thay đổi từ bên trong. Tôi đã dự kỳ thi tuyển sinh của trường luật và nộp đơn vào một số trường.

Sau khi được Trường Harvard và Yale chấp nhận, tôi vẫn chưa quyết định nơi mình nhập học mãi cho đến khi tôi được mời tham dự một bữa tiệc cocktail tại Trường Luật Harvard. Một bạn nam sinh viên luật giới thiệu tôi với một giáo sư luật nổi tiếng của Harvard và nói: "Đây là Hillary Rodham. Cô đang cố gắng quyết định năm tới sẽ học tại trường chúng ta hoặc đặt bút ký đơn xin nhập học tại trường đối thủ của chúng ta”. Vị học giả nhìn tôi với một ánh mắt lãnh đạm và khinh khỉnh nói "Trước hết, chúng ta không có trường nào là đối thủ cạnh tranh cả. Thứ hai, chúng ta không cần thêm bất kỳ một phụ nữ nào tại Trường Harvard". Lúc đó tôi đã có hướng thiên về đại học Yale nhưng dù sao sự việc này đã làm tôi không còn gì phải do dự nữa.

Bây giờ chỉ còn chuyện tốt nghiệp Trường Wellesley và tôi nghĩ chuyện này không có gì là đặc biệt cho đến khi người bạn cùng lớp của tôi là Eleanor "Eldie" Acheson quyết định là lớp của chúng tôi cần có một phát ngôn viên tại tốt nghiệp. Tôi đã gặp Eldie, cháu của Bộ trưởng Ngoại giao Dean Acheson thời Tổng thống Truman, trong một lớp chính trị học năm thứ nhất, nơi chúng tôi phải mô tả xuất thân chính tri của mình. Sau này Eldie nói với tạp chí Boston Globe rằng cô bị sốc khi biết không chỉ có Hillary mà còn có các nhân vật thông minh khác lại theo Đảng Cộng hòa. Phát hiện này làm cô rất buồn rầu nhưng chính nó đã lý giải tại sao Đảng Cộng hòa đã liên tục giành chiến thắng trong các cuộc bầu cử Tổng thống.

Wellesley chưa bao giờ có một phát ngôn viên của giới sinh viên và Hiệu trưởng Ruth Adams đã chống lại việc mở ra một tiền lệ như vậy. Bà không có nhiều cảm tình với phong trào sinh viên những năm 1960. Tôi đã có những cuộc gặp mặt hàng tuần với bà trong tư cách là Chủ tịch Hội Sinh viên và câu hỏi thường xuyên bà dành cho tôi giống như một câu nói của Freud: "Các bạn muốn gì, các cô gái?” Nói cho công bằng với bà thì đa số chúng tôi cũng không biết mình muốn gì. Chúng tôi bị mắc kẹt giữa một quá khứ lỗi thời và một tương lai bấp bênh. Chúng tôi thường tỏ ra không tôn trọng, mỉa mai và tự cho là mình đúng trong các nhận xét đánh giá về người lớn và giới lãnh đạo. Vì vậy, khi Eldie tuyên bố với bà Hiệu trưởng Adams là cô đại diện cho một nhóm sinh viên muốn có một phát ngôn viên của sinh viên thì phản ứng tiêu cực ban đầu của bà không có gì đáng ngạc nhiên. Thế là Eldie gia tăng áp lực bằng cách tuyên bố rằng nếu yêu cầu bị từ chối thì đích thân cô sẽ nỗ lực tổ chức việc chống lại buổi lễ ra trường. Eldie còn nói thêm là cô tin ông của mình sẽ tham gia việc này. Khi Eldie báo rằng cả hai

phe đã sẵn sàng lâm chiến, tôi đi gặp bà Hiệu trưởng Adams tại một căn nhà nhỏ của bà bên bờ hồ Waban.

Khi tôi hỏi bà: "Sự thật thì sự phản đối của nhà trường là gì?", bà trả lời: "Việc này chưa có tiền lệ". Tôi nói: "Vậy thì chúng ta thử làm xem". Bà hỏi lại: "Tôi muốn biết họ đề nghị ai đại diện phát biểu?" Thế là tôi trả lời "Vâng, họ đề nghị tôi phát biểu". Bà nói: "Để tôi suy nghĩ thêm". Cuối cùng thì bà Hiệu trưởng Adams đã chấp thuận yêu cầu.

Sự hồ hởi của bạn bè về phần phát biểu của tôi làm tôi lo lắng vì tôi chưa có ý tưởng gì để thể hiện đúng bốn năm học sôi động của chúng tôi tại Trường Wellesley và là lời tiễn đưa bằng hữu vào một tương lai bất định.

Trong suốt năm thứ ba và năm thứ tư đại học, Johanna Branson và tôi sống trên lầu ba của ký túc xá Davis, trong một căn phòng rộng rãi nhìn ra bờ hồ Waban. Tôi đã có nhiều thời gian ngồi trên giường nhìn ra ngoài cửa sổ, ngắm mặt hồ tĩnh lặng và lo lắng về đủ mọi chuyện, từ các mối quan hệ trong cuộc sống, đức tin đến những phong trào chống đối, phản chiến. Giờ đây, khi nghĩ về tất cả những điều bản thân mình và bạn bè đã trải qua trong suốt bốn năm, tôi lại tự hỏi làm thế nào tôi có thể đánh giá đúng về quãng thời gian chúng tôi đã cùng chia ngọt sẻ bùi với nhau. May mắn là các bạn cùng lớp của tôi đã kéo đến phòng, để lại các bài thơ và lời nói, hài hước bình phẩm về cuộc hành trình mà chúng tôi cùng chia sẻ trong thời gian qua, góp ý các cử chỉ, tư thế có thể gây ấn tượng và xúc động. Nancy "Anne" Scheibner, một sinh viên nghiêm túc ngành tôn giáo đã viết một bài thơ dài thể hiện tư tưởng của chúng tôi. Tôi dành hàng tiếng đồng hồ để nói với mọi người về những điều mà họ muốn tôi phát ngôn và cũng mất nhiều tiếng đồng hồ để làm rõ hơn đủ thứ lời khuyên linh tinh và mâu thuẫn mà mình tiếp nhận.

Tôi đi ăn tối cùng với một nhóm bạn và gia đình họ vào đêm trước ngày lễ tốt nghiệp và tình cờ gặp Eldie Acheson và gia đình cô. Cô giới thiệu tôi với người ông của mình: "Ông à, đây là người sẽ phát biểu vào ngày mai". Ông Acheson nóÔng rất trông đợi được nghe những lời phát biểu của cháu". Tôi cảm thấy rất bối rối. Tôi còn chưa chắc về những điều mình sẽ nói và tôi vội vã quay về ký túc xá để thức trắng một đêm - đêm cuối cùng của tôi ở trường đại học.

Bố mẹ tôi rất vui mừng về việc chứng kiến có con gái tốt nghiệp nhưng mẹ tôi lại đang không được khỏe lắm. Bác sĩ đã kê thuốc hạ huyết áp và khuyên bà không được đi xa. Do đó, rất tiếc là mẹ tôi đã không thể đến và bố tôi lúc

ấy cũng không muốn đi một mình.

Nhưng khi tôi báo cho bố mẹ là mình sẽ phát biểu trong buổi lễ thì bố tôi quyết định phải đi dự lễ. Và với phong cách rất đặc trưng của dòng họ Rodham, ông đáp máy bay đến Boston vào khuya đêm hôm trước lễ tốt nghiệp, ở trọ gần phi trường, đi xe đến trường đại học dự lễ tốt nghiệp, ghé Wellesley Inn ăn trưa với một số người bạn của tôi cùng người thân của họ và sau đó về thẳng nhà. Điều mà tôi cảm kích là ông đã ở bên tôi tại lễ tốt nghiệp, giúp tôi nguôi ngoai nỗi buồn về việc vắng mặt của mẹ. Xét về nhiều mặt thì giây phút này không những rất có ý nghĩa cho tôi mà còn rất quan trọng đối với bà.

Buổi sáng lễ tốt nghiệp ngày 31 tháng 5 năm 1969 là một ngày đẹp trời. Chúng tôi tập trung tại Academic Quadrangle để bắt đầu buổi lễ trên bãi cỏ giữa thư viện và giáo đường của trường. Bà Hiệu trưởng Adams hỏi là tôi sẽ nói gì và tôi nói với bà là tôi vẫn đang nghiền ngẫm ý tưởng. Bà giới thiệu tôi với Thượng nghị sĩ Edward Brooke, người phát biểu chính thức tại buổi lễ và cũng là Thượng nghị sĩ duy nhất đại diện cho người Mỹ gốc Phi mà tôi đã tham gia ủng hộ trong cuộc vận động năm 1966, khi tôi còn là một hội viên trẻ của Đảng Cộng hòa. Sau khi thức suốt đêm cố gắng ráp nối các ý tưởng phát biểu trong một bài viết chungmuốn bạc cả đầu và trông rất lôi thôi, thậm chí còn tệ hơn nữa khi phải lỉnh kỉnh đội mũ tốt nghiệp. Những bức ảnh của tôi ngày hôm đó xấu khủng khiếp.

Diễn văn của Thượng nghị sĩ Brooke thừa nhận là "đất nước chúng ta đang có những vấn đề xã hội nóng bỏng và chia rẽ sâu sắc trong chặng đường phát triển” và "đất nước cần huy động mọi năng lực ưu tú của toàn thể công dân, đặc biệt là thế hệ trẻ tài năng, để chữa lành các vết thương đó”. Ông cũng lên tiếng chỉ trích cái ông gọi là "sự phản đối do bị lôi kéo". Vào thời điểm đó thì bài diễn văn nghe có vẻ như bảo vệ các chính sách của Tổng thống Nixon vì những gì nó không đề cập chứ không phải vì nội dung. Tôi lắng nghe một cách vô vọng chờ ông thừa nhận những trăn trở day dứt và những câu hỏi cay đắng của rất nhiều thanh niên Mỹ về định hướng của đất nước. Tôi đợi nghe diễn văn đề cập đến Việt Nam hoặc về dân quyền, về Mục sư King hoặc Thượng nghị sĩ Kennedy, hai người anh hùng mới ngã xuống. Vị Thượng nghị sĩ dường như không đi được vào tâm lý của khán giả: bốn trăm nữ trí thức trẻ với nhiều trăn trở; thắc mắc. Lời nói của ông nhắm vào một Trường Wellesley hoàn toàn khác, một trường học tồn tại trước giai đoạn đầy nhưng biến chuyển của thập niên 1960.

Tôi nghĩ Eldie thật biết nhìn xa trông rộng khi biết rằng những bài diễn văn

như thế sẽ là một nỗi thất vọng lớn sau bốn năm trời mà sinh viên chúng tôi và cả nước Mỹ đã trải qua. Do đó tôi lấy hơi thật sâu và bắt đầu bảo vệ "nhiệm vụ không thể nào thiếu được là phê bình và phản đối mang tính xây dựng". Diễn giải bài thơ của Anne Scheibner mà tôi trích dẫn vào phút cuối, rồi nêu lên rằng "thách thức hiện nay là thực hiện các hoạt động chính trị như là một nghệ thuật biến cái dường như không thể thành có thể"

Tôi đã nói về khoảng cách giữa các kỳ vọng mà lớp tôi nung nấu khi đến trường học tập với thực tế mà chúng tôi đã trải qua. Hầu hết chúng tôi đều đến từ những môi trường được bảo bọc, và những sự kiện có tính cá nhân lẫn xã hội đã đặt ra cho chúng tôi những câu hỏi về thực tế cuộc sống của mình thời kỳ trước khi là sinh viên. Bốn năm học ở trường là một sự trải nghiệm khác hẳn các kinh nghiệm của thế hệ cha mẹ chúng tôi, không phải là các thách thức bên ngoài như cuộc đại khủng hoảng kinh tế hoặc Thế chiến thứ hai như thế hệ của họ. Vì thế, chúng tôi bắt đầu đưa ra các câu hỏi, trước tiên về các chính sách của Trường Wellesley, sau đó là các thắc mắc về ý nghĩa của nền giáo dục đại học tổng hợp, về quyền công dân, vai trò phụ nữ, chiến tranh Việt Nam. Tôi biện hộ cho phong trào phản đối bởi vì nó đóng vai trò như "một nỗ lực để trui rèn một bản sắc trong giai đoạn rất đặc biệt này" và đây cũng là một phương cách "hòa đồng với tính nhân bản của chúng ta". Nó là một bộ phận của “truyền thống độc đáo của người dân Mỹ" và “nếu thử nghiệm quyền sống con người không diễn ra được trên đất nước tự do này thì nó sẽ không thể nào xảy ra ở bất kỳ nơi nào khác".

Tôi nhắc lại việc tôi đã hỏi lớp mình về điều mà họ muốn tôi phát ngôn cho họ và câu trả lời của mọi người: "Hãy nóivề niềm tin, hãy nói về việc thiếu niềm tin giữa chúng ta và cách mà chúng ta cảm nhận về nhau. Hãy nói về khủng hoảng niềm tin". Tôi nhận thấy thật là khó khăn để lột tả được cái cảm giác đó, một cảm giác đang ray rứt cả một thế hệ.

Và cuối cùng tôi nói về cuộc đấu tranh để xây dựng một "sự tôn trọng lẫn nhau giữa con người với con người". Tuy nhiên, từ trong những câu chữ phát biểu của tôi đã bộc lộ một nỗiãi mà nhiều người chúng tôi cảm nhận về tương lai của mình. Tôi liên hệ đến một cuộc trò chuyện vào ngày hôm trước với mẹ của một người bạn học cùng lớp "người đã phát biểu thẳng bà không muốn đổi chỗ cho tôi với bất kỳ giá nào. Bà ấy không muốn sống trong thời đại ngày nay và phải nhìn tới tương lai để xem mình sẽ chứng kiến điều gì bởi vì bà sợ". Tôi nói "Sợ hãi luôn ở bên chúng tôi nhưng chúng tôi không có thời gian để bận tâm về nó. Không phải là lúc này."

Như tôi thừa nhận, bài diễn văn là một nỗ lực "để thể hiện những cái gì đó

mơ hồ, thậm chí là không thể diễn tả được những điều mà chúng tôi đang cảm nhận". Vì chúng tôi "đang khám phá một thế giới mà không ai trong chúng tôi hiểu được và đang cố gắng tạo ra nó trong một bối cảnh mơ hồ, không chắc chắn". Bài diễn văn này có lẽ không phải là bài nói mạch lạc nhất của tôi nhưng nó đã thể hiện được tâm tư nguyện vọng của lớp tôi, và họ đã đứng dậy vỗ tay một cách nồng nhiệt, một phần theo tôi là nhờ tôi cố gắng giải mã được ý nghĩa của thời đại và vị trí của chúng tôi. Bài phát biểu trên một sân khấu trước hai ngàn người - phản ánh lại thông điệp từ vô số các cuộc nói chuyện, câu hỏi chất vấn, hoài nghi và hy vọng mà mỗi chúng tôi chất chứa cho cái giây phút đó. Bài diễn văn không chỉ đơn thuần thể hiện những nguyện vọng suy nghĩ của các sinh viên tốt nghiệp Wellesley mà còn nói lên tâm tư, nguyện vọng của những phụ nữ và người dân Mỹ về một cuộc sống minh họa rõ nét những thay đổi và lựa chọn mà thế hệ chúng tôi phải đối mặt vào cuối thế kỷ 20.

Buổi chiều hôm đó, tôi đi bơi lần cuối cùng tại hồ Waban. Thay vì đi ra bãi đất nhỏ bên căn nhà nổi bên hồ, tôi lại quyết định bơi ở khu gần ký túc xá của trường, một khu vực bị cấm bơi. Tôi thay đồ tắm, để lại chiếc quần jeans ngắn, áo sơ mi cộc tay với cặp mắt kính giống như của phi công ở trên bờ. Tôi hoàn toàn không quan tâm đến nhân tình thế sự trên thế giới này khi bơi ra giữa hồ. Tôi lại bị cận thị nên quang cảnh xung quanh tôi giống như một bức tranh theo trường phái ấn tượng. Tôi thích được ở Wellesley và tận hưởng sự thư giãn tuyệt vời suốt bốn mùa nhờ vẻ đẹp tự nhiên của nơi đây. Chuyến bơi là lời tạm biệt với nơi chốn xinh đẹp này. Khi lên bờ, tôi không tìm thấy quần áo và kính mắt của mình.

Cuối cùng, tôi buộc lòng phải hỏi người bảo vệ của trường là ông có thấy mấy thứ đồ đạc của tôi không. Ông nói Hiệu trưởng Adams đã thấy tôi bơi và ra lệnh cho ông tịch thu. Rõ ràng là bà hối hận rằng đã để cho tôi phát biểu. Người ướt sũng, tôi mò mẫm theo ông để lấy tư trang.

Tôi không ngờ bài phát biểu của mình tạo ra sự quan tâm vượt xa khỏi Trường Wellesley. Tôi chỉ mong thể hiện được một cách trung thực những hy vọng, hoài bão của bản thân và các bạn. Sự cổ vũ tích cực của họ làm tôi ấm lòng. Tuy nhiên khi tôi gọi điện về nhà, mẹ tôi bảo rằng bà đã nhận được điện thoại từ các phóng viên và chương trình truyền hình mời tôi tham gia phỏng vấn trên truyền hình. Tôi đã tham gia trong một chương trình phỏng vấn của Irv Kupcinet trên kênh truyền hình địa phương của Chicago. Tạp chí Life cũng giới thiệu tôi cùng với một nhà hoạt động sinh viên tên là Ira Magaziner đã phát biểu trong lớp tốt nghiệp của mình tại Đại học Brown. Mẹ tôi kể rằng dư luận về bài diễn văn của tôi dường như bị phản hóa ra hai

hướng - nhóm người hoàn toàn thông cảm "Cô ấy nói cho thế hệ trẻ" và khuynh hướng bài bác tiêu cực "Cô ta nghĩ cô ta là ai?" Những ủng hộ hoặc công kích như thế hóa ra lại là một dự báo cho những điều sắp xảy ra: Tôi chưa bao giờ tốt hay xấu đến mức như những người ủng hộ và các đối thủ của tôi miêu tả.

Thế là tôi có thể thở phào nhẹ nhõm để lên đường đến với những việc làm trong mùa hè ở vùng Alaska, rửa chén bát ở công viên Mt. Mckinley National (bây giờ được gọi là công viên bảo tồn quốc gia Denali) và làm cá ở vùng Valdez trong một xí nghiệp chế biến cá hồi bên bến cảng. Công việc này đòi hỏi tôi phải mang giầy bốt cao đến đầu gối và đứng trong nước đầy máu cá tanh trong khi dùng một cái thìa cạo ruột cá. Khi tôi làm cá không theo kịp tốc độ yêu cầu thì viên đốc công quát mắng phải làm nhanh lên. Sau đó tôi chuyển qua dây chuyền đóng hộp, ở đây tôi cho cá hồi vào hộp để đóng hàng gửi đến các nhà máy chế biến ở ngoài khơi. Tôi chú ý có một số cá trông có vẻ bị ươn. Khi tôi nói việc này cho viên quán lý, ông ta đã sa thải tôi và bảo tôi quay lại vào chiều hôm sau để nhận phần tiền lương đợt cuối. Khi tôi quay lại thì toàn bộ cơ sở chế biến đã đi mất. Trong một chuyến thăm Alaska khi tôi là Đệ nhất Phu nhân, tôi đã hài hước kể cho khán giả nghe rằng trong tất cả công việc mà tôi đã làm, việc làm cá là một chuẩn bị không tồi cho cuộc sống ở Washington.

ĐẠI HỌC YALE

Khi tôi vào trường Luật Yale mùa thu 1969, tôi là một trong số 27 phụ nữ trên tổng số 235 sinh viên trúng tuyển. Đây có lẽ là một con số không đáng kể vào thời nay nhưng lúc ấy là một đột phá có ý nghĩa, chứng tỏ phụ nữ không còn là những sinh viên hình thức tại Yale. Trong lúc quyền phụ nữ có vẻ sẽ giành được một số quan tâm của xã hội vào nhưng năm cuối của thập niên 1960, mọi thứ khác dường như lại hỗn độn và không chắc chắn. Nếu không sống trong giai đoạn lịch sử này, bạn thật khó tượng tượng mức độ phân hóa của bức tranh chính trị Hoa Kỳ.

Giáo sư Charles Reich - đã trở nên nổi tiếng với công chúng qua tác phẩm The Greening of America - cắm trại cùng với một số sinh viên ở một khu nhà lụp xụp ngay giữa khuôn viên trường luật để phản đối "giới cầm quyền", dĩ nhiên bao gồm cả giới lãnh đạo Trường Luật Yale. Khu nhà ổ chuột này tồn tại được vài tuần trước khi bị giải tỏa một cách hòa bình. Tuy nhiên các cuộc phản đối khác thì không hòa bình như thế. Thập niên 1960 đã khởi đầu với rất nhiều hy vọng nhưng lại kết thúc bằng một thực trạng đầy biến động, chống đối và bạo lực. Người da trắng, các nhà hoạt động phản chiến thuộc tầng lớp trung lưu bị phát hiện có âm mưu chế tạo bom dưới tầng hầm nhà họ. Phong trào ôn hòa đòi quyền công dân cho người da đen thì chia năm xẻ bảy. Cũng có một số nhân vật mới nổi từ cộng đồng cư dân thành thị da đen theo Hồi giáo hoặc của tổ chức Báo Đen (Black Panther). Cơ quan FBI của J. Edgar Hoover cài người vào các tổ chức chống đối và thậm chí trong một số trường hợp đã vi phạm pháp luật để phá hoại các tổ chức này. Sự thi hành luật pháp đôi khi không phân biệt được đâu là ranh giới giữa các hoạt động chống đối hợp pháp, hợp hiến và đâu là hành vi tội phạm. Do các hoạt động mật thám và phản gián nở rộ dưới thời chính quyền Nixon, dường như đôi khi chính phủ chúng ta đã khởi chiến với nhân dân của mình.

Theo truyền thống thì các sinh viên Trường Luật Yale rất quan tâm đến hoạt động của các cơ quan chính phủ và các cuộc nói chuyện của chúng tôi bên trong hoặc bên ngoài lớp học đều phản ánh một mối quan ngại sâ các sự kiện trên khắp đất nước. Yale cũng khuyến khích sinh viên ra môi trường ngoài đời và áp dụng các lý thuyết họ học trong lớp. Môi trường ngoài đời và các thực tế của nó đã tràn vào Yale vào tháng 4 năm 1970, khi tám thành viên của tổ chức Báo Đen kể cả người lãnh đạo là Bobby Seale bị xét xử vì tội giết người ở New Haven. Hàng ngàn người phản đối giận dữ, tin là các thành viên Panther đã bị FBI và chính quyền gài bẫy, đã tràn vào thành phố. Các cuộc biểu tình bột phát trong khuôn viên trường đại học hoặc gần đó. Trường

đại học đã tổ chức một cuộc mít tinh khổng lồ nhân Ngày Quốc tế Lao động 1/5 để ủng hộ các thành viên Báo Đen. Tôi nhớ là Thư viện Luật Quốc tế ở dưới tầng hầm của trường Luật bị bốc cháy vào đêm 27/4. Hoảng hốt, tôi vội vã tham gia vào một nhóm giáo viên, sinh viên xách các xô nước đi chữa cháy. Khoa trưởng Louis Pollak yêu cầu mọi người tập hợp ở đại giảng đường. Thầy Pollak, một học giả theo chính sách mở cửa với nụ cười luôn ở trên môi, đã yêu cầu chúng tôi tổ chức các đội tuần tra an ninh trực 24/24 trong suốt năm học còn lại.

Vào ngày 30 tháng 4, Tổng thống Nixon tuyên bố là ông sẽ gửi quân Mỹ đến Campuchia, mở rộng chiến tranh Việt Nam. Các cuộc phản đối nhân ngày 1/5 trở thành một cuộc biểu tình lớn hơn, không chỉ để ủng hộ việc xét xử công bằng các thành viên tổ chức Báo Đen mà còn để phản đối các hành động của Nixon trong chiến tranh. Trong suốt giai đoạn diễn ra các cuộc phản đối của sinh viên, Hiệu trưởng Trường Yale, ông Kingman Brewster và Mục sư của trường là William Sloane Coffin đã áp dụng chính sách hòa giải giúp cho Yale tránh được các vấn đề xảy ra ở những nơi khác. Mục sư Coffin đã trở thành nhà lãnh đạo quốc gia của phong trào phản chiến thông qua các bài phê bình với lý lẽ sắc bén về sự dính líu của Hoa Kỳ. Hiệu trưởng Brewster đã tham gia đối thoại về các lo lắng của sinh viên và cảm thông với nỗi thống khổ của nhiều người. Thậm chí ông từng nói ông "không tin là những người da đen làm cách mạ sẽ được xét xử công bằng ở bất kỳ nơi nào trên đất Mỹ. Đối phó với viễn cảnh của các kẻ biểu tình quá khích, Brewster cho tạm nghỉ học và tuyên bố rằng các ký túc xá sẽ được mở để phục vụ các bữa ăn cho bất kỳ ai đến thăm. Các hành động, phát biểu của ông đã làm kích động nhiều sinh viên cũng như Tổng thống Nixon và Phó Tổng thống Spiro Agnew.

Thế rồi vào ngày 4 tháng 5, lính Vệ binh Quốc gia bắn vào những sinh viên phản đối tại Trường Đại học KentState ở bang Ohio. Bốn sinh viên bị giết chết. Bức hình chụp một phụ nữ trẻ quỳ bên xác của một sinh viên thể hiện tất cả những gì mà tôi và nhiều người khác đã sợ và căm ghét về cái đang xảy ra trên đất nước mình. Tôi nhớ mình đã lao ra khỏi cửa trường luật, nước mắt tuôn rơi và gặp Giáo sư Fritz Kessler, một người tị nạn thời Đức quốc xã Hitler. Ông hỏi tôi chuyện gì xảy ra và tôi nói rằng tôi không thể tin vào điều đang xảy ra, ông làm tôi lạnh gáy khi nói rằng đối với ông chuyện đó quá là quen thuộc.

Trung thành với nền giáo dục của mình, tôi chủ trương can dự, chứ không phải phá hoại hoặc "cách mạng". Vào ngày 7 tháng 5, tôi vẫn tiến hành nhiệm vụ đã lên lịch là phát biểu tại lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Liên đoàn

Cử tri nữ ở Washington D.C., một lời mời xuất phát từ bài diễn văn tốt nghiệp của tôi. Tôi đeo trên tay một miếng băng tang màu đen để tưởng nhớ những sinh viên đã thiệt mạng. Một lần nữa, những xúc động của tôi lại trào dâng sục sôi khi tôi lên án rằng việc Hoa Kỳ mở rộng Chiến tranh Việt Nam sang Campuchia là bất hợp pháp và vi hiến. Tôi cố gắng lý giải hoàn cảnh mà các cuộc phản đối xảy ra và tác động của vụ bắn giết tại Trường Kent State đối với các sinh viên Trường Luật Yale, những người đã bỏ phiếu với sự cách biệt 239-12 để tham gia cùng với hơn 300 trường học khác tổ chức cuộc đình công bãi khóa toàn quốc nhằm phảni "sự mở rộng chiến tranh mù quáng mà đáng lẽ không nên tiến hành". Tôi điều hành cuộc mít tinh nơi cuộc bỏ phiếu diễn ra và tôi biết các bạn sinh viên của mình đã rất nghiêm túc thực hiện luật pháp và trách nhiệm của mình với tư cách là những công dân. Các sinh viên luật, trước đây không tham gia cùng với các trường đại học khác trong các hoạt động phản đối đã tranh luận về các chủ đề một cách sâu sắc theo một phong cách của những luật gia. Họ không phải là những người "ăn bám, theo đuôi", cái từ mà Nixon gán ghép cho tất cả các sinh viên phản đối.

Người phát biểu chính tại đại hội Liên đoàn là Marian Wright Edelman, người giúp tôi trong sự nghiệp mà tôi theo đuổi suốt đời mình là giúp đỡ và bảo vệ trẻ em. Marian đã tốt nghiệp Trường Luật Yale vào năm 1963 và trở thành người phụ nữ da đen đầu tiên được nhận vào Luật sư đoàn vùng Mississippi. Bà đã dành những năm giữa thập niên 60 để điều hành văn phòng Quỹ Giáo dục và Bảo vệ Luật pháp NAACP tại Jackson, đi khắp đất nước để thiết lập chương trình Head Start và đã không ngại nguy hiểm để tranh đấu cho các quyền công dân ở miền Nam. Lúc đầu tôi nghe kể về Marian từ người chồng của bà, Peter Edelman, một sinh viên tốt nghiệp Trường Luật Harvard làm thư ký tại Tòa án Tối cao cho Arthur J. Goldberg và cũng đã từng làm việc cho Bobby Kennedy. Peter đã tháp tùng Thượng nghị sĩ Kennedy đến Mississippi vào năm 1967 trong một chuyến đi tìm hiểu sự thật về tình trạng nghèo đói ở vùng Deep South nước Mỹ. Marian là một trong những hướng dẫn viên của Thượng nghị sĩ trong suốt cuộc hành trình khắp Mississippi. Sau chuyến đi đó, Marian tiếp tục cộng tác với Peter, và sau vụ ám sát Thượng nghi sĩ Kennedy, họ đã làm đám cưới.

Lúc đầu tôi gặp Peter Edelman tại một hội nghị quốc gia về phát triển cộng đồng và tổ chức thanh niên do Liên đoàn bảo trợ vào tháng 10/1969 tại Trường Đại học ColoradoState ở Fort Collins của tiểu bang Colora. Liên đoàn đã mời một nhóm các nhà hoạt động tiêu biểu ở khắp đất nước để thảo luận các phương cách để thanh niên có thể tham gia tích cực hơn trong chính phủ và chính trị. Tôi được mời tham gia ủy ban Điều hành cùng với Peter -

người sau đó trở thành Phó Giám đốc phụ trách Quỹ Tưởng niệm Robert F. Kennedy, David Mixner - có chân trong Ủy ban Đình chiến Việt Nam và Martin Slate - chàng sinh viên Trường Luật Yale cũng là một trong số những người bạn của tôi hồi anh ta còn ở Harvard và tôi còn ở Trường Wellesley. Một trong những vấn đề đã đoàn kết chúng tôi lại là niềm tin rằng Hiến pháp phải được tu chính để hạ thấp tuổi cử tri từ 21 xuống 18. Nếu thanh niên đủ tuổi tham chiến thì họ có quyền bỏ phiếu. Tu chính 26 cuối cùng cũng được thông qua vào năm 1971 nhưng những thanh niên trong độ tuổi 18 đến 24 không đi bỏ phiếu theo đúng số lượng như nhiều người chúng tôi dự đoán và ngày nay nhóm cử tri thanh niên vẫn thuộc nhóm đăng ký và đi bầu thấp nhất so với bất kỳ nhóm tuổi nào khác. Sự thờ ơ của họ làm cho nền chính trị của đất nước chúng ta ít khi phản ánh được các mối quan tâm của giới trẻ và bảo đảm cho tương lai của họ.

Trong buổi giải lao tại hội nghị, tôi ngồi trên một cái ghế dài nói chuyện với Peter Edelman thì bất chợt cuộc nói chuyện của chúng tôi bị gián đoạn bởi một người đàn ông cao ráo và ăn mặc lịch lãm.

“Ồ, Peter, sao anh không giới thiệu tôi với cô tiểu thư này?", Ông ta hỏi. Đó là lần gặp mặt đầu tiên của tôi với Vernon Jordan, lúc đó là Giám đốc Dự án Giáo dục Cử tri thuộc Hội đồng Miền Nam ở Atlanta và là một người ủng hộ việc hạ tuổi đi bầu. Vernon là một vị luật sư lão luyện trong phong trào đòi quyền công dân, rất thông minh và có sức lôi cuốn. Ông đã trở thành người bạn của tôi vào cái ngày đáng nhớ ấy và sau đó cũng là bạn của chồng tôi. Ông và người vợ thành công của mình, Ann, luôn được xem là những người bạn đồng hành tốt và những nhà tư vấn thông

Peter kể cho tôi nghe về kế hoạch của Marian khởi xướng một tổ chức chống đói nghèo và giục tôi nên gặp bà càng sớm càng tốt. Sau đó vài tháng, Marian đã có buổi nói chuyện tại Yale. Tôi tự giới thiệu với bà sau đó và xin một công việc làm thêm trong dịp hè. Bà bảo là tôi có thể có được một công việc nhưng bà không có tiền trả cho tôi. Đây là một vấn đề vì tôi phải kiếm đủ tiền để phụ thêm vào phần học bổng mà Trường Wellesley đã tặng cho tôi để học trường luật và các khoản tôi phải đi vay. Hội đồng Nghiên cứu Quyền Công dân Sinh viên Luật đã cho tôi một khoản trợ cấp mà tôi đã dùng để chi tiêu trong suốt mùa hè 1970 khi tôi làm cho Dự án Nghiên cứu Washington mà Marian khởi xướng tại Washington, D.C.

Thượng nghị sĩ Walter "Fritz" Mondale bang Minnesota, sau này trở thành Phó Tổng thống dưới thời Jimmy Carter đã quyết định tiếp tục duy trì các chuyến viếng thăm để tìm hiểu và kiểm tra các điều kiện sống và làm việc

của nông dân di cư. Các đợt tìm hiểu năm 1970 lại trùng hợp vào ngày kỷ niệm 10 năm ra mắt bộ phim tài liệu truyền hình nổi tiếng Harvest of Shame của Edward R. Murrow. Bộ phim này đã làm bàng hoàng người dân Mỹ vào năm 1960 khi nó phơi bày về sự đối xử tàn tệ mà người dân nhập cư phải chịu đựng. Marian giao cho tôi việc nghiên cứu về vấn đề giáo dục và sức khỏe của trẻ em nhập cư. Tôi có một số kinh nghiệm ít ỏi với những trẻ em diện nhập cư theo học tại trường tiểu học của tôi trong vài tháng mỗi năm và với một số trẻ mà nhà thờ đã phân công cho tôi trông giữ khi tôi khoảng 14 tuổi. Vào mỗi buổi sáng thứ Bảy trong suốt mùa thu hoạch, tôi đi cùng với một số người bạn học giáo lý đến trại định cư. Ở đây, chúng tôi chăm nom lũ trẻ dưới 10 tuổi trong khi các anh chị của chúng phải ra ngoài đồng làm việc với bố mẹ.

Tôi có biết một cô bé 7 tuổi tên là Maria sắp sửa nhận ăn bánh thánh lần đầu khi gia đình cô bé trở về Mexico vào cuối mùa thu hoạch. Nhưng cô bé không thể nào dự lễ trừ phi gia đình cô để dành đủ tiền để mua cho cô một cái áo dài trắng để mặc khi hành lễ. Tôi kể với mẹ mình về Maria và bà đưa tôi đi mua một cái áo đầm tuyệt đẹp. Khi chúng tôi tặng nó cho mẹ của Maria, bà đã bật khóc và quỳ xuống hôn vào tay của mẹ tôi. Mẹ tôi bối rối cứ nhắc đi nhắc lại là bà biết tầm quan trọng để một cô gái nhỏ cảm thấy mình đặc biệt trong một sự kiện như thế. Nhiều năm sau, tôi cảm nhận rằng mẹ tôi trước đây chắc là cũng ở trong tình cảnh giống Maria.

Mặc dù những đứa trẻ này sống cực khổ nhưng chúng rất lạc quan và được bố mẹ mình yêu thương. Bọn trẻ bỏ dở những việc chúng đang làm để chạy xuống đường khi bố mẹ chúng từ cánh đồng về nhà. Các ông bố thường bế bổng con lên trong khi các bà mẹ thì cúi xuống ôm ghì con mình. Cảnh tượng cũng giống như bên nhà hàng xóm của tôi khi ông bố quay về nhà sau một ngày làm việc trên thành phố.

Tuy nhiên, khi tiến hành việc nghiên cứu thì tôi mới biết những người nông dân và con cái của họ đã và nay vẫn còn bị tước đoạt các điều cơ bản như chỗ ăn ở và vệ sinh. Cesar Chavez đã sáng lập Hội Nông dân Quốc gia vào năm 1962, quy tụ các công nhân nông nghiệp ở các cánh đồng của Califomia, nhưng điều kiện sống của họ ở hầu hết những nơi còn lại của đất nước đã không thay đổi nhiều kể từ năm 1960.

Các cuộc tiếp dân mà tôi tham dự vào tháng 7 năm 1970 là một phần trong hàng loạt các chuyến thị sát khác mà Ủy ban Thượng viện tổ chức để thu thập lời khai và chứng cớ từ các công nhân làm việc ở trang trại, từ những người ủng hộ và các chủ doanh nghiệp. Những nhân chứng đã đưa ra các

bằng chứng là các tập đoàn sở hữu các trang trại mênh mông ở Florida đã đối xử tệ hại với những di dân ư cách đây một thập kỷ. Một số sinh viên tôi quen biết hồi ở Yale đi làm thêm cho các hãng tư vấn luật vào kỳ nghỉ hè với tư cách là đại diện cho các doanh nghiệp. Những sinh viên này bảo tôi là họ đang tìm phương cách phục hồi hình ảnh hoen ố của các thân chủ doanh nghiệp của mình. Tôi đề nghị cách tốt nhất để làm được điều đó là cải thiện việc đối đãi với công nhân trang trại.

Khi trở về Đại học Yale học năm hai vào mùa thu 1970, tôi đã quyết định tập trung vào chủ đề luật ảnh hưởng như thế nào đến trẻ em. Trước nay, các quyền và nhu cầu của trẻ em được thể hiện trong luật gia đình và thường được định nghĩa theo các quyết định của cha mẹ đứa trẻ với một số ngoại lệ đáng lưu ý như trẻ em được quyền nhận một sự chăm sóc y tế cần thiết, thậm chí vượt trên các chống đối có tính tôn giáo của bố mẹ chúng. Tuy nhiên bắt đầu vào những năm 1960, tòa án trong một chừng mực hạn chế bắt đầu tìm thấy một số trường hợp mà trong đó trẻ em có những quyền tách biệt độc lập với bố mẹ chúng.

Jay Katz và Joe Goldstein - hai giáo sư trường luật - đã động viên tôi nghiên cứu lĩnh vực mới mẻ này và đề nghị tôi nên tìm hiểu thêm về vấn đề phát triển trẻ em thông qua một khóa học tại Trung tâm Nghiên cứu Trẻ em của Yale. Họ giới thiệu tôi đến gặp Giám đốc Trung tâm, Tiến sĩ Al Solnit và vị bác sĩ trưởng, Tiến sĩ Sally Provence. Tôi thuyết phục họ cho tôi dành một năm ở trung tâm tham dự các cuộc hội chẩn ca bệnh và quan sát các bộ phận điều trị. Tiến sĩ Solnit và Giáo sư Goldstein đề nghị tôi phục vụ với tư cách là trợ lý nghiên cứu của họ trong tác phẩm Beyond the Best Interest of the Child. Đây là một cuốn sách mà họ viết cùng với Anna Freud, con gái của nhà thần kinh học lừng danh Sigmund Freud. Tôi cũng bắt đầu tham vấn với đội ngũ bác sĩ điều trị ở Bệnh viện Yale-New Haven về vấn đề mới được thừa nhận về tình trạng lạm dụng trẻ em và giúp soạn thảo các thủ tục pháp lý cho bệnh viện khi xử lý các trường hợp nghi ngờ về lạm dụng trẻ em.

Các hoạt động này tiến hành song song với các nhiệm vụ của tôi tại văn phòng luật New Haven. Một luật sư trẻ về tư vấn luật, Penn Rhodeen, đã hướng dẫn tôi tầm quan trọng của người bảo trợ trong những tình huống liên quan đến vấn nạn lạm dụng hoặc thiếu trách nhiệm đối với trẻ em. Penn đề nghị tôi giúp anh làm người đại diện cho một phụ nữ Mỹ da đen khoảng 50 tuổi đã làm mẹ nuôi cho một bé gái lai hai tuổi kể từ khi đứa bé này mới sinh. Người phụ nữ này cũng đang nuôi dưỡng con ruột của bà và muốn xin nuôi bé gái này một cách chính thức. Sở Dịch vụ Xã hội của Connecticut lại đi theo chính sách là bà không được phép nuôi đứa bé và tách rời đứa bé

khỏi sự chăm sóc của bà để chuyển bé đến một gia đình "thích hợp” hơn. Penn đã khởi kiện cơ quan chính quyền, tranh luận rằng bà mẹ nuôi là bà mẹ duy nhất mà bé gái từng được biết và việc tách rời cô bé khỏi mẹ nuôi sẽ gây ra những tổn hại lâu dài. Dù hết sức nỗ lực nhưng cuối cùng chúng tôi thua kiện. Tuy nhiên, vụ kiện này đã thôi thúc tôi tìm ra các phương cách mà các nhu cầu phát triển và quyền lợi của trẻ em được công nhận trong hệ thống pháp luật. Tôi nhận thức rằng điều mà tôi làm trong lĩnh vực luật là phát ngôn cho trẻ em, những người đã không được lắng nghe và thấu hiểu. Bài báo nghiên cứu đầu tiên của tôi với tựa đề Child under the Law (Trẻ em dưới con mắt pháp luật) được xuất bản vào năm 1974 trong tạp chí khoa học Harvard Educational Review. Bài viết tìm hiểu các quyết định khó khăn mà ngành tư pháp và xã hội phải đối diện khi trẻ em bị người thân trong gia đình ngược đãi hoặc thờ ơ, thiếu trách nhiệm hoặc khi các quyết định của cha mẹ gây cho trẻ những hậu quả không thể nào khắc phục được. Ví dụ như không cho con trẻ được điều trị khi bị bệnh hoặc quyền được tiếp tục học hành. Các quan điểm của tôi được hình thành nhờ những điều mà tôi quan sát là nhân viên tình nguyện cho cơ quan luật pháp, là đại diện cho trẻ em trong những vụ con nuôi và nhờ vào những trải nghiệm của tôi tại Trung tâm Nghiên cứu Trẻ em tại Bệnh viện Yale-New Haven. Tôi đã tư vấn cho các bác sĩ khi họ cố gắng xác định các vết thương của một đứa bé là do bị ngược đãi hay không và nếu xảy ra thì liệu có nên cách ly đứa bé khỏi gia đình của nó và giao bé cho một hệ thống an sinh trẻ em hay không. Đây là những quyết định khó khăn. Tôi xuất thân từ một gia đình tốt đẹp và tin tưởng vào quyền đặc nhiên của bố mẹ được nuôi dạy con mình theo cách họ thấy phù hợp. Tuy nhiên, những kinh nghiệm của tôi ở Bệnh viện Yale-New Haven lại rất khác xa những điều tôi được giáo dục ở một vùng ngoại ô yên bình.

Có lẽ ở quê hương tôi, vùng Park Ridge, cũng có sự ngược đãi và bạo hành gia đình đối với trẻ em nhưng tôi đã không được chứng kiến. Trái lại ở Bệnh viện New Haven, tôi thấy những đứa trẻ bị bố mẹ chúng đánh đập, làm phỏng, bị bỏ mặc một mình nhiều ngày trong các căn hộ tồi tàn, có bố mẹ không đủ khả năng về tài chính nên từ chối các điều trị y tế cần thiết cho chúng. Sự thật đáng buồn là có một số bậc bố mẹ đã từ bỏ quyền làm bố làm mẹ của họ và trong những trường hợp như vậy, nhà nước, tốt hơn là một người bà con thân thuộc nên dang rộng vòng tay dành cho đứa trẻ cơ hội có được một mái ấm yêu thương và bền vững.

Tôi thường nghĩ đến những chịu đựng của mẹ mình trước sự bàng quan, ngược đãi của bố mẹ và ông bà của mẹ và nghĩ làm cách nào mà những người lớn quan tâm khác có thể lấp vào khoảng trống tình cảm này để giúp đỡ mẹ. Mẹ tôi đã nỗ lực đền đáp mối ân tình này bằng cách tiếp nhận các cô

gái ở một gia đình địa phương đông con giúp việc nhà cho mẹ. Bà muốn cho họ cơ hội giống như bà đã được ban tặng để trải qua tình yêu thương đùm bọc của gia đình một chút gợn đục.

Ai có thể dự đoán rằng trong suốt chiến dịch tranh cử tổng thống 1992, gần hai thập kỷ sau khi tôi viết bài nghiên cứu này, các chính khách bảo thủ Đảng Cộng hòa như Marilyn Quayle và Pat Buchanan đã xuyên tạc các lời nói của tôi để mô tả tôi như là kẻ "phá gia”? Một số nhà phê bình còn cho rằng tôi muốn con cái đi kiện bố mẹ chúng nếu chúng bị sai đi đổ rác. Tôi không thể lường trước được sự diễn đạt lệch lạc sau này đối với bài viết của mình và tôi cũng không thể nào đoán được các tình huống dẫn đến chính khách Đảng Cộng hòa lên án mình. Và dĩ nhiên, tôi không biết rằng tôi sắp gặp một người đã làm cho cuộc đời tôi đi theo một cách mà tôi không thể nào hình dung được.

BILL CLINTON

Không thể không chú ý đến Bill Clinton vào mùa thu năm 1970. Anh ấy đến Trường Luật Yale, tròng giống như một tên cướp biển Viking hơn là một sinh viên được học bổng Rhodes quay về nước sau hai năm học tập ở Trường Oxford. Dáng cao và đẹp trai ẩn giấu đằng sau bộ râu nâu đó và mái tóc bờm quăn, dường như ở anh luôn tỏa ra một bầu nhiệt huyết. Lần đầu tiên khi tôi thấy anh ở Phòng Sinh viên của trường luật, anh đang nói chuyện trước một đám khán giả sinh viên đang tỏ ra rất chăm chú, say mê. Khi tôi đi ngang qua, tôi đã nghe anh ấy"... và không chỉ chừng đó, chúng tôi còn trồng được các quả dưa hấu lớn nhất thế giới!". Tôi quay sang hỏi một người bạn: "Ai đấy?". Anh bạn nói: "Ồ, Bill Clinton đó. Anh ta đến từ Arkansas và luôn say mê kể về nó".

Chúng tôi thỉnh thoảng thấy nhau quanh khu đại học nhưng chúng tôi thật sự chưa gặp gỡ nhau cho đến một buổi tối kia vào mùa xuân năm sau tại thư viện của Đại học Luật Yale. Tôi đang học trong thư viện và Bill đang đứng bên ngoài phòng thư viện trò chuyện với một sinh viên khác là Jeff Gleckel, người đang cố thuyết phục Bill viết bài cho Yale Law Journal. Tôi để ý là anh ấy cứ nhìn tôi đăm đăm. Sau khi thấy anh ấy nhìn mình lâu quá, tôi đứng lên đi ra khỏi bàn, tiến về phía anh và nói "Nếu anh cứ tiếp tục nhìn tôi như thế và tôi cũng nhìn anh như vậy, tốt hơn là chúng ta hãy giới thiệu về nhau. Tôi là Hillary Rodham". Thế đấy. Còn theo lời kể của Bill, lúc ấy thậm chí anh ấy còn không nhớ nổi tên của mình nữa.

Chúng tôi không trò chuyện lại với nhau cho đến ngày cuối cùng của khóa học vào mùa xuân 1971. Khi tình cờ ra khỏi lớp học về Dân quyền và Chính trị của Giáo sư Thomas Emerson cùng một lúc, Bill hỏi tôi định đi đâu. Tôi nói đang trên đường đến phòng giáo vụ đăng ký học các lớp của học kỳ sau. Anh ấy nói anh cũng đang đến đấy. Khi chúng tôi đi trên đường, anh ấy khen chiếc váy hoa của tôi. Khi tôi bảo với anh là mẹ mình đã may nó thì anh hỏi thăm về gia đình và nơi tôi lớn lên. Chúng tôi đứng xếp hàng đợi cho đến lượt được gặp cô phụ trách đào tạo. Cô ấy nhìn lên và nói: "Bill, anh đang làm gì ở đây? Anh đã đăng ký rồi mà!" Tôi bật cười khi anh ấy thú nhận là anh chỉ kiếm cớ đi theo tôi và chúng tôi đã có một chuyến đi bộ dài. Đấy cũng chính là lần hò hẹn đầu tiên của chúng tôi.

Cả hai chúng tôi đều muốn xem buổi triển lãm của Mark Rothko tại Viện Triển lãm Nghệ thuYale nhưng do một tranh chấp lao động, một số tòa nhà đại học bao gồm cả Viện bảo tàng bị đóng cửa. Khi Bill và tôi đi ngang qua, anh ấy quyết định là anh có thể đưa chúng tôi vào trong đấy nếu chúng tôi đề

nghị đi dọn rác ở sân trước tòa nhà triển lãm. Ngắm nhìn anh trình bày ý định của mình, đấy là lần đầu tiên tôi cảm nhận được tính thuyết phục trong hành động của Bill. Chỉ có mình chúng tôi trong Viện bảo tàng. Chúng tôi đi lang thang qua các phòng triển lãm nói chuyện về Rothko và nghệ thuật thế kỷ 20. Thú thực là tôi bị ngạc nhiên về kiến thức và sự quan tâm của anh về các chủ đề mà thoạt đầu rất là bất thường đối với một gã Viking đến từ vùng Arkansas. Chúng tôi kết thúc chuyến tham quan tại sân của Viện bảo tàng. Tại đó tôi ngồi trong lòng bức tượng Draped Seated Woman của Henry Moore và nói chuyện với Bill cho đến tối. Tôi mời Bill đến dự buổi tiệc mà người bạn cùng phòng Kwan Kwan Tan và tôi dự định tổ chức trong ký túc xá vào tối đó nhân dịp kết thúc khóa học. Kwan Kwan, một người gốc Hoa từ Miến Điện đến học tại Trường Yale để theo đuổi ngành Luật, là một bạn đồng hành vui vẻ và có thể biểu diễn rất đẹp các vũ điệu Miến Điện. Cô ấy và chồng, Bill Wang, cũng là một sinh viên, đến nay vẫn là những người bạn của chúng tôi.

Bill đến dự bữa tiệc của chúng tôi nhưng hầu như không nói một lời. Vì tôi chưa biết rõ anh ấy lắm nên tôi nghĩ chắc là anh ấy mắc cỡ, có lẽ là không được hòa đồng lắm hoặc đại loại là anh ấy không thoải mái. Tôi cũng không kỳ vọng nhiều là chúng tôi sẽ thành một đôi. Ngoài ra lúc đó, tôi đã có một người bạn trai và chúng tôi đã lập kế hoạch cuối tuần đi chơi bên ngoài thành phố. Khi tôi quay về Trường Yale vào cuối ngày Chủ nhật, Bill gọi điện và nghe tôi ho khục khặc do bị cảm nặng.

"Giọng em có vẻ tệ lắm", anh ấy nói. Khoảng ba mươi phút sau, Bill đã gõ cửa phòng tôi, mang đến xúp gà và nước cam. Anh ấy vào phòng và bắt đầu nói. có thể chuyện trò đủ thứ, từ chính trị châu Phi cho đến nhạc đồng quê và nhạc miền Viễn Tây. Tôi hỏi là tại sao anh lại rất lặng lẽ trong bữa tiệc trước.

"Bởi vì anh muốn quan sát để hiểu rõ hơn về em và những người bạn của em", anh ấy trả lời.

Tôi bắt đầu nhận ra rằng chàng trai trẻ từ vùng Arkansas này phức tạp nhiều hơn là ấn tượng ban đầu trong tôi. Kể từ ngày ấy anh có thể làm tôi ngạc nhiên với nhiều liên kết mà anh thêu dệt giữa các ý tưởng và câu từ, cách thức mà anh làm, tất cả chúng nghe như âm nhạc. Tôi còn yêu cả cách suy nghĩ và quan sát của anh. Một trong nhưng điều đầu tiên mà tôi chú ý về Bill là hình dáng bàn tay của anh. Cổ tay nhỏ, những ngón tay thon dài và khéo léo giống như bàn tay của một nghệ sĩ dương cầm hoặc của một bác sĩ phẫu thuật. Lần đầu tiên khi chúng tôi gặp nhau thời còn sinh viên, tôi thích được

ngắm nhìn anh giở từng trang sách. Giờ đây, đôi bàn tay ấy đã có những dấu hiệu của tuổi tác sau hàng ngàn cái bắt tay, đánh gôn và ký không biết bao nhiêu chữ ký. Đôi bàn tay, giống như chủ nhân của nó, dãi dầm sương gió nhưng vẫn cuốn hút, kiên trì và đầy tình cảm.

Ngay sau hôm Bill đến "cứu trợ" tôi bằng bát xúp gà và nước cam ép, chúng tôi đã không thể nào xa rời nhau nữa. Trong những lúc không phải dùi mài đèn sách cho các bài kiểm tra cuối khóa và hoàn tất chuyên đề của tôi về trẻ em, chúng tôi đã dành nhiều tiếng đồng hồ lái xe vòng vòng trên chiếc Opel mui trần màu đỏ cam - một trong những chiếc ô tô xấu xí nhất từng được chế tạo - hoặc lang thang bên các nhà nghỉ mát ở Long Island Sound gần vùng Milford, Connecticut, nơi anh ấy ở cùng với các người bạn cùng phòng Doug Eakeley, Don Pogue và Bill Coleman. Vào một bữa tiệc tối, Bill và tôi đứng trong bếp trò chuyện về những dự định của mình sau khi tốt nghiệp. Tôi vẫn chưa biết chắc mình sẽ ở đâu và làm gì bởi vì mối quan tâm của tôi về vấn đề giúp đỡ trẻ em vaàn quyền lại không gợi ra một phương hướng cụ thể nào cả. Bill lại hoàn toàn chắc chắn: anh sẽ về quê nhà ở Arkansas và làm việc cho một cơ quan chính phủ. Nhiều bạn đồng lớp của tôi nói rằng họ muốn theo đuổi con đường công chức nhưng Bill là người duy nhất biết chắc sẽ thật sự đi theo sự nghiệp đó.

Tôi kể với Bill về kế hoạch hè của mình: làm một chân thư ký tại Treuhaft cho Công ty Walker and Burnstein, một hãng luật nhỏ ở Oakland, California. Thế là anh ấy tuyên bố anh muốn đi cùng tôi đến California. Tôi rất ngạc nhiên. Tôi biết là anh đã ký hợp đồng làm việc trong chiến dịch tranh cử tổng thống của Thượng nghị sĩ George McGovern và tôi cũng biết rằng giám đốc chiến dịch Gary Hart đã đề nghị Bill tổ chức chiến dịch ở vùng phía Nam cho McGovern. Viễn cảnh đi từ một tiểu bang miền Nam này đến một bang miền Nam khác để thuyết phục các đảng viên Dân chủ ủng hộ McGovern và chống lại chính sách của Nixon ở Việt Nam đã làm cho Bill rất hồ hởi. Mặc dù Bill đã làm việc ở Arkansas trong chiến dịch bầu cử cho Thượng nghị sĩ William Fulbright và các chính khách khác, cho Joe Dufiey và Joe Lieberman ở Connecticut nhưng anh chưa bao giờ có cơ hội tham gia trong sân chơi chính của một cuộc vận động tranh cử tổng thống.

Tôi im lặng cố hiểu thông tin anh vừa nói. Tôi thật sự xúc động. Tôi hỏi, "Tại sao anh bỏ qua cơ hội làm điều anh yêu thích để đi theo em đến California ?”

"Vì người anh yêu, đó là lý do", anh đáp.

Anh ấy đã quyết định, anh nói với tôi rằng số phận chúng tôi là gắn với nhau và anh ấy không muốn để tôi ra đi ngay sau khi anh ấy tìm thấy một nửa của mình.

Bill và tôi ở chung trong một căn hộ nhỏ gần một công viên lớn, không xa khuôn viên Trường Đại học Berkeley, California, nơi có Phong trào Tiếng nói Tự do khởi xướng từ năm 1964. Tôi dành hầu hết thời gian làm việc cho việc nghiên cứu Mal Burnstein, viết các bản kiến nghị và tóm tắt cho một vụ kiện quyền nuôi dưỡng trẻ. Trong thời gian này, Bill đã tìm hiểu thành phố Berkeley, Oakland và San Francisco. Vào những ngày cuối tuần anh đưa tôi đến những nơi mà anh ấy đã đi tiền trạm, chẳng hạn một nhà hàng ở North Beach hay một cửa hàng quần áo loại hiếm ở đại lộ Telegraph. Tôi thử dạy anh ấy chơi quần vợt và cả hai chúng tôi cùng học làm bếp. Tôi nướng cho anh một cái bánh nhân đào, muốn làm cho anh một thứ gì gợi nhớ đến vùng Arkansas mặc dù tôi chưa từng đến tiểu bang này. Chúng tôi cũng cùng nhau làm món cà ri gà để thết đãi khách vào những bữa tiệc mà chúng tôi chủ trì. Bill dành phần lớn thời gian đọc sách và chia sẻ với tôi các suy nghĩ của anh về các cuốn sách như To the Finland Station của Edmund Wilson. Trong suốt các chuyến đi bộ, Bill thường hát hò, ngân nga những bài hát của Elvis Presley mà anh yêu thích.

Người ta nói rằng tôi biết một ngày nào đó, Bill sẽ trở thành tổng thống Hoa Kỳ và tôi hay nói điều đó với nhiều người quan tâm. Tôi không nghĩ như vậy, mãi cho đến những năm tháng sau này. Nhưng tôi nhớ có một lần chạm trán kỳ lạ tại một nhà hàng nhỏ ở Berkeley. Tôi có hẹn gặp Bill nhưng do bận bịu công việc nên đã đến trễ. Đến đó thì không thấy anh ấy, thế là tôi hỏi người phục vụ là có trông thấy một người đàn ông theo như mô tả của tôi về Bill. Một khách hàng ngồi gần đó xen vào: "Có đấy, anh ấy ngồi đọc sách ở đây rất lâu và tôi có hỏi chuyện anh ta về sách. Tôi không biết tên của anh ấy nhưng tôi tin có một ngày anh ấy sẽ trở thành tổng thống". Tôi nói: "Ồ, chắc rồi, nhưng bác có biết anh ấy đi đâu không ạ?".

Vào cuối mùa hè năm ấy, chúng tôi trở về New Haven và thuê tầng trệt ở số 21 đại lộ Edgewood với tiền thuê 75 đô la mỗi tháng đó, chúng tôi có một phòng sinh hoạt có lò sưởi, một chiếc giường ngủ nhỏ, phòng thứ ba thì dùng để nghiên cứu học tập và là nơi dùng bữa tối, một phòng tắm bé xíu và một cái bếp sơ sài. Sàn nhà gồ ghề đến nỗi chúng tôi phải chêm vào dưới chân bàn các miếng gỗ nhỏ để chén đĩa không rơi tuột xuống. Gió lùa qua khe tường đến nỗi chúng tôi phải dùng giấy báo để chặn bớt. Dù gì đi nữa thì tôi rất yêu ngôi nhà đầu tiên này. Chúng tôi đi mua sắm đồ đạc ở cửa hàng Goodwill và Salvation Army, và rất tự hào về cái phong cách trang trí sinh

viên của mình.

Căn hộ của chúng tôi cách nhà hàng Elm Street Diner một khu phố. Chúng tôi hay lui tới nơi này vì nó mở cửa suốt đêm. Ở ngã ba đường của khu phố có lớp dạy yoga mà tôi đã từng học và Bill cũng đồng ý học với tôi miễn là tôi đừng kể với ai khác về chuyện đó. Anh ấy cũng hay đi nhà thờ lớn Sweat, ghé qua trung tâm thể thao Yale có phong cách kiến trúc gô-tích để chạy vòng vòng không chủ đích quanh các tầng lửng. Một khi mà anh đã khởi động chạy rồi thì cứ chạy mãi. Tôi thì không.

Chúng tôi thường ghé quán Basel, một quán ăn theo phong cách Hy Lạp ưa thích của mình, đi xem xi nê tại rạp Lincoln, một rạp hát nhỏ tại khu dân cư. Vào một buổi tối nọ, sau trận bão tuyết đã tan, chúng tôi quyết định đi xem phim. Con đường chưa được dọn dẹp nên chúng tôi đi bộ đến đó và quay về trong lớp tuyết ngập qua chân nhưng cảm thấy rất yêu đời và đắm say bên nhau.

Cả hai đứa đều phải làm việc để trang trải cho những khoản học phí tại trường luật, phụ thêm các khoản vay sinh viên. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn còn thời gian cho chính trị. Bill quyết định mở một văn phòng vận động cho McGovern tranh cử tổng thống tại New Haven, sử dụng tiền của anh để thuê một cửa hàng mặt tiền đường. Hầu hết những người tình nguyện là sinh viên hoặc giáo viên Trường Yale bởi vì lãnh đạo Đảng Dân chủ tại địa phương, ông Arthur Barbieri, lại không ủng McGovern. Bill thu xếp cho chúng tôi gặp ông Barbieri tại một nhà hàng Ý. Tại buổi ăn trưa kéo dài khá lâu, Bill tuyên bố là anh có 800 tình nguyện viên sẵn sàng xuống đường tập hợp tổ chức biểu tình. Cuối cùng thì Barbieri quyết định ủng hộ McGovern. Ông mời chúng tôi dự buổi tiệc gặp mặt tại một câu lạc bộ Ý của địa phương - câu lạc bộ Melebus. Tại đây ông tuyên bố sự ủng hộ của mình.

Vào tuần tiếp theo chúng tôi lái xe đến một tòa nhà không gây một ấn tượng nào và bước vào cửa dẫn đến các cầu thang đi xuống một loạt các căn phòng ngầm dưới đất. Khi Barbieri đứng lên nói trong căn phòng ăn rộng lớn, ông cần có sự quan tâm theo dõi của các ủy viên của chính quyền địa phương - hầu hết là nam giới - có mặt ở đó. Ông ấy bắt đầu nói về cuộc chiến tranh Việt Nam và nêu tên các chàng trai ở khu New Haven đang phục vụ trong quân ngũ và tên những người đã tử trận. Sau đó ông nói "Cuộc chiến này không đáng để chúng ta mất thêm bất kỳ một chàng trai nào nữa. Đó là lý do chúng ta nên ủng hộ George McGovern, người muốn đem các chàng trai của chúng ta về nhà". Lời tuyên bố không phải ngay lập tức chiếm được sự ủng hộ đa số nhưng đến gần tối, ông ta tập trung thuyết phục cho đến khi giành

được sự nhất trí bỏ phiếu ủng hộ. Và ông ấy đã cam kết trước hết tại đại hội của tiểu bang và sau đó trong cuộc bầu cử: New Haven là một trong số vài nơi bỏ phiếu ủng hộ cho McGovern chống lại Nixon.

Sau lễ Giáng sinh, Bill rời vùng Hot Springs để đến Park Ridge sống với gia đình tôi vài ngày. Bố mẹ tôi đã gặp Bill vào mùa hè trước nhưng tôi vẫn cứ lo lắng bởi vì bố tôi thường không giấu giếm sự xét nét và chỉ trích các bạn trai của tôi. Tôi tự hỏi bố mình sẽ nói gì với một đảng viên Dân chủ miền Nam với bộ dạng tóc tai của ca sĩ Elvis. Mẹ tôi nói với tôi rằng trong con mắt của bố tôi, không có gã đàn ông nào xứng với tôi cả. Bà đánh giá tốt tính tình của Bill và việc anh sẵn sàng giúp bà rửa chén bát. Nhưng Bill thật sự chinh ục bà khi anh thấy bà đang đọc một cuốn sách triết học trong chương trình đại học ngày xưa của bà và thế là anh dành cả một tiếng đồng hồ để đàm luận với bà về quyển sách. Với bố tôi thì ban đầu sự việc diễn ra chậm hơn nhưng sau đó, Bill đã giành điểm trong những lần chơi bài và cùng gia đình xem các trận bóng chày trên truyền hình. Các cậu em của tôi cũng rất hợp với Bill. Bạn bè tôi cũng rất mến anh. Sau khi tôi giới thiệu anh ấy với Besty Johnson, mẹ cô ấy - bà Roslyn - đã kéo tôi vào góc phòng nói nhỏ: "Bác không để ý chuyện cháu làm nhưng đừng để mất chàng trai này. Anh ta là người duy nhất mà bác từng gặp có thể làm cho cháu cười!".

Sau khi kết thúc khóa học vào mùa xuân 1972, tôi quay về Washington để làm việc lại cho Marian Wright Edelman. Bill thì nhận một công việc toàn thời gian cho chiến dịch tranh cử của McGovern.

Đề tài chính của tôi trong khóa hè năm 1972 là thu thập các thông tin về việc Chính quyền Nixon đã không thực thi lệnh cấm ưu đãi về thuế cho các cơ sở giáo dục tư thục vẫn còn kỳ thị chủng tộc. Sự kỳ thị xuất hiện trong những trường tư thục ở một số vùng xa xôi hẻo lánh của miền Nam. Họ không muốn nhận học sinh da đen học cùng học sinh da trắng như các trường công lập. Họ cho rằng các cơ sở giáo dục tư thục được tạo ra nhằm đáp ứng nguyện vọng của phụ huynh về các trường tư thục, chuyện này không dính dáng gì đến lệnh của tòa án. Tôi đến Atlanta để gặp một số luật sư và các nhà hoạt động dân quyền đang thu thập các chứng cứ ngược lại cho thấy là các cơ sở, trường học đang được tạo ra chỉ nhằm để né tránh lệnh của Tòa án Tối cao trong phán quyết sau vụ "Brown kiện Ủy ban Giáo Dục".

Theo kế hoạch điều tra của mình, tôi đến Dothan, Alabama trong vai một bà mẹ trẻ mới chuyển chỗ ở đến, muốn đăng ký cho con tôi học trong một trường toàn học sinh da trắng tại địa phương. Trước tiên tôi é lại một "khu vực da đen" ở Dothan để dùng cơm trưa với các đầu mối liên lạc tại địa

phương. Sau khi thưởng thức món bánh mì kẹp thịt và trà đá đường, họ bảo tôi rằng nhiều phòng giáo dục trong vùng đã bòn rút sách vở và thiết bị gửi sang các cơ sở được gọi là học viện, những nơi mà họ xem như là các giải pháp lựa chọn cho các học sinh da trắng. Tại một trường tư thục địa phương, tôi có một buổi gặp với một nhà quản lý của trường để thảo luận cho việc đăng ký nhập học cho "đứa con tưởng tượng" của mình. Tôi đóng vai rất đạt, đưa ra các câu hỏi về chương trình học và thành phần học sinh. Tôi được đảm bảo là sẽ không có học sinh da đen nào được đăng ký.

Khi tôi đương đầu với tệ nạn kỳ thị thì Bill ở Miami chuẩn bị cho việc bảo đảm McGovern được đề cử tại Đại hội Đảng Dân chủ vào ngày 13/7/1972. Sau Đại hội, Gary Hart đề nghị Bill đến Texas cùng với Taylor Branch, lúc đó là một nhà văn trẻ, phối hợp với một luật sư ở địa phương tên là Julius Glickman lập ra một bộ ba điều hành chiến dịch tranh cử của McGovern ở tiểu bang này. Bill hỏi tôi có muốn đi không. Tôi đồng ý nhưng với điều kiện là có một việc làm cụ thể nào đó. Anne Wexler, một nhà vận động chiến dịch kỳ cựu mà tôi biết từ hồi ở Connecticut, lúc này đang làm cho McGovern, đã dành cho tôi một công việc: trưởng nhóm thuyết phục mọi người đi đăng ký cử tri ở Texas. Tôi không bỏ lỡ cơ hội này. Mặc dù Bill là người duy nhất tôi quen biết khi tôi đến Austin, Texas nhưng vào tháng Tám, tôi đã nhanh chóng kết thân với một số người bạn tốt nhất mà tôi từng có được.

Vào năm 1972, Austin vẫn còn là một thành phố chưa tỉnh giấc so với thành phố Dallas hoặc Houston. Rõ ràng nó là thủ phủ của bang và là quê hương của Trường Đại học Texa. Tuy nhiên, thành phố này vẫn có một cái gì đó hoài cổ hơn là biểu tượng tương lai của Texas. Khó mà dự đoán sự tăng trưởng bùng nổ của các công ty kỹ thuật cao đã làm biến đổi cái thành phố bé nhỏ ở vùng núi đồi Texas thành một thành phố nhộn nhịp của vùng phía Nam rực nắng.

Chiến dịch McGovern đặt bản doanh tại một cửa hàng trên đường West Sixth. Tôi có một chỗ làm việc nhỏ mà tôi ít khi ngồi vào do dành hầu hết thời gian của mình tại hiện trường để cố gắng giúp đăng ký cho các cử tri trẻ từ 18 đến 21 tuổi mới được quyền bầu cử và lái xe vòng vòng vùng Nam Texas để đăng ký giúp các cử tri da đen và gốc Mỹ La tinh. Roy Spence, Garry Mauro và Judy Trabulsi, những người tham gia hoạt động chính trị ở Texas và trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 1992 đã trở thành xương sống cho các nỗ lực tiếp cận được với giới cử tri trẻ của chúng tôi. Họ nghĩ rằng họ có thể đăng ký cho mọi cử tri 18 tuổi ở Texas. Những người mà họ tin là có khả năng xoay chuyển làn sóng bầu cử ủng hộ cho McGovern. Họ cũng vui vẻ giới thiệu tôi đến Scholz's Beer Garden. Tại đây, chúng tôi ngồi

nghỉ vào cuối một ngày làm việc 18 đến 20 tiếng để cố gắng nghĩ ra xem chúng tôi còn có thể làm gì khác nữa để đối phó với khả năng số lượng phiếu bầu có chiều hướng phát triển xấu.

Thật dễ hiểu khi người dân gốc Mỹ La tinh ở Nam Texas cảnh giác với một cô gái tóc vàng đến từ Chicago không biết nói một từ Tây Ban Nha nào cả. Tôi tìm những người bạn giúp đỡ ở các trường đại học, trong các tổ chức lao động và các luật sư của Hiệp hội Trợ giúp Pháp lý Nông thôn Nam Texas. Một trong những người hướng dẫn tôi dọc ngang vùng biên giới là Franklin Garcia, một nhà hoạt động công đoàn từng trải, đưa tôi đến những nơi tôi không thể nào đặt chân đến một mình và bảo lãnh cho tôi trước những người dân Mỹ gốc Mexico nghi ngờ là tôi có thể để Sở di trú hoặc một cơ quan công quyền nào đó. Vào một buổi tối khi Bill đang ở Brownsville gặp gỡ các lãnh đạo của Đảng Dân chủ, Franklin và tôi đã đón anh ấy và chở đến vùng biên giới giáp với Matamoros, nơi mà Franklin hứa thết đãi tôi một bữa ăn nhớ đời. Chúng tôi chui vào một quán bar ở địa phương có một ban nhạc Mariachi chơi rất hay và thưởng thức món thịt nướng Cabrito, món thủ dê mà tôi chưa bao giờ ăn trước đó. Bill ngủ gục ngay tại bàn trong khi tôi nhanh chóng tận hưởng món khoái khẩu này.

Betsey Wright trước đây hoạt động trong Đảng Dân chủ ở bang Texas và làm việc cho Tổ chức Common Cause đã đến tham gia trong chiến dịch. Betsey lớn lên ở Tây Texas và tốt nghiệp đại học ở Austin. Là một nhà tổ chức chính trị đại tài, bà có mặt ở khắp nơi tại tiểu bang và không che giấu điều mà chúng tôi đã hình dung ra là Chiến dịch của McGovern sẽ thất bại. Thậm chí thành tích ưu tú thời chiến của Thượng nghị sĩ McGovern là một phi công của Không lực, sau này được hồi tưởng trong tác phẩm của Stephen Ambrose The Wild Blue có thể là một chỗ dựa cho đường lối chống chiến tranh của ông ở Texas đã bị chôn vùi trong các cuộc công kích từ phe Cộng hòa và do những bước đi sai lầm trong chiến dịch tranh cử. Khi McGovern chọn Sargent Shriver để thay Thượng nghị sĩ Thomas Eagleton làm ứng viên Phó Tổng thống thì chúng tôi hy vọng là công việc của Shriver trong chính quyền của Tổng thống Kennedy và mối liên hệ với gia đình Kennedy của ông thông qua cô em Eunice của Jack và Bobby Kennedy có thể thu hút sự quan tâm của cử tri Mỹ.

Khi thời gian để đăng ký cử tri còn 30 ngày trước khi bầu cử, Betsey đề nghị tôi giúp điều hành chiến dịch ở San Antonio cho tháng cuối cùng. Tôi ở cùng với một người bạn đại học và đắm mình trong quang cảnh, âm thanh, mùi vị và các món ăn của thành phố xinh đẹp này. Tôi ăn các món Mexico ba lần một ngày, thường ra quán Mario's bên cạnh xa lộ hoặc ghé lại quán Mi

Tierra tại trung tâm thành phố.

Khi bạn đang điều hành một chiến dịch tranh cử tổng thống ở một tiểu bang hay một thành phố, bạn luôn cố thuyết phục tổng hành dinh trung ương gửi đến ứng viên tổng thống hoặc các đại diện cao cấp khác. Shirley MacLaine là người hỗ trợ nổi tiếng nhất mà chúng tôi đã cố thuyết phục đến San Antonio cho đến khi Ủy ban điều hành chiến dịch tranh cử tuyên bố rằng chính McGovern sẽ bay đến nay mai, tổ chức một buổi ra mắt ở Alamo - một động thái có tính tượng trưng. Trong hơn một tuần, mọi nỗ lực của chúng tôi nhằm biến sự kiện này thành một cuộc tập hợp ủng hộ càng đông càng tốt. Trải nghiệm này giúp tôi nhận ra việc các nhân viên tại tổng hành dinh chiến dịch tôn trọng các cơ sở địa phương là hết sức quan trọng. Các chiến dịch tranh cử biệt phái các nhân viên tiền trạm đến địa điểm dự kiến, lên kế hoạch về hậu cần cho một chuyến viếng thăm của ứng cử viên tổng thống. Đây là lần đầu tiên tôi thấy một đội tiền trạm tham gia hoạt động. Tôi biết rằng họ hoạt động dưới sức ép kinh khủng, họ muốn mọi thứ quan trọng như điện thoại, máy photocopy, sân khấu, bàn ghế, hệ thống âm thanh phải sẵn sàng vào ngày hôm trước và họ muốn rằng trong một cuộc đua căng thẳng có thể thất bại này phải có ai đó chịu trách nhiệm thanh toán các hóa đơn. Mỗi lần đội tiền trạm đến, họ đều báo tôi là tiền để trang trải sẽ được gửi đến ngay. Tuy nhiên tiền vẫn chưa thấy đâu. Vào buổi tối của sự kiện lớn này, McGovern đã thực hiện được một việc quan trọng. Chúng tôi đã huy động đủ tiền để trả cho các cơ sở dịch vụ địa phương. Hóa ra đây lại là phi vụ duy nhất thành công trong suốt thời gian lưu trú một tháng của tôi.

Đối tác của tôi trong tất cả chuyện này là Sara Ehrman, một thành viên trong nhóm trợ tá pháp lý của Thượng nghị sĩ McGovern đã xin nghỉ phép để làm việc trong chiến dịch này và sau đó đến Texas để tổ chức các hoạt động tác vụ tại chỗ. Là một c chính trị gia với tính tình dí dỏm và sôi nổi, Sara là hiện thân của tình mẫu tử ấm áp và chủ nghĩa hoạt động chính trị chân chính. Bà không bao giờ nói toạc móng heo hoặc phân tích các quan điểm của mình bất kể đối tượng khán giá của bà thế nào đi nữa. Và bà luôn có một năng lực và tinh thần gan lì của một người phụ nữ đã sống hơn nửa đời người và hiện bà vẫn tiếp tục thể hiện như thế. Bà đã điều hành chiến dịch San Antonio khi tôi đặt chân đến đây và nói với bà là tôi có mặt để trợ giúp. Chúng tôi nhanh chóng đánh giá về nhau và quyết định là rất vui khi được sát cánh đồng hành. Đây là sự khởi đầu cho một tình bạn vững bền đến ngày hôm nay.

Chúng tôi thấy rõ là Nixon sẽ đánh bại McGovern trong cuộc bầu cử tháng 11. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, chúng tôi biết rằng điều này không ngăn cản được ông ta và các đồng sự tiến hành các quỹ bầu cử bất hợp pháp

(không thông báo chính thức cho các cơ quan chính phủ) để bí mật theo dõi phe đối lập và tài trợ cho các trò mánh khóe dơ bẩn nhằm đảm bảo một chiến thắng cho Đảng Cộng hòa. Một cuộc tấn công vụng về vào các văn phòng của Ủy ban Đảng Dân chủ trong vụ bê bối Watergate vào ngày 17/6/1972 đã dẫn đến việc sụp đổ của Richard Nixon. Đây cũng là điều có tác động đến kế hoạch sau này của tôi.

Trước khi quay về các lớp ở Yale mà chúng tôi đã đăng ký nhưng chưa dự học, Bill và tôi đã thực hiện một chuyến nghỉ mát bên nhau đến thành phố Zihuatanejo, Mexico. Lúc đó thành phố này trông giống như một thiếu phụ tuyệt đẹp đang ngủ. Đây là một thành phố nhỏ bên bờ Thái Bình Dương.

Giữa những đợt bơi đùa trong làn sóng biển, chúng tôi dành thời gian suy ngẫm, đánh giá lại cuộc bầu cử và những thất bại của chiến dịch McGovern. Đây cũng là một chủ đề bình luận kéo dài cả tháng sau. Có nhiều sai lầm kể sự kiện Đại hội Đảng Dân chủ Toàn Liên bang với nhiều rạn nứt nội bộ. Một trong số các sai lầm chiến thuật là McGovern đã đọc bài diễn văn vận động vào ngay lúc nửa đêm. Vào thời điểm này ít có ai ở Hoa Kỳ thức xem truyền hình cho dù đó có là một đại hội chính trị được tường thuật trên truyền hình. Nhìn nhận lại về kinh nghiệm của chúng tôi qua vụ McGovern, Bill và tôi hiểu rằng chúng tôi còn nhiều thứ phải học hỏi về nghệ thuật vận động chính trị và sức mạnh của truyền hình. Cuộc đua 1972 là cột mốc đầu tiên trong con đường hoạt động chính trị của tôi.

Sau khi học xong trường luật vào mùa xuân năm 1973, Bill đưa tôi đi châu Âu lần đầu tiên để thăm lại những nơi kỷ niệm của anh khi anh du học ở đây theo học bổng Rhodes. Chúng tôi đáp máy bay xuống Luân Đôn và Bill tỏ ra là một hướng dẫn viên tuyệt vời. Chúng tôi dành hàng giờ đồng hồ để tham quan tu viện Westminster, thăm bảo tàng Tate Gallery và tòa nhà Quốc hội. Chúng tôi đi bộ vòng quanh Stonehenge và trầm trồ ngắm các đồi cỏ xanh biếc một màu của xứ Wales. Chúng tôi lên đường ghé thăm rất nhiều các nhà thờ, dựa vào cuốn sách bản đồ vẽ rất chi tiết các lối đi cho từng dặm vuông được thể hiện trên từng trang. Chúng tôi lang thang từ Salisbury đến Lincoln, Durham rồi đến York, ngừng lại tìm hiểu các tàn tích của một tu viện bị các đạo quân của Cromwell tàn phá hoặc đi thơ thẩn xuyên qua các khu vườn của một trang viên rộng lớn.

Sau đó, vào lúc hoàng hôn trên vùng Hồ tuyệt đẹp của nước Anh, chúng tôi thấy mình đang ở bên bờ hồ Ennerdale. Chính nơi đây Bill đã cầu hôn tôi.

Tôi rất yêu Bill nhưng còn rất bối rối về cuộc sống và tương lai của mình.

Do đó tôi trả lời: "Không, không phải là lúc này". Ý tôi muốn nói là "Anh hãy cho em thời gian".

Mẹ tôi đã chịu nhiều đau khổ từ cuộc ly dị của bố mẹ mình,i thơ cô đơn, buồn bã của bà vẫn còn hằn in trong lòng tôi. Tôi biết là một khi tôi quyết định lập gia đình thì tôi muốn cuộc hôn nhân đó bền vững suốt đời. Hồi tưởng về thời gian này, tôi không những cảm thấy thật lo sợ cho lời hứa đó của mình mà còn lo lắng cho xúc cảm mãnh liệt của Bill nữa. Tôi nghĩ về anh như một sức mạnh tự nhiên và tự hỏi là liệu tôi sẽ gắn bó suốt đời với anh hay không.

Bill Clinton là con người kiên định. Anh ấy đặt ra các mục tiêu và tôi là một trong những mục tiêu của anh. Anh cứ cầu hôn tôi từ lần này đến lần khác và tôi luôn nói không. Cuối cùng anh nói, "Được rồi, anh sẽ không xin em lấy anh nữa và nếu như em chợt quyết định là em muốn lấy anh thì lúc đó em phải báo cho anh biết". Anh ấy sẵn sàng đợi tôi.

NGƯỜI LỮ HÀNH ARKANSAS

Ngay sau khi chúng tôi trở về từ châu Âu, Bill đề nghị đưa tôi tiếp tục một chuyến hành trình khác - lần này về quê hương của anh.

Bill đón tôi tại phi trường ở thành phố Little Rock vào một buổi sáng mùa hè rực rỡ cuối tháng Sáu. Anh lái xe chở tôi đi qua các con phố có những dãy nhà theo kiến trúc thời Victoria, đi ngang qua Dinh Thống đốc và toà nhà Quốc hội tiểu bang, được xây giống với tòa nhà Quốc hWashington. Chúng tôi đi qua Thung lũng Arkansas River với những hàng cây mộc lan sà thấp và đi vào vùng núi Ouachita, dừng chân tham quan và ghé lại các cửa hàng đồng quê để Bill giới thiệu với tôi về những người và nơi chốn mà anh ấy yêu thích. Khi trời chạng vạng tối, chúng tôi đã đến được vùng Hot Springs của tiểu bang Arkansas.

Khi tôi và Bill gặp nhau lần đầu, anh ấy đã dành hàng giờ kể cho tôi nghe về Hot Springs - nơi được tạo thành từ các dòng suối nước nóng lưu huỳnh - mà người thổ dân da đỏ đã tắm ở đây hàng thế kỷ. Anh kể rằng Hernando De Soto đã "khám phá" ra nó vào năm 1541 và tin tưởng rằng con suối nước nóng là cội nguồn của tuổi trẻ. Các trường ngựa đua thuần chủng cùng với tệ nạn đỏ đen đã thu hút nhiều vị khách giang hồ như Babe Ruth, Al Capone và Minnesota Fats. Khi Bill lớn lên, nhiều nhà hàng trong thị trấn đã có các máy chơi game và các hộp đêm ở đấy có đầy đủ những nghệ sĩ biểu diễn nổi tiếng của thập niên 1950 như Peggy Lee, Tony Bennett, Liberace và Patti Page. Bộ trưởng Tư pháp Robert Kennedy đã đóng cửa các hoạt động đỏ đen bất hợp pháp, làm suy giảm hoạt động kinh doanh của các khách sạn lớn, nhà hàng và nhà tắm công cộng trên đại lộ Central. Tuy nhiên thành phố đã ngày càng thịnh vượng hơn khi càng có nhiều người hưu trí phát hiện ra thời tiết ôn hòa của nơi này, các hồ nước, rừng cây, vẻ đẹp thiên nhiên và đặc biệt là tính tình phóng khoáng của cư dân ở đây.

Khu Hot Springs chính là môi trường sống quen thuộc của bà Virginia Cassidy Blythe Clinton Dwire Kelley. Mẹ của Bill sinh ra ở vùng Bodcaw, Arkansas và lớn lên ở vùng Hope lân cận về phía tây nam 80 dặm. Trong suốt Thế chiến thứ hai, bà học trường điều dưỡng ở Louisiana và đây là nơi bà đã gặp người chồng đầu tiên, William Jefferson Blythe. Sau chiến tranh, họ dời nhà đến Chicago và sống ở North Side, không xa nơi bố mẹ tôi đang ở. Khi Virginia mang thai Bill, bà quay về nhà ở Hope để chờ sinh con. Chồng của bà lái xe xuống thăm bà thì bị tử nạn tại Missouri vào tháng 5/1946. Virginia trở thành góa phụ khi mới 23 tuổi và Bill được hạ sinh vào ngày 19/8/1946. Bà quyết định lên thành phố New Orleans để học ngành

điều dưỡng gây mê bởi vì bà biết mình có thể kiếm thêm tiền bằng công việc này để lo cho bản thân và đứa con trai mới sinh của mình. Bà để Bill cho bố mẹ mình chăm sóc. Khi bà lấy được bằng chuyên khoa, bà đã quay về Hope để hành nghề.

Vào năm 1950, bà lập gia đình với Roger Clinton, một nhà buôn bán ô tô thích rượu chè và cùng với ông dời nhà đến sống ở vùng Hot Springs vào năm 1953. Tình trạng rượu chè của ông chồng thứ hai ngày càng trở nên tệ hại hơn và ông rất vũ phu. Vào năm mười lăm tuổi, Bill đã đủ lớn để ngăn không cho người bố dượng đánh đập mẹ mình, ít ra khi Bill có mặt. Anh ấy cũng cố gắng trông nom cậu em trai Roger, nhỏ hơn mình 10 tuổi. Bà Virginia lại một lần nữa góa bụa vào năm 1967 khi Roger Clinton chết sau một thời gian dài chống chọi với căn bệnh ung thư.

Tôi đã gặp Virginia khi bà ghé thăm Bill vào mùa xuân 1972. Lúc ấy, cả hai chúng tôi rất lúng túng. Trước khi bà Virginia đến, tôi đã cắt ngắn mái tóc của mình (trông rất xấu) để tiết kiệm tiền. Tôi không trang điểm và luôn mặc quần jeans, áo sơ mi. Tôi không phải là Hoa hậu Arkansas và dĩ nhiên không phải là loại phụ nữ mà Virginia mong con mình yêu. Dù có bất kỳ chuyện gì khác xảy ra trong đời, Virginia luôn thức dậy sớm, gắn đôi mi giả của bà, đánh son đỏ chói và bước đi khệnh khạng ra ngoài cửa. Phong cách của tôi làm bà thất vọng và bà cũng không thích các ý tưởng lạ lùng của một con nhỏ Yankee như tôi.

Với người chồng thứ ba của Virginia là Jeff Dwire, tôi có dịp tiếp xúc dễ chịu hơn. Ông đã trở thành một đồng minh ủng hộ tôi. Ông làm chủ một tiệm sửa sắc đẹp và cư xử với Virginia y như một nữ hoàng. Ông rất tử tế với tôi ngay từ ngày đầu tiên gặp mặt và khuyến khích tôi tiếp tục nỗ lực xây dựng mối quan hệ với mẹ của Bill. Jeff bảo tôi hãy kiên nhẫn thêm một khoảng thời gian rồi bà sẽ hồi tâm.

“Ồ, đừng lo về Virginia", ông ấy bảo tôi. "Bà ấy chỉ cần quen được với ý tưởng của cô. Thật là khó khăn để làm cho hai người phụ nữ mạnh mẽ có thể hòa hợp."

Cuối cùng thì Virginia và tôi đã biết tôn trọng các khác biệt của nhau, và đã phát triển được một mối quan hệ sâu sắc. Chúng tôi cảm nhận được rằng điều chúng tôi cùng nhau san sẻ thì quan trọng hơn cái mà chúng tôi không có vì chúng tôi cùng yêu mến một người đàn ông.

Bill về nhà ở Arkansas và xin đi dạy tại trường Đại học Luật Arkansas ở

Fayetreville. Tôi dời đến Cambridge, Massachusetts để làm việc cho Marian Wright Edelman tại một Quỹ Bảo vệ Trẻ em (CDF) mới được sáng lập. Tôi thuê tầng thượng của một căn nhà cổ, ở đấy lần đầu tiên tôi sống một mình. Tôi thích công việc này: được đi lại nhiều nơi và đối mặt với các vấn đề liên quan đến trẻ em và thiếu niên trên khắp đất nước. Ở Nam Carolina, tôi đã giúp điều tra về sự việc các trẻ em tuổi vị thành niên bị tống giam trong các nhà tù dành cho người lớn. Một số em tuổi 14, 15 mà tôi phỏng vấn bị tống giam vì các vi phạm nhỏ nhặt. Một số em khác đúng là những tội phạm nghiêm trọng. Dù trong trường hợp nào đi nữa thì cũng không nên bắt chúng giam chung với các tội phạm người lớn sừng sỏ có thể làm hại hoặc xúi giục chúng trở thành tội phạm thật sự. Tổ chức CDF nỗ lực cách ly các trẻ vị thành niên ra khỏi các trại giam không phù hợp trên, bảo vệ các em và bảo đảm sự xét xử diễn ra nhanh chóng hơn.

Ở thành phố New Bedford, Massachusetts, tôi gõ cửa từng nhà để cố gắng xác định nguồn thông tin thống kê đang gặp khó khăn. Tại tổ chức CDF, chúng tôi đưa ra các con số thống kê về trẻ em trong độ tuổi đi học và đối chiếu những con số này với số đăng ký học. Chúng tôi thường phát hiện có những chênh lệch đáng kể, và muốn xác định xem những trẻ em thuộc diện nghi vấn này đang ở đây. Việc gõ cửa từng nhà rất hồi hộp và đau lòng. Tôi đã tìm thấy những đứa bé không đi học do các khuyết tật thể chất như mù, điếc. Tôi cũng phát hiện nhiều em đến tuổi đi học lại phải ở nhà, phải trông nom các em cho bố mẹ đi làm. Bên hàng hiên phía sau một ngôi nhà, kề bên hàng xóm là những ngư dân Mỹ gốc Bồ Đào Nha, tôi đã gặp một cô gái ngồi trên chiếc xe lăn. Cô bé đã nói với tôi là em rất mong muốn được đến trường nhưng biết là không thể bởi vì cô bé không đi được.

Chúng tôi đã đệ trình các kết quả của chuyến khảo sát lên Quốc hội. Hai năm sau, trước sự thúc giục của tổ chức CDF và các nhà hoạt động ủng hộ nhiệt thành khác, Quốc hội đã thông qua Đạo luật Giáo dục dành cho tất cá trẻ em bị khuyết tật, quy định rằng các trẻ em bị các khuyết tật về thể chất, tinh thần và học vấn phải được giáo dục trong hệ thống trường công lập.

Mặc dù hài lòng với công việc của mình nhưng tôi cảm thấy cô đơn và rất nhớ Bill. Tôi đăng ký tham gia kỳ thi sát hạch để được hành nghề luật sư tại hai nơi Arkansas và Washington D.C. vào mùa hè nhưng trái tim vẫn hướng về Arkansas. Khi biết rằng tôi đã đậu ở Arkansas và rớt ở Washington D.C., tôi nghĩ rằng có lẽ kết quả kiểm tra đã cho tôi biết được đôi điều. Tôi đã tiêu mất một phần lớn lương vào hóa đơn điện thoại để trò chuyện với Bill và rất sung sướng khi Bill đến thăm tôi nhận dịp lễ Tạ ơn. Chúng tôi đã cùng nhau thám hiểm Boston và nói chuyện về tương lai của hai đứa.

Bill bảo tôi là anh thích dạy học và thích sống trong một căn nhà thuê ở vùng ngoại ô Fayetteville, một thị trấn êm đềm và thanh bình gần khu trường đại học . Tuy nhiên lĩnh vực chính trị lại giục giã và anh đang cố gắng tìm ra một ứng viên để tranh cử với John Paul Hammerschmidt, Nghị sĩ Đảng Cộng hòa duy nhất của Arkansas. ã không tìm ra một chính khách Đảng Dân chủ nào khác ở vùng tây bắc Arkansas sẵn sàng tranh cử với vị nghị sĩ được mến mộ đã làm bốn nhiệm kỳ này, và tôi cho rằng anh ấy bắt đầu xem xét đến việc đích thân bước vào cuộc đua tranh này. Nếu anh quyết định làm điều đó thì tôi không chắc là việc đó sẽ có ý nghĩa gì với chúng tôi. Chúng tôi đồng ý là tôi sẽ xuống Arkansas sau mùa Giáng sinh năm 1973 để có thể cố gắng hình dung chúng tôi đang hướng đến đâu. Trước khi tôi đến Arkansas vào dịp năm mới thì Bill đã quyết định tranh cử vào Quốc hội. Anh tin rằng Đảng Cộng hòa có thể bị tổn thương do vụ tai tiếng Watergate và tin rằng thậm chí ngay cả những nghị sĩ bảo thủ tầm cỡ cũng có thể bị tổn thương. Anh ấy rất háo hức với thách thức này và bắt đầu tập hợp cho chiến dịch tranh cử của mình.

Tôi được biết về tuyên bố của Washington là John Doar đã được Ủy ban Tư pháp Hạ viện chọn để tiến hành xem xét các nghi vấn tố cáo để luận tội Nixon. Chúng tôi đã gặp Doar tại Yale khi ông còn làm "thẩm phán" trong một vụ xét xử theo dạng mô phỏng vào mùa xuân 1973. Với tư cách là Chủ nhiệm Luật sư Đoàn, Bill và tôi chịu trách nhiệm giám sát một vụ xét xử giả định theo quy định trong chương trình học và Doar được cử làm thẩm phán xét xử. Đó là mẫu người cứng rắn: một luật sư trầm tính, cao kều đến từ Wisconsin đã từng làm việc trong Bộ Tư pháp của Kennedy để giúp kết thúc tình trạng phân biệt chủng tộc ở miền Nam. Ông đã đưa ra tranh luận một số các vụ xử về quyền cử tri quan trọng nhất của chính phủ tại tòa án liên bang và ông đã làm việc ngay tại vùng đất Mississippi và Alabama trong suốt các giai đoạn bạo lực những năm 60. Ở thành phố Jackson của bang Mississippi ông đã đứng giữa một bên là những người phản đối đang giận dữ và một bên là cảnh sát vũ trang để ngăn chặn một vụ thảm sát có thể xảy ra. Tôi rất ngưỡng mộ sự dũng cảm và phương pháp dụng luật có tổ chức và nghiêm túc

Một ngày nọ khi tôi đang ngồi uống cà phê với Bill trong bếp của anh thì điện thoại reo vang. Chính Doar đã đề nghị Bill tham gia vào nhóm luận tội mà ông đang tổ chức. Ông bảo Bill là ông đã yêu cầu Burke Marshall, người bạn và đồng nghiệp vong niên từ Vụ Dân quyền của Bộ Tư pháp thời Kennedy tiến cử một số luật sư trẻ làm việc trong vụ điều trần. Tên của Bill đã được ghi ngay đầu danh sách cùng với ba người bạn cùng lớp khác tại Yale là Michael Conway, Rufus Cornier và Hillary Rodham. Bill bảo Doar

là anh đã quyết định ra tranh cử vào Quốc hội nhưng anh nghĩ các người khác trong danh sách có thể sẵn sàng tham gia. Doar nói là ông ấy sẽ gọi tôi kế tiếp. Ông ấy đề nghị cho tôi một vị trí, giải thích là công việc này sẽ nhận lương ít ỏi nhưng giờ làm việc thì nhiều và hầu hết công việc sẽ vất vả và tẻ nhạt. Chính là do lời đề nghị này của họ mà tôi không thể nào từ chối. Tôi không thể tưởng tượng một sứ mạng nào quan trọng hơn sự kiện này trong lịch sử Hoa Kỳ. Bill cũng rất phấn khởi và cả hai chúng tôi đều nhẹ nhõm vì có thể trì hoãn bàn tính chuyện riêng của bọn tôi thêm một thời gian nữa. Với sự chúc lành của Mariah, tôi gói ghém túi xách và dời từ Cambridge vào một căn phòng trống tại căn hộ ở Washington của Sara Ehrman. Tôi đang trên con đường đến một trong những trải nghiệm quan trọng và mạnh mẽ nhất trong cuộc đời của mình.

Bốn mươi bốn luật sư tham gia vào quá trình luận tội làm việc bảy ngày một tuần, cố thủ trong một Nhà khách cũ của Quốc hội trên Đồi Capitol đối diện với các tòa nhà làm việc của Hạ viện ở phía đông nam Washington. Tôi lúc đó 26 tuổi, luôn ngưỡng mộ, thán phục các đồng sự tôi được làm chung và chịu ấn tượng mạnh bởi sứ mạng lịch sử mà chúng tôi thực hiện.

Mặc dù Doar chỉ đạo các nhân viên làm việc nhưng có hai nhóm luật sư: một nhóm được Chủ tịch Ủy ban Tư pháp là Nghị sĩ Đảng Dân chủ Peter Rodino của bang New Jersey chỉ đ dưới sự lựa chọn của Doar. Nghị sĩ Edward Hutchison của bang Michigan phe Cộng hòa chỉ định nhóm luật sư thứ hai do Albert Jenner cầm đầu, đây là một luật sư huyền thoại của hãng luật Jenner & Block có trụ sở ở Chicago. Dưới sự lãnh đạo của Doar, các luật sư nhiều kinh nghiệm tập trung vào mọi lĩnh vực điều tra. Một trong số họ là Beenard Nussbaum, trợ lý Bộ trưởng Tư pháp đến từ New York. Một luật sư khác là Joe Woods, một luật sư đến từ California với một phong cách khô khan và những tiêu chuẩn tỉ mỉ, giám sát công việc của tôi về các vấn đề thủ tục và hiến pháp. Bob Sack, một luật sư có lối văn phong hoa mỹ thường làm cho những giây phút căng thẳng của chúng tôi trở nên sôi động nhờ lối chơi chữ và ca cẩm khôi hài của mình, sau này được Bill bổ nhiệm làm thẩm phán liên bang. Tuy nhiên, đa số chúng tôi đều là những người trẻ và nhiệt huyết mới tốt nghiệp trường luật, sẵn sàng làm việc 24 tiếng một ngày trong những văn phòng tạm thời, xem tài liệu, nghiên cứu và rà băng ghi âm.

Bill Weld, Đảng Cộng hòa, sau này làm Thống đốc bang Massachusetts, làm việc với tôi trong nhóm chuyên trách về hiến pháp. Fred Altschuler, một chuyên gia siêu hạng về pháp lý đến từ California đề nghị tôi giúp ông phân tích cấu trúc báo cáo của các nhân viên Nhà Trắng để xác định xem các quyết định nào có khả năng được thực hiện. Tôi ngồi cùng phòng với Tom

Bell, một luật sư đến từ một công ty gia đình của Doar ở New Richmond, Wisconsin. Tôi và Tom cùng nhau thức khuya vật lộn với các điểm tinh tế về các diễn giải pháp lý. Tuy vậy chúng tôi cũng rất vui và cười đùa nhiều. Anh ta không tỏ ra quá trịnh trọng và cũng không cho tôi làm như vậy.

Andrew Johnson là vị Tổng thống duy nhất trước đó bị luận tội và trong trường hợp này, đa số sử gia đồng ý rằng Quốc hội đã sử dụng sai trách nhiệm lập pháp thiêng liêng của mình cho những mục đích chính trị đảng phái. Dagmar Hamilton, một luật sư và giáo sư tại Trường Đại học Texas đã nghiên cứu các trường hợp luận tội của người Anh; tôi đảm tráchường hợp ở Mỹ. Doar cam kết sẽ tiến hành một quy trình mà công chúng và lịch sử sẽ đánh giá là công bằng và không thiên vị, cho dù kết quả có như thế nào đi nữa. Joe Woods và tôi soạn thảo các quy định về quy trình thực hiện nhằm đệ trình lên Ủy ban Tư pháp Quốc hội. Tôi tháp tùng theo Doar và Woods đến dự một cuộc họp công khai của Ủy ban và ngồi cùng với họ tại bàn luật sư trong khi Doar trình bày các quy trình mà ông muốn các thành viên Ủy ban chấp thuận.

Chưa có các rò rỉ gì từ cuộc điều tra của chúng tôi nên giới báo chí truyền thông cố săn tìm bất kỳ một mẩu tin nào có thể thu hút công chúng để tường thuật. Do phụ nữ khá hiếm trong môi trường này nên sự hiện diện của họ được xem là những thông tin đáng giá. Vấn đề duy nhất mà tôi gặp phải khi một phóng viên hỏi tôi cảm nghĩ thế nào khi được trở thành một nhân vật giống "Jill Wine Volner trong vụ Điều tra Luận tội". Chúng tôi đã xem các phương nện truyền thông nói về cô Jill Wine Volner, một luật sư trẻ làm việc tại văn phòng Công tố viên Đặc biệt Leon Jaworski. Volner đã tiến hành việc thẩm vấn chéo đáng nhớ về Rose Mary Woods, thư ký riêng của Nixon về vụ thất lạc đoạn băng cực kỳ quan trọng dài 18 phút rưỡi. Các kỹ năng pháp lý và sự hấp dẫn của Volner đã trở thành đề tài của nhiều câu chuyện.

John Doar rất dị ứng với cánh báo chí. Ông ban hành một chính sách nghiêm ngặt về tính bảo mật tuyệt đối, thậm chí giữ bí mật họ tên. Ông khuyến cáo chúng tôi không được viết nhật ký, phải bỏ các loại rác giấy tờ nhạy cảm vào các thùng rác được chỉ định, không bao giờ được nói về công việc bên ngoài tòa nhà, không được gây sự chú ý đối với bản thân và tránh các hoạt động xã hội dưới mọi hình thức (giá sử nếu chúng tôi có thời gian). Ông biết rằng thận trọng là phương cách duy nhất để đạt được một quy trình công bằng và có giá trị. Khi ông nghe về tay phóng viên hỏi câu hỏi so sánh tôi với Volner, tôi biết là mình sẽ không bao giờ được tiếp xúc với giới một lần nữa.

Sau khi làm việc về các quy trình, tôi tiếp tục chuyển sang nghiên cứu các cơ

sở pháp lý để buộc tội và đã viết một bản báo cáo dài tóm tắt các kết luận của tôi về những điều đã làm và chưa làm - cấu thành một bản luận tội. Những năm sau này, tôi đọc lại bản báo cáo đó và vẫn còn đồng ý với các đánh giá về các loại hình "Trọng Tội và Khinh Tội" là khung Hiến pháp nhằm để luận tội.

Từ tốn và chắc chắn, nhóm luật sư của Doar đã tập hợp các chứng cớ dẫn đến vụ xét xử bắt buộc đối với Richard Nixon. Là một trong những luật sư khắt khe, kỹ tính nhất mà tôi từng được làm việc, Doar nhấn mạnh rằng không ai được rút ra kết luận cho đến khi tất cả các sự kiện được đánh giá. Vào những ngày đó, trước màn hình máy tính cá nhân, ông đã chỉ dẫn chúng tôi cách sử dụng các phiếu ghi mục lục để truy tìm các dữ kiện giống như cách thức mà ông đã áp dụng trong các vụ xét xử dân quyền của mình. Chúng tôi đánh máy từng dữ kiện vào một phiếu - ngày của bản ghi nhớ, chủ đề cuộc họp - và đối chiếu với các dữ kiện khác. Sau đó, chúng tôi tìm kiếm các chi tiết giống nhau. Vào cuối cuộc điều tra luận tội, chúng tôi đã biên soạn hơn 500 ngàn phiếu ghi mục lục.

Công việc của chúng tôi tăng tốc sau khi nhận được các cuộn băng ghi âm được đưa ra tòa từ đại bồi thẩm đoàn Watergate. Doar yêu cầu một số chúng tôi nghe băng để hiểu thêm về chúng. Thật là một công việc khó nhọc: phải ngồi một mình trong một căn phòng không có cửa sổ cố gắng tìm hiểu, lượm lặt các ngữ cảnh và ý nghĩa của chúng. Và sau đó, có một cuốn băng mà tôi gọi là "Băng chủ của các cuộn băng". Trong cuốn băng này Richard Nixon tự ghi lại các cuộn băng trước đó mà ông ấy đã thực hiện về mình và thảo luận điều mà ông nghe trên băng với các tham mưu của mình. Ông ấy đã đánh giá và lý giải những điều đã nói trước đây để phủ nhận hoặc giảm thiểu sự dính líu của mình trong các nỗ lực của Nhà Trắng nhằm qua mặt Luật pháp và Hiến pháp. Tôi đã nghe ông nói đại loại như "ý của tôi khi tôi nói rằng..." hoặc "Đây là điều mà thật ra tôi đang cố gắng diễn đạt...”. Thật là kỳ lạ khi nghe những lời diễn tập của Nixon để bao biện cho ông ấy.

Vào ngày 19 tháng 7 năm 1974, Doar trình bày bản đề xuất những điểm luận tội nhằm cụ thể hóa các cáo buộc chống lại. Ủy ban Tư pháp Thượng viện chấp thuận ba điểm buộc tội là lạm dụng quyền lực, cản trở công lý và coi thường Quốc hội. Các lời buộc tội Nixon bao gồm việc mua chuộc các nhân chứng để họ im lặng hoặc tác động vào các chứng cứ của họ, sử dụng sai Cơ quan Thuế vụ để thu thập các chứng từ hồ sơ thuế của các công dân, chỉ đạo FBI và cơ quan mật vụ theo dõi nhân dân Mỹ, và duy trì một đơn vị điều tra bí mật trong Văn phòng tổng thống. Cả hai đảng đều bỏ phiếu đối với những lời luận tội này để đảm bảo lòng tin của cả Quốc hội và công chúng Mỹ. Sau

đó vào ngày 5 tháng 8 , Nhà Trắng đã cho công bố các bản ghi chép cuộn băng ngày 23 tháng 6 năm 1972 thường được gọi là "Bằng chứng quyết định", qua đó đã vạch trần việc Nixon đã chấp thuận việc che giấu số tiền được Ủy ban tái tranh cử của ông sử dụng cho các mục đích bất hợp pháp.

Nixon từ chức vào ngày 9 tháng 8 năm 1974, để lại cho quốc gia một sự bàng hoàng và chia rẽ trong cuộc bỏ phiếu ở Hạ viện và khó khăn cho Thượng viện. Quá trình buộc tội Nixon vào năm 1974 đã buộc một tổng thống phải từ nhiệm và là một chiến thắng của Hiến pháp và hệ thống luật pháp của Hoa Kỳ. Sức mạnh to lớn của các Ủy ban Quốc hội và các công tố viên chí công, vô tư và đúng với Hiến pháp khi biết sử dụng chúng làm vũ khí.

Thế là tôi lại không có việc làm. Nhóm luật sư gắn bó của chúng tôi đgặp gỡ nhau trong bữa ăn tối cuối cùng trước khi chúng tôi lại tỏa đi khắp bốn phương trời. Mọi người nói chuyện rất hồ hởi về các hoạch định của mình trong tương lai. Tôi thì còn chưa quyết định và khi Bert Jenner hỏi tôi muốn làm gì, tôi nói mình muốn trở thành một luật sư tòa án giống như anh. Anh ấy bảo tôi là không thể làm được.

"Tại sao?", tôi hỏi.

"Vì cô không bao giờ có vợ."

"Cái đó là nghĩa quái gì thế'"

Bert Jenner giải thích là nếu không có một người vợ chăm sóc tất cả các nhu cầu cá nhân của mình thì bản thân tôi không bao giờ có thể thu xếp được các nhu cầu trong cuộc sống hàng ngày, ví dụ như là đảm bảo rằng tôi mang vớ sạch tại tòa án. Từ đó tôi tự hỏi là có phải Bert Jenner muốn trêu tôi hay muốn ám chỉ với tôi rằng lĩnh vực luật pháp vẫn còn rất khắt khe với phụ nữ. Cuối cùng thì cũng không sao; tôi chọn trái tim thay cho lý trí mình. Tôi sẽ chuyển đến Arkansas.

“Cô có khùng không đấy?", Sara Ehrman nói khi tôi thông báo tin này, "Tại sao cô lại ném tương lai của mình đi như thế?”

Nhớ lại mùa xuân năm đó, tôi đã xin phép Doar đi thăm Bill ở Fayetteville. Ông ấy không thích ý tưởng này nhưng phải miễn cưỡng cho tôi nghỉ phép một tuần. Khi ở Fayetreville, tôi đi cùng với Bill dự buổi dạ tiệc mà ở đó tôi gặp một số các bạn đồng nghiệp ở trường luật của anh ấy trong đó có Wylie Davis, lúc đó là Hiệu trưởng. Khi tôi ra về, Hiệu trưởng Davis đã hỏi tôi là

có muốn đi dạy hay không. Khi có ý nghị chuyển đến Arkansas, tôi đã nhớ lại lời mời đó và quyết định nhận lời ông ta. Tôi gọi điện hỏi xem là lời đề nghị vẫn còn mở ngỏ hay không và ông ấy nói là vẫn còn. Tôi hỏi làạy môn gì và ông ấy bảo sẽ cho tôi biết khi tôi đến đó trong vòng khoảng 10 ngày để bắt đầu lớp học.

Quyết định ra đi của tôi đã không hoàn toàn bất ngờ. Bill và tôi đã cân nhắc về tương lai mình kể từ khi chúng tôi bắt đầu hò hẹn. Nếu chúng tôi ở bên nhau thì một người trong chúng tôi phải hy sinh đường công danh. Nhờ có việc kết thúc đột ngột công việc ở Washington, tôi có thời gian và không gian dành cơ hội cho mối quan hệ của chúng tôi và Arkansas. Mặc dù nghi ngại nhưng Sara vẫn đề nghị chở tôi xuống Arkansas. Cứ đi được vài dặm là cô ấy lại hỏi liệu tôi có biết điều tôi đang làm và cứ mỗi lần như vậy tôi đều trả lời: "Không, nhưng dù sao em cũng sẽ biết thôi.”

Đôi khi tôi phải lắng nghe kỹ lòng mình để quyết định điều hợp lý cho bản thân và có thể tự mình đưa ra một số quyết định. Bạn cần phải làm như vậy, đặc biệt là khi bạn bè và gia đình bạn - chưa kể đến công chúng và báo giới - đặt câu hỏi về các lựa chọn và suy xét về các động cơ của bạn. Tôi đã yêu Bill hồi còn ở trường luật và muốn sống bên anh. Tôi biết là mình luôn hạnh phúc hơn khi có anh, và tôi luôn giả định là tôi có thể sống một đời mãn nguyện ở bất cứ nơi đâu. Nếu tôi trưởng thành như vậy thì tôi biết đó là lúc để tôi làm cái điều mà tôi rất sợ phải làm (diễn giải theo lời của Eleanor Roosevelt). Do đó tôi đang đi về một nơi mà tôi chưa bao giờ đến, không có bạn bè, gia đình. Nhưng trái tim tôi mách bảo là tôi đã đi đúng hướng.

Vào một buổi tối nóng nực tháng Tám, ngày mà tôi đến, tôi thấy Bill đang diễn thuyết trong chiến dịch tranh cử trước một đám rất đông khán giả tại quảng trường của thành phố ở Bentonville. Tôi rất ấn tượng. Mặc dù ở vào thế bất lợi, nhưng biết đâu anh có cơ hội. Ngày hôm sau, tôi tham dự buổi tiệc chiêu đãi nhân dịp một khoa luật của trường do Luật sư Đoàn Hạt Washington tổ chức tại khách sạn Holiday. Tôi đã ở Arkansas chưa tới 48 tiếng đồng hồ nhưng tôi đã có công việc. Tôi sẽ dạy môn luật hình sự và công tác bào chữa trong xét xử cũng như điều hành các dự án tìm hiểu về quản lý nhà giam và chương trình thực tập trợ giúp pháp lý. Cả hai lĩnh vực đều yêu cầu tôi giám sát sinh viên trong việc cung cấp các trợ giúp cho người nghèo và những tù nhân. Và tôi đang làm điều mà tôi có thể giúp Bill trong chiến dịch vận động của anh.

Bill Bassett, Chủ nhiệm Luật sư Đoàn đã đưa tôi đi gặp gỡ các luật sư và thẩm phán của địa phương. Ông giới thiệu tôi với Tom Butt, thẩm phán tòa

thượng thẩm. Ông nói, "Này ông thẩm phán, đây là một nữ giáo sư luật mới đến. Cô ấy sẽ giảng dạy về luật hình sự và điều hành các chương trình trợ giúp về pháp lý".

"Được" Thẩm phán Butt nhìn tôi săm soi, "Chúng tôi rất vui khi có cô nhưng cô nên biết là tôi không ưa trợ giúp pháp lý và tôi là một "Tên thẩm phán khốn kiếp" (nguyên văn. S.O.B - Son of Bitch) hơi khó chơi đây".

Tôi cố mỉm cười và nói: "Vâng, tôi cũng rất vui được gặp ông, thưa ngài Thẩm phán". Nhưng tôi tự hỏi là tôi đã dính dáng đến cái quái gì thế này.

Sáng hôm sau tôi lên lớp. Tôi chưa bao giờ dạy ở trường luật trước đây và lúc đó tôi trông già hơn đa số sinh viên của mình, tuy vậy trông tôi cũng trẻ hơn một số sinh viên khác. Chỉ có một nữ đồng sự khác của khoa là Elizabeth Osenbaugh, có biệt danh là "Bess" đã trở thành bạn thân của tôi. Chúng tôi đã nói chuyện về các vấn đề trong luật pháp và đời thường, thường kết thúc bằng món bánh sandwich kẹp gà tây với các ổ bánh mì kiểu Đức tại một cửa hàng bán thức ăn gần đấy của Fayetteville. Mặc dù đã ở độổi 70 nhưng Robert Leflar vẫn còn giảng dạy về các mâu thuẫn huyền thoại của bộ môn luật tại Fayetteville và một khóa học nổi tiếng không kém về phần xét xử phúc thẩm tại trường Đại học Luật New York. Ông và vợ mình là Helen xem tôi như bạn và trong suốt mùa hè đầu tiên tôi ở đó, họ đã cho tôi ở trong một ngôi nhà làm bằng gỗ và đá địa phương do Fay Jones, kiến trúc sư đoạt giải Arkansas thiết kế. Tôi đã có những cuộc tranh luận tích cực với Al Witte, người bị gán cho danh hiệu là giáo sư luật khó tính nhất nhưng sự thật dưới cái bề ngoài ấy ông rất hiền. Tôi đánh giá cao sự tử tế của của Milt Copeland là người tôi đã từng chia chung một văn phòng. Tôi cũng rất ngưỡng mộ các phong trào hoạt động và chương trình hỗ trợ học bổng của Mort Gitelman. Ông được xem là chuyên gia về dân quyền.

Ngay khi học kỳ bắt đầu thì chồng của Virginia là Jeff Dwire đột tử vì bệnh tim. Đây là một tổn thất đối với Virginia - người bị góa bụa lần thứ ba - và cũng là một thảm họa đối với người em của Bill - Roger nhỏ hơn anh 10 tuổi - đã phát triển một mối quan hệ thân tình với Jeff. Việc mất mát Jeff gây đau khổ cho tất cả chúng tôi. Virginia đã chịu đựng gian khổ suốt nhiều năm qua. Tôi lấy làm ngạc nhiên về ý chí kiên cường của bà và tôi cũng thấy cá tính này ở Bill, người ngoi lên từ một tuổi thơ khó khăn của mình mà không có bất kỳ sự tự ti nào về bản thân. Nếu có chăng nữa thì đó là các kinh nghiệm đã làm cho anh có được sự đồng cảm và lạc quan hơn. Năng lực và lý tưởng của anh đã thu hút mọi người về phía anh và cho đến khi có những câu chuyện nảy sinh trong suốt chiến dịch tranh cử, rất ít người biết về các hoàn

cảnh đau khổ mà anh đã chịu đựng.

Bill quay trở lại chiến dịch tranh cử sau lễ tang Jeffvà tôi đã quen với cuộc sống ở trong một thị trấn đại học nhỏ. Sau những xúc cảm mạnh mẽ ở New Haven và Washington, sự thân thiện, nhịp sống chậm hơn và nét đẹp của thị tấn Fayetteville giống như một liều thuốc bổ đón chào tôi.

Một ngày kia, khi tôi đang đứng xếp hàng tại một siêu thị A&P, một nhân viên thâu ngân nhìn tôi và hỏi "Có phải bà là nữ giáo sư luật mới đến không?" Tôi trả lời là đúng và cô ấy nói là tôi đang dạy một trong những người cháu của cô ấy. Theo như lời nhận xét của nó thì tôi là một người "không tệ". Một lần khác tôi quay số tìm một sinh viên không có mặt tại buổi thảo luận của lớp. Khi tôi nói với nhân viên tổng đài điện thoại tên của học sinh, cô ấy nói "Nó không có ở nhà".

"Xin lỗi", tôi hỏi lại.

"Cậu ấy đã đi cắm trại", cô thông báo cho tôi.

Trước đây, tôi chưa bao giờ được sống ở một nơi thân thiện, đặc chất miền Nam như thế, và tôi yêu điều đó. Tôi đi xem các trận bóng Arkansas Razorbacks và học nói một số từ lóng địa phương. Khi Bill ở thị trấn thì chúng tôi ở chơi suốt đêm với các người bạn, thưởng thức món thịt nướng và dành những buổi cuối tuần chơi bóng ném tại nhà của Richard Richards, một đồng nghiệp khác ở trường luật. Hoặc chúng tôi cùng nhau tham quan một vòng Charades do Bess Osenbaugh tổ chức.

Carl Whillock, lúc đó là cán bộ quản lý của trường đại học, và cô vợ Margaret xinh xắn sống trong một ngôi nhà màu vàng bên kia đường đối diện với trường luật. Họ là những người đầu nên mời tôi đến thăm nhà và chúng tôi đã nhanh chóng trở thành bạn bè. Margaret bị người chồng đầu tiên của mình bỏ rơi khi sáu đứa con của cô đều chưa đến 10 tuổi. Theo lệ thường thì không người đàn ông nào có thể can đảm đảm đương gánh nặng hôn nhân với một phụ nữ bị ly dị có sáu đứa con bất kể là cô ấy có quyến rũ và lanh đến đâu. Nhưng Carl đã không theo thói thường ấy và anh đã đồng ý tiếp nhận toàn bộ trách nhiệm. Một lần tôi đã giới thiệu Margaret với Eppie Lederer, còn được biết với biệt danh Ann Landers tại Nhà Trắng. "Này bạn, chồng của bạn xứng đáng được phong thánh!", Eppie cứ xuýt xoa hâm mộ sau khi nghe kể về câu chuyện của Margaret. Cô ấy nói đúng.

Ann và Morriss Henry cũng trở thành bạn thân. Ann, là một luật sư rất tích

cực trong các hoạt động chính trị và sinh hoạt cộng đồng và là đại diện của Morriss, một Thượng nghị sĩ của tiểu bang. Cô ấy cũng có ba người con và rất quan tâm đến việc học hành, rèn luyện thể thao của chúng. Ann thẳng thắn bày tỏ các ý kiến rất uyên bác của mình và là một người bạn đồng hành tuyệt vời.

Diane đã trở thành người bạn thân nhất của tôi. Giống như tôi, chị ấy cũng là dân xứ khác vì đến từ Washington D.C. Chị ấy đã dời đến Fayetteville cùng với người chồng đầu tiên của mình. Chị dạy môn chính trị học tại trường đại học và được xem là một trong những giáo sư ưu tú nhất trong trường. Chúng tôi chơi tennis và trao đổi sách hay cho nhau đọc. Chị ấy viết nhiều về Arkansas và về tình hình chính trị ở miền Nam. Cuốn sách của chị về Hattie Caraway, người phụ nữ đầu tiên được bầu làm Thượng nghi sĩ của Đảng Dân chủ ở Arkansas đã thể hiện niềm tin cháy bóng của chị về vai trò và quyền phụ nữ.

Trong suốt cuộc tranh luận toàn quốc về việc đất nước có nên thông qua Tu chính Hiến pháp Quyền Bình đẳng, Diane đã tranh luận với một nhà hoạt động cực kỳ bảo thủ là Phyllis Schlafly trước Quốc hội của tiểu bang Arkansas. Tôi đã giúp chị chuẩn bị trong cuộc đối đầu ngay ngày lễ tình yêu năm 1975. Diane đã chiến thắng trong cuộc tranh luận này một cách thuyết phục nhưng cả hai chúng tôi biết rằng liên minh tôn giáo và chính trị chống đối Tu chính ERA (Quyền bình đẳng Nam Nữ) vẫn chưa chịu thua, họ tiếp tục đòi tranh luận hoặc đưa ra các bằng chứng cụ thể.

Diane và tôi thường gặp nhau trong giờ ăn trưa ở Nhà ăn Sinh viên. Chúng tôi thường chọn chiếc bàn kế bên cửa sổ lớn nhìn ra ngoài về phía Đồi Ozark để trò chuyện và tán gẫu. Chị và tôi dành hàng giờ với Ann cùng thư giãn tại hồ bơi ở sân sau của Henry. Họ thích nghe các vụ mà tôi đã xử lý tại hội Trợ giúp Pháp lý và tôi cũng thường hỏi ý kiến của họ về thái độ của một số đối tượng mà tôi đối mặt. Một ngày nọ, Mahlon Gibson - Ủy viên Công tố quận Washington - gọi điện kể cho tôi về một tù nhân nghèo bị kết tội đã hiếp dâm một cô bé 12 tuổi đang rất cần một luật sư bào chữa là nữ. Gibson bảo rằng Thẩm phán tòa hình sự Maupin Cummings đã chỉ định tôi. Tôi nói với Mahlon rằng tôi thật sự cảm thấy không thoải mái khi có một thân chủ như thế, nhưng Mahlon đã nhắc nhở là tôi không được quyền từ chối yêu cầu của thẩm phán. Khi tôi ghé thăm kẻ tình nghi phạm tội hiếp dâm trong nhà tù, tôi mới biết rằng anh ta là một "gã bắt gà" thất học. Công việc của anh ta là thu gom các con gà từ trang trại lớn để đưa đến một nhà máy xử lý tại địa phương. Anh ấy phủ nhận các lời buộc tội mình và khẳng định rằng cô gái, một người bà con xa đã dựng chuyện. Tôi đã tiến hành một cuộc điều tra kỹ

lưỡng và có được các bằng chứng đáng tin cậy từ một nhà khoa học nổi tiếng ở New York - tỏ ra nghi ngờ về giá trị của các chứng cứ về mẫu máu và tinh trùng mà phía công tố đã điều tra để chứng minh sự phạm tội của bị cáo trong vụ hiếp dâm. Nhờ có bằng chứng này mà tôi đã đàm phán với bên công tố để bên bị cáo nhận tội là lạm dụng tình dục. Khi tôi xuất hiện cùng với thân chủ của mình trước Thẩm phán Cummings để bào chữa, ông ấy yêu cầu tôi rời khỏi phòng xét xử trong lúc ông thực hiện các kiểm tra cần thiết để xem xét cơ sở sự thật cho lời bào chữa. Tôi nói, "Thưa ngài Thẩm phán, tôi đi được, tôi là luật sư của cậu ta".

Vị Thẩm phán nói "Nhưng tôi không thể nói chuyện về những thứ này trước mặt một phụ nữ".

"Thưa Thẩm phán", tôi trấn an ông, "Đừng nghĩ về tôi bất cứ chuyện gì ngoài việc tôi là một luật sư."

Vị Thẩm phán đã thẩm vấn bị cáo qua lời khai của anh ta và sau đó kết án anh ta. Ngay sau vụ này, Ann Henry và tôi thảo luận đến việc thành lập đường dây nóng đầu tiên về các vụ hiếp dâm ở Arkansas .

Vài tháng sau trong cuộc sống mới của mình, tôi nhận được một cuộc điện thoại từ một nữ tù nhân trong nhà tù của quận Benton, ở phía bắc của Fayetteville. Cô ấy kể cho tôi về một phụ nữ bị bắt vì can tội gây rối trật tự do đã thuyết giáo trên đường phố ở Bentonville sẽ ra tòa trình diện và vị thẩm phán dự định gửi người phụ nữ này vào bệnh viện tâm thần của bang vì không ai biết có chuyện gì khác liên quan đến cô ta hay không. Nữ tù nhân đề nghị tôi hãy đến càng sớm càng tốt bởi vì cô nghĩ người đàn bà kia không điên mà chỉ ở tình trạng "bề tôi của Đức Chúa Trời."

Khi tôi đến tòa án, tôi đã gặp tù nhân này và người bạn tù có ánh mắt dịu dàng trong chiếc áo dài đến đầu gối, đang ôm trong lòng quyển Kinh Thánh sờn rách. Cô ta giải thích là Đức Chúa Jesus đã gửi cô xuống thuyết giảng ở Bentonville và nói rằng nếu được thả ra cô sẽ tiếp tục quay về tiếp tục sứ mạng của mình. Khi tôi biết được rằng cô đến từ California, tôi thuyết phục vị thẩm phán mua cho cô ta một vé xe buýt về nhà thay vì bắt buộc cô vào bệnh viện tâm thần và tôi cũng đã thuyết phục cô rằng Californiaô hơn ở Arkansas.

Bill đã giành chiến thắng trong cuộc bầu cử chọn ứng viên của Đảng Dân chủ vào Quốc hội với một chút hỗ trợ của bố và em trai Tony của tôi. Họ đã dành ra vài tuần vào tháng Năm để tham gia các công việc tẻ nhạt trong cuộc

vận động như dựng panô quảng cáo và trả lời điện thoại. Điều làm tôi ngạc nhiên là một người Cộng hòa bảo thủ như bố tôi lại làm việc cho cuộc tranh cử của Bill, một biểu hiện rõ ràng về lòng mến trọng của bố dành cho anh ấy.

Trước ngày lễ Quốc tế Lao động, chiến dịch tranh cử của Bill đã trở nên nặng ký và phe Cộng hòa bắt đầu chiến dịch phòng thủ bằng một loạt tấn công có tính cá nhân và các trò bẩn thỉu. Đây là lần đầu tiên tôi tiếp cận với hiệu quả tác động của những lời nói dối và các trò mánh khóe trong vận động tranh cử.

Khi Tổng thống Nixon ở Fayetteville nhân dịp có trận bóng chày giữa Texas và Arkansas, một thanh niên đã trèo lên cây để phản đối cuộc Chiến tranh Việt Nam và phản đối sự hiện diện của Nixon tại trường đại học. Năm năm sau, các đối thủ chính trị của Bill đã tung tin rằng Bill chính là chàng trai đó. Họ không ngờ là vào thời điểm ấy, Bill đang học ở Oxford, Anh Quốc, cách xa đến bốn ngàn dặm. Nhiều năm sau này, tôi vẫn tình cờ gặp những người tin vào lời cáo buộc đó.

Một trong những gói thư của Bill gửi cho cử tri đã không được gửi đi và sau đó, hàng kiện bưu thiếp đã được phát hiện bị giấu sau một bưu điện. Chúng tôi có báo các vụ phá hoại khác nhưng cuối cùng chẳng có trò bẩn thỉu nào bị lôi ra ánh sáng. Kết thúc ngày bầu cử vào tháng 11, Bill đã thua 6.000 phiếu trong tổng số trên 170.000 phiếu, với tỉ lệ 48%-52%. Một lúc lâu sau nửa đêm, khi Bill, Virginia, Roger và tôi rời căn nhà nhỏ dùng làm trụ sở cho chiến dịch tranh cử thì điện thoại reo lên. Tôi bắt máy, nghĩ rằng có lẽ đó là một người bạn hoặc một người ủng hộ nào đó gọi đến để bày tỏ sự thông cảm. Nhưng một ai đó đã hét to vào điện thoại: "Tao rất vui là cái thằng Bill Clinton cộng sản thích bọn da màu chó chết đã thua cuộc." Và sau đó là gác máy. Tôi không biết còn lời cổ vũ nào tệ hơn thế nữa không! Đó là một câu hỏi mà tôi luôn trăn trở nhiều lần trong những năm sau này.

Vào cuối năm học, tôi quyết định thực hiện một chuyến đi dài quay về Chicago và Bờ biển phía Đông để thăm lại bạn bè và những người đã mời tôi làm việc. Tôi vẫn còn không chắc sẽ làm gì cho cuộc sống của mình. Trên đường ra phi trường, Bill và tôi đi ngang qua một ngôi nhà gạch gần trường đại học phía trước có tấm bảng hiệu "Nhà Bán". Tôi tình cờ nói căn nhà nhỏ đó trông rất dễ thương và sau đó quên bẵng đi. Sau vài tuần du lịch và suy nghĩ, tôi quyết định trở về với Bill và cuộc sống của mình ở Arkansas. Khi Bill đón tôi, anh ấy hỏi: "Em còn nhớ căn nhà em thích không? Em yêu à, anh đã mua nó rồi, nên giờ thì em nên cưới anh đi vì anh không thể sống

trong ngôi nhà đó một mình.”

Bill hãnh diện lái xe theo đường dẫn vào căn nhà và giục tôi vào trong. Căn nhà có một cổng vòm lõm vào, một phòng sinh hoạt có trần xà theo phong cách nhà thờ, một lò sưởi, một cửa sổ lớn, một phòng ngủ khá lớn và một nhà bếp còn nhiều thứ phải làm. Bill cũng đã mua một cái giường sắt cổ có hoa văn chạm trổ tại một cửa hàng đồ cổ ở địa phương. Anh cũng kịp đến siêu thị Wal-Mart vác về một mớ khăn trải giường.

Lần này thì tôi nói: "Vâng, anh yêu.”

Chúng tôi làm lễ cưới trong căn phòng khách vào ngày 11 tháng 10 năm 1975 với sự chứng kiến của Mục sư Nixon thuộc Hội Giám lý tại địa phương và vợ của ông là Freddiuời đã làm việc trong cuộc vận động tranh cử của Bill. Có mặt tại lễ cưới có bố mẹ và các cậu em của tôi, có Virginia và Roger, Johanna Branson, Besty Johnson Ebeling, nay đã lập gia đình với người bạn học cùng lớp thời trung học là Tom, có F.H. Martin là người đã phụ trách công tác tài chính cho chiến dịch tranh cử của Bill vào năm 1974 cùng với vợ mình là Myrna, có Marie Clinton, cháu của Bill, có Dick Atkinson, một người bạn ở Trường Luật Yale đã dạy chung với chúng tôi trong khoa luật, có Bess Osenbaugh và Patty Howe, một người bạn thân từ nhỏ của John ở vùng Hot Springs. Tôi mặc một chiếc áo dài kiểu Victoria bằng vải mu-sơ- lin có viền đăng ten mà tôi đã cùng mẹ đi mua vào tối hôm trước. Tôi đi vào phòng trong vòng tay của bố mình và mục sư nói "Ai đồng ý dâng tặng người phụ nữ này?". Tất cả chúng tôi đều nhìn vào bố tôi mong đợi câu trả lời. Nhưng ông không chịu nói. Cuối cùng Mục sư Nixon phải nói: "Ông Rodham, ông hãy lùi lại nào.”

Sau lễ cưới, Ann và Morriss Henry tổ chức một buổi tiệc chiêu đãi ở trong sân lớn sau nhà nơi mà hàng trăm bạn bè tụ tập để chung vui cùng chúng tôi.

Sau tất cả những điều đã xảy ra, tôi thường tự hỏi vì sao Bill và tôi lại vẫn chung sống với nhau. Đây không phải là câu hỏi tôi hoan nghênh nhưng với dư luận bên ngoài về cuộc sống của chúng tôi thì tôi biết câu hỏi này sẽ được hỏi đi hỏi lại nhiều lần. Điều mà tôi có thể giải thích là một tình yêu đã tồn tại hàng thập kỷ và đã trưởng thành qua các trải nghiệm mà chúng tôi chia sẻ cùng nhau về việc nuôi dạy một cô con gái, tổ chức tang lễ chôn cất bố mẹ của chúng tôi, chăm nom cho gia đình, có một cuộc sống xứng đáng với bạn bè, một niềm tin chung và một cam kết tự nguyện phục vụ tổ quốc. Nhưng trên tất cả tôi biết là không ai hiểu tôi hơn Bill và không ai có thể làm tôi cười theo cách mà Bill đã làm. Thậm chí sau những năm tháng này, anh ấy

vẫn là một trong những người năng động, mạnh mẽ và thú vị nhất mà tôi từng được gặp. Bill Clinton và tôi đã mở đầu câu chuyện làm quen vào mùa xuân năm 1971 và hơn 30 năm sau chúng tôi vẫn còn nói chuyện say mê với nhau.

THÀNH PHỐ LITTLE ROCK

Chiến thắng bầu cử đầu tiên của Bill Clinton với tư cách là Bộ trưởng Tư pháp bang Arkansas vào năm 1976 không có gì là vẻ vang cả. Anh ấy được đề cử vào tháng Năm và không có đối thủ phe Cộng hòa. Vở diễn lớn nhất năm đó là cuộc tranh cử giữa Jimmy Carter và Gerald Ford.

Bill và tôi đã gặp Carter vào năm trước khi ông đến phát biểu tại Đại học Arkansas. Ông đã gửi hai trong số nhân viên tùy tùng cấp cao, Jody Powell và Frank Moore, đến Fayetteville giúp chiến dịch tranh cử của Bill vào năm 1974, một dấu hiệu chắc chắn là ông đã điều nghiên về bức tranh chính trị với con mắt hướng về cuộc đua tranh cấp quốc gia.

Carter tự giới thiệu với tôi bằng cách nói: "Chào cô, tôi là Jimmy Carter và tôi sẽ trở thành tổng thống”. Câu nói đó đã thu hút sự quan tâm của tôi nên tôi đã nhìn và lắng nghe một cách chăm chú. Ông hiểu tình hình đất nước và đánh cuộc rằng hoạt động chính trị hậu Watergate sẽ tạo ra một cánh cửa mở cho những nhân vật mới ngoài Washington, những người có thể thu hút được cử tri miền Nam. Carter đã kết luận đúng đắn là ông đã có một cơ hội tốt như bất kỳ ai khác và theo như lời giới thiệu đầy hàm ý của mình, ông chắc chắn với niềm tin cần thiết để đảm trách chiến dịch tranh cử.

Ông cũng đoán được rằng lệnh ân xá mà Ford dành cho Richard Nixon sẽ là một chủ đề hay cho Đảng Dân chủ. Mặc dù tôi tin rằng lệnh ân xá của Ford là một quyết định đúng đắn cho đất nước nhưng tôi đồng ý với cách phân tích của Carter là lệnh ân xá này nhắc nhở các cử tri rằng Gerald Ford đã được Richard Nixon lựa chọn kế nhiệm Phó Tổng thống Spiro Agnew bị mất uy tín.

Vào cuối buổi gặp, Carter hỏi tôi có lời khuyên nào cho ông không.

"Vâng, thưa ngài Thống đốc", tôi nói, "Tôi sẽ không đi khắp nơi kể cho mọi người là ông sẽ trở thành Tổng thống. Nó có thể hơi khó chịu với một số người".

"Nhưng", ông trả lời với một nụ cười cầu tài, "Tôi sẽ trở thành Tổng thống".

Vì cuộc tranh cử của Bill đã chắc chắn nên cả hai chúng tôi cảm thấy rất thoải mái tham gia chiến dịch tranh cử của Carter khi ông trở thành ứng viên được bầu của Đảng Dân chủ. Chúng tôi đi dự Đại hội Đảng vào tháng Bảy ở thành phố New York để thông báo với các nhân viên của ông về việc hỗ trợ

ông trong cuộc bầu cử. Sau đó, chúng tôi có một chuyến nghỉ hè hai tuần vui vẻ ở châu Âu bao gồm chuyến hành hương đến thị trấn Guernica của xứ Basque. Tôi muốn ghé thăm địa điểm đã khơi nguồn cảm hứng cho bức tranh tuyệt tác của Picasso kể từ khi Don Jones chỉ cho nhóm thanh niên của Hội Giám lý chúng tôi xem một bản sao của bức tranh này. Chiến tranh thế kỷ 20 khởi đu ở Guernica vào năm 1937 khi Francisco Franco, nhà độc tài phát xít của Tây Ban Nha yêu cầu lực lượng không quân Luftwaffe của Hitler hủy diệt thị trấn. Picasso đã đưa nỗi sợ hãi, kinh hoàng từ cuộc thảm sát vào bức tranh và nó đã trở thành biểu tượng chống chiến tranh. Khi Bill và tôi đi trên đường phố của Guernica và uống cà phê ở quảng trường trung tâm vào năm 1976, thị trấn được xây dựng lại trông giống như bất kỳ một làng quê miền núi nào khác. Tuy nhiên bức tranh đã khắc sâu tội ác của Franco vào ký ức tôi.

Khi chúng tôi quay về Fayetteville, nhóm tham mưu của Carter yêu cầu Bill lãnh đạo chiến dịch tranh cử ở Arkansas và yêu cầu tôi làm điều phối viên trực tuyến tại tiểu bang Indiana. Indiana là một bang chịu ảnh hưởng rất lớn của Đảng Cộng hòa nhưng Carter nghĩ rằng với gốc gác là người miền Nam và bản chất nông dân, ông có thể lôi cuốn được cử tri của phe Cộng hòa. Mặc dù nghĩ sẽ khó thành công nhưng tôi cứ đánh liều thử vận. Công việc của tôi là tổ chức một chiến dịch ở tất cả các quận. Điều đó có nghĩa là phải tìm được người ở địa phương làm việc theo sự hướng dẫn của các điều phối viên khu vực hầu như được cử đến khắp nơi trên đất nước. Văn phòng của cuộc vận động tại Indianapolis nằm trong một tòa nhà có một cửa hàng thiết bị và một hãng chuyên lo dịch vụ bảo lãnh cho tại ngoại. Chúng tôi ở ngay bên đường đối diện với nhà tù của thành phố. Một cái biển hiệu neon chiếu sáng dòng chữ "Dịch vụ Bảo lãnh" vẫn còn treo trên áp phích quảng cáo liên danh Carter-Mondale ngay ở cửa sổ trước.

Tôi học được nhiều ở Indiana. Một buổi tối, tôi ăn tối với một nhóm chuyên gia giàu kinh nghiệm về công tác vận động cử tri của Đảng Dân chủ cho ngày bầu cử. Tôi là phụ nữ duy nhất tại bàn. Họ không đưa cho tôi bất kỳ những hướng dẫn cụ thể nào trong khi tôi cứ nằng nặc yêu cầu các chi tiết như họ dự định thực hiện bao nhiêu cuộc điện thoại, sử dụng bao nhiêu xe ô tô v.v. cho ngày bầu cứ. Bất thình lình, một người trong số họ chồm người qua bàn tóm lấy cổ áo tôi. "Im ngay! Chúng tôi nói là chúng tôi sẽ làm thì chúng tôi sẽ làm. Chúng tôi không cần phải nói với cô cách thức này nọ!". Tôi rất sợ. Tôi biết ông ấy đã uống rượu và tất cả mọi người đang dồn mắt về phía tôi. Tim tôi đập nhanh khi tôi nhìn thẳng vào mắt người đàn ông này, gỡ tay ông ta ra khỏi cổ tôi và nói: "Trước hết đừng có chạm vào tôi lần nữa. Thứ hai nếu ông có thể trả lời những câu hỏi của tôi nhanh chóng như ông đã

dùng bàn tay này thì tôi đã có thông tin mà tôi cần cho công việc của mình. Lúc đó tôi có thể để cho ông yên - điều mà tôi sắp làm ngay bây giờ". Đầu gối tôi run lẩy bẩy nhưng tôi đứng lên và bỏ ra ngoài.

Mặc dù Carter không thắng lợi ở Indiana nhưng tôi rất phấn khởi khi ông đã chiến thắng trong cuộc bầu cử toàn quốc và tôi mong chờ một chính quyền mới. Tuy nhiên Bill và tôi lại có thêm các mối bận tâm mới. Chúng tôi phải chuyển xuống thành phố Little Rock. Điều đó có nghĩa là chúng tôi phải rời xa ngôi nhà mà chúng tôi đã cưới nhau ở đó. Chúng tôi mua một căn nhà có diện tích khoảng 90 mét vuông trong một khu phố cổ kính tại khu Hillcrest không xa Capitol. Fayetreville quá xa xôi, không thể đi đi về về được nên tôi không thể nào tiếp tục công việc giảng dạy của mình tại trường đại học. Việc này khiến tôi hơi buồn vì tôi rất quý mến các đồng nghiệp và các học trò của mình. Tôi phải quyết định sẽ làm gì tiếp theo, và tôi nghĩ không nên làm việc cho bất kỳ một tổ chức được chính phủ tài trợ hoặc làm các vị trí công chức như công tố viên, luật sư bào chữa hoặc luật sư tư vấn về pháp lý vì những công việc này có khả năng sẽ liên đới hoặc mâu thuẫn với công việc của Bộ trưởng Tư pháp. Tôi bắt đầu nghiêm túc xem xét việc xin làm cho một hãng tư nhân, một sự lựa chọn nghề nghiệp mà tôi đã cưỡng lại trước đây. Đại diện cho các thân chủ tưà một trải nghiệm quan trọng và có thể giúp chúng tôi về mặt tài chính vì lương của Bill với chức danh Bộ trưởng Tư pháp chỉ là 26.500 đô la.

Hãng Luật Rose là một hãng danh tiếng ở Arkansas và là hãng luật lâu đời nhất của vùng phía tây sông Mississippi. Tôi có dịp biết được Vince Foster, một trong những đối tác, trong lúc tôi điều hành nhóm thực tập trợ giúp pháp lý tại trường luật. Khi tôi cố gắng gửi các sinh viên luật vào tòa án của Thẩm phán Butt để làm đại diện cho các khách hàng nghèo khó, vị thẩm phán đòi hỏi các sinh viên phải chứng minh được rằng khách hàng của họ đủ tiêu chuẩn theo luật định của thế kỷ 19 là được hỗ trợ pháp lý miễn phí khi tài sản của người đó đáng giá không quá 10 đô la cùng với bộ quần áo mặc trên người. Đây là một tiêu chuẩn không thể đáp ứng được vì bất kỳ ai có một cái xe cà tàng hoặc máy truyền hình hoặc bất kỳ thứ gì khác đều có giá trị trên 10 đô la. Tôi muốn thay đổi luật định này và để thực hiện việc này, tôi cần sự giúp đỡ của Đoàn Luật sư Arkansas. Tôi cũng muốn Đoàn Luật sư tài trợ cho nhóm thực tập trợ giúp pháp lý tại trường luật để trả lương cho một nhân viên làm việc toàn thời gian và một thư ký pháp lý vì việc thực tập có thể đem lại các kinh nghiệm thật sự cho các luật sư tương lai. Vince là trưởng ban của Đoàn Luật sư giám sát việc hỗ trợ pháp lý nên tôi đến gặp ông ấy. Ông ấy vận động một số luật sư hàng đầu khác giúp tôi kể cả Henry Woods, luật sư bào chữa số một của tiểu bang, rồi William R. Wilson, Jr., một trợ tá

tự xưng là khắc tinh của tội phạm, là một trong những luật sư giỏi nhất trong vùng. Thẩm phán Butt và tôi trình diện trước Ủy ban điều hành của Đoàn Luật sư tiểu bang và trình bày các tranh luận đối lập. Ủy ban đã bỏ phiếu ủng hộ nhóm thực tập sinh và hủy bỏ đạo luật trước cũng nhờ vào sự ủng hộ mà Vince đã tranh thủ.

Sau cuộc cử năm 1976, Vince và một đồng sự khác của Hãng Rose là Herbert C. Rule III đã đến gặp và mời tôi về làm việc. Nhờ những nỗ lực không mệt mỏi của hãng luật theo đuổi các thủ tục một cách hợp lệ nên Herb - vốn là một cựu sinh viên lỗi lạc của Trường Luật Yale - đã thuyết phục được Hội Luật sư Hoa Kỳ chấp thuận cho hãng luật tuyển dụng một luật sư đã kết hôn với Bộ trưởng Tư pháp tiểu bang và đưa ra các bước thực hiện để tránh các mâu thuẫn về lợi ích.

Không phải tất cả các luật sư của Hãng Rose đều hào hứng như Vince và Herb về việc có một phụ nữ cùng làm với họ. Chưa bao giờ có một đồng sự là phụ nữ mặc dù hãng từng tuyển dụng một nữ thư ký luật vào những năm 1940 tên là Elsijane Roy, người chỉ trụ được vài năm trước khi rời hãng để trở thành thư ký thường trực cho một thẩm phán liên bang. Sau đó, bà được Tổng thống Carter chỉ định kế nhiệm vị thẩm phán đó, bà đã trở thành người phụ nữ đầu tiên được bổ nhiệm vào chức thẩm phán liên bang ở Arkansas. Hai người đồng sự đàn anh là William Nash và J. Gaston Williamson cũng từng được nhận học bổng Rhodes. Gaston là thành viên Ủy ban đã chọn Bill là người nhận học bổng Rhodes. Herb và Vince đưa tôi đi nhiều nơi để gặp hai người trên và các luật sư khác, tổng cộng là 15 người. Khi các đồng sự bỏ phiếu thuê tuyển tôi, Vince và Herb đã tặng tôi một cuốn sách bìa cứng của nhà văn Charles Dickens có tựa đề là Hard Times. Tuy nhiên ai có thể biết được món quà ấy sẽ phù hợp đến thế nào?

Tôi tham gia bộ phận kiện tụng do Phil Caroll đứng đầu. Đây là một người đàn ông rất đàng hoàng, một cựu tù binh chiến tranh ở Đức và là luật sư đệ nhất cấp sau này trở thành Chủ nhiệm Đoàn Luật sư Arkansas. Hai luật sư mà tôi đã làm việc nhiều là Vince và Webster Hubbell.

Vince là một trong những luật sư giỏi nhất mà được biết và là một trong những người bạn tốt nhất mà tôi có được. Nếu bạn nhớ diễn xuất của Gregory Peck trong vai nhân vật Atticus Finch trong bộ phim To Kill a Mockingbird, bạn có thể hình dung ra Vince. Anh ấy bề ngoài trông bình thường và tính cách của anh cũng vậy : điềm tĩnh, nhã nhặn, sắc sảo nhưng lại khiêm tốn. Anh là mẫu người mà bạn có thể nhờ cậy trong nhưng lúc khó khăn.

Vince và tôi có văn phòng làm việc sát nhau tại công ty và chúng tôi có chung một người thư ký. Vince sinh ra và lớn lên tại thành phố Hope của bang Arkansas. Sân sau ngôi nhà thời niên thiếu của anh giáp với sân sau nhà ông bà ngoại Bill. Bill đã sống với ông bà ngoại cho đến năm anh ấy lên bốn tuổi. Bill và Vince cùng nhau chơi đùa như những cậu bé khác mặc dù họ mất liên lạc khi Bill dời nhà đến Hot Springs vào năm 1953. Khi Bill ra tranh cử Bộ trưởng Tư pháp, Vince trở thành một ủng hộ viên nhiệt tình.

Webb Hubbell là một anh chàng to con dễ thương, một cựu ngôi sao bóng chày của Trường Đại học Arkansas và cũng là một tay đam mê chơi golf được Bill quý mến ngay từ lần gặp đầu tiên. Anh ấy cũng là một người có biệt tài kể chuyện ở Arkansas, nơi vốn xem kể chuyện là một nét văn hóa truyền thống. Webb có nhiều kinh nghiệm trong tất cả lĩnh vực; cuối cùng thì anh trở thành Thị trưởng thành phố Little Rock. Có một thời gian anh giữ chức Chánh án Tòa án Tối cao của tiểu bang Arkansas. Làm việc với anh rất vui và anh cũng là một người bạn trung thành và tận tụy.

Hubbell trông giống như một chàng trai vùng quê chân chất nhưng anh ấy lại là một luật sư kiện tụng rất sáng tạo và tôi thích lắng nghe anh kể các câu chuyện luật pháp bí ẩn của Arkansas. Trí nhớ của anh rất tuyệt. Anh ấy cũng có một cái lưng hay trở chứng làm anh thỉnh thoảng phải khổ sở. Có một lần, Webb và tôi ở trong văn phòng làm việc suốt đêm để chuẩn bị cho một báo cáo tóm tắt đến hạn vào ngày mai. Webb đặt cái lưng đang đau của mình trên sànïệng lẩm bẩm các câu trích dẫn của các vụ xử hồi thế kỷ 19 trong khi công việc của tôi là chạy vòng quanh thư viện luật để moi chúng xuống.

Trong buổi xét xử đầu tiên của bồi thẩm đoàn do tôi xử lý, tôi bảo vệ cho một công ty sản xuất đồ hộp chống lại một nguyên đơn đã phát hiện thấy phần mông của một con chuột trong một hộp thịt heo nấu đậu được ông ta mở ra để dùng trong bữa tối. Ông ấy thật sự không ăn hộp thịt đó nhưng lại than phiền là cảnh tượng ấy quá kinh tởm đến nỗi không thể kìm được việc khạc nhổ. Hậu quả là nó ảnh hưởng đến khả năng ông hôn người vợ sắp cưới của mình. Ông ta ngồi và cứ liên tục khạc nhổ vào một chiếc khăn tay trong suốt buổi xử án và trông rất đau khổ. Rõ ràng là có chuyện gì đó sai sót trong nhà máy chế biến nhưng doanh nghiệp này từ chối bồi thường cho nguyên đơn vì cho rằng ông ấy thật sự không bị tổn hại. Mặt khác các bộ phận cơ thể của loài gặm nhấm đã được tiệt trùng có thể xem là ăn được ở một số nơi trên thế giới. Mặc dù tôi hơi run khi đứng trước bồi thẩm đoàn nhưng tôi đã bị cuốn hút vào nhiệm vụ thuyết phục họ là khách hàng của tôi có lý. Cuối cùng doanh nghiệp đó đã được giải trừ trách nhiệm khi bồi thẩm đoàn chỉ dành cho nguyên đơn các bồi thường thiệt hại có tính tượng trưng. Nhiều

năm sau, Bill thường trêu chọc tôi về vụ án "cái đít chuột" và nhại lại lời than phiền của nguyên cáo là anh không còn khả năng hôn được vị hôn thê của mình do anh ấy bận khạc nhổ.

Tôi cũng tiếp tục giúp đỡ trẻ em thông qua việc hành nghề luật sư của mình. Beryl Anthony, một luật sư ở El Dorado, nhờ tôi giúp ông đại diện cho một đôi vợ chồng muốn xin đứa con nuôi đã sống với họ hai năm rưỡi. Sở Quản lý Hộ tịch của Arkansas đã bác đề nghị này, viện dẫn một chính sách không cho phép cha mẹ nuôi được xin con nuôi. Trước đây, tôi đã đương đầu với một chính sách tương tự ở Connecticut khi tôi đang làm việc với tư cách là một sinh viên luật làm thêm cho các văn phòng dịch vụ luật Beryl - chồng của Sheila, chị gái của Pince - đã nghe Pince nói về những quan tâm của tôi đối với các vụ xử như thế. Tôi chụp lấy cơ hội phụ trách vụ xử. Các thân chủ của tôi, một nhà môi giới chứng khoán tại địa phương và vợ ông có phương tiện để tài trợ một kháng nghị lại chính sách này. Sở Quản lý Hộ tịch có luật sư riêng của họ nên tôi không phải lo lắng về vụ việc có thể đưa lên Bộ trưởng Tư pháp xem xét.

Beryl và tôi đã trình bày các bằng chứng tin cậy về các giai đoạn phát triển của một đứa trẻ và đưa ra mức độ mà tình trạng tinh thần của đứa trẻ tùy thuộc vào sự hiện diện phù hợp của người chăm sóc trẻ trong giai đoạn đầu đời. Chúng tôi đã thuyết phục vị thẩm phán là bản hợp đồng mà bố mẹ nuôi đã ký - đồng ý sẽ không nhận nuôi - sẽ không có hiệu lực nếu các điều khoản của nó trái với lợi ích tốt nhất của đứa bé. Chúng tôi đã thắng trong vụ này nhưng chiến thắng của chúng tôi không thay đổi được chính sách của tiểu bang về việc thu xếp nơi ăn chốn ở cho con nuôi bởi vì chính quyền tiểu bang đã không kháng án. May mắn thay, chiến thắng của chúng tôi được xem như một tiền lệ để cuối cùng chính phủ bang phải chấp thuận. Beryl được bầu vào Quốc hội vào năm 1978, ở đó ông đã phục vụ được 14 năm và bản thân Sheila Foster Anthony cũng trở thành một luật sư.

Kinh nghiệm của tôi trong vụ xử này và các vụ khác nữa làm cho tôi tin rằng Arkansas cần một tổ chức cấp tiểu bang để bảo vệ cho các quyền và lợi ích của trẻ em. Tôi không bị đơn độc với ý tưởng đó. Tiến sĩ Bettye Caldwell, một giáo sư tầm cỡ quốc tế về phát triển trẻ em tại Trường Đại học Arkansas ở thành phố Little Rock, biết về công việc của tôi và đề nghị tôi cùng với bà và những người dân Arkansas có tâm huyết về quyền lợi trẻ em ở tiểu bang thành lập một tổ chức như thế. Chúng tôi đã sáng lập ra Tổ chức Bảo trợ Trẻ em và Gia đình Arkansas đi tiên phong trong các cải cách về hệ thống phúc lợi trẻ em và tiếp tục bảo vệ trẻ em cho đến ngày hôm nay.

Trong khi tôi đang xử lý các vụ kiện tại Hãng Rose và tiếp nhận các vụ kiện bảo vệ trẻ em với một phí thù lao tượng trưng, tôi cũng tìm hiểu về các nguyện vọng và các thông lệ, tập tục bất thành văn trong cuộc sống đời thường của miền Nam. Các phu nhân của các công chức được dân bầu thường bị xét nét, để ý. Vào năm 1974, Barbara Pryor, vợ của Thống đốc David Pryor đã gây sự chỉ trích gièm pha về kiểu tóc uốn ngắn mới của mình. Tôi thích Barbara và nghĩ rằng sự chú ý của công chúng đối với kiểu đầu của bà thật là buồn cười. (Tôi hầu như không biết). Tôi cho là với vai trò một người mẹ bận rộn có ba con nên bà tìm một kiểu tóc gọn gàng và thoải mái hơn. Để thể hiện tình đoàn kết, tôi quyết định xử lý mái tóc thẳng tuột bướng bỉnh của mình và để tóc ngắn giống như của Barbara. Tôi đã đi làm đầu hai lần để đạt được hiệu quả mong muốn. Khi tôi khoe bộ tóc quăn mới của mình, Bill chỉ lắc đầu, thắc mắc tại sao tôi lại cắt và làm hỏng đi mái tóc dài của mình.

Một trong những lý do Vince và Webb trở thành những người bạn rất tốt là họ sẵn sàng chấp nhận tôi cho dù tôi có là ai đi nữa, họ thường tỏ ra hài hước khi tôi nổi nóng hoặc sẵn sàng giảng giải một cách kiên nhẫn lý do tại sao một số ý tưởng của tôi không phù hợp. Chúng tôi có thói quen trốn khỏi văn phòng để ăn trưa hàng ngày, thường thì đến một nhà hàng Ý tên là Villa. Nhà hàng này ở gần trường đại học có phục vụ rượu vang Chianti của miền Trung Ý, bàn phủ khăn sọc ca rô và có nến. Ở đây chúng tôi có thể tránh được những thực khách doanh nhân ồn ào. Thật là vui khi kể cho nhau nghe những câu chuyện về các tr tranh cãi ở hệ thống tòa án bang Arkansas hoặc chỉ nói về chuyện gia đình. Dĩ nhiên, việc này cũng làm người ngoài khó chịu ra mặt. Ở thành phố Little Rock thời đó, phụ nữ hiếm khi đi ăn với đàn ông không phải là chồng mình.

Mặc dù là vợ của một nhà chính trị và bản thân là một luật sư đôi lần khiến người ta trầm trồ khi xuất hiện trước công chúng, nhưng tôi ít khi được dân chúng nhận ra. Có một lần tôi cùng một luật sư khác đăng ký một máy bay nhỏ bay đi Harrison, Arkansas để có mặt tại tòa án. Đến khi máy bay hạ cánh xuống đường băng, chúng tôi không kiếm ra taxi. Đi đến chỗ một nhóm đàn ông đang đứng xung quanh nhà chứa máy bay, tôi hỏi: "Có ai sắp lái xe đến Harrison không ạ? Chúng tôi cần đi đến tòa án". Không cần quay lại, một người đàn ông đề nghị: "Tôi đây. Tôi sẽ chở hai người".

Người đàn ông lái một chiếc xe thùng cũ chất đầy dụng cụ nên tất cả chúng tôi phải dồn vào ghế trước và khởi hành đến Harrison. Chúng tôi ngồi co ro trong xe nghe đài phát thanh cho đến khi có một tin thông báo là "Hôm nay Bộ trưởng Tư pháp Bill Clinton nói rằng ông sẽ điều tra một thẩm phán tên

là... do sai phạm trong xét xử...." Bất thình thình người tài xế của chúng tôi kêu lên: "Bill Clinton! Các bạn có biết thằng chó Bill Clinton không?"

Tôi chuẩn bị tư thế và nói: "Vâng, tôi biết rõ anh ấy. Thật ra tôi là vợ của anh ấy."

Câu nói đó thu hút sự chú ý của người đàn ông và ông ta quay lại nhìn tôi lần đầu tiên: "Cô kết hôn với Bill Clinton hả? Ô, anh ta là thằng chó đáng mến của tôi và tôi là phi công của anh ấy!"

Đến lúc này tôi chú ý thấy anh chàng lái xe tốt bụng đó có một miếng tròn đen che một bên mắt. Anh ta có biệt danh là "Jay Một Mắt" và có nhiệm vụ chở Bill đi công tác nơi. Lúc này tôi lại mong "Jay Một Mắt" lái xe cũng tốt như anh ta cầm lái máy bay. Tôi thật cảm kích khi anh ta chở chúng tôi đến tòa án một cách bình yên, duy chỉ có một điều là trông chúng tôi có bị bèo nhèo một chút.

Năm 1978 đến 1980 là những năm tháng khó khăn nhất, vui vẻ vinh quang nhất và cũng đau buồn nhất trong đời tôi. Sau nhiều năm đề cập đến các phương cách Bill có thể cải thiện các điều kiện ở Arkansas, cuối cùng anh cũng đã có cơ hội thực hiện khi anh được bầu làm Thống đốc vào năm 1978. Bill khởi đầu nhiệm kỳ hai năm của mình bằng mọi nỗ lực ngay từ vạch xuất phát của cuộc đua. Anh đã thực hiện lời hứa bằng một loạt chương trình và ra tay thực hiện ngay ngày đầu tiên nhậm chức. Trước đó khá lâu, anh đã giao một quyển sổ ngân sách rất chi tiết dày cộp cho tất cả nghị sĩ và trình bày các sáng kiến quan trọng nhằm thành lập mới cơ quan phát triển kinh tế, cải cách y tế nông thôn. Bill cũng xem xét lại toàn bộ hệ thống giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu và cho nâng cấp, tu sửa các xa lộ của tiểu bang. Do cần ngân sách mới để hỗ trợ các biện pháp này, đặc biệt là nâng cấp đường sá, nên các sắc thuế được tăng lên. Bill và các cố vấn của mình nghĩ người dân sẽ chấp nhận việc tăng thuế ô tô để có được các xa lộ tốt hơn. Tuy nhiên nhận định này tỏ ra hết sức sai lầm.

Vào năm 1979, tôi đã là một thành viên góp vốn trong Hãng Luật Rose và tôi đã cống hiến toàn bộ sức lực cho công việc của mình. Thường thì tôi làm chủ tọa các sự kiện xã hội tại Dinh Thống đốc hoặc chủ trì các cuộc họp mặt của ủy ban Tư vấn Y tế Nông thôn mà Bill đề nghị tôi làm chủ tịch nhằm góp phần vào nỗ lực của anh ấy trong việc cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao ở vùng nông thôn Arkansas. Tôi tiếp tục tham gia với Marian Wright Edelman và Quỹ Bảo vệ Trẻ em và cứ vài tháng lại bay đến WashingtonD.C. để chủ trì các cuộc họp của ban quản trị.

Dựa vào kinh nghiệm và công việc của tôi trong chiến dịch tranh cử của ông, Tổng thống Carter bổ nhiệm tôi vào ban giám đốc Hội đồng Pháp vụ, một vị trí cần có sự phê chuẩn của Thượng viện Liên bang. Hội đồng này là một chương trình phi lợi nhuận của liên bang được Quốc hội và Tổng thống Nixon thành lập nhằm cung cấp các trợ giúp pháp luật cho người dân nghèo. Tôi làm việc cùng với Mickey Kantor, một cựu luật sư pháp vụ đã từng làm đại diện cho các công nhân di cư ở Florida. Sau đó, ông trở thành một luật sư thành công ở Los Angeles và tham gia chiến dịch tranh cử Tổng thống của Bill vào năm 1992 với vai trò là chủ tịch.

Có một điều chưa mãn nguyện là Bill và tôi cũng đang cố có một đứa con. Cả hai chúng tôi rất yêu trẻ con. Mọi người có con đều biết là không bao giờ có thời gian "thuận tiện" để bắt đầu một mái ấm. Nhiệm kỳ đầu tiên của Bill làm Thống đốc có vẻ như rất không thuận tiện cho dự định này. Chúng tôi không có một vận may nào cho đến khi chúng tôi quyết định đi nghỉ mát ở Bermuda. Một lần nữa, sự việc này chứng minh tầm quan trọng của kỳ nghỉ phép theo chế độ.

Tôi thuyết phục Bill tham dự các lớp học phương pháp Lamaze về sinh con không đau cùng với mình, một hiện tượng đủ làm nhiều người thắc mắc tại sao Thống đốc của họ đang hoạch định có con. Vào lúc mang thai được khoảng bảy tháng, khi tôi đang ở tòa án xét xử một vụ kiện cùng với Gaston Williamson và tán gẫu với vị thẩm phán thì tôi nói là Bill và tôi đang tham dự các lớp giáo dục về sinh đẻ vào mỗi sáng thứ Bảy.

"Cái gì?", vị thẩm phán sửng sốt hỏi. "Tôi luôn ủng hộ chồng cô, nhưng tôi tin rằng một người chồng chẳng có việc gì để làm khi đứa bé chào đời!". Và ông ấy không đùa.

Gần như đồng thời vào tháng 1 năm 1980, Bệnh viện Nhi đồng Arkansas lên kế hoạch mở ộng cơ sở và cần có một cuộc định giá về khả năng phát hành trái phiếu của bệnh viện. Tiến sĩ Betty Lowe, Giám đốc Y khoa của bệnh viện và sau đó là bác sĩ khoa nhi của Chelsea nhờ tôi đi cùng với nhóm chuyên trách và một số bác sĩ của bệnh viện gặp cơ quan định giá ở New York để chuẩn bị cho công tác định giá. Lúc này, tôi đã trở nên nặng nề, gây lo lắng cho một số người. Nhưng tôi vẫn đi. Nhiều năm sau này, Besty thường nói đùa với nhiều người rằng các cơ quan định giá nhanh chóng đồng ý với các kế hoạch của bệnh viện để cho bà vợ bầu của Thống đốc rời khỏi văn phòng của họ trước khi bà có thể đẻ rơi ở đó.

Khi ngày dự sinh trong tháng Ba của tôi đến gần, bác sĩ nói là tôi không

được đi lại nữa. Điều này có nghĩa là tôi bở lỡ buổi dạ tiệc hàng năm tại Nhà Trắng dành cho các Thống đốc. Bill quay lại Little Rock vào thứ Tư ngày 27 tháng 2 đúng lúc tôi bị vỡ ối. Sự cố đó khiến anh và các nhân viên bảo vệ hoảng hốt. Bill lính quýnh với cái danh sách các thứ cần mang đến bệnh viện theo hướng dẫn của phương pháp Lamaze. Phương pháp này khuyến nghị là mang theo một túi nylon đựng nước đá để sản phụ mút đá trong khi đau đẻ. Khi tôi bước một cách nặng nề về phía chiếc xe, tôi thấy một nhân viên đang chất một túi nhựa có dung tích khoảng 150 lít đựng đầy đá cục lên xe tải.

Khi đến bệnh viện thì hóa ra là tôi phải sinh mổ theo phương pháp Cesarean chứ không phải sinh thường như chúng tôi dự tính. Bill yêu cầu bệnh viện cho phép anh ấy ở bên tôi trong phòng mổ, một sự kiện chưa có trong tiền lệ. Anh ấy bảo ban giám đốc bệnh viện là anh đã từng theo mẹ mình chứng kiến các cuộc phẫu thuật và anh không sao cả. Là Thống đốc nên Bill dĩ nhiên đã thuyết phục Bệnh viện Baptist cho phép anh ấy vào phòng mổ. Không bao lâu sau đó, bệnh viện đã thay đổi chính sách, cho phép các ông bố ở lại phòng sinh trong các ca sinh mổ.

Sự của con gái chúng tôi là một sự kiện tuyệt vời và kinh hoàng nhất trong đời tôi. Chelsea Victoria Clinton sinh sớm hơn ba tuần vào ngày 27/2/1980 lúc 11 giờ 24 khuya trong niềm vui sướng của Bill và gia đình chúng tôi. Trong khi tôi đang nằm điều dưỡng thì Bill bế Chelsea đi khắp bệnh viện với một tình phụ tử thật xúc động. Anh ấy hát ru cho con gái, khoe con gái với mọi người và luôn cho rằng anh ấy đã khám phá được cảm giác làm bố của mình.

Chelsea đã nghe chúng tôi kể các câu chuyện tuổi thơ của nó nhiều lần: Con bé biết là nó được đặt tên theo bài hát "Chelsea Morning" của nhạc sĩ Judy Collins do ca sĩ Joni Mitchell trình diễn được bố mẹ nó nghe khi đi dạo quanh khu Chelsea ở Luân Đôn. Trong suốt kỳ nghỉ tuyệt vời vào dịp lễ Giáng sinh năm 1978, Bill nói: "Nếu chúng ta có con gái, chúng ta sẽ đặt tên nó là Chelsea". Và thế là anh ấy bắt đầu hát bài hát này.

Chắc là Chelsea hình dung được cảnh tượng tôi bối rối đến thế nào khi con bé ra đời. Nó cứ khóc hoài không chịu nín bất kể là tôi cố ru bé như thế nào. Tôi đã thì thầm với con bé nhằm cố gắng trấn an cả hai mẹ con: "Chelsea, việc này còn mới với cả hai chúng ta. Trước đây mẹ chưa bao giờ làm mẹ và con cũng chưa từng làm một em bé. Chúng ta sẽ phải giúp đỡ lẫn nhau làm được điều tốt nhất có thể được".

Sáng sớm hôm sau khi Chelsea ra đời, một đồng sự luật, Joe Giroir, đã gọi

điện và hỏi tôi xem là có muốn đi làm không. Anh ấy đùa, dĩ nhiên rồi, nhưng cho đến lúc đó tôi vẫn không thuyết phục được các đồng sự chấp thuận kế hoạch nghỉ phụ sản. Thực tế khi bụng tôi ngày càng lớn hơn, họ lờ đi và không đề cập đến kế hoạch sau khi sinh em bé của tôi. Tuy nhiên, khi Chelsea sinh ra, họ lại bảo tôi là cứ nghỉ

Tôi được nghỉ ở nhà bốn tháng với cô con gái mới sinh. Tuy nhiên thu nhập gia đình sẽ giảm đi. Vì là thành viên góp vốn nên tôi tiếp tục nhận được lương cơ bản nhưng thu nhập của tôi tùy thuộc vào doanh thu tôi tạo ra. Điều này dĩ nhiên giảm đi trong suốt thời gian tôi không làm việc. Tôi không bao giờ quên được tôi thật may mắn ở bên con nhiều hơn các bà mẹ khác trong thời gian này. Cả Bill và tôi đều công nhận sự cần thiết của chế độ nghỉ phụ sản tốt nhất là được trả lương. Từ trải nghiệm của mình, chúng tôi đã cam kết đảm bảo tất cả các bậc cha mẹ có quyền ở nhà với những đứa con sơ sinh và đứa trẻ sẽ nhận được sự chăm sóc đáng tin cậy khi họ quay lại làm việc. Đó là lý do tại sao tôi rất xúc động khi đạo luật đầu tiên mà anh ấy ký khi ở cương vị Tổng thống chính là Luật Nghỉ phép Điều trị và Việc gia đình.

Chúng tôi đang sống trong Dinh Thống đốc có hệ thống hỗ trợ thích hợp cho việc chăm nom Chelsea. Eliza Ashley, một đầu bếp xuất sắc đã làm việc tại Dinh Thống đốc hàng chục năm, rất thích có một đứa bé trong nhà. Carolyn Huber, người được chúng tôi thuyết phục rời khỏi Hãng Luật Rose để về làm quản gia trong suốt nhiệm kỳ đầu tiên của Bill, giống như một thành viên trong gia đình. Chelsea luôn coi bà là dì của mình và sự giúp đỡ của bà là vô giá Nhưng tôi không bao giờ chủ quan về hạnh phúc hiện có của mình. Ngay khi Bill và tôi quyết định lập gia đình, tôi đã lên kế hoạch để có một tương lai tài chính ổn định hơn.

Tiền bạc hầu như không quan trọng với Bill Clinton. Anh không phản đối việc kiếm tiền hoặc làm giàu. Tuy nhiên đối với Bill, tiền bạc không bao giờ là một ưu tiên. Anh ấy vui khi có đủ tiền để mua sách, xem phim, đi ra ngoài ăn tối và đi du lịch. Điều đó là vừa đủ bởi vì với cương vị là Thống đốc bang Arkansas, anh chưa bao giờ được quá 35.00năm chưa trừ thuế. Số tiền đó là một thu nhập khá ở Arkansas. Vì chúng tôi sống trong Dinh Thống đốc và có một khoản chi phí chính thức trang trải cho ăn uống nên nhờ đó mà cuộc sống cũng thoải mái. Điều tôi lo lắng là làm chính trị vốn dĩ là một công việc không ổn định nên chúng tôi cần xây một tổ ấm.

Chắc chắn là tôi thừa hưởng đức tính lo xa từ người bố nổi tiếng tằn tiện của mình. Bố tôi đã có những vụ đầu tư khôn ngoan, lo cho con cái học đại học và nghỉ hưu một cách thoải mái. Ông dạy tôi cách thức theo dõi thị trường

chứng khoán khi tôi còn là học sinh trung học và ông thường nhắc nhở tôi rằng "tiền bạc không mọc sẵn trên cây. Chỉ có làm việc chăm chỉ, tiết kiệm và đầu tư khôn ngoan thì con mới có thể độc lập hoàn toàn về mặt tài chính". Tuy nhiên tôi chưa bao giờ nghĩ nhiều về vấn đề tiết kiệm hoặc đầu tư cho đến khi tôi nhận thấy rằng nếu gia đình có gặp khó khăn tài chính thì tôi phải đảm trách phần lớn. Tôi bắt đầu tìm kiếm các cơ hội mà tôi có thể đảm đương. Bạn tôi, Diane Blair, có một ông chồng nắm rõ về các uẩn khúc, bí mật của thị trường hàng tiêu dùng và anh ấy sẵn sàng chia sẻ các kiến thức kinh doanh của mình.

Với giọng nói lè nhè, dáng vóc cao to và mái tóc bạc trắng, Jim Blair là một nhân vật gây ấn tượng, một luật sư xuất sắc có những khách hàng lớn như Công ty gia cầm khổng lồ Tyson Foods. Jim cũng có những chính kiến mạnh mẽ. Anh ấy đấu tranh cho dân quyền, phản đối chiến tranh Việt Nam và ủng hộ các Thượng nghị sĩ Fulbright và McGovern trong các hoạt động chính trị Anh thể hiện một tâm hồn lớn, một người nhân hậu và rất khôi hài, dí dỏm. Khi cưới Diane, anh đã tìm thấy người bạn tri kỷ và cô ấy cũng đã tìm được một nửa của mình. Bill tổ chức lễ cưới cho họ vào năm 1979 và tôi hỗ trợ họ với tư cách một người bạn thân.

Thị trường hàng tiêu dùng bùng nổ vào cuối những năm 1970 và Jim đã phát triển được một hệ thống thương mại giúp anh kiếm được cả một gia tài. Trước năm 1979, việc kinh doanh của anh ấy thành công đến nỗi anh ấy lôi kéo người nhà và các bạn bè thân hữu nhảy vào thị trường này. Tôi sẵn sàng chịu rủi ro 1000 đô la và nhờ Jim chỉ bảo giao dịch với một tay môi giới có cái tên màu mè là Robert "Red" Bone. Red trước đây là một tay chơi bài poker. Cứ theo tên gọi của anh ta là Red (Số đỏ) cũng tạo ra một ý nghĩa may mắn.

Thị trường hàng tiêu dùng không giống như thị trường chứng khoán. Thật ra nó có vẻ giống sòng bài Las Vegas hơn là phố chứng khoán Wall Street. Cái mà các nhà đầu tư mua và bán là những lời hứa, cam kết (được gọi là "hàng hóa giao sau") mua hoặc bán những mặt hàng nào đó như bột mì, cà phê, gia súc với một giá cố định. Nếu giá tăng cao hơn khi các mặt hàng được đưa ra thị trường thì nhà đầu tư có lời. Đôi khi có vụ giao dịch kiếm được rất nhiều tiền bởi vì mỗi đồng đô la đầu tư có thể tăng nhiều lần về mặt giá trị trong các hợp đồng hàng hóa giao sau. Các dao động giá chỉ vài xu cũng được khuyếch đại thành số lượng lớn. Ngược lại, nếu thị trường thịt lợn hoặc ngô được cung cấp thừa thì lúc đó giá sẽ tụt giảm và nhà đầu tư sẽ lỗ to.

Tôi cố gắng tự học hỏi về các hợp đồng mua bán gia súc giao sau và các yêu

cầu ký quỹ bổ sung nhằm giảm bớt rủi ro. Tôi cứ lời rồi lại bị lỗ suốt vài tháng và theo dõi thị trường rất sát. Có lúc tôi đã mở một tài khoản nhỏ hơn để sử dụng môi giới cùng với một công ty đầu tư khác ở thành phố Little Rock. Nhưng chẳng bao lâu sau tôi mang thai Chelsea vào năm 1979 nên mất hứng thú với trò chơi may rủi. Số tiền tôi kiếm được bỗng chốc trở thành món tiền thật sự mà chúng tôi có thể dùng cho việc học lên sau này của đứa trẻ. Tôi đã rời khỏi cuộc chơi với món tiền kiếm được 100.000 đô la. Jim Blair và các bạn của anh tiếp t thị trường và đã mất một khoản tiền lớn mà họ đã kiếm được.

Khoản lời lớn từ việc đầu tư của tôi cứ bị điều tra mãi sau khi Bill trở thành Tổng thống mặc dù nó chưa bao giờ trở thành trọng tâm của một cuộc điều tra chính thức. Kết luận rút ra là tôi đã may mắn giống như nhiều nhà đầu tư vào thời điểm đó. Bill và tôi đã không may mắn lắm với một khoản đầu tư khác mà chúng tôi thực hiện trong cùng thời gian đó. Chúng tôi không những mất tiền vào một khoản bất động sản gọi là Whitewater Estates mà việc đầu tư đó còn dẫn đến một cuộc điều tra vào 15 năm sau, kéo dài suốt thời gian làm Tổng thống của Bill.

Tất cả bắt đầu vào một ngày mùa xuân năm 1978 khi một thương nhân và một chính khách lão thành tên là Jim McDougal đã đến hợp tác với chúng tôi trong một vụ làm ăn chắc chắn thành công : Bill và tôi góp vốn với Jim và người vợ trẻ của ông là Susan để mua 230 ha đất chưa được khai khẩn ở bờ phía nam Sông White ở Bắc Arkansas. Kế hoạch là sẽ chia nhỏ miếng đất để xây các nhà nghỉ và sau đó phân lô bán kiếm lời. Giá mua là 202.611,20 đô la.

Bill đã gặp McDougal vào năm 1968 khi Jim đang làm việc cho chiến dịch tái cử của Thượng nghị sĩ J. William Fulbright và lúc đó, Bill là một sinh viên tình nguyện 21 tuổi. Jim McDougal là một nhân vật có sức thu hút, hóm hỉnh và càng về sau càng lập dị. Trong bộ vét trắng và cà vạt Bentley màu xanh nhạt, McDougal trông như thể ông vừa mới bước ra từ một vở kịch của Tennessee Williams. Mặc dù có thói quen đỏm dáng nhưng ông có một danh tiếng vững chắc. Dường như ông kinh doanh với mọi người trong tiểu bang, kể cả nhân vật tầm cỡ như Bill Fulbright là người mà ông đã giúp kiếm được nhiều tiền nhờ kinh doanh bất động sản. Các thành tích của ông làm hai chúng tôi rất tin tưởng. Bill cũng thực hiện một vụ đầu tư bất động sản nhỏ cùng với McDougal vào năm trước và kiếm được một khoản lời kha khá. Vì vậy, khi J đề nghị vụ Whitewater, dường như đây là một ý kiến hay.

Vùng Ozarks phía Bắc Arkansas đang trở thành điểm bùng nổ về nhu cầu

căn nhà thứ hai cho dòng người từ Chicago và Detroit xuôi về nam. Sự hấp dẫn rất rõ ràng : vùng đất rừng chịu thuế tài sản thấp tọa lạc tại vùng nông thôn yên tĩnh giáp với sông núi sẽ là nơi lý tưởng cho nghề thủy sản và làm bè cá. Nếu mọi việc diễn ra theo kế hoạch thì chúng tôi có thể thu hồi vốn đầu tư sau vài năm và sẽ có thể kết thúc vụ việc. Chúng tôi vay ngân hàng để mua tài sản, cuối cùng chuyển quyền sở hữu cho Công ty phát triển Whitewater, một pháp nhân độc lập mà chúng tôi và McDougal có cổ phần bằng nhau. Bill và tôi xem mình là những nhà đầu tư thụ động vì Jim và Susan quản lý dự án được kỳ vọng sẽ tự trang trải về mặt tài chính khi bắt đầu bán được các lô đất. Nhưng trước khi có thể bán được các lô đất thì lãi suất đã tăng vọt, tăng đến đỉnh điểm là 20% vào cuối thập kỷ. Người ta không còn đủ khả năng để mua các căn nhà thứ hai nữa. Để tránh lỗ nặng, chúng tôi đã giữ lại Whitewater, thực hiện một số nâng cấp và xây một ngôi nhà mẫu đồng thời hy vọng kinh tế xã hội sẽ có thay đổi. Đôi khi Jim yêu cầu chúng tôi ký các khoản séc để giúp trả khoản lãi suất vay hoặc thanh toán các đóng góp khác. Chúng tôi không hề chất vấn về các giao dịch của ông. Chúng tôi không nhận ra rằng hành vi của Jim McDougal đã thay đổi từ "lập dị" sang trạng thái "không ổn định về tinh thần" và rằng ông ta bắt đầu dính líu vào một loạt kế hoạch kinh doanh không minh bạch. Phải mất nhiều năm chúng tôi mới nhận ra được cuộc sống hai mặt của ông ta.

Năm 1980 là một năm đáng nhớ đối với chúng tôi. Chúng tôi được lên chức bố mẹ và Bill đang chuẩn bị tái tranh cử. Đối thủ của anh ấy trong cuộc bầu cử là một nông dân nuôi gà tây đã về hưu 78 tuổi, Monroe Schwarzlose là 41;i diện cho nhiều đảng viên Dân chủ ở vùng nông thôn chỉ trích việc gia tăng chi phí thuế ô tô và lợi dụng ấn tượng của một số người là Bill "không quan tâm" đến Arkansas. Schwarzlose cuối cùng giành được 1/3 số phiếu. Nó không giúp được gì cho Tổng thống Jimmy Carter đang bị vây quanh bởi nhiều vấn đề. Nền kinh tế dần dần tuột dốc vì lãi suất tiếp tục tăng. Chính quyền sa lầy trong một loạt các khủng hoảng quốc tế, đỉnh điểm là cuộc giải cứu con tin ở Iran. Một số trở ngại cũng diễn ra ở Arkansas vào mùa xuân và mùa hè năm 1980 khi hàng trăm người tị nạn Cuba bị cầm giữ - hầu hết là các tù nhân hoặc các bệnh nhân tâm thần được Castro trao trả cho Hoa Kỳ trong một chiến dịch hải vận đáng hổ thẹn tại đảo Mariel. Những người Cuba này được chuyển đến "trại tái định cư" tại Fort Chafice, Arkansas. Vào cuối tháng Năm, người tị nạn gây bạo loạn và hàng trăm người đã vượt qua các chốt chặn, chạy về hướng khu dân cư Fort Smith gần đó. Cảnh sát quận và người dân địa phương vũ trang trong tình trạng báo động trước sự việc này. Tình hình càng xấu thêm vì theo một học thuyết gọi là posse comitatus (Cảnh sát - Dân vệ) thì quân đội không có quyền can thiệp về mặt an ninh ngoài phạm vi căn cứ và thậm chí không có quyền dùng vũ lực bắt giữ

những kẻ tình nghi - xét về nghiệp vụ thì họ chưa phải là tù nhân. Bill đã gửi quân đội và Lực lượng Vệ binh Quốc gia bao vây những người Cuba và kiểm soát được tình hình. Sau đó anh ấy bay đến nơi để thị sát chiến dịch. Hành động của Bill đã cứu được nhiều sinh mạng và ngăn chặn bạo loạn lan rộng. Vài ngày sau tôi cùng với Bill quay lại khu vực để thị sát. Vẫn còn có những khẩu hiệu kích động ở các trạm xăng và trước nhà dân như "Tất cả hãy cầm súng", "Chúng ta hãy bắn chết hết bọn chúng". Tôi cũng dự một số cuộc họp căng thẳng do Bill và James "Bulldog" Drummond, một vị tướng tư lệnh nóng nảy của căn cứ quân sự Chaffee chủ trì cùng với các quan chức đại diện từ Nhà Trắng. Bill muốn liên bang hỗ trợ xử lý những tên tình nghi gây rối nhưngớng Drummond nói ông ta bó tay do lệnh của cấp trên. Thông điệp của Nhà Trắng có vẻ là: "Đừng phàn nàn, chỉ cần xử lý mớ rắc rối mà chúng tôi gây ra cho anh". Bill đã thực hiện đúng như vậy nhưng cái giá cho việc ủng hộ chính trị dành cho Tổng thống của anh lại quá đắt.

Sau các vụ bạo loạn tháng Sáu, Tổng thống Carter đã hứa với Bill là sẽ không gửi thêm người Cuba nào đến Arkansas. Vào tháng Tám, Nhà Trắng đã thất hứa, đóng cửa các địa điểm ở Wisconsin và Pennsylvania và gửi thêm người tị nạn đến Căn cứ Chaffee ở Arkansas. Chính động thái này đã thay đổi toàn cục và hủy hoại sự ủng hộ của người dân dành cho Bill Clinton và Jimmy Carter ở bang Arkansas.

Người dân miền Nam có một câu thành ngữ "Họa vô đơn chí". Rõ ràng là lúc đó chính quyền Jimmy Carter đã bị một vố đau. Kết quả cay đắng là ngài Thống đốc Bill Clinton cũng chịu chung số phận.

Đối thủ Đảng Cộng hòa của Bill là Frank White khởi chiến bằng các đoạn phim tuyên truyền tiêu cực. Cùng với cảnh quay về người bạo loạn Cuba da màu, giọng thuyết minh vang lên: "Bill Clinton quan tâm đến Jimmy Carter nhiều hơn là quan tâm về Arkansas". Thoạt đầu tôi không quan tâm đến các đoạn phim tuyên truyền này, nghĩ rằng mọi người dân ở Arkansas đều biết Bill đã giải quyết tốt việc cô lập vụ bạo loạn. Sau đó tôi bắt đầu chú ý các câu hỏi tại các giảng đường và các câu lạc bộ dân trí: "Tại sao Thống đốc dung dưỡng những kẻ bạo loạn Cuba?”, "Tại sao Thống đốc không quan tâm chúng ta nhiều hơn là tới Tổng thống Carter?". Các đoạn phim tuyên truyền như thế này thể hiện của những thông điệp tiêu cực, bị bóp méo, rất phổ biến vào năm 1980, bắt nguồn từ một chiến lược của Ủy ban hành động Chính trị Bảo thủ Quốc gia (NCPAC) được Đảng Cộng hòa thành lập để thiết kế và tuyên truyền các đoạn phim tiêu cực ra khắp đất nước. Vào trước tháng Mười, tôi nghĩ rằng những cuộc thăm dò cho thấy Bill có thể thắng cử là sai lầm và Bill rất có thể thất cử. Bill đã dùng một chuyên gia thăm dò bầu cử

trẻ và năng nổ từ New York tên là Dick Morris trong cuộc đua thành công của anh vào năm 1978 nhưng không có ai trong nhóm tham mưu và nhân viên của Bill có thể làm việc được với Morris nên bọn họ thuyết phục Bill sử dụng một nhóm chuyên gia khác vào năm 1980. Tôi gọi cho Morris để hỏi anh nghĩ chuyện gì đang xảy ra. Anh nói là Bill đang gặp khó khăn thật sự và có lẽ sẽ thua trừ phi anh ấy thực hiện được một động thái gây ấn tượng đại loại như hủy bỏ thuế phụ thu ô tô hoặc phản đối Carter. Tôi không thể thuyết phục mọi người đừng tin vào kết quả các cuộc thăm dò ý kiến về khả năng thắng cử của Bill. Bản thân Bill cũng không chắc chắn. Anh ấy không muốn phá hỏng mối quan hệ với Tổng thống hoặc triệu tập một phiên họp đặc biệt để bãi bỏ chế độ thuế phụ thu ô tô. Do đó anh ấy dồn nỗ lực cho chiến dịch tranh cử và tiếp tục giải thích các tư tưởng, quan điểm của mình cho các cử tri.

Ngay trước cuộc bầu cử, chúng tôi có một cuộc nói chuyện không vui với một quan chức của Lực lượng Vệ binh Quốc gia phụ trách một số đơn vị được huy động để dập tắt bạo loạn tại căn cứ. Ông ta bảo Bill là bà dì cao tuổi của mình đã thông báo cho ông biết là bà sẽ bỏ phiếu cho Frank White bởi vì Bill đã dung dưỡng bọn bạo loạn Cuba. Khi vị quan chức này giải thích cho bà dì là ông ta cũng đã ở đó và biết sự thật là Thống đốc Clinton đã chặn đứng được cuộc bạo loạn, bà dì nói rằng việc đó thì bà không chắc vì bà không thấy nó trên truyền hình. Các đoạn phim tuyên truyền không những tung tin mà còn đưa ra các nhân chứng. Cuộc tranh cử năm 1980 giúp tôi hiể rõ về quyền lực kinh khủng của các thủ đoạn tuyên truyền, xuyên tạc để lôi kéo cử tri thông qua sự bóp méo trắng trợn.

Các cuộc thăm dò cho rằng Bill sẽ thắng với một chênh lệch lớn nhưng anh đã thua với tỉ lệ 48%-52%. Anh đã bị đánh bại. Khách sạn lớn được thuê cho chiến dịch tranh cử chật ních bạn bè và người ủng hộ bị sốc vì kết quả này. Anh ấy quyết định sẽ đợi đến ngày hôm sau để đưa ra các công bố và nhờ tôi đi cám ơn mọi người đã giúp đỡ và mời họ đến Dinh Thống đốc vào sáng hôm sau. Đám đông tụ tập trên vườn cỏ phía sau như trong một đám tang. Cho đến lúc ấy, Bill đã bị thất bại trong hai cuộc bầu cử - một vào Quốc hội và một trong việc tiếp tục giữ chức Thống đốc. Nhiều người đã tự hỏi liệu thất bại này có quật ngã anh ấy không.

Trước khi tuần lễ này trôi qua, chúng tôi tìm mua được một căn nhà cổ ở khu Hillcrest của thành phố Little Rock, gần nơi chúng tôi đã từng sống trước đây. Nó có hai khu và có một cái gác mà chúng tôi đã cho sửa chữa để dành cho người bảo mẫu của Chelsea. Bill và tôi thích các ngôi nhà và vật dụng cổ nên chúng tôi hay lui tới các cửa hàng bình dân và cửa hàng đồ cổ. Khi

Virginia ghé thăm, bà hỏi chúng tôi tại sao lại thích đồ cổ. Bà còn giải thích: "Cả đời mẹ đã cố gắng trốn tránh các căn nhà cũ và đồ cũ". Tuy nhiên, khi biết được sở thích của chúng tôi, bà đã vui vẻ gửi tặng một cái "ghế trường kỷ" thời Victoria cất ở gara của mình.

Chelsea là điểm sáng duy nhất trong những ngày tháng buồn bã sau bầu cử. Nó là đứa cháu đầu tiên ở cả hai bên nội ngoại nên mẹ Bill rất vui khi được chăm sóc cháu nội. Bố mẹ tôi cũng rất hạnh phúc khi đến thăm cháu. Chính ở trong ngôi nhà mới này, Chelsea kỷ niệm sinh nhật đầu tiên của mình, tập đi tập nói và đã dạy cho ông bố một bài học về cái tính xấu thích ôm đồm nhiều việc. Một ngày kia, Bill vừa giữ con, vừa xem bóng rổ trên ti vi, vừa nói chuyện điện thoại và lại còn chơi trò đố chữ nữa. Khi không thu hút được sự chú ý của ông bố, con bé đã cắn ngay vào mũi của anh ấy !

Bill nhận làm việc tại Hãng Luật Wright, Lindsey and Jennings ở thành phố Little Rock. Một trong những đồng nghiệp của anh là Bruce Lindsey đã trở thành người thân cận nhất của Bill. Tuy nhiên trước khi Frank White dời vào ở Dinh Thống đốc, Bill đã âm thầm chuẩn bị cho chiến dịch tranh cử sau này để có thể trở về công việc cũ của mình.

Áp lực lên tôi đã tăng lên khủng khiếp khi Bill được bầu làm Thống đốc vào năm 1978. Với tư cách là vợ của Bộ trưởng Tư pháp, tôi có thể ra ngoài với phong cách giản dị hơn thông lệ nhưng khi trở thành Đệ nhất Phu nhân của Arkansas thì tôi bị săm soi rất kỹ. Đến lúc này tôi chợt nhận ra các chọn lựa cá nhân của mình cũng ảnh hưởng rất lớn đến tương lai chính trị của chồng mình.

Bố mẹ tôi dạy tôi phải chú trọng vào bản chất bên trong của con người chứ không phải vẻ bề ngoài qua cách ăn mặc hay danh hiệu của họ. Nền giáo dục này đôi khi gây cho tôi khó khăn trong việc hiểu được tầm quan trọng về các thông lệ nào đó đối với người khác. Tôi hầu như không biết rằng một số cử tri ở Arkansas cảm thấy bị xúc phạm nặng nề vì sự kiện là tôi còn giữ nhũ danh của mình.

Do biết rằng tôi có những quan tâm nghề nghiệp của riêng mình và không muốn gây ra bất kỳ sự lầm lẫn hoặc mâu thuẫn về lợi ích với công việc quản lý chính quyền của chồng nên tôi hoàn toàn có lý khi tiếp tục sử dụng tên riêng của mình. Bill cũng không quan tâm đến chuyện này nhưng các bà mẹ lại có. Mẹ chồng Virginia đã khóc khi Bill kể với bà chuyện này còn mẹ tôi thường ghi địa chỉ lên thư của bà là "Gửi Ông và Bà Bill Clinton". Việc các cô dâu giữ lại tên thời con gái ngày càng trở nên phổ biến ở một số nơi vào

giữa những năm 1970 nhưng ở hầu hết các bang thì hiện tượng này vẫn còn hiếm hoi, kể cả bang Arkansas. Đây là một quyết định cá nhân, một ứng xử nhỏ (tôi nghĩ như vậy) để ghi nhận là trong khi tôi gắn bó với liên minh của chúng tôi thì tôi vẫn là tôi. Tôi cũng thực tế. Trước lúc chúng tôi làm đám cưới, tôi dạy học, xử án, xuất bản sách và nói năng với tư cách là Hillary Rodham. Tôi giữ tên của tôi sau khi Bill được bầu vào cơ quan chính quyền bởi vì tôi nghĩ rằng việc đó có thể giúp tránh xuất hiện các mâu thuẫn về lợi ích. Và có một vụ kiện tôi nghĩ mình sẽ thua cuộc nếu tôi dùng tên của Bill.

Tôi giúp Phil Carroll bào chữa cho một công ty mua bán và chuyên chở bằng xe lửa các cây gỗ tròn đã được xử lý chất crê- ô-zốt. Trong một chuyến hàng bốc dỡ tại điểm tập kết, các cây gỗ tuột khỏi giá đỡ trên một xe tải và làm bị thương một số nhân viên của công ty mua số gỗ này. Vụ xử kiện này được một thẩm phán chủ trì. Ông quan tòa đang bị tai tiếng về lạm dụng quyền lực, đặc biệt là tính rượu chè quá độ của mình. Theo luật Arkansas, chồng tôi với cương vị là Bộ trưởng Tư pháp đang thụ lý điều tra vụ việc đó của ông ta. Vị thẩm phán chỉ biết tôi qua cái tên "Bà Rodham" rất chú ý đến tôi, thường nhận xét đại loại như "Hôm nay cô trông xinh đẹp quá" hoặc "Hãy lại gần đây để tôi có thể nhìn kỹ được cô".

Vào cuối vụ kiện, Phil đã vận động được một phán quyết có lợi cho thân chủ của mình do không có chứng cớ rõ rệt về sự thiếu trách nhiệm gây ra tai nạn. Thẩm phán đồng ý và chấp thuận bản kiến nghị này. Phil và tôi thu xếp hành lý và quay về Little Rock. Một vài ngày sau đó, một luật sư bảo vệ một trong số những bị đơn khác gọi điện kể cho tôi nghe chuyện xảy ra sau khi bồi thẩm đoàn đi về. Vị thẩm phán bắt đầu huênh hoang với các luật sư về vụ điều tra của Bill Clinton và nói là ông ta đã bị ngược đãi như thế nào. Cuối cùng một trong những luật sư đã ngắt lời ông và hỏi: "Thẩm phán, ông có biết cô luật sư Hillary Rodham, người đi cùng với Phil Carroll không? Đó là vợ của Bill Clinton".

"Chà khốn kiếp thật! Nếu tôi biết được điều đó", vị thẩm phán tuyên bố, "Chúng sẽ không bao giờ có được một phán quyết có lợi như thế !”.

Mùa đông sau thất bại của Bill, một số bạn bè và người dân ủng hộ có đề cập với tôi nên sử dụng tên "Clinton" làm tên họ của tôi. Ann Henry bảo tôi rằng một số người rất bối rối khi họ nhận được thư mời đến tham dự các sự kiện tại Dinh Thống đốc trong đó ghi người mời là "Thống đốc Bill Clinton và Hillary Rodham". Khai sinh của Chelsea cũng ghi hai tên, rõ ràng là một đề tài nóng ở tiểu bang. Người dân Arkansas phản ứng với tôi giống như mẹ chồng thể hiện với tôi khi bà lần đầu gặp tôi: tôi là một kẻ lập dị về ăn mặc

(vốn theo phong cách miền bắc) và việc sử dụng tên thời con gái của mình.

Jim Blair châm chọc vấn đề này, chế ra một màn kịch ngay trên các bậc thang của Capitol. Bill đạp chân lên cổ tôi, giật tóc tôi và nói đại loại như: "Mụ vợ này, bà sẽ phải lấy tên họ của tôi và chấm hết!". Cờ vẫn tung bay, bài thánh ca vẫn được hát vang và thế là tên họ sẽ đổi thay.

Vernon Jordan đến thành phố để diễn thuyết và nhờ tôi chuẩn bị cho ông ấy bữa ăn sáng có cả món bột yến mại nhà chúng tôi vào sáng hôm sau. Trong căn bếp nhỏ, ngồi vắt vẻo trên một cái ghế nhỏ xíu, ông ấy vừa thưởng thức món bột yến mạch ăn liền của tôi và thúc giục tôi làm đúng một điều: hãy sử dụng tên họ của Bill. Người duy nhất không hỏi hoặc thậm chí không đề cập với tôi về tên của tôi chính là chồng tôi. Anh ấy nói tên tôi là việc riêng của tôi và anh không nghĩ tương lai chính trị của mình lại phụ thuộc vào nó bằng cách này hay cách khác.

Tôi quyết định là việc Bill trở lại làm Thống đốc thì quan trọng hơn việc tôi giữ lấy tên thời con gái của mình. Vì vậy khi Bill tuyên bố sẽ tham gia nhiệm kỳ tới vào sinh nhật lần thứ hai của Chelsea thì tôi bắt đầu đổi tên lại là Hillary Rodham Clinton.

Chiến dịch năm 1982 là một nỗ lực của cả gia đình. Chúng tôi nhét Chelsea cùng với bọc tã vào chiếc ô tô lớn được một người bạn tốt tên là Jimmy Red Jones lái. Chúng tôi lái xe đi rong ruổi khắp tiểu bang, bắt đầu ở phía Nam. Mùa xuân đã thấp thoáng dưới những rặng thông. Sau đó chuyến hành trình kết thúc ở Fayetteville, nơi có một đợt bão tuyết. Tôi luôn thích công tác vận động và có cơ hội đi đây đi đó khắp vùng Arkansas, ghé lại vài cửa hàng đồng quê, trạm bán hàng và thưởng thức vài xâu thịt nướng. Đây chính là một hình thức giáo dục rất tốt, đặc biệt là giáo dục bản thân. Tôi rất ngạc nhiên khi tôi gõ cửa từng nhà trong đợt vận động cho Bill năm 1978 và gặp những phụ nữ bảo với tôi là chồng họ sẽ bỏ phiếu giùm họ hoặc gặp những người Mỹ gốc Phi vẫn nghĩ là còn phải trả thuế thân.

Vào năm 1982, vừa bế Chelsea bên hông hoặc vừa nắm tay Chelsea dắt đi, tôi đi đi lại lại trên đường phố để gặp gờ các cử tri. Tôi nhớ là đã gặp một s bà mẹ trẻ ở thị trấn nhỏ Bald Knob. Khi tôi nói tôi cuộc là họ sẽ rất vui khi nói chuyện với các em bé của mình, một bà mẹ đã hỏi: "Tại sao tôi lại nói chuyện với con gái? Nó có biết đối đáp lại đâu?” Nhờ những ngày làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu Trẻ em ở Yale và cũng nhờ mẹ tôi mà tôi biết được tầm quan trọng của việc nói chuyện và đọc truyện cho trẻ con để xây dựng vốn từ vựng cho chúng. Tuy nhiên khi tôi cố gắng giải thích điều này

thì những người phụ nữ đó vẫn còn tỏ vẻ hồ nghi mặc dù lắng nghe một cách lịch sự.

Sau cuộc bầu cử năm 1982, Bill quay lại Dinh Thống đốc. Anh trở thành một vị Thống đốc khiêm nhường và dày dạn hơn nhưng không kém phần quyết tâm thực hiện triệt để những việc có thể làm trong thời gian hai năm. Có quá nhiều việc phải làm đối với vị Thống đốc. Arkansas là một bang nghèo, thuộc hàng chót bảng hoặc áp chót theo nhiều tiêu chuẩn đánh giá, từ tỉ lệ phần trăm sinh viên tốt nghiệp đại học đến thu nhập cá nhân tính theo đầu người. Tôi đã giúp Bill giải quyết vấn đề cải cách y tế trong nhiệm kỳ đầu của anh, thiết lập thành công một mạng lưới các bệnh viện đa khoa, tuyển dụng thêm bác sĩ, y tá và các nhân viên hộ sản về làm việc tại các vùng nông thôn - trước sự chống đối của Hội Y khoa của tiểu bang. Khi Thống đốc White cố gắng thực hiện lời hứa trong cuộc vận động năm 1980 là cho giải tán mạng lưới này, các dòng người đổ về Capitol để phản đối. Kết quả là White phải rút lại quyết định. Bill và tôi đồng ý là Arkansas sẽ không bao giờ thịnh vượng được nếu không cải cách hệ thống giáo dục. Bill tuyên bố anh sẽ thành lập một ủy ban Tiêu chuẩn Giáo dục để khuyến nghị các cải cách giáo dục sâu rộng, và anh muốn tôi là Chủ tịch Ủy ban.

Tôi đã làm Chủ tịch Ủy ban Y tế Nông thôn và nay Bill lại đề nghị tôi giải quyết vấn đề giáo dục bởi vì anh muốn gửi đi một tín hiệu chứng tỏ sự thành tâm của anh trong đề giáo dục. Không ai, kể cả tôi, nghĩ đây là một ý kiến hay. Nhưng Bill lại nghĩ đây là một giải pháp. “Hãy nhìn mặt tốt của vấn đề", anh nói. "Nếu em thành công thì các bạn bè chúng ta phàn nàn rằng đáng lý ra em phải làm được nhiều hơn nữa kia nhưng kẻ thù của chúng ta sẽ phàn nàn là em đã làm quá nhiều. Nếu em không đạt được gì các bạn bè chúng ta sẽ nói, lẽ ra cô ấy không nên thử làm việc này. Nhìn kìa cô ấy không thể nào làm được chuyện gì cả!". Bill tin rằng anh đã đúng khi chọn tôi và cuối cùng anh ấy đã làm tôi mủi lòng.

Một lần nữa đây là một hành vi mạo hiểm về chính trị. Cải thiện trường học sẽ đòi hỏi sự tăng thuế - một ý tưởng vẫn không bao giờ được người dân hoan nghênh. Ủy ban gồm 15 thành viên đưa ra đề nghị rằng sinh viên bắt buộc phải theo các kỳ kiểm tra đã được chuẩn hóa bao gồm một kỳ kiểm tra trước khi các em tốt nghiệp lớp tám. Nhưng hòn đá tảng của kế hoạch cải cách đề xướng là việc kiểm tra bắt buộc giáo viên. Mặc dù điều này có gây bất bình từ hiệp hội giáo viên, các nhóm dân quyền và những người có vai trò quan trọng đối với Đảng Dân chủ ở Arkansas nhưng chúng tôi cảm thấy không còn phương cách nào khác cho vấn đề này. Làm thế nào chúng ta có thể kỳ vọng bọn trẻ đạt được trình độ quốc gia trong khi các thầy cô giáo của

chúng đôi khi thiếu trình độ? Cuộc tranh luận trở lên căng thẳng đến nỗi một nhân viên thư viện trường nói tôi là "đồ không ra gì". Tôi nhớ là nhiều lần mình đã bi gán cho các danh xưng không bắt nguồn từ bản thân mà là do những điều mà tôi đại diện.

Việc tác động vào bộ phận lập pháp để có được sự phê chuẩn và tài trợ cho việc cải cách trọn gói hóa ra lại là một cuộc chiến dữ dội và khó lường giữa các nhóm lợi ích. Giáo viên thì lo lắng cho công ăn việc làm của mình. Các nghị sĩ đại diện cho các vùng nông thôn thì quan ngại rằng kế hoạch này sẽ sáp nhập các trường làng nhỏ của họ. Giữa những bất đồ này, tôi đã ra trước một phiên họp chung của Hạ viện và Thượng viện Arkansas để biện hộ cho kế hoạch của chúng tôi về việc cải thiện tất cả các trường lớn nhỏ. Có lẽ là do sự kết hợp giữa kỹ năng và nhiều trải nghiệm nên khả năng nói trước công chúng luôn luôn là một trong những thế mạnh của tôi. Tôi cười khi Lloyd George, một nghị sĩ đến từ Hạt Yell ở vùng quê đã tuyên bố với Quốc hội tiểu bang là: "Hỡi các bạn, có vẻ là chúng ta đã chọn lầm ông Clinton kia". Đây là một ví dụ khác về hiện tượng mà tôi gọi là "hội chứng con chó biết nói". Một số người vẫn còn ngạc nhiên về chuyện bất kỳ một phụ nữ nào (kể cả phu nhân của các thống đốc, các giám đốc điều hành doanh nghiệp, các ngôi sao thể thao và các ca sĩ nhạc rock) bình tĩnh trước sức ép của đám đông và nói năng lưu loát, thông tuệ. Đúng là con chó biết nói! Thật ra sẽ là một lợi thế nếu người mà bạn muốn thuyết phục đánh giá thấp bạn lúc đầu. Tôi sẵn sàng tuôn ra cả bài diễn thuyết để bảo vệ chương trình cải cách giáo dục.

Chúng tôi giành được một số phiếu đồng thời cũng mất một số. Chúng tôi còn phải đấu tranh với hiệp hội giáo viên tại tòa án. Tuy nhiên vào cuối nhiệm kỳ tại chức của Bill, Arkansas đã triển khai được một kế hoạch nâng chuẩn trường học, mười ngàn trẻ em đã có cơ hội tốt hơn để phát hiện được các tiềm năng học vấn của mình và giáo viên cũng đã được nâng lương rất cao. Tôi đặc biệt hài lòng khi Terrel Bell, Bộ trưởng Giáo dục của Tổng thống Reagan khen ngợi kế hoạch cải cách của Arkansas, đánh giá rằng Bill là "một thủ lĩnh xuất sắc trong lĩnh vực giáo dục".

Tiếp theo sự thành công của luật cải cách giáo dục lại là một thách thức cá nhân nguy hiểm. Vào trung tuần tháng 7 năm 1984, tôi nhận được một cú điện thoại từ Betsey Wright, người trở thành Chánh Văn phòng của Bill vào năm 1983 sau cuộc tái tranh cử. Bà Wright bảo tôi rằng Bill đang trên đ đến gặp tôi. Tôi vừa ăn trưa với một vài người bạn nên xin phép họ về trước và đứng bên ngoài nhà hàng chờ Bill đến. Chúng tôi ngồi trong ô tô trong khi Bill kể rằng cảnh sát trưởng của tiểu bang vừa thông báo cho anh về việc bên

an ninh đang theo dõi Roger, em trai của anh ấy. Cảnh sát đã quay phim video trong lúc chú ấy đang bán ma túy cho một người là cơ sở của cảnh sát. Cảnh sát trưởng tiểu bang nói với Bill là họ có thể bắt giữ Roger ngay sau đó hoặc tiếp tục điều tra theo dõi để phát hiện đầu mối cung cấp ma túy của anh ta. Ông ấy cho rằng Roger bán ma túy để có tiền phục vụ cho cơn ghiền ma túy nặng của mình. Sau đó vị cảnh sát trưởng hỏi Bill là muốn ông ấy làm gì. Bill trả lời là không có lựa chọn nào khác. Hoạt động điều tra Roger vẫn phải tiếp tục. Tuy nhiên vì là anh cả, điều này cực kỳ đau khổ đối với Bill khi biết rằng trong trường hợp may mắn nhất thì em của mình cũng sẽ bị tù và thậm chí cậu em có thể tự hủy hoại mình do lạm dụng ma túy trong trường hợp xấu nhất.

Bill và tôi dằn vặt bản thân vì không nhận ra các dấu hiệu lạm dụng ma túy của Roger và có hành động nào đó để giúp chú ấy. Chúng tôi lo lắng rằng tin này và sự biết trước của Bill sẽ làm mẹ anh ấy vô cùng đau khổ. Cuối cùng thì sự chờ đợi thấp thỏm cũng đã kết thúc. Roger bị bắt và bị buộc tội tàng trữ và mua bán cocaine. Bill giải thích cho cả Roger và bà Virginia rằng anh ấy đã biết trước về cuộc điều tra nhưng cảm thấy có trách nhiệm không được tiết lộ cho mẹ và báo động cho em trai mình. Virginia bị sốc bởi vụ buộc tội này và nhận ra rằng Bill và tôi đã biết trước là Roger phải vào tù. Mặc dù tôi hiểu được sự đau khổ và giận dữ của họ nhưng tôi biết Bill chỉ có một con đường là giấu kín gia đình thông tin này. Roger đồng ý với những lời khuyên trước khi chú ấy phải vào tù thụ án. Trong quá trình xét xử, Roger đã thú nhận là chú ấy rất ghét bố mình. Lúc này Virginia và Bill hiểu rằng thói rượu chè và tính bạo lực của ông bố đ hướng rất lớn đến Roger. Phải mất nhiều năm trời để Bill nhận ra rằng việc sống chung với tệ nạn rượu chè, sự ghẻ lạnh trong một thời gian dài cũng gây ra các hậu quả khôn lường. Đây là một trong những khủng hoảng gia đình mà chúng tôi phải đối mặt. Ngay cả những cuộc hôn nhân bền vững cũng có thể bị chao đảo khi khó khăn xuất hiện. Trong những năm sắp tới chúng tôi có thể gặp nhiều khó khăn nhưng chúng tôi nhất quyết vượt qua.

Vào đầu năm 1987, ngày càng có nhiều lãnh đạo Đảng Dân chủ thúc giục Bill xem xét đến một cuộc tranh cử Tổng thống vào năm 1988 khi nhiệm kỳ thứ hai của Ronald Reagan kết thúc. Cả Bill và tôi đều hy vọng là Thượng nghị sĩ Dale Bumpers sẽ quyết định ra tranh cử và chúng tôi nghĩ là ông ấy sẽ làm. Ông ấy đã từng là một Thống đốc và Thượng nghị sĩ ưu tú và có thể là một ứng viên nặng ký. Tuy nhiên, vào cuối tháng Ba ông ấy quyết định không tham gia. Mối quan tâm của Bill tăng lên và anh hỏi tôi nghĩ gì về chuyện này. Tôi nghĩ rằng anh không nên ra tranh cử và đã nói với anh như vậy. Dường như là Phó Tổng thống Bush sẽ được chọn kế thừa Tổng thống

Reagan, làm đại diện cho Reagan trong nhiệm kỳ lần ba. Tôi nghĩ rằng Bush rất khó bị đánh bại. Nhưng cũng có các lý do khác nữa. Bill vừa được bầu vào năm 1986 cho nhiệm kỳ Thống đốc lần thứ tư và đây là nhiệm kỳ bốn năm đầu tiên kể từ khi có tu chính Hiến pháp. Anh cũng không giữ chức Chủ tịch Hội đồng Lãnh đạo Đảng Dân chủ và vừa mới bắt đầu vai trò Chủ tịch Hội đồng Thống đốc Quốc gia. Anh chỉ mới 40 tuổi. Mẹ anh đang gặp rắc rối trong vấn đề sức khỏe và em trai của anh ấy vừa mới ra tù. Đã vậy, bố tôi vừa mới bị một cơn đột quỵ và bố mẹ tôi phải chuyển đến thành phố Little Rock để Bill và tôi có thể gần gũi săn sóc. Tôi nghĩ đây không phải lúc thích hợp trong sự nghiệp của anh và bảo với anh là tôi không tin tưởng lắm.

Một ngày kia Bill nói là anh sẽ ra tranh cử nhưng ngày hôm saunh lại nói không. Cuối cùng tôi đã thuyết phục anh chọn ra một ngày mà anh có thể quyết định. Mọi người quen biết Bill đều hiểu rằng anh cần phải có một thời hạn cuối, hoặc là anh ấy sẽ tiếp tục xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng trong mọi tình huống. Anh ấy đã chọn ngày 14/7 và đặt một phòng trong khách sạn để đưa ra lời tuyên bố của mình - bất kể đó là lời tuyên bố gì. Một số bạn bè từ khắp nơi trên đất nước đã đến với anh ấy vào ngày hôm trước. Một số người động viên anh ra tranh cử, số khác thì nghĩ rằng còn hơi hấp tấp và cho rằng anh nên chờ đợi. Bill đã phân tích mọi khía cạnh mà bạn bè đưa ra. Tôi nghĩ rằng điều quan trọng là anh ấy vẫn còn đang đấu tranh tư tưởng tối đa là 24 tiếng đồng hồ nữa trước khi anh ấy phải công bố chính thức. Đối với tôi điều đó có nghĩa là anh ấy đang chống lại ý định tranh cử nhưng chưa hoàn toàn sẵn sàng đóng hẳn cửa lại.

Người ta đã viết nhiều các lý do mà anh ấy quyết định không ra tranh cử nhưng lý do cuối cùng chỉ có một từ là "Chelsea”. Carl Wagner, một nhà hoạt động Dân chủ nhiều năm và là bố của một cô con gái duy nhất đã bảo Bill là anh ấy đang biến dần con gái mình thành một trẻ mồ côi. Mickey Kantor cũng đưa ra một thông điệp như vậy khi anh ấy và Bill ngồi ở ngoài hàng hiên phía sau Dinh Thống đốc. Chelsea bước ra và hỏi Bill về kế hoạch nghỉ hè sắp đến. Khi Bill nói là có lẽ anh sẽ không có kế hoạch nghỉ hè nếu anh ra tranh cử Tổng thống thì Chelsea nhìn anh và nói: "Thế thì mẹ và con sẽ đi mà không cần có bố". Sự kiện đó đã làm Bill quyết định.

Chelsea bắt đầu hiểu thế nào là khi có một người bỏ thuộc về công chúng. Lúc Bill là Thống đốc, con bé còn nhỏ nên không có khái niệm về những gì bố nó đang làm. Một lần khi bé lên bốn và có ai đó hỏi về công việc của bố mình, con bé trả lời: "Bố cháu nói điện thoại, uống cà phê và đọc diễn văn"

Chiến dịch tranh cử Thống đốc năm 1986 là lần đầu tiên con bé đủ khôn lớn

để theo dõi. Chelsea đã có thể đọc và xem tin tức trên truyền hình - nó bị tiếp xúc với thế giới nghiệt ngã của các trò chính trị. Một trong những đối thủ của Bill là Orval Faubus, cựu thống đốc khét tiếng bất chấp các yêu cầu của tòa án đã sáp nhập các trường trung học của Little Rock vào năm 1957. Tổng thống Eisenhower đã gửi quân đội đến để bảo vệ luật pháp. Do những lo lắng của tôi về những điều mà Faubus và những người ủng hộ ông ta sẽ nói và làm, Bill và tôi cố gắng chuẩn bị tinh thần cho Chelsea về những điều con bé có thể nghe về bố hoặc thậm chí liên quan đến mẹ mình. Chúng tôi ngồi xung quanh bàn ăn tối trong Dinh Thống đốc đóng vai với con bé, giả vờ là chúng tôi đang ở trong những cuộc tranh luận mà một trong chúng tôi đóng vai là đối thủ chính trị chỉ trích Bill về việc không là một Thống đốc tốt. Cặp mắt của Chelsea mở to với ý nghĩ là có người nào đó sẽ nói những điều tệ hại như thế về bố mình.

Tôi yêu cái tính quyết đoán ngày càng phát triển của Chelsea, dẫu cho không phải lúc nào cũng dễ chịu. Vào dịp lễ Giáng sinh năm 1988, tôi đi săn vịt cùng với Frank Kumpuris, một bác sĩ phẫu thuật nổi tiếng và là một trong những người bạn tốt của tôi, đã mời tôi tham gia cùng với ông và hai người con trai cũng là bác sĩ, Drew và Dean, và một số bạn thân khác tại khu săn bắn của họ. Tôi ít đi săn kể từ những ngày ở hồ Winola với bố nhưng tôi nghĩ chắc là vui. Thế là tôi đứng dầm mình đến ngang hông trong làn nước giá lạnh chờ bình minh lên ở phía đông Arkansas. Khi mặt trời lên, đàn vịt bay trên đầu và tôi may mắn bắn trúng một con vịt có đeo nẹp. Khi tôi về nhà, Chelsea đang đợi tôi, cực kỳ giận dữ khi thức dậy và biết được rằng tôi đã rời nhà trước lúc bình minh để đi giết một con vịt mẹ hay một ịt bố của một chú vịt con đáng thương. Con bé không thèm nói chuyện với tôi suốt cả ngày hôm đó.

Mặc dù Bill quyết định không tranh cử vào năm 1988, nhưng người được Đảng Dân chủ chọn là Thống đốc Michael Dukakis của bang Massachussetts đã đề nghị anh đọc tuyên bố chỉ định ứng viên tại Đại hội Đảng ở Atlanta. Sự việc lại trở thành một thất bại. Dukakis đã xem xét và chấp thuận từng lời văn của Bill trước đó nhưng bài diễn văn thì dài hơn những gì các đại biểu, các hãng truyền hình mong đợi. Một số đại biểu trong đại hội bắt đầu la ó đòi Bill kết thúc. Đây là một buổi ra mắt đáng hổ thẹn đối với đất nước và nhiều nhà quan sát cho rằng tương lai chính trị của Bill thế là kết thúc. Tuy nhiên, tám ngày sau, anh xuất hiện trên chương trình truyền hình Tonight Show của Johnny Carson chế nhạo bản thân và chơi kèn saxophone. Thế là anh lại quay về vũ đài chính trị.

Sau khi Bill được tái cử làm Thống đốc vào năm 1990, các đảng viên Dân

chủ khắp đất nước lại một lần nữa vận động anh ra tranh cử Tổng thống. Sự cổ vũ này bắt nguồn từ các đánh giá là Tổng thống George H. W. Bush đang xa rời nhân dân Mỹ. Mặc dù hình ảnh đại chúng của Bush vẫn còn mạnh mẽ sau sự kiện Chiến tranh vùng Vịnh nhưng tôi nghĩ là việc thực hiện các chính sách trong nước, đặc biệt là vấn đề kinh tế, làm ông ta dễ bị tổn thương. Tôi đã nhận ra rằng Tổng thống Bush không quen với nhiều vấn đề mà người dân Mỹ đang gặp khi tôi nói chuyện với ông tại một Hội nghi Thượng đỉnh về Giáo dục mà ông triệu tập tất cả Thống đốc tại Charlottesville, Virginia vào tháng 9 năm 1989. Là vợ của đồng Chủ tịch thuộc Đảng Dân chủ của Hội nghị Thượng đỉnh của Hội đồng Các Thống đốc Quốc gia, tôi ngồi kế Tổng thống Bush tại một buổi đại dạ tiệc tổ chức tại Monticello. Chúng tôi có quan hệ thân tình và đã gặp nhau nhiều lần tại Nhà Trắng hoặc tại cuộc họp các thống đốc hàng năm. Chúng tôi nói chuyện về hệ thống y tế Hoa Kỳ. Tôi nói là chúng ta có hệ thống y tế tốt nhất trên chế giới nếu ông muốn một ca ghép tim, nhưng không phải như thế nếu ông muốn một đứa bé sống sót qua một năm đầu tiên của cuộc đời. Tỷ lệ trẻ sơ sinh chết ở Hoa Kỳ làm đất nước chúng ta đứng sau 18 quốc gia công nghiệp khác kể cả Nhật Bản, Canada và Pháp. Tổng thống Bush tỏ vẻ hoài nghi và nói: "Điều đó không thể nào đúng được".

Tôi nói: "Tôi sẽ đưa cho ông các số liệu thống kê để chứng minh."

Ông ấy trả lời: "Tôi sẽ sử dụng số liệu riêng của tôi".

Vào ngày hôm sau trong cuộc họp với các thống đốc, ông nhờ Bill nhắn lại: "Hãy nói với Hillary là cô ấy đúng".

Lần này tôi tin rằng Bill cần suy xét cẩn thận có nên ra tranh cử hay không. Vào tháng 6 năm 1991, anh ấy đã tham dự Hội nghị thường niên Bilderberg ở châu Âu, tụ hội các nhà lãnh đạo khắp nơi trên thế giới. Sau khi lắng nghe các quan chức của chính quyền Bush bảo vệ chính sách của mình, anh ấy gọi điện kể cho tôi anh ấy thật thất vọng với những kế sách giải quyết của chính quyền đối với sự tăng trưởng kinh tế và gần như mọi thứ khác nữa. Anh ấy nói: "Thật là điên rồ. Chúng ta không làm bất kỳ điều gì để chuẩn bị sẵn sàng cho tương lai của đất nước". Tôi không thể mô tả được giọng nói cũng như những ngôn từ mà anh dùng khi nói về những suy nghĩ nghiêm túc trong việc anh quyết định có ra ứng cử hay không. Anh ấy đã nâng cao vị thế của mình trên bình diện quốc gia qua những việc làm ở Hội đồng Thống đốc Quốc gia và những thành tích về giáo dục, cải cách phúc lợi, phát triển kinh tế được xem là thành công ở Arkansas. Khi chúng tôi tham dự Đại hội thường niên Các Thống đốc ở Seattle vào tháng Tám, tôi không ngạc nhiên

khi một số đồng nghiệp Đảng Dân chủ bảo anh ấy là họ sẽ ủng hộ anh nếu anh nghiêm túc nghĩ đến chuyện ra tranh cử.

Sau hội nghị, Bill, Chelsea và tôi thực hiện một chuyến nghỉ mát ngắn đến Victoria và Vancouver ở Canada để bàn về những việc cần làm. Chelsea bấy giờ đã 11 tuổi, trưởng thành hơn nhiều so với trước đây bốn năm, sẵn sàng đóng góp ý kiến của nó. Con gái và tôi đã nhất trí rằng Bill có thể là một Tổng thống tốt. May mắn là cuộc vận động tranh cử sơ bộ có thể sẽ ngắn hơn và tập trung hơn thường lệ bởi vì Thượng nghị sĩ Tom Harkin của bang Iowa đang ra tranh cử. Điều đó có nghĩa là Bill có thể đi đường vòng qua một cuộc họp nội bộ Đảng Dân chủ ở Iowa và đi thẳng đến New Hampshire. Anh cũng đã dành thời gian ở đó để thiết lập một chương mới của Đảng Dân chủ và anh nghĩ rằng có thể cạnh tranh với Thượng nghị sĩ Paul Tsongas của Massachusetts trong cuộc bầu chọn một ứng cử viên mới của Đảng Dân chủ. Khi Bill thảo luận với chúng tôi về việc mình có nên tham gia tranh cử hay không, anh ấy còn trấn an Chelsea là kế hoạch thường niên của anh phải tính đến những mốc thời gian quan trọng khác của Chelsea, ví dụ như vở diễn ba lê The Nutcracker, và đảm bảo với chúng tôi là gia đình vẫn đi nghỉ cuối tuần vào đầu năm mới như thường lệ. Dĩ nhiên tôi không thể dự đoán được mọi chuyện xảy ra nhưng tôi tin Bill đã chuẩn bị sẵn sàng mọi thứ cần thiết để cống hiến cho tổ quốc và có thể tin tưởng cách thức anh điều hành thành công một chiến dịch vận động chính trị. Chúng tôi tính điều gì chúng tôi phải mất. Thậm chí nếu cuộc tranh cử của Bill thất bại, anh ấy cũng sẽ mãn nguyện vì biết rằng mình đã cố gắng, không chỉ để thắng cử mà còn tạo ra sự tác động quan trọng đối với Hoa Kỳ. Dường như đây là một rủi ro xứ

CHIẾN DỊCH ODYSSEY

Tôi đã nhận được một lời khuyên bổ ích để có thể tồn tại trong một chiến dịch tranh cử tổng thống vào tháng 9 năm 1991 khi tôi tình cờ gặp Hal Bruno trong hành lang khách sạn Biltmore ở thành phố Los Angeles. Bruno, trước đây là nhà sản xuất truyền hình và cũng là chỗ thân quen của tôi, đang ở trong thành phố để điểm danh các ứng viên tổng thống có triển vọng trong cuộc họp mùa thu của Ủy ban Quốc Gia của Đảng Dân chủ.

Ông hỏi tôi mọi chuyện tiến triển như thế nào rồi.

Lúc đó chắc tôi trông bối rối lắm. Tôi nói: "Tôi không biết nữa. Chuyện này hoàn toàn mới đối với tôi. Ông có lời khuyên nào dành cho tôi không?"

"Chỉ cần điều này thôi", ông nói, "Hãy cẩn trọng với những người mà bà tin cậy. Việc này hoàn toàn khác với bất kỳ chuyện gì mà bà đã trải qua trước đây. Ngoài điều này ra, hãy cố gắng thu thập kinh nghiệm."

Đây là một lời khuyên rất khôn ngoan. Tuy nhiên, không thể thực hiện một trọng trách quá phức tạp và đầy áp lực đối với chiến dịch tranh cử tổng thống mà lại không tin cậy vào rất nhiều ngườikhởi sự với đội ngũ bạn bè và các chuyên gia bầu cử mà chúng tôi biết là có thể tin cậy.

Ngay khi Bill bắt đầu cuộc đua vào tháng Chín, anh đã liên hệ với nhóm cố vấn chủ chốt để giúp anh ghi danh ứng cử. Craig Smith, một phụ tá lâu năm, đã nghỉ làm cho văn phòng Thống đốc để triển khai các chiến dịch tác nghiệp cho đến khi xây dựng được một chiến dịch tranh cử hoàn chỉnh, và sau đó trở thành Giám đốc Chiến dịch Toàn quốc. Vào ngày 2 tháng 10 năm 1991 các cố vấn của Bill đến thành phố Little Rock để giúp anh định hình bài diễn văn tuyên bố được dự kiến cho ngày hôm sau. Quang cảnh hỗn độn trong dinh vào tối hôm ấy thể hiện tiêu biểu cho toàn bộ chiến dịch tranh cử. Stan Greenberg, chuyên gia thăm dò ý kiến tuyển cử và Frank Greer, cố vấn về truyền thông cùng với Al From, Chủ tịch Hội đồng Lãnh đạo Đảng Dân chủ (DLC) cùng với Bruce Reed, Giám đốc Chính sách của DLC tụ họp quanh Bill cả ngày cho đến tối, cố gắng giúp anh hoàn thành bài diễn văn quan trọng. Bill gọi điện thoại, đọc kỹ các bài diễn văn trước đó của mình và chúi vào khay đựng thức ăn để trên bàn. Chelsea, 11 tuổi, một diễn viên ba lê chớm nở, lượn từ phòng này sang phòng kia, múa xoay tròn trên đầu ngón chân quanh bố mình và các vị khách cho đến tận giờ đi ngủ. Đến 4 giờ sáng, bài diễn văn đã hoàn tất.

Vào trưa hôm sau, trước Phủ Toàn quyền cũ ở thành phố Little Rock, một Bill Clinton đã được tiếp thêm sức lực đứng cùng với Chelsea và tôi trước một hàng mi-crô và máy quay phim của đài truyền hình, tuyên bố ý định ra tranh cử tổng thống. Bài diễn văn của anh nêu một chỉ trích nổi bật về chính quyền Bush. "Người trung lưu phải mất nhiều thời gian hơn cho công việc, dành ít thời gian hơn cho con cái và đem về nhà ít tiền hơn để phải trả nhiều hơn cho việc chăm sóc sức khỏe, nhà ở và giáo dục. Tỷ lệ nghèo đói gia tăng, đường sá thì xấu hơn và có số trẻ em đang lớn lên trong những gia đình tan vỡ nhiều hơn bao giờ hết. Đất nước chúng ta đang bị lèo lái sai đường quá nhanh. Đất nước đang bị tụt hậac đường và tất cả cái mà chúng ta có được từ Washington là tình trạng tê liệt kéo dài, sự thờ ơ, thiếu quan tâm và sự ích kỷ, chứ không phải sự lãnh đạo và tầm nhìn.”

Chiến dịch mà anh muốn tranh cử sẽ là "các ý tưởng chứ không phải là khẩu hiệu suông" và sẽ "mang lại sự lãnh đạo giúp phục hồi giấc mơ Hoa Kỳ, tranh đấu cho giai cấp trung lưu bị bỏ quên, tạo thêm nhiều cơ hội, cần nhiều trách nhiệm hơn từ mỗi người chúng ta và tạo ra một cộng đồng mạnh hơn trong một đất nước vĩ đại của chúng ta". Đằng sau những tu từ ẩn dụ của anh là những kế hoạch cụ thể khác mà Bill sẽ trình bày trong suốt quá trình diễn ra chiến dịch chính để thuyết phục các cử tri Dân chủ rằng anh có cơ hội tốt nhất để đánh bại Tổng thống Bush.

Giới truyền thông chủ đạo không cho Bill nhiều hy vọng trong các cuộc bầu chọn ứng viên tổng thống trong nội bộ Đảng Dân chủ, nói chi đến bầu tổng thống. Ban đầu anh bị mô tả như một kẻ vô danh, chỉ là kẻ ngoài cuộc góp vui, đẹp trai, có tài ăn nói nhưng quá trẻ và không có kinh nghiệm cho công việc tổng thống ở độ tuổi 46. Vì thông điệp về sự thay đổi của anh đã thu hút được sự quan tâm của các cử tri tiềm năng nên báo giới và phe ủng hộ Tổng thống Bush bắt đầu để mắt kỹ hơn đối với Bill Clinton và đối với cả tôi nữa.

Nếu 44 năm đầu của cuộc đời tôi là một sự giáo dục thì chiến dịch tranh cử 13 tháng là một khám phá. Mặc dù tất cả những lời khuyên tốt mà chúng tôi nhận được và tất cả thời gian mà Bill và tôi đầu tư vào lĩnh vực chính trị, chúng tôi không hề được chuẩn bị cho các hoạt động chính trị đầy thủ đoạn và mánh khóe, sự săm soi tàn nhẫn gắn liền với một cuộc đua tranh chức tổng thống. Bill đã phải chịu trận vì những chính kiến của anh ấy và chúng tôi phải chịu đựng sự điều tra soi mói toàn bộ đời tư của mình. Chúng tôi phảien với các cơ quan báo chí trong nước vốn không biết gì nhiều về chúng tôi và thậm chí cũng không biết chúng tôi từ đâu đến. Thế là chúng tôi phải kiềm chế cảm xúc của mình trước sự theo dõi thường xuyên của công chúng trong suốt quá trình chiến dịch tranh cử, ngày càng dữ dội và soi mói vào đời

tư.

Tôi tin tưởng các bạn bè và nhân viên giúp chúng tôi vượt qua những khó khăn trở ngại. Bill tập hợp được một nhóm phụ tá xuất sắc gồm có James Carville và Paul Begala là người đã vạch kế hoạch cho cuộc bầu cử Harris Wofford vào cương vị Thượng nghị sĩ của Pennsylvania năm 1991. James, một người gốc Cajun của Louisiana và là cựu sĩ quan thủy quân lục chiến, đã hợp tác chặt chẽ với Bill. Cả hai người đều rất hãnh diện về gốc gác miền Nam của mình, yêu quý mẹ và hiểu rằng các công việc chính trị của tổng thống là một cuộc chạy đua điền kinh về các mối quan hệ. Paul, một tài năng gốc Texas, có đôi lần phải làm thông dịch cái thổ ngữ nói nhanh như tên bắn của Carville. Anh là hiện thân cho sự nghiệp cao cả dân sinh và theo đuổi chế độ dân quyền. David Wilhem đến từ Chicago đã trở thành Trưởng nhóm Chiến dịch và có trực giác nắm bắt cách thức chiến thắng trong cuộc so tài dành cho các ứng viên trong những tình huống khó khăn, cho từng người một. Một người khác gốc Chicago tên là Rahm Emanuel có những kỹ năng chính trị sắc sảo và năng khiếu thiên tài trong việc huy động quỹ và đã trở thành giám đốc tài chính. George Stephanopoulos, cũng từng là một sinh viên được nhận học bổng Rhodes và trợ tá cho Nghị sĩ Richard Gephardt, dự báo cách thức đáp trả ngay lập tức và hiệu quả đối với các cuộc tấn công chính trị và cách thức xử lý sự thù địch từ giới báo chí. Bruce Reed cũng là một du học sinh khác theo chương trình Rhodes Scholar đến tham gia chiến dịch tranh cử từ Hội đồng Lãnh đạo Đảng Dân chủ lại có năng khiếu về diễn đạt các chính sách phức tạp bằng một ngôn ngữ đơn giản và đanh thép hơn. Anh là một giải pháp giúp thể hiện thông điệp tranh cử của Bill. Ủy ban DLC và người sáng lập Al Fm rất quan trọng cho sự phát triển các chính sách và thông điệp của Bill trong chiến dịch tranh cử.

Bill và tôi cũng tin cậy vào đội phụ tá tận tụy ở Arkansas bao gồm Rodney Slater, Carol Willis, Diane Blaid, Ann Henry, Maurice Smith, Patty Howe Criner, Carl và Margaret Whillock, Betsey Wright, Sheila Bronfman, Mack và Donna McLarty và rất nhiều người khác đã dành tất cả sức lực để bầu vị tổng thống đầu tiên xuất thân từ bang Arkansas.

Tôi bắt đầu liên kết các nhân viên của riêng mình ngay khi Bill tuyên bố ra ứng cử. Đây là một bước khởi đầu có tính nghi thức trong đó các nhân viên của ứng viên kiểm soát lịch làm việc và thông điệp của vợ ông ta. Tôi thì hoàn toàn khác - một số chuyện nhỏ sẽ trở nên ngày càng minh bạch trong vài tháng tới.

Người đầu tiên mà tôi gọi điện nhờ giúp đỡ chính là Maggie Williams, lúc

đó đang học tiến sĩ tại Trường Đại học Pennsylvania. Maggie và tôi đã cùng làm việc tại Quỹ Bảo vệ Trẻ em trong những năm 1980. Tôi đánh giá cao kỹ năng của cô về tài lãnh đạo và giao tế, và tôi nghĩ rằng cô có thể xử lý một cách vững vàng dù cho bất kỳ chuyện gì xảy ra. Mặc dù mãi đến cuối năm 1992 Maggie mới đến làm toàn thời gian nhưng cô ấy đã dành cho tôi sự tư vấn và hỗ trợ trong suốt chiến dịch tranh cử.

Ba phụ nữ trẻ bắt đầu làm việc cho tôi trong chiến dịch trở nên vô cùng quý báu và đã luôn sát cánh cùng tôi trong suốt 8 năm ở Nhà Trắng. Patti Solis, một cô gái gốc Mễ di cư có đầu óc chính trị năng động đã lớn lên ở Chicago và làm việc cho Thị trưởng Richard M. Daley. Cô chưa bao giờ làm kế hoạch trong một chiến dịch tranh cử tổng thống. Tôi chưa bao giờ được ai đó bảo tôi phải làm gì, khi nào, ở đâu nhưng hóa ra Patti lại tự nhiên trở thành người lên chương trình cho tôi, tung hứng các thách thức của hoạt động chính trị, sắp xếp nhân sự và chuẩn bị một cách thông minh, quyết đoán và tươi vui. Cô y thu xếp giờ giấc của tôi suốt 9 năm, trở thành một người bạn thân và là một cố vấn giá trị mà tôi vẫn còn tin cẩn cho đến ngày nay.

Capricia Penavic Marshall, một luật sư trẻ năng động đến từ Cleveland cũng là dân nhập cư - mẹ cô ấy đến từ Mexico và bố là một người Croatia tị nạn chế độ Tito ở Nam Tư. Khi nhìn thấy Bill trên truyền hình đọc diễn văn vào năm 1991, cô đã quyết định là sẽ tham gia vào chiến dịch tranh cử của Bill và làm việc nhiều tháng trong công tác phục vụ các đoàn đại biểu tham gia hội nghị ở Ohio. Cuối cùng cô được tuyển vào làm nhân viên của tôi để thực hiện công việc cao cấp hơn, đây chính là một canh bạc của một thanh niên trẻ và là kinh nghiệm đào luyện tuyệt vời trong chính trị và đời thường. Capricia tiến bộ rất nhanh giống như một chuyên gia, và mặc dù chuyến đi đầu tiên không may mắn khi cô đón tôi không đúng ở phi trường Shreveport nhưng chúng tôi mến nhau ngay lần đầu. Sự duyên dáng, dí dỏm của Capricia dưới áp lực công việc đã giúp cô ấy và tôi rất nhiều, khi cô trở thành thư ký xã hội của Nhà Trắng trong nhiệm kỳ hai của Bill.

Kelly Craighead, một cựu vận động viên bơi lặn sừng sỏ và xinh đẹp đến từ California. Đã có một số kinh nghiệm về công tác lên kế hoạch khi cô trở thành giám đốc phụ trách chuyến đi của tôi. Điều đó có nghĩa là cô theo dõi sinh hoạt của tôi trên đường công cán. Mọi nơi tôi đi qua trong suốt 8 năm kế tiếp, vòng quanh thế giới hay một khu vực nào đó đều có Kelly bên cạnh. Khẩu hiệu "Không chuẩn bị tốt kế hoạch thì kế hoạch sẽ thất bại" của cô đã trở thành một trong những câu thần chú của chiến dịch . Không ai khác ngoài cô làm việc cần mẫn hơn hoặc lâu hơn để giải quyết từng chi tiết của bất kỳ chuyến đi nào của tôi. Công việc của cô có yêu cầu rất cao và rất cực

nhọc, cần kết hợp tài năng của một tướng lĩnh và một nhà ngoại giao. Có cũng có nhiều am hiểu sâu sắc và lòng tận tụy. t rằng luôn có cô hỗ trợ bên cạnh khiến tôi cảm thấy thoải mái và tự tin ngay cả vào những ngày khó khăn nhất trong suốt những năm tháng ở Nhà Trắng.

Ngoài tất cả những thanh niên trẻ đã ký hợp đồng làm việc với tôi, còn có Brooke Shearer tình nguyện đi với tôi. Chồng cô là Strobe Talbott và toàn bộ gia đình của cô là những người bạn của Bill kể từ khi anh và Strobe là sinh viên của chương trình học bổng Rhodes. Khi Bill và tôi trở thành chồng vợ, họ cũng trở thành những người bạn của tôi. Các con trai họ cũng chơi thân với Chelsea. Brooke sinh sống ở Washington và làm nghề viết báo, có nhiều kinh nghiệm về giới truyền thông trong nước và nắm rõ những thủ thuật hoặc những trò lố bịch trong các chiến dịch tranh cử.

Tôi nhanh chóng hiểu ra rằng trong cuộc đua giành chức tổng thống, không có cái gì là giới hạn cả. Những lời phê bình ngốc nghếch, những lời gièm pha được tung ra trong các cuộc tranh cãi sẽ được tường thuật ngay trên các phương tiện truyền tin. Các lời đồn đại trở thành câu chuyện "thường ngày". Và trong khi các kinh nghiệm trước đây của tôi dường như đã lỗi thời thì mọi chi tiết đời tư của chúng tôi lại được phân tích và soi mói như thể chúng tôi là một loại cổ vật vừa được khai quật. Tôi đã từng thấy chuyện này trong các cuộc tranh cử của người khác: Thượng nghị sĩ Ed Muskie biện hộ cho vợ mình vào năm 1972 và năm 1992 Thượng nghị sĩ Bob Kerrey kể một câu chuyện tếu hơi khiếm nhã mà không nhận biết rằng một mi-crô có độ nhạy cao đã được gài sẵn gần đó. Tuy nhiên mãi đến khi bạn trở thành tâm điểm trong các ánh đèn quay thì bạn mới cảm thấy sức nóng của chúng.

Một buổi tối khi Bill và tôi đang đi diễn thuyết ở New Hampshire, anh giới thiệu tôi với một đám đông người ủng hộ. Kể lại 20 năm làm việc của tôi về các đề trẻ em, Bill nói đùa rằng chúng tôi có một khẩu hiệu tranh cử mới: "Mua một, tặng một". Anh ấy nói thế như là một cách giải thích rằng tôi sẽ là một đối tác tích cực của anh trong nội các của mình và sẽ tiếp tục sự nghiệp của tôi trong quá khứ. Đây là một ý hay và các chuyên viên tham mưu bầu cử của tôi đã chấp thuận. Được tường thuật rộng rãi trên báo chí, câu nói sau đó đã bị nhào nặn và tung đi khắp nơi như là một bằng chứng về những tham vọng thầm kín của tôi muốn trở thành "đồng Tổng thống" cùng với chồng mình.

Tôi không có nhiều tiếp xúc với báo giới trong nước để có thể đánh giá đầy đủ vai trò của các phương tiện truyền thông giống như một cái ống dẫn chứa đủ mọi thứ, mọi thông tin diễn biến trong các cuộc vận động tranh cử. Các

thông tin, định hình về chính sách và các câu nói sẽ được sàng lọc qua một thấu kính của phóng viên báo giới trước khi chúng đến được công chúng. Một ứng viên không thể truyền bá các ý tưởng của mình nếu không có mạng lưới truyền thông. Một nhà báo không thể tường thuật hiệu quả nếu không tiếp cận được với ứng viên. Do đó, các ứng cử viên và phóng viên vừa đối chọi, vừa phụ thuộc lẫn nhau. Đây là mối quan hệ quan trọng, tế nhị và thủ đoạn mà tôi không hiểu đầy đủ hết.

Lời nhận xét lệch lạc vé câu "Mua một, tặng một" là một nhắc nhở với Bill và tôi rằng lời nói của chúng tôi có thể bị đưa ra khỏi ngữ cảnh do các phóng viên tin tức không có thời gian hoặc không gian để cung cấp ngữ cảnh của toàn bộ cuộc đối thoại. Tính đơn giản và súc tích luôn quan trọng đối với các phóng viên. Các lời nói vui hoặc câu chữ gây ấn tượng cũng rất quan trọng. Các câu nói ám chỉ bóng gió sẽ nhanh chóng được những bậc thầy về ngôn ngữ đặt lên bàn cân mổ xẻ.

Các trực quan chính trị của cựu Tổng thống Nixon vẫn còn rất nhạy bén và ông đã bình luận về chiến dịch tranh cử của chúng tôi trong một cuộc phỏng vấn nhân chuyến thăm Washington vào đầu tháng Hai. "Nếu bà vợ xuất hiện với phong thái quá mạnh mẽ và thông minh thì điều đó làm cho người chồng trông giống như một kẻ nhút nhát", ông nhận xét. Sau đó ông lưu ý là các cử tri có khuynh hướng tán thành lời nhận xét của Đức Hồng y de Richelieu: "Trí tuệ trong một phụ nữ là không phù hợp."

"Người đàn ông này chưa bao giờ làm bất cứ điều gì mà không có mục đích." Tôi nhớ là đã nghĩ như vậy khi tôi thấy lời nhận xét của Nixon được tường thuật trong báo The New York Times. Ngoài việc tham gia của tôi trong nhóm nhân viên điều tra vụ luận tội năm 1974, tôi ngờ rằng Nixon hiểu rõ hơn nhiều người khác về mối đe dọa mà Bill gây ra cho Đảng Cộng hòa đang cầm quyền. Có lẽ ông tin rằng anh ấy đang chịu đựng một bà vợ trực tính và việc bêu xấu tôi là "không phù hợp" có thể gây bất an cho một số cử tri sốt ruột muốn thay đổi song không chắc chắn về chúng tôi.

Trước đó, toàn bộ cuộc sống của Bill đã bị đặt dưới ống kính hiển vi của giới truyền thông. Anh ấy đã bị hỏi nhiều câu hỏi về chuyện cá nhân hơn bất kỳ một ứng viên tổng thống nào trong lịch sử Hoa Kỳ. Trong khi cánh báo chí chính thống vẫn còn tránh in các lời đồn vô căn cứ thì các tờ báo lá cải bình dân lại trả tiền để có những câu chuyện giật gân ở Arkansas. Rốt cục thì một trong những chuyến đi câu này câu dính được vịt cồ.

Tôi đang ở Atlanta vận động tranh cử vào ngày 23 tháng 1 thì Bill gọi báo

cho tôi về câu chuyện từ một tờ báo lá cải mới đăng kể một người phụ nữ tên là Gennifer Flowers tuyên bố là cô ta đã ngoại tình với anh suốt 12 năm. Anh bảo tôi đấy không phải là sự thật.

Các nhân viên trong chiến dịch vận độ đã bị dao động vì câu chuyện và tôi biết là một số người nghĩ rằng cuộc đua đã kết thúc. Tôi yêu cầu David Wilhelm triệu tập một cuộc họp để nói chuyện với mọi thành viên. Tôi nói rằng tất cả chúng ta tham gia chiến dịch này vì chúng ta tin tưởng Bill có thể đem đến sự thịnh vượng cho đất nước và rằng chính các cử tri quyết định chúng ta có thành công hay không.

Tôi kết thúc: "Vì thế chúng ta hãy trở lại công việc của mình".

Giống như một con vi rút có sức lây lan khủng khiếp, "con vịt" Flowers (tin giật gân) bay lượn giữa các loại phương tiện truyền thông, từ tờ báo Star một tờ báo lá cải cho đến chương trình Nightline một chương trình tin trên mạng có uy tín. Mặc dù chúng tôi đã nỗ lực đi tiếp nhưng mạng lưới báo chí phủ dày đặc làm cho chiến dịch vận động của chúng tôi không thể tập trung vào các vấn đề trọng yếu. Và vòng bầu cử ở New Hampshire chỉ còn cách vài tuần lễ nữa. Một số chuyện phải được làm. Bạn của chúng tôi là Harry Thomason, cùng với Mickey Kantor, James Carville, Paul Begala và George Stephanopoulos đã tham vấn với tôi và Bill về những chuyện chúng tôi có thể làm. Họ khuyến nghị rằng chúng tôi nên xuất hiện trong chương trình truyền hình tối Chủ nhật 60 Minutes ngay sau trận chung kết Super Bowl. Lúc này một lượng lớn khán giả có thể thấy chúng tôi. Tôi lại hoàn toàn tin rằng sự ra mắt như vậy sẽ gặp nhiều rủi ro, mất đi tính riêng tư và có thể ảnh hưởng đến gia đình chúng tôi, đặc biệt là Chelsea. Cuối cùng tôi được thuyết phục rằng nếu chúng tôi không xử lý tình huống một cách công khai thì chiến dịch tranh cử của Bill sẽ kết thúc trước kỳ bỏ phiếu.

Cuộc phỏng vấn 60 Minutes diễn ra vào ngày 26 tháng 1 trong một căn phòng lớn tại khách sạn Boston bắt đầu lúc 11 giờ sáng. Căn phòng đã được chuyển đổi thành một cảnh sân khấu với một dãy đèn dã chiến trên các cột xung quanh cái ghế trường kỷ là nơi Bill và tôi ngồi. Có một sự cố trong cuộc phỏng vấn: một cái sào nặng treo đèn đổ về phía tôi. Bill thấy nó nghiêng và kéo tôi ra khỏi vừa kịp lúc cái tháp treo đổ sầm vào chỗ tôi đang ngồi. Tôi run bắn còn Bill thì ôm chặt lấy tôi, nói thì thầm, lập đi lặp lại: "Anh đã chụp được em rồi. Đừng lo. Em ổn rồi. Anh yêu em".

Steve Kroft, người phỏng vấn, bắt đầu bằng một loạt câu hỏi về mối quan hệ và tình trạng hôn nhân của chúng tôi. Anh ta hỏi Bill đã từng có ngoại tình

không và chúng tôi có sống ly thân hay có dự định ly dị không? Chúng tôi từ chối trả lời những câu hỏi riêng tư như thế về đời tư của mình. Tuy nhiên, Bill công nhận rằng anh đã gây tổn thương cho hôn nhân của chúng tôi và anh nói sẽ để cho cử tri quyết định là anh có xứng đáng với vị trí tổng thống hay không.

Kroft: Tôi nghĩ hầu hết người dân Mỹ đồng ý rằng thật đáng khen là hai ông bà đã ở bên nhau; rằng ông bà đã giải quyết các vấn đề của mình, rằng dường như hai người đã đạt được một sự thông hiểu và dàn xếp.

Một sự dàn xếp? Một sự thông hiểu? Có lẽ là Kroft đang cố gắng dành cho chúng tôi một lời động viên nhưng cách xếp loại của anh ta về hôn nhân của chúng tôi thì lại chệch mục tiêu xa lắc đến nỗi Bill tỏ ra hoài nghi. Tôi cũng thế.

Bill Clinton: Xin đợi một chút. Anh đang nhìn hai người yêu nhau. Đây không phải là một sự dàn xếp hay thông hiểu. Đây là một cuộc hôn nhân. Đó là một chuyện hoàn toàn khác.

Tôi ước gì tôi dành cho Bill nói lời cuối cùng nhưng giờ đến lượt tôi góp vui và tôi đã làm.

Hillary Clinton: Như anh bạn biết đấy, tôi không ngồi đây một người phụ nữ bé nhỏ nào đó đứng bên người đàn ông của tôi giống như Tammy Wynette. Tôi đang ngồi đây bởi vì yêu và kính trọng anh. Tôi rất tự hào về những điều anh ấy đã làm và trân trọng những gì mà chúng tôi đã cùng nhau trải qua. Và ông có biết, nếu điều đó không đủ cho nhân dân thì cữ vẫy tay ra hiệu, đừng có bỏ phiếu cho anh ấy.

Mặc dù cuộc phỏng vấn kéo dài 56 phút nhưng CBS chỉ phát hình khoảng 10 phút, bỏ sót nhiều điều quan trọng - chí ít là đối với tôi. Chúng tôi không biết họ sẽ cắt bỏ những lời nói của chúng tôi đến mức độ trầm trọng nào. Tuy nhiên tôi cảm thấy rũ được gánh nặng. Bill và tôi cảm thấy hài lòng về cách thức mà chúng tôi trả lời và mọi người đã nghĩ tốt về chúng tôi. Dường như hầu hết người dân Mỹ đồng ý với quan điểm cơ bản của chúng tôi: cuộc bầu cử là vì bản thân họ chứ không phải là cuộc hôn nhân của chúng tôi. Hai mươi ba ngày sau, Bill được biết đến như là "Cậu bé trở về" vì đã về đích thứ hai một cách ấn tượng trong cuộc bầu chọn ở New Hampshire.

Tôi vẫn như vậy. Ảnh hưởng từ sự tham chiếu của tôi với Tammy Wynette có hiệu quả trong tức thời và phũ phàng - vì nó xứng đáng là như vậy. Dĩ

nhiên ý tôi là viện dẫn một bài hát nổi tiếng của Tammy Wynette là Stand by Your Man chứ không đề cập gì đến cá nhân cô. Tuy nhiên tôi đã không cẩn thận trong việc chọn ngôn từ của mình và lời nhận xét của tôi đã khơi dậy một dòng xoáy phản ứng giận dữ. Tôi hối tiếc về cách mà mình vô tình phạm phải và tôi đã xin lỗi riêng Tammy, và sau đó đã công khai trên một cuộc phỏng vấn truyền hình khác. Tuy nhiên tôi đã gánh chịu hậu quả. Và ngày càng trầm trọng hơn.

Vào đầu tháng Ba, khi mùa bầu chọn ứng viên của Đảng Dân chủ đi vào giai đoạn cao trào, cựu Thống đốc California và là ứng viên tổng thống của Đảng Dân chủ là Jerry Brown tiếp tục tấn công Bill, tập trung vào việc hành nghề luật của tôi và Hãng Luật Rose mà tôi là thành viên góp vốn kể từ năm 1979. Sau khi Bill trở lại chức vụ Thống đốc vào năm 1983, tôi nhờ các thành viên khác tính toán phân chia lợi nhuận của tôi, không bao gồm các khoản phí thu được của các luật sư khác từ công việc được làm cho tiểu bang hoặc bất kỳ một cơ quan nào của tiểu bang. Hãng Luật Rose đã cung cấp những dịch vụ này cho chính quyền bang Arkansas trải qua nhiều thập kỷ. Không có mâu thuẫn nào về quyền lợi nhưng tôi muốn tránh bất kỳ mâu thuẫn nào. Hãng luật đồng ý cho tôi được tách ra khỏi công việc và không nhận các chi phí liên quan đến các dịch vụ cho tiểu bang. Khi Frank White cố lôi vấn đề này vào chiến dịch tranh cử thống đốc Arkansas vào năm 1986, ông ta rất bối rối khi các dữ kiện cho thấy chính phủ tiểu bang đã trao các hợp đồng cho các hãng luật khác ở Arkansas nhiều hơn kể từ khi Bill làm Thống đốc.

Các thông tin giả được các đối thủ chính trị của Bill tung ra trong tiểu bang, Jerry Brown khơi mào lại các cáo buộc trong cuộc tranh luận ở Chicago hai ngày trước 17/3, ngày bầu cử chọn ứng viên của đảng ở Illinois và Michigan. Brown kết tội Bill đã giành các hợp đồng kinh doanh của tiểu bang cho Hãng Luật Rose để làm tăng thu nhập của tôi. Đây là một lời cáo buộc sai lệch, đầy tính cơ hội và không có căn cứ xác thực. Và chính nó đã dẫn đến một tình tiết đáng hổ thẹn là "pha trà làm bánh.”

Bill và tôi đang ở quán cà phê Busy Bee ở Chicago và bị theo dõi bởi một rừng camera và microphone. Chuẩn bị cho vòng bầu cử ứng viên tổng thống ở Illinois sắp đến, các phóng viên đã đưa ra cho Bill những câu hỏi về lời buộc tội của Brown. Sau đó, một phóng viên hỏi tôi nghĩ gì về những lời cáo buộc của Brown đối với chúng tôi. Câu trả lời của tôi dài và không mạch lạc:

"Tôi nghĩ trước nhất [lời nhận xét đó] căn cứ và hiểm độc và tôi cũng nghĩ rằng nó cũng thú vị vì đó là điều thường hay xảy ra đối với những phụ nữ có nghề nghiệp và cuộc sống của riêng mình. Và tôi nghĩ thật xấu hổ nhưng tôi

cho nó là một thứ mà chúng tôi sẽ phải chung sống. Những ai trong chúng ta đã nỗ lực và có một nghề nghiệp - cố gắng có một cuộc sống độc lập và tạo ra ý nghĩa - và dĩ nhiên như bản thân tôi có con nhỏ... Như ông thấy đấy, tôi đã cố gắng hết sức để quyết định đời mình, nhưng tôi cho rằng nó tùy thuộc vào sự công kích. Nhưng lời nhận xét đó là không đúng sự thật và tôi không [biết] làm gì khác ngoại trừ nói rằng điều đó làm tôi rất buồn."

Sau đó phóng viên tiếp tục hỏi là tôi có thể tránh gây ra mâu thuẫn quyền lợi khi chồng tôi là Thống đốc hay không.

"Tôi mong là thật sự như vậy", tôi trả lời, "Anh biết đấy, tôi nghĩ là tôi có thể ở nhà và nướng bánh, pha trà nhưng điều tôi quyết định làm là theo đuổi nghề nghiệp của mình, điều mà tôi đã làm trước khi chồng tôi bước vào cuộc sống quan trường. Và tôi đã làm việc rất nỗ lực và cẩn thận trong chừng mực tốt nhất có thể được và đó là tất cả những gì tôi có thể nói với ông."

Đây không phải là giây phút hùng biện nhất của tôi. Tôi có thể nói: "Nhìn này, trừ phi từ bỏ tư cách thành viên của tôi trong hãng luật và ở nhà, tôi đã làm tất cả những gì có thể để tránh gây ra sự mâu thuẫn về lợi ích. Ngoài ra tôi đã làm khá nhiều bánh nướng trong ngày và cả pha trà nữa cơ !".

Các phụ tá của tôi ý thức được rằng báo chí đã lượm lặt được lời nhận xét "pha trà làm bánh", đề nghị rằng tôi nói với phóng viên lần thứ hai để giải thích chi tiết và rõ ràng hơn về điều tôi muốn thể hiện. Và tôi đã thực hiện một bài nói ứng khẩu tại một cuộc họp báo nhỏ. Nhưng việc đó không mang lại nhiều hiệu quả. Mười ba phút sau khi tôi trả lời câu hỏi, một câu chuyện được phát trên mạng của AP, CNN cũng nhanh chóng hùa theo tiếp sau đó bằng một đoạn tin buổi chiều (hầu như không đề cập đến câu hỏi đầu tiên - về các mâu thuẫn về lợi ích và Hãng Luật Rose - nhưng lại cắt giảm tất cả những lời tôi đã nói thành là "Tôi đáng lý ra có thể ở nhà nướng bánh và pha trà."). Chủ đề cho hầu hết các tổ chức truyền thông vào ngày hôm ấy là tôi đã phạm phải một sai lầm chính trị nghiêm trọng.

Tôi đã ngốc nghếch cố gắng giải thích tình trạng của mình và đưa ra giả thuyết rằng nhiều phụ nữ quá ôm đồm sự nghiệp và cuộc sống thường bị trừng phạt vì những lựa chọn của họ. Nó bị biến hóa thành một câu chuyện về sự nhẫn tâm của tôi đối với các bà mẹ ở nhà. Một số phóng viên đã xào nấu các câu chữ "công việc trà bánh" và "đứng bên người đàn ông của tôi như là Tammy Wynette" thành một lời trích dẫn như thể là tôi nói hai cụm từ này cùng một lúc vậy - chứ không phải là chúng cách nhau đến 51 ngày. Cuộc tranh luận về câu chữ này trở thành một món quà đối với các chiến

lược gia Đảng Cộng hòa. Các nhà lãnh đạo Đảng Cộng hòa chụp mũ tôi là "kẻ theo chủ nghĩa nữ quyền cực đoan" , "luật sư nữ quyền hiếu chiến" và thậm chí "nhà lãnh đạo tư tưởng của một Nội các Clinton - Clinton xúc tiến chương trình nữ quyền cực đoan".

Tôi đã nhận được hàng trăm bức thư về "công việc trà bánh". Những người ủng hộ đã cổ vũ và khen ngợi tôi vì đã bảo vệ nhiều cơ hội lựa chọn hơn cho phụ nữ. Các lời chỉ trích cũng rất cay độc. Một lá thư ám chỉ tôi là kẻ phản Chúa. Một lá thư khác thì nói tôi đã báng bổ thiên chức làm mẹ của người phụ nữ Mỹ. Tôi lo lắng về mức độ quan tâm của Chelsea và mức độ cảm nhận của con bé về vấn đề này. Cháu không còn là một c mới lên sáu nữa.

Một số cuộc tấn công dù là vu khống tôi là một phụ nữ xấu xa, một bà mẹ hay một người vợ tồi hoặc bóp méo lời nói hoặc vai trò của tôi đối với các vấn đề, đều có động cơ chính trị và được dựng lên để kiềm chế tôi. Một số công kích khác có lẽ phản ánh mức độ mà xã hội Hoa Kỳ vẫn còn đang điều chỉnh đối với vai trò đang thay đổi của phụ nữ. Tôi luôn giữ nguyên tắc của mình: Chấp nhận những lời chỉ trích gay gắt nhưng không được mang tính cá nhân. Nếu có sự thật hoặc giá trị trong các lời chỉ trích, hãy cố gắng học hỏi. Nếu không hãy để cho nó trôi đi. Nói thì luôn dễ hơn làm.

Trong lúc Bill nói về sự thay đổi xã hội, tôi thể hiện sự thay đổi đó. Tôi có ý kiến, sự quan tâm và công việc của riêng mình. Dù xấu hay tốt thì tôi vẫn rất thẳng thắn. Tôi đại diện cho một sự thay đổi căn bản trong cách người phụ nữ thực hiện vai trò của mình trong xã hội. Và nếu như chồng tôi thắng cử, tôi sẽ đảm nhiệm một vị trí với các nhiệm vụ không được giải thích rõ ràng nhưng hiệu quả thực hiện thì được mọi người đánh giá. Tôi sớm nhận thức rằng nhiều người vẫn giữ nguyên ý niệm về vai trò phù hợp của Phu nhân Tổng thống. Tôi được gọi là một "thử nghiệm Rorschach" đối với công chúng Hoa Kỳ. Đây là một cách thể hiện thích hợp của tôi đối với các phản ứng cực đoan khác nhau.

Cả những lời tâng bốc nịnh hót lẫn sự giận dữ hiểm ác dường như không che lấp được sự thật. Tôi bị chụp mũ, gán ghép vì những vai trò và sai lầm của mình, và cũng vì tôi đã được biến thành một biểu tượng cho người phụ nữ của thế hệ tôi. Đó là lý do tại sao mọi điều tôi nói hoặc làm - và thậm chí cái gì mà tôi mặc - cũng trở thành một chủ đề nóng cho tranh luận

Tóc và thời trang là những mối quan tâm đầu tiên của tôi. Trong hầu hết cuộc đời, tôi ít để ý đến quần áo của mình. Tôi thích đeo các ruy-băng cài đầu. Thật dễ sử dụng chúng và tôi không thể tưởng tượng rằng chúng lại gây

ra một cái gì đó tốt xấu hoặc lạnh lùng về tôi đối với công chúng Mỹ. Nhưng trong suốt chiến dịch tranh cử, một số người bạn của tôi bắt đầu trau chuốt cho dung mạo của tôi. Họ đem đến cho tôi rất nhiều quần áo để mặc thử và họ bảo tôi rằng phải bỏ cái băng cài đầu đi.

Điều mà họ hiểu nhưng tôi không hiểu là diện mạo của một Đệ nhất Phu nhân rất quan trọng. Tôi không còn là đại diện cho riêng bản thân mình. Tôi đang đề nghị người dân Mỹ cho phép tôi đại diện họ trong một vai trò thể hiện mọi thứ từ vẻ đẹp quyến rũ đến tính hiền thục của một bà mẹ.

Người bạn tốt của tôi là Linda Bloodworth-Thomason đề nghị một người bạn của cô ấy ở Los Angeles, thợ uốn tóc Christophe Schattemen cắt tóc cho tôi. Cô ấy tin rằng nó sẽ cải thiện diện mạo của tôi. Tôi nghĩ ý tưởng này thật phiền toái. Tuy nhiên chẳng bao lâu tôi giống như một đứa trẻ trong một cửa hàng kẹo, ướm thử mọi kiểu tóc có thể: tóc dài, tóc ngắn, tóc bím, tóc búi v.v. Việc này lại là một thế giới mới mẻ và hóa ra lại vui. Tuy nhiên, các thử nghiệm đa dạng của tôi cho thấy tôi không bao giờ kết lâu một kiểu tóc nào. Điều này cũng bộc lộ cá tính của tôi.

Lúc đầu trong chiến dịch tranh cử, tôi vượt qua các khó khăn phát sinh. Tôi là người đại diện chính của Bill trong suốt chặng đường tranh cử. Tôi muốn hỗ trợ cuộc vận động của anh ấy và gợi mở các ý tưởng của anh, nhưng chúng tôi đã học được một bài học từ câu nói của Bill "Mua một, tặng một" nên tôi cẩn trọng trong từng bước đi. Tôi đã xin nghỉ phép ở công ty luật của mình, rút khỏi tất cả các tổ chức từ thiện và ban điều hành doanh nghiệp mà tôi đã tham gia. Điều này đồng nghĩa với việc tôi rút khỏi Ban điều hành của Wal-Mart mà tôi đã tham gia được 6 năm theo lời mời của Sam Walton, người đã dạy tôi rất nhiều về môi trường doanh nghiệp và bí quyết thành công. Khi còn trong Ban điều hành, tôi đã làm chủ tịch một ủy ban xem xét các cách thức mà Wal-Mart có thể thân thiện hơn với môi trường trong các hoạt động của nó. Tôi phụ trách chương trình "Mua sắm Mỹ" giúp người dân làm việc và tạo công ăn việc làm trên khắp đất nước. Việc từ nhiệm khỏi Ban điều hành Wal-Mart và các tổ chức khác như Quỹ Bảo vệ Trẻ em làm cho tôi cảm thấy bị tổn thương và hụt hẫng. Tôi đã đi làm toàn thời gian trong thời gian kết hôn với Bill và đánh giá cao tính độc lập và sự khẳng định bản thân trong công việc. Bây giờ tôi chỉ còn trách nhiệm làm "Phu nhân", một trải nghiệm lạ lẫm đối với tôi.

Vị thế mới khiến tôi phải cam chịu một cái gì đó rất tầm thường: tôi đặt các văn phòng phẩm mới để trả lời cho tất cả các thư từ mà tôi nhận được trong cuộc tranh cử. Tôi chọn giấy màu kem có in tên Hillary Rodham Clinton

ngay tiêu đề trang bằng mực màu xanh nước biển. Khi mở hộp, tôi thấy yêu cầu của mình đã bị thay đổi, thay vào đó tên in trên giấy tiêu đề là Hillary Clinton. Rõ ràng một ai đó trong số nhân viên của Bill đã quyết định rằng sẽ có lợi cho hình ảnh chính trị hơn khi bỏ đi từ "Rodham", như thể là cái tên đó không còn là một đặc điểm nhận dạng của tôi nữa. Tôi trả lại xấp giấy văn phòng phẩm và lại đặt một đợt giấy khác.

Sau khi Bill chiến thắng trong các vòng bầu cử ứng viên ở California, Ohio và New Jersey vào ngày 2 tháng 6 thì anh chắc chắn sẽ được đề cử chính thức. Tuy nhiên cuộc tranh cử của anh ấy vẫn không chắc chắn. Sau tất cả các việc tung tin tiêu cực trên thông tin đại chúng trong chiến dịch tranh cử, anh ấy đứng thứ ba trong các cuộc thăm dò sau Ross Perot và Tổng thống Bush. Anh ấy quyết định phải giới thiệu lại bản thân mình trước công chúng Mỹ và bắt đầu xuất hiện trên các show truyền hình có nhiều khán giả. Nhờ một lời khuyên của Mandy Grunwald, một nhà cố vấn chiến dịch tranh cử, anh ấy đã chơi kèn saxophone trên chương trình The Arsenio Hall Show. Ban tham mưu của Bill cũng thuyết phục tôi thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn nữa và đồng ý dành cho tạp chí People một bài tường thuật có hình Chelsea trên trang bìa. Tôi không nhiệt tình gì lắm nhưng cuối cùng bị thuyết phục bởi ý kiến cho rằng hầu hết người dân Mỹ thậm chí không biết rằng chúng tôi có một đứa con. Một mặt tôi hài lòng là chúng tôi đã bảo vệ Chelsea khỏi các phương tiện thông tin đại chúng và đã bảo vệ con bé trong mùa bầu cử dữ dội vừa qua. Mặt khác, tôi tin rằng thiên chức làm mẹ là công việc quan trọng nhất mà tôi đã đảm trách. Nếu người dân không biết điều đó, dĩ nhiên họ không thể hiểu được chúng tôi. Bài báo có tác dụng tốt nhưng nó nhắc tôi khẳng định lại quan điểm của tôi là Chelsea xứng đáng có được sự riêng tư mà theo tôi là rất quan trọng cho bất kỳ một trẻ em nào để phát triển và khám phá các lựa chọn của riêng mình trong đời. Do đó Bill và tôi đã xác lập một nguyên tắc: Chelsea ở cùng với chúng tôi như một thành viên gia đình - nghĩa là tham dự một sự kiện có Bill hoặc có tôi thì báo chí mới được phép đề cập đến cháu. Nhưng tôi không đồng ý có nhiều bài báo hay nhiều cuộc phỏng vấn có đề cập đến Chelsea. Đây là một trong những quyết định tốt nhất mà Bill và tôi đã thực hiện, và chúng tôi luôn tuân thủ nguyên tắc này trong suốt 8 năm sau đó. Tôi cũng rất cảm kích là trừ một vài ngoại lệ, báo chí đã tôn trọng sự riêng tư và quyền được độc lập của cháu. Miễn là Chelsea không thu hút sự quan tâm của báo giới hoặc không làm gì gây sự chú ý của công chúng thì con bé sẽ được quyền bất khả xâm phạm.

Vào tháng 7 năm 1992, Đảng Dân chủ tổ chức đại hội đảng ở thành phố New York để chính thức đề cử Bill và người đứng liên danh, Thượng nghị sĩ Al Gore của bang Tennessee. New York là một lựa chọn tuyệt vời. Mặc dù

chúng tôi không tham dự việc lựa chọn nó như một thành phố chủ nhà, nhưng New York là một trong những thành phố yêu thích nhất của Bill và tôi trên thế giới và chúng tôi rất vui sướng khi đây là nơi Bill đã được đề cử làm ứng viên Tổng thống. Bill đã chọn Al sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với Warren Christopher, cựu Thứ trưởng Ngoại giao và một luật sư nổi tiếng từ California. Tôi đã gặp Al và phu nhân của anh ấy là Tipper trong các hoạt động chính trị những năm 1980; nhưng cả Bill và tôi không biết rõ lắm về họ. Một số nhà quan sát chính trị ngạc nhiên là Bill đã chọn một người liên danh giống mình. Họ là những người miền Nam từ các bang láng giềng. Họ trạc tuổi nhau, có cùng tôn giáo và được xem là những nhà nghiên cứu chuyên về chính sách quản lý công. Tuy nhiên Bill kính trọng thành tích của Al về các dịch vụ công và tin tưởng là anh ấy sẽ tiếp thêm sức mạnh cho hậu phương của Bill.

Nhiều người nói với tôi rằng bức tranh gồm Al, Tipper, con cái của họ, Bill, Chelsea và tôi - tất cả đứng bên cổng của Dinh Thống đốc vào ngày Bill công bố lựa chọn của mình - đã hoàn toàn tạo được một sức mạnh cho chiến dịch tranh cử và thể hiện một tiềm năng về sự thay đổi. Tôi nghĩ điều tôi cảm nhận vào ngày hôm ấy đã phản ánh tình cảm của nhiều người dân Mỹ. Đã đến lượt thế hệ mới nắm quyền lãnh đạo đất nước và người dân thể hiện một tinh thần lạc quan với viễn cảnh về một định hướng mới cho đất nước. Vào đêm cuối cùng của đại hội, chúng tôi rất hạnh phúc và phấn khởi khi ôm nhau khiêu vũ trên sân khấu.

Sáng hôm sau, vào ngày 17 tháng 7, chúng tôi bắt đầu một loạt chuyến du hành kỳ thú bằng xe buýt. Tôi đã đặt tên cho chúng là "Những cuộc Phiêu lưu Tuyệt vời của Bill, Al, Hillary và Tipper".

Các chuyến đi vận động bằng xe buýt là đồng sản phẩm trí tuệ của David Wilhelm, giám đốc chiến dịch và Susan Thomases, mà tôi và Bill quen biết hơn 20 năm qua. Cô là một người bạn tốt bụng và là một luật sư cứng rắn. Cô ấy hiểu rằng việc lập kế hoạch vận động tốt phải giới thiệu được về ứng cử viên, phải minh họa được các mối quan tâm và kế hoạch của ứng cử viên để cử tri hiểu được trọng tâm và lập trường của ứng cử viên. Susan đi cùng với chồng và con trai đến thành phố Little Rock để giám sát việc lập kế hoạch chiến dịch tranh cử cho cuộc tổng tuyển cử. Cô và David muốn tạo ra sự sôi nổi và kịch tính cho đại hội, và nghĩ rằng một chuyến vận động bằng xe buýt đi qua các tiểu bang sẽ thể hiện sinh động mối quan hệ đối tác cùng sự thay đổi mang tính chất thế hệ mà Bill và Al đại diện. Thông điệp của họ là: Vì nhân dân trước tiên.

Việc cùng đi bằng xe buýt cũng giúp cho chúng tôi có cơ hội hiểu rõ nhau hơn. Bill, Al, Tipper và tôi đã dành hàng giờ nói chuyện, ăn uống, vẫy tay chào bên cửa sổ và dừng đoàn xe buýt để tiến hành các cuộc mít tinh và phát biểu. Thoải mái và thư giãn, Al rất nhạy với những câu nói đùa hoặc những lời nhận xét hàm ý. Chỉ cần anh ấy biết rằng có một nhóm người dân đang đợi ở ven đường phía trước thì bất kể là chúng tôi đang ở đâu hoặc bất kể lúc đó là giờ nào cũng sẽ thúc giục Bill kêu to "Dừng xe buýt". Al thường chăm chú nhìn ra ngoài cửa sổ phía trước, nếu thấy một người đang vẫy tay hoặc đang nhìn là hét to: "Tôi cảm thấy sắp có một chỗ dừng chân rồi". Khi chúng tôi gặp hàng trăm người ủng hộ đang kiên nhẫn đợi chúng tôi vào lúc 2 giờ sáng khi chúng tôi ghé qua Erie, Pennsylvania thì Al thực hiện một bài diễn thuyết nồng nhiệt: "Chúng ta cần cắt giảm những thứ đang lên như chi phí chăm sóc y tế, lãi suất và cần làm tăng những gì đang sút giảm như việc làm và niềm hy vọng. Chúng ta phải thay đổi hướng đi". Sau đó anh ấy tuyên bố với ba chúng tôi lúc đó đang buồn ngủ díp mắt: "Tôi nghĩ có hai người đang uống cà phê thâu đêm ở góc ngã tư gần đây. Chúng ta đến gặp họ." Và thế là Bill lại tiếp tục theo lời đề nghị đó.

Tipper và tôi nói chuyện hàng giờ về các kinh nghiệm của mình trong vai trò là vợ của các chính khách, nói về con cái và về những gì mà chúng tôi hy vọng Bill và Al có thể làm để giúp giải quyết các vấn đề của đất nước. Tipper trở nên thích tranh luận hơn khi cô nói về việc chống lại các ca khúc khiêu dâm hoặc cổ xúy bạo lực vào năm 1985. Tôi đánh giá cao việc cô sẵn sàng tỏ rõ lập trường của mình và thông cảm với sự chỉ trích mà cô ấy đương đầu. Tôi cũng ngưỡng mộ việc cô làm đại diện cho những người vô gia cư và bệnh nhân tâm thần. Là một nhà nhiếp ảnh tài năng, cô giúp ghi lại chiến dịch tranh cử bằng cái máy chụp hình cực bền của mình.

Một buổi tối kia ở Thung lũng sông Ohio, chúng tôi ghé lại trang trại của Gene Branstool để thưởng thức món thịt nướng và gặp gỡ các nông dân địa phương. Khi chúng tôi chuẩn bị lên đường, Branstool nói là có một số người tụ tập ở một ngã tư cách đây vài dặm và chúng ta nên nghỉ lại. Đó là một buổi tối mùa hè tuyệt vời và người dân đang ngồi trên các máy kéo vẫy cờ trong khi bọn trẻ đứng ở bên cánh đồng cầm các biển hiệu đón chào chúng tôi. Người hùng của tôi nói: "Các bạn hãy cho chúng tôi 8 phút và chúng tôi sẽ dành cho các bạn 8 năm !". Dưới ánh trăng, chúng tôi rất ngạc nhiên khi thấy hàng ngàn người đứng kín cả cánh đồng rộng lớn.

Từ Vandalia, Illinois đến St. Louis, Missouri rồi đến Corsicana, Texas, tiếp đến Valdosta, bang Georgia, chúng tôi được gặp nhiều đám đông người dân giống như thế với những cảm xúc dâng trào mà tôi chưa bao giờ thở bất cứ

nơi đâu khác trong hoạt động chính trị.

Quay về Little Rock, tầng lầu ba rộng lớn của Tòa nhà Công báo Arkansas cũ được dùng làm tổng hành dinh cho chiến dịch tranh cử của Clinton. James Carvine nhấn mạnh rằng những người từ các bộ phận của chiến dịch bao gồm báo chí, chính trị và nghiên cứu cùng nhau làm việc trong một khoảng không gian rộng lớn. Đây là một cách làm thông minh và hiệu quả để xóa bỏ hệ thống thứ bậc, khuyến khích dòng thông tin và ý tưởng tự do. Hàng ngày từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối, Carville và Stephanopoulos tổ chức các cuộc họp, được gán cho cái tên "phòng tác chiến", để đánh giá các tin tức trong ngày và định hình các câu trả lời đối với các bài phóng sự và các cuộc tấn công từ chiến dịch tranh cử của Bush. Ý tưởng đưa ra là phải trả lời đối với mọi cuộc tấn công vào Bill. Việc thiết lập phòng tác chiến cho phép Carville, Stephanopoulos và lực lượng "phản ứng nhanh" có thể phản ứng tức thời để điều chỉnh các bóp méo xuyên tạc được phe đối lập dựng lên và có thể hoạt động một cách linh hoạt giúp đưa ra thông điệp trong suốt ngày.

Một tối nọ, điện thoại của Patti Solis reo lên phía sau trụ sở ở Little Rock. Một phụ tá chiến dịch là Steve Rabinowitz lao đến nhấc ống nghe và không biết vì lý do đặc biệt nào lại buột miệng thốt ra "Hillaryland !". Anh ấy bối rối khi nghe giọng của tôi trên đường dây điện thoại nhưng tôi nghĩ anh ấy đã sáng tạo ra một biệt danh tuyệt vời. Patti cũng thích nó và đính một cái biển hiệu trên tường đằng sau bàn của cô ấy "Hillaryland". Cái tên này thành danh luôn từ đó.

Càng ngày, niềm tin của tôi là Bill sẽ thắng cử càng tăng. Người dân Mỹ muốn có chế độ lãnh đạo mới. Mười hai năm cầm quyền của Đảng Cộng hòa trong Nhà Trắng làm cho nợ quốc gia tăng 4 lần, tạo ra sự thâm hụt ngân sách ngày càng tăng và dẫn đến một nền kinh tế trì t trong đó có quá nhiều người không thể kiếm hoặc giữ được một công việc tương xứng hoặc lo được bảo hiểm y tế cho bản thân và con cái. Tổng thống Bush đã hai lần phủ quyết Dự luật Nghỉ phép Điều trị và Việc gia đình và đã tước đoạt nữ quyền. Mặc dù ủng hộ kế hoạch hóa gia đình khi ông ấy làm Đại sứ tại Liên hiệp quốc và Nghị sĩ của Texas, Bush lại là người chống nó khi trở thành Phó Tổng thống và Tổng thống. Với tình trạng tỉ lệ tội phạm, thất nghiệp, sự lệ thuộc vào phúc lợi và người vô gia cư ngày càng tăng, chính quyền Bush dường như ngày càng xa rời dân chúng.

Đối với Bill và tôi, không có vấn đề gì đáng lo lắng hơn tình trạng khủng hoảng về chăm sóc y tế ở Hoa Kỳ. Ở mọi nơi mà chúng tôi đến, chúng tôi nghe rất nhiều câu chuyện về tính không công bằng của hệ thống chăm sóc y

tế. Ngày càng có nhiều công dân bị tước quyền được chăm sóc sức khỏe cần thiết bởi vì họ không được bảo hiểm và không có khả năng chi trả các hóa đơn điều trị.

Ở New Hampshire, Bill và tôi đã gặp Ronnie và Rhonda Machos có con trai là Ronnie Jr. sinh ra đã bị bệnh tim nặng. Khi Ronnie mất việc làm và mất bảo hiểm y tế, anh ấy phải xoay xở với các hóa đơn điều trị quá tốn kém để cung cấp điều trị cần thiết cho con trai mình. Gia đình Gore đã kể cho tôi về gia đình Philpott ở Georgia có con trai 7 tuổi là Brett nằm chung phòng điều trị với cậu con trai Albert Gore sau vụ tai nạn ô tô khủng khiếp. Al và Tipper thường nói về gánh nặng tài chính quá lớn mà gia đình Philpott phải đối mặt do bệnh tật của Brett.

Khi xem xét từng câu chuyện như vậy, chúng tôi biết rằng cứ mỗi trường hợp thương tâm mà chúng tôi được nghe hoặc chứng kiến thì có cả hơn ngàn trường hợp khác không được kể ra.

Tôi không nghĩ rằng Bill hy vọng việc cải cách y tế trở thành một con át chủ bài trong chiến dịch tranh cử của mình. Điều quan trọng hơn hết thể hiện trong câu khẩu hiệu nổi tiếng của James Carville ở phòng tác chiến: "Chính là nền kinh tế, đồ ngốc ạ”. Tuy nhiên càng nghiên cứu vấn đề này, Bill càng hiểu rõ rằng việc cải cách bảo hiểm y tế và kềm hãm sự tăng vọt của giá cả là rất cần thiết cho việc điều chỉnh nền kinh tế và chăm lo cho các nhu cầu điều trị khẩn thiết của người dân. "Đừng quên vấn đề y tế”, Bill đã dặn đi dặn lại nhân viên mình như thế. Họ bắt đầu thu thập dữ liệu, bao gồm cả bài nghiên cứu của Ira Magaziner, một nhân vật quyền lực và có nhiều ảnh hưởng mà tôi được nghe lần đầu vào năm 1969, khi chúng tôi được giới thiệu trên tạp chí Life sau khi phát biểu khai mạc tại trường đại học. Bill đã gặp Ira vào cùng năm đó khi Ira đến Trường Đại học Oxford theo chương trình học bổng Rhodes.

Bill, Ira và một nhóm chuyên gia tư vấn bắt đầu phát triển các ý tưởng làm thế nào xử lý vấn đề y tế sau cuộc bầu cử. Bill đã xem trước các kế hoạch này trong cuốn sách về tranh cử có tựa đề là Putting People First (Vì nhân dân trước tiên) và trong một bài diễn văn anh thực hiện vào tháng Chín đã nêu ra các mục tiêu để xử lý cuộc khủng hoảng về chăm sóc y tế. Các cải cách mà anh phác họa bao gồm kiểm soát các chi phí y tế, giảm bớt công việc giấy tờ và tình trạng quan liêu trong ngành bảo hiểm, kê toa thuốc với giá có thể chấp nhận hơn và quan trọng nhất là đảm bảo rằng mọi người dân Mỹ đều được bảo hiểm y tế. Chúng tôi biết rằng việc nỗ lực điều chỉnh hệ thống y tế sẽ là một thách thức chính trị to lớn. Nhưng chúng tôi tin là nếu

các cử tri chọn Bill Clinton vào ngày 3 tháng 11 thì điều đó có nghĩa rằng thay đổi là điều mà họ mong muốn.

LỄ NHẬM CHỨC TỔNG THỐNG

Bill và tôi dành 24 tiếng cuối cùng của chiến dịch tranh cử năm 1992 để đi nhiều nơi, ghé thăm Philadelphia của tiểu bang Pennsylvania, thành phố Cleveland của bang Ohio, Detroit của Michigan, St. Louis của bang Missouri, Paducah của bang Kentucky, thành phố McAllen và Ft Worth của bang Texas và thành phố Albuquerque của bang New Mexico. Chúng tôi đã thấy mặt trời mọc ở Denver, Colorado và sau đó hạ cánh xuống thành phố Little Rock, nơi Chelsea đón tôi ở phi trường vào khoảng 10 giờ 30 sáng. Sau khi nhanh chóng thay quần áo, ba chúng tôi đi đến địa điểm bỏ phiếu. Ở đây tôi đã tự hào bỏ lá phiếu của mình cho Bill trở thành Tổng thống. Chúng tôi ở dinh Thống đốc cả ngày cùng với gia đình và bạn bè, gọi điện cho người ủng hộ khắp đất nước. Vào 10 giờ 47 tối, mạng lưới truyền hình công bố Bill đã chiến thắng.

Mặc dù tôi đã kỳ vọng vào chiến thắng nhưng tôi vẫn xúc động. Sau khi Tổng thống Bush gọi điện chúc mừng Bill, tôi và Bill đi vào phòng riêng, đóng cửa và cùng nhau cầu nguyện tạ ơn Chúa đã ban tặng trách nhiệm và vinh dự tuyệt vời này. Sau đó chúng tôi tập họp mọi người lên xe đi đến Dinh Toàn quyền cũ là nơi đã bắt đầu chiến dịch vào 13 tháng trước đó. Chúng tôi cùng với gia đình Gore đứng trước một đám đông khổng lồ người dân Arkansas và những người ủng hộ nồng nhiệt từ khắp mọi nơi của nước Mỹ.

Trong nhiều tiếng đồng hồ, bàn ăn nhà bếp ở dinh Thống đốc đã trở thành trung tâm đầu não trong giai đoạn chuyển tiếp của Clinton. Trong vài tuần tới, các ứng cử viên triển vọng trong chính quyền mới ra vào tấp nập. Điện thoại réo vang suốt 24 tiếng mỗi ngày. Hàng núi thực phẩm đã được sử dụng. Bill yêu cầu Warren Christopher điều phối giai đoạn chuyển tiếp này và làm việc với Mickey Kantor và VernonJordan để xem xét các ứng viên cho các vị trí trọng yếu. Trước tiên họ tập trung vào nhóm kinh tế vì đây là ưu tiên hàng đầu của Bill. Thượng nghi sĩ Lloyd Bentsen của Texas đã đồng ý đảm nhiệm vị trí Bộ trưởng Tài chính; Robert Rubin, đồng chủ tịch của ngân hàng đầu tư Goldman Sachs chấp nhận lời mời của Bill trở thành người lãnh đạo đầu tiên của Hội đồng Kinh tế Quốc gia sắp được lập ra; Laura D'Andrea Tyson, giáo sư kinh tế học tại Trường Đại học California ở Berkeley, trở thành Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Kinh tế; Gene Sperling, cựu phụ tá của Thống đốc Mario Cuomo, bang New York trở thành phó của Rubin và sau đó đã kế nhiệm ông; và Nghị sĩ Leon Panetta, Chủ tịch Ủy ban Ngân sách Thượng viện của Đảng Dân chủ đã trở thành Giám đốc Văn

phòng Quản lý Ngân sách. Họ làm việc cùng với Bill để đưa ra các chính sách kinh tế giúp Hoa Kỳ đi đúng hướng trong lĩnh vực tài chính của chính phủ và từ đó, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân đạt được một sự tăng trưởng chưa từng có.

Chúng tôi cũng đối phó với các thách thức rất đời thường của bất kỳ gia đình nào khi thay đổi chỗ ở và việc làm. Giữa lúc thành lập một chính quyền mới, chúng tôi phải từ bỏ dinh Thống đốc. Đây là ngôi nhà duy nhất mà Chelsea tiếc nhớ. Do chúng tôi không có nhà riêng nên mọi thứ sẽ cùng với chúng tôi đến Nhà Trắng. Bạn bè đến giúp, sắp xếp phân loại, chất các thứ vào rương hộp ở các phòng. Loretta Avent, một người bạn đến từ Arizona đã sát cánh cùng tôi trong chiến dịch tranh cử sau Đại hội Đảng Dân chủ, phụ trách xử lý hàng ngàn món quà để khắp nơi trên thế giới, chiếm một góc lớn của tầng hầm. Chốc chốc, Loretta lại hét tướng lên trên cầu thang: "Đợi đã nào! Để xem cái gì vừa mới đến đây". Lúc tôi đi xuống, thấy cô đang cầm một bức họa chân dung Bill làm từ vỏ sò được đính vào nền nhung đỏ hoặc một bộ sưu tầm các con chó nhồi bông mặc quần áo em bé gửi tặng cho chú mèo nhị thể trắng đen của chúng tôi nay đã nổi tiếng với cái tên Socks.

Chúng tôi phải tìm một ngôi trường mới ở Washington cho Chelsea, bây giờ đã trổ mã ra dáng một thiếu nữ, và chúng tôi cũng không vui vẻ gì với viễn cánh cuộc sống của con bé sẽ bị đảo lộn. Bill và tôi tự hỏi làm thế nào chúng tôi có thể đảm bảo cháu sẽ có một tuổi thơ bình thường trong Nhà Trắng, nơi mà thực tế cháu sẽ được lực lượng an ninh bảo vệ suốt 24 tiếng một ngày. Chúng tôi cũng đã quyết định đem con mèo Socks đến Washington mặc dù chúng tôi được cảnh báo là chú mèo sẽ không còn được tự do đi lang thang nữa để bắt chim chóc và chuột làm chiến lợi phẩm. Do mắt hàng rào của Nhà Trắng khá rộng và chú mèo có thể chuồn ra ngoài đường phố đầy xe cộ nên chúng tôi buộc phải quyết định cột dây để dắt đi mỗi khi nó được cho ra bên ngoài.

Tôi đã xin nghỉ phép để phục vụ cho chiến dịch bầu cử. Giờ đây tôi lại ngưng hành nghề luật và bắt đầu tập hợp nhân viên làm việc cho văn phòng Đệ nhất Phu nhân để giúp đỡ Bill bằng mọi cách mà tôi có thể. Cả hai chúng tôi đều trăn trở về vai trò của tôi. Tôi có thể có một "vị trí" nhưng đó lại không phải là một "công việc" thật sự. Làm thế nào tôi sử dụng phương tiện này để giúp chồng mình và phục vụ tổ quốc nhưng không đánh mất bản sắc của mình.

Không có cẩm nang hướng dẫn làm Đệ nhất Phu nhân. Bạn tiếp nhận công việc này bởi vì chồng mình đã trở thành Tổng thống. Những người tiền trước

đây của tôi đến Nhà Trắng với những thái độ và kỳ vọng, sở thích về yêu ghét, mơ mộng và hoài nghi riêng của mình. Mỗi người đều tìm một vị trí nào đó thể hiện các quan điểm, phong cách của riêng họ và tìm cách dung hòa các nhu cầu của chồng, gia đình và quốc gia.

Tôi cũng vậy. Giống như tất cả các Đệ nhất Phu nhân trước đây, tôi phải quyết định xem tôi muốn làm gì với những vận hội, trách nhiệm và nghĩa vụ mà tôi đã tiếp nhận.

Suốt nhiều năm, vai trò của Đệ nhất Phu nhân được cảm nhận có tính biểu tượng. Theo quan niệm này, Đệ nhất Phu nhân được trông chờ sẽ đại diện cho giới phụ nữ Hoa Kỳ. Một số Đệ nhất Phu nhân trước đây rất thành công nhưng những câu chuyện thật sự về những thành tựu của họ bị lãng quên hoặc giữ kín. Trước lúc tôi chuẩn bị tiếp nhận vai trò này thì cuối cùng lịch sử cũng theo kịp yêu cầu thực tế. Vào tháng 3 năm 1992, Viện Bảo tàng Quốc gia Smithsonian về Lịch sử Hoa Kỳ đã tổ chức Cuộc Triển lãm về các Đệ nhất Phu nhân nhằm ghi nhận các vai trò chính trị và giới thiệu các hình ảnh của những phụ nữ này trong công chúng. Ngoài những bộ áo cánh, đồ sành sứ, viện bảo tàng còn trưng bày chiếc áo ngụy trang mà Barbara Bush đã mặc khi bà cùng với chồng đi thăm binh sĩ Mỹ trong chiến dịch Bão Táp Sa Mạc. Viện bảo tàng còn minh họa một câu trích dẫn của Martha Washington: "Tôi có vẻ giống một tù nhân quốc gia hơn các vai trò khác". Giám đốc Triển lãm, Edith Mayo và Viện Bảo tàng Smithsonian bị chỉ trích là đã viết lại lịch sử và làm giảm "các giá trị gia đình" của các Đệ nhất Phu nhân.

Khi nghiên cứu cuộc hôn nhân của các vị Tổng thống tiền nhiệm, tôi nhận ra rằng Bill và tôi không phải là cặp đầu tiên đã sát cánh bên nhau với tư cách là bạn đời và đồng chí của nhau. Nhờ cuộc nghiên cứu của Viện Bảo tàng Smithsonian và các sử gia như Carl Sferrazza Anthony và David McCullough, nay chúng ta mới biết về những lời khuyên chính trị của Abigail Adams dành cho chồng, khiến cho bà bị gán một biệt danh xấu là "Bà Tổng thống" ; vai trò hậu trường của Helen Taft đã khiến Theodore Roosevelt quyết định chọn chồng của bà làm người kế nhiệm của ông; Edith Wilson đã làm Quyền Tổng thống "không chính thức sau khi chồng bà bị đột quỵ; các cơn bão lửa chính trị được khởi xướng bởi Eleanor Roosevelt; công tác xét duyệt các thư tín và các bài diễn văn đầy vất vả của bà Harry Truman.

Giống như nhiều chủ nhân trước đây của Nhà Trắng, mối quan hệ mà Bill và tôi đã xây đắp bắt nguồn từ tình yêu và lòng kính trọng, cùng nhau chia sẻ về những hoài bão, thành công, chiến thắng và cả những thất bại. Điều đó sẽ

không thay đổi sau cuộc bầu cử này. Sau 17 năm gắn bó, chúng tôi là nguồn cổ vũ động viên lớn lao cho nhau, là những phê bình gia nghiêm khắc và cũng là những bạn tốt nhất của nhau.

Tuy nhiên cả hai chúng tôi không rõ là quan hệ đối tác này sẽ điều chỉnh như thế nào trong chính quyền mới Clinton. Bill không bổ nhiệm tôi vào một vị trí chính thức nào. Thậm chí nếu anh ấy muốn cũng không được. Các đạo luật chống đưa người thân trong gia đình, họ hàng vào làm việc đã được ban hành kể từ khi John F. Kennedy bổ nhiệm người em của mình là Bobby làm Bộ trưởng Tư pháp. Tuy nhiên, không có luật nào ngăn cản tôi tiếp tục vai trò là cố vấn không ăn lương của Bill Clinton và, trong một số trường hợp, là đặc sứ của anh. Chúng tôi đã làm việc với nhau lâu rồi và Bill biết rằng anh ấy có thể tin cậy ở tôi. Sự đóng góp của tôi trong sự nghiệp của chồng là rất rõ ràng đối với chúng tôi. Nhưng chúng tôi không biết đích xác vai trò của tôi là gì cho đến khi Bill đề nghị tôi cho ý kiến về sáng kiến chăm sóc y tế của anh vào cuối giai đoạn chuyển tiếp.

Anh ấy đang trong tiến trình tập trung hóa chính sách kinh tế ở Nhà Trắng và muốn có một cơ cấu chăm sóc y tế tương tự. Do quá nhiều các cơ quan tổ chức chính phủ cần cải tổ, Bill lo là khối lượng công việc quá nặng nề và khó khăn có thể làm thui chột sự sáng tạo và và các ý tưởng mới. Bill đã quyết định Ira Magaziner sẽ điều phối quá trình nội chính của Nhà Trắng để xây dựng luật còn anh muốn tôi đi tiên phong trong các khởi xướng, sáng kiến, biến chúng thành luật. Bill dự định thông báo bổ nhiệm chúng tôi sau lễ nhậm chức của mình. Do có kinh nghiệm hồi ở Arkansas khi Bill bổ nhiệm tôi phụ trách các ủy ban về y tế và giáo dục công nên cả hai chúng tôi đều không mất nhiều thời gian lo lắng về các phản ứng đối với sự tham gia này của tôi. Những chính trị gia như vợ chồng tôi cho rằng thủ đô sẽ không bảo thủ hơn quê nhà Arkansas.

Chúng tôi khởi hành trễ khi tới thành phố Little Rock vào tối ngày 16 tháng 1 năm 1993. Hàng ngàn bạn bè và người dân ủng hộ đã đứng chật cứng ở nhà chứa máy bay khổng lồ ở phi trường Little Rock trong buổi lễ chia tay cảm động. Tôi rất háo hức về điều đang chờ đón mình nhưng nhiệt tâm của tôi cũng bị nhuốm màu u buồn khi Bill suýt khóc lúc trích dẫn lời của một bài hát cho đám đông các người ủng hộ: "Arkansas thấm sâu vào máu thịt tôi và luôn mãi như thế". Sau đó là biết bao lời chào, vẫy tay, ôm nhau. Chúng tôi lên chiếc chuyên cơ. Khi chúng tôi đã ở trên không, ánh đèn của thành phố Little Rock biến mất dưới những đám mây và không còn gì ngoài việc hướng về phía trước.

Chúng tôi bay đến Charlottesville, Virginia, tiếp tục chuyến hành trình đến Washington bằng phương tiện xe buýt, đi theo tuyến đường 121 dặm mà Tổng thống Thomas Jefferson đã từng đi đến lễ nhậm chức của ông vào năm 1801. Tôi nghĩ đây là một con đường thích hợp để khởi đầu sự nghiệp Tổng thống của William Jefferson Clinton.

Sáng hôm sau, chúng tôi gặp Al và Tipper, sau đó làm một chuyến tham quan tòa nhà độc đáo Monticello do Tổng thống Jefferson thiết kế. Sau đó chúng tôi về hướng bắc đến Washington trên một chuyến xe buýt khác giốngtiến hành chiến dịch tranh cử. Ở hai bên Quốc lộ 29 là hàng ngàn người dân đang đứng vẫy cờ, cầm bong bóng và biểu ngữ chào đón chúng tôi. Một số người dân cầm các bảng hiệu tự chế cổ vũ, chúc mừng hoặc phản đối chúng tôi bằng những khẩu hiệu như "Bạn Bill", "Chúng tôi trông chờ ở ông" , "Hãy giữ lời hứa - AIDS không đợi đâu" , "Mày là một thằng theo phe xã hội khốn kiếp". Tôi thích nhất là một tấm bảng hiệu có chữ viết tay với vỏn vẹn hai từ: "Ơn Huệ, Lòng Thương".

Bầu trời vẫn trong sáng nhưng nhiệt độ đã giảm xuống khi chúng tôi đến thủ đô Washington D.C. Theo các biện pháp dự phòng thì vị Tổng thống, vốn là người hay vi phạm giờ giấc, đến đúng giờ. Chúng tôi đến Đài Tưởng niệm Lincoln sớm hơn 5 phút trong sự kiện chính thức đầu tiên này - buổi hòa nhạc trên các bậc thang biểu diễn trước một đám đông khổng lồ kéo dài đến tận quảng trường Mall. Harry Thomason, Rahm Emanuel và Mel French, một người bạn khác ở Arkansas là các nhà tổ chức các hoạt động của lễ nhậm chức. Harry và Rahm rất hài lòng khi thấy chúng tôi xuất hiện, họ ôm chầm lấy nhau.

Tôi chưa bao giờ ngồi trong vòng bảo vệ bằng kính chống đạn - một cảm giác lạ lẫm và hơi kỳ kỳ. Tuy nhiên tôi hài lòng khi có các lò sưởi nhỏ để ở cạnh chân vì nhiệt độ đã xuống rất thấp. Nữ hoàng nhạc pop Diana Ross trình diễn rất tuyệt vời bài God Bless America. Ca sĩ Bob Dylan đã trình diễn tại quảng trường Mall chật cứng người giống như lúc anh đã từng diễn vào một ngày của tháng Tám năm 1963 khi Martin Luther King, Jr trình bày bài diễn văn I Have A Dream ngay tại những bậc thang này. Tôi cảm thấy cực kỳ may mắn khi được nhìn Mục sư King thuyết giảng khi còn là một thiếu nữ ở Chicago. Và giờ đây tôi đang lắng nghe chồng tôi tôn vinh người đàn ông đã giúp đất nước vượt qua giai đoạn lịch sử khó khăn gian khổ :"Chúng ta hãy xây dựng ngôi nhà Mỹ trong thế kỷ 21 cho mọi người dân và sẽ không còn một trẻ em nào bị bỏ rơi", Bill nói. "Trong thế giới ngày nay và thế giới sau này, chúng ta phải cùng nhau tiến lên."

Mặt trời đang lặn dần khi Bill, Chelsea và tôi dẫn đầu hàng ngàn người hát hò say sưa, đi diễu hành qua Cầu Memorial.

Chúng tôi dừng lại bên kia bờ Sông Potomac gióng lên những hồi chuông Tự do bắt đầu buổi lễ với hàng ngàn "Tiếng Chuông Hy Vọng" đang đồng loạt ngân lên khắp đất nước và ở cả trên phi thuyền con thoi Endeavor đang bay vòng quanh trái đất. Chúng tôi nán lại một lát ngắm nhìn pháo hoa đốt sáng rực trên bầu trời thủ đô và buổi lễ cứ thế tiếp diễn hết tiết mục này sang tiết mục khác. Lúc đó tất cả các hoạt động của buổi lễ hòa quyện vào nhau trong một lăng kính vạn hoa lấp lánh những khuôn mặt, sân khấu và giọng cười.

Trong suốt tuần lễ sau lễ nhậm chức, gia đình tôi và các nhân viên thân tín ở trong nhà khách chính phủ, Blair House, một nhà khách truyền thống dành cho các nguyên thủ quốc gia và các Tổng thống mới đắc cử. Nhà khách Blair và các nhân viên chuyên nghiệp của nó dưới sự quản lý của Benedicte Valentiner, được mọi người biết đến với biệt danh "Bà Năm" và người phó của bà Randy Baumgardner làm chúng tôi cảm thấy được chào đón trong một dinh thự sang trọng và yên tĩnh. Nó thật sự là một ốc đảo tuyệt vời trong một tuần lễ hội sôi nổi.

Nhà khách Blair nổi tiếng vì khả năng đáp ứng các nhu cầu lưu trú đặc biệt. Đoàn của tôi chưa là gì cả so với các đoàn nguyên thủ viếng thăm khác. Thậm chí có Đoàn còn yêu cầu nhân viên bảo vệ phải để mình trần để đảm bảo không mang theo vũ khí hoặc họ yêu cầu nhập khẩu các thực phẩm riêng để chế biến món ăn như dê, rắn...

Tuần đó Bill thực hiện iều bài diễn văn nhưng anh ấy vẫn chưa hoàn thành bài diễn văn quan trọng nhất trong cuộc đời mình là diễn văn nhậm chức. Bill là một cây bút tuyệt vời và một diễn giả thiên phú nhưng việc xem đi xem lại và những thay đổi vào phút cuối của Bill làm cho sự việc cứ rối tung lên. Anh có thể cuồng lên với một câu chữ nào đó. Tôi đã quen với tính khí hay sửa đi sửa lại này nhưng lần này tôi thật sự sốt ruột khi ngày trọng đại đó đến gần. Bill đã tranh thủ xem bản dự thảo diễn văn vào bất kỳ giây phút rảnh rỗi nào giữa các sự kiện.

Chồng tôi thích lôi kéo mọi người xung quanh vào công việc sáng tạo của bản thân. David Kusnet là chuyên gia viết diễn văn chính cho anh. Bruce Reed là Phó Phòng Cố vấn Chính sách Trong nước; George Stephanopoulos là Giám đốc Thông tin; Al Gore và tôi chỉ thêm vào cho vui. Bill cũng mời hai người bạn lâu năm là Tommy Caplan, một chuyên gia câu chữ tuyệt vời và một tiểu thuyết gia vốn là bạn cùng phòng của anh ấy tại Trường Đại học

Georgetown và nhà văn đoạt giải Pulitzer là Taylor Branch, người đã làm việc với chúng tôi ở Texas trong cuộc tranh cử của Nghị sĩ McGovern. Đang lúc dở dang thì Bill nhận được một lá thư của Đức Cha Tim Healy, cựu Chủ tịch Georgetown và Giám đốc Thư viện Quốc gia New York. Hồi ở Georgetown, Bill và ông là chỗ kết giao thân tình. Trước khi bị đột tử vì đau tim sau một chuyến đi, ông có viết một lá thư cho Bill. Người ta đã tìm thấy lá thư ở máy đánh chữ của Đức Cha Healy và gửi nó cho Bill. Anh đã phát hiện một cụm từ tuyệt vời trong thông điệp của người bạn quá cố. Cha đã viết rằng thắng cử của Bill sẽ "đem lại mùa xuân" và đơm hoa kết trái cho những ý tưởng mới, đem hy vọng tăng cường sức mạnh của đất nước. Tôi thích câu từ của Cha và lối nói ẩn dụ tinh tế về những tham vọng của Bill khi đảm nhiệm chức vụ Tổng thống.

Thật là thú vị khi được quan sát chồng mình vào tuần đó khi anh thật sự trở thành Tổng thống trước mắt tôi. Trong suốt các lễ hội nhậm chức, Bill nhận được các báo cáo tóm tắt về để chuẩn bị cho nhiệm vụ lịch sử sắp được giao phó. Với cá tính nhạy bén, dù phải bận tâm với bài diễn văn quan trọng song Bill vẫn quan tâm đến các tin tức về máy bay Mỹ ném bom Iraq nhằm cảnh cáo sự vi phạm của Saddam Hussein theo yêu cầu của Liên hiệp quốc, các bản tóm tắt về các xung đột ngày càng xấu hơn ở Bosnia.

Trước lễ nhậm chức một ngày, anh vẫn còn viết bài diễn văn. Để giúp anh có thời gian làm việc, tôi đồng ý thay thế anh trong các tiếp kiến buổi chiều, mặc dù tôi cũng phải thu xếp lịch làm việc của mình. Vào buổi chiều hôm đó, tôi cũng phải đi dự các hoạt động do các trường cũ của tôi là Wellesley và Yale bảo trợ. Trên đường quay về từ khách sạn Mayflower, xe tôi kẹt cứng trong vụ kẹt xe do các đám đông đi xem lễ và dòng xe cộ trên Đại lộ Pennsylvania mặc dù xe đã rất gần Nhà khách Blair. Tôi đã bị trễ lắm rồi và rất nóng ruột nên nhảy ra khỏi xe và chạy băng qua dòng xe cộ. Capricia Marshall nhìn thấy tôi qua cánh cửa sổ ở Nhà khách Blair và cô không thể nào nhịn cười khi chứng kiến cảnh tôi phóng chạy giữa các ô tô, đi giày, mặc một cái áo vải màu xám bó sát, phía sau là nhóm an ninh hoảng hốt bám theo.

Cuối cùng thì Bill cũng hoàn tất bản viết và xem lại bài diễn văn quan trọng trước lúc bình minh khoảng một hai tiếng vào buổi sáng lễ nhậm chức.

Chúng tôi ngủ rất ít và sau đó bắt đầu ngày trọng đại này bằng nghi lễ tôn giáo tại Nhà thờ A.M.E. Khi đến Nhà Trắng, chúng tôi được gia đình Bush chào đón tại Dinh North Portico cùng với hai con chó cưng của họ tên là Millie và Ranger, cứ chạy quanh quẩn bên chân họ. Gia đình Bush rất thân

thiện và vui vẻ, làm chúng tôi rất thoải mái. Mặc dù chiến dịch tranh cử đã làm ảnh hưởng uy tín đến cả hai nhà nhưng Barbara Bush rất lịch thiệp trong những lần chúng tôi gặp nhau trước đây. Bà đã đi cùng tôi đến khu vực dành cho gia đình của Nhà Trắng sau cuộc bầu cử. George Bush thì luôn thân thiện khi chúng tôi gặp ông ở các hội nghị thường n của Ủy ban Thống đốc Quốc gia. Tôi cũng đã từng ngồi kế bên ông tại các dạ tiệc của Ủy ban Thống đốc Quốc gia ở Nhà Trắng và Hội nghị Thượng đỉnh Giáo dục ở Charlottesville tại Monticello vào năm 1989. Khi Hội nghị Thống đốc mùa hè được tổ chức ở bang Maine năm 1983, gia đình Bush đã chủ trì tiếp đón tại tư gia ở Kennebunkport và tổ chức một buổi đại tiệc bên bãi biển. Chelsea, lúc đó mới lên ba tuổi đi chơi tha thẩn. Phó Tổng thống Bush đã dắt tay chỉ đường cho Chelsea khi cô bé đi tìm toilet.

Gia đình Gore tham dự với chúng tôi tại Nhà Trắng cùng với Alma và Ron Brown - Chủ tịch Ủy ban Đảng Dân chủ, không lâu sau chuyển sang đảm trách vị trí Bộ trưởng Thương mại - cùng với Linda, Harry Thomason là những người đồng chủ tọa cho lễ nhậm chức.

Tổng thống và Phu nhân Bush đã hướng dẫn đoàn đến Phòng Xanh. Ở đó chúng tôi dùng cà phê và có một buổi trò chuyện ngắn chừng hai mươi phút cho đến giờ rời Nhà Trắng ra Điện Capitol, tòa nhà Quốc hội Hoa Kỳ. Bill đi trên chiếc xe limousine dành cho nguyên thủ cùng với George Bush trong khi Barbara Bush và tôi tháp tùng trên một xe khác. Các đám đông dọc hai bên Đại lộ Pennsylvania vẫy chào, tung hô khi chúng tôi đi qua. Tôi ngưỡng mộ phong thái tự tin và sôi nổi của Barbara Bush trong buổi lễ chứng kiến chồng bà chuyển giao nhiệm vụ Tổng thống cho người kế nhiệm.

Tại Điện Capitol, chúng tôi đứng ở West Front ngắm nhìn quang cảnh tuyệt vời dưới Quảng trường Mall kéo dài đến Đài Tưởng niệm Washington và Lincoln. Đám đông đứng tràn ra ngoài Đài Tưởng niệm.

Theo truyền thống, Ban nhạc Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ chơi lần cuối bản nhạc Hail To the Chief tiễn George Bush ngay trước buổi trưa, và chơi lại bản nhạc này đón vị Tổng thống mới sau đó vài phút. Những tiếng nhạc kèn này luôn làm tôi phấn khởi và giờ đây thật khó tả cảm giác sung sướng của tôi khi nghe tiếng kèn nhạc đón chào chồng mình. tôi cung kính cầm Thánh Kinh khi Bill tuyên thệ nhậm chức. Sau đó anh vừa ôm hôn hai mẹ con chúng tôi vừa thì thầm "Bố yêu hai mẹ con nhiều lắm."

Bài diễn văn của Bill nhấn mạnh đến sự cống hiến và phục vụ nước Mỹ và kêu gọi những thay đổi mà anh đã trình bày trong chiến dịch tranh cử : "Với

Hoa Kỳ, không có trở ngại và sai lầm nào mà không khắc phục được bằng chính những điều đúng đắn mà Hoa Kỳ đã thực hiện". Anh kêu gọi người dân Mỹ hướng đến "một mùa lễ hội phục vụ đất nước", vì nhân dân Mỹ và nhân loại trên khắp thế giới, người Mỹ chúng ta phải có nghĩa vụ giúp đỡ, xây dựng một nền dân chủ và tự do.

Sau lễ tuyên thệ, trong lúc một số nhân viên mới của chúng tôi vội vã đến Nhà Trắng để bắt đầu tháo dỡ và thu xếp vật dụng thì Bill và tôi dùng cơm trưa ở Điện Capitol với các thành viên Quốc hội. Ngay khi quyền lực được chuyển giao cho Tổng thống kế nhiệm vào buổi trưa Ngày Nhậm chức thì tất cả tài sản của Nhà Trắng cũng được tiến hành bàn giao. Sau khi Tổng thống mới tuyên thệ thì tài sản của ông và gia đình mới được phép chuyển vào Nhà Trắng. Vào 12 giờ 01 trưa, trong khi các xe chuyên chở của George và Barbara Bush đi ra khỏi cổng thì đoàn xe của chúng tôi tiến vào. Hành lý, đồ đạc và hàng trăm hộp, gói được bốc dỡ xuống với tốc độ rất khẩn trương chỉ trong vòng vài tiếng đồng hồ, trong khoảng thời gian diễn ra buổi lễ bên Điện Capitol kéo dài đến cuối buổi diễu hành nhân dịp tổng thống nhậm chức. Các phụ tá chạy đi chạy lại một cách tất bật để xác định những cái mà chúng tôi cần dùng ngay và chất các tài sản còn lại của chúng tôi vào các ngăn tủ hoặc phòng trống để xử lý sau.

Thủ tục an ninh tại Nhà Trắng quy định rằng các viên chức quan trọng phải được các cảnh vệ mặc sắc phục thuộc lực lượng mật vụ kiểm tra kỹ theo một quy trình được viết tắt là WAVES (Workers and Visitors Entry System) tạm gọi là Hệ thống Quản lý Nhân viên và Khách mời đến Nhà Trắng. Một danh sách các quan khách hoặc nhân viên đã được sàng lọc trước đó sẽ được WAVES quản lý việc ra vào Nhà Trắng. Không may là Trợ lý riêng của tôi, Capricia Marshall, lại không rành lắm về hệ thống này. Cô ấy nghĩ rằng "WAVES" nghĩa là vẫy tay như là một cử chỉ chào đón bằng tay. Capricia không lúc nào rời mắt khỏi bộ lễ phục của tôi vào ngày hôm ấy, đã mang nó khỏi Nhà khách Blair, vẫy tay chào các nhân viên bảo vệ khi cô đi từ cổng này sang cổng kia để cố gắng tìm một ai đó VẪY TAY mời cô ấy vào. Cuối cùng, bằng chứng để cô thuyết phục và lọt qua được hệ thống kiểm soát WAVES chính là cái áo lễ phục có viền đăng ten màu tím của tôi.

Sau bữa ăn trưa, Bill, Chelsea và tôi đi xe rời khỏi Capitol xuôi xuống tuyến đường diễu hành đến Tòa nhà Bộ Tài chính. Ở đó với sự phục tùng miễn cưỡng của nhóm mật vụ, chúng tôi bước ra và đi bộ dọc theo Đại lộ Pennsylvania đến lễ đài duyệt binh trước Nhà Trắng. Ở đây, tôi bước đến đằng trước một lò sưởi xem diễu hành. Do Đảng Dân chủ không có người thắng cử trong l6 năm nên mọi người đều muốn tham gia trong dịp này.

Chúng tôi không thể và cũng không muốn từ chối. Riêng tiểu bang Arkansas, đã có 6 ban nhạc đến tham gia cuộc diễu hành kéo dài 3 tiếng đồng hồ.

Chúng tôi bước vào Nhà Trắng lần đầu tiên với tư cách cư dân mới của nó vào đầu buổi chiều sau khi chiếc xe diễu hành cuối cùng đi qua. Tôi vẫn nhớ cảm giác khi chiêm ngưỡng quang cảnh xung quanh tòa nhà, là nơi trước đây tôi đã ghé thăm với tư cách khách mời. Giờ đây, nó đã là nhà của tôi rồi. Trong khi tôi bước lên theo lối dẫn vào Nhà Trắng, bước lên cầu thang của Dinh North Portico và Đại sảnh Grand Foyer, tôi chợt nhận ra một thực tế : Tôi thật sự là Đệ nhất Phu nhân, vợ của Tổng thống Hoa Kỳ. Đây là lần đầu tiên trong nhiều lần tôi ự nhắc nhở mình về một sự thật lịch sử mà giờ đây tôi được dự phần.

Các nhân viên thường trực của Nhà Trắng, khoảng 100 người đang chờ, chào đón chúng tôi ở Đại sảnh Grand Foyer. Đây là những con người đã vận hành ngôi nhà và phục vụ nhu cầu của các cư dân trong ngôi nhà. Nhà Trắng có đội ngũ nhân viên riêng gồm kỹ sư, thợ mộc, thợ ống nước, nhân viên làm vườn, người cắm hoa, đầu bếp, quản gia v.v. tiếp tục từ chính quyền này sang chính quyền khác. Toàn bộ các hoạt động được giám sát bởi các "tổng quản lý", một từ ngữ có vẻ là lạ có từ thế kỷ 19 và vẫn còn được sử dụng để chỉ nhân viên quản lý. Vào năm 2000, tôi đã xuất bản quyển sách thứ ba của tôi An Invitation to theWhite House kể về các nhân viên thường trực của Nhà Trắng và những chuyện cực kỳ đặc biệt thuộc loại "thâm cung bí sử" của họ.

Chúng tôi được hộ tống lên cầu thang đến chỗ ở riêng của gia đình trên lầu hai. Khu tư dinh Tổng thống lúc ấy trông thiếu sức sống vì các tài sản của chúng tôi chưa được dỡ ra. Nhưng chúng tôi không có thời gian để lo về việc đó. Chúng tôi phải chuẩn bị để đi ra ngoài.

Một trong những đặc điểm tiện lợi nhất của khu tư gia là phòng chăm sóc sắc đẹp, được Pat Nixon cho thiết kế ở lầu hai. Chelsea, các bạn bè của nó, mẹ ruột, mẹ chồng và chị chồng tôi là Maria đã chen chúc đi vào và tìm cách trang điểm giống như Cinderellas chuẩn bị cho các buổi dạ vũ.

Bill muốn tham dự từng dạ hội trong số 11 buổi dạ vũ của buổi tối đó. Sự tham gia của Bill không chỉ đơn thuần dành 5 phút ghé qua và sau đó vẫy tay chào như thông lệ mà phải đặc biệt hơn. Chúng tôi phải tham dự lễ hội hết mình. Chelsea và bốn cô bạn của nó từ Arkansas đã cùng chúng tôi dự nhiều hoạt động, sự kiện, kể cả Buổ khiêu vũ MTV trước khi quay về Nhà Trắng

để dự buổi dạ vũ suốt đêm. Buổi Vũ hội Arkansas được tổ chức ở Trung tâm Hội nghị Washington là lớn nhất và vui nhất đối với chúng tôi vì đó là nơi mà gia đình chúng tôi và 12 ngàn bạn bè và người ủng hộ đến chung vui. Ben E. King đã đưa cho Bill một cái kèn saxophone và đám đông đã vỡ òa lên tiếng hoan hô, cổ vũ phấn khích "Soooooo-ey !".

Không ai vui hơn mẹ của Bill là Virgnia. Bà là hoa khôi của ít nhất ba điểm vũ hội. Có lẽ bà quá rành các vũ hội và đây là dịp bà hòa mình vào cuộc vui. Bà cùng kết thân với một người bạn đặc biệt là Barbra Streisand. Bà và Barbra đã kết bạn tại buổi Vũ hội Arkansas rồi họ gọi điện cho nhau hàng tuần suốt cả năm sau.

Bill và tôi chủ trì các vũ hội và vào cuối đêm chúng tôi đã khiêu vũ nhiều lần với điệu nhạc Don’t Stop Thinking About Tomorrow, một bài hát không chính thức trong chương trình tranh cử đến nỗi tôi phải lột giày ra để đôi chân mình nghỉ ngơi. Không ai trong hai chúng tôi muốn đêm kết thúc nhưng cuối cùng tôi phải kéo Bill ra khỏi Vũ hội vùng Trung tây tại khách sạn Sheraton khi các nhạc công bắt đầu cất dụng cụ hành nghề của mình. Chúng tôi quay về Nhà Trắng vào lúc 2 giờ sáng trong tâm trạng vui vẻ.

Khi chúng tôi bước ra khỏi thang máy vào lầu hai của tư gia, chúng tôi nhìn nhau một cách hoài nghi: bây giờ chỗ này là nhà chúng tôi ư ? Vì quá mệt mỏi không thể nào khám phá khung cảnh xung quanh rộng lớn này, chúng tôi nhào lên giường ngủ một giấc.

Chúng tôi mới ngủ được chừng vài tiếng thì nghe có tiếng gõ cửa phòng ngủ.

Cộc cộc cộc.

"Suỵt?">

Bill ngồi dựng lên trong giường còn tôi thì mò mẫm tìm cặp mắt anh trong bóng tối, nghĩ rằng chắc có sự cố nào đó khẩn cấp vào buổi sáng đầu tiên của chúng tôi tại Nhà Trắng. Bất thình lình cửa mở và một người đàn ông mặc lễ phục bước vào phòng ngủ, mang theo một khay bạc đựng đồ điểm tâm. Đây là cách thức gia đình Bush bắt đầu một ngày của họ, ăn sáng tại phòng ngủ vào lúc 5 giờ 30 sáng và người quản gia đã quen với nếp sinh hoạt này. Tuy nhiên những lời đầu tiên mà người đàn ông tội nghiệp này được nghe từ vị Tổng thống thứ 42 của Hoa Kỳ là : "Ê ! Anh đang làm cái gì vậy?".

Bạn sẽ không bao giờ thấy một ai lẩn ra khỏi phòng nhanh như thế.

Bill và tôi chỉ còn cách cười xòa và cố gắng tranh thủ ngủ thêm một tiếng nữa. Tôi chợt hiểu rằng cả Nhà Trắng và chúng tôi, những chủ nhân mới cần một số điều chỉnh lớn, cả hai mặt công tư.

Chính quyền Clinton tượng trưng cho sự thay đổi thế hệ và quan điểm chính trị, ảnh hướng đến cả bộ máy điều hành ở Washington. Suốt 20 năm trong vòng 24 năm qua, Nhà Trắng là lãnh địa của Đảng Cộng hòa. Những chủ nhân của Nhà Trắng thuộc thế hệ bố mẹ chúng tôi. Gia đình Reagan thường ăn tối trước truyền hình bên các khay đồ ăn dọn sẵn. Nghe kể là gia đình Bush thức dậy vào lúc bình minh, dắt chó đi dạo và sau đó đọc báo, xem các chương trình tin tức buổi sáng trên 5 máy truyền hình đặt trong phòng ngủ của họ. Sau 12 năm , những nhân viên thường nhật, tận tụy của Nhà Trắng đã quen với những giờ giấc thường lệ và thói quen khuôn mẫu này. Ở đây không có tiếng trẻ con kể từ khi Jimmy Carter rời nhiệm sở vào năm 1981. Tôi tin là lối sống giản dị của gia đình mình và thói quen làm việc 24 giờ một ngày sẽ trở nên quen thuộc đối với nhân viên giống như chúng tôi thích nghi với các nghi lễ của Nhà Trắng

Chiến dịch tranh cử của Bill nhấn mạnh khẩu hiệu Vì Nhân dân trước tiên nên ngay vào ngày đầu tiên ở Nhà Trắng, chúng tôi muốn thực hiện lời hứa này bằng cách mời hàng ngàn người đến một tòa nhà trong số đó nhiều người được chọn bằng hình thức bốc thăm. Tất cả họ cầm phiếu mời và nhiều người đã xếp hàng trước lúc bình mình khi trời còn chưa sáng rõ để đợi gặp gỡ chúng tôi và gia đình Gore. Tuy nhiên chúng tôi không dự đoán được khoảng thời gian cần thiết tiếp đón hết mọi người và đã không lên lịch trình thời gian chính xác. Đoàn người xếp hàng kéo dài suốt từ Cổng Đông cho đến Dinh South Portico và tôi đau khổ khi nhận ra là nhiều người đang đợi bên ngoài trời giá lạnh sẽ không được đến lượt mình vào Phòng Chiêu đãi Ngoại giao gặp Tổng thống vì chúng tôi còn có lịch trình khác phải làm. Bốn người chúng tôi đi ra ngoài để nói với những người dân kiên trì còn lại là chúng tôi rất xin lỗi là không thể nán lại để tiếp đón họ nhưng chúng tôi rất hoan nghênh chuyến viếng thăm của mọi người dân.

Sau khi hoàn tất các nghĩa vụ khác vào cuối buổi chiều, Bill và tôi cuối cùng cũng được tự do, thay đổi trang phục thường ngày và đi tham quan quanh ngôi nhà mới. Chúng tôi muốn chia sẻ những ngày đêm đầu tiên này trong Nhà Trắng cùng với những bạn bè thân hữu và người thân trong gia đình. Có hai phòng khách trên lầu hai, được gọi là Phòng Nữ Hoàng (Queen's Room) và Phòng ngủ Lincoln (Lincoln Bedroom) cùng với 7 phòng khách khác trên lầu ba. Ngoài Chelsea và các người bạn của cô bé đến từ Littel Rock, bố mẹ chúng tôi, Hugh và Dorothy Rodham, Virginia và Dick Kelley, em của tôi

Hugh Rodham (và cô vợ Maria), Tony Rodham và Roger Clinton ở cùng với chúng tôi. Chúng tôi cũng mời bốn người bạn tốt nhất của mình là Diane và Jim Blair, Harry và Linda Thomason ngủ lại đêm.

Harry và Linda sản xuất và viết nhiều chương trình truyền hình bao gồm các chương trình cực kỳ thành công là Designing Women và Evening Shade. Tuy nhiên, trái tim của họ không bao giờ rời xa Ozarks. Harry lớnở Hampton, Arkansas và khởi nghiệp làm nghề huấn luyện viên bóng chày ở một trường trung học của thành phố Little Rock. Linda xuất thân trong một gia đình luật sư và hoạt động chính trị ở Poplar Bluff, bang Missouri giáp ranh với bang Arkansas. Linda vừa cười vừa nói với tôi rằng người duy nhất nổi tiếng sinh ra ở vùng đất Missouri là Rush Limbaugh, chủ đài phát thanh cánh hữu và là một cổ động viên quan trọng nhất cho George Bush. Gia đình Linda và Rush quen biết nhau và từ lâu có một sự ganh đua hòa bình giữa họ.

Sau tuần lễ sôi động với các hoạt động, lễ hội, thật là dễ chịu khi được thư giãn cùng với những người thân tín mà tôi quen biết nhiều năm. Vào giữa khuya, chúng tôi quyết định đi lục soát gian bếp nhỏ của gia đình, cách xa Khách sảnh phía Tây. Harry và Bill lục lọi các ngăn bếp trong khi Linda và tôi mở tủ lạnh. Tủ lạnh thì trống không ngoại trừ một thứ: một chai rượu Vodka đã uống hết một nửa. Chúng tôi sử dụng chai rượu dở dang này để nâng ly chúc mừng vị Tổng thống mới, chúc mừng cho tổ quốc và tương lai.

Bố mẹ chúng tôi đã đi ngủ. Chelsea và các vị khách của con bé cuối cùng cũng đã yên tiếng. Đêm hôm trước, các cô gái nhỏ từ vũ hội về sớm và có một dịp vui vẻ chơi trò săn tìm đồ vật được các quản gia và tổng quản lý tổ chức. Tôi nghĩ đây là một phương cách hay để Chelsea có niềm vui và quen với môi trường mới của nó. Các nhân viên quản gia đã nghĩ ra nhiều câu đố gợi ý về lịch sử như hãy tìm "bức tranh có con chim vàng" (bức tranh có tên Still Life Fruit, Goblet and Canary của Severin Roesen treo trong Phòng Đỏ) và hãy tìm "căn phòng thỉnh thoảng người ta thấy ma" (Phòng ngủ Lincoln, nơi mà các vị khách kể lại có những luồng gió lạnh và các bóng ma).

Tôi không tin vào chuyện ma quỷ nhưng chính chúng tôi đôi khi cảm thấy Nhà Trắng bị ám ảnh bởi những thực thể thế tục, linh hồn của các chính quyền khác trong quá khứ ở khắp mọnơi. Đôi khi các linh hồn thậm chí còn để lại những tờ giấy ghi chép. Phòng ngủ Lincoln tối hôm ấy được dành cho Harry và Linda. Khi họ leo lên giường ngủ làm bằng gỗ hồng vân, họ thấy một tờ giấy gấp lại để dưới gối:

"Linda thân mến, tôi đã ở đây trước tiên, và tôi sẽ trở lại."

Nó được ký tên "Rush Limbaugh".

DINH ĐÔNG, DINH TÂY

Nhà Trắng không những là văn phòng và nhà của tổng thống mà nó còn là một bảo tàng quốc gia. Tôi sớm nhận ra văn hóa tổ chức của Nhà Trắng giống như một đơn vị quân sự. Trong nhiều năm, công việc của nhân viên ở đây được thực hiện theo một phương cách nhất định, đảm bảo cho tòa nhà được vận hành và bảo tồn một cách tối ưu và hoàn hảo. Trưởng tổ làm vườn Ivr Williams bắt đầu làm việc từ thời Tổng thống Truman. Các nhân viên thuộc biên chế phục vụ hết Đệ nhất gia này (gia đình tổng thống) đến Đệ nhất gia khác. Cứ như thế, xét theo nhiều phương diện thì chính họ là nhưng người gìn giữ các định chế cho tổng thống từ chính quyền này sang chính quyền khác. Chúng tôi chỉ là những cư dân tạm trú. Khi Tổng thống Bush (cha) đến khánh thành bức chân dung chính thức của ông trong nhiệm kỳ thứ nhất của Bill, ông gặp George Washington Hannie, Jr. là một quản gia đã iệc tại Nhà Trắng hơn 25 năm. Bush hỏi: "George, anh vẫn còn ở đây sao?"

Người quản gia kỳ cựu trả lời: "Vâng! Thưa Ngài! Các tổng thống đến rồi lại đi nhưng George luôn luôn ở đây."

Giống như mọi định chế đáng kính khác, sự thay đổi ở Nhà Trắng diễn ra chậm chạp. Hệ thống điện thoại là một ví dụ, nó vô cùng lạc hậu. Để quay số ra ngoài khu tư gia, chúng tôi phải nhấc ống nghe lên và đợi một nhân viên tổng đài của Nhà Trắng quay số cho. Cuối cùng thì tôi cũng quen và mới đánh giá hết được sự tận tụy và tốt bụng của các nhân viên tổng đài. Dù sau này toàn bộ hệ thống điện thoại được nâng cấp bằng công nghệ hiện đại hơn, tôi vẫn tiếp tục thực hiện các cuộc gọi thông qua sự trợ giúp của họ.

Tôi biết là mình sẽ không thể nào quen được với việc nhân viên mật vụ được bố trí ngay ngoài cửa phòng ngủ. Đây là thủ tục hoạt động chuẩn đối với các vị tổng thống trước đây và đối với cơ quan Mật vụ, vấn đề tiên quyết là phải duy trì bằng được một thủ tục như thế.

"Chuyện gì xảy ra nếu Tổng thống bị một cơn đau tim ngay lúc giữa đêm?", một nhân viên mật vụ hỏi tôi khi tôi đề nghị anh ta nên dời xuống nhà dưới thay vì ở trên lầu hai với chúng tôi.

"Anh ấy 46 tuổi và rất khỏe mạnh", tôi nói, "Anh ấy sẽ không bị đau tim !".

Cơ quan Mật vụ đã điều chỉnh để thích nghi theo nhu cầu của chúng tôi và chúng tôi cũng vậy. Suy cho cùng thì họ là các chuyên gia chăm lo sự an toàn cho chúng tôi. Chúng tôi phải tạo điều kiện để họ thực hiện công việc của họ nhưng chúng tôi cũng không để mất bản sắc của mình. Trong 12 năm qua, họ vốnã quen với một thói quen có thể đoán trước, khi mà tính ngẫu hứng chỉ là ngoại lệ chứ không phải là quy luật. Chiến dịch tranh cử của chúng tôi diễn tiến quá nhanh và mạo hiểm, có nhiều lần dừng lại và thuyết trình trong vòng ranh dây thừng đã làm cho nhóm an ninh của chúng tôi mất ăn mất ngủ. Tôi đã có nhiều cuộc nói chuyện với các nhân viên an ninh được biệt phái bảo vệ chúng tôi. Một trong những chuyên gia an ninh, Don Flynn, đã nói: “Bây giờ tôi đã nắm được các thói quen rồi. Hãy hình dung một trong chúng ta là tổng thống, chúng ta cũng thích đi đây đó, làm một số chuyện và cũng thức khuya nữa". Lời nhận xét đó đã giúp thiết lập sự hợp tác linh động giữa chúng tôi và các nhân viên an ninh trung thành. Bill, Chelsea và tôi rất cảm kích lòng dung cảm, tính cương trực và chuyên nghiệp của họ, và chúng tôi luôn cảm thấy may mắn được làm bạn với nhiều nhân viên an ninh như thế.

Maggie Wilhams đã đồng ý giúp tôi vào cuối chiến dịch tranh cử năm 1992 nhưng tôi hiểu rằng cô ấy sẽ quay lại Philadelphia sau cuộc bầu cử để hoàn tất chương trình học tiến sĩ tại Penn. Khi cuộc bầu cử kết thúc, tôi cảm thấy mình rất cần cô ấy. Tôi đã năn nỉ, thuyết phục, van nài và gây áp lực để cô ấy tiếp tục ở lại trong thời gian chuyển tiếp và sau đó tham gia Chính quyền với nhiệm vụ là Chánh Văn phòng.

Công việc đầu tiên của chúng tôi là tuyển mộ các nhân viên khác, chọn địa điểm đặt văn phòng và học hỏi những quy định phức tạp về nhiệm vụ truyền thống của một Đệ nhất Phu nhân ở Dinh Đông. Dinh Đông có hai tầng dùng làm văn phòng, một phòng tiếp tân lớn cho khách, rạp chiếu phim của Nhà Trắng và một hàng cột ốp kính dài chạy dọc theo rìa khu Vườn Đông mà Phu nhân Bird Johnson đã dành tặng Jackie Kennedy. Suốt nhiều năm qua, nhiệm vụ của các Đệ nhất Phu nhân ngày càng mở rộng nên nhân viên của họ ngày càng đông hơn và chuyên môn hơn. Jackie Kennedy là người đầu tiên có thư ký báo chí riêng. Phu nhân Bird Johnson đã tổ chức bộ máy cơ cấu nhân viên theo cấu trúc của Dinh Tây. Giám đốc nhân sự của Rosalynn Carter hoạt động như một chánh văn phòng hàng ngày họp hành với nhân viên của Tổng thống. Nancy Reagan đã gia tăng quy mô và vị thế của đội ngũ nhân viên của bà trong Nhà Trắng.

Dinh Tây là nơi có Phòng Bầu Dục, Phòng Roosevelt, Phòng Nội các, Phòng Tình huống (nơi các cuộc họp bí mật được tổ chức và là nơi thu phát thông

tin), Phòng ăn Nhà Trắng (nơi phục vụ các bữa ăn) và các văn phòng dành cho quan chức cao cấp của Tổng thống. Số nhân viên còn lại của Nhà Trắng làm việc trong Phủ Tổng thống Cũ (gọi tắt là OEOB). Không có một Đệ nhất Phu nhân nào hoặc nhân viên của họ từng có văn phòng ở Dinh Tây hoặc OEOB (kể từ khi được đổi lại tên là Phủ Tổng thống Eisenhower).

Mặc dù là nơi tham quan của du khách, các thư từ liên hệ và công việc thư ký giao dịch vẫn đặt trụ sở ở Dinh Đông. Một số nhân viên của tôi có biên chế ở Dinh Tây. Tôi nghĩ, về mặt cơ cấu, họ cũng nên sáp nhập. Maggie đã đệ trình đề xuất của cô ấy lên các cố vấn của Bill để xin địa điểm mà chúng tôi muốn làm việc ở Dinh Tây, và Văn phòng của Đệ nhất Phu nhân được dời đến một dãy phòng ở cuối hành lang dài trên lầu một của tòa nhà OEOB. Tôi được sắp một phòng ở lầu hai của Dinh Tây ngay bên dưới sảnh phòng dành cho nhân viên chính sách nội địa. Đây cũng là một sự kiện chưa từng có tiền lệ của lịch sử Nhà Trắng và nó nhanh chóng trở thành đề tài cho các diễn viên hài kịch trong chương trình giải trí đêm khuya hoặc các chuyên gia lão luyện về chính trị khai thác. Một bức tranh biếm hoạ mô tả Nhà Trắng với Phòng Bầu Dục mọc lên từ mái nhà của lầu hai.

Maggie được đề bạt làm Trợ lý Tổng thống - trước đây những người tiền nhiệm của cô chỉ được phân nhiệm làm Phó Trợ lý Tổng thống. Mỗi buổi sáng cô tham dự cuộc họp quan chức cấp cao vào lúc 7 giờ 30 cùng với các cố vấn cao cấp của Tổng thống. Tôi cũng có một nhân viên chính sách đốic biệt phái đến làm việc toàn thời gian tại văn phòng và một chuyên gia viết diễn văn của Tổng thống được chỉ định đến phụ trách các bài diễn văn của tôi, đặc biệt các bài có liên quan đến cải cách y tế. Tôi có 20 nhân viên bao gồm Phó chánh Văn phòng, thư ký báo chí, nhân viên hoạch định chương trình, giám đốc hậu cần và một người làm công tác điểm tin sách báo hàng ngày. Hai trong số những nhân viên từ thuở ban đầu vẫn còn làm việc với tôi đến ngày hôm nay là Pam Cicetti, một trợ lý giàu kinh nghiệm và là một nhân viên đa nhiệm của tôi và Alice Pushkar, Giám đốc phụ trách Văn thư của Đệ nhất Phu nhân. Họ là những nhân viên rất tận tụy trong mọi công việc với tác phong đĩnh đạc và đầy sáng tạo.

Những thay đổi về cơ cấu và nhân sự rất quan trọng nếu tôi tham gia vào các chương trình làm việc của Bill, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến phụ nữ, trẻ em và gia đình. Những người tôi sử dụng đều rất tâm huyết với các vấn đề này và quan tâm đến ý tưởng là chính quyền có thể và nên là một đối tác giúp tạo ra các cơ hội cho nhưng người làm việc cần cù và có trách nhiệm. Phần lớn họ xuất thân từ các cơ quan chính quyền hoặc từ các tổ chức quan tâm đến việc cải thiện các điều kiện kinh tế, chính trị xã hội cho những

người không được đại diện hoặc những người bị thiệt thòi về quyền lợi.

Khá lâu trước đó, các nhân viên của tôi đã được công nhận trong chính quyền và được báo chí khen ngợi là năng động và có tầm ảnh hưởng. Phần lớn thành công là nhờ sự lãnh đạo của Maggie và Melanne Verveer, Phó chánh Văn phòng của tôi. Melanne và Phil - chồng cô - là những người bạn của Bill từ khi còn học ở Đại học Georgetown. Cô ấy là một nhà hoạt động lâu năm của Đảng Dân chủ và là cánh tay đắc lực ở Washington. Một con người thật sự đam mê các chính sách, yêu thích các vấn đề phức tạp. Melanne đã làm việc nhiều năm tiện Capitol và trong giới luật sư. Tôi thường đùa rằng không có một người nào ở Washington mà cô ấy không biết. Melanne không những là một huyền thoại trong thủ đô mà cái hộp Rolodex ghi thông tin của cô cũng nổi tiếng không kém. Vào lần đếm cuối cùng, nó chứa đến 6.000 tên. Các dự án được Melanne hoạch định thì vô số. Trong nhiệm kỳ trước, cô đóng vai trò Phó chánh Văn phòng và trong nhiệm kỳ hai là Chánh Văn phòng của tôi. Cô ấy cũng trở thành một nhân vật then chốt trong nhóm phụ tá Tổng thống, giải trình các chính sách liên quan đến phụ nữ, nhân quyền, pháp lý và nghệ thuật.

Chẳng bao lâu sau, các nhân viên của tôi nổi tiếng khắp Nhà Trắng với cụm từ “Hillaryland”. Chúng tôi hăng say trong các hoạt động hàng ngày của Dinh Tây đồng thời còn thể hiện một nền văn hóa nhỏ của riêng mình trong Nhà Trắng. Nhân viên của tôi tự hào vì truyền thống cần mẫn, trung thành và tình thân hữu. Chúng tôi có bản sắc riêng. Một số thông tin có thể bị rò rỉ ở Dinh Tây nhưng chuyện đó không bao giờ xảy ra ở Hillaryland. Trong lúc các cố vấn cao cấp của Tổng thống tìm cách có được các văn phòng lớn ở gần kế Phòng Bầu Dục thì các cán bộ cao cấp của tôi lại vui vẻ chia sẻ văn phòng với các trợ lý trẻ của họ. Chúng tôi có đồ chơi và bút tô màu dành cho trẻ em trong căn phòng hội nghị chính và các đứa bé từng ghé thăm nơi đây đều biết đích xác nơi để bánh quy. Có một lần vào lễ Giáng sinh, Melanne đã đặt các huy hiệu cài ve áo có khắc các hàng chữ rất nhỏ "HILLARYLAND" và cô ấy cùng tôi bắt đầu phân phát các huy hiệu thành viên danh dự này cho những người thân và con cái của những nhân viên tận tụy của chúng tôi. Huy hiệu thành viên này cho phép họ có thể ghé thăm bất cứ lúc nào và đến dự tất cả các bữa tiệc của chúng tôi.

Hoạt động của Dinh Tây rất bận rộn và khẩn trương nhưng các nhiệm vụ của tôi ở Dinh Đông vẫn làm tôi không an tâm. Chỉ 10 ngày sau lễ nhậm chức, Bill và tôi chủ trì một sự kiện lớn đầu tiên là buổi dạ tiệc thường niên của Hiệp hội Thống đốc Quốc gia (NGA). Bill là Chủ tịch của NGA và nhiều người tham dự là đồng nghiệp, bạn bè mà chúng tôi quen biết nhiều năm.

Chúng tôi muốn buổi ăn tối diễn ra tốt đẹp. Giới truyền thông báo chí hay rêu rao là tôi ít quan tâm đến các chức năng truyền thống của văn phòng Đệ nhất Phu nhân bao gồm việc phụ trách các sự kiện hoạt động xã hội của Nhà Trắng. Và đây là một dịp rất tốt để tôi chứng minh nhận định của báo giới là sai lầm. Tôi rất thích trọng trách này, vốn được thực hiện với tầm mức nhỏ hơn nhiều khi tôi còn là Đệ nhất phu nhân của tiểu bang Arkansas. Tuy nhiên, tôi và các nhân viên của mình cần có sự hướng dẫn. Tôi đã dự các buổi dạ tiệc tại Nhà Trắng kể từ năm 1977 khi Tổng thống Carter và phu nhân mời Bộ trưởng Tư pháp Arkansas là Bill Clinton và phu nhân đến dự buổi dạ tiệc chiêu đãi Thủ tướng Canada, Pierre Trudeau và phu nhân. Khi Bill là Thống đốc, hàng năm chúng tôi đều tham dự buổi dạ tiệc này mà giờ đây tôi là người có trách nhiệm lên kế hoạch cho nó. Tham dự một sự kiện với tư cách là quan khách thì khác hẳn với việc chủ trì nó.

Tôi được sự trợ giúp của người thư ký hoạt bát tên là Ann Stock, một phụ nữ giàu nghị lực, có sở thích và phong cách không chê vào đâu được, đã làm việc trong Nhà Trắng từ thời Tổng thống Carter và sau đó là cán bộ quản lý cao cấp của tổ chức Bloomingdale's. Ann và tôi đã thử kết hợp các khăn ăn, bố trí khung cảnh trước khi chọn bộ đồ sứ Trung Hoa viền màu vàng và đỏ của bà Reagan. Chúng tôi sắp xếp chỗ ngồi, háo hức với ý nghĩ là các quan khách sẽ được thoải mái với các bạn ngồi cùng bàn mình. Chúng tôi biết hầu hết mọi người và quyết định xếp chỗ ngồi dựa vào các sở thích và cá tính của họ. Tôi tham vấn với chuyên gia cắm hoa của Nhà Trắng là Nancy Clarke khi cô ấy xếp hoa tulip mà tôi chọn cho mỗi bàn. Kể từ đó tôi luôn ngạc nhiên về khả năng nhẫn nại và phong cách vui vẻ của Nancy.

Mỗi giờ đồng hồ trong cuộc sống ở Nhà Trắng lại đem đế một số khó khăn, trở ngại mới, không lường trước được. Tuy nhiên có một số người mà tôi có thể trò chuyện thật sự hiểu được sự trải nghiệm này của tôi. Các bạn bè thân hữu luôn ủng hộ động viên và sẵn sàng trò chuyện trên điện thoại với tôi mặc dù không có ai trong số họ đã từng sống ở Nhà Trắng. Nhưng, may mắn là có một người mà tôi biết đã từng ở Nhà Trắng và bà ấy thấu hiểu được điều mà tôi đang trải qua: Jacqueline Kennedy Onassis. Bà ấy trở thành một nguồn hỗ trợ, tư vấn quý giá cho tôi.

Vào ngày 26 tháng 1, một buổi sáng giá lạnh chỉ sau lễ nhậm chức vài ngày, tôi bay đến thành phố New York trên chuyến bay khứ hồi thường lệ. Đây là chuyến bay duy nhất của tôi trên một hãng hàng không thương mại trong suốt 8 năm tôi ở Nhà Trắng. Do yêu cầu về an ninh và sự bất tiện với các hành khách khác, sau đó tôi đồng ý với cơ quan Mật vụ là bỏ luôn cái thói quen đi chuyến này của mình. Chính thức thì tôi sẽ đi New York để nhận

giải thưởng Lewis Hine cho đóng góp của tôi về vấn đề trẻ em và ghé thăm P.S.115, một trường công lập tại địa phương, để cổ động cho chương trình dạy kèm tình nguyện. Tuy nhiên, tôi cũng có một chuyến ghé thăm riêng tư : đến ăn trưa với Jacqueline Kennedy Onassis tại căn hộ tuyệt đẹp của bà trên Đại lộ số 5.

Tôi đã gặp Jackie nhiều lần trước đó và đã ghé thăm bà một lần trong chiến dịch tranh cử năm 1992. Bà là một người ủng hộ Bill ngay từ buổi đầu, đóng góp tài chính và tham dự đại hội. Bà là một nhân vật có tầm ảnh hưởng rất lớn với công chúng. Từ lâu, tôi đã ngưỡng mộ và kính trọng bà. Jackie không những là một Đệ nhất Phu nhân xuất sắc, mang phong cách duyên dáng, trí tuệ vào Nhà Trắng mà còn làm được một công việc phi thường là nuôi dạy các con mình nên người. Trước đó vài tháng, tôi xin bà tư vấn về việc nuôi dạy con trẻ và nhân chuyến ghé thăm này, tôi hy vọng được nghe bà kể lại cách thức bà xử lý cácvăn hóa đã được tạo lập ở Nhà Trắng. Bà không còn ở Nhà Trắng gần 30 năm rồi nhưng tôi linh cảm là Nhà Trắng hiện giờ không có gì thay đổi nhiều so với thời bà đã ở.

Bên An ninh đưa tôi ghé thăm căn hộ của bà ngay trước buổi trưa. Jackie đón tôi tại cửa thang máy trên tầng 15. Bà ấy ăn mặc không chê vào đâu được, quần lụa màu xám ghi (một trong những màu yêu thích nhất của bà) với áo choàng có sọc màu hồng nhã rất hợp với bà. Ở độ tuổi 63, bà vẫn còn giữ được nét đẹp kiêu sa như lần đầu tiên vào năm 31 tuổi bà được cả nước Mỹ công nhận là Đệ nhất Phu nhân đẹp lộng lẫy của vị Tổng thống trẻ thứ hai trong lịch sử Hoa Kỳ.

Sau cái chết của Tổng thống Kennedy vào năm 1963, bà đã rút lui khỏi tầm mắt của công chúng trong nhiều năm, đã lập gia đình với nhà tỉ phú ngành vận tải người Hy Lạp Aristotle Onassis và sau đó theo đuổi thành công nghề biên tập cho một trong những nhà xuất bản nổi tiếng nhất ở Thành phố New York. Điều đầu tiên tôi chú ý về căn hộ của bà là nó tràn ngập sách. Chúng được đặt khắp mọi nơi - trên bàn, dưới bàn, cạnh ghế. Các cuốn sách được chất thành đống rất cao trong phòng nghiên cứu đến nỗi bà có thể để các đĩa thức ăn trên đó khi bà ăn tại bàn làm việc của mình. Bà là người duy nhất tôi thấy đã trang trí căn hộ của mình bằng sách, và bà đã trang trí rất đẹp.

Tôi cố gắng bắt chước cách trang trí trong căn hộ và cả ở điền trang Martha's Vineyard của bà Jackie, đã trang trí nhà mình bằng các quyển sách của Bill và tôi. Chắc bạn cũng đoán được là căn nhà của chúng tôi trông không thể nào đẹp bằng.

Chúng tôi ngồi tại bàn ở góc phòng sinh hoạt nhìn ra Công viên Trung tâm và Bảo tàng Nghệ thuật Thành phố, tiếp tục câu chuyện đã đề cập trong buổi ăn trưa vào mùa hè năm trước. Jackie cho tôi nhưng lời khuyên vồề cách thức xử lý vấn đề khi cuộc sống riêng tư bị xâm phạm. Bà kể cho tôi nghe những việc bà đã làm để bảo vệ các con của bà là Caroline và John. Đảm bảo cho Chelsea một cuộc sống bình thường sẽ là một trong những thách thức quan trọng nhất mà Bill và tôi phải đối mặt, bà ấy nói với tôi. Chúng tôi phải giúp Chelsea trưởng thành và thậm chí cho phép nó phạm sai lầm, trong khi bảo vệ con bé khỏi những ánh mắt theo dõi thường xuyên mà nó sẽ phải chịu đựng khi trở thành ái nữ của Tổng thống. Bà ấy nói các con của bà đã may mắn có nhiều anh em họ, các bạn bè mà nhiều trẻ trong số đó cũng có bố là người của công chúng. Bà ấy cảm thấy trường hợp của Chelsea sẽ khó hơn nhiều vì cô là ái nữ duy nhất.

"Cô phải bảo vệ Chelsea bằng mọi giá", Jackie nói, "hãy bảo bọc con bé bằng bạn bè và người thân trong gia đình nhưng đừng làm hỏng cháu. Đừng để cháu nghĩ rằng cháu là một người đặc biệt hoặc có quyền lực. Đẩy giới báo chí ra xa con bé nếu cô có thể và đừng để ai lợi dụng cháu."

Bill và tôi đã thực hiện một biện pháp nhằm đối phó với sự quan tâm của công chúng về Chelsea và sự hiếu kỳ của cả nước đối một đứa trẻ lớn lên trong Nhà Trắng. Quyết định của chúng tôi về nơi gửi Chelsea đi học đã gây ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi bên trong lẫn bên ngoài Thủ đô, phần lớn là do ý nghĩa tượng trưng của sự việc. Tôi cảm thông sự bất mãn của giới ủng hộ giáo dục công lập khi chúng tôi lại chọn Sidwell Friends, một trường học tư thục, nhất là sau khi Chelsea đã từng học các trường công lập ở Arkansas. Tuy nhiên quyết định này đối với Bill và tôi là dựa trên một lý do: các Trường Tư thục là tài sản riêng , nên hạn chế được giới truyền thông, báo chí. Các trường công thì không. Điều cuối cùng chúng tôi muốn tránh là các ống kính truyền hình, phóng viên tin tức theo dõi con gái chúng tôi suốt ngày khi đi học giống như họ đã làm đối với ái nữ Amy của Tổng thống Carter học trường công lập.

Cho đến nay, trực quan của chúng tôi và kinh nghiệm của Jackie đã giúp cho Chelsea rất nhiều. Con bé đang điều chỉnh để thích nghi với ngôi trường mới của mình một cách thoải mái theo như chúng tôi mong đợi mặc dù nó rất nhớ các bạn ở Arkansas. Con bé ở trong hai căn phòng riêng trên lầu 2. Trước đây hai phòng này dành cho Caroline và John, sau đó dành cho Lynda và Luci của Johnson nên Jackie biết đích xác chúng ở đâu. Một phòng bây giờ là phòng ngủ của Chelsea có hai giường riêng nên con bé có thể tổ chức các buổi tiệc mời khách ở lại qua đêm và một phòng khác dành để làm bài tập về

nhà, xem truyền hình, nghe nhạc và giải trí với bạn bè.

Tôi nói với Jackie là tôi rất cám ơn bà đã thiết kế phòng ăn ở trên lầu và nói rằng chúng tôi sắp chuyển đổi căn phòng để thức ăn của quản gia thành một nhà bếp nhỏ, ở đó chúng tôi có thể dùng những bữa ăn gia đình trong một bầu không khí thư giãn và thoải mái hơn. Một buổi tối, tôi bị một sự cố về nấu ăn. Chelsea không được khỏe nên tôi muốn làm cho bé một vài cái trứng ốp la lòng đào và nước táo. Đây là nhưng thức ăn mà tôi vẫn làm trước khi vào Nhà Trắng. Tôi tìm dụng cụ trong cái bếp nhỏ và sau đó gọi điện xuống dưới lầu hỏi đầu bếp là anh ta có thể cung cấp những thứ tôi cần không. Anh ta và các nhân viên phục vụ bếp hoàn toàn không chuẩn bị tâm lý để nghĩ rằng một Đệ nhất Phu nhân lại đích thân cầm cái chảo rán thức ăn. Thậm chí họ còn gọi điện hỏi nhân viên của tôi xem có phải tôi nấu ăn là vì tôi không thích các món ăn do họ nấu không. Sự việc này làm tôi nhớ về các trải nghiệm tương tự của Eleanor Roosevelt khi bà điều chỉnh lối sống ở Nhà Trắng. Bà viết trong tự truyện của mình: "Vô tình tôi đã làm nhiều chuyện gây sốc với các tổng quản lý ở đây. Hành động đầu tiên của tôi là nhấn mạnh việc tôi sẽ tự đi thang máy mà không cần chờ một nhân viên trực giúp đỡ. Trước đây, các Phu nhân Tổng thống chưa từng làm như vậy".

Jakie và tôi trao đổi về lực lượng Mật vụ và những sự cố gây khó khăn về an ninh mà con cái Tổng thống có thể gây ra cho bên Mật vụ. Bà đã đồng ý với những quan ngại của tôi và theo kinh nghiệm của bà với những người con của mình thì mặc dù an ninh là cần thiết nhưng nó góp phần quan trọng gây ức chế cho Chelsca. Bà nhấn mạnh Chelsea phải tôn trọng các nhân viên an ninh tận tụy bảo vệ con bé. Tôi đã từng chứng kiến cảnh con cái của các vị Thống đốc không vâng lời các nhân viên an ninh quốc gia đáng tuổi chú bác được biệt phái bảo vệ cho chúng. Jackie kể cho tôi nghe về câu chuyện một đứa trẻ lớn hơn đã lấy cái xe đạp của John, con bà, và thế là cậu bé yêu cầu nhân viên cận vệ phải lấy lại xe cho mình. Khi Jakie biết được điều này, bà bảo John phải tự mình làm lấy. Các đội an ninh, lần lượt được phân công bảo vệ Chelsea, hiểu rằng cô bé cần có một cuộc sống của một thiếu nữ bình thường trong một chừng mực tối đa có thể được.

Nhân viên an ninh sử dụng các mật danh chỉ những thân chủ được bảo vệ và mỗi thành viên gia đình có một tên bắt đầu bằng một chữ cái giống nhau. Bill có mật danh là "Eagle" (Đại Bàng); tôi thì có tên "Evergreen" (Cây Thường Xanh) và Chelsea có lẽ phù hợp nhất với tên gọi "Energy" (Sức Sống). Các mật danh nghe có vẻ hơi lạ nhưng chúng che đậy một thực tế khắc nghiệt : các mối đe dọa thường xuyên đòi hỏi sự cảnh giác và quyết đoán của lực lượng an ninh bảo vệ.

Jackie thẳng thắn nói về sự cám dỗ thường gặp và hiểm nguy mà các chính trị gia có sức lôi cuốn công chúng hay đối mặt. Bà lưu ý tôi là Bill, giống như Tổng thống Kennedy, có một sức thu hút cá nhân có thể gây ra nhưng cảm xúc mạnh mẽ trong công chúng. Bà không nói trực tiếp nhưng bà nói là anh ấy có thể là một mục tiêu. "Anh ấy phải hết sức cẩn th", Bà bảo tôi. “Phải rất cẩn thận."

Tôi vẫn còn đang trong giai đoạn khó khăn để thấu hiểu làm thế nào chúng tôi có thể giữ lại được bất cứ cái gì có vẻ đời thường cho bản thân nếu chúng tôi phải cảnh giác ở mọi nơi mà mình đến. Jackie biết rằng không giống như các cặp vợ chồng Tổng thống trước đây, chúng tôi không có nhà riêng hoặc khu nghỉ mát để tịnh dưỡng. Bà ấy thúc giục tôi sử dụng Trại David hoặc ở cùng với các bạn bè có nhà cửa ở những nơi hẻo lánh. Ở đó chúng tôi có thể tránh được những kẻ tò mò và những tay săn ảnh.

Không phải tất cả nhưng cuộc nói chuyện của chúng tôi đều nghiêm túc cả. Chúng tôi tán gẫu về những người bạn mà cả hai cùng quen biết và thậm chí nói về thời trang nữa. Jackie là một trong những người tạo ra xu hướng thời trang có tính biểu tượng trong thế kỷ 20. Các bạn hữu của tôi và một số người trong giới báo chí hay tọc mạch để ý đến kiểu cách trang điểm, quần áo, đầu tóc của tôi kể từ ngày Bill tuyên bố anh ấy ra tranh cử. Khi tôi hỏi bà là liệu tôi có nên thay đổi bản thân theo đề nghị của một nhóm cố vấn nổi tiếng khi tiếp xúc với giới truyền thông, bà có vẻ rất ngạc nhiên. "Cô phải là cô”, bà nói, "Cô nên chấm dứt vay mượn ý tưởng của ai đó là cô nên là ai và cô nên trông như thế nào. Thay vào đó hãy tập trung vào những điều quan trọng với cô”. Lời nói của bà là một nguồn an ủi cho tôi. Với sự cổ vũ ngầm của Jackie, tôi quyết định cứ vui vẻ, không phải quá bận tâm hay câu nệ gì cả.

Sau khi nán lại với bà hai tiếng, cuối cùng cũng đến lúc tôi phải đi. Jackie nhắc tôi cứ gọi điện hoặc liên lạc nếu tôi có thắc mắc hoặc cần người tâm tình. Đối với tôi, bà vẫn là một nguồn động viên và tư vấn quý giá cho đến khi bà mất vì bệnh ung thư sau đó 16 tháng.

Tôi đấn an sau chuyến đi gặp Jackie nhưng thời gian bình tâm này kéo dài không lâu. Tôi đã đồng ý dành một cuộc phỏng vấn đầu tiên của mình trên báo chí với tư cách là Đệ nhất Phu nhân cho Marian Burros của tờ The New York Times, người thường tường thuật các buổi đại dạ tiệc đầu tiên của các Chính quyền mới. Các bài tường thuật của cô thường tập trung vào việc lựa chọn món ăn, hoa cảnh và thú vui giải trí của buổi tiệc. Tôi nghĩ rằng cuộc phỏng vấn cho tôi cơ hội chia sẻ các ý tưởng về cách thức tôi dự kiến làm

cho Nhà Trắng trở thành một nơi giới thiệu văn hóa và ẩm thực Hoa Kỳ.

Burros và tôi gặp nhau ở Phòng Đỏ, một trong ba phòng khách ở trên lầu của Phủ Tổng thống. Chúng tôi ngồi trên cái ghế dài có niên đại thế kỷ 19 của Hoa Kỳ cạnh lò sưởi. Trên tường là bức chân dung Dolley Madison mà Gilbert Stuart vẽ năm 1804. Đó là Phu nhân của Tổng thống Madison, một trong những người tiền nhiệm quyết đoán. Khi Burros và tôi nói chuyện, tôi thỉnh thoảng bắt gặp cái liếc nhìn của Dolley. Bà là một phụ nữ phi thường, dũng cảm đi trước thời đại, nổi tiếng về tính hòa đồng và phong cách cá nhân có thể tạo ra cả một trào lưu (bà thích đội mũ không vành); bà cũng nổi tiếng về năng lực chính trị và lòng can đảm. Trong cuộc chiến tranh năm 1812, khi một đạo quân Anh xâm lược tiến về Washington, bà đã dành cả ngày chuẩn bị buổi dạ tiệc cuối cùng của bà tại Nhà Trắng cho Tổng thống Madison và các cố vấn quân sự của ông với niềm tin họ sẽ quay về từ tiền tuyến. Mặc dù cuối cùng phải sơ tán nhưng bà từ chối di tản cho đến khi quân Anh thật sự đã đến tận cửa thành. Bà đã mang theo quần áo, các tài liệu quan trọng của quốc gia và một số vật dụng quý báu của Phủ Tổng thống. Hành động cuối cùng của bà trước khi di tản là đề nghị lấy bức chân dung George Washington to bằng người thật do Gilbert Stuart vẽ ra khỏi khung hình, cuộn lại và chuyển đến một nơi an toàn. Ngay sau đó, Đô đốc Cockburn và quân lính đã cướp phá Nhà Trắng, chè chén những món ăn do bà chuẩn bị cho buổi ăn tối ngày hômà đốt cháy Phủ Tổng thống.

Tôi mong muốn bữa dạ tiệc tại Nhà Trắng của tôi phải đáng nhớ nhưng không phải là một sự kiện đáng nhớ như bữa tiệc của Phu nhân Tổng thống Madison.

Tôi nói với Burros rằng tôi muốn có dấu ấn cá nhân của chúng tôi ở Nhà Trắng giống như các vị Tổng thống và Phu nhân trước đây đã làm. Tôi bắt đầu bằng việc giới thiệu ẩm thực Hoa Kỳ trên thực đơn của Nhà Trắng. Từ thời Chính quyền Kennedy, nhà bếp của Nhà Trắng thường phục vụ món ăn Pháp. Tôi hiểu lý do tại sao Phu nhân Jackie của Tổng thống Kennedy muốn cải thiện nhiều thứ về Nhà Trắng, từ cách trang trí đến ẩm thực. Nhưng điều này chỉ phù hợp trong thời đó. Kể từ lúc Jackie vào Nhà Trắng đến nay đã 30 năm rồi, các đầu bếp Mỹ đã "cách mạng hóa" việc nấu nướng, tiên phong là bộ đôi đầu bếp lừng danh Julia Child và Alice Waters. Child đã viết thư cho tôi và Bill vào cuối năm 1992, thúc giục chúng tôi giới thiệu nghệ thuật ẩm thực Hoa Kỳ và Waters cũng đã viết thư khuyến khích chúng tôi bổ nhiệm một đầu bếp Mỹ. Tôi đồng ý với họ. Sau cùng thì Nhà Trắng, một trong những biểu tượng cụ thể nhất của quốc gia về văn hóa Mỹ, cũng có thực đơn gồm các món ăn Mỹ. Tôi đã tuyển Walter Scheib, một đầu bếp lão luyện

chuyên về các món ăn Mỹ chuyên dùng các thành phần thực phẩm tươi, dễ tiêu hóa và giới thiệu nhiều món ăn và rượu vang chính gốc của Hoa Kỳ.

Buổi dạ tiệc hóa ra lại là một thành công lớn, ít có sai sót. Bữa tiệc với hầu hết các món đặc trưng của Hoa Kỳ bao gồm tôm xông khói, thịt thăn bò rôti, rau non gồm rau zucchini trộn với khoai tây vàng của vùng Yukon và hành Vidalia. Chúng tôi ăn phó mát dê làm ở vùng Massachusetts và uống rượu vang Mỹ. Thực khách của chúng tôi dường như thật sự hài lòng, đặc biệt với vở kịch ngắn theo phong cách Broadway được biểu diễn sau bữa ăn. Vở kịch này được người bạn James Naughton (oạt giải Tony) của chúng tôi dàn dựng vào những giây phút cuối, có sự tham gia diễn xuất của Lauren Bacall và Carol Channing. Tôi có thể thở phào nhẹ nhõm.

Bài tường thuật của Burros đăng trên trang nhất của tờ The New York Times vào ngày 2 tháng 2 cũng tiết lộ một số tin bên lề khác: tôi tuyên bố là chúng tôi sắp cấm hút thuốc ở Phủ Tổng thống cũng như ở Dinh Đông, Dinh Tây. Tôi cũng tuyên bố rằng rau bông cải xanh broccoli sẽ quay trở về nhà bếp Nhà Trắng (vốn đã bị gia đình Bush cấm dùng) và chúng tôi hy vọng làm Nhà Trắng dễ tiếp cận hơn đối với công chúng. Cùng với bài báo là một bức hình chụp tôi mặc một dạ phục màu đen để vai trần theo kiểu Donna Karan.

Đối với tôi bài tường thuật và bức hình dường như vô hại nhưng chúng lại gây ra nhiều lời bình luận. Ban báo chí Nhà Trắng không vui vẻ gì về việc tôi đã dành một cuộc phỏng vấn độc quyền cho một phóng viên không chuyên trách về hoạt động chính trị của Nhà Trắng. Theo quan điểm của họ, lựa chọn của tôi thể hiện quyết tâm né tránh các câu hỏi thách đố về vai trò của tôi trong lĩnh vực chính sách. Một số nhà phê bình cho rằng bài tường thuật được thiết kế để "làm mềm" hình ảnh của tôi và phản ánh tôi như là một phụ nữ truyền thống trong một vai trò truyền thống. Một số người bênh vực tôi nhiệt thành cũng không tán thành cuộc phỏng vấn và bức hình bởi vì cả hai thứ đều không thể hiện ý nghĩ của họ về tôi như là một Đệ nhất Phu nhân. Họ cho rằng, nếu tôi quan tâm đến các vấn đề chính sách quan trọng, tại sao tôi lại trò chuyện với phóng viên về ẩm thực và giải trí. Ngược lại, nếu tôi thật sự quan tâm đến việc trang trí, cắm hoa và màu sắc khăn bàn, làm sao tôi có thể có đủ khả năng hoạch định chính sách quốc gia? Vậy thì tôi đang gửi đi một thông điệp gì đây?

Dường như người ta cảm nhận tôi chỉ thuộc một trong hai thứ thôi - hoặc là một phụ nữ chuyên tâm vào nghề ng và làm việc cật lực hoặc là một bà chủ ân cần và chu đáo. Tôi bắt đầu hiểu được điều mà Kathleen Hall Jamieson, một giáo sư nổi tiếng về truyền thông đồng thời là Hiệu trưởng Trường

Truyền thông Báo chí Annenberg thuộc Đại học Pennsylvania dùng thuật ngữ "Mối ràng buộc kép". Jamieson nói rằng các khuôn mẫu giới tính trói buộc người phụ nữ, phân loại họ theo những cách không phản ánh đúng mức độ phức tạp trong cuộc sống của họ. Tôi hiểu rõ là người ta muốn tôi phù hợp theo một khuôn mẫu nào đó như một phụ nữ truyền thống hoặc một người theo chủ nghĩa nữ quyền và sẽ không bao giờ hài lòng với tôi vì bản thân tôi, như đã nói, có nhiều vai trò khác nhau, đôi khi còn mâu thuẫn với nhau.

Các bạn bè của tôi sống giống như thế. Vào bất kỳ một ngày nào đó, Diane Blair có thể giảng dạy môn chính trị học trước khi chuẩn bị bữa ăn tối cho nhiều người tại ngôi nhà hướng ra bờ hồ của gia đình Blair. Một phút trước, Melanne Verveer có thể đang trong một cuộc họp và phút sau đó lại nói chuyện điện thoại với cháu gái mình. Lissa Muscatine, một cựu sinh viên học chương trình Rhodes Scholars của Đại học Harvard, sinh ba đứa con trong thời gian làm việc cho tôi tại Nhà Trắng có lẽ đang ở trên một chiếc phi cơ và đang rà soát lại các bài diễn văn hoặc đang thay tã cho con ở nhà. Vậy ai là người phụ nữ "thật sự"? Thực ra hầu hết chúng tôi đã đảm trách tất cả các vai trò này và thậm chí nhiều hơn nữa trong cuộc sống hàng ngày.

Tôi biết thật khó để dung hòa quá nhiều yêu cầu, lựa chọn và hoạt động khác nhau mà phụ nữ theo đuổi và xử lý hàng ngày. Hầu hết phụ nữ chúng tôi sống trong hoàn cảnh bị dư luận đay nghiến, chỉ trích về các lựa chọn của mình và chịu đựng hàng loạt lời buộc tội bất kể sự lựa chọn của chúng tôi là gì đi nữa. Trong cuộc đời mình, tôi là một người vợ, người mẹ, là con gái, chị ruột, chị dâu, sinh viên, luật sư, nhà hoạt động vì quyền lợi trẻ em, giáo sư luật, tín đồ của Hội Thánh, cố vấn chính trị và còn ều vai trò khác nữa. Bây giờ tôi phải làm một biểu tượng của quốc gia - và đây lại là một trải nghiệm mới.

Bill và tôi quan tâm về những vấn đề sẽ phải đối mặt khi chuyển đến Nhà Trắng nhưng tôi chưa bao giờ hình dung ra cách thức tôi xây dựng vai trò Đệ nhất Phu nhân lại gây ra quá nhiều tranh luận và phiền toái như vậy. Tôi nghĩ mình sẽ theo phong cách truyền thống trong một số lĩnh vực nhưng trong một số lĩnh vực khác thì không. Tôi quan tâm đến thức ăn phục vụ thực khách của mình và tôi cũng muốn cải thiện việc cung cấp chăm sóc y tế cho tất cả người dân Mỹ. Đối với tôi, không có gì là không phù hợp với các quan tâm và hoạt động của mình.

Tôi đang du hành trên một vùng đất chưa ai khám phá và thông qua kinh nghiệm của bản thân mình, tôi đã đóng góp vào một số nhận thức đầy mâu

thuẫn về bản thân tôi. Tôi phải mất một khoảng thời gian mới hình dung được rằng, có những điều đối với tôi chẳng quan trọng gì nhưng lại có vẻ rất quan trọng đối với nhiều người đàn ông và phụ nữ trên khắp nước Mỹ. Chúng ta đang sống trong một thời đại mà một số người vẫn còn cảm thấy yêu ghét lẫn lộn đối với vai trò của phụ nữ trong việc nắm quyền và lãnh đạo công chúng. Trong kỷ nguyên vai trò của giới tính đang thay đổi, tôi chính là vật trưng bày hạng A của nước Mỹ.

Sự chú ý quá lớn. Kể từ khi tôi trở thành yếu nhân được bên an ninh bảo vệ tại Hội nghị Dân chủ ở New York vào tháng 7 năm 1992, tôi đã cố gắng thích nghi với việc mình không còn vô danh nữa. Đôi khi tôi lẻn đi ra ngoài Nhà Trắng, mặc áo len, đeo kính đen và đội mũ. Tôi thích đi dạo trên quảng trường Mall, ngắm nhìn các tượng đài hoặc đạp xe đạp dọc theo con kênh C&O ở Georgetown. Tôi thương lượng với cơ quan Mật vụ để giảm nhân viên bảo vệ tôi xuống còn một người, mặc thường phục, đi bộ hoặc đạp xe theo sau tôiớm nhận ra họ còn điều một xe tải đen lớn đầy người bên trong đi theo những con đường gần đó để dự phòng. Nếu tôi di chuyển nhanh, nhóm phụ trách an ninh lại không an tâm. Vào một buổi sáng nọ, một gia đình khách du lịch nhờ tôi chụp hình họ trước Đài Tưởng niệm Washington. Tôi đồng ý ngay và bấm một bức hình họ đứng chung bên nhau tươi cười. Khi tôi đi khỏi, tôi nghe một đứa bé nói: “Mẹ ơi, bà này trông quen lắm". Trước khi tôi nghe được họ đoán xem người chụp ảnh là ai thì tôi đã đi xa, không còn nghe rõ nữa.

Những giây phút vô danh yên tĩnh trôi qua mau, thời gian với bạn bè thân thiết cũng qua mau. Nhiều người từ Arkansas đã đến làm việc trong chính quyền của Bill nhưng trớ trêu thay, họ lại là những người mà tôi nhớ nhất trong những tuần lễ đầu. Đơn giản là vì chúng tôi không có thời gian gặp nhau.

Vào đầu tháng Hai, Bill và tôi đã mời Vince Foster, nay là Phó Cố vấn Nhà Trắng, Bruce Lindsey cung có chân trong Văn phòng Cố vấn và vẫn là một trong những cố vấn, bạn đồng hành tri kỷ nhất của Bill và Webb Hubbell, Thứ trưởng Bộ Tư pháp dự một bữa ăn tối thân mật ở phòng ăn lầu 2 của tòa tư dinh nhằm kỷ niệm sinh nhật lần thứ 40 của người bạn Mary Steenburgen của chúng tôi. Mary, một người bạn ở Arkansas đã thành công tại Hollywood, đoạt một Giải Hàn lâm về diễn xuất nhưng cô chưa bao giờ quên cội nguồn của mình. Mary, Bruce, Vince và Webb, những bạn thân nhất của chúng tôi. Tôi nhớ buổi ăn đó là một trong những thời khắc vô tư lự cuối cùng mà chúng tôi có bên nhau. Trong vài tiếng đồng hồ này, chúng tôi loại bỏ những lo lắng trong ngày và nói chuyện về việc thích nghi với

Washington và các vấn đề muôn thuở như con cái, học hành, phim ảnh và chính trị. Tôi có thể vẫn nhắm mắt và hình dung ra Vince lúc đó ngồi tại bàn, trông mệt mỏi nhưng vui vẻ, anh ngồi dựa lưng ra sau và lắng nghe với một nụ cười trên môi. Vào lúc đó, không thể nào đoán ra được áp lực căng thẳng chịu đựng với tư cách là một kẻ mới bước chân vào thế giới chính trị Washington.

HỆ THỐNG CHĂM SÓC Y TẾ

Ngày 25 tháng 1, Bill mời tôi cùng hai vị khách nữa dùng cơm trưa tại phòng nghiên cứu nhỏ của Tổng thống nằm gần Phòng Bầu Dục. Đó là Carol Rasco, người cố vấn mới đặc trách về chính sách đối nội của Nhà Trắng, từng phục vụ chính quyền của Bill hồi còn ở Arkansas và người bạn cũ của chúng tôi - Ira Magaziner, một nhà tư vấn kinh doanh thành đạt, cũng là người đã thực hiện đề tài nghiên cứu mang tính đột phá về các chi phí chăm sóc y tế.

Với dáng người cao, gầy nhom và dễ mến, Ira rất hay lo lắng ngay cả những lúc tình hình tốt đẹp. Vào ngày hôm đó, ông ấy dường như rất băn khoăn. Trong vài giờ đồng hồ, Bill đã lên kế hoạch công bố thành lập một lực lượng đặc nhiệm phụ trách về chăm sóc y tế và thông báo rằng nhóm này sẽ lập ra các quy chế pháp lý cho việc cải cách trong 100 ngày đầu tiên của anh trên cương vị Tổng thống. Một vài nhân viên Nhà Trắng biết rằng Bill đã yêu cầu tôi làm chủ tịch của lực lượng đặc nhiệm này và Ira sẽ điều hành các hoạt động hàng ngày với tư cách là cố vấn cao cấp của Tổng thống về vấn đề chính sách và lập kế hoạch. Ira biết công việc mới của mình chỉ mười ngày trước khi nhậm chức. Bill muốn tiếp cận với ông cuộc cải cách hệ thống chăm sóc y tế từ một góc độ mới, còn Ira, với sự thông minh và sức sáng tạo của mình, ông lại có sở trường tìm tòi những phương pháp sáng tạo khi nhìn vào vấn đề. Ông cũng tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tư nhân khi còn làm chủ một doanh nghiệp tư vấn ở bang Rhode Island và đã từng tư vấn cho các công ty đa quốc gia những cách thức để đạt được năng suất và khả năng sinh lãi cao.

Sau khi những người phục vụ mang thức ăn từ Phòng ăn của Nhà Trắng đến cho chúng tôi, ông Ira cho biết những thông tin rất đáng lo ngại: một số cựu binh ở Điện Capitol cảnh báo ông rằng lịch trình soạn thảo dự luật cải cách hệ thống chăm sóc y tế trong 100 ngày của chúng tôi là không thực tế. Tuy nhiên, thắng lợi trong cuộc bầu cử của ông Harri Wofford, tân Thượng nghị sĩ của Đảng Dân chủ từ bang Pennsylvania, đã cổ vũ động viên chúng tôi rất nhiều. Ông Harris Woffrod cũng là người tham gia vận động cho chương trình hành động về chăm sóc y tế, và thường tuyên bố trước đám đông rằng: "Nếu tội phạm có quyền có luật sư, thì những người dân lao động Mỹ có quyền có bác sĩ". Nhưng ông Ira lại có những thông tin khác.

Ira không đụng đến phần sandwich của mình, ông nói: "Họ nghĩ chúng ta sẽ bị tiêu diệt. Chúng ta cần ít nhất là 4 đến 5 năm để lập một kế hoạch trọn gói có thể được Quốc hội thông qua."

Tôi đáp lại: "Một vài người bạn của tôi cũng nói vậy". Tôi quan tâm về vấn đề này trong một thời gian rất dài, cả trước khi Bill và tôi cùng tham gia chính trường, và tôi tin rằng việc tiếp cận với một hệ thống chăm sóc y tế có chất lượng và chi phí hợp lý là quyền lợi cần phải được bảo đảm của các công dân Mỹ. Tôi biết là Ira cũng nhận thấy như vậy. Điều này giải thích lý do tại sao tôi không gào lên và bỏ chạy ra khỏi phòng khi lần đầu tiên B đề cập đến ý tưởng tôi làm lãnh đạo cho một lực lượng đặc nhiệm và làm việc với ông Ira theo sáng kiến mang dấu ấn của Chính phủ Clinton. Vào ngày hôm ấy, sự lạc quan bất tận và quyết tâm của Bill đã khiến tôi ngồi yên trên ghế của mình. Bill nói: "Tôi cũng nghe thấy điều đó. Nhưng chúng ta phải cố gắng. chúng ta phải làm cho công cuộc cải cách đi vào hoạt động".

Có nhiều lý do rất thuyết phục để thúc đẩy mọi việc tiến về phía trước. Vào thời điểm Bill trở thành Tổng thống, 37 triệu người dân Mỹ, hầu hết trong số họ là nhân dân lao động và con cái của họ, đều không được bảo hiểm. Họ không thể tiếp cận được với hệ thống chăm sóc y tế cho đến khi lâm vào tình trạng khủng hoảng sức khỏe. Ngay cả với những chứng bệnh thông thường họ cũng chen nhau đến một phòng cấp cứu, nơi chi phí chăm sóc đắt nhất, hoặc họ gần như phá sản khi cố gắng thanh toán chi phí cấp cứu y khoa bằng tiền của chính họ. Đầu thập niên 1990, mỗi tháng có một trăm nghìn người Mỹ mất chế độ bảo hiểm y tế và hai triệu người bị mất chế độ bảo hiểm tạm thời do họ thay đổi công việc. Những doanh nghiệp nhỏ không thể nào đăng ký bảo hiểm y tế cho nhân viên bởi vì chi phí trả cho việc chăm sóc y tế quá lớn. Và chất lượng chăm sóc y tế cũng bị ảnh hưởng theo: trong nỗ lực kiểm soát các khoản chi phí, các công ty bảo hiểm thường từ chối hoặc trì hoãn thanh toán cho các khoản điều trị do các bác sĩ chỉ định, nhằm phục vụ cho mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp.

Việc tăng các chi phí chăm sóc y tế đang hủy hoại nền kinh tế quốc gia, làm suy yếu năng lực cạnh tranh của nước Mỹ, làm giảm sút mức lương công nhân, gây gia tăng tình trạng phá sản tư nhân và dẫn đến tình trạng lạm phát thâm hụt ngân sách chính phủ. Ở góc độ quốc gia, chúng ta đang chi tiêu nhiều hơn vào việc chăm sóc y tế - chiếm 14% GDP của cả nước - nhiều hơn bất kỳ quốc gia công nghiệp nào khác. Năm 1992, 45 tỉ đôla trong chi phí chăm sóc y tế được dùng vào các khoản chi quản lý, hơn là vào việc trả cho bác sĩ, y tá, bệnh viện, bệnh xá hoặc cơ sở chăm sóc y tế khác để bệnh nhân được chăm sóc trực tiếp.

Cái vòng khủng khiếp tăng chi phí, giảm bảo hiểm là kết quả của việc tăng số lượng người dân không có bảo hiểm. Họ ít khi có đủ khá năng thanh toán các khoản chi phí y khoa bằng tiền túi của mình, vì thế bác sĩ và bệnh viện

phải gánh lấy chi phí điều trị. Đến lượt bác sĩ và bệnh viện phải tăng giá để bù đắp cho những khoản chi phí chăm sóc cho những bệnh nhân không được bảo hiểm hoặc không thể trả viện phí, đó là lý do tại sao mà những viên thuốc aspirin trị giá 2 đô la và những cái nạng cho người tàn tật trị giá đến 2.400 đô la thỉnh thoảng lại xuất hiện trên các hóa đơn viện phí. Những công ty bảo hiểm, do đương đầu với việc phải chịu chi phí cho bác sĩ và bệnh viện cao hơn nên họ bắt đầu cắt bớt nội dung bảo hiểm đồng thời tăng phí bảo hiểm, tăng các khoản mà bảo hiểm có các khấu trừ và các khoản đồng thanh toán cho những người được bảo hiểm. Do phí bảo hiểm tăng nên số công ty sẵn sàng hoặc có thể đóng bảo hiểm cho công nhân của mình cũng trở nên ít hơn, vì vậy sẽ có nhiều người không được hưởng chế độ bảo hiểm nữa. Và cái vòng luẩn quẩn đó lại tiếp tục.

Việc giải quyết những vấn đề này rất quan trọng đối với sự sống của hàng chục triệu dân Mỹ và cả đất nước nói chung. Nhưng chúng ta đều biết nó đang trở thành một trận chiến đầy khó khăn gian khổ. Gần trọn thế kỷ 20, các đời tổng chống đã cố gắng cải cách hệ thống chăm sóc y tế của đất nước và đạt được những thành tựu nhất định. Gần một thế kỷ trước Tổng thống Theodore Roosevelt và các nhà lãnh đạo Đảng Cấp tiến nằm trong số những người đầu tiên đề nghị thực hiện chế độ bảo hiểm y tế toàn bộ. Năm 1935, Tổng thống Franklin D. Roosevelt hình dung hệ thống bảo hiểm y t quốc gia giống như một phần bổ sung cho Chính sách An sinh Xã hội, nền tảng của Chính sách Kinh tế Xã hội Mới (New Deal). Ý tưởng này không đi tới đâu, phần lớn là do sự phản đối của Hiệp hội Y khoa Mỹ (AMA) - một nhóm vận động hành lang đại diện cho các bác sĩ trong nước - là những người vốn sợ chính phủ can thiệp quá sâu vào nghề nghiệp của họ.

Tổng thống Truman đã đề cập đến lý do cần phải phổ biến rộng rãi hệ thống chăm sóc y tế trong chương trình cải cách xã hội Fair Deal của ông, đồng thời ông cũng đưa điều này vào chiến dịch vận động tranh cử năm 1948. Tổng thống cũng gặp sự phản đối vốn được tổ chức tốt và được tài trợ dồi dào của AMA, Phòng Thương mại Hoa Kỳ và những người phản đối chế độ bảo hiểm y tế về mặt ý thức hệ cản trở. Họ cho rằng chế độ bảo hiểm y tế có liên quan với chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội. Vào lúc đó cũng như bây giờ, những người chống đối cũng tin rằng hệ thống chăm sóc y tế hiện hữu đang hoạt động khá tốt, bất chấp một nghịch lý là nước Mỹ chi tiền vào hệ thống này nhiều hơn bất kỳ quốc gia nào khác nhưng lại không cung cấp chế độ bảo hiểm y tế cho mọi người dân. Sau khi thất bại, không vượt qua được phe đối lập, Tổng thống Truman đã đề nghị một ý tưởng ôn hòa và thực tế hơn: cung cấp chế độ bảo hiểm y tế cho những người được hưởng chính sách An sinh Xã hội.

Trong suốt những năm 1940 và 1950, các tổ chức công đoàn đã thương lượng những khoản trợ cấp chăm sóc y tế trong các hợp đồng mà họ thương thảo cho công nhân. Giới chủ doanh nghiệp bắt đầu thực hiện trợ cấp y tế cho những nhân viên không phải là công đoàn viên. Điều này dẫn đến tình trạng hệ thống chăm sóc y tế dựa trên chủ doanh nghiệp mà theo đó, phạm vi bảo hiểm ngày càng gắn kết với việc thuê mướn nhân công.

Năm 1965, sáng kiến về Xã hội Vĩ đại (Great Society) của Tổng thống Johnson đã dẫn đến sự hình thành Chương trình Hỗ trợ Y tế (Medicaid), Chương trình Chăm sóc Sức khỏe dành cho người cao tuổi (Medicare). Theo đó, chính quyền liên bang tài trợ bảo hiểm y tế cho hai nhóm đối tượng ít có khả năng tiếp cận với các dịch vụ y tế là nhóm người nghèo và nhóm người cao tuổi. Các chương trình này phục vụ cho 76 triệu người hôm nay. Nỗ lực của Tổng thống Johnson, có được nhờ thắng lợi vang dội của ông trong cuộc bầu cử năm 1964 và số đảng viên Đảng Dân chủ chiếm đa số ở Quốc hội, biểu hiện thành công to lớn nhất trong vấn đề chăm sóc y tế ở thế kỷ 20 và thể hiện việc hiện thực hóa mục tiêu của Tổng thống Truman.

Được hỗ trợ tài chính từ nguồn đóng góp lương của các công nhân, chương trình Chăm sóc Sức khỏe đã giảm bớt gánh nặng cho những người trên 65 tuổi bằng cách giúp họ tiếp cận được với các dịch vụ khám bác sĩ và bệnh viện. Mặc dù chương trình Chăm sóc Sức khỏe không hỗ trợ các loại thuốc được bác sĩ kê đơn - mà đáng lẽ là nên như vậy - nhưng nó vẫn là một dịch vụ rất quan trọng và phổ biến đối với những người cao tuổi, đồng thời các chi phí quản lý của chương trình này thấp hơn rất nhiều so với những chi phí của các công ty bảo hiểm y tế đưa ra. Chương trình Hỗ trợ Y tế thanh toán chi phí chăm sóc cho những người nghèo khổ nhất và những người tàn tật. Chương trình này được đồng trợ vốn từ chính phủ liên bang và chính quyền từng bang, do bang quản lý theo các quy định của liên bang. Chương trình này dễ bị tác động bởi yếu tố chính trị hơn. Chương trình Chăm sóc Sức khỏe vì người nghèo có ít sức mạnh chính trị hơn người cao tuổi. Chương trình Hỗ trợ Y tế đã trở thành điều may mắn bất ngờ đối với nhiều người dân Mỹ, đặc biệt là đối với trẻ em và phụ nữ mang thai.

Tổng thống Nixon đã nhc động của các khoản chi phí về chăm sóc y tế đối với nền kinh tế và ông đã đề xuất một hệ thống chăm sóc y tế phổ quát dựa trên cái gọi là "sự ủy quyền thuê mướn nhân công": tất cả các chủ doanh nghiệp sẽ phải thanh toán những khoản trợ cấp có giới hạn cho nhân viên của mình. Mặc dù có khoảng 20 đề xuất khác nhau về vấn đề chăm sóc y tế được đưa ra trước Quốc hội trong suốt thời gian điều hành của Tổng thống Nixon, nhưng không có đề xuất nào mang tính phổ quát nhận được đa số

phiếu thuận của một ủy ban Quốc hội mãi cho đến gần 20 năm sau, năm 1994.

Các đời Tổng thống Ford và Carter - một vị thuộc Đảng Cộng hòa, người kia thuộc Đảng Dân chủ - cũng theo đuổi công cuộc cải cách hệ thống chăm sóc y tế trong những năm 1970 nhưng họ lại bị vướng vào những cản trở về mặt chính trị giống như nhau và cuộc cải cách của họ bị đình lại trong gần hết thế kỷ 20. Qua nhiều thập niên, nền công nghiệp bảo hiểm y tế đã dần tăng trưởng và trở nên mạnh mẽ. Nhiều công ty bảo hiểm phản đối việc cung cấp bảo hiểm phổ quát vì họ sợ điều đó có thể hạn chế khoản tiền mà họ có thể tính phí và hạn chế khả năng gạt bỏ những bệnh nhân có độ rủi ro cao. Một vài công ty cho rằng việc cung cấp bảo hiểm cho đại đa số dân chúng nghe giống như hồi chuông cáo chung cho lĩnh vực bảo hiểm tư nhân.

Những sự kiện xảy ra trong lịch sử có chiều hướng chống lại Bill vì thái độ đối với vấn đề cải cách hệ thống chăm sóc y tế rất khác nhau, thậm chí giữa những đảng viên Đảng Dân chủ. Như một chuyên gia cho rằng những ý kiến này là "ảnh hưởng thần học" và do vậy không hiểu được những lý lẽ, chứng cứ hoặc tranh luận. Nhưng Bill cảm thấy anh phải cho công chúng và Quốc hội thấy rằng anh có một quyết tâm chính trị để tiến về phía trước và giữ đúng lời hứa khi tranh cử là sẽ có hành động ngay đối với vấn đề chăm sóc y tế. Công cuộc không chỉ là một chính sách công tuyệt vời giúp cho hàng triệu người dân Mỹ mà còn gắn bó chặt chẽ với việc làm giảm thâm hụt ngân sách.

Tôi chia sẻ những mối lo ngại sâu sắc của Bill về nền kinh tế đất nước và sự thiếu tinh thần trách nhiệm về tài chính trong suốt 12 năm qua, dưới thời Tổng thống Reagan và Bush. Những dự báo về thâm hụt ngân sách gần đây của Chính quyền Bush đã che giấu vấn đề thâm hụt trong thực tế bằng cách đánh giá quá thấp ảnh hưởng của một nền kinh tế trì trệ, ảnh hưởng của các chi phí về chăm sóc y tế và việc chi tiêu của liên bang vào những khoản tiết kiệm và các khoản cho vay cứu trợ tài chính. Những chi phí này góp phần làm gia tăng thâm hụt dự kiến lên đến 387 tỉ đô la trong hơn 4 năm - cao hơn đáng kể so với con số ước tính khi Tổng thống Bush rời khỏi Nhà Trắng. Nhưng ngoài mối lo ngại về vấn đề ngân sách, tôi tin rằng việc cải cách hệ thống chăm sóc y tế có thể làm giảm bớt nỗi thống khổ của người dân lao động trên khắp đất nước giàu đẹp của chúng ta. Là Phu nhân của một Thống đốc bang, và hiện là Phu nhân một Tổng thống, tôi không phải lo lắng về việc không tiếp cận được với hệ thống chăm sóc sức khỏe cho gia đình mình. Nhưng tôi không nghĩ là những người khác cũng có thể tiếp cận được một hệ thống như thế.

Những kinh nghiệm của tôi khi còn làm việc trong Ủy ban phụ trách Bệnh viện Nhi Arkansas và chủ tịch lực lượng đặc nhiệm của bang về chăm sóc y tế ở vùng nông thôn đã giúp tôi hiểu được những vấn đề tồn tại trong hệ thống chăm sóc y tế của chúng ta. Chúng bao gồm những khía cạnh chính trị tế nhị của vấn đề cải cách và những tình huống khó xử về vấn đề tài chính mà những gia đình gặp phải do họ "quá giàu" để có thể được hưởng chế độ trợ giúp người nghèo của chương trình Hỗ trợ Y tế nhưng lại "quá nghèo" để có thể thanh toán được các khoản chăm sóc y tế của chính mình. Trong những năm 1980, tôi đã đi khắp bang vòng quanh nước Mỹ trong suốt chiến dịch vận động tranh cử tổng thống. Tôi đã gặp nhiều người Mỹ khiến tôi càng tin rằng chúng tôi phải sửa chữa lại những sai sót của hệ thống chăm sóc y tế. Lời cam kết của Bill về việc thực hiện cuộc cải cách đã thể hiện niềm hy vọng lớn nhất của chúng tôi là đảm bảo cho hàng triệu phụ nữ và đàn ông lao động vất vả có được một chế độ chăm sóc y tế mà họ xứng đáng được hưởng.

Bill, Ira, Carol và tôi bước ra khỏi Phòng Bầu Dục, đi ngang qua bức tượng bán thân Tổng thống Abraham Lincoln do Augustus Saint-Gaudens sáng tác và băng qua hành lang hẹp dẫn đến Phòng Roosevelt, nơi có đông đảo các Bộ trưởng trong nội các, quan chức cao cấp của Nhà Trắng cùng các nhà báo đang đợi để thực hiện một việc mà theo như lịch trình chính thức đã liệt kê là "họp lực lượng đặc nhiệm".

Bước vào Phòng Roosevelt là bạn đang quay trở ngược lại với lịch sử nước Mỹ. Bạn sẽ bị vây quanh bởi những biểu ngữ của từng chiến dịch quân sự của Mỹ và những lá cờ của mỗi đơn vị thuộc Lực lượng Vũ trang Hoa Kỳ, những bức chân dung của các Tổng thống Theodore, Franklin Roosevelt và huy chương Giải thưởng Nobel về Hòa bình mà Tổng thống Theodore Roosevelt đã đoạt được vào năm 1906 vì đã làm trung gian hòa giải cho cuộc Chiến tranh Nga - Nhật. Trong suốt thời gian chúng tôi ở Nhà Trắng, tôi đã thêm vào một bức tượng bán thân bằng đồng - tượng bà Eleanor Roosevelt với tư cách là một thành viên "nhà Roosevelt" - để những đóng góp của bà cũng được công nhận trong căn phòng mang họ Roosevelt.

Trong căn phòng lịch sử này, Bin tuyên bố rằng chính quyền của anh sẽ đệ trình một kế hoạch cải cách hệ thống chăm sóc y tế cho Quốc hội trong vòng 100 ngày - một kế hoạch "sẽ thực hiện những biện pháp mạnh để kiểm soát các chi phí chăm sóc y tế ở Mỹ và bắt đầu đưa hệ thống chăm sóc y tế đến với mọi người dân Mỹ có nhu cầu

Tiếp sau đó, anh thông báo rằng tôi sẽ chủ trì một Lực lượng đặc nhiệm mới

thành lập của Tổng thống về vấn đề Cải cách Hệ thống Chăm sóc Y tế Quốc gia, gồm có các Bộ trưởng Y tế, Tài chính, Quốc phòng, Bộ Thương mại và Bộ Lao động, các Giám đốc Hiệp hội Cựu Chiến binh và Giám đốc Văn phòng Quản lý Ngân sách cùng các quan chức cao cấp khác của Nhà Trắng. Bill giải thích là tôi sẽ làm việc với Ira, nội các và những người khác để thực hiện những vấn đề mà anh ấy đã vạch ra trong chiến dịch tranh cử và trong bài diễn văn nhậm chức của mình. "Chúng ta sắp phải thực hiện những lựa chọn khắc nghiệt để có thể kiểm soát các khoản chi phí chăm sóc y tế... và để cung cấp hệ thống chăm sóc y tế cho tất cả mọi người", anh nói, "Tôi rất cảm kích, không chỉ vì Hillary đã đồng ý chủ trì lực lượng đặc nhiệm, mà còn vì cô ấy sẽ luôn chia sẻ lòng nhiệt huyết hăng hái, điều mà tôi hy vọng nhìn thấy ở các bạn".

Ngọn lửa nhiệt huyết ấy đã lan tỏa khắp mọi nơi. Lời tuyên bố của anh làm mọi người trong Nhà Trắng và các cơ quan liên bang ngạc nhiên. Một vài nhân viên của Bill nghĩ rằng tôi sẽ được bổ nhiệm làm cố vấn về chính sách đối nội (dù Bill và tôi chưa từng thảo luận về vấn đề này). Những người khác cho rằng tôi sẽ đảm nhận vấn đề giáo dục hoặc về sức khỏe của trẻ em, phần lớn là bởi vì tôi có nhiều kinh nghiệm trong những lĩnh vực này. Lẽ ra chúng tôi nên nói cho mọi người biết nhưng nhưng thông tin nhạy cảm nội bộ đang rò rỉ ra ngoài Nhà Trắng, vì thế Bill muốn tự mình truyền đạt thông tin và trả lời câu hỏi đầu tiên được nêu ra.

Nhiều phụ tá trong Nhà Trắng cho rằng đó là một ý tưởng tuyệt vời. Một số phụ tá chủ chốt của Bill hoàn toàn tán thành ý tưởng này, trong đó có Robert Rubin, Chủ tịch Hội đồng Kinh tế Quốc gia và sau đó làm Bộ trưởng Tài chính. Là một trong những người tôi quý mến nhất trong chính phủ, ông Rubin rất thông minh và gặt hái được nhiều thành công, tuy nhiên ông cũng là người rất khiêm tốn. Sau này, ông thường đùa về khả năng chính trị đặc biệt nhạy bén của mình: ông không bao giờ nghĩ rằng việc bổ nhiệm tôi sẽ gây ra những hiệu ứng khó chịu gay gắt về mặt chính trị đến như vậy. Tôi cũng cảm thấy ngạc nhiên vì phản ứng này.

Vài người bạn của chúng tôi đã nhẹ nhàng cảnh báo chúng tôi về những khó khăn còn nằm ở phía trước. Ông Mario Cuomo, lúc đó là Thống đốc bang New York, trong chuyến đến thăm Nhà Trắng đã hỏi tôi: "Bà đã làm gì khiến cho ông nhà phải bực bội thế ?"

"Ý ông là sao ?"

"À", ông Mario trả lời, "ông ấy sẽ rất buồn khi có điều gì đó buộc bà phải

chịu trách nhiệm về cái công việc chẳng mang lại lợi lộc gì như vậy".

Tôi nghe những lời cảnh báo nhưng tôi hoàn toàn không nhận thức được tính chất nghiêm trọng của vấn đề mà chúng tôi đang đối mặt. Công việc của tôi ở bang Arkansas vốn là điều hành lực lượng đặc nhiệm về chăm sóc y tế ở khu vực nông thôn và điều hành Ủy ban Tiêu chuẩn Giáo dục Arkansas. Không thể so được với quy mô của việc cải cách hệ thống y tế, nhưng cả hai công việc này đều được đánh giá là thành công cũng như đã khiến cho tôi trở nên phấn khởi và tràn đầy hy vọng khi tôi đảm nhận thử thách mới này. Khó khăn lớn nhất có vẻ như chính là thời hạn chót mà Bill đã thông báo cho mọi người biết. Anh ấy đã giành được chiến thắng khó khăn trong một cuộc đua ba vòng với 43% số phiếu và anh càng không thể để mất sức mạnh chính trị của mình khi bắt đầu chính quyền mới. Ông James Carville, một người bạn - người cố vấn và cũng là một trong những bộ óc mưuược tài ba nhất trên chính trường Mỹ, đã cảnh báo Bill rằng: "Chúng ta càng cho những kẻ bảo thủ có nhiều thời gian tổ chức lực lượng thì họ lại càng có thể dàn xếp chống đối lại kế hoạch của ông và họ càng có nhiều cơ hội để phá vỡ kế hoạch đó".

Các thành viên Đảng Dân chủ trong Quốc hội cũng đang thúc giục chúng tôi tiến hành nhanh chóng. Một vài ngày sau khi Bill ra tuyên bố, vị Thủ lĩnh phe đa số trong Hạ viện - ông Dick Gephardt - đã yêu cầu gặp tôi. Ở Điện Capitol, ông nổi tiếng vì tính nhạy cảm của người vùng Trung Tây. Ông cũng nổi tiếng vì những hiểu biết sâu sắc của mình trong các vấn đề về ngân sách. Lòng trắc ẩn của ông đối với những người đang gặp hoàn cảnh khó khăn đã phản ánh tính cách con người ông, và sự tận tụy của ông đối với công cuộc cải cách hệ thống chăm sóc y tế đã được thúc đẩy mạnh mẽ bởi cuộc chiến đấu chống căn bệnh ung thư của con trai ông trong giai đoạn đầu phát triển của căn bệnh. Với chức vụ và kinh nghiệm của mình, Gephardt rất có uy tín trong bất kỳ cuộc tranh luận nào về vấn đề chăm sóc y tế tại Nghị viện. Ngày 3 tháng 2, Gephardt và các phụ tá hàng đầu về chăm sóc y tế của ông đã đến khu Dinh Tây ở Nhà Trắng để thảo luận về chiến lược với tôi. Trong một tiếng tiếp sau đó, chúng tôi lắng nghe Gephardt trình bày mối quan ngại của ông về vấn đề cải cách hệ thống chăm sóc y tế. Cuộc họp hôm ấy rất căng thẳng.

Một trong những mối lo của Gephardt là chúng tôi sẽ không thể nào thống nhất được các thành viên thuộc Đảng Dân chủ, họ vốn là những người ít chịu đoàn kết trong những tình huống ổn định bình thường. Việc cải cách hệ thống chăm sóc y tế làm tăng thêm tình trạng phân hóa đang tồn tại. Tôi chợt nghĩ về câu nói đùa của ông cụ Will Roger:

"Anh có phải là một thành viên của bất kỳ đảng phái chính trị có tổ chức nào không

"Không, tôi là người theo Đảng Dân chủ."

Tôi biết là có tình trạng chia rẽ đang tiềm ẩn nhưng tôi hy vọng là Quốc hội do Đảng Dân chủ kiểm soát sẽ tập hợp lại quanh vị Tổng thống là người của Đảng Dân chủ để chứng tỏ điều mà Đảng của họ có thể làm được cho nước Mỹ.

Những thành viên thuộc Đảng Dân chủ bắt đầu phác thảo các mô hình của riêng mình cho cuộc cải cách để có thể gây ảnh hưởng đến các kế hoạch của Tổng thống. Một vài người đề nghị hướng tiếp cận "một người thanh toán", lấy mô hình hệ thống chăm sóc y tế của châu Âu và Canada để thay thế cho hệ thống dựa trên chủ doanh nghiệp hiện tại. Thông qua tiền thu thuế, chính quyền liên bang sẽ trở thành nhà tài trợ duy nhất - hay còn gọi là "một người thanh toán" - cho hầu hết dịch vụ chăm sóc y khoa. Một vài người ủng hộ việc mở rộng dần dần hệ thống Chăm sóc Người cao tuổi để cuối cùng hệ thống này có thể dành cho tất cả những người Mỹ không được bảo hiểm, đối tượng bắt đầu trước tiên là những người nằm trong độ tuổi từ 55 đến 65.

Bill và những người Dân chủ khác bác bỏ kế hoạch "một người thanh toán" cùng các mô hình Chăm sóc Người cao tuổi. Họ thích một hệ thống gần như là tư nhân hơn, gọi là "mô hình cạnh tranh có quản lý". Hệ thống này dựa trên các nguồn lực của thị trường tư nhân để làm giảm các khoản chi phí thông qua cạnh tranh. Chính phủ sẽ có vai trò ít hơn, bao gồm lập ra các tiêu chuẩn cho các kế hoạch trợ cấp trọn gói và giúp tổ chức các tổ hợp thu mua. Các tổ hợp này là những nhóm tư nhân và doanh nghiệp được hình thành chỉ để mua bảo hiểm. Cùng với nhau, họ có thể thương lượng với các công ty bảo hiểm để có được mức lợi ích và mức giá tốt hơn, đồng thời sử dụng đòn bẩy của bảo đảm việc chăm sóc sức khỏe đạt chất lượng cao. Mô hình tốt nhất là Kế hoạch Phúc lợi Y tế cho các công chức Liên bang, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm cho 9 triệu công chức liên bang và cung cấp một loạt các lựa chọn bảo hiểm cho các thành viên của mô hình. Giá cả và chất lượng đều do những nhà quản lý Kế hoạch theo dõi.

Bằng mô hình cạnh tranh có quản lý, các bệnh viện và các bác sĩ sẽ không còn phải chịu chi phí điều trị cho những bệnh nhân không nằm trong chương trình vì mọi người sẽ được bảo hiểm thông qua các chương trình Chăm sóc Sức khỏe, Hỗ trợ Y tế, các kế hoạch chăm sóc y tế cho quân đội và cựu chiến binh hoặc một trong các nhóm mua bảo hiểm.

Có lẽ điều quan trọng nhất là hệ thống mô hình cạnh tranh này sẽ cho phép các bệnh nhân được lựa chọn bác sĩ cho mình, một vấn đề mà theo quan điểm của Bill, vốn rất nan giải.

Căn cứ vào việc có nhiều biện pháp tiếp cận cải cách hệ thống chăm sóc y tế, Gephardt bảo với chúng tôi rằng tình cảm của những người ở Quốc hội là rất sâu sắc và mãnh liệt. Chỉ mới tuần trước ông ấy tổ chức một cuộc họp bàn về chăm sóc y tế tại văn phòng Hạ viện. Trong cuộc họp, có hai thành viên Quốc hội tranh cãi kịch liệt đến mức họ sắp sửa dùng vũ lực với nhau. Gephardt nhấn mạnh rằng niềm hy vọng lớn nhất của chúng tôi là gắn kèm cải cách hệ thống chăm sóc y tế với một dự luật về ngân sách có tên gọi là Đạo luật Thỏa hiệp Ngân sách, thường được Quốc hội bỏ phiếu biểu quyết vào cuối mùa xuân. "Thỏa hiệp" nghĩa là kết hợp nhiều loại ngân sách của Quốc hội và các quyết định về thuế má vào trong một dự luật có thể được chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng đa số phiếu tối thiểu trong Thượng viện mà không sợ bị đối thủ dùng thủ thuật cản trở tiến trình thông qua dự luật. Việc cản trở sự thông qua một dự luật vốn là một chiến thu thường được sử dụng để loại bỏ các vấn đề tư pháp còn gây nhiều tranh cãi, nó đòi hỏi phải có 60 phiếu bầu mới có thể phá vỡ được việc thông qua dự luật. Nhiều vấn đề ngân sách, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến chính sách thuế, thường phức tạp đến nỗi các cuộc tranh luận đều có thể tạo những trói buộc bất tận cho toàn bộ các tiến trình khác ở cả Hạ lẫn Thượng viện. Khi đó, thỏa hiệp là một việc cần thiết - giúp giải tỏa bế tắc. Gephardt đề nghị sử dụng công cụ này bằng một cách thức chưa từng có tiền lệ : xây dựng luật pháp cho những thay đổi chủ yếu trong chính sách xã hội của Mỹ.

Gephardt chắc chắn rằng những người thuộc Đảng Cộng hòa ở Thượng viện sẽ cản trở bất kỳ kế hoạch chăm sóc y tế trọn gói nào do chúng tôi đề xuất. Ông ấy cũng biết là những thành viên Đảng Dân chủ trong Thượng viện sẽ gặp khó khăn trong việc tập hợp cho được 60 phiếu ủng hộ để ngăn chặn điều đó, căn cứ vào việc phe Dân chủ chỉ nắm giữ được 56 phiếu lợi thế so với 44 phiếu của phe Cộng hòa. Vì vậy, chiến lược của Gephardt là nhằm phá vỡ ý định của nhưng kẻ định cản trở việc thông qua kế hoạch cải cách y tế ở Nghị viện bằng cách đặt cuộc cải cách này trong một kế hoạch thỏa hiệp ngân sách trọn gói. Việc thông qua dự luật cần đa số phiếu tối thiểu, và nếu cần thiết thì Phó Tổng thống Gore có thể bỏ thêm lá phiếu quyết định thứ 51.

Ira và tôi hiểu rằng nhóm đặc trách về kinh tế của Bill trong Nhà Trắng muốn bác bỏ chiến lược thỏa hiệp ngân sách bao gồm cả chăm sóc y tế bởi vì điều đó có thể gây rắc rối cho những cố gắng của chính quyền trong việc giảm thâm hụt ngân sách và trong kế hoạch kinh tế. Chúng tôi kết thúc cuộc

họp, rồi tôi dẫn Gephardt tới thẳng Phòng Bầu Dục để trình bày kế hoạch của ông ta trực tiếp với Bill. Những lập luận của Gephardt đã thuyết phục được Bill nên anh ấy yêu cầu Ira và tôi thăm d ý kiến này với các lãnh đạo Thượng viện.

Nắm được những đề xuất của Gephardt và được Bill động viên, ngày hôm sau, tôi và Ira đến Điện Capitol để gặp vị Thủ lĩnh phe đa số George Mitchell tại phòng làm việc của ông ở Tòa nhà Trụ sở Quốc hội. Đây là chuyến đầu tiên trong hàng trăm chuyến đi của tôi gặp các thành viên Quốc hội trong quá trình thực hiện cải cách hệ thống chăm sóc y tế. Phong thái ăn nói nhẹ nhàng của Mitchell trái ngược với cách thức lãnh đạo cứng rắn của ông đối với phe Dân chủ trong Thượng viện. Tôi tôn trọng ý kiến của ông và ông đồng tình với quan điểm của Gephardt. Kế hoạch chăm sóc y tế sẽ không thể nào được thông qua nếu nó không phải là một phần của công cụ thỏa hiệp. Michell cũng lo lắng về Ủy ban Tài chính Thượng viện - nơi có quyền lực pháp lý xem xét nhiều khía cạnh luật pháp của vấn đề chăm sóc y tế. Ông ấy đặc biệt lo lắng là vị Chủ tịch Ủy ban Daniel Patrick Moynihan bang New York - vốn là một cựu chiến binh Đảng Dân chủ và là người nghi ngờ cuộc cải cách chăm sóc y tế - sẽ có phản ứng không hay đối với kế hoạch cải cách này. Chủ tịch Moynihan là một trí thức lớn đồng thời cũng là một học giả - ông dạy môn xã hội học tại Đại học Harvard trước khi vào Thượng viện - ông cũng là một chuyên gia về các vấn đề đói nghèo và gia đình. Ông muốn Tổng thống và Quốc hội xem xét cải cách về phúc lợi xã hội trước. Ông không hài lòng khi Bill công bố về mục tiêu xây dựng quy chế pháp lý cho cải cách chăm sóc y tế trong 100 ngày và ông cũng cho mọi người biết thái độ phản đối của mình.

Lúc đầu, tôi khó chịu với lập trường của ông nhưng tôi bắt đầu hiểu ra. Bill và tôi đã cùng chia sẻ lời cam kết của Thượng nghi sĩ Moynihan về cải cách phúc lợi xã hội nhưng Bill và nhóm đặc trách về kinh tế của anh tin rằng chính phủ sẽ không bao giờ kiểm soát được vấn đề thâm hụt ngân sách liên bang trừ phi chi phí chăm sóc y tế giảm xuống. Họ kết luận rằngi cách chăm sóc y tế là cấp thiết đối với chính sách kinh tế của anh và rằng vấn đề phúc lợi xã hội có thể xem xét sau. Thượng nghị sĩ Moynihan biết trước rằng vấn đề chăm sóc y tế sẽ gặp khó khăn khi thông qua Ủy ban của ông. Ông biết là sẽ phải chịu trách nhiệm hướng dẫn kế hoạch kích thích kinh tế trọn gói của Bill thông qua Ủy ban Tài chính và qua cửa Nghị viện. Bản thân điều đó đòi hỏi cần phải có kỹ năng và đòn bẩy chính trị rất đặc biệt. Một vài đảng viên Đảng Cộng hòa đã công khai các kế hoạch bỏ phiếu chống lại điều đó, cho dù kế hoạch của Bill có những nội dung gì đi chăng nữa. Trong khi đó, chúng tôi lại cần phải thuyết phục thêm một vài đảng viên Đảng Dân chủ,

đặc biệt là nếu kế hoạch trọn gói của Bill có liên quan đến việc tăng thuế.

Chúng tôi rời văn phòng của Mitchell và nhận thức rõ ràng hơn về những điều mà chúng tôi cần phải làm, đặc biệt là nhằm vào vấn đề thỏa hiệp. Hiện giờ chúng tôi phải thuyết phục nhóm đặc trách về kinh tế của Bill, nhất là ông Leon Panetta, Giám đốc Văn phòng Quản lý Ngân sách, rằng việc bao gồm kế hoạch Cải cách chăm sóc y tế trong đạo luật thỏa hiệp ngân sách sẽ có lợi cho toàn bộ chiến lược kinh tế mà Tổng thống đang theo đuổi, chứ không phải là không quan tâm đến kế hoạch làm giảm thâm hụt ngân sách nữa. Chỉ mình Bill có nhiều vốn liếng về chính trị để giải quyết vấn đề và anh ấy phải sử dụng lợi thế đó để làm giảm tình trạng thâm hụt ngân sách xuống - một trong những lời hứa quan trọng khi tranh cử của anh. Một vài nơi ở khu vực Dinh Tây cho rằng sự tập trung của Bill vào vấn đề chăm sóc y tế sẽ làm cho người dân Mỹ không chú ý đến ý tưởng về vấn đề kinh tế của anh nữa và làm cho tình hình chính trị trở nên rối ren.

Chúng tôi cũng phải thuyết phục Thượng nghị sĩ Robert C. Byrd của bang West Virginia rằng cải cách chăm sóc y tế nằm ở vấn đề thỏa hiệp. Là Chủ tịch Ủy ban Phân bổ Ngân sách của đảng viên Đảng Dân chủ, ông Byrd đã làm việc tại Thượng viện được 34 năm tính đến thời điểm đó. Với mái tóc bạc và vẻ trang nghiêm, ông là một sử gia không chính thức của Thượng viện, một thiên tài của Quốc hội, nổi tiếng là một vị tướng quân trong bóng tối và làm kinh ngạc các đồng nghiệp bằng những lời ông trích dẫn từ các tác phẩm kinh điển. Ông cũng là một người xử sự đúng mực và rất chặt chẽ về các quy định thủ tục. Ông đã đề ra một rào cản về thủ tục gọi là "quy luật Byrd" nhằm đảm bảo rằng các vấn đề nằm trong Đạo luật Thỏa hiệp Ngân sách đều phù hợp với quy định pháp luật về ngân sách và thuế. Theo quan điểm của ông, Đảng Dân chủ sẽ dần dần trở nên suy yếu nếu việc thỏa hiệp bị làm cho rối rắm bằng những dự luật ít liên quan tới việc thông qua ngân sách của quốc gia. Người ta có thể cho rằng vấn đề chăm sóc y tế là một dự luật về ngân sách, bởi vì nó ảnh hưởng đến các chương trình chi tiêu, thuế các loại và các chương trình hành động. Nhưng nếu Thượng nghị sĩ Byrd nghĩ khác thì chúng tôi cần phải từ bỏ quy luật của ông để cho phép kế hoạch này trở thành một công cụ thỏa hiệp.

Dần dần, tôi hiểu được ngọn núi mà chúng tôi đang leo lên dốc đứng biết chừng nào. Khi quốc gia không bị một cuộc khủng hoảng dữ dội nào giống như một đợt suy thoái chẳng hạn thì việc thông qua hoặc là kế hoạch về kinh tế hoặc là kế hoạch về chăm sóc y tế đều gặp khó khăn. Việc thông qua cả hai kế hoạch dường như là điều không thể thực hiện được. Cải cách chăm sóc y tế có thể thiết yếu đối với việc tăng trưởng kinh tế về lâu dài, nhưng tôi

không biết thể chế chính trị này có thể tiếp nhận được bao nhiêu thay đổi cùng một lúc.

Các mục tiêu của chúng tôi đều rất đơn giản: chúng tôi cần một kế hoạch giải quyết mọi vấn đề của hệ thống chăm sóc y tế hơn là một kế hoạch chỉ giải quyết qua loa vài vấn đề bên ngoài. Chúng tôi muốn một quy trình xem xét nhiều ý kiến khác nhau và cho phép có những cuộc tranh luận và thảo luận lành mạnh. Và chúng tôi cũng muốn tôn trọng triệt để những mong muốn của Quốc hội càng nhiều càng tốt.

Gần như là ngay lập tức, chúng tôi đã gây ra sự rối loạn. Bill đã giao cho Ira nhiệm vụ thiết lập quy trình cải cách hệ thống chăm sóc y tế, điều mà hóa ra lại trở thành một gánh nặng bất công đối với những người không ở tại Washington. Ngoài Lực lượng Đặc nhiệm của Tổng thống, trong đó có cả tôi, các Bộ trưởng trong nội các và các quan chức Nhà Trắng khác, Ira đã tổ chức một nhóm làm việc đông đảo bao gồm các chuyên gia được chia thành các đội để có thể xem xét mọi khía cạnh của vấn đề chăm sóc y tế. Nhóm này, bao gồm khoảng 600 người thuộc các cơ quan chính phủ, Quốc hội và các nhóm đặc trách về chăm sóc y tế khác nhau, có cả các bác sĩ, y tá, các lãnh đạo bệnh viện, các nhà kinh tế học và những người khác. Tất cả họ đều đặn họp với Ira để tranh luận và xem xét từng phần kế hoạch cụ thể một cách chi tiết. Nhóm này đông đến nỗi một vài thành viên đã kết luận rằng họ không phải đang ở trung tâm của tổ chức nhóm, nơi mà các công việc thực sự đang được tiến hành. Một vài người nản lòng và không đến dự họp nữa. Những người khác chỉ quan tâm trong phạm vi hẹp phần việc của mình hơn là đầu tư công sức cho kết quả của toàn bộ kế hoạch. Tóm lại, nỗ lực tập trung càng nhiều người và càng nhiều quan điểm càng tốt - trên nguyên tắc thì đó là một ý tưởng hay - cuối cùng đã làm cho vị thế của chúng tôi trở nên yếu đi thay vì mạnh lên.

Ngày 24 tháng 2, chúng tôi bị một cú choáng váng mà không ai trong chúng tôi tiên liệu trước. Ba nhóm có liên quan đến vấn đề chăm sóc y tế đã kiện lực lượng đặc nhiệm về cơ cấu tổ chức của lực lượng này, họ khiếu nại rằng do tôi không phải là nhân viên chính phủ (Đệ nhất Phu nhân không được hưởng lương), về mặt tôi không được phép lãnh đạo hoặc thậm chí tham gia vào các cuộc họp kín của lực lượng đặc nhiệm. Những nhóm này dựa vào một quy định pháp luật mơ hồ của liên bang - được đặt ra nhằm ngăn chặn những lợi ích cá nhân có thể ngầm gây ảnh hưởng đến việc ra quyết định của chính phủ và tước mất quyền được biết thông tin của công chúng. Chắc chắn là không có bí mật nào về hàng trăm người đang tham gia vào tiến trình cải cách này, nhưng báo chí - những người vốn không được mời đến dự các

cuộc họp - đã chí trích gay gắt vấn đề. Những người kiện cáo nại rằng, nếu tôi được phép dự các cuộc họp, thì những điều luật minh bạch của chính phủ cũng cần phải quy định là các cuộc họp kín được mở rộng cho những người ngoài tham dự, kể cả giới truyền thông báo chí. Đó là một nước cờ chính trị khéo léo nhằm phá vỡ các kế hoạch về chăm sóc y tế của chúng tôi và nhằm gieo ấn tượng trong lòng dân chúng và với giới truyền thông rằng chúng tôi đang tiến hành những cuộc họp "bí mật".

Ngay sau đó, chúng tôi nhận được nhiều tin tức xấu hơn, lần này là từ Thượng nghị sĩ Byrd. Mỗi phái viên thuộc Đảng Dân chủ mà chúng tôi biết được, kể cả Tổng thống, đã yêu cầu ông ta cho phép việc cải cách hệ thống chăm sóc y tế trở thành công cụ thỏa hiệp. Nhưng vào ngày 11 tháng 3, khi gặp Tổng thống trên điện thoại, vị Thượng nghị sĩ này đã nói rằng ông ta phản đối các cơ sở về mặt thủ tục của cuộc cải cách và rằng "quy luật Byrd" sẽ không bị bỏ đi. Thượng viện được phép tranh luận về những dự luật thỏa hiệp chỉ trong 20 giờ, đây là điều mà ông ta cho là không đủ thời gian cho kế hoạch cải cách hệ thống chăm sóc y tế trọn gói có tầm quan trọng như vậy. Ông ta bảo với Bill rằng vấn đề này quá phức tạp để có thể thỏa hiệp. Nhìn lại vấn đề và căn cứ vào công việc của tôi tại Thượng viện, tôi đồng ý với đánh giá của ông ta. Vào lúc đó thì đây là một thất bại về chính trị buộc chúng tôi phải tái tập trung vào chiến lược của mình và tìm ra cách thức để cho cuộc cải cách chăm sóc y tế qua được các quy trình pháp lý bình thường. Chúng tôi gấp rút tổ chức ngay các cuộc họp với các thành viên Thượng và Hạ viện để xác định rõ ràng các yếu tố cụ thể của kế hoạch mà chúng tôi sẽ trình cho Quốc hội. Chúng tôi không nhận thấy rằng ý kiến của Byrd về vấn đề thỏa hiệp là lá cờ đỏ phản đối khổng lồ. Chúng tôi đang cố gắng xúc tiến quá nhanh một dự luật mà về cơ bản sẽ làm thay đổi chính sách kinh tế - xã hội của Mỹ trong những năm sắp tới. Và chúng tôi đang bị thua trên trường đua.

Trong hoàn cảnh này, cùng với các cuộc tranh luận đa dạng của Bill về vấn đề đồng giới trong quân đội và việc anh bổ nhiệm chức vụ Bộ trưởng Tư pháp, chúng tôi đã tận hưởng bất kỳ thành công nào đến với mình trên con đường đang đi. Vào giữa tháng Ba, Hạ viện đã thông qua kế hoạch kích thích nền kinh tế của Bill và tôi cùng các nhân viên quyết định tổ chức một bữa tiệc kỷ niệm nhỏ. Ngày 19 tháng 3, khoảng 20 người chúng tôi tụ họp lại dùng bữa tiệc trưa ở Phòng ăn dành cho Nhân viên Nhà Trắng. Căn phòng này có những bức tường bằng ván sồi, những vật kỷ niệm đáng nhớ về lực lượng Hải quân và những cái ghế đệm bằng da - một căn phòng được bài trí hoàn hảo thích hợp cho những cuộc đàm đạo cá nhân và là nơi chúng tôi có thể tụ tập cười đùa thoải mái. Mọi người tạo cơ hội hiếm hoi cho tôi được

xõa tóc ra với sự giúp đỡ của các nhân viên phụ tá tin cẩn và tôi được nói thật những suy nghĩ của mình về bất kỳ đề tài nào đang bàn luận. Từ khoảnh khắc tôi đặt chân vào căn phòng, tôi có thể cảm nhận được là tâm trạng mình đang trở nên nhẹ nhõm và tâm trí tôi lần đầu tiên được thư thái sau nhiều ngày.

Bữa tiệc trưa bắt đầu và chúng tôi chia sẻ với nhau những câu chuyện về những ngày tháng đầu tiên của mình ở Nhà Trắng. Rồi tôi trông thấy Carolyn Huber bước vào phònglà một trong những trợ lý lâu năm của tôi ở bang Arkansas - người đã cùng chúng tôi đến Washington. Carolyn bước tới chỗ tôi ngồi, cúi xuống thì thầm vào tai tôi: "Thân phụ của Bà bị đột quỵ. Ông ấy đang ở trong bệnh viện".

PHÚT CUỐI MỘT ĐỜI NGƯỜI

Tôi rời Phòng ăn dành cho các nhân viên Nhà Trắng và đi lên lầu để gọi ông Drew Kumpuris, vị bác sĩ của bố tôi ở thành phố Little Rock. Ông khẳng định rằng bố tôi bị một cơn đột quỵ rất nặng và đã được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện St. Vincent. Ông cụ vẫn còn đang bất tỉnh trong phòng săn sóc đặc biệt của bệnh viện. Drew nói: "Bà phải đến đây ngay bây giờ”. Tôi vội vàng lao đi tìm Bill và kể sự việc cho anh biết, đồng thời gói ghém đồ đạc. Trong vòng vài giờ, Chelsea, Tony - em trai tôi - cùng tôi đáp máy bay đi Arkansas về nhà mà lòng buồn rười rượi.

Tôi không thể nhớ là đã hạ cánh ở Little Rock vào tối hôm ấy và mình đã lái xe đến bệnh viện như thế nào nữa. Tôi đã gặp mẹ ở bên ngoài phòng săn sóc đặc biệt, trông bà rất buồn và lo lắng nhưng bà rất mừng khi gặp chúng tôi

Bác sĩ Kumpuris giải thích rằng bố tôi đang dần rơi vào cơn hôn mê sâu và khó lòng hồi phục được. Chúng tôi có thể vào thăm ông cụ nhưng không chắc là ông cụ đủ tỉnh táo để biết chúng tôi đang bên cạnh ông. Lúc đầu tôi cảm thấy không an tâm khi dẫn Chelsea đi thăm ông ngoại, nhưng con bé cứ nài nỉ làm tôi xiêu lòng bởi vì tôi biết con bé cảm thấy gần gũi với ông biết bao. Khi chúng tôi bước vào, tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy bố trông thật thanh thản. Do biết việc tiến hành phẫu thuật trên phần não bị tổn thương của bố có lẽ sẽ trở nên vô ích, nên các bác sĩ đã tháo ra khỏi người bố mớ dây nhợ lòng thòng - là những ống dẫn lưu và các màn hình theo dõi vốn rất cần cho bố sau lần phẫu thuật trợ tim nhân tạo. Mặc dù bố được trợ thở bằng máy hô hấp nhân tạo, nhưng chỉ có một vài giọt nước chảy nhỏ giọt và những màn hình theo dõi ở bên cạnh giường của bố. Tôi và Chelsea nắm lấy bàn tay bố. Tôi vuốt tóc bố và nói chuyện với ông, vì tôi vẫn đang cố gắng níu kéo tia hy vọng mong manh rằng bố sẽ lại mở mắt lần nữa hoặc siết chặt lấy tay tôi.

Chelsea ngồi bên cạnh ông ngoại và nói chuyện với ông trong nhiều giờ liền. Tình trạng của bố dường như không làm con bé nản lòng. Tôi lấy làm ngạc nhiên vì trông con bé thật bình tĩnh biết bao khi gặp phải tình huống này.

Khuya hôm đó Hugh mới từ Miami đến bệnh viện và ngồi cùng với chúng tôi trong phòng bệnh của bố. Hugh bắt đầu kể chuyện gia đình và ca hát, đặc biệt là những câu chuyện và những bài hát từng làm cho bố nổi cáu lên. Đó là một trong những cách chọc ghẹo quen thuộc của Hugh đối với bố. Bố tôi đặc biệt rất ghét bài hát chủ đề của chương trình The Flintstones. Vì vậy Hugh và Tony đứng ở hai bên giường của bố và cangớ ngẩn đó, hy vọng sẽ

kích động một vài phản ứng của ông - chẳng hạn bố sẽ quát lên "Câm mấy cái mồm ầm ĩ đó đi !" như bố vẫn làm khi chúng tôi còn nhỏ. Nếu bố nghe được tiếng chúng tôi tối hôm ấy, ông cũng không thể biểu hiện ra điều đó. Nhưng tôi muốn tin rằng bằng cách nào đó bố biết được chúng tôi đang ở đây bên bố, giống như ông đã ở bên chúng tôi khi chúng tôi còn bé.

Chúng tôi thay phiên nhau ngồi cạnh giường bố, theo dõi những đốm sáng xanh bí hiểm lúc lên lúc xuống trên màn hình theo dõi, và thôi không trông chờ vào tiếng vù vù và tiếng lách cách như thôi miên của máy hô hấp nhân tạo. Cái tâm điểm trong thế giới hỗn độn mênh mang với những trách nhiệm, nghĩa vụ và những cuộc hội họp của tôi đã thu hẹp lại trong cái phòng bệnh nhỏ bé ở Little Rock, giờ đây trở thành một cõi riêng không còn các lo toan, phiền muộn đời thường ngoại trừ chuyện hệ trọng nhất này.

Bill đến bệnh viện vào ngày Chủ nhật, 21 tháng 3. Tôi rất mừng khi gặp được anh và cảm thấy mình như được thư giãn lần đầu tiên trong hai ngày ở bệnh viện khi anh lãnh trách nhiệm nói chuyện với bác sĩ, giúp tôi sớm ra quyết định về việc chọn lựa các biện pháp y khoa đối với bố.

Carolyn Huber và Lisa Caputo đã từ Washington đến cùng với tôi và Chelsea. Carolyn rất thân thiết với bố mẹ tôi. Tôi đã gặp bà khi tôi tham gia Hãng Luật Rose, cũng là công ty bà đã làm việc nhiều năm với vai trò một người quản lý văn phòng. Bà quản lý khu biệt thự của Thống đốc bang Arkansas trong suốt nhiệm kỳ đầu tiên của Bill và chúng tôi đã đề nghị bà đến làm việc cùng với chúng tôi tại Nhà Trắng để xử lý các thư từ cá nhân.

Lisa Caputo là thư ký về báo chí của tôi từ khi diễn ra đại hội Đảng. Bà ấy và bố tôi rất tâm đu ý hợp ngay lần đầu tiên gặp nhau và phát hiện ra cả hai đều đến từ thành phố Scranton - Wilkes-Bane thuộc bang Pennsylvania. Bố bảo với tôi: "Hillary này, con đã làm rất tốt đấy. Con đã thuê được những người ở vùng đất của Đức Chúa đấy!".

Harry Thomason bay đến từ khu vực Bờ biển phía Tây, và ông cũng sắp xếp chuyến đi cho cả Virginia và Dick Kelley - hai người họ không ở trong thành phố - đến bệnh viện vào tối Chủ nhật. Bill và tôi đã nghĩ họ ở Las Vegas, nơi mà họ rất thích đến. Nhưng Harry đã kéo Bill và tôi sang một bên để báo những thông tin còn đáng buồn hơn. Ông ấy cố gắng từ tốn, bảo với chúng tôi rằng Virginia và Dick không nghỉ lễ ở Nevada. Họ đã ở Denver, nơi mà Virginia đang thử những cách điều trị thử nghiệm căn bệnh ung thư mà bà ấy bị mắc trở lại và đang lan rộng trong cơ thể sau khi bà làm phẫu thuật cắt bỏ ngực hai năm trước. Virginia không muốn chúng tôi biết là bà ấy đang bị

bệnh và Harry nói rằng bà ấy sẽ chối phăng nếu chúng tôi cố gặng hỏi. Harry đã theo dõi họ và ông ấy cảm thấy là chúng tôi cần phải biết chuyện. Bill và tôi cảm ơn ý thức cũng như tấm lòng của ông và cùng quay trở lại với Virginia và Dick, hai người họ đang nói chuyện với mẹ và các em trai của tôi. Chúng tôi quyết định tôn trọng mong muốn của Virginia, đó là cách tốt nhất để giải quyết vấn đề khó khăn của gia đình vào thời điểm này.

Ngay hôm sau, Bill đã phải bay trở về Washington. May mắn thay, Chelsea không phải nghỉ học ở trường vì đang là kỳ nghỉ xuân. Con bé ở lại Little Rock cùng tôi và tôi rất cám ơn sự bình tĩnh của nó cũng như tình cảm thân thiết yêu thương mà nó dành cho tôi. Ngày tháng kéo dài lê thê, trong khi tình trạng của bố vẫn rất nguy kịch. Bạn bè và người thân từ khắp nơi bắt đầu đến thăm hỗ trợ tinh thần cho tôi. Để cho qua thời gian, chúng tôi chơi đố chữ hoặc chơi bài với nhau. Tony chỉ tôi cách chơi trò xếp hình Tetris trên cái máy tính nhỏ vừa lòng bàn tay của nó và tôi đã ngồi hàng giờ, lắp ghép theo quán tính những mẩu hình khối lại với nhau khi chúng lơ lửng rơi xuống trên màn hình.

Đơn giản là tôi không thể nào tập trung vào nhiệm vụ làm một Đệ nhất Phu nhân của mình. Tôi xóa sạch chương trình làm việc và yêu cầu Lisa Caputo giải thích cho ông Ira Magaziner cùng những người khác biết rằng họ nên tiếp tục công việc mà không có tôi. Phu nhân Tipper tham dự các diễn đàn được lên lịch từ trước về vấn đề chăm sóc y tế và ông Al Gore đã thay tôi nói chuyện với các lãnh đạo của Hiệp hội Y khoa Mỹ ở Washington và chủ trì cuộc họp công khai đầu tiên của Nhóm Chuyên trách về Cải cách Hệ thống Chăm sóc Y tế Quốc gia. Tôi không thể nào để bố mẹ tôi ở lại một mình. Thường thì tôi có thể xử lý nhiều việc cùng một lúc nhưng tôi không thể giả vờ rằng lúc này cũng giống như lúc bình thường được. Tôi biết là gia đình tôi sẽ sớm phải đối diện với quyết định ngưng sử dụng máy hô hấp nhân tạo để duy trì sự sống của bố tôi.

Có lẽ là nhằm thay đổi cảm giác của mình, cho nên trong nhiều giờ liền ở bệnh viện, tôi đã nói chuyện với các bác sĩ, y tá, dược sĩ và lãnh đạo của bệnh viện cùng những người thân của các bệnh nhân khác về hệ thống chăm sóc sức khỏe hiện thời. Một trong những bác sĩ đã bảo với tôi rằng ông ấy cảm thấy buồn bực biết bao khi kê toa cho một số bệnh nhân thuộc diện Chương trình Chăm sóc Sức khỏe (Medicare), mà ông cũng biết rằng họ không đủ khả năng để mua thuốc theo đơn. Một số bệnh nhân khác trả tiền thuốc men nhưng mua với liều lượng thấp hơn liều lượng được kê toa, để kéo dài thời gian hơn. Thường thì cuối cùng những bệnh nhân này lại phải quay trở lại bệnh viện. Những vấn đề về chính sách chăm sóc y tế mà chúng

tôi đang giải quyế hiện là một phần hiện thực hằng ngày của tôi. Những cuộc gặp gỡ cá nhân này đã củng cố thêm ý thức của tôi về những khó khăn trong nhiệm vụ Bill đã giao cho tôi và về tầm quan trọng của việc cải cách hệ thống chăm sóc y tế.

Bill quay trở lại thành phố Little Rock vào ngày Chủ nhật, 28 tháng 3, và chúng tôi ngay lập tức tập hợp gia đình, đồng thời đi gặp những bác sĩ nhằm được giải thích rõ ràng hơn về tình trạng của ông cụ để chúng tôi có thể chọn lựa biện pháp y khoa phù hợp: Não của cụ ông Hugh Rodham đã chết và ông chỉ còn duy trì được sự sống nhờ máy móc mà thôi. Không ai trong chúng tôi có thể tưởng tượng được rằng người bố vốn mang tính độc lập mãnh liệt mà chúng tôi đã biết sẽ muốn chúng tôi duy trì cơ thể ông sống theo cách thức như vậy. Tôi nhớ bố đã giận dữ và buồn bực như thế nào sau cuộc phẫu thuật phải trợ tim nhân tạo bốn lần vào năm 1983. Sức khỏe trong cả cuộc đời của bố rất tốt và ông luôn coi trọng việc tự lực bản thân mình. Lúc đó bố bảo với tôi rằng bố thà chết còn hơn chịu đựng bệnh tật và trở thành người vô dụng. Tình trạng lần này của bố đã trở nên quá xấu, mặc dù may mắn là bố dường như không nhận thức được điều đó. Tối hôm ấy, mọi người trong gia đình đều đồng ý rằng chúng tôi nên tháo máy hô hấp nhân tạo ra khỏi người bố sau khi nói lời tạm biệt ông lần cuối và chấp nhận để Chúa mang ông về với Chúa. Bác sĩ Kumpuris bảo với chúng tôi là ông cụ có thể sẽ qua đời trong vòng hai mươi bốn giờ nữa.

Tuy nhiên, tinh thần của người cựu tuyển thủ đội bóng Nittany Lions, của một võ sĩ quyền anh chưa hẳn là đã sẵn sàng ra đi. Sau khi thiết bị hỗ trợ sự sống được tháo ra, bố bắt đầu tự thở, và nhịp tim của ông vẫn còn đập. Bill ở lại cùng chúng tôi cho đến ngày thứ Ba thì anh ấy phải tiếp tục lịch trình làm việc của mình. Chelsea và tôi quyết định ở lại cho đến phút cuối cùng

Tôi hủy bỏ mọi kế hoạch xuất hiện trước công chúng, kể cả dịp khai trương sân vận động đầu tiên trong trận đấu mở màn tại Wrigley Field ở Chicago nhưng có một lời hứa mà tôi dường như không thể nào bỏ đi được. Liz Carpenter từng là thư ký về báo chí của Phu nhân Bird Johnson, và hiện giờ, trong phạm vi các hoạt động của mình, bà Liz đã tổ chức một loạt buổi thuyết trình tại Trường Đại học Texas ở thành phố Austin. Nhiều tháng trước đó tôi đã nhận lời mời của bà đến diễn thuyết vào ngày 6 tháng 4. Trong khi tính mạng bố tôi còn đang trong làn ranh giữa sự sống và cái chết, tôi đã gọi điện cho bà để hủy bỏ buổi thuyết trình đó và hẹn lại dịp khác. Bà Liz là một người nhiệt tình, thoải mái và với phong cách quyết đoán đặc biệt không lẫn vào đâu được của mình, bà không chấp nhận một câu trả lời từ chối. Bà ấy bảo với tôi là chỉ còn vài giờ đồng hồ nữa là đến buổi diễn thuyết của tôi và

nó sẽ làm tôi tạm quên đi tình trạng của bố tôi . Thậm chí bà ấy còn nhờ Phu nhân Bird gọi điện thuyết phục tôi đến với buổi nói chuyện. Bà Liz biết là tôi ngưỡng mộ Phu nhân Bird Johnson vì đó là một người phụ nữ lịch thiệp, một trong những Đệ nhất Phu nhân có thế lực và có sức ảnh hưởng nhất của chúng ta. Cuối cùng, tôi nhận thấy là việc đồng ý thực hiện bài diễn thuyết dường như dễ dàng hơn là vẫn cứ nói lời từ chối.

Vào ngày Chủ nhật, ngày 4 tháng 4, tính mạng bố tôi vẫn còn treo lơ lửng. Bố vẫn sống suốt một tuần mà không cần đến sự hỗ trợ hoặc thức ăn nhân tạo nào. Bệnh viện phải chuyển ông cụ ra ngoài phòng chăm sóc đặc biệt để nhường chỗ cho bệnh nhân khác. Bố nằm ở phòng thường, trông bố như thể ông vừa mới ngủ và sẽ mau chóng tỉnh dậy. Bố có vẻ thanh thản và trẻ hơn cái tuổi tám mươi hai của ông. Ban giám đốc bệnh viện bảo với mẹ và tôi là họ sẽ sớm đề nghị phẫu thuật đặt ống truyền thức ăn cho bố,ông cụ có thể được chuyển đến một nhà săn sóc. Cả hai mẹ con tôi đều cầu nguyện là chúng tôi có thể qua khỏi cơn ác mộng này. Tôi chợt nghĩ về việc cái ống truyền thức ăn kia sẽ gây khó chịu cho bố - thậm chí là điều tồi tệ nhất trong hệ thống giá trị của ông - trong khi việc duy trì sự sống của ông sẽ được chuyển cho bệnh viện chăm sóc. Nhưng nếu tình trạng sống thực vật của bố cứ kéo dai dẳng, thì không còn cách nào khác.

Chelsea đã hết thời gian nghỉ xuân ở trường nên chúng tôi trở về Nhà Trắng khuya ngày 4 tháng 4. Hai ngày sau, tôi bay đến thành phố Austin. Vì đã không lên kế hoạch trước cho nên lúc ấy tôi cần phải viết một bài để chuẩn bị cho buổi diễn thuyết. Nhưng đến khi lên máy bay, tôi vẫn chưa có một ý tưởng nào về những điều mình sẽ nói.

Tôi tin rằng khi trái tim chúng ta ngập tràn nỗi buồn đau, chúng ta rất dễ bị tổn thương nhưng cũng dễ mở rộng lòng ra để đón nhận những ý tưởng mới. Tôi không biết cái chết sắp xảy đến của bố tôi đã làm tôi thay đổi nhiều bao nhiêu nhưng có nhiều vấn đề mà tôi trăn trở bao năm qua đang ngập tràn trong tâm trí tôi. Bài diễn văn mà tôi soạn thảo bằng chữ viết bình thường không liền mạch, hoặc thậm chí có chỗ chắp nối, nhưng nó phản ánh chính xác những gì tôi đang suy nghĩ vào lúc đó.

Những năm trước đây, tôi bắt đầu mang theo mình một cuốn sách nhỏ trong đó chứa đầy những lời ghi chú, những đoạn trích, những câu nói truyền cảm và những lời Kinh Thánh. Trên chuyến bay đến Austin, tôi đọc lướt qua cuốn sách và dừng lại ở một mẩu tạp chí cắt ra, trong đó có bài báo của ông Lee Atwater viết trước khi qua đời do bị ung thư não ở tuổi 40. Ông Atwater là một chính trị gia trẻ tuổi có tài trong các chiến dịch tranh cử của Tổng

thống Reagan và Tổng thống George H. W. Bush. Ông cũng là người chủ yếu xây dựng nên uy thế của Đảng Cộng hòa trong những năm 1980. Ông là một nhà đấu tranh chính trị đường phố và nổi tiếng với nhưng sách lược tàn nhẫn. Atwater tuyên bố, việc giành chiến thắng mới là điều quan trọng - cho đến khi ông ta bị bệnh. Ngay trước khi qua đời, ông đã viết về "khoảng trống tinh thần trong lòng xã hội Mỹ". Thông điệp này của ông ta đã làm tôi xúc động khi lần đầu tiên đọc nó, và trong thời điểm hiện nay, dường như nó càng trở nên quan trọng hơn, vì vậy tôi quyết định trích dẫn về ông ta trong bài nói của mình trước mười bốn nghìn khán giả tụ tập trong buổi thuyết giảng của bà Liz Carpenter.

Atwater đã viết rằng: "Rất lâu trước khi tôi bị mắc bệnh ung thư, tôi cảm thấy có một điều gì đó đang khuấy động trong lòng xã hội Mỹ. Đó là một cảm nhận giữa những công dân của đất nước - những người thuộc Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ đều giống như nhau - rằng có điều gì đó đang mất đi trong cuộc sống của mọi người - một điều gì đó rất quan trọng...Tôi không biết chính xác được điều đó là điều gì. Căn bệnh của tôi giúp tôi nhìn thấy được cái đang mất dần đi trong xã hội chính là cái đang mất dần trong tôi: một trái tim nhỏ bé, nhưng chứa chan tình cảm anh em thân hữu.

Những năm 80 là năm của những gì con người đạt được - sự giàu sang, quyền lực, uy tín. Tôi hiểu. Tôi có được sự giàu sang, quyền lực và uy tín nhiều hơn đa số những người khác. Nhưng bạn có thể có được tất cả những điều bạn muốn mà vẫn cảm thấy trống rỗng. Quyền lực nào tôi sẽ đánh đổi khi dành thêm một ít thời gian cho gia đình tôi? Cái giá nào tôi phải trả cho một buổi tối dành cho bạn bè? Phải đến khi bị căn bệnh chết người này tôi mới nhận ra được sự thật ấy, nhưng đó là một sự thật mà đất nước chúng ta, sau khi đuổi theo những tham vọng bất tận của ạng suy đồi về đạo đức, mới có thể hiện ra...".

Tôi tìm hiểu nhiều nguồn khác nhau để kết hợp chúng với một câu nói về nhu cầu “xây dựng lại xã hội bằng cách định nghĩa lại những gì là ý nghĩa đối với con người trong thế kỷ 20, khi bắt đầu bước sang một thiên niên kỷ mới...".

"Chúng ta cần một đời sống chính trị mới có ý nghĩa. Chúng ta cần đạo đức mới về trách nhiệm cá nhân và lòng tận tụy. Chúng ta cần một định nghĩa mới về xã hội văn minh sẽ trả lời được những câu hỏi nan giải do các nguồn lực thị trường và cả nguồn lực chính phủ đặt ra, chẳng hạn như làm thế nào chúng ta có thể có được một xã hội làm chúng ta no đủ và khiến chúng ta cảm nhận được rằng mình là một phần của điều gì đó lớn lao hơn chính bản

thân chúng ta."

Tôi đề nghị một câu trả lời cho câu hỏi sâu sắc của Lee Atwater: "Ai sẽ dẫn dắt chúng ta ra khỏi "sự trống rỗng trong tâm hồn?" Tôi đáp: "Câu trả lời là : tất cả chúng ta".

Khi tôi hoàn tất bài diễn văn, tôi ôm lấy bà Liz Carpenter, Thống đốc Ann Richards và Phu nhân Bird Johnson. Sau đó tôi đi thẳng ra phi trường để quay trở về Nhà Trắng, thăm tình hình con gái tôi và gặp Bill trước khi đến chỗ mẹ tôi để giúp bà đối diện với sự thật là phải chuyển bố đến bệnh viện tư nhân.

Tôi cảm thấy khuây khỏa khi đã hoàn tất bài diễn văn, và tôi cho rằng đây sẽ là bài kết thúc. Nhưng trong vài tuần, những lời nói của tôi đã bị chế giễu trên The New York Times kể lại câu chuyện với tiêu đề thật hài hước: "Thánh Hillary". Bài báo bàn luận qua loa về cuộc thảo luận của tôi về tâm hồn con người như là "sự rao giảng dễ dãi về đạo đức" được diễn đạt bằng "lớp vỏ bọc biệt ngữ hời hợt và mong manh của Thời đại mới". Tôi rất cảm kích khi có nhiều người gọi điện đến để cảm ơn tôi đã đặt câu hỏi về ý nghĩa trong cuộc sống và trong xã hội chúng ta.

Ngay sau ngày tôi diễn thuyết ở Austin, bố tôi qua đời.

Tôi không thể không nghĩ về mối quan hệ của tôi với bố đã phát triển theo thời gian như thế nào. Tôi kính yêu bố khi tôi chỉ là một cô bé con. Tôi hăm hở theo dõi bố qua cửa sổ và chạy ra đường để gặp bố trên đường ông đi làm về. Với sự khuyến khích và huấn luyện của bố, tôi đã biết chơi bóng chày, bóng bầu dục và cả bóng rổ nữa. Tôi đã cố gắng mang về nhà những điểm tốt để bố hài lòng. Nhưng khi tôi lớn lên, mối quan hệ giữa tôi với bố đã thay đổi một cách tự nhiên, một phần vì kinh nghiệm của tôi đang tích lũy nhiều dần lên, một điều đã xảy ra theo thời gian và trong không gian khác với của bố, và phần khác cũng vì bố đã thay đổi. Bố dần dần yếu đi đến nỗi bố không theer ném bóng cho tôi và Hugh khi chúng tôi chạy xung quanh những cây du trước nhà. Giống như những cây du vĩ đại ấy không chống nổi bệnh tật và phải bị đốn đi ở khắp nơi trên đất nước, sức lực và tinh thần của bố dường như suy yếu dần theo thời gian.

Càng ngày, cái cõi tạm của bố dường như càng thu ngắn lại khi ông nội tôi và cả những người anh em của bố qua đời chỉ trong một vài năm ngắn ngủi giữa thập niên 60. Rồi thì những năm đầu thập niên 70, bố quyết định là mình đã kiếm đủ tiền, vì vậy bố sẽ không đi làm nữa và giải tán công ty nhỏ

của mình. Trong suốt thời gian tôi học trung học và những năm đại học, mối quan hệ giữa bố con tôi dần dần được xác định hoặc bằng sự im lặng, khi tôi tìm kiếm chuyện gì đó để nói chuyện với bố, hoặc bằng những cuộc tranh luận do tôi ơi gợi ra, bởi vì tôi biết bố luôn luôn sẵn sàng bàn luận cùng tôi về các vấn đề chính trị và văn hóa - như về Việt Nam, các phong trào hip-pi, nữ quyền, Nixon. Tôi cũng hiểu rằng thậm chí khi bố bắt đầu lớn tiếng với tôi, ông vẫn khen ngợi tính độc lập và tài năng của tôi. Bố đã yêu thương tôi bằng cả trái tim mình.

Gần đây, tôi có đọc lại những lá thư bố viết cho tôi khi tôi ở Wellesley và Yale, thường là thư đáp lại những lần tôi chán nản gọi điện về nhà để bày tỏ những mối hoài nghi về khả năng của mình hoặc cảm giác bối rối về nơi mà tôi đang ở. Tôi tin bất cứ ai gặp bố tôi hoặc trở thành "nạn nhân" chịu trận những lời chỉ trích chua cay của ông sẽ không bao giờ hình dung được tình thương dịu dàng và những lời khuyên ông dành cho tôi giúp tôi hăng hái, loại bỏ sự hoài nghi ra khỏi đầu óc tôi, để tôi vẫn tiếp tục con đường của mình.

Tôi cũng đã tôn trọng thiện chí sẵn lòng thay đổi quan điểm của bố, mặc dù ông hiếm khi thừa nhận điều đó. Bố bắt đầu cuộc sống với những thành kiến có thể thấu hiểu được trong tầng lớp lao động của mình, trong gia đình theo đạo Tin Lành chống lại những người theo Đảng Dân chủ, Thiên Chúa giáo, Do Thái, người da đen và bất kỳ người nào khác được đánh giá là nằm ngoài những người cùng chủng tộc. Trong suốt chuyến đi vào mùa hè của chúng tôi đến hồ Winola, khi tôi cảm thấy khó chịu vì những quan điểm này, tôi thông báo cho tất cả mọi thành viên nhà Rodham biết rằng tôi định khi lớn lên sẽ lấy một người thuộc Đảng Dân chủ theo Thiên Chúa giáo - một định mệnh mà mọi người cho là điều tồi tệ nhất mà tôi có thể gặp phải. Qua thời gian, bố tôi trở nên mềm lòng và đã thay đổi, phần lớn là nhờ những kinh nghiệm cá nhân bố có được với tất cả mọi loại người. Bố sở hữu một tòa nhà ở Khu thương mại Chicago cùng với một người da đen - người đã làm bố dần phải tôn trọng và khâm phục, khiến ay đổi quan điểm của mình về vấn đề chủng tộc. Khi tôi lớn lên và yêu một người Tin Lành ở phương nam theo Đảng Dân chủ, bố tôi hoang mang, nhưng ông cụ đã trấn tĩnh lại và trở thành một trong những ủng hộ viên mạnh mẽ nhất của Bill.

Khi bố mẹ tôi chuyển đến thành phố Little Rock vào năm 1987, họ đã mua một căn hộ kế bên căn hộ của Larry Curbo, một y tá sống cùng với Tiến sĩ Dillard Denson - một bác sĩ chuyên khoa thần kinh. Họ trở thành nhưng người bạn thân nhất của mẹ tôi và bắt đầu kiểm tra sức khỏe cho bố mẹ tôi. Họ đến thăm bố tôi, nói chuyện về thị trường chứng khoán hoặc về chính trị

và giúp mẹ tôi đi vòng quanh ngôi nhà. Vào một đêm, bố mẹ tôi ngồi xem chương trình truyền hình đề cập đến các nhân vật đồng tính luyến ái nam. Khi bố bày tỏ sự phản đối của mình đối với những người đồng tính luyến ái, mẹ tôi hỏi: "Thế còn Dillard và Larry thì sao?".

Bố hỏi lại: "Ý bà là sao?"

Mẹ giải thích cho bố là những người bạn thân và những người hàng xóm của bố đều là nhưng cặp đồng tính nam có mối quan hệ dựa trên sự cam kết duy trì lâu dài. Một trong những thành kiến cuối cùng của bố tôi sụp đổ. Larry và Dillard đã đến thăm bố trong bệnh viện khi ông bị hôn mê. Một đêm, Larry giúp mẹ tôi trông bố để bà có thể về nhà nghỉ ngơi, bớt căng thẳng trong một vài giờ đồng hồ. Và cũng chính Larry là người đã nắm lấy tay bố tôi và nói lời từ biệt cuối cùng khi ông ra đi vĩnh viễn. Có lẽ, lại có sự trùng hợp là bố đã trải qua những ngày cuối cùng của mình tại Bệnh viện St. Vincent, một bệnh viện Thiên Chúa giáo tuyệt vời, một dấu hiệu cho thấy thêm một trong những thành kiến khác của ông đã biến mất.

Sáng sớm hôm sau, Bill, Chelsea và tôi, cùng với một nhóm thân hữu và thân tộc, bay trở về Little Rock để dự lễ truy điệu tại Nhà thờ Hội Giám lý First United. Đi cùng với chúng tôi là em trai Tony và vị hôn thê của nó - Nicole Boxer; Diane Blair - người bạn thân của tôi, cũng là người đang ở cùng với chúng tôi; Bruce Lindsey, Vince Foster và Webb Hubbell. Tôi cảm thấy xúc động vì vợ chồng Phó Tổng thống Al Gore đã bay về cùng với Mack McLarty - một trong những người bạn thân nhất của Bill từ lúc lớn lên và hiện là Tham mưu trưởng Nhà Trắng, cùng với phu nhân của Mack là Donna. Nhà thờ vào ngày thứ Sáu tốt lành rất đông người do có "Lễ Người chết và Phục sinh" được chú trì bởi mục sư cao cấp Ed Matthews và vị mục sư đã làm chủ hôn cho tôi và Bill - Vic Nixon. Sau buổi lễ, gia đình tôi cùng với Dillard và Larry, Carolyn và Tiến sĩ John Holden, một trong những người bạn thân nhất của em trai tôi ở Park Ridge, đã đưa bố tôi về thành phố Scranton. Theo tính cách của mình, bố đã chọn lựa và chu cấp mọi khoản an táng từ những năm trước đây.

Chúng tôi đã làm tang lễ lần thứ hai tại Nhà thờ Hội Giám lý Court Street, nằm dưới phố ở gần ngôi nhà nơi bố tôi đã lớn lên. Bill đọc bài điếu văn chan chứa yêu thương để thể hiện sự cống hiến của bố tôi - ông Hugh Rodham :

"Năm 1974, khi tôi tham gia cuộc chạy đua chính trị đầu tiên của mình, tôi đã ghé thăm khu vực bầu cử Quốc hội - nơi có nhiều người Cộng hòa ở vùng

Trung Tây. Và người bố vợ tương lai của tôi đã đến trong một chiếc Cadillac với bảng đăng ký xe ở Illinois; ông không bao giờ bảo với mọi người là tôi đang yêu con gái ông, mà chỉ đi đến chỗ mọi người và nói rằng: “Tôi biết rằng các bạn là người thuộc Đảng Cộng hòa và tôi cũng vậy. Tôi nghĩ những người Dân chủ chỉ cách Chủ nghĩa Cộng sản một bước ngắn nhưng cậu đây thì ổn rồi.”

Chúng tôi để ông an nghỉ tại Nghĩa trang Washburn Street. Đó là một ngày tháng Tư lạnh lẽo, mưa như trút nước, và tâm tư của tôi cũng trở nên u buồn như bầu trời ảm đạm xám xịt. Tôi đứng lắng nghe những người lính kèn của Đội quân Danh dự đang thổi những tiếng kèn hiệu cuối cùng trong ngày. Sau khi an táng bố, chúng tôi đi cùng với một vài trong số những người bạn cũ của bố đến một nhà hàng địa phương, nơi chúng tôi hồi tưởng về ông.

Chúng tôi làm lễ kỷ niệm về cuộc đời của bố tôi nhưng tôi quá đau buồn vì những mất mát. Tôi nghĩ về việc bố sẽ vui biết bao nhiêu khi được nhìn thấy con rể là Tổng thống và ông sẽ mong muốn đến nhường nào được nhìn thấy Chelsea lớn lên. Khi Bill đang chuẩn bị bài điếu văn trên chuyến bay từ Little Rock, tất cả chúng tôi cùng kể chuyện cho nhau nghe. Chelsea nhắc chúng tôi nhớ là ông ngoại luôn bảo với con bé rằng khi nào con bé tốt nghiệp đại học, ông sẽ thuê một chiếc limousine thật lớn và đón cháu gái trong bộ đồ màu trắng. Ông có nhiều giấc mơ, những giấc mơ sẽ không còn thực hiện được nữa. Nhưng tôi cảm ơn cuộc đời, cảm ơn những cơ hội và những giấc mơ mà bố đã truyền lại cho tôi.

VINCE FOSTER

Năm đó, Bill, Chelsea và tôi nghỉ lễ Phục sinh tại Trại David cùng với những người thân và một vài người bạn đã đến . Trại David là nơi lý tưởng duy nhất cho tất cả chúng tôi đề có được những giây phút riêng tư và bình yên sau chuỗi ngày dài lo âu mệt mỏi và tang lễ. Bà Jackie Kennedy Onassis đã khuyến khích tôi nên bảo vệ cuộc sống riêng tư của gia đình mình ở khu tịnh dưỡng an toàn này, nơi được bao quanh bởi một khu rừng bảo tồn trong dãy núi Catoctin ở bang Maryland. Như mọi khi, lời khuyên đơn giản và thực tế của bà tỏ ra rất hữu ích. Tôi cũng đã rất vui vì bố tôi đã đến thăm khu an dưỡng này sau lễ nhậm chức của Bill. Chúng tôi vẫn nhớ sự hiện diện của ông trong căn nhà gỗ mộc mạc và ông tỏ ra rất thích thú khi tham quan nơi mà Tổng thống Eisenhower đã đặt theo tên của cháu Ngài là David. Giờ đây, chúng tôi cùng với cháu ngoại ông, Chelsea, đang ở đây để tiếc thương cho sự ra đi của ông.

Tuần lễ Phục sinh năm đó có mưa và giá lạnh, thời tiết như hòa quyện với tâm trạng của tôi. Tôi đi dạo cùng mẹ dưới làn mưa phùn và hỏi xem bà có muốn đến ở cùng chúng tôi tại Nhà Trắng không. Với tính cách độc lập cố hữu, mẹ bảo rằng sẽ ở lại trong một thời gian ngắn rồi sau đó quay về nhà để cùng tham gia giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến sự ra đi của bố. Mẹ cảm ơn tôi vì đã mời Dillard Denson và Larry Curbo đến Trại David. Bà cụ biết rằng họ vẫn luôn là những người bạn tốt khi bà phải đơn độc trong cuộc đời.

Chúng tôi tham dự Thánh lễ Phục sinh tại Nhà nguyện Evergreen vừa mới được xây dựng. Cấu trúc bằng gỗ và các cửa kính màu làm cho nhà nguyện và không gian xung quanh trở nên hòa hợp tuyệt vời. Tôi ngồi vào chỗ của mình và nghĩ về cách mà bố đã từng làm chị em chúng tôi bối rối khi nghe ông cất cao tiếng hát những bài thánh ca nhưng giọng ông cụ lại bị lạc điệu. Tôi biết là bố bị lãng tai và vì thế sáng hôm ấy tôi đã hát thật to, hy vọng rằng những nốt nhạc lạc điệu sẽ bay lên tới Thiên đàng

Mệt mỏi cả về thể chất lẫn tinh thần, lẽ ra tôi cần phải có nhiều thời gian hơn để nghỉ ngơi và quên đi những chuyện đau buồn, thế nhưng tôi đã không thể bỏ mặc công việc. Ira đã gửi cho tôi thông điệp khẩn cấp, cảnh báo rằng sáng kiến về hệ thống chăm sóc y tế đang bị gạt ra bên lề vì vấn đề ngân sách. Và cũng vì lý do Chelsea cần phải quay lại trường học và cuộc sống thường nhật của con bé, sau bữa cơm tối mừng lễ Phục sinh cùng với khách, chúng tôi quay về Washington.

Tối hôm Chủ nhật, ngay khi vừa bước vào phòng ngủ của mình, tôi đã cảm thấy có gì đó không ổn. Tôi bắt đầu mở các rương đựng đồ của mình và nhận thấy vài món đồ đạc đã bị xáo trộn. Đồ đạc trên bàn thì bị di dời lung tung và có cả một vết cắt dài và sâu trên chiếc kệ gỗ đựng tivi được xếp ngay khoảng trống của bức tường phía Nam. Tôi quay trở vào Phòng khách phía Tây và phòng làm việc của gia đình thì nhận thấy vài món đồ không còn ở chỗ cũ nữa. Tôi gọi Gary Walters, tổng quản lý, hỏi ông ta rằng chuyện gì đã xảy ra khi chúng tôi đi vắng và được trả lời là một đội đặc nhiệm đã đến để lục tìm các thiết bị nghe trộm và những thiết bị vi phạm an ninh khác nhưng ông ta đã quên báo với tôi.

Không một nhân viên nào của tôi và của Tổng chống được thông báo về cuộc tìm kiếm này. Helen Dickey, một người bạn ở thành phố Little Rock đã ở lại trên tầng 3 có nghe tiếng ồn ào vào đêm thứ Bảy và đã đi xuống xem chuyện gì đang xảy ra nhưng bà ấy bị một người đàn ông mặc đồ đen có vũ trang đe dọa và yêu cầu bà ra khỏi chỗ đó.

Bất chợt tôi nhớ đến mảnh giấy của Rush Limbaugh gửi cho Harry và Linda được đặt trên chiếc giường Lincoln. Tôi tự hỏi về xuất xứ của vài câu chuyện kỳ dị mà một tờ tạp chí đã trích dẫn từ một nhân viên Mật vụ nặc danh, người khẳng định rằng tôi đã ném cả cái đèn ngủ vào người Tổng thống. Trong những tình huống khác, chuyện một tạp chí lớn chọn đăng một câu chuyện lố bịch đến như vậy mà chẳng dựa trên cơ sở nào ngoại trừ những tin đồn đầy ác ý thì thật là nực cười.

Tương tự như những điều tốt xấu lẫn lộn khi nói về tôi trong nhiều năm, thông tin cho rằng tôi có “tính khí thất thường" cũng là chuyện cường điệu. Nhưng lần này tôi thừa nhận là thật sự tôi muốn làm mọi chuyện nổ tung lên. Tôi gọi Mack McLarty, Chánh Văn phòng của Tổng thống và David Watkins, Giám đốc Quản lý Nhà Trắng, cho họ biết chính xác những gì tôi đã thấy và suy nghĩ của tôi về những việc đó. Tôi muốn chắc chắn rằng những chuyện như vậy sẽ không bao giờ tái diễn mà tôi chẳng được biết gì hết.

Mack và David để cho tôi trút giận trong chốc lát. Sau khi quan sát hiện trường, họ bảo rằng việc khám xét đã được sắp xếp thông qua văn phòng tổng quản. Mack đã ra những quy định để chuyện đó sẽ không xảy ra nữa trừ khi ông ta được thông báo và Tổng thống đã chuẩn y.

Tôi vẫn đang đau buồn vì sự ra đi của bố tôi, và việc xâm phạm vào chốn riêng tư của tôi làm cho tôi cảm thấy phiền lòng nhiều hơn. Vâng, chúng tôi

đang sống trong một căn nhà thuộc về quốc gia nhưng ai cũng biết rằng những người cư ngụ ở đó được phép có vài phòng là của riêng họ. Tư phòng của chúng tôi đã bị xâm phạm làm cho tôi có cảm giác rằng chẳng có nơi nào để tôi và gia đình của mình có thể làm việc yên tĩnh và quên đi nỗi buồn.

Đêm hôm ấy, tôi ngủ rất ít và đó thực sự là một đêm rất ngắn. Từ lúc 5 giờ sáng, các phụ huynh cùng con cái họ đã xế bên ngoài cổng để đợi Hội Lăn trứng Phục sinh diễn ra hàng năm trên Khu vườn phía Nam vào thứ Hai của tuần lễ Phục sinh. Khoảng 8 giờ, tôi nhìn ra ngoài cửa sổ và trông thấy hàng ngàn trẻ em cầm muỗng trên tay, tụ tập lại đợi lăn những quả trứng Phục sinh rực rỡ màu sắc trên cỏ. Bọn trẻ tham dự thật hào hứng và chẳng có lý do gì khiến tôi phá hủy cuộc vui của chúng vì những lo âu của mình. Vì vậy, tôi thay đồ và bước ra ngoài. Ban đầu, tôi đi chỉ để mà đi, nhưng sau đó, sự phấn khích, tiếng cười nói, chạy nhảy của bọn trẻ trên bãi cỏ xanh đã khiến lòng tôi ấm lại và tinh thần cũng nhẹ nhõm hơn.

Những tháng ấy là thời kỳ bắt đầu đầy khó khăn cho một nhiệm kỳ khắc nghiệt ở Washington. Nhìn lại, tôi nhận ra rằng sự trợ lực động viên cho tôi trong hầu hết thời gian đó cũng chính là những gì trợ lực cho tôi trong suốt nhiệm kỳ tại Nhà Trắng : gia đình, bạn bè và đức tin. Niềm tin tôn giáo luôn là phần chính yếu trong cuộc sống của tôi. Cho đến khi bị cơn đột quỵ chí tử, tối nào bố tôi cũng quỳ bên giường và cầu nguyện. Tôi chia sẻ với bố niềm tin vào quyền năng và tầm quan trọng của việc cầu nguyện. Tôi vẫn thường nói trong một số buổi diễn thuyết rằng nếu trước năm 1992, tôi chưa tin vào việc cầu nguyện thì cuộc sống tại Nhà Trắng đã làm cho tôi tin điều đó.

Trước khi bố tôi bị đột quỵ, tôi nhận được thư mời của người bạn thân, Lina Lader, nhân lúc bà cùng chồng là Phil tổ chức Lễ hội Cuối tuần theo phong cách thời Phục hưng mà Bill, Chelsea và tôi đã tham dự từ năm 1983 vào mỗi dịp năm mới. Những lần hội họp như vậy luôn hào hứng và đưa đến những mối quan hệ bằng hữu quan trọng trong cuộc sống của chúng tôi.

Linda mời tôi và Phu nhân Tipper dùng bữa trưa do một nhóm cầu nguyện tài trợ, họ gồm các bà thuộc Đảng Dân chủ và Cộng hòa. Trong số họ có Susan Baker là Phu nhân Ngoại trưởng James Baker, làm việc dưới thời Tổng thống Bush (cha), Joanne Kemp, Phu nhân cựu nghị sĩ Đảng Cộng hòa (và là ứng cử viên Phó Tổng thống tương lai) Jack Kemp và Grace Nelson, Phu nhân của ông Bill Nelson, một Thượng nghị sĩ theo Đảng Dân chủ đến từ bang Florida và là đồng sự với tôi hiện nay. Holly Leachman là một người bạn tâm giao luôn nhiệt thành với tôi. Trong thời gian tôi ở Nhà Trắng, Holly đã gửi cho tôi một cuốn kinh nhật tụng và những thông điệp nguyện cầu

bằng fax, ngoài ra còn thường xuyên đến để khích lệ hoặc cầu nguyện cùng với tôi.

Bữa cơm trưa ngày 24 tháng 2 năm 1993 diễn ra tại Cedars, một điền trang ven sông Potomac, nơi phù hợp để làm tổng hành dinh cho chương trình "Bữa sáng cho những người cầu nguyện toàn quốc” (NPB) và các nhóm cầu nguyện trên toàn thế giới. Đặc biệt có mặt ở Washington là sự hiện diện của ông Doug Coe, người tổ chức chương trình NPB lâu năm. Ông là một người cố vấn tinh thần dạn dày kinh nghiệm với tình yêu thương con người chân thành, sẵn sàng chỉ giáo cho bất kỳ ai muốn có mối quan hệ gần gũi, sâu sắc hơn với Chúa và ban tặng món quà lễ cho những người khác đang gặp khó khăn, bất kể đảng phái hoặc niềm tin của người đó. Doug đã trở thành nguồn sức mạnh, là tình bằng hữu và ông cũng thường gửi đến cho tôi những lời hỗ trợ tinh thần. Tất cả những mối thân tình này đều bắt nguồn từ buổi cơm trưa đặc biệt đó.

Một trong "những người cùng cầu nguyện với tôi bảo rằng bà sẽ cầu nguyện cho tôi hàng tuần. Thêm vào đó, họ còn tặng tôi một cuốn sách viết tay dày đặc các câu nguyện chúc, trích dẫn và Kinh thánh với mong muốn là chúng sẽ trợ sức cho tôi trong suốt thời gian tôi ở Washington. Trong hàng ngàn món quà nhận được suốt tám năm ở Nhà Trắng, ít có món quà nào mang đến niềm vui thích và cần thiết đối với tôi hơn là 12 món quà vô hình sau : sự sáng suốt, hòa bình, lòng trắc ẩn, sự tin cậy, tình bằng hữu, tầm nhìn, sự tha thứ, lòng khoan dung, sự biết, tình yêu, niềm vui và sự can đảm. Trong suốt những năm tháng tiếp đó, những người phụ nữ này vẫn không ngừng cầu nguyện cùng với tôi và cho tôi. Tôi rất cảm kích sự quan tâm và thiện ý của họ đã bỏ qua rào cản chính trị của Washington để đến với những ai cần sự giúp đỡ. Cuốn sách nhỏ của họ đã giúp cho tôi rất nhiều. Susan Baker đến thăm và viết cho tôi, động viên và thấu cảm với những sự kiện xảy ra, từ việc bố tôi qua đời đến cả những cơn bão chính trị xung quanh vai trò Tổng thống của Bill.

Khi Chính quyền cận kề với mốc 100 ngày vào cuối tháng Tư, rõ ràng là chúng tôi sẽ không đáp ứng được yêu cầu về thời hạn cuối cùng do chính mình đặt ra cho kế hoạch chăm sóc y tế trọn gói và điều đó đã không thực hiện được bởi vì tôi mất hai tuần ở Little Rock. Tin tức về các đề xuất đang được cân nhắc để chi trả cho chương trình chăm sóc y tế được đăng tải trên báo chí đã gây bối rối cho các thành viên Quốc hội về các chiến lược trước khi họ ra bất kỳ quyết định nào. Chưa kịp có kế hoạch gì thì chúng tôi đã ở vào thế thủ rồi. Tôi ngạc nhiên là người ta sẵn sàng để rò rỉ thông tin cho báo chí. Một vài người cho rằng họ đang tác động đến sự kiện, người khác dường

như mong muốn có được cảm giác mình là người quan trọng ngay cả khi họ được trích dẫn như là một nguồn tin nặc danh.

Đất nước vẫn còn đang choáng váng vì hậu quả khủng khiếp của vụ bạo động tại Waco, Texas khi các thành viên của Giáo phái David bắn chết 4 nhân viên và làm bị thương 20 người khác của Cục Quản lý Rượu, Thuốc lá và Vũ khí cá nhân trong lúc các nhân viên này cố gắng thi hành nhiệm vụ của mình. Trong cuộc xung đột diễn ra tiếp theo đó vào ngày 19 tháng 4, các thành viên của nhóm này đã đốt cháy khu nhà và làm chết ít nhất 80 người thuộc Giáo phái David, bao gồm cả trẻ em. Đó là một sự mất mát khủng khiếp về nhân mạng. Cho dù kết quả của một cuộc điều tra độc lập chỉ ra rằng kẻ đầu Giáo phái David là người chịu trách nhiệm về các vụ hỏa hoạn và bắn giết làm chết nhiều người, nó cũng chẳng thể xoa dịu được nỗi đau mà tất cả chúng ta phải gánh chịu từ bạo lực và chết chóc do các lệch lạc về niềm tin tôn giáo.

Tại nước Cộng hòa Nam Tư cũ, người Serbia ở Bosnia đang vây hãm thị trấn Hồi giáo Srebrenica trong cơn cuồng nộ "thanh trừ sắc tộc”. Đó là một minh chứng khác về sự lợi dụng bất đồng tôn giáo phục vụ cho mục đích chính trị. Báo chí đã đăng tải hình ảnh khủng khiếp về việc thảm sát thường dân và bạc đãi tù nhân gợi lên sự liên tưởng về tội ác của Đức quốc xã ở châu Âu. Tình hình càng trở nên đau lòng hơn khi số người chết ngày càng tăng và tôi thật sự chán sự bất lực của Liên hiệp quốc trong vấn đề can thiệp hoặc thậm chí là bảo vệ cộng đồng Hồi giáo.

Trong bầu không khí u ám của những sự kiện này, Bill và tôi đã tiếp đón 12 vị Tổng thống và Thủ tướng tại Nhà Trắng, họ đến Washington tham dự lễ khánh thành viện bảo tàng về nạn tàn sát người Do Thái vào thời Đức quốc xã diễn ra vào ngày 22 tháng 4. Một vài nhà lãnh đạo đã gây sức ép, muốn nước Mỹ phải can dự nhiều hơn nữa vào nỗ lực của Liên hiệp quốc nhằm chấm dứt cuộc tương tàn tại Bosnia. Trong số những người có quan điểm này, Elie Wiesel, một người sống sót từ trại tập trung của Đức quốc xã và từng đoạt giải Nobel Hòa bình đã đọc một bài diễn văn thật ấn tượng về Bosnia tại lễ khánh thành viện bảo tàng. Ông đã quay sang Bill và nói: "Thưa ngài Tổng thống... trước đây, tôi từng ở Nam Tư và những gì tôi đã trông thấy làm cho tôi không thể nhắm mắt được. Là một người Do Thái, tôi xin nói rằng chúng ta phải làm gì đó để chấm dứt đổ máu tại Nam Tư". Tôi đã đọc cuốn sách Night, Wiesel miêu tả thật kinh khủng về những điều ông biết tại Auschwitz và Buchenwald - các trại tử thần tại Ba Lan và Đức. Tôi ngưỡng mộ văn phong và sự cống hiến của ông chnhân quyền và kể từ ngày ấy, ông và vợ ông, bà Marion, đã trở thành bạn của tôi.

Dưới cơn mưa phùn xám xịt, tôi đồng ý với nhận định của Elie, vì tôi cũng tin rằng cách duy nhất để chấm dứt nạn diệt chủng tại Bosnia là thông qua các cuộc không kích có chọn lựa vào các mục tiêu của người Serbia. Tôi biết rằng Bill thất vọng vì sự thất bại của châu Âu sau khi họ khăng khăng cho rằng Bosnia là sân sau của họ và là vấn đề mà họ có trách nhiệm giải quyết. Bill đã gặp các cố vấn của mình để bàn về sự can thiệp của Mỹ trong nỗ lực gìn giữ hòa bình và những giải pháp khác để chấm dứt xung đột. Số người chết ngày càng tăng cao làm cho vấn đề càng trở nên nhức nhối.

Chúng tôi phải thích nghi với các tin tức tốt, xấu ở trong nước và trên thế giới. Tại Quốc hội, các nghị sĩ Đảng Cộng hòa đã sắp đặt kế hoạch cản trở ở Nghị viện và loại bỏ kế hoạch kích thích kinh tế trọn gói của Tổng thống sau khi Hạ viện đã thông qua. Trong bối cảnh có quá nhiều việc diễn ra như vậy, những thời khắc thành công nhất của Chính phủ trở nên bị lu mờ. Để kỷ niệm Ngày Trái đất 22 tháng 4, Bill hứa rằng sẽ ký một hiệp ước quốc tế quan trọng về đa dạng hóa động và thực vật mà trước đây Tổng thống Bush đã bác bỏ. Tuần tiếp theo, Bill thông báo một chương trình phục vụ quốc gia, AmeriCorps, chương trình này sẽ làm sống lại lý tưởng của chương trình Peace Corps và VISTA, hướng năng lực của những tình nguyện viên trẻ tuổi vào việc đáp ứng các nhu cầu nội tại của chính nước Mỹ.

Dù nhân dân có yêu cầu điều gì đi chăng nữa, Bill và tôi vẫn cố gắng không xao nhãng trách nhiệm làm cha, làm mẹ đối với Chelsea. Chúng tôi có mặt tại tất cả các sự kiện ở trường và cùng thức với con bé khi nó làm bài tập ở nhà. Bill còn giúp Chelsea đạt điểm 8 mô đại số, khi Bill đi công du xa thì Chelsea gửi fax cho Bill những thắc mắc của mình rồi hai cha con cùng nhau giải quyết những thắc mắc ấy qua điện thoại. Chúng tôi vẫn viện cớ vì sự riêng tư của Chelsea để đánh lạc hướng giới truyền thông và một vài nhân viên của Bill. Văn phòng đặc trách về Báo chí Nhà Trắng đã thuyết phục Bill cho phép đài NBC đi theo để làm bộ phim A Day in the Life và sẽ công chiếu vào đầu tháng Năm. Tôi đồng ý tham dự nhưng không cho phép Chelsea tham gia. Các nhân viên của Bill đã ra sức thuyết phục tôi rằng hình tượng của chúng tôi sẽ trở nên tốt đẹp hơn nếu tôi xuất hiện cùng Chelsea trong bữa ăn sáng hoặc cùng thảo luận về bài tập ở nhà của con bé. Khi thuyết phục không thành, người làm chương trình lại cố gắng thuyết phục tôi lần nữa. Cuối cùng Tom Brokaw - người đóng vai trò quyết định của chương trình, gọi điện đến. Khi tôi nói "tuyệt đối không được" thì Tom bảo là ông ấy tôn trọng ý kiến của tôi.

Chúng tôi đang ở giữa giai đoạn biến khu tư dinh trở thành nhà theo đúng nghĩa. Nghĩa là chúng tôi có thể sơn, dán giấy tường và đặt kệ sách ở bất kỳ

chỗ nào mình muốn. Ngay sau lễ Phục sinh, Chelsea đã bị dị ứng đường hô hấp trầm trọng do mớ hỗn độn, bụi, sơn và các hóa chất dùng cho việc trang trí. Và hơn lúc nào hết, tôi mong ước được kề cận con gái mình suốt ngày. Tuy nhiên, chúng tôi đã cố gắng giữ sự riêng tư cho Chelsea và vài người biết là tôi đã lo lắng biết chừng nào.

Chelsea bình phục khi chúng tôi đã kiểm soát được căn bệnh dị ứng. Để chúc mừng cho cả hai mẹ con, tôi đưa con gái đến nhà hát kịch American Ballet ở New York xem vở Sleeping Beauty. Lúc đó, vấn đề tóc tai lại làm tôi khó xử. Susan Thomases bảo rằng tôi nên thử kiểu tóc đặc sắc của Frederic Fekkai này. Tôi mạo hiểm và hỏi xem liệu tối hôm đó ông ta có thể ghé qua phòng của chúng tôi ở khách sạn Waldorf-Astoriaước giờ chúng tôi đi ra ngoài không. Tôi mến ông ta ngay và vì thế tôi đồng ý thử kiểu mới, kiểu tóc "gọn gàng” được cắt giống như kiểu tóc của phóng viên truyền hình Diane Sawyer. Đương nhiên là tóc tôi ngắn lên và thay đổi một cách ấn tượng. Chắc rằng kiểu tóc của tôi sẽ được khắp nơi trên thế giới biết đến.

Khuya hôm đó, Lisa Caputo, thư ký báo chí của tôi, biết được chuyện cắt tóc qua cú điện thoại muộn của Capricia Marshall, người ở cùng tôi tại New York.

"Đừng có nổi giận với tôi nhé", Capricia nói. "Bà ấy đã cắt tóc rồi".

"Cái gì !”

"Susan dẫn gã đó vào phòng khách sạn và khi bà ấy đi ra thì tóc đã được cắt xong rồi."

"Ôi, Chúa ơi!"

Vấn đề đối với Lisa không phải là ở chỗ lời nói vô ý nhất thời trong các mối quan hệ công chúng - bà ta từng xử lý những câu chuyện về tóc tai - mà là những liên quan phức tạp đến giới truyền thông. Do nhân viên của tôi từng cho rằng sẽ có một chương trình chăm sóc y tế được trình bày vào tháng Năm, tôi đã đồng ý để Katie Couric và ê kíp thực hiện chương trình Today của bà ta theo chân tôi đi vòng quanh Nhà Trắng để quay phim trước khi vào phần đàm thoại chính. Tuần trước đó, NBC đã thu hình tôi như là một Đệ nhất Phu nhân với tóc dài chấm vai. Và Đệ nhất Phu nhân sẽ được Katie Couric phỏng vấn trực tiếp đã có một bộ dạng mới và vì thế, đành phải quay lại cảnh phim trước để trông tôi không thay đổi trong suốt chương trình.

Katie chẳng bao giờ bỏ qua khi bà đến Nhà Trắng và nhận thấy tôi có cái gì

đó mới. Bà ấy cũng chẳng bao giờ phàn nàn ràng bộ màu hồng của tôi không hoàn toàn hợp với trang phục màu hồng da cam của bà ấy. Tôi luôn thích nhìn bà ấy trên truyền hình và vui mừng nhận ra rằng ngoài đời thật, bà ấy cũng như vậy - một người rất dễ thương.

Tôi vẫn phải luôn nắm vững tình hình và khám phá rằng làm một Đệ nhất Phu nhân thì như thế nào. Sự khác biệt giữa phu nhân Thống đốc và phu nhân Tổng thống là vô tận. Đột nhiên, những người chung quanh bạn dành nhiều thời gian để đoán rằng điều gì sẽ làm bạn vui, đôi lúc cũng chính những người đó lại chẳng hiểu bạn lắm hoặc là hiểu lầm về bạn. Mỗi lời bạn nói đều bị thổi phồng và bạn phải cẩn thận với cả những gì bạn mong ước hoặc có được nó từ những người thuộc quyền.

Có lần, khi tôi du ngoạn một mình với tư cách là Đệ nhất Phu nhân thì một người phụ tá trẻ hỏi tôi, "Khi ở trong căn hộ của mình thì Bà thích uống món gì?"

"Cậu biết đấy, tôi cảm thấy rất thích Diet Dr Pepper", tôi trả lời.

Nhiều năm sau đó, mỗi lần tôi mở tủ lạnh trong phòng khách sạn thì đều thấy bên trong chất đầy Diet Dr Pepper. Người ta cũng đến với tôi với những ly đầy Diet Dr Pepper ướp lạnh. Tôi cảm thấy mình giống như thầy phù thủy tập sự, như nhân vật chuột Mickey trong bộ phim hoạt hình kinh điển Fantasia. Tôi đã không thể làm ngưng được cái máy cung cấp Dr Pepper.

Đây là một chuyện vui vẻ nhưng chứa đựng những ẩn ý rất nghiêm túc. Tôi phải thừa nhận rằng rất nhiều người sẵn lòng làm bất cứ điều gì họ có thể để làm vui lòng tôi và họ rất nghiêm túc khi hiểu sai ý tôi. Tôi không thể chỉ nói một câu đơn giản là, "Này, hãy nhìn nó xem" và rồi chỉ ra một vấn đề nào đó. Có thể tôi cần phải chỉ ra vấn đề sớm hơn. Nhưng tôi đã đến khi tôi bị rắc rối vì buột miệng phê bình ngay sau khi nghe nói về tình hình lãng phí và quản lý tài chính lỏng lẻo tại Văn phòng phụ trách Công du của Nhà Trắng. Tôi nói với Chánh Văn phòng Mack McLarty rằng nếu thật sự có những chuyện đó thì tôi mong ông ta "lưu tâm đến nó một chút".

Khi vụ tai tiếng Travelgate được mọi người biết đến trên phương tiện truyền thông, có lẽ nó chỉ ồn ào kéo dài khoảng 2 hoặc 3 tuần. Song, trong bầu không khí chính trị mang tính phe phái, vụ việc lại trở thành biểu hiện đầu tiên của nỗi ám ảnh về cuộc điều tra kéo dài dai dẳng qua cả thiên niên kỷ mới.

Trước khi dọn vào Nhà Trắng, cả Bill, tôi và những cộng sự thân tín đều không biết là có tồn tại Văn phòng phụ trách Công du của Nhà Trắng. Vàn phòng này chuyên lo việc thuê máy bay, đặt phòng khách sạn, đặt tiệc và chăm lo những vấn đề chung cho báo giới khi họ du hành cùng Tổng thống. Chi phí sẽ được tính cho các tổ chức thông tin. Mặc dù chúng tôi chẳng biết nhiều về việc họ làm nhưng đương nhiên là không thể làm ngơ hoặc thể hiện sự tha thứ cho những lý lẽ biện minh sự lạm dụng công quỹ ở bất cứ phòng ban nào trong Nhà Trắng. Kết quả kiểm toán của Công ty KPMG Peat Marwick đã cho thấy Giám đốc Văn phòng phụ trách Công du đã lưu trữ các chứng từ kế toán để ngoài sổ sách, mà theo đó có ít nhất 18 ngàn đôla bằng ngân phiếu đã không được hạch toán đúng quy định và sổ sách kế toán của văn phòng này rất lộn xộn và rối rắm. Dựa vào những phát hiện trên, Mack và Văn phòng Cố vấn Nhà Trắng đã quyết định sa thải nhân viên của Văn phòng phụ trách Công du và cải tổ lại bộ phận này.

Có vẻ giống như quyết định của những người thiếu suy nghĩ, các hành động này đã thổi bùng lên cơn bão lửa. Khi Dee Dee Myers, thư ký Tổng thống - người phụ nữ đầu tiên giữ chức vụ này - thông báo các bãi nhiệm trong báo cáo ngắn gọn của bà vào buổi sáng ngày 19 tháng 5 năm 1993, chúng tôi đã rất ngạc nhiên về phản ứng của bộ phận báo chí. Chính phủ đã và đang cố gắng kiểm soát lợi nhuận tài chính từ các phương tiện truyền thông cũng như lợi nhuận tài chính của quốc gia, trong khi đó vài thành viên của báo chí lại xoáy vào chuyện những người bạn của họ trong Văn phòng phụ trách Công du, những người phục vụ theo ý của Tổng thống, bị đuổi việc. Chính phủ bị cáo buộc là những người không chuyên và lợi dụng chức vụ của mình để giúp việc làm cho người thân quen do có sự việc là một nhân viên Nhà Trắng có họ hàng xa với Bill và có kinh nghiệm sắp xếp các chuyến công du, được tạm thời đảm trách Văn phòng phụ trách Công du đã được cải tổ sắp xếp lại. Bill Kennedy, một cộng sự về luật pháp trước đây của tôi, cũng làm việc trong văn phòng cố vấn đã yêu cầu FBI điều tra trường hợp này, dẫn đến việc kích động một vài tờ báo. Tôi rất cảm mến tính trung thực và kỹ năng pháp lý của Bill Kennedy. Tuy nhiên, giống như hầu hết chúng tôi, ông ấy là người mới đến Washington và phải tuân thủ theo lệ ở đây ông ta không biết rằng việc mình tiếp xúc trực tiếp với FBI và yêu cầu họ điều tra về việc lạm dụng công quỹ mà không có bằng chứng thì được coi là vi phạm nghiêm trọng nghi thức ngoại giao của Washington.

Sau một cuộc thẩm tra nội bộ và cung cấp đầy đủ thông tin cho phương tiện truyền thông, Mack McLarty công khai khiển trách bốn quan chức chính phủ, kể cả Watkins và Kennedy, vì những phán quyết thiếu chứng cứ của họ khi giải quyết vụ việc. Tuy nhiên, có ít nhất bảy cuộc điều tra riêng biệt - bao

gồm cả những cuộc điều tra do Nhà Trắng, Văn phòng Tài vụ, FBI và Văn phòng Luật sư Độc lập của Kenneth Starr tiến hành - đã không chứng minh được tính bất hợp pháp, việc làm sai trái và những mâu thuẫn về lợi ích của bất cứ người nào trong chính phủ và xác nhận rằng mọi quan ngại ban đầu về Văn phòng phụ trách Công du trước đó đều được biện minh rõ ràng. Chẳng hạn, Văn phòng Luật sư Độc lập kết luận rằng quyết định sa thải các nhân viên của Văn phòng phụ trách Công du là hợp pháp và có những chứng cứ về vi ạm quản lý tài chính và làm trái các quy định. Bộ Tư pháp đã tìm thấy đủ chứng cứ để buộc tội và xét xử người đứng đầu trước đây của Văn phòng phụ trách Công du về tội tham ô. Theo tường thuật của báo chí, ông ta tự nhận tội và chịu trách nhiệm hình sự đồng thời chịu thụ án tù ở mức thấp, nhưng công tố viên khăng khăng tiếp tục xét xử và khép vào trọng tội. Sau khi vài nhà báo nổi tiếng cung khai tại phiên tòa với tư cách nhân chứng, cuối cùng ông ta cũng được tha bổng.

Cho dù đã có kết luận thống nhất rằng Nhà Trắng đã làm đúng luật trong việc xử lý vụ việc, nhưng đó lại là một cuộc gặp gỡ đầu tiên vô cùng không may đối với cánh báo chí Nhà Trắng. Tôi không chắc rằng mình đã biết đủ nhanh, đủ nhiều về hậu quả của việc nói hay làm điều gì đó mà không biết chính xác chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Trong khoảng thời gian dài sau đó, tôi hay thức giấc vào lúc nửa đêm vì nghĩ rằng những sự việc xảy ra liên quan đến vụ Văn phòng phụ trách Công du đã góp phần đẩy Vince Foster đến chỗ phải từ bỏ cuộc sống của mình. Và đúng là Vince Foster đã bị day dứt bởi vụ việc này. Là một người đàn ông danh giá, đứng đắn và kỹ tính, ông cảm thấy rằng ông ta đã làm cho Tổng thống, Bill Kennedy, Mack McLarty và tôi thất vọng do không hiểu và ngăn chặn sự việc đau buồn này. Hiển nhiên, tai họa cuối cùng cũng ập đến. Hàng loạt bài xã luận đầy ác ý được đăng trên Wall Street Jounall công kích vào tính liêm khiết và năng lực của tất cả luật sư thuộc bang Arkansas trong chính quyền Clinton. Ngày 17 tháng 6 năm 1993, một bài xã luận có tựa đề "Vince Foster là ai?” tố cáo rằng việc "kinh động" nhất trong Chính quyền Clinton là "sự bất cẩn trong việc tuân thủ luật pháp". Tháng tiếp theo, tờ báo đó lại tiếp tục chiến địch bôi nhọ Chính quyền Clinton và các đồng nghiệp của tôi ở Hãng Luật Rose là bọn tham nhũng bất lương.

Bill và tôi có thể là đã thiếu kinh nghiệm trong vai trò chủ Nhà Trắng nhưng chúng tôi cũng đã đực tôi luyện trong thế giới chính trị đầy khắc nghiệt. Chúng tôi biết rằng mình phải cô lập các cuộc công kích đó và tập trung vào cuộc sống thực tế của mình. Vince Foster không có phương tiện tự bảo vệ như vậy, ông hoàn toàn xa lạ với kiểu sống này và cất giữ những lời chỉ trích đó trong lòng. Mặc dù chúng tôi sẽ chẳng bao giờ biết được ông nghĩ gì

trong những tuần cuối của đời mình nhưng tôi tin rằng ông cảm nhận mỗi lời buộc tội và rồi ông càng rơi vào lo âu và đau buồn. Tận đáy lòng mình, tôi luôn mong phải chi mình đã dành nhiều thời gian cho Foster và bằng cách nào đó, nhận thấy được nỗi tuyệt vọng của ông. Thực tế, ông là một người kín đáo, không một ai - kể cả vợ ông là Lisa, những đồng nghiệp thân cận nhất của ông hoặc chị gái của ông, Sheila, những người mà ông luôn gần gũi thân thiết - biết được chút gì từ sâu thẳm trong nỗi buồn của ông.

Tôi nhớ lần cuối cùng nói chuyện với Foster là giữa tháng Sáu, vào tối thứ Bảy trước lễ Ngày của Cha, Bill đi xa để đọc diễn văn tại lễ phát bằng, do đó, tôi lên kế hoạch dùng bữa tối với Webb Hubbell và vợ ông, Suzy, gia đình Foster và vài đôi vợ chồng đến từ bang Arkansas. Chúng tôi thu xếp gặp nhau tại nhà Hubbell vào khoảng 7-8 giờ.

Ngay khi tôi vừa chuẩn bị rời khỏi Nhà Trắng thì Lisa Caputo gọi đến và bảo rằng câu chuyện chính trong chuyên mục "Phong Cách" của tờ The Washington Post số phát hành ngày hôm sau sẽ nhằm vào bố ruột của Bill, ông William Blythe. Câu chuyện tiết lộ rằng ông cụ đã kết hôn ít nhất là hai lần trước khi gặp thân mẫu của Bill - một điều mà không ai trong gia đình được biết - và họ sẽ đăng tên một người được cho là anh em cùng cha khác mẹ với Bill. Thật là một "món quà" trong Ngày của Cha !

Văn phòng phụ trách Báo chí của Bill yêu cầu tôi gọi và báo cho Bill biết về bài báo để anh tránh để lộ sơ hở khi trả lời các câu hỏi về bố của mình. Sau đó, Bill và tôi phải tìm Virginia, người vốn cũng không biết gì về quá khứ của chồng mình. Tôi đặc biệt lo lắng vì căn bệnh ung thư của bà đã trở nên trầm trọng và hiểu rằng không nên để bà lo lắng thêm.

Khi tôi gọi điện thoại tới nhà Webb để báo hủy bữa cơm tối của tôi, Vince nhấc máy trả lời điện thoại. Tôi nói với ông lý do không thể đến tham dự buổi ăn tối hôm đó.

“Tôi phải tìm Bill và sau đó chúng tôi phải tìm thân mẫu của anh ấy”, tôi nói, "Anh ấy phải là người kể cho thân mẫu của mình là chuyện đó sắp bị công khai ra".

Vince đáp lời: "Ôi, tôi rất tiếc".

"Tôi cũng vậy. Ông biết đấy, tôi cũng chán ngấy chuyện ấy rồi."

Tôi nhớ đó là lần cuối cùng tôi nói chuyện với Vince.

Khoảng thời gian còn lại trong tháng và vào tháng Bảy, Vince rất bận rộn cùng với Bernie Nussbaum, luật sư của Nhà Trắng, xem xét lý lịch, trình độ chuyên môn của các ứng cử viên để thay thế cả Thẩm phán sắp về hưu là ông Byron "Whizzer" White ở Tòa án Tối cao lẫn ông William Sessions, người buộc phải từ chức Giám đốc cục Điều tra Liên bang FBI. Tôi vẫn đang làm việc duy trì cuộc cải cách chăm sóc y tế trong chương trình nghị sự của Quốc hội. Và tôi cũng bận rộn chuẩn bị cho chuyến công du đầu tiên ra nước ngoài với tư cách là Đệ nhất Phu nhân. Bill sắp tham dự cuộc gặp thượng đỉnh G-7, cuộc họp thường niên của bảy quốc gia công nghiệp hàng đầu ở Tokyo vào đầu tháng Bảy, và tôi sẽ đi cùng với anh ấy.

Tôi đang mong đợi chuyến viếng thăm Nhật Bản lần nữa. Tôi đã đến đó trong thời gian Bill còn là Thống đốc, và tôi còn nhớ l đứng bên ngoài cổng và có dịp ngắm nhìn say mê các khu vườn rực rỡ của Cung điện Hoàng gia. Lần này chúng tôi sẽ tham dự buổi dạ yến ở bên trong cung do Nhật hoàng cùng Hoàng hậu tổ chức. Lịch thiệp, tinh tế và thông minh, đôi vợ chồng này là hiện chân của nhưng sự phong nhã trong nghệ thuật dân tộc cũng như đại diện cho sự thanh bình của các khu vườn yên tĩnh, mà cuối cùng tôi cũng được đến trong thời gian ở tại Cung điện Hoàng gia. Trong chuyến đi này, tôi cũng có dịp gặp gỡ một nhóm phụ nữ Nhật lỗi lạc - đó là cuộc họp đầu tiên trong số rất nhiều cuộc họp mặt như thế mà tôi tổ chức trên khắp thế giới - để hiểu những vấn đề mà phụ nữ phải đối mặt ở khắp mọi nơi.

Tôi đặc biệt hài lòng rằng mẹ tôi cùng đi với chúng tôi trong chuyến công du đó. Tôi nghĩ mẹ tôi có thể ngắm nhìn những phong cảnh đẹp mà quên đi sự ra đi của bố tôi. Bà đã có khoảng thời gian tuyệt vời với chúng tôi ở Nhật Bản và Hàn Quốc. Sau đó mẹ và tôi gặp Chelsea ở Hawaii, nơi tôi tham dự buổi họp về hệ thống chăm sóc y tế toàn quốc của Hawaii. Hôm 20 tháng 7, Chelseca và tôi bay về bang Arkansas để mẹ tôi ở lại đó thăm viếng vài người bạn. Tối hôm đó, vào khoảng 8 đến 9 giờ, Mack McLarty gọi điện thoại cho tôi khi tôi đang ở nhà mẹ tôi và bảo là ông ấy biết được một tin thật khủng khiếp: Vince Foster đã chết; đây có vẻ là một vụ tự sát.

Tôi quá choáng váng đến nỗi không thể sắp xếp được chuỗi các sự kiện tối hôm đó. Tôi nhớ là đã khóc và chất vấn Mack rất nhiều. Tôi đã không thể tin điều đó. Liệu ông ấy có chắc là không có sự nhầm lẫn nào không? Mack cung cấp cho tôi một số thông tin sơ lược về xác chết được phát hiện trong công viên, khẩu súng ngắn tại hiện trường, một vết thương do súng ngắn ở đầu. Ông hỏi ý kiến của tôi khi nào nên báo cho Tổng thống biết. Vào thời gian đó, Bill đang xuất hiện trên chương trình Larry King Live của đài CNN tại Nhà Trắng và đồng ý tham gia thêm nửa giờ. Mack hỏi ý tôi là có nên báo

cho Bill biết trước khi kết thúc chương trình hay không. Tôi nghĩ là Mack nên cắt cuộc phỏng vấn để ông ta có thể báo tin cho Bill càng sớm càng tốt. Tôi lo tư tưởng của Bill sẽ bị phân tán trong buổi truyền hình trực tiếp đó về cái chết bi thảm của một trong những người bạn thân nhất với mình.

Ngay khi Mack gác máy, tôi đã kể sự việc cho mẹ tôi và Chelsea. Sau đó tôi bắt đầu gọi điện đến từng người mà tôi nghĩ họ có quen biết Vince, hy vọng ai đó làm sáng tỏ cách nào và tại sao chuyện đó lại có thể xảy ra.

Tôi trông đợi tin tức như cần không khí đề thở vậy. Tôi muốn phát điên vì tôi cảm thấy mơ hồ, và tôi không thể hình dung chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Ngay khi Bill kết thúc chương trình, tôi gọi điện cho anh. Anh nghe có vẻ bàng hoàng và luôn nói "Việc này làm sao có thể xảy ra được?" và "Tôi đã có thể ngăn lại được bằng cách nào đó". Sau khi tôi thông báo cho Bill, ngay tức thì anh đi đến khu phố nhà Vince và Lisa đã thuê ở phố Georgetown. Một trong vô số các cuộc gọi cho chúng tôi, anh bảo rằng Webb là trụ cột sức mạnh và có năng lực như thế nào, ông ta đảm trách việc lo liệu chu toàn đám tang sẽ được tổ chức ở thành phố Little Rock, sắp xếp việc đi lại, làm mọi thứ cần thiết có thể làm được cho gia đình Vince. Tôi luôn biết ơn Webb về chuyện đó và khi tôi nói chuyện với ông ấy, tôi đề nghị giúp đỡ ông ấy bất cứ cách nào mà tôi có thể. Tôi cũng trò chuyện với Lisa và chị gái Sheila của Vince. Không một ai trong chúng tôi tin vào điều mà chúng tôi được thông báo. Tất cả chúng tôi vẫn giữ mãi hy vọng vô lý rằng cơn ác mộng khủng khiếp này xuất phát từ sự hiểu lầm, một trường hợp nhận dạng sai.

Tôi gọi điện c Maggie Williams, người luôn hết lòng với Vince và gặp ông ta hằng ngày. Tất cả những gì bà ấy có thể làm là khóc nức nở, vì thế cả hai chúng tôi nói chuyện trong nghẹn ngào nước mắt. Tôi điện thoại cho Susan Thomases, người quen biết Vince từ những năm 80. Tôi gọi điện cho Phu nhân Tipper Gore và hỏi bà ấy xem bà có nghĩ là liệu chúng tôi có nên mời chuyên viên tư vấn để giải tỏa nỗi buồn phiền không. Bà Tipper vừa khuyên giải vừa cung cấp thêm thông tin, giải thích rằng nhiều vụ tự sát xảy ra hết sức bất ngờ bởi vì chúng ta không biết làm thế nào để đọc được nhưng tín hiệu báo trước.

Tôi thức suốt đêm khóc và nói chuyện với bạn bè. Tôi luôn tự hỏi bi kịch này đã có thể ngăn chặn được nếu như tôi hay một ai đó chú ý tới việc gì đó bất thường trong hành vi của Vince. Khi trang chuyên mục xã luận trên tờ Wall Street Journal bêu riếu ông, tôi khuyên ông làm ngơ các chuyện đó đi - một lời khuyên tôi đưa ra thật dễ dàng song dường như Vince khó mà làm theo được. Ông kể với những người bạn rằng ông và bạn bè của ông cùng

các khách hàng luôn luôn đọc tờ Journal ở bang Arkansas và ông không thể tưởng tượng việc gặp lại những người này sau khi họ đọc được câu chuyện về ông.

Tang lễ của Vince được tổ chức tại Nhà thờ St. Andrew, thành phố Little Rock. Vince không phải là người theo đạo Thiên Chúa, nhưng Lisa và các con đều là những giáo dân và việc tổ chức tang lễ ở đây có ý nghĩa rất trọng đại đối với họ. Bill hùng hồn kể chuyện về con người đặc biệt mà anh quen biết trong suốt cuộc đời mình và anh đã kết thúc bằng câu trích dẫn trong một bài hát của Leon Rusell: "Tôi yêu quý anh ở một nơi không có không gian lẫn thời gian/ Tôi yêu quý anh trọn cả cuộc đời tôi/ Anh là một người bạn của tôi".

Sau tang lễ, đoàn xe dài viếng tang của chúng tôi đến thành phố Hope, nơi Vince đã sinh ra và lớn lên. Đó là một ngày hè nóng bức, đến nỗi hơi ốc lên thành từng cuộn trên những cánh đồng đầy bụi. Vince được an táng ở khu vực ngoại ô thành phố. Tôi không thể nào tả hết được tâm trạng của mình vào lúc đó. Tôi chết lặng người đi. Tất cả những gì tôi có thể cảm nhận được là một ý niệm mơ hồ rằng cuối cùng thì giờ đây Vince đã được an toàn rồi, được trở về quê nhà, nơi mà ông ấy thuộc về.

Những ngày tiếp theo dường như trôi qua rất chậm chạp khi chúng tôi cố gắng bắt đầu công việc thường ngày như bình thường. Nhưng tất cả chúng tôi - những người rất thân thiết với Vince - vẫn bị ám ảnh bởi câu hỏi "Tại sao?". Đặc biệt là Maggie, bà cảm thấy cõi lòng tan nát. Bernie Nussbaum tự trách mình rằng ông đã ở cùng với Vince vào buổi sáng ấy mà không hề phát hiện được bất kỳ điều bất thường nào ở Vince. Đó là tuần lễ tuyệt vời nhất của văn phòng cố vấn kể từ khi thành lập. Ruth Bader Ginsburg sắp có được một chân trong Tòa án Tối cao, và đúng vào buổi sáng hôm ấy, Tổng thống đã bổ nhiệm Thẩm phán Louis Freeh làm Giám đốc mới của FBI. Bernie cho rằng Vince có vẻ như đã được thư giãn, thậm chí còn thư thái nữa là khác.

Tuy nhiên, khi tôi biết được nhiều hơn về căn bệnh trầm cảm, tôi bắt đầu hiểu ra rằng Vince có vẻ đã hạnh phúc vì ý tưởng về cái chết đem lại cho ông ấy một cảm giác bình yên. Vince đã lập một kế hoạch cho mình như thường lệ. Khẩu súng Colt của bố ông ấy đã cất sẵn trong xe. Thật khó hình dung ra nỗi đau đớn sẽ làm cho cái chết giống như là một sự giải thoát, theo như Vince đang cảm nhận. Sau này chúng tôi phát hiện ra rằng một vài ngày trước khi tự sát, ông ấy đã tìm đến liệu pháp tâm lý, nhưng đã quá trễ. Ông đã lái xe đến một công viên hẻo lánh bên sông Potomac, đặt nòng súng vào họng và bóp cò.

Hai ngày sau cái chết của Vince, Bernie Nussbaum đã đến văn phòng của ông. Cùng với các đại diện của Bộ Tư pháp và của FBI, họ đã xem xét lại mọi chứng từ tài liệu ở đây để tìm kiếm bất cứ cái gì có thể hé sáng về vụ tự sát của ông.

Bernie đã tiến hành một cuộc tìm kiếm nhanh một ghi chú tuyệt mệnh vào cái đêm Vince mất nhưng không khám phá được gì cả. Trong tiến trình tìm kiếm đầu tiên này, Bernie phát hiện ra rằng Vince đã lưu trữ trong văn phòng của mình một số hồ sơ cá nhân liên quan đến công việc mà ông đang làm cho Bill và tôi khi ông ấy là luật sư của chúng tôi ở thành phố Little Rock, bao gồm các hồ sơ có liên quan đến thương vụ đất đai còn gọi là vụ Whitewater. Bernie đã đưa những hồ sơ này cho Maggie Williams cất giữ trong nhà, và ngay sau đó các hồ sơ này được chuyển giao cho văn phòng của Bob Barnett, luật sư riêng của chúng tôi ở Washington. Do văn phòng của Vince không được coi là hiện trường xảy ra vụ tự sát, nên những hành động này là có thể hiểu được, hợp pháp và chính đáng. Nhưng chúng sớm hình thành nên những giả thuyết về một âm mưu nào đó và các điều tra viên cố gắng chứng tỏ rằng Vince bị mưu sát để che đậy những gì ông ta "biết được về vụ Whitewater".

Những tin đồn lẽ ra nên kết thúc bằng các báo cáo chính thức kết luận cái chết của Vince là do tự sát và bằng một tờ giấy viết thư mà Bernie phát hiện bị xé thành 27 mảnh trong đáy vali của Vince. Một mẩu ghi chú tự sát gần giống như giọt nước mắt từ trong tim, một lời giải thích về những điều đang dằn vặt linh hồn ông ấy.

Ông ấy đã viết: "Tôi không thích hợp với công việc được nhiều người chú ý ở Washington. Ở nơi đây, việc hủy hoại cuộc đời một con người được xem như trò thể thao... Công chúng sẽ không bao giờ tin vào sự vô tội của nhà Clinton và các nhân viên trung thành với họ... Các biên tập viên của tờ Wall Street Jounal nói dối mà không nghĩ đế hậu quả".

Những lời này đã khiến cho tôi càng thêm đau buồn. Vince Foster là một người tốt - một người muốn đóng góp cho đất nước của mình. Ông ấy có thể đã tiếp tục hành nghề luật sư ở Little Rock, để ngày nào đó làm Chủ tịch của Hiệp hội Luật sư Arkansas và để không bao giờ nghe thấy những lời tồi tệ bay đến tai mình. Thay vào đó, ông đã đến Washington làm việc cho người bạn cùng lớn lên từ thành phố Hope. Thời gian ngắn ông làm việc trong ngạch hành chính đã hủy hoại hình ảnh của chính bản thân ông và trong tư tưởng của mình, ông cho rằng danh tiếng của ông đã bị nhơ nhuốc không thể nào gột sạch được. Ngay sau khi ông mất, một nhà báo của tạp chí Time đã

tổng kết những biến đổi đáng buồn trong cuộc đời của ông bằng lời của chính ông. Vince nói: "Trước khi chúng tôi đến đây, chúng tôi cho rằng mình là những người tốt”. Ông ấy đang nói không chỉ cho bản thân mình, mà còn cho tất cả chúng tôi - những người tham gia cuộc hành trình từ bang Arkansas.

Sáu tháng sau kế từ những vui mừng của ngày nhậm chức là những ngày khủng khiếp. Bố tôi và người bạn thân của tôi đã mất; vợ, con cái, gia đình và bạn bè của Vince đều rất đau buồn; mẹ chồng tôi đang hấp hối; những bước đi sai lầm của Chính phủ mới đúng là đã bị biến thành nhưng sự kiện liên bang. Tôi không biết phải hướng về đâu. Và tôi đã làm điều mà tôi vẫn thường làm khi gặp phải nghịch cảnh: vùi đầu vào một thời khóa biểu dày đặc công việc đến mức không còn thời gian để nghĩ đến những nỗi buồn. Giờ đây, tôi thấy mình như một người hoa tiêu tự động, tự đẩy mình vào các cuộc họp về chăm sóc y tế ở Quốc hội và đọc diễn văn. Tôi đã suýt bật khóc mấy lần. Nếu tôi gặp người nào đó làm cho tôi nhớ về bố tôi, hoặc tình cờ nghe được một câu bình luận tồi tệ về Vince, tôi sẽ cảm thấy nước mắt mình như sắp trào ra. Tôi chắc rằng thỉnh thoảng mình hay cáu gắt, buồn và thậm chí là nổi giận - bởi vì tôi là như thế. Tôi biết tôi phải tiếp tục và chịu đựng nỗi đau của riêng mình. Đây là một trong những lần tôi vẫn cứ phải tiếp tục duy trì ý chí quyết tâm của mình.

Cuối cùng thì cuộc chiến về vấn đề ngân sách kết thúc vào tháng Tám, cùng với việc thông qua kế hoạch kinh tế của Bill. Trước cuộc bỏ phiếu, tôi có nói chuyện với những đảng viên Dân chủ đang dao động - những người cảm thấy lo lắng không chỉ cho cuộc bầu cử cam go về vấn đề ngân sách mà còn lo lắng về cách thức họ sẽ phải giải thích cho những cuộc bỏ phiếu đầy khó khăn tương tự khác, có thể diễn ra tiếp theo sau về vấn đề chăm sóc y tế, vũ khí và vấn đề mậu dịch. Một nữ dân biểu Cộng hòa đã gọi điện cho tôi để phân bua rằng bà ấy đồng ý với mục tiêu của Tổng thống là nhằm kiểm soát tình trạng thâm hụt ngân sách nhưng các lãnh đạo của bà đã ra lệnh cho bà phải bỏ phiếu phản đối, bất chấp ý kiến riêng của bà. Cuối cùng, không có người Cộng hòa nào bỏ phiếu cho kế hoạch cân đối ngân sách trọn gói. Kế hoạch này chỉ được Hạ viện chấp nhận bằng một cuộc bỏ phiếu, và Phó Tổng thống Gore trong vai trò là Chủ tịch Thượng viện phải bỏ phiếu để phá vỡ tỉ lệ hòa 50 - 50 tại Thượng viện. Nhiều người Cộng hòa can đảm, chẳng hạn như Dân biểu Marjorie Margolis Mezvinsky, dám làm những gì mà ông tin là vì lợi ích lâu dài của nước Mỹ, đã bị thất cử trong kỳ bầu cử sau.

Kế hoạch này không phải là tất cả những điều mà Chính phủ mong muốn, nhưng nó báo hiệu rằng Chính phủ phải chịu trách nhiệm trở lại về tài chính

và đất nước bắt đầu một cuộc thay đổi hoàn toàn về kinh tế, một việc chưa từng xảy ra trong lịch sử nước Mỹ. Kế hoạch này cũng làm giảm bớt tình trạng thâm hụt ngân sách đi một nửa; gia hạn thêm thời gian tồn tại của Quỹ Tín thác Chăm sóc Sức khỏe Người cao tuổi (Medicare Trust Fund); mở rộng việc cắt giảm còn gọi là Chương trình Miễn giảm Thuế Thu nhập (Earned Income Tax Credit) làm lợi cho 15 triệu người lao động Mỹ có thu nhập thấp; cải cách chương trình cho vay sinh viên, tiết kiệm cho người nộp thuế hàng tỉ đô la; và tạo ra những khu vực và những cộng đồng doanh nghiệp được toàn quyền hành động thể hiện qua việc được ưu đãi thuế khi đầu tư vào những khu vực đói nghèo, khó khăn. Để có tiền chi cho những cái cách này, kế hoạch đề xuất tăng thuế xăng dầu và thuế đánh vào những người có thu nhập cao nhất - đổi lại, những người này nhận mức lãi suất thấp hơn và một thị trường chứng khoán tăng trưởng nhanh chóng khi nền kinh tế phát đạt. Bill đã ký văn bản pháp lý cho kế hoạch này vào ngày 10 tháng 8 năm 1993.

Đến giữa tháng Tám, chúng tôi toàn lo nghĩ về công việc, đến nỗi cả Bill và tôi đều gần như chỉ có lên máy bay, im lặng và ngật ngưỡng trên chuyến bay đi nghỉ lễ của chúng tôi ở Martha's Vineyard. Vậy mà hóa ra đó lại là khoảng thời gian tuyệt vời và phục hồi sức lực của tôi.

Ann và VernonJordan là những người đã thuyết phục chúng tôi đến Vineyard, nơi họ đã đi nghỉ nhiều năm. Họ tìm cho chúng tôi một địa điểm hoàn hảo, một ngôi nhà nhỏ, tách biệt của ông Robert McNamara - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dưới thời hai vị Tổng thống Kennedy và Johnson. Ngôi nhà nông thôn có hai phòng ngủ, ở bán đảo Cape Cod nằm bên bờ Ao Hàu, một trong những ao nước mặn lớn ở ngoài bờ biển nam của bán đảo. Tôi nghỉ ngơi, bơi lội và cảm thấy những tháng ngày căng thẳng dần tan biến mất.

Bữa tiệc do gia đình Jordan tổ chức để mừng sinh nhật lần thứ 47 của Bill vào ngày 19 tháng 8 chỉ toàn bạn bè cũ và một vài người mới, họ pha trò khiến cho tôi cười và cảm thấy thật thoải mái. Đó là một trong những khoảng thời gian đẹp nhất mà tôi có được kể từ khi Bill nhậm chứ Jackie Kennedy Onassis có mặt ở đó cùng với người bạn đồng hành lâu năm của bà là ông Maurice Templesman. Người luôn luôn tỏ ra lịch thiệp mọi lúc mọi nơi là bà Katherine Graham, chủ bút tờ báo The Washington Post cũng đến, kể cả những người bạn tin cẩn là Bill và Rose Styron.

Là một người miền Nam rất thông minh và có óc hài hước, ông Styron có một khuôn mặt dạn dày sương gió và đôi mắt như nhìn thấu tâm can. Gần

đây ông đã xuất bản cuốn: Darkness Visible: A Memoir of Madness, kể lại chi tiết cuộc chiến đấu của

ông với căn bệnh trầm cảm. Tôi đã nói chuyện với ông về Vince trong bữa cơm tối và ngày hôm sau chúng tôi lại tiếp tục đàm đạo với nhau trong suốt buổi đi dạo kéo dài ở một trong những bãi biển đẹp của Vincyard. Ông Styron đã giải thích rằng cảm giác lấn át của sự mất mát và tuyệt vọng có thể bao trùm lên một con người cho đến khi khát vọng giải thoát khỏi nỗi đau khổ hằng ngày và sự mất phương hướng khiến cho cái chết dường như là một lựa chọn tự nhiên và thậm chí là hợp lý.

Tôi cũng có thời gian ở cùng với Jackie. Được bao xung quanh bởi hàng trăm mẫu đất đẹp nhất trong vùng Martha's Vineyard, nhà bà Jackie có sách và hoa ở khắp mọi nơi, có cửa sổ nhìn ra những cồn cát thoai thoải dẫn đến bãi biển ở phía xa xa. Ngôi nhà có vẻ tao nhã khiêm tốn đúng như tính cách của Jackie.

Tôi thích nhìn bà ấy và Maurice đi cùng với nhau. Với vẻ duyên dáng, thông minh và quảng bác, ông Maurice biểu lộ tình yêu, sự tôn trọng và quan tâm dành cho bà Jackie, cũng như niềm vui được ở bên cạnh bà. Họ luôn làm cho nhau cười thoải mái, đúng theo một trong những tiêu chí tôi đặt ra trong bất kỳ mối quan hệ nào.

Jackie và Maurice mời chúng tôi đi trên chiếc du thuyền của Maurice cùng với Caroline Kennedy Schlossberg và chồng của cô là Ed Schlossberg, Ted, Vicky Kennedy, Ann và VernonJordan. Caroline là một trong vài người có thể hiểu được những vấn đề đặc biệt của riêng Chelsea và từ đó, cô trở thành một người bạn rất hiểu tâm lý và là thần tượng đối với con gái tôi. Ted Kennedy, chú của Caroline là trưởng dòng họ Kennedy, một trong những Thượng nghị sĩ làm việc hiệu quả nhất. Ông đã từng phục vụ đất nước chúng ta trong vai trò người lính và cũng là một thuỷ thủ lão luyện. Ông vẫn duy trì bài tường thuật tại chỗ về vấn đề hải tặc và những trận thuỷ chiến, còn người vợ thông minh, sôi nổi của ông, bà Vicky, cung cấp các chi tiết bổ sung cho bài diễn thuyết ấy.

Chúng tôi nổ máy du thuyền khởi hành từ Hải cảng Menemsha vào một ngày nắng đẹp tuyệt vời và thả neo bên cạnh một hòn đảo nhỏ để tắm biển trước khi dùng cơm trưa. Tôi xuống khoang thuyền để lấy đồ bơi và vào lúc tôi quay trở lên boong thì Jackie, Tedn và Bill đã ở dưới nước. Caroline và Chelsea leo lên một cái bục cách mặt nước khoáng 12 mét. Khi tôi nhìn thấy hai cô cháu thì họ đã nhảy xuống biển cùng với nhau và đã ở ngay dưới

nước.

Hai cô cháu cười phá lên và bơi trở về du thuyền để lại cùng nhau nhảy tiếp.

Chelsea la lên: "Nào, xuống đi mẹ ơi, thử đi!".

Dĩ nhiên là Ted và Bill cũng bắt đầu la hét: "Này, thử đi, thử đi!”. Do tôi cảm thấy thoải mái trong ngày hôm ấy nên tôi đã trả lời đồng ý. Tôi không còn là một vận động viên nữa, nhưng điều tiếp theo mà tôi biết là tôi sắp sửa nối gót Caroline và Chelsea leo lên một cái thang nhỏ hẹp để lên đến đỉnh của nó. Vào lúc này tôi nghĩ: "Mình sẽ làm chuyện này như thế nào đây?”. Ngay khi Caroline và Chelsea leo lên đến cái bục nhảy thì - ùm!, hai cô cháu đã lại lao xuống nước. Bây giờ phải lên trên đó một mình, nhìn xuống thấy mọi người bé tí ở bên dưới đang bơi, tôi nghe tiếng họ la hét: "Nào, nào! Nhảy đi!".

Rồi tôi nghe thấy giọng của Jackie la to hơn tất cả mọi người: "Đừng nhảy nữa, bà Hillary! Đừng để mọi người bắt bà phải làm như vậy! Đừng nhảy!".

Tôi tự nghĩ: "Giờ đây, đó là tiếng nói của lý trí và kinh nghiệm để mình không cần phải làm điều đó nữa". Tôi chắc chắn rằng không thể đếm hết được số lần Jackie nói: "Không, chỉ là tôi sẽ không làm điều đó mà thôi". Bà ấy biết chính xác những gì đang diễn ra trong tâm trí tôi và bà ấy đã đến để cứu tôi.

Tôi hét lên: "Bà biết đấy! Bà nói đúng!”.

Tôi từ từ leo xuống với vẻ hết sức nghiêm nghị. Sau đó, tôi xuống nước và bơi cùng với Jackie, bạn của tôi.

PHÒNG SOẠN THẢO DỰ LUẬT

Trước ngày lễ Quốc tế Lao động một tuần, chúng tôi trở lại Washington cùng với chiến thắng quan trọng của Chính phủ về ngân sách; đó là lúc Nhà Trắng cần tập trung toàn bộ thời gian vào sáng kiến cải cách hệ thống chăm sóc y tế. Tôi cũng như thế. Mục tiêu 100 ngày của Bill đã trôi qua từ lâu và nhóm chuyên trách giải tán vào cuối tháng Năm, còn vấn đề chăm sóc y tế đã bị gác lại trong nhiều tháng liền để Tổng thống cùng các nhóm đặc trách về tư pháp và kinh tế có thể tập trung vào kế hoạch trọn gói làm giảm tình trạng thâm hụt ngân sách. Suốt mùa hè, tôi gọi điện thoại cho các thành viên của Quốc hội, và làm việc cật lực để giúp Bill thông qua chương trình kinh tế, mấu chốt cho tất cả những mục tiêu mà anh ấy hy vọng sẽ đạt được cho đất nước.

Tuy nhiên, cho dù chúng tôi có chiến thắng quan trọng về ngân sách, việc cải cách hệ thống chăm sóc y tế vẫn phải cạnh tranh quyền ưu tiên với các chương trình lập pháp khác. Kể từ lúc Chính quyền bắt đầu đi vào hoạt động, Bộ trưởng Tài chính Lloyd Bentsen đã cảnh báo về thời gian biểu cho chương trình cải cách chăm sóc y tế, ông không tin là chương trình này có thể được thông qua trong vòng hai năm. Cuối tháng Tám, Bentsen cùng Ngoại trưởng Warren Christopher và cố vấn kinh tế - ông Bob Rubin - bày tỏ lập trường cứng rắn yêu cầu trì hoãn những cải cách hệ thống chăm sóc y tế và tập trung xúc tiến Hiệp định Mậu dịch Tự do Bắc Mỹ, còn gọi là NAFTA. Họ cho rằng mậu dịch tự do cũng rất quan trọng đối với sự hồi phục nền kinh tế quốc gia và NAFTA bảo đảm có tác động lập tức. Việc tạo ra một khu vực mậu dịch tự do ở Bắc Mỹ - khu mậu dịch tự do lớn nhất thế giới - sẽ giúp mở rộng xuất khẩu của Mỹ, tạo công ăn việc làm và đảm bảo rằng nền kinh tế thu được nhiều lợi ích chứ không phải những gánh nặng từ toàn cầu hóa. Mặc dù các nghiệp đoàn lao động không thích toàn cầu hóa nhưng việc mở rộng các cơ hội kinh doanh buôn bán là một mục tiêu quan trọng của chính quyền. Vấn đề là liệu Nhà Trắng có thể cùng một lúc tập trung sức lực của mình vào hai chiến dịch lập quy chế pháp lý cho hai vấn đề trên hay không. Tôi cho rằng có thể và nói rằng việc trì hoãn cải cách hệ thống chăm sóc y tế sẽ làm mất thêm các cơ hội. Nhưng đó là quyết định của Bill và bởi vì NAFTA phải đối đầu với một thời hạn chót cho việc lập y chế pháp lý nên anh kết luận rằng cần chú tâm vào vấn đề đó trước.

Anh cũng cam kết tăng cường mối quan hệ với những nước láng giềng thân cận chúng tôi ở phía nam. Mexico không chỉ là quê hương tổ tiên của hàng triệu người Mỹ gốc Mexico, đất nước này còn đang phải trải qua những thay

đổi sâu sắc về kinh tế và chính trị mà những sự thay đổi này có thể tạo ra tác động như những đợt sóng gợn lan khắp châu Mỹ La tinh. Bill muốn ủng hộ Tổng thống Ernesto Zedillo, một nhà kinh tế học được đào tạo bài bản - người đang làm biến đổi hoàn toàn chính quyền đất nước từ hệ thống chính trị độc đảng sang chế độ dân chủ đa đảng và nhờ vậy sẽ khắc phục được những vấn đề kéo dài từ rất lâu như đói nghèo, tham nhũng và cả những mối quan ngại xuyên biên giới như nhập cư, ma túy và mậu dịch.

Vậy là một lần nữa, vấn đề chăm sóc y tế lại phải chờ đợi. Tuy nhiên, Ira và tôi cùng một nhóm các nhân viên về chăm sóc y tế tiếp tục xây dựng nền tảng cho một dự luật sẽ cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế có chất lượng, chi phí hợp lý cho tất cả người dân Mỹ.

Những thắng lợi đầy ấn tượng về việc xây dựng quy chế pháp lý của Bill trong mùa hè vừa qua khiến chúng tôi cảm thấy lạc quan về những cơ hội của mình. Chúng tôi vẫn tiếp tục tự nhắc nhở bản thân mình rằng việc cải cách không chỉ là các chính sách công phức tạp, mà còn phải cải thiện cuộc sống của người dân. Trong quá trình cố gắng tìm các giải pháp, tôi đã gặp nhiều trường hợp làm tôi xúc động.

Trong khi Bill và các cố vấn của anh đang cố gắng tìm ra một chính sách nhằm thúc đẩy nền kinh tế đột phá thì tôi du hành khắp đất nước, lắng nghe người dân Mỹ kể về những gian khổ khi phải đối đầu với các loại chi phí y tế tăng vọt, sự phân biệt đốiều trị và tình trạng quan liêu mà họ gặp phải mỗi ngày. Những chuyến đi của tôi từ bang Louisiana đến bang Montana, từ bang Florida tới bang Vermont, đã củng cố thêm nhận định của tôi rằng hệ thống y tế hiện hữu có thể hoạt động hiệu quả hơn, ít tốn kém hơn khi đảm bảo cho mọi người dân Mỹ đang cần sự quan tâm về y tế có thể tiếp cận được nó.

Tôi đã chuyện trò với những người tạm thời không được hưởng chế độ chăm sóc y tế do họ thay đổi công việc - một điều đang xảy ra với trung bình khoảng 2 triệu công nhân mỗi tháng. Tôi gặp những người đàn ông và những phụ nữ - những người nhận ra rằng họ có thể không được bảo hiểm y tế nếu nằm trong diện "có tiền căn về bệnh tật" như ung thư hoặc tiểu đường, đã được phát hiện qua chẩn đoán và có trong bệnh sử của họ. Một số người Mỹ cao tuổi sống nhờ vào những khoản thu nhập cố định đã kể với tôi rằng họ bị bắt buộc phải chọn lựa giữa việc trả tiền thuê nhà hoặc trả tiền mua các loại thuốc được bác sĩ kê toa. Thời gian bố tôi phải nằm viện đã giúp tôi hiểu rằng cho dù có được chăm sóc chu đáo và được hỗ trợ tốt nhất, nhưng việc mất những người mà bạn yêu thương là nỗi đau không gì sánh được. Và sẽ

đau khổ hơn biết bao nhiêu nếu sự mất mát đó là có thể tránh được. Tôi không thể chịu đựng được ý nghĩ đó.

Tôi cũng đã gặp những người Mỹ khiến cho lòng mình bừng lên niềm hy vọng. Vào một ngày, khi đến nói chuyện với những người thực hiện cải cách hệ thống chăm sóc y tế ở Điện Capitol, tôi chú ý đến một cậu bé đang ngồi trên chiếc xe lăn ở hàng trước. Cậu nở nụ cười dễ thương trên khuôn mặt thật đáng yêu, tôi không thể rời mắt khỏi cậu bé. Trước khi diễn thuyết, tôi đi đến chỗ cậu. Khi tôi cúi xuống chào cậu, cậu quàng tay ôm lấy cổ tôi. Tôi bế cậu bé lên và phát hiện ra rằng bé phải bộ giá đỡ toàn thân nặng đến 20 kg. Tôi phát biểu trước khán giả trong khi vẫn ôm cậu bé trên tay. Tôi giới thiệu về cậu - bé Ryan Moor, bảy tuổi, ở thành phố South Sioux, bang Nebraska. Bé Ryan được sinh ra với một thể trạng còi cọc hiếm gặp. Gia đình bé liên tục tranh luận căng thẳng với công ty bảo hiểm của mình để yêu cầu công ty thanh toán cho nhiều khoản phẫu thuật và điều trị cần thiết cho bé. Tuy căn bệnh của Ryan làm chậm lại sự phát triển cơ thể của cậu bé, nhưng nó không làm cậu trở nên bi quan. Bé làm cho tôi cùng các nhân viên của mình yêu mến đến mức Melanne đã treo một bức ảnh lớn của bé trên tường trong các văn phòng Hillaryland. Những câu chuyện tương tự như của bé Ryan khiến chúng tôi chú ý đến điều mong ước trong suốt cuộc đấu tranh của mình là đưa hệ thống chăm sóc y tế đến với tất cả mọi người dân Mỹ. Sự can đảm và niềm hy vọng của bé vẫn tiếp tục thôi thúc tôi cho đến tận ngày hôm nay. Hiện Ryan đang học trung học và mơ ước trở thành một bình luận viên thể thao trong các chương trình phát thanh và truyền hình.

Đầu tháng Chín, Bill tập trung vào việc chuẩn bị cho chuyến viếng thăm sắp tới của Thủ tướng Israel, ông Yitzhak Rabin và nhà lãnh đạo người Palestine, ông Yaser Arafat, và việc ký kết hiệp ước hòa bình Trung Đông mới. Trong cuộc họp lịch sử này, diễn ra tại Khu vườn phía Nam của Nhà Trắng vào ngày 13 tháng 9 năm 1993, một hiệp ước đã được ký kết, là kết quả của nhiều tháng thương lượng ở Oslo, Na Uy, gọi là Hiệp ước Oslo. Việc tạo dựng sự ủng hộ của Chính phủ Mỹ đối với Hiệp ước này rất quan trọng bởi vì Hợp chủng quốc Hoa Kỳ là quốc gia duy nhất có thể thúc đẩy cả hai bên thực sự thi hành các điều khoản của hiệp ước và là quốc gia được Israel tin cậy trong việc bảo vệ an ninh của họ. Người dân ở Trung Đông cũng sẽ thấy Thủ tướng Rabin và Chủ tịch Arafat đích thân cam kết cho những điều mà các đại diện của họ đã thỏa thuận.

Tôi gặp ông Yitzhak và vợ ông, bà Leah Rabin, lần đầu tiên vào đầu mùa xuân năm ấy khi họ ghé thăm xã giao tại Nhà Trắng. Thủ tướng Yitzhak là một người đàn ông tầm thước, vẻ ngoài không có gì nổi bật, nhưng thái độ

chững chạc và sự mạnh mẽ của ông đã thu hút tôi cũng như nhiều người khác. Ở ông toát ra một sức mạnh. Đây là người đàn ông khiến cho tôi cảm thấy có thể tin cậy được. Còn bà Leah là một người đầy ấn tượng, có mái tóc đen nhánh với đôi mắt xanh sắc sáo, thể hiện sức sống và sự thông minh. Bà đọc sách rất nhiều, có óc quan sát và am tường về nghệ thuật. Và trong chuyến thăm tôi lần thứ hai tại Nhà Trắng này, bà chú ý đến những nơi tôi cho treo lại một số bức tranh trong bộ sưu tập nghệ thuật. Bà thẳng thắn chia sẻ ý kiến của mình về các nhân vật và những sự kiện bằng những lời nhận xét bộc trực và nhờ vậy, bà nhanh chóng làm cho tôi cảm thấy quý mến bà. Cả hai ông bà Rabin đều có cái nhìn rất thực tế về những thách thức đang ở phía trước của Israel. Họ tin rằng không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải cố gắng đạt được một tương lai bảo đảm cho đất nước họ thông qua các cuộc thương lượng với những kẻ thù không đội trời chung. Thái độ của họ gợi cho tôi câu ngạn ngữ cổ xưa: "Hãy hy vọng vào điều tốt đẹp nhất và dự tính những điều tồi tệ nhất". Đó cũng là đánh giá của tôi và của Bill.

Vào cái hôm đầy triển vọng ấy, Bill đã thuyết phục ông Yitzhak bắt tay ông Arafat như là một dấu hiệu cụ thể cho lời cam kết của hai ông về kế hoạch hòa bình. Thủ tướng Rabin đồng ý, miễn là không có việc ôm hôn theo phong tục của người Ả-rập. Trước buổi lễ, Bill và ông Yitzhak cùng tham gia diễn tập việc bắt tay rất vui vẻ, Bill đóng vai ông Arafat vì họ phải thực hiện một bài luyện tập phức tạp nhằm ngăn không để nhà lãnh đạo người Palestine kéo họ đến quá gần.

Việc bắt tay và hiệp ước có vẻ như mang lại hy vọng về một nền hòa bình ở Trung Đông, lại vài người Israel và Ả-rập coi đó như là một lời khiển trách đối với mối quan tâm chính trị và niềm tin tôn giáo của họ, mà sau đó đã dẫn đến bạo lực và vụ ám sát bi thảm Thủ tướng Rabin. Thế nhưng vào buổi chiều tuyệt vời ngày hôm đó - dưới ánh nắng mặt trời chói sáng ấm áp như mang đến lời chúc phúc lành của Chúa - tôi đã chỉ hy vọng về những điều tốt đẹp nhất và đã quyết định giúp đỡ bằng bất kỳ cách nào có thể để hỗ trợ cho quyết định đầy can đảm của Israel khi nhận lấy phần rủi ro vì một nền hòa bình trường tồn và vững chắc.

Ngay khi giải quyết những vấn đề thúc bách và thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, Bill đã lên kế hoạch đọc một bài diễn văn vào giờ cao điểm trên sóng truyền hình trước Quốc hội vào ngày 22 tháng 9 để phác thảo kế hoạch về hệ thống chăm sóc y tế. Tiếp theo đó, tôi dự định đưa ra các chứng liệu trước năm Ủy ban của Quốc hội xem xét việc lập quy chế pháp lý cho hệ thống chăm sóc y tế, điều mà chúng tôi hy vọng sẽ được tiến hành vào đầu tháng Mười.

Lịch trình làm việc trong tháng Chín thật dày đặc, vì vậy chúng tôi không thể đảm đương thêm các vấn đề phức tạp khác. Mặc dù bản thân dự luật chưa được hoàn tất, nhưng Bill, Ira và tôi muốn báo cho các thành viên thuộc Đảng Dân chủ biết về dự luật đó trước khi Bill đọc bài diễn văn quan trọng để họ có thể hiểu được những ý tưởng ẩn đằng sau quyết định của chúng tôi. Tuy nhiên, những số liệu chưa xử lý nêu trong dự luật cần phải được các chuyên gia về ngân sách tính toán và xác nhận, và việc này phải mất nhiều tuần lâu hơn dự tính. Thay cho việc lưu hành một tài liệu chưa hoàn tất, chúng tôi thiết lập một "phòng đọc", ở đó những nhân viên thuộc Đảng Dân chủ có thể đọc được kế hoạch cải cách với điều kiện là các số liệu có thể thay đổi. Nội dung tài liệu bị rò rỉ cho các cơ quan thông tấn báo chí. Những chuyện xảy ra sau đó đã khiến nhười trong Quốc hội nghĩ rằng dự thảo này là một bản dự luật hoàn tất. Là người luôn tỏ thái độ thận trọng với việc cải cách hệ thống chăm sóc y tế, Thượng nghị sĩ Moynihan đã công khai chỉ trích tất cả nhóm làm việc, bảo rằng nhóm dự thảo đã lấy căn cứ trên những con số "tưởng tượng".

Những người đề xướng và những người phản đối cải cách bắt đầu tổ chức các chiến dịch của mình để gây ảnh hưởng đến kết quả. Phần lớn những nhóm đại diện cho khách hàng, gia đình, công nhân, người già, các bệnh viện nhi đồng và các bác sĩ nhi khoa đều ủng hộ việc cải cách. Tuy nhiên, .nhóm các doanh nghiệp, đặc biệt là nhưng doanh nghiệp nhỏ, những công ty dược và các công ty bảo hiểm lớn đều xem việc cải cách như một mối đe dọa. Cả giới y bác sĩ cung vậy, cũng phản đối những vấn đề cụ thể của kế hoạch cải cách.

Không cần phải mất nhiều thời gian để nhận thấy rằng phe đối lập đã tổ chức tốt và được tài trợ tài chính nhiều như thế nào. Đầu tháng Chín, Hiệp hội Bảo hiểm Y tế của Mỹ, một nhóm lợi ích hùng mạnh đại diện cho các công ty bảo hiểm của quốc gia, đã tung ra những quảng cáo trên truyền hình nhắm vào việc gây tai tiếng cho cuộc cải cách. Những quảng cáo này mô tả một cặp vợ chồng ngồi tại bàn nhà bếp, xem các hóa đơn thuốc men của mình và lên tiếng lo ngại rằng chính phủ sắp sửa bắt buộc họ ký vào một kế hoạch chăm sóc y tế mới mà họ không muốn. Giọng người dẫn chuyện trên truyền hình than vãn: "Mọi thứ đang thay đổi nhưng không theo chiều hướng tốt hơn tí nào cả. Nhà nước có thể bắt buộc chúng ta phải chọn một trong các kế hoạch chăm sóc y tế do những tay quan liêu trong chính phủ nghĩ ra". Đó là một quảng cáo sai lạc và dối trá, nhưng nó lại là một thủ đoạn khéo léo và đạt được hiệu ứng như mong muốn.

Vào ngày 20 tháng 9, hai ngày trước khi Bill định sẽ tuyên bố công kh kế

hoạch chăm sóc y tế của mình trước Quốc hội và cả nước, anh đã đề nghị tôi xem bản thảo bài phát biểu mà anh vừa mới nhận được từ nhóm viết diễn văn cho lãnh đạo Nhà Trắng. Qua nhiều năm, Bill và tôi luôn dựa vào nhau như những cố vấn của nhau. Chúng tôi cũng xem nhau như là những biên tập viên của nhau vào bất cứ khi nào chúng tôi phải thực hiện một bài diễn văn lớn hoặc bất kỳ văn bản quan trọng nào. Vào một buổi trưa Chủ nhật, tôi ngồi trên một chiếc ghế cỡ lớn ở một trong những căn phòng tôi ưa thích nhất trên tầng thượng của Nhà Trắng - Phòng Tắm nắng - là nơi chúng tôi thường lui tới thư giãn, chơi bài, xem truyền hình và cảm giác mình giống như là một gia đình bình thường. Gió lướt qua các trang của bài diễn văn, tôi thấy rằng nó chưa được chuẩn bị chu đáo - trong khi Bill sắp phải phát biểu bài diễn văn này trong vòng hơn 48 tiếng nữa thôi. Tôi cảm thấy không an lòng. Tôi nhấc điện thoại và yêu cầu người trực tổng đài điện thoại của Nhà Trắng gọi bà Maggie. Là người luôn luôn giữ được bình tĩnh trong những tình huống khó khăn, Maggie liếc qua bài diễn văn và nhanh chóng triệu tập một cuộc họp với những cố vấn hàng đầu về chăm sóc y tế và những chuyên gia soạn diễn văn vào buổi tối hôm đó. Trong lúc thưởng thức vài món ăn nhẹ Mexico ở phòng Tắm nắng, tôi cùng khoảng hơn một chục nhân viên đã ngồi bàn bạc các chủ đề của bài diễn văn. Tôi đề nghị xem việc cải cách hệ thống chăm sóc y tế như là phần đầu của lộ trình đi vào tương lai của nước Mỹ, một cách so sánh ẩn dụ thích hợp bởi vì theo quan điểm của Bill, thì đây là cơ hội cho thế hệ của chúng tôi đáp lời kêu gọi vì lợi ích của các thế hệ tương lai. Chúng tôi đã xử lý các chủ đề cho lộ trình phát triển này, và với cảm giác vừa khẩn trương vừa nhẹ nhõm, chúng tôi đưa bản sơ thảo cho các chuyên gia soạn lại. Sau khi được Bill liên tục biên tập và hiệu chỉnh, họ đã sắp xếp lại thành văn bản hoàn chỉnh và hoàn tất ngay tối hôm thứ Ba.

Các vị Tổng thống thường đọc nhưng;c biệt trước Quốc hội trên bục diễn thuyết trong căn phòng trang trí lộng lẫy của Hạ viện. Đó là một buổi tối đầy đủ các nghi thức. Khi Tổng thống bước vào đại sảnh, người cảnh vệ thông báo bằng một giọng trầm trầm: "Tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đã đến". Khán thính giả đứng lên và Tổng thống chào tất cả những thành viên của cả hai đảng, những người mà theo truyền thống, ngồi ở hai phía đối diện nhau của lối đi. Sau đó, Tổng thống đi lên bục đứng và quay mặt về phía khán giả. Phó Tổng thống và Chủ tịch Hạ viện ngồi ngay sau lưng Tổng thống.

Đệ nhất Phu nhân cùng với các vị khách của Nhà Trắng và các quan chức khác ngồi ở một khu vực đặc biệt tại ban công. Người dân thủ đô rất thích trò chơi đoán xem ai sẽ được ngồi cùng với Đệ nhất Phu nhân. Vào buổi tối hôm đó, bên tay phải của tôi là Tiến sĩ T. Berry Brazelton - một trong những

bác sĩ nhi khoa hàng đầu của đất nước và là người tôi quý mến, đã làm việc cùng tôi về các vấn đề trẻ em trong khoảng 10 năm. Đáng ngạc nhiên hơn là vị khách ngồi bên tay trái của tôi, Tiến sĩ C. Everett Koop. Tiến sĩ Koop là một bác sĩ phẫu thuật bệnh nhi lão luyện, từng là Bộ trưởng Y tế dưới thời Tổng thống Reagan, chịu trách nhiệm về các vấn đề Chăm sóc Sức khỏe Cộng đồng. Ông để râu, đeo kính, là một thành viên thuộc Đảng Cộng hòa và là người phản đối gay gắt việc phá thai - ông đã kiên trì theo đuổi cuộc đấu tranh không khoan nhượng này. Cả Bill và tôi đều khâm phục Tiến sĩ Koop vì ông có những quan điểm rất dũng cảm khi còn làm Bộ trưởng Y tế, đã cảnh báo người dân Mỹ về những mối nguy hại do hút thuốc lá và sự lan rộng của đại dịch AIDS cũng như việc vận động tiêm chủng phòng ngừa bệnh, sử dụng bao cao su, y tế môi trường và vận động thực hiện các độ dinh dưỡng tốt hơn. Ông đã chứng kiến những thất bại của hệ thống y tế vừa như một bác sĩ lâm sàng vừa như một nhà hoạch định chính sách, Tiến sĩ Koop đã lên tiếng ủng hộ việc cải cách hệ thống chăm sóc sức khỏe y tế và là một người bạn đồng minh, một cố vấn không thể thiếu được.

Sau khi ra hiệu cho khán giả an tọa, Bill bắt đầu bài diễn văn của mình. Trái với sự tin cậy lớn lao của anh, ngay cả tôi cũng không nhận ra có điều gì đó không ổn. Sau đó, chúng tôi biết được rằng viên sĩ quan phụ tá đã đặt nhầm bài diễn văn trên máy phóng đại chữ - thay vào đó là bài phát biểu về kinh tế mà Bill đã diễn thuyết nhiều tháng trước. Bill nổi tiếng là người có tài ứng khẩu và tùy cơ ứng biến, nhưng bài diễn văn này quá dài và quá quan trọng đến nỗi Bill không thể ứng biến ngay được. Trong bảy phút cực kỳ căng thẳng, khi các nhân viên của anh vội vàng đi sửa chữa sai lầm thì anh ấy đã trình bày những lời nhận xét của mình từ những nội dung mà anh còn nhớ được.

Bài diễn văn thật tuyệt vời, nó là sự hòa trộn của niềm say mê, sự thông thái và đã nêu bật được nội dung cốt lõi của vấn đề. Tôi rất tự hào về anh trong buổi tối hôm ấy. Đó là con đường dũng cảm dành cho một vị tân Tổng thống. Tổng thống Franklin D. Roosevelt đã mạnh dạn tìm ra cách thức để giúp cho những người Mỹ cao tuổi không phải vướng bận về vấn đề kinh tế bằng chương trình Phúc lợi Xã hội. Còn Bill, thông qua cuộc cải cách hệ thống chăm sóc y tế, anh muốn có sự cải thiện sâu sắc về chất lượng cuộc sống cho hàng chục triệu người dân Mỹ. Anh đưa cao tấm "thẻ chăm sóc y tế" có màu đỏ, trắng và xanh dương với hy vọng nhưng tấm thẻ này sẽ được cấp cho từng người dân Mỹ, đồng thời anh cũng hứa hẹn sẽ triển khai một kế hoạch đảm bảo cho mọi công dân đều được hưởng chế độ bảo hiểm y tế và tiếp cận được với hệ thống chăm sóc y tế có chất lượng cao với chi phí hợp lý.

Bill phát biểu với dân chúng cả nước: "Tối hôm nay, chúng ta cùng nhau đến đây để viết nên chương mới trong ịch sử Hoa Kỳ. Cuối cùng thì sau nhiều thập kỷ sai lầm từ bước khởi đầu, chúng ta phải thực hiện sự lựa chọn khẩn thiết nhất là: giúp cho mọi người dân Mỹ có sự an sinh về y tế, một hệ thống chăm sóc sức khỏe không thể bị tước đoạt, một hệ thống chăm sóc y tế luôn sẵn sàng". Khi anh ấy hoàn tất bài diễn văn dài 52 phút, khán giả đã đứng lên hoan hô anh. Mặc dù ngay lập tức, có một vài chuyên gia về luật pháp thuộc Đảng Cộng hòa không đồng ý với một số chi tiết của kế hoạch nhưng nhiều người ở cả hai đảng đều nói rằng họ khâm phục thiện chí của Bill trong việc giải quyết một vấn đề đã làm đau đầu nhiều nhà lãnh đạo tiền nhiệm. Như một nhà báo ví von, những nỗ lực cải cách hệ thống chăm sóc y tế này giống như là "Chinh phục đỉnh núi Everest". Chúng tôi đã bắt đầu cuộc hành trình. Tôi cảm thấy phấn khích tuy vẫn còn hơi e ngại. Tôi nhận thức rất rõ rằng một bài diễn văn có tác dụng thức tỉnh người khác là một chuyện, còn việc thiết kế và thông qua cơ chế pháp lý lại là chuyện khác. Nhưng tôi cảm ơn lời cam kết và tài hùng biện của Bill, và tôi tin tưởng là chúng tôi sẽ đạt được một sự thỏa hiệp bởi vì tình trạng phồn thịnh của xã hội và của nền kinh tế đất nước chúng ta về lâu dài phụ thuộc rất nhiều vào điều đó.

Sau bài diễn thuyết, chúng tôi được hộ tống lên xe và hướng về Nhà Trắng. Chúng tôi đã lên kế hoạch cho một bữa tiệc ở State Floor sau buổi diễn thuyết, nhưng chúng tôi quyết định trượt tiên phải đến Văn phòng Điều hành cũ, nơi các nhân viên về hệ thống chăm sóc y tế làm việc trong những ô ngăn chật hẹp, được dùng tạm thời tại phòng 160. Bill và tôi cảm ơn họ đã dành nhiều ngày đêm làm việc vì công cuộc cải cách. Tôi đứng trên một chiếc ghế và vừa tuyên bố vừa cười, vừa hoan hô rằng, với sự sắp ra đời của dự luật về chăm sóc sức khỏe y tế, từ nay căn phòng sẽ được đặt tên là "Phòng Hộ sinh".

Chúng tôi có đầy đủ mọi lý do để lạc quan về kế hoạch cải cách bởi vì những đánh giá về bài diễn văn của Bill và những phác thảo của kế hoạch nói chung đều tích cực. Đông đảo dân chúng ủng hộ hoạt động cải cách hệ thống chăm sóc sức khỏe y tế. Những bài tường thuật tin tức với những hàng tiêu đề "CẢI CÁCH HỆ THỐNG CHĂM SÓC Y TẾ"; "HƯỚNG ĐI ĐÚNG!" khen ngợi kế hoạch và những nỗ lực của chúng tôi khi đạt được sự đồng thuận của cả hai đảng.

Mặc dù dự luật cần một tháng nữa mới được "khai sinh", nhưng tôi vẫn hăm hở tiếp tục trình bày các cứ liệu của mình trước các Ủy ban xem xét cuộc cải cách. Sáu ngày sau khi Bill diễn thuyết, ngày 28 tháng 9, tôi có được cơ hội. Sự xuất hiện của tôi trước Ủy ban xem xét ngân sách chi tiêu của chính phủ

ở Hạ viện đã đánh dấu lần đầu tiên, một Đệ nhất Phu nhân là nhân chứng hàng đầu cho một sáng kiến xây dựng quy chế pháp lý về một lĩnh vực quản lý quan trọng. Những Đệ nhất Phu nhân khác cũng đã ra trình bày trước Quốc hội, gồm có bà Eleanor Roosevelt và bà Rosalynn Carter. Bà Carter đã xuất hiện trước một tiểu ban ở Thượng viện vào năm 1979 để tranh luận về việc gia tăng tài trợ tiền cho các chương trình trợ giúp các bệnh nhân có vấn đề về sức khoẻ tâm thần và hỗ trợ các phương tiện điều trị.

Khi tôi đến, căn phòng đã đầy kín người. Tôi cảm thấy cực kỳ căng thẳng. Mọi chỗ ngồi đều có người, và thậm chí không còn một khoảng trống nào sót lại dọc theo các bức tường hai bên và phía trong cùng. Hàng chục nhiếp ảnh gia đang ngồi hoặc nằm trên sàn trước bàn nhân chứng, bấm máy liên tục khi tôi ngồi xuống. Tất cả các mạng lưới truyền hình đều cử các nhóm quay phim đến để ghi lại sự kiện.

Tôi đã làm việc rất chăm chỉ để chuẩn bị cho các cứ liệu của mình. Trong một lần chuẩn bị, Mandy Grunwald, người cố vấn nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực truyền thông, từng làm việc với James Carville trong chiến dịch tranh cử năm 1992 của chúng tôi và vẫn còn làm việc cho Ủy ban Quốc gia thuộc Đảng Dân chủ, hỏi tôi về những điều tôi thực sự muốn truyền đạt.

Tôi biết là tôi không thể để phạm bất kỳ sai lầm nào, nhưng tôi cũng không muốn những câu chuyện nhân văn về sự lo âu và chịu đựng của con người bị lẫn trong những vấn đề sâu xa của chính sách công. Tôi muốn nhưng lời tôi nói diễn đạt được tầm mức thực của vấn đề chăm sóc y tế. Tôi quyết định bắt đầu từ cá nhân tôi: tại sao tôi quan tâm quá sâu vào việc cải thiện hệ thống chăm sóc y tế. Đúng vào 10 giờ sáng, Dan Rostenkowski, một chính trị gia thô lỗ và bạo dạn ở Chicago, Chủ tịch Ủy ban xem xét ngân sách chi tiêu của chính phủ thuộc Hạ nghị viện, dùng cây búa nhỏ để ra lệnh mọi người giữ trật tự và giới thiệu tôi.

Tôi trình bày: "Trong suốt những tháng qua, khi tôi làm việc để tự tìm hiểu những khó khăn mà đất nước chúng ta và những công dân Mỹ đang phải đương đầu về hệ thống chăm sóc y tế, tôi đã học được rất nhiều điều. Lý do chính tôi có mặt ở đây ngày hôm nay là vì tôi có trách nhiệm đối với những vấn đề đó. Nhưng điều quan trọng hơn đối với tôi là tôi đến đây với tư cách của một người mẹ, một người vợ, một người con gái, một người chị và một người phụ nữ. Tôi đến đây với tư cách là một công dân Mỹ, quan tâm đến sức khỏe của gia đình mình cũng như của dân tộc mình".

Trong hai giờ tiếp theo, tôi trả lời những câu hỏi của các thành viên trong Ủy

ban. Sau ngày hôm ấy, tôi đưa ra các bằng chứng trước Ủy ban về các vấn đề Thương mại và Năng lượng của Hạ viện do Dân biểu John Dingell ở bang Đảng Dân chủ làm chủ tọa. Ông John Dingell là một trong những thành viên phục vụ lâu năm nhất trong Hạ viện và cũng là người có thâm niên nhất trong việc tham gia cải cách hệ thống chăm sóc y tế. Hai ngày sau, tôi lại xuất hiện trước một Ủy ban khác thuộc Hạ viện và hai Ủy ban thuộc Thượng viện. Tôi đã trải qua những giờ phút đầy thú vị, đầy thách thức và mệt mỏi đến kiệt sức. Tôi rất mừng vì có được cơ hội để nói một cách công khai về kế hoạch của chúng tôi và cảm thấy hài lòng vì hầu hết những thông tin phản hồi đều mang tính tích cực. Các thành viên Quốc hội đã vỗ tay tán dương những cứ liệu của tôi và theo các bài tường thuật của báo chí, họ đều ấn tượng về việc tôi biết được cả những phức tạp của hệ thống chăm sóc y tế. Điều này làm cho tôi có thêm hy vọng. Có lẽ, những chứng liệu của tôi đã giúp cho mọi người hiểu được tại sao cuộc cải cách là rất quan trọng với người dân Mỹ và gia đình họ, cũng như đối với nền kinh tế của đất nước. Tôi cũng chỉ đơn giản cảm thấy được an ủi là những điều đó ủng hộ cho việc tôi làm và không gây cản trở cho bản thân tôi cũng như cho chồng tôi, người đã liều lĩnh chọn tôi đại diện cho mình để thực hiện nhiệm vụ lớn lao như vậy.

Trong khi nhiều thành viên đều thật sự hiểu tường tận những điểm hay trong cuộc thảo luận về hệ thống chăm sóc y tế, tôi nhận ra rằng một vài trong số những lời tán dương các chứng liệu của tôi chỉ là ví dụ mới nhất của cái gọi là "hội chứng chó sủa" mà tôi biết được khi là Đệ nhất Phu nhân ở bang Arkansas. Tôi cũng có suy nghĩ tương tự khi Boswell nói với Tiến sĩ Samuel Johnson: "Thưa ngài, một người phụ nữ lên lớp người khác thì cũng giống như một con chó đi trên hai chân sau của nó. Nó không thể nào làm tốt; nhưng ông sẽ cảm thấy ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng nó làm được điều đó".

Nhiều người đã dành lời khen ngợi cho tôi không sử dụng bất kỳ mẩu ghi chú nào cũng như không tham vấn các phụ tá của tôi và rằng nói chung, tôi nắm được vấn đề. Tóm lại, dù cho có nhiều thành viên Ủy ban ca ngợi và đánh giá cao sự hiện diện của tôi nhưng họ không nghĩ rằng mình cần phải hết lòng với những vấn đề cơ bản của kế hoạch cải cách.

Tôi cũng biết rằng tôi được người dân ở khắp mọi miền đất nước yêu mến. Việc tôi được đón tiếp tại Điện Capitol và thiện chí rõ ràng của Quốc hội trong việc xem xét những cải cách hệ thống chăm sóc y tế đã rung một hồi chuông báo động giữa những người thuộc Đảng Cộng hòa. Nếu Bill Clinton thông qua được một dự luật cung cấp bảo hiểm y tế cho mọi người dân Mỹ, anh sẽ là người chắc chắn giành được thắng lợi trong nhiệm kỳ Tổng thống

thứ hai. Đó là một kết quả mà những nhà hoạch định kế hoạch của Đảng Cộng hòa quyết tâm cản trở. Các chuyên gia về chính trị của chúng tôi cảm nhận được chiến lược phá hoại đang nảy sinh ở phe cánh hữu. Steve Ricchetti, liên lạc viên chính giữa Nhà Trắng và Thượng viện, cảm thấy lo lắng. Một buổi trưa, tại văn phòng của tôi, ông ấy bảo rằng: "Họ đang đuổi theo bà. Lúc này, bà quá mạnh. Vì vậy bằng cách này hay cách khác, họ phải gây tổn thất cho bà".

Tôi trấn an Steve rằng trước đây tôi đã từng bị lên giàn thiêu và ít ra bây giờ tôi cũng cố gắng chịu đựng vì những điều mà tôi tin vào.

Sau khi tôi đưa ra các dữ liệu cũng là lúc Nhà Trắng gọi hệ thống chăm sóc y tế mới là "kế hoạch triển khai"- gồm một loạt những bài diễn văn và sự kiện, qua đó Tổng thống bày tỏ sự quan tâm và hỗ trợ cho chính sách cải cách. Bill đã lên chương trình thực hiện việc giới thiệu cuộc cải cách vào những tuần lễ đầu tiên trong tháng Mười, bắt đầu bằng chuyến đi California vào ngày 3 tháng 10. Tại đây, anh tổ chức các cuộc họp cấp thành phố để thận về vấn đề cải cách và thuyết phục được càng nhiều người ủng hộ càng tốt. Tuy nhiên, bất kỳ lịch trình nào của Tổng thống cũng có thể bị các sự việc bên ngoài làm ảnh hưởng. Bill đang trên đường đi đến California vào ngày 3 tháng 10 thì phụ tá của anh nhận được một cuộc gọi khẩn từ Phòng Tình huống ở Nhà Trắng. Hai trực thăng Chim Ưng Đen (Black Hawk) bị bắn rơi tại Somalia. Các thông tin cụ thể vẫn còn mơ hồ, nhưng rõ ràng là những người lính Mỹ đã bị sát hại và chứng tỏ rằng bạo lực vẫn đang tiếp diễn. Lúc đầu, Tổng thống Bush đã gửi những nhóm quân trên đất nước bị nạn đói tàn phá nhằm thực thi nhiệm vụ viện trợ nhân đạo, nhưng nhiệm vụ của họ lại tiến triển thành nỗ lực gìn giữ hòa bình mang tính năng động hơn nhiều.

Mọi Tổng thống đều phải nhanh chóng thông qua một chiến lược khi những sự cố khó khăn phát sinh: Tổng thống có thể ngưng những việc khác và công khai tập trung vào cuộc khủng hoảng hoặc xử lý tình huống trong khi vẫn cố gắng bám theo lịch trình chính thức của mình. Bill vẫn ở California nhưng vẫn giữ liên lạc thường xuyên với nhóm an ninh quốc gia của mình. Sau đó tình hình đã trở nên xấu đi: xác của một quân nhân Mỹ bị kéo lê trên các đường phố Mogadishu, một hành động dã man khủng khiếp do một lãnh chúa Somalia - tướng Mohamed Aideed - sắp đặt.

Bill cũng nhận được tin tức tồi tệ về nước Nga: có một cuộc đảo chính quân sự đang cố gắng chống lại Tổng thống Boris Yeltsin. Ngày 5 tháng 10, tại thành phố Culver, bang California, Bill đã rút ngắn cuộc họp tại tòa thị chính về hệ thống chăm sóc y tế và quay trở về Washington. Trong suốt mấy tuần

sau, Bill, các phương tiện thông tấn báo chí và cả nước bị cuốn hút vào những thông tin từ Somalia và tình hình bất ổn ở nước Nga, thế là cuộc cải cách hệ thống chăm sóc y tế bị gác lại.

Ban đầu, chúng tôi đã chuẩn bị trình bày cho Quốc hội một bản phác thảo các nguyên tắc hình thành hành lang cuộc cải cách hệ thống chăm sóc y tế. Nhưng rồi sau đó chúng tôi hiểu rằng vị đại biểu Quốc hội Dan Rostenkowski mong đợi chúng tôi làm luôn một dự luật cụ thể, đầy đủ bằng ngôn ngữ luật. Việc đưa ra trước Quốc hội một dự luật hoàn chỉnh ngay từ đầu hóa ra lại là một thử thách lớn lao và là một sai lầm về sách lược của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng một dự luật tối đa là 250 trang, nhưng do việc soạn thảo vẫn cứ tiếp tục, nên rõ ràng là dự luật sẽ dài hơn nhiều, một phần là vì mức độ phức tạp của kế hoạch và phần khác là do chúng tôi chấp thuận một số yêu cầu cụ thể của những nhóm hữu quan. Chẳng hạn như, Học viện Nhi khoa Mỹ yêu cầu dự luật phải bảo đảm trẻ em được tiêm chủng 9 lần theo kế hoạch phúc lợi trọn gói cũng như được khám bệnh 6 lần đối với những trẻ khỏe mạnh. Những yêu cầu này có lẽ là đã phù hợp với quy định của luật pháp, nhưng mức độ cụ thể lẽ ra phải được bàn bạc thảo luận sau khi công bố dự luật chứ không phải bàn luận trong quá trình dự thảo. Đạo luật Chăm sóc Y tế đã được Nhà Trắng trình cho Quốc hội vào ngày 27 tháng 10, dài 1.342 trang. Một tuần sau, vào ngày cuối cùng của phiên họp Quốc hội và với một chút phô trương, ông George Mitchell - Thủ lĩnh phe đa số trong Thượng viện - đã giới thiệu đạo luật. Mặc dù nhiều dự luật khác đề cập đến những vấn đề phức tạp như năng lượng hoặc ngân sách dài hơn 1.000 trang, nhưng các phe phái đối lập đã lấy độ dài dự luật của chúng tôi để chống lại chúng tôi. Chúng tôi đang đề xuất việc sắp xếp hợp lý hóa và đơn giản hóa một số chính sách xã hội trọng yếu, nhưng có vẻ như chúng tôi không thể sắp xếp hợp lý hóa và đơn giản hóa được dự luật của chính mình. Đó là một chiến thuật thông minh, vì nó che đậy một cách hiệu quả sự việc rằng quy chế pháp lý cho hệ thống chăm sóc y tế của chúng tôi lẽ ra sẽ cắt bớt hàng ngàn trang về những quy định và điều luật liên quan đến vấn đề sức khỏe trong các cuốn sách.

Có tôi đã quên mất ngày sinh nhật của mình vào hôm 26 tháng 10 do xảy ra quá nhiều chuyện. Nhưng nhân viên của tôi không bao giờ bỏ lỡ một dịp có thể tổ chức tiệc tùng. Nhóm Hillaryland đã mời trên 100 thành viên gia đình tôi và bạn bè của tôi đến từ khắp đất nước để dự bữa tiệc sinh nhật bất ngờ mừng tôi 46 tuổi tại Nhà Trắng. Tôi biết có điều gì đó đang được chuẩn bị sẵn khi tôi trở về dinh Tổng thống vào buổi tối sau những cuộc họp với Thượng nghị sĩ Moynihan và Thượng nghị sĩ Barbara Mikulski ở Maryland, một cựu chiến binh ở khu vực Điện Capitol, còn được gọi là "yếu nhân” của

các nữ nghị sĩ.

Tất cả các đèn trong dinh đều được tắt. Người ta bảo với tôi là điện tạm thời bị ngắt. Đó là manh mối đầu tiên để tôi nhận ra có điều gì đó khác thường vì điện ở Nhà Trắng không bao giờ bị cúp cả. Tôi được dẫn lên cầu thang và được bảo rằng phải đội một bộ tóc giả màu đen và mặc cái váy phồng - cố gắng bắt chước cách ăn mặc của bà Dolley Madison. Sau đó tôi được dẫn xuống State Floor, ở đó có hơn một chục nhân viên đội tóc giả màu vàng hoe đại diện cho cả tá bà Hillary khác nhau - nào là Hillary buộc băng trên đầu, Hillary đang nướng bánh, Hillary chăm sóc y tế - chào đón tôi. Bill hóa trang thành Tổng thống thứ 4 của Hoa Kỳ James Madison (cũng đội tóc giả và áo bó màu trắng). Tôi yêu quý anh ấy vì anh đã làm như vậy nhưng tôi rất vui mừng vì chúng tôi đang sống trong giai đoạn cuối thế kỷ hai mươi. Anh trông sẽ tuyệt vời hơn khi mặc một bộ vest.

WHITEWATER

Vào dịp lễ Halloween năm 1993, tôi cầm tờ The Washington Post số ngày Chủ nhật và biết rằng hồn ma kinh doanh bất động sản thua lỗ ngày xưa ở Arkansas đã quay về ám ảnh chúng tôi. Theo những nguồn tin giấu tên của một số quan chức chính phủ, Cục Quản lý Tín thác (RTC), một cơ quan liên bang đang điều tra các khoản tiết kiệm và khoản vay bị thất thoát, đã đề nghị điều tra hình sự Ngân hàng Madison Guaranty Savings and Loan do Jim McDougal sở hữu. McDougal và vợ ông là Susan trước đây là đối tác của chúng tôi trong Công ty Phát triển Whitewater, một pháp nhân hoàn toàn độc lập được thành lập để quản lý đất đã mua 4 năm trước khi McDougal mua doanh nghiệp Madison Guaranty. Tuy nhiên do mối quan hệ của chúng tôi với McDougal trước đây, chúng tôi sẽ bị quy kết liên đới với các tai tiếng của ông ta sau này. Trong suốt cuộc tranh cử Tổng thống năm 1992, có một số luận điệu được đưa lên báo chí (và nhanh chóng biến mất sau đó) cho rằng McDougal đã nhận được các ưu ái đặc biệt của chính quyền liên bang khi Bill còn làm Thống đốc do có mối quan hệ kinh doanh với chúng tôi. Câu chuyện này biến dần khi Bill và tôi chứng minh là chúng tôi đã thua lỗ trong vụ đầu tư Whitewater và chứng minh rằng Phòng Quản lý Chứng khoán Arkansas thật ra đã thúc giục các nhà quản lý liên bang rút giấy phép hoạt động của McDougal và đóng cửa ngân hàng Madison Guaranty khi Bill còn là Thống đốc.

Giờ đây tờ The Washington Post tường thuật rằng các điều tra viên của RTC đang xem xét các cáo buộc rằng McDougal đã sử dụng công ty S&L của mình để chuyển tiền bất hợp pháp cho các hoạt động chính trị ở Arkansas bao gồm cả chiến dịch tái tranh cử chức Thống đốc vào năm 1986. Tôi tin là không có chuyện đó. Bill và tôi chưa bao giờ gửi tiền ở Ngân hàng Madison Guaranty hoặc vay mượn gì ở đó. Đối với các khoản đóng góp cho cuộc tranh cử, Bill đã tuân thủ luật ở Arkansas ấn định một mức giới hạn là 1.500 đô la cho mỗi lần đóng góp cho cuộc bầu cử. McDougal đã bị truy tố, xét xử và được chính quyền liên bang tuyên bố trắng án đối với các cáo buộc phát sinh từ hoạt động của Ngân hàng Madison Guaranty trước khi Bill ra tranh cử Tổng thống.

Bill và tôi không nhận ra tầm quan trọng chính trị của sự tái xuất hiện đột ngột của vụ Whitewater, có thể góp thêm lỗi lầm vào công tác quan hệ công chúng về cách thức chúng tôi xử lý vụ tranh cãi đang gia tăng này. Tuy nhiên tôi không thể nào dự đoán các đối thủ của chúng tôi sẽ lợi dụng nó như thế nào.

Cái tên Whitewater tiêu biểu cho một cuộc điều tra không giới hạn về cuộc sống của chúng tôi. Vụ điều tra này tiêu tốn của những người dân nộp thuế trên 70 triệu đô la cho riêng công tác điều tra của Ủy ban Độc lập và chưa bao giờ phát hiện ra bất kỳ hành vi sai trái nào của chúng tôi. Bill và tôi đã tình nguyện hợp tác với các điều tra viên. Mỗi lần họ rò rỉ thông tin cho báo giới hoặc đưa ra một lời buộc tội mới, chúng tôi đã nỗ lực tối đa hợp tác với bên điều tra để đảm bảo là chúng tôi không quên hoặc bỏ sót bất kỳ một sự việc quan trọng nào. Tuy nhiên khi lời cáo buộc này tiếp nối lời cáo buộc khác, chúng tôi nhận ra rằng chúng tôi đang đuổi theo các bóng ma trong một nhà kiếng: chúng tôi chạy theo một hướng để chỉ có được kết quả là bóng ma xuất hiện bất ngờ đằng sau chúng tôi. Vụ Whitewater dường như không bao giờ có thực cả, bởi vì nó vốn không tồn tại.

Mục đích của cuộc điều tra nhằm làm mất uy tín Tổng thống, nhằm làm giảm động lực và sức mạnh của Chính quyền. Người ta không màng là các cuộc điều tra sẽ nhằm vào cái gì mà chỉ cần quan tâm là có cuộc điều tra. Người ta không cần quan tâm là chúng tôi không làm chuyện gì sai mà chỉ quan tâm là làm sao để công chúng có ấn tượng là chúng tôi đã làm chuyện gì đó sai trái. Người ta không quan tâm là các cuộc điều tra tiêu tốn hàng chục tô la từ tiền nộp thuế của người dân. Họ chỉ cần quan tâm là làm cho cuộc sống và công việc của Tổng thống bị gián đoạn liên tục. Vụ Whitewater báo hiệu một chiến thuật mới trong cuộc chiến chính trị: điều tra là vũ khí để phá hủy chính trị. "Whitewater", một cái "thúng” lý tưởng để hứng bất kỳ các cuộc công kích mà các đối thủ chính trị của chúng tôi có thể thiết kế ra được. Ngay từ đầu, Whitewater là một cuộc chiến tranh chính trị và nó hoành hành trong suốt nhiệm kỳ Tổng thống của Bill Clinton.

Tuy nhiên, vào lúc đó, đối với tôi dường như vụ Whitewater giống như một nút thắt trong một câu chuyện cổ tích với một dàn nhân vật quen thuộc - một sự phiền toái hơn là một mối đe dọa.

Tuy nhiên do bài báo trong dịp lễ Halloween của tờ The Washington Post và ngay sau đó lại có một bài nữa của tờ The New York Times đăng tin này nên chúng tôi nghĩ cần thực hiện các biện pháp đề phòng là thuê một luật sư riêng. Luật sư riêng của chúng tôi, Bob Barnett không nhận vụ Whitewater vì bà vợ của ông, Rita Braver, là phóng viên của Hãng CBS được phân công chuyên trách về mảng thông tin Nhà Trắng. Bob là Đảng viên Dân chủ kỳ cựu và là một đối tác tranh luận rất được yêu mến của các ứng viên Tổng thống và Phó Tổng thống phe Dân chủ. Trong các cuộc tranh luận giả được dàn dựng để chuẩn bị cho các ứng viên rèn luyện những phong cách nói tu từ và tranh luận chính trị với các đối thủ, ông ấy thường đóng vai bên Cộng hòa

một cách hoàn hảo - đóng vai Phó Tổng thống và sau đó là Tổng thống George Bush tranh luận với nữ Dân biểu Geraldine Ferraro năm 1984, với Thống đốc Michael Dukakis vào năm 1988 và tranh luận với Thống đốc Bill Clinton năm 1992; ông cũng đóng vai cựu Bộ trưởng Quốc phòng Dick Cheney tranh luận với Thượng nghị sĩ Joe Lieberman trong cuộc tranh luận ứng cử Phó Tổng thống trong năm 2000; thậm chí còn làm Dân biểu Rick Lazio để chuẩn bị cho cuộc tranh luận của tôi trong cuộc tranh cử Nghị sĩ năm 2000. Bob đã trở thành luật sư và cố vấn của tôi vào năm 1992. Đây là một người bạntôi trong những năm sau này.

Bob khuyên nên chọn David Kendall, đồng sự của mình tại Hãng Luật Williams và Connolly, làm đại diện cho chúng tôi trong vụ Whitewater. Chúng tôi đã biết David nhiều năm. Mặc dù anh ấy lớn hơn Bill và tôi vài tuổi nhưng chúng tôi lại học chung với nhau tại Trường Luật Yale. Giống như Bill, David cũng là sinh viên được học bổng Rhodes. Là một người vùng Trung Tây, David sinh ra và lớn lên trong một trang trại thôn quê của Indiana. Anh ấy và tôi rất thông hiểu và quý trọng lẫn nhau. Anh ấy đã trở thành một chỗ dựa quan trọng trong cuộc đời chúng tôi.

David rất tuyệt vời trong công việc. Anh làm thư ký cho Chánh án Tòa án Tối cao Byron White và có kinh nghiệm với luật doanh nghiệp và các vụ án liên quan đến giới truyền thông. Do David đã từng đại diện khách hàng trong nhiều cuộc điều tra S&L (tổ chức Tiết kiệm và Cho vay) vào thập niên 1980 nên rất quen thuộc với các vấn đề của S&L. Anh ấy cũng là người có lương tâm và kiên định. Trong phòng của anh có treo một bản sao về "kỷ lục" bị bắt của anh ở vùng Mississippi, nơi anh phải ngồi tù ngắn hạn do các hoạt động đấu tranh cho dân quyền trong các phong trào đòi quyền bỏ phiếu vào Mùa hè Tự do năm 1964. Trong số những công việc đầu tiên của mình với tư cách là luật sư anh ấy đã làm cho tổ chức Quỹ Bảo vệ Pháp luật NAACP, tham gia biện hộ trong vụ án bị cáo bị tuyên tử hình.

Giống như tất cả những luật sư có thực tài, David có tài chuyển đổi những sự việc dường như ngẫu nhiên và những sự kiện không liên quan gì thành một bài tường thuật đầy sức thuyết phục. Tuy nhiên việc dựng lại câu chuyện về Whitewater sẽ kiểm nghiệm năng lực của anh. Trước tiên, David tiếp nhận các hồ sơ từ văn phòng của Vince Foster được chuyển cho Bob Barnett sau cái chết của Vince. Sau đó, anh truy tìm các tài liệu khác, từ Washington đến vùng Flippin của bang Arkansas, gần với khu đất Whitewater.

Hầu như hàng tuần David gặp chúng tôi tại Nhà Trắng liên ếp trong ba tháng. Vì tôi rất quan tâm nên anh báo cáo đầy đủ cho chúng tôi các thông

tin anh thu thập trong quá trình truy tìm các đầu mối trong hồ sơ Whitewater và lần theo dấu vết các khoản đầu tư ngày càng mờ ám của Jim McDougal. Anh nói nỗ lực tái tạo lại các dấu vết hồ sơ giấy tờ của McDougal giống như mò kim đáy bể.

Cả Bill và tôi chưa bao giờ ghé thăm khu đất Whitewater; chúng tôi chỉ xem nó qua những hình chụp. David quyết định là để nắm rõ vụ án, anh ấy cần thấy nơi này "theo không gian 3 chiều và thời gian thật". Anh bay xuống miền nam Missouri (nơi gần khu đất hơn so với thành phố Little Rock) và sau đó thuê một chiếc ô tô. Sau hàng tiếng đồng hồ lạc đường, cuối cùng anh cũng lần theo một con đường được san bằng xe ủi vẫn còn đầy ổ gà mấp mô, băng qua những cánh rừng và cuối cùng cũng đến được khu đất Whitewater hoang sơ. Có những biển hiệu ghi "Đất bán" đây đó nhưng không có một bóng người hay nhà cửa. Nếu anh ấy quay lại vào vài tháng sau đó - khi giới truyền thông kéo đến nườm nượp chụp ảnh và phỏng vấn bất kỳ ai có dính dáng đến Whitewater - David có lẽ đã thấy một tấm biển gắn trên một trong số ít nhà cư dân tại khu đất ghi: "Cút về nhà, lũ ngốc!".

Cuối cùng thì David cũng đã lần ra quyền sở hữu hiện tại của một số lô đất ở Whitewater thuộc về một tay môi giới nhà đất ở địa phương tên là Chris Wade. Chúng tôi không biết là sau tháng 5 năm 1985, McDougal đã bán 24 miếng đất còn lại của công ty cho Wade. Mặc dù khi ấy chúng tôi vẫn còn là đối tác nhưng McDougal đã không thông báo cho chúng tôi chuyện này và không yêu cầu chúng tôi ký vào bản hợp đồng hoặc đề nghị chia khoản tiền lời 35.000 đô la. Chúng tôi cũng không biết rằng trong phi vụ này, McDougal đã kiếm được một chiếc máy bay đã qua sử dụng hiệu Piper Seminole và nó đã trở thành chiếc máy bay của riêng ông ta.

Vào giữa những năm 1980, McDougal điều hành một vương quốc kinh doanh nhỏ, ít nhất là trên mặtấy tờ. Vào năm 1982, ông ta đã mua một tổ chức tín dụng nhỏ gọi là Madison Guaranty và nhanh chóng biến nó thành một nơi rửa tiền. McDougal khao khát trở thành một ông chủ ngân hàng tầm cỡ và ông ta đã có những ý tưởng phô trương. Từ điều mà David Kendall suy luận, nhiều vụ làm ăn của McDougal đầy nghi vấn. Theo cách nói tu từ của David thì McDougal đã thực hiện các "khoản đầu tư quá lạc quan". Điều không may là khi không còn khả năng thanh toán, McDougal đã chuyển tiền đi lòng vòng, mượn tiền người này để trả cho người kia. Có lần, ông ta đã giấu chúng tôi dùng Công ty Phát triển Whitewater để mua bất động sản gần bãi xe ben ở phía nam thành phố Little Rock mà ông ta đã tự tin đặt tên là Castle Grande Estates. Phải mất nhiều năm để lần ra mạng lưới các đối tác kinh doanh và các kế hoạch thất bại của ông ta.

Ngân hàng Madison Guaranty khởi đầu giống như hàng ngàn tổ chức Tiết kiệm và Cho vay khác là cung cấp các khoản vay nhỏ có thế chấp để mua nhà. Sau đó vào năm 1982, Chính quyền Reagan cho tự do hóa ngành tiết kiệm và cho vay. Bỗng chốc các chủ ngân hàng như McDougal có thể cung cấp những khoản tiền lớn và sẽ gặp rủi ro hơn bên ngoài lĩnh vực kinh doanh truyền thống của mình, và cuối cùng họ đã đưa toàn bộ ngành tín dụng này, trong đó có cả Mandison Guaranty, vào tình trạng khó khăn tài chính nghiêm trọng. Một trong những cách mà các nhà quản lý tổ chức Tiết kiệm và Cho vay và các luật sư của họ cố gắng cứu các thương vụ thất bại của mình là huy động vốn thông qua các giao dịch chứng khoán ưu đãi - đây là lĩnh vực họ được phép làm theo luật liên bang nếu họ được cơ quan nhà nước cấp tiểu bang phê chuẩn.

Vào năm 1985, Rick Massey, một luật sư trẻ tại Hãng Luật Rose cùng với một người bạn làm việc cho McDougal, đã đề nghị giải pháp cứu Ngân hàng Madison Guaranty. Do McDougal thiếu trách nhiệm trong việc chi trả một hóa đơn trước đây cho Hãng Luật Rose liên quan đến các dịch vụ luật nên hãng luật yêu cầu hàng tháng McDougal phải trả 2.000 đôla trước khi Massey đảm trách công việc. Các thành viên đ của tôi nhờ tôi yêu cầu McDougal về khoản tiền trả này và đóng vai trò như "người xuất hóa đơn" cho Massey vì anh ấy chỉ là một nhân viên nên tự anh ta không thể xuất hóa đơn. Sau khi tôi dàn xếp vụ thanh toán thì việc liên quan, dính líu của tôi trong tài khoản là rất nhỏ. Đề nghị về chứng khoán này chưa bao giờ được các cơ quan quản lý Arkansas phê chuẩn và các nhà quản lý liên bang về hoạt động Tiết kiệm và Cho vay đã tiếp quản Ngân hàng Madison Guaranty, bãi chức Chủ tịch của McDougal và cho kiểm tra các giao dịch cho vay và tiết kiệm do có các lỗi cáo buộc rằng McDougal dính líu vào các trò gian lận

Cuộc điều tra liên bang và truy tố hình sự sau đó đã được tống đạt đến McDougal, làm ông ta khốn đốn trong nhiều năm. Vào năm 1986 ông đến gặp chúng tôi và đề nghị chúng tôi ký chuyển giao chính thức cho ông ta 50% cổ phần trong Công ty Phát triển Whitewater. Tôi nghĩ đây là một ý kiến hay. Chúng tôi đã đầu tư được tám năm rồi và nó chỉ làm chúng tôi tốn tiền mà thôi. Nhưng trước khi ký để chuyển giao cổ phần, tôi yêu cầu McDougal rút tên chúng tôi khỏi vụ thế chấp, và để đổi lại việc nhận được 100% cổ phần còn lại của công ty, ông ta phải gánh nhận khoản nợ còn lại và chúng tôi được giải trừ khỏi bất kỳ trách nhiệm còn tồn đọng hoặc phát sinh trong tương lai. Khi ông ta chần chừ về yêu cầu này, trong thâm tâm tôi bắt đầu nảy ra sự nghi ngờ. Lần đầu tiên kể từ khi chúng tôi hợp tác với nhau vào năm 1978, tôi yêu cầu được xem sổ sách. Tôi bị chất vấn là tại sao tôi không làm chuyện đó trước đây và làm thế nào mà tôi có thể không biết các

hành động của McDougal. Tôi cũng tự hỏi bản thân mình. Tôi chỉ nghĩ là chúng tôi đã thực hiện một vụ đầu tư tồi và phải trả giá cho việc mua bất động sản để kinh doanh dịch vụ các ngôi nhà thứ hai khi mà lãi suất tăng vọt. Chúng tôi bị mắc kẹt, bị lỗ phải chờ thị trường thay đổi hoặc là chúng tôi phải bán nó đi. Tôi không có lý do nào chất vấn McDougal với những thành tích đầu tư rất nổi bật trong những năm 1970 và là người mà tôi ch rằng có "tài xoay xở giỏi". Tôi tiếp tục chi trả bất kỳ khoản nào mà McDougal nói là các khoản phải trả của chúng tôi. Sau đó, tôi còn nhiều chuyện khác phải bận tâm như việc có con, tham gia vào các cuộc tranh cử của chồng tôi hai năm một lần và cố gắng hành nghề luật nữa. Một lần kế toán của tôi phân tích các tài liệu Whitewater mà tôi đã thu thập được nhờ sự giúp đỡ của Susan McDougal suốt mấy tháng trời, tôi nhận ra rằng các chứng từ rất lộn xộn và Whitewater là một thất bại hoàn toàn. Tôi quyết định là tôi và Bill phải tìm mọi cách để thoát khỏi mớ phức tạp của McDougal. Nhưng việc xử lý các vấn đề của McDougal phải mất vài năm.

Trước tiên, tôi muốn quan tâm đến bất kỳ những nghĩa vụ của công ty đối với IRS, với Sở Quản lý Thu nhập Arkansas và với các loại thuế tài sản ở địa phương. Whitewater chưa bao giờ có lãi nhưng nó vẫn phải nộp thuế doanh nghiệp. Điều mà tôi biết được vào năm 1989 là McDougal đã không nộp thuế trong những năm gần đây. Ông ấy không nộp thuế tài sản nhưng một mặt lại cam đoan với chúng tôi là đã nộp rồi. Nay để làm hồ sơ nộp thuế, tôi cần có chữ ký của một viên chức của Công ty Phát triển Whitewater và duy nhất McDougal mới có danh nghĩa này. Tôi đã cố mất một năm để có được ủy quyền từ McDougal để tôi có thể làm hồ sơ hoàn và nộp thuế cũng như bán tài sản để trang trải nợ nần.

Trong lúc đó cuộc đời của McDougal bị sụp đổ. Vợ ông ấy là Susan đã bỏ ông vào năm 1985 và sau đó chuyển đến California. Một năm sau ông bị một cơn đột quỵ làm trầm trọng hơn những u uất sợ hãi mà hình như ông đang cố gắng chống lại trong một thời gian trước đó. Tôi không còn muốn liên lạc với McDougal nên vào năm 1990, tôi gọi điện cho Susan ở California, giải thích điều tôi muốn làm và hỏi cô ấy với tư cách là nhân viên thư ký của Công ty Whitewater có thể ký được không. Cô đồng ý và tôi đã mất cả đêm cùng cô làm bản mẫu để cô ký và gửi lại cho tôi. Khi McDougal phát hiện, ông chửi mắng Susan trên điện thoại và gọi đến văn phòng tôi để đe dọa. Từ đó, ông ấy trở thành kẻ thù của tôi.

McDougal ngày càng trở nên thê thảm hơn sau khi bị truy tố và xét xử về 8 trọng tội của liên bang gồm có âm mưu chiếm đoạt tài sản, gian lận, làm sổ sách chứng từ giả và có những phi vụ tài chính trái với pháp luật. Ông vào

điều trị ở một bệnh viện tâm thần trước khi bị xét xử vào năm 1990. Ông cũng yêu cầu Bill làm nhân chứng cho mình nhưng tôi nói Bill không nên làm điều đó. Bill luôn sẵn sàng đối xử tốt với bất kỳ ai đặc biệt là những bạn bè cũ mặc dù họ chưa chắc xứng đáng như vậy. Tuy nhiên, tôi nghĩ anh không thể nào làm chứng cho McDougal. Cả hai chúng tôi nhận thấy rằng chúng tôi không biết là ông ấy thật sự là ai và ông ấy đã làm những gì cho đến nay. Sau khi được bồi thẩm đoàn tha bổng, McDougal lại đe dọa tôi, lần này hàm ý rằng ông sẽ trả thù tôi về việc làm thủ tục hồ sơ hoàn thuế cho Whitewater.

Và ông ta đã làm thật với sự giúp đỡ quan trọng từ những đối thủ chính trị của Bill. Sheffield Nelson, một cựu giám đốc điều hành của Công ty Arkansas Louisiana Gas (Arkla) đã chuyển sang ủng hộ Đảng Cộng hòa chống lại Bill trong lần tranh cử Thống đốc năm 1990. Đã quen muốn gì được nấy nên Nelson trở nên rất hằn học và không chịu được thất bại của mình. Ngay khi Bill thông báo ra tranh cử Tổng thống vào năm 1991, Nelson đã thông báo cho Bush ở Nhà Trắng biết là hắn ta sẵn sàng cung cấp bất kỳ sự giúp đỡ nào để có thể đánh bại được Bill. Đến lúc cuối hắn đã thuyết phục McDougal đưa ra các lời cáo buộc mà ông ta có thể làm đối với Bill và tôi bất kể là nó dị hợm như thế nào.

Kết quả là ra đời câu chuyện phần I về Whitewater, một bài báo xuất hiện trên trang nhất của tờ The New York Times số Chủ nhật vào tháng 3 năm 1992, ngay giữa thời gian tổ chức các kỳ ộ để chọn ứng viên Tổng thống của Đảng Dân chủ.

Jim McDougal được trích lời trong khắp bài báo, tự do gieo rắc các thông tin sai lệch về quan hệ đối tác kinh doanh của chúng tôi. Tác giả đã thêu dệt thêm về "mối quan hệ phức tạp" của chúng tôi với McDougal và ám chỉ sai lạc rằng ông ta đã làm ra tiền cho chúng tôi trong phi vụ Whitewater để đổi lại những ưu ái. Trong lúc đầu đề của bài báo tung tin "Clinton đã tham gia kinh doanh các khoản Tiết kiệm và Cho vay (S&L) trong Công ty Bất động sản Ozark", chúng tôi đã đầu tư với McDougal được bốn năm trước khi Jim mua S&L. Ban điều hành Chiến dịch tranh cử của Clinton phải ngay lập tức mời Jim Lyons, một luật sư đáng kính từ thành phố Denver phụ trách thuê một công ty kế toán thu thập số liệu và giải trình các hồ sơ chứng từ về vụ đầu tư Whitewater.

Báo cáo của Lyons tiêu tốn mất 25.000 đôla và mất 3 tuần lễ để hoàn thành việc chứng minh là Bill và tôi đồng trách nhiệm với McDougal cho khoản vay ban đầu mà chúng tôi rút ra để mua khu đất Whitewater và chứng minh

rằng chúng tôi đã lỗ hàng chục ngàn đôla vào khoản đầu tư này - con số lỗ cuối cùng là 46.000 đôla. Mất 10 năm và hàng chục triệu đôla sau này, bản báo cáo cuối cùng về Whitewater của Ủy ban điều tra độc lập được đưa ra vào năm 2002 đã hỗ trợ cho các phát hiện của Lyons. Cuộc điều tra độc lập được tiến hành bởi Cục Quản lý Tín thác (RTC) cũng có kết quả như vậy. Sau khi Ban điều hành Chiến dịch tranh cử công bố báo cáo của Lyons vào tháng 3 năm 1992, báo giới cho chìm xuồng câu chuyện trên. Một số đảng viên Cộng hòa và các thế lực liên minh đã không chịu thua một cách dễ dàng. Vào tháng 8 năm 1992, một điều tra viên cấp thấp của RTC là L. Jean Lewis đã tống đạt hồ sơ liên quan đến vụ Madison nhằm cố gắng kết tội Bill và tôi. Chuck Banks, Chưởng lý Liên bang của phe Cộng hòa ở thành phố Little Rock được Tổng thống Bush bổ nhiệm làm thẩm phán liên bang bị áp lực của Bộ Tư pháp của Chính quyền Bush phải thụ lý quyết định tống đạt này và phải phát hành các trát iệu tập đại bồi thẩm đoàn. Điều này chắc chắn sẽ thu hút công luận với ý đồ là chúng tôi có liên quan đến một cuộc điều tra hình sự. Tuy nhiên Banks đã từ chối và tỏ vẻ ngạc nhiên là RTC đã không gửi cho ông các thông tin đó ba năm trước, khi ông điều tra Jim McDougal. Banks nói rằng vụ tống đạt này không cho ông đủ cơ sở để tình nghi chúng tôi phạm tội hoặc để điều tra chúng tôi và ông e rằng bất cứ cuộc điều tra vào giây phút cuối nào của ông có thể bị rò rỉ và ảnh hưởng đến cuộc bầu cử Tổng thống. Có điều hơi ngạc nhiên là báo cáo cuối về Whitewater thật sự thể hiện sự dính dáng của Chính quyền Bush trong nỗ lực tạo ra một "Vụ Đột Biến Tháng Mười" chỉ vài tuần trước khi bầu cử. Không những Bộ trưởng Tư pháp William Barr có liên quan mà Cố vấn Nhà Trắng C. Boyden Gray cũng cố gắng tìm ra các tống đạt hình sự có thể có được từ RTC liên quan đến chúng tôi. Khi những tin đồn về vụ Whitewater xuất hiện trở lại vào mùa thu năm 1993, không một ai trong chúng tôi ở Nhà Trắng có thể hình dung các thế lực sắp sửa tập hợp lại tạo thành một cơn bão chính trị hoàn hảo (theo như mong đợi của các đối thủ của chúng tôi).

Vào trung tuần tháng 11, trong khi David Kendall đang mải mê sứ mệnh tìm kiếm các dữ kiện thì tờ The Washington Post đã đưa ra một danh sách dài các câu hỏi với Nhà Trắng về vụ Whitewater và McDougal. Trong vài tuần sau đó, một cuộc tranh luận ầm ĩ trong nội bộ chính quyền về cách thức xử lý các yêu cầu của giới truyền thông. Chúng tôi có nên trả lời câu hỏi? Chúng tôi có nên đưa cho họ các tài liệu ? Và nếu thế thì đưa những tài liệu nào? Các cố vấn chính trị của chúng tôi bao gồm George Stephanopoulos và Maggie Williams ủng hộ việc công bố tài liệu cho giới báo chí. David Gergen cũng vậy. Ông đã phục vụ Nixon, Ford và Reagan trong Nhà Trắng và đã tham gia nhóm tham mưu của Bill. Gergen cho rằng giới báo chí sẽ không để yên cho đến khi nào họ có được thông tin, nhưng một khi họ có

được thì họ lại chuyển sang một cái gì khác nữa. Không có chuyện gì để giấu giếm cả, vậy tại sao không cung cấp? Câu chuyện sẽ mọc l nấm trong một thời gian nhưng sau đó sẽ lụi tàn.

Tuy nhiên các luật sư David Kendall, Bernie Nussbaum và Bruce Lindsey phản biện rằng việc tiết lộ các tài liệu cho báo giới là "một sự phiêu lưu” vì hồ sơ vẫn còn manh mún và có thể là không thể nào hoàn chỉnh được nên chúng ta không thể trả lời thỏa đáng cho các câu hỏi về McDougal và các phi vụ kinh doanh của ông ta. Báo giới sẽ không được thỏa mãn và luôn nghĩ rằng chúng ta còn che giấu một điều gì trong khi chúng ta không còn gì để nói với họ. Với tư cách là luật sư, tôi có khuynh hướng đồng ý với quan điểm này. Bill không chú ý nhiều đến vấn đề này vì anh biết là mình không làm bất cứ chuyện gì khi còn là Thống đốc để ưu đãi hay ưu ái cho McDougal. Mặt khác chúng tôi còn bị mất tiền nữa. Do bận bịu với các công việc đảm đương vai trò Tổng thống nên anh bảo tôi quyết định cùng với David cách thức dàn xếp cho câu trả lời của chúng tôi.

Nhờ kinh nghiệm của chúng tôi trong vụ luận tội Nixon vào năm 1974 nên Bernie và tôi tin là hợp tác đầy đủ với nhóm điều tra của chính phủ để không ai có thể đàm tiếu là chúng tôi cản trở hoặc lợi dụng lợi thế cầm quyền. Do đó, tôi chỉ đạo David thông báo cho các điều tra viên chính phủ rằng chúng tôi tự nguyện cung cấp cho họ tất cả các tài liệu và hợp tác với cuộc điều tra của đại bồi thẩm đoàn. Tôi không tin (hóa ra là sai lầm) giới truyền thông sẽ tiếp tục quấy rầy chúng tôi, do không cung cấp các tài liệu này cho họ, vì chúng tôi đã cung cấp chúng cho Bộ Tư pháp.

Ngay cả trước khi Bộ Tư pháp phát hành trát gọi ra tòa, thông qua David, chúng tôi đã đồng ý hợp tác toàn diện và không trì hoãn, cung cấp tất cả các tài liệu mà chúng tôi có thể tìm được liên quan đến vụ Whitewater và miễn tất cả các đặc quyền liên quan đến các tài liệu đó - bao gồm cả các tài liệu mà Vince Foster đã thực hiện cho chúng tôi với tư cách luật sư riêng.

Vẫn còn tin vụ xì-căng-đan giả tạo này sẽ tan biến giống như nó đã từng như thế trong chiến dịch tranh cử trước đây nên chúng tôi đi về Trại David để đón lễ Tạ ơn. Đây là thời gian vừa ngọt ngào vừa cay đắng đối với chúng tôi. Bố tôi sẽ không có mặt bên bàn ăn để giành với Hugh và Tony cái đùi gà hoặc đòi thêm vài quả dâu tây hoặc món dưa ngâm dấm. Đây là hai món ông thích nhất hồi nhỏ. Chúng tôi cũng biết rằng sức khỏe của Virginia đang suy sụp. Đây có thể là lễ Tạ ơn cuối cùng của chúng tôi với bà và chúng tôi quyết định phải dành cho bà một khoảng thời gian vui vẻ, chăm sóc bà nhưng không quá ân cần, chu đáo. Bà không thích như thế. Cứ vài ngày thì

Virginia phải truyền máu nên chúng tôi thu xếp cho bà được truyền máu tại Trại David, vốn được trang bị đầy đủ thiết bị để cung cấp sự chăm sóc y tế cho Tổng thống, gia đình của ông và các vị khách, các thủy thủ và thủy quân lục chiến đóng quân ở đây.

Chồng của Virginia, Dick, vốn đã từng phục vụ trong Hải quân tại Thái Bình Dương trong suốt Thế chiến thứ hai rất thích đến Trại David. Ông đã dành nhiều thời gian thăm các cậu thuỷ quân lục chiến trẻ khi họ rảnh rỗi, thư giãn trong một nhà hàng nhỏ hay một quán bar ở khách sạn Hicklory Lodge tại căn cứ. Virginia thích ngồi với ông, uống nước, lắng nghe cậu hạ sĩ quan 20 tuổi kể về gia đình cậu và về cô gái mà mình dự định cưới. Giờ đây, tôi vẫn có thể hình dung Virginia đang đi giầy bốt đỏ, quần trắng, áo len cùng với một cái áo khoác da màu đỏ, cười đùa với Dick và các cậu thanh niên. Bất kỳ ai đã từng hân hạnh có thời gian tiếp xúc với Virginia đều biết bà là một người Mỹ chính gốc - tốt bụng, hài hước, ham vui và hoàn toàn không câu nệ hoặc khoe khoang.

Vào đầu tháng 11, báo chí đã tường thuật là căn bệnh ung thư của bà lại tái phát nhưng hầu hết mọi người đều không biết tình hình sức khỏe nghiêm trọng của bà. Tuy vậy, bà vẫn có một thái độ tích cực và nhìn bề ngoài bà vẫn còn khỏe. t kể bà cảm thấy thế nào nhưng bà vẫn trang điểm, gắn lông mi giả. Christophe Schatterman, một người bạn của chúng tôi làm nghề uốn tóc từ Los Angels đã bay đến Arkansas để sửa lại các bộ tóc giả nhìn giống y như tóc thật của bà. Đây là một nghĩa cử hết sức trân trọng của anh.

Em tôi, Tony, vừa mới đính hôn với Nicole Boxer, con gái của Thượng nghị sĩ Barbara Boxer của bang California và chồng bà là Stewart. Chúng tôi dự định tổ chức đám cưới vào mùa xuân cho Tony và Nicole tại Nhà Trắng nên tôi đã mời Nicole, bố mẹ cô cùng em cô là Doug tham dự với chúng tôi trong buổi dạ tiệc mừng lễ Tạ ơn tại Trại David.

Trại David là một công trình luôn được cải tạo thường xuyên vì mỗi một Tổng thống mới và Đệ nhất Phu nhân đều bổ sung các sở thích cá nhân cho khu trại. Nó được CCC và WPA xây làm một trại công xưởng trong cuộc Đại suy thoái của những năm 1930. Tổng thống Franklin Roosevelt thoạt tiên quyết định sử dụng nó làm nơi nghỉ ngơi của Tổng thống, đặt tên nó là "Shangri-la" và cho nâng cấp các tiện nghi phục vụ của khu trại. Trước khi chúng tôi đến, nó vừa là một căn cứ quân sự vừa là chỗ nghỉ mát. Có 10 nhà khách, tất cả được đặt tên của các loại cây. Nhà khách lớn nhất là Aspen dành cho Tổng thống, tọa lạc trên một ngọn đồi thoai thoải xuống một sân gôn xanh mượt cỏ được xây dựng theo lệnh của Tổng thống Eisenhower và

một cái hồ được làm theo yêu cầu của Tổng thống Nixon. Cửa sổ của các căn phòng sinh hoạt nhìn ra khu rừng bảo tồn bao quanh trại. Các hàng rào an ninh của khu trại, camera ghi hình và việc tuần tra của thủy quân lục chiến đều nằm khuất tầm mắt, giúp cho ta quen rằng cái phong cảnh thanh bình này là một căn cứ quân sự, thậm chí còn được tăng cường an ninh để bảo vệ đặc biệt cho Tổng thống.

Trung tâm hoạt động của trại chính là nhà khách lớn Laurel, nơi chúng tôi tụ tập để xem bóng đá, chơi games, ngồi trước lò sưởi hai tầng cùng nhau thưởng thức các bữ. Sau khi thư giãn ở đây, tôi nghĩ căn phòng trung tâm Laurel nên có thêm chức năng và nên tận dụng hơn về tầm nhìn từ căn phòng. Có một số cửa số trên dãy tường phía sau nhìn ra khu rừng và một cây cột lớn ngăn cản việc đi lại trong phòng. Tôi đã làm việc với bên Hải quân và bạn tôi là Kaki Hockersmith, một nhà trang trí nội thất từ Arkansas để lên các kế hoạch nâng cấp mới, dỡ bỏ cái cột xà to và gắn thêm các cửa sổ lấy thêm ánh sáng, mở thêm phòng theo các mùa thay đổi bên ngoài.

Các đầu bếp và chiêu đãi viên của Hải quân đã chuẩn bị và phục vụ buổi dạ tiệc lễ Tạ ơn theo cách cổ điển mà cả hai bên gia đình chúng tôi đều mong đợi. Một nét truyền thống giống nhau của gia đình tôi và Bill là chúng tôi dùng cả bánh mì và bánh bột ngô, bí ngô và bánh nhân thịt bạc hà. Các bàn buffet như bị oằn đi vì sức nặng của các món ăn trong khi mọi người cử hành một lễ hội tưng bừng khắp mọi nơi, ăn uống thỏa thích.

Suốt thời gian cuối tuần, hai người bạn cũ Strobe Talbott và Brooke Shearer đến thăm Trại David cùng với con trai của họ. Strobe Talbott, khi đó đảm nhiệm vai trò Đại sứ lưu động tại các quốc gia mới độc lập của Liên Xô cũ, sau đó trở thành Thứ trưởng Ngoại giao. Brook Shearer là Giám đốc Chương trình Ái hữu Nhà Trắng và là một đồng sự của tôi trong chiến dịch tranh cử. Chúng tôi không nói nhiều về vụ Whitewater, nó chỉ là một vệt sáng ngắn ngủi lóe lên trên màn hình ra đa. Thay vào đó, chúng tôi đã thảo luận về các sự kiện của năm vừa qua. Chúng tôi lạc quan hơn bao giờ hết về tương lai của đất nước. Về mặt cá nhân, chúng tôi đã trải qua một năm khó khăn nhưng trong chương trình làm việc của Bill, đây lại là một năm nhiều thành công. Giống như cách nói ẩn dụ về một cuộc đua ngựa mà Virginia ưa thích: Có thể chúng tôi hơi chậm lúc xuất phát nhưng sau đó chúng tôi đã lấy được tốc độ. Đất nước đang có những dấu hiệu hồi phục kinh tế và niềm tin của người tiêu dùng đang gia tăng. Tỉ lệ thất nghiệp đã giảm xuống 6,4%, mức thấp nhất kể từ đầu năm 1991. Số lượng mua bán nhà mới gia tăng trong lúc lãi suất và lạm phát giảm. Ngoài kế hoạch kinh tế với một sự mở rộng chưa từng có tiền lệ, Bill còn ký ban hành đạo luật Thi hành Nghĩa vụ Quốc gia,

thành lập AmeriCorps, Đạo luật Nghỉ phép Điều trị và Việc gia đình mà Tổng thống Bush đã phủ quyết hai lần; luật về cử tri ở nhà di động, giúp tạo điều kiện dễ dàng cho người lao động đi đăng ký bầu cử khi họ ghé vào các văn phòng tại địa phương; cung cấp trợ giúp tài chính trực tiếp cho sinh viên, cắt giảm chi phí học đại học. Và một trong những ưu tiên của ngài Strobe là viện trợ kinh tế cho nước Nga còn đang chập chững trong giai đoạn đầu của tiến trình dân chủ.

Sau khi đi nghỉ mát về, mỗi người chúng tôi tăng vài cân và trông tươi trẻ hẳn ra. Tôi đặc biệt hài lòng là Bill đã ký dự luật Brady vào ngày 30 tháng 11 năm 1993. Giống như Đạo luật về Nghỉ phép Điều trị và Việc gia đình, dự luật này đã bị Tổng thống Bush phản đối. Dự luật phải chờ một thời gian quá lâu. Theo quy định của dự luật này, cần thời gian năm ngày để xem xét lý lịch, nhân thân của bất kỳ một người mua súng ngắn nào. Dự luật sẽ không khả thi nếu không nhờ những nỗ lực không mệt mỏi của James và Sarah Brady. Jim là một cựu thư ký báo chí của Nhà Trắng, bị tổn thương não do bị một người đàn ông tâm thần bắn vào đầu vào năm 1981 khi hắn cố gắng ám sát Tổng thống Ronald Reagan. Ông và người vợ của mình, Sarah, đã cống hiến cả đời cho việc ngăn cản không để súng lọt vào tay những kẻ tội phạm và bệnh tâm thần. Lòng kiên nhẫn của họ đã dẫn tới một quang cảnh cảm động sâu sắc trong Phòng Đông khi Bill, được thôi thúc bởi gia đình Brady, ký ban hành thành luật cho một dự luật kiểm soát súng quan trọng nhất trong vòng 25 năm qua. Trong những năm sau này, những công dân hợp pháp không bị mất quyền sử dụng súng ngoại trừ 600 ngàn kẻ đào tẩu, những kẻ khủng bố và tội phạm đã bị ngăn không được mua vũ khí.

Hiệp định Mậu dịch Tự do Bắc Mỹ NAFTA đã được phê chuẩn vào ngày 8 tháng 12 năm 1993. Điều đó có nghĩa là cuối cùng chính phủ đã có thể tập trung vào việc hỗ trợ cho chương trình cải cách y tế. Để khởi động lại tiến trình này, Tiến sĩ Koop và tôi lại phải ra đường lần nữa. Vào ngày 2 tháng 12, tôi đã nói chuyện với 800 bác sĩ và chuyên gia y khoa tham dự Diễn đàn Chăm sóc Sức khoẻ Nông thôn tại ba bang ở thành phố Hanover của tiểu bang New Hampshire.

Tiến sĩ Koop đã trở thành một người ủng hộ nhiệt thành cho kế hoạch chăm sóc sức khỏe. Khi ông nói, chúng ta như đang nghe một nhà tiên tri thời Kinh Cựu ước. Ông có thể đưa ra một sự thật nhạy cảm nhưng lại không gây phản cảm cho người khác. Ông nói: "Chúng ta có quá nhiều bác sĩ chuyên khoa trong khi lại không có đủ bác sĩ đa khoa" và đám đông khán giả với phần lớn là bác sĩ chuyên khoa lại gật đầu đồng ý.

Diễn đàn New Hampshire được đưa lên truyền hình nên đây là một sự kiện đặc biệt quan trọng để tranh thủ sự ủng hộ và là một cơ hội lớn để giải trình các khía cạnh đạo đức của kế hoạch Clinton. Tôi trở thành một nhân vật trọng yếu trong cuộc thảo luận. Tôi nhìn về hướng khán thính giả và thấy tùy viên của mình là Kelly Craighead đang bò xuống lối đi trung tâm của khán đường. Cô đang vò đầu bứt tai ra dấu chỉ trỏ về phía tôi. Tôi cứ tiếp tục nói và lắng nghe, không thể nào đoán được là cô ta đang làm gì.

Lại là một sự cố về tóc tai. Capricia Marshall đang ngồi xem truyền hình ở Washington để ý thấy một lọn tóc rối dính ngay chính giữa trán của tôi. Cô e là khán giả có thể chăm chú vào tóc của tôi thay vì lắng nghe tôi đang nói gì nên cô đã dùng điện thoại di động gọi cho Kelly ra lệnh : "Vuốt tóc của Phu nhân xuống".

"Tôi không thể, bà ta đang ngồi trước hàng trăm người."

"Tôi không quan tâm, ra hiệu cho bà ấy !"

Khi Kelly kể lại chuyện này cho tôi sau buổi thảo luận, tất cả chúng tôi cười ồ. Chỉ hơi ngượng ngùng trong năm đầu tiên của cuộc sống mới với tư cách là Phu nhân Tổng thống nhưng cuối cùng, tôi cũng thích nghi được cách hóa giải những vấn đề quan trọng. Từ lúc đó trở đi, chúng tôi đã tạo ra một hệ thống các cử chỉ dùng tay ra dấu giống như giữa huấn luyện viên và cầu thủ để tôi có thể biết được rằng khi nào nên vuốt tóc xuống hoặc lau dấu son môi.

Trở lại Washington, các nghi lễ mùa Giáng sinh của Nhà Trắng đang rộn ràng. Bây giờ tôi mới cảm nhận được cái hoạch định kỳ quái mà tôi thúc giục để khởi đầu vào một ngày ấm áp của tháng Năm trước đó khi Gary Walters, tổng quản lý nói với tôi là "Thưa bà Clinton, như bà thấy đấy, đã hơi trễ cho công việc chuẩn bị lễ Giáng sinh". Ông nói là tôi phải thu xếp việc thiết kế thiệp Giáng sinh của Nhà Trắng, chọn các chủ đề trang trí và lên kế hoạch các buổi tiệc mà chúng ta sẽ tổ chức trong tháng 12. Tôi yêu lễ Giáng sinh nhưng lễ Tạ ơn luôn luôn là một dịp tốt để bắt đầu suy nghĩ về lễ Giáng sinh, vì vậy nó là cơ hội lớn trong kế hoạch của tôi. Với tinh thần trách nhiệm cao, tôi điều chỉnh kế hoạch của mình và qua các bức ảnh, tôi sớm bắt đầu sắp xếp những đụn tuyết trên bãi cỏ của Nhà Trắng khi mùi hương hoa mộc lan thoang thoảng bên cửa sổ.

Tất cả những tháng ngày chuẩn bị ấy đã mang lại kết quả thuận lợi. Tôi quyết định thực hiện đề tài về nghề thủ công ở Mỹ và mời những người thợ

thủ công trên khắp đất nước gửi đến những đồ trang trí làm bằng tay để chúng tôi treo lên hơn 20 cây thông khắp Nhà Trắng. Bình quân mỗi ngày, chúng tôi tổ chức một bữa tiệc hoặc một buổiếp khách, liên tiếp trong ba tuần. Tôi thích công việc lên thực đơn các món ăn và lập kế hoạch cho các hoạt động và ngắm nhìn hàng chục tình nguyện viên kéo đến Nhà Trắng giúp treo các vật trang trí. Một hậu quả đáng buồn của vụ tấn công ngày 11 tháng 9 năm 2001 là Nhà Trắng không còn mở cửa như trong suốt thời gian chúng tôi tại vị. Vào mùa Giáng sinh đầu tiên ấy, khoảng 150.000 khách đến tham quan các căn phòng để xem cách thức trang trí, các mẫu bánh. Vì chúng tôi muốn đón tiếp tất cả mọi người theo các tín ngưỡng khác nhau trong mùa lễ Giáng sinh, nên chúng tôi cho thắp lên những ngọn nến lễ mà chúng tôi đã đặt làm cho Nhà Trắng vào tháng 12 năm ấy để tiến hành buổi lễ Chanukah. Ba năm sau đó, chúng tôi tổ chức lễ Eid al-Fitr lần đầu tiên ở Nhà Trắng để thể hiện sự tôn kính đối với sự kiện kết thúc tháng Ramadan, tháng chay tịnh của người Hồi giáo.

Giáng sinh luôn luôn là một sự kiện lớn trong gia đình nhà Clinton. Bill và Chelsea đều rất thích mua sắm, gói quà, và trang trí cây thông. Tôi thích nhìn ngắm hai cha con cùng nhau tỉa cây Noel, thỉnh thoảng lại dừng tay nhớ về nguồn gốc của mỗi vật trang trí. Năm nay không khác biệt so với mọi năm, mặc dù chúng tôi phải mất một ít thời gian để tìm những đồ trang trí cho gia đình. Nhiều đồ đạc của chúng tôi vẫn còn nằm trong những chiếc hộp không nhãn mác chất đầy trong các phòng ở trên tầng ba của Nhà Trắng hoặc trong nhà kho của Tổng thống ở Maryland. Tuy vậy, cuối cùng thì những đôi vớ Giáng sinh cũng được treo ở mặt trước lò sưởi trong Phòng Bầu Dục Vàng, trong một ngôi nhà mà chúng tôi có cảm giác là mọi thứ bắt đầu trở nên giống như tổ ấm thực sự.

Đây sẽ là mùa Giáng sinh cuối cùng đối với Virginia, bà đang ngày càng trở nên yếu hơn và hiện cần được truyền máu đều đặn. Bà đã kiên cường quyết tâm sống hết mình trong những ngày cuối cùng của cuộc đời. Bill và tôi muốn bà dành càng nhiều thời gian càng tốt bên chúng tôi, vì vậy chúng tôi thuyết phục bà ở lại thêm một tuần nữa. Bà đồng ý nhưng cứ khăng khăng rằng bà không thể ở lại qua năm ới bởi vì bà và Dick sẽ phải đến dự buổi hòa nhạc của Barbra Streisand ở Las Vegas. Barbra là người bạn rất thân thiết của Virginia, đã mời họ tham dự buổi trình diễn trong lần trở lại sân khấu hòa nhạc được chờ đợi từ rất lâu của bà. Tôi nghĩ Virginia quyết chí sống lâu thêm nữa để còn thực hiện chuyến đi, bởi vì không có gì làm bà ấy vui thích hơn là ghé thăm các sòng bạc và có cơ hội được xem bà Barbra Streisand biểu diễn.

Sự đeo bám của giới truyền thông đối với vụ Whitewater tiếp tục kéo dài qua cả mùa nghỉ lễ khi tờ New York Times, The Washington Post và Newseek tranh nhau để có được những thông tin sốt dẻo. Những người thuộc Đảng Cộng hòa ở Hạ và Thượng viện - đặc biệt là Bob Dole - yêu cầu tiến hành một "cuộc điều tra độc lập" về vụ Whitewater. Các tác giả của những bài xã luận đã công kích và buộc Bộ trưởng Tư pháp Janet Reno phải bổ nhiệm một luật sư đặc biệt. Đạo luật "Luật sư Độc lập" (vốn được thông qua thành luật sau vụ xì-căng-đan Watergate) vừa mới hết thời hiệu, và các cuộc điều tra hiện do Bộ trưởng Tư pháp chỉ định. Áp lực gia tăng từng ngày, tuy nhiên không có dữ kiện khả dĩ nào hầu đáp ứng được tiêu chí duy nhất cho việc bổ nhiệm một nhóm điều tra đặc biệt là: phải có chứng cứ đáng tin cậy về hành vi phạm pháp.

Thậm chí khi đã nằm trong mộ rồi, Vince Foster vẫn còn bị săn lùng. Một tuần lễ trước Giáng sinh, giới báo chí đã tường thuật rằng một số hồ sơ của ông, bao gồm cả những tài liệu về vụ Whitewater, đã được Bernie Nussbaum tẩu tán khỏi văn phòng. Đương nhiên là Bộ Tư pháp biết rất rõ rằng những hồ sơ cá nhân này đã được tìm thấy trong văn phòng của ông trước sự chứng kiến của các luật sư Bộ Tư pháp và các nhân viên FBI, sau đó những hồ sơ này được bàn giao cho các luật sư của chúng tôi và được giao lại cho Bộ Tư pháp để xem xét. Nhưng việc rò rỉ những "thông tin" này đã đổ thêm dầu vào ngọn lửa đang cháy âm ỉ.

Sau đó, chúng tôi phải đương đầu với một cuộc công kích mang tính chất đảng phái rất ác liệt. Vào thứ Bảy, ngày 18 tháng 12, tôi đang chủ tọa một buổi chiêu đãi nhân ngày lễ thì David Kendall đã gọi điện thoại cho tôi.

Ông ta nói: "Bà Hillary này, tôi phải báo cho bà biết một số thông tin rất, rất xấu...".

Tôi ngồi xuống và lắng nghe David tóm tắt một bài báo dài và rất chi tiết trên tờ American Spectator, một tờ báo của phe cánh tả thường công kích Chính phủ. Bài báo do David Brock viết toàn những chuyện đồi bại nhất mà tôi từng biết, còn tồi tệ hơn cả thứ rác rưởi tục tĩu trên những tờ lá cải được phát không trong các siêu thị. Nguồn thông tin chủ yếu của Brock là từ bốn người lính Arkansas trong nhóm cận vệ cũ của Bill. Họ tuyên bố rằng họ đã môi giới gái điếm cho Bill khi còn làm Thống đốc bang Arkansas. Những năm sau đó, khi công khai rút lui, Brock đã viết những lời thú nhận gây ấn tượng sâu sắc về những động cơ và các thế lực chính trị đứng sau chỉ đạo ông ta hành động vào thời điểm đó.

"Hãy nhìn xem, bài báo đó có quá nhiều điều bẩn thỉu, nhưng nó sẽ được lan truyền rộng rãi", David nói, "Bà phải chuẩn bị thôi."

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là dành cho Chelsea, mẹ tôi và bà Virginia.

"Chúng ta có thể làm gì về điều đó?", tôi hỏi David. "Chúng ta có thể làm gì không?"

Lời khuyên của anh ấy là im lặng và không nói gì. Các lời bình luận của chúng tôi chỉ giúp quảng cáo thêm cho bài báo. Những người lính này đang hủy hoại thanh danh bạn thân vì một động cơ riêng, họ ba hoa một cách không biết xấu hổ rằng họ mong có thể kiếm tiền từ nhữngâu chuyện của mình. Hai trong số bốn người đồng ý tiết lộ tên và họ đang chào hàng câu chuyện của mình. Thậm chí nói thẳng ra họ đang được Cliff Jackson đại diện. Đây là một trong những kẻ thù chính trị dữ dội nhất của Bill ở Arkansas. Hầu hết câu chuyện của Brock quá mơ hồ, không thể kiểm chứng và có nhiều chi tiết không nhất quán. Ví dụ bài báo tuyên bố là tôi đã ra lệnh cho hủy các hồ sơ lưu theo dõi việc ra vào cửa của Dinh Thống đốc để che giấu các dan díu bị tình nghi của Bill, tuy nhiên thực tế thì Dinh Thống đốc không bao giờ lưu giữ những hồ sơ như vậy. Điều không may là các nguồn thông tin của Brock lại là nhóm lính trước đây làm việc cho Bill khiến cho những câu chuyện của họ có vẻ như đáng tin cậy. Tôi nghĩ là toàn bộ tác động của bài báo này không ảnh hưởng với tôi cho đến tối hôm sau, tại buổi tiệc Giáng sinh dành cho bạn bè và người thân của gia đình tại Nhà Trắng, Lisa Caputo nói với tôi là tối nay hai người binh sĩ trong nhóm đó đang chào hàng các câu chuyện của họ trên đài CNN và báo Los Angeles Times sắp đăng những câu chuyện của họ. Thật là quá đáng. Tôi tự hỏi là cái mà Bill đang cố gắng đóng góp, phục vụ đất nước có xứng đáng với những khổ đau và tủi nhục mà gia đình, bạn bè tôi phải chịu đựng hay không. Chắc là vẻ bên ngoài của tôi trông thảm hại như nỗi đau khổ trong lòng, đến mức Bob Barnett đã đến hỏi xem là anh có thể giúp được gì hay không. Tôi bảo anh là chúng ta phải quyết định làm thế nào trả lời ngay ngày hôm sau. Tôi đề nghị chúng tôi cùng lên lầu với Bill trong vài phút để bàn về chuyện đó. Bill đi tới đi lui trong gian sảnh trung tâm. Bob khom người trình bày khi tôi ngả người dựa vào cái ghế nhỏ sát tường. Với cặp mắt kính quá khổ và nét mặt phúc hậu, Bob trông giống như một người chú dễ mến của mọi người. Bây giờ anh ấy đang nói chuyện với một giọng hết sức dịu dàng, rõ ràng là cố gắng để tìm hiểu là liệu chúng tôi có đủ sức mạnh để tiếp tục một cuộc chiến đấu sau tất cả mọi chuyện đã xảy ra hay không. Tôi nhìn anh và nói: "Tôi đã quá mệt mỏi vì những chuyện này".

Anh ấy lắc đầu, "Tổng thống được dân bầu lên và bà phải sát cánh với ông ấy vì đất nước, vì gia đình bà. Dù cho việc này có tồi tệ đến đâu đi nữa, bà phải chịu đựng đến cùng". Anh ấy không kể tôi nghe bất cứ chuyện gì mà tôi chưa biết, và đây không phải là lần đầu tôi được khuyên rằng các hành động và lời nói của tôi hoặc có thể củng cố hoặc làm suy yếu vị thế Tổng thống của Bill. Tôi muốn nói rằng "Bill được bầu, chứ không phải tôi!". Về mặt lý trí tôi hiểu là Bob đúng và hiểu là tôi sẽ phải tập trung mọi sức lực còn lại của mình. Tôi sẽ cố gắng nhưng tôi cũng cảm thấy quá mệt mỏi. Vào lúc này tôi cảm thấy rất đơn độc.

Tôi nhận ra rằng các cuộc tấn công vào danh tiếng của chúng tôi có thể hủy hoại công việc mà Bill đang thực hiện để đưa quốc gia theo một con đường khác. Ngay từ khi bắt đầu chiến dịch tranh cử, tôi đã biết là những người Đảng Cộng hòa mong muốn bám giữ vị trí ở Nhà Trắng mãnh hệt đến thế nào. Các đối thủ chính trị của Bill hiểu món tiền cược trong vụ này rất cao. Điều này khiến tôi muốn tiếp tục chiến đấu. Tôi quay xuống cầu thang để trở lại tham dự bữa tiệc.

Tôi đã lên lịch trình một số cuộc phỏng vấn với giới truyền thông mà tôi không thể nào bỏ được. Vào ngày 21 tháng 12, tôi gặp Helen Thomas và một số phóng viên báo đài khác để lấy bản báo cáo tóm lược cuối năm. Helen là Trưởng ban Báo chí Nhà Trắng, một nhà báo rất nổi tiếng. Dĩ nhiên họ hỏi tôi về bài báo trên tờ Spectator và tôi đã quyết định dành cho họ một câu trả lời. Tôi tin đây không phải là một sự trùng hợp vì các cuộc công kích đã xuất đầu lộ diện ngay khi Bill đang được tín nhiệm rất cao trong các cuộc thăm dò ý kiến kể từ khi anh ấy nhậm chức Tổng thống. Và tôi đã nói với họ như thế. Tôi cũng tin là các câu chuyện này được ng lên vì các lý do bè phái và ý thức hệ.

"Tôi nghĩ chồng tôi đã chứng tỏ anh ấy là một người thật sự quan tâm đến đất nước này một cách sâu sắc và đã làm tròn vai trò Tổng thống... Và xét đến những điều đã nói và làm được, những người dân Mỹ công tâm sẽ phán xét chồng tôi. Và tất cả những gì còn lại của cái thứ vớ vẩn này sẽ kết thúc trong sọt rác, là nơi xứng đáng với nó."

Đây thật sự không phải là một câu trả lời bình tĩnh như David đã khuyến nghị.

Mặc dù đã gây ra tổn thương cho chúng tôi nhưng cuối cùng giới truyền thông cũng bắt đầu kiểm tra những động cơ của những binh sĩ này. Hóa ra hai người lính này giận dữ vì họ cảm thấy Bill đã không biết ơn họ. Họ cũng

đang là đối tượng của một cuộc điều tra về vụ gian lận bảo hiểm nhiều nghi vấn liên quan đến một xe công vụ mà họ đang sử dụng đã bị tai nạn vào năm 1990. Một quân nhân khác từng báo cáo là Bill đã cho anh ta một công việc ở cơ quan chính quyền liên bang để đổi lấy sự im lặng của anh. Sau đó, anh ta đã buộc phải ký vào một tờ khai tuyên thệ là chuyện đó chưa từng xảy ra. Nhưng phải mất gần mười năm sau chúng tôi mới biết được đầy đủ về câu chuyện giật gân được biết với tên gọi là vụ bê bối "Troopergate".

David Brock, tác giả của bài báo trên tờ Spectator bị lương tâm cắn rứt vào năm 1998 đã công khai xin lỗi Bill và tôi về những điều nói dối mà ông ta gieo rắc về chúng tôi. Ông ta đã hao tâm tổn trí vào việc xây dựng phẩm chất thiên hữu của mình đến nỗi ông ta đã tự cho phép mình bị lợi dụng vào mục đích chính trị khi ông ta có những nghi ngờ về các nguồn tin. Trong cuốn hồi ký Blinded by the Right được xuất bản năm 2002, Brock đã tự nhận mình là một người theo quan điểm cực hữu. Ông ta cho bi rằng mình không chỉ có tên trong bảng lương chính thức của tờ báo Spectator mà còn nhận tiền hối lộ để bới móc và đăng bất kỳ những thứ xấu xa dơ bẩn mà bất kỳ ai muốn nói về chúng tôi. Trong số những người bảo trợ bí mật cho ông ta có nhà tài phiệt ở Chicago tên là Peter Smith, một người ủng hộ quan trọng của Newt Gingrich. Smith đã trả tiền cho Brock để đi đến Arkansas phỏng vấn các binh sĩ với một sự dàn xếp hỗ trợ của Cliff Jackson. Theo Brock thì sự thành công của bài báo viết về nhóm binh lính này đã thu hút sự chú ý của Richard Mellon Scaife, một tỷ phú cực kỳ bảo thủ đến từ Pittsburgh nhằm tài trợ cho các tin bài tương tự như vậy thông qua một công ty bí mật gọi là "Arkansas Project". Thông qua một cơ sở giáo dục, Scaife đã bơm hàng trăm ngàn đôla cho tờ báo Spectator để hỗ trợ cho những bài báo thù địch chống lại Clinton.

Cái âm mưu được Brock và những người khác mô tả lại thật chặt chẽ và dàn nhân vật thì thật là lố bịch. Tuy nhiên, điều quan trọng là người dân Mỹ biết được cái gì đang xảy ra đằng sau hậu trường để hiểu được toàn diện về vụ Troopergate, hiểu những vụ bê bối miêu tả trên báo lá cải trước đó và những chuyện sẽ xảy ra sau đó. Đây là một cuộc chiến tranh tổng lực về chính trị.

"Trong quá trình theo đuổi sự nghiệp bắt đầu chớm nở của mình như một người bới lông tìm vết cho phe cánh hữu", Brock viết, "tôi đã để bản thân bị lẫn lộn trong một nỗ lực kỳ quái và đôi khi lố bịch do những tên đặc vụ cánh hữu được tài trợ dồi dào để làm nhục Clinton bằng các lời cáo buộc cá nhân bẩn thỉu. Những nỗ lực phối hợp hoạt động với Đảng Cộng hòa hoặc các tổ chức, dưới sự theo dõi sát của công chúng Mỹ và giới báo chí khi chiến dịch tranh cử diễn ra vượt xa khuôn khổ của việc nghiên cứu phe đối lập, thường được tiến hành trong các cuộc vận động chính trị - không chỉ bí mật và có

chủ đích mà còn trong tình trạng thiếu độ tin cậy xét theo bất kỳ tiêu chuẩn nàoề chứng cứ, nguyên tắc hoặc tính chính xác v.v. Những hoạt động này... là một bằng chứng rõ ràng về giới chính trị cánh hữu có thể đi xa đến mức độ nào trong thập niên sắp tới để cố gắng phá hoại gia đình Clinton."

Cùng với các thành viên khác trong dự án Arkansas bí mật của Scaife, Brock tiếp nhận công tác gieo rắc mầm mống nghi ngờ về nhân vật Bill Clinton và sự phù hợp của Bill Clinton đối với việc cai trị đất nước. Theo hồi ức của Brock thì "...ngay từ giây phút đầu tiên, khi gia đình Clinton rời Arkansas để bước lên sân khấu chính trị quốc gia thì đất nước luôn bị tác động phải chứng kiến một chuyện hoàn toàn bịa đặt được Đảng Cộng hòa tạo dựng ra để đất nước không bao giờ nhìn đúng bản chất của gia đình Clinton".

Vào một buổi sáng sương giá giữa Giáng sinh và Năm mới, Maggie Williams và tôi dùng cà phê trong một nơi ưa thích tại tư dinh - Phòng khách phía Tây - trước một cửa sổ lớn hình nan quạt Chúng tôi trò chuyện và đọc lướt các tờ báo. Hầu hết trang nhất các báo đều dành cả trang về vụ Whitewater.

"Ồ nhìn này!”, Maggie nói khi cô đưa cho tôi tờ USA Today. "Nó nói bà và Tổng thống là những người đáng trọng nhất trên thế giới." Tôi không biết nên cười hay khóc. Tất cả điều tôi có thể làm là hy vọng rằng người dân Mỹ vẫn giữ được tính công bằng và thiện ý của mình vì tôi cũng đang đấu tranh để giữ điều đó cho mình.

NHÓM ĐIỀU TRA ĐỘC LẬP

Tiếng chuông điện thoại reo giữa đêm khuya là một trong những tiếng động gây cho ta cảm giác khó chịu và lo lắng nhất. Khi chuông điện thoại phòng ngủ của chúng tôi reo một hồi dài vào giữa đêm ngày 06 tháng 1 năm 1994, đó là lúc Dick Kelley gọi điện báo cho Bill biết rằng mẹ của anh ấy vừa mới qua đời trong khi đang ngủ tại nhà của bà ở Hot Springs.

Chúng tôi đã thức suốt đêm ấy, gọi và nhận điện thoại. Bill đã nói chuyện với Roger, em trai anh ấy hai lần. Chúng tôi đã cố liên lạc với một trong những người bạn thân nhất, người đã lớn lên cùng Bill - Patty Howe Criner - và chúng tôi nhờ cô ấy phối hợp cùng với Dick tổ chức việc tang lễ. Khoảng ba giờ sáng thì Al Gore gọi. Tôi đánh thức Chelsea và đưa con bé vào phòng ngủ của chúng tôi để tôi và Bill có thể nói chuyện với nó. Con bé rất gần gũi với bà nội, thường gọi bà là Ginger. Giờ đây, trong vòng chưa đầy một năm, nó đã mất cả ông ngoại và bà nội.

Trước lúc rạng đông, Văn phòng Báo chí Nhà Trắng đã loan báo tin tức về cái chết của bà Virginia và khi mở tivi trong phòng ngủ, chúng tôi nhìn thấy dòng tin đầu tiên trên màn hình: "Thân mẫu của Tổng thống đã qua đời vào rạng sáng hôm nay sau một thời gian chống chọi với căn bệnh ung thư kéo dài". Dòng tin dường như làm cho cái chết của bà cụ trở thành một kết cục khủng khiếp. Chúng tôi gần như chưa bao giờ xem tin tức buổi sáng, nhưng tiếng sè sè từ truyền hình lúc ấy đã làm vơi đi phần nào những suy tư của chúng tôi. Sau đó, Bob Dole và Newt Gingrich xuất hiện trong chương trình Today theo kế hoạch đã định trước. Họ bắt đầu nói về vấn đề Whitewater, Dole nói: "Chính tôi kêu gọi chỉ định một nhóm điều tra độc lập, hợp lệ". Tôi nhìn kỹ gương mặt của Bill. Anh ấy hoàn toàn bị đánh gục. Anh ấy đã đực mẹ giáo dục là không được đánh người khi họ đã ngã, được giáo dục rằng mình phải cư xử lịch sự ngay cả đối với kẻ thù của mình trong cuộc sống cũng như trong chính trường. Vài năm sau đó, một số người nói với Bob Dole rằng những lời của ông ấy vào ngày đau thương đó đã làm cho Bill bị tổn thương nhiều đến dường nào. Dole, với bản chất là một người trọng danh dự, đã viết thư xin lỗi Bill.

Bill đã yêu cầu Phó Tổng thống thực hiện bài phát biểu đã được lên kế hoạch cho Milwaukee vào chiều hôm đó, vì vậy anh ấy có thể đi ngay đến Arkansas. Tôi ở lại để liên lạc với gia đình và bạn bè đồng thời hỗ trợ sắp xếp việc đi lại cho họ. Chelsea và tôi bay đến Hot Springs vào ngày hôm sau và đi thẳng đến ngôi nhà nằm bên bờ hồ của Dick và Virginia ở đó, chúng tôi thấy bạn bè và các thành viên gia đình đang đứng chen chúc trong một căn

phòng được bài trí đơn giản. Barbra Streisand bay đến từ California, sự hiện diện của bà ấy làm tăng thêm một chút nhộn nhịp và lôi cuốn mà Virginia vốn rất thích. Chúng tôi đứng uống cà phê và giống như trong bất kỳ đám tang nào khác ở Arkansas, thức ăn được dọn ra ê hề. Chúng tôi kể lại những mẩu chuyện ly kỳ về cuộc đời của bà Virginia và đề cập về cuốn tự truyện đang chuẩn bị xuất bản của bà có tựa đề rất hay: Leading with My Heart. Bà cụ sẽ không bao giờ nhìn thấy cuốn sách này được xuất bản, nhưng cuốn sách đã kể một câu chuyện chân thật và đáng nhớ biết bao. Tôi tin rằng nếu bà cụ còn sống để quảng bá nó, không những nó sẽ trở thành một cuốn sách bán chạy nhất, mà còn có thể giúp nhiều người hiểu được Bill hơn. Những giờ sau đó, ngôi nhà vẫn chật kín người giống như cảnh tượng ở một nhà thờ vào ngày Chủ nhật lễ Phục sinh, nhưng không có sự hiện diện của bà cụ Virginia, ta có cảm giác như nhà thờ đang bị thiếu vắng dàn đồng ca.

Ở Hot Springs không có nhà thờ nào đủ lớn để có thể chứa hết những bạn hữu của Virginia. Lễ tiệu sẽ phải tổ chức tại Trung tâm Hội nghị ở trung tâm thành phố Hot Springs. Bill bảo tôi: “Nếu thời tiết tốt hơn, chúng ta đã có thể sử dụng trường đua Oaklawn. Chắc mẹ thích chỗ ấy!". Tôi cười khi chợt nghĩ đến trường đua với hàng nghìn người hâm mộ đang chào tiễn biệt một trong những người thân yêu của họ.

Vì thời gian tang lễ ở Hot Springs kéo dài đến sáng hôm sau, các đường phố đầy những dòng người lặng lẽ đến viếng. Lễ truy điệu ca tụng cuộc đời của Virginia với những câu chuyện và những bài thánh ca. Nhưng không có câu chuyện hoặc bài thánh ca nào có thể lột tả hết bản chất của người phụ nữ đặc biệt đã chia sẻ tình yêu cuộc sống của mình với bất cứ ai mà bà gặp được trên con đường của mình.

Sau lễ truy điệu, chúng tôi lái xe đến nghĩa trang ở Hope, nơi Virginia sẽ yên nghỉ vĩnh hằng với cha mẹ và người chồng đầu tiên của bà là Bill Blythe. Bà Virginia đã về nhà ở Hope.

Chiếc chuyên cơ của Tổng thống đón chúng tôi ở phi trường Hope và thực hiện chuyến bay buồn bã trở về Washinglon. Trên máy bay, gia đình, bè bạn và những người khác đang cố gắng nâng đỡ tinh thần của Bill. Nhưng vào ngay cả cái ngày anh ấy chôn cất mẹ, Bill cũng không thoát khỏi việc bị người ta săn lùng về vụ Whitewater.

Các nhân viên Nhà Trắng và các luật sư bao quanh Tổng thống. Mọi người đều quan ngại rằng những giọng điệu kêu gào đòi chỉ định một công tố viên đặc biệt có thể lấn át thông điệp của Bill, nhưng không ai có thể đoán được

rằng liệu việc yêu cầu một công tố viên đặc biệt có dẹp yên những luận điệu to mồm đó hay không. Vào thời gian chúng tôi đáp xuống Phi trường quân sự Andrews và đi trực thăng đến Nhà Trắng, Bill rõ ràng đang mệt mỏi về cuộc tranh cãi. Anh ấy phải trở lại Andrews để bay sang châu Âu ngay vào tối đó để duộc họp đã lên lịch từ lâu về vấn đề mở rộng NATO tại Brussels và Praha, tiếp đó là chuyến viếng thăm chính thức nước Nga để giải quyết mối quan ngại của Tổng thống Boris Yeltsin về các kế hoạch mở rộng sang phía đông của NATO. Trước khi đi, Bill nói cho tôi biết rằng anh ấy muốn vấn đề Whitewater sớm được giải quyết, bằng cách này hay cách khác.

Tôi đã lên kế hoạch đi cùng Bill đến Moscow trong chuyến viếng thăm chính thức ngày 13 tháng 1. Tại tang lễ của Virginia, chúng tôi quyết định sẽ mang Chelsea theo cùng vì chúng tôi không muốn để con bé ở lại Nhà Trắng vào thời điểm đáng buồn như thế. Tôi biết chúng tôi phải quyết định về cuộc điều tra đặc biệt trước chuyến đi này. Ngày Chủ nhật đó, một số lãnh đạo Đảng Dân chủ xuất hiện trong các chương trình đối thoại chính trị trên truyền hình để lên tiếng ủng hộ cho một công tố viên đặc biệt. Không một ai trong số họ có thể giải thích chính xác lý do tại sao bước đi này là cần thiết hoặc xác đáng. Dường như họ bị mắc kẹt trong vòng xoáy và rất thận trọng với áp lực của báo giới. Vòng xoáy ngày càng gia tăng trong khi ý chí cương quyết của tôi lại đang chùn xuống.

Vốn là một luật sư và từng là một cựu thành viên trong nhóm điều tra vụ Watergate nên tôi sẽ hợp tác đầy đủ với bất kỳ cuộc điều tra hợp pháp nào, nhưng tôi sẽ phản đối việc để cho người khác hoàn toàn tự do tiến hành điều tra một cách bừa bãi và không minh bạch. Một cuộc điều tra "đặc biệt" chỉ được phép mở ra khi có những bằng chứng tin cậy về việc làm sai trái, nhưng trong trường hợp này không hề có những bằng chứng như thế. Nếu không có bằng chứng đáng tin cậy, việc yêu cầu một công tố viên đặc biệt sẽ tạo ra một tiền lệ tồi tệ: kể từ nay, mọi lời buộc tội Tổng thống không có căn cứ về các sự kiện xảy ra trong suốt cuộc đời của ông ấy đều có thể dẫn đến một công tố viên đặc biệt.

Các cố vấn chính trị của Tổng thống dự đoán rằng rốt cuộc rồi chúng tôi cũng buộc phải chấp nhận một công tố viên đặc biệt và họ cho rằng tốt hơn hết là hãy chỉ định một người và sẵn sàng đương đầu. George Stephanopoulos nghiên cứu về những nhóm điều tra độc lập trước đây, trích dẫn trường hợp của Tổng thống Carter và anh trai của ông ấy là Billy, bị điều tra về một khoản cho vay liên quan đến một nhà kho đậu phộng có nhiều nghi vấn vào giữa thập niên 70. Công tố viên đặc biệt theo yêu cầu của Carter đã hoàn tất cuộc điều tra của mình trong vòng bảy tháng và đã giải tội

cho anh em nhà Carter. Đó là một sự khích lệ. Ngược lại, cuộc điều tra với tên gọi "Vụ Iran-Contra", bắt đầu vào thời kỳ của Chính quyền Reagan-Bush, đã kéo dài bảy năm, mặc dù trong trường hợp này, Nhà Trắng và các viên chức chính phủ đã có những hoạt động bất hợp pháp trong khi tiến hành chính sách đối ngoại của quốc gia. Nhiều viên chức chính quyền bị truy tố, bao gồm cả Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Caspar Weinberger và nhân viên Hội đồng An ninh Quốc gia, Trung tá Oliver North.

Chỉ có David Kendall, Bernie Nussbaum và David Gergen đồng ý với tôi rằng chúng tôi nên chống lại việc mời một công tố viên đặc biệt. Gergen cho rằng một công tố viên đặc biệt là một "đề xuất nguy hiểm". Các nhân viên tham mưu của Bill lần lượt kéo đến để vận động tôi, hết người này đến người kia, đều cùng đưa ra một điệp khúc quen thuộc: Tôi sẽ hủy hoại chức vụ Tổng thống của chồng tôi nếu như tôi không ủng hộ chiến lược của họ. Vụ Whitewater phải được đẩy lui khỏi trang nhất của báo chí để chúng tôi có thể chuyên tâm xúc tiến công việc của chính phủ, bao gồm sự cải tổ về chăm sóc y tế.

Tôi tin rằng chúng tôi cần phải phân biệt sự khác nhau giữa việc giữ vững lập trường khi chúng tôi không làm điều gì sai trái với việc nhượng bộ một thủ đoạn chính trị và áp lực từ giới báo chí. Tôi cho rằng: "Yêu cầu một công tố viên đặc biệt là không đúng". Nhưng tôi không thể nào làm thay đổi được ý định của họ.

Ngày 03 tháng 1, Harold Ickes, một người bạn cũ và là một cố vấn từ chiến dịch tranh cử năm 1992, đã tham gia nội các Chính phủ với vai trò Phó chánh Văn phòng. Bill đã yêu cầu Harold, một luật sư rất năng động có bộ tóc màu hung, điều phối chiến dịch y tế sắp đến. Thế mà chỉ trong vòng vài ngày, anh ấy phải chuyển hướng sang tổ chức một "Nhóm Xử lý Whitewater" gồm vài cố vấn cấp cao, các nhân viên thông tin và văn phòng luật sư. Harold là người biện hộ giỏi nhất mà bạn có được trong một cuộc chiến. Giống như Kendall, anh là một cựu binh của phong trào dân quyền ở miền Nam. Thực ra, Harold đã bị đánh đập tàn tệ trong khi tổ chức hoạt động cho những cử tri da đen ở khu vực Đồng bằng sông Mississippi đến nỗi anh ấy mất một quả thận. Mặc dù anh đã dành hầu hết quãng thời gian trai trẻ để tránh né định mệnh của mình - đó là thời điểm anh luyện tập ngựa ở trại nuôi ngựa - nhưng anh ấy lại là con trai của Harold Ickes, Sr., một trong những nhân vật quan trọng nhất trong nội các của Franklin D. Roosevelt. Dòng máu chính trị đã chảy trong huyết quản của anh và Nhà Trắng dường như là môi trường sống tự nhiên của anh ấy.

Harold đã cố hết sức để giữ cho cuộc tranh cãi về vụ Whitewater nằm trong tầm kiếm soát nhưng sự bất ổn vẫn tiếp tục lan ra khắp Dinh Tây. Mọi tin tức đều đưa chúng tôi đến gần một quyết định mang tính định mệnh. Một ngày sau khi chúng tôi từ Hot Springs trở về Nhà Trắng, Harold nói với tôi là anh miễn cưỡng đi đến kết luận rằng chúng tôi cần yêu cầu một công tố viên đặc biệt.

Vào tối thứ Ba, ngày 11 tháng 1, tôi dàn xếp một cuộc điện thoại hội nghị với Bill, lúc ấy đang ở Praha. David Kendall và tôi gặp gỡ với một vài trợ lý cao cấp nhất của Bill tại Phòng Bầu Dục để tranh lận lần sau cùng về vấn đề này. Cảnh tượng lúc ấy làm cho tôi liên tưởng đến một bộ phim hoạt hình mà tôi đã từng xem: Một người đàn ông đang đứng trước hai cái cửa, cố quyết định xem sẽ bước vào cửa nào. Dấu hiệu trên cửa đầu tiên bảo: "Nguy hiểm nếu bạn bước vào". Cửa còn lại thì bảo: "Nguy hiểm nếu bạn không bước vào."

Lúc đó vào khoảng giữa đêm ở châu Âu. Bill đang mòn mỏi và cáu tiết sau nhiều ngày bị hành hạ bởi những câu hỏi về Whitewater từ giới truyền thông. Anh cũng còn đau buồn về cái chết của mẹ, người đã luôn hiện diện suốt cuộc đời và sự nghiệp lãnh đạo của anh, đã dành cho anh một tình yêu và sự ủng hộ vô điều kiện. Tôi cảm thấy thương anh và ước gì anh không phải đối mặt với một quyết định quan trọng như thế trong hoàn cảnh này. Giọng Bill khản đặc và chúng tôi phải áp sát vào chiếc điện thoại hội nghị truyền hình màu đen cánh dơi để nghe được tiếng nói của anh ấy.

"Tôi không biết tôi sẽ chịu đựng tình trạng này được bao lâu", anh ấy nói và tỏ ra không hài lòng rằng giới báo chí đã không quan tâm đến việc mở rộng NATO mang tính lịch sử sẽ sớm mở cửa cho những quốc gia theo Hiệp ước Warsaw, "Tất cả bọn họ chỉ muốn biết tại sao chúng ta đang né tránh một cuộc điều tra độc lập".

George Stephanopoulos mở đầu, bình tĩnh đưa ra những lý lẽ chính trị ủng hộ cho việc chỉ định một điều tra viên đặc biệt. Ông ấy cho rằng điều tra viên đặc biệt sẽ làm cho giới truyền thông ngưng chĩa mũi dùi về phía Bill. Ông cho rằng đây là điều không thể tránh khỏi và mọi sự trì hoãn hơn nữa sẽ bóp chết chương trình nghị sự lập pháp của chúng tôi.

Sau đó Bernie Nussbaum, với cương vị của mình, đã đưa ra các giải trình cuối cùng đầy sức thuyết phục. Giống như tôi, Bernie biết rằng những người điều tra sẽ bị đặt dưới một áp lực to lớn dẫn đến sự buộc tội để biện hộ cho những nỗ lực của họ. Theo như Bernie nhấn mạnh, chúng tôi đã chuyển các

tài liệu cho Bộ Tư pháp xem xét, và vì không có bằng chứng đáng tin cậy nào về việc làm sai trái của Tổng thống, do đó theo luật, không thể yêu cầu một điều tra viên đặc biệt. Việc chúng tôi chỉ được yêu cầu một cuộc điều tra đặc biệt dường như thực sự lố bịch. Những thủ thuật biến hóa của chính trị có vẻ được hoan nghênh so với một tiến trình vô tận của luật pháp.

Theo dõi qua điện thoại truyền hình hội nghị, Bill lúc này đã kiệt sức và nghe quá đủ các ý kiến sau nhiều đợt tranh luận qua lại nảy lửa. Chúng tôi gút lại cuộc họp, yêu cầu chỉ mình David Kendall dành vài lời nói với Tổng thống.

Căn phòng trở nên im lặng trong chốc lát và Bill lên tiếng trong điện thoại: "Được, tôi nghĩ rằng chúng ta vừa quyết định xong". Anh ấy nói: "Chúng ta không có gì để giấu giếm, và nếu cứ tiếp tục như thế này, nó sẽ nhấn chìm chương trình nghị sự của chúng ta".

Biết là đã đến lúc phải rút lại lá bài của mình, tôi nói: "Em biết rằng chúng ta phải vượt qua sự kiện này nhưng điều này tùy thuộc vào anh".

David Kendall rất đồng tình với Bernie. Họ đều là những luật sư dày dạn kinh nghiệm chuyên về lĩnh vực hình sự nên họ hiểu rằng người vô tội vẫn có thể bị kết án. Nhưng họ bị áp đảo bởi các cố vấn chính trị, những người chỉ muốn giới báo chí thay đổi chủ đề. David rời khỏi phòng, và tôi nhấc điện thoại, nói chuyện riêng với Bill.

"Sao anh không gác lại quyết định cho đến ngày mai", tôi nói, "Nếu anh vẫn muốn điều đó, chúng ta sẽ gửi yêu cầu cho Bộ trưởng Tư pháp vào sáng ma

"Không", anh ấy bảo, “hãy gút lại chuyện này”. Mặc dù giống như tôi, anh ấy lo ngại rằng chúng tôi không lường hết được những hậu quả của quyết định này nhưng anh ấy vẫn bảo tôi cứ phải thực hiện yêu cầu. Tôi cảm thấy kinh hoàng. Anh ấy bị đẩy đến một quyết định mà anh ấy không hề cảm thấy thoải mái. Nhưng nếu áp lực vẫn cứ đè lên vai chúng tôi, chúng tôi không biết phải làm gì khác hơn.

Tôi đi vào văn phòng của Bernie Nussbaum để đích thân báo cho ông ấy tin xấu này và ôm chầm lấy người bạn cũ. Dù rằng lúc ấy rất trễ, Bernie vẫn bắt tay vào soạn một bức thư gửi cho Janet Reno, chuyển yêu cầu chính thức của Tổng thống rằng: Bộ trưởng Tư pháp sẽ chỉ định một công tố viên đặc biệt để tiến hành cuộc điều tra độc lập về vụ Whitewater.

Chúng tôi sẽ không thể nào biết được rốt cuộc Quốc hội có buộc phải có một

công tố viên độc lập đối với chúng tôi không. Chúng tôi cũng không thể tiên liệu được việc công bố cho tờ The Washington Post một bộ tài liệu cá nhân trong tình trạng khó có thể hoàn hảo có giúp tránh được một cuộc điều tra đặc biệt không? Bằng kinh nghiệm và nhận thức muộn màng, tôi ước gì mình đã đấu tranh cứng rắn hơn và không để bản thân mình bị thuyết phục để chọn phương cách kháng cự kém cỏi nhất này. Bernie và David đã đúng. Chúng tôi đang bị dồn vào trong thế kẹt mà nhà phân tích luật pháp Jeffrey Toobin sau đó mô tả như là sự chính trị hóa hệ thống tư pháp tội phạm và tội phạm hóa hệ thống chính trị. Quyết định này đã dẫn đến một tình thế gây khó khăn cho sự nghiệp chính trị của chúng tôi, làm tiêu hao dần sinh lực điều hành chính quyền trong bảy năm tới, xâm phạm quá mức vào đời sống của người dân vô tội và hướng sự chú ý của Hoa Kỳ ra khỏi những thách thức mà chúng tôi đang phải đối mặt với cả trong và ngoài

Tính lạc quan và sự bền bỉ vốn có của Bill đã giữ cho anh ấy đứng vững đồng thời cũng động viên tôi và giúp thực thi hầu hết các chương trình của anh ấy dành cho đất nước vào cuối nhiệm kỳ hai của mình. Tuy nhiên, tất cả những điều đó đều đang ở phía trước khi tôi và Chelsea đáp chuyến bay đi Nga để gặp Bill.

Việc hạ cánh xuống Moscow gặp nhiều khó khăn, tôi cảm thấy buồn nôn khi rời khỏi máy bay. Chelsea lên xe ô tô với Capricia Marshall và tôi được chở trên chiếc xe limousine sang trọng cùng với Alice Stover Pickering, vợ của vị Đại sứ Hoa Kỳ tại Nga - Thomas Pickering. Cả hai vợ chồng này đảm nhiệm khá nhiều công vụ ở hải ngoại. Tom Pickering sau này được đề bạt giữ chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách các vấn đề chính trị, dưới quyền của Bộ trưởng Madeleine Albright. Trên đường vào thành phố gặp gỡ bà Naina Yeltsin, tôi bị đau bụng. Đoàn xe chạy tốc độ nhanh, được các xe cảnh sát của Nga đi dẫn đường và khóa đuôi, không thể dừng được. Băng ghế sau của chiếc limousine hoàn toàn sạch sẽ, không có tách, khăn lau hay khăn giấy ở bên trên. Tôi cúi đầu và nôn xuống sàn. Alice Pickering không tỏ vẻ gì là đang bị làm phiền. Sau đó để giúp tôi đỡ bối rối, bà đã liên tục giới thiệu về các cảnh quan xung quanh. Bà ấy đã không tiết lộ sự cố này với bất cứ ai, điều này làm cho tôi cảm kích bà vô cùng. Khi đến Tòa nhà Spaso, dinh thự của vị Đại sứ, tôi cảm thấy khỏe hơn một chút. Sau khi tắm nhanh dưới vòi sen, thay quần áo và chải răng, tôi đã sẵn sàng bắt đầu chương trình làm việc của mình.

Tôi đang chờ gặp Phu nhân Yeltsin, chúng tôi đã gặp nhau tại Tokyo vào mùa hè năm ngoái. Naina đã từng là kỹ sư xây dựng tại Yekaterinburg, nơi chồng bà là lãnh đạo đảng bộ khu vực của Đảng Cộng sản. Bà ấy vui vẻ và

có khiếu hài hước giúp chúng tôi cười suốt dọc đường, suốt cả ngày xuất hiện trước công chúng và cả trong những bữa ăn với giới quan chức cao cấp địa phương.

Chuyến viếng thăm nước Nga đầu tiên này nhằm mục đích tăng cường các mối quan hệ giữa Bill và Tổng thống Yeltsin để họ có thể cùng nhau giải quyết trên tinh thần xây dựng các vấn đề như tháo dỡ kho vũ khí hạt nhân của Liên bang Xô viết cũ, vấn đề mở rộng NATO về phía Đông. Trong khi các đấng phu quân bận chủ trì những cuộc hội nghị thượng đỉnh, Naina và tôi đến thăm một bệnh viện, vừa được sơn mới nhân chuyến viếng thăm của chúng tôi, thảo luận về các hệ thống chăm sóc y tế của hai quốc gia. Hệ thống chăm sóc y tế của Nga, từng có thời được chính quyền rất quan tâm, đang bị xuống cấp do thiếu sự hỗ trợ của chính phủ. Các bác sĩ mà chúng tôi gặp gỡ tỏ vẻ hiếu kỳ về kế hoạch cải tổ hệ thống chăm sóc y tế của Hoa Kỳ. Họ thừa nhận nền y học Hoa Kỳ có chất lượng cao, tuy nhiên họ cũng phê phán chúng tôi không đảm bảo được việc chăm sóc sức khoẻ cho tất cả mọi người. Họ chia sẻ với chúng tôi về mục tiêu đảm bảo các dịch vụ công ích phổ quát cũng như những khó khăn đang gặp phải trong quá trình thực hiện mục tiêu đó.

Cuối cùng tôi cũng gặp lại Bill vào buổi tối. Gia đình Yeltsin chủ trì buổi dạ yến được bắt đầu bằng việc tiếp đón tại Hội trường St. Vladimir vừa được cải tạo và tiếp đó là buổi dạ tiệc tại Sảnh Facets, một sảnh phòng được bao bọc bởi nhiều tấm gương phản chiếu và là một trong những căn phòng đẹp nhất mà tôi từng gặp trên thế giới. Tôi ngồi cạnh Tổng thống Yeltsin, nhân vật mà tôi chưa bao giờ có một chuyến viếng thăm không chính thức nào. Tại bàn tiệc, ông ấy liên tục bình luận về thức ăn và rượu vang, thông báo cho tôi một cách nghiêm túc rằng rượu vang đỏ đã giúp những thủy thủ Nga trên những chiếc tàu ngầm năng lượng hạt nhân tránh được những căn bệnh do chất phóng xạ strontium 90 gây ra. Tôi thường rất thích rượu vang đỏ.

Sau bữa tối, Chelsea cùng với chúng tôi vui chơi ở Hội trường St. George, rồi sau đó Boris và Naina đưa chúng tôi đi tham quan một vòng các khu tư dinh ở điện Kremlin, nơi chúng tôi sẽ nghỉ qua đêm. Chúng tôi rất thích gia đình Yeltsin và tôi hy vọng sẽ gặp lại họ nhiều lần nữa.

Sáng hôm sau, đoàn xe hộ tống dài dằng dặc đưa chúng tôi rời khỏi điện Kremlin. Không hiểu sao Chelsea và Capricia bị bỏ lại phía sau, đứng trên những bậc thềm cùng với một cận vệ của Chelsea và một cận vệ của Bill. Họ hiểu được điều gì đang xảy ra khi thấy chiếc ô tô sau cùng lăn bánh và hai người đàn ông cuộn lại chiếc thảm đỏ. Nhân viên an ninh và Capricia phát

hiện ra một chiếc xe tải nhỏ màu trắng và chạy đến, quyết định trưng dụng chiếc xe đó. Người tài xế lúc này đang phát báo, nói được tiếng Anh. Khi hiểu được chuyện của họ, anh ta nhét cả bốn người vào sau xe tải, vọt nhanh qua thanh chắn để chạy ra phi trường. Nhân viên an ninh Nga nhận ra Chelsea, nhưng họ không hiểu tại sao con bé không đi cùng với chúng tôi. Trong khi họ đang cố gắng thu xếp sự cố bất ngờ này thì Chelsea và những người đi cùng nhặt lấy hành lý và chạy về phía nhà ga hàng không. Tôi không phát hiện ra việc Chelsea biến mất cho đến khi sắp bước lên máy bay, và thấy bọn họ hổn hển chạy vào trong nhà ga. Giờ đây chuyện đó khá buồn cười, nhưng vào thời điểm đó, tôi cảm thấy rất lo lắng. Tôi đã quyết định luôn để mắt đến Chelsea và Capricia trong suốt khoảng thời gian còn lại của chuyến đi.

Trạm dừng tiếp theo của chúng tôi là Minsk, Belarus, thật dễ nhận ra đây là một trong những nơi buồn tẻ nhất mà tôi đã từng viếng thăm. Thời tiết thì mưa và ảm đạm. Mặc dù người dân Belarus đang nỗ lực xây dựng một đất nước dân chủ và độc lập, họ đương đầu với nhiều xung đột hơn là thành công. Tôi đã gặp những trí thức, viện sĩ, những người đang cố gắng lèo lái chính quyền sau khi Liên bang Xô viết sụp đổ; trông họ không có vẻ là đối thủ của những người cộng sản còn sót lại. Hành trình của chúng tôi đầy ký ức về những thảm họa mà nhân dân Belarus đã gánh chịu trong quá khứ. Tại Đài tưởng niệm Kuropaty, chúng tôi đã đặt hoa để tưởng nhớ gần 300.000 người bị cảnh sát đặc vụ thời Stalin sát hại. Chuyến viếng thăm một bệnh viện chăm sóc những trẻ em đang đau đớn với những căn bệnh ung thư có liên quan đến thảm họa Chernobyl giúp tôi hiểu ra được sự che đậy về tai nạn tại nhà máy hạt nhân và những hiểm họa tiềm tàng của năng lượng hạt nhân, bao gồm cả việc phát tán vũ khí hạt nhân của Liên bang Xô viết. Một điểm sáng là buổi biểu diễn kịch múa ba lê tráng lệ chuyển thể từ vở kịch Carmima Burana tại Viện Opera Hàn lâm Quốc gia và Nhà hát Ba lê. Chelsea và tôi thưởng thức với sự vui thích tuyệt đỉnh. Những năm sau chuyến viếng thăm của chúng tôi, Belarus càng đáng thương hơn bởi chính quyền độc đoán, đã thẳng tay đàn áp nhân quyền và quyền tự do báo chí.

Ngày 20 tháng 1 năm 1994, vào dịp kỷ niệm một năm của Chính quyền Clinton, Janet Reno thông báo việc chỉ định Robert Fiske làm điều tra viên đặc biệt. Fiske, một đảng viên Đảng Cộng hòa, được đánh giá cao với tư cách là một luật sư công bằng và cẩn trọng, có nhiều kinh nghiệm điều tra. Tổng thống Ford đã bổ nhiệm ông ta làm Chưởng lý của một Quận phía Nam New York, và ông ta đã tại vị ở đó suốt thời kỳ của Chính quyền Carter. Hiện đang làm việc cho Công ty Luật Wall Street, Fiske hứa hẹn một cuộc điều tra nhanh và không thiên vị. Ông ta xin nghỉ phép ở công ty luật

để có thể dành hết thời gian và công sức cho việc hoàn tất cuộc điều tra. Nếu như ông ta được phép làm công việc của mình, mối lo ngại của tôi, Bernie, David và Bill sẽ chứng tỏ là không có căn cứ.

Vài ngày sau đó, Tổng thống có một bài phát biểu toàn Liên bang. Bài diễn văn đầy hứa hẹn và sức thuyết phục. Bỏ qua sự can ngăn của David Gergen, Bill thể hiện một vài điệu bộ mang tính diễn xuất khi ề chăm sóc y tế: anh ấy dựng một cây bút trên bục diễn đàn, hứa sẽ phủ quyết bất kỳ dự luật về y tế nào không đề cập đến vấn đề công ích phổ quát. Gergen, một cựu binh của chính quyền Nixon, Ford và Reagan, lo lắng rằng cử chỉ đó là quá đối đầu. Tôi đứng về phía tác giả của bài diễn văn và các cố vấn chính trị, nghĩ rằng đó là dấu hiệu cụ thể, hiệu quả, rằng Bill thể hiện một cách mạnh mẽ niềm tin của anh ấy. Lo lắng của Gergen hóa ra có lý khi chúng tôi đấu tranh chống bất kỳ lập luận nào dựa trên sự thỏa hiệp.

Sau nhiều tuần căng thẳng, tôi tận dụng cơ hội dẫn phái đoàn Hoa Kỳ đến Lillehammer, Na Uy, để dự Thế vận hội Mùa Đông năm 1994. Bill đề nghị tôi đi, và tôi quyết định mang theo Chelsea. Con bé đã thưởng ngoạn nhiều thứ trong chuyến viếng thăm nước Nga mặc dù gặp trục trặc vào cuối chuyến đi. Tôi hạnh phúc khi thấy con thoải mái và cười nhiều. Từ khi chuyển đến Washington, con bé đã chịu nhiều mất mát: ông ngoại rồi bà nội qua đời, một người bạn ở Little Rock chết trong một tai nạn trượt tuyết và cái chết của Vince Foster - chồng của cô giáo Lisa từng dạy Chelsea bơi ở hồ bơi sau nhà Foster và cũng là cha của các bạn Chelsea. Với con bé, việc chuyển đến Washington và trở thành một nhân vật trong Đệ nhất gia không dễ dàng hơn so với chúng tôi.

Lillehammer là một ngôi làng quyến rũ, một bức tranh hoàn hảo về nơi tổ chức Thế vận hội. Đoàn tùy tùng của chúng tôi được xếp vào những căn phòng thuộc một khách sạn nhỏ nằm ngoài thị trấn, có đường trượt tuyết riêng. Dự lễ khai mạc với tư cách đại diện cho nước Mỹ, Chelsea và tôi trông giống như đến từ Bắc Cực trong trang phục trượt tuyết ấm áp. Trong khi phái đoàn châu Âu, đa số là thành viên hoàng gia như Công chúa Anne của Anh Quốc, mặc bộ áo choàng len casomia thanh lịch, đầu để trần. Chúng tôi cũng thấy những người dân Na Uy khỏe mạnh dựng lều trong những khu rừng tuyết để có chỗ quan sát tốt nhất dọc theo các con đường mòn dành cho một số môn thi đấu việt dã. Sự kiện nổi bật nhất trong chuyến đi này là cuộc gặp gỡ với Gro Brundtland, một bác sĩ y khoa, lúc đó đang giữ cương vị Thủ tướng của Na Uy.

Thủ tướng Brundtland mời tôi ăn sáng tại Nhà Bảo tàng Folk Maihaugen,

trong một nhà hàng lớn mộc mạc nhưng náo nhiệt. Điều đầu tiên bà ấy nói với tôi khi ngồi xuống bàn ăn là; "Tôi đã đọc kế hoạch về chăm sóc y tế, tôi có vài điều thắc mắc".

Kể từ lúc đó, bà đã trở thành bạn của tôi. Tôi rất vui khi thấy bất cứ ai đã đọc bản kế hoạch đó, huống chi là muốn luận bàn về nó. Dĩ nhiên, điều đó cũng là vì bà ấy là một thầy thuốc nhưng tôi rất có ấn tượng và thích thú. Sau bữa ăn gồm cá, bánh mì, pho mát và cà phê đặc, chúng tôi so sánh về giá trị của các mô hình chăm sóc y tế châu Âu và sau đó đào sâu vào các đề tài liên quan khác. Brundtland sau đó rời chính trường Na Uy để lãnh đạo Tổ chức Y tế Thế giới, nơi bà đưa ra những sáng kiến mà tôi ủng hộ trong công cuộc phòng chống bệnh lao, HIV/AIDS và chống thuốc lá.

Đây là lần đầu tiên tôi thực hiện một chuyến công du nước ngoài không có Tổng thống đi cùng. Tôi có được cái thú làm đại diện cho anh ấy và cho đất nước của chúng tôi, đồng thời tận hưởng một lịch trình thư giãn. Tôi tham gia trượt tuyết, chúc mừng các vận động viên nhận huy chương như Tommy Moe, vận động viên trượt tuyết vượt chướng ngại vật và đứng trên tuyết xem nhiều vận động viên hăm hở lao nhanh như tên bắn qua trước mặt. Tôi cũng có dịp bảo Chelsea tránh xa các cuộc tranh chấp chính trị. Con bé sáng dạ và ưa tò mò, tôi biết nó đang theo dõi vụ Whitewater trên bản tin. Có thể nói con bé đang bị giằng xé vì một mặt muốn hỏi tôi về vụ Whitewater, mặt khác lại không muốn tôi nhớ lại chuyện đó. Tôi cũng đang bị giằng xé nửa muốn chia sẻ với con về nỗi thất vọng của mình đối với những gì đang xảy ra, nửa muốn bảo vệ con càng nhiều những cuộc công kích về chính trị cũng như những tổn thương và thất vọng của riêng tôi. Điều này là một trò chơi kéo co liên tục về cảm xúc, và cả hai chúng tôi đều phải cố gắng để giữ thế thăng bằng.

Như mong đợi, việc chỉ định người điều tra đặc biệt làm lắng dịu sự ồn ào về Whitewater trong một vài ngày. Tuy nhiên cũng đúng theo các dự đoán từ trước, người ta lại tung ra một loạt những cáo buộc và tin đồn mới. Newt Gingrich và Thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa bang New York là Al D'Amato kêu gào yêu cầu những cuộc họp chính thức của Ủy ban Ngân hàng ở cả Hạ viện lẫn Thượng viện để điều tra vụ Whitewater.

Robert Fiske đã xoay xở để ngăn chặn các cuộc họp đó, cảnh báo những đảng viên Đảng Cộng hòa hiếu chiến rằng họ sẽ gặp rắc rối nếu gây trở ngại cho cuộc điều tra của ông ấy. Như đã hứa, ông ấy tiến hành nhanh chóng, gửi trát hầu tòa cho những nhân chứng và xét hỏi họ trước bồi thẩm đoàn ở thành phố Washington và Little Rock.

Fiske đặt câu hỏi với nhiều trợ tá của Nhà Trắng về các thủ tục tống đạt hình sự của Cục Quản lý Tín thác (RTC), một cơ quan Tài chính chống lại Madison Guaranty. Ông ấy chú ý đến mọi quan hệ của Dinh Tây với Thứ trưởng Bộ Tài chính Roger Altman, và về những quyết định của Altman tạm thời rút ra khỏi vị trí lãnh đạo RTC, vốn thuộc nhiệm vụ của ông ta. Theo tôi hiểu tiến trình các sự kiện này thì Nhà Trắng và Bộ Tài chính đã thảo luận về vấn đề này chỉ khi bắt đầu có các câu hỏi, chất vấn (vốn là sản phẩm của việc rò rỉ thông tin bất hợp pháp từ cuộc điều tra được cho là bí mật của RTC) của giới báo chí từ mùa thu năm 1993 yêu cầu chính phủ trả lời; nếu không, chính phủ đã không bao giờ chú ý đến. Mặc dù Fiske và các điều tra viên sau đó cho rằng các mối quan hệ đó là hợp pháp, bởi vì với quá nhiều khía cạnh của vụ Whitewater, các đảng viên Cộng hòa vẫn tiếp tục một loạt cáo buộc cống lại Altman và những người khác. Khi bản báo cáo sau cùng về vụ Whitewater được phát hành vào năm 2002, xác định các mối quan hệ được xác lập giữa Chính quyền Bush và các quan chức RTC trong cuộc khủng hoảng năm 1992, tôi không thấy bất kỳ sự phản đối kịch liệt nào. Rốt cuộc rồi Roger Altman, một người trung thực và có năng lực xuất sắc, phục vụ tận tụy cho Tổng thống và quốc gia, đã xin từ chức để trở về với cuộc sống riêng, cũng giống như người bạn cũ của tôi, Bernie Nussbaum, một tấm gương khác về sự phục vụ tận tụy cho đất nước.

Có những buổi sáng mùa xuân năm 1994, tôi thức dậy trong nỗi xót xa cho tất cả bạn bè thân hữu, các đồng minh, họ hàng quyến thuộc, những người đã bỏ tôi ra đi mãi mãi hoặc những người đã bị đối xử bất công như cha tôi, mẹ chồng Virginia, Vince, Bernie, Roger. Và những buổi sáng nào đó, giới báo chí trở nên quá điên rồ đến nỗi dường như nó thậm chí tác động đến cả thị trường chứng khoán . Ngày 11 tháng 3 năm 1994, tờ The Washington Post đăng tải một bài có tiêu đề: "CÁC TIN ĐỒN VỀ VỤ WHITEWATER ĐÃ ĐẨY CHỈ SỐ DOW GIẢM XUỐNG 23 - SỰ CẢM NHẬN, KHÔNG CÓ CĂN CỨ CỤ THỂ ĐÃ LÀM NÁO ĐỘNG THỊ TRƯỜNG". Vào ngày đó, Roger Ailes, lúc đó là Chủ tịch của CNBC và bây giờ là Chủ tịch của Hãng Fox, đã cáo buộc Chính quyền tội "che giấu các chứng cứ liên quan đến vụ Whitewater bao gồm gian lận đất đai, các khoản đóng góp bất hợp pháp, lạm dụng quyền lực, âm mưu che đậy vụ tự sát (của Vince Foster) - thậm chí bị nghi ngờ là ám sát".

Lúc ấy vào giữa tháng Ba, Webb Hubbell đột nhiên xin từ chức khỏi Bộ Tư pháp. Các bài báo tường thuật rằng Hãng Rose đã tập hợp hồ sơ để khiếu nại ông ta và Hiệp hội Tư pháp Arkansas về thủ đoạn kiếm tiền đáng ngờ, bao gồm việc tính giá cắt cổ đối với khách hàng và kê thêm chi phí. Những luận điệu nghiêm trọng như vậy đủ để buộc ông ta phải từ bỏ địa vị của mình.

Tuy nhiên, vào thời điểm đó, tôi đã với việc đáp trả những lời buộc tội không đúng sự thật, vì thế tôi giảđịnh rằng Webb cũng có thể bị vu khống. Tôi gặp ông ta tại Phòng Tắm nắng ở lầu ba của Nhà Trắng để hỏi về sự vụ xảy ra. Webb nói với tôi rằng ông ta vướng vào một vụ tranh chấp với vài hội viên cũ về chi phí cho một trường hợp xâm phạm bản quyền mà ông ta xử lý trong trường hợp khẩn cấp cho cha vợ của ông ấy là Seth Ward. Webb bị thua trong vụ kiện, và Seth từ chối thanh toán chi phí. Do có biết về Seth, tôi phải thừa nhận điều này có vẻ hợp lý. Webb nói với tôi rằng ông đang làm việc trên tinh thần hòa giải với các hội viên Rose và đoán chắc với tôi rằng việc tranh chấp sẽ được giải quyết. Tôi tin tưởng ở ông và hỏi tôi có thể làm gì để giúp ông và gia đình trong khoảng thời gian này. Webb nói sẽ thăm dò và tin rằng không có vấn đề gì cho đến khi mọi hiểu lầm được rũ sạch.

Việc điều tra Whitewater và các thắc mắc của báo giới lúc này đang được Nhóm Xử lý Whitewater giải quyết. Mack, Maggie, và các nhân viên cao cấp khác khuyến nghị chúng tôi thành lập nhóm chuyên trách này để tập hợp tất cả các cuộc thảo luận liên quan đến vấn đề này.

Có bốn lý do để thành lập Nhóm với biệt danh "Nhóm Chuyên gia Khắc phục Thảm họa", do Harold Ickes lãnh đạo. Lý do đầu tiên, chúng tôi muốn nhân viên tham mưu tập trung vào các công việc quan trọng của Chính phủ. Thứ hai, nếu một vấn đề là nhiệm vụ của tất cả mọi người thì nó sẽ không là trách nhiệm của riêng ai. Thứ ba, nhóm của Fiske đang gửi quá nhiều trát đòi hầu tòa đến nỗi chúng tôi cần có một hệ thống được tổ chức hẳn hoi để truy tìm hồ sơ và phúc đáp. Lý do cuối cùng, nếu các thành viên tham mưu nói chuyện với nhau, với Bill hay với tôi về vụ Whitewater, họ sẽ trở nên dễ bị tổn thương bởi những lời cung khai dài dòng, lệ phí pháp lý và những lo lắng nói chung khác.

Tôi đặc biệt lo lắng cho các nhân viên của mình - Maggie Williams, Lisa Caputo, Capricia Mhall và những người khác - họ đã làm việc rất chăm chỉ nhưng lại đang được “thưởng công" bằng những trát đòi hầu tòa và những chi phí pháp lý đáng sợ. Một khi Maggie bị vướng vào cuộc điều tra, cô ấy không thể khuyên tôi điều gì nữa hoặc tôi cũng không thể cho cô ấy bất cứ sự khuyên giải nào. Thật đáng kính trọng sức mạnh cá nhân của cô ấy và sự ngoan cường của những người làm việc cho tôi: không ai than phiền hoặc ngoảnh mặt lảng tránh những thách thức mà chúng tôi phải đương đầu.

David Kendall trở thành cầu nối giữa tôi và thế giới bên ngoài, và ông ấy chính là điều may mắn bất ngờ. Kể từ lúc khởi đầu cuộc điều tra, ông ấy

khuyên tôi không nên đọc những bài báo, không xem các bài tường thuật trên tivi về cuộc điều tra hay "những vụ bê bối" liên quan đến cuộc điều tra. Nhân viên báo chí sẽ tóm tắt lại những gì tôi cần biết trong trường hợp bị giới truyền thông chất vấn. Đối với những nội dung còn lại, David khuyên tôi không nên dành thời gian để suy ngẫm về nó.

Ông ấy bảo "Đó là việc của tôi, một trong những lý do mà bà thuê các luật sư là để họ lo lắng giùm bà". Dĩ nhiên, David đọc mọi thứ và hết sức lo lắng về những gì sẽ xảy đến kế tiếp. Bản thân tôi cũng là người có tính hay lo nên những chỉ dẫn của ông ấy, với tôi, trở nên khó thực hiện. Nhưng tôi tập để cho David đảm trách việc theo dõi tình hình.

Cứ cách vài ngày, Maggie lại thò đầu vào văn phòng tôi và nói: "David Kendall muốn nói chuyện với bà". Khi ông ấy đến, Maggie đi ra khỏi phòng. Vào mỗi lần gặp gỡ, David tiếp tục làm sáng tỏ câu chuyện về Jim McDougal và các mối quan hệ tài chính cũng như riêng tư của ông ta. Cứ mỗi lần như thế, tôi lại hiểu thêm được vài điều.

Tôi cố gắng tự mình xử lý những thông tin mới. Tôi chỉ nói với Bill khi có điều gì đó khẩn cấp. Tôi cố gắng không quấy rầy Bill để anh có thể tập trung vào nhiệm vụ ở văn phòng. Người ta thường nói rằng Tổng thống là người làm việc đơn độc nhất thế giới. Có một lần Harry Truman ví Nhà Trắng như "một món trang sức quý của vua trong hệ thống hình sự Hoa Kỳ". Bill yêu thích công việc của anh ấy, nhưng tôi có thể thấy cuộc chiến chính trị làm tổn hại công việc của anh, và tôi cố gắng bảo vệ anh ấy bằng bất cứ cách gì tôi có thể.

Việc David có thể bổ sung hầu hết hồ sơ liên quan hỗ trợ luận điểm rằng chúng tôi đã lỗ trong vụ kinh doanh Whitewater trước đây và không bao giờ dính dáng đến guồng máy của McDougal cũng như các giao dịch S&L của ông ta. David cũng mang đến một vài tin tức đáng lo ngại về những sai sót mà ông ấy phát hiện trong các hồ sơ tài chính cũ của chúng tôi. Ông ấy sàng lọc từng mảnh giấy mà chúng tôi tìm được giống như một người thợ đãi vàng, và đã phát hiện được một ít quặng vàng. Đầu tiên là một lỗi trong bản báo cáo mà Lyons đã tính toán các tổn thất của chúng tôi trong vụ kinh doanh Whitewater là hơn 68.000 đô la. Chúng tôi phải giảm con số đó vì phải trừ đi 22.000 đô la sau khi David phát hiện rằng một tấm séc được Bill viết để giúp cho mẹ anh ấy mua căn nhà ở Hot Springs được xác định không đúng như là khoản thanh toán cho việc vay Whitewater. David cũng khám phá ra rằng nhân viên kế toán tại Little Rock đã mắc sai sót về việc trả thuế năm 1980 của chúng tôi. Một bản báo cáo không đầy đủ từ một công ty môi

giới dẫn đến việc anh ta khai báo lỗ 1.000 đô la trong khi trên thực tế chúng tôi thu được 6.500 đô la từ các giao dịch. Mặc dù hạn định về việc hồi tố đã hết, chúng tôi vẫn quyết định làm đúng theo tinh thần của bang Arkansas và IRS bằng cách viết một tấm séc trị giá 14.615 đô la để trả thuế và lãi suất đã quá hạn.

Do phần lớn chứng từ sổ sách tài chính của chúng tôi đã được công bố hoặc bị đưa lên báo, chúng đã tạo ra nhưng câu chuyện thêm thắt. Vào giữa tháng Bờ The New York Times đăng trên trang đầu tiên một bài báo nhan đề "LUẬT SƯ HÀNG ĐẦU ARKANSAS ĐÃ GIÚP HILLARY CLINTON THU LỢI TO". Câu chuyện được thuật lại một cách chính xác các khoản lợi nhuận tôi đã thu được từ thị trường hàng hóa vào năm 1979. Nhưng nó ngụ ý sai rằng người bạn thân Jim Blair, bằng một cách nào đó, đã tạo ra vận may bất ngờ cho tôi để tranh thủ ảnh hưởng với Bill Clinton khi làm đại diện cho khách hàng của mình là Công ty Tyson Foods. Bài báo này đầy rẫy các chi tiết không chính xác về mối quan hệ của Blair và Tyson với Bill khi anh còn là Thống đốc. Một lần nữa tôi lại tự hỏi tại sao các câu chuyện này lại được in ra trước khi chúng được xác minh. Nếu Tyson đã bỏ Bill vào túi mình như tờ Times tiết lộ, thì tại sao Tyson lại ủng hộ đối thủ của Bill là Frank White trong các cuộc tranh cử Thống đốc năm 1980 và 1982?

Jim thường hào phóng chia sẻ các kinh nghiệm kinh doanh với gia đình và bạn bè. Với sự giúp đỡ của Jim, tôi tham gia vào thị trường bất ổn này và đã kiếm lời được 100.000 đô la từ số, vốn 1.000 đô la ban đầu trong một khoảng thời gian ngắn ngủi. Tôi cũng may mắn kịp thời rút lui trước khi thị trường sụt giảm. Tôi có thể làm được điều đó mà không có Jim không? Tôi có thể trả cho người môi giới 18.000 đô la chi phí cho phần kinh doanh này không? Có thể. Việc kinh doanh của tôi có ảnh hưởng đến quyết định của Bill trong tư cách là Thống đốc không? Tuyệt nhiên không.

Khi câu chuyện về việc kinh doanh này của tôi bị mổ xẻ, Nhà Trắng cử các chuyên gia xem xét lại các hồ sơ kinh doanh của tôi. Leo Melamed, cựu lãnh đạo của Công ty Chicago Mercantile Exchange, đảng viên Cộng hòa cảnh báo rằng nếu chúng tôi hỏi ý kiến ông ấy, ông sẽ sẵn sàng bất kể hậu quả. Sau khi xem xét một cách kỹ lưỡng các giao dịch kinh doanh của tôi; ông ta kết luận tôi không làm gì sai trái cả. Cuộc tranh cãi, theo ý kiến của ông, chỉ là "cơn bão trong ly nước trà". Tôi không ngạc nhiên với kết luận này. Thu nhập của chúng tôi trong năm 1979, được báo cáo là gia tăng một cách đáng kể từ việc kinh doanh này, đã được IRS kiểm toán cho thấy báo cáo của chúng tôi đều hợp lý. Thực tế, IRS cũng kiểm toán thu nhập của chúng tôi mỗi năm khi Bill làm việc tại Nhà Trắng.

Bấy giờ tôi mới nhận ra chính những lời buộc tội liên tục là tiếng chuông cảnh báo về mối quan hệ của tôi với báo chí. Tôi đã xa lánh tiểu ban báo chí của Nhà Trắng trong thời gian quá lâu. Vì muốn giới truyền thông báo cáo tình hình cải cách về chăm sóc sức khỏe và y tế, tôi đã đề nghị những cuộc phỏng vấn với các phóng viên phụ trách các sự kiện và tình hình trong nước. Tuy nhiên, ban báo chí Nhà Trắng lại không tiếp cận được tôi. Điều đó đã làm tôi hiểu lý do sự oán giận của họ.

Vào cuối tháng 4 năm 1994, tôi cảm thấy đủ tin tưởng vào sự nghiên cứu của David Kendall và những hiểu biết của tôi về Whitewater cùng các vấn đề liên quan để sẵn sàng cung cấp cho giới truyền thông những gì mà họ muốn biết.

Tôi gọi Chánh Văn phòng đến và nói: "Maggie, tôi muốn giải đáp về chuyện này. Cô hãy tổ chức một cuộc họp báo".

"Bà có biết là bà sẽ phải trả lời tất cả các câu hỏi, bất cứ điều gì mà họ muốn hỏi?”.

"Tôi biết. Tôi sẵn sàng.”

Tôi chỉ thảo luận về kế hoạch chuẩn bị trước của tôi với Tổng thống, David Kendall và Maggie. Tôi giao phó việc chuẩn bị cho Lisa, Luật sư Nhà Trắng Lloyd Cutler, Harold Ickes và Mandy Grunwald. Tôi không muốn có một cuộc duyệt binh với những cố vấn từ Dinh Tây nện bước trước cửa phòng tôi để tư vấn cho tôi trả lời câu hỏi này hay câu hỏi kia như thế nào. Tôi muốn tự mình trả lời càng nhiều càng tốt.

Vào bu sáng ngày 22 tháng 4, Nhà Trắng thông báo rằng Đệ nhất Phu nhân sẽ giải đáp các thắc mắc vào buổi chiều tại Phòng Chiêu đãi Nhà nước. Chúng tôi hy vọng rằng sự thay đổi phong cảnh sẽ khuyến khích một cuộc tiếp cận vui vẻ của giới truyền thông.

Tôi đã không suy nghĩ xem mình sẽ mặc trang phục như thế nào nhân sự kiện này vì việc chọn lựa trang phục của tôi gần như luôn luôn được quyết định vào giờ cuối. Tôi cảm thấy thích mặc váy đen và bộ áo hồng nhẹ nhàng. Lập tức vài phóng viên cho rằng đó là cách làm cho hình ảnh của tôi trở nên dịu dàng hơn, và cuộc chạm trán 68 phút với giới báo chí của tôi đã đi vào lịch sử như "Một cuộc họp báo màu hồng".

Tôi ngồi trước đám đông gồm các nhà báo và các tay săn ảnh chật cả phòng chiêu đãi.

"Hãy để tôi cảm ơn tất cả các bạn vì đã đến đây", tôi bắt đầu, "Tôi muốn tổ chức cuộc họp báo này một phần vì tôi nhận ra rằng mặc dầu tôi đã đi vòng quanh đất nước và trả lời các câu hỏi, nhưng tôi thật sự chưa đáp ứng được thắc mắc của nhiều người trong các bạn. Vào tuần qua, Helen nói "Tôi không thể đi cùng bà ấy, làm sao tôi có thể hỏi bà ấy những thắc mắc của mình.?". Vì thế, chúng tôi đang có mặt ở đây, và Helen, bạn hãy đặt câu hỏi đầu tiên đi."

Helen Thomas đi thẳng vào vấn đề:

"Bà có biết được số tiền có thể đã được chuyển từ Madison đến dự án Whitewater hoặc thậm chí vào các chiến dịch tranh cử của chồng bà?", cô ấy hỏi.

"Tuyệt nhiên không. Tôi không biết."

"Trên thực tế, xin được tiếp tục chủ đkhoản lợi nhuận kinh doanh của bà - thật khó hiểu đối với một thường dân, và có thể cả đối với nhiều chuyên gia, khi nhìn vào số tiền đầu tư và quy mô của khoản lợi nhuận như thế. Liệu có cách nào để bà giải thích..."

Và tôi bắt đầu giải thích. Rồi lại giải thích. Và lại giải thích lần nữa. Hết người này đến người khác, giới phóng viên hỏi tôi về mọi thứ mà họ có thể nghĩ ra được về vụ Whitewater, và tôi trả lời họ cho đến khi họ không còn cách nào khác để hỏi những câu hỏi giống y như nhau.

Tôi thấy biết ơn những câu hỏi, nhờ chúng mà tôi có cơ hội để trình bày mọi điều tôi biết về vụ việc đó. Tôi cũng có khả năng giải quyết một vấn đề đã gây cho tôi khó chịu vào thời gian đầu. Họ hỏi tôi rằng tôi có cảm thấy việc miễn cưỡng cung cấp thông tin cho báo giới đã "tạo ra ấn tượng rằng tôi đang cố gắng che giấu một vài điều?".

Tôi bảo: "Tôi có thấy. Và tôi nghĩ rằng dường như đó là một trong những điều mà tôi hối tiếc nhất, và đó là một trong những lý do mà tôi làm điều này... Tôi nghĩ là do cha mẹ tôi đã khuyên bảo tôi rất nhiều lần rằng: "Đừng nghe những gì người khác nói. Đừng để bị dẫn dắt bởi ý kiến của người khác. Con biết không, con phải sống với chính bản thân con".Và tôi nghĩ rằng đó là lời khuyên bảo đúng đắn".

"Nhưng tôi nghĩ rằng lời khuyên đó và niềm tin của tôi về nó, cùng với ý thức về sự riêng tư của tôi... có lẽ đã làm cho tôi không hiểu một cách đầy đủ về báo giới và sự chú ý của công luận, cũng như quyền được biết của họ về

tôi và chồng tôi."

"Vì thế, các bạn nói đúng. Tôi đã luôn tin tưởng vào một cõi riêng nào đó. Và vào ngày kia tôi đã nói với một người bạn rằng tôi cảm thấy sau một thời gian dài chống cự, tôi đã mất cõi riêng tư này."

Lời nói trên làm cho mọi người cười ồ.

Sau cuộc họp báo, David và tôi ngồi uống nước trong Phòng khách phía Tây khi mặt trời đang lặn bên ngoài cửa sổ. Mặc dù mọi người nghĩ rằng tôi đã trả lời tốt, nhưng tôi vẫn cảm thấy buồn rười rượi về tình huống lúc nãy và khi cùng đánh giá lại các sự kiện trong ngày, tôi bảo với David: "Anh biết không, họ sẽ không dừng lại. Họ sẽ tiếp tục nhắm vào chúng ta, cho dù chúng ta làm gì đi nữa. Ở đây, chúng ta thật sự không có chọn lựa nào tốt hơn."

Đêm hôm ấy, Richard Nixon qua đời sau một cơn đột quỵ trước đó bốn ngày, hưởng thọ 81 tuổi. Vào đầu mùa xuân năm 1993, Nixon gửi cho Bill một bức thư viết về những quan sát thấu đáo của ông ấy về nước Nga, Bill đã đọc nó cho tôi nghe và nói rằng anh ấy nghĩ Nixon là một nhân vật lỗi lạc và đáng thương. Bill đã mời vị cựu Tổng thống đến Nhà Trắng để luận bàn về nước Nga, Chelsea và tôi chào ông khi ông bước ra khỏi thang máy lầu hai. Ông ấy bảo với Chelsea rằng các con gái của ông cũng từng học Trường Sidwell Friends như con bé. Sau đó, ông quay sang bảo tôi:

"Bà biết không, tôi đã cố gắng điều chỉnh hệ thống chăm sóc y tế cách nay hơn 20 năm. Nó phải được thực hiện trước kia."

"Tôi biết", tôi đáp lại, "và ngày nay có lẽ chúng ta sẽ khá hơn nếu như đề án của ông thành công."

*

Một trong những phụ nữ trong bài báo của tờ American Spectator đã bất bình với việc mấy người lính ở Arkansasô. Mặc dù bài báo chỉ nói đến cô như là một cô "Paula" nào đó, cô ta cho rằng gia đình và bạn bè nhận ra cô chính là người phụ nữ đã gặp Bill trong phòng khách sạn ở Little Rock suốt thời gian anh ấy dự hội nghị và sau đó nói với một nhân viên an ninh rằng cô ta muốn trở thành "bạn gái thường xuyên" của ngài Thống đốc.

Tại hội nghị vào tháng Hai của Ủy ban Hành động Chính trị của phe Bảo thủ, Paula Corbin Jones đã tổ chức một cuộc họp báo và xuất hiện để xác

nhận chính cô là Paula trong bài báo. Cliff Jackson, người đang cố gắng kiếm tiền cho "Quỹ Troopergate Whistleblower", đã giới thiệu cô ta với báo giới. Cô ta bảo muốn làm rõ tên của mình. Nhưng thay vì lên tiếng khiếu kiện tờ Spectator, cô ta lại buộc tội Bill Clinton đã quấy rối tình dục. Lúc đầu giới báo chí không quan tâm đến lời cáo buộc của Jones, bởi vì thanh danh của cô ta bị ô uế do mối quan hệ với Jackson và những người lính thiếu tư cách. Chúng tôi mong rằng câu chuyện này sẽ chìm xuống giống như những vụ bê bối giả mạo khác.

Nhưng ngày 06 tháng 5 năm 1994, hai ngày trước khi hết hạn hồi tố, Paula Jones gửi đơn khiếu kiện Tổng thống Hoa kỳ, đòi bồi thường thiệt hại 700.000 đô la. Vài người đánh cược cho trò chơi này. Sự việc chuyển từ những tờ báo lá cải sang tòa án.

NGÀY “D

Washington là thành phố của những lễ hội, và một trong số đó, được xem là uy tín nhất, là buổi dạ tiệc thường niên của câu lạc bộ Gridiron. Đây là một sự kiện trang trọng, là nơi được những nhà báo hàng đầu của Washington chưng diện trang phục, thể hiện những màn trình diễn trào phúng và ca cẩm, chế nhạo chính quyền đương nhiệm, kể cả Tổng thống và Đệ nhất Phu nhân. Quan khách dự tiệc bao gồm sáu mươi thành viên của câu lạc bộ cùng các chính khách cao cấp, giới kinh doanh và báo chí. Câu lạc bộ Gridiron rất bảo thủ. Mãi đến năm 1975, phụ nữ vẫn không được chấp nhận cho gia nhập. (Eleanor Roosevelt thường dùng cụm từ "Những quả phụ Gridiron" để chỉ các bà vợ và nữ nhà báo bị loại trừ.) Năm 1992, Helen Thomas, phóng viên Nhà Trắng, được bầu làm nữ Chủ tịch đầu tiên. Tư cách Hội viên câu lạc bộ vẫn còn được sàng lọc rất gắt gao, do đó việc nhận được những thiệp mời dự lễ hội mùa xuân của câu lạc bộ là một trong những điều được mong ước nhất trong thành phố. Tổng thống và Phu nhân hầu như luôn luôn có mặt, ngồi trên bục cao ở đầu phòng khiêu vũ, tỏ ra vui vẻ và như không màng đến chuyện người ta nói gì về mình, thỉnh thoảng còn nhại lại chính họ.

Tháng Ba năm 1994, tại buổi tiệc thứ 109 của câu lạc bộ Gridiron, trong bối cảnh phe đối lập có nguồn lực tài chính dồi dào và được tổ chức tốt, Bill và tôi hiểu là mình không dễ dàng gì để đạt được sự ủng hộ của công chúng hay thúc đẩy Quốc hội hành động về Chương trình Chăm sóc Sức khỏe của Chính phủ. Hội Bảo hiểm Y tế Mỹ lo ngại rằng kế hoạch của Chính phủ sẽ làm giảm lợi nhuận và đặc quyền của các công ty bảo hiểm. Để làm tăng sự nghi ngại vào cuộc cải tổ này, nhóm đối lập đã tiến hành một đợt quảng cáo thứ hai, trình bày một màn kịch song tấu của một đôi vợ chồng tên . Ngồi cạnh bàn bếp, Harry và Louise đưa ra những câu hỏi đáp mỉa mai đã được đạo diễn kỹ lưỡng về kế hoạch cải tổ này và thắc mắc ầm ĩ về chi phí họ phải trả theo kế hoạch đó. Như dự tính, đợt quảng cáo đánh vào tâm lý lo ngại của 85% dân Mỹ, những người đã có bảo hiểm y tế, và sợ nó sẽ có thể bị xóa bỏ.

Tại buổi dạ tiệc của câu lạc bộ Gridiron, Bill và tôi đã quyết định diễn một màn kịch chế giễu chương trình vận động trên truyền hình này của giới kinh doanh bảo hiểm, với Bill đóng vai "Harry" và tôi vào vai "Louise". Điều này tạo cơ hội cho chúng tôi vạch trần chiến thuật gây hoang mang mà các đối thủ sử dụng, và cũng để vui ấy mà. Kịch bản do Mandy Grunwald và diễn viên hài Al Franken viết, Bill và tôi học thuộc vai diễn của mình và, sau vài lần diễn thử, vở kịch "Harry và Louise" của chúng tôi được thu video.

Màn kịch như sau: Bill và tôi ngồi trên ghế sofa - anh mặc áo len, uống cà

phê, và tôi trong bộ áo cổ chui màu xanh nước biển và váy dài - đang xem xét một đống giấy tờ, được coi là Bộ luật An sinh Y tế.

Bill: ChàoLouise, hôm nay sao rồi cưng?

Tôi: Chào Harry - đến lúc này thì mọi việc đều tốt.

Bill : Coi kìa, Louise, trông em cứ như vừa mới bị ma rượt vậy.

Tôi: Tệ hơn nữa ấy chứ. Em vừa mới đọc Kế hoạch An sinh Y tế của Clinton.

Bill: Với anh, cụm từ Cải cách Chăm sóc Y tế nghe có vẻ hay đấy.

Tôi: Em biết, nhưng một số chi tiết "rằng hay thì thật là hay" đã gây nên cảm giác ngậm đắng nuốt cay" nè.

Bill : Chỗ nào đâu ?

Tôi: Ví dụ như ở trang 3764, nói rằng chúng mình sẽ bệnh mất thôi với kế hoạch của Clinton.

Bill : Thật khủng khiếp !

Tôi : Thế nhé ! Và đây, cái này mới là tệ hơn nữa, ở trang 12. 743 - à không em lầm - ở trang 27.655, nói rất có thể tất cả chúng ta sắp quy tiên.

Bill: Dự án Chăm sóc Sức khỏe của Clinton mà vậy à ? Ý em là sau khi Bill và Hillary áp đặt mọi sự quan liêu và thuế má đó lên chúng ta, tất cả mọi người sắp "tiêu diêu"?

Tôi: Ngay cả Leon Panetta nữa.

Bill: Ghê thật ! Trong đời anh chưa bao giờ "hãi" như vậy?

Tôi: Em cũng vậy, Harry à.

Cả hai: Phải có một giải pháp tốt hơn.

Người dẫn chương trình: Phe liên minh đã trả tiền để hù các bạn sợ mất mật rồi !

Khán giả thích vở kịch cùng màn diễn không chuyên của Tổng thống và Phu

nhân. Thường thì buổi lễ Dạ tiệc Gridiron là một sự kiện chính trị phi chính thức nên các nhà báo đến dự đều không cần phải viết bài về nó. Nhưng toàn bộ những bài hát và chuyện trào phúng vẫn xuất hiện như thường lệ vào ngày hôm sau. Cuốn băng trình diễn của chúng tôi được phổ biến rộng rãi, ngay cả chương trình tin buổi sáng Chủ nhật cũng phát lại vài lần. Tôi hài lòng vì đã nêu những nghi vấn về luận điệu của chiến dịch vận đ᾽của phe kinh doanh bảo hiểm và khẳng định sự vô lý của nó, dù một số chuyên gia cho rằng sự nhại lại này sẽ đơn giản chỉ làm màn quảng cáo Harry và Louise thu hút thêm sự chú ý mà thôi. Hơn nữa, thật hay khi “tiêm" một chút trào phúng vào một tình huống không có chút gì là đáng cười cả.

Trong khi tiểu phẩm hài của chúng tôi giúp cho những chính khách và giới báo chí Washington có được một trận cười, thì chúng tôi lại hiểu rằng mình vẫn đang thua trong cuộc chiến vận động công chúng về cải cách y tế. Ngay cả vị Tổng thống được ngưỡng mộ với một diễn đàn hùng hậu trong tay cũng không thể sánh được hàng trăm triệu đô la chi cho những mẩu quảng cáo giả dối, che giấu và bóp méo vấn đề sang mặt tiêu cực, cùng những thủ đoạn khác. Chúng tôi cũng đang đối đầu với sức mạnh của các công ty dược phẩm - họ sợ rằng việc kiểm soát giá thuốc sẽ làm giảm lợi nhuận của họ - và ngành bảo hiểm, họ đang chi không tiếc tiền cho chiến dịch chống việc chi trả toàn bộ chi phí điều trị của người được bảo hiểm. Hơn nữa một số người ủng hộ chúng tôi đang mất dần sự hứng thú đối với dự án cải cách này, vì nó không đáp ứng hoàn toàn mọi mong muốn của họ. Sau cùng, đề nghị cải tổ của chúng tôi vốn dĩ đã phức tạp - cũng như chính những vấn đề chăm sóc y tế - trở thành nỗi ác mộng trong quan hệ công chúng. Gần như mỗi nhóm quan tâm hoặc có lợi ích liên quan đều có thể tìm thấy vài điểm đáng chỉ trích trong kế hoạch.

Chúng tôi cũng khám phá ra là những chống đối dự án Cải cách Chăm sóc Sức khoẻ, cũng như vụ Whitewater, là một phần của cuộc chiến chính trị lớn hơn bản thân chức vụ Tổng thống của Bill hoặc những vấn đề mà chúng tôi đã ủng hộ. Chúng tôi đang ở trên tuyến đầu của một cuộc xung đột ý thức hệ đang ngày càng dữ dội giữa những người Dân chủ ôn hòa và một Đảng Cộng hòa đang càng lúc càng nghiêng về phía cực hữu. Những khái niệm của người Mỹ về chính phủ và nền dân chủ, cùng phương hướng mà đất nước chúng tôi sẽ theo trong những năm tới, đang bấp bênh. Chúng tôi cũng sớm thấy là không có một giới hạn nào trong cuộc chiến này và đối thủ đã được trang bị những công cụ tốt hơn nhiều cho đấu trường chính trị: tiền bạc, phương tiện truyền thông và sự tổ chức.

Bốn tháng trước, vào tháng 12 năm 1993, nhà văn William Kristol, chiến

lược gia của Đảng Cộng hòa, Chánh Văn phòng của cựu Phó Tổng thống Dan Quayle và là Chủ nhiệm Dự án về Tương lai của Đảng Cộng hòa, đã gửi một giác thư tới các thủ lĩnh Cộng hòa trong Quốc hội, yêu cầu họ hủy bỏ việc cải cách chăm sóc y tế. Ông đã viết trong giác thư: "Dự án là một sự đe dọa nghiêm trọng về chính trị đối với Đảng Cộng hòa" và sự thất bại của nó sẽ là "một bước lùi vĩ đại của Tổng thống". Không phản đối dự án về những phẩm chất của nó; áp dụng một lý luận chính trị thiên vị, ông đã chỉ đạo các đảng viên Cộng hòa không thương lượng hay thỏa hiệp về dự luật. Theo Kristol, sách lược duy nhất đúng là hủy bỏ dự án ngay lập tức. Bức giác thư không màng đến hàng triệu người dân Mỹ không có bảo hiểm.

Cùng với bức giác thư của Kristol, Jack Kemp và William Bennett, cựu thành viên trong nội các Reagan, đã giúp Đảng Cộng hòa quảng bá trên các chương trình phát thanh truyền hình quan trọng nhằm chống lại cuộc cải cách chăm sóc y tế. Ở nhiều thành phố và thị trấn tôi đến để giới thiệu dự án, sóng phát thanh trong khu vực tràn ngập những quảng cáo chỉ trích cuộc cải cách.

Bức giác thư gửi các lãnh tụ Cộng hòa trong Quốc hội của Kristol đã có hiệu quả như ý. Trong lúc cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ diễn ra vào tháng 11 năm 1994 đang đến gần, những đảng viên Cộng hòa ôn hòa trong Quốc hội, những người tận tụy với cuộc cải cách đã bắt đầu xa lánh dự án của chính phủ. Nghị sĩ Dole vốn nghiêm túc quan tâm tới cuộc cải cách chăm sóc y tế nhưng lại muốTổng thống vào năm 1996. Ông đã không thể giúp Bill Clinton có một chiến thắng lập pháp nào nữa khi còn tại vị, đặc biệt sau những thành công của Bill về ngân sách, dự luật Brady và NAFTA. Chúng tôi đã đề nghị làm việc với nghị sĩ Dole về một dự luật chung, để cùng chia sẻ thành công nếu nó được thông qua. Vị Nghị sĩ đã đề nghị chúng tôi trình bày dự luật trước và khi đó sẽ tiến tới thỏa hiệp. Điều đó đã không bao giờ xảy ra. Sách lược của Kristol vẫn đứng vững.

Chúng tôi cứ tiến một bước lại lùi hai bước. Vào giữa năm 1993, hai tổ chức doanh nghiệp quan trọng - Phòng Thương mại và Hiệp hội Quốc gia các nhà sản xuất - đã nói với Ira rằng họ có thể chấp nhận một cơ cấu then chốt của dự luật, sự ủy quyền thuê mướn nhân công, sẽ đòi hỏi những doanh nghiệp có nhiều hơn 50 nhân công phải mua bảo hiểm y tế cho lực lượng lao động của họ. Các doanh nghiệp này biết rằng đa số các chủ thuê mướn nhiều lao động đã cung cấp bảo hiểm y tế và kết luận rằng sự ủy quyền sẽ loại bỏ những ai không có sự cung cấp ấy. Tuy nhiên, vào khoảng cuối tháng 3 năm 1994, khi một tiểu ban của Ủy ban Pháp chế Hạ viện biểu quyết 6-5 cho việc ủy quyền thuê mướn nhân công, hai nhóm này, bị áp lực của những người

Cộng hòa và phe chống cải cách, đã thay đổi vị trí của họ. Rõ ràng, sự ủy quyền đã gây tranh luận, Bill bắt đầu nhượng bộ và thỏa hiệp với Quốc hội. Anh cho thấy mình có thể ủng hộ một điều gì đó ít hơn dù đã dọa phủ quyết bất kỳ dự luật nào không bao gồm việc chi trả toàn bộ chi phí điều trị. Đây là bản chất của quy luật "bánh ít đi bánh quy lại" được mong đợi trong suốt quá trình mặc cả với bên lập pháp, nó mở ra một lối để Thượng viện xem xét đề xuất bảo hiểm cho 95% thay vì 100% dân Mỹ, do các thành viên của Ủy ban Tài chính dưới quyền nghị sĩ Moynihan bảo trợ. Ngay việc nhượng bộ cũng không giúp chúng tôi có thêm được đồng minh nào đáng kể. Thực tế, chúng tôi đã mất sự ủng hộ trong số những người kiên định, cảm thấy chúng tôi đang từ bỏ lý tưởng bằng việc đồng ý với bất cứ điều gì thấp hơn 100%.

Mùa xuân năm đó, chúng tôi mất đồng minh quan trọng nhất trong Hạ viện, Dan Rostenkowski, bị truy tố mười bảy tội danh về việc lừa gạt chính phủ, ông nhận tội và đã bị kết án. Việc này tiếp theo sau một tin gây thất vọng là thủ lĩnh phe đa số trong Thượng viện, George Mitchell, đã quyết định không tái cử, nghĩa là đảng viên Dân chủ mạnh nhất trong Thượng viện và là người ủng hộ dự luật của chúng tôi lúc này, thực tế, chẳng là gì cả.

Chúng tôi cũng phát hiện ra rằng Chương trình Cải cách Y tế bộc lộ một sự thiểu năng trí tuệ của nhiều đại biểu Quốc hội. Được chờ đợi để biểu quyết một số dự luật nêu ra, đa số họ chỉ chú ý vào những văn kiện pháp quy liên quan đến những nhiệm vụ của Ủy ban mình và không rảnh để xem xét sự phức tạp của từng vấn đề trước Thượng hay Hạ viện. Và tôi từng ngạc nhiên khi đối đầu với không chỉ một đại biểu Quốc hội không hiểu được sự khác biệt giữa Medicare và Medicaid, cả hai chương trình bảo hiểm y tế được liên bang cấp ngân sách. Những người khác không hề biết họ đang nhận được bảo hiểm y tế từ chính phủ theo chương trình nào. Newt Gingrich thuộc Đảng Cộng hòa, người lẽ ra sẽ là Chủ tịch Hạ viện vào năm 1995, đã nói trong một lần xuất hiện trên chương trình Meet the Press hồi năm 1994 rằng ông ta không nhận bảo hiểm y tế của Chính phủ, mà mua nó từ Blue Cross - Blue Shield. Thật ra, hợp đồng bảo hiểm của ông ấy là một trong nhiều hợp đồng cấp cho công chức liên bang thông qua Kế hoạch Phúc lợi Y tế dành cho Công chức Liên bang. Chính phủ đã gánh 75% trong hóa đơn 400 đô la/tháng của Gingrich và các đại biểu Quốc hội khác.

Tôi càng nhận thấy rõ cái lỗ hổng kiến thức này trong một cuộc họp với một nhóm nghị sĩ tổ chức tại tòa nhà Quốc hược mời trả lời những câu hỏi về kế hoạch của Chính phủ, tôi đã phân phát một quyển tóm lược, tổng kết những gì đã đề xuất. Nghị sĩ Ted Kennedy, một trong những chuyên gia thật sự về chăm sóc y tế và những lĩnh vực khác trong Thượng viện, đã dựa ngửa vào

chiếc ghế lắc lư trên hai chân trong khi lắng nghe những câu hỏi liên miên của các đồng nghiệp. Cuối cùng, hạ hai chân trước của chiếc ghế xuống sàn, ông gào lên: "Nếu các người nhìn vào trang 34 của quyển tóm lược, các người sẽ thấy câu trả lời cho câu hỏi đó". Thật là thượng thặng, ông rành từng chi tiết - kể cả số trang.

Ngay cả một số đồng minh của chúng tôi trong nhóm ủng hộ cũng gây ra nhiều vấn đề. Một trong những tổ chức quan trọng nhất của chiến dịch cải tổ là Hiệp hội Người Mỹ Hưu trí, hay AARP. Nhóm vận động hành lang mạnh mẽ của các công dân cao tuổi đã bắt đầu tiến hành những chương trình vận động của riêng mình vào tháng 3 năm 1994, đòi hỏi Quốc hội thông qua dự luật cải cách y tế bao gồm cả chi phí đơn thuốc. AARP đã tỏ ra cứng rắn về các đơn thuốc và tôi cũng vậy. Dù AARP dự định giúp chúng tôi nhưng cuộc vận động đã có tác dụng ngược vì nó khiến người ta cho rằng dự án của chúng tôi không bao luôn thanh toán chi phí đơn thuốc - điều dĩ nhiên là có.

Tôi đã phải làm việc cật lực để giữ các lực lượng ủng hộ cải cách đứng chung dưới một mái nhà có tên là Chương trình Cải cách Y tế. Nhưng chúng tôi chỉ có thể huy động khoảng 15 triệu đô la để tiến hành chiến dịch thông tin đại chúng và tuyển các phát ngôn viên rải khắp đất nước. Chúng tôi đã phải chi tiêu rất dè sẻn so với các đối thủ gồm các công ty hùng mạnh, mà theo ước tính, họ được chi ít nhất là 300 triệu đô la cho chiến dịch nhằm đánh bại cuộc cải cách.

Sự xuyên tạc của ngành bảo hiểm đã hiệu quả đến mức nhiều người Mỹ rằng những yếu tố then chốt của cuộc cải cách mà họ ủng hộ lại thật sự nằm trong kế hoạch của Clinton. Một bản tin trên tờ Wall Street Journal, số ngày 10 tháng 3 năm 1994, đã tổng kết tình thế tiến thoái lưỡng nan của chúng tôi dưới hàng tít "NHIỀU NGƯỜI KHÔNG NHẬN RA ĐÓ LÀ KẾ HOẠCH CLINTON MÀ HỌ THÍCH". Tác giả giải thích rằng trong khi nhiều người Mỹ ủng hộ mạnh mẽ những yếu tố rành mạch trong kế hoạch Clinton thì "ông Clinton lại thất bại trong việc xác định dự luật chăm sóc y tế của mình. Sự hỗn độn và cắt xén có tính tích cực của những chương trình vận động trên truyền hình, của những nhà phê bình và các đối thủ đã làm cho những nghi ngờ xung quanh kế hoạch Clinton đang tăng nhanh trong dân chúng, đến nỗi Tổng thống và Phu nhân Hillary Rodham Clinton cũng giải trình không xuể. Không có triển vọng về việc thông qua những yếu tố chính trong dự luật của họ, trừ khi gia đình Clinton vượt qua được mớ bòng bong này".

Trong khi Washington bị hút vào việc cải cách chăm sóc y tế và Whitewater, phần còn lại của thế giới thì không. Vào đầu tháng Năm, Liên hiệp quốc đã

thắt chặt các cuộc cấm vận nhóm sĩ quan đảo chính quân sự ở Haiti, và một làn sóng tị nạn mới của dân Haiti hướng thẳng đến bờ biển nước Mỹ. Một cuộc khủng hoảng đang hình thành và Bill thấy anh phải yêu cầu Al Gore thay mình sang Nam Phi dự lễ nhậm chức Tổng thống của Nelson Mandela. Tipper và tôi tháp tùng Al với tư cách là thành viên phái đoàn Mỹ. Tôi đã xúc động với viễn cảnh được tham dự vào sự kiện rất quan trọng này. Trong suốt thập niên 80, tôi đã ủng hộ cuộc tẩy chay Nam Phi, hy vọng chế độ phân biệt chủng tộc (apartheid) sẽ bị khuất phục trước áp lực quốc tế. Tháng 2 năm 1990, ngày Mandela ra tù, Bill đã đánh thức Chelsea dậy từ rất sớm để cùng xem sự kiện xúc động này.

Để đến Johannesburg, tôi bay trên một chuyên cơ trong mười sáu giờ. Những người cùng đi với tôi thức suốt đêm chơi bài, nghe nhạc, bàn tán sôi nổi về sự thay đổi mang tính lịch sử mà chúng tôi sắp chứng kiến. Sa năm trong tù vì âm mưu chống lại chính quyền phân biệt chủng tộc ở Nam Phi, Nelson Mandela đã chiến thắng trong cuộc bầu cử bình đẳng sắc tộc đầu tiên của đất nước để trở thành vị Tổng thống da đen đầu tiên của Nam Phi. Cuộc đấu tranh giải phóng Nam Phi liên kết chặt chẽ với phong trào dân quyền Mỹ và được các lãnh đạo người Mỹ gốc Phi ủng hộ, nhiều người trong số họ đã cùng đi với chúng tôi để vinh danh Mandela.

Chúng tôi hạ cánh ở ngoại ô Johannesburg, một thành phố hiện đại trên vùng trung nguyên khô hạn ở Nam Phi. Tối đó chúng tôi dự một cuộc trình diễn tại Nhà hát Market nổi tiếng, nơi mà trong nhiều năm, Athol Fugard và các nhà soạn kịch khác đã bất chấp sự kiểm duyệt của chính quyền, tái hiện sự tàn bạo của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Sau đó, chúng tôi dự một buổi tiệc đứng với hỗn hợp nhiều món đặc sản châu Phi đi kèm với món salad thịt thái miếng thông thường. Tôi đã không dám mạo hiểm như Maggie và các nhân viên khác, họ thách nhau nếm món châu chấu và dòi chiên.

Phái đoàn của chúng tôi đi xe hơi lên phía bắc để đến Thủ đô Pretoria. Vì cuộc chuyển giao quyền lực chính thức chỉ diễn ra sau khi Tổng thống mới đã tuyên thệ nhậm chức, nên dinh thự trang nghiêm của Tổng thống vẫn do Tổng thống sắp mãn nhiệm F. W. de Klerk cư ngụ. Sáng hôm sau, trong khi Al Gore tiếp xúc với F. W. de Klerk và các Bộ trưởng của ông ta, Tipper và tôi dùng điểm tâm với bà Marike de Klerk cùng phu nhân của những quan chức Đảng Quốc gia sắp hết nhiệm kỳ. Chúng tôi ngồi trong một phòng điểm tâm có vách bằng gỗ phiến được trang trí bằng những tấm thảm sần và đồ sứ. Giữa chiếc bàn tròn lớn là một mâm xoay với đầy những món điểm tâm cổ truyền của nông trại Hà Lan : mứt, bánh mì, bánh bích quy và trứng. Dù chúng tôi đã có cuộc trò chuyện nhẹ nhàng về thức ăn, con cái và thời tiết

khoảnh khắc này là một cái gì đó không thể diễn tả bằng lời: trong vài giờ ngắn ngủi nữa, cái thế giới mà những phụ nữ này đã sống sẽ vĩnh viễn biến mất.

Năm mươi ngàn người đã tham dự lễ nhậm chức, một quang cảnh của lễ hội, giải phóng và sự công bằng. Toàn thể cử tọa rất ngạc nhiên vì cuộc chuyển giao quyền lực trong trật tự ở một đất nước đã bị tàn phá quá nhiều bởi nỗi sợ phân biệt chủng tộc và lòng thù hận. Colin Powell, một thành viên trong phái đoàn chúng tôi, đã bật khóc khi những phản lực cơ của Lực lượng Phòng vệ Nam Phi bay qua. Khói của chúng vạch những sọc nhuộm màu đỏ đen, xanh lá, xanh, trắng và vàng, màu của lá quốc kỳ mới trên bầu trời. Vài năm trước đây, cũng những chiếc phản lực này là biểu tượng quyền lực của quân lực chính quyền apartheid; bây giờ thì họ đang vẫy cánh để tôn vinh vị tân tổng tư lệnh da đen của mình.

Trong diễn văn của mình, Mandela đã lên án sự phân biệt chủng tộc và giới tính, hai định kiến sâu sắc ở Phi châu và hầu hết phần còn lại của thế giới. Khi rời buổi lễ, tôi đã thấy cha Jese Jackson ứa nước mắt vì sung sướng. Ông cúi chào và nói với tôi: "Có bao giờ bà nghĩ bất kỳ ai trong chúng ta sẽ sống để được thấy cái ngày này."

Với một đoàn xe hộ tống, chúng tôi quay lại phủ Tổng thống và thấy nó đã được chuyển giao. Chỉ trước đây vài giờ, con đường dài chạy xen giữa những bãi cỏ xanh có những người vũ trang đứng xếp hàng dọc theo, lúc này đã được thay bằng những người đánh trống và các vũ công trong trang phục tươi sáng đến từ khắp Nam Phi. Cảnh trí sáng sủa và vui tươi cứ như chính bầu trời đã tự biến đổi chỉ trong một buổi chiều. Chúng tôi được dẫn vào dinh để dự tiệc cốc-tai và hòa với hàng tá các vị nguyên thủ quốc gia cùng phái đoàn của họ đến thăm. Chiều hôm đó, một trong những thử thách của tôi là Fidel Castro. Những hướng dẫn viên của Bộ Ngoại giao đã lưu ý rằng Castro muốn được hội kiến với tôi. Họ bảo tôi phải tránh bằng mọi giá, vì chúng ta không có quan hệ ngoại giao với Cu chưa kể đến việc cấm vận thương mại.

Họ bảo tôi "Phu nhân không thể bắt tay ông ấy", "Phu nhân không thể đàm luận với ông ấy". Thậm chí nếu tôi chỉ vô tình đâm sầm vào ông ta, những nhóm chống Castro ở Florida sẽ nổi điên.

Suốt buổi tiếp tân, tôi thường xuyên ngó lại để trông chừng chòm râu xám bờm xờm của ông ta trong đám đông. Thình lình, giữa lúc cuộc trò chuyện giữa tôi và một người, hình như là Quốc vương Mswati III của Swaziland,

đang lý thú, tôi chợt thấy Castro đang đi về phía mình và tôi đã lẩn nhanh về một góc xa của gian phòng. Điều này thật lố bịch, nhưng tôi hiểu rằng chỉ với một tấm hình, một câu nói bâng quơ, hay tình cờ chạm mặt cũng có thể trở thành một bản tin.

Bữa trưa được dọn trên nền đất, dưới một lều bạt trắng cực lớn. Mandela đứng dậy để giới thiệu những vị khách của ông. Tôi thích nghe ông nói với giọng chậm rãi, trang nghiêm với chủ ý để tạo ra sự trịnh trọng, sống động với sự khôi hài ý nhị. Ông đã dùng những lời trân trọng để chào đón chúng tôi. Sau đó, ông nói một điều khiến tôi vô cùng kính phục: Dù vui vì được tiếp đãi những vị khách quan trọng, ông lại vui nhất là vì sự hiện diện của ba trong số các cựu cai ngục ở đảo Robben, những người đã đối xử với một lòng kính trọng trong thời gian ông bị cầm tù.

Ông yêu cầu họ đứng dậy để ông giới thiệu với quan khách. Tấm lòng độ lượng của ông thật cao cả. Trong nhiều tháng, ở Washington, tôi đã bị sự thù nghịch, sự khủng bố tinh thần liên quan đến Whitewater, Vince Foster và văn phòng công du ám ảnh. Còn ở đây, Mandela đang vinh danh ba người từng cầm giữ mình.

Khi tôi đã hiểu nhiều hơn về ông, Mandela giải thích rằng hồi trất dễ nổi cáu. Trong lao tù, ông đã học được cách kềm chế cảm xúc của mình để sống còn. Những năm ở tù đã cho ông thời gian và nghị lực để nhìn vào tận tâm tư mình, và để đối phó với những khổ đau ông đã gặp. Ông nhắc nhở tôi rằng lòng vị tha thường là kết quả của những niềm đau, đòi hỏi sự tự chủ dị thường. Ông nói với tôi về ngày cuối cùng của đời tù ngục: "Khi bước qua cửa xà lim hướng về phía cánh cổng sẽ đưa tôi về với tự do, tôi đã ngộ ra nếu không rũ bỏ nỗi cay đắng và lòng hận thù lại phía sau, tôi sẽ vẫn còn bị giam cầm".

Tối đó, từ Nam Phi quay về, vẫn suy ngẫm về trường hợp của Mandela, tôi nhập vào nhóm năm cựu Đệ nhất Phu nhân ở Hoa viên Quốc gia Gala. Tôi là Chủ tọa danh dự buổi gây quỹ tại Vườn Thực vật Hoa Kỳ để giúp xây dựng một hoa viên mới, sẽ là một tiêu bản sống tại khu Mall, tặng cho tám Đệ nhất Phu nhân đương đại và vinh danh những đóng góp của chúng tôi cho tổ quốc.

Tôi rất vui vì sự hiện diện của Phu nhân Bird Johnson. Bà từng là một phóng viên dễ mến và quả quyết. Suốt những năm ở Nhà Trắng, chúng tôi đã trao đổi thư từ với nhau. Tôi ngưỡng mộ nét duyên dáng và sự trầm tĩnh mạnh mẽ vốn có đã đưa bà đến địa vị Đệ nhất Phu nhân. Bà đã khởi xướng một

chương trình làm đẹp bằng việc trồng hoa dại suốt dọc những dặm đường xa lộ xuyên Mỹ nhằm tăng cường sự trân trọng cảnh quan thiên nhiên của chúng tôi. Qua sự ủng hộ của Phu nhân Bird, một thế hệ người Mỹ đã học được cách tôn trọng và có ý thức giữ gìn môi trường mới. Bà cũng ủng hộ chương trình Head Start, một chương trình học vỡ lòng cho trẻ bất hạnh. Năm 1964, trong cuộc chạy đua của chồng với Barry Goldwater, khi bắt đầu chiến dịch tranh cử, bà đã đi vận động cho chồng mình ở nông thôn miền Nam. Suốt thời kỳ khó khăn ở Nhà Trắng, bà hiểu sự nghiệp chính trị của Tổng thống đòi hỏi lòng tận tụy và s hy sinh. Nhờ trí thông minh và lòng trắc ẩn, bà đã thể hiện được bản sắc riêng trong một thế giới được bao trùm bởi nhân cách lớn của Lyndon Johnson. Do gặp rất nhiều trở ngại ở Washington nên tôi hiểu được những giá trị của những thành tựu kết tinh từ sự nỗ lực của bà.

Trong những tấm ảnh đã chụp tại buổi dạ tiệc hôm đó có: Phu nhân Bird, Barbara Bush, Nancy Reagan, Rosalynn Carter, Betty Ford và tôi. Thật là hoành tráng: tất cả các Đệ nhất Phu nhân còn tại thế đứng chung trên sân khấu - trừ một người.

Vài tháng trước, Jackie Kennedy Onassis được chẩn đoán mắc bệnh thiểu bạch cầu Hodgkin, một chứng ung thư đôi khi bộc phát chậm nhưng lại thường gây chết người. Vì thế, bà đã không thể hiện diện cùng với chúng tôi.

Ngày 19 tháng 5 năm 1994, Jackie tạ thế trong căn hộ của bà ở New York, có Caroline, John và Maurice bên cạnh. Chúng tôi được báo rằng bà qua đời sau một cuộc phẫu thuật, nhưng không biết vì sao thể trạng bà suy sụp nhanh như thế. Bà đã giữ cái chết được riêng tư như chính cuộc đời mình, đúng với tính cách của bà. Sáng sớm hôm sau, tôi và Bill đã đến Hoa viên Jacqueline Kennedy ở ngoài hiên phía đông của Nhà Trắng để phát biểu cảm nghĩ của chúng tôi trước một nhóm các nhà báo, nhân viên và bạn bè. Bill xác định những cống hiến của bà cho tổ quốc, còn tôi nói về sự hy sinh của bà cho con cháu: "Có lần, bà đã giải thích sự quan trọng của khoảng thời gian dành cho gia đình và bảo rằng: Nếu bạn cẩu thả trong việc nuôi dạy con cái, thì tôi không tin bạn làm được bất cứ điều gì khác. Tôi hoàn toàn tán thành ý nghĩ đó". Tang lễ của bà tổ chức ở Nhà thờ Thiên chúa giáo La Mã St. Ignatius Loyola, thành phố New York, tôi đã đến dự rồi cùng với gia đình và bạn bè thân thiết của bà bay đi Washington. Bill đón chúng tôi tại phi trường, cùng đưa tiễn Jackie đến nơi an nghỉ ngàn thu của bà cạnh mộ phần Tổng chống John F. Kennedy và đứa con trai còn thơ ấu - Patrick và một con gái chết lúc chưa chào đời của họ. San táng, chúng tôi đã thăm một chi họ của gia tộc Kennedy ở gần tư dinh của Kennedy tại Ethel, trên Đồi Hickory.

Hai tuần sau, John F. Kennedy, Jr. gởi cho tôi và Bill một bức thư viết tay mà tôi vẫn nhớ. Cậu viết: "Tôi muốn ông bà hiểu rằng tình bằng hữu nảy nở giữa ông bà và mẹ tôi có ý nghĩa như thế nào đối với bà ấy. Từ khi mẹ tôi rời khỏi Washington, tôi tin rằng bà đã từng chống chọi với những cảm xúc - hay những yêu cầu theo thông lệ - của việc trở thành cựu Đệ nhất Phu nhân. Bà đã phải làm nhiều điều với những ký ức ngổn ngang và ước mong chống chọi lại số phận nghiệt ngã của bản thân. Tuy nhiên, thông qua ông bà, một cách sâu sắc, dường như mẹ tôi rất hạnh phúc và dễ chịu khi cho phép bản thân nối lại điều đó. Mẹ tôi đã có những gợi ý sáng suốt có lẽ vì những điểm tương đồng giữa nhiệm vụ Tổng thống của Ngài và cha tôi - dù việc dưỡng dục con cái trong môi trường như thế xem ra có nhiều hiểm họa (hiểm họa thực sự)".

Đầu tháng 6 năm 1994, Bill và tôi đã sang Anh để dự những hoạt động kỷ niệm lần thứ 50 cuộc đổ bộ Normandy dẫn đến sự kết thúc Thế chiến thứ hai ở châu Âu. Nữ hoàng Elizabeth đệ nhị đã mời chúng tôi ở lại đêm trên du thuyền Britannia của hoàng gia, và tôi đã rất hào hứng bởi viễn cảnh sắp được hiểu thêm về hoàng gia. Năm ngoái, tại một buổi tiệc nhỏ của gia đình Gore, tôi đã gặp Thái tử Charles. Với khả năng ứng đối nhanh và óc khôi hài tự tin, ông khá vui vẻ. Khi đã lên chiếc Britannia, Bill và tôi được đưa đến diện kiến Nữ hoàng, Hoàng thân Philip và Thái hậu, những người đã đón tiếp chúng tôi với lời mời dùng nước. Khi tôi giới thiệu Kelly Craighead, người điều hành chuyến công du của chúng tôi, Thái hậu đã khiến tất cả ngạc nhiên khi hỏi Kelly có thể ở lại du thuyền để dùng bữa với bà và vài vị tùy viên quân sự trẻ của Nữ hoàng hay không. Kelly đáp rằng cô rất vui nhưng phải liệu xem mình có thể thu xếp thời hay không. Kelly đi theo vào khoang phòng của tôi và hỏi cô nên làm thế nào. Tôi bảo cô nên ở lại. Người khác có thể trám chỗ cho cô trong buổi tiệc long trọng của Nữ hoàng và Hoàng thân Philip tối hôm đó. Cô chạy ra bảo với một tùy viên quân sự và quay lại với nét mặt thất thần vì cô được biết phải phục sức trang trọng cho buổi tiệc. Bộ quần áo chẽn màu đen của cô không phù hợp. Tôi lôi hết những y phục sang trọng của mình ra và giúp Kelly thử từng chiếc với nhau để có một bộ cánh thích hợp với bữa tiệc của Thái hậu.

Tại buổi đại tiệc, tôi ngồi giữa Hoàng thân Philip và Thủ tướng John Major ở đầu chiếc bàn đủ dài để phục vụ các Quốc vương, Hoàng hậu, Thủ tướng và Tổng thống có mặt. Từ bục sàn nhô lên, tôi nhìn bao quát gian phòng rộng đông người. Hơn 500 quan khách đã tập họp tại đây để kỷ niệm sự liên minh đã đem lại chiến thắng của Anh - Mỹ vào Ngày D. Trong số đó có cựu Thủ tướng Margaret Thatcher, người mà tôi đã dõi theo với sự quan tâm mãnh liệt; Mary Soames, con gái của Churchill và cháu của ông, Winston - con trai

của Pamela Harriman. Rất dễ bắt chuyện với Major. Tôi thích trao đổi về tính cách các nhân vật trong số quan khách và lắng nghe ông tả lại tai nạn ô tô khủng khiếp lúc làm việc ở Nigeria khi còn trẻ. Ông đã phải nằm bất động hàng tháng trời và chịu đựng đau đớn một thời gian dài trước khi bình phục.

Hoàng thân Philip, một người đối thoại lịch thiệp, đã phân chia thời gian của mình rất kỹ lưỡng giữa tôi và người phụ nữ ngồi phía bên kia của ông, Paola, Nữ hoàng Bỉ. Ví dụ như khi nói về việc chạy thuyền buồm và lịch sử du thuyền Britannia, ông thường dừng ở lúc "cao trào" để nghiêng đầu từ bà sang tôi và trở lại tư thế cũ.

Ngồi cạnh Bill, Nữ hoàng Elizabeth đệ nhị đội một chiếc mão kim cương phản chiếu ánh sáng lấp lánh khi bà gật đầu và cười với những câu chuyện của Bill. Dung mạo, cử chỉ lịch sự v dặt của bà gợi tôi nhớ về mẹ của mình. Tôi đặc biệt ngưỡng mộ và đồng cảm với cách tiếp nhận và hoàn thành nhiệm vụ đứng đầu vương quốc của bà lúc còn là một thiếu nữ khi phụ vương băng hà. Thật khó hình dung được tất cả những khó khăn của bà trong việc giữ một vai trò quan trọng và khắc nghiệt trong hàng thập kỷ, vượt qua nhưng khó khăn và thay đổi nhanh chóng của thời đại. Năm Chelsea chín tuổi, Bill và tôi đã dẫn nó theo trong một kỳ nghỉ ngắn ở Luân Đôn. Tất cả những gì nó muốn là được diện kiến Nữ hoàng và Công nương Diana mà chúng tôi đã không thể sắp xếp được vào thời điểm đó. Tuy nhiên, tôi đã đưa nó đến một cuộc triển lãm tư liệu về triều đại của tất cả những vị Vua và Nữ hoàng Anh. Chelsea đã xem đi xem lại cuộc trưng bày, bỏ ra gần một giờ để đọc rất kỹ những mô tả về từng người một. Khi đọc xong, nó nói với tôi: "Mẹ à, con nghĩ làm Vua hay Nữ hoàng là việc khó”.

Sáng hôm sau buổi đại tiệc, tôi đã gặp Công nương Diana lần đầu tiên tại lễ Drumhead Service, một nghi thức tín ngưỡng truyền thống của "Lực lượng Cảm tử”. Nghi lễ được tổ chức trên sân của căn cứ Hải quân Hoàng gia, một khu đất có những mảnh vườn bao quanh chạy dài theo một dải đất cao cạnh bờ biển. Trong số quan khách và các cựu chiến binh có Công nương Diana, đã ly thân với Thái tử Charles. Bà đến dự lễ một mình. Tôi đã nhìn bà chào những người ủng hộ, rõ ràng là họ yêu mến bà. Cung cách của Diana thật quyến rũ. Sử dụng đôi mắt để thu hút người khác. Bà cúi đầu về phía trước để chào bạn trong lúc mắt mở to nhìn lên, đẹp một cách khác thường. Cuộc sống phù hoa và sự thương tổn tình cảm của bà làm nhói lòng tôi. Mặc dù có rất ít thời gian đàm đạo trong suốt chuyến thăm này nhưng tôi vẫn hiểu và thích bà. Diana là một phụ nữ bị giằng xé trong những tranh chấp của bản thân và xã hội, nhưng bà thật tình muốn cống hiến, muốn đời mình có giá trị cho một điều gì đó. Bà đã trở thành người tuyên truyền hữu hiệu cho sựvề

bệnh AIDS và xóa sổ các bãi mìn. Bà cũng là một người mẹ tận tụy. Bất cứ lúc nào gặp nhau, chúng tôi đều thảo luận tính thách thức của việc nuôi dạy con cái trước sự xét nét của công chúng.

Xế trưa hôm đó, chúng tôi lên chiếc Britannia và tiến ra biển Manche, nhập vào một đoàn tàu dài, có cả chiếc Jeremiah O'Brien, một trong số những tàu mà chính phủ Hoa Kỳ đã dùng để chuyên chở tiếp liệu đến Anh trong suốt cuộc chiến. Chúng tôi chuyển sang hàng không mẫu hạm USS George Washington thả neo ngoài khơi bờ biển nước Pháp. Đây là lần đầu tiên tôi thăm một hàng không mẫu hạm, một thành phố nổi có dân số sáu ngàn thủy thủ và thủy quân lục chiến. Trong khi Bill soạn bài diễn văn sẽ đọc vào ngày hôm sau, tôi đi một vòng tham quan tàu, kể cả phi đạo, một trong những địa điểm hoạt động nguy hiểm nhất trong quân đội. Hãy hình dung sự tập luyện và lòng can đảm cần có để cất cánh và đáp một chiến đấu cơ trên một mẩu bất động sản của Mỹ bập bềnh giữa đại dương. Từ đài chỉ huy nhô cao trên boong tàu, tôi nhìn bao quát chiếc mẫu hạm vĩ đại và cảm nhận được uy phong của nó. Tại bếp ăn của tàu, tôi dùng bữa tối với một số thành viên thuỷ thủ đoàn, đa số khoảng 18-19 tuổi. Năm mươi năm trước, những chàng trai cũng ở vào độ tuổi của họ đã gây bão tố trên các bãi biển vùng Normandy vào Ngày D định mệnh.

Dù đã đọc quyển D-day của Stephen Ambrose, tôi vẫn không khỏi bất ngờ trước chiều cao của dãy vách đá mà lực lượng đồng minh leo lên sau khi đã chiến đấu vượt qua bãi biển vào ngày 6 tháng 6 năm 1944. Mũi Hoc trông có vẻ như không thể vượt qua được. Tôi đã vô cùng thán phục khi lắng nghe lời kể của những cựu binh, những người đã thực hiện cuộc chinh phục đó. Quan hệ của Bill với quân đội đã vượt qua bước khởi đầu đầy khó khăn, vì thế, nhiều người đã lắng nghe bài diễn văn của anh về Ngày D. Cũng như tôi, anh chống lại chiến tranh Việt Nam, tin rằng đó là một lầm và Hoa Kỳ không thể thắng trong cuộc chiến này. Vào cuối thập niên 60, lúc đang học đại học, do được làm việc với Thượng nghị sĩ Fulbright trong Ủy ban Đối ngoại của Thượng viện, khi đó anh đã hiểu những gì mà ngày nay chúng ta đều biết: Chính phủ Hoa Kỳ đã lừa dối công luận về sự sa lầy, về sức mạnh của những đồng minh người Việt, về sự kiện Vịnh Bắc bộ, về sự thành công của chiến lược quân sự, về con số thương vong, và những thông tin khác; vì thế mà đã kéo dài sự xung đột và làm hao binh tổn tướng nhiều hơn. Năm 1969, trong lá thư gửi đến chủ nhiệm chương trình Huấn luyện sĩ quan Dự bị (ROTC) của Đại học Arkansas, Bill đã cố giải thích mối lo ngại sâu sắc của anh về cuộc chiến. Quyết định rút khỏi chương trình và chấp hành lệnh quân dịch, anh đã dấn thân vào lòng cuộc đấu tranh như nhiều người trẻ tuổi cảm nhận về đất nước mà họ yêu mến và một cuộc chiến mà họ không thể ủng hộ.

Lần đầu gặp Bill, chúng tôi đã thảo luận không dứt về chiến tranh Việt Nam, về lệnh nhập ngũ và những nghĩa vụ mâu thuẫn mà chúng tôi cảm nhận được, giống như bao thanh niên Mỹ yêu đất nước của mình nhưng phản đối cuộc chiến đặc biệt đó. Chúng tôi hiểu những nỗi thống khổ đương thời - mỗi chúng tôi đều có bạn đầu quân, bị gọi nhập ngũ, chống đối hoặc trở thành những người từ chối nhập ngũ vì lương tâm cho thế là trái đạo lý. Bốn bạn cùng lớp của Bill ở trường trung học tại Hot Springs đã tử trận tại Việt Nam. Tôi biết Bill tôn trọng nghĩa vụ quân sự, anh sẽ sung sướng phục vụ nếu như được gọi gia nhập quân đội trong Thế chiến thứ hai - cuộc chiến tranh có mục đích hết sức rõ ràng. Còn chiến tranh Việt Nam đã thử thách trí tuệ và lương tâm của nhiều người thuộc thế hệ chúng tôi, vì nó dường như mâu thuẫn với những giá trị và lợi ích quốc gia của Mỹ, chứ không phải là sự nghiệp của họ. Với tư cách là vị Tổng thống đầu tiên của lớp trưởng thành trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam, Bill mang theo những mặc cảm không xóa bỏ được của đất nước chúng tôi về cuộc chiến đó bước vào Nhà Trắng. Anh tin rằng đây là lúc để hòa giải những dị biệt của người Mỹ chúng ta và bắt đầu một chương mới: hợp tác với kẻ cựu thù.

Năm 1994, với sự ủng hộ của những cựu binh từng tham chiến ở Việt Nam trong Quốc hội, Bill đã xóa bỏ lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam, bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa hai nước vào năm sau. Chính phủ Việt Nam liên tục chứng tỏ sự nỗ lực chân thành trong việc giúp tìm kiếm quân nhân Mỹ bị mất tích trong chiến tranh hoặc bị bắt làm tù binh. Vào năm 2000, Bill trở thành vị Tổng thống Mỹ đầu tiên đến thăm Việt Nam kể từ khi quân đội Mỹ rút khỏi đây vào năm 1975. Những hoạt động ngoại giao dung cảm của anh đã tỏ rõ sự kính trọng đối với hơn 58.000 quân Mỹ đã hy sinh mạng sống của họ trong rừng già Đông Nam Á, giúp nước Mỹ chữa lành vết thương xưa và tìm ra những điểm chung giữa chúng ta và nhân dân Việt Nam.

Lời hứa đưa ra trong chiến dịch tranh cử: để cho những người đồng tính phục vụ trong quân đội chừng nào tình trạng giới tính của họ không làm phương hại đến sự phục vụ và sự liên kết trong đơn vị, dưới bất kỳ hình thức nào, đã trở thành một trong những thử thách đầu tiên của Bill trong vai trò tổng tư lệnh. Tôi đồng ý với vị thế người bình thường là việc thi hành điều lệnh quân đội nên khắt khe hơn đối với hành vi chứ không phải tình trạng giới tính. Vấn đề này nổi lên vào đầu năm 1993, trở thành một cuộc chiến quyết liệt giữa những quan điểm đối chọi nhau. Những người giữ vững quan điểm rằng người đồng tính đã từng phục vụ xuất sắc trong lịch sử chiến tranh của nước Mỹ, và nên được phép tiếp tục phục vụ, chỉ là thiểu số trong quân đội và Quốc hội. Công luận đã tiến gần đến chỗ phân hóa, nhưng - như

thường thấy trong những trụ như vậy - những người chống lại sự thay đổi thì cứng rắn và to tiếng hơn những người ủng hộ. Điều làm tôi phiền muộn là tính đạo đức giả. Vì tổ quốc cần, chỉ mới ba năm trước, trong thời kỳ chiến tranh vùng Vịnh, những quân nhân được biết là đồng tính - cả nam lẫn nữ - đã đi vào những nơi nguy hiểm để hoàn thành sứ mạng. Sau khi chiến tranh kết thúc, họ không còn cần thiết nữa và bị giải ngũ vì lý do giới tính của mình. Với tôi, điều này thật khó chấp nhận.

Bill hiểu vấn đề này là một thất bại chính trị, nhưng điều làm anh phiền lòng là đã không thuyết phục được Hội đồng Tham mưu Liên quân chấp nhận sự thật rằng những người đồng tính đã đang và sẽ luôn luôn phục vụ trong quân đội và sự thay đổi chính sách thích hợp là quy định một chuẩn mực về hành vi chung cho tất cả. Sau khi cả Thượng và Hạ viện bày tỏ sự phản đối của họ bằng cách phủ quyết, Bill đã chấp nhận một thỏa hiệp: chính sách "không hỏi, không nói". Chính sách này cấm cấp trên lục vấn cấp dưới liệu cô hay anh có phải là người đồng tính không. Nếu được hỏi thì không nhất thiết phải trả lời. Nhưng chính sách này đã không được thực hiện tốt. Vẫn còn có các trường hợp trừng phạt hay quấy rối đối với những ai bị nghi là đồng tính và con số những người đồng tính giải ngũ vẫn thực sự gia tăng. Năm 1992, Canada đã bỏ lệnh cấm đối với người đồng tính và năm 2000, Anh Quốc, đồng minh thân cận nhất của chúng ta, đã thay đổi chính sách, cho phép những người đồng tính được phục vụ trong quân đội và đã không có khó khăn nào được báo cáo. Chúng ta còn phải đi một chặng đường dài với tính chất một cộng đồng có tổ chức trước khi vấn đề này được giải quyết. Tôi chỉ mong phe đối lập sẽ lắng nghe Barry Goldwater, một biểu trưng của Pháp quyền Mỹ, phát ngôn viên ủng hộ quyền của người đồng tính. Về vấn đề người đồng tính trong quân đội, ông nói: "Bạn không cần phải là người có tình dục bình thường khi chiến đấu và chết cho tổ quốc mình. Bạn chỉ cần bắn thẳng".

Trong bài diễn văn đọc tại Nghĩa trang Colleville-sur-Mer, trước Đài Tưởng niệm những quân nhân Hoa Kỳ hy sinh ở Normandy trong Thế chiến thứ hai gửi đến những cựu binh Mỹ thuộc thế hệ cha ông chúng ta, Bill đã nói: "Chúng tôi là con cháu của sự xả thân của quý vị". Những người Mỹ dũng cảm này đã gia nhập quân đội và lực lượng kháng chiến của Anh, Na Uy, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đan Mạch và những nước khác, chống lại chủ nghĩa Phát xít và củng cố một liên minh lịch sử giữa Mỹ và châu Âu đến nửa thế kỷ sau. Đó là một “Thế hệ vĩ đại" gồm những người Mỹ và châu Âu đã liên kết và chia sẻ với nhau một sự nghiệp dẫn đến chiến thắng trong cuộc Chiến tranh lạnh, tạo điều kiện cho sự tự do và dân chủ lan rộng trên nhiều châu lục. Ngày nay, trước những bất ổn của thế giới, sự gắn bó lịch sử giữa Mỹ và

châu Âu mà nhiều chứng tích vẫn còn trên những bãi biển Normandy, giữ vai trò quyết định cho ước vọng hòa bình, thịnh vượng và an ninh toàn cầu.

Bài diễn văn kỷ niệm ngày đổ bộ Normandy là một xúc cảm đặc biệt của Bill vì anh vừa nhận được một bản sao lục hồ sơ quân nhân của cha mình và thành tích đơn vị của ông, đã tham dự cuộc đổ bộ vào nước Ý. Sau khi câu chuyện về sự phục vụ của cha anh được đăng trên một số tờ báo, Bill nhận được thư của một người từ Nettuno (Ý) di cư sang sống ở New Jersey. Hồi trai trẻ, người này được một binh sĩ Mỹ trong ban quân xa của lực lượng đổ bộ đối xử tốt. Người lính đã dạy chàng trai cách bảo trì xe hơi và xe tải chính là Wilham Blythe, cha của Bill. Bill xúc động khi biết tin về cha mình và ngộ ra mối liên cảm mình từng có với người chiến binh trẻ đó - người cha mà anh chưa hề biết mặt - lúc anh cố bày tỏ lòng biết ơn của thế hệ chúng ta đối với tất cả những gì mà ông và hàng triệu người khác đã làm cho tổ quốc và thế giới.

Tôi cũng xúc động vì chuyến công du ấy. Tôi muốn nhiệm kỳ Tổng thống của Bill thành công không đơn giản chỉ vì tôi yêu anh và anh là chồng tôi, mà còn vì tôi yêu tổ quốc mình và tin rằng anh là người lãnh đạo đất nước chân chính ở cuối thế kỷ 20.

KỲ NGHỈ GIỮA NHIỆM KỲ

Nữ danh ca Aretha Franklin đã làm "rung chuyển" cả Vườn Hồng bằng một buổi tối ca nhạc không thể nào quên vào tháng Sáu - một hoạt động văn nghệ nằm trong khuôn khổ chuỗi biểu diễn hòa nhạc do chúng tôi tổ chức tại Nhà Trắng mà sau đó được phát lên truyền hình. Bà đã di chuyển như một "Nữ hoàng" giữa các bàn quan khách - là những người say mê thưởng thức khi Aretha cùng với danh ca Lou Rawls cất cao giọng ca trong một chương trình nhạc soul và các điệu thánh ca dân gian. Sau đó bà tiếp tục hòa giọng và rướn gần đến Bill đang đung đưa theo nhạc khi bà hát: "Nụ cười là những gì có ích cho những giọt nước mắt...".

Mười ngày sau, Robert Fiske tiết lộ những phát hiện sơ bộ trong cuộc điều tra vụ Whitewater đang được tiến hành nhanh chóng: Thứ nhất, không có thành viên nào dưới quyền Clinton ở Nhà Trắng hoặc thuộc Bộ Tài chính đã cố gắng tạo ảnh hưởng đối với cuộc điều tra của RTC. Thứ hai, Fiske bày tỏ sự đồng tình với quan điểm của Cục Điều tra Liên bang và Cảnh sát rằng cái chết của Vince Foster là do tự s. Ông còn kết luận thêm rằng không có bằng chứng nào cho thấy việc tự sát của ông ta có bất kỳ liên quan gì đến vụ bê bối Whitewater.

Fiske không đưa ra một bản cáo trạng nào giống như mong muốn của nhiều người thuộc phái cánh hữu Đảng Cộng hòa vốn hay công khai tung ra những lời suy đoán về cái chết của Vince Foster. Một vài nhà bình luận bảo thủ và nghị sĩ Quốc hội, chẳng hạn như Thượng nghị sĩ Lauch Faircloth thuộc Đảng Cộng hòa ở Bắc Carolina, đã yêu cầu Fiske xem xét thêm. Mỉa mai thay, vào ngày những kết luận điều tra của Foster được công bố, chồng tôi vô tình đã dọn đường cho việc công kích mình bằng cách ký khôi phục Đạo luật Luật sư Độc lập do Quốc hội gởi đến cho anh. Đó là điều mà chồng tôi đã hứa thực hiện và anh đã làm đúng lời hứa của mình.

Do sự chỉ trích đối với Fiske từ Đảng Cộng hòa đang gia tăng, tôi đã tranh luận phản đối việc ký văn bản pháp lý này trừ phi việc bổ nhiệm Fiske đã được công nhận trong dự luật. Tôi sợ rằng Đảng Cộng hòa và các đồng minh của họ trong bộ máy tư pháp, đứng đầu là Chánh án William Rehnquist, sẽ toan tính bằng cách nào đó loại bỏ Fiske bởi vì ông công minh và giải quyết công việc rất nhanh chóng, mau lẹ. Tôi chia sẻ nỗi lo ngại của mình cùng với Lloyd Cutler - người thay thế Bernie Nussbaum làm luật sư cố vấn của Nhà Trắng. Lloyd là một trong những người có tiếng tăm ở Washington, là luật sư của Tổng thống Carter và là cố vấn cho nhiều vị lãnh đạo chính trị khác. Với địa vị của một luật sư cao cấp, ông đã giúp đỡ xây dựng một trong

nhưng hãng luật có uy tín nhất ở Mỹ. Khi tôi nói với ông về những điều làm tôi lo ngại, thì ông bảo tôi đừng lo. Lloyd là một quý ông thực sự, ông cho rằng ông đang làm việc với những con người có tính cách tương tự nhau. Thậm chí ông còn bảo rằng ông sẽ "đi lộn đầu xuống đất" nếu Fiske bị thay thế.

Theo đạo luật mới được ban hành, luật sư độc lập phải được chọn lựa bởi một "Tiểu ban Đặc biệt" - là một ban hội thẩm gồm ba thẩm phán liên bang do Chánh án Tòa án Tối cao chỉ định. Rehnquist đã cân nhắc chọn David Sentelle - một người theo Đảng Cộng hòa cực kỳ bảo thủ thuộc tiểu bang Bắc Carolina - làm trưởng Tiểu ban này.

Cũng theo những tài liệu báo cáo, vào giữa tháng Bảy, người ta đã nhìn thấy ngài Thẩm phán Sentelle dùng cơm trưa với Faircloth và Thượng nghị sĩ Jesse Helms - một trong những nhà phê bình trực tính khác của chồng tôi. Có lẽ đây là sự trùng hợp, vì sau đó, Sentelle đã tuyên bố rằng ba người họ chỉ là những người bạn cũ đang thảo luận với nhau về một số vấn đề. Nhưng vào ngày 5 tháng 8, chỉ một vài tuần sau bữa cơm trưa đó, Tiểu ban Đặc biệt đã thông báo về việc bổ nhiệm một luật sư độc lập mới. Robert Fiske đã bị loại, thay cho ông là Kenneth Starr.

Starr là "tay trong" của Đảng Cộng hòa, 48 tuổi, một cựu thẩm phán tòa án từng từ chức để trở thành Cố vấn Pháp luật trong thời Chính quyền Bush (cha). Đây cũng là cách truyền thống để "đến" được Tòa án Tối cao. Ông là một hội viên trong Công ty Kirkland & Ellis - một công ty luật có hoạt động sinh lợi từ việc bảo vệ các công ty thuốc lá. Ông là người bảo thủ trung thành không giống như Fiske, trước đây ông chưa bao giờ là luật sư bên nguyên. Ông đã rất thẳng thắn trong vụ kiện của Paula Jones khi xuất hiện trên truyền trình vào mùa xuân năm ấy để tranh cãi cho quyền lợi của Jones kiện vị Tổng thống đương nhiệm, đề xuất xử lý vụ việc một cách nhanh chóng. Ông cũng đề nghị thảo cho một người bạn ở tòa án bản tóm tắt hồ sơ tố tụng thay mặt bà ấy. Dựa trên bằng chứng của những mâu thuẫn về quyền lợi này, năm vị cựu chủ tịch của Hiệp hội Luật sư Mỹ đã yêu cầu Starr rút lui khỏi nhiệm vụ làm luật sư độc lập. Họ cũng đưa ra những câu hỏi chất vấn ban hội thẩm gồm ba thẩm phán đã chọn Starr.

Việc bổ nhiệm Starr làm chậm đi tiến trình điều tra rất nhiều. Hầu hết các nhân viên của Fiske thà từ chức còn hơn là làm việc cho Starr. Ông ta đã không xin nghỉ công việc luật sư ở công ty của mình như Fiske đã làm, do vậy, ông chỉ làm việc bán thời gian. Starr không hề có kinh nghiệm về luật hình sự nên ông phải học hỏi qua công việc. Bất chấp quy định quan trọng

rằng một luật sư độc lập phải tiến hành cuộc điều tra "với một cách thức đầy hiệu quả, trách nhiệm, và kịp thời", Starr đã không lập thời gian biểu hoặc thể hiện bất kỳ sự khẩn trương nào. Điều này hoàn toàn ngược lại với Fiske. Fiske đã định gói gọn cuộc điều tra vào cuối năm 1994. Có thể thấy rõ ngay từ đầu, mục đích của Starr là kéo dài sự việc, ít nhất là qua cuộc tuyển cử năm 1996.

Căn cứ vào những mâu thuẫn về lợi ích này và những dấu hiệu cảnh báo sớm, rõ ràng là Starr đang thay thế Fiske nhưng không phải là để tiếp tục cuộc điều tra độc lập, mà vì những mục đích thiên vị. Lập tức tôi hiểu ngay là chúng tôi đang đối mặt với những vấn đề gì nhưng tôi cũng biết rằng tôi không thể làm được gì để giải quyết vấn đề cả. Tôi phải tin tưởng vào hệ thống công lý của chúng ta và hy vọng cho những điều tốt đẹp nhất. Tuy nhiên, tôi cũng đã nhắc Lloyd Cutler nhớ đến việc "đi lộn đầu xuống đất" của ông ấy và đề nghị ông có thể chọn cho mình cách thức đi sao cho tự nhiên nhất.

Việc làm chính trị mang tính chất phe phái không phải là điều mới mẻ ở Washington; nó đi kèm với phạm vi hoạt động. Nhưng nó là thứ chính trị hủy diệt cá nhân - theo bản năng, đó là những cuộc vận động tranh cử với thái độ hèn hạ nhằm hủy hoại cuộc đời của những người thuộc về công chúng - đó cũng là điều làm tôi cảm thấy chán nản và thấy có hại cho đất nước.

Suốt mùa xuân và mùa hè, những phát thanh viên trên vô tuyến truyền thanh của phe cánh hữu đã kích động bạn nghe đài bằng những câu chuyện kinh hoàng ở Washington. Theo thường nhật, Rush Limbaugh nói với 20 triệu bạn nghe đài rằng “Vụ Whitewater là về vấn đề chăm sóc y tế". Và cuối cùng, tôi cũng hiểu được rằng, vâng, đúng nó là về vấn đề cải cách hệ thống chăm sóc y tế. Bất chấp những phát hiện của Fiske, cuộc điều tra đang tiếp diễn về vụ Whitewater là nhằm phá hoại chương trình tiến bộ này bằng mọi cách. Limbaugh và những người khác hiếm khi phê bình những nội dung của Đạo luật Chăm sóc Y tế hoặc bất cứ chính sách nào do Đảng Dân chủ đưa ra. Nếu bạn tin tưởng vào mọi điều bạn nghe thấy trên đài phát vào năm 1994, có lẽ bạn sẽ kết luận rằng Tổng thống của bạn là một người Cộng sản, rằng Đệ nhất Phu nhân là một nữ sát thủ và rằng vợ chồng Tổng thống cùng nhau ngấm ngầm âm mưu tước đi vũ khí của bạn và buộc bạn phải từ bỏ bác sĩ riêng của gia đình bạn (nếu có) vì hệ thống chăm sóc y tế xã hội chủ nghĩa.

Một buổi chiều cuối tháng Bảy ở Seattle, tôi ghé vào thành phố như là một hoạt động nằm trong Chương trình Chăm sóc Y tế Cấp tốc. Được cổ vũ bởi

nhóm Freedom Riders - là những người đi xe buýt xuyên qua miền Nam vào đầu thập niên 60 để tuyên truyền thông điệp về xóa bỏ nạn phân biệt chủng tộc - những người ủng hộ cải cách y tế đã tổ chức chuyến xe buýt đi vòng quanh đất nước vào mùa hè năm 1994. Ý tưởng này nhằm tuyên truyền về kế hoạch chăm sóc y tế đến tận cơ sở và sẽ góp phần hình thành những đám đông từ các miền duyên hải phía Tây cho đến Washington, chứng tỏ cho Quốc hội thấy rằng dự luật về chăm sóc y tế được mọi người ủng hộ.

Chúng tôi bắt đầu ở Pordand, Oregon - nơi tôi gửi đi đội quân du hành tuyên truyền đầu tiên. Đó là một sự kiện sống động, bất chấp cái nóng khủng khiếp và những người la hét phản đối vây quanh nơi tuyên truyền. Khi những chiếc xe buýt khởi hành, một chiếc máy bay nhỏ kéo theo một biểu ngữ bay trên bầu trời với dòng chữ: "Coi chừng Chương trình Cấp tốc Dỏm”. Đây không phải là một trò quảng cáo rẻ tiền.

Các đài phát thanh quốc gia và địa phương liên tục kích động những người phản đối trong suốt một tuần. Một trong số những đài này đã thúc giục thính giả nghe đài hãy xuống đường và "chỉ cho bà Hillary biết" điều mà họ nghĩ về tôi. Lời kêu gọi này đã lôi kéo hàng trăm người theo những kẻ cánh hữu nòng cốt: những người ủng hộ lực lượng phòng bị dân sự, những người phản đối chính sách thuế, những người phong tỏa phòng khám. Có ít nhất một nửa trong số 4.500 người đến nghe bài diễn văn của tôi ở Seattle là những người phản đối.

Cơ quan An ninh cảnh báo với tôi rằng chúng tôi có thể gặp rắc rối. Có một lần, tôi đồng ý mặc áo chống đạn. Từ đó, tôi trở nên quen với sự hiện diện thường xuyên của nhân viên an ninh, quen với việc có những cuộc đối thoại riêng tư bị các nam và nữ nhân viên an ninh nghe lén - họ là những người mà tôi cho rằng họ biết nhiều về bản thân tôi và gia đình tôi hơn cả những người bạn thân nhất. Họ hối thúc tôi tránh khỏi nơi nào đó hay phải mặc quần áo bảo vệ. Và bấy giờ là lần đầu tiên tôi chú ý đến lời cảnh báo của họ. Đó là một trong vài lần tôi cảm thấy tính mạng mình thật sự bị nguy hiểm. Trong suốt cuộc mít-tinh lớn này, tôi hầu như không thể nghe thấy giọng nói của mình trong tiếng la ó và những câu ngắt lời thô bạo. Sau khi bài diễn văn kết thúc và chúng tôi lái xe ra khỏi sân khấu thì hàng trăm người phản đối vây quanh chiếc limousine. Nhưng gì tôi có thể nhìn thấy từ trong xe là một đám đông thanh niên trạc tuổi 20, 30. Tôi sẽ không bao giờ quên ánh mắt của họ và những cái miệng tru lại la hét tôi trong khi các nhân viên đẩy họ đi. Cơ quan An ninh đã bắt giữ nhiều người vào cái ngày hôm đó, họ tịch thu hai khẩu súng và một con dao do đám đông cất giấu.

Theo các nhà báo David Broder và Haynes Johnson, việc phản kháng này không phải ngẫu nhiên hay tình cờ, mà là một phần của một chiến dịch được tổ chức rất tốt nhằm làm gián đoạn chiếc xe buýt tuyên truyền cải cách y tế và làm vô hiệu thông điệp của cuộc tuyên truyền. Ở những nơi đoàn xe buýt dừng lại, họ đều gặp những người biểu tình. Những cuộc biểu tình chống đối được tài trợ bởi một nhóm quan tâm đến chính trị nghe có vẻ ôn hòa với tên gọi Những Công dân vì một Nền Kinh tế Vững mạnh (CSE). Cuối cùng, các nhà báo đã phát hiện và vạch trần sự việc rằng nhóm CSE đã phối hợp với văn phòng ở Washington của Newt Gingrich. Và như Broder và Johnson đã viết trong cuốn sách The Sytem thì những nhà tài trợ hào phóng hậu thuẫn cho nhóm CSE không ai khác hơn là một người sống ẩn dật - nhưng thực tế lại đang hoạt động rất tích cực - đó là ông Richard Mellon Scaife, một nhà triệu phú thuộc phe cánh hữu, cũng là người đã hỗ trợ tài chánh cho Dự án Arkansas.

Khi quay trở về Washington sau chuyến đi này, chúng tôi tiếp tục cố gắng thỏa hiệp với những người thuộc Đảng Cộng hòa trong Quốc hội về nhiều vấn đề của cuộc cải cách. Tôi rất ngưỡng mộ Thượng nghị sĩ John Chafee ở tiểu bang Rhode Island vì lập trường rất nguyên tắc và phong cách lịch thiệp của ông. Ông là người sớm ủng hộ việc cải cách và xu hướng bảo hiểm thanh toán toàn bộ chi phí điều trị. Nghị sĩ Chafee đã làm việc với những đồng nghiệp thuộc Đảng Cộng hòa để phát triển đề xuất sâu sắc của mình. Ông hy vọng rằng, bằng cách kết hợp kế hoạch của ông với kế hoạch của chúng tôi, ông sẽ có được sự ủng hộ của cả hai Đảng để có thể thông qua dự luật. Chafee đã nỗ lực để tạo cầu nối giữa Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ, duy trì nỗ lực đó cho đến khi ông là người Cộng hòa duy nhất đấu tranh cho công cuộc cải cách. Và cuối cùng, ông cũng từ bỏ mục tiêu của mình. Không có sự ủng hảng Cộng hòa, cuộc cải cách y tế giống như một bệnh nhân thoi thóp phụ thuộc vào phương tiện hỗ trợ sự sống trong giai đoạn cuối cùng của cuộc đời.

Tuy vậy, chúng tôi vẫn nỗ lực cho đến cuối cùng để làm cho Đảng Cộng hòa đi đến chấp nhận một vài thỏa hiệp nào đó. Thượng nghị sĩ Kennedy nhiều lần tạo áp lực với Chafee, nhưng không có kết quả. Trong một cuộc họp nóng bỏng tại Nhà Trắng, vài cố vấn của Bill đã cho rằng anh ấy nên công khai với dân chúng cả nước và giải thích cho họ hiểu giới lãnh đạo Đảng Cộng hòa đã cố gắng ngăn cản cuộc cải cách như thế nào. Tổng thống có thể nói về những nỗ lực để đạt sự đồng thuận và hỏi tại sao Dole, Gingrich và những người khác không sẵn lòng ngồi vào bàn thương lượng. Thông điệp của Tổng thống sẽ là một thách thức đối với Quốc hội để công việc cải cách được thực hiện. Một nhóm khác tranh cãi rất kịch liệt rằng việc để cho dự

luật chết luôn trong im lặng là điều khôn ngoan hơn cả. Trước cuộc bầu cử, họ tin rằng chúng tôi không cần phải tranh luận thêm nữa và lo lắng rằng bài phát biểu của Tổng thống sẽ thu hút sự chú ý nhiều hơn đến thất bại chính trị.

Tôi cho rằng đất nước cần được nhìn thấy vị Tổng thống của mình đang đấu tranh cho dù ông có thất bại, rằng chúng tôi nên cố gắng cho một cuộc bỏ phiếu ở Thượng viện. Ủy ban Tài chính đã bỏ phiếu không chấp thuận sự thỏa hiệp, Thượng nghị sĩ Mitchell với tư cách là Thủ lĩnh phe đa số, có thể trực tiếp đưa điều này ra trước Thượng viện. Cho dù chiến lược đó có dẫn đến việc Đảng Cộng hòa cản trở vấn đề thông qua dự luật, như một số người phía chúng tôi dự đoán, thì tôi nghĩ ràng chiến lược đó vẫn có thể phát huy tác dụng theo hướng có lợi. Các thành viên Quốc hội có thể sẽ phải chịu trách nhiệm nhiều hơn trước cử tri của họ trong các cuộc bầu cử vào tháng 11. Và Đảng Dân chủ sẽ không bị kẹ một tình thế mà tôi cho là sẽ thật tồi tệ đối với cả hai Đảng : Đảng Cộng hòa không phải bỏ phiếu ủng hộ việc chống lại cuộc cải cách và Đảng Dân chủ chiếm đa số sẽ thất bại trong việc thông qua các quy định pháp lý mới. Chiến lược cẩn trọng hơn cuối cùng đã chiến thắng, cũng đồng nghĩa là vấn đề chăm sóc y tế sẽ chìm dần vào quên lãng. Tôi vẫn cho rằng kế sách đó là sai lầm. Việc từ bỏ mà không có cuộc đấu tranh công khai cuối cùng nào đã làm thoái chí các đảng viên Đảng Dân chủ và để cho phe đối lập viết lại lịch sử.

Sau 20 tháng, chúng tôi thừa nhận sự thất bại. Chúng tôi biết rằng mình đã thờ ơ với rất nhiều chuyên gia và giáo sư về công nghệ chăm sóc y tế, cũng như một số liên minh luật pháp của chúng tôi. Cuối cùng thì chúng tôi đã không thể thuyết phục được đại đa số dân chúng nước Mỹ - những người có bảo hiểm y tế, rằng họ sẽ không phải từ bỏ lợi ích và sự chọn lựa y tế của mình để giúp đỡ thiểu số người Mỹ không được bảo hiểm. Chúng tôi cũng không thể thuyết phục được họ rằng cuộc cải cách sẽ bảo vệ họ tránh khỏi việc mất bảo hiểm và sẽ làm cho chi phí chăm sóc y tế của họ hợp lý hơn trong tương lai.

Bill và tôi đã thất vọng và cảm thấy chán nản. Tôi biết rằng tôi có phần trách nhiệm trong thất bại của chúng tôi, vì những bước đi sai lầm của chính bản thân tôi và cả vì việc tôi đã đánh giá thấp sự cản trở mà tôi gặp phải với tư cách là một Đệ nhất Phu nhân đối với một nhiệm vụ chính trị. Tôi cũng cảm thấy tồi tệ cho ông Ira - người đã nhận quá nhiều những lời chỉ trích bất công và không dựa trên cơ sở nào cả. Bill đánh giá cao đức tính chăm chỉ của ông ấy, đã yêu cầu ông ấy lãnh đạo nhóm Đặc trách về Thương mại Điện tử của Chính phủ. Ira đã làm một việc lớn là thiết lập hướng tiếp cận của Chính phủ

đối với việc khuyến khíchhương mại điện tử. Ông đã sớm được khen ngợi trong cộng đồng doanh nghiệp vì sự hiểu biết sâu sắc của mình và nổi tiếng là "Vua Internet".

Sai lầm lớn nhất của chúng tôi là cố gắng làm quá nhiều, quá nhanh. Dầu điều đó đã nói lên tất cả nhưng tôi vẫn tin rằng chúng tôi đã đúng khi cố gắng hết mình. Công việc của chúng tôi trong năm 1993 và 1994 mở đường cho những gì mà nhiều nhà kinh tế học đã gán cho là "nhân tố Hillary" - sự hạn chế có chủ đích về việc tăng giá của các nhà cung cấp y khoa và các công ty dược phẩm trong thập niên 1990. Nó cũng giúp tạo ra những ý tưởng và những mong muốn chính trị đưa đến những cải cách nhỏ hơn nhưng quan trọng trong nhiều năm sau này. Cám ơn sự lãnh đạo của Thượng nghị sĩ Kennedy và Thượng nghị sĩ Nancy Kassebaum - một đảng viên Đảng Cộng hòa ở tiểu bang Kansas, bởi đất nước giờ đây có được sự đảm bảo luật pháp mà theo đó, công nhân sẽ không mất bảo hiểm của họ khi thay đổi công việc. Tôi âm thầm làm việc cùng với Thượng nghị sĩ Kennedy để giúp ông thực hiện Chương trình Bảo hiểm Y tế của Trẻ em (CHIP), chương trình này vào năm 2003 đã chu cấp cho hơn năm triệu trẻ em có bố mẹ đang làm việc nên không cần phải nhận trợ cấp của Chương trình Hỗ trợ Y tế (Medicaid) nhưng lại không thể trả nổi bảo hiểm cá nhân. CHIP đại diện cho việc mở rộng lớn nhất hệ thống chu cấp bảo hiểm y tế công cộng từ khi thông qua Chương trình Hỗ trợ Y tế vào năm 1965. Và nó giúp làm giảm bớt con số những người Mỹ không được bảo hiểm y tế lần đầu tiên trong 12 năm.

Bill đã ký một loạt dự luật mà tôi đã từng tham gia, bao gồm những quy định pháp luật đảm bảo rằng các sản phụ được phép ở lại trong bệnh viện hơn 24 tiếng sau khi sinh; xúc tiến việc chụp X-quang nhũ hoa ở nữ và tiến hành sàng lọc tuyến tiền liệt ở nam; gia tăng nghiên cứu về bệnh đái tháo đường và cải thiện tỉ lệ tiêm phòng trẻ em để 90% trẻ em dưới haiược tiêm chủng phòng ngừa những bệnh nguy hiểm nhất ở lứa tuổi này. Bill cũng đảm nhiệm việc vận động hành lang cho dự luật chống thuốc lá và cũng bắt đầu chú tâm vào HIV/AIDS trong nước cũng như trên khắp thế giới. Anh sử dụng đặc quyền của Tổng thống để mở rộng các quyền lợi của bệnh nhân cho hơn 85 triệu người Mỹ và những người sống dựa theo họ được ghi nhận trong các kế hoạch y tế liên bang và cho những người thuộc diện hưởng Chương trình Chăm sóc Sức khỏe (Medicare), Chương trình Hỗ trợ Y tế (Medicaid) và Hệ thống Y tế dành cho Cựu chiến binh. Không có hoạt động nào trong số những hoạt động này thể hiện sự thay đổi "mang tính chấn thiên động địa" gần với Đạo luật Chăm sóc Sức khỏe. Nhưng tính chung, những cải tổ về các chính sách chăm sóc y tế này đã cải thiện điều kiện cho hàng chục triệu người Mỹ.

Sau khi cân nhắc, tôi nghĩ rằng chúng tôi đã quyết định đúng khi cố gắng cải cách toàn bộ hệ thống. Vào năm 2002, cùng với khó khăn của nền kinh tế và những khoản tiết kiệm tài chính về chăm sóc y tế trong thập niên 1990 đã chựng lại, chi phí bảo hiểm y tế đang gia tăng trở lại nhanh hơn cả nạn lạm phát, con số những người không có bảo hiểm đang gia tăng và những người cao tuổi nằm trong chương trình Chăm sóc Sức khỏe vẫn không được chu cấp khoản thuốc men theo toa của bác sĩ. Những người tài trợ cho quảng cáo Harry và Louis có thể khấm khá hơn, nhưng người dân Mỹ thì không. Một ngày nào đó, chúng ta sẽ sửa đổi hệ thống. Và khi chúng ta làm được điều này, đó sẽ là kết quả của hơn 50 năm nỗ lực của các đời Tổng thống Harry Truman, Richard Nixon, Jimmy Carter, Bill và cả tôi. Vâng, tôi vẫn vui rằng chúng tôi đã cố gắng.

Tên của Bill sẽ không xuất hiện trong hệ thống bỏ phiếu vào kỳ tuyển cử Quốc hội giữa nhiệm kỳ năm 1994, tuy nhiên, cả hai chúng tôi đều biết rằng nhiệm kỳ Tổng thống của Bill có lẽ là một phần trong các tính toán bầu cử và sự thất bại của Chương trình có khả năng ảnh hưởng đến kết quả. Cũng có những yếu tố khác, bao gồm một trong số những khuynh hướng có thể tiên đoán được từ lâu trong đời sống chính trị của Mỹ: Đảng phái nào kiểm soát Nhà Trắng thường mất đi một số ghế trong Quốc hội trong các cuộc tuyển cử giữa nhiệm kỳ. Điều này có thể phản ánh được điều mong ước trong thâm tâm của những cử tri đi bầu: Nhằm duy trì sự cân bằng quyền lực ở Washington - không bao giờ để Tổng thống có quá nhiều quyền hành để ông ta tin rằng mình có thể hành động như một vị vua. Một cách để giữ ông ta đi đúng đường là làm giảm bớt sự hỗ trợ của ông ta trong Quốc hội. Và khi nền kinh tế đi xuống hoặc những yếu tố khác làm giảm bớt tính đại chúng của Tổng thống thì những mất mát trong việc tuyển cử giữa nhiệm kỳ lại càng lớn hơn.

Newt Gingrich và phe phái của ông - những người tự cho mình là "những nhà cách mạng" thuộc Đảng Cộng hòa - tỏ ra nôn nóng để lợi dụng xu hướng đó. Vào tháng Chín, Gingrich đứng trên bậc thềm của trụ sở Quốc hội Hoa Kỳ, vây xung quanh là những thành viên cùng tư tưởng, ông ta đã tiết lộ kế hoạch trò chơi của mình trong chiến thắng kỳ tuyển cử giữa nhiệm kỳ: đó là một bản "Giao ước với nước Mỹ". Bản Giao ước này đưa ra những vấn đề cơ bản cho các kiến nghị của Đảng Cộng hòa để bãi bỏ Bộ Giáo dục, đồng thời thực hiện việc cắt giảm triệt để các khoản chi cho Chương trình Chăm sóc Sức khỏe, Chương trình Hỗ trợ Y tế, Giáo dục và Môi trường, cắt xén những khoản tín dụng dành cho những người có thu nhập thấp. Bản giao ước cũng đã trở nên nổi tiếng khắp Nhà Trắng với cái tên "Bản Giao ước ăn theo nước Mỹ" vì sự thiệt hại mà nó gây ra cho đất nước. Những con số đằng sau chính

sách trái ngược của bản giao ước đã không được tổng cộng lại. Bạn không thể gia tăng khoản chi tiêu cho quân sự, giảm thuế, cân đối ngân sách liên bang nếu bạn không cắt giảm những vấn đề mà chính phủ thực hiện. Gingrich dựa vào những để cho qua các con số bằng các phép tính số học. Bản Giao ước là một chiến lược để chính phủ kiểm soát các cuộc bầu cử địa phương và chuyển những cuộc chạy đua vào Quốc hội thành một cuộc trưng cầu dân ý theo thuật ngữ của Đảng Cộng hòa: tiêu cực cho Chính quyền của Bill và tích cực cho Bản Giao ước của họ.

Trong thể chế chính trị Mỹ, các ứng cử viên và công chức dựa vào các cuộc thăm dò ý kiến để đánh giá dư luận quần chúng. Nhưng, ít người muốn thừa nhận điều đó bởi vì họ sợ rằng giới truyền thông và công chúng sẽ buộc tội họ về việc cố tình chiều theo ý các cử tri. Tuy nhiên, các cuộc thăm dò không nói cho các chính khách biết họ phải tin vào điều gì và theo đuổi những chính sách nào; chúng là những công cụ dự đoán nhằm giúp các chính khách thực hiện công việc hiệu quả nhất cho một tiến trình hành động nhất định nào đó dựa vào sự hiểu biết về sự hưởng ứng của cử tri. Bác sĩ lắng nghe tim các bạn bằng ống nghe còn các chính khách lắng nghe các cử tri bằng các cuộc thăm dò dư luận. Trong các cuộc vận động tranh cử, kết quả thăm dò giúp các ứng cử viên nhận biết những điểm mạnh và những điểm yếu của mình. Một khi các quan chức đã trúng cử, những cuộc thăm dò ý kiến sáng suốt có thể giúp họ giao tiếp một cách có hiệu quả để đạt được những mục tiêu của họ. Những cuộc thăm dò ý kiến về chính trị tốt nhất là sự pha trộn giữa khoa học thống kê với khoa tâm lý học, và cả khoa giả kim thuật. Chìa khóa ở đây là: Để có được câu trả lời hữu ích, bạn phải có được các câu hỏi đúng cho một số lượng đủ đại diện cho thành phần cử tri.

Khi chúng tôi tiến đến gần các cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ vào tháng 11, các cố vấn chính trị của Bill quả quyết với chúng tôi rằng những chính khách Đảng Dân chủ đang ở trong tình thế khá tốt. Nhưng tôi rất lo. Sau nhiều tuần bay khắp nước Mỹ vận động tranh cử cho các ứng viên Đảng Dân chủ, tôi vẫn có cảm giác rằng những cuộcến cử tri do các tổ chức bên ngoài hoặc do các điều tra viên của Đảng Dân chủ thực hiện đều không chính xác. Tôi nghi ngờ những người thăm dò ý kiến đã không lường được những dòng cản trở mạnh mẽ của phe cánh hữu và sự lãnh đạm giữa những người ủng hộ chúng tôi nằm dưới bề mặt chính trường Mỹ. Một trong những bí mật của việc hiểu biết về số phiếu bầu là nhận biết mức độ trạng thái tình cảm của các cử tri. Đa số cử tri có thể nói họ quan tâm về những biện pháp nhạy cảm trong việc sử dụng súng an toàn nhưng họ không cứng rắn như những cử tri thiểu số - những người chống lại bất kỳ hình thức kiểm soát vũ khí nào. Những cử tri gay gắt luôn có mặt để bỏ phiếu ủng hộ hay chống đối một ứng viên, dựa

vào vị trí ứng cử - vị trí này thi thoảng được xem như một vấn đề mũi nhọn. Số đông bỏ phiếu bầu cho một loạt các vấn đề khác hoặc không bỏ phiếu. Tôi biết rằng nhiều thành tựu đạt được của Chính phủ có thể được xem là những vấn đề mũi nhọn. Hầu hết các cử tri Đảng Cộng hòa đều phản đối gay gắt về chính sách gia tăng thuế thu nhập của những người có thu nhập cao để làm giảm thâm hụt ngân sách, về Dự luật Brady cấm các loại vũ khí tấn công, được thông qua vào năm 1994, trong đó có quy định rằng việc sản xuất, kinh doanh hoặc sở hữu 19 loại trong số những vũ khí bán tự động nguy hiểm nhất là bất hợp pháp. Hiệp hội Súng trường Quốc gia, phe cánh hữu và những nhóm quan tâm đến việc phản đối chính sách thuế trở nên tích cực hơn bao giờ hết.

Tôi cũng hiểu là một số ủng hộ viên nòng cốt của Đảng Dân chủ cảm thấy thất vọng do những thất bại của chúng tôi trong cuộc cải cách hệ thống chăm sóc y tế hoặc cảm thấy bị phản bội do việc Chính phủ thúc đẩy thành công chương trình NAFTA. Tôi sợ rằng sự thất vọng của họ có thể làm mờ đi tất cả những thành quả tích cực của Chính phủ của những người lãnh đạo Đảng Dân chủ. Dường như có hơi vội vàng giữa nội bộ Đảng Dân chủ khi rút ra khỏi cuộc bầu cử. Và còn quá sớm để nhiều cử tri độc lập và những cử tri tự do có thể cảm nhận được sự cải thiện trong nền kinh tế hoặc nhìn thấy được những hiệu quả đáng mừng khi vấn đề thâm hụt ngân sách giảm xuống đồng thời mức lãi suất và công ăn việc làm tăng lên.

Trong tháng Mười, tôi đã gọi điện cho Dick Morris để hỏi ý kiến ngoài lề của ông về những triển vọng của chúng tôi. Bill và tôi xem Morris là một người chuyên thực hiện các cuộc thăm dò lấy ý kiến quần chúng đầy sáng tạo và là một nhà chiến lược tài ba, nhưng ông cũng có nhiều vấn đề phức tạp. Trước tiên, ông không hối tiếc về chuyện đã làm việc cho cả hai đảng và tất cả những vấn đề mà ông đã từng giải quyết cho cả hai bên. Mặc dù ông đã giúp Bill chiến thắng năm cuộc đua vào vị trí thống đốc bang, nhưng ông cũng làm việc cho các nghị sĩ bảo thủ thuộc Đảng Cộng hòa như Thượng nghị sĩ Trent Lott ở bang Mississippi và Thượng nghị sĩ Jesse Helms ở Bắc Carolina. Chuyên môn của ông Morris là nhận diện những cử tri tự do - những người vẫn đang lưỡng lự trong việc lựa chọn giữa hai đảng. Đôi khi, lời khuyên của ông cũng khá thú vị, bạn phải chọn lọc nó để rút ra được những quan điểm sâu sắc và những ý tưởng hữu ích cho mình. Và ông ấy có những kỹ năng của loài nhím. Tuy nhiên theo tôi những phân tích của Morris có thể có tác dụng nâng cao kiến thức, nếu chúng ta tham vấn ông cẩn thận và kiên nhẫn. Bằng những quan điểm hoài nghi về chính trị và con người, Morris là một đối trọng đối với một Bill Clinton từng rất lạc quan. Khi Bill thấy được trong họa có phúc thì Morris lại thấy mưa bão sấm sét.

Từ đầu năm 1978, Morris làm việc cho Bill trong các chiến dịch tranh cử thống đốc bang và đều thành công, ngoại trừ một lần ông bị thất bại vào năm 1980. Nhưng đến năm 1991, ông làm quen được với nhiều ứng viên Đảng Cộng hòa hơn và không ai trong cơ cấu quyền lực của Đảng Dân chủ còn thích hoặc tin cậy ông. Các cố vấn của Bill đã thuyết phục anh không nên sử dụng Morris trong chiến dịch vận động tranh cử Tổng thống. Tháng 10 năm 1994, tôi đã gọi điện thoại cho ông Morris.

Tôi nói: "Dick này, cuộc tuyển cử lần này có vẻ như không phù hợp với tôi". Tôi bảo với ông ta tôi không tin tưởng vào các cuộc thăm dò ý kiến có kết quả tích cực và muốn biết ông ta nghĩ gì "Nếu tôi có thể nói Bill gọi điện cho ông, ông sẽ giúp chứ?"

Morris đang làm việc cho bốn ứng cử viên Đảng Cộng hòa, nhưng điều đó không phải là lý do sự miễn cưỡng của ông ta.

"Thưa bà Hillary, tôi không thích cái cách mà tôi bị đối xử như vậy", ông Morris nói bằng giọng New York liến thoắng, "người ta đã quá hèn hạ đối với tôi".

"Tôi hiểu, tôi hiểu, Dick à. Nhưng đó là khi người ta thấy ông đang gặp khó khăn." Tôi trấn an ông rằng ông sẽ chỉ nói chuyện với tôi và Bill, rằng chúng tôi đang cố gắng để hiểu tính khí của các cử tri và điều mà những thành viên Đảng Dân chủ muốn làm. Morris không thể bỏ qua thách thức này. Ông lặng lẽ thiết kế một loạt các câu hỏi để đo lường thái độ của người dân trên cả nước và chia sẻ các kết quả thăm dò của mình, điều đang làm nản lòng chúng tôi. Bất chấp những tiến bộ to lớn và kinh tế mà Bill đã thực hiện được - thâm hụt ngân sách đã bị đẩy lùi và nằm trong tầm kiểm soát, hàng trăm nghìn công ăn việc làm được tạo ra và nền kinh tế đăng bắt đầu tăng trưởng - hầu hết mọi người chưa tin vào kết quả đó do việc hồi phục chưa trở nên mạnh mẽ hoàn toàn. Nhiều người không dành bất kỳ lời khen ngợi nào cho Đảng Dân chủ về sự thay đổi này. Morris bảo với chúng tôi, Đảng Dân chủ đang gặp rất nhiều khó khăn, và hy vọng lớn nhất để thay đổi mọi thứ là các Đảng Dân chủ phải nhấn mạnh được những chiến thắng cụ thể mà người dân có thể cảm nhận được và vỗ tay tán thưởng được, chẳng hạn như luật Brady, Family Leave (quy định về việc nhân viên có quyền tạm nghỉ làm không hưởng lương để giải quyết việc gia đình - ND) và AmeriCorps (chương trình tình nguyện viên Mỹ - ND). Ông cho rằng việc thực hiện điều này có thể khuyến khích số cử tri ủng hộ. Thay vì chống lại Bản Giao ước (của Đảng Cộng hòa), điều mà hầu hết những ứng cử viên Đảng Dân chủ đang làm, chúng ta cần khẳng định nhiều hơn về những thành tựu của Đảng

Dân chủ. Bill đã đồng ý và cố gắng thuyết phục những người lãnh đạo Quốc hội hãy tin tưởng vào những việc mà họ đã làm và bảo vệ bản thân mình chống lại sự công kích dữ dội của Đảng Cộng hòa.

Hai tuần trước ngày bầu cử, Bill và tôi có một kỳ nghỉ ngắn, tạm thoát ra khỏi những mối lo toan về cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ và đi đến Trung Đông, nơi Bill đã chứng kiến việc ký kết thỏa thuận hòa bình giữa Israel và Jordan. Và tôi đã tổ chức sinh nhật lần thứ 47 của mình ở ba quốc gia khác nhau: Ai Cập, Jordan và Israel. Ngày 26 tháng 10, tôi đã thấy được các Kim Tự Tháp ở Giza trong ánh dương buổi bình minh, và trong khi Bill gặp Tổng thống Mubarak và Tổng thống Yasir Arafat để thảo luận về tiến trình hòa bình Trung Đông, Phu nhân Tổng thống Mubarak - bà Suzanne - đã tổ chức sinh nhật tôi trong bữa sáng, gồm toàn bánh ngọt, tại phòng ăn trông ra bức tượng Nhân sư.

Tổng thống Hosni Mubarak và Phu nhân Suzanne Mubarak là một đôi vợ chồng gây được nhiều ấn tượng. Phu nhân Suzanne có bằng thạc sĩ về xã hội học, đồng thời là một người ủng hộ mạnh mẽ những chương trình giúp cải thiện các cơ hội và giáo dục cho phụ nữ và trẻ em ở Ai Cập, bất chấp một vài phản đối của những người theo trào lưu chính thống Hồi giáo. Tổng thống Mubarak, có phong cách và gương mặt của một vị Pharaoh cổ xưa, đôi khi được đem ra so sánh vớiị vua thời nay. Tổng thống nắm giữ quyền lực kể từ sau vụ ám sát Tổng thống Anwar Sadat vào năm 1981. Trong những thập niên ấy, ông đã cố gắng cai trị Ai Cập trong khi vẫn phải lo kiểm soát những người Hồi giáo quá khích vốn đã nhiều lần cố gắng tìm cách ám sát ông. Cũng giống như những nhà lãnh đạo Ả-rập khác mà tôi đã gặp, Tổng thống Mubarak hiểu được tình thế tiến thoái lưỡng nan mà ông đang phải đối đầu trong việc cai trị một đất nước bị bao vây bởi sự căng thẳng giữa thiểu số người được giáo dục theo phương Tây muốn theo đuổi tiến trình hiện đại hóa và số đông bảo thủ hơn - những người luôn sợ lối sống và các giá trị truyền thống có thể bị chính trị hóa. Việc đi trên sợi dây căng thẳng đó - và vẫn còn sống sót - là một thách thức to lớn, tuy rằng đôi khi sách lược của Tổng thống Mubarak bị chỉ trích là quá độc đoán.

Chúng tôi bay từ thủ đô Cairo đến Thung lũng Great Rift ở Jordan để dự lễ ký kết hiệp ước hòa bình giữa Jordan và Israel, chính thức kết thúc tình trạng chiến tranh giữa hai quốc gia. Khung cảnh sa mạc ở Arava băng qua biên giới gợi cho tôi nhớ cảnh tượng trong The Ten Commandments (Mười điều r ăn của Đức Chúa Trời). Những cảnh ngoạn mục và hùng vĩ trong đó đã khiến cho câu chuyện gây ấn tượng sâu sắc hơn bất kỳ cảnh tượng nào ngoài phim trường Hollywood. Hai nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa trông rộng đang

nhận lấy những rủi ro chính trị và cá nhân vì tiến trình hòa bình. Cùng là những người lính dày dạn trên chiến trường, Thủ tướng Yitzhak Rabin và Quốc vương Hussein bin Talal không bao giờ từ bỏ hy vọng về một tương lai tốt đẹp hơn cho nhân dân của họ.

Một điều không nhất thiết phải biết là Quốc vương Hussein thuộc dòng dõi Đấng tiên tri Muhammad. Tầng lớp quý tộc của ông ngay lập tức đã gây ấn tượng cho mọi người. Mặc dù có vóc người nhỏ nhưng Quốc vương có dáng vẻ oai vệ. Ở ông toát nên sự kết hợp độc đáo giữa quyền lực và sự ha nhã. Ngôn từ của ông rất cung kính, thể hiện qua việc sử dụng rất nhiều từ "Ngài" và "Lệnh Bà". Tuy nhiên phong cách lúc nào cũng mỉm cười và khiêm tốn đó càng làm nổi bật phẩm giá và sức mạnh của ông. Ông là một người có khả năng xoay xở để tồn tại và thành công, là người tạo dựng cho đất nước mình một vùng đất riêng giữa những khu vực hiểm nguy vây quanh.

Người bạn đời của ông, Hoàng hậu Noor, nguyên có tên là Lisa Najeeb Halaby, là một người tốt nghiệp Đại học Princeton sinh ra ở Mỹ. Thân phụ của bà, nguyên là Chủ tịch Hãng Hàng không Pan American, là người có nguồn gốc Syria - Lebanon, còn thân mẫu của Hoàng hậu là người Thụy Điển. Hoàng hậu Noor có bằng đại học về kiến trúc và quy hoạch đô thị, đang làm Giám đốc Kế hoạch cho Hãng Hàng không Hoàng gia Jordan khi gặp Quốc vương, bà đã yêu ông và kết hôn với ông. Khuôn mặt Hoàng hậu sáng bừng niềm tự hào và sự dễ mến khi hiện diện bên cạnh Quốc vương, cả khi ở bên các con, cùng cười đùa thoải mái với chúng. Hoàng hậu đặc biệt rất quan tâm đến việc phát triển giáo dục và kinh tế đất nước, đại diện cho những quan điểm cùng khát vọng của đất nước mình ở Mỹ và trên khắp thế giới. Bằng sự thông minh và duyên dáng của mình, được sự hậu thuẫn của Quốc vương, bà đã góp phần thúc đẩy đất nước mình tiến lên phía trước theo hướng hiện đại hơn về các vấn đề phụ nữ và trẻ em. Bill và tôi rất mong có thể sắp xếp được thời gian dành riêng để gặp Quốc vương và Hoàng hậu.

Hôm ấy, giữa buổi trưa nóng bức ở Thung lũng Great Rift, Hoàng hậu Noor trong bộ đồ màu lam ngọc đẹp như một người mẫu, bà bộc lộ nỗi vui mừng khi nghe lời cam kết hòa bình của Quốc vương. Thật trùng khớp ngẫu nhiên, tôi cũng mặc một bộ đồ màu lam ngọc, màu gợi nhớ đến lời nhận xét của một người phụ nữ trong một đám đông: "Bây giờ thì chúng tôi biết được màu lam ngọc là màu của hòa bình"

Sau buổi lễ, Bill và tôi đã đi cùng xe với Quốc vương và Hoàng hậu về khu nhà nghỉ mát của họ ở vịnh Aquaba trên Biển Đỏ. Hoàng hậu Noor làm tôi ngạc nhiên với cái bánh ngọt một lần nữa chúc mừng sinh nhật của tôi. Trên

chiếc bánh là những cây nến kiểu cách mà tôi không thể nào thổi tắt hết được. Quốc vương đùa bằng cách nhảy lên và giúp tôi thổi nến. Nhưng Ngài cũng không thành công hơn tôi. Đôi mắt lấp lánh, Ngài tuyên bố: "Có đôi khi ngay cả những mệnh lệnh của một Quốc vương cũng không được tuân theo nữa cơ đấy". Tôi thường nhớ về buổi chiều tuyệt vời ấy, khi mà niềm hy vọng về hòa bình lớn hơn bao giờ hết.

Sau ngày hôm đó, Bill trở thành vị Tổng thống Mỹ đầu tiên phát biểu trong một phiên họp chung của Quốc hội Jordan ở thủ đô Amman. Sự mệt mỏi sau một chuyến bay dài và bữa tiệc lưu động làm chúng tôi cảm thấy kiệt sức. Tôi ngồi trong một gian phòng nhìn Bill nói chuyện trong khi xung quanh tôi là những quan chức cao cấp của Nhà Trắng và các quan chức nội các bắt đầu tỏ dấu hiệu mệt mỏi sau một chuyến đi dài vất vả. Tôi cố gắng giữ cho tỉnh táo bằng cách ấn sâu móng tay vào trong lòng bàn tay và véo vào cánh tay của mình - một phương pháp mà các nhân viên cơ quan An ninh đã chỉ cho tôi. Tôi cảm thấy bình thường trở lại đúng lúc vào bữa cơm tối riêng với Quốc vương và Hoàng hậu tại cung điện của họ. Quốc vương và Hoàng hậu sống trong một cung điện lớn đầy đủ tiện nghi, nhưng được trang hoàng thanh nhã, giản dị. Bốn người chúng tôi dùng bữa tối bên một cái bàn tròn nhỏ nằm ở góc căn phòng ấm áp và dễ chịu. Chúng tôi nghỉ một đêm ở Cung điện Al-Hashimiya, một nơi dành cho khách của hoàng gia nằm trên ngọn đồi tây bắc của thành phố, trông ra quang cảnh tuyệt vời với những ngọn đồi và những ngọn tháp trắng xóa màu nắng của vương quốc sa mạc Hashemite Jordan.

Từ Jordan, chúng tôi đến Israel, nơi Thủ tướng Leah Rabin đã dành sẵn chiếc bánh sinh nhật tứ ba cho tôi và cũng tại nơi đây Bill đã đọc một bài diễn văn lịch sử khác - lần này là Quốc hội Israel ở thủ đô Jerusalem. Tôi bay trở về nhà với niềm tin rằng tôi đang rời xa một đất nước Israel đã tiến gần thêm một bước nữa đến hòa bình và sự an ninh, ổn định.

Chuyến đi này đã đánh dấu những cột mốc quan trọng của Bill trong chính sách đối ngoại. Ngoài vai trò chủ chốt trong việc làm dịu đi sự căng thẳng ở Trung Đông, hiện giờ anh còn phải tập trung vào những vấn đề kéo dài hàng thập niên ở Bắc Ireland, Và, sau một năm lo lắng về vấn đề ngoại giao và đổ bộ quân Mỹ lên Haiti, cuối cùng thì nhóm sĩ quan đảo chính đã đồng ý rút lui và trao trả lại quyền lực cho vị Tổng thống được bầu cử của Haiti là ông Jean-Bertrand Aristide. Nằm ngoài sự theo dõi của công chúng và báo chí, cuộc khủng hoảng năng lượng hạt nhân ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Triều Tiên đã được xoa dịu trong thời gian này, đây là kết quả của hiệp định năm 1994 mà theo đó, CHDCND Triều Tiên đồng ý ngưng và

cuối cùng là từ bỏ chương trình vũ khí hạt nhân nguy hiểm của mình để đổi lấy viện trợ của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc. Mặc dù sau này, chúng tôi biết được rằng CHDCND Triều Tiên đã vi phạm tinh thần của thỏa thuận, đúng vào thời điểm mà quốc gia này ngăn chặn được một cuộc xung đột quân sự tiềm ẩn. Nếu không có thỏa thuận này CHDCND Triều Tiên đã có thể sản xuất đủ plutonium vào năm 2002 để có thể chế tạo ra hàng loạt vũ khí hạt nhân hoặc đã trở thành một nhà máy plutonium, bán chất hóa học gây chết người nhiều nhất thế giới này cho những nhà thầu giàu có.

Những hoạt động của Bill trên chính trường thế giới đã giúp anh nổi trội trong cuộc thăm dò dư luận quần chúng trong tuần lễ cuối cùng của tháng Mười. Người ta đã cố gắng thuyết phục anh đứng ngoài các hoạt động tranh cử để ủng hộ cho các ứng cử viên Đảng Dân chủ. Như thường lệ, ahỏi ý kiến nhiều bạn bè thân hữu, những cố vấn chính thức và không chính thức.

Tôi cảm thấy có lẽ sẽ tốt hơn cho Bill nếu anh không vận động tranh cử quá nhiều vì người Mỹ thích nhìn thấy anh là một lãnh tụ chính trị sáng suốt nhiều kinh nghiệm, chứ không phải là một chính trị gia. Nhưng Bill không thể kháng cự lại được sức hút của các hoạt động tranh cử và đã trở thành người vận động tranh cử chủ yếu cho Đảng của mình.

Bầu không khí trở nên căng thẳng, cả bên ngoài cuộc vận động bầu cử lẫn bên trong Nhà Trắng, nơi xảy ra hai sự việc rất đáng lo ngại. Vào tháng Chín, một người đàn ông đã đâm chiếc máy bay nhỏ vào Nhà Trắng, ngay phía tây lối vào cổng vòm Nam. Thật ngẫu nhiên là đêm hôm đó chúng tôi ngủ ở Nhà khách Chính phủ bởi vì hệ thống điều hòa nhiệt độ và máy sưởi trong Dinh Tổng thống đang được sửa chữa lại, buộc chúng tôi phải ở ngoài khu vực dành riêng cho mình. Người phi công đã chết trong xác chiếc máy bay, và không ai biết được chính xác là tại sao anh ta lại làm một việc nguy hiểm như vậy. Rõ ràng là anh ta rất buồn rầu chán nản và tìm cách thu hút sự quan tâm của mọi người nhưng có lẽ anh ta đã không định tự sát. Nhìn lại vấn đề, sự việc một viên phi công có thể vượt hàng rào an ninh quá dễ dàng như vậy lẽ ra phải khiến mọi người ý thức nhiều hơn về những mối nguy hiểm mà thậm chí một chiếc máy bay nhỏ có thể tạo ra.

Rồi sau đó, vào ngày 29 tháng 10, tôi có mặt tại Bảo tàng Mỹ thuật bang San Francisco với Thượng nghị sĩ Dianne Feinstein trong một chiến địch vận động tranh cử thì Cơ quan An ninh đưa tôi vào một căn phòng nhỏ ở bên cạnh. Trưởng nhóm An ninh là George Rogers bảo với tôi là Tổng thống đang chờ nói chuyện với tôi trên điện thoại. "Anh không muốn làm em lo

lắng", Bill nói, "nhưng anh sắp sửa báo cho em biết việc này : có một người nào đó vừa mới bắn vào Nhà Trắng". Một người đàn ông mặc chiếc áo đi mưa đang nấn ná ỗ hàng rào dọc theo Đại lộ Pennsylvania thì bất thình lình, hắn ta kéo một khẩu súng trường bán tự động từ trong lớp áo mưa ra và nổ súng. Những người đi ngang qua chứng kiến sự việc đã ngăn chặn hắn ta lại trước khi hắn có thể nạp thêm đạn. Và kỳ diệu thay, không có ai bị thương cả. Hôm đó là thứ Bảy, Chelsea ở nhà một người bạn còn Bill đang ở trên lầu xem đá bóng. Hai cha con chưa bao giờ lâm vào tình trạng nguy hiểm đến tính mạng nhưng mọi người rất bàng hoàng khi biết rằng chỉ trước khi bắt đầu nổ súng, tên bắn súng đã nhìn thấy một người cao ráo, tóc trắng ở trong sân trông xa giống hệt như Tổng thống. Tên bắn súng là một tay rối loạn tâm trí, hắn cũng là người đã gọi cú điện thoại đe dọa tới văn phòng của một Thượng nghị sĩ do tức giận về dự luật Brady cấm các loại vũ khí tấn công. Vì những luật lệ mới này mà anh ta đã không thể nào mua được một khẩu súng lục vào đầu tháng. Khi tôi đáp chuyến bay đêm trở về Nhà Trắng, mọi thứ đã trở lại bình thường, ngoại trừ một vài lô đạn trên mặt tiền khu văn phòng ở Dinh Tây của Nhà Trắng.

Sau ngày hôm đó, Bill và tôi đã nói chuyện với ông Dick Morris trên điện thoại riêng trong phòng làm việc nhỏ của tôi cạnh phòng ngủ chính trong Nhà Trắng. Morris phân tích các số liệu bầu cử mà ông ta thu thập được và bảo rằng chúng tôi sắp sửa mất cả Hạ lẫn Thượng viện.

Tin xấu này đã xác nhận linh tính của tôi. Bill cũng tin tưởng vào đánh giá của Morris. Anh đã làm điều duy nhất mà anh ấy cho là sẽ có ích, đó là lao vào chiến dịch tranh cử một cách mạnh mẽ hơn. Tuần lễ đó anh đi vận động chính trị ở các vùng Detroit Duluth và những khu vực ở phía tây và phía đông. Việc làm này cũng không đem lại nhiều hiệu quả.

Tôi bắt đầu chương trình làm việc của mình vào ngày bầu cử cũng giống như vào bất kỳ ngày nào khác. Tôi đến chào bà Eeva Ahtisaari, Đệ nhất Phu nhân của Phần Lan i cùng với Tipper Gore đến gặp bà Marike de Klerk, cựu Đệ nhất Phu nhân của Nam Phi, đang thăm Washington. Cuối buổi chiều, không khí trong các hành lang của Nhà Trắng buồn như đưa đám.

Bill và tôi dùng cơm tối với Chelsea trong căn bếp nhỏ trên tầng hai. Chúng tôi muốn ở một mình khi tiếp nhận những công bố về kết quả bầu cử, điều mà theo dự đoán sẽ là tin xấu khủng khiếp. Mặc dù Thượng nghị sĩ Feinstein giành chiến thắng sít sao trong cuộc tái cử, nhưng Đảng Dân chủ đã mất đi tám ghế trong Thượng viện và đáng ngạc nhiên là mất luôn 44 ghế trong Hạ viện - đưa đến tình thế Đảng Cộng hòa chiếm đa số lần đầu tiên kể từ thời

Tổng thống Eisenhower. Những người đương nhiệm thuộc Đảng Dân chủ bị thất bại ở khắp mọi nơi. Các lãnh đạo cao cấp của Đảng như Chủ tịch Hạ viện Tom Foley ở Washington và Thống đốc bang New York Mario Cuomo đã thất bại trong các cuộc tái cử. Bạn tôi là Ann Richards cũng đã để mất chức Thống đốc bang Texas vào tay một người có cái tên rất nổi tiếng : George W. Bush.

Cuối cùng, Chelsea lui về phòng riêng để chuẩn bị cho buổi học ở trường. Còn lại Bill và tôi ngồi bên bàn ăn, theo dõi các số liệu kiểm phiếu bầu trên màn hình tivi và cố gắng hiểu các kết quả. Nhân dân Mỹ đã gửi cho chúng tôi một thông điệp có sức tác động to lớn. Số lượng người đi bầu quá thấp, thấp hơn một nửa số cử tri đã đăng ký và quan trọng là có nhiều người thuộc Đảng Dân chủ hơn là người theo Đảng Cộng hòa đã ở nhà. Tia sáng duy nhất cho chúng tôi trong bức tranh ảm đạm này là "sự thắng thế to lớn" của những người thuộc Đảng Cộng hòa phản ánh số phiếu bầu cử ít hơn một phần tư tổng số cử tri.

Tuy nhiên, sự kiện này không làm giảm bớt niềm vui sướng của Newt Gingrich khi ông ta đứng trước các camera vào tối hôm ấy để tuyên bố Đảng Cộng hòa đã chiếm được ưu thế. Ông ta đã biết trở thành Chủ tịch tiếp theo của Hạ viện, và sẽ là người Cộng hòa đầu tiên nắm giữ chức vụ đó kể từ năm 1954. Ông tỏ ra cao thượng khi đề nghị cùng làm việc với những đảng viên Dân chủ để cố gắng đưa Bản Giao ước của Đảng Cộng hòa thông qua Quốc hội trong thời gian nhanh nhất. Thật là nản lòng khi tưởng tượng phải điều hành đất nước trong hai năm kế tiếp với cả Thượng và Hạ viện đều do Đảng Cộng hòa kiểm soát. Những trận chiến chính trị thậm chí sẽ trở nên cam go hơn và Chính phủ sẽ phải ở trong thế phòng thủ để giữ gìn những thành quả đạt được cho đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng hòa, Quốc hội có thể chứng minh chính xác câu nói của Tổng thống Lyndon Johnson: "Những người Dân chủ lập pháp; Đảng Cộng hòa giám sát".

Cảm thấy buồn nản và thất vọng, tôi tự hỏi tôi phải chịu bao nhiêu trách nhiệm cho thất bại này: liệu chúng tôi có bị thất cử do vấn đề chăm sóc y tế hay không; liệu chúng tôi có mạo hiểm đặt cược vào việc quốc gia chấp thuận vai trò tích cực của tôi hay không. Tôi đã thất bại. Nhưng tôi đã tranh đấu để học được cách trở thành người hứng nhiều lời chỉ trích, chịu đựng những cơn giận dữ của mọi người.

Thật tội nghiệp cho Bill và cũng thật đau lòng khi phải nhìn người mà tôi yêu quý chịu quá nhiều tổn thương sâu sắc. Anh đã cố gắng làm điều anh cho là có lợi cho nước Mỹ và anh hiểu rõ cả những thành công lẫn thất bại

của anh đều đã góp phần làm cho bạn bè và các đồng minh của anh thua cuộc. Tôi còn nhớ anh đã cảm nhận như thế nào khi thất bại năm 1974 và 1980, lần này là thất bại nặng nề nhất. Mức độ rủi ro cao hơn, và anh cảm thấy anh đã làm cho đảng của mình suy yếu.

Sẽ phải mất thời gian, nhưng có cái gì đó thôi thúc Bill phải tìm hiểu xem đã sai điều gì trong ẩn này và tìm hiểu cách thức nối kết lại, xác định lại chương trình làm việc của mình. Như thường lệ, chúng tôi bắt đầu một cuộc nói chuyện kéo dài trong nhiều tháng. Chúng tôi tổ chức những cuộc họp với bạn bè và các cố vấn để tập trung vào những việc Bill nên làm tiếp theo. Trên tất cả mọi điều, tôi mong muốn nhiệm kỳ Tổng thống của Bill sẽ thành công. Tôi tin tưởng anh ấy và tin vòa những hy vọng của anh đối với tương lai của đất nước. Tôi cũng biết rằng tôi muốn là một đối tác hữu ích cho anh ấy và là một người ủng hộ hiệu quả cho những vấn đề mà tôi quan tâm suốt cả cuộc đời mình. Tôi chỉ không biết là từ thất bại này, tôi sẽ phải làm như thế nào để đạt được những điều mà tôi hằng mong muốn.

NHỮNG CUỘC ĐÀM ĐẠO VỚI ELEANOR

Người Trung Quốc có một câu nói cổ xưa: "Chúc bạn có được thời khắc thú vị", câu này đã trở thành câu nói đùa trong gia đình chúng tôi. Bill và tôi thường hỏi nhau, "Này, anh/em có thời khắc thú vị chưa?". Thú vị ở đây không phải là sự trải nghiệm. Những tuần lễ tiếp theo các cuộc tranh cử giữa nhiệm kỳ quyết liệt là khoảng thời gian khó khăn nhất trong những năm tôi ở Nhà Trắng. Vào những lúc thuận lợi, tôi đã cố gắng xem việc thất bại như là một phần của quy luật thăng trầm trong chu trình bầu cử, hơi giống một điều chỉnh trên đấu trường chính trị. Lúc khó khăn, tôi tự trách mình làm ảnh hưởng xấu đến hệ thống chăm sóc y tế do cách xử lý quá cực đoan của mình tạo sơ hở cho đối thủ khai thác. Có rất nhiều người trong và ngoài Nhà Trắng sẵn sàng "chọc gậy bánh xe". Thật khó để giữ mình khỏi phân tâm trước những lời kêu ca nhưng Bill và tôi đã cố gắng tập trung vào những việc mà chúng tôi có thể làm nhằm củng cố lại lực lượng của mình. Chúng tôi phát triển một chiến lược mới trong một môi trường mới.

Một buổi sáng tháng 11 ảm đạm, tôi dừng bước trong văn phòng của mình sau cuộc họp với Bill ở Phòng Bầu Dục và nhìn vào khung hình Phu nhân Eleanor Roosevelt để ở trên bàn. Tôi rất hâm mộ bà Roosevelt. Từ lâu tôi đã sưu tầm những bức chân dung và vật lưu niệm của bà. Nhìn gương mặt bà với những nét điềm tĩnh, quả quyết khiến tôi nhớ đến những lời uyên thâm của bà : Phụ nữ giống như là túi trà, bạn không bao giờ biết được sức mạnh của nó như thế nào cho đến khi đặt nó trong tách nước nóng". Đã đến lúc tôi cần phải có cuộc nói chuyện với Phu nhân Eleanor.

Trong các bài diễn văn của mình, tôi thường đùa rằng tôi có những cuộc đàm đạo tưởng tượng với Phu nhân Roosevelt để xin bà lời khuyên về nhiều lĩnh vực. Đó thực sự là cách rèn luyện trí não bổ ích giúp phân tích các vấn đề, miễn là bạn phải chọn đúng người mà bạn cần. Eleanor Roosevelt là đối tượng lý tưởng cho bạn chọn. Tôi đã và đang bước theo con đường của bà với tư cách là một trong những Đệ nhất Phu nhân gây nhiều tranh cãi nhất của nước Mỹ, đôi khi danh xưng Đệ nhất Phu nhân bao hàm đúng theo nghĩa đen của nó là người phụ nữ đi đầu, đi trước trong mọi sự kiện. Cho dù tôi mạo hiểm đến đâu thì dường như bà Roosevelt đã có mặt ở đó trước cả tôi. Tôi từng đến thăm những thành phố hạn hán kéo dài với những trận bão bụi, những vùng lân cận nghèo khó của thành phố New York và những đồn ở vùng sâu vùng xa như Uzbekistan, nơi bà đã là người tiên phong có mặt ở đó. Bà đấu tranh vì nhiều vấn đề mà đối với tôi cũng rất quan trọng: quyền công dân, luật chống lao động trẻ em, vấn đề người tị nạn và nhân quyền. Bà

bị giới truyền thông và một vài người trong chính phủ thời ấy chỉ trích gay gắt vì đã dám định rõ vai trò của Đệ nhất Phu nhân trong các nhiệm kỳ của mình. Bà đã bị gán cho nhiều tên gọi, từ "một người Cộng sản khích động" đến "bà già vô duyên nhiều chuyện". Bà làm cho các thành viên trong chính quyền của chồng bà phải khổ sở. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Harold Iekes, Sr. (thân phụ Phó Tham mưu trưởng của Bill) phàn nàn rằng bà nên chấm dứt can thiệp và "nên chú tâm vào việc may vá của bà”. Đồng thời, bà cũng đã làm cho Giám đốc FBI J. Edgar Hoover điên đầu. Nhưng tinh thần và sự tận tụy của bà là bất diệt và bà không bao giờ để cho những lời chỉ trích cản trở mình.

Vậy thì, phu nhân Roosevelt sẽ nói gì về tình thế khó khăn hiện tại của tôi? Tôi cho là không nhiều. Theo quan điểm của bà, việc chịu đựng những thất bại từ ngày này sang ngày khác là một chuyện đương nhiên. Đơn giản là tùy theo tình hình mà bạn phải quyết tâm và làm hết sức đối với nhưng gì mình có thể làm.

Các tranh luận có thể làm cho bà bị cô lập nhưng Phu nhân Eleanor Roosevelt có những người bạn tốt để nương tựa khi bà cảm thấy thiếu tự tin và bị bao vây trong thế giới chính trị. Louis Howe - cố vấn tin cẩn của Tổng thống F. D. Roosevelt, cũng như Lorena Hickok - phóng viên của hãng AP và Malvina "Tommy" Thompson - người thư ký riêng, tất cả đều là những người bạn tâm giao của bà.

Tôi may mắn có được một đội ngũ nhân viên trung thành tuyệt vời và rất nhiều bạn bè. Mặc dù khó mà hình dung được cảnh Phu nhân Roosevelt thư giãn với những người bạn tâm giao nhưng tôi vẫn tưởng tượng và cố gắng làm theo. Diane Blair và Ann Henry - hai người bạn ở Arkansas - đã đến th trong suốt những tuần lễ sau cuộc bầu cử. Họ biết về tôi rất rõ và đã đề nghị giúp đỡ tôi, cũng như trình bày với tôi về những triển vọng chính trị và lịch sử rất hữu ích.

Bạn bè ở khắp đất nước và ở hải ngoại đã gọi điện cho tôi để thăm hỏi, quan tâm xem tôi chống đỡ như thế nào. Tại thủ đô Amman, Hoàng hậu Noor - một dạng người nghiện thông tin - đã theo dõi sát tình hình chính trị ở Mỹ. Ngay sau các cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ, bà gọi điện thoại cho tôi để khích lệ tinh thần tôi. Bà bảo với tôi rằng khi gia đình bà đương đầu với thời kỳ khó khăn, họ động viên nhau "tiếp tục chiến đấu”. Tôi thích cụm từ này và bắt đầu sử dụng nó để động viên nhân viên của mình. Dù vậy, đôi khi chính tôi lại là người cần được động viên. Vào buổi sáng một ngày gần cuối tháng 11, Maggie Willams triệu tập một cuộc họp 10 người phụ nữ có những ý

kiến khiến tôi đặc biệt quan tâm: đó là Patti - nhân viên lập lịch trình làm việc của tôi; Ann - thư ký phụ trách các tổ chức xã hội của Nhà Trắng; Lisa - thư ký báo chí của tôi; Lissa - người soạn diễn văn cho tôi; Melanne - Phó Tham mưu trưởng của tôi; Mandy Grunwald; Susan Thomases; Ann Lewis - vừa là nhà hoạt động thuộc Đảng Dân chủ lâu năm vừa là nhà phân tích chính trị sâu sắc. Ann Lewis còn thường xuyên xuất hiện trên truyền hình, bảo vệ chương trình nghị luận của tôi và Chính phủ. Ngoài ra còn có Evelyn Lieberman - một nhân vật được ngưỡng mộ ở Hillaryland, nơi bà có vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động tổ chức và hậu cần. Sau này, bà là người phụ nữ đầu tiên trở thành Phó Tham mưu trưởng tại Nhà Trắng và rồi sau đó được bổ nhiệm làm Thứ trưởng phụ trách Vụ Ngoại giao và Tuyên truyền dưới quyền bà Madeleine Albright. Tất cả những phụ nữ này đã họp với nhau mỗi tuần một lần để thảo luận những chính sách và những chiến lược chính trị. Với cách rắn rỏi thường lệ của mình, Evelyn đã đặt ra một cái tên cho những cuộc họp chỉ có các phụ nữ là "Những cuộc họp của các nữ chính khách". Vcuộc họp thật sinh động, có phạm vi rộng trên nhiều lĩnh vực và hoàn toàn không chính thức nên tôi có thể tham dự vào bất cứ lúc nào.

Trên tầng một của Phủ Tổng thống, "các nữ chính khách" đã tổ chức cuộc họp tại phòng Bản đồ lịch sử. Đây là nơi Tổng thống Frankhn D. Roosevelt cùng với Thủ tướng Anh Winston Churchill và những Nguyên thủ của các quốc gia đồng minh đã hoạch định những cuộc hành quân trong suốt Thế chiến thứ hai với những bản đồ quân sự trên tường. Ba mươi năm sau - suốt cuộc chiến tranh Việt Nam, cũng tại căn phòng này, Ngoại trưởng Henry Kissinger tiếp Đại sứ Liên bang Xô viết tại Mỹ sau khi Tổng thống Nixon ra lệnh thả mìn phong toả cảng Hải Phòng. Đến đầu nhiệm kỳ của Tổng thống Ford, căn phòng này được chuyển thành nơi lưu trữ.

Khi tôi phát hiện lịch sử về căn phòng này, tôi quyết định tân trang lại phòng Bản đồ, phục hồi lại sự trang trọng của căn phòng. Tôi tìm ra bản gốc một trong những bản đồ chiến lược của Tổng thống F. D. Roosevelt, thể hiện vị trí của quân đồng minh ở châu Âu vào năm 1945. Tấm bản đồ này đã được cuộn tròn và được người sĩ quan phụ tá trẻ tuổi George Elsey của Tổng thống cất giữ. George Elsey đã tặng tấm bản đồ cho Nhà Trắng khi ông biết rằng tôi muốn phục hồi lại căn phòng. Và tôi đã treo nó phía trên lò sưởi.

Tấm bản đồ này đã gợi cảm xúc cho những vị khách tham quan đã từng sống qua Thế chiến chứ hai. Giáo sư Uwe Reinhardt - một nhà kinh tế học, sinh ở Đức và là người cho tôi những lời khuyên về việc chăm sóc y tế - đã khóc khi nhìn thấy tấm bản đồ này. Ông kể với tôi rằng lúc nhỏ, ông và thân mẫu đã bị kẹt lại ở Đức trong khi thân phụ ông bị gửi đến mặt trận Nga. Giáo sư

Uwe dùng tấm bản đồ để chỉ cho tôi nơi ông và thân mẫu ông ẩn náu để tránh bom đạn và cho tôi biết những người lính Mỹ đã làm thế nào cứu mẹ con ông. Một lần khác, Bill và tôi dùng cơm tối với Hilary Jones trước lò sưởi trong căn phòng này. Đó là người bạn cũ ở Arkansas. Ông đã phục vụ trên chiến trường châu Âu. Hilary đã sử dụng tấm bản đồ để vẽ lại con đường mà đơn vị ông đã đi qua khi họ mở con đường máu từ nước Ý lên phía bắc.

Với lịch sử của mình, căn phòng này dường như rất thích hợp cho việc tổ chức các cuộc họp hoạch định chiến lược. Maggie đã triệu tập những cuộc họp như vậy tại đây bởi vì bà hiểu rằng đó là một nơi cẩn mật trong Nhà Trắng, là nơi tôi có thể nói bất cứ điều gì làm tôi bận tâm mà không cần phải lo sợ bị hiểu sai hoặc bị rò rỉ thông tin với giới truyền thông. Điều này thật sự quan trọng. Bà cho rằng những cuộc họp này sẽ giúp ích cho tất cả chúng tôi - đặc biệt là cho tôi - để tái tập trung vào những vấn đề gây tranh cãi và để tái khẳng định những nhận định của chúng tôi đối với chương trình nghị sự của Chính phủ.

Mọi người đã ngồi quanh cái bàn vuông lớn khi tôi bước vào phòng. Cho đến lúc đó, tôi vẫn có thể che giấu nỗi buồn và sự thất vọng trước các nhân viên của mình, ngoại trừ Maggie vì bà dường như luôn biết chính xác tôi đang cảm thấy như thế nào, cho dù tôi có biểu hiện ra hay không. Giờ thì mọi thứ đều vỡ òa. Cố gắng ngăn dòng nước mắt, giọng tôi lạc đi, tôi liên tục nói lời xin lỗi. Tôi xin lỗi vì tôi đã làm cho mọi người thất vọng và góp phần gây ra những thất bại của chúng tôi. Và điều này sẽ không lặp lại nữa. Tôi nói với họ rằng tôi đang xem xét việc rút lui khỏi những hoạt động chính trị và những công việc liên quan đến việc lập chính sách, chủ yếu là do tôi không muốn trở thành một cản trở đối với Chính phủ của chồng tôi. Và tối hôm ấy, tôi đã hủy bỏ việc đến dự diễn đàn về những Đệ nhất Phu nhân, là sự kiện được Trường Đại học George ợ và do một người bạn của tôi - nhà sử học Carl Sferrazza Anthony - điều khiển chương trình. Khi tôi nói như vậy, tôi không thấy ai có ý kiến. Mọi người đều im lặng lắng nghe. Sau đó, từng người, từng người trong số họ khuyên tôi nghĩ lại và hãy tiếp tục con đường của mình. Vì còn rất nhiều người, đặc biệt là phụ nữ, vẫn đang mong đợi tôi.

Lissa Muscatine miêu tả buổi nói chuyện mà bà vừa tổ chức gần đây cho một lớp học tại Đại học American. Tại trường này, bà giải thích cho sinh viên về công việc của mình là một người viết những bài diễn văn cho các lãnh đạo ở Nhà Trắng. Bà nói với sinh viên rằng Tổng thống và tôi làm nhiều hơn là nói những lời sáo rỗng về quyền lợi của phụ nữ ở nơi làm việc. Nhà Trắng đã tuyển dụng Lissa cho dù bà đang mang song thai khi nộp đơn xin việc. Bà kể

với sinh viên rằng sau khi sinh, bà trở lại làm việc chính thức toàn thời gian với tôi, tôi đã động viên khuyến khích bà sắp xếp thời gian và làm việc tại nhà nếu cần thiết để bà có thể dành thời gian chăm sóc con cái. Sau buổi nói chuyện, khoảng hơn mười phụ nữ trẻ quây quanh và hỏi bà một số vấn đề cũng như nói với bà rằng họ thật sự đã được động viên rất nhiều khi nghe chuyện về những người mẹ đang làm việc bên trong Nhà Trắng.

Lissa nói với tôi: "Lớp trẻ đang trông cậy vào Phu nhân để được hướng dẫn trong cuộc sống của mình. Phu nhân là tấm gương cho họ. Vậy thì Phu nhân sẽ gửi thông điệp gì đến họ nếu Phu nhân ngừng những hoạt động mà Phu nhân đang tích cực tham gia?".

Sự ủng hộ của những người bạn đã làm tôi phấn chấn. Buổi tối hôm ấy, ý thức được trách nhiệm của mình, tôi đã cùng mọi người đến khách sạn Mayflower để tham gia diễn đàn về Những Đệ nhất Phu nhân. Từ góc nhìn của tôi thì thính giả đã rất nhiệt tình và rất rõ ràng, điều này đã động viên tôi. Lần đầu tiênảm thấy như được tiếp thêm nghị lực và hy vọng kể từ sau cuộc tuyển cử. Tôi đã sẵn sàng trở lại cuộc chiến đấu của mình; đặc biệt là vì từ nay, Bill sẽ phải đối phó với một Quốc hội do Đảng Cộng hòa kiểm soát và những nhà lãnh đạo thẳng thắn ở đó. Có lần Eleanor Roosevelt nói: "Nếu tôi cảm thấy phiền muộn, tôi làm việc". Điều này nghe như một lời khuyên tốt cho tôi.

Newt Gingrich đã đưa đến cho tôi một cơ hội hoàn hảo. Người chuẩn bị trở thành lãnh đạo Đảng Cộng hòa ở Hạ viện này rất thích khoe khoang quyền lực chính trị của mình. Khi một cuộc tranh luận không quan trọng bùng nổ từ những nhận xét của ông về cải cách trợ cấp xã hội và cô nhi viện thì dường như ngay lập tức, lối nói khoa trương thiên về phe cánh hữu và sự bốc đồng của ông đã loại ông cùng đảng của ông. Một số người thuộc Đảng Cộng hòa đề nghị rằng đất nước có thể làm giảm các khoản chi phí phúc lợi bằng cách đưa con của những người mẹ đang hưởng trợ cấp phúc lợi vào các cô nhi viện. Ý tưởng này sẽ ngăn các tiểu bang không trả tiền trợ cấp xã hội cho trẻ em thuộc hai nhóm sau: nhóm những trẻ không cha và nhóm trẻ ngoài giá thú của những người mẹ dưới 18 tuổi. Theo lời đề nghị này, những khoản tiết kiệm thu được sẽ được dùng để thành lập và quản lý các cô nhi viện và "những mái nhà tình thương" cho những người mẹ đơn thân.

Tôi nghĩ đây là một ý tưởng thật khủng khiếp. Tất cả những kinh nghiệm tôi có về trẻ em đã cho tôi thấy rằng được ở cùng với gia đình hầu như bao giờ cũng là điều tốt nhất cho trẻ; rằng đói nghèo không phải là nguyên nhân của việc nuôi dạy con cái không tốt; rằng đối với các gia đình đặc biệt khó khăn,

kể cả những gia đình nghèo khó thì sự hỗ trợ về tài chính và xã hội nên là bước tiến hành đầu tiên trước khi chúng ta bỏ mặc họ và mang những đứa trẻ ra khỏi nhà. Chỉ khi trẻ lâm vào tình trạng nguy hiểm do bị ngược đãi và bị bỏ rơi thì chính phủ mới nên can thiệp vì quyền lợi của trẻ và đưa các em đến những môi trường sống khác ngoài gia đình.

Trong bài diễn văn trước Chương trình Nghị sự của Phụ nữ New York vào ngày 30 tháng 11 năm 1994, tôi đã chỉ trích Gingrich và nhóm người Đảng Cộng hòa của ông ta về việc đẩy mạnh việc lập pháp nhằm trừng phạt trẻ em vì những hoàn cảnh nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng. Tôi nói rằng những nhận xét của ông ấy về cô nhi viện là lố bịch và không thể tin được. Tôi nghĩ thật hài hước làm sao: trong cuộc vận động tranh cử năm 1992, Đảng Cộng hòa đã chụp cho tôi cái mũ "chống lại các giá trị gia đình” bởi vì tôi đã ủng hộ việc tách những đứa trẻ bị ngược đãi và bị bỏ rơi rời xa những người bố, người mẹ không thể và sẽ không chăm sóc chúng. Bây giờ, Đảng Cộng hòa đang đề xuất rằng cần phải tách rời những đứa trẻ ra khỏi bố mẹ chúng chỉ đơn giản là do chúng được sinh ra ngoài giá thú hoặc vì mẹ của chúng quá nghèo.

Vài ngày sau, trong chương trình Meet the Press, Gingrich xuất hiện trên Đài Truyền hình NBC và vòng vo: "Tôi đã yêu cầu bà ấy đến Blockbuster và mướn phim Mickey Rooney nói về "Thành phố của những cậu bé” (thực ra là một cô nhi viện)... Tôi không hiểu những người theo chủ nghĩa tự do là những người sống trong những nơi trú ẩn an toàn, cũng là những người đã nói, “Ồ, đây có lẽ là điều kinh khủng. Hãy nhìn vào cái gia đình tan vỡ của Norman Rockwell...”. Tôi đã trả lời Gingrich bằng một bài báo dài trên tờ Newsweek. Kết luận của tôi là: "Trong trường hợp xấu nhất thì đây là sự can thiệp lớn của chính phủ vào cuộc sống của các công dân".

Bài báo đăng trên Newsweek đã hạn chế cuộc tranh cãi về các cô nhi viện, nhưng bầu không khí trở nên xa lạ hơn sau khi mẹ của Gingrich, vì cho rằng không phải là mình đang phát biểu chính thức, nên đã kể với Connie Chung trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình rằng Gingrich thường xuyên gọi tôi là “bitch” (chó cái).

Tôi quyết định lờ đi hàng loạt những điều ầm ĩ gần đây nhất và thử một chiến thuật khác với Gingrich: tôi gửi cho ông ta một thư viết tay mời ông và gia đình đến thăm Nhà Trắng. Vài tuần lễ sau đó, Gingrich cùng bà vợ lúc đó của ông ta là Marianne, chị ông là Susan và mẹ ông đi với tôi tham quan Nhà Trắng. Sau cùng, cuộc viếng thăm không có gì đáng nhớ ngoài một cuộc trao đổi ngắn trong khi chúng tôi dùng trà trong Phòng Đỏ. Nhìn quanh những đồ

đạc đã nhuốm màu thời gian, Gingrich bắt đầu "phán" về lịch sử nước Mỹ. Vợ ông sớm ngắt lời ông. Bà Marianne nói: "Phu nhân biết đó, ông ấy cứ nói mãi nói mãi cho dù có biết hay không biết mình đang nói về chuyện gì". Nhưng mẹ ông nhanh chóng bảo vệ con mình. Bà nói: "Newty là một sử gia mà. Nó luôn biết là nó đang nói điều gì".

Về một phương diện nào đó, cuộc tranh luận ầm ĩ sau cuộc tuyển cử rất có ích đối với tôi bởi vì nó đã làm cho hoạt động của tôi sắc bén hơn, tích cực hơn để đáp lại những lời công kích của phái cánh hữu. Tôi nhận ra tôi cần kể lại câu chuyện của riêng mình và định rõ những giá trị của bản thân theo một khuôn khổ nhất định để quần chúng có thể đánh giá trực tiếp mà không bị bóp méo hoặc bị miêu tả sai lệch. Việc viết bài báo trên tờ Newsweek khiến cho tôi nhận ra khả năng tiềm tàng trong tiếng nói của mình. Tôi bắt đầu suy nghĩ về những dự định đầy tham vọng là viết báo về các dự án, để trình bày quan điểm của tôi về nhu cầu tự lực và hệ thống trợ cấp xã hội nhằm cải thiện cuộc sống của người dân. Tôi muốn viết một cuốn sách về nuôi dạy con cái trong thế giới hôm nay và muốn khuyến khích mọi người bằng ý tưởng rằng "Cả xã hội phải hợp lực vào việc nuôi dạy con trẻ", theo trích dẫn từ một câu ngạn ngữ chưa từng viết sách, nhưng tôi nhanh chóng làm quen với những người đã viết sách và nhờ họ hướng dẫn cho tôi.

Tại một trong những buổi Renaissance Weekends, Bill và tôi đã gặp nhà văn Mananne Williamson - một tác giả có sách bán rất chạy và bà đề nghị chúng tôi cùng với một nhóm không tham gia vào các vấn đề chính trị, thảo luận về những mục tiêu trong hai năm cuối nhiệm kỳ của Bill. Điều đó đã gợi đúng vào mong muốn của tôi, và chúng tôi mời bà tham dự cuộc họp tại Trại David tổ chức vào ngày 30 và 31 tháng 12.

Danh sách khách mời của Williamson gồm có: Tony Robbins tác giả cuốn sách Awaken the Giant Within, một cuốn sách bán chạy nhất trong nước, và Stephen R. Covey - tác giả cuốn 7 Habits of Highly Effective People rất nổi tiếng. Nếu như hàng triệu người Mỹ đang lắng nghe lời khuyên của họ, thì tôi nghĩ rằng việc mình lắng nghe điều họ nói sẽ rất hữu ích. Williamson cũng mời Mary Catherine Bateson và Jean Houston. Vừa là giáo sư, tác giả, nhà nhân chủng học, và còn là con gái của hai nhà nhân chủng học có ảnh hưởng rất sâu rộng là Gregory Bateson và Margaret Mead, Catherine Bateson cũng là một chuyên gia về ngành Nhân chủng học văn hóa và những vấn đề về giới tính. Tôi đã rất hâm mộ cuốn Composing a Life viết năm 1989. Cuốn sách miêu tả cách thức phụ nữ xây dựng cuộc sống của mình bằng cách kết hợp những yếu tố trong cuộc sống hằng ngày sao cho hiệu quả nhất đối với họ. Việc chọn lựa không còn bị chi phối bởi những quy ước xác

định vai trò của người phụ nữ theo truyền thống nữa. Chúng tôi không chỉ có thế, mà còn phải có trí tưởng tượng và ứng biến khi chúng tôi muốn tiếp tục theo đuổi chí hướng của mình, phải tận dụng những tài năng và những cơ hội hiếm hoi, đồng thời đối phó với những biến đổi không lường trước được trên con đường của mình.

Tôi nhận thấy mình bị cuốn hút vào những giờ đàm đạo với Mary Catherine và Jean Houston - một nhà văn và là một diễn giả về lịch sử phụ nữ, huyền thoại học và văn hóa bả địa. Trong khi Mary là một viện sĩ có giọng nói nhẹ nhàng, thích áo len đan tay và những đôi giày chắc bền thì Jean mặc trên người cái áo choàng không tay cùng áo cap-tan của Thổ Nhĩ Kỳ có màu sáng và nổi bật trong phòng với tài dí dỏm nhạy bén và sự nổi trội. Bà là cuốn bách khoa toàn thư di động, có thể đọc thuộc lòng liền một mạch những bài thơ, đoạn văn trong những tuyệt tác văn học, cả những sự kiện lịch sử, và các dữ liệu khoa học. Bà cũng là người tìm ra những câu đùa, những trò chơi chữ hay và sẵn sàng chia sẻ với bất kỳ ai đang cần tiếng cười ý nghĩa.

Jean Houston và Mary Catherine là những chuyên gia về hai chủ đề rất quan trọng với tôi. Cả hai đều đã viết rất nhiều sách, và tôi cần sự giúp đỡ cũng như lời khuyên từ những tác giả giàu kinh nghiệm như họ. Tôi cũng đã được Bộ Ngoại giao yêu cầu đại diện cho nước Mỹ trong chuyến đi đến năm nước ở Nam Á. Chuyến đi này sẽ là bước ngoặt đối với tôi, và tôi nóng lòng lao vào chuẩn bị. Jean và Mary đã đi khắp những vùng này, vì vậy tôi đề nghị họ chia sẻ những ấn tượng của mình với tôi và nhân viên của tôi trước khi tôi đi đến Nam Á vào tháng Ba và lại tham vấn họ một lần nữa sau khi chúng tôi trở về.

Lâu nay tôi đã không khai thác tác dụng của danh xưng Đệ nhất Phu nhân vì tôi thích tập trung vào những chính sách và hoạt động cụ thể. Tôi không thích cách thức mà những biểu tượng có thể bị khai thác và bị sử dụng sai lệch; tôi luôn tin rằng nên đánh giá con người trên cơ sở những hành động và kết quả mà họ làm được, chứ không chỉ dựa trên những điều họ nói và tuyên bố là đại diện cho những điều đó. Đệ nhất Phu nhân chỉ là chiếc bóng của Tổng thống, quyền lực của bà là phụ thuộc chứ không độc lập với quyền lực của Tổng thống. Điều này phần nào đã giải thích việc thỉnh thoảng tôi cảm thấy khó xử trong vai trò của một Đệ nhất Phu nhân. Từ khi còn nhỏ, tôi đã làm việc để trở thành con người của chính tôi và đ duy trì sự độc lập của mình. Tôi yêu chồng tôi nhiều như tình yêu dành cho đất nước, vì vậy việc điều chỉnh để trở thành người đại diện chính thức không dễ đối với tôi. Mary Catherine và Jean đã giúp tôi hiểu rõ hơn rằng thật sự vai trò của Đệ nhất Phu nhân chỉ là mang tính tượng trưng và rằng tốt hơn tôi nên tìm hiểu cách

làm thế nào để thực hiện vai trò này tốt nhất ở trong nước cũng như trên phạm vi toàn thế giới.

Mary Catherine tranh luận rằng những hoạt động mang tính tượng trưng là chính đáng và rằng "Chủ nghĩa tượng trưng có thể mang lại hiệu quả". Ví dụ, bà tin rằng chỉ bằng chuyến viếng thăm Nam Á với tư cách là Đệ nhất Phu nhân cùng với Chelsca sẽ gởi một thông điệp về tầm quan trọng của việc có con gái. Việc ghé thăm những phụ nữ vùng quê nghèo khó sẽ nêu bật tầm quan trọng của họ. Tôi hiểu quan điểm của bà và mau chóng thay đổi quan điểm của mình, rằng tôi có thể thúc đẩy chương trình nghị sự của Clinton thông qua hoạt động mang tính tượng trưng.

Tình bạn của tôi với Jean được tiết lộ một năm sau đó trong cuốn sách của Bob Woodward, The Choice viết về những chiến dịch vận động chính trị năm 1996. Woodward đã quá cường điệu khi gọi Jean là "cố vấn tinh thần" của tôi và mô tả những bài luyện tập về lời ăn tiếng nói mà bà ấy đã giới thiệu cho tôi cùng các nhân viên như là một cách để giúp chúng tôi tìm ra những cách thức suy nghĩ mới về công việc của mình. Ông ấy rất thích kể về những lúc Jean yêu cầu tôi tưởng tượng về cuộc đàm đạo với Phu nhân Eleanor Roosevelt. Bởi vì tôi thường viện dẫn bà Eleanor trong các bài diễn văn của mình và thậm chí đề cập đến những cuộc đàm đạo tưởng tượng với bà ấy để có sự lưu tâm, tôi không gặp bất kỳ khó khăn nào khi đáp ứng đề nghị của Jean, và không bao giờ tôi mong đợi điều đó sẽ sinh ra bất kỳ lợi ích nào. Nhưng có một đoạn trong cuốn sách của Woodward viết về việc luyện tập được trích đăng trên trang47;u tiên của tờ The Washington Post lại viết như thể đó là một lời tố cáo.

Tối hôm đó, Jim và Diane Blair cùng ăn tối với chúng tôi ở Truman Balcony. Như thường lệ, Jim tỉnh bơ nói: "Này, Hill, sau lần làm việc với Eleanor này, tôi đoán bà không phải lo lắng về vụ xì-căng-đan Whitewater nữa".

"Ý ông là sao?"

"À, nếu bây giờ họ cứ bám theo thì bà có thể giả vờ bị khủng hoảng tinh thần."

Một ngày sau khi bài báo đăng trên tờ The Washington Post tôi có mặt tại cuộc hội nghị về gia đình hàng năm do Al và Tipper Gore đăng cai tổ chức tại Tennessee. Tôi vừa nói vừa phá lên cười và vỗ tay tán thưởng: “Ngay trước khi tôi đến đây, tôi đã có một cuộc đàm đạo với Phu nhân Eleanor

Roosevelt. Và bà ấy cho rằng đây cũng là một ý tưởng tuyệt vời!".

Tự chế nhạo mình là một công cụ quan trọng và thích hợp hơn là việc chọn giải pháp quay về phòng thủ - mặc dù thỉnh thoảng đó cũng là một điều cám dỗ trong suốt những tháng sau khi Đảng Dân chủ mất quyền kiểm soát Thượng và Hạ viện.

Bill và tôi biết rằng Quốc hội do Đảng Cộng hòa nắm sẽ dành ít nhất hai năm nữa cho việc điều tra vụ Whitewater và kết quả bầu cử có vẻ như làm Kenneth Starr trở nên hăng hái. Cuối tháng 11, Webb Hubbell sa lưới Starr. Webb đã xin từ chức ở Bộ Tư pháp trước đó vào tháng 3, mà theo như ông nói, là để tránh bất kỳ cuộc tranh cãi nào trong khi ông đấu tranh chống lại luận điệu cho rằng ông đã lừa đảo trong việc thanh toán cho khách hàng tại Hãng Luật Rose. Webb không bao giờ để lộ bất kỳ chứng cứ nào có thể hỗ trợ cho việc buộc tội ông ấy. Thậm chí khi đến Trại David chơi golf với Bill vào mùa hè năm trước, ông ấy còn đảm bảo với chúng tôi rằng ông ấy vô

Nhưng vào lễ Tạ ơn năm 1994, chúng tôi đang ở Trại David thì tôi nghe được bài tường thuật trên radio rằng Webb Hubbell và Jim Guy Tucker, Thống đốc bang Arkansas và cũng là người kế nhiệm Bill, sắp bị truy tố. Bây giờ thì tôi đã quen với những bài tường thuật không chính xác của giới báo chí. Mặc dù cảm thấy buồn vì thông tin này nhưng tôi vẫn cho là nó không đúng. Tôi cũng biết rằng, cho dù có căn cứ hay không, tin này sẽ lan rất nhanh, và rằng Webb hay luật sư của ông ấy phải có phản ứng ngay tức khắc. Tôi và Bill đã gọi cho Webb tại nhà, khi đó ông đang bận nướng gà tây. Sau khi chúc ông ấy một lễ Tạ ơn vui vẻ, Bill trao điện thoại cho tôi.

Tôi nói với Webb rằng tôi mới nghe tin tức về những lời kết tội sắp xảy ra cho ông. Tôi bảo rằng: "Ông phải bác bỏ tin tức này ngay đi. Ông không thể để thông tin sai sự thật này lan ra ngoài như thế. Thật kinh khủng".

Webb trả lời rằng ông không nhận được lá thư nào của bên nguyên thông báo cho ông biết rằng ông là đối tượng có khả năng bị khởi tố hình sự. Sau đó, ông nhanh chóng chuyển đề tài, nói về người sắp đến dự bữa cơm tối với gia đình và những món ăn mà ông ấy cùng vợ là Suzy đang nấu nướng. Tôi lấy làm bực mình vì dường như ông ấy quá thờ ơ. Webb cũng không cho rằng bài tường thuật ấy là nghiêm trọng. Tôi nghĩ ông ấy không muốn để thông tin đó làm mình khó chịu. Cuộc gọi điện thoại vào lễ Tạ ơn hôm ấy là lần cuối cùng Bill và tòi nói chuyện với Webb. Trong tập hồi ký của mình, tên là Friends in High Places, Webb giải thích rằng luật sư của ông đã nhận được lá thư của tòa án vào ngày trước cuộc điện thoại của chúng tôi nhưng

đã quyết định đợi cho đến sau lễ Tạ ơn mới nói cho Webb biết. Ông cũng thừa nhận rằng những lời buộc tội ông là đúng sự thật và rằng ông đã cố gắng vô ích khi đánh cắp của hãng luật nhằm thoát khỏi khoản nợ chồng chất mà ôngã giấu gia đình và bạn bè.

Ngày 6 tháng 12 năm 1994, văn phòng của Starr thông báo rằng Hubbell nhận tội gian lận thư tín và trốn thuế. Hubben thú nhận rằng từ giữa năm 1989 và 1992, ông ấy đã nộp hơn bốn trăm hóa đơn thanh toán bác sĩ để gian lận thuế, lừa đảo khách hàng và các đối tác của mình tại Hãng Luật Rose với tổng số tiền ít nhất là 394.000 đô la.

Tôi bị sốc. Webb là một đồng nghiệp được tin cậy và tôi rất ngưỡng mộ ông ấy như là một nhà lãnh đạo thành phố ở Arkansas. Ông ấy là một người bạn thân. Tôi đã dành rất nhiều thời gian ở hãng luật của ông ấy. Ý nghĩ rằng ông ấy lừa đảo và đánh lừa những người thân nhất làm tôi buồn vô cùng. Sự thương lượng về lời biện hộ của ông ấy báo hiệu một cuộc leo thang mới trong trận chiến Whitewater. Thật khó mà đón nhận điều đó.

Trong suốt lễ Giáng sinh, tôi nhận được hai món quà giống hệt nhau. Anne Bartley - một người bạn và cũng là một người có lòng bác ái ở Arkansas, làm tình nguyện viên ở Nhà Trắng; và Eileen Bakke - người mà tôi đã quen biết trong những buổi Renaissance Weekend cùng nhóm bạn giáo hữu của tôi, mỗi người tặng tôi một quyển The Return of the Prodigal Son của Henri Nouwen - một linh mục người Hà Lan. Nouwen nghiên cứu những lời răn của Chúa Jesus kể về người em trai đã từ bỏ cha và anh mình để dấn thân vào cuộc đời đi hoang. Cuối cùng, khi quay trở về nhà, cậu nhận được cùng lúc sự chào đón của người cha và sự phẫn nộ của người anh. Trong trạng thái căng thẳng của những năm 1993 và 1994, tôi đã đọc Kinh Thánh và những cuốn sách khác viết về tôn giáo và tâm linh. Gia đình tôi đều đặn đi Nhà thờ Hội Giám lý Foundry ở khu thương mại Washington và tôi đã rút ra được nhiều điều bổ ích từ nhưng bài thuyết giáo cũng như từ sự giúp đỡ mà giáo đoàn và vị mục sư cao cấp của giáo đoàn là Mục sư Tiến sĩ Phil Wogaman dành cho tôi. Nhóm bạn giáo hữu của tôi tiếp tụầu nguyện cho tôi, như đã làm với vô số người khác trên khắp thế giới. Điều đó cũng giúp ích rất nhiều. Nhưng có một cụm từ đơn giản trong cuốn sách của Nouwen gây ấn tượng như một nghi thức: "Lời răn về lòng biết ơn". Tôi có nhiều điều phải biết ơn, cho dù giữa lúc thất bại trong các cuộc bầu cử, thất bại trong nỗ lực cải cách hệ thống chăm sóc y tế, các đợt công kích mang tính chất đảng phái và các đợt khởi tố, cùng với cái chết của những người mà tôi yêu mến. Tôi phải tự nhắc nhở bản thân mình rằng tôi đã được may mắn như thế nào.

NỖI NIỀM IM LẶNG

Vào một buổi chiều lạnh lẽo cuối tháng Ba năm 1995, tôi thực hiện chuyến công du dài ngày đầu tiên ra nước ngoài mà không có Tổng thống đi cùng. Bốn mươi mốt hành khách ngồi kín trên một chiếc máy bay phản lực loại cũ của chính phủ, cất cánh từ Căn cứ Không quân Andrews, thực hiện chuyến đi dài 12 ngày thăm chính thức năm quốc gia ở Nam Á. Tháp tùng theo tôi có nhân viên Nhà Trắng, các phụ tá Bộ Ngoại giao, báo đài, các nhân viên An ninh, Jan Piercy - bạn tôi ở Wellesley và là Giám đốc Điều hành Ngân hàng Thế giới ở Mỹ - và hơn hết là Chelsea. May mắn là chuyến đi trùng với kỳ nghỉ xuân ở trường của con bé. Nó chỉ mới 15 tuổi và đã ra dáng một thiếu nữ chín chự tin. Tôi muốn chia sẻ một vài trong số những chuyến phiêu lưu thời thơ ấu của con bé và muốn chứng kiến phản ứng của nó với thế giới đặc biệt mà chúng tôi sắp đến, nhìn ngắm thế giới ấy qua đôi mắt của con bé cũng như của chính tôi.

Sau chuyến bay dài 17 tiếng, chúng tôi hạ cánh ở Islamabad, Pakistan, vào một đêm khuya mưa to gió lớn. Nhân viên Bộ Ngoại Giao đã đề nghị tôi thăm tiểu lục địa nhằm nhấn mạnh cam kết của chính phủ đối với khu vực này, bởi vì cả Tổng thống lẫn Phó Tổng thống đều không thể sớm đến đây. Chuyến viếng thăm của tôi mang ý nghĩa chứng minh rằng phần thế giới bất ổn định và mang tính chiến lược này quan trọng đối với nước Mỹ, và cũng để đảm bảo cho các nhà lãnh đạo ở khắp Nam Á rằng Bill ủng hộ nỗ lực của họ trong việc tăng cường nền dân chủ, mở rộng thị trường tự do, thúc đẩy tự do và nhân quyền, kể cả những quyền của phụ nữ. Sự hiện diện của tôi hôm nay tại khu vực này được xem như là dấu hiệu của sự quan tâm và là lời cam kết.

Mặc dù chúng tôi chỉ lưu lại mỗi nước trong thời gian ngắn, nhưng tôi vẫn muốn gặp gỡ càng nhiều phụ nữ càng tốt để nhấn mạnh mối tương quan giữa tiến bộ của nữ giới với tình hình kinh tế xã hội của một quốc gia. Nhưng vấn đề về phát triển đã thu hút tôi ngay từ những năm tháng tôi cùng với Bill làm đại diện cho người nghèo, cho các cộng đồng nông thôn ở Arkansas, nhưng đây là lần tiếp xúc nghiêm túc đầu tiên của tôi với thế giới của các nước đang phát triển. Tôi đã chuẩn bị từ đầu tháng Ba, khi tôi đến Copenhagen, Đan Mạch, để đại diện cho nước Mỹ tại Cuộc họp Thượng đỉnh Thế giới Liên hiệp quốc về Phát triển Xã hội. Hội nghị này đã nhấn mạnh niềm tin của tôi rằng các cá nhân và các cộng đồng trên toàn thế giới đã liên kết với nhau nhiều hơn và phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn bất kỳ thời điểm nào trong lịch sử nhân lo rằng nước Mỹ sẽ bị tác động bởi sự đói nghèo, bệnh tật và sự

phát triển của nhân dân các nước cách xa gần nửa địa cầu.

Người Trung Quốc có một câu nói từ xa xưa, rằng phụ nữ nắm giữ một nửa bầu trời, nhưng hầu hết trên khắp thế giới, phụ nữ thực sự nắm hơn một nửa. Phụ nữ có phần lớn trách nhiệm đối với sự thịnh vượng của gia đình họ. Tuy nhiên công việc của họ thường không được nền kinh tế chính thống công nhận và cũng không được gia đình họ đánh giá cao. Có thể nhìn thấy rõ ràng nhưng bất công này ở Nam Á, nơi có hơn nửa tỉ người sống trong cảnh vô cùng nghèo nàn - phần đông là phụ nữ và trẻ em. Những phụ nữ nghèo bị áp bức và phân biệt đối xử, không được tiếp cận hệ thống giáo dục và chăm sóc y tế và là nạn nhân của nền văn hóa phong kiến. Luật pháp thường làm ngơ cho những tội đánh đập vợ, đốt cô dâu (vì có quá ít của hồi môn - ND), giết trẻ sơ sinh gái. Trong một số cộng đồng, phụ nữ bị cưỡng bức lại có thể bị tống giam vì tội ngoại tình. Mặc dù người phụ nữ phải chịu đựng những thành kiến truyền thống như vậy nhưng vẫn có những dấu hiệu thay đổi xuyên suốt tiểu lục địa Ấn Độ, tại những trường dạy dỗ những em gái và trong các chương trình cho vay vốn làm ăn nhỏ mà nhờ đó, phụ nữ có cơ hội tiếp cận được các khoản tín dụng, giúp họ có thể tự kiếm sống.

Chính phủ Mỹ đã hỗ trợ nhiều dự án thành công nhưng đa số các chính khách mới của Đảng Cộng hòa tại Thượng nghị viện và Hạ nghị viện cứ chăm chăm đòi cắt giảm phần lớn viện trợ nước ngoài vốn chỉ chiếm dưới 1% ngân sách liên bang. Từ lâu, tôi đã ủng hộ Cơ quan về Phát triển Quốc tế của Mỹ - USAID - và hy vọng sử dụng thế mạnh của các phương tiện truyền thông đi cùng theo Đệ nhất Phu nhân để chứng minh ảnh hưởng hữu hình của các chương trình do Mỹ tài trợ ở các nước đang phát triển. Việc cắt giảm viện trợ này chẳng những gây khó khăn cho tình cảnh vốn đã khốn cùng của phụ nữ mà còn mâu thuẫn với các chiến lược đã chứng tỏ là có lợi cho những nước nghèo cũng như cho nước Mỹ. Nếu phụ nữ và trẻ em phải gánh chịu những thiệt thòi và nền kinh tế của nước họ bị đình đốn trì trệ, thì cuối cùng sẽ làm yếu đi các thị trường tiềm năng của các sản phẩm Mỹ. Và khi phụ nữ trở thành nạn nhân, sự ổn định của các gia đình, cộng đồng và quốc gia bị xói mòn; điều này sẽ hủy hoại triển vọng về nền dân chủ và sự thịnh vượng toàn cầu.

Bạo lực và sự bất ổn định bao phủ khắp những đất nước mà tôi dự kiến đến thăm. Chỉ ba tuần trước khi chúng tôi đến Pakistan, những người Hồi giáo quá khích đã phục kích và giết chết hai người trên chiếc xe tải chở những nhân viên lãnh sự quán Mỹ ở Karachi. Và Ramzi Yousef - một trong những kẻ chủ mưu chính trong vụ đánh bom Trung tâm Thương mại Thế giới năm 1993 đã bị bắt tại Pakistan và bị dẫn độ về Mỹ để xét xử.

Cơ quan An ninh lo lắng và có lẽ muốn tôi giới hạn chuyến đi - chỉ tới những cơ quan chính phủ và những khu nghỉ biệt lập. Họ đã rất ngạc nhiên về việc Bộ Ngoại giao Mỹ muốn đưa tôi đến những điểm nóng trên thế giới - những nơi đang xảy ra các cuộc xung đột khiến cho việc bảo đảm an ninh cho những cuộc viếng thăm của Tổng thống hoặc Phó Tổng thống trở nên khó khăn. Mục đích của chuyến đi thăm của tôi là gặp gỡ cả phụ nữ nông thôn lẫn thành thị. Tôi đã loại bỏ những lịch trình không cần thiết và vào những ngôi làng có nhiều người đang sinh sống. Các nhóm tiền trạm và các Chuyên gia an ninh đã lập kế hoạch rất cẩn thận cho những điểm dừng chân và tôi đau lòng nhận ra rằng các nước chủ nhà và các đại sứ quán của chúng tôi đã phải khó khăn vất vả đến thế nào khi thu xếp những chuyến đi không theo lịch trình như vậy. Những nỗ lực của họ vì tôi khiến cho tôi cảm thấy mình c nhiều hơn, phải làm cho chuyến đi của mình đạt được càng nhiều kết quả càng tốt.

Khi mặt trời mọc trên Đồi Margalla, lần đầu tiên tôi nhìn thấy Islamabad. Một thành phố với những đại lộ rộng rãi được quy hoạch giữa sự bao bọc của những ngọn núi thấp xanh xanh. Có thể nói nơi đây là một điển hình của những thủ phủ vươn mình mạnh mẽ sau khi giành được độc lập. Đó là sự kết hợp của một quần thể kiến trúc hiện đại vào những năm giữa thế kỷ này với những dự án tái trồng rừng, được xây dựng trên mảnh đất trung lập với sự quan tâm chu đáo và trợ giúp của nước ngoài. Thoạt đầu, tôi không cảm nhận được rằng tôi đã ở trên mảnh đất vùng Nam Á. Nhưng ý nghĩ đó tan biến đi ngay khi tôi đến thăm xã giao bà Begum Nasreen Leghari, Phu nhân Tổng thống Pakistan - Farooq Ahmad Khan Leghari.

Phu nhân Leghari trang phục thanh lịch, nói tiếng Anh rất tuyệt vời với âm sắc nhẹ nhàng của người Anh. Phu nhân đã phải sống trong điều kiện biệt lập nghiêm ngặt, gọi là "purdah" - tập tục che mạng - một tập tục mà người phụ nữ không được để lộ khuôn mặt trước bất kỳ nam giới nào ngoài những người trong gia đình. Phu nhân phải che mạng kín hoàn toàn vào những dịp hiếm hoi được rời khỏi nhà. Phu nhân cũng không tham dự lễ nhậm chức của chồng mà chỉ xem buổi lễ được phát sóng trên truyền hình. Khi Phu nhân mời tôi đến thăm gia đình ở tầng hai trong dinh tổng thống, tôi chỉ có thể được tháp tùng bởi các nữ phụ tá và nữ nhân viên Cơ quan An ninh.

Phu nhân Leghari liên tiếp hỏi tôi về nước Mỹ. Tôi cũng thật sự hiếu kỳ về cuộc sống của Phu nhân và hỏi liệu chừng Phu nhân có muốn có sự thay đổi cho thế hệ phụ nữ kế tiếp trong gia đình Phu nhân hay không. Tôi biết rằng ái nữ của Phu nhân mới kết hôn có tên trong danh sách khách mời vào buổi đại tiệc ở Lahore mà tôi sẽ tham dự vào tối hôm sau. Tôi cũng đã Phu nhân

về điều mâu thuẫn này. Phu nhân đã đáp lời: "Đó là sự chọn lựa của chồng con bé. Nó không còn thuộc gia đình chúng tôi nữa. Vì vậy nó phải làm theo những gì chồng nó chọn lựa". Phu nhân chấp nhận tình trạng và lối sống cởi mở hơn của ái nữ bởi vì con rể của bà muốn vợ mình sống như vậy. Tuy nhiên, con trai của Phu nhân đã chọn cách truyền thống đối với người vợ của mình như Tổng thống đã chọn.

Những điều tương phản ở Pakistan trở nên rõ ràng hơn ở một sự kiện khác. Đó là khi tôi được vinh dự mời dự chiêu đãi vào buổi trưa với nữ Thủ tướng Benazir Bhutto trong một buổi tiệc có nhiều phụ nữ thành đạt. Điều này dường như là sự thay đổi nhanh chóng qua nhiều thế kỷ. Trong số những phụ nữ này có những viện sĩ, những nhà hoạt động, một phi công, một ca sĩ, một giám đốc ngân hàng và một Phó chánh thanh tra cảnh sát. Họ là những người có hoài bão, nghề nghiệp và dĩ nhiên tất cả chúng tôi đều là những người khách của nhà lãnh đạo nữ được bầu chọn của Pakistan.

Benazir Bhutto đang ở tuổi tứ tuần, là một phụ nữ xuất sắc và năng động, được sinh ra trong một gia đình lỗi lạc. Bà đã tốt nghiệp các Trường Đại học danh tiếng như Harvard, Oxford. Thân phụ của bà, Ngài Zulfikar Ali Bhutto, là Thủ tướng thuộc Đảng Dân túy suốt nhưng năm 1970 ở Pakistan. Ngài đã bị truất phế trong một cuộc đảo chính quân đội và bị xử treo cổ. Sau cái chết của cha, Benazir Bhutto đã trải qua nhiều năm bị quản thúc tại gia. Vào cuối thập niên 1980, bà đã nổi bật lên với tư cách là người đứng đầu đảng phái chính trị trước đây của cha mình. Bà Bhutto là nhân vật danh tiếng duy nhất mà tôi ngưỡng mộ khi tôi đứng lẫn trong công chúng và nhìn bà qua hàng rào bảo vệ. Đó là dịp tôi và Chelsea đang tản bộ quanh Luân Đôn trong kỳ nghỉ hè năm 1989. Khi chúng tôi nhìn thấy một đám đông tập trung bên ngoài Khách sạn Ritz, tôi đã hỏi mọi người đang chờ đợi điều gì. Họ đã trả lời là bà Bhutto lưu khách sạn này và bà sắp đến. Tôi và Chelsea chờ cho đến khi đoàn xe hộ tống chạy tới. Chúng tôi ngắm nhìn bà Bhutto với khăn quấn màu vàng, bước ra khỏi chiếc limousine và lướt nhanh vào tiền sảnh khách sạn. Bà thật là duyên dáng, điềm tĩnh và hăng hái.

Năm 1990, Chính phủ của bà đã bị giải tán vì có liên quan đến tham nhũng nhưng Đảng của bà lại chiến thắng trong cuộc tuyển cử vào năm 1993. Pakistan đã liên tiếp gặp khó khăn do sự gia tăng bạo lực và tình trạng vô trật tự, đặc biệt là ở Karachi. Luật pháp và trật tự trở nên suy đồi do tỉ lệ các vụ án mạng giữa các giáo phái và sắc tộc gia tăng. Cũng có nhưng tin đồn lan rộng về sự tham nhũng có liên quan đến những người ủng hộ bà và Asif Zardari, chồng của bà.

Trong buổi tiệc trưa chiêu đãi tôi, Benazir dẫn dắt cuộc thảo luận về những vai trò đang thay đổi của phụ nữ ở đất nước bà và bà đã kể một câu chuyện đùa về địa vị chính trị của chồng mình. Bà nói: "Theo giới truyền thông Pakistan, Ngài Asif Zardari là Thủ tướng không chính thức của đất nước. Nhưng chồng tôi nói với tôi rằng chỉ có Đệ nhất Phu nhân mới hiểu rõ điều đó là không đúng".

Bà Bhutto công nhận những khó khăn của những người phụ nữ đang phá vỡ tập tục truyền thống và đang giữ vai trò lãnh đạo trước công chúng. Bà khéo léo đề cập đến những thử thách cho cả hai chúng tôi - với tôi là nhiệm kỳ ở Nhà Trắng và với bà là tình hình hiện thời. Bà kết luận rằng: "Những người phụ nữ tranh đấu bền bỉ và buộc mình vào lĩnh vực mới thường có kết quả là bị phớt lờ."

Khi họp riêng với Thủ tướng, chúng tôi nói chuyện về cuộc viếng thăm Washington sắp tới của bà vào tháng Tư. Tôi cũng dành thời gian tiếp chuyện với chồng và các con của bà. Bởi vì tôi nghe rằng cuộc hôn nhân của bà và chồng bà là được sắp đặt nên tôi nhận thấy có sự tác động lẫn nhau rất thú vị. Họ nói đùa với nhau khá dễ dàng và dường như thật sự có ảnh hưởng lẫn nhau. Chỉ vài tháng sau chuyến đi của tôi, việc cáo buộc vợ chồng bà tham nhũng trở nên gay gắt hơn. Vào tháng Tám năm 1996, bà Bhutto đưa chồng mình vào nội các. Ngày 5 tháng 11 năm 1996, bà bị lật đổ với lý do rằng chồng bà đã lợi dụng chức vụ của mình để làm giàu cá nhân. Ông bị buộc tội tham nhũng và bị tù. Bà và các con bị đe dọa bắt giam phải từ bỏ đất nước và không thể quay về quê hương.

Tôi không có cách nào để biết liệu những lời buộc tội chống lại vợ chồng bà Bhutto là có cơ sở hay không. Nhưng tôi biết rằng suốt trong thời gian ngắn ở đó, tôi đã bị kéo vào thế giới của những sự tương phản khó hiểu. Nasreen Leghari và Benazir Bhutto cùng xuất thân từ một nền văn hóa. Nhưng Tổng thống Leghari muốn phu nhân của mình theo phong tục đeo mạng che mặt trong khi Ali Bhutto lại gửi ái nữ của mình đến Đại học Harvard. Ở Pakistan, Ấn Độ, Bangladesh và Sri Lanka đã có phụ nữ là những quan chức chính phủ được bầu làm Tổng thống, Thủ tướng. Đó cũng là nhưng đất nước mà phụ nữ không được xem trọng; thậm chí những bé gái sơ sinh có thể bị giết chết hoặc bị bỏ rơi.

Tôi muốn biết thế hệ phụ nữ trí thức của Pakistan trong tương lai sẽ trở thành những người có danh phận gì. Ngày hôm sau, tôi và Chelsea đã gặp vài người trong số họ ở Trường Cao đẳng Nữ sinh Islamabad, Trường Phổ thông Trung học Benazir Bhutto. Đa số những mối quan tâm của họ rất gần

gũi với một người mẹ có một đứa con gái đang trưởng thành, rất hiếu kỳ và dám nghĩ dám làm như tôi. Họ lo lắng về cách thức họ có thể làm thay đổi xã hội, và ở đâu thì họ có thể hòa nhập xã hội với tư cách là phụ nữ được giáo dục tốt. Một cô gái nói rằng: "Bạn sẽ không bao giờ tìm thấy một người đàn ông lý tưởng. Bạn sẽ phải thực tế nhiều hơn". Lời nói của cô gái đọng mãi trong tâm trí tôi. Cô gái ấy tuộc về một nền văn hóa mà ở đó hiếm khi phụ nữ được quyền lựa chọn trong hôn nhân. Vì vậy, tuy có những hiểu biết đầy đủ về một xã hội hiện đại, cô vẫn có một sự chọn lựa không chắc chắn như nhiều phụ nữ khác trên thế giới.

Tôi tiếp tục cuộc đối thoại về sự chọn lựa của phụ nữ khi đến thăm Trường Đại học Khoa học Quản trị Lahore. Nơi đây, nhiều phụ nữ đang theo học ngành kinh doanh. Chương trình này một phần được sự hỗ trợ của những người Mỹ gốc Pakistan. Họ là những người hiểu rằng nền kinh tế và mức sống ở Pakistan sẽ không bao giờ tiến bộ nếu phụ nữ không được đến trường và không có vai trò chủ động. Không ai nghi ngờ sự thành công của những người Nam Á đang định cư ở Mỹ. Họ đã làm ăn kinh doanh phát đạt và gặt hái thành tựu cả trong các lĩnh vực khoa học.

Sự thành công của họ trên đất nước chúng tôi đã minh chứng cho tầm quan trọng của một chính phủ trong sạch và hoạt động hiệu quả; minh chứng cho tầm quan trọng của một thị trường tự do, một xã hội ghi nhận giá trị của mỗi cá nhân bao gồm cả nữ giới; minh chứng cho một nền văn hóa bao dung cho tất cả các truyền thống tôn giáo; cho một môi trường không có bạo lực và chiến tranh.

Không một quốc gia nào ở Nam Á đạt được những điều kiện này. Cả nam giới và nữ giới, nhưng người lẽ ra có thể đóng góp cho sự tiến bộ của đất nước họ thì lại đang đóng góp xây dựng đất nước của chúng tôi. Ví dụ, Sri Lanka - là đất nước tôi kết thúc chuyến đi của mình - có tỉ lệ biết đọc biết viết cao ở cả nam cũng như nữ nhưng quốc gia này trước đó đã sống trong khủng bố nhiều năm do sự nổi loạn của nhóm du kích Những Con Hổ Tamil theo đạo Hindu chống lại chính phủ và đa số người dân là người Sinhalese theo đạo Phật. Chiến dịch khủng bố không ngừng đã hủy hoạiềm năng phát triển kinh tế và đầu tư của nước ngoài.

Trước khi chúng tôi rời khỏi thủ đô Islamabad, Chelsea và tôi trân trọng viếng ngôi đền Hồi giáo Faisal được người dân Saudi xây dựng. Ngôi đền được đặt tên của cựu Quốc vương Saudi và là một trong những ngôi đền lớn nhất thế giới. Với những cái tháp cao hơn 9m và vòm mái che hùng vĩ, ngôi đền hiện đại này là một trong số hơn 1.500 ngôi đền do chính phủ và những

cư dân Saudi xây dựng trên cả sáu đại lục. Chúng tôi tháo giày và đi chân trần khắp những phòng nguyện to lớn và những sân được thiết kế để đủ sức chứa đến hàng trăm ngàn tín đồ. Chelsea hỏi người hướng dẫn những câu hỏi sâu sắc vì đã được học ở trường về lịch sử và văn hóa đạo Hồi. Giống như cuốn Thánh Kinh đạo Thiên Chúa, cuốn Kinh Coran cho nhiều lời giảng khác nhau. Hầu hết những lời giảng này đều thúc đẩy sự cùng tồn tại hòa bình giữa những người khác tôn giáo nhưng một số, như Wahhabism, thì không. Wahhabism là một nhánh Saudi bảo thủ cực đoan của đạo Hồi đang chiêu dụ tín đồ trên khắp thế giới. Trong khi tôi tôn trọng giáo lý cơ bản của đạo Hồi thì Wahhabism làm tôi lo lắng bởi vì nó là một hình thức của trào lưu bạo lực đang lan rộng rất nhanh. Trào lưu này hoàn toàn bài trừ phụ nữ ra khỏi xã hội, khuyến khích sự kỳ thị tôn giáo. Và với xu thế cực đoan của nó, chúng ta đã có bài học về Osama bin Laden, với chủ trương khủng bố và bạo động.

Ngày hôm sau tôi đến thăm Đại sứ quán để nói chuyện với các nhân viên Pakistan và Mỹ. Họ là những người bàng hoàng vì vụ thảm sát đồng nghiệp của mình ở Karachi gần đây. Tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn về sự dũng cảm phục vụ đất nước của họ cũng như xác nhận với họ rằng sự phục vụ của họ thật là cao quý và được Tổng thống và hàng triệu công dân Mỹ đánh giá cao, cho dù trong Quốc hội vẫn còn có những ý kiến của những người theo chủ nghĩa biệt lập. Đây không phải là sự đối chứng mong manh đối với những Nghị sĩ Đảng Cộng hòa đã khoác lác rằng họ không có giấy thông hành, chưa bao giờ đi ra khỏi đất nước và đã lập kế hoạch giảm bớt ngân sách của Bộ Ngoại giao. Tôi cũng muốn cám ơn nhân viên Đại sứ quán về tất cả những việc họ đã làm cho chuyến đi của tôi. Theo quan điểm của họ, phần đáng mong chờ nhất trong chuyến viếng thăm của một vị khách VIP là khoảnh khắc chiếc máy bay ngoại giao cất cánh và họ có thể tổ chức một bữa tiệc "xả láng" để tự thưởng công. Tôi đã nói đùa rằng có lẽ tôi chỉ giả vờ ra đi nhưng sau đó sẽ bí mật quay về để chúc mừng họ.

Được bảo vệ an ninh đặc biệt, chúng tôi bay đến Lahore, thủ phủ bang Punjab. Chính phủ Pakistan đã quá lo sợ về một sự cố bất ngờ đến nỗi họ đã bố trí hàng trăm binh lính dọc suốt con đường từ sân bay. Không giống thủ đô Islamabad hiện đại, Lahore là một thành phố cổ xưa với kiến trúc kiểu Mông Cổ rực rỡ. Nhiều con đường bị cấm đi lại và thành phố vốn khá đông đúc trở nên thưa vắng như được giảm bớt dân số. Trên đường đi, chúng tôi nhìn thấy những tấm vải nhiều màu sắc được treo trên dây phơi quần áo để che những căn nhà ổ chuột dọc theo xa lộ. Ở vài chỗ tấm vải bị rơi xuống, chúng tôi nhìn thấy những đứa trẻ gầy ốm và những chú chó trơ xương đang bò quanh các đống rác.

Chúng tôi lái xe về một ngôi làng được xem là tiến bộ, mặc dầu ở đó không có điện, bởi vì ở ngôi làng này có một phòng khám y tế và một ngôi trường dạy cho các bé gái. Phòng khám là một tòa nhà được xây bằng các khối bê tông, nhân sự chỉ có một ít bác sĩ và kỹ thuật viên chịu trách nhiệm chăm sóc sức khỏe cho một khu vực dân cư gồm 150.000 người. Tập thể y bác sĩ thật anh hùng vì họ đã phải nỗ lực hết mình trong tình hình thiếu hụt nhiều nguồn trang thiết bị trọng yếu. Chúng tôi mang đến những tặng phẩm y khoa và nhu yếu phẩm như đã cố gắng làm ở bất kỳ nơi nào chúng tôi ghé thăm. Hầu hết các bệnh nhân là phụ nữ và trẻ em. Họ ngồi yên lặng trên những chiếc ghế dài tựa vào tường, dường như rất ngạc nhiên khi nhìn thấy nhiều người Mỹ trong ngôi làng nhỏ bé của mình. Tuy vậy họ tử tế cho phép tôi và Chelsea bồng những đứa trẻ và phỏng vấn họ qua một người phiên dịch.

Một tòa nhà bê tông khác cách phòng khám hàng trăm mét là trường tiểu học dành cho nữ sinh. Dường như việc học hành của chúng chỉ lên tới bậc tiểu học vì trường trung học gần nhất chỉ dành cho các nam sinh. Tôi nói chuyện với một phụ nữ có 10 đứa con: 5 trai, 5 gái. Bà ấy cho 5 đứa con trai theo học trường cấp hai nhưng nhưng đứa con gái không có nơi nào để học vì chúng không thể đi đến trường trung học dành cho nữ ở cách nơi đó rất xa. Bà mong muốn có một ngôi trường cấp hai gần hơn cho nữ sinh. Bà rất cởi mở khi nói về kế hoạch hóa gia đình và bà cũng cho biết rằng nếu biết trước phải đương đầu với bao khó khăn, chật vật như vậy thì sẽ không sinh quá nhiều con. Chúng tôi ghé thăm một gia đình đông đúc nhiều thế hệ ngay phía sau ngôi trường. Đó là một gia đình có những đứa trẻ và những con vật đang bò quanh cái sân nhỏ. Những thành viên lớn tuổi nhất nhà ngồi trên võng theo dõi sự xáo trộn do việc tôi đến thăm gây ra. Trong khi đó, người chủ gia đình đón chào chúng tôi thật nồng ấm và chỉ cho chúng tôi những căn nhà chỉ có một phòng trong khu xóm. Đó là những căn nhà chỉ đủ cho chỗ ăn chỗ ngủ. Các sinh hoạt chung đều diễn ra ngoài trời - nơi các phụ nữ tập hợp lại để chuẩn bị bữa ăn. Hai phụ nữ trẻ chỉ cho Chelsea cách tô mắt bằng phấn đen (còn gọi là phấn côn). Thời trang luôn là mối quan tâm của phụ nữ trên toàn thế giới!

Tôi đã suy nghĩ nhiều về trang phục mà tôi và Chelsea mặc trong chuyến đi này. Chúng tôi muốn được thoải mái và dưới cái nóng của mặt trời, tôi thấy mừng vì mình đã mang theo nón, quần áo vải cotton. Tôi không muốn làm những người ở các cộng đồng này khó chịu khi chúng tôi ghé thăm nhưng tôi cũng cảnh giác không tỏ vẻ hiếu kỳ trước những phong tục phản ánh một nền văn hóa vốn hạn chế cuộc sống và quyền của phụ nữ. Trong chuyến đi lịch sử của bà Jackie Kennedy đến Ấn Độ và Pakistan vào năm 1962, bà đã chụp ảnh với chiếc áo dây không tay và chiếc váy dài đến đầu gối - đó là

chưa kể đến việc mặc chiếc sari hở bụng (sari là quốc phục của phụ nữ Ấn Độ). Điều này đã tạo nên một "sự kiện" quốc tế. Kể từ đó, quan điểm của công chúng vùng Nam Á dường như đã trở nên bảo thủ hơn. Chúng tôi đã tham khảo các chuyên gia ở Bộ Ngoại giao và họ đã góp ý về cách chúng tôi nên cư xử để không tự gây khó khăn cho chính mình và không làm nước chủ nhà khó chịu. Các bản dữ kiện tóm lược về vùng Nam Á cảnh báo chúng tôi không nên: ngồi bắt chân chữ ngũ, chỉ tay, ăn bằng tay trái "không sạch sẽ", tiếp xúc cơ thể với người khác phái - ngay cả việc bắt tay.

Tôi phải chắc chắn rằng đã mang theo nhiều khăn quàng dài có thể quấn quanh vai hoặc đầu nếu tôi bước chân vào một ngôi đền Hồi giáo. Tôi đã chú ý cách bà Benazir Bhutto quấn kín mái tóc của bà bằng tấm khăn quàng màu sáng. Bà mặc trang phục địa phương gọi là shalwar kameez - một áo trùm dài phủ lên quần dài rộng, vừa tiện lợi vừa hấp dẫn. Chelsea và tôi quyết định mặc thử y phục này. Để thích ứng với sự vương giả của buổi chiêu đãi tại Pháo đài Lahore đêm hôm đó, tôi đã chọn mặc một shalwar kameez bằng lụa màu đỏ và Chelsea mặc một shalwar kameez màu xanh ngọc - màu này thật hợp với màu mắt của con bé. Thống đốc bang Punjab đã mời hơn 500 khách đến pháo đài xây bằng sa thạch đỏ, từng là đại bản doanh của một vị Hoàng đế thời Trung cổ, nằm trên một ngọn đồi nhìn xuống thành phố lờ mờ sau màn sương. Chúng tôi đến đó vào một buổi tối trời trong xanh và đầy sao, bước xuống xe trong một c trong phim "Nghìn lẻ một đêm". Dưới bầu trời sáng rực pháo hoa, những đoàn nhạc công và vũ công đón chào chúng tôi ở hai bên lối đi trải thảm đỏ. Lạc đà và ngựa được mặc những chiếc áo choàng có gắn trang sức, đeo rọ mõm và quay cuồng theo tiếng sáo. Tôi và Chelsea kinh ngạc siết chặt tay nhau bước vào. Hai tháp canh phong sương vì mưa gió bảo vệ lối đi vào bên trong pháo đài. Nơi đó, trong bầu không khí đầy tinh dầu hoa hồng, có hàng ngàn đèn dầu đang chiếu sáng lấp lánh khắp sân và các lối đi. Ngắm nhìn cô con gái bé nhỏ duyên dáng đột nhiên trưởng thành trong chiếc áo lụa shalwar kameez tôi thầm ước giá mà Bill cũng có mặt tại đây để nhìn con gái của mình.

Buổi chiêu đãi được kết thúc bằng một chuyến đi đến phi trường để bay đến New Delhi. Tôi đã từng mong ước được đến Ấn Độ hồi còn là sinh viên năm thứ nhất, khi bà Margaret Clapp, nguyên chủ tịch Trường Đại học Wellesley rời trường để lãnh đạo trường đại học dành cho nữ giới ở Madurai, Ấn Độ. Trước khi đi bà đã đi khắp ký túc xá của chúng tôi, miêu tả những gì bà sẽ làm. Tôi đã bị tính hiếu kỳ kích thích. Trước khi quyết định theo học ở trường luật, tôi đã nghĩ tới việc đến Ấn Độ để nghiên cứu học hỏi hoặc giảng dạy. Một phần tư thế kỷ sau, đại diện cho nước Mỹ, tôi đã thực hiện chuyến đi đầu tiên của mình đến Ấn Độ. Bill yêu cầu tôi đi bởi vì anh ấy muốn tôi

quan sát sự phát triển các mối quan hệ tốt đẹp với Ấn Độ sau 40 năm nước này thực hiện chính sách không liên kết và những quan hệ giữa Ấn Độ với Liên bang Xô viết trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Tôi cũng muốn tự mình nhìn thấy nền dân chủ ở một đất nước đông dân cư như Ấn Độ và học hỏi nhiều hơn về những nỗ lực nền tảng để thúc đẩy sự phát triển và nữ quyền. Tôi thật sự hào hứng về những gì mình đã và đang nhìn thấy được, dù biết rằng thời gian và hành trình của tôi có giới

Ngày đầu tiên, trong lịch trình làm việc đầy kín của tôi có cuộc đi thăm các cô nhi viện của Mẹ Teresa. Đó là những cô nhi viện có số bé gái vượt xa số bé trai bởi vì nhiều gia đình xem con gái không bằng con trai. Mẹ Teresa đang đi nước ngoài nhưng nữ tu Priscilla đã đưa chúng tôi đi một vòng. Những đứa trẻ đang được chăm sóc vươn những cánh tay ra, tôi và Chelsea bồng các bé lên trong khi lắng nghe sơ Priscilla kể về các bé. Một số bé gái sơ sinh đã bị bỏ rơi trên đường phố và số đông hơn thì bị bỏ rơi ở các cô nhi viện bởi chính những người mẹ không chăm sóc chúng nổi hoặc nói rằng cha của chúng không muốn có chúng. Một số bé có đôi chân bị dị tật bẩm sinh hoặc bị hở vòm miệng hay những khuyết tật khác, bị bỏ rơi vì gia đình chúng quá nghèo, không đủ khả năng chạy chữa. Nhiều đứa trẻ trong số này sẽ được những người phương Tây xin nhận làm con nuôi, dù rằng việc xin con nuôi của người dân Ấn Độ đang dần trở nên phổ biến. Sơ Priscilla tươi cười nói với tôi rằng chuyến ghé thăm của tôi đã khiến chính quyền sở tại làm được một điều tuyệt vời là cho tráng nhựa con đường đất dẫn đến cô nhi viện.

Tôi dùng cơm trưa với một nhóm phụ nữ Ấn Độ tại Dinh Roosevelt, là nơi ở của ngài Đại sứ, dự tiệc chiêu đãi buổi tối với Tổng thống Ấn Độ - ngài Shanker Dayal Sharma. Ngày hôm sau, tôi được lên kế hoạch gặp gỡ Thủ tướng P.V. Narasimha Rao và điều quan trọng là tôi phải thực hiện ở Ấn Độ những gì đã làm ở Pakistan, nếu không, tôi sẽ làm phiền lòng một trong hai nước vì tôi biết cả hai đều theo dõi sát chuyến đi của tôi.

Tôi đã đồng ý diễn thuyết về nữ quyền tại Quỹ từ thiện Rajiv Gandhi. Tuy nhiên tôi gặp khó khăn trong khi viết bài diễn văn. Tôi cố gắng tìm một hình ảnh thật phù hợp để diễn tả những gì tôi muốn nói. Vào giờ cơm trưa, bà Mecnakshi Gopinath - Hiệu trưởng Trường Trung học Sri Ram dành cho các "tiểu thư" - giúp cho tôi có được nguồn cảm hứng. Đó là một bài thơ viết tay của nữ sinh Anasuya Sengupta. Bài thơ có tựa đề "Sự im lặng" và được bắt đầu như sau:

Có quá nhiều phụ nữ

Ở rất nhiều quốc gia

Đều có chung ngôn ngữ

Đó là sự lặng thinh...

Bài thơ luôn vương vấn trong tâm trí tôi. Khi chuẩn bị cho bài diễn văn vào khuya hôm đó, tôi đã sử dụng bài thơ này để chuyển tải niềm tin của tôi rằng những vấn đề tác động đến phụ nữ và thiếu nữ không nên bị gạt bỏ như những điều ngoài lề hay những điều "nhẹ nhàng, nhỏ nhặt" mà nên được kết hợp đầy đủ trong các quyết định về chính sách đối nội và đối ngoại. Việc phủ nhận hoặc giảm bớt việc giáo dục và chăm sóc sức khóe cơ bản dành cho phụ nữ là vấn đề nhân quyền. Việc giới hạn sự tham gia của phụ nữ về kinh tế, chính trị, xã hội cũng là vấn đề nhân quyền. Đã quá lâu, tiếng nói của một nửa dân số thế giới đã và đang không được các chính phủ lắng nghe. Tiếng nói của phụ nữ trở thành chủ đề của tôi. Do vậy, cuối cùng tôi quyết định trích dẫn bài thơ của nữ sinh đó để kết thúc bài diễn văn của mình.

Quỹ Rajiv Gandhi được bà Sonia - quả phụ của vị thủ tướng bị ám sát - thành lập và đặt tên bằng tên thủ tướng. Đây cũng là người đã mời tôi nói chuyện. Bà là một phụ nữ sinh ra ở Ý, có giọng nói nhẹ nhàng. Khi cả hai còn là sinh viên Trường Đại học Cambridge ở Anh, bà đã yêu ngài Rajiv - người con trai đẹp trai của nữ cố Tổng thống Indria Gandhi đã kết hôn và chuyển về sống ở Ấn Độ. Theo tôi được biết, trong khi bà Sonia đang rất hạnh phúc với hai người con thì thảm họa ập xuống gia đình bà. Đầu tiên ngài Sanjay - anh chồng của bà, bị chết trong một tai nạn máy bay. Đây là người được nhiều người tin rằng sẽ nối nghiệp chính trị cha mẹ và ông ngoại - ngài Jawaharlal Nehru. Sau đó, năm 1984 bà Indira Gandhi bị chính những nhân viên bảo vệ an ninh của bà ám sát. Rajiv, người thừa kế hợp pháp quyền lãnh đạo Đảng Quốc đại, đã trở thành thủ tướng. Nhưng trong chiến dịch vận động tranh cử năm 1991, ngài Rajiv bị sát hại trong vụ đánh bom tự sát của nhóm du kích Những Con Hổ Tamil - là nhóm đang tiến hành cuộc chiến tranh chống lại chính phủ Sri Lanka và chính phủ Ấn Độ, vì chính phủ Ấn Độ ủng hộ chính phủ Sri Lanka. Từ đó, bà Sonia bị đưa vào đời sống chính trị của Ấn Độ như là một biểu tượng cho sự tiếp nối trong Đảng Quốc đại. Bà đã tìm thấy tiếng nói riêng của mình trong cộng đồng thông qua những việc làm để quên đi những bi kịch của cá nhân.

Vào lúc tôi chuẩn bị diễn thuyết, sự mệt mỏi sau chuyến bay dài và việc mất ngủ hành hạ tôi. Tôi không thể nhìn thấy điều gì trên những trang giấy, nhưng tôi đã kết thúc bằng bài thơ của nữ sinh Anasuya.

Chúng ta lặn lội đi tìm

Chỉ để nói ra được những điều

(Mà có quá nhiều phụ nữ

Ở nhiều nước khác nhau)

Không thể nói nên lời

Tôi lặn lội đi tìm

Chỉ để tìm lãng quênNhững nỗi buồn của bà tôi

Đó là sự lặng im.

Bài thơ đã chạm đến được tình cảm của khán thính giả. Nhiều người trong số họ đã xúc động trước việc tôi đã dựa vào suy nghĩ của một nữ sinh để gợi lên tình trạng của phụ nữ khắp mọi nơi. Anasuya là một nữ sinh đáng yêu, khiêm tốn và có phần rụt rè mặc dầu bài thơ của cô được phổ biến trong quần chúng. Cô nữ sinh đã rất ngạc nhiên khi nhiều phụ nữ trên thế giới quan tâm và hỏi xin bài thơ của cô.

Lời thơ ấy cũng tác động đến các nhà báo Washington đi cùng với tôi. Họ đã hưởng ứng theo cách riêng đối với những gì tôi nói về cuộc sống và quyền của phụ nữ. Sau khi tôi diễn thuyết, các phóng viên hỏi rằng tại sao tôi không đề cập đến những vấn đề này sớm hơn. Tôi hiểu câu hỏi của họ là có lý do, dẫu tôi đã làm việc 25 năm để cải thiện tình trạng và số phận của phụ nữ và trẻ em ở Mỹ. Nhưng tại nơi này, nơi phụ nữ phải trùm kín mặt và những em bé bị bỏ rơi vẫn cùng tồn tại với những nữ thủ tướng, có lẽ tôi đã dễ dàng tiếp cận được vấn đề hơn - cả giới truyền thông cũng vậy. Cải cách việc chăm sóc y tế, nghỉ phép lo việc gia đình, giảm thuế thu nhập hoặc bãi bỏ luật phá thai từng gây tranh cãi trên toàn cầu - tất cả đều là một phần của một chủ đề: trao cho người dân quyền lựa chọn điều gì là đúng cho họ và gia đình họ. Do vậy, việc đi nửa vòng trái đất đã giúp làm cho vấn đề sáng tỏ hơn. Một phần lý do cũng rất đơn giản: các nhà báo được phân công đi cùng tôi cũng là những khán thính giả say sưa. Nhưng cũng đúng sự thật rằng thông điệp từ nước ngoài của tôi chuyển tải ít gợi ý hơn đối với những kiến nghị chính trị của tôi về những chính sách cụ thể nào đó ở quê

Sự thay đổi trong quan hệ của tôi với giới truyền thông là một trong những điều ngạc nhiên thú vị của chuyến đi. Giống như những cựu chiến binh của

các đội quân khác nhau đã trải qua chiến tranh, chúng tôi đã bắt đầu cuộc hành trình đầy sự cảnh giác lẫn nhau. Nhưng khi những ngày này trôi qua, chúng tôi bắt đầu nhìn nhau dưới một ánh sáng khác. Và những quy tắc cơ bản của tôi đối với báo chí: tuyệt đối không để bụng những chuyện xảy ra trên máy bay hay trong khách sạn cũng như những điều mà Chelsea nói hoặc làm, lại cho thấy sự hữu ích. Một khi tôi tin rằng các phóng viên vẫn tôn trọng "quy tắc đi đường", tôi cảm thấy dễ chịu và cởi mở hơn với các nhà báo. Điều này cũng giúp các nhà báo và tôi chia sẻ chung những kinh nghiệm, từ việc chúng tôi mải mê nghiên cứu văn hóa nước ngoài cho đến những giây phút thư giãn tại những buổi tiệc tối thân tình giữa những người trong đoàn.

Giới truyền thông, những người trước đây chưa từng giao tiếp với Chelsea, bây giờ đã quan sát được sự tự tin, bình tĩnh của con bé. Có hôm con bé giúp cân trọng lượng những đứa bé suy dinh dưỡng, yếu ớt đến độ chỉ với một cái chạm khẽ chúng cũng nhăn nhó vì đau đớn. Một vài giờ sau đó, con bé dự tiệc chiêu đãi của một vị thủ tướng. Con bé đã biết đặt những câu hỏi hay và đưa ra những lời nhận xét sâu sắc. Và theo tự nhiên, nhiều nhà báo bắt đầu ép tôi cho phép họ trích dẫn lời của con bé. Cuối cùng tôi đã đồng ý sau khi chúng tôi viếng thăm đền Taj Mahal; và con bé nói: "Khi con còn nhỏ, với con đây là hiện thân của một cung điện trong câu chuyện thần tiên. Con xem những bức hình và mơ ràng mình sẽ là một nàng công chúa hoặc một điều tương tự như thế. Nhưng bây giờ con đã ở đây, ngôi đền thật là kỳ vĩ".

Đó là lời nhận xét đáng yêu và ngây thơ, nhưng ngay lập tức tôi ước giá mà tôi đừng mở cánh cửa đó. Và cánh cửa đó thật sự khó được đóng trở lại. Một khi các phóng viên báo viết có được câu phát biểu của con bé thì thư ký về truyền thông của tôi - cô Lisa Caputo - liền bị các phóng viên đài truyền hình gọi điện dồn dập đòi quay phim Chelsea với lời phát biểu đó. Tôi đã phải nhắc nhở mọi người về nguyên tắc cơ bản, để Chelsea trong tình trạng "che kín" (như trang phục "purdah") khi chúng tôi trở về Washington!

Những kỷ niệm sâu sắc nhất của tôi về Ấn Độ không phải là ở Taj Mahal dù nó đẹp mê hồn mà là hai cuộc viếng thăm thành phố Ahmadabad thuộc tiểu bang Gujarat. Cuộc viếng thăm thứ nhất là đến thăm một nơi ở đơn giản theo đạo Hindu của ngài Mahatma Gandhi. Tại đây, ông đã tìm kiếm lối sống ẩn dật trầm tư, tránh xa cuộc đến tranh phiền toái để tạo được một quốc gia Ấn Độ độc lập. Sự nghèo khó và giản dị trong cuộc sống của ông đã nhắc nhở tôi về sự dư dả của mình. Niềm tin của Gandhi vào cuộc đấu tranh không bạo lực chống lại sự áp bức và nhu cầu tổ chức những nhóm đấu tranh lớn hơn để đối lập với các chính sách của chính phủ đã ảnh hưởng đến phong

trào nhân quyền ở Mỹ. Điều này đồng thời cũng mang tính chất quyết định đối với chiến dịch của Martin Luther King nhằm chấm dứt sự phân biệt chủng tộc. Ở Ấn Độ, cuộc sống và nguyên tắc về sự tự lực và việc loại bỏ chế độ đẳng cấp của Gandhi đã truyền cảm hứng cho một người phụ nữ xuất sắc, bà Ela Bhatt. Theo gương của Gandhi, bà thành lập Hội Phụ nữ Tự Lập nghiệp (SEWA) vào năm 1971. Bà Liz Moynihan, phu nhân của Thượng nghị sĩ Moynihan - một người vợ phi thường, đã giới thiệu tôi với bà Bhatt và động viên tôi thực hiện cuộc viếng thăm hội SEWA để được chứng kiến những gì mà một phụ nữ quả quyết có thể làm được.

Vừa là công đoàn, vừa là hội phụ nữ, hội SEWA có trên 140.000 thành viên, bao gồm một số phụ nữ nghèo nhất, ít được học nhất và bị xa lánh nhiều nhất ở Ấn Độ. Những phụ nữ này đã bước vào cuộc hôn nhân được sắp đặt trước và sống trong gia đình chồng dưới sự giám sát của mẹ chồng. Một số phụ nữ đã sống với tập tục che mạng cho đến khi chồng mất, tật nguyền hoặc bỏ rơi họ. Họ phải nuôi gia đình. Tất cả đều phải đấu tranh từng ngày để sinh tồn. Hội SEWA cấp một khoản tiền vay nhỏ để giúp họ kiếm được nguồn thu nhập riêng cho mình, hội cũng dạy cho họ biết đọc biết viết ở mức độ cơ bản và huấn luyện về kinh doanh. Bà Ela Bhatt cho tôi thấy những hội SEWA để ghi lại những khoản tiền vay và trả. Qua hệ thống "tài chính vi mô" này, hội SEWA đang cung cấp công việc cho hàng ngàn phụ nữ và làm thay đổi những thái độ thâm căn cố đế về vai trò của phụ nữ.

Cuộc viếng thăm của tôi được loan truyền rộng rãi khắp các ngôi làng ở Gujarat và gần 1.000 phụ nữ đã đến với buổi họp. Một số người đi bộ 9 hoặc 10 tiếng đồng hồ qua các con đường làng nóng bức và đầy bụi. Nước mắt tôi trào dâng khi nhìn thấy họ đợi chờ tôi dưới một cái lều lớn. Với y phục là những chiếc sari màu ngọc bích, màu lục bảo, màu hồng ngọc, trông họ như một cầu vồng nhấp nhô. Họ là những người theo đạo Hồi, đạo Hindu, bao gồm cả đẳng cấp thấp kém nhất. Họ là những người thợ làm diều, đi nhặt phế liệu, bán rau. Và, Chelsea ngồi lẫn vào họ.

Từng người một, những người phụ nữ đứng lên kể cho tôi nghe hội SEWA đã làm thay đổi đời sống của họ như thế nào, không chỉ nhờ một khoản tiền vay nhỏ hay sự giúp đỡ họ nhận được từ SEWA trong việc kinh doanh mà còn vì tình đoàn kết mà họ cảm nhận được từ những phụ nữ đang đấu tranh khác. Một phụ nữ đã chạm đến nỗi lòng của những người ngồi nghe khi bà giải thích rằng bà không còn phải sợ mẹ chồng nữa. Theo nền văn hóa Ấn Độ, mẹ chồng thường kiểm soát khắt khe người con dâu khi đôi vết hôn và chuyển về sống với gia đình chồng. Bà hiện giờ có một quầy bán rau ở chợ, thu nhập của riêng bà đã giúp bà có được sự độc lập. Bà kể thêm rằng bà

cũng không còn phải sợ cảnh sát bởi vì một nhóm những người bán hàng được hội SEWA tài trợ đã bảo vệ bà tránh khỏi sự phiền nhiễu của những nhân viên hống hách ở chợ. Nếu nhìn vào những gương mặt rạng rỡ với đôi mắt được đánh phấn côn, những đồ trang sức đeo trên người họ, bạn có thể nhầm về cuộc sống khó khăn của những phụ nữ này.

Cuối cùng, tôi được yêu cầu có lời phát biểu kết thúc. Khi tôi hoàn thành lời nhận xét, Ela Bhatt cầm chiếc mi-crô và thông báo rằng có những phụ nữ muốn bày tỏ với tôi lòng biết ơn của họ về chuyến viếng thăm của tôi. Trong giây phút cảm động, tất cả bắt đầu hát bài hát We Shall Overcome (Chúng ta sẽ vượt qua) bằng tiếng Gujarati. Tôi thật sự được hòa nhập và bay bổng giữa những con người này. Họ là những phụ nữ đang làm việc để vượt qua sự khổ nhọc cũng như việc bị áp bức từ nhiều thế kỷ qua. Với tôi họ là sự khẳng định sống động về tầm quan trọng của nhân quyền.

Ngày hôm sau, tôi vẫn nghĩ về những gương mặt và lời nói của họ khi đang ở trên chuyến bay đến thành phố Kathmandu, thủ đô của Nepal. Thủ đô này nằm giữa dãy Himalaya, trong một thung lũng thấp ở độ cao chỉ hơn 4.200 bộ (khoảng 1.276,8m) bằng với độ cao của thành phố Salt Lake. Vào một ngày trời trong xanh, bạn có thể nhìn thấy bức tranh toàn cảnh về dãy núi được phủ đầy tuyết quanh thành phố.

Phong cảnh Nepal nằm trong số những thắng cảnh đẹp nhất thế giới nhưng những vùng có dân cư của đất nước này thì quá đông người. Chất thải của con người được dùng làm phân bón và nước sạch thì khan hiếm. Tất cả những người Mỹ mà tôi gặp đều có những câu chuyện về việc họ bị đau ốm sau một ời gian ở Nepal, nghe có vẻ như là một nghi thức không thể tránh được. Thành viên Hiệp hội Hòa bình Xanh hướng dẫn tôi mặc chiếc áo thun trên đó liệt kê tất cả những căn bệnh mà họ đã qua khỏi.

Chúng tôi vô cùng cẩn trọng vì chỉ vừa mới hoàn tất một nửa hành trình của chuyến viếng thăm. Và như vậy, chỉ cần một ngày bị ốm là chúng tôi có thể phải hủy bỏ phần hành trình còn lại. Những quan chức sở tại đã giúp chúng tôi thu xếp sự lo lắng này. Ngày đầu tiên ở Nepal, Chelsea đã nói với sự kinh ngạc: "Mẹ ơi, mẹ sẽ không tin những gì mà những nhân viên Cơ quan An ninh đã nói với con. Các cô chú nói rằng hồ nước của khách sạn được thay bằng nước nấu sôi". Tôi không biết rằng đó có phải là sự thật hay không nhưng điều này không làm tôi ngạc nhiên.

Trong suốt chuyến viếng thăm xã giao cung điện hoàng gia, tôi được Đức vua Birendra Bỉ Bikram Shad Dev và Hoàng hậu Aishwarya tiếp đón trong

một căn phòng có một bộ da hổ rất lớn trải trên sàn. Hoàng hậu - người đã đón tôi ở phi trường - bảo tôi rằng bà rất mong được nói chuyện với tôi. Tôi thật sự hy vọng rằng sẽ có cơ hội để đề cập với bà về vấn đề chăm sóc sức khỏe và nền giáo dục đối với các bé gái. Nhưng Đức vua đã chủ trì những cuộc nói chuyện. Mãi đến gần đây, Đức vua vẫn điều hành một vương quốc về cơ bản là cách ly với thế giới bên ngoài. Bây giờ, đất nước này đang tiến hành sự chuyển tiếp sang một chính thể đại nghị và Đức vua muốn thảo luận về triển vọng hỗ trợ và đầu tư của Mỹ. Nepal cũng đang đối mặt với bạo lực và tình trạng bất ổn ở một số vùng nông thôn do các nhóm du kích theo chủ nghĩa Mao. Tuy nhiên, điều đó không đe dọa Hoàng gia bằng mầm mống "bệnh tật” bên trong cung điện của họ. Thật sự vẫn khó chấp nhận rằng chỉ một vài năm sau đó Đức vua, Hoàng hậu cùng tám thành viên khác trong Hoàng gia bị bắn chết ngay trong Cung điện. Theo các báo cáo chính thức, tên sát nhân đó chính là Thái tử - ngựã quá tức giận vì không được phép kết hôn với người mà Thái tử yêu.

Sáng hôm sau, Chelsea và tôi đi dạo trên những ngọn đồi quanh thành phố. Người dân đứng trên lề đường xem chúng tôi đi qua. Một cô bé có đôi mắt sáng khoảng 10 hoặc 11 tuổi đi theo chúng tôi. Cô bé bập bõm nói tiếng Anh, chủ yếu là gọi tên một số nơi như "Thành phố New York" hoặc "California" và chúng thường được kết thúc bằng một tính từ, chẳng hạn như "to lớn" hoặc "hạnh phúc". Sau đó cỗ bé gật gật đầu và cười như thể chúng tôi là những người bạn đã có cuộc đối thoại dài. Cô bé hoàn toàn lôi cuốn tôi. Càng lên cao, tôi càng thấy rõ cách mỗi centimet vuông đất được sử dụng cho một mục đích nào đó - nhà cửa, trang trại, đường phố, hoặc thiền viện rải rác trên các sườn đồi. Tôi nghe tiếng chuông ngân vang từ những thiền viện gần đó và nhìn thấy những lá cờ đang phấp phới từ những bờ thành thiền viện. Khi chúng tôi đi bộ về nơi đỗ xe, bố của cô bé đang chờ cô bé. Tôi được biết là tuy không được đi học, nhưng cô bé đã tích góp được vốn tiếng Anh bằng cách đi theo các du khách. Tôi ngỏ lời khen ngợi với ông bố về sự thông minh và tính hiếu kỳ của cô bé, nhưng tôi lo rằng tôi không thể nói cho ông hiểu được. Mặc dầu tôi biết rằng tiền không phải là cách thể hiện sự biết ơn và quan tâm một cách đầy đủ nhưng tôi muốn bố cô hiểu tôi đánh giá cao cô bé. Tôi hy vọng tư chất thông minh và sự tháo vát của cô bé - điều có lẽ làm tăng thêm "tầm vóc” của cô bé trong gia đình - sẽ khuyến khích gia đình họ xem xét sự lựa chọn một cuộc sống khác cho cô bé. Đến bây giờ tôi vẫn thường tự hỏi cô bé ấy đã có cuộc sống như thế nào.

Cuối buổi sáng hôm đó, chúng tôi viếng thăm phòng khám dành cho phụ nữ được những phụ nữ Mỹ đang sống ở Nepal thành lập. Nepal là một trong những nước có tỉ lệ tử vong trẻ sơ sinh và sản phụ cao nhất thế giới. Ởepal,

cứ mỗi 100.000 ca sinh đẻ thì có 830 ca tử vong, so với tỉ lệ bình quân của thế giới là 400 ca, ở Mỹ là 7 ca. Các phòng khám này là kết quả sự hợp tác giữa USAID, tô chức Cứu lấy Trẻ em (Save the Children) và chính phủ Nepal. Họ đã tận dụng việc tiếp cận kỹ thuật thấp và dễ phổ biến để thực hiện các biện pháp chăm sóc phòng ngừa, và đã thiết lập một chương trình cưng cấp "bộ đồ dùng lúc lâm bồn tại nhà" cho các sản phụ và bà đỡ. Bộ đồ dùng bao gồm một tấm nhựa, một bánh xà phòng, một ít rượu, sáp và một lưỡi dao cạo ở Nepal, tấm nhựa dành cho sản phụ nằm, bánh xà phòng dành cho bà đỡ rửa sạch tay và bộ dụng cụ đỡ đẻ của bà, sợi dây thắt rốn và lưỡi dao cạo sạch để cắt rốn - điều này có thể làm nên sự khác biệt giữa sự sống và cái chết đối với người mẹ và đứa trẻ sơ sinh.

Tại điểm dừng chân ở Công viên Quốc gia Chitwan của Hoàng gia nằm ở phía nam Nepal, Chelsea và tôi đã cưỡi voi. Thực tình nếu tôi không biết tôi sắp được chụp hình cho con cháu thì tôi sẽ mặc quần jeans. Nhưng thay vào đó, tôi đã mặc một áo sơ mi kaki, váy và đội nón rơm - như y phục cho một "Cái nhìn của châu Phi". Bức ảnh chụp Chelsea và tôi đã tỏa sáng khắp thế giới cho thấy một hình ảnh mẹ-con thật hạnh phúc. Sau đó, khi chúng tôi trở về Washington, James Carville nhận xét: "Phu nhân yêu thích chuyến đi chứ ? Phu nhân mất hai năm cố gắng làm cho mọi người được chăm sóc y tế tốt hơn mà họ thì cố giết Phu nhân. Còn khi Phu nhân cùng Chelsea cưỡi voi thì họ lại yêu Phu nhân!".

Bangladesh, đất nước có mật độ dân số dày nhất thế giới, đã cho thấy sự tương phản giàu - nghèo gay gắt nhất mà tôi chứng kiến ở Nam Á. Nhìn qua cửa sổ phòng khách sạn ở Dhaka, tôi có thể thấy một hàng rào gỗ chạy giữa một bên những cái lán và những đống rác, còn bên kia là hồ bơi và những căn nhà nhỏ, nơi du khách chúng tôi có thể tận hưởng việc bơi lội và nhâm nhi ly nước. Điều này giống như nhìn vào một máy chiếu hình đôi về nền kinh tế toàn cầu. Tại đây, các nhà chức trách không cần cố gắng che giấu sự nghèo túng cơ cực đằng sau những tấm áo đầy màu sắc. Thành phố đầy người sống chen chúc, là nơi có số người sống trên một mét vuông cao hơn so với bất kỳ nơi đâu mà tôi biết. Tất cả đều di chuyển trong những chiếc xe hơi nhỏ gây tắc nghẽn đường phố hoặc đi thành đám đông tràn ngập các con đường. Tôi đã kinh ngạc tột độ khi thấy xe hơi đi sát vào nhóm người. Việc đi bộ dưới cái nóng và độ ẩm ở đây giống như chúng ta đang bước vào một phòng tắm hơi. Nhưng đây lại là một đất nước khác mà từ lâu tôi đã muốn đi thăm vì đây là quê hương của hai dự án được quốc tế công nhận - đó là Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu Bệnh Thổ tả (International Center for Diarrheal Disease Research- ICDDR/B) ở Dhaka, Bangladesh và Ngân hàng Grameen - một đơn vị tiên phong trong chương trình cho vay các khoản tín

dụng nhỏ. Chương trình ICDDR/B là một ví dụ điển hình cho kết quả tích cực có được từ sự trợ giúp của nước ngoài. Bệnh kiết lỵ là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong, đặc biệt là đối với trẻ em, ở những nơi thiếu nguồn nước sạch trên thế giới. Chương trình ICDDR/B phát triển một phương pháp trị liệu được gọi là "liệu pháp uống bù nước” (ORT), một giải pháp sử dụng nguồn "dược liệu” được chế tạo chủ yếu từ muối, đường và nước. Giải pháp này dễ dàng thực hiện và giúp cứu được mạng sống của hàng triệu trẻ em. Giải pháp rẻ tiền và đơn giản này đến nay đã được xem là một trong những tiến bộ y khoa quan trọng của thế kỷ và bệnh viện đi tiên phong thực hiện giải pháp này được Mỹ hỗ trợ. Thành công của phương pháp ORT cũng là một hình mẫu cho việc chữa trị y khoa với chi phí thấp và công nghệ thấp được phát triển ở các nước và hiện nay có thể được thực hiện ở Mỹ.

Lần đầu tiên tôi biết về Ngân hàng Grameen cách đây hơn mười năm khi Bill và tôi mời người thành lập ngân hàng, bác sĩ Muhammad Yunus, đến Little Rock để thảo luận những cách thức mà chương trình cho vay khoản tín dụng nhỏ có thể giúp đỡ một. số cộng đồng nghèo nhất ở nông thôn Arkansas. Ngân hàng Garmeen cung cấp những khoản vay đến từng phụ nữ nghèo - những người không thể nào tiếp cận được với các khoản tín dụng thông thường.. Với khoản vay trung bình chừng 50 đô la, phụ nữ bắt đầu việc kinh doanh nhỏ của mình như may vá, dệt và làm nông, giúp họ cùng gia đình thoát khỏi đói nghèo. Những phụ nữ này không chỉ chứng tỏ rằng những rủi ro tín dụng khi cho họ vay là thấp nhất - bằng chứng là tỉ lệ thu hồi được các khoản vay của Ngân hàng Grameen lên đến 98% - mà họ còn là những người tiết kiệm rất giỏi: với khuynh hướng tái đầu tư lợi nhuận của mình vào công việc kinh doanh của gia đình. Tôi đã giúp thiết lập một ngân hàng phát triển và những nhóm cho vay vốn kinh doanh nhỏ ở Arkansas. Và tôi muốn đẩy mạnh chương trình này trên khắp nước Mỹ, theo hình mẫu thành công của Yunus và Ngân hàng Grameen. Họ đã cung cấp hoặc tạo sự giúp đỡ dễ dàng cho những chương trình tương tự trên khắp thế giới; phân bổ 3,7 tỷ đô la dưới dạng các khoản cho vay không cần thế chấp cho 2,4 triệu người tại hơn 41 nghìn ngôi làng của Bangladesh và ở những nơi khác.

Nhưng sự chiến thắng trong việc giúp đỡ những phụ nữ không có đất đai tạo được cuộc sống no đủ đã làm cho Ngân hàng Grameen trở thành mục tiêu của những người theo trào lưu chính thống đạo Hồi. Hai ngày trước khi chúng tôi đến Dhaka, khoảng 2.000 người cực đoan đã diễu hành ở thủ đô, lên án những tổ chức trợ giúp ngoại đạo. Họ buộc tội những tổ chức này lôi cuốn phụ nữ coi thường kinh Coran. Trong những tháng trước chuyến viếng thăm của chúng tôi, nhiều ngân hàng và trường học trong làng dành cho nữ giới đã bị thiêu hủy, và một nữ văn sĩ xuất sắc của Bangladesh đã nhận được

lời đe dọa sẽ bị giết chết.

Một trong những vấn đề an ninh khó khăn nhất là bạn không biết làm thế nào để nhận ra được khoảnh khắc thật s nguy hiểm. Cơ quan An ninh đã nhận được tin tức ám chỉ rằng một nhóm người quá khích có lẽ cố gắng làm gián đoạn chuyến viếng thăm của tôi. Khi tôi ra ngoài khu vực thủ đô để đến thăm hai ngôi làng ở vùng tây nam Bangladesh trên một máy bay vận tải C-130 của Không lực Mỹ, một lần nữa, chúng tôi bị báo động phải hết sức cảnh giác. Ở làng Jessore, chúng tôi viếng thăm một trường tiểu học, nơi chính phủ thí điểm một chương trình mà theo đó các gia đình được thưởng tiền và thực phẩm nếu họ cho phép con gái mình đi học. Điều này có vẻ giống như là một cách khích lệ mới lạ, trước tiên nhằm thuyết phục các gia đình đưa con gái đến trường và sau đó là để các cháu tiếp tục theo đuổi việc học. Chúng tôi có mặt tại ngôi trường nằm giữa cánh đồng trống, và tôi vào các lớp học nói chuyện với các bé gái cùng các thầy cô giáo. Trong khi đang nói chuyện với các học sinh, tôi chú ý một cuộc náo động ở bên ngoài và nhìn thấy các nhân viên an ninh đang chạy quanh. Hàng ngàn dân làng bỗng bất ngờ xuất hiện, tụ tập dưới bầu không khí ngột ngạt, túm tụm từ 10 đến 20 người trên mỗi một ngọn đồi nhỏ xa xa tầm mắt của tôi. Chúng tôi không biết họ từ đâu đến hoặc họ muốn gì. Chúng tôi không bao giờ biết được điều đó bởi vì các nhân viên an ninh đã đưa chứng tôi rời khỏi nơi đó vì họ sợ không thể kiểm soát được đám đông này.

Chuyến đến thăm Ngân hàng Grameen ở làng Mashihata xứng đáng để chúng tôi chiến đấu với những đám đông và đoạn đường dằn xóc, kéo dài. Tôi được mời đến thăm hai làng - một làng Hindu và một làng đạo Hồi - nhưng tôi không thể nào xoay xở được vì lịch trình làm việc của mình nên chỉ thăm một làng Hindu là làng Mashihata. Đáng chú ý là những phụ nữ Hồi giáo đã quyết định đến làng Hindu để gặp chúng tôi.

“Swagatam, Hillary, swagatam, Chelsea!” những đứa trẻ nói bằng ngôn ngữ Băng-gan, "Chào mừng bà Hillary, chào mừng Chelsea !". Người bạn cũ của tôi - Muhammad Yunus đã ở đó để chào đón tôi, với những mẫu quần áo mà một số phụ nữ đã sản xuất từ số vốn vay của họ. Cả Chelsea và tôi đều mặc những bộ đồ tương tự như vậy, do ông Yunus gửi đến khách sạn cho chúng tôi. Ông rất vui sướng vì điều đó. Ông nói một vài điều nghe giống như chủ đề mà tôi đang phát triển trong những bài diễn thuyết của mình.

"Phụ nữ có tiềm năng", ông nói, "và việc tiếp cận với các khoản vay không chỉ là một cách hiệu quả để chiến đấu chống đói nghèo, mà nó còn là quyền cơ bản của con người".

Tôi ngồi dưới nhà sạp lợp mái, vây xung quanh là những phụ nữ Hindu và phụ nữ đạo Hồi. Họ kể cho tôi nghe tất cả đã đến với nhau như thế nào, bất chấp những người theo Hồi giáo chính thống cực đoan. Tôi đã bảo với họ rằng tôi có mặt ở đây để lắng nghe họ và để học hỏi.

Một người phụ nữ đạo Hồi đứng dậy và nói: "Chúng tôi chán ngấy những giáo sĩ Hồi giáo, họ luôn làm mọi cách để kìm hãm phụ nữ" .

Tôi hỏi họ đang đương đầu với những khó khăn gì, cô ấy trả lời: "Họ dọa, cấm chúng tôi vay tiền của ngân hàng. Họ bảo với chúng tôi là người của ngân hàng sẽ đánh cắp con cái chúng tôi. Tôi nói với họ hãy để chúng tôi yên. Chúng tôi đang cố gắng giúp con cái mình có được cuộc sống tốt đẹp hơn".

Những người phụ nữ đã hỏi tôi nhiều câu hỏi để cố gắng liên hệ những kinh nghiệm của tôi với của họ. Một người hỏi: "Bà có nuôi gia súc trong nhà không?”

Tôi vừa trả lời vừa cười với giới báo chí đang đi cùng với tôi, những người mà vào thời điểm đó giống như những thành viên của một đại gia đình: "Không có. Trừ khi cô tính đến mấy tay đáng ghét trong phòng họp báo".

Những người Mỹ cười phá lên còn những người Bangladesh trầm tư nghĩ về ý nghĩa câu châm biếm của tôi.

"Bà có tự mình kiếm sống không?” một người phụ nữ có một chấm đỏ trang điểm, gọi là teep, ở giữa hai chân mày, dấu hiệu truyền thống cho thấy là cô đã lập gia đình.

"Tôi không tự kiếm sống vì hiện giờ chồng tôi là Tổng thống", tôi nói, tự hỏi làm thế nào để giải thích được những điều mà tôi đang làm. Tôi kể với họ rằng tôi đã từng kiếm được nhiều tiền hơn cả chồng tôi và tôi dự định sẽ tự kiếm thu nhập cho mình trở lại.

Những đứa trẻ ở làng diễn một vở kịch cho chúng tôi xem, và một vài người phụ nữ đến gần Chelsea và tôi để chỉ cho chúng tôi cách đeo nhưng teep trang trí và cách thức quấn sari. Tôi ngạc nhiên bởi tinh thần tích cực của những người dân mà tôi đã gặp tại ngôi làng cô lập, nghèo nàn, những người đã sống trong hoàn cảnh không có điện thắp sáng, không có nước sạch. Họ sống bằng hy vọng, một phần nhờ vào Ngân hàng Grameen.

Tôi không phải là người duy nhất cảm động vì những người phụ nữ ở làng.

Một trong những nhà báo Mỹ đứng gần tôi, sau khi lắng nghe cuộc thảo luận đã nghiêng người và thì thầm: "Ở đây không ai nói lên niềm im lặng".

THÀNH PHỐ OKLAHOMA

Vào một buổi tối tháng 3 năm 1995, Bill Clinton nói với một đám đông nhà báo và các chính trị gia Washington: "Rất tiếc là tối nay, Đệ nhất Phu nhân không thể chung vui với các bạn". Anh nói tiếp: "Nếu các bạn tin vào điều đó, tôi sẽ có một vài mảnh đất ở Arkansas để bán cho các bạn". Lại một buổi ăn tối Gridiron nữa nhưng tôi không thề dự được vì đang bận công du tại Nam Á, do vậy tôi đã chuẩn bị thu sẵn một đoạn phim ngắn năm phút nhại lại bộ phim ăn khách Forest Gump để trình chiếu vào cuối buổi biểu diễn.

Đoạn phim bắt đầu bằng cảnh quay một chiếc lông chim trắng bay là đà trên nền trời xanh và đáp ngay gần một chiếc ghế đá công viên ở phía trước Nhà Trắng. Tôi, Hillary Gump, đang ngồi trên chiếc ghế đá đó với một hộp kẹo đặt trong lòng mình. Tôi bắt chước sao cho thật giống Tom Hanks: "Mẹ tôi luôn bảo tôi rằng Nhà Trắng y như là một hộp sô-cô-la. Bên ngoài trông rất đẹp nhưng bên trong thật nhiều chuyện dở hơi".

Đoạn phim trên do nhà văn kiêm diễn viên hài Al Franken với tác phẩm nổi tiếng Saturday Night Live viết, nhằm chế nhạo cả bộ phim Foest Gum lẫn cuộc đời tôi. Nó mô phỏng từ những cảnh thuở nhỏ, những ngày ở đại học và sự nghiệp chính trị của tôi. Mandy Grunwald, Paul Begala và Jay Leno, người dẫn chương trình của Tonight Show cũng tham gia đóng góp ý tưởng cho đoạn phim. Mỗi khi camera quay cảnh tôi đang ngồi trên ghế, bạn lại thấy tôi đội một kiểu tóc giả khác và đang tự chế gi những kiểu tóc luôn thay đổi của mình. Ở màn cuối của đoạn phim hài, Bill đóng một vai phụ. Anh ngồi cạnh tôi, với tay lấy hộp sô-cô-la của tôi rồi lại mời tôi một miếng và hỏi tôi có thể cho anh ấy một ít khoai tây chiên được không?

Khi tôi và Chelsea gọi cho Bill, anh ấy báo cho tôi biết rằng màn trình diễn đã nhận được sự tán thưởng nhiệt tình của khán giả. Ngoài ra, một vài việc khác mà chúng tôi định làm ở Washington cũng được thực hiện xuôi chèo mát mái.

Vào thời điểm tôi từ Nam Á trở về, Tổng thống cùng với Chính phủ đang chuyển hướng tấn công Quốc hội của phe Cộng hòa về vấn đề "Giao ước với nước Mỹ". Newt Gingrich đã ra sức vận động Hạ viện (mà phe Cộng hòa chiếm ưu thế) thông qua phần lớn Giao ước trong vòng 100 ngày đầu tiên của kỳ họp Quốc hội lần thứ 104, nhưng chỉ có hai điều khoản được ký kết thành luật. Sau đó, việc xem xét các dự luật được chuyển sang Thượng nghị viện, nơi có đủ thành viên Đảng Dân chủ để cản trở việc thông qua một dự luật cũng như chấp thuận quyền phủ quyết của Tổng thống. Trước tình hình

đó, Bill buộc phải quyết định có nên cố gắng điều chỉnh lại dự luật của phe Cộng hòa bằng cách đe dọa sử dụng quyền phủ quyết hay phải đưa ra những dự luật thay thế. Cuối cùng Bill phải dùng cả hai hình thức. Bằng cách đối đầu trực diện với đối thủ của mình, người đã từng thẳng thừng tuyên bố chức Tổng thống của anh ấy là không thích hợp, Bill đã lấy lại sức bật mới cho bản thân.

Kể từ thời điểm giữa nhiệm kỳ, Nhà Trắng như bị mắc kẹt trong một tình thế khó khăn và thật sự đã đến lúc phải đề ra một đường lối mới. Bill nổi tiếng là một người kiên nhẫn hơn tôi rất nhiều. Khi mọi người yêu cầu anh phải đối đầu, thậm chí phải cứng rắn hơn đối với Gingrich, anh bảo rằng trước tiên cần phải mọi người hiểu chính xác sự khác nhau giữa quan điểm của anh và phe Cộng hòa. Như vậy, mọi người sẽ nhận ra rằng đó không phải là trận chiến mang tính cá nhân giữa Bill Clinton và Newt Gingrich mà là sự bất đồng của họ về việc cắt giảm các khoản ngân sách cho chương trình chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ y tế giáo dục và bảo vệ môi trường.

Bill có khả năng nhìn xa trông rộng thật phi thường, cũng như khả năng phán xét mọi động thái của các đối thủ để từ đó đưa ra kế hoạch lâu dài. Anh biết trước rằng vào thời điểm cuối năm này, cuộc chiến thật sự sẽ xoay quanh vấn đề ngân sách, và năm 1996 chính là thời điểm then chốt cho sự thành công của nhiệm kỳ Tổng thống của mình. Ban đầu, anh khuyên mọi người phải kiên nhẫn vì anh dự đoán - điều này đã đúng - rằng các cử tri sẽ chán nản trước mưa mẹo của Đảng Cộng hòa và họ sẽ lo sợ về những thay đổi triệt để mà Đảng Cộng hòa đề ra. Nhưng khi Gingrich tuyên bố dự định thuyết trình trên truyền hình tổ quốc để chào mừng thắng lợi của Quốc hội Cộng hòa, Bill quyết định đã đến lúc phải giành lại thế chủ động.

Ngày 7 tháng 4 năm 1995 tại Dallas, Bill đã biến một bài diễn văn về những vấn đề giáo dục thành một bản tuyên ngôn của Chính phủ. Anh trình bày những thành quả mà Chính phủ đã đạt được trong việc giảm thiểu hụt ngân sách, tạo việc làm và đề ra những mục tiêu cụ thể như: tăng mức lương tối thiểu, từng bước cải thiện bảo hiểm y tế và giảm thuế cho tầng lớp trung lưu. Anh đã tấn công vào những điểm yếu nhất của Giao ước Cộng hòa, chẳng hạn như dự luật về an sinh, như "yếu kém về vấn đề việc làm và khắt khe đối với các vấn đề trẻ em". Anh chỉ trích phe Cộng hòa về những đề nghị cắt giảm ngân sách giáo dục và các chương trình cho trẻ em, ví dụ như những buổi ăn trưa ở trường học và chủng ngừa cho trẻ. Anh đặt nềảng cho những. thỏa hiệp nhằm tránh tình trạng bế tắc cho Chính phủ. Nếu Đảng Cộng hòa không hợp tác thì họ và Gingrich phải chịu trách nhiệm về việc thất hứa đối với dân chúng Mỹ. Một bài diễn văn tuyệt vời, thể hiện rõ tầm nhìn của Bill

và đồng thời đặt đối phương vào thế khó xử.

Suốt mùa xuân năm 1995, Bill không ngừng tham khảo ý kiến của bạn bè và các cộng sự, rồi tập hợp và phân tích các ý kiến để hoạch định và phát triển các chiến lược. Tôi khuyên Bill mời Dick Morris tham gia cố vấn cho một chiến lược mới, một phần vì Morris đã từng cố vấn cho Đảng Cộng hòa và những hiểu biết của ông ta về tư duy của Đảng Cộng hòa có thể hữu dụng vì Bill đang cố gắng tiến công. Morris cũng có thể là một kênh thông tin ngược rất hữu dụng khi Bill muốn đánh lừa đối phương.

Thoạt đầu, việc tham gia của Morris được giữ bí mật nhưng sau bài diễn văn ở Dallas, Bill đã quyết định giới thiệu Morris với nhân viên của mình. Các nhân viên cố vấn ở Dinh Tây của Bill hơi ngạc nhiên và bực bội khi biết Morris đã cố vấn cho Tổng thống từ hơn sáu tháng qua. Còn Harold Ickes thì thất kinh vì ông ta và Morris có một mối thù hằn cả về hệ tư tưởng lẫn vấn đề cá nhân từ 25 năm trước, khi họ còn là những đảng viên Dân chủ cứng cổ, ở Upper West Side của Manhattan. George Stephanopoulos giận điên lên vì Bill lại đi nghe một kẻ phản bội và không hài lòng khi phải cạnh tranh với một cố vấn của phe đối lập. Leon Panetra không thích tính cách của Morris, cũng như việc ông ta đã phá vỡ trật tự của Dinh Tây. Lo lắng của mọi người là chính đáng nhưng sự có mặt của Morris đã tỏ ra thật sự hữu ích về nhiều mặt.

Sau thất bại của Quốc hội, nhiều cố vấn của Bill còn chưa hết bàng hoàng. Nhưng không có gì làm cho họ đoàn kết hơn bằng việc có chung một kẻ thù. Bây giờ họ không chỉ có Quốc hội Cộng hòa mà còn có Dick Morris để làm động lực chiến đ

Một trong những điểm mạnh nhất của Bill là thiện chí lắng nghe những ý kiến khác hẳn nhau rồi phân tích chúng để đi đến kết luận của riêng mình. Anh tự thách thức bản thân cũng như các nhân viên của mình bằng cách tập hợp thành nhóm những người có kinh nghiệm rất khác nhau và thường là có quan điểm trái ngược nhau. Đó là cách giúp cho mọi người và đặc biệt là bản thân anh luôn được tỉnh táo và sáng suốt. Trong một môi trường nhạy cảm như Nhà Trắng, tôi không nghĩ bạn có thể cho phép những người xung quanh mình lại có cùng khí chất và quan điểm. Các cuộc họp có thể sẽ diễn ra tốt đẹp nhưng theo thời gian, sự nhất trí một cách dễ dãi sẽ dẫn đến những quyết định nghèo nàn. Việc đưa Dick Morris vào trong một tập thể với những cái tôi, những thái độ, những tham vọng khác nhau ở Dinh Tây đã giúp nâng cao thành tích của mọi người.

Morris phụ thuộc vào Mark Penn về các con số và các phân tích. Penn từng là một chuyên viên thăm dò ý kiến sáng giá do Ủy ban Dân chủ Quốc gia tuyển dụng. Penn và cộng sự của anh, Doug Schoen, một nhà chiến lược chính trị kỳ cựu khác, chịu trách nhiệm thực hiện các nghiên cứu cung cấp thông tin ở Nhà Trắng. Cùng với Morris, họ bắt đầu tham gia vào các buổi họp vào tối thứ Tư hàng tuần tại Phòng Bầu Dục Vàng. Bill và tôi đã học được cách chấp nhận những ý kiến đắng chát của Morris và loại bỏ tính hay phô trương và diễn tuồng của ông ta. Morris là một liều thuốc giải độc tất đối với sự thông thái cố hữu cũng như một sự kích thích đối với sức ỳ quan liêu của Washington. Đôi khi, những nhà phê bình tự do và thường hơn cả là chính Morris hay phóng đại về sự ảnh hưởng của ông ta đối với Chính phủ Clinton. Nhưng ông ta đã thật sự giúp Bill phát triển một chiến lược nhằm phá tan bức tường ngăn trở của những người thuộc Đảng Cộng hòa - những người luôn cản trở những dự luật của anh ấy và vận động những dự luật của riêng họ.

Khi các phe đối lập đang ở hai vị trí hoàn toàn đối ngược nhau và không bên nào tin rằng mình có thể tiến về phía đối phương thì họ có thể quyết định dịch chuyển đến một vị trí thứ ba, như là cái đỉnh còn lại trong một tam giác, đây được gọi là "phép đạc tam giác". Về cơ bản, đây chỉ là sự lặp lại triết lý mà Bill đã phát triển từ thời còn là Thống đốc và Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Dân chủ. Trong chiến dịch năm 1992, anh đã chiến thắng bằng cách thoát ra khỏi lối mòn tư duy của các chính trị gia "chết não" của cả hai đảng để tạo nên một "phái giữa năng động". Không chỉ đơn thuần là một sự thỏa hiệp chính trị cổ điển khi có sự bất đồng sâu sắc, "phép đạc tam giác" thể hiện phương cách mà Bill đã hứa mang đến cho Washington.

Ví dụ như khi Đảng Cộng hòa cố gắng đòi quyền sở hữu việc cải cách luật an sinh xã hội, một vấn đề mà Bill đã và đang theo đuổi từ năm 1980 và cam kết thực thi từ trước nhiệm kỳ đầu tiên của mình thì Bill đã không phản đối. Ngược lại Bill còn ủng hộ những mục tiêu cải cách nhưng nhấn mạnh đến những thay đổi nhằm cải thiện bộ luật, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ chính trị từ những đảng viên Cộng hòa và đảng viên Dân chủ có thái độ trung hòa để đánh bại luận điểm cực đoan của phe Cộng hòa. Dĩ nhiên trong chính trị cũng như trong cuộc sống, sự gian trá thể hiện ở những khía cạnh nhỏ nhặt nhất: những khía cạnh nhỏ nhặt của việc cải cách an sinh hay việc thỏa thuận ngân sách thật sự không dễ gì để tranh đấu, đôi khi giống như là một khối rubic hơn là một tam giác cân.

Mặc dù Morris là người mang lại năng lượng và ý tưởng cho các sáng kiến của Bill, ông ta không phải là người chịu trách nhiệm thực thi chúng. Đó là

việc của Leon Panetta và những người còn lại trong Chính phủ. Leon đã trở thành Tham mưu trưởng của Tổng thống vào tháng 6 năm 1994, thay cho Mack McLarty, người đã hoàn thành xuất sắc công việc những điều kiện rất khó khăn trong một năm rưỡi đầu. Panetta từng là một chuyên viên về thâm hụt ngân sách khi còn phục vụ ở Thượng viện của California, rồi anh được Bill chọn vào vị trí Trưởng phòng Quản trị và Ngân sách. Panetta đóng vai trò chủ đạo trong việc lập kế hoạch giảm thâm hụt ngân sách trước khi trình cho Quốc hội. Trong vai trò Trưởng phòng, anh quản lý một phòng ban khá đông đúc, kiểm soát chặt chẽ hơn lịch trình của Tổng thống và giờ giấc làm việc của các nhân viên phụ tá. Chuyên môn của Panetta về Quốc hội và về ngân sách hết sức quan trọng đối với cuộc chiến ngân sách trong tương lai.

Khối đa số mới thuộc Đảng Cộng hòa đang tìm mọi cách để thể chế hóa chương trình cấp tiến của họ. Họ bắt đầu bằng dự luật về ngân sách hàng năm, cố gắng phá hủy các chương trình của Chính phủ ngay từ trong trứng nước bằng cách từ chối tài trợ ngân sách. Họ muốn phá hủy các chức năng điều tiết của Chính phủ, ví dụ như các chương trình bảo vệ môi trường và người tiêu dùng, hỗ trợ người lao động nghèo khó, đẩy mạnh thuế má và các quy định đối với các công ty. Chương trình Great Society của Tổng thống Lyndon Johnson - sản sinh ra các luật về Chăm sóc Sức khỏe, Hỗ trợ Y tế, các quyền dân sự nổi tiếng trong lịch sử - bị Newt Gingrich lên án là "một hệ thống các giá trị phi văn hóa" và "một thử nghiệm dài đằng đẵng của cách cai trị chuyên nghiệp mà thật sự đã thất bại".

Càng ngày, Bill và tôi càng cảm thấy phiền toái bởi sự "nhiệt tình" của những nhà lãnh đạo Đảng Cộng hòa, họ không ngừng tuôn ra những lời nói khoa trương nhằm tấn công chính phủ, cộng đồng và ngay cả những quan niệm thông thường của xã hội. Dường như họ tin tưởng rằng chủ nghĩa cá nhân lạc hậu và thô kệch là điều quan trọng duy nhất đối với nước Mỹ vào cuối thế kỷ 20 này, dĩ nhiên trừ phi những người ủng hộ của họ muốn có những đặc ân về luật pháp. Tôi luôn coi mình là một người theo chủ nghĩa cá nhân và hơi thô kệch - có lẽ một chút nghèo nàn - nhưng tôi cũng tin tưởng rằng là một công dân Mỹ, tôi còn là một phần của một hệ thống về các quyền, đặc quyền và trách nhiệm vì lợi ích chung.

Chính trong ngữ cảnh của lối nói khoa trương của Đảng Cộng hòa cực đoan này mà tôi đã cho ra đời sớm hơn dự định quyển sách It Takes a Village. Việc ủng hộ tích cực của Gingrich về việc xây dựng các trại mồ côi dành cho nhưng đứa trẻ nghèo khổ, sinh ngoài giá thú đã tiếp thêm năng lượng cho tôi. Sau nhiều năm lo lắng suy nghĩ về cách thức bảo vệ và nuôi dưỡng trẻ em, giờ đây tôi e rằng chủ nghĩa chính trị cực đoan có thể kết án những người

nghèo và những người cô thế bằng một tương lai khốn khó và nghèo đói. Mặc dù quyển sách không mang tính bè phái chính trị, nhưng tôi muốn thể hiện một tư tưởng khác biệt so với những quan điểm tàn nhẫn, phân biệt đối xử và phi hiện thực xuất phát từ Điện Capitol.

Mặc dù cân thần chú của cánh hữu tố cáo "tính không trung thực của các phương tiện truyền thông tự do", thực tế là những tiếng nói truyền thông lớn nhất và hiệu quả nhất lại chẳng hề mang tính tự do. Ngược lại, việc giao tiếp với công chúng ngày càng bị chi phối bởi những nhà diễn thuyết phản động và những nhân vật của đài phát thanh và truyền hình. Tôi quyết định chuyển tải những suy nghĩ và ý kiến của mình trực tiếp đến với công chúng bằng cách tự mình viết ra những suy nghĩ đó. Vào cuối tháng Bảy, tôi bắt đầu viết cho một chuyên mục của một tờ báo tuần với tên gọi Talking is Over một lần nữa tôi lại đi theo bước chân của Eleanor Roosevelt, bà đã viết một mục báo sáu ngày trong một tuần với tên gọi My day từ năm 1935 đến năm 1962. Những mục báo của tôi bao gồm nhiều đề tài, từ lễ kỷ niệm lần thứ 75 quyền bầu cử của nữ giới đến những kỳ nghỉ mát gia đình. Bằng cách viết ra những ý kiến của mình trên báo, tôi nhận thức rõ hơn vai trò của mình với tư cách là một luật sư của Chính phủ. Vì vậy tôi đã bắt đầu tập trung vào những dự án nhỏ, cụ thể nhưng mang tính khả thi hơn là những việc có quy mô lớn như cải cách y tế. Bây giờ chương trình làm việc của tôi chỉ bao gồm những vấn đề về sức khỏe trẻ em, phòng chống ung thư vú, bảo vệ quỹ tài trợ truyền hình công, các dịch vụ pháp luật và các chương trình nghệ thuật.

Qua những cuộc nói chuyện với các bác sĩ, các bệnh nhân và những người sống sót qua các căn bệnh hiểm nghèo trong "chương trình lắng nghe" mà tôi thực hiện ở các trung tâm và bệnh viện chính trên khắp đất nước, tôi đã hiểu rõ hơn về ảnh hưởng và tính phổ biến của bệnh ung thư vú cũng như những trở ngại trong việc phòng và trị ung thư vú. Trong thời gian chiến dịch tranh cử Tổng thống vào năm 1992, từ một buổi gặp mặt tại Liên đoàn Ung thư vú Quốc gia (NBCC) ở Williamsburg, Virgina, tôi đã thật sự kinh ngạc vì sự kiên cường của nhưng người sống sót sau căn bệnh ung thư. Khi chiếc xe buýt chở những người tham dự bị hư trên đường, những người phụ nữ đó chỉ đơn giản xuống xe và đi bộ suốt chặng đường còn lại. Tôi đã làm việc với NBCC (do Fran Visco - một người sống sót từ căn bệnh, cũng là một luật sư - thành lập) về đường lối của Chính phủ nhằm gây quỹ nhiều hơn cho việc nghiên cứu và điều trị trên diện rộng cho những người phụ nữ không được bảo hiểm.

Ở Nhà Trắng, tôi thường gặp gỡ những bệnh nhân còn sống sót của căn bệnh ung thư. Thông qua những kinh nghiệm của mẹ chồng tôi và nhiều người

khác, tôi hiểu tâm lý sợ sệt, bất an, không dám đi khám bệnh ung thư. Một trong những tình nguyện viên trung thành nhất của tôi ở Nhà Trắng là Miriam Leverage đã chiến đấu thật can đảm với căn bệnh trong 6 năm trời trước khi mất vào năm 1996. Miriam, một cô giáo về hưu đồng thời là một người bà đáng tự hào, đã trải qua hai cuộc phẫu thuật, xạ trị và 5 vòng hóa ị liệu. Bà luôn nhắc nhở tôi và nhân viên của tôi kiểm tra và chụp nhũ ảnh định kỳ, đó là việc mà tôi đã làm đều đặn mỗi năm kể từ khi bước sang tuổi 40.

Nhân dịp lễ Ngày của Mẹ năm 1995, tôi đã phát động Chiến dịch Nhận biết Chụp Nhũ ảnh Medicare nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc phát hiện bệnh sớm và nhằm đảm bảo cho những phụ nữ đáp ứng đủ điều kiện có thể tận dụng chương trình chụp nhũ ảnh này. Chỉ có 40% phụ nữ lớn tuổi được kiểm tra với chi phí chụp nhũ ảnh do Medicare tài trợ. Việc phát hiện bệnh sớm là hết sức cần thiết vì ở Mỹ cứ tám phụ nữ thì có một người có nguy cơ mắc bệnh ung thư vú. Tôi đã làm việc với các nhà tài trợ, những chuyên gia trong lĩnh vực giao tế cộng đồng và những đại diện của người tiêu dùng trong chiến dịch "Mama-gram" nhằm khuyến khích những phụ nữ lớn tuổi đi chụp nhũ ảnh và giáo dục cho họ biết về lợi ích của việc phát hiện bệnh sớm. Chiến dịch tầm cỡ quốc gia này bao gồm rất nhiều hoạt động quảng bá như những tờ bướm được đính kèm trong các tấm thiệp mừng Ngày của Mẹ, nhằm nhắc nhở các bà mẹ về tầm quan trọng của việc chụp nhũ ảnh định kỳ, cùng với các chương trình trưng bày khuyến mãi tại các cửa hàng, những túi đựng hàng ở tiệm tạp hóa và nhưng thông báo thông qua các dịch vụ công. Những năm sau đó, tôi đã tiếp tục làm việc để mở rộng chương trình Medicare, tạo cơ hội gia tăng số phụ nữ có thể tham gia chương trình chụp nhũ ảnh hàng năm mà không phải trả chi phí. Tôi đã thật sự hài lòng khi Bill tuyên bố những quy định mới nhằm đảm bảo tính an toàn và chất lượng của việc chụp nhũ ảnh. Những nỗ lực này gắn liền một cách chặt chẽ với việc tôi giúp gây quỹ cho các nghiên cứu về khả năng phát hiện, phòng chống, điều trị bệnh ung thư vú. Tôi cũng đã làm việc với Sở Bưu chính Hoa Kỳ để phát hành một con tem về bệnh ung thư vú, mà qua đó góp một phần tài chính cho việc nghiên cứu căn bệnh.

Triệu chứng vùng Vịnh là một trong những vấn đề nhức nhối và đau lòng nhất đối với tôi trong chuyến đi vòng quanh nước Mỹ. Hàng ngàn nam và nữ quân nhân phục vụ ở Cuộc chiến vùng Vịnh Ba Tư trong Chiến dịch Bão Táp Sa Mạc năm 1991 đã mắc phải nhiều chứng bệnh khác nhau, trong đó phổ biến là tình trạng mệt mỏi kinh niên, rối loạn tiêu hóa, nổi mẩn và các vấn đề hô hấp. Tôi nhận được nhiều lá thư buồn thảm từ những người cựu chiến binh, những người đã liều thân vì nước và giờ đây mất việc làm, không

thể cưu mang gia đình bởi chính những căn bệnh này. Tôi gặp một cựu chiến binh, Đại tá Herbert Smith, ông đã có cuộc sống thật mạnh khỏe và sung túc trước khi tham gia cuộc chiến Vịnh Ba Tư. Nhưng trong thời gian phục vụ Chiến dịch Bão Táp Sa Mạc, ông đã có những triệu chứng như nổi hạch, nổi mẩn, mệt mỏi, đau khớp và sốt. Sáu tháng sau, ông được trả về nhà. Tuy nhiên các bác sĩ đã không thể chẩn đoán được căn bệnh hay phương pháp trị liệu.

Tôi thật sự đau lòng khi nghe Đại tá Smith mô tả sự đau đớn ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác mà không hề biết tại sao mình bị bệnh. Mọi chuyện còn tệ hơn cho Đại tá Smith khi bị một vài bác sĩ quân y nghi ngờ về nguyên nhân căn bệnh. Một bác sĩ tố cáo ông ta tự làm chảy máu, giả làm bệnh mất máu để nhận được những lợi ích của thương binh. Đại tá Smith bị tổn thương thần kinh, hệ tuần hoàn, mất khả năng vận động và không thể tiếp tục làm việc. Tuy nhiên, người ta đã bỏ ngoài tai những lời van nài của ông và những cựu binh khác.

Tôi đã yêu cầu Chính phủ mở một cuộc nghiên cứu toàn diện về triệu chứng Chiến tranh vùng Vịnh, bao gồm cả việc xác định khả năng các quân nhân bị nhiễm các tác nhân hóa học, sinh học hay các chất độc hoặc bị ảnh hưởng bởi các đám cháy từ dầu lửa, chất phóng xạ hay những chất độc khác. Tôi đã gặp gỡ các sĩ quộ Quốc phòng cũng như của Sở Nhân văn, Sức khoẻ và Vấn đề cựu chiến binh để xác định những việc mà chính phủ cần phải làm nhằm đáp ứng được nhu cầu của các cựu chiến binh cũng như ngăn chặn những vấn đề tương tự xảy ra trong tương lai. Tôi đề nghị Bill chỉ định một Ủy ban Tư vấn Tổng thống nhằm xem xét vấn đề này. Sau đó, Tổng thống đã ký pháp lệnh về việc đảm bảo các quyền lợi thương binh cho các cựu binh Vùng Vịnh mắc phải các căn bệnh lạ và chỉ đạo Ban Quản lý Cựu chiến binh thiết lập các hệ thống quản lý và gạn lọc tốt hơn cho quân nhân trong tương lai.

Những vấn đề quốc nội như vậy chiếm hầu hết chương trình làm việc của tôi tại Nhà Trắng suốt mùa xuân 1995. Sau đó thì sự quan tâm của cả nước đã đổ dồn về một thảm kịch mà không ai có thể đo lường được.

Ngày 19 tháng 4 bắt đầu như một ngày bình thường với các cuộc họp và phỏng vấn. Khoảng 11 giờ sáng, tôi đang ngồi trên chiếc ghế ưa thích nhất của mình trong Phòng khách phía Tây, cùng xem lại lịch làm việc với Maggie và Patti thì Bill gọi khẩn cấp từ Phòng Bầu Dục để báo tin về vụ nổ tại Cao ốc Văn phòng Liên bang Alfred P. Murrah, ở thành phố Oklahoma. Ba chúng tôi lập tức lao vào nhà bếp bật chiếc TV nhỏ lên để xem những hình ảnh khủng khiếp đầu tiên trực tiếp từ hiện trường.

Sau đó vài giờ, chúng tôi được biết nguyên nhân vụ nổ là do một quả bom trên một chiếc xe tải gây ra, nhưng chưa có thông tin chắc chắn về kẻ đánh bom. Ngay lập tức Bill đã phái các lực lượng từ FEMA, FBI và các cơ quan chính phủ khác đến thành phố Oklahoma để xử lý tình huống khẩn cấp và tiến hành điều tra. Nhiều yếu nhân đã chết và bị thương vì các văn phòng liên bang đặt trong tòa cao ốc đã bị phá hủy hoàn toàn. Một nhân viên mật vụ, người vừa mới rời Nhà Trắng 7 tháng trước đó để nhận một nhiệm vụ ở Oklahoma, là một trong tổng số 5 nhân ên mật vụ bị sát hại vào ngày hôm đó. Có 19 trẻ em trong số 168 người vô tội bị chết trong vụ đánh bom, hầu hết bọn trẻ đang ở trong một nhà trẻ ở tầng hai của tòa nhà.

Những hình ảnh trực tiếp từ thành phố Oklahoma thật khủng khiếp: một bé gái nhỏ rũ rượi như con búp bê bằng vải được một lính cứu hỏa mang ra khỏi đống gạch đổ nát mù mịt khói, một nhân viên văn phòng hoảng loạn đang nằm trên cáng. Chính khung cảnh thân thuộc xung quanh hiện trường và số lượng thương vong làm cho cả nước Mỹ nhận thức rõ thảm kịch hơn bao giờ hết. Đó là thời điểm bị tấn công.

Thảm họa cũng nhắc chúng ta rằng "những quan chức nhà nước quan liêu”, những người luôn bị công kích bởi những kẻ chống chính phủ cực đoan, có thể là những người hàng xóm, những người bạn và người thân của chúng ta, rằng họ cũng có cuộc sống đời thường và họ có thể đánh mất cuộc sống đó.

Điều đầu tiên mà người dân cần chính là những thông tin về cuộc đánh bom và sự đảm bảo rằng chính phủ đã làm mọi thứ có thể nhằm bảo vệ họ khỏi những cuộc tấn công khác. Tôi đặc biệt lo ngại bọn trẻ biết về vụ nổ nhà giữ trẻ trong tòa nhà và chúng có thể lo sợ rằng trường học của chúng không được an toàn. Chúng tôi nói chuyện với Chelsea và muốn nó cho lời khuyên làm cách nào để trấn an bọn trẻ.

Vào thứ Bảy sau ngày đánh bom, Bill và tôi đã nói chuyện trong một chương trình truyền hình và truyền thanh với một nhóm các em nhỏ mà cha mẹ chúng là những nhân viên liên bang, cùng làm việc cho những cơ quan liên bang bị tấn công ở Oklahoma. Chúng tôi nghĩ điều quan trọng là chúng tôi phải nói ra những lo lắng về thảm họa khủng khiếp đó với tư cách là cha mẹ.

"Sự sợ hãi trước những gì khủng khiếp là điều hoàn toàn tự nhiên", Bil đã nói với bọn trẻ đang ngồi trên sàn nhà của Phòng Bầu Dục trong khi bố mẹ chúng đang đứng bên cạnh.

"Cô muốn các cháu biết rằng cha mẹ... yêu thương các cháu và cha mẹ đang

làm mọi thứ để chăm sóc và bảo vệ các cháu", tôi nói, "Trên thế giới này luôn có nhiều người tốt hơn những kẻ xấu và kẻ ác."

Bill nói với bọn trẻ rằng chúng tôi sẽ bắt giữ và trừng phạt những kẻ đã gây ra vụ đánh bom. Rồi anh bảo bọn trẻ hãy nói ra những suy nghĩ của chúng.

"Nó thật bần tiện", một đứa trẻ nói.

"Cháu cảm thấy buồn cho những người đã chết", một đứa khác nói.

Một câu hỏi làm tôi thật đau lòng và không biết phải trả lời ra sao: "Tại sao người ta lại muốn làm điều đó với những đứa trẻ vô tội đã không làm bất kỳ điều gì đối với họ?".

Cả nước đang trông cậy vào Bill và tôi biết anh là người có khả năng thấu cảm tuyệt vời cũng như khả năng kêu gọi sự đoàn kết của mọi người nhằm vượt qua những thời điểm khó khăn. Ngày hôm sau, chúng tôi đã trồng một cây sơn thù du ở Khu vườn phía Nam để tưởng niệm những nạn nhân, trước khi đi thăm gia đình của họ. Bill và tôi đã gặp gỡ riêng một số nạn nhân và gia đình trước khi tham dự một buổi cầu nguyện tưởng niệm lớn, tại đó Bill và Mục sư Billy Graham đã hứa giúp hàn gắn vết thương của quốc gia. Bất kỳ khi nào nhìn thấy Bill ôm các thành viên của những gia đình nạn nhân, trò chuyện với những người bạn đang đau khổ hay an ủi những người bệnh vô phương cứa chữa, tôi lại cảm thấy mình như phải lòng anh ấy một lần nữa. Sự đồng cảm xuấ phát từ những cảm xúc và sự quan tâm sâu sắc đã giúp anh ấy có khả năng chia sẻ với mọi người những đau thương mất mát.

Vào thời điểm chúng tôi đến thành phố Oklahoma, một kẻ tình nghi đã bị bắt, hắn ta có dính líu với những nhóm vũ trang chống Chính phủ. Dường như Timothy McVeigh đã chọn ngày 19 tháng 4 để tấn công đất nước mà hắn ta đã khinh miệt bởi vì đó là ngày kỷ niệm vụ cháy Waco khủng khiếp, giết chết hơn tám mươi thành viên của Giáo phái David, bao gồm cả trẻ con. McVeigh và đồng bọn đại diện cho những phần tử bạo lực và điên khùng của cánh hữu cực đoan mà những hành động của chúng làm cho những người Mỹ có lương tri phải ghê tởm. Những chương trình truyền thanh và những trang web của cánh hữu với lối nói khoa trương về sự cuồng tín, tức giận và sự hoang tưởng chống chính phủ đã làm bầu không khí thù địch càng nặng nề hơn. Nhưng vụ nổ bom ở thành phố Oklahoma dường như đã làm xẹp phong trào dân quân của cánh hữu và làm cho những kẻ cực đoan nhất trên làn sóng phát thanh phải im lặng.

Vào đầu tháng Năm, trong buổi đọc diễn văn phát bằng tại Đại học Michigan, Bill đã tuyên bố chống lại những "kẻ buôn bán thù hận", những phần tử chống Chính phủ quá khích: "Không có gì là yêu nước khi bạn tỏ ra căm thù đất nước hay giả vờ rằng bạn yêu nước nhưng lại khinh miệt Chính phủ của bạn".

Trong khi đất nước đang phải đương đầu với thảm họa ở thành phố Oklahoma, Văn phòng của Luật sư Độc lập (OIC) đã không hề ngơi nghỉ. Vào thứ Bảy, ngày 22 tháng 4, sau cuộc gặp mặt của chúng tôi với bọn trẻ tại Phòng Bầu Dục, Kenneth Starr và các trợ lý của ông ta đến Nhà Trắng để lấy lời khai của Tổng thống và tôi. Robert Fiske đã từng phỏng vấn tôi vào năm ngoái, trước khi ông ta bị thay thế nhưng đây là lần đầu tiên tôi chạm trán với Starr và phụ tá của ông ta. Cả David Kendall lẫn bản thân tôi không hề xem nhẹ việcị cho buổi phỏng vấn. Biết rõ rằng từng lời nói của tôi sẽ bị OIC phân tích kỹ lưỡng, David nài nỉ tôi dành nhiều thời gian chuẩn bị cho dù có bận rộn đến đâu chăng nữa. Thường thì điều đó có nghĩa là tôi phải họp hành tới khuya hay trải qua nhiều giờ để tiêu hóa những thông tin trong những cặp hồ sơ bìa đen dày cộm mà anh ta đưa đến cho tôi. Dường như tôi bị ám ảnh khi nhìn thấy những tập hồ sơ đó bởi vì nó nhắc tôi nhớ đến những điều tầm thường và vụn vặt mà tôi phải đối phó khi tuyên thệ, tất cả những thứ này có thể được OIC sử dụng để ngáng chân tôi về mặt luật pháp.

Bill đã vào Phòng Hiệp ước (Treaty Room) để phỏng vấn, đó là phòng nghiên cứu của Tổng thống trên tầng hai của căn nhà. Đại diện cho Nhà Trắng là Abner Mikva, cựu thành viên Quốc hội và thẩm phán liên bang, hiện là luật sư của Nhà Trắng, và Jane Sherburne, một nhà lập pháp đầy kinh nghiệm đã rời bỏ công ty luật tư nhân của mình để phụ trách các vấn đề pháp luật liên quan đến cuộc điều tra. Họ cùng phối hợp với các luật sư riêng của chúng tôi là David Kendall và cộng sự Nicole Seligman của anh, hai trong số những người thông minh nhất và tận tâm nhất mà tôi đã từng biết. Starr cùng với ba luật sư khác ngồi một phía của chiếc bàn hội nghị dài mà chúng tôi đã chuẩn bị cho buổi phỏng vấn và chúng tôi ngồi phía đối diện.

Khi Bill bước ra khỏi phòng phỏng vấn, anh ấy nói rằng cuộc trạm chán với Starr diễn ra một cách thân mật và tôi thật ngạc nhiên khi nghe Bill bảo Jane Sherburne dẫn Starr và các phụ tá đi tham quan phòng ngủ của Tổng thống Lincoln bên canh. Xét về tính cách, tôi không thể tỏ ra độ lượng như chồng mình và đây chỉ là một ví dụ đầu tiên về những điểm khác nhau giữa Bill và tôi trong cách ứng xử với Starr. Chúng tôi đều đang ở trị trí tâm bão nhưng dường như tôi bị vùi dập theo mỗi đợt gió trong khi Bill chỉ đơn giản lướt đi êm ả. Mỗi khi nghĩ đến việc bị những thành viên nòng cốt của Đảng Cộng

hòa lục lọi của mình, xem xét từng tấm séc mà chúng tôi đã ký trong 20 năm và quấy rối bạn bè của chúng tôi với những lời xin lỗi thật hời hợt là tôi phát điên lên.

Đảng Cộng hòa mở một mặt trận mới khi Al D'Amato, Nghị sĩ Cộng hòa ở New York và Chủ tịch Ủy ban Ngân hàng Thượng viện triệu tập phiên điều trần về vụ Whitewater. Tôi luôn giữ hòa khí với Nghị sĩ D'Amato, một trong những đại biểu cử tri lỗi lạc nhất mà tôi được biết, nhưng phiên điều trần mà ông ta và những đồng liêu Nghị sĩ Cộng hòa của ông ta thực hiện đã giáng một đòn thiệt hại nặng nề về vật chất và tinh thần lên những người vô tội.

Mặc cho phát hiện của Fiske về cái chết của Vince Foster là một vụ tự sát và không liên quan đến Nhà Trắng, D’Amato dường như quá luyến tiếc về cái chết của Vince nên đã cho tập hợp tất cả những nhân viên phụ tá cũ và mới ở Nhà Trắng phía trước máy quay và tra hỏi họ về vụ việc đau buồn đó. Maggie Williams, bình thường rất cứng rắn và mạnh mẽ, đã phát khóc vì những câu hỏi thật tàn nhẫn về cái chết của Vince Foster. Thật không thể chịu nổi khi phải chứng kiến Maggie bị xỉ vả liên tục và các hóa đơn chi phí pháp luật của cô ngày càng chất đống lên.

D’Amato gọi bạn tôi, Susan Thomases, là một kẻ nói dối khi cô cố trả lời các câu hỏi của ông ta. Cuộc chiến hàng chục năm với căn bệnh xơ cứng động mạch đã làm cho trí nhớ của Susan suy giảm và cô phải cố gắng thật nhiều để trả lời cuộc thẩm vấn hóc búa. Tôi không thể an ủi cô hay bất kỳ người nào vướng vào cơn ác mộng này, vì bất kỳ cuộc thảo luận nào của tôi với bất cứ ai về bất kỳ điều gì sẽ là cơ hội cho các thanh tra đi đến kết luận về việc đồng lõa hay mớm cung. Tôi tránh mọi thảo luận có thể dẫn đến việc họ buộc phải trả lời "Vâng" nếu bị hỏi là có nói chuyện với tôi trước đó

Một trong những thứ khó chịu nhất mà tôi từng chịu đựng là phải đứng ngoài lề, không thể lên tiếng để bảo vệ những người bạn, những đồng nghiệp của mình hay thậm chí không thể nói chuyện với họ về những bất công mà họ đang chịu đựng. Và sự việc còn tệ hại hơn nữa trước khi nó trở nên tốt đẹp hơn.

NỮ QUYỀN LÀ NHÂN QUYỀN

Việc bắt giữ một người có tư tưởng chính trị chống đối chính phủ là một việc xảy ra như cơm bữa tại Trung Quốc, cho nên việc Harry Wu bị tống vào tù lẽ ra đã không được các phương tiện truyền thông Hoa Kỳ để ý đến. Nhưng sự việc đã trở nên khác đi vì tại thời điểm đó, Trung Quốc đã được chỉ định đăng cai Hội nghị Quốc tế Lần thứ tư về vấn đề Phụ nữ của Liên hiệp quốc và tôi được mời làm chủ tịch danh dự cho phái đoàn Mỹ. tham dự hội nghị này. Wu là một nhà hoạt động nhân quyền, đã từng là tù nhân chính trị 19 năm tại các trại cải tạo ở Trung Quốc trước khi di dân sang Hoa Kỳ. Vào ngày 19 tháng 6 năn 1995, khi Wu bước vào địa phận tỉnh Tân Cương từ nước Kazakhstan láng giềng, ngay lập tức ông ta đã bị Chính quyền Trung Quốc bắt giữ

Mặc dù có chiếu khán nhập cảnh Trung Quốc hợp pháp, ông vẫn bị buộc tội làm gián điệp và bị tống vào tù để chờ ngày ra tòa. Chỉ sau một đêm, Harry Wu trở nên nổi tiếng và khả năng nước Mỹ tham gia vào hội nghị về vấn đề phụ nữ trở nên mong manh hơn vì các nhóm hoạt động nhân quyền, những nhà hoạt động xã hội gốc Trung Quốc và một vài thành viên của Quốc hội yêu cầu nước Mỹ tẩy chay hội nghị đó. Tôi có thể thông cảm với lý do của họ nhưng điều làm tôi thất vọng là một lần nữa, người ta lại sẵn sàng bỏ qua những vấn đề hết sức quan trọng của phụ nữ vì những chuyện khác.

Thông thường, các chính phủ (bao gồm cả nước Mỹ) chỉ giới hạn những chính sách đối ngoại xung quanh các vấn đề về ngoại giao, quân sự và thương mại, sự ổn định của các hiệp ước, điều lệ và nhưng thỏa ước. Còn những vấn đề như sức khỏe của nữ giới, giáo dục cho các bé gái, quyền bình đẳng về chính trị và luật pháp của nữ giới hay sự độc lập về kinh tế của họ ít khi được đề cập đến trong các cuộc thảo luận về chính sách đối ngoại. Tuy nhiên, theo tôi, trong xu hướng kinh tế toàn cầu mới, thật khó cho các quốc gia và khu vực có thể phát triển về kinh tế và xã hội trong khi vẫn tồn tại một tỉ lệ lớn số lượng những phụ nữ nghèo, thất học, bệnh tật và bị tước quyền bầu cử trên chính các quốc gia và khu vực đó.

Hội nghị Phụ nữ của Liên hiệp quốc được tổ chức nhằm tạo một diễn đàn quan trọng cho các nước bàn về các vấn đề chăm sóc sức khỏe trẻ em, sinh sản, tài chính, bạo hành trong gia đình, giáo dục cho các bé gái, kế hoạch gia đình, quyền bầu cử của nữ giới, quyền lợi về pháp luật và tài sản. Đây cũng là dịp để phụ nữ khắp thế giới chia sẻ những câu chuyện, những thông tin và chiến lược cho các hành động trong tương lai ở đất nước mình. Hội nghị diễn ra khoảng 5 năm một lần v tôi hy vọng sự hiện diện của tôi trong dịp

này sẽ là tín hiệu cho sự cam kết của nước Mỹ về nhu cầu và quyền lợi của nữ giới trong chính sách quốc tế.

Tôi đã làm việc về các vấn đề trẻ em và phụ nữ ở Mỹ trên 25 năm nay và biết rằng phụ nữ trên đất nước chúng ta đã đạt được những thành tựu lớn về kinh tế và chính trị mà phần lớn phụ nữ trên thế giới vẫn chưa có được. Tuy nhiên, hầu như chưa có một người nào, với khả năng thu hút sự chú ý của giới truyền thông, từng đứng ra đại diện cho tiếng nói của nữ giới.

Vào thời điểm Harry Wu bị bắt giữ, tôi cùng các nhân viên của mình đang gấp rút chuẩn bị kế hoạch cho hội nghị. Nhưng những kẻ đa nghi trong Quốc hội đã lời ra tiếng vào rằng nước Mỹ không nên tham dự. Trong số này có Nghị sĩ Jesse Helms và Phil Gramm, họ cho rằng hội nghị này "được hình thành như là một đại hội bất hợp pháp, cổ xúy cho quan điểm chống gia đình và chống Hoa Kỳ". Một vài thành viên Quốc hội tỏ thái độ nghi ngờ về bất kỳ sự kiện nào do Liên hiệp quốc tài trợ và chẳng hề quan tâm tới bất kỳ cuộc hội họp nào liên quan đến vấn đề phụ nữ. Sẵn với quan điểm luôn chống đối vấn đề nạo phá thai, Vatican cùng với một số nước Hồi giáo tỏ ra lo sợ rằng Hội nghị sẽ tạo một nền tảng quốc tế cổ vũ cho những quyền lợi của phụ nữ mà họ đang chống đối. Một vài chính trị gia cánh tả cũng không ủng hộ việc Mỹ tham gia hội nghị này vì Chính phủ Trung Quốc cho biết có khả năng những tổ chức phi chính phủ về các quyền lợi phụ nữ, như sức khỏe sinh sản, tài sản riêng, hỗ trợ tài chính và vấn đề khác sẽ không được phép tham dự chương trình họp chính thức. Chính quyền Trung Quốc đã gây khó khăn cho các nhà hoạt động xã hội của Tây Tạng và những nước khác trong việc xin visa vào Trung Quốc. Hơn nữa, mọi người cũng như bản thân tôi cảm thấy bất an trước tiếng tăm đáng buồn của nước chủ nhà về vấn đN nhân quyền và chính sách man rợ của họ trong việc buộc phá thai nhằm thực hiện "chính sách một con".

Ý thức rõ về những mối quan ngại của toàn bộ giới chính trị về vấn đề này, tôi đã cùng làm việc chặt chẽ với Melanne Verveer và nhân viên của Tổng thống nhằm tập hợp một phái đoàn đi Bắc Kinh. Cuối cùng, Tổng thống Bill Clinton đã đề cử những người từ nhiều lãnh vực khác nhau để đại diện cho đất nước, bao gồm Tom Kean từ Đảng Cộng hòa, cựu thống đốc bang New Jersey; Sơ Dorothy Ann Kelly, Hiệu trưởng Trường cao đẳng New Rochelle và Giáo sư Laila Al-Marayati, Phó chủ tịch Đoàn Phụ nữ Hồi giáo. Madeline Albright, Đại sứ Hoa Kỳ tại Liên hiệp quốc vào thời điểm đó, là trưởng phái đoàn chính thức.

Công sức sau nhiều tháng ròng họp hành về chiến lược với các đại diện của

Liên hiệp quốc và các nước có nguy cơ trở thành xôi hỏng bỏng không sau khi Wu bị tống vào tù. Trong sáu tuần sau đó, có rất nhiều ý kiến tranh luận về việc nước Mỹ có nên gửi phái đoàn đến hội nghị cũng như việc tôi có nên tham dự vào phái đoàn đó hay không. Tôi thật sự rơi vào tình trạng khó xử khi nhận một lá thư của vợ Wu. Bà ấy đang thật sự lo lắng về số phận của chồng mình, bà cho rằng việc tôi tham dự hội nghị "sẽ làm những nhà lãnh đạo ở Bắc Kinh hiểu nhầm về quyết tâm của Mỹ trong việc làm áp lực buộc Trung Quốc thả chồng bà".

Đó là một mối lo ngại chính đáng đối với bản thân tôi và những người khác ở Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao. Tôi biết Chính phủ Trung Quốc muốn sử dụng hội nghị này như một phương tiện để đánh bóng hình ảnh của mình đối với thế giới. Nếu tôi tham dự, tôi sẽ giúp hình ảnh Trung Quốc được cải thiện. Nếu tẩy chay, tôi sẽ tạo một hình ảnh xấu về giới lãnh đạo Trung Quốc. Chúng tôi đang ở trong một tình huống ngoại giao khó xử mà trong đó việc bỏ tù Harry Wu và việc tôi tham dự hội nghị có sự liên kết với nhau. Chính phủ Mỹ không ngừng tuyên bố cả trong nội bộ lẫn với công chúng rằng tôi sẽ không tham dự hội nghị nếu Trung Quốc vẫn không thả Wu. Khi những bất đồng trở nên gay gắt hơn và các giải pháp trở nên mờ mịt, tôi đã xem xét đến khả năng tự tham dự với tư cách cá nhân.

Việc ra quyết định còn rắc rối hơn khi xét đến những quan ngại không kém phần nghiêm trọng về tình trạng chung của quan hệ Trung - Mỹ. Sự căng thẳng giữa hai nước càng lên cao vì những bất đồng về vấn đề Đài Loan, sự phát triển hạt nhân, việc Trung Quốc bán tên lửa M-11 cho Pakistan và những vi phạm triền miên về nhân quyền. Quan hệ giữa hai nước càng trở nên xấu hơn vào giữa tháng Tám khi Trung Quốc ra oai bằng các buổi diễn tập quân sự tại eo biển Đài Loan.

Gần một tháng trước khi diễn ra hội nghị, chính phủ Trung Quốc đã quyết định chấm dứt việc tạo thêm tiếng xấu. Trong một phiên tòa vội vã ở Vũ Hán ngày 24 tháng 8, tòa án Trung Quốc đã buộc Harry Wu tội làm gián điệp và trục xuất ra khỏi Trung Quốc. Một vài bình luận viên truyền thông và ngay cả Wu cũng cho rằng Hoa Kỳ đã có một thỏa thuận chính trị với người Trung Quốc: Wu sẽ được phóng thích với điều. kiện tôi đồng ý tham dự hội nghị và không đưa ra những nhận xét phê phán về chính phủ của nước chủ nhà. Rõ ràng đây là một tình huống ngoại giao nhạy cảm nhưng thật sự là không có sự thỏa hiệp nào trong trường hợp này. Một khi vụ việc của Wu đã được giải quyết, Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao đã quyết định cử tôi tham dự hội nghị.

Sau khi trở về nhà ở Califomia, Wu đã chỉ trích quyết định của tôi. Ông ta lặp đi lặp lại rằng sự tham dự của tôi có thể bị hiểu nhầm như là một sự chấp nhận ngầm những vi phạm của Trung Quốc về nhân quyền. Đại biểu Quốc hội của ông ta, Nancy Pelosi đã gọi cho tôi và nói rằng sự có mặt của tôi sẽ là một hành động đánh bóng cho hình ảnh i Trung Quốc. Tôi và Bill đang đi nghỉ mát ở Jackson Hole, Wyoming, và chúng tôi đã thảo luận rất lâu về những điểm lợi và hại của quyết định này. Tổng thống ủng hộ quan điểm của tôi, một khi Wu đã được thả, cách tốt nhất để đối đầu với người Trung. Quốc về vấn đề nhân quyền là trực tiếp trên đất nước của họ. Tại buổi lễ kỷ niệm lần thứ 75 việc điều chỉnh hiến pháp Mỹ về quyền bầu cử của nữ giới ở Wyoming, Bill đã xoa dịu vấn đề và bảo vệ quan điểm Mỹ cần tham dự hội nghị vì điều đó rất quan trọng cho quyền lợi của phụ nữ. Tổng thống đưa ra thông điệp: "Hội nghị này tạo ra một cơ hội to lớn để ghi nhận những thành công lớn hơn về địa vị của phụ nữ".

Kỳ nghỉ hè của gia đình chúng tôi tại Tetons sắp kết thúc vào thời điểm gần cuối tháng Tám. Chúng tôi nghỉ tại một căn nhà kiểu phương Tây thật thoải mái của Nghị sĩ Jay Rockefeller và vợ của ông ta, Sharon. Tôi cảm thấy thật ganh tị với Bill và Chelsea, hai cha con đi bộ và cưỡi ngựa tại một trong những khung cảnh tráng lệ nhất ở Mỹ trong khi tôi phải dành nhiều thời gian để viết sách. Chelsea đã thuyết phục chúng tôi đi cắm trại vì trước đó nó đã từng tham dự một kỳ cắm trại lý thú năm tuần tại miền nam Colorado, nào đi thuyền vượt thác, leo núi, xây nhà trên cây và phát triển các kỹ năng ngoài trời khác. Tôi đã không đi cắm trại từ thời đại học và Bill thì chưa bao giờ, trừ một đêm mà chúng tôi ngủ trong xe hơi ở Công viên Yosemite trong một chuyến đi xuyên Mỹ. Chúng tôi muốn tham gia nhưng không có đủ kỹ năng cần thiết.Các nhân viên Mật vụ đã làm việc cật lực khi chúng tôi báo cho họ biết rằng mình muốn đi băng rừng và cắm trại tại một nơi hẻo lánh thuộc Công viên Quốc gia Grand Teton. Khi chúng tôi đến nơi cắm trại, họ đã đóng cọc xung quanh và có nhân viên đi tuần với ống nhòm ban đêm. Chelsea đã chê cười ý tưởng "đi bụi" của chúng tôi - một căn lều với một sàn gỗ và những tấm nệm hơi !

Chúng tôi rời Wyoming để đi Hawaii, nơi Bill đã đọc diễn văn nhân kỷ niệm lần thứ 50 Ngày V-J ở Trân Châu Cảng sau đó tại Nghĩa trang Tưởng niệm Quốc gia của Thái Bình Dương vào ngày 2 tháng 9 năm 1995. Nghĩa trang này, còn được biết đến với cái tên là Punchbowl vì nó nằm trên miệng một núi lửa đã tắt. Nơi đây có hơn 33.000 ngôi mộ của những người lính đã hy sinh trong trận chiến Pacific Theatre trong suốt Thế chiến thứ hai, trong trận chiến Trân Châu Cảng và sau này trong Chiến tranh Hàn Quốc và Việt Nam. Khung cảnh của những ngôi mộ đó cùng với hàng ngàn cựu chiến binh trong

Thế chiến thứ hai và thân nhân tham dự buổi lễ tưởng niệm là một lời nhắc nhở trang trọng về những hy sinh vĩ đại của cha ông để mang lại cho chúng ta tự do hôm nay.

Tôi thức suốt đêm trong ngôi nhà nhỏ ở Căn cứ Hải quân Kaneohe để viết sách và soạn bài diễn văn cho hội nghị ở Bắc Kinh. Sự kiện Harry Wu vô tình tạo ra một hiệu ứng quảng cáo lớn lao cho Hội nghị của Liên hiệp quốc. Giờ đây, mọi cặp mắt đang đổ dồn về Bắc Kinh và tôi biết họ cũng để mắt đến tôi nữa. Cùng với các nhân viên của mình, tôi đang chuẩn bị những bài bình luận nhằm bảo vệ quan điểm của Mỹ về nhân quyền và phát triển những khái niệm thông thường về nữ quyền. Tôi sẽ chỉ trích những vi phạm của chính phủ Trung Quốc, bao gồm những vụ ép buộc phá thai và việc thường xuyên ngăn trở tự do ngôn luận. và tự do hội họp. Không lâu sau, tôi phải bay 14 giờ đồng hồ tới Bắc Kinh trên chiếc Air Force One mà không có người bạn đồng hành tôi yêu quý nhất. Chelsea phải trở lại Washington cùng với cha để bắt đầu năm học.

Sau bữa ăn tối trên máy bay, đèn trên cabin được tắt đi và hầu hết mọi hành khách đều cuộn tròn trong chăn, đánh một giấc ngon lành khi máy bay đang bay qua biển Thái Bình Dương. Nhưng nhóm chuẩn bị diễn văn vẫn còn làm việc. Chúng tôi soạn đi soạn lại đến bản thứ năm hay thứ sáu và cần phải trình bày cho các chuyên gia thường trú về chính sách đối ngoại xem qua. Những chuyên gia này cùng với các quan chức hành chính và nhân viên phụ tá khác đã tháp tùng chúng tôi từ Honolulu. Winston Lord, cựu đại sứ ở Trung Quốc, người được Bill bổ nhiệm vào vị trí Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao phụ trách các vấn đề Đông Á Thái Bình Dương; Eric Schwartz, chuyên gia về nhân quyền của Hội đồng An ninh Quốc gia và Madeleine Albright đang tập trung quanh một bàn làm việc thiếu ánh sáng miệt mài nghiên cứu bài viết. Công việc của họ là tìm ra bất kỳ những điểm thiếu chính xác hay những lỗi ngoại giao ngoài ý muốn. Với tất cả những gì đã xảy ra, chỉ một chữ không chính xác trong bài diễn văn cũng có thể dẫn đến một tình trạng lộn xộn về mặt ngoại giao. Dù biết rằng việc xem xét này là thật sự quan trọng nhưng tôi vẫn lo lắng khi có các chuyên gia nhúng tay vào. Thông thường thì họ hay chú tâm đến các khía cạnh ảnh hưởng ngoại giao nên họ có thể biến một bài diễn văn hay thành một mớ hổ lốn. May mà trong trường hợp này thì không.

"Bà muốn đạt được gì ở đây?" , Madeleine hỏi tôi.

"Tôi muốn đẩy bầu không khí của hội nghị lên cao nhất có thể nhân danh những phụ nữ và các bé gái", tôi bảo.

Madeleine, Win và Eric khuyên tôi nên xoáy mạnh vào phần định nghĩa về nhân quyền và đề cập tới một sự khẳng định mới đây về những quyền đó tại Hội nghị Quốc tế về Nhân quyền được tổ chức tại Vienna. Họ đề nghị tôi bổ sung thêm những đoạn nói về những hậu quả chiến tranh đối với phụ nữ, đặc biệt là sự gia tăng tàn khốc của việc sử dụng hiếp dâm như là một sách lược của chiến tranh và số lượng phụ nữ phải đi lánh nạn vì xung đột không ngừng gia tăng. Quan trọng hơn cả là họ hiểu rõ điểm mạnh của bài diễn văn nằm ở tính đơn giản và sự cảm động của nho nên họ có thể giúp tôi tránh khỏi những rắc rối về mặt ngoại giao trong bài viết mà không làm ảnh hưởng đến tính chất riêng biệt của nó.

Mỗi ngày, Brady Wilhamson, một luật sư từ Wisconsin, trưởng nhóm tiên phong của tôi, nhận được rất nhiều câu hỏi của các quan chức Trung Quốc về những gì mà tôi sẽ nói trong bài diễn văn. Họ bày tỏ rõ ràng quan điểm của mình rằng họ luôn chào đón sự hiện diện của tôi tại hội nghị nhưng không muốn những lời nói của tôi đẩy họ vào tình thế khó xử và họ hy vọng rằng "tôi nên trân trọng lòng hiếu khách của Trung Quốc".

Trong những chuyến công tác như thế này, giấc ngủ là vô cùng quý giá. Chúng tôi thường xuyên ở trong tình trạng thiếu ngủ và dần dần hình thành thói quen dự các buổi họp, ăn tối và tham dự các sự kiện khác với cặp mắt nặng trĩu và cái đầu gục gặc. Sau cùng, chúng tôi cũng đến khách sạn Thế giới Trung Hoa, một trong những khách sạn sang trọng dành cho người nước ngoài ở Bắc Kinh, vào lúc nửa đêm. Tôi chỉ kịp chợp mắt trong vài giờ đồng hồ trước khi tham dự một buổi họp chính thức đầu tiên vào sáng thứ Ba, một hội thảo về sức khỏe phụ nữ do Tổ chức Y tế Thế giới tổ chức. Tại đây, tôi sẽ nói về mức độ cách biệt của việc chăm sóc sức khỏe phụ nữ ở những nước giàu như chúng ta và những nước nghèo.

Cuối cùng thì cũng đến lúc bước vào Hội trường Plenary, trông giống như một Liên hiệp quốc thu nhỏ. Tôi rất hồi hộp mặc dù đã từng diễn thuyết hàng ngàn lần. Tôi cảm thấy thật hứng thú với đề tài này vì tôi đang nói tiếng nói đại diện cho đất nước tôi. Đây là một cuộc đánh cược lớn cho nước Mỹ, cho Hội nghị, cho phụ nữ khắp nơi trên thế giới và cho bản thân tôi. Nếu thất bại, tôi sẽ bỏ qua một cơ hội hướng dư luận thế giới về việc cải thiện điều kiện cuộc sống, cũng như tạo ra nhiều cơ hội hơn trong cuộc sống cho . Tôi không muốn làm đất nước tôi, chồng tôi và bản thân mình phải hổ thẹn hay cảm thấy thất vọng. Tôi không muốn phá hỏng một cơ hội hiếm hoi nhằm thúc đẩy tiến trình nữ quyền.

Phái đoàn của chúng tôi bận rộn thương thuyết với các phái đoàn khác về

ngôn ngữ trong chương trình hành động của Hội nghị. Vài đại biểu rõ ràng là không đồng ý với chương trình nghị sự về phụ nữ của phái đoàn Mỹ. Tôi cảm thấy việc thuyết trình của mình càng khó khăn hơn, vì nữ quyền là một vấn đề rất nhạy cảm. Qua chương trình cải cách về chăm sóc sức khỏe, tôi nhận thấy rõ rằng nếu để cảm xúc lên cao độ sẽ không tốt cho việc thuyết trình trước công chúng. Cho nên lần này, tôi phải đảm bảo làm sao cho giọng nói của mình rành mạch rõ ràng, không làm rối thông điệp muốn truyền đạt. Dù thích hay không, phụ nữ luôn bị chỉ trích nếu họ bày tỏ quá nhiều cảm xúc trước đám đông.

Nhìn xuống cử tọa, tôi thấy phụ nữ, nam giới đủ màu da và chủng tộc, một số người mặc âu phục và nhiều người mặc trang phục truyền thống của họ. Phần đông mọi người đeo tai nghe để nghe phiên dịch trực tiếp bài diễn văn. Đó là một trở ngại mà tôi không lường trước. Khi tôi nói, không thấy phản hồi nào cả và tôi cảm thấy khó bắt nhịp hay đo lường phản ứng của đám đông vì những khoảng dừng trong các câu, đoạn trong tiếng Anh không trùng với hàng chục ngôn ngữ khác mà các đại biểu đang lắng nghe.

Sau khi cám ơn Gertrude Mongella, Tổng thư ký Hội nghị, tôi bắt đầu bài diễn văn bằng cách bày tỏ sự vinh hạnh được tham dự ngày hội trọng đại của phụ nữ toàn cầu.

Đây quả là một sự tán dương - một sự tán dương về những đóng góp mà phụ nữ đã làm trong mọi mặt của cuộc sống: trong gia đình, trong công việc, vì cộng đồng, như những người mẹ, người vợ, người chị, người con, học sinh, công nhân, công dân và những người lãnh đạo.... Cho dù chúng ta có vẻ bề ngoài khác nhau thế nào đi nữa, vẫn có những điểm chung giúp chúng ta đoàn kết với nhau thay vì chia rẽ. Chúng ta cùng chia sẻ một tương lai. Và chúng ta ở đây hôm nay là nhằm tìm thấy tiếng nói chung để có thể giúp mang lại phẩm giá và sự tôn trọng cho nữ giới trên toàn thế giới và bằng cách đó, chúng ta cũng mang lại sức mạnh và sự ổn định mới cho chính gia đình mình.

Tôi muốn giữ bài diễn văn của mình đơn giản, gần gũi và rõ ràng với thông điệp chính là nữ quyền không tách rời nhân quyền, nữ quyền không phải chỉ là một phần phụ của nhân quyền và thật quan trọng biết bao cho phụ nữ được tự lựa chọn cuộc sống của chính họ. Tôi kể cho khán thính giả nghe kinh nghiệm của chính bản thân cũng như các câu chuyện về những người phụ nữ và bé gái mà tôi gặp trên toàn thế giới, những người đang làm việc để quảng bá giáo dục, y tế, độc lập kinh tế, quyền lợi pháp lý, quyền tham gia vào chính trị để chấm dứt những bất bình đẳng, bất công mà phụ nữ phải gánh

chịu ở hầu hết các quốc gia.

Tôi muốn đẩy bài diễn văn lên cao trào, điều đó đồng nghĩa với việc phơi bày sự bất công trong cách hành xử của Chính phủ Trung Quốc. Giới lãnh đạo Trung Quốc đã ngăn chặn các tổ chức phi chính phủ tổ chức các diễn đàn phi chính phủ tại hội nghị chính ở Bắc Kinh. Họ buộc các tổ chức phi chính phủ về các vấn đề từ chăm sóc tiền sản đến cho vay tín dụng phải hội họp tại một địa điểm tạm bợ ở thành phố nhỏ Huairou, bốn mươi dặm. phía bắc, thiếu thốn về nơi ăn ở và cả trang thiết bị. Mặc dù tôi không hề nhắc đến Trung Quốc hay tên của bất kỳ quốc gia nào khác trong bài diễn văn, mọi người đều hiểu rõ tôi đã ám chỉ ai là tác giả của những vi phạm quá lộ liễu về nhân quyền đó.

Tôi tin chắc đêm giao thừa của thiên niên kỷ mới sẽ là thời điểm thích hợp để phá vỡ sự yên lặng. Đã đến lúc chúng ta phải nói rõ ngay tại đây, ngay tại Bắc Kinh này, cho toàn thế giới nghe rõ ràng quan điểm của chúng ta. Chúng ta không thể chấp nhận việc bàn luận về nữ quyền như một phần tách biệt khỏi nhân quyền... Lịch sử của nữ giới là một lịch sử câm lặng trong một khoảng thời gian đã quá dài. Và ngay cả trong thời hiện đại này vẫn có những người đang cố gắng buộc chúng ta phải im lặng.

Chúng ta hãy để cho mọi người trên thế giới nghe thật to thật rõ những tiếng nói vang lên từ hội nghị này, những tiếng nói của phụ nữ từ Huairou: đó là một sự vi phạm nhân quyền khi các em bé không được cho ăn, khi các bé gái bị dìm xuống nước, bị làm cho nghẹt thở, bị bẻ gãy xương sống, đơn giản chỉ vì chúng sinh ra là con gái.

Đó là vi phạm nhân quyền khi phụ nữ và các bé gái bị bán làm nô lệ trong các nhà chứa.

Đó là vi phạm nhân quyền khi phụ nữ bị tẩm đầu và đốt đến chết vì của hồi môn của họ quá ít ỏi.

Đó là vi phạm nhân quyền khi phụ nữ bị hãm hiếp ngay trong cộng đồng của mình và hàng ngàn phụ nữ bị các binh lính của phe thắng trận hãm hiếp như là một sách lược hay chiến lợi phẩm của chiến tranh.

Đó là vi phạm nhân quyền khi phụ nữ phải chịu đựng nạn bạo hành ngay trong nhà mình, bởi người thân của mình và đó là nguyên nhân chính dẫn tới rất nhiều cái chết của những người phụ nữ tuổi từ 14 đến 44 ở khắp nơi trên thế giới.

Đó là vi phạm nhân quyền khi những bé gái bị đối xử tàn bạo bởi hủ tục cắt âm vật.

Đó là vi phạm nhân quyền khi phụ nữ bị từ chối quyền lập kế hoạch cho gia đình riêng của mình và bị buộc phá thai hay mang thai khi bản thân họ không muốn.

Nếu chỉ có một thông điệp vang lên từ hội nghị này, hãy để nhân quyền là nữ quyền và nữ quyền là nhân quyền, một lần và mãi mãi.

Tôi kết thúc bài diễn thuyết với lời kêu gọi mọi người khi trở về đất nước của mình hãy hành động để cải thiện những cơ hội về giáo dục, sức khỏe, pháp luật và chính trị cho phụ nữ. Khi tôi vừa dứt lời: "Cám ơn các bạn rất nhiều. Chúa sẽ phù hộ các bạn, việc làm của các bạn và tất cả những phụ nữ trên đất nước các bạn, những người được hưởng lợi ích từ việc làm đó", các đại biểu với những gương mặt nghiêm trang và cứng đờ bỗng đứng bật dậy và vỗ tay hoan nghênh. Các đại biểu vội vã đến nắm tay tôi để chúc mừng, họ đã hô to những lời cảm kích, cám ơn tôi đã đến tham dự hội nghị. Ngay cả phái đoàn Vatican cũng khen ngợi bài diễn văn của tôi. Bên ngoài hội trường, nhiều phụ nữ đứng chồm lên hành lang, nhiều phụ nữ vội vã xuống thang máy để đến nắm tay tôi. Tôi cảm thấy thật sung sướng vì thông điệp của mình đã tạo được tiếng vang, và thật nhẹ nhõm khi những bài báo cũng hết lời khen ngợi. Trang xã luận của tờ The New York Times viết "có lẽ bài diễn thuyết là một khoảnh khắc tuyệt vời nhất trong cuộc đời của bà ấy". Lúc đó tôi không hề biết bài diễn văn 21 phút của tôi đã trở thành bản tuyên ngôn của phụ nữ trên toàn thế giới. Mãi cho đến hôm nay, mỗi khi tôi đi ra nước ngoài, nhiều phụ nữ đến gặp tôi và nhắc lại những từ trong bài diễn thuyết ở Bắc Kinh hay đưa những bản photo của bài diễn văn đó và xin chữ ký của tôi.

Phản ứng của chính phủ Trung Quốc trước bài diễn văn không được tích cực cho lắm. Sau đó, tôi được biết chính phủ đã cho xóa toàn bộ bài diễn văn của tôi trên hệ thống truyền hình cáp trong sảnh hội nghị, hệ thống truyền hình này được sử dụng để phát đi những điểm nổi bật từ hội nghị.

Một điều bất hợp lý là trong khi các quan chức Trung Quốc luôn cố gắng kiểm soát chặt chẽ mọi nguồn thông tin mà người dân có thể tiếp nhận thì chính phủ lại cho phép mình theo dõi và nắm bắt mọi thông tin. Tôi phát hiện ra điều này khi chúng tôi quay lại khách sạn để nghỉ ngơi sau buổi diễn thuyết. Tôi đã không đọc một tờ báo nào kể từ khi chúng tôi rời Hawaii và tôi chỉ tình cờ nói với các phụ tá của mình rằng nếu có một tờ International

Herald Tribune để đọc thì thật là tuyệt. Vài phút sau, chúng tôi nghe một tiếng gõ cửa. Tờ Tribune đã được gởi đến hầu như ngay lập tức. Nhưng chúng tôi hoàn toàn không biết ai đã nghe được tôi muốn đọc tờ báo đó hay ai đã đưa nó đến.

Trước khi đi Trung Quốc, tôi được Bộ Ngoại giao và Sở Nội vụ hướng dẫn tường tận từ những thông tin tình báo cho đến những vấn đề về nghi thức ngoại giao. Họ cảnh báo với tôi rằng mọi thứ tôi nói hay làm đều có thể bị thu hình, đặc biệt là ở trong phòng khách sạn.

Cho dù tờ báo được gửi tới một cách tình cờ hay là một minh chứng về biện pháp an ninh nội bộ của chính phủ Trung Quốc, chuyện đó đã làm chúng tôi cười một phen ra trò khi phát hiện ra là tất cả chúng tôi quá căng thẳng về chuyện bị theo dõi và thu âm. Sau vụ tờ báo, các nhân viên của tôi thường nháy mắt với màn hình tivi và nói chuyện với bóng đèn, yêu cầu bánh pizza, thịt nướng và sinh tố thật to với hy vọng là những tay an ninh sẽ mang đến. Nhưng ba ngày sau đó, không có bất kỳ thứ gì được mang đến ngoại trừ tờ báo.

Ngay hôm sau buổi thuyết trình ở Bắc Kinh, tôi đã đến Huairou để những người đại diện của các tổ chức phi chính phủ, những người mà diễn đàn của họ bị loại ra khỏi chương trình hội nghị chính trước đó. Cùng đi với tôi có một thành viên khác của phái đoàn Mỹ, bà Donna Shalala, Bộ trưởng tận tụy của Bộ Y tế và Nhân văn. Bà phục vụ trong nội các của Bill suốt tám năm, nổi tiếng là một người hết sức tận tụy nhằm cải thiện vấn đề an sinh và sức khỏe của người dân Hoa Kỳ. Và tính kiên định của bà sẽ được thử thách ở Huairou. Đó là một ngày ảm đạm mưa như trút nước, trời rét căm căm. Chúng tôi đi về hướng bắc trên một chiếc xe nhỏ, đi qua những cánh đồng bằng phẳng và những ruộng lúa để đến địa điểm Diễn đàn của tổ chức phi chính phủ. Mặc dù đã cẩn thận dời diễn đàn đến một địa điểm cách xa hội nghị chính của Liên hiệp quốc, các quan chức Trung Quốc vẫn lo lắng về khả năng hàng ngàn phụ nữ hoạt động xã hội sẽ đến Huairou. Theo quan điểm của họ, sự có mặt của tôi chỉ làm những người chống đối tiếp tục leo thang. Họ không hài lòng vì tôi đã chỉ trích chính phủ của họ trong bài diễn thuyết trước đó một ngày và họ càng lo ngại hơn về những gì mà tôi sẽ nói với những người phụ nữ mà họ đã đẩy ra khỏi Bắc Kinh.

Vì trời mưa nên diễn đàn đã được dời vào bên trong một căn nhà, nơi đã từng là một rạp chiếu phim. Khi chúng tôi đến, ngôi nhà đã chật kín với 3.000 người, gấp đôi sức chứa của nó. Hàng trăm người nữa đang cố gắng len vào trong. Đứng bên ngoài nhiều giờ liền dưới trời mưa tầm tã, bùn nhão

lép nhép dưới chân là những người hoạt động xã hội bị cảnh sát Trung Quốc ngăn chặn. Khi chiếc xe chở chúng tôi đến, cảnh sát đã dùng dùi cui đẩy đám đông ra khỏi lối vào. Đây không phải là một sự đối đầu lịch sự. Khi cảnh sát đẩy mạnh hơn, nhiều người trong đám đông phải cố gắng lắm mới đứng vững được. Vài người ngã nhoài trong biển bùn trơn trợt

Melanne và Neel Lattimore đến trước tôi. Neel là thư ký báo chí hàng đầu của tôi. Anh ấy rất nổi tiếng với những câu pha trò súc tích và khả năng xử lý tinh tế trong quan hệ với giới truyền thông. Neel đã luôn thể hiện tính chuyên nghiệp và sự hài hước trong công việc của mình, một trong những công việc được xem là khó nhọc nhất ở Nhà Trắng. Khi Melanne bị xô đẩy trong đám đông, một nhân viên mật vụ đã nhận ra cô và với tay ra cho cô. Melanne chộp lấy cánh tay của nhân viên mật vụ này như thể với được phao cứu hộ và anh ta kéo cô vào trong. Kelly Craighead gan dạ đã cùng với những nhân viên mật vụ chen vào đám đông để tìm Donna và các thành viên bị thất lạc khác và kéo họ ra một cách an toàn. Khi họ bắt kịp chúng tôi, quần áo của tất cả mọi người đều ướt sũng. Nhưng dù sao cũng còn đỡ hơn là không có gì để mặc! Neel đang lo chăm sóc đám báo chí; anh đưa họ xuống xe buýt và chậm lại phía sau để bảo đảm rằng không có ai bị sót lại. Đến lúc anh bắt đầu băng qua đám đông đang ướt sũng dưới mưa thì chính bản thân anh lại bị mắc kẹt. Khi anh yêu cầu một trong những sĩ quan Trung Quốc đang giám sát đám đông giúp đỡ, anh bị người này la hét, xô đẩy và buộc phải rời khỏi hiện trường cùng mọi người. Anh không thể vào bên trong để tìm kiếm chúng tôi và họ cũng không cho phép anh đứng đợi gần những chiếc xe của chúng tôi. Cuối cùng, anh đành phải tự xoay xở trở về Bắc Kinh.

Việc sử dụng những biện pháp lạnh của cảnh sát Trung Quốc phía bên ngoài tòa nhà càng tiếp thêm năng lượng cho những người đại diện của các tổ chức phi chính phủ. Họ hò hét, la to, vỗ tay và chúc mừng khi tôi bước lên sân khấu.

Tôi thích tình cảm mà đám đông dành cho tôi. Tôi nói với họ rằng tôi thật sự khâm phục và đánh giá cáo công việc mà họ đang làm, một việc đòi hỏi sự đương đầu thường xuyên với những mối nguy hiểm nhằm để xây dựng và gìn giữ một ội văn minh và dân chủ. Những tổ chức phi chính phủ chính là lực lượng trung lập giúp kiểm tra những thành phần kinh tế tư nhân và chính phủ. Tôi nói về những tổ chức phi chính phủ mà tôi đã từng gặp gỡ trên khắp thế giới rồi tôi đọc bài thơ "Sự im lặng" mà một nữ sinh ở New Delhi đã viết cho tôi. Đó quả là một bài thuốc giải độc tuyệt vời dành cho hành động đàn áp của chính phủ Trung Quốc đối với diễn đàn của các tổ chức phi chính phủ

với tham vọng dập tắt những ý kiến và tiếng nói của rất nhiều phụ nữ. Tôi thật sự khâm phục lòng can đảm và sự đam mê của những phụ nữ đã đi hàng ngàn dặm đường bằng chi phí cá nhân nhằm phá vỡ sự im lặng và lên tiếng vì sự nghiệp của mình. Những hình ảnh mà tôi chứng kiến ở Huairou vẫn còn đọng mãi trong tâm trí tôi nhiều năm sau đó. Nếu chỉ sống ở một nơi thì khó có thể thấy được sự khác nhau giữa việc sống trong một xã hội tự do và sống dưới sự kiểm soát của chính phủ.

Khi biết tôi sẽ đi Trung Quốc trong một chuyến đi đầy tranh cãi, Chính phủ đã đề nghị tôi ghé Mông Cổ một đêm. Đất nước này đã từng là vệ tinh của Liên Xô trước đây nhưng đã quyết định chọn con đường dân chủ vào năm 1990 hơn là đi theo sự dẫn dắt của đất nước Trung Quốc láng giềng. Nền dân chủ non trẻ này đang vật vã vì nguồn viện trợ của Liên Xô đã bị cắt và đất nước này đang phải đối mặt với thời kỳ kinh tế khó khăn. Điều quan trọng mà nước Mỹ cần làm là giúp đỡ nhân dân Mông Cổ và chính quyền mà họ đã bầu ra. Việc Đệ nhất Phu nhân Hoa kỳ đến thăm một trong những thủ đô nằm ở phần hẻo lánh nhất của thế giới là một cách để thể hiện sự ủng hộ đó.

Ulan Bator là thủ đô lạnh nhất trên thế giới nên tuyết rơi vào đầu tháng Chín là một hiện tượng bình thường. Nhưng ngày chúng tôi đến, bầu trời thủ đô trong như pha lê với ánh nắng chói chang. Chúng tôi đi xe khoảng để đến vùng thảo nguyên thăm một trong hàng ngàn gia đình sinh sống theo kiểu dân du mục. Ba thế hệ của gia đình này cùng sống trong hai căn lều lớn, gọi là gers làm từ da dày trải trên một khung gỗ. Tôi có mang theo một cái yên ngựa làm bằng tay và tặng cho người ông của gia đình, tôi nói với ông, chồng tôi cũng lớn lên từ một vùng có nhiều ngựa và trâu bò. Thông qua người phiên dịch tôi biết đó là ngôi nhà mùa hè của họ và họ chuẩn bị chuyển đến ngôi nhà mùa đông gần sa mạc Gobi, nơi có khí hậu dễ chịu hơn. Họ di chuyển bằng xe ngựa, mang theo gia súc và sống chủ yếu nhờ vào thịt, sữa ngựa và những sản phẩm từ sữa ngựa, giống như tổ tiên họ hàng trăm năm trước.

Cuộc sống dựa vào đồng cỏ của họ gây cho tôi một ấn tượng thật sâu sắc về sự bao la, thanh bình và vẻ đẹp của tự nhiên. Những đứa trẻ đua ngựa trong khi người mẹ xinh đẹp của chúng chỉ cho tôi cách vắt sữa ngựa. Mỗi một mét vuông bên trong căn lều đều được tận dụng triệt để. Chiếc radio rỉ sét và cũ kỹ là dấu hiệu duy nhất của kỹ thuật hiện đại. Họ mời tôi một tô sữa ngựa vì đó là tập tục hiếu khách của người Mông Cổ.

Sữa ngựa ấm và có vị giống như sữa chua quá ngày, không hợp khẩu vị của tôi nhưng cũng không đến nỗi quá khó uống. Tôi mời một vài người trong

giới báo chí Mỹ uống thử nhưng họ đều từ chối. Hôm sau, bác sĩ Doom, một trong số những bác sĩ của Nhà Trắng đi theo đoàn, phát hiện ra việc tôi đã phiêu lưu với thực phẩm lạ. Ông bắt tôi phải uống một liều thuốc trụ sinh mạnh để ngừa bệnh gia súc nguy hiểm.

Ông ấy la tôi: "Bà không biết là bà có thể mắc bệnh brucellosis (bệnh do vi khuẩn từ trâu bò sinh ra) từ sữa tươi à?"

Tôi thật sự bị nơi đây và cuộc sống của họ quyến rũ, nhưng tôi đã có lịch hẹn ăn trưa với ống Ochirbar, tiếp theo là buổi tiệc trà với một nhóm phụ nữ và sau đó là buổi trò chuyện với các sinh viên của Trường Đại học Quốc gia. Chúng tôi đã phải đi.

Chúng tôi không thấy có dấu vết nào của nền văn hóa bản địa Mông Cổ ở thành.phố Ulan Bator này, vì Liên Xô đã phá hủy hầu hết các tòa nhà và di tích đặc trưng của .Mông CỔ và thay thế bằng những kiến trúc của kỷ nguyên Stalin nghèo nàn. Họ còn cấm người dân nhắc đến cái tên Genghis Khan, vị lãnh tụ của đế quốc Mông Cổ rộng lớn vào thế kỷ 13. Khi xe chúng tôi đến Ulan Bator, dân chúng đứng trên lề đường nhìn chúng tôi một cách tò mò. Họ không vẫy tay chào hay gọi chúng tôi như những đám đông ở nhiều nước khác. Sự khâm phục được bày tỏ một cách lặng lẽ. Tôi thật sự cảm kích đám đông dân chúng tụ tập chào đón mình, một nhân vật quan trọng người Mỹ mặc dù sau đó tôi phát hiện ra rằng chỉ riêng đoàn xe hơi của chúng tôi đã là một nét lôi cuốn.

Khi diễn thuyết ở trường đại học, tôi phải dừng lại sau mỗi đoạn để người phiên dịch dịch ra tiếng Mông Cổ. Tôi đã ca ngợi lòng can đảm của nhân dân Mông Cổ và những người lãnh đạo của họ, tôi động viên họ tiếp tục cuộc đấu tranh vì nền dân chủ. Winston Lord tin rằng Mông Cổ chính là một minh chứng hùng hồn cho những ai còn nghi ngờ khả năng tồn tại của nền dân chủ ở những nơi mà ta tưởng chừng như không thể. Và Lisa đệm thêm "Hãy để họ đến Mông Cổ!". Kể từ đó, bất cứ khi nào chúng tôi đến thăm một đất nước phải đấu tranh giành dân chủ, thì chúng tôi cùng hát "Hãy để họ đến Mông Cổ!". Và họ thật sự nên làm như vậy.

Khi bay về Mỹ, tôi vẫn nghĩ thật nhiều đến những người phụ nữ mà mình đã gặp trong suốt chuyến đi và thấy dường như tất cả họ đều gặp những ương tự nhau và cũng giống với những thách thức của tôi. Điều này đã tạo cho tôi một cảm giác thật gần gũi và một niềm tin vào sức mạnh đoàn kết của phụ nữ trên toàn thế giới. Nhiều bài báo đã viết về chuyến đi của tôi, nhưng chính những người phụ nữ mà cuộc đời và những thành công mà họ đạt được

trước những định kiến kỳ quặc mới xứng đáng được cả thế giới tôn trọng.
Chắc

ĐÓNG CỬA

Từ châu Á, tôi trở về vừa kịp lúc để lo việc nhập học của Chelsea. Mặc dù con bé vẫn còn thích được mẹ nuông chiều giúp đỡ, nó cũng đã 15 tuổi và rất muốn được thử thách tính độc lập của bản thân. Tôi phải nhượng bộ khi nó nài nỉ được đi xe chung với các bạn thay vì phải luôn ngồi phía sau xe do nhân viên mật vụ lái. Tôi muốn nó sống một cuộc sống bình thường của tuổi thiếu niên mặc dù cả hai vợ chồng chúng tôi đều biết hoàn cảnh của nó không bình thường chút nào. Cho dù việc sống ở Nhà Trắng hiển nhiên là khác biệt so với những đứa trẻ khác, cuộc sống của con bé luôn xoay quanh bạn bè, trường học, nhà thờ và ba lê. Năm ngày một tuần, sau giờ học, nó tập múa ba lê một vài giờ tại Trường Ba lê Washington, sau đó quay trở về Nhà Trắng để đối mặt với hàng núi bài tập về nhà dành cho các học sinh phổ thông vì chúng phải cậtực chuẩn bị cho kỳ tuyển sinh vào đại học sắp đến. Chelsca không còn thích lúc nào cũng có mẹ bên cạnh nên tôi có nhiều thời gian hơn để hoàn tất quyển sách của mình (It Takes a Village). Tôi phải bỏ ra nhiều giờ để viết cũng như tuyển người phụ giúp để có thể kịp thời hạn xuất bản vào ngày lễ Tạ ơn.

Vào tháng Mười, tôi dự định đi châu Mỹ La tinh lần đầu tiên để tham dự cuộc gặp mặt thường niên của các Đệ nhất Phu nhân ở vùng Tây Bán cầu. Trước đó vào tháng 12 năm 1994, ở Miami, tôi và Bill đăng cai tổ chức cuộc gặp thượng đỉnh các nước thuộc châu Mỹ, dịp đó đã cho phép chúng tôi cơ hội gặp gỡ tất cả các lãnh tụ và phu nhân ở Tây Bán cầu. Bill kiên quyết nhấn mạnh vai trò chủ đạo của Mỹ trong việc đề cao các giá trị dân chủ trong khu vực vì trừ Cuba, các nước còn lại đều theo chế độ dân chủ.

Đây là một tin tức tốt lành cho người dân trong khu vực và cả nước Mỹ, nhưng chính phủ Mỹ cần phải giúp đỡ các nước láng giềng cải thiện kinh tế, xóa nghèo đói, giảm mù chữ và cải thiện y tế. Việc chấm dứt xung đột nội bộ, triển vọng mở rộng thương mại và các cơ hội đầu tư có thể giúp nâng cao mức sống trong khu vực để một ngày nào đó có thể hình thành một khối liên minh Tây Bán cầu từ cực bắc Canada cho đến mũi phía nam ở Argentina. Nhưng có hàng tỉ việc cần phải làm để đạt được sự thịnh vượng đó.

Tuy nhiên, trong chuyến này, chúng tôi đi về phía nam của châu Mỹ với mục đích kiểm tra các chương trình phát triển của Mỹ nhằm giúp đỡ phụ nữ và trẻ em trong khu vực, mà tình trạng cuộc sống của họ sẽ phản ánh được mức tiến bộ về chính trị và kinh tế của một đất nước. Tôi nóng lòng muốn làm việc với các đồng nghiệp nhằm phát triển và thực hiện một chương trình chung để xoá bỏ bệnh sởi và giảm tỉ lệ tử vong của thai nhi ở khắp Tây Bán

cầu. Ở quá khứ,chính sách đối ngoại với các nước trong khu vực, các chính phủ Mỹ có khuynh hướng dành các khoản viện trợ tài chính cho các lực lượng quân sự nhằm đối đầu với chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội trên các quốc gia đó, nhưng thực tế đôi khi những lực lượng quân sự này lại đàn áp chính người dân của đất nước họ. Những năm sau đó, các Chính phủ Mỹ lại tiếp tục ủng hộ những hệ thống cải tổ vi phạm nhân quyền, từ El Salvador tới Chile. Nhưng Chính phủ Mỹ dưới thời Tổng thống Clinton muốn cho thế giới biết rằng nước Mỹ ngày nay không làm ngơ trước những vi phạm về nhân quyền như thế.

Điểm dừng chân đầu tiên của tôi là Nicaragua, một đất nước có trên bốn triệu dân, đã trải qua những năm tháng nội chiến và một cơn động đất khủng khiếp gần như san bằng thủ đô Managua năm 1972. Violeta Chamorro, Nữ Tổng thống đầu tiên của Nicaragua, đứng đầu một chính phủ đầy tham vọng nhưng lại quá mỏng manh của một đất nước nổi tiếng với chiến tranh và chế độ độc tài trong nhiều thập kỷ qua. Năm 1990, lần đầu tiên trong lịch sử Nicaragua, Tổng thống Chamorro đã bất ngờ giành chiến thắng và trở thành người lãnh đạo phong trào đối lập của một trong những cuộc bầu cử dân chủ hợp pháp đầu tiên. Bà là một người thanh lịch và có tính cách đặc biệt. Bà đã tiếp tôi tại điền trang ở Managua. Bà đã biến nơi này thành một đền thờ cho người chồng quá cố của mình, một người biên tập báo đã bị những lực lượng trung thành của nhà độc tài Anastasio Somoza ám sát vào năm 1978. Trong sân sau của ngôi nhà có trưng bày chiếc xe hơi bị bắn nát của chồng bà - một vật kỷ niệm mang tính biểu trưng cho một đất nước đầy rẫy những mối nguy hiểm mà bà đang điều hành. Một lần nữa, tôi thật sự thán phục trước sự can đảm của người phụ nữ mà bi kịch cá nhân đã dẫn dắt bà đến cuộc đấu tranh cho nền dân chủ và chống lại thế lực đối nghịch.

Tại một trong những vùng nghèo nhất của Managua, tôi đã viếng thăm những phụ nữ đã sáng lập tổ chức tín dụng nhỏ với tên gọi "Những bà mẹ thống nhất". Với nguồn tài trợ của USAID và sự điều hành của FINCA (Tổ chức Giúp đỡ Cộng đồng Quốc tế) những người phụ nữ này đã là một minh chứng cho sự thành công của chương trình hỗ trợ nước ngoài của Mỹ. Họ cho tôi xem những sản phẩm mà họ làm hoặc mua để bán lại như mùng, dụng cụ nướng, phụ tùng xe hơi. Tôi thật sự ngạc nhiên khi một trong số những người phụ nữ đó bảo đã nhìn thấy tôi trên truyền hình lúc tôi đang đến thăm một địa điểm trong dự án SEWA ở Ahmadabad, Ấn Độ. Cô ấy hỏi tôi: "Những người phụ nữ Ấn Độ có giống chúng tôi không?". Tôi bảo với cô ấy rằng những người phụ nữ Ấn mà tôi gặp cũng mong muốn cải thiện cuộc sống bằng cách kiếm ra nhiều tiền để trang trải chi phí học hành cho con, sữa chữa nhà cửa và tái đầu tư vào công việc kinh doanh. Những người này đã

giúp tôi có thêm nghị lực để có thể vận động được nhiều hơn các nguồn tài trợ của chính phủ Mỹ cho các dự án tín dụng như trên khắp thế giới cũng như thiết lập các dự án tín dụng nhỏ trên chính đất nước của chúng ta. Năm 1994, tôi đã cổ động cho việc thành lập Quỹ Tài chính Phát triển cộng đồng (CDFI) để hỗ trợ các ngân hàng cộng đồng trên khắp nước Mỹ nhằm cung cấp các khoản vay và nợ tài chính cho những người dân nghèo khó, túng quẫn nhưng bị các ngân hàng truyền thống từ chối cho vay. Tôi tin tưởng rằng tín dụng nhỏ có thể giúp được nhiều người nhưng điều quan trọng là cần phải có những chính sách kinh tế quốc gia tốt như ở Chile, nơi tôi đã viếng thăm tiếp sau đó.

Chile đã trải qua những năm tháng dưới chế độ độc tài tàn bạo của Tướng Augusto Pinochet, người bị bãi nhiệm vào năm 1989. Dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Eduardo Frei do dân bầu, Chile đã trở thành một mô hình thành công tầm cỡ toàn cầu về chính trị và kinh tế. Vợ của Frei, Marta Larrachca de Frei, là mẫu Đệ nhất Phu nhân mà tôi thật sự mến mộ. Với sự trợ giúp của một nhóm nhân viên chuyên nghiệp, bà giải quyết nhiều vấn đề từ tín dụng đến cải cách giáo dục. Trong một dự án tín dụng ở Santiago, thủ đô của Chile, tôi và Marta gặp một phụ nữ sử dụng số tiền vay để mua một chiếc máy may mới cho tiệm may của mình. Khi cô ấy nói với chúng tôi rằng cô có cảm giác "giống như chim sổ lồng", tôi thật sự tin rằng cuối cùng tất cả phụ nữ trên thế giới sẽ được tự do lựa chọn cuộc sống của riêng họ - giống như bốn đứa con yái của Marta và con gái của tôi.

Femando Henrique Cardoso, Tổng thống Brazil từ năm 1994, cũng đã đi đến quyết định cải tổ nền kinh tế sau một thời kỳ bất ổn. Vợ của ông, Ruth Cardoso, một nhà xã hội học, nắm giữ một vị trí chính thức trong chính phủ của chồng mình nhằm cải thiện điều kiện sống của những người Brazil nghèo khổ trong các thành phố đông đúc và những vùng nông thôn rộng lớn. Tôi đã gặp gỡ gia đình Cardoso tại phủ Tổng thống ở Brasilia, một tòa nhà hiện đại bằng kính, thép và đá hoa cương. Tại buổi gặp mặt với Ruth, chúng tôi đã bàn về tình trạng của phụ nữ Brazil. Đó là một tình trạng thật trớ trêu. Những phụ nữ có trình độ và giàu có thì lại có nhiều cơ hội rộng mở, ngược lại với phần đông phụ nữ Brazil thì thiếu học vấn và thiếu cơ hội để phát triển. Gia đình Cardoso nói với tôi rằng họ đang tập trung vào việc thay đổi hệ thống giáo dục hiện tại với nhiều bất công ngày càng sâu sắc vì giáo dục tiểu học công chỉ mở một vài giờ trong ngày tại nhiều miền của đất nước, cơ hội giáo dục chất lượng cao chỉ dành cho những người có đủ tiền để học ở trường tư hay thuê thầy dạy riêng. Việc tiếp cận giáo dục bậc cao phần nhiều chỉ dành cho những sinh viên có khả năng, nhưng phần lớn họ thuộc tầng lớp trên của xã hội

Sự bất bình đẳng giữa giàu và nghèo càng rõ hơn khi chúng tôi ghé thăm thành phố Salvador de Bahia trên bờ biển Brazil. Salvador là một thành phố mang đậm những ảnh hướng của người Brazil gốc Phi mà tổ tiên họ được đưa đến đây như những người nô lệ. Tại một quảng trường đầy ắp người vui chơi đầy vẻ hân hoan, tôi đã xem buổi biểu diễn của Olodum - một ban nhạc địa phương nhưng trở nên nổi tiếng nhờ hát lại những bài hát của Paul Simon. Olodum gồm khoảng 12 chàng trai trẻ chơi trống với đủ kích cỡ và hình dạng. Họ chơi nhạc điện tử đinh tai trong khi đám đông đang nhảy trên những hòn đá cuội.

Trong khi Olodum tạo ra cảm giác tích cực về cuộc sống của người dân ở Salvador, bệnh viện phụ sản mà tôi viếng thăm buổi sáng hôm sau lại thể hiện rõ những cơ cực hàng ngày nơi đây. Một nửa số bệnh nhân là thai phụ, nửa còn lại là bệnh nhân phụ khoa, nhiều người trong số đó thú nhận bị mắc bệnh vì phá thai lậu. Bộ trưởng Y tế hướng dẫn tôi tham quan sáng hôm đó đã nói rằng mặc dù có luật chống phá thai nhưng "Những phụ nữ giàu thì có thể áp dụng biện pháp tránh thai nếu cần, trong khi những phụ nữ nghèo thì không".

Khi tôi đến Asunción, thú đô của Paraguay,. một đất nước không có biển, để gặp gỡ các vị Đệ nhất phu nhân của khu vực Tây bán cầu, tôi đã nhìn thấy vô số những khó khăn mà châu Mỹ La tinh đang phải đối diện cũng như những biện pháp triệt để cho những vấn đề đó. Trong buổi hội thảo, chúng tôi đã làm việc với nhau về một kế hoạch chủng ngừa cho tất cả trẻ em để phòng chống bệnh sởi và tạo cơ hội cho các em gái được đi học. Trên đường đến dự buổi tiệc do Tổng thống Juan Carlos Wasmosy và phu nhân là bà Maria Teresa Carrasco de Wasmosy tiếp đãi tại Dinh Tổng thống, tôi đã lên một chiếc xe buýt và ngồi vào chiếc ghế trống cạnh một phụ nữ tóc trắng có vẻ tử tế. Bà trông có vẻ quen quen, nhưng tôi không tài nào nhớ được bà là ai. Để biết được điều này, tôi thử hỏi là bà đã mất bao nhiêu thời gian trên đường đến Paraguay (để hình dung về vị trí địa lý của đất nước bà) và tình hình đất nước của bà như thế nào. "Tốt, ngoại trừ lệnh cấm vận", bà nói với vẻ mặt vô cảm.

Tôi đã ngồi cạnh Vilma Espin, chị vợ của Fidel Castro, người đại diện cho ông trong buổi họp. May mắn là không có ai hiểu sai về việc sắp xếp chỗ ngồi này là nhằm vào việc thiết lập tình hữu nghị với Cuba.

Mặc dù chuyến đi chỉ kéo dài có năm ngày, nó đã trở thành kim chỉ nam cho các chuyến đi đến miền Trung Mỹ, Nam Mỹ và vùng Caribbe trong tương lai. Việc giao tiếp cá nhân đã củng cố và xây dựng các mối quan hệ, giúp cho

việc hợp tác trong những dự án quan trọng được dễ dàng hơn.

Tôi đã từng thấy tầm quan trọng trong những mối quan hệ như thế trong bối cảnh của vùng Trung Đông. Một vài tuần trước chuyến đi Mỹ La tinh, Hoàng hậu Noor của Jordan, các Đệ nhất Phu nhân Leah Rabin của Israel và Suzanne Mubarak của Ai Cập đã đến Washington cùng với phu quân để ký một hòa ước quan trọng trong lịch sử nhằm chấm dứt tình trạng chiếm đóng của quân đội Israel ở những thành phố West Bank. Trước khi diễn ra nghi thức ký kết tại Phòng Đông vào ngày 28 tháng 9 năm 1995, tôi đã tổ chức buổi tiệc trà cho các phu nhân của những nhà lãnh đạo Trung Đông đến tham dự sự kiện này.

Leah, Suzanne, Noor và tôi chào đón nhau như những người quen cũ tại Phòng Bầu Dục Vàng ở tầng hai. Chúng tôi cố gắng chuẩn bị thật chu đáo để đón tiếp thành viên mới của nhóm, bà Suha Arafat, phu nhân của Chủ tịch Palestine. Tôi đã rất tò mò về bà. Tôi biết bà xuất thân từ một gia đình tiếng tăm. Mẹ của bà là Raymonda Tawil, một nhà thơ và tiểu thuyết gia nổi tiếng tiên tiến trong xã hội của bà. Suha trẻ hơn Arafat rất nhiều, đã từng làm việc cho PLO trước cuộc hôn nhân đầy bất ngờ với ông. Bà ấy vừa hạ sinh một bé gái và đó là đề tài chung để chúng tôi nói chuyện. Mỗi người chúng tôi đều cố gắng tạo không khí thật thoải mái cho bà ấy nhưng dường như Suha không được tự nhiên lắm.

Tôi thường bàn với Leah, Suzanne và Noor về các cuộc thương thuyết đang diễn ra. Chúng tôi giữ mối liên lạc và trao đổi thông tin thân mật với nhau nhưng tuyệt nhiên không bàn về các bí mật quốc gia. Thỉnh thoảng Noor hay Leah gọi cho tôi với một thông điệp rằng Vua hay Thủ tướng của họ muốn liên lạc với Tổng thống Mỹ thông qua những kênh thông tin không chính thức này.

Giờ đây, nhớ lại buổi chiều yên ắng đó của mùa thu năm 1995, tôi thấy như đó là khoảng lặng trước một cơn bão táp dữ dội.

Trong buổi ký kết hiệp ước cuối ngày hôm đó tại Phòng Đông, Vua Hussein đã đùa với tôi về luật cấm hút thuốc mà trước đó tôi đã đề nghị cho Nhà Trắng. "Ít nhất thì Thủ tướng Rabin và tôi đã không hút thuốc khi chúng tôi ở đây... cám ơn bà rất nhiều vì ảnh hưởng tích cực của bà về vấn đề này". Tôi đề nghị du di cho ông và Thủ tướng Rabin nhưng ông đã từ chối mọi "đặc quyền". "Hơn nữa", ông nói, "đảm bảo cuộc họp sẽ ngắn gọn thôi".

Buổi tiệc tối đó tại Corcoran Gallery đã trở thành một cuộc marathon diễn

thuyết. Sau cùng khi đến lượt Yitzhak Rabin phát biểu, ông đã nhìn thẳng vào Arafat, người có bài diễn thuyết dài như một thiên anh hùng ca, và nói: "Các bạn biết không... ở Israel, có một câu ngạn ngữ : Môn thể thao nào là của người Do Thái?... Đó là môn diễn thuyết". Ông ngừng lại một nhịp rồi tiếp: "Thưa Chủ tịch Arafat, tôi bắt đầu tin, rằngông sắp trở thành một người Do Thái rồi". Cả khán phòng cười ầm lên và Arafat cũng cười theo.

Sau khi quay về nước, Rabin đã cố hết sức để đảm bảo một tương lai của Israel không còn bạo lực và khủng bố. Nhưng buồn thay, ông đã không sống đến ngày giấc mơ của ông trở thành hiện thực.

Thứ Bảy ngày 4 tháng 11 năm 1995, trong lúc tôi đang viết sách ở tầng trên thì Bill gọi báo cho tôi biết Rabin đã bị ám sát khi ông đang đi vận động hòa bình tại Tel Aviv. Kẻ ám sát không phải là một người Palestine hay một người Ả-rập mà là một người Israel thuộc cánh tả cực đoan, hắn kết tội Rabin đã thương thuyết với người Palesine và đồng ý nhường đất cầu hòa. Tôi chạy xuống cầu thang và thấy các cố vấn đang vây quanh Bill. Tôi ôm chầm và giữ chặt lấy anh. Đây quả là một mất mát quá lớn. Chúng tôi thật sự ngưỡng mộ Rabin với tư cách một nhà lãnh đạo. Bill xem ông ấy như một người bạn, và còn một chút gì đó giống như hình ảnh một người cha. Chúng tôi trở về phòng, để tiếc thương. Hai giờ sau đó, tại Vườn Hồng, Bill đã có một bài diễn thuyết thật cảm động và hùng hồn để tiễn biệt một nhà lãnh đạo và cũng là một người bạn lớn: "Tối nay, đất nước mà ông đã dâng trọn cuộc đời mình sẽ thật đau buồn. Nhưng tôi muốn cả thế giới ghi nhớ những gì mà Thủ tướng Rabin đã nói tại Nhà Trắng không đầy một tháng trước đây. "Chúng ta không nên để mảnh đất đang tuôn chảy những dòng sữa và mật ong biến thành mảnh đất đầy máu và nước mắt. Đừng để điều đó xảy ra."

Nhưng bây giờ điều đó đã xảy ra cho chúng ta, cho nhân dân Israel, khắp Trung Đông và cả thế giới, những người yêu chuộng và đấu tranh cho hòa bình. Yitzhak Rabin, một người đồng sự, một người bạn của tôi. Tôi thật sự khâm phục và yêu mến ông. Vì không lời nào có thể bày tỏ được hết cảm xúc chân thật của mình, xin chỉ nói Shalom, chaver - Tạm biệt, bạn tôi."

Những lời cuối cùng bằng tiếng Do Thái đó đã trở thành tiếng than khóc chính thức của đám đông dân chúng. Khi đến Israel dự đám tang Rabin, chúng tôi thấy nhiều biểu ngữ ghi lại lời của Bill.

Bill đã mời một phái đoàn đặc biệt gồm cựu Tổng thống Jimmy Carter và George H. W. Bush, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu và bốn mươi thành viên Quốc hội cùng chúng tôi đến dự tang lễ ở Jerusalem vào ngày 6 tháng 11.

Ngay khi đến Israel, Bill và tôi đến gặp Leah tại tư gia. Tôi thật đau lòng cho bà ấy. Giống như Jackie Kennedy, bà đã ở bên cạnh chồng cả khi ông bị bắn. Trông bà thật đau khổ và già hẳn đi so với vài tuần trước, khi ở Washington. Chúng tôi không đủ lời để diễn đạt sự đau buồn. Tại lễ an táng ở Nghĩa trang Har Herzl, các Quốc vương Ả-rập, Thủ tướng và Tổng thống bày tỏ sự trân trọng đối với một chiến sĩ đã hy sinh cho hòa bình. Sau khi Bill đọc bài điếu, Leah đã ôm anh thật lâu. Lời ai điếu cảm động nhất là của đứa cháu ngoại của Rabin. Bé Noa Ben Artzi-Pelossof đã nói với người ông yêu quý của mình: "Ông ngoại ơi, ông như cây củi lớn của đám lửa trại và giờ đây ông bỏ chúng con ở lại buổi trại tối tăm này, chúng con lạnh lắm.”

Vì lý do an ninh, Arafat không tham dự buổi lễ tang nhưng Bill đã gặp gỡ Mubarak, Hussein và Shimon Peres, quyền Thủ tướng, người đã thương thảo Hiệp ước Oslo, và cùng chia sẻ giải Nobel Hòa bình với Arafat và Rabin năm 1994. Như đứa cháu ngoại của Rabin nhắc nhở chúng ta, hòa bình giống như một ngọn lửa mong manh cần được chăm chút liên tục, nếu không nó sẽ tắt.

Trên chuyến bay đường dài trở về Washington, Bill đã mời Tổng thống Carter và Bush đến phòng hội nghị trên chiếc Air Force One cùng anh hồi tưởng về Rabin và bàn luận về tiến trình hòa bình ở Trung Đông. Carter đã thành công trong việc giám sát Hiệp ước Trại David giữa Israel và Ai Cập còn Bush đã triệu tập được Hội nghị Madrid, lần đầu tiên đem các bên liên quan ở Trung Đông ngồi vào bàn đàm phán hòa bình cho khu vực. Khi chúng tôi quyết định đi nghỉ, Bill và tôi đến khoang dành riêng cho Tổng thống ở phía trước của máy bay, bao gồm một phòng làm việc, một phòng tắm và một giường với hai giường ngủ dạng sofa. Bill và tôi không biết phải tiếp đón hai vị cựu Tổng thống bằng cách nào vì thế chúng tôi mời họ ngủ trong phòng của bác sĩ và y tá khá rộng rãi và thoải mái trên những chiếc giường xếp. Những vị khách khác ngủ trên trường kỷ hay trên ghế của họ trong khu vực VIP ở phía sau máy bay. Vài ngày sau, chúng tôi được biết Newt Gingrich đã phẫn nộ về nơi ngủ nghỉ trên máy bay và không hài lòng về những gì mà ông ta cho là lối đi cửa sau không kèn trống mà chúng tôi đã dành cho ông ta và những vị khách khác khi máy bay đáp tại căn cứ không quân Andrews.

Cuộc thử thách cuối cùng về ngân sách liên bang đã được chuẩn bị từ mùa xuân trước, khi những người thuộc Đảng Cộng hòa trong Quốc hội bắt đầu phác thảo những dự luật về tài chính nhằm phản ánh những nguyên tắc trong Giao ước với nước Mỹ của họ. Họ đòi hỏi chính phủ phải cắt giảm một khoản lớn thuế má và đồng thời thiết lập một ngân sách cân bằng trong thời

hạn bảy năm. Đây quả là yêu cầu thách thức tất cả các nguyên tắc số học và chỉ có thể đạt được khi cắt giảm triệt để ngân sách cho những chương trình về giáo dục, bảo vệ môi trường, chăm sóc y tế như các chương trình Hỗ trợ Y tế và Chăm sóc Sức khỏe. Họ đưa ra một chương trình cải cách an sinh trọn gói bao gồm cả những ý tưởng kế hoạch xã hội thật tàn bạo như từ chối cung cấp an sinh xã hội cho những bà mẹ độc thân dưới 18 tuổi. Họ hứa hẹn hủy bỏ việc giảm các khoản tiền cho việc chăm sóc y tế, bằng cách nâng tiền thuế đối với những người lớn tuổi.

luôn muốn làm việc với những người thuộc Đảng Cộng hòa nhưng yêu cầu về vấn đề ngân sách của họ là không thể chấp nhận được. Anh cho biết sẽ phủ quyết bất kỳ dự luật nào đề nghị giảm việc chăm sóc y tế, làm phương hại đến trẻ em và bỏ rơi người nghèo không được bảo vệ. Và anh tuyên bố sẽ đưa ra một ngân sách cân bằng của riêng mình mà không phải áp dụng việc cắt giảm một cách thô bạo và những con số giả tạo theo kế hoạch của Gingrich. Đến cuối kỳ nghỉ mùa hè, Đảng Cộng hòa vẫn chưa thống nhất với chính phủ về vấn đề ngân sách, và đến cuối năm tài chính liên bang vào ngày 30 tháng 9, nguồn ngân sách dành cho hoạt động của Chính phủ đã hoàn toàn cạn kiệt. Quốc hội và Tổng thống đồng ý với "một nghị quyết tạm thời" - một khoản nới rộng ngân sách tạm thời - cho phép Ngân khố xuất những ngân phiếu trong khi vẫn tiếp tục việc thương thuyết. Nhưng nghị quyết thay thế tạm thời này đã chấm dứt vào nửa đêm 13 tháng 11 mà không có một ngân sách mới lẫn một thỏa thuận về một ngân sách tạm thời nào được đưa ra.

Khi thời hạn cuối cùng về ngân sách đến gần thì tôi cũng đang cố gắng tăng tốc cho kịp thời hạn cuối của quyển sách mà tôi đang viết. Tôi viết và viết, viết như điên những chương sách của mình. Tuy vậy, tôi vẫn luôn tỏ rõ quan điểm về vấn đề này dù dưới hình thức trực tiếp hay thông qua nhân viên. Tôi cho rằng điều tiên quyết là Bill không nên đồng ý với những đặc quyền ngân sách mà Gingrich đưa ra.

Mặc dù Đảng Cộng hòa đe dọa đóng cửa Chính phủ, Bill vẫn từ chối nghị quyết mới được gửi cho anh sau đám tang của Rabin. Nghị quyết này còn khắc nghiệt hơn những nghị quyết trước. Dường như Gingrich đang bày trò chơi "gà" chính trị, nhưng ông ta đã không đánh giá đúng đối thủ. Bill cũng đã phủ quyết nghị quyết nàMặc dù Bill luôn bận rộn với các cuộc thương thuyết suốt ngày đêm ở Dinh Tây, anh vẫn luôn tranh thủ hỏi ý kiến tôi. Anh biết tôi rất lo lắng về các đề nghị của phe Cộng hòa cho các chương trình Hỗ trợ tế và Chăm sóc Sức khỏe. Tôi đã đề nghị anh cho một trong những nhân viên của tôi, Jennifer Klein, tham gia vào các cuộc thương thuyết và giúp đỡ

trong việc phân tích, báo cáo chính xác mức độ nguy hiểm về các đề nghị của phe Cộng hòa đối với các chương trình này. Tôi muốn được trực tiếp liên lạc với các nhân viên của Bill về những vấn đề nhạy cảm này. Anh đã đồng ý cho Jen giúp đỡ Chris Jennings, trưởng nhóm phụ trách dự án của Chính phủ nhằm bảo vệ các chương trình này và những chương trình y tế khác. Jennings đã từng là cố vấn hàng đầu của Tổng thống về vấn đề y tế và tôi luôn tin tưởng vào chuyên môn của ông trong suốt thời gian tôi làm việc ở Nhà Trắng.

Ngày 13 tháng 11, Chính phủ cạn ngân sách hoạt động và theo luật định, Tổng thống phải đóng cửa Tòa nhà Chính phủ. Đây là một. quyết định đau lòng cho Bin và thực tế là như vậy. Anh lo lắng về hậu quả của việc đóng cửa Chính phủ và cho nghỉ phép gần 800.000 nhân viên liên bang, chỉ những nhân viên thật sự "thiết yếu” mới được phép tiếp tục công việc mà không có lương. Khi một chương trình tương tự như chương trình "Những Bữa ăn trên xe" không được cấp ngân sách, sẽ có khoảng sáu trăm ngàn người lớn tuổi lệ thuộc vào chương trình trợ cấp này gặp rắc rối. Ban Quản trị về Nhà ở Liên bang không thể tiến hành việc bán hàng ngàn căn nhà. Sở Cựu chiến binh ngừng chi trả những khoản tiền tới hạn từ các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho những góa phụ và những người thụ hưởng khác. Những tượng đài quốc gia ở Mall sẽ đóng cửa. Công viên Quốc gia Yellowstone và Grand Canyon phải đuổi khách tham quan đi. Hai xe tải đầy những cây thông Giáng sinh chuẩn bị cho lễ Diễu hành Hòa Bình ở Washington bị kẹt đâu đó ở phía đông Ohio vì Dịch vụ Công viên Quốc gia không thể chất chúng lên xe hay trồng nó cho ngày lễ.

Một sự yên lặng kỳ lạ bao trùm Nhà Trắng. Hầu hết các nhân viên của tòa nhà và ở Dinh Đông được cho về nhà. Sở Mật vụ được xem là thiết yếu nhưng thư ký và người làm vườn thì không. Nhân viên của Dinh Tây giảm từ 430 xuống còn khoảng 90; nhân viên văn phòng của tôi bị cắt giảm còn 4 người. Những tình nguyện viên được trám vào để thử quản lý một công việc mà lẽ ra không được phép ngừng cho dù bất kỳ tình huống nào. Nhưng đây chỉ là những bất tiện nhỏ. Nếu không có nghị quyết, những vấn đề thật sự sẽ bắt đầu vào cuối tháng khi các hóa đơn thanh toán tới hạn. Và tôi thật sự lo lắng không biết phải làm gì nếu một tình trạng khẩn cấp của quốc gia hay khủng hoảng quốc tế xảy ra đúng vào thời điểm đó.

Mỗi bên đổ lỗi lẫn nhau về việc đóng cửa Chính phủ, nhưng Gingrich thì ngồi gõ đầu ngón tay khi ông ta ăn sáng với cánh phóng viên vào ngày 15 tháng 11. Gingrich nói rằng ông ta đã gửi một bản nghị quyết ngân sách khắt khe hơn cho Nhà Trắng vì ông có cảm giác là Bill đã coi thường ông ta trên

chiếc Air Force One trong chuyến quay về nước sau đám tang của Thủ tướng Rabin.

"Vấn đề đó nhỏ nhặt thật nhưng nó thể hiện tính nhân văn", Gingrich nói "Bạn đã ở trên máy bay khoảng 25 giờ đồng hồ và không một ai nói chuyện với bạn và họ chỉ bảo bạn ra khỏi máy bay bằng chiếc thang ở phía sau... Bạn sẽ tự hỏi, ý thức về cách cư xử của họ ở đâu mất rồi? Ý thức về lịch sự của họ ở đâu?".

Ngày hôm sau trên trang bìa của tờ New York Daily News xuất hiện một tiêu đề lớn CRY BABY bên trên một hình ảnh biếm họa Gingrich đang mặc tã. Buổi chiều hôm đó, Nhà Trắng đã đưa ra bức ảnh do nhà nhiếp ảnh của Nhà Trắng Bob McNeely chụp. Bức ảnh chụp cảnh Gingrich ngồi trên máy bay và đang nói chuyện với Tổng thống và Dole - lãnh đạo phe đa số - trông ông ta rất hài lòng. Lời trích dẫn của Gingrich và bức ảnh tràn lan trên các phương tiện truyền thông. Với một lời nhận xét tự nuông chiều bản thân, ông ta đã làm mất uy tín của chính mình và đảm bảo rằng dân Mỹ sẽ kết tội Quốc hội, chứ không phải Chính phủ, về việc Chính phủ bị đóng cửa. Cuộc chiến vẫn chưa kết thúc nhưng dường như chiến trường đang đổi hướng.

Chính phủ đóng cửa khoảng sáu ngày, lần đóng cửa lâu nhất trong lịch sử. Cuối cùng hai bên đồng ý một khoản gia hạn ngân sách khác cung cấp tài chính cho Chính phủ đến ngày l5 tháng 12. Nhiều người đã phải chịu đựng khó khăn và âu lo nhưng vì đất nước về lâu về dài, Bill cần phải giữ vững quan điểm của mình.

Khi nhìn lại lịch làm việc trong 3 tháng cuối năm 1995, tôi gần như không thể tin rằng chúng tôi đã có thể giải quyết thật nhiều vấn đề và sự kiện như vậy. Cuối cùng thì tôi cũng hoàn thành quyển It Takes a Village trong suốt thời gian nghỉ lễ Tạ ơn tại Trại David cùng với gia đình và những người bạn thân. Rồi lại đến lúc phải chuẩn bị mùa lễ Giáng sinh với lễ Diễu hành Hòa bình và lễ Đốt đèn Cây thông Quốc gia (National Tree Lighting Ceremony), bao gồm những cây thông Scotch ở Ohio mà cuối cùng cũng đã được đưa đến khi Chính phủ mở cửa trở lại.

Ngày 28 tháng 11, Bill và tôi khởi hành chuyến công du đến Anh, Ireland, Đức và Tây Ban Nha. Tôi đến nước Anh lần đầu tiên vào năm 1973 cùng với Bill khi chúng tôi bỏ buổi phát bằng của Trường Luật Yale. Với tư cách là những sinh viên nghèo, chúng tôi bay với giá vé cho sinh viên - khoảng ít hơn 100 đô la một vé - ở những nhà trọ giá rẻ hay ngủ nhờ trên ghế sofa của bạn bè và đi theo một lịch trình bất định. Vậy mà, hơn hai mươi năm sau,

năm 1995, chúng tôi quay lại nước Anh trên chiếc Air Force One, đi chiếc limousine chống đạn và lịch trình được tính đến từng phút.

Quan hệ giữa Bill vàThủ tướng Major trở nên tệ hơn một cách nhanh chóng khi chúng tôi phát hiện Chính phủ Major hợp tác với Chính phủ Bush nhằm tiết lộ hồ sơ về các hoạt động của Bill ở Anh trong suốt thời kỳ sinh viên chống đối chiến tranh Việt Nam. Những hồ sơ đó không hề tồn tại nhưng chính sự sục sạo thái quá của Đảng Bảo thủ Anh vào chính trị Mỹ đã làm rối mọi chuyện. Những mối quan hệ càng trở nên căng thẳng hơn vào thời điểm năm 1994, khi Bill đã cấp visa cho Gerry Adams, người đứng đầu Sinn Fein, đảng phái chính trị của Quân đội Cộng hòa Ireland.

Trong lịch sử chưa từng có một Tổng thống Mỹ nào can dự vào việc trung gian hòa giải những vấn đề cửa Ireland, nhưng lần này, Bill quyết định phải giúp đỡ các bên liên quan tìm ra giải pháp. Rõ ràng là trong quá khứ, Adams có liên quan đến các hoạt động của Quân đội Cộng hòa Ireland và Bộ Ngoại giao Mỹ đã đồng tình với lý lẽ của Chính phú Anh trong việc không cấp visa cho anh ta. Nhưng Chính phủ Ireland lại cho rằng việc giải quyết vấn đề của Adams và tổ chức Sinn Fein là hợp lý. Họ tin tưởng rằng Bill có thể đóng vai trò trung gian nhằm tạo ra điều kiện thuận lợi cho những cuộc thương thuyết hòa bình. Trong trường hợp này, Bill sẵn sàng chấp nhận những rủi ro chính trị để chứng minh một điều rằng bạn không cần phải hòa giải với bạn bè của mình và bạn không thể hòa giải với kẻ thù trừ phi bạn sẵn lòng nói chuyện với họ. Anh quyết định cấp visa cho Adams và quyết định đó đã đúng. Bắc freland đã có được một cuộc ngừng bắn và chẳng bao lâu sau chúng tôi đã đến Belfast để ăn mừng.

Trong số tất cả những chuyến công du mà chúng tôi thực hiện trong suốt 8 năm Bill làm Tổng thống, đây là một trong những chuyến đi đặc biệt nhất. Bill tự hào về tổ tông Ireland mà anh thừa hưởng từ mẹ, một người xứ Cassidy. Chelsea mê những câu chuyện cổ tích Ireland khi nó còn là một bé gái. Lần đầu tiên nó nhìn thấy Ireland là vào năm 1994, lúc nửa đêm tại phi trường Shannon khi chúng tôi dừng lại để tiếp xăng cho chuyến bay sang Nga. Nó xin được ra ngoài cánh đồng để chạm vào đất Ireland. Tôi thấy con bé hốt một ít đất đặt vào chai để mang về nhà. Một trong những quyển sách yêu thích nhất của Bill và Chelsea là quyển How the Irish Saved Civilizatiton của Thomas Cahillh mà Bill đã tặng những người bạn và đồng nghiệp. Tuy nhiên, không ai trong chúng tôi từng đến Ireland ngoại trừ lần ghé sân bay Shannon.

Giờ đây, chúng tôi có những cám xúc rất mạnh mẽ trước lời chào truyền

thống tuyệt đẹp bằng tiếng Gaelic: Céad míle fáilte (Một trăm ngàn lời đón mừng).

Điểm dừng chân đầu tiên của chúng tôi ở Belfast là nhà máy Mackie, một nhà máy sản xuất máy dệt và là một trong số ít nhà máy ở Bắc Ireland đã thành công trong việc hòa hợp những người Thiên Chúa giáo và Tin Lành trong đội ngũ nhân viên. Hai đứa trẻ một bé gái Thiên Chúa giáo mà cha của bé đã bị ám sát năm 1987 và một bé trai Tin Lành, cùng nắm tay nhau để chào đón Bill. Vì lịch sử chia cách về tôn giáo, hầu hết người dân Belfast sống trong một cộng đồng chia rẽ tôn giáo và đi học ở các trường nhà thờ. Sự xuất hiện tay trong tay của hai đứa trẻ là một biểu tượng cho một tương lai mới.

Trong khi Bill gặp gỡ và làm việc với nhiều đảng phái chính trị khác nhau, tôi đã tách riêng để gặp những người nữ lãnh đạo của phong trào hòa bình. Họ đã tìm được tiếng nói chung vì họ sẵn sàng vượt qua sự ngăn cách về tôn giáo để làm việc cùng nhau. Tôi gặp Joyce McCartan, 65 tuổi tại nhà hàng Lamplighter Traditional Fish and Chip. Bà ấy là một phụ nữ khá đặc biệt, là người lập nên Trung tâm Thông tin Vãng lai cho Phụ nữ sau khi đứa con trai 17 tuổi của bà bị bắn chết bởi những tay súng Tin Lành. Hơn một chục người thân của Joyce đã chết vì bạo lực. Joyce và những người phụ nữ khác đã lập nên trung tâm này như một ngôi nhà an toàn để phụ nữ của cả hai tôn giáo tụ họp và trao đổi với nhau về những nhu cầu và nỗi sợ hãi mà họ gặp trong cuộc sống. Tỉ lệ thất nghiệp cao, c những phụ nữ Thiên Chúa giáo lẫn phụ nữ Tin Lành đều lo lắng về giới thanh niên trong cộng đồng vì chúng không có việc làm. Chín người phụ nữ ngồi quanh bàn tròn mô tả nỗi sợ hãi và lo lắng mà họ phải chịu đựng mỗi khi chồng và con trai mình bước ra khỏi nhà và cảm giác nhẹ nhõm khi họ trở về an toàn. "Điều đó buộc những người phụ nữ luôn phải nhắc nhở chồng con của họ phải cẩn thận", Joyce nói.

Những người phụ nữ này hy vọng cuộc ngừng bắn sẽ kéo dài và bạo lực sẽ mãi mãi chấm dứt. Họ rót trà từ những ấm trà bằng thép không rỉ trông rất bình dân. Khi tôi khen ấm trà tốt giữ được trà rất ấm thì Joyce nài nỉ tôi nhận một ấm trà làm kỷ niệm. Tôi vẫn sử dụng ấm trà móp méo đó mỗi ngày trong nhà bếp của gia đình nhỏ chúng tôi trong Nhà Trắng.

Joyce mất không lâu sau chuyến viếng thăm của chúng tôi và tôi được vinh dự mời trở lại Belfast năm 1997 để đọc bài diễn văn tưởng nhớ ngày mất đầu tiên của Joyce McCartan tại Đại học Ulster. Tôi đã mang theo chiếc ấm và đặt nó trên bục diễn thuyết khi tôi nói về lòng dũng cảm của những người

phụ nữ Ireland như Joyce, rất đỗi bình thường bên những chiếc bàn ăn và những ấm trà nhưng đã góp phần thiết lập con đường đi đến hòa bình.

Từ Belfast, chúng tôi bay đến Derry trên chiếc trực thăng Marine One dọc theo bờ biển của Bắc Ireland. Derry là quê hương của John Hume, một trong những kiến trúc sư của tiến trình hòa bình, người cùng chia sẻ giải thưởng Nobel Hòa bình với David Trimble, nhà lãnh đạo của Đảng Hợp nhất ở Ulster, một đảng Tin Lành lớn nhất. Hume là một người cao to, trông già nua với khuôn mặt phúc hậu và có tài hùng biện. Ông là lãnh đạo của SDLP, Đảng Lao động Dân chủ Xã hội, thành lập năm 1970 nhằm thúc đẩy giải pháp hòa bình cho "Những người chống đối". Ông luôn ủng hộ việc hòa giải, không bạo lực trong cộng đồng của mình từ nhiềuập kỷ qua và Bill muốn ghi nhận những mối nguy hiểm cá nhân mà ông phải gánh chịu vì hòa bình. Hàng chục ngàn người đứng trên đường, dưới cái lạnh tê người để chào đón Bill và nước Mỹ, họ hô vang: "Chúng tôi muốn gặp Bill, chúng tôi muốn gặp Bill". Tôi cảm thấy tự hào và khâm phục chồng mình.

Một đám đông khổng lồ khác đợi chúng tôi ở Tòa thị chính khi chúng tôi trở lại Belfast để tham dự lễ thắp sáng cây thông Giáng sinh. Một tiếp viên hải quân đi cùng Tổng thống nhìn vào biển người và nói: "Tất cả những người này trông rất giống nhau, tại sao họ lại giết nhau".

Tôi đứng trước đám đông và đọc các đoạn trích dẫn từ những lá thư mà trẻ em viết để bày tỏ niềm hy vọng về một nền hòa bình vĩnh cửu. Sau đó, Bill cùng hai bạn trẻ đã viết những lá thư ấy cùng bật công tắc để thắp lên những ngọn đèn trên cây Giáng sinh. Anh cũng nói về hy vọng và hòa bình. Anh nói với mọi người tụ họp tại buổi lễ rằng ngày mà chúng tôi ở Belfast, Derry và quận Londonderry sẽ là một trong những ngày đáng nhớ nhất trong đời chúng tôi. Tôi hoàn toàn đồng ý với điều đó.

Tối đó, chúng tôi dự một buổi tiệc chiêu đãi tại Đại học Queens do Bộ trưởng phụ trách Bắc Ireland trong chính phủ Anh, ngài Patrick Mayhew, tổ chức với sự tham dự của đại diện nhiều đảng phái. Nhiều người trong số đó chỉ mới gặp nhau một lần trước đây khi họ đến Nhà Trắng để mừng ngày lễ Thánh Patrick hồi tháng Ba. Tại buổi gặp mặt ở Belfast, lãnh đạo phe Thiên Chúa giáo đứng gần ban nhạc còn những người Tin Lành tập trung ở phía đối diện của căn phòng. Ian Paisley, nhà lãnh đạo cứng rắn của Đảng Hợp nhất Dân chủ theo Tin Lành đã có mặt nhưng không hề bắt tay "những người Thiên Chúa giáo La Mã". Giống như những người theo đạo chính thống ở khắp mọi nơi, ông ta có vẻ quá cổ lỗ, không hề muốn thừa nhận một thực tế mới.

Sáng hôm sau, chúng tôi bay đến Dublin, thủ đô của Ireland. Từ những năm 1990, Ireland đã được các chuyên gia kinh tế xem như là "Con hổ Celtic" vì nền kinh tế tăng trưởng vượt bậc và sự thịnh vượng mới đã thôi thúc người Ireland sống ở hải ngoại trở về nước. Bill đã bổ nhiệm Jean Kennedy Smith, em gái của Tổng thống Kennedy, làm Đại sứ tại Ireland năm 1993 và bà ấy đã hoàn thành xuất sắc công việc đó. Ở Dublin, chúng tôi đã viếng thăm Mary Robinson, nữ Tổng thống Ireland đầu tiên, tại dinh Tổng thống. Tổng thống Robinson và phu quân, Nick, là những người thật bình dị và dễ trò chuyện. Họ là những người tâm huyết với tiến trình hòa bình ở Ireland và rất quan tâm đến những chuyện ở Belfast và Derry. Bà ấy chỉ cho chúng tôi một ngọn đèn được thắp sáng liên tục ở phía trước cửa sổ nhà bà để chào đón bất kỳ người dân Ireland xa xứ nào muốn tìm đường quay về tổ quốc.

Sau đó, tôi đến Bảo tàng Quốc gia để gặp gỡ những người phụ nữ của hai miền Nam Bắc Ireland. Trong bài diễn văn trực tiếp trên truyền hình quốc gia, tôi đã ca ngợi lòng dũng cảm của những người phụ nữ Ireland, những người đã chiến đấu cho hòa bình. Trước đó, trong một chương trình phỏng vấn những nữ luật gia, tôi đã nói đùa với một nhân vật truyền hình Ireland nổi tiếng khi anh ta chào đón các nữ luật gia bằng câu hỏi "Ai lo cho bọn trẻ để các bà có thể tham dự buổi phỏng vấn này?". Tôi mỉm cười và nói "Tôi mong một ngày, những người đàn ông sẽ bị hỏi cùng một câu hỏi đó". Khắp Ireland người ta tranh luận về những gì mà phụ nữ được phép lựa chọn, đặc biệt trong cuộc sống gia đình. Một tuần trước đó, Chính phủ Ireland thông qua một cuộc trưng cầu ý kiến về việc hợp pháp hóa vấn đề ly hôn trước sự phản đối kịch liệt của Nhà thờ Công giáo La Mã. Những người phụ nữ tham dự buổi gặp gỡ đó biết rõ rằng vẫn còn tồn tại rất nhiều khó khăn trở ngại dành cho họ mặc ù phụ nữ đã đạt được nhiều tiến bộ trong nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội.

Tôi gặp lại Bill tại Ngân hàng Ireland bên cạnh Trường Cao đẳng Xanh của Đại học Trinity. Chính tại đây, chúng tôi đã gặp gỡ Bono và các thành viên khác của ban nhạc U2. Kể từ đó chúng tôi xem nhau như bạn. Bill và tôi đã làm việc với Bono về các vấn đề toàn cầu mà Bono luôn quan tâm như xóa nợ cho nước nghèo, thêm nguồn tài trợ cho việc chống HIV/AIDS. Tôi thật sự ngợp khi chúng tôi bước trên sân khấu được chuẩn bị cho bài diễn thuyết của Bill. Hàng trăm ngàn người đứng chật cứng trên đường và khắp bãi cỏ để nghe Tổng thống Mỹ nói. Bill kêu gọi mọi người làm việc cho hòa bình, rằng không có sự bất hòa nào không thể giải quyết và ngay cả "Những người chống đối" cũng có thể giành được hòa bình trong tương lai.

Trước khi đến thăm Quốc hội Ireland, gọi là Dáil, chúng tôi đã đi mua sắm

một ít và sau đó vào một quán rượu Cassidy. Đội tiền trạm của chúng tôi đã tham khảo các tư liệu về gia phả để tìm ra những người Cassidy có họ hàng với Bill và họ đã gặp chúng tôi tại quán rượu để uống một cốc bia Guinness. Chẳng lâu sau đó tôi có thể kết luận là tất cả những người Ireland ít nhiều đều có liên hệ gia phả với nhau theo cách này hay cách khác.

Chiều tối hôm đó, chúng tôi đã thật sự phấn khích khi gặp Scanlus Heaney, nhà thơ đoạt giải Nobel và vợ ông, bà Marie tại tư gia của Đại sứ Smith. Bài thơ The Cure at Troy của Heaney đã tạo hứng khởi cho đề tài của Bill, anh cho rằng đây chính là thời điểm mà "niềm hy vọng và lịch sử cùng hòa điệu tại mảnh đất Ireland này".

Ireland đã tiếp thêm sức mạnh và hứng khởi cho tôi, và lúc đó tôi đã ước rằng chúng tôi có thể đóng vào chai những cảm xúc tốt đẹp ấy và mang chúng trở về .

ĐÃ ĐẾN LÚC LÊN TIẾNG

Những lời Chia tay của Bill tại Belfast: "Mong tinh thần hòa bình và thiện chí của ngày Giáng sinh sẽ được nuôi dưỡng và phát triển hơn trong mỗi người chúng ta" đã không đến được Washington, nơi mà cuộc chiến giữa các đảng phái vẫn tiếp diễn ngay trong mùa lễ. Vũ hội hàng năm dành cho các thành viên Quốc hội do Nhà Trắng chủ trì vào ngày 5 tháng 12 mà các thành viên tham dự lại chính là những người đang tranh cãi với Bill về ngân sách và cũng chính những người này đã và đang chất hàng đống trát hầu tòa trong văn phòng của chúng tôi. Vậy mà, lần này họ lại nóng lòng đứng xếp hàng dài trong Phòng Tiếp tân Ngoại giao để được chụp hình với chúng tôi. Dĩ nhiên là Bill vẫn nồng nhiệt chào đón họ. Chỉ đến ngày hôm sau, Tổng thống mới tỏ rõ cho những người lãnh đạo Đảng Cộng hòa thấy sự cứng rắn của mình khi phủ quyết dự luật ngân sách mang tính hòa giải đã tranh cãi bảy năm nay mà phe Cộng hòa đưa ra cho năm tài chính 1996.

Đảng Cộng hòa đã đề nghị cắt giảm một cách không thương xót các ngân sách về giáo dục, bảo vệ môi trường và những chương trình giúp đỡ phụ nữ, trẻ em và người lớn tuổi nghèo khó, bao gồm cả Chương trình Hỗ trợ Y tế (Medicaid) và Chăm sóc Sức khỏe (Medicare). Bill đã ký phủ quyết dự luật cắt giảm ngân sách này bằng chính cây viết mà 30 năm trước, Lyndon Johnson đã dùng để ký thông qua lMedicare. Bill chỉ ra rằng "Hai tương lai rất khác biệt của nước Mỹ đang bị đe dọa. Anh biết rằng Đảng Cộng hòa sẽ không đủ số phiếu cần thiết để bác bỏ quyền phủ quyết của Tổng thống và anh đã thuyết phục họ nhượng bộ để cùng thương thuyết với Chính phủ nhằm vượt qua tình trạng bế tắc. Nhưng những thành viên cách mạng mới của Gingrich đã không chịu từ bỏ cuộc đấu tranh hệ tư tưởng của mình nhằm tước đoạt quyền lực của Chính phủ liên bang.

Vào nửa đêm ngày 16 tháng 12, quyền chi tiêu của Chính phủ lại một lần nữa hết hiệu lực. Lần này, Chính phủ bị đóng cửa "một phần" - một vài nhân viên liên bang được cho nghỉ phép hay làm việc không lương cho đến khi Chính phủ mở cửa trở lại. Việc này đã đẩy nhiều người vào tình trạng khó khăn thật sự đặc biệt trong suốt những ngày lễ. Và trước khi Quốc hội nghỉ họp trước kỳ nghỉ Giáng sinh vào ngày 22 tháng 12, phe Cộng hòa của Gingrich đã thể hiện rõ ràng hơn sự nhẫn tâm bằng cách đệ trình một dự luật cải cách triệt để vấn đề an sinh xã hội và nếu được thông qua, nó sẽ đẩy hàng triệu phụ nữ và trẻ nhỏ nghèo khổ rơi vào tình trạng hiểm nguy hơn.

Từ khi chiến dịch tranh cử Tổng thống bắt đầu, các nhân viên của Bill đã từng tranh luận về việc cải cách an sinh xã hội, lúc đó Bill hứa sẽ "thay đổi

chế độ an sinh xã hội cũ”. Tôi đồng ý rằng hệ thống đó đã không phù hợp và cần được điều chỉnh, nhưng tôi cũng đã khẳng địnhh rằng chúng tôi chỉ ủng hộ hình thức cải cách nào có thể giúp tạo ra một mạng lưới đủ an toàn để có thể khuyến khích những người nhận trợ cấp xã hội đi làm việc trở lại. Tôi cũng thường xuyên tranh luận với chồng tôi và các nhân viên chịu trách nhiệm cải cách về vấn đề này. Cho dù áp dụng bất kỳ hình thức cải cách nào đi nữa, chúng ta cũng phải giữ lại Chương trình Hỗ trợ Y tế và phải cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em cho những ngựphụ nữ đang đi làm. Mặc dù không can dự vào những cuộc tranh luận công khai trước công chúng nhưng tôi vẫn luôn tích cực tham gia vào các cuộc thảo luận nội bộ của Chính phủ. Tôi nói rõ với Bill và các cố vấn về chính sách thuộc Dinh Tây của anh ấy rằng tôi sẽ công khai phản đối nếu như họ thỏa hiệp với dự luật bần tiện của Đảng Cộng hòa - một dự luật có thể làm phương hại đến phụ nữ và trẻ em. Tôi hiểu rằng Bill đang trong tình thế tiến thoái lưỡng nan và tôi muốn tạo ảnh hưởng đến quyết định của anh ấy. Các nhân viên của Bill và của tôi đã cùng làm việc với nhau và chúng tôi đã thực sự tiến bộ trong việc phản biện lại dự luật của Đảng Cộng hòa. Tổng thống đã phủ quyết dự luật an sinh xã hội của Đảng Cộng hòa như đã hứa.

Cuối cùng những người thuộc phe Cộng hòa phải chịu trách nhiệm cho cả tình trạng bế tắc ngân sách và những lần đóng cửa của Chính phủ. Việc Đảng Cộng hòa ngày càng nhận được ít điểm ủng hộ của dân chúng cũng dẫn đến tình trạng rạn nứt trong mặt trận thống nhất của Đảng này. Đến tháng Giêng Thượng nghị sĩ Bob Dole, có vẻ vì lo xa cho chiến dịch tranh cử Tổng thống của mình ở bang New Hampshire nên bắt đầu thỏa hiệp với Chính phủ. Chiến lược "chơi xỏ" của Gingrich đối với Bill đã thất bại và tôi cảm thấy thật nhẹ nhõm vì chúng tôi đã có thể mở cửa Chính phủ và mời các nhân viên trở về làm việc. Điều quan trọng hơn cả là Bill đã thắng thế.

Chỉ có ba điều khoản nhỏ trong Thỏa ước Gingrich được thông qua tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội thứ 104 vào ngày 3 tháng 1 năm 1996. Bill đã phủ quyết 11 điều và đã thành công trong việc ngăn chặn được các khoản cắt giảm tai hại đối với Chương trình Medicare và Medicaid. Anh cũng đã cứu sống các chương trình mà Đảng Cộng hòa đã đưa lên thớt như các dịch vụ AmeriCorps và Trợ giúp Luật pháp. Vào khoảng cuối tháng, hai bên đã đi đến một thỏa thuận chung về ngân sách và mở cửa Chính phủ trở lại.

Ủy ban Ngân hàng Thượng viện là cơ quan duy nhất không bị ảnh hưởng bởi những lần đóng cửa Chính phủ vì công việc của họ được xem là "thiết yếu”. Không bị gián đoạn, Ủy ban này đã không ngừng triệu tập những người bạn, luật sư và trợ lý của chúng tôi lên văn phòng Quốc hội để truy tìm các bằng

chứng sai phạm. Trong khi đó, các bệnh viện tại bang Virginia lân cận lại bị cấm điều trị hầu hết các bệnh nhân và các nhân viên chính phủ khác thì bị cho nghỉ không lương.

Vào ngày 29 tháng 11, trong khi chúng tôi đang ở châu Âu thì nhân chứng chủ chốt của Đảng Cộng hòa, L. Jean Lewis, bị Nghị sĩ Paul Sarbanes của bang Maryland và luật sư thuộc Đảng Dân chủ của Ủy ban D'Amato, Richard Ben-Veniste, thẩm vấn chéo. Lewis là nhân viên RTC, người đã cùng FBI và viên chưởng lý ở Little Rock lập hồ sơ về vụ chuyển thông tin phạm tội vào tháng 8 năm 1992. Số người bị tình nghi không chỉ có McDouglas mà còn bao gồm tất cả những ai đã đóng góp vào quỹ do McDouglas lập cho Bill ở Madison Guaranty vào năm 1985. Cô ta đã đưa cả Bill và tôi vào danh sách những nhân chứng thích hợp. Ben-Veniste buộc tội Lewis đã có thành kiến chính trị đối với chúng tôi vì cô ta đã đệ trình thông tin này ngay trước cuộc bầu cử năm 1992 để tác động đến kết quả bầu cử. Theo báo cáo cuối cùng về vụ Whitewater xuất bản năm 2002, chính những người của Chính phủ Bush và Bộ Tư pháp đã khuyến khích cho các nỗ lực nhằm đẩy chúng tôi vào một cuộc điều tra hình sự trước kỳ bầu cử.

Để phản bác lời chứng của Lewis trước Ủy ban Ngân hàng, Ben-Veniste đã thẩm vấn chéo Lewis một cách quyết liệt. Họ cho rằng Lewis đã nói dối về việc tình cờ thu âm được cuộc đối thoại của cô với một nhân viên RTC khi người này viếng thăm văn phòng của cô tại thành phố Kansas. Ben-Veniste buộc Lewis tuyên thệ rằng cô ta đã không có bất kỳ thành kiến chính trị nào đối với Bill và chưa bao giờ gọi anh ấyẻ nói dối trong khi bản thân Lewis là một thành viên bảo thủ của Đảng Cộng hòa. Sau đó, ông ta đã trình một lá thư mà chính cô ta đã viết lời cáo buộc Bill vào năm 1992. Những người thuộc Đảng Dân chủ cũng đưa ra bằng chứng về việc Lewis đã cố tình tung ra thị trường những cái áo thun có in những thông điệp mang tính phê phán cả tôi lẫn Bill. Trước khi buổi thẩm vấn kết thúc, Lewis đã ngã quỵ và phải nhờ sự trợ giúp từ phòng dự thính.

Công chúng không được nghe nhiều về chuyện này trong tiến trình phát triển của hài kịch Whitewater. Trong số các kênh truyền hình chỉ có đài C-SPAN đưa tin chi tiết về sự xuất hiện của Lewis. Nhiều ngày sau biến cố về việc làm chứng thất bại đáng nhớ đó, tờ The New York Times lại tiếp tục tạo lòng tin vào những lời cáo buộc không có cơ sở của Lewis và nhắc đến cô ta như một nhân chứng sáng chói. Không nản lòng trước những sự kiện đó, Ủy ban D'Amato tiếp tục điều tra mối liên hệ của tôi với những khoản vay và tiết kiệm của McDouglas. Theo quy định, cuộc điều tra của Ken Starr phải được giữ tuyệt mật nhưng người của ông ta đã chứng tỏ khả năng tuyệt vời trong

việc cố tình làm rò rỉ thông tin cho giới truyền thông.

Khoảng cuối năm 1995, Dick Morris đã đến gặp tôi với một thông tin thật kỳ lạ. Ông ta nói tôi sắp sửa bị tố cáo về tội gì chưa được xác định và "những người thân cận của Starr" cho rằng tôi sẽ chấp nhận lời cáo buộc đó và yêu cầu Bill phải ân xá cho tôi trước khi phiên xử diễn ra. Tôi nghĩ Morris đang thăm dò giúp những khách hàng Đảng Dân chủ hay bạn bè của ông ta, vì thế tôi đã trả lời hết sức thận trọng: "Hãy bảo người của ông nói với người của Starr rằng mặc dù tôi không làm điều gì sai trái nhưng tôi luôn ý thức rõ một công tố viên có thể kiện ngay cả một ổ bánh sandwich kẹp jambon nếu anh ta muốn, theo cách nói bất hủ của Edward Bennett Williams. Và nếu Starr muốn kiện, tôi sẽ không bao giờ xin lỗi. Tôi sẽ đi thẳng đến tvà sẽ lột cái mặt nạ dối trá của ông ta."

"Bà có chắc là muốn tôi nói như thế không", Morris hỏi tôi.

"Chắc từng từ một", tôi đáp.

Trong bối cảnh ầm ĩ về chuyện ngân sách và đóng cửa Chính phủ, một tiến triển quan trọng của cuộc điều tra Whitewater đã trôi qua mà không ai để ý: cuối cùng thì những kết quả báo cáo của RTC về vụ Whitewater được công bố đến công chúng ngay trước lễ Giáng sinh. Báo cáo độc lập này đã chứng thực cho luận điểm chúng tôi. Bill và tôi không hề liên quan gì đến việc đầu tư của Whitewater và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào về sự sụp đổ của Madison Guaranty. Sau khi thẩm vấn 47 nhân chứng, lập hơn 200.000 tài liệu và chi 3,6 triệu đô la, những thanh tra của RTC không tìm thấy bằng chứng nào về những sai phạm của chúng tôi cũng như bất kỳ cơ sở thật sự nào về xì-căng-đan Whitewater.

Cũng giống như vụ làm chứng bất tín của Lewis, báo cáo này được đưa tin rất ít trên các phương tiện truyền thông. Tờ US Today không nhắc đến nó một chút nào; tờ The Washington Post giấu nó giữa đoạn hai của một câu chuyện trang bìa về trát đòi hầu tòa Whitewater và tờ The New York Times chỉ in một vài đoạn của bản báo cáo. Đảng Cộng hòa đã gạt bỏ cuộc điều tra RTC vì cho rằng nó quá hạn hẹp và tiếp tục các phiên tòa khác của họ.

Tôi cảm thấy rất phấn khích khi nghe tin này lúc gặp David Kendall tại Nhà Trắng vào sớm ngày 4 tháng 1 năm 1996 trong một cuộc họp định kỳ. David luôn cố gắng làm cho buổi họp nhẹ nhàng bằng cách photo những bài châm biếm chính trị mà anh thích nhất hoặc cắt những câu chuyện lá cải kinh khủng nhất, chẳng hạn như "Hillary hạ sinh em bé ngoài hành tinh" hay bất

kỳ những gì mà báo giới có thể tưởng tượng ra trong tuần đó.

Chúng tôi gặp nhau tại Phòng Gia đình, giữa phòng ngủ chính và Phòng Bầu Dục Vàng trên tầng hai của tòa nhà. Gia đình Bush và gia đình Reagan đã từng dùng phòng này để thư giãn và xem tivi còn Harry Trunan và Franklin Roosevelt đã từng dùng phòng này làm phòng ngủ. Riêng Bill và tôi bài trí lại căn phòng với một tivi và một bàn chơi bài, một trường kỷ và một ghế bành. Chúng tôi họp được nửa chừng thì một nhân viên gõ cửa phòng và đưa cho David một tin nhắn, anh ấy gấp nó lại và đút vào túi. Khi chúng tôi nói chuyện xong, David rời căn phòng.

Buổi sáng hôm sau David gọi điện và yêu cầu được gặp tôi.

"Có chuyện gì đó đã xảy ra", anh ta nói.

David giải trình tin nhắn hôm qua là của Carolyn Huber, cô ấy muốn anh ghé qua văn phòng của cô ở Dinh Đông sau khi họp với tôi. Carolyn là phụ tá thâm niên của chúng tôi ở Arkansas, cô đến Washington để xử lý thư từ cá nhân cũng như sắp xếp và lưu giữ các giấy tờ cá nhân của chúng tôi - mọi thứ từ học bạ cũ, những bức hình nghỉ mát đến những bài diễn văn chính - hiện được đựng trong hàng trăm thùng giấy để khắp tòa nhà và một kho chứa đặc biệt của Nhà Trắng tại Maryland. David thường nhờ Carolyn tìm kiếm các tài liệu mà các luật sư độc lập yêu cầu và trong suốt mấy tháng qua cô đã xem hàng ngàn trang tài liệu trong các thùng giấy và hồ sơ.

Khi anh đến văn phòng, cô đưa cho anh một tập hồ sơ. David nhanh chóng nhận ra những giấy tờ đó: một bản in bằng máy tính năm 1992 liệt kê đầy đủ các công việc pháp lý mà tôi và đồng nghiệp ở Hãng Luật Rose đã thực hiện cho vụ Madison Guaranty vào thời điểm 1985 - 1986. Mặc dù những bản kê hóa đơn của vụ Madison Guaranty đã được đính kèm trong trát đòi hầu tòa của Special Counsel, nhưng nơi hợp lý để tìm thấy những bản kê này lẽ ra phải là trong những tủ hồ sơ của HãngRose và ở Madison Guaranty. Tôi và David không ngạc nhiên vì những hồ sơ này bị thất lạc mặc dù chúng tôi đã lo lắng không biết chúng sẽ xuất hiện ở đâu, vì tôi chắc chắn rằng chúng sẽ giúp tôi nhớ lại những công việc pháp lý ít ỏi mà tôi đã làm. Tôi thật sự nhẹ nhõm vì cuối cùng đã tìm thấy chúng.

"Chúng đã biến đâu không biết?", tôi hỏi anh ta.

"Tôi không biết", David nói. "Carolyn đang sắp xếp một thùng hồ sơ thì tìm thấy chúng. Cô ấy đã báo cho tôi biết ngay khi nhận ra chúng."

"Điều này có ý nghĩa gì?", tôi hỏi.

“Vâng, tin tốt là chúng ta đã tìm thấy chúng. Tin xấu là báo giới và các công tố viên sẽ có dịp loạn lên một lần nữa."

Và họ đã làm điều đó. William Safire, người viết diễn văn cho Nixon trước đây, đã gọi tôi là "kẻ nói dối bẩm sinh" trong bài báo của anh ta trên tờ The New York Times. Hình của tôi xuất hiện trên trang bìa của tờ Newsweek với tựa đề THẦN THÁNH HAY TỘI ĐỒ? Và người ta lại nói về chuyện trát đòi hầu tòa của bồi thẩm đoàn và có thể là một bản cáo trạng trong vụ thanh tra Whitewater.

Sau đó chúng tôi kết luận, bản copy danh sách hóa đơn này có lẽ được làm trong suốt thời chiến dịch tranh cử năm 1992 để giúp các nhân viên chiến dịch tranh cử của Bill và Hãng Luật Rose trả lời những cân hỏi của giới truyền thông về vụ Madison Guaranty, Jim McDougal và Whitewater. Vince Foster, người xử lý các thắc mắc lúc đó đã ghi chú nguệch ngoạc lên các tài liệu này. Tôi tin tưởng rằng chúng sẽ chứng thực cho những gì tôi đã nói, rằng những việc tôi làm cho những khoản vay và tiết kiệm của McDougal cách đây nhiều năm trời là vô cùng nhỏ, kịp thời và đã được đền bù.

Ngày 9 tháng 1 năm 1996, với sự giúp đỡ tận tình của các nhân viên phục vụ Nhà Trắng, Phòng Xanh đã được sửa đổi thành một phòng thu hình tạm thời cho cuộc phỏng vấn của tôi với Barbara Walters. Các nhân viên kỹ thuật cho chạy cáp dọc theo sàn nhà và chuẩn bị các trang thiết bị làm cho căn phòng tràn ngập ánh sáng màu vàng thật nhẹ nhàng và vui mắt đến nỗi bức tượng của Benjamin Franklin trên lò sưởi cũng rạng ngời trẻ trung hơn. Tôi nói chuyện thân mật với Barbara trong khi đội quay phim đang điều chỉnh âm thanh và ánh sáng.

Cuộc phỏng vấn vào ngày 9 tháng 1 năm 1996 này đã được lên lịch từ rất lâu trước đó để quáng cáo cho quyển sách It Takes a Village vào đêm trước ngày phát hành. Giờ đây, tôi hy vọng Barbara, một người mà tôi rất thích và khâm phục, đã chuẩn bị sẵn những câu hỏi lý thú. Đây không phải là cách tốt nhất để kích hoạt cuộc du hành giới thiệu quyển sách qua 11 thành phố, nhưng tôi luôn đón nhận cơ hội này để được đáp lại hàng loạt những lời tố cáo nóng hổi nhất. Khi camera bắt đầu quay, cô ấy đã vào thẳng vấn đề.

"Bà Clinton, bà đã trở thành vấn đề thay vì quyến sách mới của bà. Làm sao bà lại để mình rơi vào tình trạng rối rắm này, khi người ta đang nghi ngờ về uy tín của bà?”

"Ồ, tôi tự hỏi mình mỗi ngày, Barbara ạ", tôi nói, "bởi vì điều đó thật sự làm tôi bất ngờ và bối rối. Nhưng trong bốn năm qua cứ mỗi khi người ta đặt câu hỏi thì chúng tôi trả lời và cứ trả lời hết các câu hỏi này thì lại có những câu hỏi khác nữa và chúng tôi lại tiếp tục cố gắng hết sức để trả lời chúng".

"Bà có đau khổ không?"

"Đôi khi tôi cảm thấy một chút đau khổ, một chút buồn r một chút giận dữ, khó chịu. Tôi nghĩ điều đó là tự nhiên. Nhưng tôi biết đó là phần tất yếu của công việc mà chúng tôi đang làm và cố gắng đi đến cùng."

Khi Barbara Walters hỏi tôi về những hồ sơ bị thất lạc, tôi nói : "Bà biết không, tháng trước người ta như bị phỏng lửa vì hồ sơ bị thất lạc và họ nghĩ rằng một ai đó tiêu hủy chúng. Bây giờ hồ sơ được tìm thấy và họ lại như ăn phải vôi. Nhưng tôi mừng là đã tìm thấy những hồ sơ đó. Tôi ước chúng tôi có thể tìm thấy chúng một hay hai năm trước, vì chúng sẽ giúp chứng thực những gì chúng tôi nói ngay từ đầu. Tôi đã làm việc mỗi giờ một tuần trong suốt 15 tháng. Việc đó quả thật chẳng tốn nhiều công sức".

Barbara không thể hiểu được tại sao những tài liệu đó lại khó tìm đến như vậy.

"Những giấy tờ của bà trên kia trông thế nào?”

"Như là....mớ hỗn độn."

"Thật khó hiểu."

"Nhưng tôi nghĩ mọi người cần hiểu rằng có đến hàng triệu giấy tờ ở Nhà Trắng và hơn hai năm qua, người ta đã tìm kiếm rất kỹ lưỡng."

Thật khó để diễn tả sự mất trật tự mà chúng tôi phải sống từ khi dời về ở Nhà Trắng. Chúng tôi đến đây vào năm 1993, tất cả đồ đạc của chúng tôi được đựng trong các thùng giấy; chủ yếu là vì chúng tôi không sở hữu một căn nhà của riêng mình để có thể cất đồ đạc vào kho Chẳng lâu sau khi dọn vào căn nhà, chúng tôi phát hiện người ta đang nâng cấp những hệ thống điều hòa và lò sưởi của Nhà Trắng cho đạt chuẩn về năng lượng môi trường. Chúng tôi phải nhét các thùng đồ và trong các tủ quần áo và các phòng trống trong khi các công nhân chạy đường ống trên trần nhà và những bức tường. Dường như mỗi tuần chúng tôi đều phải di chuyển các thùng đồ một lần, chỉ nhằm đi trước công việc xây dựng một bước.

Suốt mùa hè 1995, công việc lắp đặt đường ống được thực hiện ở tầng thượng và tầng ba, một khu vực phụ gồm các phòng khách, phòng sưởi nắng, một văn phòng, một phòng tập thể dục, một nhà giặt và nhiều nhà kho. Một trong những nhà kho này được chúng tôi gọi là "phòng sách" với nhiều kệ chất đầy số lượng sách quá tải. Nhà kho này có nhiều cửa dẫn đến nhà giặt, phòng tập thể dục và một hành lang nhỏ mà các nhân viên phục vụ thường dùng. Đó là nơi đông đúc nhất trong tòa nhà với nhiều người đi lại suốt ngày đêm. Chúng tôi cho bố trí những cái bàn trong phòng sách để đặt các thùng giấy tờ và đồ đạc cá nhân mà thường được di chuyển qua lại từ một nhà kho ngoài Nhà Trắng đề kiểm tra và lên danh mục. Phòng này cũng chứa nhiều tủ hồ sơ mà Carolyn Huber đang sắp xếp. Tệ hơn nữa là những cái bàn phải được phủ khăn trải để tránh vữa và bụi đổ xuống từ trần nhà trong suốt thời gian sửa chữa.

Mọi thứ càng thêm mất trật tự vì chúng tôi phải liên tục tìm kiếm tài liệu theo đòi hỏi của các trát tòa. David Kendall yêu cầu chúng tôi bố trí một máy photocopy trong phòng sách để ông và các trợ lý có thể photo các tài liệu trước khi gửi chúng đến Văn phòng Luật sư Độc lập. Và đó là nơi mà mùa hè 1995, Carolyn đã làm chứng rằng cô đã thấy xấp giấy được gấp lại trên một trong số những cái bàn trong phòng sách. Carolyn nghĩ rằng đó là những giấy tờ cũ để lại cho cô ấy sắp xếp. Vì không biết rõ tầm quan trọng của những giấy tờ đó nên Carolyn đã bỏ chúng vào trong một thùng giấy và chiếc thùng này đã được chuyển đến văn phòng của cô ấy cùng với nhiều thùng hồ sơ khác mà cô dự định sắp xếp lại khi có nhiều thời gian hơn. Nhiều tháng sau, khi cô ấy bắt đầu sắp xế lại các giấy tờ, cô mở các tờ giấy ấy ra và phát hiện ra đó là những hồ sơ kiện tụng đã bị thất lạc từ lâu.

Carolyn đã có một hành động đáng biểu dương là gọi David ngay lập tức và báo cho anh biết phát hiện của mình. Để hoàn thành tốt công việc, cô ấy đã phải cố gắng rất nhiều mới có thể đáp ứng được hàng loạt các yêu cầu về giấy tờ và hồ sơ hầu tòa. Tôi không nói chuyện với Carolyn về những hồ sơ kiện tụng hay về cuộc điều tra vì không muốn ảnh hưởng đến việc làm chứng của cô ấy. Nhưng tôi hoàn toàn tin tưởng vào Carolyn và biết rõ sự sơ sót của cô ấy là một lỗi không cố ý và đáng thông cảm.

Ngay lập tức, Ủy ban của Thượng nghị sĩ D'Amato tiến hành việc tìm kiếm chứng cớ về việc cản trở và khai man trong việc tìm thấy những hồ sơ kiện tụng nhưng chẳng bao giờ tìm thấy thứ gì. Ủy ban lập tức xin ngân sách cho thêm hai hay ba tháng để hoàn tất cuộc điều tra - vốn đã hao tốn gần 900.000 đô la tiền đóng thuế của nhân dân. Vài tháng sau, RTC lập một hồ sơ bổ sung khẳng định những bản liệt kê hóa đơn đó, điều này đã ủng hộ lời khai

của tôi về những hoạt động pháp lý của mình. Tôi không có lý do gì để giấu chúng và lấy làm tiếc là không tìm thấy chúng sớm hơn.

Và thế là mọi chuyện trôi qua. Nhưng các cuộc điều tra và báo chí thì vẫn tiếp tục. Mỗi lần tôi trả lời phỏng vấn của một phát thanh viên hay người dẫn chương trình cho một chương trình nói chuyện buổi sáng để bàn về quyển sách It Takes a Village, tôi lại bị hỏi về những bản liệt kê hóa đơn đó. Thời khắc sáng sủa duy nhất trong tháng là những lúc tôi xuất hiện ở những hiệu sách, trường học, bệnh viện nhi và các chương trình hỗ trợ trẻ em trên khắp đất nước. Ở đó, những đám đông khổng lồ khán thính giả thật nồng nhiệt và thân thiện, đó chính là bằng chứng rõ hơn về sự cách biệt của Washington với phần còn lại của đất nước.

Chính sự cách biệt này là một trong những lý do mà tôi muốn viết quyển sách It Takes a Village. Khi nghĩ đến những áp lực ngày càng tăng mà trẻ em Mỹ phải gánh chịu, tôi cảm thấy choáng về sự vô dụng trong lời nói khoa trương của các phe phái chính trị ở Washington đối với việc giải quyết những vấn đề mà bọn trẻ phải đương đầu.

Niềm tin của tôi vào những gì tốt đẹp nhất cho bọn trẻ và gia đình của chúng không phụ thuộc vào bất kỳ nhóm quan điểm chính trị hay hệ tư tưởng nào và nhiều người mà tôi gặp trong quá trình đi giới thiệu sách đều cảm thấy như vậy. Những người đứng xếp hàng nhiều giờ liền không muốn bàn về những lời vu khống nóng hổi nhất ở thủ đô. Họ muốn nói về những khó khăn trong việc tìm kiếm những nhà trẻ có chất lượng với giá cả phải chăng, những thách thức trong việc nuôi dạy con cái mà thiếu sự giúp đỡ của gia đình, những áp lực trong việc dạy dỗ con cái trong một xã hội mà người ta đề cao những hành vi liều lĩnh và những giá trị méo mó; tầm quan trọng của những ngôi trường tốt và mức học phí đại học vừa phải và một loạt các vấn đề đè nặng trong tâm trí những bậc cha mẹ và những người trưởng thành khác trong một thế giới thay đổi đến chóng mặt như ngày nay. Tôi thật sự xúc động trước những buổi nói chuyện này và hy vọng quyển sách của tôi sẽ thu hút được sự quan tâm của cả nước về những gì tốt nhất mà chúng ta có thể mang lại cho trẻ em Mỹ.

It Takes a Village cung cấp những thông tin về các ý tưởng và chương trình ở cấp độ cộng đồng nhằm cải thiện cuộc sống của trẻ em và gia đình. Thông thường thì một chương rình mẫu trong một cộng đồng không được nhân rộng ở những cộng đồng khác vì thiếu kênh thông tin quảng bá. Vy, một nhóm cha mẹ ở Atlanta phải đến Los Angeles nếu quan tâm đến việc tìm hiểu một chương trình ngoại khóa cải tiến dành cho những thiếu niên có

nguy cơ bị xâm hại. Tôi muốn kể lại những nỗ lực thành công của những con người bình thường để mọi người trong cả nước biết đến. Tôi cũng hy vọng mình có thể đóng góp những khoản tiền nhuận bút cho các tổ chức từ thiện vì trẻ em. Cuối cùng, tôi đã đóng góp cho bọn trẻ được gần một triệu đô la.

Chuyến đi giới thiệu quyển sách cũng mang lại cho tôi nhiều khoảnh khắc thú vị. Ở Ann Arbor, Michigan, ngày 17 tháng 1, hàng chục người xuất hiện ở hiệu sách trong trang phục áo thun với dòng chữ "Câu lạc bộ những người hâm mộ Hillary". Ruth và Gene Love, một đôi vợ chồng về hưu từ Silver Spring, Maryland hình thành ý tưởng thành lập câu lạc bộ này từ nhà bếp của họ năm 1992. Đến nay câu lạc bộ đã có hàng trăm thành viên trên khắp đất nước và một vài chi nhánh ở nước ngoài. Gia đình Loves, gọi một cách thân mật, đã trở thành những người bạn tuyệt vời, trước sau như một, và dường như họ biết khi nào thì tôi cần sự hỗ trợ. Họ gửi những người hâm mộ mặc áo thun và mang theo băng rôn chào đón mỗi khi tôi đến.

Ở San Francisco, James Carville mời tôi ăn tối tại một nhà hàng mà ông mới mua. Ông cũng mời một vài người bạn thân nhất của tôi đến dự, chủ yếu là để làm cho tôi vui. Susie Buell, một người bạn vô thần của tôi nói cô không theo dõi hết những bi kịch ở Washington nhưng cô có vài lời để nói với tôi: "Cầu phúc cho tấm lòng của bà". Đó là tất cả những gì mà tôi rất cần nghe.

Trong chuyến đi giới thiệu sách, tôi đã đến nói chuyện tại ngôi trường cũ của tôi, Đại học Wellesley, vào ngày 19 tháng 1 năm 1996 và nghỉ một đêm tại nhà của bà hiệu trưởng tuyệt vời, Diana Chapman Walsh. Ngôi nhà nằm trên bờ hồ Waban, tôi thức dậy sớm, đi dạo dọc theo con đường bao quanh vừa trở về thì David gọi điện báo cho biết Kenneth Starr đã đưa ra một trát đòi hầu tòa, yêu cầu tôi trình diện tại tòa thượng thẩm để làm chứng về vụ những bản kê hóa đơn bị thất lạc. Lần này, Nhà Trắng sẽ không im lặng. Tôi phải ra hầu tòa thượng thẩm một tuần sau đó. Tôi rất bực mình về chuyện này. Tuy nhiên tôi biết mình không được bày tỏ cảm xúc với bất kỳ ai, ngoại trừ Bill và những luật sư của mình.

Melanne đã nài nỉ được đi với tôi vì cô ấy biết chuyến đi giới thiệu sách sẽ rất khó khăn vì nhưng áp lực thường xuyên từ việc phỏng vấn của báo giới. Hành động vì tình bạn này làm hao tổn không chỉ về tài chính mà còn về tinh thần của cô ấy. Melanne đã phải cùng tôi vượt qua những thời điểm khó khăn và phải tự lo phần chi phí của riêng mình. Ngày hôm đó ở Wellesley là một thời điểm đặc biệt khó khăn đối với tôi vì tôi không thể nói cho Melanne biết chuyện gì đang xảy ra. Nhưng cô ấy rất nhạy bén, đã nhận ra tâm trạng lo âu của tôi và giúp đỡ tôi rất nhiều. Tôi sẽ không bao giờ quên lòng tốt và

sự trung thành của cô ấy.

Tôi trở về Nhà Trắng với tâm trạng chán nản và bối rối, lo lắng liệu sự kiện này có làm hỏng uy tín còn lại của tôi và ảnh hưởng đến ngôi vị Tổng thống của Bill hay không. Bill thật sự lo lắng cho tôi. Anh ấy bảo rất tiếc không bảo vệ được tôi khỏi tất cả những rắc rối này.

Chelsea cũng lo lắng cho tôi. Con bé theo dõi sát diễn biến của cuộc điều tra, đôi lúc còn nhiều hơn tôi mong đợi. Con bé muốn bảo vệ và làm an lòng mẹ y hệt như tôi muốn che chở cho nó. Thoạt đầu tôi cố gắng tránh cho con bé khỏi phải lo lắng vì những gì mẹ nó trải qua nhưng cuối cùng, tôi nhận thấy con gái mình đã lớn khôn và nó sẽ cảm thấy tốt hơn khi biết tâm trạng của mẹ.

Bill đã khôn ngoan hơn Đảng Cộng hòa trong những lần đóng cửa của Chính phủ nhưng thành công về mặt chính trị này của anh cũng không thể bảo vệ chúng tôi tránh khỏi bị lạm dụng thủ tục pháp lý. Anh cảm thấy bất lực trước Starr và liên minh của ông ta. Giận dữ không phải là trạng thái tâm lý tốt trước một buổi ra hầu tòa. Là một luật sư, điều đó giúp tôi ít nhiều vì tôi hiểu rõ được thủ tục pháp lý. Nhưng tôi không thể ăn ngon ngủ yên trong một tuần trước phiên tòa. Tôi đã sụt gần 5 kg và đó không phải là kết quả của một chế độ ăn kiêng mà tôi mong muốn. Mặc dù tôi không gặp khó khăn trong việc cho lời khai - vì chỉ cần đơn giản và thẳng thắn - nhưng tôi phải tập trung hơn để kiểm soát sự giận dữ trong suốt phiên tòa. Những thành viên bồi thẩm đoàn đang làm vai trò công dân của họ. Họ đáng được nhận sự tôn trọng của tôi, ngay cả khi những luật sư của Starr không đáng được như vậy.

David đã tranh cãi gay gắt với các công tố viên của Starr rằng việc mời tôi ra hầu tòa là phi lý và là một sự lạm dụng về thủ tục pháp lý. Tôi có thể được thẩm vấn riêng trước tòa như trước đây, thậm chí qua băng thu hình. Nhưng Starr đã nài nỉ triệu tập tôi trước trụ sở tòa án. Một trong những mục đích của ông ta là làm bẽ mặt tôi trước công chúng nhưng tôi kiên quyết không để ông ấy làm nhụt ý chí của mình. Có lẽ tôi là Đệ nhất Phu nhân đầu tiên ra làm chứng trước tòa nhưng tôi sẽ làm chuyện đó theo cách của mình. David bảo tôi rằng chúng tôi có thể tránh những phóng viên ảnh và những đội quay phim truyền hình bên ngoài trụ sở tòa án bằng cách lái xe limousine của Sở Mật vụ vào chỗ đỗ xe ở tầng hầm và đi thang máy lên lầu ba. Tôi đã từ chối đề nghị đó. Hành động lẻn vào trong tòa nhà làm cho tôi có cảm giác như mình đang cố che đậy điều gì đó.

Khi xe của tôi dừng lại trước tòa án liên bang khu vực Columbia lúc 1 giờ 45 của buổi chiều lạnh lẽo ngày 26 tháng 1 năm 1996, tôi bước xuống xe, mỉm cựvẫy chào đám đông rồi bước vào bên trong trụ sở tòa án liên bang. Tôi biết tôi phải giấu cảm xúc thật của mình về Starr và trò kiện tụng phi lý của ông ta. Suốt cả tuần tôi đã chuẩn bị tâm lý và tinh thần cho khoảnh khắc này. Tôi tự nhủ mình, hãy hít thở thật sâu và cầu Chúa phù hộ. Khi tôi chuẩn bị bước vào phòng bồi thẩm đoàn, tôi vẫy vẫy những luật sư chăm chỉ của mình và nói: "Chào! Tạm biệt, tôi đi gặp đội hành quyết đây!".

Bồi thẩm đoàn họp mặt trong phòng xử án lớn trên lầu ba. Theo những thủ tục liên bang về bồi thẩm đoàn, nhân chứng không được phép đi cùng luật sư của mình vào phòng bồi thẩm. Tôi phải tự xoay xở. Chỉ có hai trong số 23 bồi thẩm viên vắng mặt - mười người là nữ và hầu hết là người Mỹ gốc Phi. Dường như họ khá là tiêu biểu cho nơi mà họ làm việc. Tất cả tám phụ tá của Starr đều trông giống hệt ông ta.

Starr để cho một trong những phụ tá của mình phụ trách phần thẩm vấn trong khi ông ta ngồi ở bàn công tố viên và nhìn tôi chằm chằm. Tôi trả lời tất cả các cân hỏi - lại thật nhiều câu hỏi. Tôi đang ở ngoài hành lang trong lúc giải lao thì một bồi thẩm viên đến và yêu cầu tôi cho chữ ký vào quyển It Takes a Village của anh ta. Tôi nhìn thấy David đang nhe răng cười, rồi tôi ký tên vào quyển sách. Sau đó, tôi được biết viên bồi thẩm ấy đã bị sa thải sau một cuộc điều tra về "sự kiện" đó.

Phiên tòa chấm dứt sau bốn giờ đồng hồ. Trong phòng bên, tôi đã nhanh chóng thuật lại sự việc cho các luật sư của mình, David, Nicole Seligman, Jack Quinn, viên luật sư mới của Nhà Trắng và Jane Sherbume. Chúng tôi bàn về những gì mà tôi sẽ nói với các phóng viên, những người đang nóng lòng chờ tôi. Khi đi về phía lối ra, tôi đi ngang qua các văn phòng và để ý thấy mọi người vẫn còn ở đó: Nhiều người cố nán lại để có thể vẫy tay hay nói điều gì đó để động viên tôi.

Khi tôi bước ra ngoài thì trời đã tối, tuy vậy, tôi vẫn đồng ý trả lời một số câu hỏi ngắn của giới truyền thông. Họ muốn biết cảm xúc của tôi.

"Quả là một ngày dài", tôi nói.

"Lẽ ra bà phải ở một nơi khác trong ngày hôm nay."

"Ồ, khoảng một triệu nơi khác thì đúng hơn."

Khi họ hỏi về những hồ sơ kiện tụng bị thất lạc, tôi bảo họ "cũng giống như

mọi người, tôi muốn biết câu trả lời làm thế nào những tài liệu đó lại xuất hiện sau từng ấy năm. Tôi cố gắng hết sức mình để giúp đỡ cuộc điều tra.”

Tôi vẫy chào và lên xe trở về Nhà Trắng. Khi tôi bước vào Phòng khách Ngoại giao, Bill và Chelsea đang đợi tôi, ôm chầm lấy tôi và hỏi thật nhiều về mọi chuyện. Tôi nói rằng tôi mừng vì mọi chuyện đã qua.

Ngày hôm sau trên mặt báo tràn ngập hình ảnh chiếc áo len đen thêu mà tôi mặc ngày hôm đó. Một phóng viên đã lưu ý đến “hình ảnh một con rồng vàng được thêu trên nền đen" của chiếc áo. Điều này gợi cho các bình luận viên Beltway ngẫm nghĩ về ý nghĩa biểu trưng của hình ảnh đó: "Đó có phải là vật tổ? Tôi là một phụ nữ rồng?". Nhà Trắng buộc phải tuyên bố rằng miếng đính trang trí trên áo khoác do Connie Fails, một người bạn ở Little Rock, thiết kế, nó không có một ý nghĩa gì đặc biệt: đó chỉ là một mẫu trang trí trừu tượng mà một nhà báo thời trang đã viết "trông nó giống như một miếng trang trí nghệ thuật mài vỏ sò”. Văn phòng báo chí của tôi nhắc các phóng viên nhớ lại việc cái áo đã được tôi mặc suốt các chương trình khai mạc năm 1993 và không ai bình luận gì về nó nhưng đ cũng không chấm dứt được việc huyên thuyên về chiếc áo. Một phóng viên nhận xét "Cái áo đã biến thành một cuộc kiểm tra Rorschach về chính trị của Washington". Không sai tí nào.

Tối hôm sau, tôi buộc phải có mặt tại buổi ăn tối của Câu lạc bộ Alfalfa, một trong những nghi thức của Washington. Câu lạc bộ này nhóm họp chỉ với một mục đích: tổ chức một buổi bổ nhiệm Tổng thống giả định tại một buổi ăn tối trịnh trọng thường niên. Tôi ngồi trên bục cùng với chồng và một bộ sậu gồm các bộ trưởng nội các và các thẩm phán tòa án tối cao trong phòng tiệc của khách sạn Capital Hilton. Người được bổ nhiệm làm Tổng thống giả định của năm nay là Colin Powell. Ông ta phải đứng dậy chào mừng quý khách danh dự có mặt và đọc diễn văn "Thưa quý ông, quý bà, những thành viên cực đoan của Đảng Cộng hòa, những thành viên Đảng Dân chủ và những người tầm thường khác, những vị khách bị mời ra hầu tòa". Tôi cho là ông ta muốn nói đến tôi. Tôi giơ tay lên và cười khi Powell mỉm cười một cách ranh mãnh với tôi. Khi Powell hoàn thành bài diễn văn, một trong những cố vấn hàng đầu của Bill đi về phía tôi và thì thầm: "Trường hợp của bà quá là chuyện nhỏ trừ phi bà phải ra làm chứng trước bồi thẩm đoàn ít nhất năm lần như tôi" .

VÙNG CHIẾN

Ý thức được tầm quan trọng của mối quan hệ phức tạp và lâu dài giữa Mỹ và Pháp, tôi và Bill rất lo lắng về buổi đại yến đầu tiên chiêu đãi Tổng thống Pháp Jacques Chirac và phu nhân Bernadette vào tháng 2 năm 1996. Chirac, một chính trị gia bảo thủ của đảng De Gaulle, đã từng làm thị trưởng Paris suốt 18 năm. Và mặc đầu Chirac nói tiếng Anh trôi chảy, đã từng đi du lịch khắp nước Mỹ thuở trẻ, tình cảm cá nhân ông dành cho nước Mỹ không phải bao giờ cũng biến thành sự ủng hộ của chính phủ ông đối với các chính sách của chúng tôi. Tuy nhiên, Bill đã làm việc cật lực để giành được sự hợp tác của Pháp, đáng kể nhất là vào năm 1999, Bill đã thuyết phục được Pháp cùng với NATO tiến hành những cuộc không kích để dập tắt những cuộc thanh trừng sắc tộc ở Kosovo, mặc dù Liên hiệp quốc đã không có được một nghị quyết cần thiết nào.

Ngoại giao là một công việc đầy thủ đoạn, ngay cả trong mối quan hệ với đồng minh. Sự hợp tác chặt chẽ và tôn trọng lẫn nhau giữa hai nước có gốc rễ từ việc họ giúp chúng tôi trong cuộc Cách mạng. Nhưng đã có lúc chính sách của Mỹ và Pháp rất khác nhau và mối quan hệ giữa hai nước trở nên căng thẳng, chẳng hạn như Pháp đã lên tiếng kịch liệt phản đối cuộc chiến tranh Iraq do Mỹ khởi xướng.

Thách thức đầu tiên của buổi ăn tối là thực đơn. Ẩm thực của người Pháp mang tính huyền thoại vì thế tôi thật sự lo lắng về bữa ăn hoàn hảo để phục vụ họ tại Nhà Trắng. Bếp trưởng của chúng tôi, Walter Scheib, sinh trưởng và học nghề tại Mỹ, tỏ ra chẳng hề nao núng và đảm bảo với tôi rằng ông ta sẽ kết hợp những món ngon nhất của truyền thống ẩm thực của cả hai nước.

Những cái bàn tròn trong Phòng ăn Chính phủ được trải lụa damask và tràn ngập hoa hồng, đồ bạc và pha lê. Khi những bông tuyết giữa mùa đông bắt đầu rơi ở Washington, thì những nhà ngoại giao, lãnh đạo doanh nghiệp, nghệ sĩ, ngôi sao điện ảnh lại kháo nhau về món tôm hùm nấu lá húng tây vxúp cà tím nướng, sườn cừu non và khoai lang nghiền, cùng với rượu vang hảo hạng của Mỹ. Kể từ bữa ăn đầu tiên này đến những lần gặp gỡ sau đó với gia đình Chirac, Bill và tôi đã phát hiện ra rằng nếu thế giới ngoại giao này đầy mưu toan thì nó cũng đem lại thật nhiều điều ngạc nhiên.

"Đương nhiên, tôi yêu thích nhiều thứ của nước Mỹ, bao gồm cả các món ăn", Tổng thống Chirac ngồi phía tay phải tôi, nói. "Bà biết không, tôi đã từng làm việc tại nhà hàng Howard Johnson."

Mặc dù đôi khi nước Pháp và Mỹ có những quan điểm chính trị rất khác nhau nhưng Bill và tôi luôn giữ được hòa khí với gia đình Chirac trong suốt thời gian chúng tôi ở Nhà Trắng và tôi rất thích chuyến đi cùng với bà Bernadette Chirac đến miền trung nước Pháp. Bernadette là cháu gái của viên sĩ quan phụ tá của tướng De Gaulle, bà là một phụ nữ thanh lịch và có học thức, đã từng là một viên chức dân cử tại vùng Correze vào năm 1971. Bà là phu nhân tổng thống duy nhất mà tôi biết đã tự ra ứng cử. Tôi thật sự khâm phục vai trò độc lập mà bà đã vạch ra cho bản thân cũng như những câu chuyện bà kể về việc đi bộ hay lái xe đến từng nhà để vận động mọi người bỏ phiếu cho mình. Sau đó bà mời tôi đến thăm khu vực bầu cử của mình, và đến tháng 5 năm 1998, tôi đã có một ngày tuyệt vời cùng bà viếng thăm Correze và gặp những người dân mà bà làm đại diện.

Chẳng bao lâu sau, đã đến lúc ăn mừng một sự kiện quan trọng khác của gia đình: đó là sinh nhật lần thứ 16 của Chelsea. Tôi không thể tin là con gái của chúng tôi lại trưởng thành nhanh như vậy. Dường như mới hôm qua con bé còn tập những điệu nhảy đầu tiên và bò vào lòng mẹ để đọc sách vậy mà giờ đây đã cao bằng mẹ và muốn có bằng lái xe cho riêng mình. Điều đó đã đã làm tôi lo lắng, nhưng còn đáng lo sợ hơn là việc cha nó đang dạy nó lái xe.

Sở Mật vụ không bao giờ để Bill tự lái xe,.ngoại trừ khi đánh golf. Điều này tốt cho anh ấy. Không phải anh ấy không thích máy móc nhưng vì anh phải suy nghĩ quá nhiều thứ, nên không phải lúc nào cũng để ý được là mình đang đi đâu. Nhưng anh ấy nài nỉ được làm bổn phận của người cha nên đã mượn một chiếc xe từ đội xe Sở Mật vụ tại Trại David.

Tôi gặp Chelsea khi nó quay về từ Aspen Lodge sau bài học đầu tiên về việc lùi xe và đậu xe song song. "Sao ? Thế nào?"

Con bé nói: "Con nghĩ bố học được nhiều điều!".

Làm con của một Tổng thống chẳng dễ dàng một chút nào, từ việc mất tự do cá nhân của người bình thường đến chuyện phải chịu giám sát 24 trên 24 giờ mỗi ngày. Ngay cả khi con bé đã lớn khôn hơn, chúng tôi vẫn quyết định phải làm sao để con được sống một cuộc sống bình thường hơn. Chứng tôi cố gắng làm việc cật lực để dành thời gian ăn tối với con gái tại bếp ăn gia đình, để chúng tôi có dịp gặp gỡ nói chuyện về kế hoạch cuối tuần hay những chuyến đi nghỉ cho cả nhà. Cho dù chuyện gì đang diễn ra đi nữa, tôi vẫn luôn cố gắng nán lại tầng hai khi con bé đi học ba lê về phòng - là lúc nó muốn nói chuyện với mẹ. Ít nhất, tôi cũng muốn nhìn thấy con trước khi nó biến vô phòng.

Chúng tôi cũng làm hết sức để tránh cho con bé khỏi dính vào những cuộc điều tra và những bài báo khắc nghiệt nhưng tôi biết chắc những áp lực ở Nhà Trắng đã làm cho cuộc sống trở nên nhiều thách thức hơn đối với Chelsea. Nó làm cho con bé trưởng thành sớm hơn và có khả năng phán đoán tính cách nhanh nhạy, xác định và loại bỏ những kẻ nịnh hót, nhưng người bạn giả dối và xây dựng mối quan hệ với những người bạn thật sự, những người đến nay vẫn là bạn bè gần gũi với nó

Chúng tôi mừng sinh nhật lần thứ l6 của con bé vào ngày 27 tháng 2 năm 1996, bằng một buổi đi xem hát, vở Les Misérables tại Nhà hát kịch Quốc gia. Sau đó, tôi và Bill mời bạn bè của con bé đi chơi cuối tuần tại Trại David. Chelsea lên kế hoạch cho các hoạt động, bao gồm trò chơi bóng sơn vào buổi chiều. Những anh lính thuỷ đánh bộ đóng quân ở trại chỉ lớn hơn những vị khách mời một vài tuổi, vì vậy họ tổ chức hai đội thiếu niên mặc đồ ngụy trang chạy băng rừng và đuổi bắt nhau bằng những quả bóng sơn. Bill cứ liên tục hò hét hướng dẫn và ra chiến lược cho bất kỳ đội nào có vẻ yếu thế. Sau bữa tiệc sinh nhật tối ở Laurel Lodge, ăn sạch một cái bánh cà rốt khổng lồ do bếp trưởng bếp bánh của Nhà Trắng Roland Mesnier chuẩn bị, chúng tôi lại tập trung ở Hickory Lodge để xem phim và chơi bowling trong một sân bowling do Tổng thống Eisenhower lắp đặt. Đến sau nửa đêm, Bill và tôi cuối cùng phải thú nhận là mình không còn ở tuổi 16 nữa.

Chelsea và bạn của nó đều mong đợi được lên đại học. Tuy tôi cảm thấy rất buồn, vì điều đó có nghĩa là nó không còn ở nhà với chúng tôi bao lâu nữa nhưng tôi cố gắng không làm nó lo lắng về cảm xúc của mình. Tôi chỉ cầu nguyện là nó sẽ chọn một trường đại học gần Washington.

Mỗi năm, Trường Sidwell Friends tổ chức một "đêm đại học" cho những học sinh trung học và cha mẹ của các em. Bill và tôi cùng Chelsea đến nghe đại diện của các trường đại học nói về điều kiện và cách thức nhập học. Chelsea đã không nói gì suốt thời gian chúng tôi lái xe trở về Nhà Trắng. Sau đó, nó nói, giọng rất buồn rầu "Mẹ biết không, có lẽ con thích đến thăm trường Stanford".

Dường như quên hết mọi thứ về tâm lý và cách ứng xử giữa mẹ và con gái, tôi la lên: "Cái gì! Stanford xa quá! Con không thể đi xa như vậy. Ở tận bờ Tây, cách cả ba múi giờ! Bố mẹ không thể đi thăm được".

Bill ấn cánh tay tôi và nói với Chelsea: "Con yêu, con có thể đi bất kỳ nơi đâu con muốn". Tôi biết con bé muốn đi Stanford và muốn được bố mẹ chấp thuận, nhưng tôi sẽ rất nhớ nó. Tôi còn nhớ rất rõ bố tôi đã từng bác bỏ mọi

lựa chọn của tôi, nên Bill và tôi đã tự hứa sẽ không bao giờ làm như thế. Tuy vậy, tôi thật sự hy vọng con bé sẽ ở lại Washington. Nhưng cuộc tranh luận đã bắt tôi phải đối diện thực tế: bất kể Chelsea học ở đâu đi nữa, thì trong vòng một năm rưỡi nữa con bé sẽ rời khỏi chúng tôi. Chắc hẳn là con bé đã sẵn sàng, nhưng tôi thì chưa và tôi quyết dành nhiều thời gian cho con hơn hay ít nhất là lâu đến mức nó có thể chấp nhận !

Bộ Ngoại giao đã yêu cầu tôi đến Bosnia-Herzegovina với vai trò đại sứ nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của Hiệp ước Hòa bình Dayton được ký vào tháng 11 trước đó. Những chiến thắng trên bộ của Liên minh Hồi giáo-Croatia do Mỹ ủng hộ, cùng với những cuộc không kích của NATO do Bill ủng hộ, cuối cùng cũng buộc được người Serb ngồi vào bàn thương thuyết. Tôi cũng lên chương trình ghé thăm các căn cứ quân sự Mỹ tại Đức và Ý, thăm Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp trong một tuần. Hai đồng minh quan trọng của Mỹ này có mối quan hệ căng thẳng xung quanh vấn đề đảo Cyprus và những vấn đề không thể giải quyết khác.

Bill và tôi bàn với nhau có nên cho Chelsea đi Bosnia hay không. Chúng tôi cân nhắc những rủi ro an ninh và quyết định nếu có những biện pháp phòng bị thích hợp thì mọi chuyện sẽ ổn cho tôi và Chelsea. Con bé đủ chín chắn để có thể trưởng thành hơn qua kinh nghiệm của chuyến đi. Bên cạnh đó, chúng tôi sẽ đi cùng với một nhóm USO bao gồm cả ca sĩ Sheryl Crow và danh hài Sinbad, tất cả họ sẵn sàng chấp nhận những rủi ro có thể xảy ra trong chuyến đi.

Tôi nghĩ Bill, Bộ trưởng Ngoại giao Warren Christopher và phái viên đặ của ông, Đại sứ Richard Holbrooke đã làm nên phép mầu ở Dayton bằng cách thuyết phục được người Serb, người Croatia và người Hồi giáo chấm dứt cuộc chiến và đồng ý thiết lập một hệ thống cai trị mới. Để cô lập các nhóm chủ chiến, và thiết lập an ninh cơ bản, Mỹ đã gửi sang hơn 18 ngàn quân giữ hòa bình cùng với 40 ngàn quân từ những nước khác. Chính phủ muốn gửi một thông điệp mạnh mẽ rằng những thỏa ước hòa bình phải được trân trọng và sẽ có hiệu lực. Các nhân viên hay trêu chọc tôi, đề nghị Bộ Ngoại giao nên có một chỉ thị: nếu một nơi quá nhỏ, quá nguy hiểm hay quá nghèo - hãy gửi Hillary tới. Điều đó không có vấn đề gì với tôi, bởi vì những nơi xa xôi hẻo lánh và nguy hiểm thường là nhưng nơi hấp dẫn nhất. Tôi cảm thấy vinh dự được đến Bosnia.

Chủ nhật ngày 24 tháng 3, chiếc 707 được tân trang lại của chúng tôi đã đến Căn cứ không quân Ramstein, Đức, gần Baumholder, căn cứ của Sư đoàn Thiết giáp Thứ nhất, nơi cung cấp phần lớn quân lực Mỹ tại Bosnia.

Hai năm trước đây, người Đức đã từng nồng nhiệt chào đón tôi và Bill đến đất nước họ để mừng sự thống nhất của nước Đức ở Berlin. Khi chúng tôi đi bộ qua cổng Brandenburg cùng với Thủ tướng Kohl và phu nhân, chúng tôi đã đứng trên mảnh đất mà mãi đến 1989 vẫn là một phần của Đông Đức. Helmut Kohl là một người hấp dẫn, đầy xúc cảm và thậm chí rất hài hước. Ông đã trở thành một người bạn và một đối tác chính trị của Bill. Kohl đã cống hiến hết sức mình, vượt qua 40 năm chia cắt để thống nhất Đông và Tây Đức thành một quốc gia. Ông ấy cũng đã đóng góp nhiều trong việc xây dựng một Cộng đồng chân Âu, sử dụng một đồng tiền chung và ủng hộ những nỗ lực cua Mỹ nhằm chấm dứt xung đột ở Balkan. Sự hợp tác của hai nước là một ví dụ sống động cho một liên minh sau chiến tranh nhằm đem lại hòa bình và an ninh cho châu

Sau khi đến Baumholder, Chelsea và tôi đã dự những buổi lễ ở nhà thờ, gặp gỡ các gia đình quân nhân và xem buổi trình diễn của Sheryl và Sinbad ở phòng ăn. Khoáng 6 giờ 30 sáng hôm sau, những người tùy tùng của chúng tôi lên chiếc máy bay vận tải C-17 và bay đến căn cứ không quân Tuzla, Bosnia-Herzegovina. Ngoài những nghệ sĩ, chúng tôi còn mang theo những thùng thư và quà tặng cho quân lính, gồm 2.200 thẻ gọi điện thoại đường dài và 300 cuốn phim video do các công ty Mỹ tài trợ. Nhà Trắng đã tài trợ 6 thùng kẹo M&M được Tổng thống đóng dấu riêng trên mỗi thùng. Các công ty Mỹ cũng gửi tặng dụng cụ dạy học và đồ chơi cho trẻ em ở Bosnia - những đứa trẻ đã phải bỏ học trong nhiều năm vì chiến tranh.

Tôi đi loanh quanh khoảng 1 giờ 40 phút trong các khoang kim loại của chiếc máy bay vận tải khổng lồ, nói chuyện với phi hành đoàn và những nhân viên báo chí, những người phải ngồi trên những băng ghế nhảy dù. Tôi có cảm giác như đang đi bên trong một chiếc khinh khí cầu nhưng ồn ào hơn. Người lái chuyến bay này là một trong bốn nữ phi công lái máy bay vận tải C-17 của lực lượng không quân, cố giữ cho máy bay bay cao trên vùng đất đang bị chiến tranh tàn phá, cao hơn tầm với của những tên lửa đất đối không và tầm đạn của nhưng tay bắn tỉa. Mỗi chúng tôi được yêu cầu mặc thêm áo chống đạn khi đi máy bay, điều đó cho thấy những mối nguy hiểm vẫn còn tồn tại, mặc cho lệnh ngừng bắn chính thức đã được ban hành. Và khi máy bay sắp hạ cánh nhân viên mật vụ đã chuyển Chelsea và tôi đến khoang chống đạn trên máy bay. Ngay phía trên đường băng, cơ trưởng đã nghiêng máy bay và đáp gần như thẳng đứng so với đường băng để tránh bị tấn công từ dưới mặt đất.

Tình hình an ninh tại Nam Tư cũ liên tục thay đổi và trở nên xấu đi gần đây. Do có báo cáo về những người bắn tỉa trên những ngọn đồi xung quanh

đường băng, chúng tôi buộc phải rút ngắn chương trình gặp gỡ những trẻ em đNương ngay trên sân đỗ máy bay. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn có đủ thời gian gặp gỡ bọn trẻ và thầy giáo của chúng để biết họ đã làm việc vất vả đến thế nào trong thời buổi chiến tranh để duy trì lớp học ở bất cứ nơi nào an toàn mà họ tìm thấy. Một cô bé tám tuổi đã đưa cho tôi xem bản copy bài thơ mà cô bé đặt tên là "Hòa bình". Chelsea và tôi tặng các em những đồ dùng học tập mà chúng tôi mang theo cùng với những lá thư của các học sinh lớp bảy ở Baumholder. Cha mẹ và thầy giáo của những đứa bé ở đó đã đề xướng chương trình trao đổi thư từ này. Sau đó, chúng tôi buộc phải vội vã bay đến căn cứ quân sự Mỹ ở Tuzla, nơi có trên 2.000 lính Mỹ, Nga, Canada, Anh và Ba Lan đang cắm trại trong các căn lều lớn.

Sheryl Crow, Sinbad, Chelsea và tôi bay trên chiếc trực thăng Diều Hâu Đen để thăm những người lính ở tuyến đầu. Súng bắn dữ dội bên sườn máy bay, điều này cho thấy công việc giữ gìn hòa bình nguy hiểm như thế nào. Chúng tôi đáp xuống Trại Bedrock và Trại Alicia, những đơn vị tiền đồn ở đông bắc Bosnia. Chúng tôi được chứng kiến các binh lính gỡ mìn trên những cánh đồng và những con đường. Có thể nói các binh sĩ của chúng ta có sứ mệnh khó khăn và họ phải sống một cuộc sống hiểm nghèo. Ở quê nhà, mọi người cứ đặt câu hỏi về vai trò của nước Mỹ ở Bosnia. Vài người cho rằng binh lính không nên can dự vào việc gìn giữ hòa bình, cho dù đó là một phần của sứ mệnh lịch sử của quân đội Mỹ ở những nơi và những thời điểm rất khác nhau như sa mạc Sinai sau thỏa thuận hòa bình giữa Israel và Ai Cập và vùng phi quân sự sau chiến tranh Triều Tiên. Những người khác lập luận rằng chính quân đội châu Âu chứ không phải quân đội Mỹ, nên chịu trách nhiệm về việc gìn giữ an ninh biên giới trong khu vực. Vì những lo lắng này nên tôi đã nói chuyện thật nhiều với các binh sĩ và sĩ quan, hỏi ý kiến họ và lắng nghe họ đánh giá về sứ mệnh của mình. Một trung úy bảo tôi rằng anh ấy đã không hiểu vai trò của nước Mỹ cho đến khi anh tận mắt nhìn thấy những gì diễn ra ở Bosnia.

"Trước khi chúng tôi đến", anh ấy nói, "thật không thể thăm dò được cái gì đang diễn ra ở đây". Anh ấy mô tả những nhóm sắc tộc đang chung sống hòa bình với nhau bỗng nhiên giết hại lẫn nhau vì lý do tôn giáo. "Bà thử đi ra các ngôi làng và bà sẽ thấy được sự thiệt hại", anh ấy nói với tôi, "Bà sẽ thấy những mái nhà bị thổi tung, cả một vùng rộng lớn bị bom cày nát, và những con người sống sót trong nhiều năm trời với rất ít thức ăn và thức uống. Nhưng bây giờ, bất cứ nơi nào chúng tôi đến, bọn trẻ lại vẫy tay và mỉm cười với chúng tôi", anh ấy kể tiếp, "Đối với tôi, đó là lý do đủ để tôi ở đây."

Tôi nhìn cảnh điêu tàn của chiến tranh qua cửa sổ máy bay trực thăng. Từ

trên cao, miền thôn quê trải dài một màu xanh rất đẹp, một vùng quê điển hình của châu Âu. Nhưng khi máy bay xuống thấp hơn, tôi nhận thấy có rất ít ngôi nhà còn mái nguyên vẹn và hầu như không có căn nhà nào không bị lỗ chỗ những vết đạn. Những cánh đồng không được cày bừa mà bị cày xới bởi bom đạn. Đây là thời điểm mùa xuân nhưng không có ai trồng trọt vì sợ mìn và lo bị bắn tỉa. Những cánh rừng và các con đường cũng không được an toàn. Thật khủng khiếp khi nhìn thấy quy mô sự tàn phá và khối lượng công việc khổng lồ mà người Bosnia phải làm để có thể khôi phục cuộc sống bình thường.

Tôi đã định ghé lại Sarajevo để gặp gỡ một phái đoàn đa sắc tộc hầu lắng nghe ý kiến của họ về những gì mà chính phủ Mỹ và các tổ chức tư nhân có thể làm để giúp họ hàn gắn một xã hội đã bị chiến tranh tàn phá. Tuy nhiên, tình hình an ninh buộc tôi phải hủy bỏ chuyến đi Sarajevo. Nhưng những người dân mà tôi hẹn gặp đã không bỏ cuộc, họ quyết định vượt một chặng đường 50 dặm dọc theo những con đường đầy cam go để đến gặp tôi ở Tuzla

Chúng tôi tập trung tại hội trường Sở Chỉ huy Quân đội Mỹ. Trong số những vị khách, có Giáo chủ Hồng y của Giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã ở địa phận Bosnia và người đứng đầu nhà thờ Chính Thống giáo ở Cộng hòa Serbia. Trông họ hết sức mệt mỏi và dường như muốn quy ngã vì những thử thách nhưng họ lại rất nóng lòng muốn nói. Họ mô tả những việc mà họ đang cố gắng làm để giữ lại một chút gì được xem là bình thường trong một thế giới bị chiến tranh làm đảo lộn hoàn toàn.

Họ mô tả cảm giác bị sốc khi phát hiện những người bạn và những đồng nghiệp lâu năm bỗng nhiên không còn nói chuyện với họ nữa và đôi khi còn tỏ thái độ thù địch. Khi chiến tranh nổ ra, bom và bắn tỉa trở thành lối sống. Trưởng khoa chấn thương của bệnh viện Kosovo, người Bosnia, kể cho tôi nghe rằng bệnh viện của ông vẫn phải mở cửa ngay cả khi thuốc men đã cạn kiệt và bị mất điện. Một cô giữ trẻ người Croatia, bị mất đứa con gái 12 tuổi trong cuộc vây hãm ở Sarajevo, đã nói với tôi rằng lớp học của cô ngày càng thu nhỏ vì các em phải di tản cùng gia đình, hoặc phải bỏ học, hoặc bị thương vong vì bạo lực và hỗn loạn. Một nhà báo người Serbia, người đã bị những người đồng hương của mình đánh đập và bỏ tù vì dám bảo vệ những người Hồi giáo. Bosnia, cho rằng vết thương tâm lý thường có khả năng hủy hoại khủng khiếp hơn cả những tàn phá về vật chất. Ở nhiều nơi tôi viếng thăm, hậu quả đáng sợ của chiến tranh trong tâm trí người dân sẽ vẫn còn hiện hữu hàng thập kỷ và thậm chí nhiều thế kỷ sau. Xây dựng lại cơ sở hạ tầng sau chiến tranh là một chuyện, xây dựng lại lòng tin trong nhân dân là một chuyện hoàn toàn khác.

Sau buổi gặp gỡ, tôi đi thăm căn cứ, xem xét điều kiện sống. của binh lính và ghé qua bệnh viện, nhà ăn và phòng giải trí. Sheryl và Sinbad trở về Tuzla,có một màn trình diễn tuyệt vời. Trong suốt chuyến đi, Chelsea là một điểm thu hút mạnh đối với các binh sĩ và gia đình họ, con bé bắt tay, tặng chữ ký với vẻ nồng hậu và duyên dáng thường ngày của nó. Con bé còn tham gia vào chương trình giải trí khi người dẫn chương trình, một thượng sĩ, yêu cầu nó lên sân khấu từ hàng ghế khán giả.

Không tỏ vẻ gì là ngượng ngùng, con bé bước đến phía micro để tham gia trò chơi nói đùa.

"Em tên là Chelsea à?" viên thượng sĩ đùa.

"Cũng đâu đó", con bé trả lời và cười.

Sau đó anh ta yêu cần con bé mô phỏng cách hoan hô kiểu Mỹ của đám đông.

"Hooo-hah!"

"Tốt lắm", anh ta nói. "Thử lần nữa xem."

"HOOOO-hah !" con bé hét lên. Đám đông vỗ tay và đáp lễ bằng những tiếng hoan hô inh ỏi.

Mặc dù chỉ áp dụng những quy định truyền thông bình thường - không có phóng viên nào cố ý phỏng vấn Chelsea, không có ai chụp ảnh trái quy định - con bé hẳn là khá tự tin và vui vẻ hơn bao giờ hết trong suốt chuyến đi. Giống như bố, nó rất tự nhiên, thân thiện và thoải mái trước đám đông. Chiều ngày hôm đó khi chúng tôi viếng thăm những binh lính Mỹ đóng lại Aviano, Ý, Chelsea càng tỏ ra tự tin hơn. Con bé cùng mẹ chụp hình với các phi công và thợ máy của Air Force. Khi chúng tôi bước đi có ai đó hỏi to phía sau chúng tôi.

"Này Chelsea! Việc lái xe của em thế nào?"

Con bé quay lại đáp lời một người lính trẻ trong bộ quần áo dù chiến, người này rõ ràng có tin tức về con bé trên báo.

"Tốt lắm rồi!", con bé mỉm cười đáp. Nó bước đi nhanh hơn rồi quay lại một lần nữa và la lớn "Cẩn thận khi anh đến D.C !"

Chuyến đi này để lại án tượng sâu sắc cho Chelsea và tôi. Chúng tôi thật tự hào về những nam và nữ quân nhân của chúng ta, họ là những ví dụ sinh động nhất về những giá trị Mỹ và tính đa dạng Mỹ. Nếu người dân vùng Balkan cần thêm chứng cứ cho lợi ích của thuyết đa nguyên, điều mà họ cần phải làm là ngồi vào bàn ăn ở Tuzla hay Trại Bedrock hoặc Trại Alicia, giữa những tập thể nhiều màu da, tôn giáo, giọng nói và thái độ. Tính đa dạng này là một điểm mạnh của nước Mỹ và cũng có thể là của họ nữa.

Trước khi kết thúc chuyến thăm ở Istanbul và Athens, chúng tôi đã bay từ Ankara, thủ đô Thổ Nhĩ Kỳ, đến Ephesus, một thành phố cổ Hy Lạp đã được khôi phục thật đẹp trên bờ biển phía nam của Thổ Nhĩ Kỳ. Đó là một ngày tuyệt vời, bầu trời trong và đầy nắng, khung cảnh bên dưới thật ngoạn mục với đường bờ biển chạy dài và biển Aegean xanh ngắt. Tôi nhớ lại mình đã nghĩ rằng đó quả thật là một ngày tuyệt vời để bay và những giây phút đó thật đáng để sống.

Tôi trở về Washington vào ngày cuối cùng của tháng Ba, thật mệt mỏi về thể chất nhưng đầy ắp những ấn tượng và thông tin để chia sẻ với Bill. Những vấn đề mà tôi thấy ở Bosnia làm cho những câu chuyện nhiều tập ở Washington trở nên nhỏ bé và vụn vặt. Và những câu chuyện nhiều tập lại tiếp tục. Nhưng, lần này có một sự thay đổi, Ken Starr đang bị điều tra kỹ lưỡng.

Trong một bài xã luận phê phán Văn phòng Luật sư Độc lập, tờ The New York Times đã chỉ trích Starr về việc ông ta vẫn tiếp tục mở văn phòng luật tư với doanh thu hàng triệu đô la một năm trong khi đang điều tra Nhà Trắng. Bài xã luận viết "vụ kiện đòi hỏi một công tố viên công tâm và không vướng bận", nhưng không dám yêu cầu Starr từ chức luật sư độc lập. Tôi nghĩ thật vô nghĩa với lập luận rằng cuộc điều tra có thể đã bị vấy bẩn của ông ta đã đi "quá xa để có thể bắt đầu trở lại". Tuy nhiên, điều lý thú là giới báo chí đã cảnh tỉnh công chúng về việc Starr vẫn làm đại diện luật pháp của những doanh nghiệp như các công ty thuốc lá mà quyền lợi của những công ty này rõ ràng là mâu thuẫn với lợi ích của Chính phủ Clinton. Khi Kenneth Starr được bổ nhiệm làm luật sư độc lập, ông ta không bị yêu cầu hoặc buộc phải từ bỏ vai trò cộng tác viên cao cấp với Hãng Luật Kirkland & Ellis; ông ta cũng không cảm thấy nghĩa vụ phải từ bỏ việc tham gia nhiều lợi lộc vào các vụ kiện bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách của Chính quyền Clinton.

Một vài nhà báo can đảm - như Gene Lyons của tờ Arkansas Democrat Gazette và Joe Conason của tờ New York Observer - đã từng viết về những mâu thuẫn về quyền lợi của Starr trong một số tờ báo có số ấn bản giới hạn,

nhưng bây giờ câu chuyện đã bắt đầu trở thành đề tài chính của báo giới ở Washington.

Ai cũng biết rõ là Starr rất thiên vị với phe Cộng hòa vì ông ta là một cựu nhân viên của Chính quyền Reagan và Chính quyền Bush. Tương tự nhưng ở mức độ ít hơn là những mối quan hệ của ông ta với các nhóm phong trào tôn giáo và chính trị cánh hữu cực kỳ bảo thủ và với Paula Jones. Nhưng việc Starr vẫn tiếp tục giữ mối quan hệ kinh doanh với các đối thủ chính trị của chúng tôi mãi cho đến gần đây mới được tiết lộ.

Ngày 11 tháng 3 năm 1996, tờ USA Today đưa tin Starr kiếm được 390 đô la một giờ để đại diện cho bang Wisconsin trong việc vận động phê chuẩn chương trình chi phí trường học, một chính sách giáo dục mà Chính quyền Clinton phản đối. Phí luật sư của ông ta do Tổ chức Bradley bảo thủ trả. Danh sách các bài viết còn dài: một bài báo trong tạp chí The Nation đã đưa ra những sự kiện chứng minh rằng Starr đã có một sự mâu thuẫn quyền lợi thật sư. Trong khi ông ta đang thanh tra RTC với vai trò là một công tố viên bán thời gian, thì RTC lại đang điều tra Hãng Luật Kirkland Ellis của ông ta. RTC đã kiện Kirkland & Ellis về việc bất cẩn trong vụ kiện Denver S&L. Quyền lợi về tiền bạc của Starr trong phần hùn với hãng luật đang trực tiếp bị ảnh hưởng, hay ít nhất, dường như có một sự xung đột quyền lợi, nhưng không hiểu sao các phương tiện truyền thông đã bỏ qua chuyện đó. Lẽ ra, Starr đã. phải rút lui khỏi cuộc điều tra RTC. Trong khi sự dàn xếp giữa RTC và hãng luật của Starr, mà trong đó hãng phải trả 325.000 đô la, được giữ bí mật theo một thỏa thuận bảo mật giữa hai bên, thì mọi khía cạnh của hồ sơ pháp lý về vụ Madison Guaranty của Hãng Luật Rose lại bị RTC, Quốc hội và báo giới bới tung lên. Đã không hề có bất kỳ cuộc điều tra nào về vụ dàn xếp và những hành động của Starr.

Việc báo chí đột ngột chuyển sang chỉ trích Starr trong tháng Ba xem ra chẳng có ảnh hưởng gì đến ông ta mấy. Ông ta chẳng thèm để ý đến lời cảnh cáo của tờ The New York Times rằng "ông ta nên rời hãng luật và tất cả các vụ kiện cho đến khi hoàn tất các nhiệm vụ đối với vụ Whitewater". Ngược lại, vào ngày 2 tháng 4, thay mặt cho bốn công ty thuốc lá chính, viên luật sư độc lập này lại đi biện hộ trong một vụ kiện quan trọng tại Tòa Phúc thẩm thứ năm ở New Orleans.

Tôi thật sự thất vọng với chính sách bất công đã bảo vệ Starr và những thân chủ của ông ta được miễn trừ trách nhiệm trong khi nhóm bảo thủ lại chơi lá bài "mâu thuẫn quyền lợi" để triệt hạ những điều tra viên và bồi thẩm liêm chính. Robert Fiske, công tố viên đặc biệt ban đầu, đã bị sa thải vào tháng 8

năm 1994 để dọn đường cho Starr. Fiske bị sa thải với tội danh mâu thuẫn quyền lợi. Một tội danh thật hồ so với nhiều mâu thuẫn về tài chính và chính trị của Starr, mà lẽ ra đủ để loại ông khỏi vị trí công tố viên ngay từ đầu và đủ để buộc ông ta phải từ chức nhiều lần sau đó.

Starr đã sử dụng lời cáo buộc về mâu thuẫn quyền lợi mà thực chất mang tính chất vu khống để loại bỏ một luật gia có uy tín nhất ở tòa liên bang ở Arkansas khỏi một vụ kiện mà trước đó viên thẩm phán này đã xử Starr thua. Vụ kiện này không liên quan đến Bill và tôi; nó cũng không dính líu đến Madison Guaranty nhà McDougal hay bất kỳ ai liên quan đến vụ đầu tư Whitewater. Starr đã dùng quyền lực của một luật sư độc lập để tố cáo Jim Guy Tucker, Thống đốc Dân chủ của Arkansas, người thay thế Bill, về tội đồng lõa và gian lận trong việc mua các đài truyền hình cáp ở Texas và Florida. Tháng 6 năm 1995, Starr đã dùng biện pháp đe dọa buộc tội để trấn áp bất kỳ ai mà ông ta có thể rồi hứa sẽ tha cho họ nếu họ khai ra điều gì - bất kỳ điều gì - để buộc tội Bill và tôi. Thẩm phán Henry Woods của tòa án khu vực được bổ nhiệm xử vụ Tucker, sau khi xem xét các dữ kiện, đã bác bỏ bản buộc tội của Starr đối với Tucker vì nó không liên quan gì đến vụ điều tra Whitewater. Dựa vào sự uyên bác của mình về luật quy định về luật sư độc lập, Henry Woods đã kết luận rằng Starr đã vượt quá quyền hạn cho phép. Starr đã yêu cầu phúc thẩm quyết định đó và yêu cầu loại Thẩm phán Woods ra khỏi vụ kiện.

Thẩm phán Woods là cựu nhân viên FBI và đồng thời là một luật sư xuất sắ. Ông được Tổng thống Jimmy Carter bổ nhiệm vào vị trí quan tòa. Ở tuổi 77, ông đã có được một sự nghiệp xuất sắc với vai trò là luật gia và là một nhà ủng hộ nhân quyền ở miền Nam. Hơn 15 năm trên ghế quan tòa, Thẩm phán Woods rất nổi tiếng về những quyết định công tâm và chặt chẽ rất khó lay chuyển - cho đến khi ông ta ngáng đường Starr.

Ba thẩm phán trong danh sách hội thẩm tòa án Liên bang cho vụ phúc thẩm của những đảng viên Đảng Cộng hòa bảo thủ do các Tổng thống Reagan và Bush bổ nhiệm vào Tòa Phúc thẩm thứ tám. Cả ba thẩm phán chấp thuận thỉnh cầu của Starr, khôi phục bản buộc tội của ông ta và thay thế Woods, không phải dựa trên những bằng chứng cụ thể về sự không công tâm của Woods mà chỉ dựa trên những bài báo phê bình xuyên tạc ông ta.

Với tư cách là một luật sư, tôi cảm thấy thật khó chịu trước quyết định kỳ lạ vô tiền khoáng hậu này. Lẽ ra một công tố viên không được phép đòi thay đổi một thẩm phán chỉ vì mình không thích một phán quyết. Và trong trường hợp này, Starr đã không gởi đơn kháng nghị lên Thẩm phán Woods. Nếu ông

ta làm thế, vị quan tòa này đã có thể tự bảo vệ mình, bằng cách đối phó với những tranh luận của Starr và mở một phiên tòa nữa, rồi đóng hồ sơ. Nhưng Starr đã đi trước một bước tới Tòa phúc thẩm nên thẩm phán Woods đã không kịp trở tay.

Tác giả của những bài báo mang tính miệt thị mà các thẩm phán tòa phúc thẩm sử dụng để loại bỏ Thẩm phán Woods là Thẩm phán Jim Johnson, một chính trị gia phân biệt chủng tộc ở Arkansas, người đã nhận được tán thành của Ku Klux Klan trong cuộc tranh cử thống đốc. Ông ta tỏ ra khinh miệt Bill và Thẩm phán Woods vì những người này có quan điểm phóng khoáng về chủng tộc của dân New South. Bài báo mà Johnson dùng để tấn công Woods, cũng như hầu hết mọi người trong giới chính trị ở Arkansas được đăng tải trên tờ báo cánh hữu Washington Times. Bài báo này chứa đầy những thông tin vu cáo nhưng hầu hết những phương tiện truyền thông khác lại cho là sự thật. Sau khi bị thải hồi, Thẩm phán Woods đã nói với tờ Los Angeles Times "Tôi có vinh dự là vị thẩm phán duy nhất trong lịch sử Anh-Mỹ, theo tôi biết, bị truất quyền xử một vụ kiện chỉ vì những thông tin trên báo, những bài viết trên tạp chí và những kịch bản truyền hình."

Tôi cảm thấy thật tồi tệ khi Jim Guy Tucker và vợ ông ta, Betty bị rơi vào cuộc săn mồi của Starr. ặc cho mọi nỗ lực của Starr, Jim Guy, người đã từng thua Bill trong lần tranh cử thống đốc năm 1982, đã không nói dối về chúng tôi. Điều này buộc Starr lấn thêm một bước nữa bằng cách đưa ra một bản cáo trạng khác, kiện Tucker cùng với Jim và Susan McDougal ra tòa ở Little Rock, Arkansas vào tháng 3 năm 1996.

Lần này Tucker và gia đình McDougal bị buộc tội đồng lõa, giả mạo thư tín, áp dụng sai quỹ S&L và điền những thông tin giả vào các hồ sơ S&L. Hầu hết những lời cáo buộc này đều liên quan đến David Hale, một doanh nhân Cộng hòa người Arkansas với đầy vẻ ám muội. Bản cáo trạng cho rằng Hale đã đồng lõa với Jim McDougal để vay tiền từ Madison Guaranty và Ban Quản lý Doanh nghiệp nhỏ để đầu tư cho những dự án khác nhau - bao gồm các vụ kinh doanh đất đai - hoặc cho các công ty của Hale, của gia đình McDougal và của Jim Guy Tucker vay, nhưng các khoản vay này đã không được thanh toán lại. Bản cáo trạng còn cho rằng việc sử dụng các khoản vay và những giải ngân cho các khoản vay là không đúng thực tế. Những bản cáo trạng gồm 21 điểm này không đả động gì đến Công ty Phát triển Whitewater, Tổng thống và tôi.

Hale quả là một tên trộm chuyên nghiệp và một nghệ sĩ bậc thầy trong lĩnh vực lừa đảo - ông ta có động lực để làm chuyện đó. Hale đã hợp tác với

Starr, hy vọng tránh bị ngồi tù rục xương vì những tội ác mà ông ta đã phạm trước đây. Ban Quản lý Doanh nghiệp nhỏ đã cho công ty của Hale vay hàng triệu đô la với ý định làm lợi cho các công ty nhỏ và những người có thu nhập thấp. Nhưng sau đó họ thông báo đã bị thua lỗ đến 3,4 triệu đô la vì những hoạt động bất hợp lý, những vụ giao dịch tự ý và trái phép của Hale. Cuối cùng, vào năm 1994, Ban Quản lý Doanh nghiệp nhỏ đã buộc phải giao công ty của Hale cho Ban Quan lý Tài sản bị tranh chấp và Hale bị xử phạt về tội âm mưu lừa đảo Ban Quản lý Doanh nghiệp nhỏ với số tiền 900.000 đô la, nhưng án phạt đó đã được dời lại cho đến trước thời điểm vụ McDougal- Tucker hai năm sau đó. Hale thay đổi lời khai xoành xoạch và sẵn sàng cho bất kỳ lời chứng nào mà công tố viên muốn. Các luật sư bào chữa đã tranh luận gay gắt để chứng minh với quan tòa về những mối quan hệ của Hale với những nhà hoạt động cánh tả, ví dụ như việc thanh toán tài chính của Văn phòng Luật sư Độc lập, 40 cuộc điện thoại giữa Hale và Thẩm phán Jim Johnson trước và sau khi Hale có giao dịch với Starr, việc Hale được luật sư Ted Olson tư vấn miễn phí. Ông này thực chất là bạn cũ của -Kenneth Starr và là luật sư cho Dự án Arkansas và tờ American Spectator một ấn phẩm tuyên truyền của cánh tả. Sau đó Olson đã làm cho Ủy ban Tư pháp Thượng viện hiểu sai về mối liên hệ của ông ta với các hoạt động này diễn ra trong giai đoạn ông ta được xem xét đề cử vào vị trí Cố vấn Luật pháp chính dưới thời Tổng thống George W. Bush. Mặc dù ông ta cố thoái thác nhưng cuối cùng cũng bị Ủy ban Tư pháp Thượng viện xác nhận là có liên quan.

Mặc dù hầu hết các mối liên hệ tư lợi của Hale không được thẩm phán của phiên tòa McDongal-Tucker ghi nhận vào hồ sơ phiên tòa và dù cho toàn bộ câu chuyện chỉ được tiết lộ nhiều năm sau đó, nhưng đây là lần đầu tiên những chi tiết về Dự án Arkansas bí mật bắt đầu được tiết lộ trước công chúng. Hale là một con tốt được trả tiền hậu hĩnh trong một chiến dịch bí mật nhằm hạ uy tín Bill và chính quyền của anh. Hale không chỉ được Văn phòng Luật sư Độc lập trả 56.000 đô la tiền mặt sau khi ông ta đồng ý ra làm chứng, mà còn được Dự án Arkansas bí mật trả một khoản tiền khác. Sau đó, nhà báo David Brock đã tiết lộ việc Hale được trả tiền từ một quỹ đen về "giáo dục" của tờ báo American Spectator do Richard Mellon Scaife tài trợ. Brock viết "Thoạt đầu... Dự án Arkansas là một phương tiện hỗ trợ cho Hale trong việc tố cáo Bill có liên quan đến một sai phạm".

Thẩm phán Woods đã yêu cầu một cuộc điều tra cấp liên bang về dự án Arkansas khi Starr đưa ra những chứng cứ về tội đồng lõa nhằm bôi nhọ uy tín của ôngCác thẩm phán liên bang - những người được cả phe Dân chủ lẫn Cộng hòa bổ nhiệm - cũng nhất trí với yêu cầu này. Nhưng đã không có bất

kỳ cuộc điều tra nào về lời tố cáo của Woods được thực hiện. Thẩm phán Woods về hưu năm 1995 và mất năm 2002. Ông là một trong số nhiều người tốt đã bị cuộc chiến bè phái của Starr bôi nhọ danh dự.

Sau khi Văn phòng Luật sư Độc lập trình bày xong phần luận tội mà chủ yếu dựa vào việc làm chứng của Hale, Jim McDougal ngày càng trở nên thất thường, ông ta nài nỉ được làm chứng để tự bào chữa cho mình. Nhiều nhà quan sát cho rằng việc làm chứng của ông ta đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho cả ba bị đơn. Các công tố viên đã có thể kết tội cả ba bị đơn với những điểm buộc tội nghiêm trọng. Tucker phải từ chức Thống đốc trong quá trình kháng cáo của mình. Và Kenneth Starr chuyển áp lực sang Jim và Susan McDougal để tạo ra những chứng cứ buộc tội giả khác.

Tôi nhận thấy bầu không khí ở Washington bắt đầu thay đổi khi những dữ kiện xuyên tạc về vụ Whitewater được đưa ra trong phiên tòa. Trên Điện Capitol, Thượng nghị sĩ D'Amato đã dừng các cuộc điều trần về vụ Whitewater khi phe Dân chủ đe dọa cắt nguồn tài chính của ông ta. Sau nhiều năm trời, đây là lần đầu tiên, tôi bắt đầu hy vọng có thể bỏ lại sau lưng vụ Whitewater mãi mãi.

Mặc dù đã có những khoảnh khắc hy vọng đó, mùa xuân năm 1996 không phải là thời điểm để ăn mừng. Ngày 3 tháng 4, chiếc phản lực cơ T-43 của Air Force chở Bộ trưởng Bộ Thương mại Ron Brown và phái đoàn những nhà lãnh đạo doanh nghiệp Mỹ đã đâm sầm vào sườn đồi dọc bờ biển Croatia trong một cơn bão dữ dội. Ron đến Balkan để quảng bá chương trình đầu tư và thương mại, một phần trong chiến lược lâu dài của Chính phủ vì hòa bình cho vùng đất rối ren đó. Đây là biện pháp điển hình của Ron trong Nội các. Ông hiểu rõ rằng quảng bá cơ hội kinh tế tốt cho quyền lợi chiến lược của Mỹ cũng như các doanh nghiệp Mỹ. Ron đã tử nạn cùng với 32 người Mỹ và hai người Croatia.

Tôi thật sự đau lòng. Ron và vợ ông ta, Alma, là những người bạn thân thiết của chúng tôi. Họ là những đồng minh trung thành nhất kể từ chiến dịch tranh cử năm 1992, khi đó Ron làm việc rất hiệu quả với vai trò Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Dân chủ. Với tính cách hài hước và. tự tin, Ron đã lãnh đạo Đảng qua những giai đoạn thăng trầm suốt chiến dịch đó. Ngay cả khi những cơ hội thành công của Bill trở nên mờ mịt trước những đòn tấn công không ngừng của đối thủ, Ron không bao giờ chùn bước. Ông ta tin rằng Bill có thể và sẽ chiến thắng nếu Đảng Dân chủ được bảo tồn. Và ông ta đã đúng. Ron cũng là người rất vui tính. Với nụ cười luôn hiện diện trên khuôn mặt và cái nháy mắt muôn thuở trên đôi mắt, ông có thể làm cho mọi người cảm thấy

vui vẻ và tôi là người được hưởng may mắn đó nhiều lần. Ông ấy luôn nhắc nhớ tôi "Đừng để mình nản lòng chỉ vì những người hay than vãn."

Khi nghe hung tin này, Bill và tôi vội đến thăm Alma và các con của Ron, Michael và Tracey. Ngôi nhà của họ chật cứng người thân và bạn bè, giống như một điểm gặp gỡ tái sinh vì mọi người đều cười nói vui vẻ, kể cho nhau nghe những cân chuyện về Ron. Sau đó, tôi biết chiếc máy bay định mệnh đó cũng chính là chiếc máy bay và phi hành đoàn đã chở tôi và Chelsea một tuần trước đó, vào cái buổi chiều rực rỡ trên bầu trời Thổ Nhĩ Kỳ ấy.

Tôi và Bill đến căn cứ không quân Dover ở Delawarc để đón chiếc máy bay Air Force U.S chở 33 quan tài được phủ quốc kỳ. Trong số những nạn nhân có Lawry Payne, một doanh nhân rất khôn khéo, người đã đi tiền trạm cho vài chuyến đi của tôi, và Adam Darling, một nhân viên Bộ Thương mại 29 tuổi, anh ta đã trở thành một người bạn được ưa thích nhất của Bill và tôi sau kh tình nguyện đi khắp nước Mỹ bằng xe đạp để ủng hộ cho chiến dịch bầu cử của Bill năm 1992.

Trong bài điếu trên đường băng, Bill đã nhắc nhở chúng tôi rằng những nạn nhân này đã hy sinh trong khi phục vụ cho đất nước, đại diện cho những gì tốt đẹp nhất mà nước Mỹ có thể dâng tặng.

Bill nói khi tôi cố kềm nước mắt: "Mặt trời đang lặn xuống vào ngày hôm nay để rồi ngày mai sẽ mọc lại và đó sẽ là một buổi sáng phục sinh, đánh dấu một sự chuyển đổi từ đau thương mất mát thành hy vọng và cứu rỗi. Đây là một ngày, hơn mọi ngày khác nhắc nhở chúng ta rằng cuộc sống còn hơn những gì mà chúng ta từng biết...và đôi lúc còn hơn những gì mà chúng ta có thể chịu đựng . Nhưng cuộc sống cũng bất tử.... Những gì mà họ làm khi mặt trời lặn sẽ mãi mãi còn trong tâm trí chúng ta".

MÙA HÈ PRAHA

Ngày 4 tháng 7 mùa hè năm 1996, lần đầu tiên tôi đánh bạo đến thăm Trung và Đông Âu, khi nền dân chủ non trẻ đã được xây dựng ở những đất nước này. Nhưng theo tôi thấy, chấp nhận những giá trị của nền dân chủ chỉ là bước khởi đầu. Xây dựng một chính phủ dân chủ có khả năng hoạt động, tạo thị trường tự do, thiết lập xã hội dân sự đhỏi phải có thời gian, nỗ lực và kiên nhẫn cũng như sự giúp đỡ và đầu tư về tài chính, huấn luyện kỹ thuật và sự ủng hộ tinh thần từ những quốc gia như nước Mỹ.

Bill ủng hộ việc mở rộng NATO từ Đại Tây Dương sang phía Đông bao gồm những nước thuộc Hiệp ước Warsaw như là một phần trong nội dung chính sách đối ngoại của anh và tin tưởng điều này là thiết yếu để tăng cường hơn mối quan hệ lâu dài với châu Âu và tiến tới hòa hợp châu Âu. Có một sự chống đối mạnh mẽ đối với việc mở rộng NATO ngay từ trong nước Mỹ và cả nước Nga, quốc gia không muốn nhìn thấy NATO tại biên giới của họ. Thách thức dành cho Bill và đội ngũ của anh là phải quyết định những quốc gia nào đã đủ tư cách gia nhập NATO, đồng thời phải giữ cánh cửa mở rộng cho những quốc gia ở Đông và Trung Âu muốn gia nhập NATO trong tương lai bằng cách đảm bảo sự ủng hộ liên tục của nước Mỹ. Tôi được yêu cầu đại diện Bill thăm viếng một khu vực mà anh cho rằng đang rất cần sự động viên cũng như sự bày tỏ tình đoàn kết từ phía Mỹ.

Trong một phần của chuyến đi, tôi đã được Đại sứ Mỹ tại Liên hiệp quốc và sau này là Bộ trưởng Ngoại giao, Madeline Albright, tháp tùng. Gia đình bà đã chạy trốn khỏi chủ nghĩa phát xít trên chính quê hương Cộng hòa Tiệp Khắc của mình và chỉ quay lại sau chiến tranh, nhưng sau đó một lần nữa họ lại ra đi khi chủ nghĩa cộng sản chiếm lĩnh đất nước này. Cuối cùng, họ đã định cư ở Hoa Kỳ. Bản thân Madeline chính là một biểu tượng của những cơ hội và hứa hẹn mà chế độ dân chủ có thể mang lại.

Chuyến đi của tôi bắt đầu từ Bucharest, Rumani, nơi đã từng là một trong những thủ đô đẹp nhất châu Âu. Bucharest từng được so sánh với Paris vào đầu thế kỷ 20, nhưng giờ đây, nó đã mất đi vẻ thanh lịch và rực rỡ huyg. Tôi còn thấy phảng phất những dấu vết sót lại của một kỷ nguyên huy hoàng trong những tòa nhà hầu như không được chăm chút từ cuối thế kỷ trước, trên những đại lộ rộng lớn đã từng trải qua một thời sầm uất với nhiều quán cà phê. Giờ đây, kiến trúc chính của thành phố là kiểu kiến trúc chủ nghĩa hiện thực Xã hội Chủ nghĩa theo kiểu Xô viết, hiện hữu ngay cả trong những bộ khung của những tòa nhà khổng lồ mà chẳng bao giờ được hoàn tất.

Không ai có thể đo lường được những nỗi sợ hãi mà người Rumani phải gánh chịu trước khi triều đại Nicolae Ceaucescu bị lật đổ. Cùng với vợ, ông ta đã khủng bố quốc gia này trong nhiều năm cho đến khi bị phế truất và hành quyết vào ngày 25 tháng 12 năm 1989. Điểm dừng chân đầu tiên của tôi là Quảng trường Cách Mạng, tôi đã đặt vòng hoa ở tượng đài tưởng nhớ những nạn nhân của cuộc nổi dậy lật đổ gia đình Ceaucescu. Tôi đã gặp gỡ những đại diện của Hiệp hội 21 tháng 12, được đặt tên theo ngày đầu tiên của cuộc nổi dậy, những người này đã kể về lịch sử cuộc cách mạng của họ. Một đám đông khoảng ba ngàn người Rumani tụ họp để chào đón tôi ở quảng trường chính của thành phố. Đó là một nơi tuyệt đẹp nhưng dường như đã bị phá hỏng bởi nhiều vết đạn trên các bức tường của những tòa nhà xung quanh. Tôi thật ngạc nhiên với những con chó thả rong đang gầm gừ trên đường phố - một cảnh tượng tôi chưa từng thấy ở bất kỳ thành phố nào khác - và tôi đã hỏi người hướng dẫn: "Chúng ở khắp nơi", anh ta nói, "Người ta không có khả năng nuôi chúng, cũng không có nơi để nhốt chúng lại". Những con chó này thật sự là một dấu hiệu của sự bỏ mặc quá tệ hại ở Rumani.

Trong số những di sản khủng khiếp nhất mà chế độ Ceaucescu để lại nơi đây là số lượng khổng lồ trẻ em bị AIDS. Ceaucescu đã cấm việc kiểm soát sinh sản và nạo phá thai, ông ta yêu cầungười phụ nữ sinh thật nhiều con vì đất nước. Những người phụ nữ kể với tôi, mỗi tháng một lần từ chỗ làm, họ bị chở đi để được các bác sĩ của chính phủ khám, nhiệm vụ của các bác sĩ là đảm bảo những người phụ nữ không sử dụng các biện pháp tránh thai hay nạo phá thai. Một phụ nữ được xác định có thai đã bị theo dõi suốt cho đến khi bà ta sinh em bé. Tôi không thể tưởng tượng có một sự xúc phạm nhân phẩm nào tệ hại hơn nữa: những phụ nữ trần truồng xếp hàng dài trong khi chờ đợi những viên chức y tế khám dưới sự giám sát của cảnh sát. Trong các cuộc tranh luận về nạo phá thai ở nước Mỹ, khi bảo vệ quan điểm ủng hộ quyền tự quyết, tôi hay dẫn chứng đến nước Rumani, nơi mà thai nghén do chính phủ kiểm soát và Trung Quốc, nơi mà thai nghén có thể bị buộc phải phá đi. Một lý do mà tôi tiếp tục chống đối việc tội phạm hóa hành vi phá thai là vì tôi không tin bất kỳ một quốc gia nào lại có quyền thông qua luật và cảnh sát để lấy đi một trong những quyền quyết định có tính chất riêng tư nhất của người phụ nữ. Ở Rumani cũng như những nơi khác, nhiều trẻ em đã được sinh ra ngoài ý muốn hay sinh ra trong những gia đình không có khả năng chăm sóc chúng. Lập tức, chúng trở thành người được chính phủ bảo trợ, bị đưa vào những trại trẻ mồ côi. Do bọn trẻ thường. xuyên bi bệnh và suy dinh dưỡng nên chúng được chưa trị bằng cách truyền máu, mà Ceaucescu cho áp dụng như là một chính sách của chính phủ. Khi nguồn cung cấp máu của Rumani bị nhiễm virus AIDS, đất nước này gặp phải một

tai họa về AIDS ở trẻ em. Ở một trại mồ côi, tôi cùng với các nhân viên của mình chứng kiến những đứa trẻ bị AIDS, vài đứa trên người đầy những u bướu, những đứa khác trông tiều tụy vì AIDS đang tàn phá cơ thể nhỏ bé của chúng. Trong khi các nhân viên của tôi lui vào một góc của tòa nhà, khóc nức nở, tôi đã cố kềm nước mắt vì biết rằng nếu không giữ được điềm tĩnh, mình sẽ làm cho những đứa trẻ và những người đang chăm sóc cho chúng càng cảm thấy vô vọng hơnới sự giúp đỡ từ nước ngoài, Chính phủ mới của Rumani đã làm việc không mệt mỏi nhằm cải thiện việc chăm sóc sức khỏe của trẻ em và cho phép các gia đình nước ngoài được nhận con nuôi. Tuy nhiên hệ thống nhận con nuôi lại bị rơi vào tình trạng tham nhũng. Có những cáo buộc về việc trẻ em ở đất nước này được bán cho những người trả giá cao nhất, dẫn đến việc cấm nhận con nuôi quốc tế vào năm 2001 sau khi Liên minh. châu Âu chỉ trích những thực tế ở Rumani. Còn nhiều việc mà đất nước này cần phải làm để quét sạch tệ tham nhũng và hiện đại hóa hệ thống an sinh cho trẻ em. Nhưng từ chuyến viếng thăm của tôi, Rumani đã trở thành một thành viên mới của cả NATO lẫn Liên minh châu Âu vì có những tiến bộ thật ấn tượng để bắt kịp các nước khác.

Vào thời điểm năm 1996, Ba Lan đã có những tiến bộ vượt bậc về kinh tế và chính trị. Tổng thống Aleksander Kwasniewski nói tiếng Anh thật trôi chảy và đã từng du lịch khắp nước Mỹ trước khi bước vào chính trường với vai trò là thành viên Đảng Cộng sản Ba Lan. Bắt đầu nhiệm kỳ vào năm 1995 ở tuổi 41, ông đại diện cho thế hệ lãnh đạo mới trái ngược so với Lech Walesa, Tổng thống được bầu cử lần đầu tiên ở Ba Lan, nhà lãnh đạo anh hùng trong những cuộc đình công của Công đoàn Đoàn Kết tại Xưởng tàu Lenin ở Gdansk năm 1980. Công đoàn Đoàn Kết là phương tiện để lật đổ chủ nghĩa cộng sản ở Ba Lan và Walesa, người đoạt giải Nobel Hòa bình năm 1983, đã làm Tổng thống trong thời gian tôi và Bill thăm Warsaw năm 1994. Tại buổi ăn tối cấp chính phủ mà ông cùng với vợ - bà Danuta - tiếp đãi chúng tôi, đã có một cuộc tranh luận sôi nổi giữa Walesa, người ủng hộ những bước đổi mới kinh tế thần tốc, và một người đại diện nông dân, người biện luận cho những thay đổi từ tốn với biện pháp bảo hộ nền kinh tế tốt hơn. Nhiều quyết định kinh tế cứng rắn ở Ba Lan, vốn là chuyện không tránh được khi chuyển từ một nền kinh tế do nhà nước quản lý sang thị trường tự do, đã được hành theo tầm nhìn của Walesa. Đảng của ông đã thất bại trong lần bầu cử tiếp theo vào năm 1995 và Kwasniewski thay thế ông. Kwasniewski là người đã thành công trong việc mở rộng nền tảng hậu cộng sản trong toàn đảng bao gồm cả những người trẻ.

Jolanta Kwasniewska, phu nhân của tân Tổng thống, cùng đi với tôi đến Krakow, nơi được tôn vinh là một trong những thành phố thời trung cổ được

bảo tồn tốt nhất ở châu Âu, với những tòa tháp Gô-tích và các ngọn tháp màu xám. Bà ấy và tôi đều có một cô con gái duy nhất, do đó chúng tôi nói chuyện với nhau rất ăn ý, về những khó khăn cũng như những niềm vui trong việc nuôi dạy con. Chúng tôi cùng đến viếng thăm hai nhà trí thức mà những người cộng sản đã đặt tên "những kẻ chống đối" - Jerzy Turowicz và Czeslaw Milosz. Turowicz đã xuất bản một tờ tuần báo Thiên Chúa giáo trong suốt 50 năm mặc cho những áp lực từ phía chính quyền Ba Lan muốn đóng cửa tờ báo. Milosz, người đoạt giải Nobel Văn học năm 1980 cho một số tác phẩm bao gồm The Seizure of Power và The Captive Mind, đã cổ xúy cho việc tự do ngôn luận và tự do suy nghĩ. Lòng can đảm và niềm tin của hai con người phi thường này đã tiếp thêm sức mạnh cho những người chống đối cùng tư tưởng trên toàn thế giới hàng chục năm qua. Dường như họ rất khát khao được thể hiện rõ tính cách chính nghĩa của mình.

Không thể có một bằng chứng nào khủng khiếp hơn về cái ác bằng những trại tập trung của phát xít ở Auschwitz và Birkenau. Những thước phim tư liệu, những đoạn phim về các tòa nhà gạch ảm đạm ở Auschwitz và những đoạn đường ray xe lửa lặng câm chạy dài ở Birkenau không thể diễn tả được hết những nỗi kinh hoàng thật sự mà ta có thể cảm nhận khi đến chốn này. Chính tại đây, những người Do Thái, người Ba Lan, người Gipsy và những người từ các nước khác nữa đã bị bọn phát xít giết hại. Tôi đã xem căn phòng chất đầy quần áo trẻ con, kính đeo mắt, giày, răng giả và tóc - không gian thật im lặng nhưng bốc đầy mùi tàn bạo củabọn phát xít. Tôi cảm thấy như bị tê liệt và buồn nôn khi nghĩ đến hàng triệu con người bị đánh cắp tương lai một cách tàn nhẫn. Khi chúng tôi đứng tại đường ray xe lửa dẫn đến những phòng hơi ngạt, hướng dẫn viên cho biết bọn phát xít đã cho nổ mìn lò hỏa thiêu để phá hủy những chứng cớ tội ác của chúng, khi quân đội Đồng minh đến giải phóng Ba Lan.

Năm lên 10, tôi nhớ bố đã dắt tôi đến một quán ăn bên đường ở bờ sông Susquehanna gần căn nhà vùng quê của ông nội tôi ở hồ Winola. Khi người phục vụ quầy rượu nói chuyện với bố, tôi để ý thấy cổ tay của ông ta có những vết xăm các con số. Sau, tôi hỏi bố về những con số đó, bố giải thích rằng người đàn ông ấy đã từng là tù nhân chiến tranh của bọn phát xít. Tôi muốn bố kể thêm và bố bảo bọn phát xít xăm những con số lên cánh tay của hàng triệu người Do Thái và giết họ trong những phòng hơi ngạt hay bắt làm nô lệ trong các trại tập trung. Tôi biết chồng sau của bà ngoại Della của tôi, ông Max Rosenberg là người Do Thái. Tôi cảm thấy thật kinh khủng vì những người giống như ông có thể bị sát hại chỉ vì tôn giáo của họ. Nhận biết sự tồn tại của những cái ác như vậy từ một khoảng cách xa xôi đã là điều khó, nhưng tại chặng dừng chân kế tiếp ở Warsaw, tôi sẽ gặp gỡ những

người mà bản thân họ đã trực tiếp trải qua thử thách kinh khủng đó.

Trong phòng đợi của Trung tâm Cộng đồng Do Thái của Tổ chức Ronald S. Lauder, tôi đã gặp gỡ với 20 người mà họ chỉ biết được mình là người Do Thái trong những năm gần đây. Một người đàn ông 50 tuổi được mẹ nuôi kể lại rằng cha mẹ ruột của ông đã trao ông cho bà để tránh nạn tàn sát người Do Thái vào thời Hitler. Một cô bé được ba mẹ cho biết ông bà ngoại của cô đã phải giả dạng không phải là người Do Thái để tránh bị chuyển vào các trại tập trung. Giờ đây, bé gái đó đã là một người phụ nữ và chắc hẳn cô phải quyết định mình là ai. Khi trở lại Ba Lan vào tháng 10 năm 1999, tôi đã ghé thăm Trung tâm trong buổi lễ công nhận sự tái lập đạo Do Thái ở Ba Lan. Sau khi báo chí Ba Lan viết về bài phát biểu của tôi, tổ chức đã nhận được rất nhiều cuộc gọi và thư từ của những người Ba Lan gốc Do Thái sống ở miền quê. Họ nói rằng họ nghĩ mình là những người Do Thái duy nhất mãi cho đến khi họ đọc được bài báo về chuyến viếng thăm của tôi. Khi xã hội đang đối mặt với sự nghiệt ngã của lịch sử thì nhiều cá nhân cũng phải cùng chung số phận.

Thực tế thì Madeleine Albright cũng có cùng một trải nghiệm. Madeleine không hề biết rằng cha mẹ mình là người Do Thái mãi đến khi trưởng thành. Bà được nuôi dạy theo đạo Thiên Chúa nhưng sau này - thông qua một nhà báo viết về tiểu sử của bà - Madeleine mới biết được ba người trong số ông bà nội ngoại của mình đã bị giết trong các trại tập trung của phát xít. Gia đình bà di tản từ Tiệp Khắc sang Anh rồi cuối cùng là Denver. Madeleine đã học trung học tại đây trước khi vào Đại học ở Wellesley. Mặc dù bị bất ngờ về nguồn gốc Do Thái của mình, Madeleine nói với tôi rằng bà hiểu cha mẹ mình đã phải đau lòng như thế nào khi phải chối bỏ nguồn cội nhằm bảo vệ con cái.

Madeleine và tôi đã gặp Tổng thống Vaclav Havel, một nhà soạn kịch đồng thời là nhà hoạt động nhân quyền, ông đã phải ngồi tù nhiều năm vì những hoạt động chống đối chính quyền. Sau cuộc Cách mạng Nhung năm 1989, Tiệp Khắc đã biến thành một đất nước dân chủ một cách hòa bình, Havel trở thành vị Tổng thống thứ nhất của đất nước. Ba năm sau, khi Tiệp Khắc tách làm hai quốc gia - Slovakia và Cộng hòa Czech - ông được bầu làm Tổng thống của nước Cộng hòa Czech non trẻ.

Tôi gặp Havel lần đầu tiên ở Washington tại Bảo tàng về Nạn diệt chủng Do Thái vào năm 1993. Ông là một người bạn lớn của à đã trải qua những năm tháng tuổi thơ ở Praha và nói tiếng Tiệp trôi chảy. Vào thời điểm đó, tuy đã là một thần tượng tầm cỡ quốc tế nhưng Havel vẫn có vẻ gì đó hơi ngượng

ngùng, tuy vậy ông rất có tài hùng biện, vui tính và rất duyên dáng. Tôi cảm thấy ông thật cuốn hút. Ông và Bill rất hợp nhau vì có cùng sở thích âm nhạc. Trong chuyến viếng thăm Praha lần đầu tiên của Bill năm 1994, Havel đã tặng Bill một cây kèn saxophone, khi họ đến một câu lạc bộ nhạc jazz, nơi đây đã từng là trung tâm của cuộc Cách mạng Nhung. Havel nài nỉ Bill chơi với ban nhạc và đánh trống phụ họa cho ông! Những bài mà Bill biểu diễn như Summertime và My Funny Valentine cùng với những bài hát khác mà họ cùng biểu diễn đã được thu thành một đĩa nhạc rất được ưa chuộng ở Praha.

Havel đã mời Madeleine và tôi đến dùng bữa tối tại nhà riêng cho thân mật thay vì ăn tối ở nhà ăn chính thức của Tổng thống tại Lâu đài Praha, có lẽ vì ông mới vừa góa vợ trong những năm gần đây. Khi xe hơi của tôi dừng lại, ông ấy đang đợi ở lối đi với một bó hoa trên tay và một món quà nhỏ, đó là một băng-đô bằng nhôm được một trong số những người bạn họa sĩ của ông chạm khắc.

Sau bữa ăn tối thật vui vẻ, Havel dắt chúng tôi đi dạo quanh thành phố cổ và đi qua cây cầu Charles nổi tiếng, một điểm tham quan được các nhạc sĩ, du khách và những người trẻ tuổi ưa thích. Trong suốt những năm làm người chống đối chính quyền, cây cầu này là nơi mà ông và mọi người đến để chơi nhạc, trao đổi những băng đĩa nhạc mua được từ chợ đen; và đây cũng là nơi mà họ có thể trao đổi thông tin mà không bị chính quyền phát hiện. Năm 1977, Havel đã dẫn đầu những người biểu tình phản đối việc bắt giữ và xét xử ban nhạc rock Tiệp Khắc Những Con Người Bằng Nhựa của Vũ Trụ được đặt tên theo lời bài hát của Frank Zappa. Đã từng ký tên vào bản tuyên ngôn nhân quyền, được gọi là Hiến chương 77 và từng bị đi l động khổ sai vì tội "lật đổ chính quyền", ông đã phải nhờ vào văn chương và tư tưởng để giúp mình đứng vững. Trong thời gian ở tù, ông đã viết một tập thư cho người vợ sau này của mình, bà Olga, mà bây giờ nó đã trở thành tác phẩm kinh điển cho văn chương chống chế độ.

Havel, một triết gia về chính trị đồng thời là một nhà soạn kịch, cho rằng toàn cầu hóa thường làm tăng thêm sự đối nghịch giữa các sắc tộc và các quốc gia.Việc thống nhất mọi người trong một nền văn hóa toàn cầu chung, một nền văn hóa đại chúng mà ở đó mọi người đều mặc những chiếc quần jeans giống nhau, ăn một thứ thức ăn nhanh như nhau và nghe một thứ âm nhạc, không hẳn sẽ làm mọi người gần gũi nhau hơn. Mà ngược lại ông tin rằng, nó sẽ làm cho họ cảm thấy bất an hơn về bản ngã và kết quả là sẽ dẫn đến những nỗ lực cực đoan - như trào lưu tôn giáo chính thống, bạo lực, khủng bố, thanh trừng sắc tộc và thậm chí cả tội ác diệt chủng - nhằm để giữ

gìn và khẳng định bản sắc riêng. Lý thuyết của Havel đặc biệt phù hợp với những nền dân chủ non trẻ ở Trung và Đông Âu, nơi mà những căng thẳng của chủ nghĩa dân tộc và sự bất khoan dung bắt đầu nở rộ, đặc biệt ở những nơi như Nam Tư và Liên bang Xô viết cũ.

Havel đã thành công trong việc tranh thủ hậu thuẫn của Bill và những nhà lãnh đạo khác của Mỹ đề dời tổng hành dinh của Đài Phát thanh Tự do châu Âu (RFE) từ Berlin sang Praha. Trong suốt thời gian chiến ranh lạnh, chính phủ Mỹ đã tài trợ Đài Phát thanh này nhằm thách thức tổ chức tuyên truyền của cộng sản. Havel cho rằng sau chiến tranh lạnh, châu Âu không còn bị Bức Tường Sắt ngăn chia, cho nên RFE phải có vai trò mới: quảng bá nền dân chủ. Cả Bill lẫn Quốc hội Mỹ đều đồng tình với lý luận của Havel. Năm 1994, Mỹ đã chấp thuận dời RFE sang Praha và đặt trong tòa nhà Quốc hội cũ với kiến trúc kiểu Xô viết tại một góc của Quảng trường Wenceslas lịch sử. Havel thật sự là ngất giỏi về chủ nghĩa biểu trưng chính trị.

Ngày 4 tháng 7, tôi đã nói chuyện trên RFE - một thông điệp về Ngày Độc Lập được phát thanh cho 25 triệu người nghe ở Trung và Đông Âu và những nước vừa giành độc lập. Tôi ca ngợi vai trò mà RFE thực hiện trước cuộc cách mạng, khi mà nhiều người Czech đã hướng radio của họ đến cửa sổ để nhận tín hiệu từ RFE và bắt những chương trình phát thanh từ Tây Âu. Lấy cảm hứng từ những lời cảnh báo của Havel về mặt trái của toàn cầu hóa và sự đồng nhất văn hóa, tôi kêu gọi "một liên minh các giá trị dân chủ nhằm giúp các dân tộc đương đầu với những "vấn đề không thể tránh khỏi của thế kỷ 21" , như cân bằng giữa quyền lợi cá nhân và cộng đồng, nuôi dạy con cái giữa áp lực của phương tiện truyền thông đại chúng và văn hóa tiêu dùng, giữa giữ gìn bản sắc và tự hào dân tộc trong quá trình hợp tác trong khu vực và toàn cầu.

Tôi cho rằng chế độ dân chủ vẫn đang trong quá trình phát triển, ngay như nền dân chủ của nước Mỹ đã hình thành trên hai thế kỷ nhưng vẫn chưa thật sự hoàn hảo. Xây dựng và gìn giữ một xã hội tự do cũng giống như tạo dựng một dụng cụ có ba chân : chân thứ nhất là chính phủ dân chủ , chân thứ hai là một nền kinh tế tự do và chân thứ ba là một xã hội văn minh - những tổ chức dân sự, những thể chế tôn giáo, những lực lượng tình nguyện, những tổ chức phi chính phủ và những hoạt động công dân của từng cá nhân, tất cả cùng dệt nên cơ cấu của cuộc sống dân chủ. Ở những quốc gia vừa mới tự do, để có thể khắc vào tâm trí của người dân và cuộc sống hàng ngày của họ những giá trị dân chủ thì vai trò của một xã hội vì dân cũng không kém phần quan trọng so với sự tự do bầu cử và tự do kinh doanh.

Tôi đã kết thúc bài nói của mình bằng một câu chuyện mà Madeleine đã kể cho tôi về chuyến đi xuyên miền tây Cng hòa Czech vào năm 1995 để kỷ niệm lần thứ năm mươi Thế chiến thứ hai kết thúc. Ở mỗi thành phố mà bà viếng thăm, người dân Czech đã vẫy chào bằng những lá cờ Mỹ với 48 ngôi sao. Những người lính Mỹ đã để lại những lá cờ này từ nửa thế kỷ trước, và những người dân Czech đã giữ gìn chúng trong suốt những năm qua, như thể họ đã giữ niềm tin vào tự do mà cuối cùng đã trở thành hiện thực.

Tôi thật sự hạnh phúc được cùng làm việc với Madeleine sau chuyến đi đến Hội nghị phụ nữ Liên hiệp quốc tại Trung Quốc năm 1995. Bà ấy và tôi cùng quyết định tiếp tục thực hiện những gì đã đạt được ở Bắc Kinh, tiếp tục ủng hộ tầm quan trọng của những vấn đề phụ nữ và phát triển xã hội trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Sau khi bà trở thành Bộ trưởng Ngoại giao, chúng tôi thường xuyên dùng bữa trưa tại văn phòng riêng của bà tại tầng 7 của Tòa nhà Bộ Ngoại giao cùng với các cố vấn của bà là Elaine Shocas và Melanne. Dần dà, chúng tôi đã thay đổi được chính kiến của một số người và giúp thay đổi nội dung của chính sách đối ngoại, sao cho nó phản ánh đúng những giá trị dân chủ về bình đẳng của đất nước.

Madeleine và tôi đã trở thành đồng minh vì chúng tôi có cùng quan điểm và trải nghiệm , bao gồm cả việc học tại Trường Đại học Wellesley. Chúng tôi cũng trở thành những người bạn. Trong suốt ba ngày ở Praha, chúng tôi không ngừng trò chuyện suốt chuyến đi trên chiếc thuyền lộng lẫy trên dòng sông Vltava. Khi thuyền chúng tôi đi qua Lâu đài Praha, những chùm pháo hoa mừng ngày 4 tháng 7 đã được đốt lên để tỏ lòng quý trọng đối với chúng tôi. Khi đi bộ quanh Praha, Madeleine giới thiệu với tôi những điểm tham quan và chào những người hâm mộ bằng tiếng Czech.

Tính thực tế và tài xoay xở của Madeleine được thể hiện rõ trong một tình huống của chuyến đi. Trước buổi gặp gỡ với Thủ tướng Václav Klaus, chúng tôi phải bàn bạc với nhau một số thông tin ngoại giao mang tính cơ mật nhưng không tìm được một nơi riêng tư để họp. Bất thình lình, Madeleine nắm cánh tay tôi và kéo về phía cánh cửa.

"Theo tôi", bà ấy nói. Ngay sau đó, chúng tôi đã ở trong một phòng vệ sinh nữ - một địa điểm thật hoàn hảo và độc đáo để hai người phụ nữ có thể nói chuyện riêng.

Madeleine và tôi rời Praha để đi Bratislava, thủ đô của Slovakia và cũng là trụ sở của chính phủ do Thủ tướng Vladimir Meciar đứng đầu, một sự tụt hậu trở về kỷ nguyên của chế độ độc tài. Ông ta muốn đặt các tổ chức phi

chính phủ ra ngoài vòng pháp luật, xem những tổ chức này như là những mối đe dọa đến sự cai trị của ông ta. Trước khi chúng tôi đến đây, những người đại diện cho các tổ chức phi chính phủ đã hỏi liệu tôi có muốn tham dự một cuộc họp mặt của các tổ chức phi chính phủ được tổ chức vào thời điểm chúng tôi ghé thăm Slovakia nhằm kêu gọi sự chú ý của mọi người về cách đối xử hà khắc của Meciar đối với những tổ chức này, đồng thời tố cáo thái độ thiếu thiện chí của ông ta đối với chế độ dân chủ. Cuộc họp được tổ chức tại Phòng hòa nhạc, nơi biểu diễn chính của dàn nhạc Giao hưởng Slovak. Sự có mặt của tôi đã là nguồn động viên để những người tham dự nói lên sự thật về các vấn đề như quyền của các dân tộc thiểu số, việc phá hủy môi trường và những sai phạm về thủ tục ,bầu cử, cũng như chỉ trích việc chính phủ dự định đẹp bỏ và cấm đoán những hoạt động của họ.

Trong số tất cả những vị nguyên thủ trên thế giới mà tôi đã từng gặp gỡ thân mật, tôi chỉ bực mình về cách cư xử của hai người. Một là Robert Mugabe ở Zimbabwe - ông ta không ngừng cười một cách vô duyên trong khi vợ của ông ta đang nói chuyện. Và hai là Meciar, người mà tôi gặp vào buổi xế chiều hôm đó ở Văn phòng. Ông ta là một cựu vận động viên quyền Anh. Ông ta ngồi ở một đầu của chiếc trường kỷ nhỏ, còn tôi ngồi đầu còn lại. Tôi nói với Meciar rằng tôi có ấn tượng tốt đối với những tổ chức phi chính phủ tại buổi họp ở Phòng hòa nhạc, cũng như những việc quan trọng mà họ đang làm. Lập tức ông chồm về phía tôi, với giọng đe dọa, liên tục siết chặt nắm tay, nguyền rủa về sự tráo trở và sự thách thức giả dối của họ đối với chính phủ. Cuối buổi họp, tôi bị ông ta lấn sát về phía cuối trường kỷ, tôi thật sự khủng hoảng trước thái độ côn đồ của ông ta và tôi gần như không thể kiểm soát nổi cơn tức giận. Tháng 9 năm 1998, người dân Slovakia đã bỏ phiếu bất tín nhiệm ông, đó là nhờ vào nỗ lực đáng kể của những tổ chức phi chính phủ trong việc vận động các cử tri bỏ phiếu ủng hộ sự đổi mới.

Tất cả những quốc gia mà tôi viếng thăm đều muốn bàn luận về khả năng gia nhập NATO của họ. Ở Hungary, tôi đã bàn luận về những triển vọng gia nhập NATO của đất nước này trong cuộc gặp gỡ thân mật với Thủ tướng Gyula Horn. Vì bản thân tôi rất ủng hộ việc phát triển của NATO, nên tôi luôn cố động viên ông. Tôi cũng gặp gỡ Tổng thống Hungary Árpad Goncz, một nhân vật anh hùng, nổi tiếng vì đã chống lại cộng sản và phát xít. Cũng là một nhà biên kịch như Havel, ông ấy được người dân Hungary bầu làm Tổng thống đầu tiên khi đất nước chuyển sang chế độ dân chủ. Khi Goncz tiếp tôi tại dinh Tổng thống, một ngôi nhà rất rộng lớn, ông đã thú nhận rằng mình không biết phải làm gì với tất cả các phòng. "Chỉ có tôi và vợ tôi", ông ấy nói, "Chúng tôi chỉ dùng một phòng ngủ. Có lẽ chúng tôi nên mời nhiều người đến đây sống !". Goncz có mái tóc bạc trắng và tính cách dí dỏm,

trông giống Thánh Nicolas như tạc. Nhưng thái độ của ông trở nên nghiêm nghị khi chúng tôi bàn về vấn đề Balkan, ông lo ngại châu Âu sẽ phải trải qua một cuộc đấu tranh lâu dài về xung đột sắc tộc. Ông đã cảnh báo về nhữngười Hồi giáo cực đoan trong một lời nhận xét mà sau này trở thành lời tiên tri. Những tham vọng bành trướng từng dẫn đế quốc Otroman đến những cánh cổng của Budapest vào thế kỷ mười sáu, một lần nữa lại sục sôi trong tâm trí của những người theo Hồi giáo chính thống, họ không chấp nhận tính đa nguyên thế tục của những nền dân chủ hiện đại, sự tự do tín ngưỡng và quyền tự quyết của phụ nữ.

Người ta thường thắc mắc không biết tôi có được tự do đi lại trong khi viếng thăm các thành phố hay là luôn phải có Sở Mật vụ hộ tống. Đúng là đa phần tôi đi lại với những đoàn xe hộ tống và các nhân viên mật vụ bao quanh. Nhưng ở Budapest, tôi may mắn được phép đi bộ đến Nhà hàng Gundel nổi tiếng để dùng bữa tối trong vườn, nơi có những chiếc đèn lồng thắp sáng lối đi và một người chơi vĩ cầm đang dạo các dạ khúc du dương. Sau đó, tôi có một buổi tối tuyệt vời để đi dạo và tham quan thành phố cổ trong một vài giờ. Cùng với Melanne, Lissa, Kelly và Roshann Parris, một phụ nữ tiến bộ thuộc tầng lớp thượng lưu đến từ thành phố Kansas, chúng tôi cố gắng cải trang thành khách du lịch. Trưởng nhóm mật vụ, Bob McDonough, người duy nhất đi cùng với tôi cũng cải trang như vậy. Tôi đội một cái nón lá, đeo kính mát, mặc một cái áo sơ mi và một cái quần rất bình thường. Chúng tôi khởi hành xuống phố, đi ngang qua các cửa hiệu, những nhà tắm công cộng và đi vào một nhà thờ có kiến trúc Gô-tích hiện đại. Chỉ một bất tiện là chính phủ sở tại yêu cầu "bảo vệ” tôi trong khi tôi đang ở trên đất nước của họ, vì thế hai nhân viên an ninh Hungary - mặc đồ đen, mang đôi giày đế cao và đeo vũ khí - đi xa xa ở phía trước. Chúng tôi đã ở bên ngoài được hơn một giờ đồng hồ thì bị một du khách người Mỹ phát hiện từ phía bên kia đường "Hillary! Chào bà!". Việc cải trang của tôi thế là bị lộ, người ta bắt đầu ngớ ra nhìn, vẫy tay và la hét để chào tôi. Tôi bắt tay và chào họ, rồi tiếp tục đi dạo thêm nhiều giờ nữa.

Sau đó, có một cặp vợ chồng trẻ người Mỹ đến chào tôi và yêu cầu chụp hình chung. Người chồng là một quân nhân, đóng quân ở Bosnia. Anh ta biết tôi đã viếng thăm Bosnia nhiều tháng trước nên rất háo hức kể cho tôi nghe những trải nghiệm của anh ta. "Cho đến thời điểm này thì rất tốt", anh ta nói xã giao theo kiểu cổ điển của người Mỹ. Cuộc gặp gỡ với người lính nồng nhiệt này và vợ anh ta làm tôi nhớ đến nỗi lo sợ của Tổng thống Goncz về một tương lai đầy rẫy những xung đột trên đất nước của ông và tôi tự hỏi không biết điều gì sẽ xảy đến với họ và với tất cả chúng ta.

NHỮNG CÂU CHUYỆN BÊN BÀN ĂN GIA ĐÌNH

Tôi là một người dễ bị các lễ hội quy mô, sôi nổi cuốn hút. Những giây phút khai mạc Thế vận hội mùa Hè tại Atlanta ngày 19 tháng 7 năm 1996 thật đáng nhớ. Bill tuyên bố khai mạc các cuộc thi đấu bằng một màn trình diễn âm nhạc rầm rộ với những kèn co, chũm chọe. Tiếp theo đó là cả một bài lễ ca dạng opera bao trùm lấy hàng ngàn vận động viên cùng các quan khách đang tề tựu chật cứng trong sân vận động. Muhammad Ali, run rẩy vì chứng bệnh Parkinson, cố giữ chắc cánh tay phải và giơ cao ngọn đuốc sáng chói thắp lên ngọn lửa Olympic. Đó là giây phút không thể nào quên được đối với toàn thế thế giới và đối với người vận độ bệnh tật ấy.

Niềm hân hoan đó bỗng hóa thành nỗi kinh hoàng chỉ sau một tuần lễ, khi một quả bom ống phát nổ tại công viên Centennial Olympic gần các nhà thi đấu, cướp đi sinh mạng của một phụ nữ và làm bị thương 111 người khác. Bill lên án vụ đánh bom ấy là "một hành động tội ác kinh hoàng”. Còn tôi đã đến đặt hoa tưởng niệm tại công viên, gần hiện trường đã diễn ra cuộc tấn công.

Vài ngày sau khi diễn ra vụ đánh bom, FBI cho rằng Richard Jewell - một nhân viên bảo vệ an ninh làm việc bán thời gian - có khả năng là thủ phạm đáng ngờ. Jewell, người lúc đầu được coi như một anh hùng vì đã phát hiện ra quả bom ống, đã phải đấu tranh kịch liệt để tự bảo vệ mình trước sức nặng của lời buộc tội. Suốt nhiều tháng trời, giới truyền thông vây quanh nhà anh và đưa tin suốt 24 giờ mỗi ngày. Cuối cùng, vào cuối tháng Mười, Jewell được giải oan và việc đánh bom sau cùng lại được gán ghép cho Eric Rudolph, một người chống phá thai cuồng tín - người được cho rằng đã tẩu thoát vào vùng hoang dã Appalachian và không bao giờ bị bắt.

Vụ đánh bom Thế vận hội đã dẫn đến một mùa hè kết thúc trong lo âu, đánh dấu bằng nhiều sự kiện bi thảm gồm cả vụ rớt máy bay Flight 800, một chiếc phản lực chở hành khách đã đâm sầm xuống Đại Tây Dương sau khi cất cánh từ phi trường Kennedy ở New York và vụ đánh bom khủng bố tại tháp Khobar, một căn cứ quân sự Mỹ ở Saudi Arabia, làm chết 19 binh sĩ Mỹ.

Từ Thông điệp Liên bang đầu tiên (State of the Union : Thông điệp về tình hình liên bang là bài diễn văn thường niên mà tổng thống Mỹ trình bày trước Quốc hội Hoa Kỳ vào cuối tháng 1 đầu tháng 2 hàng năm, trình bày những chiến lược về chính sách đối nội và đối ngoại của Mỹ- ND), Bill đã gióng tiếng chuông cảnh báo về chủ nghĩa khủng bố toàn cầu. Vào những năm 1980, chủ nghĩa khủng bố vẫn chưa được xem là một mối đe dọa an ninh

quốc gia cấp bách mặc dù đã có hơn năm trăm người Mỹ thiệt mạng vì bọn khủng bố trong thập kỷ này. Các vụ đánh bom Trung tâm Thương mại Thế giới năm 1993 và tại thành phố Oklahoma năm 1995 đã làm gia tăng mối lo ngại của Bill. Anh thường xuyên lên tiếng công khai lẫn riêng tư về ảnh hưởng của những yếu tố như việc đi lại dễ dàng, tình trạng mở cửa các biên giới và công nghệ phát triển có thể giúp cho bọn khủng bố có nhiều cơ hội mới cũng như các phương tiện thuận lợi để tiến hành bạo động và đe dọa cộng đồng. Anh nghiên cứu các tài liệu về đề tài này và thường xuyên gặp gỡ các chuyên gia về vũ khí hóa học và sinh học. Bill thường trở về nhà, lòng đầy lo âu kể cho tôi nghe về những cuộc gặp gỡ ấy. Những kiến thức có được từ các buổi gặp gỡ đó đã khiến anh không an tâm. Năm 1995, Bill gửi đến Quốc hội một bản pháp chế chống khủng bố toàn diện nhằm thắt chặt những điều luật truy tố bọn khủng bố, nghiêm cấm các hình thức huy động tiền bạc cho những mầm mống hoặc tổ chức khủng bố và gia tăng các biện pháp kiểm soát các nguyên liệu vũ khí hóa học và sinh học. Bản pháp chế cuối cùng cũng được phê duyệt vào năm 1996 nhưng đã bị lược bỏ những vấn đề chủ chốt mà Bill đề nghi, vì thế anh đã quay trở lại Quốc hội để được gia tăng thêm quyền hạn và ngân quỹ, bao gồm các điều khoản về việc theo dõi ngầm các cuộc điện thoại và nguồn gốc xuất xứ của các hóa chất. Tuy nhiên, tập trung được sự chú ý của công chúng và sự ủng hộ của Quốc hội đối với những hành động mà anh ấy cho là cần thiết không phải là một việc dễ dàng.

Những vấn đề đối nội chi phối các chương trình nghị sự của cả Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa nhiều tháng trước các cuộc hội nghị chính sự mùa hè. Các thành viên của Đảng Cộng hòa vẫn kiên trì với những đề tài thông thường của hai việc chi tiêu rộng rãi các khoản tiền lớn và các vấn đề "nòng cốt xã hội" như: trợ cấp xã hội, quyền phá thai, kiểm soát súng đạn và bảo vệ môi trường. Chiến dịch tái ứng cử của Bill tập trung vào các chính sách nhà nước mà anh ấy tin rằng sẽ giúp xây dựng cộng đồng, mở rộng các cơ hội, đòi hỏi tinh thần trách nhiệm đồng thời mang lại sự tưởng thưởng cho các doanh nghiệp.

Tôi đã nghĩ cách làm thế nào để trình bày những vấn đề mình bênh vực và gắn kết chúng mật thiết hơn nữa với những mối quan tâm của công chúng. Vô số gia đình, trong đó có gia đình chúng tôi, thường quây quần với nhau bên bàn ăn trong gian bếp sau giờ làm việc hoặc giờ học ở trường để trao đổi về những vấn đề hàng ngày. Tôi bắt đầu mô tả các vấn đề của Đảng Dân chủ như "những câu chuyện bên bàn ăn gia đình" và cách nói này đã trở thành thông dụng trong suốt chiến dịch. Nó khiến cho vài nhà phê bình của Washington lên tiếng nhạo báng "chuyện phụ nữ hóa chính trị", một toan

tính nhằm làm suy yếu, thậm chí là tầm thường hóa các chính sách có liên quan đến phụ nữ như chế độ nghỉ phép vì việc gia đình, nghỉ dưỡng sức dài hạn vì ung thư vú dành cho các phụ nữ lớn tuổi hoặc chế độ nghỉ dưỡng thỏa đáng dành cho các bà mẹ khi sinh con. Với suy nghĩ đó, tôi đã tự đặt ra một tên gọi của riêng mình: "nhân bản hóa chính trị", công khai đề xuất ý kiến cho rằng chính những vấn đề chia sẻ bên bàn ăn gia đình đó lại có ý nghĩa đối với tất cả mọi người, không chỉ riêng phụ nữ.

Đến năm 1996, như đã hứa trong chiến dịch tranh cử hồi năm 1992, Bill đã tiết giảm được mức thâm hụt ngân sách quốc gia xuống hơn một nửa, dẫn đến một nền kinh tế tăng vọt về 10 triệu việc làm mới, giảm thuế thông qua chính sách Giảm Thuế thu nhập áp dụng cho 15 triệu công nhân có thu nhập thấp, bảo vệ công nhân khỏi bị thua thiệt về quyền lợi được chăm sóc sức khỏe khi thất nghiệp và gia tăng mức tiền công tối thiểu. Và chúng tôi đã thành công trong việc thông qua việc sửa đổi ban đầu đối với các điều luật nhận con nuôi: một ảm thuế không bồi hoàn lên đến 5.000 đô la/một đứa trẻ áp dụng đối với tất cả các bậc cha mẹ xin con nuôi và 6.000 đô la đối với các bậc cha mẹ xin nhận nuôi đứa trẻ có những nhu cầu đặc biệt, và một điều khoản nghiêm cấm việc từ chối hoặc trì hoãn nhận con vì lý do sắc tộc, màu da hoặc nguồn gốc của đứa trẻ. Kể từ khi còn là một sinh viên luật và làm việc trong vai trò đại diện cho những trẻ em mồ côi, tôi đã hy vọng mình có thể tạo ra các cơ hội giúp cho các em tìm được những gia đình nhân ái và gắn bó mãi mãi. Các điều khoản này tỏ ra có ích, nhưng tôi biết rằng vẫn còn rất nhiều điều phải làm thêm nữa. Tôi triệu tập những chuyên gia về lĩnh vực xin con nuôi tham dự một loạt các buổi họp, ở Nhà Trắng vào năm 1996 và phác thảo một kế hoạch khởi nguồn cho Đạo luật Xin con nuôi và Những Gia đình Yên ấm vào năm 1997, một đạo luật đầu tiên cung cấp nhưng khoản trợ cấp cho các bang trong việc đưa trẻ em từ các trung tâm chăm sóc về những gia đình mới của các em.

Cũng đã đến lúc thay đổi hệ thống phúc lợi xã hội dành cho những người từ 60 tuổi trở lên, một điều luật đã sản sinh ra nhiều thế hệ người Mỹ chỉ biết sống dựa vào trợ cấp xã hội. Bill đã hứa sẽ cải tạo điều này và Nhà Trắng đã mất hàng tháng trời cho những cuộc thương thuyết đầy khó khăn lẫn các mâu thuẫn chính trị sâu sắc đến tột độ. Những đảng viên Đảng Cộng hòa biết rằng dân chúng đang rất mong đợi sự đổi mới trong chính sách trợ cấp xã hội nên họ hy vọng có thể buộc Bill thông qua một dự luật đầy hà khắc đối với phụ nữ và trẻ em, từ chối các giúp đỡ cần thiết đối với hàng triệu con người đang túng thiếu. Bằng không họ sẽ lợi dụng quyền phủ quyết của Bill đối với dự luật đó để chống lại anh ấy trong đợt bầu cử sắp tới. Thay vì vậy, việc cải tổ hệ thống phúc lợi đã là một thành công cho Bill. Tôi đã tranh luận mạnh

mẽ rằng chúng ta cần phải thay đổi hệ thống phúc lợi, mặc dù sự tán thành của đối với vấn đề này trong chừng mực nào đó cũng ảnh hướng đến lợi ích của bản thân mình.

Chương trình phúc lợi đầu tiên của nước Mỹ ra đời vào những năm 1930 nhằm giúp đỡ các góa phụ nuôi con tại thời điểm có rất ít cơ hội cho họ bước chân vào thị trường lao động. Cho đến giữa thập kỷ 70, tỉ lệ trẻ em do những bà mẹ độc thân sinh ra đã gia tăng và đến giữa thập kỷ 80 thì số lượng những bà mẹ không chồng đã chiếm phần lớn danh sách những người sống bằng trợ cấp xã hội. Ở bình diện chung, họ là những người phụ nữ ít học và chỉ biết một vài kỹ năng làm việc. Ngay cả nếu tìm được một việc làm, họ cũng không thể kiếm đủ tiền để thoát khỏi sự nghèo đói hoặc bảo đảm đầy đủ bảo hiểm sức khỏe cho con cái. Bởi thế mà họ gần như không thể từ bỏ lối sống lệ thuộc vào trợ cấp để chọn giải pháp đi làm. Việc ở nhà trở thành sự chọn lựa hợp lý đối với một số người trong thời gian ngắn, thế nhưng điều này đã phát triển thành một tầng lớp sống nhờ trợ cấp xã hội vĩnh viễn, và gây nên nỗi oán giận trong lòng những người dân phải chịu thuế, đặc biệt là đối với những bậc cha mẹ đi làm có thu nhập thấp. Tôi không nghĩ là công bằng nếu một bà mẹ nuôi con một mình phải vừa tất bật tìm người chăm con và dậy sớm mỗi ngày để đi làm trong khi người khác ở nhà và sống dựa vào tiền trợ cấp. Tôi có chung quan điểm với Bill khi cho rằng chúng ta cần phải cung cấp những hình thức trợ cấp và hỗ trợ như chăm sóc trẻ em và bảo hiểm y tế để giúp mọi người có thể đi làm việc thay vì chỉ sống nhờ vào tiền trợ cấp.

Trong suốt nhiệm kỳ đầu làm thống đốc của Bill, tiểu bang Arkansas đã tham gia vào một dự án "thí điểm" của chính quyền Carter nhằm hỗ trợ và khích lệ mọi người từ bỏ trợ cấp để đi làm. Bảy năm sau đó, vào năm 1987 và tiếp tục vào năm 1988, Bill là Thống đốc hàng đầu của Đảngân chủ làm việc với Quốc hội và Nhà Trắng thời Reagan về cải tổ chính sách xã hội. Anh chủ trì các phiên họp của Hiệp hội Các Thống đốc, trình bày các trường hợp có thực về những người phụ nữ đã từ bỏ chương trình trợ cấp dưới tác động từ kế hoạch của anh tại bang Arkansas, và bản thân những người này cho biết họ cảm thấy cuộc sống tốt đẹp hơn rất nhiều, cả đối với bản thân lẫn đối với tương lai con cái của họ. Bill được một dự một nghi lễ vào tháng 10 năm 1988 khi Tổng thống Reagan ký thành luật văn bản sửa đổi chính sách trợ cấp xã hội, trong đó có những điều khoản mà anh và các thống đốc mong đợi.

Đến năm 1991, khi Bill phát động chiến dịch tranh cử Tổng thống, thực tế cho thấy rõ những điều khoản sửa đổi không mang lại nhiều thay đổi bởi vì chính quyền Bush không tài trợ cho những chương trình mới hoặc thi hành

một cách quá khích chính sách trợ cấp xã hội ở nhiều tiểu bang. Bill đã hứa sẽ "chấm dứt kiểu trợ cấp như chúng ta đã biết" và làm cho chương trình này mang tính ủng hộ lao động, ủng hộ từng hộ gia đình ở Mỹ.

Vào thời điểm Bill đảm nhận nhiệm vụ Tổng thống, chương trình phúc lợi nước Mỹ, Hỗ trợ các gia đình nuôi con nhỏ, gọi tắt là AFDC, đã nhận được hơn phân nửa ngân sách từ chính quyền liên bang nhưng vẫn được điều hành bởi các tiểu bang, vốn đóng góp từ 17% đến 50% tổng chi phí. Luật liên bang yêu cầu phải hỗ trợ những người mẹ nghèo cùng con nhỏ, thế nhưng các bang lại đặt ra những khoản phúc lợi hàng tháng. Kết quả là có đến năm mươi hệ thống khác nhau chu cấp phúc lợi cho người nghèo từ mức 821 đôla cho một gia đình có hai con nhỏ tại Alaska đến mức thấp nhất là 137 đô la tại Alabama. Những người nhận trợ cấp từ chương trình AFDC cũng được hưởng các quyền lợi khác như phiếu nhận thực phẩm và chế độ hỗ trợ y tế Medicaid.

Trong chương trình lập pháp năm 1993 và 1994, dự án kinh tế NAFTA, dự luật tội phạm và chăm sóc sức khỏe là những vấn đề được ưu tiên hơn so với việc cải tổ trợ cấp xã hội.Và khi Đảng Cộng hòa nắm quyền điều hành Quốc hội, họ có những ý kiến riêng về cách cải tổ hệ thống. Họ tán thành những giới hạn nghiêm ngặt về mức độ thời gian được hưởng trợ cấp; ngăn chặn việc cấp ngân sách phúc lợi cho các tiểu bang, bao gồm hỗ trợ y tế Medicaid, chế độ cơm trưa tại trường học và phiếu nhận thực phẩm; chấm dứt tất cả mọi quyền lợi đối với dân nhập cư, ngay cả đối với những người đang làm việc và nộp thuế đầy đủ; và, theo như Newt Gingrich đã giới thiệu trước nghị viện, một hệ thống trại mồ côi để thu nhận và nuôi dưỡng những đứa trẻ ngoài giá thú và các bà mẹ tuổi vị thành niên. Kế hoạch của Đảng Cộng hòa chỉ cung cấp hỗ trợ ở mức tối thiểu cho việc giúp đỡ những người từ bỏ trợ cấp để đi làm.

Bill và tôi, cùng với các thành viên của Quốc hội - những người mong chờ một sự cải tổ hiệu quả - cho rằng những công dân nào còn khả năng lao động thì nên đi làm. Thế nhưng chúng tôi cũng nhận thấy rằng để giúp mọi người vĩnh viễn chấm dứt cuộc sống nhờ vào trợ cấp xã hội và đi làm thì cần phải có sự hỗ trợ lẫn các phụ cấp. Và một chính sách cải tổ thành công đòi hỏi phải có sự đầu tư lớn về giáo dục và đào tạo, các khoản trợ cấp dùng trong việc chăm sóc trẻ em và phương tiện đi lại, chế độ chăm sóc sức khỏe tạm thời, những hình thức ưu đãi thuế dành cho các doanh nghiệp chịu thuê công dân sống nhờ tiền trợ cấp và các nỗ lực nâng đỡ trẻ em nhiều hơn. Chúng tôi cũng phản đối việc cắt giảm hoàn toàn các trợ cấp dành cho người dân di cư hợp pháp và chuyển con em của các gia đình nghèo đói vào trại mồ côi.

Vào cuối năm 1995, chính quyền và bắt đầu những nỗ lực nghiêm túc để thông qua pháp chế. Trong thời gian này rất nhiều vụ vờ vịt chính trị đã xảy ra. Tôi nghĩ nhiều người theo Đảng Cộng hòa đã hy vọng rằng nếu giữ được một số lượng vừa đủ "các điều khoản thâm độc" trong bản dự luật, họ sẽ buộc được Tổng thống vào một tình huống "hai bên cùng thua". Nếu Bill ký vào bản dự luật, anh sẽ làm thất vọng những cử tri ủng hộ Đảng Dân chủ và khiến cho hàng triệu trẻ em nghèo phải sống bấp bênh, thiệt thòi. Nếu anh phủ quyết, những đảng viên Đảng Cộng hòa sẽ có một vấn đề công khai để nêu lên trong cuộc bần cử năm 1996 trước các cử tri đang mong đợi một chính sách cải tổ nhưng lại không hiểu rõ những tình tiết của pháp chế.

Một vài người trong Nhà Trắng thúc giục Tổng thống ký duyệt bất kỳ nội dung cải cách nào do Quốc hội trình gửi. Họ cho rằng nếu làm ngược lại sẽ gây ra tổn thất chính trị to lớn cho cả Chính phủ và các đảng viên Đảng Dân chủ của Quốc hội trong mùa tranh cử sắp tới. Nhiều người lại không đồng ý, cho rằng giải pháp duy nhất là Bill phải chiến thắng phe Cộng hòa và thuyết phục công chúng hiểu rằng anh phải là người nắm vai trò chủ đạo trong việc kiểm soát chính sách cải tổ. Cảm nhận của tôi về vấn đề trợ cấp trở nên sâu sắc và có lẽ còn phức tạp hơn chồng tôi. Tôi tin rằng hệ thống các chính sách đang rất cần một sự cải tổ, nhưng tôi đã từng dành nhiều thời gian làm luật sư biện hộ cho trẻ em và phụ nữ sống nhờ vào hệ thống này và tôi hiểu rằng trợ cấp xã hội là rất cần thiết với vai trò hỗ trợ tạm thời cho các gia đình nghèo khó. Phải, tôi đã thấy nhiều người lợi dụng nó, nhưng tôi cũng thấy trợ cấp đã cứu nguy những con người dùng nó để vượt qua các giai đoạn khó khăn trong cuộc sống. Mặc dù trước kia, trong thâm tâm tôi vẫn phê phán các quyết định của chính quyền, tôi chưa bao giờ công khai phản bác một chính sách nào của chính quyền cũng như bất kỳ quyết định nào của Bill. Tuy nhiên, ngày nay tôi đã nói với anh ấy và các nhân viên cao cấp của anh ấy rằng tôi sẽ lên tiếng phản đối bất kỳ dự luật nào không mang lại chế độ chăm sóc sức khỏe thông qua chương trình Medicaid, sự bảo đảm của liên bang về tem phiếu thực phẩm, và sự hỗ trợ chăm sóc trẻ em dành cho những người nỗ lực chấm dứt việc sống dựa vào trợ cấp. Tôi cũng cho rằng những hình thức ủng hộ này nên áp dụng với cả tầng lớp lao động nghèo để giúp họ thoát khỏi nghèo đói.

Các đảng viên Đảng Cộng hòa đệ trình một dự luật gồm những điều khoản giới hạn nghiêm ngặt về thời gian hưởng trợ cấp, chấm dứt hỗ trợ để chuyển đổi từ hưởng trợ cấp sang làm việc, không cung cấp bất kỳ quyền lợi nào cho người di dân hợp pháp, bãi bỏ một sự giám sát và trách nhiệm giải trình liên bang về việc chi tiêu ngân sách trợ cấp liên bang của các bang. Nói tóm lại các bang được quyền tự do quyết định ngân sách thực thi đối với các khoản

chi trợ cấp hàng tháng, chăm sóc trẻ em, phiếu nhận thực phẩm và chăm sóc y tế hoặc có những khoản trợ cấp khác hay không. Sau một cuộc tranh cãi quyết liệt bên trong Nhà Trắng, Tổng thống đã phủ quyết dự luật. Sau đó, các đảng viên Đảng Cộng hòa đã đệ trình một dự luật khác chỉ với vài thay đổi nhỏ. Tôi đã không cần phải vận động hành lang với Bill nhiều, anh biết rõ mình không thể ký cả bản dự luật thứ hai này. Bill đã phủ quyết nó và nhất quyết rằng tất cả trẻ em nghèo khổ đều được hưởng hoàn toàn các quyền lợi về chế độ chăm sóc, dinh dưỡng và y tế.

Bản dự luật thứ ba được Quốc hội đưa ra đã nhận được sự ủng hộ của phần lớn các đảng viên Đảng Dân chủ của Thượng và Hạ viện. Nó nêu rõ sự hỗ trợ nhiều hơn về tài chính dùng cho mục đích thúc đẩy người dân đi làm, chi nhiều tiền hơn cho việc chăm sóc trẻ em và phục hồi những cam kết của liên bang đối với các quyền lợi về tem phiếu thực phẩm và chăm sóc y tế. Thế nhưng nó lại cắt hầu hết các chế độ ưu đãi dành cho đối tượng di dân hợp pháp, áp đặt một khoảng thời gian giới hạn 5 năm cho một đời người được hưởng trợ cấp Liên bang và duy trì nguyên trạng những hạn chế quyền lợi hàng tháng, cho phép các bang được tự do trong việc đề ra những giới hạn về quyền lợi ấy. Các khoản trợ cấp liên bang dành cho mỗi tiểu bang được đặt ra bằng với số tiền mà các tiểu bang nhận được vào đầu những năm 90, thời điểm mà ngân sách trợ cấp lúc nào cũng ở mức cao. Điều này có nghĩa là các bang phải có những nguồn tài chính để cung cấp một tấm lưới an toàn mà chính sách cải tổ thật sự đòi hỏi, cùng các khoản trợ cấp ưu đãi để phân chia cho các chương trình hỗ trợ và khích lệ lao động lẫn sự tự lập.

Cuối cùng Tổng thống đã ký thành luật bản dự thảo thứ ba này. Mặc dù vẫn còn những điểm chưa hoàn chỉnh, nhưng bản dự luật là bước khẩn cấp đầu tiên cần làm đối với việc cải tổ hệ thống trợ cấp xã hội của quốc gia. Tôi đồng ý rằng anh ấy nên phê duyệt nó và làm hết sức để vận động sự đồng tình của mọi người đối với sự thay đổi này - mặc dù anh ấy và ban lập pháp bị một số người theo chủ nghĩa tự do, các nhóm ủng hộ dân nhập cư và hầu hết những người làm việc trong hệ thống chính sách trợ cấp chỉ trích dữ dội. Bill cam kết sẽ tranh đấu để khôi phục các quyền lợi cho dân nhập cư và, đến năm 1998, đã làm được một số tiến bộ chừng mực bằng cách làm việc với Quốc hội để phục hồi các quyền lợi An sinh Xã hội và các quyền lợi về phiếu nhận thực phẩm cho một số thành phần nhập cư hợp pháp, bao gồm các đối tượng trẻ em, người già và người tàn tật.. Thông cáo phản đối việc trợ cấp ngân sách quỹ phúc lợi theo chúng tôi là chấp nhận được bởi các tiểu bang, với quyền hạn được tự đặt ra các mức trợ cấp, vẫn nhận được thêm đầy đủ ngân sách để giúp mọi người đi làm và không sốngờ vào trợ cấp nữa. Điều tôi quan tâm nhất là giới hạn 5 năm được nhận trợ cấp trong suốt đời

của một người bởi điều này sẽ được áp dụng bất kể tình hình kinh tế đất nước khó khăn hay phát triển, bất kể công dân đó có tìm được việc làm hay không, nhưng tôi cảm thấy rằng, bù qua sót lại, thì đây là một cơ hội lịch sử để thay đổi một hệ thống dựa trên nền tảng sống lệ thuộc thành một hệ thống khích lệ mọi người sống độc lập.

Điều luật ban hành đã tỏ ra không hề hoàn hảo so với dự kiến, nó vẫn còn sơ hở cho các hoạt động chính trị thực dụng nảy sinh. Sẽ hợp lẽ hơn nếu phê duyệt một biện pháp và biết rằng có một chính quyền Dân chủ sẽ thực thi nó với đầy tính nhân đạo. Nhưng nếu phủ quyết bản dự luật cải tổ trợ cấp thứ ba, Bill có thể sẽ trao cho các đảng viên Đảng Cộng hòa một vận may trời cho trong đấu trường chính trị. Tiếp theo sau những tai họa của cuộc bầu cử năm 1994, anh ấy lo lắng rằng những thất bại tranh cử của Đảng Dân chủ sau này có thể hủy hoại đòn bẩy của mình trong việc bảo vệ các hoạt động chính trị xã hội trong tương lai.

Quyết định của Bill, cùng sự tán thành của tôi, đã làm tổn thương một số người ủng hộ trung thành nhất của mình, bao gồm các bạn bè tri âm Marian Wright Edelman và chồng, Peter Edelman, Trợ lý Bộ trưởng về Dịch vụ Sức khoẻ và Con người. Do quá trình công tác lâu dài của tôi với Quỹ Bảo vệ Trẻ em, họ đã hy vọng tôi sẽ phản đối biện pháp này và họ đã không thể hiểu nổi sự ủng hộ của tôi. Họ cho rằng điều luật ban hành là một hành động đáng xấu hổ, không thực tế và có hại cho trẻ em, điều mà Marian đã thể hiện trong bài viết "Thư ngỏ gửi Tổng thống” đăng trên tờ The Washington Post.

Trước hậu quả đau lòng ấy, tôi nhận ra rằng mình đã vượt qua lằn ranh giữa một luư và người làm chính trị. Tôi không thay đổi đức tin của mình nhưng không đồng ý với những tình cảm và lời kết tội ấy của gia đình Edelman cùng những người phản kháng lại điều luật ban hành. Là những luật sư, họ không bị ràng buộc với những thỏa hiệp và khác với Bill, họ không phải thương lượng với Newt Gingrich và Bob Dole hay lo lắng để duy trì một tình hình chính trị cân bằng trong Quốc hội. Tôi còn nhớ rõ như in sự thất bại của nỗ lực cải tổ chế độ chăm sóc sức khỏe, một phần là vì thiếu sự nhân nhượng. Các nguyên tắc và giá trị trong chính trị không được thỏa hiệp, song các chiến lược và thủ thuật cần phải linh hoạt để đạt được tiến bộ, đặc biệt là trong những điều kiện chính trị khó khăn mà chúng tôi phải đối diện. Chúng tôi muốn đưa ra một kế hoạch trợ cấp có thể thúc đẩy và trang bị cho phụ nữ để đạt được một cuộc sống tốt đẹp hơn cho bản thân và cho con cái họ. Mặt khác, với hệ thống trợ cấp xã hội cũ đã được thay thế này, chúng tôi cũng hy vọng sẽ thuyết phục được công chúng Mỹ bàn đến những vấn đề to lớn hơn xuất phát từ sự nghèo đói và các hệ lụy của nó: như các gia đình không cha

mẹ hoặc chỉ có cha hay mẹ, tình trạng nhà ở không thích đáng các trường học tồi tàn và hiện trạng thiếu hụt sự chăm sóc y tế. Tôi đã hy vọng rằng sự cải tổ các chính sách phúc lợi chỉ là phần mở đầu, chứ không phải đoạn kết, cho mối quan tâm của chúng ta đối với cái nghèo.

Nhiều tuần sau khi Bill ký duyệt điều luật, Peter Edelman và Mary Jo Bane - một người bạn khác và cũng là thư ký trợ lý của Bộ Y tế, người đã làm việc về chính sách cải tổ phúc lợi - đã từ chức để biểu lộ thái độ phản kháng. Đây là những quyết định mang tính nguyên tắc mà tôi chấp nhận và thậm chí ngưỡng mộ, mặc dù tôi có quan điểm rất khác biệt với họ về giá trị và triển vọng của điều luật mới ban hành. Ngoài đời thỉnh thoảng tôi vẫn gặp Marian và Peter, và tôi thật sự cảm động khi Bill quyết định tặng Marian và Peter Huân chương Tự do vào ngày 9 tháng 8 năm 2000 vì đã cống hiến trọn đời cho quyền công dân và trẻ em. Cô ấy là một cố vấn quan trọng trong đời tôi và sự rạn nứt trong tình bạn của chúng tôi vì vấn đề phúc lợi là rất đáng buồn và không hay.

Cho đến khi Bill và tôi rời Nhà Trắng, danh sách những người hưởng trợ cấp đã giảm 60% từ 14,1 triệu người xuống 5,8 triệu người và hàng triệu bậc cha mẹ đã đi làm. Các bang hỗ trợ cho những người làm việc bán thời gian hoặc thu nhập thấp bằng cách tiếp tục trợ cấp quyền lợi y tế và phiếu nhận thực phẩm. Đến tháng 1 năm 2001, tình trạng trẻ em nghèo đói đã giảm hơn 25% và đạt mức thấp nhất kể từ năm 1979. Cải tổ chính sách phúc lợi, tăng mức lương tối thiểu, giảm thuế cho những công nhân thu nhập thấp và kinh tế phát triển đã giúp gần 8 triệu người thoát khỏi cảnh nghèo đói - gấp một trăm lần lượng người thoát khỏi danh sách đói nghèo trong thời kỳ của Tổng thống Reagan.

Một yếu tố góp phần đáng kể vào sự thành công của chính sách cải tổ là chương trình Trợ cấp dành cho Hiệp hội Lao động mà Bill đã nhờ Eli Segal, một trong số các người bạn tri kỷ của mình, tiến hành nhằm khuyến khích các ông chũ thuê mướn những người trước đây từng sống nhờ vào trợ cấp xã hội. Eli là một doanh nhân thành đạt, đã từng làm việc với Bill trong chiến dịch McGovern và đảm nhiệm vị trí Tham mưu Trưởng trong chiến dịch năm 1992. Với vai trò trợ lý cho Tổng thống, ông chịu trách nhiệm thành lập National Service Corporation and AmeriCorps. Eli đã làm việc trực tiếp với Shirley Sagawa, một phụ tá về chính sách của tôi, để thảo ra điều luật xây dựng chương trình này và trở thành Chủ tịch Hội đồng Quản trị đầu tiên của tập đoàn. AmeriCorps cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cộng đồng và các học bổng đại học cho hơn 200.000 người trẻ tuổi từ năm 1994 đến năm 2000, làm việc sát cánh với các doanh nghiệp và tổ chức cộng đcũng đã áp dụng

khuôn mẫu ấy vào chương trình trợ cấp dành cho Hiệp hội Lao động, kết nạp các chủ doanh nghiệp nào thuê mướn và đào tạo công dân vốn là người sống dựa vào trợ cấp. Dưới sự lãnh đạo của ông, Hiệp hội Lao động đã phát triển, thu hút hơn 20.000 doanh nghiệp tham gia đào tạo kỹ năng, tạo công ăn việc làm và cuộc sống độc lập cho 1,1 triệu người từng sống chỉ nhờ vào trợ cấp an sinh xã hội.

Công cuộc cải tổ phúc lợi được tiến hành trong những giai đoạn kinh tế phát triển tốt. Thử thách thật sự sẽ diễn ra khi kinh tế giảm sút và danh sách người hưởng trợ cấp lại gia tăng. Điều luật ban hành cần phải được tái ủy quyền và trong vai trò một Thượng nghị sĩ, tôi có ý định phát huy thành công và sửa chữa những khiếm khuyết của nó. Cần phải phục hồi triệt để quyền lợi của những người nhập cư hợp pháp có công ăn việc làm và nộp thuế hơn 5 tỉ đô la hàng năm. Mức giới hạn thời gian hưởng phúc lợi là 5 năm trong một đời người cần phải được hủy bỏ đối với những người thất nghiệp trong một nền kinh tế không có việc làm. Cần chi tiêu nhiều tiền hơn vào giáo dục và đào tạo, và phải đào tạo theo yêu cầu công việc. Và các bang có trách nhiệm giải trình về cách thức chi tiêu ngân sách phúc lợi của liên bang.

Vì Bill tranh thủ được nhiều sự ủng hộ hơn từ công chúng Mỹ vài tháng trước khi diễn ra cuộc tuyển cử năm 1996, các đối thủ của anh đã tung ra tất cả những gì có thể để làm suy yếu thế mạnh của anh ấy. Tạp chí Time đã nhận ra xu thế này vào đầu tháng Bảy, khi đăng tải một bài viết có tựa đề "Yếu tố Starr". Bài báo tường thuật rằng "Trong nhiều tháng, Clinton đã chờ đợi các đối thủ Cộng hòa của mình sẽ biến cuộc chạy đua vào Nhà Trắng năm 1996 thành một trận chiến thật sự. Cuối cùng, có vẻ như ông cũng đã tìm thấy người ấy, và đó không phải là Bob Dole. Mỗi vấn đề thực sự làm khổ tâm Tổng thống đều có bóng dKenneth Starr đâu đó... Khi chiến dịch tranh cử của Dole vẫn chưa đạt được sự lôi cuốn cần thiết, hy vọng của Đảng Cộng hòa đang dựa vào một chế độ Tổng thống bị phá nát bởi các trát hầu tòa và những bản cáo trạng".

Vụ xì căng-đan giả mới nhất dường như được dàn dựng đúng vào thời điểm đại hội mùa hè và xoay quanh hành động của hai nhân viên quản lý cấp trung của Nhà Trắng, Craig Livingstone Anthony Marceca thuộc bộ phận An ninh Nhân viên. Năm 1993 họ đã yêu cầu FBI cung cấp lý lịch những quan chức vẫn thường lui tới Nhà Trắng để thu thập hồ sơ cá nhân tất cả những người có quyền ra vào Nhà Trắng một cách hợp pháp. Bộ phận An ninh Nhân viên, mặc cho tên gọi của nó, không phải thực hiện "những kiểm tra an ninh" như thế - mà chính FBI mới phải đảm nhiệm. Hơn nữa, bộ phận này cũng không phải chịu trách nhiệm về vấn đề an ninh vì đó là công việc của Sở Mật vụ.

Tôi chưa bao giờ hình dung ra những trách nhiệm khác mà bộ phận này phải đảm nhận nhưng nó chịu trách nhiệm theo dõi các nhân viên hiện tại của Nhà Trắng, đảm bảo thời gian nghỉ phép hoặc thôi việc của họ được cập nhật và truyền đạt các chỉ thị về an ninh đến những nhân viên mới của Nhà Trắng. Khi Tổng thống Bush rời nơi này vào tháng 1 năm 1993, người của ông ấy đã lấy đi tất cả các giấy tờ của bộ phận An ninh Nhân viên - điều này là hợp với điều luật Presidential Record (Hồ sơ Tổng thống) để mang về Thư viện Bush. Chính quyền mới vì thế không hề có hồ sơ nào của riêng mình (phân biệt với hồ sơ của Sở Mật vụ) về những nhân viên cố định của Nhà Trắng. Livingstone và Marceca bấy giờ đang cố thiết lập lại những hồ sơ bộ phận An ninh Nhân viên này khi họ nhận được từ FBI hàng trăm hồ sơ, gồm cả một số hồ sơ về các quan chức của chính quyền Reagan và Bush. Họ không nhận thấy sai lầm nào. Khi một nhân viên khác nhận ra, cô ta đem gởi nó vào kho lưu trữ thay vì đem trả lại cho FBI. Nhà Trắng đã thừa nhận và xin lỗi về việc làm lộn xộn đầy quan liêu này. Tuy nhiên, "vụ hồ sơ" (Filegate đã được đưa vào danh mục điều tra của Kenneth Starr.

Câu chuyện vẫn chưa dừng tại đó, một nhân viên FBI đã nói với nhân viên Ủy ban Tư pháp Thượng viện rằng việc kiểm tra hồ sơ của Craig Livingstone cho thấy Livingstone được đảm nhiệm chức trưởng phòng An ninh Nhân viên của Nhà Trắng vì mẹ của anh ta và tôi đã từng là bạn của nhau. Trên thực tế, tôi và bà Livingstone không hề quen biết nhau nhưng chúng tôi đã từng chụp hình chung giữa một nhóm người tại buổi lễ mừng Giáng sinh ở Nhà Trắng. Tôi đang ở Bucharest, tại một.ngôi trường mà Chính phủ giúp họ sửa đổi chương trình giảng dạy thì một nhà báo Mỹ hỏi tôi về mối quan hệ với gia đình Livingstone. Tôi nói với anh ta rằng tôi không nhớ gì về cuộc gặp gỡ nào với Craig hay với mẹ anh ta, nhưng nếu như có khi nào gặp bà ta, tôi sẽ nói "Bà chắc là bà Livingstone, tôi đoán vậy?”.

Suốt tháng Tám, tôi đưa Chelsea đi tham quan các trường đại học ở New England. Mặc dù cứ nghĩ đến giây phút con bé rời gia đình để đi học mà lo, tôi vẫn thấy thú vị khi cùng con đến thăm các trường đại học. Tôi cũng thầm mong con sẽ yêu thích trường học của tôi, Trường Wellesley, hoặc ít ra thì cũng sẽ chọn một ngôi trường ở vùng Bờ biển phía Đông để tôi có thể thăm nom dễ dàng hay nó có thể ngẫu hứng về thăm nhà bất kỳ lúc nào. Tôi đã thỏa thuận với Sở Mật vụ để thu xếp một chuyến đi từ trường này sang trường khác trong một chiếc xe bình thường với càng ít nhân viên đặc vụ càng tốt. Chúng tôi thăm viếng sáu khu đại học mà không thấy có gì đáng chú ý, và tận đáy lòng tôi sẽ mừng biết bao nếu Chelsea đồng ý chọn một trong số các trường đó.

Tuy vậy, Chelsea lại rất mong đến thăm Đại học Stanford, thế là chúng tôi lên đường đi Palo Alto. Vị hiệu trưởng thời đó, Condoleezza Rice, đã tiếp đón chúng tôi thật nồng hậu ngay từ giây phút đầu tiên của chuyến thăm viếng kéo dài cả ngày hấy, làm cho Chelsea thật sự vui thích. Con bé thích quang cảnh ngôi trường được xây dựng giữa các chân đồi, thời tiết ôn hòa và lối kiến trúc tôn giáo. Khi gọi điện cho Bill tối hôm ấy, tôi nói rằng Stanford chắc sẽ là chọn lựa đầu tiên của Chelsea, tôi nghĩ đó là điều chúng tôi phải chấp nhận khi nuôi dạy con theo lối sống tự lập.

Một lần nữa chúng tôi lại chọn Jackson Hole, Wyoming cho kỳ nghỉ hè. Cũng tại nơi này, tôi đã nỗ lực hết sức để viết xong quyển It Takes a Village một năm trước đó còn bây giờ thì tôi có thời gian rảnh để cùng Bill và Chelsea lang thang qua những cánh đồng cỏ đầy hoa dại vào mùa hè ở Grand Tetons và khám phá Công viên Quốc gia Yellowstone gần đó. Những đồng cỏ trải dài và khu vực có nhiều mạch nước phun đã được bảo tồn cho nhiều thế hệ người Mỹ tương lai kể từ năm 1872 khi chính quyền nước Mỹ chỉ định Yellowstone là công viên quốc gia đầu tiên của Mỹ và của cả thế giới. Kể từ đó, những công viên quốc gia của Mỹ đã trở thành kiểu mẫu và nguồn cảm hứng cho các quốc gia khác trong việc bảo vệ các di sản tự nhiên. Cứ mỗi lần đến thăm một công viên quốc gia nào của đất nước, tôi lại cảm thấy thật hạnh phúc vì tổ quốc ta được ban cho những nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú như thế. Nhiệm vụ của chúng ta không chỉ dừng ở chỗ bảo tồn các cảnh quan tươi đẹp, mà còn phải chăm lo cho một môi trường lành mạnh và cân bằng. Ở Yellowstone, nơi những con sói xám đã bị đánh bẫy tiêu diệt, các nhà sinh học của chính phủ đã thả một số lượng sói nhỏ để giúp khôi phục lại quan hệ tự nhiên giữa loài ăn thịt và những con thú khác trong công viên. Trong chuyến viếng thăm Yellowstone, Chelsea, Bill và tôi đã băng rừng lội suối đến những khu trại giữ thú, nơi có những bầy sói đang được nuôi dưỡng để thích nghi với khí hậu của vùng này trước khi được thả vào môi trường hoang dã. Không hề có bóng dáng của nhà báo, dù có những nhân viên chăm sóc khu bảo tồn, chúng tôi và một vài nhân viên của Sở Mật vụ. Họ thật sự ngạc nhiên vì chưa bao giờ nghĩ là sẽ phải bảo vệ gia đình nguyên thủ quốc gia trước những con sói thật.

Bill công bố một thỏa thuận lịch sử đình chỉ hoạt động của một mỏ vàng lớn do nước ngoài sở hữu tại vùng biên giới Yellowstone vì khả năng đe dọa tính nguyên sơ của môi trường nơi đây. Càng nhiều tuổi, tôi càng đam mê côngviệc bảo vệ trái đất chúng ta khỏi những tổn hại không thể khắc phục và không cần thiết. Một nền kinh tế vững mạnh và một môi trường trong sạch là những mục tiêu không loại trừ nhau. Trong thực tế, chúng sánh đôi với nhau, bởi lẽ tất cả mọi sinh hoạt của cuộc sống và kinh tế sau cùng đều phụ thuộc

vào sự quản lý của chúng ta đối với thiên nhiên chung quanh. Trong suốt những năm tại Nhà Trắng, tôi ủng hộ cho chương trình "xanh hóa" của Nhà Trắng, một đề án nhằm cải thiện tình trạng môi trường của các khu nhà cao tầng thông qua việc giảm sử dụng năng lượng, tái sử dụng triệt để chất thải và các biện pháp khác. Qua một chương trình mà tôi khởi xướng - "Hãy bảo vệ các kho tàng của nước Mỹ"- tôi quyên góp được một số tiền cho các công viên và tôi đã đến thăm những nơi này. Tôi ủng hộ cam kết của Bill và Al trong việc bảo vệ đất đai, làm sạch không khí và nước, khắc phục sự thay đổi khí hậu toàn cầu và tiếp tục việc bảo tồn và các nguồn năng lượng thay thế. Nhưng điều quan tâm chính của tôi là ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khoẻ con người. Việc khảo sát mang tính cá nhân của bản thân tôi về những chứng bệnh của các cựu chiến binh Chiến tranh vùng Vịnh, về tỉ lệ gia tăng của chứng hen suyễn ở trẻ con và chứng ung thư vú ở phụ nữ khiến tôi tin rằng các ảnh hưởng của môi trường đối với sức khỏe đòi hỏi chúng ta cần tiến hành một cuộc nghiên cứu lâu dài.

Hội nghị Đảng Cộng hòa mở ra vào ngày 12 tháng 8 tại San Diego. Theo truyền thống, Đảng tổ chức hội nghị để công khai hoàn toàn việc đề cử các ứng cử viên và công bố rộng rãi thông điệp của chiến dịch tranh cử.

Trong khi đó, ứng cử viên của Đảng còn lại đứng yên lặng bên lề. Điều này xem ra cũng hay vì tôi nghĩ chúng tôi cần có một khoảng lặng. Tôi đã không xem các bài diễn văn trên tivi, nhưng tôi nhanh chóng nghe bạn bè nói về những lời phát biểu của Elizabeth Dole trước các đại biểu vào đêm thứ hai của hội nghị. Nguyên bộ trưởng nội các của chính quyền Reagan và Bush đã đi giữa đám đông, mi-crô trong tay, và phát biểu những lời lẽ đầy yêu thương về chồng mình, về sự nghiệp và những niềm tin của ông ấy. Đĩnh đạc và thông minh, bà là một luật sư được đào tạo bài bản và là một chính trị gia chuyên nghiệp, sự hiện diện và tài năng hùng biện của bà đã củng cố sức mạnh cho chiến dịch tranh cử của chồng. Và mặc dù Dole là đối thủ không khoan nhượng của chúng tôi, tôi vẫn vui được thấy hình ảnh một người phụ nữ mà trong tình huống căng thẳng vẫn tỏ ra có khả năng ứng phó tốt và xứng đáng nhận được sự ca ngợi. Quả là một khúc quanh kỳ lạ của số phận khi cả hai chúng tôi hiện nay đều làm việc ở Thượng viện.

Bài diễn văn của bà Dole đã tạo nên những sự so sánh không tránh khỏi giữa hai chúng tôi, và khi bà ấy chỉ vừa bước xuống sân khấu thì các nhân viên của tôi đã bị tra hỏi dồn dập về việc tôi dự định sẽ phát biểu như thế nào tại hội nghị Đảng Dân chủ. Các nhà báo thắc mắc không biết tôi sẽ đứng ở trên bục hay băng qua đám đông, như bà Dole đã làm. Bị lôi cuốn bởi ý định thử làm một điều mới mẻ, tôi nhận thấy tốt hơn là mình hãy từ bỏ thói quen cứ

bám chặt vào các đề tài và phong cách của mình.

Tôi đến Chicago vào ngày Chủ nhật, 25 tháng 8, ba ngày trước khi Bill cùng Chelsea đến bằng tàu lửa từ West Virginia. Besty Ebeling đã tổ chức một cuộc họp mặt gia đình cùng các bạn bè ở nhà hàng Riva, trên bến tàu Navy nhìn ra hồ Michigan. Tôi nhanh chóng nhận ra nỗi hào hứng của Chicago khi được đăng cai hội nghịThị trưởng Richard M. Daley, người trùng tên và là con trai của một nhân vật chính trị vĩ đại của Chicago đã quá cố, cũng đã làm rất nhiều việc để chuẩn bị sẵn sàng cho thành phố: những con đường với các hàng cây mới trồng thẳng tắp, không hề có lấy bóng dáng một người biểu tình phản đối như đã từng xảy ra trong suốt cuộc hội nghị năm 1968 khi cha của ông làm thị trưởng. Lần này mọi việc diễn ra hoàn toàn thuận lợi.

Bài phát biểu của tôi trước các đại biểu đã xếp lịch vào tối hôm thứ Ba sẽ đánh dấu sự kiện lần đầu tiên một Đệ nhất Phu nhân phát biểu trước một hội nghị chính trị quốc gia và được phát sóng truyền hình vào giờ cao điểm. Bà Eleanor Roosevelt là người đầu tiên phát biểu tại một cuộc hội nghị, nhưng đó là vào năm 1940, trước thời đại truyền hình. Khoảng thời gian 48 giờ trước khi tôi đọc diễn văn đặc kín các sự kiện. Tôi thuyết trình tại Cuộc họp kín của những người phụ nữ Đảng Dân chủ, gặp gỡ với nhiều phái đoàn của các bang khác nhau, khánh thành một công viên để tưởng niệm Jane Addam và tham quan một trường học cộng đồng. Tôi cũng dành thời gian nghiên cứu bài diễn văn của mình và sửa chữa nó cho đến tận tối hôm thứ Hai khi tôi đến United Center để thực tập trên thiết bị TelePrompTer. Center là sân nhà của đội bóng rổ quán quân thế giới Chicago Bulls, những người đã trở thành nguồn cảm hứng cho một trong số các ảnh cổ động chính trị mà lúc nào tôi cũng ưa thích. Đội bóng rổ Bulls năm 1996 gồm có Michael Jordan độc nhất vô nhị; Scottie Pippen, người tôi quen từ Arkansas và "chú bé hư" của Hội bóng rổ quốc gia, Dennis Rodman. Một bức ảnh cổ động chính trị được bán tại hội nghị có hình ảnh gương mặt của tôi cùng mái tóc sặc sỡ của Rodman và dòng chữ như sau: "Hillary Rodman Clinton: Tệ như bà ấy muốn".

Vào sáng sớm ngày thứ Ba, tôi cảm thấy không hài lòng với bài diễn văn của mình. Tôi nhớ Bill, anh ấy vẫn còn ngồi trên tàu và không liên lạc được đ có thể chia sẻ, củng cố tinh thần cho tôi như tôi mong đợi. Chỉ hơn 12 giờ nữa thôi, tôi sẽ nói chuyện với những khán giả rất quan trọng, và tôi đang cố hết sức để tìm những từ ngữ đúng nhất để chuyển tải các đề tài và quan điểm của mình.

Vô tình Bob Dole trở thành vị cứu tinh của tôi. Sự việc xảy ra đột ngột làm

tôi hoàn toàn bất ngờ. Trong bài phát biểu ca ngợi tại hội nghị của Đảng Cộng hòa, ông ta đã tấn công những giả thuyết trong quyển sách của tôi, It Takes a Village. Ông ta đã sử dụng nhầm lẫn khái niệm về ngôi làng thành một hình ảnh ẩn dụ nói đến "nhà nước" và ám chỉ rằng tôi, và nói rộng ra là những đảng viên của Đảng Dân chủ, tạo thuận lợi cho chính quyền xâm phạm vào mọi khía cạnh của đời sống Mỹ. Ông ấy phát biểu rằng "Và sau sự hủy hoại thật sự đối với gia đình Mỹ, vốn là nền tảng của xã hội Mỹ, chúng ta lại được báo là cần có một ngôi làng, thực chất là một tập thể, nghĩa là một nhà nước, để nuôi dưỡng một đứa trẻ", “...và với tất cả sự tôn trọng đúng mực, tôi đến đây để nói với các bạn rằng không phải cần đến một ngôi làng để nuôi dưỡng một đứa trẻ. Mà cần có một gia đình để nuôi dưỡng một đứa trẻ".

Dole đã hiểu sai quan điểm của quyển sách, rằng các gia đình là mối dây trách nhiệm đầu tiên đối với trẻ em, nhưng chính ngôi làng - một hình ảnh ẩn dụ ngụ ý xã hội nói chung - chia sẻ phần trách nhiệm về văn hóa, kinh tế và môi trường mà trong đó trẻ em lớn lên. Một viên cảnh sát đi tuần, một giáo viên đứng lớp, vị dân biểu lập pháp thông qua các điều luật hay vị lãnh đạo công ty quyết định bộ phim cần dàn dựng, tất cả đều có ảnh hưởng đến trẻ em của nước Mỹ.

Tôi nắm bắt lấy chủ đề ngôi làng và chúng tôi đã nhanh chóng phác thảo của bài diễn văn xoay chung quanh đó. Đoạn tôi vào một căn phòng nhỏ ở tầng hầm của United Center để tập dượt lần cuối với Michael Sheehan, một bậc thầy xuất chúng về truyền thông, người đã có những nỗ lực hết mình để hướng dẫn tôi cách sử dụng TelePrompTer, một thiết bị mà tôi chưa bao giờ dùng trước đó và luôn có cảm giác mình sẽ không thể nào sử dụng thành thạo được. Mặc dù cuối cùng cũng tìm kiếm được những từ ngữ mình ưng ý nhất, tôi vẫn có thể sẽ làm tiêu tan bài diễn văn nếu như tôi thể hiện như một rô-bốt, vì thế tôi đã luyện tập cho đến khi cảm thấy mọi việc đều ổn thỏa.

Cuối cùng, đã đến lúc bắt đầu. Chelsea đã đi cùng Bill hai ngày trên tàu nhưng rồi cũng bỏ bố để đến với tôi. Con bé ngồi cùng với mẹ tôi, các em của tôi, Dick Kelley, Diane Blair, Betsy Ebeling và một số đông các bạn bè tại một khu riêng biệt trên cao, nơi mọi người có thể nhìn rất rõ bục phát biểu.

Có khoảng hai chục ngàn người chen chúc trong phòng hội nghị, và không khí bên trong thật là sôi động và hứng khởi. Hai trong số những diễn giả tài ba nhất của đảng chúng tôi- cựu thống đốc New York Mario Cuomo và nhà lãnh đạo nhân quyền Jesse Jackson - đã thuyết trình trước tôi, khởi động

tinh.thần của những đảng viên trung thành của Đảng Dân chủ bằng những bài diễn văn mở màn kinh điển để củng cố các giá trị của đảng.

Khi tôi tiến lên sân khấu, đám đông bừng lên một tràng pháo tay cuồng nhiệt, hô to khẩu hiệu và đậm mạnh chân khiến tôi xúc động và giải tỏa bớt sự căng thẳng. Nỗ lực yêu cầu đám đông ngồi xuống của tôi không có hiệu quả, bởi thế nên tôi chỉ biết vẫy tay chào và chìm trong làn sóng chào đón vang dội của mọi người.

Cuối cùng những tiếng la rền vang cũng lắng xuống và tôi bắt đầu nói. Những lời bình luận của đơn giản và đi thẳng vào vấn đề Tôi muốn mọi người hãy hình dung thế giới sẽ ra sao khi Chelsea bằng tuổi tôi bây giờ, vào năm 2028. "Có một điều mà chúng ta biết chắc chắn là sẽ có những sự thay đổi", tôi nói. "Sự tiến bộ không phải là một điều tự nhiên mà có. Sự tiến bộ phụ thuộc vào những chọn lựa của chúng ta hôm nay cho ngày mai và phụ thuộc vào việc chúng ta có đáp ứng được các thử thách cũng như bảo vệ các giá trị của mình hay không."

Sau khi đề cập đến những vấn đề như mở rộng phạm vi điều luật về Nghỉ phép vì việc gia đình, đơn giản hóa việc nhận con nuôi và thông qua một dự luật đảm bảo cho bà mẹ và trẻ em không bị buộc rời bệnh viện trong vòng 48 tiếng sau khi đứa trẻ được sinh ra, tôi bắt đầu đi vào trọng tâm bài viết để trả lời Bob Dole:

Đối với Bill và tôi, không có kinh nghiệm nào khó khăn hơn, đáng làm hơn và khiêm tốn hơn việc nuôi dạy con gái của mình. Và chúng tôi đã nhận ra rằng để nuôi dạy một đứa trẻ được hạnh phúc, khỏe mạnh và tràn đầy hy vọng, cần có một gia đình. Cần có những thầy cô giáo. Cần có những người lãnh đạo tôn giáo. Cần có những nhà doanh nghiệp. Cần có những người lãnh đạo cộng đồng. Cần có những người chăm sóc và bảo vệ sức khỏe. Cần có tất cả mọi người trong chúng ta.

Phải, cần có một ngôi làng, hay một cộng đồng.

Và cần có một Tổng thống.

Cần có một Tổng thống, người tin tưởng không chỉ vào tiềm lực

của chính đứa con mình, mà vào tất cả mọi trẻ em, người dám tin

không chỉ ở sức mạnh nơi gia đình riêng của mình, mà còn dám

tin vào gia đình nước Mỹ.

Cần có Bill Clinton.

Một lần nữa đám đông lại vang dội. Họ không chỉ tin rằng Bill quan tâm đến trẻ con, mà họ còn hiểu rằng tôi đang trực tiếp đối đầu với chủ nghĩa cá nhân triệt để của những người theo Đảng Cộng hòa và quan điểm hạn hẹp, không thực tế về những gì mà hầu hết người Mỹ cần có để nuôi dạy con cái vào thời điểm cuối thế kỷ hai mươi.

Tối thứ Tư, Chelsea và tôi đi gặp Bill, anh ấy vừa mới xuống tàu với những tin tức không tốt lành. Một tờ báo lá cải sắp công bố một bài báo xác nhận rằng Dick Morris đã trả tiền cho một cô gái gọi đến một khách sạn nơi ông ta ngủ trong thời gian ở Washington. Câu chuyện đăng trên báo ngày thứ năm đã trích dẫn rất nhiều những lời của cô gái. Cô ta nói rằng Morris khoe khoang việc đã viết bài diễn văn hội nghị của tôi, cũng như của Phó Tổng thống - rằng cũng chẳng phải ông này đã tự viết bài diễn văn của mình. Morris đã rút lui khỏi chiến dịch tranh cử. Bill đã nói lời cám ơn ông ta vì sự hợp tác và gọi ông ta là "nhà chiến lược chính trị siêu sao". Sau khi Morris ra đi, chiến dịch tiếp diễn suôn sẻ vì Mark Penn tiếp tục cung cấp những kết quả nghiên cứu và phân tích đầy hiệu quả.

Sự xuất hiện của Bill trước hội nghị khi đón nhận lời đề cử đã dấy lên cảm xúc mạnh mẽ của đám đông. Ngay từ giây phút Bill bắt đầu nói, anh đã tập trung được sự chú ý cao độ của công chúng và sử dụng điều đó cùng với một tình cảm say mê, sự nhiệt tình hoàn hảo để chứng tỏ khả năng tiếp tục đạo nước Mỹ. Anh ấy đã xem xét lại tiến trình phát triển của nước Mỹ từ tình hình đất nước năm 1992 và trong suốt thời gian anh ấy giữ chức Tổng thống. Từ chỗ ngồi ở trên cao, Chelsea và tôi theo dõi với một niềm tự hào to lớn khi anh ấy thuyết trình như một nghệ sĩ tài ba. Khi Bill trình bày được khoảng hai phần ba bài diễn văn, chúng tôi bắt đầu đi xuống để sẵn sàng cùng bước đến đứng bên cạnh anh ấy trên sân khấu khi kết thúc hội nghị. Lúc chúng tôi đi đến hậu trường, anh ấy đang bắt đầu kết thúc vấn đề. Bill kết thúc bài diễn văn bằng cách quay ngược trở lại chiến dịch tranh cử năm 1992 của mình và khẳng định rằng "sau bốn năm miệt mài và tốt đẹp này, tôi vẫn tin tưởng vào một nơi gọi là Niềm Hy Vọng, một nơi gọi là nước Mỹ". Và tôi cũng tin như thế.

NHIỆM KỲ HAI

Bill và tôi sử dụng ngày cuối cùng của cuộc vận động tranh cử khắp đất nước với lòng hăng hái mãnh liệt để giành những lá phiếu, lúc nào cũng dốc hết sức mình và không dám coi thường một điều gì cho đến khi cuộc bỏ phiếu trôi qua, theo như cách nói của Bill là cho đến giây phút cuối cùng. Từng giờ từng phút, tâm trạng của mọi người trên chiếc Air Force One trở nên nhẹ nhàng dần vì chúng tôi tự tin cảm thấy Bill sẽ trở thành vị Tổng thống thuộc Đảng Dân chủ đầu tiên tại chức hai nhiệm kỳ kể từ thời Tổng thống Franklin Roosevelt. Vào đêm trước ngày bầu cử, Bill, Chelsea và tôi đã hứng khởi đến không ngủ được. Nước Mỹ đang sôi sục giữa một bầu không khí say sưa, hồi hộp đến ngây người vào thời điểm đó, và ở một nơi nào đó trên bầu trời Missouri, vào giữa đêm khuya, Chelsea đang hướng dẫn những người tùy tùng của chúng tôi thể hiện màn kịch bất ngờ Macarena (tất cả chúng tôi trông giống như những người cắm trại đang xua đuổi một đàn muỗi). Khi Mike McCurry, thư ký báo chí của Tổng thống, tóm lược cho giới báo chí về những hoạt động ở phần trước của máy bay, ông ta cẩn thận tường thuật rằng viên tổng tư lệnh đã khiêu vũ "theo một phong cách Tổng thống". Mãi đến sau 2 giờ sáng, chúng tôi mới bắt đầu đáp xuống Little Rock.

Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng tôi sẽ bỏ phiếu và chờ đợi kết quả ở Arkansas, nơi chúng tôi đã từng bắt đầu cuộc hành trình vào Nhà Trắng. Chúng tôi trú chân tại một khách sạn trong khu vực trung tâm, nghỉ ngơi và đi thăm viếng gia đình cùng các bạn bè. Hàng ngàn người đã tụ tập sẵn tại Little Rock, mong chờ buổi lễ ăn mừng chiến thắng khi cuộc bỏ phiếu hoàn tất. Chúng tôi tránh mặt mọi người trừ việc phải đến điểm bầu cử và dùng bữa trưa do Thượng nghị sĩ David Pryor chủ trì, Pryor sẽ về hưu vào năm đó.

Chúng tôi cảm thấy mình thật diễm phúc khi được vây quanh bằng những khuôn mặt thân quen, sống giữa sự hỗ trợ dào dạt của mọi người trong thành phố quê nhà. Nhưng đâu đó vẫn có một chút không khí luyến tiếc vấn vương bởi mọi người đều biết đây sẽ là nhiệm kỳ cuối cùng của Bill. Một Tổng thống chỉ có thể phục vụ hai nhiệm kỳ mà thôi. Có một điều gì đó thật sâu lắng diễn ra bên trong đám đông đang hớn hở vui mừng. Trong buổi cơm trưa, Thượng nghị sĩ Pryor gợi nhắc đến một luật sư độc lập đã mở văn phòng bên kia Little Rock hai năm trước và vẫn chưa kết thúc cuộc điều tra của mình. "Tôi nghĩ tràng pháo tay lớn nhất mà các bạn có thể được ở Arkansas là hãy nói rằng: Chúng ta hãy chấm dứt cuộc bầu cử này và để cho Ken Starr về nhà", ông ấy nói. Cuộc điều tra, ông ấy chỉ ra, đã "hủy hoại

nhiều cuộc đời, làm cho nhiều người phải khánh kiệt... Chúng ta cảm thấy đã đến lúc họ phải để chúng ta tiếp tục".

Khi chúng tôi được tin rằng Bill đã chiến thắng trong cuộc bầu cử với 8% số phiếu cao hơn đối thủ, tôi cảm thấy đó không chỉ là một chiến thắng của Tổng thống, đó là một minh chứng của nhân dân Mỹ. Họ cho thấy cuộc bầu cử này là bầu cho tất cả những điều họ quan tâm - việc làm, gia đình, nhà ở, nền kinh tế - chứ không chỉ cho những thù hằn chính trị và những vụ xì-căng-đan giả tạo. Thông điệp của chúng tôi đã vượt khỏi bầu không khí u ám ở Washington và đến với cử tri. Câu khẩu hiệu của cuộc vận động năm 1992 - "Đó là nền kinh tế, ngốc ạ" - vẫn còn tác dụng, nhưng có thêm sự nhấn mạnh mới vào những gì mà nền kinh tế đang hồi phục có thể thực hiện để cải thiện cuộc sống của tất cả người Mỹ. Chúng tôi đã nhận ra rằng những mối quan tâm cá nhân của mọi người có thể trở thành những vấn đề chính trị nếu họ dùng chính tiếng nói và lá phiếu của mình để thể hiện những điều đó.

Những ngày bầu cử thật khốn khổ bởi mọi người không thể làm gì ngoài việc chờ đợi. Để khuây khỏa, tôi rủ vài người bạn cùng ăn trưa tại Doe's Eat Palace, một nhà hàng chuyên bán các món nướng, vốn là nguồn kinh doanh phụ của nhà Doe huyền thoại tại Greenville, Mississippi. Sau bữa cơm trưa, tôi quyết định lái xe về nhà mẹ ở khu Hillcrest tại Little Rock. Tôi đã nài ép Don Flynll, người đứng đầu đội cận vệ, để anh ta chấp nhận cho tôi làm điều này. Don ngồi kế bên tôi trên suốt đoạn đường và tôi nhận thấy những khớp ngón tay của Don trắng bệch khi chúng tôi đến nơi. Từ đó đến nay tôi không lái xe nữa.

S đêm, tiếp theo bài phát biểu chấp nhận thất bại của Dole, Bill và tôi tay trong tay, cùng với nhà Gore, bước ra khỏi Old State House, tòa nhà đầu tiên của Quốc hội Arkansas và là nơi cuộc vận động tranh cử của Bill bắt đầu vào ngày 3 tháng 10 năm 1991.

Tôi nhìn thấy những khuôn mặt bạn bè và người ủng hộ trong một đám đông lớn, và tôi nhớ lại lần đầu tiên mình đã đến thăm Old State House, vào tháng 1 năm 1977, nơi chúng tôi chiêu đãi những quan khách đến chứng kiến lễ tuyên thệ nhậm chức Bộ trưởng Tư pháp Arkansas của Bill. Tôi mang ơn mọi người dân Arkansas, những người đã cho tôi rất nhiều thứ trong suốt những năm qua, và tôi cảm nhận được tình cảm sâu lắng nhất của Bill khi anh ấy nói: "Tôi cảm ơn nhân dân của quê hương xứ sở mến yêu của mình. Đêm nay, đây là nơi duy nhất trên thế giới này tôi muốn ở lại. Trước tòa nhà Quốc hội cổ kính đã chứng kiến bao điều trong cuộc đời tôi cũng như lịch sử của tiểu bang chúng ta, tôi cảm ơn các bạn đã ở bên cạnh tôi, cho đến giờ

phút này, và chưa bao giờ bỏ cuộc, vì biết rằng chúng ta có thể làm được nhiều thứ hơn nữa".

Bill có cơ hội để "xây nhịp cầu bước vào thế kỷ 21", còn tôi sẽ làm hết sức để giúp anh ấy. Quá trình vừa học vừa làm trong suốt nhiệm kỳ đầu đã dạy tôi cách sử dụng vai trò của mình hiệu quả hơn, cả trước công chúng lẫn sau hậu trường. Tôi đã chuyển từ một vai trò công khai rõ rệt là người cố vấn về vấn đề y tế cho Bill, tuyên thệ trước Quốc hội, đọc các bài diễn văn, đi khắp đất nước và gặp gỡ các nhà lãnh đạo lưỡng viện sang một vai trờ riêng tư hơn, nhưng cũng tích cực không kém, trong suốt hai năm sau cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ vào năm 1994.

Tôi đã bắt đầu làm việc ở Nhà Trắng và cùng với các quan chức hành pháp bảo vệ các chương trình, các hoạt động sống còn về y tế, giáo dục... mà Đảng Cộng hòa công kích. Tôi đã trải qua hai năm giúp các cố vấn hàng đầu của Tổng thống cải thiện bản sửa đổi điều luật về chế độ phúc lợi xã hội và ngăn chặn sự cắt giảm liên quan đến các quyền lợi về luật pháp, các hoạt động nghệ thuật, giáo dục, y tế (Medicare và Medicaid). Trong nỗ lực không ngừng nhằm cải tạo chính sách chăm sóc sức khỏe, tôi đã vận động hành lang các đảng viên Dân chủ và Cộng hòa ở Điện Capitol để khởi xướng một chương trình toàn diện cung cấp vắc-xin với giá thấp hoặc miễn phí cho trẻ em.

Dự tính cho nhiệm kỳ hai của Bill, tôi có ý định phát biểu công khai để giúp việc định hình những chính sách của Nhà Trắng về các vấn đề ảnh hưởng đến phụ nữ, trẻ em và gia đình. Mặc dù rất nhiều người có điều kiện vật chất tốt hơn trong nền kinh tế phát triển của chúng ta, gia đình nói chung đang bị áp lực nặng nề. Hố ngăn cách giàu nghèo ngày càng rộng. Tôi muốn đảm bảo một mạng lưới an toàn xã hội - về chăm sóc sức khỏe, giáo dục, hưu trí, tiền lương và công ăn việc làm - mà hiện đang có nguy cơ bị tước đoạt vì người dân trở nên ít có khả năng thích nghi trước những thay đổi của cuộc cách mạng kỹ thuật và văn hóa tiêu dùng toàn cầu. Tôi đã cùng làm việc với Bill trong suốt chiến dịch vận động tranh cử năm 1996 nhằm thúc đẩy các vấn đề như chính sách nghỉ phép vì chuyện gia đình, trợ cấp vay vốn cho sinh viên, chăm sóc sức khỏe trẻ em và người già, cùng với việc nâng cao mức lương tối thiểu. Công chúng đã nhìn nhận tài năng lãnh đạo của Bill qua cuộc bầu cử và chúng tôi có thể tập trung vào những nỗ lực cải thiện đời sống của người dân. Việc Đảng Cộng hòa to tiếng chế giễu chính quyền quốc gia là nhằm làm suy giảm niềm tin của dân chúng vào hiệu quả của các chương trình liên bang vốn đã được thừa nhận rộng rãi như chương trình An sinh Xã hội, Medicare và giáo dục cộng đồng. Thông qua sáng kiến "Cải tổ

chính quyền" do Phó Tổng thống Gore lãnh đạo, bộ máy chính quyền liên bang đã được tinh giản rất nhiều soTổng thống Kennedy. Tôi hiểu rằng mọi vai trò của Liên bang đều phải tỏ ra có hiệu quả rõ rệt, thí dụ như việc bổ sung thêm nhiều cảnh sát trên đường phố hoặc có thêm nhiều giáo viên trong lớp học. Có nghĩa là phải lắng nghe dân chúng.

Vào năm 1994, tôi đã vận động Bộ Lao động tiến hành một cuộc nghiên cứu lớn chưa từng có về lao động nữ. Có tên gọi "Tầm quan trọng của lực lượng lao động nữ", cuộc nghiên cứu phản ánh những lo lắng của hàng triệu nữ lao động, những người chiếm đến gần phân nửa lực lượng lao động của nước Mỹ. Không kể đến thu nhập và bản chất công việc, phụ nữ có hai mối quan tâm hàng đầu: dịch vụ chăm sóc trẻ em tốt và hợp túi tiền; cân bằng được mối liên quan giữa công việc và đời sống gia đình. Trong quá trình nuôi dạy Chelsea, tôi đã nhờ đến sự giúp đỡ của các bạn bè, gia đình và rất nhiều người giúp việc để chăm sóc nhà cửa khi Bill và tôi bận công tác. Hầu hết các bậc cha mẹ không có may mắn như thế.

Tôi gặp những phụ nữ tham dự vào cuộc nghiên cứu để tìm hiểu thêm về cuộc sống của họ. Một bà mẹ trong hoàn cảnh nuôi con một mình đến từ thành phố New York mô tả điều quan trọng sống còn trong cuộc sống thường nhật của mình: "Mọi thứ đều được lên kế hoạch giờ giấc cụ thể". Chị phác thảo thời khóa biểu hàng ngày của mình như sau: thức dậy lúc 6 giờ sáng, sửa soạn mọi thứ để đi làm, chuẩn bị bữa sáng, cho mèo ăn và đánh thức đứa con trai 9 tuổi, tranh thủ ủi áo quần trong lúc con chuẩn bị đi học; dắt con đến trường rồi đến sở làm cho đến 5 giờ chiều, rồi đón con từ lớp học ngoài giờ. Làm bữa tối, làm việc nhà, thanh toán các hóa đơn và dọn dẹp nhà cửa rồi đi ngủ. Chị tự hào về việc mình có thể hỗ trợ gia đình và đã phấn đấu thăng tiến từ một nhân viên kế toán bán thời gian thành một thư ký điều hành toàn thời gian, tuy lịch làm việc khá nặng nhọc. Như một y tá về hồi sức 37 tuổi ở Sante Fe nói với tôi: "Chúng tôi vừa phải làm vợ, làm mẹ, và làm một nhân viên chuyên nghiệp, và cuối cùng là được làm chính bản thân mình, nhưng chăm sóc bản thân là thứ sau cùng mà chúng tôi nghĩ đến".

Các bà mẹ ở New York rất biết ơn chương trình học ngoài giờ của tổ chức Police Athletic League. Các cảnh sát địa phương cho tôi biết họ ủng hộ những chương trình như vậy bởi vì họ hiểu rằng nếu một bậc phụ huynh bận việc công sở muốn giữ cho con mình tránh khỏi những điều phiền toái, thì cần có một môi trường an toàn, hiệu quả sau những giờ học ở trường. Thế mà nhiều bậc cha mẹ không có khả năng lo được cho con cái họ những chương trình sau giờ học tử tế hoặc các dịch vụ chăm sóc hiệu quả dành cho các cháu bé chưa đến tuổi đi học. Chỉ một số ít các sở làm có chế độ hay hỗ

trợ việc chăm sóc trẻ; những điểm giữ trẻ thường từ chối không nhận các đứa trẻ bệnh tật và hầu hết các nơi này đều tính phí cao đối với các trường hợp đến đón con trễ. Một người mẹ ở Boston cho tôi biết thỉnh thoảng bà phải làm việc cả trong giờ nghỉ trưa để có thể đón đứa con 3 tuổi của mình ở nhà trẻ đúng giờ vào buổi chiều. Tình trạng của bà cũng là một khó khăn chung. Một trợ lý phó tổng giám đốc ngân hàng mà tôi gặp ở Atlanta đã nói rằng: "Tôi gần như dẫm chết những người khách bộ hành khi cố chạy đến trung tâm giữ trẻ cho đúng giờ, vì không muốn tốn chi phí do đón con trễ sau 6 giờ chiều”. Một vị thẩm phán liên bang và cũng là một người mẹ giải thích: "Tôi là một luật sư trong khi tất cả các cộng sự có vợ đều là những bà nội trợ. Họ không phải lo lắng đến chuyện đón con hay đi lấy đồ giặt ủi". Điều này nghe giống như chuyện Albert Jenner đã nói với tôi vào năm 1974 khi tôi nói mình muốn trở thành một luật sư tòa án - ông ấy đã khuyên tôi không nên vì tôi không có được một người vợ như những nam luật sư.

Năm 1994, giáo sư David Hamburg, chủ tịch tập đoàn Carnegie khuyến khích tôi hãy vai trò Đệ nhất Phu nhân của mình để chỉ ra những khiếm khuyết của việc chăm sóc trẻ em ở Mỹ và kêu gọi liên bang hỗ trợ nhiều hơn cho các bậc cha mẹ phải làm việc. Trong suốt cuộc tranh luận về việc cải tổ chính sách phúc lợi năm 1996, tôi đã nhấn mạnh rằng chính quyền vẫn tiếp tục tạo điều kiện cho mọi người được hưởng chế độ chăm sóc trẻ em và xem đó là vấn đề thiết yếu trong việc giúp đỡ các bà mẹ nghèo từ bỏ cuộc sống nhờ vào phúc lợi để đi làm. Sau đó, tôi đã mở rộng phạm vi thông điệp của mình khi các kết quả nghiên cứu mới nhất cho thấy vai trò quan trọng của việc kích thích sự phát triển não trẻ em vào nhưng năm đầu đời. Vấn đề là tìm hiểu xem làm thế nào để ứng dụng kết quả nghiên cứu này vào chế độ chăm sóc trẻ và qua đó giúp gia tăng sự phát triển của trẻ em trong những năm đầu đời. Tôi ủng hộ chương trình cải tiến, Reach Out and Read, một chương trình khuyến khích các bác sĩ "kê toa" cho người lớn phải đọc truyện cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ mới biết đi. Tôi đã gặp gỡ nhiều chuyên gia về lĩnh vực chăm sóc trẻ em, các luật sư hoặc tổ chức hỗ trợ trẻ em và đi vòng quanh đất nước để xem xét những phương thức khác nhau, nhằm cải thiện chất lượng của việc chăm sóc trẻ em cũng như khắc phục những thiếu sót của các chương trình chăm sóc trẻ em hiện tại dành cho các bậc cha mẹ đang đi làm. ở Miami, tôi gặp những lãnh đạo doanh nghiệp và bàn về trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với việc chăm sóc trẻ em, và tiếp theo đó chúng tôi đã tổ chức một buổi lễ tại Nhà Trắng nhằm nêu bật các chương trình đã thành công của nhiều doanh nghiệp khác nhau. Tại một căn cứ thủy quân ở Quantico, bang Virgina, tôi đã đến thăm một trong số các trung tâm chăm sóc trẻ em tốt nhất của quân đội Mỹ dành cho các gia đình quân nhân mà tôi hy vọng sẽ có thể lấy làm ví dụ điển hình để áp dụng cho toàn xã hội.

Tôi triệu tập hai cuộc hội nghị tại Nhà Trắng, hội nghị đầu tiên là Tìm hiểu và Phát triển Giai đoạn Tuổi thơ và cuộc hội nghị về vấn đề Chăm sóc Trẻ em. Chúng tôi tập hợp các chuyên gia, luật sư, lãnh đạo doanh nghiệp và nhà chính trị để tập trung sự chú ý của quốc gia vào những vấn đề cấp bách trong đời sống gia đình và phác thảo những sáng kiến của liên bang nhằm mang đến cho những người làm cha mẹ đang đi làm sự hỗ trợ mà họ cần để có thể vừa là những nhân viên hiệu quả vừa là những phụ huynh có trách nhiệm. Các nhân viên của tôi tiếp tục làm việc mật thiết với các vị cố vấn chính sách quốc nội của Tổng thống để triển khai và phát triển những chính sách đột phá mà Bill đã công bố trong Thông điệp Liên bang năm 1998. Tôi rất tự hào rằng nhà nước đã đầu tư 20 tỉ đôla vào việc cải thiện chế độ chăm sóc trẻ em trong vòng năm năm tiếp theo. Ngân quỹ sẽ được dùng để giúp những gia đình có thu nhập thấp được hưởng chương trình chăm sóc trẻ em và các hoạt động sau giờ học dành cho các trẻ em lớn hơn, cũng như mở rộng Head Start và ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp và các viện đại học đã đầu tư vào chương trình chăm sóc trẻ em. Ngân quỹ Early Learning được thành lập nhằm hỗ trợ tài chính cho các tiểu bang và cộng đồng trong nỗ lực phát triển chất lượng của các cơ sở chăm sóc trẻ em, tiết giám tỉ lệ số trẻ trên một nhân viên chăm sóc và gia tăng số lượng những đơn vị chăm sóc trẻ có giấy phép. Tôi làm việc cật lực để chương trình chăm sóc trẻ sau giờ học được khả thi hơn, và vào năm 1998, chính quyền đã giới thiệu chương trình Những Trung tâm Học tập Cộng đồng Thế kỷ 21, cho phép gia tăng thêm cơ hội sau giờ học hoặc vào mùa hè cho gần 1,3 triệu trẻ em. Chương trình chăm sóc trẻ em sau giờ học đã giúp bọn trẻ ngày càng tiến bộ ở các môn tập đọc và làm toán; đồng thời làm giảm tính bạo lực và tình trạng nghiện ma túy, giúp các bậc phụ huynh cảm thấy an tâm hơn.

Tôi tiếp tục xúc tiến các sáng kiến đối nội thông qua các buổi ra mắt công chúng, thuyết trình, gặp gỡ và trao đổi bằng điện thoại với những thành viên Quốc hội cũng như các tổ chức bên ngoài. Sau thời gian 8 năm, các nhân viên đối nội tài năng của tôi - Shirley Sagawa, Jennifer Klein, Nicole Rabner, Neera Tanden, Ann O'leary, Heather Howard và Ruby Shamir - đã trở nên vô giá. Bill và tôi cũng triệu tập những cuộc họp chiến lược tại Nhà Trắng bàn về vấn đề làm thế nào để hạn chế các nội dung truyền thông mang tính bạo lực ảnh hưởng đến trẻ em, phát triển giáo dục đối với các học sinh gốc Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha - nhóm trẻ có tỉ lệ bỏ học cao - mở rộng cơ hội làm việc và học tập cho trẻ vị thành niên Mỹ.

Phần đầu tiên của bản pháp chế mà Bill đã ký thành luật vào năm 1993 là Đạo luật Nghỉ phép Điều trị và Việc gia đình, do Thượng nghị sĩ thuộc Đảng Dân chủ Christopher Dodd bang Connecticut đề nghị. Đạo luật này cho phép

hàng triệu người lao động được phép nghỉ 12 tuần không lương khi có vấn đề gia đình khẩn cấp hoặc để chăm sóc người nhà ốm đau mà không sợ bị mất việc. Hàng triệu người Mỹ đã tận dụng được sự bảo vệ từ luật pháp này và khám phá ra điểm khác biệt sâu sắc mà nó đã mang lại cho cuộc sống của họ. Một phụ nữ ở bang Colorado viết cho tôi rằng chồng của chị vừa mất vì chứng sung huyết và nghẽn mạch máu tim sau vài năm bệnh tật. Với đạo luật này, chị được quyền nghỉ phép và nhiều lần đưa chồng đến bác sĩ, ra vào bệnh viện và an ủi chồng đến phút cuối. Khi trải qua những tháng nguy kịch cuối đời của chồng mình, chị không cần phải lo lắng vì sợ thất nghiệp sau khi chồng qua đời.

Tôi thúc giục các nhân viên của mình tìm thêm nhiều ý tưởng khác để cải thiện luật pháp. Chúng tôi đã làm việc với Bộ Lao động, Sở Quản lý Nhân sự và Hiệp hội Quốc gia về Phụ nữ và Gia đình để chỉnh sửa chính sách nghỉ phép để điều trị và lo chuyện gia đình giúp công nhân có thể sử dụng đến 12 tuần nghỉ do bệnh tật và được trả lương trong khi chăm sóc cho người thân bị ốm đau. Tôi hy vọng hệ thống liên bang này có thể trở thành mô hình trên khắp quốc gia và tôi đề nghị một quy đ các tiểu bang sử dụng hệ thống bảo hiểm thất nghiệp của mình chi trả chế độ nghỉ phép có lương cho những người mới làm cha mẹ. Có ít nhất mười sáu cơ quan lập pháp xem xét đến vấn đề này khi chính quyền Bush bác bỏ quy định đó, ngăn cản con đường dẫn đến sự ủng hộ dành cho những người mới làm cha mẹ.

Bản đề nghị sửa đổi về luật phá sản được trình bày tại Quốc hội có nguy cơ làm suy giảm sự hỗ trợ về vấn đề trẻ em và hôn nhân mà nhiều phụ nữ lệ thuộc vào. Con số những người Mỹ nộp đơn xin phá sản đã tăng đến 400% trong vòng 20 năm, là một thống kê gây sửng sốt với các dấu hiệu quan trọng về tính ổn định của nền kinh tế quốc gia. Liệu có phải ngày càng có nhiều người Mỹ chỉ đơn giản lợi dụng sự phá sản như một công cụ tài chính có tính toán trước để thoát khỏi các núi nợ cá nhân? Liệu có phải sự gia tăng này là do ngành công nghiệp ngân hàng và thẻ tín dụng vô trách nhiệm đã thu hút, chấp thuận cấp thẻ cho những người không đủ điều kiện? Hay tại vì những người Mỹ có trách nhiệm đang phải đối diện với những chi tiêu cá nhân mà họ không thể tự kiểm soát, như là các hóa đơn y tế không được bảo hiểm chi trả? Cách trả lời của những chính trị gia sẽ định hướng cho các giải pháp danh sách mà họ ủng hộ. Những chính trị gia tin rằng ngành tín dụng phải chịu trách nhiệm phần lớn cho khoản nợ nần đang gia tăng của dân Mỹ, thì ủng hộ cho những giải pháp hạn chế các phương thức thu nhận một cách ồ ạt nhưng khách hàng có nguy cơ nợ cao. Những chính trị gia cho rằng những người đang sử dụng hệ thống này để trốn nợ thì hiển nhiên sẽ ủng hộ cho những giải pháp gây khó khăn hơn cho việc tuyên bố phá sản hoặc sẽ

giới hạn số lượng nợ được chiếu cố trong các trường hợp phá sản.

Tôi phát hiện ra một điều mà người ta đã bỏ sót trong cuộc tranh luận này. Đó là điều gì sẽ xảy đến với những phụ nữ và trẻ em đang phụ thuộc vào những khoản tiền trợ cấp nuôi con và gia đình do pháp luật quy định nhưng nay bỗng nhiên lại không được nhận nữa. Hàng trăm ngàn trường hợp phá sản đã khiến cho phụ nữ phải ra tòa nhằm cố gắng giành lại tiền trợ cấp nuôi con và gia đình đã bị tước đoạt bởi những ông bố vô công rồi nghề và những người chồng cũ tuyên bố phá sản. Tôi nhận thấy rằng những thay đổi trong điều luật phá sản có ảnh hưởng sâu sắc đến phụ nữ và gia đình. Trong các trường hợp phá sản, những công ty tín dụng muốn các hóa đơn tín dụng chưa thanh toán cũng được ưu tiên ngang với các nghĩa vụ hỗ trợ trẻ em và hôn nhân gia đình. Điều này có nghĩa là một phụ nữ đơn độc sẽ phải cạnh tranh với Visa hay MasterCard để có được khoản trợ cấp nuôi con theo luật định. Tôi tin rằng những nghĩa vụ hỗ trợ trẻ em phải được ưu tiên trước nhất và việc cải cách luật phá sản phải được cân bằng, đòi hỏi thêm trách nhiệm từ phía những người mắc nợ lẫn chủ nợ. Năm 1998, tôi ủng hộ quyết định của Tổng thống phủ quyết một điều luật ưu ái cho ngành tín dụng hơn là người tiêu dùng, và sau đó tôi đã làm việc với các thành viên Quốc hội để tăng cường những hình thức bảo vệ người tiêu dùng và thêm vào đó các điều khoản bảo vệ phụ nữ và gia đình của họ. Ở Thượng viện, một trong số các biện pháp đầu tiên mà tôi đệ trình đã gia tăng sự bảo vệ đối với phụ nữ và trẻ em.

Trao quyền kinh tế cho phụ nữ cũng có nghĩa là tiếp tục cuộc đấu tranh cho chế độ lương bổng tương đương và sự đảm bảo hưu trí. Phụ nữ vẫn chưa được trả công ngang bằng với nam giới, và nhiều lao động nữ không nhận được hoặc nhận mức thu nhập không thích đáng từ lương hưu mà chỉ trông nhờ vào chế độ An sinh Xã hội. Cơ cấu của An sinh Xã hội dựa trên những khái niệm đã lỗi thời, xem phụ nữ là yếu tố lao động phụ trong gia đình , hoặc thậm chí không là gì cả. Số tiền một người được nhận dựa trên những đóng góp mà người đó đã c hiến trong suốt những năm đi làm của mình. Hầu hết phụ nữ đều không chỉ kiếm ít tiền hơn nam giới và thường xuyên không nhận được những khoản trợ cấp hưu riêng, mà còn thường phai làm những công việc bán thời gian thất nghiệp và sống đơn độc trong nhưng năm về hưu vì, tính theo trung bình, họ sống lâu hơn chồng mình. Đối với nhiều phụ nữ lớn tuổi, An sinh Xã hội là tất cả những gì ngăn cách giữa họ và cái nghèo đói khốn khổ. Với quyết tâm bảo toàn khả năng thực thi của mạng lưới an toàn thiết yếu này, tôi chủ trì một cuộc hội thảo tại Hội nghị Nhà Trắng về vấn đề An sinh xã hội vào năm 1998 để tìm hiểu sự phân biệt đối xử bất lợi cho phụ nữ trong cơ cấu của hệ thống.

Phụ nữ và trẻ em cũng phải chịu đựng sự bất công trong hệ thống chăm sóc y tế, vốn là một trong các động cơ ban đầu của tôi khi làm việc về chính sách cải tố. Tôi vận động chính quyền xem xét chấm dứt quy định "buộc về nhà sau khi sinh", mà qua đó các bệnh viện có quyền buộc những bà mẹ mới sinh con về nhà sau 48 tiếng nằm viện. Giờ đây, phụ nữ có thể nằm viện 48 giờ sau khi sinh thường và 96 giờ sau khi sinh mổ.

Xúc động trước cuộc đời của nhà hoạt động xã hội chống AIDS Elizabeth Glaser, tôi cũng bắt đầu tiến hành cải thiện việc xét nghiệm và dán nhãn các thuốc nhi khoa, bao gồm các loại thuốc chữa trị cho những trẻ em bị HIV/AIDS. Tôi gặp Elizabeth lần đầu tại một hội nghị của Đảng Dân chủ vào năm 1992, khi cô ấy nghẹn ngào kể cho tôi nghe về việc cô bị nhiễm HIV do truyền máu khi sinh con gái, Ariel, vào năm 1981. Không hề biết mình đã nhiễm bệnh, Elizabeth lây bệnh cho con gái khi cho cháu bú và sau đó là cho con trai, Jake, trong bào thai. Elizabeth cảm thấy thật đau đớn bởi những loại thuốc có thể dùng được với cô thì lại không dành cho con gái và con trai của mình vì chưa có nghiên cứu nào cho thấy chúng an toàn và hiệu quả đối với trẻ em. Cô và chồng, Paul Glaser, đã tuyệt vọng nhìn con gái mình chết vì AIDS ở tuổi lên b

Elizabeth đã biến nỗi đau riêng của mình thành một sứ mệnh thay mặt cho toàn thể các trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, sáng lập ra tổ chức Pediatric AIDS Foundation để hỗ trợ và khuyến khích những nghiên cứu nhằm mục đích ngăn chặn và chữa trị các trẻ em bị AIDS. Tôi đã làm việc với Elizabeth cho đến khi cô qua đời năm 1994 để yêu cầu giới chuyên môn phải tiến hành thử nghiệm một cách hợp lý các phương thức điều trị dành cho trẻ em, sau đó tôi vẫn tiếp tục mục tiêu này để tưởng nhớ cô ấy. Bé Jake đã được hưởng những tiến bộ trong việc điều trị và hiện vẫn khỏe.

Trong khi không có một số loại thuốc đặc biệt dành cho những trẻ bệnh quá trầm trọng, những loại thuốc khác vẫn được các bác sĩ kê toa thường xuyên mặc dù họ không thật sự hiểu biết đầy đủ về liều lượng và các tác dụng phụ của chúng. Jen Klein, nhân viên cộng sự của tôi, người có công đầu trong những nỗ lực thành công của Nhà Trắng về việc cải tiến quy trình dán nhãn và thử nghiệm, nắm rất rõ về vấn đề này bởi chính con trai của cô, Jacob, đang phải dùng thuốc điều trị chứng suyễn. Năm 1998, Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA.) quy định các công ty dược phẩm phải thử nghiệm những loại thuốc dùng cho trẻ em, thế nhưng có một vài công ty đâm đơn kiện, và một phiên tòa liên bang đã phán quyết rằng FDA không có thẩm quyền yêu cầu tiến hành thử nghiệm. Là một thượng nghị sĩ, tôi đã làm việc để thông qua một đạo luật cho phép FDA quyền hạn cần thiết để thực

hiện những gì mà Elizabeth đã ủng hộ.

Nhờ bài phát biểu của tôi tại Bắc Kinh một năm trước đó, hình ảnh của tôi trên toàn thế giới đã tăng lên và văn phòng của tôi bị tấn công dồn dập với nhưng lời mời thuyết trình và tham dự các hội nghị bàn về những vấn đề có ảnh hưởng đến phụ nữ tại nhiều quốc gia mà chúng tôi đã đến thăm. Trước khi đến c Kinh, trong các chuyến công du nước ngoài, tôi đã đồng hành với Bill đến những nơi thích hợp và tham dự các chương trình nói về hôn nhân gia đình. Vào giữa tháng 11, khi chúng tôi thực hiện các cuộc viếng thăm cấp chính phủ đến Úc, Philippines và Thái Lan, tôi đã sắp xếp để vừa thực hiện được chương trình nghị sự của Bill vừa thực hiện chương trình làm việc của riêng mình. Chúng tôi cũng xếp đặt vài chương trình giải trí thư giãn cần thiết. Trong thời gian ở Úc, chúng tôi đã đến thăm Great Barrier Reef sau khi đã lưu lại Sydney và Canberra. Tại cảng Douglas, Bill công bố sự hỗ trợ của nước Mỹ cho chương trình International Coral Reef Initiative, nhằm ngăn chặn sự xói mòn các rạn san hô trên khắp thế giới, sau đó chúng tôi đón thuyền đến dải đá ngầm ở vùng biển San Hô. Tôi thật sự hồi hộp khi trầm mình xuống làn nước. "Nào, tiến lên đi các bạn!", tôi nói với các nhân viên của mình. "Cuộc sống quá ngắn ngủi để các bạn kịp lo mái tóc mình sẽ bị ướt!".

Việc bơi lội của một Tổng thống cũng không đơn giản chút nào. Những thợ lặn của hải quân và các nhân viên mật vụ đeo chân vịt và mặt nạ bơi vòng quanh chúng tôi trong khi Bill và tôi đang kinh ngạc quan sát một con trai khổng lồ và những làn cá đủ màu lao vun vút qua làn nước màu ngọc lam.

Có những khoảnh khắc tuyệt diệu khác trong chuyến đi đó. Bill chơi golf với Greg Norman huyền thoại, "Con cá mập trắng" nổi tiếng nhất nước Úc. Tôi đã đến thăm Nhà hát kịch Opera nổi tiếng thế giới tại Sydney, tại đây tôi đã nói chuyện với những nữ đại biểu của Úc về việc bầu cử Tổng thống, về vấn đề phụ nữ và gia đình mà tôi và Bill rất xem trọng. Một vài nhà phê bình đã gọi vấn đề này là "phụ nữ hóa chính trị” trong khi tôi gọi nó là "tính nhân văn".

Tại một khu bảo tồn thiên nhiên hoang dã, Bill đã có dịp vuốt ve một con gấu koala có tên là Chelsea. Việc anh ấy có thể đến thật gần con v một điều kỳ diệu - hoặc giả là một lúc sơ sểnh may mắn cho anh ấy của các nhân viên tiền trạm. Vì thực tế các nhân viên tiền trạm của Nhà Trắng đã quá nhiệt tình trong việc bảo vệ Tổng thống trước những nguy cơ bị dị ứng trong thời gian thăm viếng ở nước ngoài. Trong chuyến đến thăm dinh thự của ngài Toàn quyền tại Canberra, khi Bill và tôi đang đứng chiêm ngưỡng bãi cỏ mênh

mông xanh mướt của tòa nhà cùng với chủ nhân của nó là ngài William và quý bà Deane, thì quý bà Deane quay sang Bill: "Chúng tôi xin lỗi về những con kangaroo", bà nói, "Chúng tôi nghĩ rằng họ đã bắt hết chúng.”

Bill tỏ vẻ không hiểu.

"Bà đang nói về điều gì ạ?”, tôi hỏi.

"Ồ, bạn thân mến", bà nói, "Chúng tôi được yêu cầu mang tất cả những con kangaroo ra khỏi khu vực bãi cỏ bởi vì nếu một trong số chúng mà đến gần ngài Tổng thống, nó sẽ gây dị ứng cho ông."

Theo như Bill được biết, anh ấy không dị ứng với loài kangaroo, nhưng một ai đó đã nói như thế, nên yêu cầu bảo vệ Tổng thống đã được đặt lên hàng đầu. Những nhân viên tiền trạm trung thành và tận tụy của chúng tôi đã hết mình giúp đỡ chúng tôi, và tôi thật sự biết ơn những nỗ lực của họ trong việc tiên đoán từng nhu cầu của chúng tôi, nhưng tôi cảm thấy thật khó xử khi mối quan tâm của họ trở thành một đòi hỏi quá đáng đối với tất cả mọi người chung quanh chúng tôi. Tại bữa tiệc tối thết đãi chúng tôi do Tổng thống Francois Mitterand và vợ, bà Danielle, tại điện Elysée ở Paris năm 1994, bà Mitterand đã xin lỗi tôi vì những chiếc bàn trông thật trống trải không có lấy những bông hoa trang trí. "Ý bà là sao ạ?”, tôi hỏi.

"Tôi được báo là ngài Tổng thống dị ứng với hoa

Anh ấy thậm chí còn không dị ứng với việc cắt hoa nữa kia, như anh đã nói với các nhân viên của mình nhiều năm, mà không có kết quả. Thật sự chúng tôi sẽ không làm được điều gì nếu không có những nhân viên tuyệt vời như thế, nhưng thỉnh thoảng chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiều hơn mong đợi!

Cho đến bây giờ thì cứ mỗi lần công du cùng với Tổng thống, tôi lại nhấn mạnh đến những vấn đề có liên quan đến phụ nữ, y tế, giáo dục, nhân quyền, môi trường và những nỗ lực ở cơ sở, thí dụ như là những dự án tín dụng như để khởi động các nền kinh tế. Tôi thường tách khỏi phái đoàn của Bill để gặp những người phụ nữ tại nhà hoặc xưởng làm của họ, đi tham quan các bệnh viện mà nơi đó những phương thức sáng tạo được áp dụng nhằm mở rộng việc chăm sóc sức khỏe cho trẻ em và gia đình, thăm viếng các trường học, đặc biệt là những trường dành cho các em nữ sinh. Tại những nơi này, tôi tìm hiểu về nền văn hóa địa phương và nhấn mạnh quan điểm rằng sự phồn thịnh của một quốc gia liên quan đến nền tảng giáo dục và đời sống tốt đẹp cho những bé gái và phụ nữ.

Trong chuyến viếng thăm đầu tiên đến Philippines năm 1994, Bill và tôi đã đi khắp Corregidor, căn cứ Mỹ đã bị Nhật chiếm đóng trong cuộc Thế chiến thứ hai. Tại đây, Đại tướng Douglas MacArthur bị buộc phải từ bỏ các quần đảo, dù vậy ông đã hứa hẹn "Tôi sẽ quay trở lại". Những người lính Philippines đã chiến đấu dũng cảm bên cạnh người Mỹ, dọn đường cho sự trở lại của MacArthur vào năm 1944. Người dân Philippines đã trải qua nhiều thay đổi to lớn về chính trị trong nhiều thập kỷ kể từ cuộc Thế chiến thứ hai và vẫn đang trong giai đoạn hồi phục sau ảnh hưởng của hai mươi năm cai trị độc đoán của Ferdinand Marcos. Corazon Aquino - người có chồng bị ám sát vì đã chống đối lại Marcos - đã mở đường khôi phục lại nền dân chủ cho đất nước mình. "Cory" Aquino tranh cử với Marcos vào năm 1986. Marco được tuyên bố là người thắng cuộc, nhưng chiến thắng của ông là nhờ vào thủ đoạn gian lận và biện pháp dọa dẫm. Dân chúng đã phản đối và trục xuất Marcos khỏi cương vị của mình và Aquino đã trở thành Tổng thống, thêm một người phụ nữ nữa đã dấn thân vào con đường chính trị xuất phát từ nỗi mất mát bản thân.

Sau đó Tổng thống Aquino được kế vị bởi Fidel Ramos, một cựu tướng quân được đào tạo tại Học viện quân sự West Point. Ông là người vui tính và hài hước ngay cả khi đang gặp trở ngại trong công việc. Ông cùng vợ, bà Amelita, đã tiếp đãi chúng tôi trong các chuyến đi đến Manila. Tại tiệc chiêu đãi quan khách chính phủ vào năm 1994, ông ấy nhất mực yêu cầu Bill phải chơi kèn saxophone. Trong khi Bill còn ngần ngại, ông đã bố trí một ban nhạc mời Bill lên chơi, với sự đệm đàn piano của bà Ramos. Bà cũng tỏ ra thật vui sướng khi chỉ cho tôi xem một trong số các tủ áo tại dinh Tổng thống cũ chứa đầy những đôi giày của bà Imelda Marcos.

Sau khi nói chuyện tại một cuộc hội nghị có hàng ngàn phụ nữ tham dự đến từ khắp Philippines, tôi rời Manila đến vùng trung du phía bắc Thái Lan và gặp Bill tại Bangkok để tham dự chuyến tham quan chính thức đất nước này. Chúng tôi được Vua Bhumibol Adulyadej và Hoàng hậu Sirikit tiếp đón, dịp này cũng trùng khớp với lễ kỷ niệm 50 năm ngày nhà vua đăng quang.

Bay đến thành phố Chiang Rai, gần biên giới Lào và Miến Điện, tôi có dịp thưởng thức quang cảnh đẹp ngoạn mục của những đồng lúa xanh và những dòng sông uốn lượn bao quanh. Tôi được đón tiếp ngay trên đường băng bởi các nhạc sĩ đánh trống, xập xõa và chơi đàn sah, một nhạc cụ có dây vang lên một thứ âm thanh buồn buồn, lanh lảnh. Những cô gái trong trang phục dân tộc vùng núi vừa nhảy múa vừa giữ thăng bằngài tình những bông hoa và nến buộc trên cổ tay. Tôi đến đúng dịp lễ hội Loy Krathong, đường phố

đầy người trẩy hội đang trên đường đến sông Mae Ping để thả xuống nước những bè hoa và nến. Nghi thức cổ truyền này, theo như tôi được kể lại, tượng trưng cho sự chấm dứt những rắc rối trong năm qua và chứa đầy hy vọng cho năm tới.

Niềm hy vọng dạt dào trong nghi lễ này tương phản đến khắc nghiệt với cuộc đời thảm khốc của những cô gái trẻ mà tôi đến thăm sau đó tại trung tâm phục hồi nhân phẩm dành cho các cô gái điếm. Vùng phía bắc Thái Lan này là một phần của "Tam Giác Vàng", tâm điểm buôn bán của đủ mọi thứ : ma túy, hàng lậu và phụ nữ. Tôi được biết là 10% hoặc hơn thế nữa những cô gái trong khu vực này bị ép buộc hành nghề mại dâm. Nhiều người bị bán vào các nhà chứa trước tuổi dậy thì, vì khách mua dâm ưa chuộng những cô gái trẻ, vì tin tưởng một cách sai lầm là những cô gái như thế sẽ không nhiễm bệnh AIDS, một căn bệnh nghề nghiệp của giới bán dâm. Tại Trung tâm New Life ở Chiang Mai, các nhà truyền giáo Mỹ dành cho những người trước đây đã từng là gái điếm một chỗ trú ẩn an toàn và một cơ hội học nghề để tự nuôi sống bản thân. Tôi gặp một cô bé tại trung tâm, người đã bị ông bố nghiện thuốc phiện đem bán khi lên tám. Sau một vài năm, cô bé này bỏ trốn và trở về nhà - chỉ để bị đem bán trở lại vào nhà chứa. Giờ đây mới 12 tuổi, cô bé đang chết dần vì AIDS tại trung tâm. Da em bọc xương, và tôi bất lực nhìn cô bé khi em đang cố hết sức chắp hai bàn tay nhỏ xíu của mình lại theo kiểu chào truyền thống của Thái Lan khi tôi tiến đến bên em. Tôi quỳ xuống bên chiếc ghế của cô bé, cố nói chuyện với em thông qua một người phiên dịch. Cô bé không còn đủ sức để nói. Tất cả những gì tôi có thể làm là nắm lấy tay em. Cô bé đã chết không lâu sau cuộc viếng thăm của tôi.

Trong một chuyến đến thăm ngôi làng đNương, tôi đã chứng kiến một bằng chứng đáng buồn của kiểu làm kinh tế tự cấp tự túc điều đã dẫn đến cái chết của cô gái trẻ kể trên. Những người hướng dẫn cửa tôi giải thích rằng những nhà có chiếc ăng-ten tivi trên mái là những nhà khá giả hơn - và hầu hết điều đó có nghĩa là họ đã bán một đứa con gái cho nhà chứa. Các gia đình sống trong những túp lều tranh vách đất không có tivi là những nhà đã từ chối hoặc không có con gái để bán. Chuyến đi đã củng cố thêm quyết tâm của tôi làm sao tạo được chiếc cầu nối giữa chính trị toàn cầu với đời sống ở địa phương. Trong buổi gặp gỡ với các đại diện chính quyền Thái Lan và các nhóm phụ nữ, tôi đã bàn về kế hoạch của nhà nước làm sao để dẹp bỏ việc buôn bán phụ nữ, đặc biệt là những cô gái trẻ, vào các đường dây mại dâm ở Bangkok bằng cách tăng cường việc thực thi các điều luật chống mại dâm và những bản án tù nghiêm khắc cho các chủ nhà chứa, khách mua dâm và những gia đình đã bán con cho những đường dây mại dâm. Buôn bán phụ nữ là một sự xâm phạm quyền con người, biến các cô gái và phụ nữ thành nô lệ

và làm biến dạng, mất ổn định nền kinh tế của toàn khu vực, giống như việc buôn lậu ma túy đã gây ra. Thái Lan không phải là trường hợp duy nhất. Trong suốt chuyến đi của mình, tôi bắt đầu hiểu việc buôn bán thân xác con người đã trải rộng đến mức nào - đặc biệt là đối với phụ nữ. Ngày nay, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ ước tính có khoảng 4 triệu người, thường sống trong cảnh nghèo đói, bị buôn bán mỗi năm. Tôi bắt đầu lên tiếng về sự xâm phạm nhân quyền ghê gớm này và thúc giục chính phủ Mỹ đảm nhận vai trò lãnh đạo toàn cầu trong việc chiến đấu chống lại nó. Tại Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ, trong buổi họp mặt OSCE (Organization for Security and Cooperation in Europe - Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu) năm 1999, tôi tham gia Ủy ban thúc đẩy hành động khẩn cấp toàn cầu. Tôi làm việc với Bộ Ngoại giao và những thành viên Quốc hội vốn cũng quan tâm đến vấn đề này. Đạo luật Bảo vệ Những Nạn nhân của Nạn buôn người được thông qua và năm 2000, giờ đây đã là bộ luật căn bản giúp đỡ những phụ nữ đã bị bán vào Mỹ và hỗ trợ chính quyền và các tổ chức phi chính phủ trong cuộc chiến chống việc buôn người ra nước ngoài.

Chúng tôi trở về Washington vừa kịp dịp lễ Tạ ơn và cùng đến dự một buổi họp mặt gia đình tại khu Trại David. Thành phần khách mới gồm có Harry và Linda, anh trai của Harry, Danny Thomason, người đã biết Bill từ năm 1968 khi ông dạy học tại Hot Springs. Tuyệt vời hơn cả, chúng tôi có thêm hai cháu trai mới, cháu Zachary - con trai của Tony và cháu Tyler - con trai của Roger. Cánh đàn ông chơi golf với nhau mặc cho thời tiết giá lạnh, họ thi đấu với nhau để giành cái mà họ gọi là Cúp Trại David. Chúng tôi dùng bữa và nghỉ ngơi tại Laurel, nơi tôi được bố trí một chiếc tivi màn hình rộng, nhờ thế mà các pha hay trong mọi trận bóng đều có thể nhìn rõ từ mọi góc phòng. Vào bữa cơm tối, chúng tôi hội ý để chọn chương trình phim sẽ xem buổi tối tại nhà hát của khu trại, và nếu có ai phản đối mạnh mẽ thì chúng tôi xem cả hai chương trình cùng một lúc.

Những thành viên của Đảng Cộng hòa mất 9 ghế ở Hạ viện và 2 ghế ở Thượng viện, nhưng họ vẫn kiểm soát cả hai viện của Quốc hội và họ bổ nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo cho những lý thuyết gia hơn là những người theo chủ nghĩa thực dụng hay trung dung. Vị chủ tịch mới của Ủy ban Giám sát và Cải tổ Chính phủ trong Hạ viện, dân biểu Dan Burton của bang Indiana, là một nhà lý luận về thuyết đồng phạm hàng đầu của Quốc hội. Ông ta đã được một chút tiếng tăm từ việc bắn vào một quả dưa hấu bằng khẩu súng lục nòng 38 sau vườn sau nhà mình để cố chứng minh rằng Vince Foster bị ám sát.

Một vài nhân vật chủ chốt của Đảng Cộng hòa, bao gồm người lãnh đạo phe

đa số trong Thượng viện, Thượng nghị sĩ Trent Lott, đã thề rằng "trách nhiệm" của họ là phải tiếp tục điều tra Chính quyền Clinton. Nhưng vụ Whitewater dường như đã mất động lựượng nghị sĩ D'Amato đã hoãn các phiên chất vấn của mình vào tháng Sáu. Mặc cho vụ chất vấn kéo dài, Kenneth Starr vẫn không moi được bất kỳ mẩu tin chỉ trích nào từ Webb Hubbell, người đang phải ngồi tù 18 tháng trong nhà giam liên bang vì đã gian lận đối với các khách hàng và cộng sự.

Khi lễ nhậm chức nhiệm kỳ hai của Bill đến gần, có một số thay đổi trong thành phần nội các và nhân sự ở Nhà Trắng. Leon Panetta, Chánh vàn phòng của Bill, quyết định quay trở về cuộc sống riêng tư của mình ở California. Erskine Bowles, một doanh nhân ở Bắc Carolina và là người bạn tin cẩn lúc đó làm phó của Leon, sẽ thay thế Leon. Vợ của Erskine là Crandall, một doanh nhân thành đạt và hiểu biết đã từng học chung lớp với tôi ở trường Wellesley. Harold Ickes, người bạn lâu năm đã cùng khởi sự với Bill vào năm 1991 và làm nên một kỳ tích trong việc sắp xếp tổ chức thành phố New York suốt cuộc vận động năm 1992, trở về với công ty luật và tư vấn kinh doanh của ông ấy. Evelyn Lieberman chuyển sang làm lãnh đạo đài Tiếng nói Hoa Kỳ (Voice ofAmerica). George Stephanopoulos thôi việc để giảng dạy và viết hồi ký.

Tôi cũng mất người chánh văn phòng của mình. Maggie muốn trở về với cuộc sống bình thường. Cô ấy chưa bao giờ có ý định sẽ làm lâu hơn một nhiệm kỳ, và tôi hiểu quyết định của cô. Maggie và chồng cô, Bill Barrett, chuyển đến Paris. Tôi thật sự mừng cho cô: Maggie đã tránh khỏi những điều tệ nhất của các vòng xoáy điều tra. Dĩ nhiên, cô ấy không phải là người duy nhất bị cuốn theo cơn lốc, nhưng tôi gặp cô ấy hàng ngày và hiểu rõ thiệt hại mà những năm qua đã gây ra cho cô.

Melanne Verveer trở thành chánh văn phòng mới của tôi. Cô đã bên cạnh tôi gần như suốt các chuyến đi ra nước ngoài và đóng vai trò kích hoạt từ hậu trường cho những hoạt động toàn cầu mà chúng tôi đấu tranh nhằm giúp đào tạo và trang bị cho phụ nữ những vị trí lãnh đạo trong xã hội. Là một người đồng hành tuyệt vời, một sự am hiểu thấu đáo về các vấn đề lập pháp cũng như nhiều mối quan hệ bạn bè trong Quốc hội.

Một vài vị trí nội các được mở ra sau cuộc bầu cử, trong đó có vị trí Ngoại trưởng. Kể từ khi Warren Christopher tuyên bố sẽ nghỉ hưu vào đầu tháng 11, Washington đã mòn mỏi với trò tiên đoán xem ai sẽ là người thay thế ông. Có cả một danh sách những người triển vọng, đính kèm với các cử tri của chính họ. Tôi hy vọng Bill sẽ xem xét chỉ định Madeleine Albright là

người phụ nữ đầu tiên đảm nhiệm vai trò Ngoại trưởng. Tôi nghĩ bà ấy đã làm một công việc phi thường tại Liên hiệp quốc và tôi bị ấn tượng bởi những kỹ năng ngoại giao, sự am hiểu về các vấn đề toàn cầu và tính can đảm của bà. Tôi cũng ngưỡng mộ sự thông thạo các ngoại ngữ Pháp, Nga, Czech và Ba Lan của bà, không kể tiếng Anh - bà ấy nói được hơn tôi đến 4 thứ tiếng. Bà đã tán thành sự có mặt sớm của quân đội Mỹ tại Balkan, và dưới nhiều góc độ, cuộc đời bà phản ánh cuộc hành hình của nước Mỹ và châu Âu trong suốt nửa thế kỷ qua. Dường như Madeleine có khả năng đồng cảm từ trong máu thịt với những khao khát tự do của con người muốn được thoát khỏi mọi áp bức và mong mỏi dân chủ.

Một số nhân vật trong ban hoạch định chính sách ngoại giao của Washington đang cố vận động cho người mà họ đề bạt và lập tức một chiến dịch âm thầm chống lại Madeleine được bắt đầu: bà ấy quá ngạo mạn, hay công kích, chưa sẵn sàng, và lãnh đạo của một số quốc gia không thích thương thuyết với một phụ nữ. Sau đó một bài viết xuất hiện trên tờ The Washington Post vào tháng 11 năm 1996, tuyên bố rằng Nhà Trắng xem bà ấy chỉ là một ứng cử viên "hàng hai". Nhằm phá hoại sự bổ nhiệm bà, một trong các đối thủ đã đưa ra thủ đoạn lôi kéo sự chú ý của mọi người vào những phẩm chất của Madeleine. Giờ đây việc bổ nhiệm bà cần phải được xem xét nghiêm chỉnh

Tôi chưa bao giờ nói với Madeleine về việc đề cử bà, và ngay cả những nhân viên thân cận nhất của tôi cũng không biết là tôi đề nghị Bill đưa tên bà ấy vào danh sách cần xem xét. Ngoài chồng mình ra, người duy nhất mà tôi thảo luận về sự bổ nhiệm này là Pamela Harriman, đại sứ tại Pháp. Vài ngày sau khi bài viết đăng trên tờ The Washington Post, Pamela đến thăm tôi tại Nhà Trắng.

Mặc cho 4 năm sống tại Pháp trong vai trò đại sứ nước Mỹ, cô ấy vẫn gắn bó với xã hội Washington và những câu chuyện lớn nhỏ nơi đây. Bây giờ thì cô ấy có vẻ rất thích thú vì tò mò về Madeleine Albright.

"Tôi đã nói với tất cả mọi người", cô ấy nói theo âm điệu phảng phất kiểu Anh, "Bà biết không, một số người thật sự nghĩ rằng Madeleinc sẽ được bổ nhiệm Ngoại trưởng."

"Thật không?"

"Phải, bà nghĩ thế nào?", cô ấy hỏi tôi.

"À, tôi sẽ không ngạc nhiên nếu điều đó xảy ra."

"Bà không ư?"

"Không, tôi nghĩ là bà ấy đã làm việc rất xuất sắc, và thiết nghĩ mọi thứ đều bình đẳng : để một người phụ nữ đảm nhận vị trí ấy cũng tốt thôi."

"À, à, tôi không biết. Tôi không chắc nữa. Cũng còn có rất nhiều người tài năng muốn đạt được vị trí này", Pamela lưu ý.

"Tôi biết là có, nhưng tôi sẽ đứng về phía Madeleine nếu tôi là cô."

Tôi biết đề nghị của tôi chỉ là một trong nhiều lựa chọn mà Bill hướng đến. Và khi anh quyết định thì đó là quyết định của chính anh ấy. Vì thế tôi lắng nghe khi anh nghiền ngẫm vấn đề, thỉnh thoảng chỉ xen vào bằng một vài nhận xét hay câu hỏi. Khi Bill hỏi tôi về Madeleine, tôi nói không ai hơn bà ấy trong việc ủng hộ những chính sách của anh, trình bày và thuyết phục mọi người về những chính sách ấy. Tôi cũng nói thêm rằng việc bổ nhiệm bà sẽ khiến cho phái nữ lấy làm tự hào. Tôi vẫn không chắc Bill sẽ chọn Madeleine cho đến khi anh ấy gọi cho Madeleine vào ngày 5 tháng 12 năm 1996, yêu cầu bà ấy đảm trách chức Ngoại trưởng. Tôi đã rất vui. Sau lời công bố của Tổng thống, Pamela Harriman gởi cho tôi một mẩu tin nói rằng: "Tôi luôn tin chắc là bà và Madeleine sẽ thắng".

Madeleine trở thành người phụ nữ đầu tiên trong lịch sử giữ vị trí này, và ít nhất trong suốt nhiệm kỳ của mình, những quyền lợi và nhu cầu của phụ nữ đã được xem là một phần tất yếu trong chính sách ngoại giao của nước Mỹ. Bà ấy đã nêu rõ điều đó khi chủ trì một buổi lễ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ tại Bộ Ngoại giao năm 1997. Tôi rất vinh dự cùng đứng chung trên khán đài với bà ấy khi cùng thảo luận về tầm quan trọng của nữ quyền đối với sự tiến bộ của thế giới. Tôi đã phản đối mạnh mẽ những luật lệ dã man của Taliban ở Afghanistan. Tôi tin rằng nước Mỹ sẽ không công nhận chính quyền của họ vì sự đàn áp của họ đối với phụ nữ, các doanh nghiệp Mỹ cũng không nên ký kết các hợp đồng xây dựng đường ống dẫn dầu hay thành lập bất kỳ một hãng xưởng buôn bán nào với họ.

Trong lễ nhậm chức nhiệm kỳ hai, tôi được thư giãn nhiều hơn và tham dự vào các chương trình mà không phải lo mình có thể ngủ gật tại chỗ. Đồng thời, mọi thứ cũng bớt phần hứng thú lẫn lo lắng như đã từng trải qua vào năm 1993. Dĩ nhiên, giới của chúng ta giờ đã thay đổi rất nhiều. Tôi có cảm giác mình đang bước vào một chương mới của cuộc đời như thép nung trong lửa: cứng rắn hơn nhưng cũng dẻo dai và bền bỉ hơn. Bill đã trưởng thành trong cương vị Tổng thống của mình, điều này đã mang đến cho anh một

tính cách trang trọng thể hiện ở nét mặt và trong ánh mắt của anh ấy. Bill chỉ mới năm mươi tuổi; thế nhưng mái tóc của anh đã gần như bạc trắng hoàn toàn, và lần đầu tiên trong cuộc đời, anh ấy nhìn lại tuổi tác của chính mình. Thế nhưng, anh vẫn giữ được nụ cười trai trẻ, tài hóm hỉnh sắc bén và một tinh thần lạc quan dễ tác động đến mọi người chung quanh - tất cả mọi thứ đã khiến tôi phải lòng anh ấy hai mươi lăm năm trước. Tôi vẫn tươi tỉnh lên mỗi khi anh bước vào phòng và vẫn cảm thấy mình đang ngưỡng mộ khuôn mặt điển trai của anh. Chúng tôi chia sẻ với nhau niềm tin không đổi vào tầm quan trọng của sự nghiệp phục vụ công chúng, và chúng tôi là những người bạn tốt nhất của nhau. Ngay cả khi cùng chia sẻ những khó khăn, chúng tôi vẫn có thể làm cho nhau mỉm cười. Điều đó, tôi tin chắc, sẽ giúp chúng tôi vượt qua 4 năm tiếp theo ở Nhà Trắng.

Tôi không còn giống hệt người đã mặc chiếc áo dạ tiệc màu xanh violet năm 1993. Mà thực ra, tôi không còn có thể mặc vừa chiếc áo đó sau 4 năm với chế độ ăn uống ở Nhà Trắng. Và tôi đã già đi không chỉ vì nhiều tuổi hơn mà còn vì mái tóc vàng hơn. Giới báo chí vẫn theo sát những thay đổi của tôi về kiểu tóc, nhưng cuối cùng thì họ cũng nhường bước. Tôi đã trở thành bạn của nhà thiết kế Ocar de la Renta và người vợ lộng lẫy của ông, Annette, sau khi chúng tôi gặp nhau lần đầu tại buổi tiệc khánh thành Kennedy Center Honors do Bill và tôi đã chủ trì tại Nhà Trắng vào năm 1993. Hôm đó tôi mặc chiếc áo do ông ấy thiết kế; khi ông cùng Aunette bước qua khu vực đón khách và nhìn thấy chiếc váy, ông cho tôi biết ông rất tự hào và đề nghị được trợ giúp tôi trong vấn đề trang phục. Tôi thích những kiểu thiết kế tao nhã và sang trọng của ông, và đã làm cho tôi một chiếc áo dạ tiệc bằng vải tuyn vàng thêu hoa văn thật tuyệt vời cùng với một chiếc áo choàng không tay đi kèm bằng sa-tanh dùng trong phần hai của buổi dạ vũ ngày lễ nhậm chức. Tôi cũng mặc một trong số các bộ trang phục bằng len màu san hô cùng với một chiếc áo khoác đi kèm trong lễ tuyên thệ. Trong buổi giải lao truyền thống, theo lời khuyên nhiệt tình của Oscar, tôi đã không đội nón. Chỉ có một lời phê bình duy nhất về trang phục mà tôi nhận được ngày hôm đó là về cây trâm tôi đã sử dụng để cài lên áo khoác, vốn hoàn toàn là do ý tôi quyết định. Tôi thích những cây trâm cài áo!

Thế nhưng tôi lại có một phê bình cho chính mình. Cô con gái Chelsea sắp 17 tuổi của chúng tôi phủ kín trong một chiếc áo khoác dài ngang gối bước xuống cầu thang và tôi không nhìn thấy trang phục bên trong cho đến khi chúng tôi đều đã sẵn sàng để rời Nhà Trắng. Tôi nhìn thoáng qua chiếc váy ngắn và yêu cầu con gái cho xem bộ đồ mà cháu mặc bên trong. Cháu mở áo khoác và nhiếp ảnh gia Diana Walker, người đang thực hiện nhiệm vụ chụp những khoảnh khắc phía sau hậu trường cho tờ Times đã nhìn thấy nét mặt

của tôi. Đã quá muộn để Chelsea kịp thay đồ - và có thể con bé cũng sẽ không thay nếu tôi có yêu cầu. Khi Chelsea bước ra vỉa hè không áo khoác, mọi người đổ dồn sự chú ý vào nó, thế nhưng Chelsea chỉ mỉm cười vẫy chào và đứng thẳng đầy tự tin. Nhưng con bé đã lúng túng hơn và cả kém hài hước suốt bữa tiệc trưa ngày hôm ấy tại Capitol.

Đảng Cộng hòa điều khiển Quốc hội, vì thế họ quyết định sắp xếp chỗ ngồi trong buổi tiệc trưa truyền thống của Quốc hội. Có thể đó là ý kiến của một ai đó muốn trêu chọc khi sắp tôi ngồi cạnh Newt Gingrich và đặt Chelsea ngồi giữa người phụ trách tổ chức của Đảng Cộng hòa - Tom DeLay - và vị Thượng nghị sĩ già lão hay pha trò đến từ Nam Carolina, Strom Thurmond. DeLay, người thường nói tất cả những điều kinh khủng về của Chelsea, đã tỏ ra rất nhã nhặn và Chelsea cũng đáp trả tương tự. Ông ta nói về việc con gái của mình đã làm việc trong văn phòng của mình ra sao và tầm quan trọng của việc gia đình tham gia vào đời sống xã hội. Và ông đề nghị đưa Chelsea đi một vòng quanh Capitol.

Strom Thurmond cũng nói chuyện xã giao. "Cháu có biết vì sao ta sống lâu như thế này không?”, ông hỏi Chelsea. Thurmond đã 95 tuổi. Ông là người phục vụ trong quân ngũ cao tuổi nhất đã từng nhảy dù vào phía sau chiến tuyến Normandy ngay trước Ngày D (Ngày quân Anh-Mỹ đổ bộ lên miền Bắc nước Pháp 6/6/1944 - ND) và đã cưới hai cựu hoàng hậu xinh đẹp. Bốn người con của Nghị sĩ cũng đã ở lứa tuổi sáu mươi và bảy mươi. "Hãy tập hít đất! Hít đất một tay thôi", ông khuyên Chelsea. "Và đừng bao giờ ăn món gì to hơn một quả trứng. Ông ăn sáu bữa một ngày, mỗi bữa chỉ to bằng một quả trứng!"

Chelsea gật đầu lịch sự và dùng món rau trộn của mình. Một món ăn khác được dọn đến.

"Ta nghĩ cháu thật xinh đẹp, giống như là mẹ cháu vậy", Thượng nghị sĩ nói với vẻ lịch thiệp của giọng điệu miền Nam ngọt ngào.

Tới giữa bữa ăn, ông ngẫu hứng làm thơ "Cháu thật là xinh đẹp như mẹ mình. Bà ấy thật xinh đẹp và cháu cũng thế. Phải, cháu cũng thế. Cháu thật xinh đẹp không khác chi mẹ của mình".

Đến khi món trang miệng được dọn ra, Thurmond nói "Ta tin rằng cháu xinh đẹp hơn cả mẹ của mình. Phải, đúng vậy và nếu như ta trẻ lại 70 tuổi, ta sẽ tán tỉnh cháu!".

Những câu chuyện bên bàn ăn của tôi lại không được phong phú như của Chelsea. Newt Gingrich dường như tỏ ra nín lặng. Tôi đã nhẫn nại suốt bữa ăn với ông ta, nói về những vấn đề vô thưởng vô phạt theo kiểu Mẹ ông thế nào? Khỏe, cảm ơn. C mẹ của bà ? Đó là khoảng thời gian không được tốt đẹp cho Gingrich.

Mặc dù đã chiến thắng trong cuộc tái cử chức Chủ tịch Hạ viện, ông ta đã đánh mất sự yêu mến của dân chúng trong cả nước và sự hậu thuẫn trong Hạ viện. Gần đây ông cũng bị Ủy ban Tư cách Hạ viện tra hỏi về những sự sa ngã đạo đức. Bị kết tội sử dụng sai nguyên tắc các tổ chức miễn thuế để tài trợ cho các hoạt động thuyết trình về chính trị và lừa dối Ủy ban về ngân quỹ, Gingrich cho đó là một sai lầm không cố ý và đổ lỗi cho người luật sư của mình. Ủy ban phát hiện ra ông ta đã đệ trình những báo cáo sai lạc và gây nhiều thắc mắc về mười ba sự kiện trong suốt công tác điều tra. Ông ta bị phạt và khiển trách. Tôi e rằng những vấn đề của Gingrich tại Hạ viện có thể cản trở ông ta kéo dài những cuộc điều tra vụ Whitewater. Nhưng thực tế, tôi vẫn không thể xua đi nỗi sợ hãi mà tôi đã cảm thấy từ buổi lễ tuyên thệ trưa hôm ấy.

Ngày hôm đó trời có vẻ hơi lạnh và u ám và bầu không khí trước Rotunda dường như trở nên băng giá hơn. Theo truyền thống Chánh án Tòa án Tối cao điều hành lễ tuyên thệ chính thức đối với mỗi tân Tổng thống, nhưng cả Bill lẫn tôi đều không thích ý nghĩ phải chia sẻ một khoảnh khắc quan trọng như thế với William Rehnquist, người đã xem thường chúng tôi và các quan điểm chính trị của chúng tôi. Khởi đầu sự nghiệp khi còn là một viên thư ký cho chánh án Robert Jackson, Rehnquist đã viết một thư nội bộ ủng hộ mạnh mẽ phán quyết phản biệt sắc tộc năm 1896, một vụ tố tụng gọi là Plessy v. Ferguson, vốn đã làm sáng tỏ chủ nghĩa "phân biệt nhưng bình đẳng". Ông ta tán thành một điều luật của bang Texas cho phép những cuộc bầu cử thượng cấp chỉ dành cho người da trắng. "Đã đến lúc Tòa án phải đối diện với một thực tế là những người da trắng ở miền Nam không thích người da màu", ông ta đã viết như thế vào năm 1952. Và vào năm 1964, t những lời khai đã được tuyên thệ, Rehnquist ra sức thử thách năng lực của những cử tri da đen tại các cuộc bầu cử bang Arizona. Vào năm 1970, trong vai trò trợ lý Bộ trưởng Tư pháp của Richard Nixon, ông ta đã đề nghị một điều khoản bổ sung hiến pháp nhằm hạn chế và cản trở việc thực thi điều luật mang tính bước ngoặt Brown v. Board of Education - một điều luật nhằm xóa bỏ sự phân biệt chủng tộc trong trường học vào năm 1954. Kể từ khi được trở thành thành viên của Tòa án do Nixon đề cử vào năm 1971, ông ta nhất định quay ngược tiến trình phát triển của Tòa án trở lại vấn đề sắc tộc rồi đến phạm vi trên toàn đất nước. Ông ta là người duy nhất bỏ phiếu, thí dụ, ủng

hộ tình trạng miễn thuế liên bang cho Trường Đại học Bob Jones, vốn ngăn cấm những quan hệ khác màu da và có một chính sách trục xuất dựa trên cơ sở đó. Ông ta không cần che giấu các mối quan hệ với những người cực kỳ bảo thủ vốn luôn tìm cách làm suy giảm quyền hạn Tổng thống của Bill kể từ lễ nhậm chức đầu tiên. Điều này càng trở nên rõ ràng hơn trước mắt công luận qua trường hợp tranh cử có nhiều tranh chấp giữa Bush và Gore sau này - vị trí Chánh án Tòa án Tối cao vẫn không ngăn cản được nhiệt tình bè phái và ý thức hệ của ông.

Tôi đề nghị Bill nên mời một trong hai người mà anh ấy bổ nhiệm, quan tòa Ruth Bader Ginsburg hoặc quan tòa Stephen Breyer, tiến hành nghi lễ tuyên thệ. Thế nhưng yếu tố truyền thống đã được anh đặt lên hàng đầu. Bài phát biểu nhậm chức của anh ấy, sau hết, cũng đã nói đến đề tài hòa giải và hàn gắn và đặc biệt là nói đến "sự chia cắt chủng tộc" như một "vấn đề đáng lên án muôn thuở của nước Mỹ". Bill đã kêu gọi "người dân Mỹ "hãy hun đúc nên những mối dây ràng buộc giúp mọi người gắn bó với nhau".

Khi đã đến lúc, Chelsea và tôi cùng nâng giữ quyển Kinh Thánh mà Bill đặt bàn tay trái của anh lên đó, trong khi giơ cao bàn tay phải để tuyên thệ. Khi Rehnquist chấm dứt nghi thức, Bill nhoàngười đến và bắt tay vị Chánh án Tòa án Tối cao.

"Chúc may mắn", Rehnquist nói mà không một nụ cười. Có một điều gì đó trong giọng nói của ông ta khiến tôi nghĩ chúng tôi sẽ cần đến sự may mắn ấy.

ĐẾN VỚI CHÂU PHI

Lần thứ hai chồng tôi chơi golf cùng với Greg Norman, anh ấy phải đi nạng suốt hai tháng. Chẳng phải Bill bị trượt ngã xuống một hố cát, hay vì bị trúng cú đánh quá mạnh mà chỉ vì anh ấy vấp chân tại một bậc thang tối trước nhà của Norman tại Florida và ngã về phía sau, làm rách gần 90% cơ bốn đầu. Tai nạn xảy ra lúc hơn một giờ sáng ngày thứ Sáu, 14 tháng 3 năm 1997 và Bill gọi điện cho tôi biết trên đường đến bệnh viện. Anh bị đau dữ dội, nhưng vẫn cố, như anh nói "đi ba chân bốn cẳng". Tôi cảm thấy bớt căng thẳng khi thấy anh ấy vẫn còn khôi hài được, nhưng tôi lại lo một chuyện khác. Mối quan tâm duy nhất của Bill là làm sao để quay trở lại Nhà Trắng và sau đó bay đến Helsinki, Phần Lan, để tham dự một cuộc họp đã hẹn trước từ lâu với Boris Yeltsin vào ngày thứ Tư tuần sau đó - mặc cho bác sĩ có nói gì đi nữa. Tôi gọi điện cho giáo sư Connie Mariano, giám đốc Trung tâm Y tế của Nhà Trắng viều trị của Tổng thống để hỏi ý kiến. Cô ấy bảo tôi rằng Bill cần phải được tiến hành phẫu thuật, tuy nhiên anh ấy vẫn có thể bay trở về Florida an toàn và tiến hành phẫu thuật tại Washington.

Tôi đón chiếc Air Force One tại sân bay quân sự Andrews vào sáng thứ Sáu. Tôi đứng trên đường băng theo dõi một đám đông các nhân viên Sở Mật vụ khiêng anh ấy ra khỏi khoang máy bay, một người mà bình thường không gì có thể làm suy yếu được, vậy mà giờ đây lại bị như thế. Họ đặt anh ngồi trên một chiếc xe lăn, rồi dùng một thang thủy lực để hạ anh ấy xuống đất. Tôi đi cùng Bill trong một chiếc xe cứu thương đến Bệnh viện Bethesda Naval, nơi các bác sĩ phẫu thuật sẽ tiến hành mổ chân cho anh ấy. Bill vẫn vui vẻ mặc cho cơn đau hành hạ và chỉ nghĩ đến việc đi Helsinki. Tôi bảo anh hãy đợi cho đến khi biết cuộc phẫu thuật diễn ra như thế nào, nhưng Bill đã quả quyết rằng mọi chuyện sẽ tốt đẹp cả. Bill thường nhắc tôi nhớ đến hình ảnh một chú bé hăng say đào bới trong một nhà chứa thóc đầy phân ngựa. Khi có ai hỏi vì sao lại làm thế, cậu bé bảo: "Với nhiều phân ngựa thế này, hẳn phải có một con ngựa đâu đó".

Anh ấy từ chối gây mê tổng quát hoặc dùng bất kỳ một loại thuốc an thần giảm đau nào bởi vì, là một Tổng thống, anh cần phải tỉnh táo và phải liên lạc được 24/24 giờ mỗi ngày. Điều này quả là một rắc rối. Cuộc phẫu thuật nối lại dây chằng từ cơ bốn đầu đến xương bánh chè của anh ấy rất đau và không dễ dàng chút nào. Nếu tiến hành gây mê tổng quát, Bill cần phải tạm trao quyền Tổng thống của mình, theo điều luật bổ sung thứ 25 của Hiến pháp, cho Phó Tổng thống lúc bấy giờ đang túc trực bên anh ấy. Điều này đã không hề xảy ra kể từ năm 1985, khi Tổng thống Reagan trải qua một cuộc

phẫu thuật ung thư ruột kết. Bill nhất quyết không dùng đến biện pháp nhượng quyền. Cuộc họp mặt sắp đến với Yeltsin có liên quan đến vấn đề mở rộng khối NATO, mà người Nga kịch liệt phản đối. Bill không muốn thấy những bài báo nói bóng gió đến tình trạng yếu đuối hoặc dễ bị tổn thương của anh. Anh ấy chọn hình thức gây tê bộ phận và trò chuyện với các bác sĩ về bản nhạc Lyle Lovetr đang được trỗi trong phòng mổ khi bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình và ê-kíp khoan các lỗ vào trong xương bánh chè, kéo phần cơ bốn đầu bị rách qua, và sau đó khâu đoạn cuối trở vào phần cơ bị tổn thương.

Trong suốt thời gian giải phẫu, tôi hồi hộp chờ đợi trong một căn phòng đặc biệt dành cho Tổng thống và gia đình, Chelsea cũng đến đợi với mẹ sau giờ học. Gia đình chúng tôi đã được Chúa ban cho sức khỏe tốt. Lần duy nhất mà tôi phải vào bệnh viện là khi sinh con. Không tính đến giai đoạn chữa viêm xoang ngoại trú của Bill vào những năm đầu thập niên 80 và lần Chelsea cắt amiđan vài năm sau đó, không ai trong chúng tôi phải trải qua phẫu thuật. Tôi không hề coi đó là những may mắn hiển nhiên, vì tôi biết rằng "tất cả là nhờ có Chúa Trời".

Cuối cùng, sau ba giờ phẫu thuật, Bill được chuyển sang căn phòng mà chúng tôi đang đợi vào lúc 4 giờ 43 phút chiều. Anh ấy trông xanh xao và kiệt sức, nhưng tâm trạng vẫn tươi vui vì giáo sư Mariano và bác sĩ phẫu thuật cho chúng tôi biết ca phẫu thuật đã thành công và Bill có triển vọng hồi phục rất tốt. Chelsea và tôi lúc đó đang xem một bộ phim của Cary Grant và câu nói đầu tiên của Bill là "Kết quả giải bóng rổ ra sao rồi ?". Chúng tôi nhanh chóng đổi kênh để xem chương trình March Madness.

Ngoài đội bóng rổ Razorbacks, tất cả những gì còn lại mà Bill muốn trò chuyện là chuyến đi Phần Lan. Giáo sư Mariano và các bác sĩ phẫu thuật giải thích những rủi ro trong việc ngồi máy bay đi xa và yêu cầu tôi khuyên anh đừng đi. Tôi nói sẽ cố gắng vì một lý do duy nhất là điều đó cần cho sức khỏe của anh ấy, nhưng tôi không chắc là mình có thể thuyết phục được. Tôi gọi cho Sandy Berger, Cố vấn An ninh Quốc gia của Bill, người cùng vợ là Susan đã làmchúng tôi từ những năm 70. Sandy am hiểu các vấn đề và có khả năng phân tích các dữ kiện một cách tài tình trước khi đệ trình các phương án để Tổng thống xem xét. Ông ấy đã ủng hộ các chuyến công tác ở nước ngoài của tôi và tin rằng vấn đề phát triển và nhân quyền là những vấn đề cấp bách đối với bất kỳ chương trình nghị sự về chính sách ngoại giao nào. Sandy giải thích tầm quan trọng của chuyến đi đến Helsinki và lý do vì sao ông hy vọng Bill có thể đi được, nhưng ông cũng biết rằng nếu những người chăm sóc sức khỏe cho Bill khẳng định anh ấy không nên ngồi máy

bay thì tốt nhất là không đi. Tôi chuyển lời của Sandy cho Bill: Sandy rất tiếc phải công nhận ý kiến của các bác sĩ.

"Anh thì không," Bill nói, "anh sẽ đi".

Tôi gọi cho giáo sư Mariano từ bên giường của Bill.

"Cô xem này, anh ấy đòi đi", tôi nói với cô ấy. "Cho nên chúng ta cần phải tính xem chúng ta sẽ đưa anh ấy đến đó và trở về an toàn như thế nào."

"Nhưng ông ấy không thể ngồi trên máy bay lâu như vậy được”, cô ấy phản đối, "Máu có thể sẽ bị nghẽn cục.”

Tôi nhìn người chồng dễ nổi giận của mình, và nghĩ anh ấy có thể bị máu nghẽn cục nếu họ không để cho anh ấy đi.

"Họ nói sao vậy?”, Bill gặng hỏi.

"Yeltsin không thể đến đây sao?", tôi hỏi anh.

"Không! Anh phải đi."

“Anh ấy sẽ đi Helsinki", tôi bảo với giáo sư Mariano. "Hãy đảm bảo để anh ấy không bị máẽn cục.”

"Chúng tôi sẽ phải ủ ông ấy trong nước đá khô."

"Tốt, vậy thì hãy làm như vậy."

Giáo sư Mariano cuối cùng đã dịu lại và bắt đầu thu xếp một đội ngũ cùng đi đến Phần Lan.

Chặp sau, Chelsea và tôi tạm biệt Bill để con bé thu xếp tham dự một buổi khiêu vũ Opera Viennese do đại sứ quán Áo tài trợ. Chelsea đã học nhảy điệu waltz, và Bill nhất định bảo con nên đi. Vào ngày thứ Bảy, tôi trở lại bệnh viện sau khi đi một vòng quanh khu vực mình ở, tìm hiểu về tất cả những khó khăn mà một người ngồi xe lăn hoặc đi nạng phải đối diện. Với sự giúp đỡ của một chuyên gia vật lý trị liệu hải quân, tôi lập một danh sách các việc cần làm trước khi Bill về nhà: các tấm thảm và dây phải được cuốn lại, lắp đặt một thanh vịn trong phòng tắm, các đồ đạc phải di dời. Công việc này giúp tôi hiểu rõ hơn về cuộc sống thường nhật của những người phải ngồi trên xe lăn. Kể cả vị Tổng thống tiền bối, Franklin Delano Roosevelt

cũng đã từng phải trải qua kinh nghiệm đó.

Chủ nhật, Bill về đến Nhà Trắng bằng một chiếc xe dùng để chở xe lăn, đôi chân xoải dài trước mặt. Anh vào ngay giường mình, nhưng thay vì thiếp đi, anh ấy lại uống một viên tăng lực Tylenol và xem phần còn lại của vòng chung kết cuộc thi đấu bóng rổ trên tivi.

Tôi đã lên kế hoạch cùng đi châu Phi với Chelsea từ hôm thứ Bảy. Tôi nghĩ mình nên hoãn chuyến đi và nên cùng Bill đến Helsinki, hoặc ít nhất là hoãn chuyến đi của chúng tôi cho đến khi anh ấy đi Helsinki vào thứ Ba tuần sau. Nhưng anh không đồng ý. Bill lý giải là nếu chúng tôi hoãn chuyến đi châu Phi, người ta có thể nghĩ là cuộc phẫu thuật không tốt. C tôi cũng thu xếp được với nhau: Bill vẫn đi Helsinki như dự kiến, còn tôi và Chelsea sẽ đi châu Phi vào ngày Chủ nhật, muộn hơn một ngày.

Ngoài các phóng viên và nhiếp ảnh gia thường đồng hành với tôi, tạp chí Vogue gởi thêm nhiếp ảnh gia nổi tiếng Annie Leibovitz để ghi lại nhật ký ảnh cho suốt chuyến đi. Mặc dù được nhiều người biết đến vì các bức ảnh chụp những người nổi tiếng, cô ấy đã say mê từng nét đẹp và vẻ kỳ diệu của người dân châu Phi và các khung cảnh nơi họ sinh sống. Tôi đã nhận lời viết các bài báo đi kèm với các bức hình của Leibovitz, qua đó tôi muốn làm nổi bật những nỗ lực bản thân của người dân nơi đây cùng với sự ủng hộ của các tổ chức từ thiện cá nhân và chính sách hỗ trợ nước ngoài của Mỹ, cũng như trình bày thẳng thắn về các quyền phụ nữ, ủng hộ nền dân chủ và khuyến khích người Mỹ tìm hiểu thêm về châu Phi. Quả thật mục đích cuối cùng này thật sự cần thiết vì đã có một nhà báo hỏi tôi trước chuyến đi: "Thủ đô của châu Phi là gì?". Có Chelsea đi cùng, lúc nào cũng thế, luôn là một điều vui sướng cho tôi, và sự có mặt của cháu có một ý nghĩa nhất định tại những nơi mà các nhu cầu và năng lực của tuổi trẻ bị xem thường. Tổng thống nước Mỹ có một cô con gái mà ông yêu quý và cô xứng đáng được hưởng một nền giáo dục lẫn chăm sóc y tế để có thể phát huy hết tiềm năng nội lực mà Chúa Trời đã ban cho.

Trước tiên Chelsea và tôi dừng lại ở Senegal, quê quán của hàng triệu người Mỹ đã bị bán làm nô lệ qua đảo Goree ngoài khơi bờ biển Dakar, thủ đô của Senegal. Tại một pháo đài nhỏ, nơi các nô lệ bị giam giữ, những chiếc cùm chân bằng sắt và những sợi dây xích vẫn còn lủng lẳng trên các bức tường bằng đất của các phòng giam; sự khắc nghiệt gợi đến bản năng tàn ác của con người. Đây là nơi những con người vô tội, bị tách ra khỏi nhà cửa cùng gia đình và bị biến thành nô lệ, bị lùa qua cánh cửa No Return phía sau của đài, dẫn xuống bãi biển và lên những chiếc xuồng chèo ra những chiếc tàu

chở nô lệ ngoài khơi. Tôi nhắm mắt lại và hít thở trong một bầu không khí ẩm ướt, tưởng tượng đến nỗi tuyệt vọng cuồng dại của mình nếu con gái tôi bị bắt cóc và bán làm nô lệ.

Sau đó, tôi đã tìm hiểu về những nỗ lực để chấm dứt một tập tục mà tôi xem là một hình thức của sự nô dịch là tập tục cắt âm vật của phụ nữ. Tại làng Saam Njaay, cách Dakar một giờ rưỡi, một cuộc cách mạng trong đời sống và sức khỏe của phụ nữ đang được nến hành. Molly Melching, một cựu tình nguyện viên của Tổ chức Hòa bình, đã ở lại Senegal để cùng với mọi người sáng lập ra Tostan, một tổ chức phi chính phủ tiên phong lập các dự án giáo dục và kinh doanh nhỏ dựa theo quy mô của làng xã. Và kết quả là, dần dà những người phụ nữ bắt đầu nói về nỗi đau và các ảnh hưởng sức khỏe - kể cả cái chết - mà họ đã chứng kiến hoặc trải qua do tập tục cổ xưa cắt bỏ âm vật của các bé gái gây ra. Sau khi Tostan tổ chức những buổi thảo luận rộng rãi khắp làng, dân làng đã biểu quyết chấm dứt tập tục này. Khi những người lãnh đạo nam giới của làng đến các ngôi làng khác để giải thích vì sao tập tục không tốt cho các bé gái và phụ nữ, những làng khác cũng đồng tình bãi bỏ nó. Phong trào này ngày càng lớn mạnh và những người đứng đầu của các ngôi làng đã làm đơn thỉnh cầu Tổng thống Abdou Diouf tiến hành ngăn cấm tập tục này trên toàn đất nước. Khi gặp Tổng thống Abdou Diouf, tôi đã tán dương phong trào này của những người dân nơi đây và ủng hộ yêu cầu của họ về việc Senegal phê duyệt điều luật cấm tập tục này. Tôi cũng gởi cho Tostan một bức thư khích lệ và họ đã dùng lá thư này cho chiến dịch của mình. Một đạo luật ngăn cấm tập tục này đã được thông qua trong cùng năm đó, nhưng để đạo luật thực sự có hiệu lực không phải là một điều dễ dàng. Những tập tục đã thấm sâu thường khó mà

Ví dụ về một phong trào quần chúng giúp cải thiện đời sống nhân dân này cho tôi một niềm hy vọng khi đến Nam Phi, một vùng đất tiêu biểu cho sự thay đổi của lục địa. Nelson Mandela là một trong số các nhà lãnh đạo đã tiến hành sự thay đổi. Một người khác là Tổng giám mục Desmond Tutu, tiếng nói lương tâm của phong trào chống nạn phân biệt chủng tộc ở Nam Phi, một phong trào đã khiến Mandela thiết lập nên Ủy ban Sự thật và Hòa giải. Tôi đã gặp vị Tổng giám mục Tutu và các thành viên của Ủy ban tại Cape Town trong một phòng họp mặt thông thường. Đây chính là nơi họ lấy lời chứng từ các nạn nhân và thủ phạm của nạn bạo lực, xem đó như một phương thức trình bày sự thật và khuyến khích một sự hòa giải giữa các sắc tộc đã sống giữa bất công và sự tàn bạo qua nhiều thế hệ. Mandela và Tutu hiểu những thách thức và tầm quan trọng của việc thể chế hóa sự tha thứ. Trong tiến trình mà họ đang xây dựng, những người đã từng phạm tội ác vẫn có thể tiến bước về phía trước và thú tội để nhận được sự ân xá. Và những

nạn nhân cuối cùng có thể tìm thấy câu trả lời cho chính mình. Như lời một nạn nhân đã nói: "Tôi muốn tha thứ, nhưng tôi cần biết mình tha thứ cho ai và tha thứ điều gì".

Mandela đã nêu một tấm gương về lòng vị tha. Khi ông ấy dẫn tôi và Chelsea đi thăm nhà tù tại đảo Robben mà ông đã từng bị giam cầm trong mười tám năm, Mandela giải thích rằng ông ấy đã có nhiều năm để suy nghĩ về những gì mình sẽ làm khi ra tù. Ông đã đi qua tiến trình sự thật và hòa giải của chính mình, khiến ông có thể nói lên những điều thật phi thường mà tôi từng được nghe trong buổi lễ nhậm chức khi ông giới thiệu với mọi người ba trong số các cai tù cũ của mình. Tha thứ không phải là một việc dễ thực hiện cho dù ở bất kỳ thời điểm nào, tại bất kỳ nơi đâu. Mất mát cuộc sống hay sự tự do luôn chứa đầy đau đớn, càng đau đớn hơn nữa nếu đó là kết quả từ điều mà Tiến Martin Luther King đã gọi là "mối hận thù truyền kiếp”. Bởi hầu hết chúng ta đều là người, gợi nên ước muốn báo thù bao giờ cũng dễ dàng hơn gợi nên lòng vị tha. Mandela đã cho thế giới thấy được làm thế nào để có thể chọn lựa sự tha thứ và tiếp bước về phía trước.

Cũng giống như toàn bộ phần còn lại của lục địa, Nam Phi vẫn còn bị bao trùm bởi sự nghèo đói, tội ác và bệnh tật, nhưng tôi được khích lệ bởi niềm hy vọng mà mình nhìn thấy trên gương mặt các em học sinh - từ những trẻ em mặc đồng phục đang học tiếng Anh trong một lớp học tại Soweto (là một phần nhờ ở chương trình USAID) cho đến các nhà khoa học và nhà thơ đang phát triển tài năng tại Trường Đại học Cape Town. Và khi diễn thuyết trên một khoảng đất bụi bặm vùng ven Cape Town, tôi đã gặp những người phụ nữ đang thật sự xây dựng một tương lai tươi sáng hơn cho bản thân và con cái họ. Với những hoa văn lễ hội vẽ trên mặt và giọng hát cất cao của mình, họ đẩy những chiếc xe cút kít, đổ xà bần và trộn màu để xây dựng chỗ ở mới cho mình. Từng là người vô gia cư, từng sinh sống trong những điều kiện tệ hại, nay họ đã tạo dựng nên các hội làm nhà, hội tín dụng - theo mô hình của Tổ chức Phụ nữ Đổi công tại Ấn Độ mà tôi đã đến thăm. Góp chung với nhau những khoản tiền dành dụm, họ mua xẻng, sơn và xi măng, học cách xây móng nhà và lắp đặt đường cống thoát nước rồi bắt đầu cuộc sống cộng đồng của chính mình. Khi Chelsea và tôi đến thăm, họ đã xây được 18 ngôi nhà; một năm sau, khi tôi cùng Bill trở lại nơi đây, đã có 104 ngôi nhà. Tôi thích một câu trong bài hát mà họ đã hát, hiểu nôm na là "Sức mạnh, tiền bạc và tri thức - ta sẽ không làm gì được nếu không có chúng". Thật là một lời khuyên hữu ích cho phụ nữ ở khắp nơi.

Khi rời Nam Phi, tôi đã hiểu rõ những khó khăn thử thách mà các nhà lãnh đạo nơi đây phải đương đầu, nhưng vẫn lạc quan tin tưởng vào tương lai.

Nhưng tại Zimbabwe, đất nước láng giềng không hề có biển ở phía bắc Nam Phi, tôi thấy một đất nước mà những tiềm năng hứa hẹn bị kìm hãm bởi những người lãnh đạo tai hại. Robert Mugabe, người đứng đầu Zimbabwe kể từ khi nước này giành được độc lập vào năm 1980, đã trở nên chuyên quyền và đầy thái độ thù địch đối với những ai mà ông ta cho là kẻ thù. Tổng thống Mugabe nói rất ít trong suốt chuyến thăm xã giao của tôi tới dinh Tổng thống tại thủ đô Harare. Ông ta không rời mắt khỏi người vợ trẻ của mình, Grace, trong khi tôi trò chuyện với cô ấy, và thỉnh thoảng lại cười khúc khích mà không rõ lý do. Tôi ra về mà lòng tin chắc rằng ông là một người không kiên định đáng lo ngại và hy vọng ông sẽ từ bỏ quyền hành của mình. Suy nghĩ đó của tôi đã trở thành hiện thực vài năm sau đó, khi Mugabe đàn áp mọi chống đối chính trị và tiến hành một chiến dịch khủng bố đuổi những nông dân da trắng ra khỏi đất đai của mình và dọa dẫm những người da đen nào thách thức ông. Ông ta đã đẩy dân chúng của mình lâm vào tình trạng hỗn loạn và đói khát.

Sau đó, tôi gặp một nhóm những phụ nữ hoạt động chính trị, chuyên môn và kinh doanh ở một phòng triển lãm nghệ thuật tại Harare. Họ mô tả mối căng thẳng giữa những quyền hạn mà họ có trên giấy tờ với các tập tục và các quan niệm cổ xưa hiện vẫn chiếm ưu thế. Họ kể lại những trường hợp phụ nữ bị chồng đánh đập vì đã "ăn mặc không đứng đắn" trong những chiếc quần tây. Một chị tóm lược lại những vấn đề mà họ phải đối diện: "Chừng nào còn có luật lệ cho phép đàn ông có hai vợ nhưng phụ nữ không thể có hai chồng, thì vấn đề vẫn chưa được giải quyết".

Tôi rời Harare, lòng cảm thấy không vui trước những suy thoái trong đời sống vật chất và tinh thần nơi đây lẫn sự thất bại hiển nhiên của một người lãnh đạo đã nắm giữ quyền lực quá lâu. tinh thần của tôi phấn chấn trở lại tại điểm dừng chân tiếp theo, thác Victoria, nơi dòng sông Zambezi đổ vào một hẻm núi hùng vĩ. Chelsea và tôi bước đi giữa làn sương mù hơi nước bốc lên từ những dòng nước đang rền vang, ngắm nhìn chúng biến thành những chiếc cầu vồng lung linh huyền ảo trong ánh nắng ban mai. Vẻ đẹp đến mê hồn của châu Phi và tài nguyên thiên nhiên nơi đây cần phải được gìn giữ và bảo vệ trong quá trình phát triển các cơ hội kinh tế cho người dân địa phương. Nhưng điều đó quả là một thách thức lớn, theo những gì tôi được thấy trong chuyến đi thăm Tanzania, một đất nước trải dài ở Đông Phi được hình thành vào năm 1964 từ hai thuộc địa cũ đã từng mê hoặc tôi khi còn bé : Tanganykia và Zanzibar. Tại thủ đô, Dar es Salaam, tôi đã gặp Tổng thống Benjmin Mkapa, một cựu phóng viên vui tính đã từng lao động cật lực để phát triển một nền kinh tế dựa trên những nguồn tài nguyên thiên nhiên và vị trí chiến lược ven biển Ấn Độ Dương. Với sự tán đồng nhiệt tình của vợ ông,

Anna Mkapa, và những nữ bộ trưởng có mặt tại buổi họp của chúng tôi, tôi khuyến khích ngài Tổng thống chấm dứt những đạo luật giới hạn việc sở hữu và thừa hưởng tài sản đối với phụ nữ, những hạn chế không chỉ bất công mà còn góp phần làm tổn hại đến tiềm năng kinh tế của phân nửa dân số đất nước . Năm 1999, Tanzania thông qua Đạo luật Đất đai và Làng mạc, hủy bỏ và thay thế những điều luật phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trước đây.

Tanzania cũng đóng vai trò quan trọng trong việc mang lại nền hòa bình và sự ổn định cho châu Phi đang bị chiến tranh giằng xé. Tại Arusha, tôi đã đi thăm Hội đồng Xét xử Tội phạm Quốc tế của Rwanda, nơi đang tiến hành điều tra những tội ác diệt chủng. Hội đồng xét xử này có quyền hạn xét xử và trừng phạt những tội phạm chiến tranh. Sự thành công của việc xét xử này là cực kỳ quan trọng đối với toàn bộ người dân châu Phi, và đặc biệt là đối với phụ nữ và trẻ em - những người thường là nạn đầu tiên của các xung đột dân sự. Tại Rwanda, tình trạng cưỡng bức và hiếp dâm diễn ra tràn lan, những chiến thuật quân sự dùng trong các cuộc bạo động diệt chủng này trở nên thịnh hành vào năm 1994. Tại Kampala, Uganda, tôi đã gặp một phái đoàn những phụ nữ Rwanda nói năng nhỏ nhẹ như tiếng nhạc, ngược hẳn với những thực tế kinh khủng mà họ đã trải qua. Một phụ nữ trẻ mô tả việc mình - sau khi bị tấn công bằng dao rựa - đã cố chắp phần cánh tay bị thương bằng một sợi dây trong khi gắng tìm sự hỗ trợ về y tế một cách vô vọng. Cuối cùng không tránh khỏi bị nhiễm trùng, cô ấy đã tự chặt đứt cánh tay của mình. Người phụ nữ này đã cho tôi xem một quyển album đầy những bức ảnh về xương, sọ, những người sống sót với vẻ mặt u mê, và các trẻ em mồ côi. Tôi thậm chí không dám nhìn. Tôi thật sự lấy làm tiếc cho sự thất bại của thế giới, trong đó có cả chính quyền của chồng tôi, trong việc chấm dứt nạn diệt chủng.

Uganda còn đáng nhớ vì những lý do khác. Để đương đầu với bệnh dịch AIDS của châu Phi, chính quyền của Uganda cam kết sẽ ngăn chặn sự lây lan của vi rút HIV bằng một chiến dịch can thiệp và giáo dục. Ta có thể thấy những hậu quả của bệnh dịch AIDS toàn cầu đã và đang diễn ra thật nghiêm trọng tại vùng hạ Sahara châu Phi này, một khu vực chiếm đến 70% tổng số các ca nhiễm HIV/AIDS. Mọi thành phần xã hội đều bị ảnh hưởng bởi cơn khủng hoảng này. Tại những quốc gia diễn ra đại dịch nặng nề nhất như Uganda, tỉ lệ tử vong sơ sinh gia tăng với một mức độ báo động vào cuối những năm 1990 và tuổi thọ bình quân giảm mạnh. Các nền kinh tế phải chịu đựng sức ép từ lực lượng lao động đang bị co cụm lại và các hệ thống chăm sóc y tế bị quá tải. Trong thời kỳ chính quyền của Bill, nước Mỹ đã gia tăng gấp ba lần ngân quỹ dành cho các chương trình AIDS thế giới trong hai năm nhằm mục đích ngăn chặn, chăm sóc và điều trị căn bệnh này, cùng với tăng

cường cơ sở hạ tầng y tế. USAID (Cơ quan phát triển quốc tế Mỹ) gia tăng việc phát bao cao su, cung cấp một tỉ bao cao su trên khắp thế giới, và nước Mỹ đã cùng với các quốc gia khác kiến tạo và tài trợ một sự hợp tác toàn cầu rộng lớn hơn - Chương trình Liên kết Liên hiệp quốc về AIDS - nhằm phát triển các chiến lược hợp tác chống lại căn bệnh này. Nhận thức rõ các nhu cầu khẩn cấp của châu Phi, Bill đã ký một sắc lệnh nhằm giúp các nước châu Phi ở vùng hạ Sahara có thể tiếp cận dễ dàng hơn, hợp khả năng tài chính hơn với các loại thuốc và kỹ thuật y khoa liên quan đến bệnh HIV/AIDS. Tổ chức Hòa bình bắt đầu đào tạo và huấn luyện 2.400 tình nguyện viên châu Phi thành những nhân viên tuyên truyền HIV/AIDS.

Với sự hỗ trợ của USAID, một trung tâm xét nghiệm và tư vấn tiên phong được thành lập tại Kampala, ở đây tên của các bệnh nhân được giữ kín. Khi tôi đi xe từ sân bay Entebbe đến đó, tôi nhìn thấy những pa-nô cổ động việc phòng chống và ngăn ngừa AIDS với các khẩu hiệu: Kiêng khem, Chung thủy hoặc Hãy dùng bao cao su. Chiến dịch này do Tổng thống Yoweri Museveni, một con người đầy nhiệt huyết và niềm tin trong việc đương đầu với những vấn đề gai góc vẫn thường bị phớt lờ và bỏ quên tại những nơi khác của châu lục. Vợ của ông, Janet, cũng gắn bó không kém với chiến dịch chống AIDS và là một thành viên hăng hái của chương trình Bữa ăn sáng cầu nguyện toàn quốc. Khi tôi giúp khai mạc trung tâm thông tin AIDS, thông qua một bác sĩ người Mỹ, tôi được biết rằng chính sách xét nghiệm và thông báo kết quả trong cùng ngày, được thử nghiệm tại đây, cũng đang được áp dụng tại Mỹ. Chương trình hỗ trợ nước ngoài của chúng tôi đang xúc tiến cuộc nghiên cứu tìm kiếm vắc-xin và phương thức chữa trị tại Uganda, và nước Mỹ cũng sẽ được lợi từ việc này.

Không vấn đề nào khẩn cấp hơn việc chấm dứt các xung đột đang diễn ra tại châu Phi - xung đột bộ tộc, tôn giáo và quốc gia - hiện hủy diệt sự sống và ngăn cản tiến trình phát triển từ mọi góc độ. Eritrea là quốc gia trẻ nhất châu Phi, một nền dân chủ sinh ra cuộc nội chiến dài 30 năm giành độc lập khỏi Ethiopia, trong đó phụ nữ cùng chiến đấu với nam giới. Khi bước xuống cầu thang máy bay tại Asmara, tôi đã nhìn thấy một băng-rôn màu xanh, trắng và đỏ ghi dòng chữ YES, IT DOES TAKE A VILLAGE. Những phụ nữ trong các chiếc áo màu sáng chào đón tôi bằng cách thảy bắp rang về phía tôi, một tập tục chào đón mang ý xua đi những điều xấu xa, tội lỗi và mang lại may mắn cho khách mời. Khi chúng tôi từ sân bay đi vào thành phố, một tấm băng-rôn lớn khác thể hiện dòng chữ WELCOME, SISTER.

Tổng thống của Eritrea, Isaias Afwerki, cùng vợ là Saba Haile, một cựu chiến sĩ tự do, sinh sống tại một ngôi nhà nhỏ nhưng họ tiếp đón chúng tôi

tại dinh Tổng thống. Trong lúc chúng tôi ngồi xem các diễn viên múa dân gian trình diễn trong một cái sân nhỏ do người Ý xây dựng từ thời kỳ thuộc địa, tôi đã hỏi Tổng thống Afwerki, người đã bỏ học đại học để đi kháng chiến, rằng có bao giờ ông có thời gian để nhảy múa trong suốt cuộc chiến tranh dài đằng đẵng đó không. "Dĩ nhiên là có", ông trả lời, "Chúng tôi phải nhảy múa để nhắc nhở mình về một thế giới không có chiến tranh".

Vào cuối tháng 5 năm 1998, xung đột lại nổ ra giữa Ethiopia và Eritrea xoay quanh vấn đề tranh chấp biên giới. Hàng ngàn người bị giết và đáng buồn thay, hứa hẹn hòa bình cho cả hai dân tộc lại lần nữa bị trì hoãn. Bill gởi Tony Lake, cựu Cố vấn An ninh Quốc gia, và Susan Rice, trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao phụ trách các vấn đề châu Phi, đến khu vực này. Cuối cùng chính quyền Clinton đã làm môi giới trung gian cho một thỏa thuận hòa bình. Giờ đây, tôi chỉ có thể hy vọng rằng tiềm năng phát triển một tương lai tốt đẹp hơn, mà tôi đã nhìn thấy - thể hiện qua bắp rang và điệu múa - sẽ trở thành hiện thực cho cả hai quốc gia.

Khi Chelsea và tôi trở về từ châu Phi, Bill cũng vui lây với cuộc hành trình của chúng tôi. Cuộc gặp thượng đỉnh giữa anh ấy và Yeltsin đã thành công tốt đẹp nhưng không nào thích thú và rực rỡ như chuyến đi của chúng tôi. Chân của Bill đã lành, nhưng anh vẫn còn đi tập tễnh quanh Nhà Trắng bằng nạng. Sự chống đối của Đảng Cộng hòa không cho phép anh vắng mặt ngay cả khi bị thương tật. Một tháng trước đó, vào tháng 2 năm 1997, sự nghiệp công tố viên của Kenneth Starr chuyển sang một hướng rẽ kỳ lạ khi ông ta tuyên bố sẽ từ chức luật sư độc lập để đảm nhận vị trí trưởng khoa Luật tại Trường Đại học Pepperdine, kiêm hiệu trưởng một trường mới về chính sách công của đại học này. Thế nhưng chiến lược thoát hiểm của Starr nhận được những phản ứng ngược khi những nhà phê bình cánh hữu nguyền rủa ông đã từ bỏ cuộc điều tra trước khi tìm thấy một chứng cứ gì có liên quan đến chúng tôi. Cùng lúc đó, một vài người trong giới báo chí nhận được một nguồn tin về mối liên hệ của vị luật sư độc lập "lẽ ra là công tâm" này với một trong số những người ủng hộ Đảng Cộng hòa. Mọi chuyện hóa ra là chức trưởng khoa của Starr là một món quà hào phóng từ Richard Mellon Scaife, một thành viên hội đồng quản trị của trường đại học. Trong nhiều ngày sau đó, Starr đã phải đầu hàng trước sức ép của công luận và từ bỏ ý định nhận chức vị ấy. Để biện hộ cho mình, ông ta tuyên bố sẽ tiếp tục đảm nhiệm vai trò luật sư độc lập cho đến khi nào công việc của mình hoàn tất.

Tôi không biết liệu tình hình của chúng tôi sẽ tốt hơn nếu có hay không có Starr. Nhưng một hậu quả trước mắt của việc Starr ở lại OIC là ông ta sẽ làm mọi cách để tìm kiếm bất kỳ lý do nào nhằm biện hộ cho cuộc điều tra vẫn

đang tiếp diễn. David Kendall, người thường trực theo dõi tin tức liên quan đến vụ Whitewater, nhận thấy càng ngày càng có nhiều bài báo xuất phát từ văn phòng của Starr. Báo chí tường thuật rằng các điều tra viên OIC đang tái thăm viếng "các nguồn" ở Arkansas, như là các toán quân vệ sĩ, nhằm thăm dò cuộc sống riêng tư của Tổng thống. Trong khi đó, Jim McDougal đã thông đồng với các ủy viên công tố hòng giảm nhẹ lời cáo buộc. Ông sẵn sàng tham dự các buổi phỏng vấn, thay đổi câu chuyện của mình, tiếp tục lôi kéo tôi và Bill vào âm mưu của ông ta. Người vợ trước của ông ta, Susan, đang chịu cảnh ngồi tù vì đã từ chối cung khai trước đại bồi thẩm đoàn vụ Whitewater, mà theo ý bà đó là một cái bẫy nhằm kết tội bà đã khai man so với sự thật. Những ai tin rằng ủy viên công tố không lạm dụng hệ thống luật hình sự nước Mỹ nên đọc quyển sách của Susan, The Woman Who Wouldn’t Talk : Why I Refused to Testify Against Clintons and What I Learned in Jail. Đó là một bản tường thuật rợn người về sự lạm dụng mà bà đã phải chịu đựng từ phe cánh của Starr và là một lời cảnh tỉnh mọi người rằng việc bảo vệ tự do của chúng ta phụ thuộc vào việc đảm bảo nguyên tắc luật pháp dành cho mọi người.

Các thành viên trong đội ngũ của Starr và chính bản thân Starr dường như đang tiết lộ những lời khai mật trước bồi thẩm đoàn, một điều vốn trái với pháp luật. Trong một bài viết trên tờ The New York Times ngày 1 tháng 6 năm 1997, Starr nghi ngờ tính trung thực của tôi và nói bóng gió đến những lời buộc tội ngăn cản cuộc điều tra. Đối với David Kendall thì đó là giọt nước cuối cùng làm tràn ly, và ông đề nghị một cuộc phản công. Ông viết một lá thư, mà Bill và tôi cùng chấp nhận, kết tội Starr về một chiến dịch "tiết lộ và bôi nhọ" trên báo chí. Ba cựu ủy viên công tố đặc biệt, trong đó có một đảng viên Cộng hòa bảo thủ và là cựu chưởng lý Mỹ, đã công khai đồng ý với Kendall rằng việc làm của OIC là quá đáng. Thế nhưng cuộc chiến trên những phương tiện truyền thông vẫn tiếp tục.

Trong khi đó, vụ quấy rối tình dục Paula Jones dấy lên trở lại. Hồi tháng 1, Bob Bennett, luật sư của Bill trong vụ Jones, đã tranh cãi trước Tòa án Tối cao nước Mỹ rằng một Tổng thống không nên bị đè nặng bởi những vụ kiện cáo dân sự mang tính bào chữa khi tại nhiệm. Quan điểm của Bennett là nếu điều này được cho phép, bất kỳ Tổng thống nào cũng có thể bị trói buộ các vụ việc tranh chấp kiện tụng do những kẻ thù chính trị gây nên hoặc từ những kẻ muốn tìm kiếm sự nổi danh, và điều đó có thể hủy hoại khả năng điều hành công việc của người lãnh đạo. Nhưng vào ngày 27 tháng 5 năm 1997, tất cả 9 thẩm phán nhất trí rằng đặc quyền của một vị Tổng thống không liên quan đến các điều luật dân sự, và vụ việc Jones và Clinton có thể xúc tiến. Tôi nghĩ đó quả là một quyết định kinh khủng và là một lời mời gợi

ý cho những đối thủ chính trị đi kiện cáo bất kỳ vị Tổng thống nào.

Chelsea quyết định chọn học ở Stanford, cách nhà 3 ngàn dặm và tôi nghĩ đến ngày con tốt nghiệp trung học rồi xa nhà lên đại học mà đau lòng. Tôi đã cố không để lộ cảm giác buồn bã khi sắp phải xa con, vì ngại mình sẽ có thể làm hỏng giây phút đặc biệt này trong đời nó. Tôi tự an ủi mình bằng cách dành cho con thật nhiều thời gian và tôi ái ngại cho những người mẹ khác đang phải chịu đựng nỗi lo lắng vì sự chia cắt sắp xảy đến trong suốt một tháng cao điểm chuẩn bị đón phong tục truyền thống của Trường Sidwell Friends: tiết mục trình diễn Mẹ và Con gái. Mẹ của những cô con gái học Trường Sidwell được khuyến khích tham gia vào một vở hài kịch buổi tối có nội dung chế giễu nhẹ nhàng các cô cậu học sinh tốt nghiệp. Tôi gia nhập nhóm với vài bà mẹ của các bạn Chelsea và trình diễn những vở kịch ngắn trào phúng trong đó chúng tôi đóng vai các cô con gái của mình. Vai của tôi có liên quan đến rất nhiều tư thế xoay người trên mũi chân giống như một nữ diễn viên ba lê và tán gẫu trên điện thoại về những kế hoạch đi chơi ngoài trời. Cảnh mở màn yêu cầu chúng tôi phải trùm những tấm trải trông giống như những cái áo choàng rộng thời La Mã và hát bài I Believe I Can Fly. Tôi diễn xuất không kém các bạn diễn của mình nhưng may mắn thay cho Chelsea, giọng của tôi bị lấn át bởi những bà mẹ khác trong suốt màn trình diễn nhạc khai mạc này.

Buổi lễ tốt nghiệp ở Trường Sidwell năm 1997 cũng giống như hầu hết các trường khác, trừđiều: Tổng thống nước Mỹ là người đọc diễn văn khai mạc. Anh ấy khiến tôi phải rơi nước mắt khi mong muốn những học sinh tốt nghiệp nhận ra rằng cha mẹ của các em có thể "hơi buồn hoặc hành xử đôi chút lạ thường. Các em thấy đó, hôm nay chúng ta nhớ lại ngày đầu tiên các em đi học và tất cả những thành tích cùng những vất vả khó nhọc từ đó đến nay. Mặc dù chúng ta ca ngợi các em trong khoảnh khắc khởi đầu này và rất tự hào về các em, vẫn có những bậc làm cha mẹ như chúng tôi mong được ôm lấy các em một lần nữa như khi các em vừa biết đi, hay đọc cho các em nghe thêm chỉ một câu chuyện nữa, Good Night, Moon, Curious George hay The Little Engine That Could". Sau buổi lễ, toàn bộ nhân viên Nhà Trắng đã tụ tập tại Phòng Đông để chúc mừng Chelsea. Mỗi người dùng một miếng bánh Roland Mesnier dành cho dịp lễ tốt nghiệp truyền thống được làm theo hình một quyển sách rất đúng ý nghĩa. Những người này đã gặp Chelsea lần đầu tiên khi cháu còn là một đứa bé mặc quần yếm, đã theo dõi cũng như giúp đỡ cháu trưởng thành và trở nên một thiếu nữ tuyệt vời.

NHỮNG TIẾNG NÓI SỐNG CÒN

Khi mùa hè năm đó đến gần, bộ máy chính phủ lại phải tăng tốc để tiến hành 3 nhiệm vụ lớn, một là thương thuyết với Quốc hội về một ngân sách cân đối, hai là tổ chức Hội nghị thượng đỉnh về kinh tế ở Denver, bang Colorado và ba làội nghị thượng đỉnh tại Madrid về sự mở rộng đang còn nhiều tranh cãi của tổ chức NATO.

Một trong những bài học quan trọng nhất mà tôi học được trong những năm làm Đệ nhất Phu nhân là công việc của đất nước và chính sách của các quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ cá nhân giữa các nhà lãnh đạo. Thậm chí các nước có hệ ý thức trái ngược nhau vẫn có thể thỏa thuận và liên minh với nhau nếu lãnh đạo các nước này hiểu và tin tưởng lẫn nhau. Tuy nhiên, mối quan hệ ngoại giao như thế cần phải luôn được củng cố bằng nhưng cuộc gặp gỡ thân mật giữa các nhà lãnh đạo, đó chính là lý do của những chuyến viếng thăm nước ngoài của Tổng thống, Phó Tổng thống và cả tôi.

Hội nghị thượng đỉnh G-7 - hội nghị hàng năm của các nước. công nghiệp phát triển trên thế giới như Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật, Ý và Canada - ngày càng có vai trò to lớn về mặt kinh tế lẫn chính trị. Nước Nga đã được mời tham dự với tư cách khách mời tại hội nghị thượng đỉnh G7 kỳ trước, tuy nhiên, vào năm 1997 khi đến lượt nước Mỹ tổ chức hội nghị ở Denver, Borris Yeltsin đã kêu gọi sự ủng hộ để nước Nga được tham gia đầy đủ như một thành viên chính thức.

Bộ trưởng Tài chính của nhiều nước thành viên đã chống đối ý kiến trên ngay từ đầu vì cho rằng nước Nga vẫn còn yếu về mặt kinh tế, vẫn còn phụ thuộc vào sự viện trợ của G7 và các tổ chức tài chính quốc tế, và thường chống lại những cải cách cần thiết để đạt được sự thịnh vượng lâu dài. Tuy nhiên, Tổng thống Clinton và các nhà lãnh đạo quen biết đều cho rằng việc ủng hộ Tổng thống Yeltsin là cần thiết vì nó sẽ gửi một thông điệp đầy ý nghĩa đến nhân dân Nga về những lợi ích tích cực của sự hợp tác với Mỹ, châu Âu và Nhật Bản. Vì thế, Nga đã được mời tham dự và Hội nghị Denver vào tháng 6 được gọ"Thượng đỉnh 8 nước", và sau đó hội nghị chính thức được đổi tên thành G8.

Bill đã rất quyết tâm đưa Yeltsin vào vòng trong cùng với các nhà lãnh đạo thế giới. Chiến lược này nhằm củng cố địa vị của Yeltsin ở Nga, vì ông ấy được coi như là như niềm hy vọng lớn nhất về nền dân chủ của nước Nga và là người có thể thuyết phục nhân dân Nga chấp nhận sự mở rộng của NATO

ở Đông Âu. Madeleinc Albright và Strobe Talbotr, Thứ trưởng Ngoại giao và là một chuyên gia về vấn đề nước Nga, là những tác giả chính của chiến lược này trong bộ máy chính phủ. Madeleine làm việc không mệt mỏi để thuyết phục và đưa nước Nga vào quỹ đạo của các nước phương Tây, từ đó bà có cái biệt danh tiếng Nga là "Người Đàn Bà Thép".

Vào những ngày đầu thời kỳ Bill làm Tổng thống, tôi đã đặt vấn đề về giá trị của các chuyến viếng thăm nhà nước trong đó những người đàn ông chủ yếu tham dự các cuộc họp, còn các phu nhân thì tham gia các chuyến tham quan những di tích văn hóa do nước chủ nhà tổ chức. Giờ đây, tôi đã hiểu ra rằng để củng cố những mối quan hệ tốt với vợ chồng các nhà lãnh đạo các nước thì luôn cần có những cuộc tiếp xúc thân mật. Tôi cũng nhận thấy rằng trong số những người đồng nhiệm với tôi có nhiều người rất thú vị và một số người đó có thể trở thành bạn tốt.

Ở Denver, tôi đã mời các Đệ nhất Phu nhân đi tham quan cảnh đẹp trên một chuyến xe lửa đến khu trượt tuyết Winter Park, sau đó ăn trưa và ngắm cảnh từ trên đỉnh núi vùng Colorado. Mãi đến lúc đó tôi mới biết Cherie Blair, phu nhân của Thủ tướng mới nhậm chức ở Anh là Tony Blair nhưng lập tức tôi rất mến bà ấy. Tôi đã biết hầu hết các vị phu nhân khác từ những hội nghị trước đó, và tôi rất mừng thấy rằng bà Naina Yeltsin đã phát huy tốt vai trò của mình từ sau khi chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên vào năm 1993 tại Toko. Bà ấy đã từng là một kỹ sư xây dựng làm việc trong hệ thống cấp nước, sau đó bị đẩy vào dòng xoáy của hệ thống chính trị nước Nga. Ngay từ ban đầu, bà đã tỏ ra rất có cá tính và hiểu biết rất sâu sắc về trẻ em và nhu cầu sức khỏe của chúng. Năm 1995, tôi đã giúp bà duy trì được khoản trợ cấp về bột dinh dưỡng mà nước Nga đang cần để điều trị cho các trẻ em bị chứng bệnh PKU, một căn bệnh di truyền liên quan đến hệ thần kinh trung ương.

Bà Aline Chrétien - phu nhân của ông Jean, Thủ tướng Canada năm 1993 - là một người rất thông minh, có óc quan sát tinh tế và rất quý phái. Tôi rất ấn tượng bởi tính kỷ luật và hăng hái chấp nhận thử thách mới của bà. Suốt thời gian 8 năm quen biết nhau, bà ấy đã nghiên cứu và chơi đàn piano rất tuyệt vời. Bà ấy cũng biết cách pha trò. Chúng tôi đã có nhiều thời gian cùng nhau chơi trượt tuyết trên dòng sông băng quanh Ottawa vào năm 1995. Bà Kamiko Hashimoto của Nhật Bản, một người rất sinh động và hiếu kỳ đã để lại nhiều ấn tượng đẹp. Bà Flavia Prodi của Ý là một học giả uyên bác và nghiêm túc, luôn cố diễn giải hệ thống chính trị nước Ý, một hệ thống mà dường như liên tục thay đổi trong khi nền văn hóa và xã hội Ý thì vẫn không có gì mới qua các đời Tổng thống.

Xe lửa vòng vèo qua những cảnh quan tươi đẹp có những người dân địa phương chào đón ở hai bên đường ray, giơ cao những bảng hiệu chào mừng các vị khách quý. Sau đó, khi tôi đang đứng ở cửa toa tàu cuối bỗng có hai người thanh niên không biết từ đâu xuất hiện, họ cúi xuống, tụt quần ra và giơ mông vào mặt chúng tôi. Lúc đó tôi thực sự sốc nặng, nhưng sau đó tôi chỉ biết gượng cười và đó là một kỷ niệm không được tôn trọng mà tôi không thể nào quên trong chuyến tham quan của mình.

Mặc dù các cuộc hội nghị tại Denver thường rất nghiêm túc và căng thẳng, chúng tôi vẫn luôn cố tạo không khí thư giãn cho mọi người bằng các hoạt động giao lưu được tổ chức vào buổi tối. Để nhắc nhở tới vùng một thời được gọi là miền Tây hoang dã này, buổi dạ yến chính được tổ chức theo chủ đề biên cương, có rắn chuông và trâu nước, một cuộc đua ngựa nhỏ cùng với phần trình diễn của một băng nhạc đồng quê và nhạc viễn tây. Quà của Bill dành cho các vị khách mới là những đôi giày ống. Thủ tướng Ryutaro Hashimoto của Nhật và Jean Chrétien của Canada rất thích thú với món quà này bằng cách vén cả ống quần lên để khoe những đôi giày khi họ tới dự tiệc.

Cùng dự tiệc là một nghi thức quan trọng trong ngoại giao và đôi lúc trở thành những trò tiểu xảo. Đêm trước ngày hội nghị diễn ra ở Denver, Madeleine Albright đã mời người đồng nhiệm phía Nga là ông Yevgeny Primakov đi ăn tối ở một nhà hàng địa phương. Bà đã chiêu đãi món đặc sản của vùng đó là món "con hàu núi", một tên gọi lịch sự của món "ngọc dương bò chiên giòn". Tôi đã phải trấn an các đấng làm chồng rằng những món như thế sẽ không có mặt trong thực đơn mời khách của tôi.

Bất cứ khi nào chúng tôi đi ra nước ngoài, Bộ Ngoại giao đều đưa cho chúng tôi nhưng bảng dữ liệu về những quốc gia chúng tôi sẽ đến, cùng với những chỉ dẫn bổ ích về nghi thức ngoại giao. Thỉnh thoảng chúng tôi được cảnh báo về những thức ăn lạ mà chúng tôi sẽ được phục vụ và cách từ chối các món ăn như thế nào để không làm mất lòng nước chủ nhà. Một cựu quan chức ngoại giao chỉ cho tôi rằng nên xoay vòng thức ăn trên đĩa để kích thích mọi người ăn ngon miệng, một tiểu xảo ngay đến trẻ lên năm cũng biết. Tuy nhiên, chẳng có quyển sách về thuật giao tiếp nào dạy tôi cách thức ăn tối với Tổng thống Boris Yeltsin.

Tôi rất quý trọng ông Yeltsin và tôi cũng xem ông ấy như một người anh hùng thật sự, người đã hai lần cứu nền dân chủ của nước Nga : lần thứ nhất khi ông leo lên xe tăng ảng trường Đỏ vào năm 1991 và tuyên bố trước công chúng bất chấp cuộc đảo chính quân sự lúc đó và vào năm 1993, khi một phe

đảng thuộc quân đội âm mưu lật đổ Nhà Trắng ở Nga mà Yeltsin vẫn giữ vững lập trường đấu tranh cho nền dân chủ, ông đã được Bill và các vị lãnh đạo khác khắp thế giới ủng hộ. Theo cách riêng của mình, ông ấy cũng là một người đồng hành thú vị. Ông có một trái tim vĩ đại và có thể luôn làm tôi vui cười. Tất nhiên, ông nổi tiếng là người tính khí thất thường và như thường thấy, ông rất thích uống rượu.

Trong các bữa tiệc tối trang trọng, tôi thường ngồi giữa Yeltsin với Bill và bà Naina ngồi cạnh Bill. Boris không nói tiếng Anh nhưng có một người phiên dịch ngồi phía sau chúng tôi sẽ chuyển tải ý kiến của ông đến Bill và tôi với cùng một giọng nói trầm, khàn và ngữ điệu như của Boris. Boris ăn rất ít. Cứ mỗi khi người ta bưng lên món ăn mới, ông ấy lại đẩy thức ăn ra xa hoặc không để ý đến bằng cách tiếp tục kể chuyện cho chúng tôi nghe. Đôi khi chính món ăn cũng đã là một câu chuyện.

Vào tháng 9 năm 1994, khi được Yeltsin chiêu đãi tại đại sứ quán Nga mới khai trương ở Washington, Bill và tôi ngồi trên bục cao cùng tham dự với rất đông các giới quyền lực đến từ Washington cũng như các quan chức Nga và Mỹ. Đột nhiên Yeltsin ra hiệu cho Bill và tôi nghiêng người về phía ông ấy. Ông nói "Heel-lary, Beel ! Hãy nhìn những người đang ngồi dưới kia. Ông bà có biết họ đang nghĩ gì không? Tất cả họ đều nghĩ rằng "làm sao mà Boris và Bill được ngồi trên đó mà không phải là chúng ta?”. Đây quả là một lời nhận định xác đáng. Thật sự, Yeltsin thông minh hơn một vài đối thủ của ông từng nghĩ, và qua những lời xì xầm từ điện Kremlin đến Bộ Ngoại giao, ông nhận thức rõ rằng ông chưa được chấp nhận và chưa được đánh bóng đúng mức. Ông ấy cũng biết rằng một số trong những người đó không đồng tình với tính cởi mở của soi mói vào nguồn gốc Arkansas của anh ấy. Chúng tôi cười và cầm nĩa lên định gắp thức ăn, nhưng Yeltsin lại tiếp tục, ông cười ha hả và quay sang ngài Tổng thống Mỹ và nói: "Tôi có cuộc chiêu đãi dành cho ngài, Bill ạ!".

Cả một con lợn quay đặt trên bàn ăn trước mặt chúng tôi. Chỉ cần xoáy chiếc dao ăn, Yeltsin đã cắt được cái tai lợn và đưa cho chồng tôi. Ông ta lấy chiếc tai còn lại cho mình, đưa lên miệng và cắn một miếng, ra hiệu cho Tổng thống làm theo.

Ông vừa nói "Chúc mừng" vừa giơ lên miếng tai heo còn lại như thể đang uống một ly rượu sâm banh ngon tuyệt.

Thật tuyệt vời là Bill Chnton có một dạ dày thép. Khả năng ăn uống đa dạng là một trong những khả năng hữu ích cho sự nghiệp chính trị của anh. Toi

không nói cho Yeltsin nghe nhưng ông ấy biết điều này và rất thích trêu chọc tôi. Và thật sự may mắn cho tôi vào lúc đó vì con lợn chỉ có hai chiếc tai.

Nhiều năm sau đó cho đến khi Yeltsin và Bill sắp hết nhiệm kỳ trong chính phủ, chúng tôi còn được cùng nhau tham dự bữa tối sau cùng tại điện Kremlin. Nó được tổ chức ở Phòng Thánh Catherine, một trong những nhà ăn lộng lẫy nhất trong cung điện cổ kính này. Gần nửa bữa ăn, Yeltsin quay sang nói với tôi bằng một giọng ồm ồm bí ẩn rằng "Heel-lary! Tôi sẽ rất nhớ bà. Tôi treo bức ảnh của bà trong văn phòng của mình và ngắm nó mỗi ngày". Khi đó trong mắt ông ấy hiện lên một niềm vui tinh quái.

"Ồ, cảm ơn Boris", tôi nói. "Tôi hy vọng chúng ta vẫn thường xuyên liên lạc với nhau."

"Phải lắm, phu nhân phải đến thăm tôi, bà phải hứa đấy!"

"Tôi hy vọng một ngày nào đó tôi lại đến thăm ngài , Boris

Ông ấy nói: "Thật tuyệt, còn bây giờ tôi sẽ dành cho bà một sự chiêu đãi đặc biệt vào tối nay, Hillary ạ!".

"Cái gì thế ?", tôi hỏi.

"Tôi không thể nói cho bà biết trước, bà cứ chờ rồi sẽ biết."

Chúng tôi thưởng thức hết món này đến món khác, nâng hết cốc rượu này đến cốc khác và cuối cùng, ngay khi chuẩn bị dùng món tráng miệng, người phục vụ lúc này đem đến món xúp nóng đặt trước mặt chúng tôi.

"Hillary, đây là món đặc biệt dành riêng cho bà!", Boris vừa nói vừa hít một hơi dài như đang thưởng thức mùi vị cay nồng của món ăn: "Ừm, ngon đấy".

Tôi vừa cầm nĩa vừa hỏi ông ấy "Món gì thế ?"

Ông dừng lại trong chốc lát một cách trịnh trọng và nói "Mõm nai Bắc Mỹ đấy !"

Và quả đúng như thế, nguyên hình dáng chiếc mõm nai nổi giữa lớp nước hầm thịt. Hình dạng của nó trông giống như những sợi dây chun đã mất hết độ co giãn, tôi cứ xoay vòng thức ăn cho đến khi người phục vụ mang nó đi. Tôi đã thử qua nhiều món lạ vì công việc ngoại giao, nhưng tôi thật sự không thể thưởng thức được món đó.

Hội nghị Denver đã kết thúc thành công, tuy nhiên, việc xây dựng quan hệ tốt đẹp với nước Nga là điều cần phải tiến hành lâu dài cho đến hội nghị thượng đỉnh của NATO ở Madrid vào tháng Bảy. Bill và tôi đã làm một chuyến đến châu Âu vài ngày trước khi hội nghị diễn ra để viếng thăm đảo Majorca tuộc Địa Trung Hải theo lời mời của Vua Juan Carlos I và Hoàng hậu Sofia của Tây Ban Nha. Ở đó chúng tôi đã gặp Chelsea và bạn thân nhất của cháu, Nickie Davison. Bọn trẻ đang đi du lịch.

Tôi luôn mong được đến thăm Vua Carlos và Hoàng hậu Sofia, những người bạn vĩ đại, nồng nhiệt, thực tế, dí dỏm và luôn lôi cuốn người khác. Vào năm 1993, chúng tôi đã gặp Vua, Hoàng hậu cùng Thái tử Felipe, lúc đó đang học ở trường Đại học Georgetown tại thủ đô Washington. Tôi rất ngưỡng mộ vị vua dũng cảm này trong việc chống chủ nghĩa phát xít tại nước ông. Ông đã là lãnh tụ của đất nước khi mới 37 tuổi, sau khi Franco qua đời vào năm 1975, và ngay sau đó ông tuyên bố kế hoạch tái lập nền dân chủ ở Tây Ban Nha. Vào năm 1981, một tay ông phá vỡ âm mưu chiếm Quốc hội của quân đội khi xuất hiện trên truyền hình để lên án người cầm đầu vụ đảo chính và ra lệnh cho quân đội quay về doanh trại. Trước khi trở thành hoàng hậu, Sofia là Công chúa Hy Lạp, học ngành y tá khoa nhi và là một phụ nữ quyến rũ và vẹn toàn như người chồng của mình. Bà là một phụ nữ nhân hậu, là người đầu tiên khởi xướng các chương trình tín dụng nhỏ nhiều năm trước khi mọi người nghe nói về ý niệm ấy.

Chúng tôi tiếp tục đến Madrid dự hội nghị thượng đỉnh của các nước thành viên NATO. Thủ tướng Tây Ban Nha, ông Jose Maria Aznar và phu nhân, bà Ann Botella, đã tổ chức một dạ tiệc tại dinh thự Moncloa, nơi gia đình thủ tướng cư ngụ, để chiêu đãi các nhà lãnh đạo NATO và phu nhân. Cam kết mở rộng NATO của Bill cuối cùng cũng đã thành hiện thực sau khi Ba Lan, Hungary và Cộng hòa Czech được đề nghị gia nhập tổ chức này. Đêm tiếp theo, Vua và Hoàng hậu lại tổ chức một bữa tối trịnh trọng tại cung điện với phong cách tân cổ điển ở trung tâm thành phố Madrid nhằm chúc mừng sự phát triển lịch sử của tổ chức này. Chúng tôi nhìn thấy cung điện này lần đầu tiên năm 1995 khi được Vua và Hoàng hậu chiêu đãi một bữa tối thân mật. Điều thú vị thật diễn ra sau bữa tiệc khi Vua Carlos có nhã ý đưa chúng tôi đi tham quan cung điện. Đức Vua thú nhận rằng ông không biết trước có những gì trong mỗi căn phòng nên ông đã bịa ra các câu chuyện vui để kể cho mọi người khi mở cửa từng căn phòng. Sau đó, mọi người cùng nhau nói chuyện phiếm thật vui. Cả Vua và Hoàng hậu đều có óc hài hước và vui nhất là khi Bill và Vua Carlos cùng quan sát chiếc bàn ăn dài nhất mà tôi từng thấy (như thể nó dành cho 100 khách mời) và bàn tán về giải thưởng dành cho người nào chạy đến và trượt trên bàn nhanh nhất. Đã hai năm trôi qua,

giờ đây, chiếc bàn này cũng dùng chiêu đãi các vị nguyên thủ quốc gia đến từ các nước trên toàn châu Âu trong một bữa tiệc trịnh trọng.

Sau khi chúng tôi kết thúc nhiệm vụ chính thức, Sofia và Juan Carlos đưa Bill, Chelsea và tôi về thăm cung điện Alhambra ở Granada. Trước đây, khi Bill và tôi bắt đầu hẹn hò lần đầu tiên, anh ấy nói với tôi rằng cảnh đẹp thiên nhiên tuyệt nhất anh ấy từng chứng kiến là cảnh mặt trời lặn ở Grand Canyon và cảnh đẹp nhân tạo tuyệt nhất là cung điện Alhambra nằm trong ánh hào quang lúc hoàng hôn khi mặt trời đang xuống dần trên đồng bằng Granada. Khi tôi kể chuyện này cho Vua Carlos, ông nói rằng tôi nên trực tiếp ngắm cảnh ấy. Chúng tôi đi tham quan lâu đài và ăn tối tại một tòa nhà cổ kính nhìn ra tòa lâu đài lộng lẫy. Chúng tôi ngắm nhìn cảnh mặt trời xuống dần, phủ lên các bức tường của tòa lâu đài một màu hồng bạc. Trong lúc nán lại trước khi trời tối chúng tôi thấy những tia sáng chiếu ra từ cung điện làm cho nó thêm lộng lẫy.

Sau bữa tối hôm đó, tôi quyết định bay đến thành phố Vienna, ở đó tôi sẽ là người phát ngôn chính của một diễn đàn với tên gọi "Những tiếng nói sống còn - Phụ nữ của nền dân chủ". Diễn đàn này được khởi xướng và tổ chức bởi Swanee Hunt, đại sứ của Mỹ tại Áo và sau đó được duy trì bởi Melanne Verveer. Cuộc họp mặt của cả ngàn phụ nữ nổi tiếng khắp châu Âu tại đây là sự khai trương chính thức "Những tiếng nói sống còn của nền dân chủ" của chính phủ Mỹ.

Tôi hết lòng ủng hộ chương trình này, đây là một nỗ lực cụ thể của chính phủ trong việc đưa các vấn đề của phụ nữ vào chính sách đối ngoại. Khi phát triển đến Bắc Kinh, sáng kiến "Những tiếng nói sống còn" đã tập hợp được những đại diện của chính phủ Mỹ, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ cho phụ nữ ở ba lĩnh vực chủ yếu : xây dựng dân chủ, tăng cường kinh tế và đấu tranh cho hòa bình.

Ở rất nhiều quốc gia, phụ nữ vẫn không có quyền tham gia chính trị, không có thu nhập riêng hoặc tài sản riêng và không được bảo vệ trước nạn ngược đãi và bạo hành. Nhờ có sự giúp đỡ của Liên hiệp quốc, Ngân hàng Thế giới, Liên minh châu Âu, Ngân hàng Liên bang Mỹ và các tổ chức khác nên diễn đàn "Những tiếng nói sống còn" đã cung cấp sự hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức các hội thảo về kỹ năng và tạo cơ hội cho phụ nữ liên kết với nhau, giúp cho họ công cụ và tài nguyên mà họ cần có để nâng cao xã hội dân sự, kinh tế thị trường và tham gia chính trị ở quốc gia của mình. Tôi cho rằng mối quan tâm về chính trị và sự phát triển cá nhân đã bị bỏ qua trong những lời lẽ hoa mỹ có tính chất ngoại giao của chúng ta khi bàn về dân chủ và kinh tế thị

trường tự do. Phụ nữ và trẻ em còn phải hứng chịu đau khổ một cách phi lý trong quá trình chuyển đổi từ chủ nghĩa cộng sản sang chủ nghĩa tư bản và nền dân chủ bởi vì họ không còn dựa vào thu nhập cố định với nền giáo dục miễn phí và dịch vụ y tế do nhà nước chi trả phổ biến trong nền kinh tế bao cấp. "Những tiếng nói sống còn" khuyến khích phụ nữ tham gia kinh doanh ở các khu vực rất khác nhau như Nam Phi và các quốc gia thuộc biển Baltic, ủng hộ những nỗ lực đưa phụ nữ tham gia hoạt động chính trị ở Kuwait, miền Bắc Ireland và kêu gọi phụ nữ chiến đấu chống lại nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em ở Nga và Ukraina. Thông qua sự hợp tácu quả và phi lợi nhuận, diễn đàn này đang tiếp tục sự nghiệp giáo dục và đào tạo cho phụ nữ trên khắp thế giới, trong số đó có nhiều người trở thành những lãnh tụ chính trị trên đất nước của họ.

Cuối cùng thì lịch làm việc căng thẳng của chúng tôi cũng giãn ra để chúng tôi về nghỉ hè ở Martha's Vineyard vào tháng Tám. Đấy là nơi chúng tôi luôn được thư giãn và thoải mái. Một bữa nọ, Bill đã thuyết phục được tôi cùng chơi một ván golf sau khi chân anh ấy đã bình phục và có thể quay lại với trò tiêu khiển yêu thích. Thật ra, tôi không thích trò chơi này và chơi rất tệ. Tôi đồng quan điểm với Mark Twain khi cho rằng "Golf là bài tập đi bộ bị phá hỏng".

Ác cảm của tôi đối với môn thể thao này bắt nguồn từ một sự kiện diễn ra vào mùa hè năm tôi học lớp tám. Vào lúc đó, tôi chỉ còn cách nói rằng đi chơi golf vào buổi trưa thì tôi mới có thể thuyết phục mẹ để hẹn hò với bạn trai cùng trường. Tôi bị cận và dĩ nhiên là không thích đeo kiếng vì sợ xấu, tôi chẳng nhìn thấy quả banh gôn nên tôi đánh vào bất cứ vật gì màu trắng. Và tôi bạt mạnh vào quả bóng làm nó tan thành trăm mảnh vụn văng tung tóe. Thật ra lúc đó tôi không ngờ mình đã đánh mạnh vào một cái nấm trắng to. Hai khóa học đánh golf chuyên nghiệp và cặp kính sát tròng vẫn không giúp tôi chơi khá hơn. Tôi thích đọc sách, bơi lội và lướt sóng trong khi Bill thích chơi golf cùng với Vernon Jordan và các bạn thân khác của anh ấy.

Vào những ngày cuối tuần cuối tháng Tám, Bill và tôi đang dự một đêm dạ hội tại bãi biển thì bỗng nhiên một nhân viên ghé vào tai Bill thì thầm điều gì đó. Tôi đứng ở đằng xa quan sát và thấy vẻ lo lắng của Bill. Sau đó tôi cũng nghe tin này: Công nương Diana mất trong một vụ tai nạn xe hơi kinh hoàng ở Paris. Giống như tất cả mọi người khác vào lúc ấy, chúng tôi thật sự rất sốc.

Chúng tôi rời khỏi bữa tiệc và lập tọi cho ngài tân đại sứ Mỹ tại nước Pháp là ông Felix Rohatyn, người kế vị bà Pamela Harriman sau cái chết đột ngột

của bà cách đây một năm. Chúng tôi thức suốt đêm để gọi điện đến Luân Đôn và Paris để hỏi xem chuyện gì đã xảy ra. Thật không thể nào tin được rằng một người phụ nữ xinh đẹp, đầy sức sống và nghị lực như Diana lại ra đi đột ngột đến như vậy.

Lần sau cùng tôi được gặp Diana là cách đó hai tháng. Tại Nhà Trắng, Diana đã nói chuyện say mê và thông tuệ về hai sự nghiệp chính của mình là nghiêm cấm việc sử dụng mìn sát thương và giáo dục mọi người về HIV/AIDS. Bà trông có vẻ tự tin hơn từ sau khi chia tay Thái tử Charles và tôi có cảm nhận rằng cuối cùng thì bà ấy cũng đã trở về với chính mình. Chúng tôi nói chuyện về chuyến đi sắp tới của bà đến Thái Lan để giáo dục về AIDS và đến châu Phi để phá bỏ mìn. Bà ấy nói rằng bà hy vọng sau này các con trai bà sẽ học ở Mỹ và tôi hứa sẽ giúp bà và các cháu làm việc đó. Bà luôn sống hướng về tương lai và điều đó khiến cho cái chết đột ngột của bà càng thêm bi thảm.

Sáng sớm hôm sau, tôi nhận được một cuộc gọi từ đại diện gia đình Công nương Diana mời tôi đến dự lễ tang ở Luân Đôn. Tôi rất vinh dự. Trong suốt thời gian lễ tang tại tu viện Westminster, tôi ngồi cạnh gia đình Blair và các thành viên của hoàng gia, tim tôi nhói đau khi nhìn các con của bà, những đứa con mà Công nương hết lòng yêu thương. Ngôi thánh đường tôn nghiêm nơi cách đây 44 năm, mẹ chồng của Diana được tấn phong Nữ hoàng chật cứng người và hơn một triệu dân tụ tập ngoài đường phố để theo dõi tang lễ qua hệ thống truyền thông công cộng. Hàng trăm triệu người trên khắp thế giới theo dõi qua truyền hình. Khi em trai của Diana là Charles đọc điếu văn, ông đã có ý chê trách cách cư xử của hoàng gia đối với chị mình và tôi nghe được những tràng vỗ tay ủng hộ của đám đông đang theo dõi tang lễ bên ngoài nhà thờ. Dường như có tiếng sấm xa xa vụt qu đám đông và nổ ầm ầm ngoài đường phố, ngoài cửa tu viện và đổ dồn xuống chính diện thánh đường. Những người trong khu thánh lễ dường như hóa đá khi nghe tiếng hoan hô vang dội bên ngoài. Elton John chơi bản nhạc A candle the Wind với lời mới nói về cuộc đời mong manh, ngắn ngủi của công nương.

Vào ngày trước hôm diễn ra tang lễ Diana, thế giới cũng vừa mất đi một vĩ nhân khi Mẹ Teresa qua đời ở Calcutta. Bỏ qua những sự khác biệt hiển nhiên, mỗi người trong hai phụ nữ này đều có khả năng soi sáng cho những người có cuộc sống nghèo khổ và dễ bị tấn công nhất và họ đã sử dụng danh tiếng của mình theo những cách thức chọn lọc để giúp đỡ người khác. Những bức ảnh đau thương của Diana và Mẹ Teresa cùng nói lên tình thân ái giữa họ và cả hai người cũng từng kể với tôi về lòng mến mộ họ dành cho nhau.

Sau đám tang Diana, tôi quay về trang trại Martha ở đó vài ngày rồi bay đến Calcutta để viếng Mẹ Teresa. Nhà Trắng cử một đoàn đại biểu gồm những người ngưỡng mộ Mẹ Teresa đi cùng với tôi. Trong số họ có Eunice Shriver, dù cô ấy mới vừa bị ốm trước đó. Cô ấy đã không nghe lời khuyên của bác sĩ và vẫn đi theo chúng tôi. Cô ngồi suốt chuyến đi nhưng vẫn cho rằng thoải mái hơn là nằm trên chiếc ghế dài mà tôi dành cho cô ở khoang trước máy bay. Cô vừa đọc kinh vừa lần tràng hạt và cầu nguyện như các giáo dân của Mẹ Teresa ở Mỹ. Tôi thấy thật vinh dự khi đại diện cho Tổng thống và đất nước mình để tôn vinh một người phụ nữ đã làm rung động cả thế giới bằng một niềm tin không gì lay chuyển được và những công việc thực tế bà đã làm.

Chiếc quan tài mở của Mẹ Teresa được đưa đi qua các con đường đông đúc của thành phố Calcutta đến một quảng trường có mái che đầy kín người. Tang lễ kéo dài nhiều giờ đồng hồ vì các nguyên thủ quốc gia và các nhóm đại biểu tôn giáo tuần tự lên dâng vòng hoa trắng trước quan tài tỏ lòng thành kính. Tôi có nhiều thời gian để suy ngẫm về mối quan hệ ngắn ngủi nhưng phong phú của tôi với Mẹ Teresa.

Chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên vào tháng 2 năm 1994 trong Bữa ăn sáng cầu nguyên toàn quốc tại đại sảnh khách sạn Washington. Tôi nhớ, tôi đã ngạc nhiên trước dáng vóc nhỏ nhắn của bà và tôi để ý thấy giữa mùa đông lạnh lẽo mà bà chỉ mang tất dài và giày xăng đan. Bà vừa mới diễn thuyết về chống nạn nạo phá thai và bà muốn nói chuyện với tôi. Mẹ Teresa là người rất thẳng thắn, bà không đồng tình với quan điểm của tôi về quyền lựa chọn của phụ nữ và nói thẳng với tôi như thế. Nhiều năm sau, bà vẫn thường xuyên gửi cho tôi các thông điệp, các bức thư với cùng quan điểm đó. Mẹ Teresa không bao giờ lên lớp hay trách mắng tôi mà lời khuyên nhủ của bà luôn đầy tình yêu thương và lay động lòng người. Tôi kính nể nhất là sự nghiệp đấu tranh của bà chống nạn phá thai ở phụ nữ, tuy nhiên, tôi cho rằng thật là nguy hiểm nếu các nước đều có quyền trừng phạt các phụ nữ hoặc bác sĩ liên quan đến việc phá thai. Tôi cho rằng việc nhà nước kiểm soát sự sinh sản của con người là một sự suy thoái nghiêm trọng và tôi đã từng chứng kiến hậu quả của điều đó ở Trung Quốc và Rumani trong những năm về trước. Tôi cũng không đồng ý với sự chống đối của bà - cũng như của giáo hội Thiên Chúa giáo - đối với vấn đề kế hoạch hóa sinh sản. Tuy nhiên, tôi ủng hộ quyền của người theo đạo được nói lên ý kiến chống đối sự phá thai và cố gắng can ngăn phụ nữ, can ngăn chứ không ép buộc hoặc hình sự hóa, đừng chọn giải pháp phá thai mà hãy sinh con khi đã có bầu.

Cho dù chúng tôi không bao giờ nhất trí với nhau về vấn đề nạo phá thai và

sinh đẻ có kế hoạch nhưng Mẹ Teresa và tôi vẫn có nhiều ý kiến chung trên nhiều khía cạnh khác, kể cả tầm quan trọng của việc chấp nhận sinh con để rồi cho làm con nuôi. Chúng tôi đều tin rằng việc chấp nhận sinh những đứa con dù không mong đợi vẫnốt hơn việc nạo phá thai. Vào lần đầu gặp nhau bà đã nói cho tôi nghe về những mái ấm dành cho trẻ mồ côi ở Ấn Độ và mời chúng tôi cùng giúp bà lập nên các cơ sở tương tự ở thủ đô Washington để các trẻ sơ sinh bị bỏ rơi được chăm sóc cho đến khi chúng được nhận làm con nuôi.

Khi tôi đồng ý hỗ trợ chương trình này, Mẹ Teresa càng hăng hái vận động thêm các tổ chức khác. Nếu cảm thấy công việc từ thiện bị trì hoãn, bà liền viết thư hỏi tôi xem chúng tôi đã tiến đến đâu. Bà phái người đến thúc giục tôi tiến hành. Bà gọi điện cho tôi từ Việt Nam, bà gọi điện cho tôi từ Ấn Độ, cũng chỉ cùng một câu hỏi: "Bao giờ tôi mới có các nhà mở cho trẻ em mồ côi?”

Việc thành lập nhà mở cho trẻ bị bỏ rơi ở thủ đô Washington diễn ra khó khăn hơn tôi tưởng. Nhà Trắng cũng không dễ dàng vượt qua thói quan liêu của cơ quan quản lý cư trú và các quan chức trong hệ thống dịch vụ dân sinh. Cuối cũng vào tháng 6 năm 1995, khu nhà mở của Mẹ Teresa dành cho trẻ mồ côi cũng được lập nên ở vùng ngoại ô an ninh, xinh đẹp gần thủ đô Washington. Mẹ Teresa đã bay từ Calcutta đến cùng tôi khai trương khu nhà mở. Như một đứa trẻ hạnh phúc, bà ấy nắm chặt tay tôi trong bàn tay nhỏ nhắn nhưng mạnh mẽ của bà, kéo tôi lên cầu thang để xem căn phòng chăm sóc trẻ vừa mới sơn xong cùng với hàng xe nôi có mui dành sẵn cho trẻ. Dường như không có trở ngại nào ngăn được lòng nhiệt huyết của bà. Và ngay lúc đó tôi đã hiểu được vì sao vị nữ tu sĩ giản dị này có thể huy động các quốc gia thực hiện theo ý chí của mình.

Quy mô ảnh hưởng của bà được bộc lộ đầy đủ trên quảng trường ở Calcutta khi các Tổng thống, các Chủ tịch đều quỳ trước chiếc quan tài chưa đóng kín. Tôi có thể hình dung bà ở trên cao đang nhìn xuống quang cảnh này và tự hỏi làm thế nào bà có thể điều khiển tất cả những người đang c để giúp đỡ người nghèo ở tất cả các quốc gia mà họ đại diện đến đưa tang ngày hôm ấy.

Mẹ Teresa đã để lại một di sản vô cùng to lớn cùng với một người kế vị là Sơ Nirmala, một thành viên của Giáo đoàn Tình thương đã nhiều năm làm việc cùng với Mẹ Teresa. Sau đám tang, Sơ Nirmala mời tôi đến thăm viện trẻ mồ côi ở Calcutta và ngỏ ý muốn gặp riêng tôi tại Mother House - trụ sở chính của dòng tu này. Khi tôi đến, Sơ Nirmala dẫn tôi vào một căn phòng quét vôi trắng giản dị, được thắp sáng bằng nhiều dãy nến đặt sát tường. Khi

mắt tôi đã quen với bóng tối, tôi nhìn thấy chiếc quan tài đóng kín của Mẹ Teresa đã được đưa về đây, nơi quê hương của bà, nơi bà sống mãi mãi. Các nữ tu sĩ đứng thành vòng tròn quanh chiếc quan tài của Mẹ và cầu nguyện trong im lặng, lúc đó Sơ Nirmala cũng yêu cầu tôi cùng cầu nguyện cho Mẹ. Tôi thoáng giật mình, lưỡng lự, bất chợt thấy như mình thất lễ. Rồi tôi cúi đầu xuống và thầm cảm ơn Chúa đã ban cho tôi ân huệ được biết đến người phụ nữ nhỏ bé nhưng đầy nghị lực và vô cùng thánh thiện này khi bà còn sống trên trái đất. Tôi tin chắc lúc này ở trên thiên đường, bà cũng đang nhìn theo khi mỗi người chúng ta đang cố gắng hoàn thành, bằng cách riêng của mình, lời khuyên bảo của bà là hãy yêu thương Chúa và yêu thương nhau.

Vào trung tuần tháng Chín, việc mà tôi lo lắng suốt nhiều năm qua cũng đã đến: Chelsea chuyển tới California để học Trường Stanford. Để nguôi ngoai niềm lo lắng về đoạn đời ngọt ngào lẫn đắng cay này, tôi bỏ cả tháng trời chuẩn bị tất cả những vật dụng cần thiết cho Chelsea. Chúng tôi cùng nhau đi mua sắm ở Linens'n Things and Bed Bath & Beyond, tôi đã mua máy hút bụi DustBuster, máy sấy quần áo, giấy simili lót tủ và rất nhiều những vật dụng khác mà chỉ có người mẹ mới nghĩ rằng chúng cần thiết cho cuộc sống ở ký túc xá.

Chúng tôi cũng mong việc Chelsea đến trường41;i học vào giữa tháng 9 năm 1997 sẽ diễn ra một cách kín đáo. Ban giám hiệu trường đã chấp nhận mối quan tâm của chúng tôi về sự riêng tư của Chelsea và đã thảo luận những vấn đề an ninh với bộ phận mật vụ nhằm giúp Chelsea học tập như một sinh viên bình thường. Cho dù có bảo vệ suốt 24 trên 24 nhưng mọi việc được tiến hành hết sức kín đáo vì quyền lợi của cả nhà trường và Chelsea. Các nhân viên bảo vệ trực tiếp sẽ ăn mặc như những sinh viên và trà trộn trong số họ và cũng sống gần Chelsea trong khu nội trú. Đồng thời, Trường Stanford cũng hài lòng với việc giới hạn báo giới ra vào trường, các nhà báo không có giấy phép cụ thể sẽ không được đến gần ký túc xá nơi Chelsea ở hay bám sát Chelsea trong các buổi học.

Chelsea, tôi và Bill đã đến Palo Alto vào một ngày mùa thu đẹp trời. Theo lời mời của ban giám hiệu Trường Stanford, chúng tôi đồng ý chụp một tấm ảnh kỷ niệm ngày đầu tiên ở trường đại học trước gần hai trăm phóng viên trên khắp thế giới đến săn ảnh và tin tức về vụ Chelsea đến học tại đây. Sau dịp chụp ảnh này, Chelsea sẽ được báo giới để yên và sẽ bắt đầu học đại học giống như 1.659 sinh viên khác cùng tốt nghiệp Trường Stanford năm học 2001.

Chúng tôi đến một khu nhà nội trú ba tầng, nơi Chelsea sẽ ở trong thời gian

học đại học. Những cuộc mua sắm và sắp xếp va-li vào phút cuối đã khiến tôi rất mệt và cũng giống như nhiều bà mẹ khác, tôi cảm thấy rời rã ngay khi bước chân vào khu nội trú. Chelsea ở cùng phòng với một nữ sinh khác trong căn phòng nhỏ bé chỉ vừa đủ đặt hai chiếc giường cá nhân, hai cái bàn học và mấy cái tủ áo. Tôi phải chạy tới chạy lui suy nghĩ cách để làm thế nào sắp xếp đủ tất cả đồ đạc của Chelsea vào căn phòng ấy. Tôi bỏ bớt các loại khăn tắm và ra trải giường ra ngoài, đo và cắt giấy lót cho vừa với hộc tủ. Vừa dọn dẹp tôi vừa trêu chọc con nhưng không bớt lo lắng: "Hay là để đồ dùng vệ sinh của con dưới gầm giường? Và mẹ nghĩ con không nên sắp ếp bàn học như thế".

Trong lúc đó thì Bill, cũng như các ông bố khác, bị rơi vào trạng thái đờ đẫn ngay khi bước chân vào khu nội trú. Bill kiên quyết tự mình mang hành lý của Chelsea. Và rồi với một chút nỗ lực, anh sắp xếp lại hai cái giường mà Chelsea và bạn cùng phòng muốn đặt cách xa nhau. Sau khi nghiệm ra rằng, trước tiên phải sấp chiếc thường lại, Bill cũng đã hoàn thành được công việc rồi anh rút lui ra phía cửa sổ, đứng buồn rầu nhìn ra ngoài trông như một võ sĩ đang choáng váng sau một hồi bị đánh tơi tả trên võ đài.

Sự lo lắng quá mức của tôi trước sự xa cách con gái càng khiến cho Chelsea thấy buồn hơn. Và tôi chỉ nhẹ lòng khi nhớ ra rằng, các bậc cha mẹ khác cũng làm như vậy. Cách đây vài năm tại một cuộc họp phụ huynh và sinh viên, Blake Harris đại diện cho sinh viên lên phát biểu đã rất hài hước kể chuyện về mẹ mình: "Các vị phụ huynh yêu quý, các vị đã cố gắng hết mức. Và các vị sẽ nhớ con khi rời khỏi đây trong buổi tối nay. Và, các con của quý vị cũng sẽ nhớ quý vị trong tháng xa nhà đầu tiên, mỗi lần nhớ khoảng mười lăm phút. Như cha mẹ tôi chẳng hạn. Mẹ tôi đã khóc khi tôi bắt đầu đi tham quan các trường đại học. Khi chúng tôi đến đây... mẹ tôi nỗ lực đến suýt ngất khi dành cho tôi sự chăm sóc cuối cùng của người mẹ. Bà cho rằng, việc bà lót giấy trong ngăn tủ của tôi là chuyện cực kỳ cần thiết để giữ quần áo được sạch sẽ. Tôi cứ để bà làm theo ý của bà. Tôi không nỡ nào nói với bà rằng, nếu quần áo của tôi mà sạch tới mức ấy thì chúng không còn đường chui vào ngăn tủ nữa". Chelsea và tôi nhìn nhau, và cùng cười vang. Cuối cùng tôi cảm thấy hình như mình không đơn độc.

Vào cuối giờ chiều, tất cá các phụ huynh chúng tôi phải rời khỏi khu nội trú để cho sinh viên nghỉ ngơi và tự do sắp xếp chỗ ở của mình. Các bà mẹ như chúng tôi thu dọn đồ đạc (những vật dụng không cần dùng đến) và tiến về phía cổng. Sau nhiều tuần chuẩn bị, mua sắm, đóng gói và sắp xếp, bây giờ là giây phút quan trọng nhất đòi hỏi chúng tôi phải chứng tỏ sự cứng rắn và mạnh mẽ của mình.

Ở một góc độ nào đó, chúng tôi đã chuẩn bị tâm lý cho việc rời xa bọn trẻ để chúng bắt đầu cuộc sống mới của chính chúng. Nhưng khi quan sát các ông bố, tôi nhận thấy họ dường như vẫn không hề có sự chuẩn bị trước. Ngay giây phút chia tay, họ dường như tỉnh ngộ và đột ngột tỏ ra lo lắng về viễn cảnh phải rời xa những đứa con của họ. Bill trông hơi buồn và thốt lên: "Sao, đến giờ chúng ta phải đi rồi sao? Ăn tối xong chúng ta quay lại được không?".

CON ĐƯỜNG THỨ BA

Vào cuối năm 1997, tôi đến thăm tòa nhà Chequers, dinh thự miền quê chính thức của Thủ tướng Anh theo lời mời của Thủ tướng và Phu nhân để tham dự một cuộc họp thân mật giữa các chính khách của Anh và Mỹ. Thủ tướng và Phu nhân mời tôi tham quan tòa nhà. Thật tuyệt vời, tôi được tận mắt nhìn những di vật như chiếc vòng của Nữ hoàng Elizabeth đệ nhất, xem chiếc bàn mà Napoleon từng sử dụng ở đảo Sant Helena, hành trình bí mật của Cromwell, phòng giam (tên gọi này có từ khi Phu nhân Mary Gray bị nhốt 2 năm ở đó vào những năm đầu thế kỷ 16 vì tội kết hôn mà không được phép của vua. Chúng nằm trong số những di tích lịch sử của một tòa lâu đài oai vệ có từ thế kỷ 16 với những vết nứt, những góc xó, những hành lang hẹp, những cầu thang hình trôn ốc mà một Thủ tướng Anh vẫn đang sống tại đó.

Thủ tướng Tony Blair lên cầm quyền chỉ mới 6 tháng trước trên nền tảng nhưng ý tưởng tiến bộ, rằng ông sẽ canh tân tư duy truyền thống của Đảng Lao động về những vấn đề xã hội và kinh tế. Sau khi nhậm chức, ông luôn tin tưởng Bill vì những khích lệ mà ông và Đảng của ông đã nhận được trong việc đưa ra một hướng đi khác, khi mà Vương quốc Anh và châu Âu đang phải đối mặt với những thử thách của quá trình toàn cầu hóa và vấn đề an ninh kinh tế và chính trị.

Tony và Cherie Blair lúc đó cũng đang tập trung vào những vấn đề mà tôi và Bill đã suy tính trong nhiều năm qua. Lần đầu tiên tôi khám phá ra sự tương đồng về chính trị giữa hai bên khi Tony đang còn là lãnh đạo Đảng Lao động. Một người bạn chung của chúng tôi, Sid Blumenthal, một phóng viên người Mỹ và là tác giả của nhiều tập sách chuyên viết về tình hình chính trị của Mỹ và Anh, khuyên chúng tôi nên hợp tác với nhau. Sid là bạn thân của Bill và tôi đã nhiều năm, và tôi luôn đánh giá cao những phân tích sắc sảo của anh về tình hình chính trị. Vào năm 1997, anh ấy bắt đầu làm việc cho Nhà Trắng, vợ anh là Jackie, một nhà tổ chức kinh nghiệm và có uy tín tham gia bộ máy chính phủ từ năm 1996.

"Ông bà và vợ chồng Blair là những người bạn tâm giao về chính trị", Sid nói với tôi, "Các ông bà cần phải gặp nhau."

Năm 1996, khi Sid và Jackie tổ chức chiêu đãi Tony tại nhà, họ cũng mời tôi đến tham dự. Tôi gặp Blair tại bàn khai vị và nói chuyện trong suốt 30 phút chỉ toàn về chính trị và các chính sách nhà nước của hai quốc gia Anh, Mỹ. Ngay lập tức tôi nhận ra rằng quả thật chúng tôi rất hợp nhau. Ngài Thủ tướng cũng đang cố tìm những sáng kiếnho những mỹ từ tự do xưa cũ,

những giả định và những vị trí với hy vọng tìm ra đường lối mới đẩy mạnh sự phát triển kinh tế, tự do hóa con người và công bằng xã hội trong xu hướng toàn cầu hóa thông tin hiện nay.

Cho dù với tên gọi nào: Dân chủ mới, Lao động mới, Đường lối thứ ba hoặc Trung tâm sống còn, Bill Clinton và Tony Blair vẫn cùng chung quan điểm về chính trị. Vấn đề mà mỗi nước đang đối mặt là làm thế nào củng cố thêm sức mạnh cho phong trào tiến bộ vốn đã chìm lắng trong những năm 70 và 80, tạo điều kiện cho chủ nghĩa Reagan xuất hiện ở Mỹ và chủ nghĩa Thatcher ở Anh.

Đảng Cộng hòa ở Mỹ đã là bậc thầy trong việc dấy lên làn sóng ngầm những tư tưởng bảo thủ sau khi Thượng nghị sĩ Barry Goldwater bị Lyndon B. Johnson đánh bại trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1964. Bị sốc do mất đi nhiều quyền lợi, nhiều trùm tỉ phú của Đảng Cộng hòa bắt tay vào chiến lược gieo rắc những học thuyết chính trị bảo thủ, thậm chí cực hữu để phát triển và đẩy mạnh các chính sách riêng, nhằm tiến xa hơn trên chính trường. Họ tài trợ cho các nhà tư tưởng, đài thọ cho các hội nghị, hội thảo chuyên đề và phát triển các kênh thông tin đại chúng để truyền bá các quan niệm và ý tưởng của họ.

Vào năm 1980, họ bắt đầu tài trợ cho các chiến lược quảng bá về chính trị thông qua ủy ban Tuyên truyền Chính trị Bảo thủ Quốc gia (NCPAC) là một trong những tổ chức chính trị đầu tiên sử dụng thông tin đại chúng như một phương tiện để tuyên truyền đối nghịch. Thông qua thư từ và quảng cáo trên truyền hình, NCPAC phá vỡ một điều cấm kỵ đã được thừa nhận trong các cuộc bầu cử địa phương và quốc gia: đã tấn công các hồ sơ và vị trí của các đối thủ một cách cay độc cũng như không ngừng theo dõi các ứng cử viên Đảng Dân chủ.

Đây là điều tăm tối nhất của nh hữu Cộng hòa, nhưng nhờ đó mà họ đã giành được quyền lực với một khuôn mặt công khai khác hẳn : Ronald Reagan rám nắng và tự tin. Reagan đã hai lần thắng cử vào chức vụ Tổng thống trong thập niên 1980 và Đảng Cộng hòa đã giành được những thắng lợi quan trọng trong Quốc hội. Tôi hoài nghi hiệu quả của chiến dịch bôi nhọ đối phương ngay lần đầu tiên chứng kiến vào những năm 80 lúc Bill tái ứng cử chức Thống đốc bang. Nhưng tôi đã sai. Chiến dịch bôi nhọ đối phương mà mọi người có vẻ không ưa lại tỏ ra hiệu quả đến nỗi cả hai phe đều sử dụng nó, mặc dù Đảng Cộng hòa và các nhóm lợi ích liên minh với họ áp dụng nó có hiệu quả hơn là Đảng Dân chủ. Đa số các ứng viên đều nghĩ rằng không có cách nào hơn là phải phản ứng trả đũa, nhưng việc đưa ra những thông tin sai

và bóp méo sự thật của chiến lược bôi nhọ đã làm mất lòng tin của công chúng không chỉ đối với các ứng viên mà còn đối với cả hệ thống chính trị.

Nước Mỹ và nước Anh là hai hệ thống chính trị khác nhau, có những phương pháp vận động tranh cử khác nhau, tuy nhiên, tôi và Bill chia sẻ với Blair cùng một cuộc đấu tranh để phát huy những tư tưởng tiến bộ hơn trong công chúng. Thành công của Bill trong cuộc tranh cử là nhờ vào sự kết hợp khả năng về chính trị của anh ấy, việc nhận ra rằng Đảng Dân chủ đã trở nên lạc hậu và những phương thuốc chữa trị mà anh ấy đưa ra. Đảng này đã lãnh đạo đất nước trải qua Thời kỳ suy thoái, Thế chiến thứ hai, chiến tranh lạnh và cuộc cách mạng dân quyền. Giờ đây, các lãnh đạo đảng cần suy xét lại làm cách nào để biến các tư tưởng cốt lõi của đảng thành những giải pháp hiện đại cho những thách thức an ninh toàn cầu mà chúng ta phải đối mặt khi bước vào thế kỷ 21, cho sự thay đổi mô thức làm việc và sinh hoạt gia đình của lối sống Mỹ. Bill đã cố gắng đưa Đảng Dân chủ thoát ra khỏi cái mà anh gọi là "hệ thống chính trị đóng băng trong quá khứ", trong đó cánh hữu chống cánh tả, phe tự do chống phe bảo thủ, người chủmâu thuẫn quyền lợi với người lao động, tăng trưởng kinh tế hủy hoại môi trường, phe ủng hộ chính phủ chống phe đối nghịch... - để tạo ra một "trung tâm năng động". Làm việc với Hội đồng Lãnh đạo Đảng Dân chủ, với người sáng lập và lãnh đạo hội đồng - ông Al From - và với những người khác nữa, Bill trở thành một trong các đảng viên Dân chủ đầu tiên từ thập niên 1980 đã đưa ra một triết lý mới cho Đảng Dân chủ và tổ chức đảng chung quanh một tầm nhìn hiện đại về cách thức hoạt động của chính quyền. Họ ủng hộ mối liên kết với thành phần tư nhân, với công dân để thúc đẩy các cơ hội kinh tế, trách nhiệm cá nhân và một ý thức lớn lao hơn về một cộng đồng chung.

Trong nỗ lực cải tổ Đảng Lao động, Blair cũng đưa ra những chủ đề tương tự ở bên kia bờ Đại Tây Dương. Tôi nhớ mình có mặt ở Luân Đôn cuối những năm 1980 và xem tivi tường thuật Hội nghị chính trị thường niên của Đảng Lao động. Tôi thấy ngạc nhiên khi có quá nhiều đại biểu dùng những từ "comrades" để gọi nhau, một giọng điệu cũ rích của một thời quá khứ đầy tai tiếng đã qua. Sau gần hai thập niên Đảng Bảo thủ nắm quyền, Blair nổi lên vào thập niên 1990 như một gương mặt mới nhiệt tình và năng động của Đảng Lao động. Sau khi được bầu làm Thủ tướng vào tháng 5 năm 1997, Blair ngỏ lời mời Bill đến thăm chính thức Luân Đôn và ở đó, chúng tôi đã trò chuyện với nhau hầu như không dứt.

Tony và Cherie đều là luật sư tập sự và gặp nhau khi cùng làm thư ký cho một hội luật gia nổi tiếng ở Anh. Khi Blair lên làm Thủ tướng vào năm 1997 thì họ đã có với nhau 3 người con. Cherie vẫn tiếp tục theo đuổi sự nghiệp

luật sư của mình, từ xử lý các vụ kiện hình sự phức tạp đến việc đại diện cho thân chủ khi ra Tòa Nhân quyền châu Âu. Năm 1995, cô ấy được phong là luật sư của nữ hoàng (QC) - một vinh dự thật to lớn. Và từ1;n nay cô ấy giữ chức vụ thẩm phán. Tôi ngưỡng mộ cách Cherie theo đuổi sự nghiệp của mình, thậm chí có những trường hợp cô ấy phải đối chất với Chính phủ. Cherie chuyên xử lý các vụ việc pháp lý liên quan đến tranh chấp lao động. Nhiều khách hàng của cô ấy thật đáng để người ta chú ý hay thậm chí là đáng để mọi người tranh cãi. Năm 1998, Cherie đứng ra đại diện cho một công nhân đồng tính đang làm cho hãng đường sắt quốc gia để đòi công bằng về quyền lợi như các công nhân bình thường khác. Tôi không thể tưởng tượng nổi liệu một Đệ nhất Phu nhân như tôi có thể đứng ra kiện chính phủ Mỹ trong những vụ việc tương tự như thế.

Với tư cách Phu nhân tân Thủ tướng, Cherie phải gánh thêm áp lực nặng nề từ phía công chúng nhưng cô ấy cũng không thuê thêm nhân viên phụ tá ngoại trừ hai nhân viên sắp xếp lịch làm việc và công việc văn thư làm việc bán thời gian. Dù sao thì vai trò của một Phu nhân Thủ tướng vẫn ít mang tính biểu tượng hơn là một Đệ nhất Phu nhân vì Nữ hoàng hay các thành viên khác của hoàng gia thường phải thực hiện nhiều hoạt động mang tính nghi lễ hơn. Khi tôi và Cherie gặp nhau, cô rất thích nói về cách sắp xếp công việc của mình. Tôi động viên cô hãy cố gắng là chính mình tuy tôi biết rằng điều này không dễ chút nào đối với những con người của công chúng. Tôi cũng động viên cô ấy nên đi theo thiên hướng của mình để dạy dỗ các con, đừng cho chúng bị ảnh hướng nhiều bởi những lời tâng bốc của báo chí. Cherie đã từng có một kỷ niệm bất ngờ với giới báo chí là vào thời gian sau khi Blair đắc cử Thủ tướng, một buổi sáng sớm cô ấy bước ra trước cổng nhà riêng để nhận hoa tặng qua đường bưu điện thì bị chụp ảnh lén trong khi đang mặc bộ đồ ngủ.

Khi Cherie, Tony, Bill và tôi cùng thưởng thức bữa tối và trò chuyện rôm rả tại nhà hàng Le Pont de la Tour, gần ngọn Tháp Luân Đôn trên dòng sông Thames, chúng tôi chia sẻ các ý tưởngvấn đề giáo dục và phúc lợi, mối quan tâm về tác động lan tỏa rộng của truyền thông. Trong buổi ăn tối hôm đó, chúng tôi quyết định sẽ bắt đầu một cuộc thảo luận giữa các cố vấn của chúng tôi để tìm ra những ý tưởng và chiến lược chung.

Việc tổ chức cuộc họp mặt lần đầu tiên mất hết nhiều tháng do có sự phản đối từ phía các quan chức ở cả hai nước. Hội đồng An ninh Quốc gia và Bộ Ngoại giao Anh lo rằng việc này sẽ làm phật lòng các quốc gia va các chính phủ thân hữu khác khi tổ chức các cuộc họp chỉ bao gồm hai nước Anh và Mỹ. Và tôi đưa ra lý lẽ phản bác rằng nếu mối quan hệ được cho là đặc biệt

giữa Anh-Mỹ chỉ mang ý nghĩa song phương thì việc tổ chức các cuộc họp không chính thức giữa hai nước sẽ không làm phiền lòng các nước đồng minh khác. Bill và tôi vẫn giữ vững lập trường vì chúng tôi biết rằng mỗi nước sẽ học hỏi được từ nước kia và tạo ra một môi trường chính trị tích cực. Tuy nhiên, chúng tôi cũng sẽ không cứng nhắc. Để hạn chế bớt sự chú ý, Bill sẽ không tham gia cuộc họp đầu tiên mà Tony muốn tổ chức tại Chequers. Chúng tôi cũng quyết định chỉ tập trung vào các vấn đề trong nước, chỉ lướt qua các vấn đề quan trọng trong chính sách đối ngoại giữa hai nước tại cuộc họp song phương và nhận ra rằng trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay, các chính sách quốc gia cũng có một ảnh hưởng quốc tế đáng kể.

Danh sách sau cùng về những đại biểu người Mỹ tham gia gồm: Melanne; Al From; Sid Blumenthal, lúc đó đang làm trợ lý cho Tổng thống; Andrew Cuomo, Bộ trưởng Bộ Gia cư và Phát triển Đô thị; Larry Summers, Thứ trưởng Bộ Tài chính; Frank Raines, Giám đốc Ban quản lý ngân sách; cố vấn kiêm người viết diễn văn Don Baer và giáo sư Joesph Nye đến từ Trường quản lý hành chính Kennedy thuộc Đại học Harvard. Blair đã mời Hiệu trưởng Trường Kinh tế Luân Đôn Anthony Giddens và các thành viên chính phủ của ông gồm Gordon Brown - Bộ trưởng Tài chính, Peter Mandelson - Bộ trưởng Không bộ, Nữ công tước Margaret Jay - Phó chủ tịch Viện Nguyên lão (Thượng viện), David Miliband - Giám đốc Chính sách.

Tôi rời Washington vào ngày 30 tháng 10, trạm dừng chân đầu tiên của tôi là Dublin và Belfast. Vị tân Thủ tướng Cộng hòa Ireland, ông Bertie Ahern tổ chức một bữa tiệc chiêu đãi tại đền Thánh Patrick ở cung điện Dublin. Là một chính khách tao nhã và hiểu biết sâu rộng, Ahern chứng tỏ được mình là một Thủ tướng giỏi và rất ủng hộ tiến trình hòa bình. Ông ly hôn vợ đã nhiều năm và có quan hệ lâu dài với một phụ nữ đáng yêu và năng động là Celia Larkin. Mối quan hệ này là một trong những bí mật công cộng, ai cũng biết nhưng không ai công khai nói ra. Ông Bertie nhân cơ hội tôi đến thăm để công khai hóa nó. Khi Đại sứ Jean Kennedy Smith cùng tôi bước lên sân khấu để chào quan khách, ông Bertie và cô Celia cũng bước lên theo. Báo chí Ireland sửng sốt như bị điện giật. Khi tôi và Bertie ngưng phát biểu thì họ lao tới các máy điện thoại và máy vi tính. Sau này Susan Garrity, phóng viên thường trú báo Irish Times tại Washington - người đi cùng với tôi để tường thuật về chuyến công cán - kể cho tôi biết rằng cô đã nghe một nhà báo thét vào ống nghe điện thoại: "Tôi đã bảo với anh rằng ông ấy đưa tình nhân của mình lên khán đài đứng cạnh Đệ nhất phu nhân. Anh có thể nào tin đó là sự thật không ? Đúng thế đấy!".

Tin tức động trời này chẳng ảnh hưởng gì đến sự nghiệp chính trị của Ahern,

ông đã tái đắc cử vào năm 2002. Nó cũng không phải là chủ đề bàn tán tại bữa dạ tiệc thân mật mà sau đó Bertie, Celia và tôi cùng tham dự với một vài người bạn Ireland. mà tôi rất thích như là Seamus, Marie Heaney và Frank McCourt tác giả của quyển Angela’s Ashes.

Sáng hôm sau, tôi bay đến Belfast để thực hiện một bài diễn thuyết đầu tiên tưởng nhớ bà Joyce McCartan tại Đại học Ulster. Tôi nói về sự cống hiến không mệt mỏi của Joyce cho nền hòa bình và công nhận những người phụ nữ như bà, bất ch những mất mát bản thân, đã đóng góp vào sự hiểu biết ngày càng lớn lao giữa các truyền thống khác nhau trong suốt những giai đoạn khó khăn và hiện đang giữ một vai trò trong tiến trình hòa bình. Tôi rất ngưỡng mộ Monica McWilliams và Pearl Sager - những người đại diện cho phong trào liên minh phụ nữ tại buổi nói chuyện do cựu Thượng nghị sĩ George Mitchell chủ trì theo như chỉ định của Tổng thống Bill.

Trong chuyến đi này, tôi đã trực tiếp chứng kiến tầm quan trọng của các mối liên hệ đang diễn ra giữa Thiên Chúa giáo và đạo Tin Lành tại một hội nghị bàn tròn dành cho các đại biểu thanh niên hai cộng đồng được tổ chức tại tòa nhà Waterfront - một công trình kỷ niệm tinh thần lạc quan về tương lai của Belfast. Những hội nghị kiểu này hỗ trợ tiến trình hòa bình và đưa thanh niên xích lại gần nhau hơn. Họ sống ở những nơi khác nhau và đi học đều đặn một cách nghiêm túc tại các trường dòng. Tôi sẽ mãi nhớ những gì mà một cậu sinh viên đã nói với tôi khi tôi hỏi cậu ta nghĩ cần làm thế nào để có một nền hòa bình lâu dài. Cậu ta nói rằng "Chúng tôi cần được đào tạo cùng nhau cũng như các bạn sinh viên ở Mỹ”.

Nguyên nhân của việc tôi ủng hộ nâng cấp hệ thống trường công theo tiêu chuẩn cao hơn và hiệu quả hơn, chống lại hoạt động làm suy yếu hệ thống trường công thông qua việc thu tiền là vì hệ thống này mang những đứa trẻ thuộc mọi chủng tộc, tôn giáo và hoàn cảnh xuất thân đến gần nhau hơn, đồng thời định hình và duy trì nền dân chủ đa nguyên của chúng tôi. Rất ít quốc gia trên thế giới có thể phát huy lợi ích của nền giáo dục đa chủng tộc như thế. Khi xã hội phát triển ngày càng đa dạng thì điều cực kỳ quan trọng là trẻ em phải được học tập cùng nhau, học cách chấp nhận và tôn trọng những sự khác biệt để củng cố tính nhân đạo chung của con người.

Cùng tham dự hội nghị ở Belfast có Majorie "Mo" Mowlam Tổng thư ký của Tony Blair phụ trách khu vực Bắc Ireland. Thời gian qua, "Mo" vừa kết thúc việc điều trị một khối u lành tính ở vùng đầu làm cho cô ấy rụng nhiều tóc. Cô phải mang tóc giả và sau đó cô hỏi tôi có phiền không nếu cô ấy cởi tóc giả ra. Cô vẫn thường làm thế ngay cả trong các cuộc họp chính thức, để lộ

cái đầu hói với vài sợi tóc vàng loe hoe. Tôi thầm nghĩ có lẽ cô ấy nên cắt bỏ hết phần tóc còn lại vì lúc đó trông cô sẽ ấn tượng hơn và cô cũng không cần đội tóc giả trong tư cách đại sứ hòa bình. Và mọi người sẽ thấy rằng Mo là một phụ nữ coi trọng cá tính hơn là ngoại hình. Dù sao, Mo đã trở thành một người bạn mà tôi rất quý mến.

Tôi đáp chuyến bay từ Belfast đi Luân Đôn, rồi lái xe 40 dặm về hướng bắc đến Buckinghamshire, nơi tòa nhà Chequers tọa lạc trên diện tích 1000 mẫu ở vùng ngoại ô nước Anh. Khuôn viên tòa nhà được bao quanh bởi những con đường lát đá và một khu vườn được chăm chút kỹ. Một cánh cổng chính rất to là lối vào khu trang viên lát bằng gạch đỏ dùng làm nơi nghỉ ngơi cuối tuần của thủ tướng từ năm 1921, khi dinh cơ này được giao lại cho chính phủ Anh. Tony đón tôi ở trước cổng tòa nhà trong bộ jeans xanh và nụ cười rạng rỡ đặc trưng của ông ấy.

Vào buổi tối hôm đó, gia đình Blair, Melane và tôi cùng thưởng thức một bữa dạ tiệc thân mật kéo dài đến khuya, ngay cạnh chiếc lò sưởi lớn xây bằng đá tại dinh thự Great Hall, chúng tôi thảo luận rất sôi nổi về hàng loạt vấn đề, từ chuyện Yeltsin và nội các của ông, chuyện nước Pháp đối mặt với Iran và Iraq đến việc Mỹ tham gia vào chiến sự ở Bosnia. Chúng tôi cũng thảo luận về cái mà Tony gọi là "suy nhược cơ thể" đang lan tràn trong cuộc sống hiện thời, và mối liên hệ giữa niềm tin tôn giáo và các hoạt động xã hội. Cả hai chúng tôi đều xây dựng niềm tin chính trị của mình từ gốc rễ đức tin và chính gốc rễ đó đã hun đúc nên sự dấn thân của chúng tôi trong công tác xã hội. Tôi nói về lời nguyện thề của John Wesley mà tôi luôn ghi nhớ như in lần thề nguyện trước đức tin của Hội Giám lý - "Hãy sống và làm càng nhiều việc tốt mỗi ngày bằng hết khả năng của mình" và bàn về cái mà các nhà thần học gọi là "luật nhân quả".

Sáng hôm sau, các thành viên còn lại trong danh sách tham dự của Mỹ và Anh đã có mặt đầy đủ. Cùng ngồi thưởng thức cà phê trên tầng hai của tòa nhà Great Parlor, chúng tôi thảo luận về những chính sách hỗ trợ các hộ gia đình thực hiện chức năng đầu tiên của họ là nuôi con, cũng như những chính sách giáo dục và việc làm.

Sau buổi thảo luận, chúng tôi đi dạo quanh khu vườn, nhìn ngắm đồng cỏ xanh tươi trải dài tận chân trời. Vào cuối mùa thu, khí hậu ở nước Anh thường âm u và ẩm ướt, tuy nhiên, ngày hôm ấy bầu trời lại rất trong xanh và đầy ánh nắng làm cho quang cảnh xung quanh thật rực rỡ. Tôi nhìn ra phía bụi mận gai và các luống hoa hồng được chăm chút cẩn thận và chợt nhận ra rằng tòa Chequers tuy được canh gác cẩn thận nhưng không hề có một bức

tường rào cụ thể nào hoặc bất cứ dấu hiệu nào cho thấy đây là nơi cư ngụ bí mật của các thành viên chính phủ.

Vào bữa ăn tối hôm đó, tôi ngồi cạnh bên Tony Giddens - một học giả nổi tiếng với nhiều tác phẩm chuyên viết về Con đường thứ ba. Giddens nói với tôi rằng khi lịch sử đẫm máu của thế kỷ 20 được viết lên thì trong đó việc nâng cao vị trí cho phụ nữ là một mốc mới trong lịch sử, cũng tầm cỡ như sự tiến bộ vượt bậc về khoa học công nghệ và công cuộc phòng thủ thành công cũng như sự tăng trưởng của nền dân chủ Tây phương.

Ngay khi tôi quay về Mỹ thì Sid và tôi truyền đạt lại toàn bộ các sự kiện cho Bill và tôi đề nghị anh ấy hãy tiếp tục quá trình tiến hành các cuộc họp theo đường lối mới. Và anh ấy đã thực hiện. Bill đã tổ chức một cuộc họp tại Phòng Xanh của Nhà Trắng suốt thời gian Thủ tướng Anh Tony Blair vng thăm chính thức nước Mỹ vào năm 1998 và tổ chức các hội nghị tiếp theo tại Đại học New York vào năm 1998 bao gồm các nhà lãnh đạo khác có cùng quan điểm như Tổng thống Ý - ông Romano Prodi và Thủ tướng Thụy Điển - ông Goran Persson và tổ chức hội nghị với Thủ tướng Đức - ông Gerhard Schroeder, Thủ tướng Ý- ông Massimo D'Alema và Tổng thống Brazil - ông Fernando Henrique Cardoso tại Florence vào tháng 11 năm 1999.

Các hội nghị theo đường lối mới này giới thiệu một phương cách mới để chính phủ đàm phán với các đồng minh truyền thống của Mỹ và chúng tôi nghĩ rằng ít có đồng minh nào tốt hơn nước Ý. Bill và tôi đã đến thăm thành phố Tuscany và thành phố Venice của nước Ý vào năm 1987 cùng với đoàn các thống đốc bang và tôi rất mong có dịp quay lại đó. Năm 1994, chúng tôi đến Naples dự hội nghị thượng đỉnh G-7 do Thủ tướng Silvio Berlusconi chủ trì. Tôi đã thực hiện được mong ước của cuộc đời mình là khám phá nền văn hóa nghệ thuật xứ Napoli, thăm đền Pompeii, Ravello và bãi biển Amalfi tuyệt đẹp. Tôi ước gì được nán lại đó lâu hơn hay chí ít là được quay lại đó ngay bây giờ. Tương tự, khi chúng tôi viếng thăm chính thức thủ đô Rome, tôi tận hưởng từng giây từng phút. Và tôi vui mừng khi Florence được chọn là nơi đăng cai hội nghị Con đường thứ ba, được phối hợp tổ chức bởi Đại học New York dưới sự chủ trì của John Sexton, khi ấy là Hiệu trưởng Trường Luật còn nay là Chủ tịch của đại học này.

Những chuyến viếng thăm nước Ý tạo cơ hội cho tôi có thời gian đàm luận với một loạt các Thủ tướng từ Berlusconi, Prodi, D'Alema và Carlo Ciampi, tất cả đều là những đồng minh tốt, đặc biệt là trong vấn đề Bosnia, Kosovo và sự mở rộng NATO.

Ở Palermo, Sicily, tôi tham dự một chương trình huấn luyện về khả năng lãnh đạo của Diễn đàn Tiếng nói sống còn và phát biểu ở nhà hát Opera mới được phục hồi trong một hội nghị do Leoluca Orlando, trưởng thành phố Palermo chủ trì. Orlando tin rằng văn hóa có sức mạnh thay đổi cuộc sống và xã hội. Ông đã lãnh đạo một chiến dịch tiến hành từ cơ sở để giành lại Palermo từ tay mafia. Ông tổ chức cho học sinh "phụ trách" các tượng đài mà chúng sẽ chăm sóc, coi đó là phương thức tập cho chúng thuần thục với những giá trị của tinh thần trách nhiệm công dân và học hỏi sự tử tế. Ông thường xuyên nói chuyện với các tu sĩ và lãnh đạo doanh nghiệp để khích lệ họ chung tay với ông tiêu diệt sự thống trị của nỗi sợ hãi mà người dân đang phải chịu đựng. Cuối cùng, sau hàng loạt vụ công chức nhà nước bị ám sát một cách dã man, những người phụ nữ ở Palermo đã nhận thức được. Họ treo trên cửa sổ những tấm ra trải giường với dòng khẩu hiệu in đậm: "BASTA - Hãy ngừng tay”. Việc biểu hiện tập thể sức mạnh của họ, kết hợp với những cuộc tuần hành rộng rãi đã làm nổi sóng cuộc chiến đấu lâu dài của người dân Sicily chống lại mafia.

Phương pháp điều hành sáng tạo của Orlando là một tấm gương sống về cách mà Con đường thứ ba giải quyết vấn đề, nó đã mang đến cho người dân sự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi và bạo lực. Sẵn sàng tiếp thu những ý tưởng nhằm cải thiện đời sống nhân dân là dấu hiệu của một sự lãnh đạo tốt, tuy nhiên đôi khi người lãnh đạo cũng cần được khích lệ, đặc biệt là khi họ lãnh đạo những nền dân chủ mới, đang nỗ lực vận dụng lần đầu tiên các nguyên tắc về bình đẳng và tự chủ. Chính phủ Mỹ nghĩ rằng những cuộc viếng thăm cấp cao là rất quan trọng trong nỗ lực của chúng tôi nhằm thắt chặt mối quan hệ ngoại giao với các nền dân chủ còn non trẻ. Và đó là lý do tôi phải bay đến Kazakhstan, Kyrgyzstan, Uzbekistan, Ukraine và Nga - cụ thể là Siberia, một trong những nơi hẻo lánh xa xôi mà tôi chưa bao giờ đặt chân tới. Mặc dù vậy, tôi phải đến đó trước hết - một nơi căng thẳng hơn người ta tưởng nhiều.

Và tiếp đó, tôi đi cùng với Kelly, Melanne và Karren Finney - thư ký phụ trách báo chí cho tôi, một phụ nữ trẻ cao ráo, tính hài hước với sức khỏe dẻo đai. Chúng tôi xuất phát từ sân bay Căn cứ Không quân Andrews vào tối Chú nhật ngày 9 tháng 11 trên một chiếc máy bay Boeing 707 từng là chuyên cơ của Tổng thống Mỹ. Máy bay cất cánh được 10 phút, lúc đó tôi đang xem quyển sách hướng dẫn tóm tắt về Kazakhstan - trạm dừng đầu tiên của chuyến đi hôm đó, bỗng một nhân viên phi công nói khẽ với tôi rằng chuyến bay phải quay lại điểm xuất phát do một trong các động cơ máy bay gặp sự cố. Tôi không quá lo lắng vì tôi biết rằng những chiếc máy bay loại này vẫn bay tốt cho dù chỉ còn 3 trong 4 động cơ hoạt động. Và tôi rất tin

tưởng ở các phi công của lực lượng không quân, họ là những phi công giỏi nhất thế giới. Rồi tôi tiếp tục đọc sách.

Chúng tôi hạ cánh an toàn xuống sân bay Andrews trên chiếc máy bay chỉ còn 3 động cơ hoạt động và được đón tiếp trong những ánh đèn pha nhấp nháy liên tục của những chiếc xe chữa lửa. Trong lúc các kỹ sư hàng không đang kiểm tra sự cố kỹ thuật thì tôi tranh thủ gọi điện cho Bill thông báo chuyến bay bị hoãn và hy vọng chúng tôi sẽ sớm cất cánh trở lại khi máy móc được sửa xong. Cuối cùng, vài giờ sau chúng tôi biết rằng không thể lên đường trước trưa ngày hôm sau vì vậy chúng tôi phải về nhà lúc nửa đêm. Khi tôi về đến Nhà Trắng thì thấy Bill đang nói chuyện điện thoại với Chelsea, con bé đang nội trú tại trường và vừa xem bản tin "Breaking News" trên trang CNN.com: "Chuyến bay của Đệ nhất Phu nhân bị hoãn lại... nhiên liệu phải vứt bỏ... nhưng mọi người trên máy bay đều an toàn". Mẹ tôi cũng gọi điện đến hỏi thăm vì bà rất lo lắng và muốn nghe tiếng nói của tôi Nhiều bạn bè của tôi gọi đến hỏi thăm khi thấy dòng tít lớn trên tờ The Washington Post CHUYẾN BAY CỦA ĐỆ NHẤT PHU NHÂN BỊ HỦY : CHUYẾN CÔNG DU TRUNG Á BỊ HOÃN. Thông tin báo chí đưa lên rầm rộ như thể tôi vừa phải nhảy dù ra khỏi máy bay vậy.

Hôm sau, chuyến bay tiếp tục sau khi động cơ máy bay đã được sửa chữa xong. Quả thật chuyến bay đó không dành cho những người yếu tim. Chúng tôi đáp xuống một đường băng nhớp nháp không có đèn chiếu sáng, nhìn người ta dùng xẻng xúc tuyết bám trên máy bay, được mời nếm thử đủ loại rượu vodka ở các trạm dừng, mọi lúc mọi nơi. Đó là một trong những chuyến đi nước ngoài có nhiều kỷ niệm khó quên nhất trong suốt thời gian tôi ở tại Nhà Trắng. Đồi núi trập trùng, tươi đẹp một cách bình dị và kỳ lạ, các quốc gia có tên "stan" này là quê hương của Con đường Tơ lụa cổ xưa mà Marco Polo từng đi qua. Những người Kazakh, người Kyrgyz và người Uzbek - vài người vẫn mặc trang phục truyền thống dân tộc - là con cháu của dòng dõi Bộ tộc Vàng, của những chiến binh của Thành Cát Tư Hãn và Đại hãn Kublai. Trong thời hậu Xô viết, họ cố gắng tạo ra một con đường hiện đại giống như Con đường Tơ lụa để các quốc gia và các nền kinh tế của họ có thể tiến vào thế kỷ 21. Mặc dù họ đã bị Nga hóa trong thời kỳ Xô viết nhưng mỗi nước đều bảo lưu được đặc tính dân tộc rõ ràng và một dân số đa dạng đến kinh ngạc.

Kazakhstan là một quốc gia giàu dầu mỏ và khí đốt, có nhiều tiềm năng nâng cao đời sống nhân dân miễn là tệ tham nhũng không bòn rút hết tất cả các nguồn thu nhập của quốc gia. Tôi đến thăm trung tâm sức khỏe phụ nữ do quỹ hỗ trợ nước ngoài của Mỹ tài trợ. Do không có các biện pháp tránh thai

nên việc nạo phá thai trở nên phổ biến trong chương trình kế hoạch hóa gia đình dưới thời cộng sản. Chính sách của chính quyền Clinton là làm cho nạn phá thai ngày càng giảm dần, trở nên an toàn và hợp pháp hơn. Chúng tôi khuyến cáo các bà mẹ không nên nạo phá thai và hạn chế các căn bệnh lây qua đường tình dục thông qua chương trình hỗ trợ kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản. Chính sách này trái ngược với quy định cấm trên phạm vi toàn cầu đã được Tổng thống Reagan ban hành và được áp dụng tiếp bởi Tổng thống Bush (cha), sau đó được bãi bỏ bởi chính quyền Bill vào ngay hôm sau ngày anh nhậm chức Tổng thống (về sau được tái lập bởi Tổng thống George W. Bush (con - ND). Việc tái tục chương trình hỗ trợ của Mỹ bắt đầu phát huy hiệu lực. Các bác sĩ của bệnh viện Almaty cho biết tỉ lệ phá thai và chết trong khi sinh con ngày càng giảm dần, một bằng chứng cho thấy chính sách thực tiễn của chúng tôi về sức khỏe sinh sản có hiệu quả hơn chính sách chống nạo phá thai của Đảng Cộng hòa.

Tôi biết rằng nước Kyrgyzstan - vùng núi tiếp giáp phía đông nam của Kazakhstan - cần viện trợ thuốc men. Làm việc với Richard Morningstar - cố vấn đặc biệt của Tổng thống về chương trình hỗ trợ các quốc gia mới độc lập thuộc Liên bang Xô viết cũ, tôi sắp xếp đưa đến một số khoản trợ giúp nhân đạo - khoảng 2 triệu đô la thuốc tây, dụng cụ y khoa và quần áo.

Đến thủ đô Tashkent của Uzbekistan, tôi gặp ngay Tổng thống Islam Karimov - cựa đảng viên Đảng Cộng sản - một người nổi tiếng độc tài nay quay sang ngưỡng mộ chồng tôi. Ông ấy hỏi tôi rằng làm thế nào mà Bill giữ được quyền lực Tổng thống của mình mà vẫn sống gần gũi với mọi người. Karimov, cũng như thủ lĩnh của các quốc gia mới độc lập khác, chưa có nhiều kinh nghiệm điều hành nền dân chủ. Chưa có một chương trình đào tạo nào cho các nhà lãnh đạo này về "những thói quen của con tim", chính thức và không chính thức, tiềm ẩn sau cái lý thuyết và thực tế áp dụng dân chủ.

Và có một cuộc đấu tranh đang diễn ra nhằm giành lấy trái tim và khối óc của những giáo dân đạo Hồi trên khắp vùng Trung Á. Kanmov bị các nước phương Tây phê phán về việc đã nặng tay với Hồi giáo chính thống, nhưng theo ông thì họ là những phần tử kích động chính trị. Ông mong muốn nuôi dưỡng sự khoan dung giữa các tôn giáo, tôi biết được điều này khi đến thăm khu giáo đường Do Thái mới mở cửa trở lại trong một con hẻm ở Bukhara, một trong những thị trấn buôn bán cổ xưa trên lộ trình giao thương của Con đường Tơ lụa. Tôi gặp một giáo sĩ Do Thái, một người hoạt động như một OB-GYN. Ông đã giải thích làm thế nào mà những tàn dư của cộng đồng người Do Thái thịnh vượng một thời, tính từ thời Diaspora sau khi đền thánh

ở Jerusalem bị phá hủy vào năm 70 sau Công nguyên, lại sống sót được dưới thời Mông Cổ và Liên bang Xô viết, để ngày nay được chính quyền Karimov chấp nhận và bảo vệ.

Tại quảng trường Registan ở Samarkand, Karimov nói với tôi bằng một giọng tự hào rằng ngôi trường Hồi giáo lâu đời Shir Dor Madrassa chuyên dành cho nam sinh, đã hoạt động trở lại và sẽ tiếp tục đào tạo các sinh viên về tư tưởng Hồi giáo truyền thống đã bắt rễ ở Trung Á, đối lập với cách diễn dịch giáo lý Hồi giáo du nhập từ các nước Ả-rập đã biến một số người Uzbek thành những người quá khích và hiếu chiến. Ông mô tả các lực lượng muốn gây bất ổn cho chính quyền của ông và thiết lập nên một nhà nước Hồi giáo giống như chính quyền Taliban, sau đó sẽ cai trị luôn nước láng giềng Afghanistan. Mặc dù khuyến khích việc phục hồi các hoạt động tôn giáo nhưng ông vẫn không chấp nhận các hành vi chống đối chính trị do nước ngoài tài trợ nhưng được ngụy trang bởi quyền tự do tín ngưỡng.

Với tư cách một người Mỹ tham quan Trường Shir Dor Madrassas, tôi cảm thấy khó nghĩ. Sau nhiều năm bị Liên Xô đàn áp, các trường tôn giáo này hoạt động lại và phát triển, nhưng tôi lo ngại vì chúng thiếu cơ hội học tập cho các thiếu nữ và vì sự kiện các trường giáo lý Hồi giáo ở nhiều nơi đã trở thành những nhà xuất khẩu các tư tưởng cực đoan quá khích. Những ngày sau vụ khủng bố 11 tháng 9 năm 2001, tôi lại nhớ trường giáo lý Shir Dor và các trường giáo lý khác mà tôi đã thấy. Ngày nay, tên gọi của các trường này làm người Mỹ liên tưởng đến các trại huấn luyện tẩy não dành cho các phần tử cực đoan và những tên khủng bố tiềm ẩn.

Ở các nước đang phát triển, cơ sở hạ tầng về giáo dục cho trẻ con, cả trai lẫn gái phải được ưu tiên và việc đánh giá đúng vai trò của các trường giáo lý trong thế giới Hồi giáo là rất quan trọng. Ở các nước như Pakistan - nơi mà hệ thống trường công rất khó vào - thì các trường Hồi giáo là giải pháp duy nhất của các bậc phụ huynh nghèo nhưng đầy tham vọng về con trai mình, cho dù việc giáo dục trong các trường giáo lý có thể chỉ là học thuộc lòng chữ Ả-rập hoặc kinh Cô-ran. Trào lưu chính thống mới ở châu Á có thể đã bắt nguồn từ những phong trào Ả-rập và các trường giáo lý. Karimov lo sợ ảnh hưởng ngoại bang này, nên đã cố gắng nuôi dưỡng tư tưởng khoan dung tôn giáo vốn đã là đặc điểm của vùng Trung Á trong quá khứ. Nếu Mỹ tăng việc hỗ trợ các trường công không quá khích này thì có thể chúng ta đã có kết quả là tiết kiệm được nhiều tiền và cứu được nhiều sinh mạng hơn vì tránh được những vụ xung đột và khủng bố.

Tin tức về chuyến viếng thăm của chúng tôi lan nhanh khắp vùng

Samarkand. Khi Karimov và tôi rời khỏi một dự án do USAID tài trợ nhằm xúc tiến xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ do phụ nữ địa phương sản xuất, chúng tôi thấy một đám đông tụ tập và các nhân viên cảnh sát đang cố ngăn chặn họ. Tôi nói với Karimov: "Ngài Tổng thống biết không, nếu chồng tôi có mặt tại đây thì ông ấy sẽ đến bắt tay những người đó".

"Ông ấy thật sẽ làm thế?"

"Vâng, bởi vì trong nền dân chủ thì người dân là chủ mà. Bill sẽ đến bắt tay họ không chỉ để bày tỏ sự thân thiện mà còn là vì anh ấy biết mình đang làm việc cho ai."

"Ừ, vậy thì chúng ta đi."

Trước ngạc nhiên của các sĩ quan phụ tá và lực lượng cảnh sát cũng như đám đông, vị Tổng thống bước đến và bắt tay vài người dân Uzbek.

Tôi quay về Mỹ để tổ chức ăn mừng một chiến thắng lớn về mặt pháp lý, đó là việc ký ban hành Đạo luật về Con nuôi và Gia đình Yên ấm vào ngày 19 tháng 11. Cải cách việc nuôi con nuôi và đẩy mạnh việc chăm sóc con nuôi là một vấn đề quan trọng mà tôi đã quan tâm từ những ngày học tại Trường Luật Yale, nơi lần đầu tiên tôi đại diện cho một người mẹ muốn xin con nuôi.

Trong nhiệm kỳ đầu tiên của Bill, tôi cùng làm việc với Dave Thomas, người sáng lập chuỗi nhà hàng thức ăn nhanh Wendy, một đảng viên vững vàng của Đảng Cộng hòa, cùng nhiều lãnh đạo các tổ chức và quỹ từ thiện khác để đẩy mạnh việc cải cách vấn đề con nuôi. Dave từng là con nuôi và đã cống hiến phần sức lực đáng kể của mình để hợp lý hóa hệ thống chăm sóc con nuôi. Vào thời điểm đó, khoảng 500.000 trẻ em Mỹ đang ở trong tình trạng chờ được xin về làm con nuôi, trong đó khoảng 100.000 em không còn gia đình để quay về, và mỗi năm chỉ có khoảng 20.000 em tìm được gia đình nuôi lâu dài. Tôi hy vọng là quy định mới có thể đẩy nhanh tiến trình giải quyết và xóa bỏ các rào cản về mặt pháp lý đang cản trở việc xin con nuôi.

Deanna Mopin, một cô bé đến từ Kansas, người từ lúc 5 tuổi đã bị đưa vào trại trẻ chờ được làm con nuôi sau khi bị lạm dụng ở ngay trong nhà mình, là một trong những diễn giả hàng đầu tại lễ tổ chức Tháng nhận con nuôi quốc gia tại Nhà Trắng vào năm 1995. Cô kể về cuộc sống chung một mái nhà của mình với 9 đứa trẻ khác tại trung tâm trẻ mồ côi với một tâm trạng vừa e thẹn vừa xấu hổ rằng không ai trong số họ được đi xem phim hay mua sắm

áo quần mà không có sự cho phép của "chủ trại" và hai nhân viên công tác xã hội. Lần sau tôi gặp lại Deanna thì cô ấy đã đựận làm con nuôi và đã trở thành một phụ nữ trẻ, tự tin và hạnh phúc.

Nhân viên chính sách đối nội của tôi đã làm việc không mệt mỏi với các quan chức chính phủ và thành viên Quốc hội để thảo ra luật mới xung quanh vấn đề nhận con nuôi, bao gồm cả việc khuyến khích tài chính cho các tiểu bang, nỗ lực hàn gắn các gia đình trong các trường hợp thích hợp, rút ngắn khung thời gian ban hành quyết định cho phép nhận con nuôi, cũng như việc chấm dứt quyền làm cha mẹ nuôi nếu trẻ bị lạm dụng hoặc thiếu sự quan tâm chăm sóc. Việc thông qua bộ luật quan trọng này còn mang tính giáo dục. Chúng tôi học được rằng, khi thương thảo với Quốc hội vốn còn nhiều ý kiến bất đồng, nếu đưa ra những vấn đề cụ thể chúng tôi thường tiến tới nhanh hơn là chỉ đề cập tới những sáng kiến rộng lớn như là chăm sóc sức khỏe hoặc cải cách phúc lợi.

Những thay đổi lớn trong bộ luật liên bang về vấn đề con nuôi sẽ đẩy nhanh việc đưa hàng ngàn trẻ em như Deanna từ các trại trẻ mồ côi vào các gia đình an toàn và lâu dài. Theo tờ The Washington Post, "Bộ luật này thể hiện bước chuyển biến căn bản trong triết lý về phúc lợi xã hội dành cho trẻ em, từ quan điểm cho rằng vấn đề quan trọng nhất là đưa trẻ quay về với cha mẹ ruột, sang quan điểm cho rằng sức khỏe và sự an toàn của trẻ mới là điều có ý nghĩa lớn nhất". Một trong những khía cạnh thành công đáng ngạc nhiên nhất của bộ luật là cơ hội làm việc với Tom DeLay - một trong những lãnh tụ cực kỳ bảo thủ, hiệu quả nhất mà cũng thiên vị nhất của Hạ viện. Tuy nhiên về vấn đề này, ông nhất định ủng hộ. Ông và phu nhân của ông rất quan tâm đến vấn đề con nuôi, và sau khi tôi trở thành Thượng nghị sĩ thì chúng tôi có dịp cùng làm việc chung với nhau.

Trong vòng 5 năm sau khi ban hành Đạo luật về Con nuôi và Gia đình Yên ấm, số trẻ em được nhận làm con nuôi đã tăng hơn gấp đôi, v chỉ tiêu của bộ luật. Tuy nhiên, tôi nhận thấy có gần 20.000 thiếu niên bị "quá tuổi” trong các trại trẻ mồ côi khi chúng tròn 18 tuổi mà vẫn chưa được nhận về các gia đình. Ngay khi chúng phải đối mặt với giai đoạn chuyển đổi quan trọng sang thời kỳ tự lập, chúng không còn được nhận trợ cấp tài chính của liên bang và một phần trong số chúng trở thành dân vô gia cư, không có bảo hiểm và các hỗ trợ cần thiết khác. Trong chuyến đi đến Berkeley, tôi có dịp tiếp xúc với một nhóm thanh niên đến từ Hội thanh niên California - một tổ chức giúp đỡ các trẻ lớn ở các trại trẻ mồ côi và những em vừa quá tuổi 18. Họ nhấn mạnh những khó khăn của quá trình trưởng thành mà không có sự hỗ trợ tình cảm, xã hội và tài chính mà gia đình thường cung cấp. Joy Warren, một nữ sinh

viên tốt nghiệp đại học xinh đẹp có mái tóc vàng, đã sống gần trọn tuổi "teen" của mình trong các nhà mở tạm thời nhưng vẫn cố gắng tập trung học hành, cô đã được nhận vào trường U.C. Berkeley và tiếp đến là Trường Luật Yale. Joy có hai em gái, một đứa còn ở trại mồ côi, điều này đã buộc Joy phải đảm đương trách nhiệm của một người lớn sớm như thế. Cô ấy trở thành một sinh viên thực tập trong văn phòng của tôi ở Nhà Trắng, phụ tá cho các nhân viên trong việc phát triển các bộ luật mới nhằm chỉ ra các nhu cầu của những thanh niên quá tuổi ở trại mồ côi.

Tôi làm việc với John Chafee - Thượng nghị sĩ của Đảng Cộng hòa bang Rhode Island và Jay Rockefeller - Thượng nghị sĩ của Đảng Dân chủ bang Tây Virginia về vấn đề Luật Con nuôi Độc lập năm 1999, trong đó cho phép thanh niên ngoài lứa tuổi được nhận làm con nuôi vẫn có thể hưởng dịch vụ y tế, các cơ hội đào tạo, huấn luyện nghề và trợ cấp chỗ ở, được tư vấn và các hỗ trợ khác.

Vào tháng Mười năm đó tôi bước qua tuổi 50, mặc dù theo nhiều quyển sách tâm lý thì đây sẽ là giai đoạn khó khăn nhưng tôi thấy rằng chẳng có gì khó hơn việc sống xa Chelsea. Cả ngày lẫn đêm tôi bận rộn với các cuộc họp và sự kiện rồi đến những ngày lễ lạt, nhưng một điều rất lạ là tôi cảm thấy khu vực Nhà Trắng trở nên trống vắng khi không có điệu nhạc phát ra từ phòng ngủ của Chelsea và những tiếng cười đùa của bọn trẻ khi chúng ăn bánh pizza trong Phòng Tắm nắng. Tôi nhớ hình ảnh con bé xoay người khi đi dọc hành lang đến tiền sảnh. Đôi khi tôi bắt gặp Bill đang ngồi trong phòng con bé và nhìn quanh tư lự. Tôi phải thừa nhận rằng vợ chồng tôi đang bước vào một giai đoạn mới trong đời sống gia đình - một bước ngoặt trong cuộc sống mà những người ở lứa tuổi chúng tôi thường gọi là hội chứng cô độc. Chúng tôi càng ngày càng thấy trống vắng. Khi có nhiều thời gian đi đây đi đó, giao lưu ngoài xã hội thì chúng tôi thấy không chịu được khi trở về căn nhà vắng vẻ. Vì thế lúc đó chúng tôi cần phải thay đổi không khí gia đình: chúng tôi quyết định nuôi một con chó.

Từ năm 1990, sau khi con chó cộc Zeke chết đi thì chúng tôi không nuôi con chó cưng nào nữa. Chúng tôi đã rất yêu nó và không muốn thay thế vị trí của nó bằng một con khác. Sau đó một thời gian, Chelsea đem về nhà một con mèo tam thể tên là Socks, nó cùng chúng tôi đến sống ở Nhà Trắng và là con mèo duy nhất ở đó.

Tuy nhiên khi Bill tái đắc cử nhiệm kỳ thứ hai và Chelsea sắp đi học xa nhà thì chúng tôi quyết định sẽ nuôi thêm một con chó. Chúng tôi tham khảo sách về chó kiểng, tôi, Bill và Chelsea cùng nghiên cứu xem nên chọn loại

chó nào giữa vô số tranh ảnh và chủng loại chó kiểng. Chelsea muốn nuôi một giống chó nhỏ để có thể dắt nó đi dạo, còn Bill muốn một con chó lớn để chạy đua cùng anh ấy. Chúng tôi cùng bàn bạc và cuối cùng quyết định chọn giống Labrador là loại có kích cỡ và tính cách phù hợp nhất cho gia đình chúng tôi ở Nhà Trắng.

Tôi muốn dành tặng Bill món quà Giáng sinh là chú chó này nên tôi chuẩn bị trước mọi việc. Đầu tháng 12, tôi sắp xếp cho Lab, chú chó ba tháng tuổi lông màu sô-cô-la, gặp vị Tổng thống lần đầu tiên. Chú chó con chạy đến nằm gọn trong vòng tay Bill và họ ngay lập tức trở nên rất thân thiết với nhau. Bấy giờ cần phải đặt một cái tên cho nó. Chúng tôi liệt kê một danh sách rất nhiều tên và lựa chọn. Nhiều người viết thư đến đề nghị chúng tôi tổ chức cuộc thi đặt tên cho con vật cưng này. Hai cái tên mà tôi thấy thích nhất là Arkanpaws và Clin Tin Tin.

Quá trình chọn tên ngày càng trở nên khó khăn, và chúng tôi thấy rằng nên nhanh chóng chọn một cái tên cho chú chó cưng của mình. Cuối cùng chúng tôi chọn được một cái tên mà theo chúng tôi rất đơn giản nhưng quý phái, đó là Buddy.

Buddy là "nick name" của một người chú rất thân của Bill - chú Oren Grisham - một người đã dành hết cuộc đời mình cho công việc nuôi và huấn luyện chó, ông vừa mới mất vào mùa xuân vừa qua. Khi Bill lớn lên ở thành phố Hope thì chú Buddy đã cho Bill chơi với đàn chó săn của chú. Khi Bill càng nói nhiều về chú chó cưng mới này thì anh ấy càng nhớ đến người chú của mình và đó cũng là lý do anh ấy đặt tên cho nó là Buddy. Theo tôi, chỉ có một trục trặc nhỏ là một người quản gia của Nhà Trắng có tên là Buddy Carter. Chúng tôi không muốn ông ấy phiền lòng khi chúng tôi đặt tên cho chú chó của mình trùng tên của ông. Tuy nhiên, khi chúng tôi hỏi ý kiến ông thì ông lại rất vui về điều đó. Thật ra thì dĩ nhiên có sự phân biệt lớn giữa hai cái tên ấy. Một lần ông trêu chúng tôi rằng "Buddy đang gặp rắc rối" khi con chó đang xé ngấu nghiến tờ báo, rồi nói "Buddy kia chứ không phải tôi".

Vài tháng sau, khi con chó được đưa đi thiến thì Buddy Carter bước vào khu ở của chúng tôi, vừa lắc đầu vừa nói lẩm bẩm "Hôm nay thật chẳng phải một ngày may mắn của Buddy chút nào".

Chú chó xinh xắn nhanh chóng hòa nhập vào cuộc sống hàng ngày của chồng tôi. Nó ngủ vo tròn dưới chân anh trong Phòng Bầu Dục và nó thức rất khuya để canh gác. Cả hai rất vui khi ở cùng nhau bởi vì Buddy có nhiều tính cách giống như Bill. Buddy yêu thương mọi người, có một tính cách r

lạc quan, vui vẻ và có khả năng tập trung cao độ một cách phi thường. Buddy mê nhất là hai thứ: thức ăn và banh tennis. Những lúc rượt đuổi quả banh trông nó rất cuồng nhiệt. Nếu không bắt nó dừng lại thì nó sẽ đuổi theo tới cùng để đem quả banh về cho bằng được. Sau khi thức dậy, nó sẽ đòi ăn tối và thức trông nhà.

Buddy nhanh chóng trở thành trung tâm chú ý của cả nhà, điều này là một trở ngại đối với Socks. Nhiều năm qua Socks đã quen được mọi người quan tâm. Một trong những tấm ảnh yêu thích nhất cửa tôi là tấm chụp Socks đang bị vây quanh bởi nhóm phóng viên săn ảnh ở bên ngoài Tòa nhà Thống đốc bang Arkansas trước khi chúng tôi chuyển đến Washington. Thật không may là Socks không thích Buddy. Chúng tôi luôn cố gắng hòa giải và tạo sự thân thiện giữa chúng. Nhưng nếu chúng tôi để chúng ở một mình cùng nhau trong phòng thì không tránh khỏi cảnh Socks uốn cong người gầm gừ Buddy, còn Buddy cũng sẵn sàng rượt đuổi con mèo dưới gầm chiếc trường kỷ. Với cặp móng vuốt bị cắt cùn nhưng Socks không bao giờ bỏ qua bất cứ cơ hội nào để tấn công Buddy và một lần nó đã đá mạnh vào mũi con chó. Cả hai đều có nhiều fan hâm mộ và nhận được rất nhiều thư, hầu hết từ các trẻ em gửi đến bày tỏ sự yêu thích với chúng. Sự thật là tôi đã phải lập những hộp thư riêng biệt cho chúng ở dịch vụ U.S. Soldiers' và Airmen's Home để trả lời thư của chúng. Năm 1998, tôi đã công bố một số thư gửi đến đề Soks thân mến, Buddy thân mến và phần tiền thu được trao cho Quỹ Công viên Quốc gia, tổ chức từ thiện gây quỹ ủng hộ hệ thống công viên quốc gia.

Giáng sinh đã đến rồi đi mà chúng tôi chẳng hay. Và chúng tôi phải đi đến Hilton Head, bang Nam Carolina để tham gia Renaissance Weekend với 1.500 người gồm bà con và bạn bè.

Tôi mong được gặp lại bạn bè và rất vui về cuộc hội ngộ. Tuy nhiên, tôi cần nghỉ ngơi và tôi cũng náo nức về chuyến đi 4 ngày đến thành phố Saint Thomas đảo Virgin thuộc Mỹ dự kiến ngay sau Tết. Chúng tôi đã đến hòn đảo xinh đẹp trên biển Caribbe này vào năm ngoái và nghỉ lại tại một khách sạn nhìn ra vịnh Magens. Năm nay chúng tôi lại quay về địa điểm cũ và dắt theo Buddy.

Chúng tôi hạ cánh tại một sân bay nhỏ ở thủ phủ Charlotte Amalie, lái xe dọc những con đường cong hình vòng cung một bên là núi với những hàng cây dừa và xoài xanh tươi để đến khu nghỉ mát nằm tách biệt ở phía bắc hòn đảo. Không khí ấm áp và những cơn gió nhẹ của vùng nhiệt đới như chào đón du khách khu nhà nghỉ nằm trên ngọn đồi có những bậc thang lượn vòng dẫn xuống eo biển nhỏ nhắn phía dưới. Lực lượng bảo vệ mật có trụ sở ở bên

cạnh và đội bảo vệ bờ biển đã xua thuyền bè ra khỏi cái vịnh nhỏ để tăng cường an ninh và cả sự riêng tư cho gia đình Tổng thống. Chúng tôi nhìn ra xa ngoài khơi và chẳng thấy dấu hiệu gì của sự sống. Quả là một nơi thật ấn tượng và rất thanh bình.

Giống như những lần đi nghỉ trước, Bill, Chelsea và tôi vẫn giải trí với những trò chơi quen thuộc: chúng tôi chơi bài và chơi trò đố chữ, ghép hình 1.000 miếng. Chúng tôi mang theo nhiều sách để đọc, trao đổi cho nhau và cùng bàn luận trong những bữa ăn thân mật gia đình. Khi thì chúng tôi đi bơi, đi dạo, chạy bộ, đi xe đạp cùng nhau. Bill thường chơi golf bất cứ lúc nào có thể và thường thì những dịp chúng tôi đi nghỉ cũng là vào mùa bóng rổ hay mùa bóng chày nên phòng của chúng tôi không thể thiếu chiếc tivi. Tuy nhiên, chúng tôi không bao giờ ở một mình vì lực lượng bảo vệ mật luôn ở sát bên và đội ngũ phục vụ tháp tùng Tổng thống luôn sẵn sàng phục vụ món ăn hoặc dọn dẹp, mọi lúc mọi nơi. Và dĩ nhiên, nhiều nhân viên cần thiết khác như: bác sĩ, y tá, lực lượng quân sự hỗ trợ, nhân viên báo chí và cố vấn an ninh luôn bên cạnh chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi đã quen với việc có người hộ tống, họ tôn trọng sự riêng tư của chúng tôi. Nhưng những tay săn ảnh thì không như th

Một buổi trưa vào giữa chuyến đi hôm đó, Bill và tôi mặc đồ bơi và chuẩn bị xuống biển tắm. Một tay săn ảnh thuộc hãng tin AFP của Pháp đã núp sẵn trong bụi cây tại bãi tắm công cộng gần vịnh mà chúng tôi không hề hay biết. Hắn ta chắc phải dùng một loại ống kính tê-lê cực xa vì ngay hôm sau bức ảnh chụp chúng tôi khiêu vũ trên biển đã được đưa lên báo khắp thế giới. Mike McCurry, thư ký phụ trách báo chí của Nhà Trắng đã rất tức giận về việc xâm phạm đời tư này và "việc một phóng viên lại núp trong bụi cây và chụp ảnh lén như thế" theo như lời phát biểu trước báo chí. Rõ ràng sự việc này đặt lại vấn đề an ninh cũng như sự riêng tư. Nếu hắn có thể đến gần để chụp ảnh lén với ống kính tê-lê như thế thì hắn cũng có thể bắn bằng một khẩu súng có ống ngắm được. Nhưng Bill thì không tỏ ra thất vọng mà ngược lại anh ấy còn thích bức ảnh.

Có một cuộc tranh cãi trong giới báo chí về việc liệu tay săn ảnh đó có vi phạm đạo đức nghề nghiệp báo chí và xâm phạm sự riêng tư vì những lợi ích đê hèn của anh ta hay không. Điều đó dẫn đến việc một số phóng viên đồn đoán rằng chúng tôi đã dựng cảnh với hy vọng hình ảnh âu yếm của chúng tôi sẽ được ghi hình lại.

Tôi đã phát biểu trong một cuộc phỏng vấn trên radio sau đó một vài tuần rằng, "Tôi không nghĩ là có bất kỳ một người phụ nữ tuổi 50 nào lại mặc áo

tắm để chụp hình - mà lại đứng quay lưng về phía ống kính như thế".

Có thể đó là những người có thân hình đẹp dù nhìn ở góc độ nào như là Cher, Jane Fonda hay Tina Turner. Nhưng không phải là tôi.

TIẾP TỤC KIÊN TRÌ

"Xin cảm ơn, bà Clinton", một trong số những người đại diện của Kenneth Starr nói với tôi, "Đó là tất cả những gì chúng tôi muốn biết vào lúc này."

David Kendall ngồi cạnh tôi tại Phòng Hiệp ước suốt cuộc phỏng vấn với viên luật sư độc lập để làm sáng tỏ vài vấn đề cuối cùng trong cuộc điều tra về việc sai sót có liên quan đến các hồ sơ của FBI. "Họ cần phải hỏi những điều như vậy, nên cứ để họ hỏi", David cam đoan với tôi. Anh ấy nói đúng: những câu hỏi rất ngắn gọn và qua loa chiếu lệ. Kenneth Starr cũng có mặt ở đó nhưng không nói một lời nào trong suốt mười phút hỏi đáp.

Sau đó David cho rằng bên công tố dường như có vẻ thiển cận và tự mãn hơn thường lệ - "mèo mù vớ cá rán", nói theo ngôn ngữ của một viên luật sư có mặt trong phòng - nhưng bản thân tôi không nhận thấy có điều gì bất thường trong buổi sáng hôm đó. Tôi chỉ cảm thấy biết ơn vì vụ điều tra đã kết thúc và một lần nữa một trong các vụ xì-căng-đan do OIC dàn dựng đã thất bại. Đó là vào ngày 14 tháng 1 năm 1998, và công cuộc điều tra của Starr đã bước vào năm thứ tư. Vụ Filegate là một vụ xôi hỏng bỏng không, cũng giống như một cuộc điều tra khác trong hồ sơ của viên luật sư độc lập Một nhân viên cấp trung của Nhà Trắng làm việc cho bộ phận An ninh Nhân viên đã mắc sai lầm khi dùng một bản danh sách cũ để yêu cầu F những hồ sơ tóm lược của các nhân viên hiện hành, và kết quả là đã gởi nhầm vài hồ sơ của những người vẫn ra vào Nhà Trắng từ thời chính quyền Reagan và cả chính quyền Bush đầu tiên. Nhưng điều này không phải là một âm mưu hay hành vi phạm tội. Mùa thu năm trước, cuối cùng thì Starr cũng thừa nhận rằng thật ra Vince Foster đã tự tử. (Robert Fiske đã đi đến kết luận đó ba năm trước, nhưng đã phải mất đến 4 cuộc điều tra khác, tính cả cuộc điều tra của Starr, để xác nhận điều đó.) Starr cũng đã đi đến một kết cục bế tắc trong cuộc điều tra của mình về vấn đề mua bán đất đai của vụ Whitewater. Âm hưởng của cuộc điều tra đã bám theo chúng tôi ra ngoài phạm vi Nhà Trắng khi những sai sót hành chánh trong việc ghi nhận quà cáp gia tăng như nấm gây xôn xao dư luận, làm nảy sinh hàng trăm mẩu tin tức khác trong vài tháng sau đó.

Thật ra vụ kiện tụng sôi động.nhất mà chúng tôi đang tranh cãi là một vụ kiện dân sự chẳng liên quan gì đến cuộc điều tra của OIC. Nhóm pháp lý của Paula Jones được viện Rutherford trả tiền và hướng dẫn, đây là một tổ chức hỗ trợ pháp lý với quan điểm chính trị cánh tả theo trào lưu chính thống. Các luật sư của Bill nghĩ vụ kiện sẽ được đưa ra xét xử sơ lược trước khi phiên tòa chính thức được mở, thế nhưng Tòa án Tối cao đã quyết định để cho vụ

kiện được tiến hành. Chính vì thế mà Jones được quyền mời những người làm chứng, trong đó có cả Tổng thống. Bill đã được xếp lịch thẩm vấn, có tuyên thệ hẳn hoi vào ngày thứ Bảy, 17 tháng 1 năm 1998.

Mặc dù vẫn có những cơ hội để dàn xếp với Jones bên ngoài tòa án nhưng về nguyên tắc tôi đã phản đối điều này vì cho rằng điều đó sẽ thành một tiền lệ không hay khi một Tổng thống phải dùng tiền để thoát khỏi một vụ kiện tụng rắc rối - những vụ kiện cáo chẳng bao giờ kết thúc. Nhưng sau này tôi mới nhận ra rằng, việc không thu xếp ổn thỏa với Jones ngay từ lúc đầu là một sai lầm chiến thuật to lớn thứ hai mà tôi gặp phải trong việc giải quyết các cuộc điều tra và kiện cáo. Còn sai lầm đầu tiên và cũng là sai lầm lớn nhất chính là đã yêu cầu một luật sư độc lập cho cuộc điều tra này.

Đêm trước ngày hôm đó, Bill đã thức khuya để chuẩn bị cho buổi tường trình. Khi anh rời khỏi nhà, tôi chúc anh may mắn và ôm hôn anh thật chặt.. Tôi đợi anh ở nhà, và khi trở về, anh trông có vẻ xúc động và mệt mỏi. Tôi hỏi xem mọi chuyện thế nào thì Bill bảo đó là một trò khôi hài và cảm thấy bực bội với toàn bộ câu chuyện. Mặc dù chúng tôi đã dự định đi ăn tối tại nhà hàng Washington với vài người bạn, nhưng anh ấy muốn hủy bỏ cuộc hẹn vì muốn có một bữa tối yên tĩnh tại nhà.

Như thường lệ, ai cũng có rất nhiều việc phải làm ngay từ đầu năm. Hàng tuần, Nhà Trắng phải đưa ra những sáng kiến mới mẻ nhằm chuẩn bị cho buổi trình bày Thông điệp Liên bang sắp đến. Một mặt, Tổng thống vẫn luôn hướng tới một ngân sách cân đối, mặt khác phải lên kế hoạch nhằm mở rộng chương trình chăm sóc sức khỏe và giáo dục, cũng như gia tăng những quyền lợi chăm sóc cho trẻ em. Đây là một vấn đề mà các nhân viên của tôi đã rất ủng hộ , nhằm tăng gấp đôi số lượng trẻ em được hưởng những quyền lợi này.

Sáng ngày thứ Tư, 21 tháng 1, Bill đánh thức tôi dậy từ sớm . Anh ngồi bên mép giường và nói với tôi: "Có một chuyện sẽ xảy ra trên các báo chí hôm nay mà em nên biết".

"Anh nói đến chuyện gì vậy?".

Anh ấy nói cho tôi biết về những bài báo đề cập về mối quan hệ của anh với một cựu nhân viên Nhà Trắng và họ cho rằng anh đã yêu cầu cô gái này nói dối với các luật sư của Paula Jones. Starr đã yêu cầu và được Bộ trưởng Tư pháp Jt Reno cho phép mở rộng cuộc điều tra để tìm kiếm những chứng cứ phạm tội nhằm buộc tội Tổng thống.

Bill nói với tôi rằng Monica Lewinsky là một nhân viên tập sự mà anh đã quen biết hai năm trước khi cô là một tình nguyện viên của Dinh Tây. Anh ấy có nói chuyện với cô vài lần và cô đã nhờ anh giúp mình tìm việc. Đó hoàn toàn là do tính cách của Bill. Anh ấy nói cô gái đã hiểu nhầm sự quan tâm của mình, điều mà tôi đã chứng kiến hàng chục lần trước đó. Đối với tôi đây là một câu chuyện rất quen thuộc và ngay lập tức tôi tin rằng những lời cáo buộc đó là không có căn cứ. Cho đến thời điểm đó, tôi cũng đã chịu đựng hơn sáu năm trời những tuyên bố không có cơ sở của một vài cá nhân hoặc nhóm người xúi bẩy có dính líu đến vụ kiện Jones và cuộc điều tra của Starr.

Tôi tra hỏi Bill tới lui về toàn bộ câu chuyện. Anh tiếp tục phủ nhận bất kỳ một hành vi nào không đúng mực và chỉ thừa nhận rằng sự quan tâm của mình đã bị hiểu sai.

Tôi không thể nào thật sự hiểu được điều gì đã diễn ra trong đầu của chồng mình ngày hôm đó. Tất cả những gì tôi biết là Bill kể cho các nhân viên cùng bạn bè của mình một câu chuyện y hệt những gì anh đã nói với tôi: rằng anh đã chẳng làm điều gì sai trái. Lý do anh ấy phải lừa dối tôi và những người khác là chuyện riêng của anh ấy, và anh cần phải kể lại câu chuyện đó theo cách của mình. Lẽ ra, những chuyện vợ chồng như thế này không hề dính líu đến bất kỳ ai khác. Mặc dù từ lâu tôi đã cố gắng bảo vệ những gì còn lại cho cuộc sống riêng tư của mình, lúc bấy giờ tôi đã không thể làm gì được.

Đối với tôi, sự nhầm lẫn rắc rối trong vụ Lewinsky dường như cũng không khác gì một vụ xì-căng-đan xấu xa khác do các đối thủ chính trị dàn dựng. Dù sao, từ khi Bill bắt đầu tranh cử ra làm công chức, Bill cũng đã bị tố cáo đủ mọi thứ từ việc buôn lậu ma túy cho đến việc có con với một cô gái điếm ở Little Rock, còn tôi thì bị gọi là một kẻ cắp và một kẻ sát nhân. Tôi ước chừng, sau cùng, câu chuyện cô nhân viên tập sự này sẽ trở thành một chi tiết nhỏ nhặt trong lịch sử báo lá cải.

Tôi tin tưởng chồng mình khi anh ấy nói với tôi rằng những lời buộc tội là sai sự thật, nhưng tôi nhận ra rằng có khả năng chúng tôi sẽ phải đối diện với một cuộc điều tra khủng khiếp khác ngay vào thời điểm mà tôi nghĩ những rắc rối liên quan đến pháp luật đã chấm dứt. Tôi cũng biết, rằng mối nguy hiểm trong chính trị là có thật. Starr đã biến một vụ rắc rối dân sự thành một cuộc điều tra hình sự, không còn nghi ngờ gì nữa, ông ta sẽ đào sâu vấn đề này bằng mọi giá. Những thông tin rò rỉ mà giới báo chí có được từ phe phái của Jones và từ Văn phòng Luật sư Độc lập cho thấy những lời khai trước tòa của Bill có thể mâu thuẫn với những mô tả của các nhân chứng khác về

mối quan hệ của Bill với Lewinsky. Có vẻ như những câu hỏi trong cuộc thẩm vấn Jones được thiết kế chỉ nhằm giăng bẫy buộc Tổng thống phải chịu tội khai man, và có thể dẫn đến chuyện phải từ chức hoặc bị buộc tội.

Quả thật là có quá nhiều tin xấu mà tôi phải đón nhận trong cùng một buổi sáng. Nhưng tôi biết cả tôi và Bill đều phải tiếp tục cuộc sống thường nhật của mình. Những phụ tá của Dinh Tây đi lại với tâm trạng bàng hoàng, thầm thì trên điện thoại di động và xì xầm sau nhưng cánh cửa khép kín. Việc quan trọng mà chúng tôi cần làm là phải trấn an các nhân viên Nhà Trắng rằng chúng tôi sẽ giải quyết cơn khủng hoảng này và chuẩn bị tinh thần đáp trả, giống như đã từng có trong quá khứ. Tôi biết mọi người sẽ nhìn vào tôi để biết họ sẽ ứng xử như thế nào. Điều tốt nhất mà tôi có thể làm cho chính mình và những người chung quanh mình là tiến lên phía trước và vượt qua khó khăn. Lẽ ra tôi đã có thể dùng nhiều thời gian hơn để chuẩn bị cho buổi trình diện đầu tiên trước công chúng, nhưng không thể. Buổi chiều hôm đó, theo kế hoạch tôi phải phát biểu về quyền công dân trước một nhóm đông người tại Trường Đại học Goucher theo lời mời của một người bạn cũ của chúng tôi, Taylor Branch, tác giả của quyển sách đoạt giải thưởng Pulitzer viết về Martin Luther King có nhan đề Parting the Waters. Vì không muốn làm buồn lòng cả trường đại học lẫn Taylor, vốn có vợ là Christy Macy, nhân viên của tôi, nên tôi ra ga Union và đón xe lúa đến Baltimore.

David Kendall gọi điện cho tôi suốt chuyến đi và thật tốt biết mấy khi nghe giọng nói của anh ấy. Ngoài chồng tôi ra, anh ấy là người duy nhất mà tôi có thể nói chuyện thoải mái. Một năm trước, Starr đã đòi trình tòa những ghi chú từ các cuộc nói chuyện giữa tôi và các luật sư Nhà Trắng về vụ Whitewater, nhưng tôi đã phán quyết rằng đó là đặc quyền của luật sư dịch vụ và nó không áp dụng đối với những luật sư ăn lương nhà nước. Theo David, có vẻ như Văn phòng Luật sư Độc lập đang lên kế hoạch cho đòi hầu tòa tất cả những nhân viên, bạn bè, và các thành viên gia đình - những người có thể cung cấp thông tin về vụ Lewinsky.

Khi chuyến xe lửa Amtrak ỳ ạch đi vào vùng ngoại thành của Maryland, David cho tôi hay đã nghe phong phanh những tin đồn kể từ hôm trước ngày mà Jones cung cấp lời khai và bằng chứng. Các nhà báo đã gọi điện cho anh ấy hỏi về một người phụ nữ khác có liên quan đến vụ việc. Anh ấy đã nghĩ đây là một diễn tiến tương đối rắc rối, nhưng không đến nỗi phải báo động. Giờ thì David xác nhận với tôi rằng vào ngày 16 tháng 1, Bộ trưởng Tư pháp Reno đã viết một lá thư cho ban giám sát có ba thẩm phán đề nghị cho Starr được phép mở rộng phạm vi điều tra đến vụ Lewinsky và hành vi ngăn trở việc thực thi luật pháp có thể có. Sau đó chúng tôi được biết là lá thư giới

thiệu của Reno được dựa trên nguồn thông tin thiếu hoàn chỉnh và giả tạo mà OIC cung cấp cho bà ấy. Bill đã bị đâm sau lưng. Sự bất công đó đã khiến tôi quyết tâm đứng cùng anh ấy chiến đấu với những lời buộc tội.

Tôi chọn giải pháp tiếp tục tiến bước và đáp trả, nhưng quả thật chẳng lấy gì làm vui khi nghe những gì người khác nói về chồng mình. Tôi biết mọi người đang tự hỏi: "Làm thế nào mà bà ta có thể thức đậy mỗi buổi sáng, nói chi tới việc xuất hiện trước công chúng. Ngay cả khi nếu bà ta không tin vào những lời cáo buộc, thì chỉ nghe thôi cũng đã quá đau lòng". Phải, đúng là như thế. Quan điểm của Eleanor Roosevelt cho rằng mỗi người phụ nữ trong đời sống chính trị cần phải "rèn cho da mình trở nên dày như da tê giác" đã trở thành câu thần chú của tôi khi phải đối diện hết khủng hoảng này đến khủng hoảng khác. Không có gì phải ngạc nhiên khi bộ áo giáp của tôi ngày càng trở nên dày hơn sau nhiều năm. Nó có thể giúp tôi chịu đựng được các vấn đề nhưng không vì thế mà nó làm cho các vấn đề trở nên dễ dàng hơn. Bạn không thể chỉ thức dậy vào một buổi sáng và nói "mình sẽ không để ai làm phiền mình, cho dù điều đó có thể xấu xa và ti tiện đến thế nào đi nữa". Tôi đã phải trải qua những giờ phút cô độc và đơn lẻ .

Tôi cũng lo ngại khi bộ áo giáp mà tôi khoác trên người có thể ngăn cách tôi với những tình cảm thật của mình, khiến tôi có thể trở thành một hình vẽ hiểm họa đầy cáu bẳn mà một số nhà chỉ trích đã lên án. Tôi cần phải mở rộng tình cảm để có thể hiểu mình và quyết định điều gì là đúng đắn đối với mình, mặc cho người khác nghĩ gì hay nói gì. Giữ được cảm nhận của chính mình trước con mắt của dư luận vốn không phải là một điều dễ dàng, và bây giờ điều đó lại càng khó gấp bội. Tôi luôn kiểm soát bản thân mình trước những dấu hiệu của sự vô cảm hoặc chai cứng cảm xúc.

Tôi đphát biểu tại hội nghị mùa đông của Trường Goucher, sau đó trở lại nhà ga Baltimore, nơi một đám đông phóng viên. và nhiếp ảnh gia đang đợi tôi. Trong nhiều năm qua, chưa bao giờ tôi bị vây quanh bởi nhiều người đến thế. Những phóng viên đang hô to các câu hỏi, và một số la lớn vượt qua đầu những người khác "Bà có tin những lời cáo buộc là sai sự thật?” Tôi dừng lại và quay sang những chiếc mi-crô.

“Dĩ nhiên tôi tin những lời cáo buộc ấy là sai sự thật - hoàn toàn là như thế", tôi nói, "Bất kỳ lúc nào cũng sẽ rất đau đớn và khó khăn nếu người mà bạn yêu mến, quan tâm và ngưỡng mộ đang bị tấn công và trở thành mục tiêu của những lời cáo buộc tàn nhẫn như chồng tôi đã chịu đựng."

Vì sao họ lại tấn công Bill?

"Đã có một nỗ lực có tính toán nhằm làm suy giảm tính hợp pháp của Tổng thống, nhằm hủy hoại nhưng gì anh ấy đã có thể đạt được, và nhằm tấn công cá nhân anh ấy khi họ không thể đánh bại anh ấy trên chính trường."

Đây không phải là lần đầu tiên tôi nói điều đó và cũng không phải là lần cuối cùng. Với đôi chút may mắn, mọi người bắt đầu hiểu ra những gì tôi đang nói. Trong quan điểm của tôi, những người khởi tố đang làm suy giảm vai trò và hình ảnh của Tổng thống bằng cách sử dụng và lạm dụng quyền hạn của mình, nhằm ra sức chiếm lại quyền lực chính trị mà họ đã đánh mất trong thùng phiếu bầu cử. Khi đó, những hành động của họ trở thành mối quan tâm của mọi người. Tôi cảm thấy như thể tôi có một trách nhiệm kép vừa bảo vệ chồng, vừa bảo vệ đất nước. Họ không thể đánh bại vị trí của anh ấy cũng như những thành công mà các chính sách của anh ấy đã đạt được, họ không thể làm suy giảm lòng yêu mến của công chúng dành cho anh ấy. Vì thế, họ đã lăng mạ anh ấy.chừng mực nào đó, là lăng mạ tôi. Họ đã đánh cược với tất cả những gì có được.

Cũng giống như tôi, Bill không hề trì hoãn những chương trình đã cam kết từ trước. Anh ấy tiếp tục với những cuộc phỏng vấn đã hẹn với đài phát thanh National Public, Roll Call và đài truyền hình PBS. Anh bàn bạc về chính sách đối ngoại và về buổi trình bày Thông điệp Liên bang sắp đến, dự kiến vào ngày thứ Ba, 27 tháng l. Sau đó anh kiên trì trả lời từng câu hỏi về đời sống riêng tư của mình với cùng một câu trả lời cốt lõi: những lời tố cáo là không đúng với sự thật. Anh đã không bắt ai phải nói dối điều gì. Anh sẽ cộng tác với vụ điều tra, nhưng bây giờ chưa phải lúc để nói thêm về điều này.

Một người bạn cũ của chúng tôi là Harry Thomason đã bay đến và đề 'nghị giúp đờ cũng như hỗ trợ về tinh thần. Từng là một người sản xuất chương trình truyền hình, Harry nghĩ rằng những lời phát biểu trước công chúng của Bill chưa thật dứt khoát và thể hiện quá nhiều thiện chí; anh ta thúc giục Bill phải thể hiện sự giận dữ vì bị xúc phạm trước những luận điệu đó. Và Bill đã làm thế. Tại một cuộc họp báo ngày 26 tháng 1 được thiết kế nhằm tập trung vào việc giúp đỡ trẻ em ngoài giờ học, khi Al Gore cùng Bộ trưởng Bộ Giáo dục Richard Riley và tôi đứng bên cạnh, Tổng thống đã thể hiện sự phủ nhận đầy mạnh mẽ đối với mối quan hệ tình cảm với Lewinsky. Tôi nghĩ việc thể hiện sự giận dữ của anh ấy là đúng đắn trong những tình huống như vậy.

Washington bị bao trùm bởi vụ xì-căng-đan đến mức cuồng loạn. Từng ngày một, nổi lên những tình tiết mới về những phương thức được coi là nhằm để đặt bẫy Tổng thống, gồm cả việc thu âm lén và bất hợp pháp. Chính phủ đã

có nỗ lực nhỏ bé nhưng rất quả quyết trong việc xem lại những sáng kiến trong bài Thông điệp sắp đến, nhưng làn sóng phát thanh lại bị trànngập với những suy đoán và tiên liệu về khả năng tiếp tục nắm giữ cương vị Tổng thống của Bill.

Ngày tiếp theo đó là ngày phát biểu Thông điệp về tình hình Liên bang, và tôi tiến hành kế hoạch đã dự tính từ lâu của mình là đến New York để xuất hiện trên chương trình truyền hình Today vào sáng hôm đó. Lẽ ra tôi đã hủy chuyến đi vì lý do sức khỏe, nhưng như thế sẽ chỉ càng tạo thêm nhiều suy diễn xoay quanh sự việc. Thế là tôi lên đường, tự tin rằng mình hiểu rõ vấn đề nhưng vẫn lo ngại cái viễn cảnh phải nói về những chuyện như thế trên truyền hình cả nước. Các cố vấn của Bill và các cố vấn của tôi đã cho tôi những lời khuyên hữu ích. Vài người lo ngại tôi sẽ gây nên mối thù địch với Starr nếu tôi nói về bản chất thiên vị trong cuộc điều tra của ông ta. Nhưng David Kendall cảm thấy không cần phải e dè như thế.

Matt Lauer chủ trì chương trình sáng hôm đó mà không có Katie Couric, vì chồng của Katie là Jay Monahan đã qua đời ba ngày trước do chứng ung thư ruột kết. Mọi người đều ở trong tình trạng ủ rũ tại Trung tâm Rockefeller của New York. Tôi ngồi đối diện với Matt và anh ta bắt đầu cuộc phỏng vấn ngay lập tức sau bản tin lúc bảy giờ.

"Gần đây nhân dân trong nước đều thắc mắc một điều, thưa bà Clinton. Đó là, đâu là bản chất thật sự của mối quan hệ giữa chồng bà và Monica Lewinsky? Ông ấy có mô tả chi tiết mối quan hệ này với bà không?”

Tôi đã trả lời: "Phải, chúng tôi đã trao đổi với nhau thật chi tiết về vấn đề này. Và tôi nghĩ rằng khi vấn đề này được tháo gỡ, cả nước sẽ có thêm nhiều thông tin. Nhưng hiện nay dường như chúng ta đang ở giữa một cơn sốt thông tin dữ dội, vì mọi người đang bàn tán đủ thứ cùng đồn đại và ám chỉ mọi điều. Và tôi đã học hỏi qua những năm gắn bó với các hoạt.động chính trị, và đặc biệt từ khi chồng tôi bắt đầu ra ứng cử tổng thống lần đầu tiên, rằng điều hay nhất nên làm trong những trường hợp này là kiên nhẫn, thở sâu và sự thật tự nó sẽ sáng tỏ".

Lauer đề cập đến việc một người bạn của chúng tôi là James Carville đã mô tả tình huống hiện thời giống như một cuộc chiến tranh giữa Tổng thống và Kenneth Starr. "Bà đã nói, theo như tôi được biết, với một vài người bạn thân, rằng đây là một trận chiến to lớn cuối cùng. Và rằng sẽ có một trong hai bên phải bỏ cuộc."

"Vâng, tôi không biết mình có cường điệu sự việc như thế không", tôi nói, "Câu đó nghe như một lời thoại rất hay từ một bộ phim nào đó. Nhưng tôi tin đây là một trận chiến. Tôi muốn nói là, hãy nhìn vào những người có liên quan đến chuyện này. Họ đã xuất hiện bất ngờ từ những bối cảnh khác nhau. Đây quả là một câu chuyện lịch sử lớn cho bất kỳ ai muốn tìm hiểu, viết lại và lý giải nó như một âm mưu to lớn của cánh hữu nhằm chống lại chồng tôi từ ngày anh ấy đảm nhận chức Tổng thống. Một vài phóng viên đã tử tế nắm được điều này và giải thích vấn đề. Thế nhưng, vấn đề này vẫn chưa được tiết lộ đầy đủ và công khai cho toàn thể dân chúng Mỹ. Và, thật sự, các bạn có biết không, thật là kỳ lạ, chính buổi nói chuyện hôm nay lại có thể làm được điều đó."

Sau đó, khi David Kendall gọi đến để bàn bạc về sự xuất hiện của tôi, tôi cho anh hay tôi đã nghĩ đến anh khi tham dự buổi phỏng vấn.

"Tôi nghe thấy những lời nói khôn ngoan của anh vang vọng trong tai mình."

"Và những lời nói khôn ngoan nhất nào mà bà đã nghe thấy?" David hỏi, vẻ trêu chọc tôi

"Mặc xác họ!", tôi cười lớn.

David, người được nuôi dạy như một tín đồ Quaker, cười khúc khích và ngượng ngùng. "Đó là một câu nói của tín đồ Quaker cổ."

"Ô, giống như Mặc xác mày ư?".

Cả hai chúng tôi cùng cười lớn, xả hết hơi.

Như dự đoán, cụm từ "âm mưu to lớn" đã khiến Starr chú ý. Ông ta tiến hành một bước bất thường bằng cách đưa ra một lời than phiền rằng tôi đã phỉ báng những động cơ của ông ta. Ông ta gọi khái niệm "âm mưu" là "vô lý". Như người ta vẫn thường nói tại Arkansas, "có tật giật mình". Lời nhận xét của tôi dường như đã chạm phải một mạch thần kinh nào đó.

Nhìn lại, tôi thấy lẽ ra mình có thể diễn đạt quan điểm một cách khéo léo hơn, nhưng tôi đã dùng đúng cách biểu đạt mà cuộc điều tra của Starr sử dụng. Lúc đó, tôi không biết sự thật về những lời cáo buộc chống lại Bill, nhưng tôi biết về Starr và mối liên hệ giữa ông ta với các đối thủ chính trị của chồng tôi. Tôi tin rằng đã từng có, và hiện vẫn còn có, một hệ thống mạng lưới các nhóm và cá nhân có quan hệ như những mắt xích với nhau - những người muốn đi ngược lại những tiến bộ mà đất nước ta đã làm được,

từ quyền công dân đến quyền phụ nữ cho đến những quy định về người tiêu dùng và môi trường. Và họ đã dùng tất cả những công cụ mà họ có được - tiền bạc, quyền lực, ảnh hưởng, truyền thông và chính trị - để đạt được những mục đích cuối cùng của mình. Trong những năm gần đây, họ cũng đã trở nên quá thuần thục trong việc dùng những thủ đoạn chính trị để trả thù cá nhân. Trong nhiều thập kỷ qua, họ còn được tiếp sức bởi những người cực đoan luôn chống lại những chính trị gia tiến bộ và các ý tưởng tiến bộ. Cụ thể là các tập đoàn, tổ chức và cá nhân như Richard Mellon Scaife đã cung cấp tiền bạc cho họ. Thực tế là, tên tuổi của nhiều người trong số họ không lạ gì với công chúng và bất kỳ một phóng viên dám nghĩ dám làm đều có thể tìm đến họ. Và một ít người trong giới truyền thông đã bắt đầu công cuộc tìm kiếm đó.

Trong khi đó, giới báo chí bắt đầu tiến hành suy đoán trước bài phát biểu về tình hình Liên bang tối hôm ấy. Liệu Tổng thống có đề cập đến vụ xì-căng-đan (ông ta sẽ không làm thế.) Liệu các thành viên của Quốc hội có tẩy chay bức thông điệp? (Chỉ một số ít là có mặc dù các thành viên Đảng Cộng hòa đã có rất nhiều ý kiến trong đêm đó.) Liệu Đệ nhất Phu nhân có xuất hiện để ủng hộ cho chồng mình? Bạn có thể tin tưởng hoàn toàn là tôi đã có mặt.

Dĩ nhiên, tất cả chúng tôi đều lo lắng về sự tiếp đón dành cho Bill nhưng tôi hiểu là mọi chuyện sẽ ổn thỏa ngay khi bước vào chỗ của mình tại House Gallery. Tôi được tiếp đón bằng một tràng vỗ tay tán thưởng thật dài và tiếng reo hò của không ít khán giả phụ nữ. Bill trông có vẻ thư giãn và tự tin khi sải bước vào giữa một tràng pháo tay thậm chí còn lớn hơn. Tôi nghĩ bài diễn văn của anh ấy đã gây ấn tượng và kích thích mọi người, thật sự là bài diễn văn hay nhất trong sự nghiệp của anh ấy. Bill tóm lược lại sự tiến bộ mà đất nước đã làm được trong vòng 5 năm qua và phác thảo những bước mà anh ấy sẽ làm để củng cố thêm những điều đã đạt được trong suốt nhiệm kỳ Tổng thống của mình. Trước sự ngạc nhiên của một vài người thuộc đảng chúng tôi và trước sự sửng sốt của đảng đối nghịch, anh đã hứa sẽ đệ trình một ngân sách liên bang cân đối sớm ba năm so với kế hoạch và "gìn giữ An sinh Xã hội trước h" nhằm chuẩn bị cho sự về hưu của lớp người già thuộc thế hệ "Baby Boomer" (một thế hệ được sinh ra vào khoảng những năm 1940 - giai đoạn đánh dấu mức độ gia tăng dân số tột đỉnh). Nền kinh tế đất nước đang tăng trưởng, và anh ấy đề nghị gia tăng mức lương tối thiểu. Bin cũng tán thành đẩy mạnh các chương trình giáo dục, y tế và chăm sóc trẻ em. "Chúng ta đã bỏ qua cuộc tranh luận vô ích giữa những người cho rằng nhà nước là kẻ thù và những người cho rằng nhà nước là câu trả lời cho mọi vấn đề", anh ấy nói, "Chúng ta đã tìm ra cách thứ ba. Chúng ta đã có một chính phủ tinh gọn nhất trong 35 năm qua, nhưng là một chính phủ tiến bộ nhất.

Chúng ta có một chính phủ nhỏ hơn, nhưng với một đất nước mạnh mẽ hơn".

Nhiều tháng trước đó tôi đã nhận lời mời phát biểu tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới thường niên vốn diễn ra hàng năm tại Davos, Thụy Sĩ, trong một ngôi làng trượt tuyết nhỏ bé xinh đẹp trên dãy núi Alps. Mỗi tháng Hai, có khoảng hai ngàn doanh nhân tầm cỡ, chính trị gia, quan chức dân sự và các nhà trí thức từ khắp nơi trên thế giới tụ về đây để trò chuyện về những vấn đề toàn cầu và hướng đến những mối liên minh mới hoặc củng cố các mối quan hệ cũ. Đó là lần đầu tiên tôi tham dự diễn đàn, và một lần nữa, tôi không thể nào hủy bỏ chuyến đi này.

Tôi cảm thấy an tâm khi biết có vài người Mỹ vốn là bạn bè cũ của tôi tham dự tại Davos, trong đó có Vernon Jordan và Mayor Richard Daley. Elie và Marion Wiesel tỏ ra đặc biệt tử tế. Là người sống sót sau nạn tàn sát người Do Thái thời Hitler nên Elie có khả năng đồng cảm sâu sắc với mọi người. Ông luôn sẵn sàng chia sẻ những nỗi đau mà người khác phải chịu đựng, và tấm lòng của ông nhân ái đến mức có thể thấm hết nỗi đau của một người bạn mà không cần phải đắn đo. Ông đón chào tôi bằng một cái ôm ghì thật lâu và hỏi: "Có chuyện gì với nước Mỹ vậy? Vì sao họ lại làm như thế?".

"Tôi không biết, Elie", tôi đáp.

"Tôi chỉ muốn bà hiểu rằng Marion và tôi là những bạn bè của bà và chúng tôi muốn giúp đỡ bà". Sự thông cảm và thấu hiểu của họ chính là món quà lớn nhất mà họ có thể tặng cho tôi.

Không ai trong số những người tôi quen biết tại Davos đề cập đến sự náo động đang diễn ra tại Washington, dù họ có cách riêng của mình để biểu lộ sự quan tâm hỗ trợ. "Xin hãy đến dùng cơm tối với chúng tôi", họ đề nghị. Hoặc là "Ô kìa, bà hãy đến đây và ngồi cạnh tôi đây này. Lúc này bà có khỏe không?"

Tôi chỉ việc làm theo những lời mời đó. Và không còn điều gì để có thể nói thêm.

Bài phát biểu của tôi diễn ra tốt đẹp, mặc dù tựa đề do nhà tổ chức diễn đàn đề nghị không được sắc sảo lắm: "Đặc quyền tập thể và đặc quyền cá nhân trong thế kỷ 21". Tôi mô tả 3 thành. phần cốt lõi của bất kỳ một xã hội văn minh nào: một bộ máy nhà nước hoạt động hiệu quả, một nền kinh tế thị trường tự do và một xã hội dân sự đầy sức sống. Bên cạnh thị trường và bộ máy nhà nước, chính mọi thứ tồn tại trong thành phần thứ ba này làm cho

cuộc sống của chúng ta đáng để sống hơn: gia đình, niềm tin, tổ chức tình nguyện, nghệ thuật và văn hóa. Và tôi đã nói về những kỳ vọng và những thực tế mà nhân loại đã nếm trải. "Chẳng hề có một thể chế nhân loại hoàn hảo", tôi nói, “không hề có một thị trường hoàn hảo ngoại trừ trong các lý thuyết trừu tượng của các nhà kinh tế học. Chẳng có lấy một bộ máy nhà nước hoàn hảo ngoại trừ trong những giấc mơ của các nhà lãnh đạo chính trị. Và không có lấy một xã hội hoàn hảo. Chúng ta phải đối diện với con người như chính bản con người." Một bài học mà tôi đã và đang học từng ngày.

Buổi sáng hôm sau buổi thuyết trình, tôi có cơ hội đi trượt tuyết trên những sườn núi gần đó. Tôi chưa bao giờ là một người trượt tuyết giỏi, nhưng tôi yêu thích thể thao. Thật là tuyệt vời khi tự do vận động thân thể mà không phải nghĩ ngợi gì - cái lạnh, bầu không khí trong lành lướt qua khi tôi trượt xuống ngọn núi; ước gì mình có thể trượt tuyết hàng giờ. Ngay cả khi có một nhân viên mật vụ đang lướt theo sau lưng, trong một vài khoảnh khắc, tôi vẫn cảm thấy mình như rơi vào trạng thái không trọng lực.

HÌNH DUNG TƯƠNG LAI

Trong chính trường, đôi khi các đối thủ xuất hiện ở những nơi mà ta không ngờ tới. Là những người chủ tạm thời của Nhà Trắng, Bill và tôi thường mở rộng cửa để đón tiếp khách khứa trong các dịp lễ lộc, tiệc tùng quan trọng. Nhưng chúng tôi chưa bao giờ đặt bất kỳ ai có thái độ chính trị đối lập với mình vào sổ đen. Điều này đã dẫn đến một tình huống khó xử trong một dịp đón tiếp khách. Ngày 21 tháng 1 năm 1998, ngay sau vụ Lewinsky vỡ lở, Bill và tôi đang tổ chức một buổi dạ tiệc để ăn mừng sự thành công của việc gây quỹ cho Quỹ Bảo tồn Nhà Trắng, một tổ chức phi lợi nhuận nhằm mục đích kêu gọi sự đóng góp tài chính của tư nhân chự án phục chế Nhà Trắng. Rosalynn Carter khởi xướng việc gây quỹ này và sau đó Barbara Bush tiếp tục, mục tiêu gây quỹ được đề ra là 25 triệu đô la. Khi tôi trở thành Đệ nhất Phu nhân thì họ đã gây dựng được một nửa số tiền đó. Và giờ đây, tôi rất hài lòng vì chúng tôi đã có thể đạt và thậm chí vượt qua mục tiêu gây quỹ ban đầu. Tôi đã làm điều đó với tất cả lòng say mê đối với Nhà Trắng và buổi dạ tiệc này là cơ hội để tôi bày tỏ sự biết ơn của mình đối với những nhà hảo tâm đã đóng góp gây quỹ.

Bill và tôi đang đón tiếp khách mời ở Phòng Xanh thì bỗng có một người đàn ông mặt tròn vành vạnh đến bắt tay chúng tôi. Khi người sĩ quan hậu cần xướng danh vị khách và người chụp ảnh của Nhà Trắng chuẩn bị chụp hình thì tôi nhận ra ông ta, Richard Mellon Scaife, nhà tỉ phú Cộng hòa đã chi tiền cho chiến dịch dài hơi nhằm loại Bill ra khỏi cương vị Tổng thống. Trước đó tôi chưa từng gặp Scaife nhưng tôi vẫn đón tiếp ông ta một cách bình thường như bất kỳ vị khách nào khác. Không ai để ý đến tình huống đó nhưng mãi đến khi danh sách khách mời được công bố thì một số nhà báo đã thật sự ngạc nhiên khi biết rằng tôi vẫn chấp nhận ông ta. Các nhà báo đã hỏi tại sao tôi mời ông ta, tôi nói Scaife có quyền tham dự buổi dạ tiệc đó vì ông ta đã đóng góp tài chính cho việc bảo tồn Nhà Trắng trong suốt thời kỳ của chính phủ Bush. Nhưng tôi thật sự ngạc nhiên khi ông ta đã chọn cách đối mặt với kẻ thù.

Một sự kiện hội hè tiếp theo là buổi tiệc trọng thể đón tiếp Tony Blair vào ngày 5 tháng 2 năm 1998. Tôi muốn đó phải là một buổi tối tuyệt vời dành cho gia đình Blair vì tình bạn mà tôi và Bill đã gầy dựng với Cherie và Tony cũng như vì những gắn kết lịch sử và mối giao hảo của hai nước. Đây là buổi dạ tiệc lớn nhất mà chúng tôi từng tổ chức tại Nhà Trắng nên chúng tôi đã chọn Phòng Đông thay vì Phòng ăn của chính phủ quá nhỏ. Còn tiết mục giải trí sữa ăn tối nữa, tôi đã cho sắp xếp một chương trình để Ngài Elton John và

Stevie Wonder cùng biểu diễn, đó là một sự kết hợp tuyệt vời giữa âm nhạc Mỹ và Anh.

Khi Chủ tịch Hạ viện Newt Gingrich chấp nhận lời mời, tôi xếp ông ta ngồi phía trái tôi, trong khi Blair sẽ ngồi bên tay phải của tôi theo nghi thức ngoại giao. Gingrich ngưỡng mộ và xem Blair như một nhà lãnh đạo chính trị có tài biến hóa, một từ mà Gingrich từng sử dụng để mô tả bản thân mình. Tôi rất tò mò muốn biết họ sẽ nói gì với nhau cũng như thăm dò suy nghĩ của Gingrich về những lời cáo buộc gần đây nhất của Starr. Nhiều nhà bình luận đã nói về "bóng ma của một cuộc đàn hặc". Mặc dù không có một cơ sở pháp lý của Hiến pháp nào dành cho việc đó, tôi biết chắc chắn phe Cộng hòa sẽ không bỏ qua cơ hội này. Gingrich là nhân vật quyết định: nếu ông ta bật đèn xanh, cả đất nước này sẽ lao vào cuộc chế giễu.

Sau một lúc lâu bàn luận về việc mở rộng NATO, vấn đề Bosnia và Iraq, Gingrich quay qua phía tôi và nói: "Những lời buộc tội chồng bà thật là lố bịch, tôi nghĩ thật là không công bằng khi người ta đang cố lợi dụng sự việc đó. Cho dù có đúng sự thật đi nữa, nó cũng chẳng có ý nghĩa gì. Nó sẽ chẳng đi tới đâu”. Đó là những điều mà tôi mong muốn nghe thấy, nhưng tôi đã thật sự ngạc nhiên. Tôi nói với Bill và David Kendall rằng có vẻ như Gingrich nghĩ rằng những lời cáo buộc Bill thật sự không nghiêm trọng. Nhưng sau đó ông ta đã đổi giọng hoàn toàn khi lãnh đạo phe Cộng hòa cáo buộc Bill về tội làm nhục quốc thể. Tuy nhiên, tôi nghĩ cuộc đối thoại đó là bằng chứng cho thấy Gingrich là một người thật sự phức tạp và khó đoán hơn tôi nghĩ. (Nhiều tháng sau, khi những vụ ngoại tình của ông ta bị tiết lộ, tôi mới hiểu tại sao ông ta đã muốn bỏ qua sự việc.)

Tháng Hai, Starr bắt đầu đưa trát triệu tập các thành viên của Sở Mật vụ để buộc họ ra làm chứng trước đN bồi thẩm đoàn. Starr tìm kiếm chứng cớ để phản bác lời khai của Bill trong vụ Jones, và ông ta muốn các nhân viên mật vụ báo cáo lại những cuộc đàm thoại mà họ có thể vô tình nghe thấy hay những sự việc mà họ chứng kiến trong quá trình bảo vệ Tổng thống. Việc buộc các nhân viên mật vụ ra làm chứng là việc làm chưa từng có trong lịch sử và Starr đã đặt họ vào một tình huống quá khó khăn. Những nhân viên mật vụ là những người không liên quan đến chính trị, công việc của họ thật gian nan, điều kiện làm việc khó khăn và áp lực kinh khủng. Đương nhiên là họ biết những bí mật riêng tư của những người mà họ có nhiệm vụ bảo vệ và họ cũng biết là họ không thể tiết lộ những bí mật này. Nếu những nhân viên mật vụ này không được Tổng thống tin tưởng, họ sẽ không được phép đến gần để làm nhiệm vụ, đó là việc bảo vệ an toàn cho Tổng thống và gia đình - không phải là việc nghe trộm cho luật sư độc lập hay các bộ phận thanh tra

khác.

Tôi tôn trọng và khâm phục những nhân viên mật vụ mà tôi đã gặp gỡ trong nhiều năm qua. Cả người bảo vệ lẫn người được bảo vệ phải cố hết sức để giữ một khoảng cách mang tính chuyên nghiệp cần thiết, nhưng khi cùng trải qua nhiều giờ bên nhau, giữa họ nảy sinh những mối quan hệ mang tính tin cậy và chăm sóc. Gia đình và bản thân tôi nhận thấy các nhân viên mật vụ là những con người rất sâu sắc, hài hước và nồng nhiệt. George Rogers, Don Flynn, A.T. Smith và Steven Ricciardi, - những người từng là nhân viên mật vụ trưởng của tôi - chưa bao giờ phá vỡ mức cân bằng giữa sự thân mật và tính chuyên nghiệp. Tôi sẽ không bao giờ quên thái độ bình tĩnh của Steven Ricciardi sau sự kiện 11 tháng 9, khi anh gọi kiểm tra xem Chelsea có an toàn không. Lúc đó, con bé đang ở mạn dưới Manhattan cùng với cô bạn Nickie Davison của nó.

Lew Merletti, một cựu binh chiến tranh Việt Nam, người đứng đầu Ban bảo vệ Tổng thống (PPD) và sau đó trở thành Giám đốc Sở Mật vụ, đã đến gặp các đặc vụ của Starr và cảnh cáo họ rằng việc buộc các nhân viên mật vụ ra làm chứng sẽ làm tổn hại đến sự tin tưởng cần thiết giữa Tổng thống và các nhân viên mật vụ, ảnh hưởng đến việc bảo vệ an ninh cho Tổng thống hiện tại và sau này. Merletti đã đưa ra đánh giá này dựa trên kinh nghiệm chuyên môn dày dạn của mình qua ba đời Tổng thống Reagan, Bush và Clinton. Các giám đốc sở mật vụ tiền nhiệm cũng đồng ý với quan điểm này. Bộ Tài chính, cơ quan giám sát Sở Mật vụ, đã yêu cầu tòa án từ chối yêu cầu của Starr. Cựu Tổng thống Bush cũng viết thư phản bác ý đồ buộc các nhân viên mật vụ ra làm chứng của Starr. Nhưng Starr vẫn tiếp tục thúc ép các nhân viên mật vụ với các trát đòi hầu tòa. Theo quan điểm của ông ta, điều kiện làm việc và vai trò đặc biệt của Sở Mật vụ là không quan trọng lắm. Tháng Bảy, ông ta đã buộc Larry Cockell, Trưởng Ban bảo vệ Tổng thống, ra làm chứng và làm hồ sơ kiến nghị để buộc những người khác nữa ra làm chứng. Cuối cùng các tòa án cũng đồng ý theo quan điểm của Starr. Xét về mặt pháp luật, mối quan hệ giữa nhân viên mật vụ và người được bảo vệ không giống như quan hệ giữa luật sư và thân chủ hay bác sĩ và bệnh nhân nên không được xem như là một mối quan hệ có tính bảo mật. Cho đến trước thời điểm cuối năm đó, Starr đã buộc hơn hai mươi nhân viên mật vụ của Nhà Trắng ra làm chứng.

Đến đầu mùa xuân năm 1998, công chúng đã có vẻ mệt mỏi với cuộc điều tra của Starr. Nhiều người Mỹ cảm thấy bị xúc phạm bởi những tiết lộ rất dung tục và giật gân từ Văn phòng Luật sư Độc lập.Họ nhận ra rằng cho dù Bill có phạm lỗi trong cuộc sống riêng tư đi nữa thì những vi phạm đó đã

không ảnh hưởng đến khả năng hoàn tất trách nhiệm của một Tổng thống.

Giới truyền thông bắt đầu nghi ngờ và bàn tán đến một khả năng là đã có một nỗ lực có tổ chức nhằm chống lại chúng tôi. Ngày 9 tháng 2, tạp chí Newseek đã đăng tải một sơ đồ chiếm hai trang báo với tiêu đề "ưu hay Trùng hợp ?". Bài báo chỉ ra những mối liên hệ giữa 23 chính trị gia bảo thủ, những nhà tài trợ viên chức truyền thông, tác giả, luật sư, các tổ chức và nhiều người khác, trong việc cung cấp thông tin và tài chính cho các vụ xì-căng-đan mà Star đang điều tra.

Sau đó, trong ấn phẩm tháng Tư của tạp chí Esquire, David Brock đã viết một lá thư công khai xin lỗi Tổng thống về câu chuyện Troopergate mà anh ta đã đăng trên tờ American Spectator năm 1994. Câu chuyện này đã dẫn đến vụ kiện của Paula Jones. Lương tâm của Brock bắt đầu bị khủng hoảng. Quyển sách Blinded by the Right của Brock đã mô tả đầy đủ việc anh ta đã đồng lõa với những âm mưu có tổ chức nhằm tiêu diệt Bill và chính quyền của anh cũng như những nghị quyết, chiến thuật và những mục tiêu của phong trào cánh hữu ở Mỹ.

Chúng tôi chuyển hướng tấn công trên mặt trận pháp lý. Theo luật của Liên bang, Văn phòng Luật sư Độc lập bị cấm tiết lộ thông tin mật được khai trước bồi thẩm đoàn. Nhưng, những thông tin này liên tục bị rò rỉ từ Văn phòng của Starr và thường đến tai một nhóm các phóng viên có cảm tình với Văn phòng Luật sư Độc lập. David Kendall đã lập hồ sơ yêu cầu sự can thiệp của tòa và tổ chức họp báo để tuyên bố việc anh ấy đã yêu cầu vị quan tòa giám sát bồi thẩm đoàn trong vụ Whitewater, ngài Norma Holloway Johnson, cấm việc tiết lộ thông tin. Việc làm này đã có hiệu quả như mong đợi. Sau đó một thời gian, việc rò rỉ thông tin đã ngừng hẳn.

Ngày 1 tháng 4, trong khi Bill và tôi đang ở hải ngoại trong chặng cuối cùng chuyến công du của Tổng thống sang châu Phi, thì Bob Bennett gọi báo một tin quan trọng cho Tổng thống: Thẩm phán Susan Webber Wright đã quyết định bãi bỏ vụ kiện của Paula Jones vì cho rằng nó thiếu căn cứ và giá trị pháp lý.

Suốt mùa xuân đó, Starr đã thuê Charles Bakaly, một chuyên gia PR (giao tế cộng đồng), để đ lại hình ảnh của mình. Có lẽ được Bakaly gợi ý nên vào tháng Sáu, Starr đã có một buổi diễn thuyết tại hiệp hội luật gia ở Bắc Carolina. Ông ta đã so sánh mình với Atticus Finch, một luật sư da trắng dũng cảm người miền Nam trong cuốn tiểu thuyết To Kill Mockingbird của Harper Lee. Trong câu chuyện, Finch đã nhận bào chữa cho một người đàn

ông da đen bị tố cáo đã hãm hiếp một phụ nữ da trắng ở một tỉnh lỵ nhỏ ở Alabama. Finch với hành động của chủ nghĩa anh hùng và lòng dũng cảm vì luân lý, đã chống lại quyền lực không giới hạn của một công tố viên, người đã bóp méo các bằng chứng vì mục đích cá nhân. Tôi đã thấy rất nhiều Atticus Finch trong Vince Foster và trong tính cách tự phong của Starr. Ý thức về sự ưu việt về đạo lý của ông ta - biện hộ cho việc ông ta cho phép mình xem thường các luật lệ, thủ tục và lễ nghi phép tắc - quá lớn đến nỗi tôi cũng như David không thể chịu đựng được nữa. David trả đũa bằng một bài báo đáng trên tờ The New York Times ngày 3 tháng 6. "Giống như Atticus", Kendall viết "các công chức cần phải nghi ngờ - về động cơ của chính họ, động cơ của đối thủ và nghi ngờ cả về sự diễn giải của họ về sự thật."

Khoảng giữa tháng Sáu, Thẩm phán Johnson kết luận có khả năng OIC đã tiết lộ thông tin một cách bất hợp pháp và David có thể đưa trát yêu cầu Starr và các phụ tá của ông ta ra hầu tòa để điều tra nguồn gốc của sự rò rỉ. Việc giữ bí mật tại ban bồi thẩm là cực kỳ quan trọng bởi vì một ban bồi thẩm liên bang có những quyền lực rất lớn đối với việc điều tra. Luật quy định rất chặt chẽ rằng những bút lục lời khai trước ban bồi thẩm phải được giữ bí mật vì sự công bằng đối với những người đang bị điều tra nhưng chưa hẳn đã phạm tội. Thẩm phán Johnson nhận thấy việc rò rỉ thông tin về cuộc điều tra của OIC đến giới truyền thông đã có tính chất nghiêm trọng và lặp đi lặp lại, và định nghĩa về "tính bảo mật" của OIC có ý nghĩa quá hẹp. Mỉa mai thay, quyết định của bà có vẻ như lợi cho chúng tôi, nhưng lại bị "giữ trong vòng bí mật" vì nó chỉ liên quan đến thủ tục của ban bồi thẩm. Và chỉ là một trong số ít những sự kiện của vụ điều tra của Starr mà không được tiết lộ cho báo giới tại thời điểm đó.

Dựa trên cơ sở này, Bill đã tiến lên phía trước, anh đề ra một chương trình xuyên suốt cho nửa năm đầu 1998 để đấu với "bộ ba" - Gingrich, DeLay và Dick Armey. Còn tôi thì lo dàn xếp lực lượng để đối phó với kế hoạch của họ nhằm cắt ngân sách mà chính phủ dành cho Quỹ Nhân văn Quốc gia (the National Endowment for the Humanities) cũng như các khoản tài trợ của liên bang cho các hoạt động văn hóa trên khắp đất nước. Năm 1995, tôi đã viết một bài báo trên tờ The New York Times về tầm quan trọng của việc tài trợ liên bang đối với các ngành nghệ thuật. Tôi cũng ủng hộ truyền hình công và đã mang con rối Big Bird cùng các nhân vật khác trong chương trình Sesame Street vào một cuộc họp báo tại Nhà Trắng. Những nhân vật rối đó đã được cứu nhưng chúng tôi phải tiếp tục đấu tranh bảo vệ nguồn ngân sách ít ỏi quý giá mà chính phủ đã dành cho tất cả các ngành nghệ thuật.

Bill đã đề cử Richard Holbrooke vào vị trí Đại sứ tại Liên hiệp quốc - một

việc mà các đảng viên Cộng hòa tại Thượng viện sẽ khó chấp nhận. Holbrooke từng thương thuyết Hiệp ước Hòa bình Dayton và làm Đại sứ ở Đức, Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao cho các vấn đề ở Canada và châu Âu trong nhiệm kỳ thứ nhất của Chính phủ Clinton. Vì luôn muốn giữ uy tín của mình nên Dick cũng có nhiều kẻ thù. Anh ấy cực kỳ thông minh, mạnh mẽ, thẳng tính và không biết sợ hãi. Trong suốt thời gian thương thuyết chấm dứt chiến tranh ở Bosnia, thỉnh thoảng Dick gọi cho tôi để bàn về một ý tưởng hay nhờ tôi truyền đạt thông tin cho Bill. Khi Bill đề cử Dick làm Đại sứ vào tháng 6 năm 1998, những kẻ gièm pha đã cố gắng ngăn trở việc bổ nhiệm. Melanne và tôi đã làm việc cật lực để Dick được chấp thuận và động viên anh ấy kiên trì vự khó khăn đôi khi làm nản chí những người có khả năng, khiến họ không muốn đảm đương các vị trí quan trọng. Sau 14 tháng, Dick đã chiến thắng và lên đường đến Liên hiệp quốc vào tháng 8 năm 1999. Thông qua Quốc hội, anh sắp xếp việc thanh toán các khoản phí cho Liên hiệp quốc đã bị trì hoãn quá lâu. Anh ấy cũng làm việc với Tổng thư ký Kofi Annan nhằm làm cho đại dịch HIV/AIDS trở thành một vấn đề ưu tiên của Liên hiệp quốc.

Sự kiện nổi bật của mùa xuân là chuyến công du đã được dự tính rất lâu trước đó của Bill tới châu Phi. Đó là chuyến công du đầu tiên đến châu Phi và cũng là chuyến đi dài ngày đầu tiên của một Tổng thống đương nhiệm đến vùng hạ Sahara. Từ khi chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên, Bill đã giúp tôi mở rộng tầm nhìn của mình về thế giới bên ngoài, giờ đây, đến lượt tôi sẻ chia với Bill những gì mà mình đã khám phá.

Ngày 23 tháng 3 năm 1998, chúng tôi đến Accra, thủ đô của Ghana và được đón tiếp bởi một đám đông lớn nhất mà tôi từng thấy. Hơn nửa triệu người tập trung tại Quảng trường Độc lập dưới cái nóng cháy da thịt, để nghe Bill nói. Tôi đã mê đi du lịch với Bill từ cái thời mà anh dắt tôi đến Anh và Pháp vào năm 1973. Anh có khả năng ứng phó trước công chúng, thích gặp gỡ người lạ và luôn sẵn sàng thử cái mới.

Đứng trên sân khấu, đối diện với đám đông khổng lồ, anh bảo tôi nhìn lại đàng sau để xem những hàng dài những tù trưởng các bộ lạc trong các bộ váy thật sặc sỡ và đeo nhiều trang sức bằng vàng. Anh siết chặt tay tôi và nói: "Chúng ta ở rất xa Arkansas, Hi’ry bé nhỏ".

Và đúng vậy, chúng tôi ở rất xa. Tổng thống Ghana, Jerry Rawlings và phu nhân, Nana Konadu, thết đãi chúng tôi bữa trưa tại Lâu đài Osu, cũng là phủ Tổng thống. Nô lệ và những người tù đã từng bị giam cầm trong các nhà tù của lâu đài này. Rawlings lên nắm quyền sau cuộc đảo chính năm 1979, đã

làm cho những kẻ chỉ trích phải im lặng bằng cách mang lại sự ổn định cho đất nước. Ông được bầu làm Tổng thống năm 1992 và tái đắc cử năm 1996. Năm 2000, ông lặng lẽ rời khỏi vị trí này trong một cuộc bầu cử tự do. Vợ ông, Nana, một phụ nữ duyên dáng, mặc những trang phục do chính bà thiết kế bằng vải Kente, đã chia sẻ với tôi một mối liên quan thân mật: Hagar Sam, một bà mụ người Ghana, người đã đỡ đẻ khi tôi sinh Chelsea ở Little Rock, cũng là người đã đỡ đẻ bốn đứa con của Rawlings. Giống như nhiều người dám nghĩ dám làm khắp nơi trên thế giới, Hagar tiếp tục theo học ở Mỹ, nghiên cứu tại Bệnh viện Baptist ở Little Rock và làm việc cho bác sĩ phụ sản của tôi.

Mỗi ngày là một phát hiện mới đối,với Bill. Ở Uganda, Tổng thống và bà Museveni cùng đi với chúng tôi đến ngôi làng Wanyange gần thượng nguồn sông Nile. Tôi đã yêu cầu hai Tổng thống nêu bật lên những kết quả tích cực của những khoản vay tín dụng nhỏ. Từng nhà một, chúng tôi thấy dấu hiệu của sự thành công: người dân đã dùng các khoản vay để dựng một chuồng nuôi thỏ hay mua một cái nồi lớn hơn để nấu thêm thức ăn để bán hay lấy thêm hàng đem ra chợ bán. Bên ngoài một ngôi nhà, chồng tôi đã gặp mặt một Bill Clinton khác - một cậu bé 2 ngày tuổi mà mẹ cậu đã đặt tên cho cậu theo tên của Tổng thống nước Mỹ.

Bill muốn đến Rwanda để gặp những người sống sót sau nạn diệt chủng. Một con số ước tính chính xác nhất cho thấy chỉ trong vòng chưa đầy 4 tháng, có từ 500 ngàn đến một triệu người bị giết. Sở Mật vụ yêu cầu tổ chức các buổi gặp mặt tại sân bay vì các vấn đề an ninh. Ngồi ở phòng đợi sân bay giữa những nạn nhân của một trong những thảm họa diệt chủng khủng khiếp nhất trong lịch sử nhân loại, một lần nữa tôi lại nhớ đến những gì mà con người có thể làm đối với nhau. Trong khoảng hai giờ đồng hồ, từng nạn nhân một bình tĩnh thuật lại thảm họa xảy đến với họ. Không có lực lượng quân sự quốc tế hay bất kỳ quốc gia nào, kể cả Mỹ, đến ngăn chặn những cuộc tàn sát. Nước Mỹ thật sự gặp khó khăn nên đã không thể gởi quân đội đến đây sớm hơn sau những tiêu hao lực lượng ở Somalia, và khi đó Chính phủ đang cố gắng kết thúc những cuộc tàn sát sắc tộc ở Bosnia. Tuy nhiên, Bill cũng đã công khai bày tỏ sự ân hận vì đất nước chúng tôi cũng như cộng đồng quốc tế đã không làm nhiều hơn nữa để ngăn chặn thảm họa.

Ở Cape Town, Bill và tôi được Tổng thống Mandela đón tiếp, ông đã yêu cầu Bill đọc một bài diễn văn trước Quốc hội Nam Phi. Sau đó, chúng tôi ăn trưa cùng với các thành viên Quốc hội thuộc đủ mọi sắc tộc, những người mà trước khi đất nước này độc lập chưa có cơ hội gặp gỡ và giao tiếp với nhau. Bill cũng đến thăm Victoria Mxenge và thấy hơn một trăm ngôi nhà

mới xây kể từ lúc Chelsea và tôi viếng thăm một năm trước. Những người phụ nữ đã dùng tên của tôi để đặt tên cho một con đường và họ đã tặng tôi một bảng tên đường để làm kỷ niệm.

Mùa hè ở Nam Phi sắp kết thúc. Những ngọn gió nhẹ thoáng qua khi Bill cùng Mandela đi bộ qua các xà lim trong nhà tù trên đảo Robben. Ở đây, đã từng có những tù nhân da đen bị bắt mặc quần soọc khi làm việc ở những mỏ đá vôi, ngay cả khi thời tiết lạnh. Nhưng người tù da màu hay tạp chủng, được mặc quần dài. Trong suốt những buổi đập đá đơn điệu, Mandela đã vẽ những mẫu tự lên đá vôi, cố gắng dạy những người bạn tù cách đọc chữ khi những tên cai ngục không chú ý. Các tuyến lệ của mắt ông đã bị phá hủy sau nhiều năm trời tiếp xúc với bụi ăn da, mắt của ông bị chảy nước và ngứa. Nhưng đôi mắt ấy lại sáng lên bất cứ khi nào có tình yêu mới của ông kề bên. Đó là bà Graca Machel, người vợ góa của Samora Machel, Tổng thống Mozambique, người đã chết trong một tai nạn máy bay đáng ngờ năm . Bà là một ngọn đuốc sáng trên chính đất nước bị chiến tranh tàn phá của mình, đã ủng hộ phong trào phụ nữ và trẻ em ở khắp Phi châu. Cuộc hôn nhân giữa Mandela và Winnie, với hàng chục năm chia cách, tù tội và lưu đày đã không thể tồn tại. Ông ấy cảm thấy dễ chịu khi Graca ở bên cạnh và ông thật sự say mê bà. Với sự thúc đẩy của người bạn già là Tổng giám mục Tutu, họ đã kết hôn vào tháng 7 năm 1998.

Mandela nài nỉ Bill và tôi gọi tên ông theo tiếng địa phương, Madiba. Chúng tôi cảm thấy thoái mái hơn khi gọi ông là "Ngài Tổng thống". Đơn giản vì chúng tôi rất khâm phục và ngưỡng mộ ông. Mandela cứ hỏi tại sao chúng tôi không đón Chelsea ở trường và dắt nó theo. "Các bạn phải nói với con bé là khi tôi đến Mỹ nó phải gặp tôi đấy", ông nói, "Cho dù tôi ở đâu đi nữa."

Bill và tôi cũng ước có con bé bên cạnh. Chúng tôi đang trên đường đến Botswana, một đất nước khô cằn không có biển. Với sự đối lập thật khác biệt, đất nước này có thu nhập đầu người cao nhất vùng hạ Sahara của châu Phi, đồng thời có tỉ lệ nhiệm AIDS cao nhất thế giới. Chính phủ đang cố gắng tập trung các nguồn tài nguyên để chiến đấu với sự lan tràn của căn bệnh, cung cấp các phương tiện chữa trị, nhưng chi phí cao đến mức không thể trả nổi nếu không có trợ giúp của quốc tế. Chuyến viếng thăm này đã thuyết phục Bill phải cố gắng tăng gấp ba lần ngân sách tài trợ của Mỹ cho các chương trình AIDS thế giới trong vòng hai năm và cam kết hỗ trợ tài chính cho các nghiên cứu phát triển văc-xin.

Mặc dù chuyến đi của chúng tôi thật sự vui vẻ nhưng chưa có dịp nào để Bill được thấy đời sống hoang dã mà tôi và Chelsea đã được chiêm ngưỡng một

năm trước. Trong một chuyến tham quan ngắn ngủi Công viên Quốc gia Chobe, Bill và tôi đã thức dậy trước bình minh để lái xe đi xem thú rừng vào buổi sáng. Sau khi xem các chú voi, hà mã, đại bàng, cá sấu và một bư tử có 4 con, chúng tôi dành buổi chiều đi thuyền dọc theo dòng sông Chobe. Chúng tôi ngồi một mình phía đuôi thuyền khi mặt trời lặn vào một ngày tuyệt đẹp mà tôi sẽ nhớ mãi.

Trong chặng viếng thăm cuối cùng ở Senegal, Bill đến đảo Gorée, hòn đảo mà tôi đã đến trước đây. Anh đã nhìn thấy cánh cửa No Return và đã có một lời xin lỗi thật cảm động trước nhân dân bản địa về nhưng gì nước Mỹ đã làm trong thời buôn bán nô lệ. Đó có thể là một tuyên bố gây tranh cãi đối với một vài người Mỹ, nhưng tôi tin là nó thích hợp. Lời nói của Tổng thống Mỹ quả là một lời nói có trọng lượng, có tác động lớn đối với thế giới. Bằng cách bày tỏ sự hối tiếc về nạn diệt chủng ở Rwanda và về di sản của chế độ nô lệ, Bill đã gởi một thông điệp về sự quan tâm và kính trọng mà nước Mỹ dành cho nhân dân châu Phi, những người đang phải đương đầu với nhiều thách thức đan xen nhau như nghèo đói, bệnh tật, sự đàn áp, nạn đói, thất học và chiến tranh. Nhưng châu Phi cần nhiều hơn là những lời nói, châu Phi cần đầu tư và thương mại để phát triển nền kinh tế. Điều đó đòi hỏi những thay đổi lớn của hầu hết các chính phủ và sự cộng tác với nước Mỹ. Đó là lý do tại sao Đạo luật về Cơ hội và Phát triển của Phi châu mà Bill đã trình Quốc hội và đã được thông qua là hết sức quan trọng. Nó cũng tạo ra động lực cho các công ty Mỹ đầu tư vào châu Phi.

Trong vòng một tháng, khi vẫn còn nói chuyện và suy nghĩ về châu Phi, Bill và tôi lại chuẩn bị thăm chính thức Trung Quốc. Tôi rất vui vì chuyến đi này có Chelsea và mẹ tôi đi cùng, và càng thích thú hơn vì lần này tôi có thể ở lại lâu để tham quan nhiều hơn lần trước vào năm 1995.

Trung Quốc đã và đang hiện đại hóa nền kinh tế. Đường lối tương lai của Trung Quốc sẽ có tác động trực tiếp đến lợi ích của nước Mỹ. Bill việc hợp tác với Trung Quốc nhưng theo những gì tôi học được vào năm 1995, nói thì dễ hơn làm rất nhiều. Chúng tôi khởi hành cho một chuyến viếng thăm cấp quốc gia được dự tính từ lâu vào mùa xuân năm đó, hy vọng sẽ đối mặt với nạn vi phạm nhân quyền của Trung Quốc trong khi vẫn nhắm đến việc mở rộng một thị trường khổng lồ cho các doanh nghiệp Mỹ, cũng như tìm hiểu thêm về vấn đề Đài Loan. Một công tác đòi hỏi khả năng uyển chuyển cao độ.

Chính phủ Trung Quốc yêu cầu một buổi lễ đón tiếp long trọng tại Bắc Kinh, vì đây là một cuộc viếng thăm cấp quốc gia. Chúng tôi thường tổ chức

những buổi lễ tương tự ở Khu vườn phía Nam Nhà Trắng còn người Trung Quốc thường tổ chức những buổi lễ long trọng của họ tại Quảng trường Thiên An Môn. Bill và tôi đã tranh luận liệu chúng tôi có nên tham dự buổi lễ tại Quảng trường Thiên An Môn, nơi mà nhà cầm quyền Trung Quốc đã dùng xe tăng đàn áp các cuộc biểu tình ủng hộ dân chủ vào tháng 6 năm 1989. Một mặt, Bill không muốn xuất hiện tại quảng trường để phản đối những sách lược đàn áp và vi phạm nhân quyền của Trung Quốc, mặt khác anh hiểu tầm quan trọng của Quảng trường trong lịch sử nhiều thế kỷ của Trung Quốc và anh đã đồng ý với yêu cầu của phía Trung Quốc. Tôi bị ám ảnh bởi sự kiện Thiên An Môn - đầu óc cứ nhớ lại những thước phim tư liệu mà tôi đã xem trên tivi năm 1989, các sinh viên đã dựng tạm một "Nữ thần Dân chủ" giống như bức tượng Nữ thần Tự do của chúng tôi - nên không chú ý gì đến những người lính đang đứng xếp hàng trong đội quân danh dự đợi Tổng thống Mỹ duyệt qua.

Tôi đã gặp Chủ tịch Giang Trạch Dân vào tháng 10 năm 1997 khi ông cùng vợ, bà Wang Yeping, đến Mỹ trong một chuyến viếng thăm cấp quốc gia. Chủ tịch Giang nói tiếng Anh và có thể giao tiếp dễ dàng. Trước chuyến viếng thăm, nhiều người bạn của tôi đã yêu cầu tôi đặt vấn đề về vụ đàn áp Tây Tạng. Tr tôi có gặp Đức Đạt Lai Lạt Ma để bàn về hoàn cảnh khó khăn của người Tây Tạng và vì thế tôi đã yêu cầu Chủ tịch Giang giải thích về việc Trung Quốc đàn áp người Tây Tạng và tôn giáo.

"Bà muốn nói gì?", ông nói. Theo lịch sử, "Tây Tạng là một phần của Trung Quốc. Người Trung Quốc đã giải phóng dân tộc Tây Tạng. Tôi đã đọc về lịch sử của họ trong thư viện và còn biết người Tây Tạng ngày nay giàu hơn trước đây."

"Nhưng còn những truyền thống và quyền tự do tôn giáo của họ thì sao?"

Ông ta trở nên sôi nổi, thậm chí còn đập bàn một lần. "Họ là những nạn nhân của tôn giáo. Giờ đây, họ đã được giải phóng khỏi chủ nghĩa phong kiến."

Mặc cho một nền văn hóa toàn cầu đang phát triển, những sự kiện giống nhau có thể và thường được người ta nhìn qua những lăng kính văn hóa, lịch sử rất khác nhau và từ "tựdo" được định nghĩa sao cho phù hợp với quan điểm chính trị của mỗi người. Tuy vậy, tôi không nghĩ là ông Giang - một người khá tinh tế và đã thành công trong việc mở cửa và hiện đại hóa nền kinh tế Trung Quốc - đã thẳng thắn với tôi về vấn đề Tây Tạng. Vì những lý do lịch sử và tâm lý, người Trung Quốc bị ám ảnh với việc tránh bị chia rẽ nội bộ. Trong trường hợp của Tây Tạng, chính nỗi ám ảnh đó đã dẫn đến

những phản ứng mạnh và đàn áp.

Suốt chuyến viếng thăm Trung Quốc, Bill và tôi một lần nữa đã đề cập đến mối quan ngại về Tây Tạng và tình trạng chung về nhân quyền ở Trung Quốc. Như dự đoán, các nhà lãnh đạo Trung Quốc tỏ ra rất cứng rắn và thậm chí thô bạo. Khi được hỏi tại sao Tổng thống Mỹ phải đến thăm một đất nước mà họ cóểm khác với chúng ta đến như vậy, câu trả lời của tôi trước sau như một: nước Mỹ là một quốc gia đa dạng nhất trong lịch sử nhân loại, hiện đang nắm giữ một sức mạnh khó có quốc gia nào sánh kịp; nhưng chúng ta có thể bị thiếu thông tin và có thể có cái nhìn thiển cận về những đất nước khác và quan điểm của họ. Thông qua việc tìm hiểu thế giới xung quanh, những nhà lãnh đạo và nhân dân của chúng tôi học được nhiều điều bổ ích, chúng tôi luôn cạnh tranh và luôn cố gắng hợp tác với nhau. Bất kể chúng tôi có nhiều điểm chung với các dân tộc khác đến đâu đi nữa, thì văn hóa, địa lý và lịch sử vẫn tạo ra những sự khác biệt sâu sắc, mà chỉ có những mối giao hảo và trao đổi kinh nghiệm trực tiếp mới mong có thể khắc phục - nếu như điều đó là có thể. Một cuộc viếng thăm cấp Tổng thống, với sự chú ý mà nó tạo ra ở quốc gia đến thăm cũng như ở ngay tại nước Mỹ, ít nhất cũng tạo được nền tảng cho sự hiểu biết và tin tưởng nhiều hơn giữa hai nước. Do vậy, Tổng thống Mỹ đến thăm chính thức Trung Quốc là một điều rất hợp lý vì Trung Quốc là một quốc gia rất quan trọng đối với chúng tôi.

Trung tâm Nghiên cứu Luật về Quyền Phụ nữ và Dịch vụ Pháp lý của Trường Đại học Bắc Kinh là một văn phòng hỗ trợ tư pháp nhỏ, thật đáng ngạc nhiên là nó rất giống văn phòng luật mà trước đây tôi đã điều hành khi còn là một giáo sư luật trẻ tại Trường Đại học Arkansas. Trung tâm đang tích cực sử dụng luật để thúc đẩy quyền phụ nữ, bước đầu là nhằm đẩy mạnh hiệu lực của bộ luật 1992 về việc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ. Trung tâm đã cố gắng vận dụng luật vào thực tế, như mang vào giờ thực hành của lớp một vụ kiện về một nhà máy không trả lương cho công nhân trong nhiều tháng, kiện một công ty bắt ép các kỹ sư nữ phải về hưu sớm hơn đồng nghiệp nam và giúp tố cáo một kẻ hiếp dâm. Tôi đã gặp vài khách hàng của Trung tâm, một phụ nữ bị sa thải vì đã có đứa con đầu không được sự đồng ý của bộ phận kế hoạch hóa gia đình của công ty. Được thành lập năm 1995 với sự tài trợ về tài chánh của Quỹ Ford, Trung tâm đã tư vấn cho gần bốn ngàn người và cung cấp dịch vụ tư pháp miễn phí cho hơn một trăm vụ kiện tụng. Tôi cảm thấy mình được khích lệ rất nhiều khi thấy sự hỗ trợ của Trung tâm cũng như các chương trình thử nghiệm về dân chủ ở cơ sở mà Trung Quốc đang thực hiện. Trung Quốc đang thay đổi, đó là điều chắc chắn; nhưng tiến đến sự tự do rộng lớn hơn thì không. Tôi nghĩ nước Mỹ cũng có lợi lớn trong việc nuôi dưỡng những mối quan hệ chặt chẽ hơn và hiểu biết hơn giữa hai

nước.

Chính phủ Trung Quốc đã làm chúng tôi ngạc nhiên khi cho phép truyền hình trực tiếp cuộc họp báo giữa Bill và Giang - mà trong đó họ đã trao đổi rất nhiều về vấn đề nhân quyền, kể cả vấn đề Tây Tạng - cũng như buổi nói chuyện giữa Bill và các sinh viên Đại học Bắc Kinh, mà ở đó Bill đã nhấn mạnh: "Tự do thật sự bao gồm nhiều hơn nữa chứ không chỉ là tự do kinh tế".

Bill, Chelsea, mẹ tôi và tôi đã đi tham quan Tử Cấm Thành và Vạn Lý Tường Thành. Chúng tôi đi lễ Chủ nhật tại Nhà thờ Tin Lành Chongwenmen, một nhà thờ được nhà nước chấp thuận - đó là một quyền lợi mà nhiều người bị cấm. Qua việc này, chúng tôi muốn bày tỏ công khai sự ủng hộ tự do tôn giáo ở Trung Quốc. Một buổi sáng sớm, chúng tôi đã đi "chợ bẩn", một cái chợ trời mà những người bán rong không kiếm được chỗ bày hàng trong lồng chợ, nên họ bày hàng trên những tấm đệm đặt ở nền đất phía bên ngoài. Chủ tịch Giang đã tiếp đãi Bill và tôi một bữa tối thật thịnh soạn tại Đại sảnh đường Nhân dân, với chương trình nhạc truyền thống Trung Quốc và nhạc phương Tây. Trước khi buổi biểu diễn kết thúc, hai nhà lãnh đạo đã lần lượt điều khiển Dàn nhạc Quân đội Giải phóng Nhân dân. Tối hôm sau, Giang mời chúng tôi,Chelsea và mẹ tôi, ăn tối thân mật tại khu nhà dành riêng cho các quan chức chính phủ cao cấp và gia đình của họ. Sau khi dùng bữa tối trong một phòng trà cổ kính, chúng tôi đi dạo ngoài trời đêm mùa hè yên ả và ngồi bên một bờ hồ nhỏ. Phía xa xa là thành phố Bắc Kinh với những ánh đèn lung linh huyền ảo.

Nếu Bắc Kinh là Washington D.C. của Trung Quốc, thì Thượng Hải là New York. Lịch trình của Bill dày đặc những cuộc họp với các thương gia và có một chuyến viếng thăm Thị trường Chứng khoán Thượng Hải. Tôi gặp một tình huống rất buồn cười khác nhưng lại nói lên được khả năng kiểm soát tức thời của Chính phủ Trung Quốc. Chúng tôi đã sắp xếp một bữa ăn trưa bình dân ở một nhà hàng như là một dịp thư giãn khỏi lịch trình chính thức nặng nề. Khi chúng tôi đến, Bob Barnett, người đi tiền trạm báo cho tôi biết vài giờ trước đó cảnh sát đã xuất hiện và ra lệnh cho những người làm việc trong các cửa hiệu gần đó lánh đi. Họ được thay thế bằng nhưng người trẻ trung lịch lãm trong các trang phục tây âu.

Tại thư viện thành phố Thượng Hải hiện đại, nơi xứng đáng được xem là một công trình kiến trúc quý giá của bất kỳ thành phố nào, tôi đã nói về địa vị của phụ nữ, lấy ý tưởng từ câu cách ngôn của người Trung Hoa cổ, rằng phụ nữ nắm giữ một nửa bầu trời. Nhưng ở hầu hết mọi nơi, nếu cộng cả

những công việc nhà không được trả lương với những công việc có thu nhập thì phụ nữ chúng ta thật sự nắm giữ hơn một nửa.

Nhằm mục đích nhấn mạnh quyền tự do tín ngưỡng, Ngoại trưởng Albright và tôi đã đi tham quan Giáo đường Ohel Rachel vừa mới phục chế. Đó là một trong những giáo đường được xây dựng bởi cộng đồng Do Thái rộng lớn, rất phồn thịnh ở thế kỷ 19 và 20 khi người Do Thái di tản từ châu Âu và Nga sang Thượng Hải. Sau khi chính phủ cộng sản nắm quyền, hầu hết những người Do Thái đã rời Trung ốc vì chính phủ không công nhận Do Thái giáo và các giáo đường Do Thái. Ohel Rachel đã bị sử dụng làm nhà kho trong nhiều thập kỷ. Giáo trưởng Arthur Schneier từ Giáo đường Park East ở thành phố New York cùng với Hồng y Theodore McCarrick và Tiến sĩ Donald Argue đã báo cáo với Bill về tình trạng tự do tín ngưỡng ở Trung Quốc và tặng một bộ kinh Torah mới cho hòm đựng pháp điển vừa được phục chế ở Ohel Rachel.

Từ giã nhịp sống hối hả của Thượng Hải, chúng tôi bay đến Guilin, một nơi được các nghệ sĩ yêu thích trong nhiều thế kỷ qua. Dòng sông Li lững lờ trôi giữa những dãy núi đá vôi hình chóp cao lởm chởm. Nhiều bức tranh thủy mạc ấn tượng bậc nhất của Trung Quốc đã mô tả cảnh đẹp mê hồn này.

Sau khi từ Trung Quốc trở về, tôi liền tập trung vào lịch sử văn hóa về nghệ thuật của riêng chúng tôi, cũng như tập trung vào một buổi lễ mừng thiên niên kỷ mà tôi đã nghĩ đến từ nhiều tháng trước đó. Chế độ dân chủ đòi hỏi một nguồn dự trữ các tài sản trí tuệ nhằm tiếp tục sự nghiệp phi thường của những người lập quốc, những nhà trí thức phi thường với trí tưởng tượng và những nguyên lý triết học vượt bậc đã cho phép họ hình dung và lập ra hệ thống chính phủ vững vàng như ngày nay. Người Mỹ đã gìn giữ được nền dân chủ hơn 225 năm, điều đó chứng tỏ những công dân của nước Mỹ, những người hiểu rõ về lịch sử phong phú của đất nước mình, bao gồm những liên minh hiệu quả với nước ngoài, có thể hình dung được họ sẽ phải xây dựng một tương lai như thế nào cho thế hệ con cháu. Trong nhiều năm qua, tôi cảm thấy lo ngại trước hiện tượng phản trí thức trong các bài diễn thuyết trước công chúng. Vài thành viên Quốc hội còn tự hào tuyên bố rằng họ chưa bao giờ đi ra nước ngoài.

Thiên niên kỷ mới mở ra một cơ hội để giới thiệu về lịch sử, văn hóa và những ý tưởng đã giúp cho nước Mỹ trở thành một chế độ dân chủ lâu dài nhất trong lịch sử nhân loại. Điều này cực kỳ quan trọng giúp chuẩn bị cho các công dân của chúng ta trong tương lai. Tôi muốn tập trung chú ý vào lịch sử nghệ thuật và văn hóa của nước Mỹ. Tôi giao cho người phó tham mưu

đầy sáng tạo, cô Ellen McCulloch-Lovell, nhiệm vụ chính trong chương trình thiên niên kỷ này. Chúng tôi đã cùng nhau đưa ra một chủ đề mà tự nó đã bao hàm mọi hy vọng cho những nỗ lực của chúng tôi: "Trân trọng quá khứ, ước vọng tương lai.”

Tôi đã tổ chức một loạt các buổi thuyết trình và các màn biểu diễn ở Phòng Đông để các học giả, các sử gia, các khoa học gia và các nghệ sĩ khai thác những vấn đề từ nguồn gốc của nhạc jazz, đến vấn đề di truyền học, đến lịch sử của giới phụ nữ. Nhà khoa học lỗi lạc Stephen Hawking đã trình bày những khám phá mới nhất trong ngành vũ trụ học. Tiến sĩ Vinton Cerf và Tiến sĩ Eric Lander bàn về Dự án Hệ Gen nhân loại, giúp giải thích những bí mật về quá trình hình thành hệ đến của chúng ta ngày nay. Chúng ta đã biết tất cả nhân loại về cơ bản giống nhau đến 98,9% về gen di truyền, điều này giải thích cho lý do chúng ta cùng tồn tại hòa bình trong một thế giới quá nhiều bạo động. Nghệ sĩ kèn trumpet Wynton Marsalis đã minh họa cho chúng ta thấy tại sao nhạc jazz là âm nhạc của nền dân chủ. Những nhà thơ đoạt giải cùng với các em thiếu niên ngâm những bài thơ của riêng họ. Những diễn đàn này đã trở thành những chương trình trực tuyến đầu tiên từ Nhà Trắng, cho phép mọi người trên thế giới có thể thưởng thức và tham gia những phần hỏi đáp sau mỗi chương trình.

Như là một phần trong chương trình dài hai năm chào đón thiên niên kỷ mới, tôi đã đề xướng Quỹ Bảo tồn Kho tàng Quốc gia, một chương trình nhằm bảo tồn và công nhận những địa danh lịch sử và những di chỉ văn hóa khắp nơi trên đất nước. Trong mỗi cộng đồng đều có một cái gì đó - có thể là một tượng đài, một tòa nhà, một tác phẩm nghệ thuật - nói vềười Mỹ chúng ta. Nhưng chúng ta thường bỏ qua và không học hỏi được gì từ lịch sử đó. Star-Spangled Banner, vật đã truyền cảm hứng cho sự ra đời của bài quốc ca, hiện đang treo lủng lẳng trong Nhà Bảo tàng Quốc gia về Lịch sử nước Mỹ. Công việc phục chế tỉ mỉ di chỉ này tốn hàng triệu đô la; nhưng sự mất mát của nó thì không thể tính toán bằng tiền được.

Để khởi động cho Quỹ Bảo tồn Kho tàng Quốc gia, Bill và tôi công bố một khoản tài trợ 10 triệu đô la từ Ralph Lauren và Công ty Polo cho việc phục chế lá cờ đã truyền cảm hứng cho bài quốc ca của chúng ta. Hai năm sau, Quỹ Bảo tồn Kho tàng Quốc gia đã nhận được 60 triệu đô la từ chính phủ liên bang và 50 triệu đô la từ những đóng góp của các công ty tư nhân. Số tiền này đã được sử dụng để phục chế những bộ phim cũ, cải tạo những ngôi làng da đỏ và tân trang lại các rạp hát và bảo tồn nhiều di tích khác của nước Mỹ.

Tháng Bảy, tôi khởi hành một chuyến đi 4 ngày bằng xe buýt từ Washington đến Seneca Falls, New York, dọc đường ghé vào những nơi có nhiều ý nghĩa như Pháo đài McHenry ở Baltimore, nhà máy Thomas Edison ở New Jersey; Sở chỉ huy quân sự của George Washington ở Newburgh, New York; một công viên bảo tồn văn hóa của người Iroquois da đỏ ở Victor, New York và nhà của Harriet Tubman ở Auburn, New York.

Harriet Tubman là một trong số những nữ anh hùng của tôi. Từng là một nô lệ, bà đã trốn thoát theo tuyến Xe điện ngầm (Underground Railroad) và sau đó đã nhiều lần dũng cảm quay về miền Nam để dẫn dắt những nô lệ khác đến với tự do. Mặc dù không được đào tạo chính quy nhưng người phụ nữ phi thường này đã trở thành một y tá và một lính trinh sát trong quân đội Mỹ trong suốt cuộc nội chiến và sau đó trở thành một nhà hoạt động vì dân, bà đã quyên góp tiền cho các trẻ em da đen vừa được giải phóng khỏi kiếp nô lệ được đến trường, có cái mặc và có nhà để ở trong suốt thời kỳ Tái kiến thiết. Bà là một nguồn động lực của chính mình cũng như nguồn cảm hứng của những người Mỹ thuộc mọi chủng tộc. “Nếu bạn mệt mỏi, hãy tiếp tục đi”, bà nói với những người nô lệ mà bà đã dẫn họ đi trên những con đường gian nan đến với tự do. "Nếu bạn sợ hãi, hãy tiếp tục đi. Nếu bạn đói, hãy tiếp tục đi. Nếu bạn muốn nếm mùi vị tự do, hãy tiếp tục đi."

Cảm xúc mạnh mẽ nhất của chuyến đi đối với tôi chính là buổi lễ tại Công viên Lịch sử Quốc gia về Quyền Phụ nữ ở Seneca Faus với 16 ngàn người tham dự. Đó là lễ kỷ niệm lần thứ 150 thắng lợi của chiến dịch giành quyền bầu cử cho phụ nữ do Elizabeth Cady Stanton và Susan B. Anthony lãnh đạo.

Từ cảm hứng về sự kiện lịch sử rằng thị trấn nhỏ này tượng trưng cho phụ nữ và cho nước Mỹ, tôi mở đầu bài diễn thuyết bằng câu chuyện về Charlotte Woodward, một thợ may bao tay 19 tuổi sống ở Waterloo 150 năm trước. Tôi yêu cầu khán thính giả hãy hình dung về cuộc đời của cô, làm việc với đồng lương ít ỏi, hiểu rõ rằng nếu cô lập gia đình thì mọi thứ từ đồng lương, con cái và thậm chí quần áo trên người cô cũng sẽ thuộc về chồng mình. Hãy tưởng tượng về sự tò mò và niềm phấn khích trào dâng trong tâm trí Chatlotte vào ngày 19 tháng 7 năm 1848, khi cô đi xe ngựa đến Seneca Falls để tham dự Hội nghị về Quyền Phụ nữ đầu tiên ở Mỹ. Trên đường, cô nhìn thấy thật nhiều phụ nữ giống hệt mình, hình thành một đám diễu hành dài dằng dặc trên con đường đi đến bình đẳng.

Tôi đã nói chuyện về Frederick Douglass, một người theo chủ nghĩa bãi nô người da đen, ông đến Seneca Falls để tiếp tục cuộc chiến cả đời vì tự do của

mình. Tôi tự hỏi những người đàn ông và những người đàn bà dũng cảm đó, những người đã ký vào bản tuyên ngôn này "sẽ nói gì nếu họ biết rằng có bao nhiêu người thời nay không bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử? Họ sẽ ngạc nhiên và tức giận... Một trăm năm mươi năm trước, những người phụ nữ ở Seneca Falls bị người ta buộc phải im lặng. Ngày nay, những phụ nữ như chúng ta tự im lặng. Chúng ta có quyền lựa chọn. Chúng ta có quyền lên tiếng."

Cuối cùng, tôi kêu gọi phụ nữ hãy để sự khôn ngoan và tầm nhìn của những phụ nữ năm xưa ở Seneca Falls dẫn dắt chúng ta vào tương lai.

"Cũng giống như quá khứ và hiện tại, tương lai không thể và sẽ không bao giờ hoàn hảo. Con gái chúng ta, cháu gái chúng ta sẽ phải đối mặt với những thử thách mà hiện tại chúng ta không thể hình dung ra. Nhưng mỗi người trong chúng ta có thể góp sức chuẩn bị cho tương lai đó bằng cách làm những gì chúng ta có thể làm để lên tiếng vì công lý và bình đẳng, vì quyền phụ nữ, vì nhân quyền, để bảo vệ chân lý, mặc cho mọi nguy nan hay tổn thất."

Thật là thích hợp khi mùa xuân và mùa hè của tôi kết thúc với sự kiện lịch sử quan trọng này. Tôi đã chứng kiến sự hé nở của chế độ dân chủ đang bắt đầu bám rễ ở Trung Quốc, châu Phi, Đông Âu và châu Mỹ La tinh. Sự nỗ lực vì tự do ở những đất nước đó cũng giống sự nỗ lực đã tạo nên nước Mỹ. Sự kết nối giữa Harriet Tubman và Nelson Mandela là một phần của cùng một cuộc hành trình của nhân loại, và tôi đang tìm cách tốt nhất để tôn vinh cuộc hành trình đó. Bởi vì có quá nhiều máu đã đổ cho quyền bầu cử, tại đây và khắp nơi trên thế giới, tôi chợt nghĩ về nó như là một hình thức rửa tội của thế tục. Quyết định ra tranh cử là một cách bày tỏ lòng tôn kính đối với nhưng ai đã hy sinh để chúng ta có quyền bình đẳng để bầu ra người lãnh đạo của chúng ta. Tôi trở về nhà với một lòng tôn kính mới dành cho hệ thống chính phủ của chúng ta, tuy còn khiếm khuyết nhưng rất mạnh mẽ và tôi cũng trở về với nhiều ý tưởng mới nhằm làm cho bộ máy đó vận hành tốt hơn vì nhân dân. Và khi tôi nghĩ đến những trở ngại mà tôi và Bill vẫn phải đối mặt ở Vvashington, tôi đã được tiếp sức bằng những cảm hứng mà Harriet Tubman đã truyền lại cho tất cả chúng ta và nguyện tiếp tục bước đi.

THÁNG 8 NĂM 1998

Tháng 8 năm 1998 được xem như là một tháng vấy máu các sự kiến đánh dấu một bước ngoặt, kết thúc một thập kỷ đầy hy vọng. Thế giới trong những năm giữa thập niên 1990 là thời điểm của sự tái hòa giải và ổn định. Liên bang Xô viết tan rã mà không gây ra một cuộc chiến tranh thế giới nào. Nga đã bắt tay hợp tác với Mỹ và châu Âu để xây dựng một tương lai ổn định hơn. Nam Phi đã tổ chức được những kỳ bầu cử tự do. Trên thực tế, hầu như các nước châu Mỹ La tinh đều đã giành được chế độ dân chủ. Xung đột sắc tộc ở Bosnia đã chấm dứt và việc tái thiết đã được bắt đầu. Đối thoại hòa bình và việc ngừng bắn ở Bắc Ireland cũng đã rất thành công. Mặc dù rất trì trệ nhưng các nhà lãnh đạo Trung Đông cũng có vẻ hướng tới hòa bình hơn. Và lúc nào cũng vậy, các mâu thuẫn luôn luôn hiện diện ở khắp nơi trên thế giới nhưng thù hằn đã dần được xoa dịu.

Giai đoạn khá yên ổn này đã bị phá vỡ vào ngày 7 tháng 8 năm 1998 khi Lãnh sự quán ở Kenya và Tanzania bị bọn khủng bố Hồi giáo đánh bom cùng một lúc, làm bị thương hơn 5.000 người và 264 người thiệt mạng, trong đó có 12 người Mỹ. Phần lớn các nạn nhân là công nhân viên chức người Phi và khách bộ hành. Đó là vụ tàn phá nặng nề nhất trong hàng loạt các cuộc tấn công nhằm vào người Mỹ ở nước ngoài và là điềm báo cho hàng loạt các sự việc khác. Bill đã tập trung hơn bao giờ hết vào việc tìm ra nguyên nhân của các cuộc tấn công khủng bố và cô lập những kẻ cầm đầu. Ngày càng có nhiều bằng chứng giúp Cục Tình báo khẳng định rằng có một tên Ả-rập tha hương độc ác tên gọi Osama bin Laden đã tổ chức và cung cấp tài chính cho rất nhiều cuộc khủng bố của thế giới Hồi giáo. Các cuộc tấn công của hắn ngày càng lớn rộng và liều lĩnh hơn.

Ở Iraq, Saddam Hussein một lần nữa đã từ chối yêu cầu của Liên hiệp quốc về việc cho phép các đoàn thanh tra vũ khí kiểm tra tất cả các cơ sở của Iraq mà không cần thông báo trước. Bill đã đàm phán rất lâu với các quan chức Liên hiệp quốc và các đồng minh của Mỹ để cân nhắc cách ứng phó thích hợp với Hussein. Có một điều rất đáng chú ý đối với mọi người, trừ những người biết rõ về Bill, đó là Bill có khả năng giải toả tất cả những rối ren chính trị vây quanh anh ở Washington để tập trung giải quyết những cuộc khủng hoảng quốc tế. Nhưng Bill và đội an ninh quốc gia đã gặp nhiều khó khăn trong việc hướng sự chú ý của Quốc hội và các nguồn lực của chính phủ vào sự gia tăng các mối hiểm nguy trong nước cũng như quốc tế. Có lẽ vì có quá nhiều sự tác động từ giới truyền thông, Quốc hội. và Cục Điều tra Liên bang vẫn nhắm vào một cuộc điều tra đời tư của Tổng thống.

Vào cuối tháng Bảy, David Kendall cho tôi biết rằng Starr đã có một thương lượng miễn khởi tố với Monica Lewinsky. Ngày 6 tháng 8, cô ta đã ra làm chứng trước Bồi thẩm đoàn vụ Whitewater, mặc dù xì-căng-đan tình ái này chẳng có liên quan gì đến vụ Whitewater. Sau đó Starr quyết định đòi Tổng thống ra đối ng, và Bill đã phải quyết định có nên hợp tác hay không. Nhóm luật sư của Bill đã phản đối ý kiến này, họ quả quyết đối tượng điều tra chẳng bao giờ cần phải ra làm chứng trước Bồi thẩm đoàn. Nếu như phải ra hầu tòa thì tất cả những gì Bill nói sẽ có thể chống lại anh. Nhưng các áp lực chính trị buộc anh ra làm chứng ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó lại sắp diễn ra cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ, Bill không muốn vấn đề này làm ảnh hưởng đến cuộc bầu cử. Tôi đã đồng ý với Bill rằng anh nên ra làm chứng vì tôi không nghĩ có bất cứ lý do gì để lo lắng về điều đó. Đó chỉ là một rào cản tạm thời. David Kendall đã thường xuyên báo cáo ngắn gọn cho tôi và Bill về cuộc điều tra của Starr. Và tôi biết rằng bên công tố yêu cầu Tổng thống phải làm một xét nghiệm về máu mà không hề đưa ra lý do. David nghĩ rằng có thể đó là một sự lừa gạt, cố tình gây khó khăn cho Bill trước khi anh ra đối chứng.

Theo kinh nghiệm riêng của mình, tôi biết rằng sự xuất hiện trước bồi thẩm đoàn tối cao là một sự tra tấn thần kinh. Vào đêm thứ Sáu ngày 14 tháng 8, Bob Barnett đến gặp tôi ở Phòng Bầu Dục Vàng không phải để nói về công việc mà như một người bạn, muốn biết xem tôi có thể đứng vững như thế nào. Sau khi kết thúc buổi nói chuyện, Bob hỏi tôi có lo lắng hay không. Tôi trả lời: "Không. Tôi chỉ rất tiếc là tất cả chúng ta phải chịu đựng những chuyện này."

Sau đó Bob nói "Thế nếu như có những chuyện mà bà chưa biết tới thì sao ?".

"Tôi không tin là sẽ có chuyện gì khác. Tôi đã hỏi đi hỏi lại Bill."

Bob vẫn khăng khăng "Thế nếu Starr giở trò gì đó thì sao ?".

"Tôi sẽ không tin bất cứ thứ gì Starr nói hoặc làm, dựa trên kinh nghiệm của riêng tôi"

"Nhưng..." , Bob tiếp tục "Bà phải đối diện với sự thật là sẽ có một chi tiết nào đó có thể hoàn toàn là sự thật".

Tôi trả lời "Này Bob, chồng tôi có thể có những lỗi lầm, nhưng ông ấy chưa bao giờ dối gạt tôi cả".

Vào sáng sớm ngày hôm sau, 15 tháng 8 , Bill đánh thức tôi dậy như cách anh đã làm cách đây vài tháng. Lần này anh không ngồi cạnh giường mà là đi qua đi lại. Anh nói rằng tình hình ngày càng nghiêm trọng hơn là anh tưởng. Bây giờ anh nhận ra rằng anh nên khai là có một "sự thân mật không thích hợp". Anh ấy nói với tôi rằng những gì xảy ra giữa họ chỉ đơn giản và không thường xuyên. Bill cũng nói rằng anh đã không thể kể cho tôi nghe những chuyện này cách đây bảy tháng vì anh quá xấu hổ không dám thừa nhận chuyện đó và anh ấy biết nó có thể làm cho tôi tức giận và cảm thấy bị tổn thương như thế nào.

Tôi đã cảm thấy vô cùng khó thở. Hít một hơi thở sâu, tôi bắt đầu khóc và gào lên: "Ý anh là thế nào ? Anh đang nói cái gì đấy? Tại sao anh lại nói dối tôi ?".

Tôi đã vô cùng giận dữ và càng lúc càng giận dữ hơn. Bill chỉ đứng đấy và cứ lặp đi lặp lại rằng: "Anh xin lỗi. Anh xin lỗi. Anh đang cố gắng bảo vệ em và Chelsea". Tôi không thể tin vào những điều mình đang nghe. Cho đến tận bây giờ tôi chỉ nghĩ rằng anh đã quá khờ khạo khi quan tâm chú ý đến một người phụ nữ trẻ và tin tưởng rằng mọi chuyện sẽ được bỏ qua nhanh chóng. Tôi không thể tin rằng anh có thể làm bất cứ điều gì để làm tổn hại đến cuộc hôn nhân của chúng tôi cũng như gia đình tôi. Tôi đã chết lặng cả người, cảm thấy trái tim mình tan nát, bị xúc phạm nặng nề vì tôi đã hoàn toàn tin tưởng anh

Sau đó, tôi chợt nhận ra rằng tôi và Bill cần phải nói chuyện với Chelsea. Khi tôi bảo Bill rằng chính anh phải làm điều đó thì anh bật khóc. Anh ấy đã phản bội lại sự tin tưởng của tôi vào cuộc hôn nhân của chúng tôi và cả hai chúng tôi đều biết rằng đó có thể là một vết thương không thể nào chữa lành được. Và cuối cùng chúng tôi đã phải kể với Chelsea, rằng anh ấy cũng đã lừa dối con gái mình. Đó là những thời khắc thật khủng khiếp cho tất cả chúng tôi. Tôi đã không thể biết được liệu cuộc hôn nhân của chúng tôi có thể hoặc là nên tồn tại sau một sự phản bội cay đắng như vậy hay không. Nhưng tôi biết tôi phải cân nhắc kỹ lưỡng mọi chuyện. Tôi khao khát có một ai đó để nói chuyện nên đã gọi điện thoại cho một người bạn, vốn cũng là một chuyên gia tư vấn, để tìm kiếm những lời khuyên và định hướng. Đây là sự trải nghiệm kinh khủng nhất, hoảng loạn và đau đớn nhất trong cuộc đời tôi. Tôi đã không thể nghĩ ra xem mình phải làm gì, nhưng tôi biết tôi phải bình tâm trở lại để có thể giải quyết mọi việc.

Thật may là vào cuối tuần đó chúng tôi không có việc phải xuất hiện trước công chúng. Chúng tôi đã dự định đi nghỉ ở Martha's Vineyard nhưng cuối

cùng đành phải hoãn lại cho đến khi Bill ra đối chứng trước bồi thẩm đoàn tối cao. Mặc dù có rất nhiều chuyện đau buồn, Bill vẫn phải chuẩn bị cho cuộc đối chứng của mình cũng như một bài phát biểu trước cả nước.

Trong khi chúng tôi đang phải vật lộn với những cuộc khủng hoảng trong đời sống cá nhân lẫn trước mặt công chúng này thì thế giới lại tặng thêm cho chúng tôi một kiểm chứng về thực tế tàn nhẫn nữa. Đó là ở Omagh, Bắc Ireland, một kẻ phản bội thuộc Cộng Hòa Ireland đã cho nổ bom xe trong một phiên chợ đông đúc, làm chết 28 người và bị thương hơn hai trăm người, làm tổn hại trầm trọng đến tiến trình hòa bình mà Bill đã tốn rất nhiều thời gian và công sức để cùng với các nhà lãnh đạo Ireland xây dựng nên. Khi đọc các bản báo cáo về số thương vong được gởi đến trong chiều thứ Bảy hôm đó, tôi vẫn còn nhớ những lúc cùng ngồi với những người phụ nữ ở khắp Ireland để nói chuyện về những rắc rối cũng như làm cách nào đó tìm ra giải pháp để thiết lập được hòa bình và sự hòa giải. Bây giờ đó là những gì tôi phải làm trong bao đau đớn ngổn ngang của riêng mình.

Bill đã có một buổi đối chứng dài 4 giờ đồng hồ trong Phòng Bản Đồ chiều ngày thứ Hai. Starr đã đồng ý rút lại "yêu cầu ra hầu tòa" và toàn bộ quá trình tự nguyện này đã được thu hình và được phát lại vào phiên họp kết thúc của bồi thẩm đoàn tối cao. Điều này đã giúp Bill thoát khỏi sự sỉ nhục của việc hầu tòa với tư cách vị Tổng thống đương nhiệm đầu tiên phải ra trước bồi thẩm đoàn tối cao. Nhưng đó là sự giải nhục duy nhất của ngày hôm đó. Khi mọi việc kết thúc vào 6 giờ 25 chiều, Bill bước ra khỏi phòng, điềm tĩnh nhưng với một sự tức giận ghê gớm bên trong. Tôi đã không có mặt vào buổi đối chứng, cũng đã chưa thể sẵn sàng nói chuyện với anh nhưng từ những cử chỉ của anh, tôi biết anh đã đi qua một chặng đường khổ ải.

David Kendall đã thông báo cho hệ thống truyền hình rằng Bill sẽ có một bài phát biểu ngắn với quốc dân vào lúc 10 giờ tối, giờ tiêu chuẩn miền đông Hoa Kỳ. Một số những chuyên gia tư vấn tin cậy của Bill như Chuck Ruff - chuyên gia tư vấn của Nhà Trắng, Paul Begala, Mickey Kantor, James Carville, Rahm Emanuel, Harry và Linda Thomason, đã tụ tập lại để giúp anh soạn bài phát biểu của mình. David Kendall ở đó và cả Chelsea cũng ở đó, cố tìm hiểu xem chuyện gì đang xảy ra. Trước tiên tôi đã tránh xa, tôi không muốn giúp đỡ Bill trong việc biên soạn bài phát biểu trước công chúng về một vấn đề xâm phạm đến sự đoan chính và riêng tư của tôi. Mặc dù vậy, cuối cùng tôi đã không vượt qua chính mình, có lẽ vì tò mò, cũng có thể là do tình yêu, tôi đã bước lên lầu. Khi tôi bước vào phòng, lúc đó là khoảng 8 giờ tối, một người nào đó đã nhanh chóng tắt tiếng của tivi. Họ biết tôi sẽ không thể chịu đựng được khi nghe nhưng gì được phát trên tivi. Khi

tôi hỏi xem mọi việc đang diễn ra thế nào, tôi thấy rõ ràng là Bill vẫn chưa quyết định sẽ nên phát biểu gì.

Anh ấy muốn mọi người biết rằng anh vô cùng hối tiếc vì đã lừa dối gia đình, bạn bè cũng như quốc gia của mình. Anh cũng muốn mọi người biết rằng anh đã không thể tin nổi mình đã nói dối trong suốt quá trình cung khai trong vụ án Jones bởi vì các câu hỏi quá là vụng về, nhưng những lý lẽ bắt bẻ rất hợp luật pháp. Anh đã phạm một sai lầm nghiêm trọng và sau đó đã che giấu nó như một sự bí mật, anh cần phải xin lỗi tất cả mọi người. Cùng lúc đó, anh cũng không nghĩ rằng mình có thể chịu được sự công kích từ các đối thủ chính trị hoặc những kẻ thù của đất nước. Vào những ngày trước khi anh thú tội với tôi, chúng tôi đã thảo luận với nhau về sự nguy hiểm đang rập rình ở Iraq, do thông báo vội vã của Saddam Hussein ngày 5 tháng 8 về lệnh cấm tiếp tục thanh tra vũ khí gây ra. Và chỉ có tôi và Bill, cùng với các nhóm hoạch định chính sách đối ngoại của anh biết rằng chỉ trong vòng vài giờ sau bài phát biểu thú nhận những lỗi lầm cá nhân của mình, nước Mỹ sẽ phóng tên lửa vào một trong các trại huấn luyện của Osama bin Laden ở Afghanistan vào đúng lúc mà tình báo của chúng tôi xác định Bin Laden và các trợ thủ cao cấp nhất của hắn có mặt ở đó, để trả đũa cho vụ đánh bom của hắn vào các lãnh sự quán của Mỹ ở Kenya và Tanzania. Tất cả thế giới đang theo dõi, phần lớn ngạc nhiên muốn biết xem sự ầm ĩ đó là gì, Bill cảm thấy rằng Tổng thống của Mỹ không thể nào xuất hiện một cách yếu đuối trước công chúng.

Khi giờ phát biểu đến gần, ai cũng muốn góp thêm một vài ý nhưng điều đó đã chẳng giúp được gì cho Bill. Anh muốn tận dụng cơ hội n để chỉ ra sự không công bằng và sự vượt quá giới hạn của Starr trong việc điều tra, nhưng có một cuộc tranh luận mạnh mẽ xem anh có nên tấn công một luật sư độc lập hay không. Mặc dù tôi đang rất giận anh nhưng tôi vẫn có thể thấy anh đã tức giận như thế nào, và thật là khủng khiếp khi chứng kiến điều đó. Cuối cùng tôi nói rằng: "Này Bill, đây là bài phát biểu của anh. Chính anh là người đã tự gây ra rắc rối cho mình, do đó chỉ có anh mới có thể quyết định xem mình nên nói gì". Sau đó Chelsea và tôi rời khỏi phòng.

Hiển nhiên mọi người cũng để Bill ngồi một mình, và anh đã tự mình hoàn tất bài phát biểu. Ngay sau khi phát biểu, Bill đã bị chỉ trích là đã không xin lỗi thỏa đáng (hay nói đúng hơn là đã không có vẻ thật sự thành khẩn trong lời xin lỗi của mình vì anh cũng đã chỉ trích Starr). Lúc đó tôi vẫn còn quá giận nên đã không có ý kiến gì. James Carville, một người bạn thẳng thắn và hay công kích của chúng tôi nghĩ rằng đó là một sai lầm khi Bill tấn công Starr bằng cách đó. Đó là một thời điểm chấp nhận mình sai và chỉ có thể

thôi. Tôi vẫn không biết được là ai đã đúng. Giới báo chí không thích bài phát biểu, nhưng sau đó vài ngày, những phản ứng từ phía công chúng Mỹ cho thấy rằng họ xem đó là một quan hệ riêng tư của những người trưởng thành, họ không tin là điều đó có thể làm ảnh hưởng đến khả năng làm việc của một ai đó, cho dù đó là trong tòa án, phòng giải phẫu, trong Quốc hội hay trong Phòng Bầu Dục. Vị trí của Bill trong cuộc thăm dò ý kiến công chúng vẫn còn rất cao, nhưng vị trí của anh trong lòng tôi đã xuống tận đáy.

Điều duy nhất trên đời mà tôi muốn lúc đó là một kỳ nghỉ ở xa nhưng tôi đã thất vọng vì không thể nào rời Washington được Chelsea thì lại muốn đến Martha's Vineyard, nơi mà bạn bè của con bé đang đợi. Nhưng cuối cùng chúng tôi đã đi nghỉ ở một hòn đảo ngay chiều hôm sau. Con chó Buddy cũng đi theo để làm bạn với Bill. Anh ấy là người duy nhất trong gia đình chúng tôi vẫn còn muốn đ nghỉ.

Trước khi chúng tôi đi, Marsha Berry, người thư ký báo chí luôn điềm tĩnh của tôi đã đại diện tôi phát biểu rằng: "Rõ ràng đây không phải là ngày tốt đẹp nhất trong cuộc đời của bà Clinton. Và đây là lúc bà dựa vào niềm tin tín ngưỡng của mình".

Khi tất cả chúng tôi đã ổn định trong ngôi nhà ở nơi nghỉ thì chất men khung hoảng cũng đã qua, tôi không còn gì ngoài một nỗi buồn sâu sắc, sự thất vọng cũng như sự tức giận chưa được giải quyết. Tôi đã gần như không thể nói chuyện với Bill và nếu như có thì cũng chỉ là những tràng đả kích. Tôi đọc sách. Tôi đi dạo trên bãi biển. Anh ấy ngủ dưới lầu còn tôi ngủ trên lầu. Đối với chúng tôi, ngày có vẻ dễ dàng hơn đêm. Bạn sẽ làm như thế nào khi người bạn thân nhất của mình, người luôn luôn giúp đỡ bạn vượt qua những khó khăn, lại chính là người làm tổn thương bạn? Tôi cảm thấy cô đơn không thể chịu được và tôi có thể nói rằng Bill cũng vậy. Anh ấy cố gắng giải thích và xin lỗi nhưng tôi chưa sẵn sàng để cùng ở chung phòng với anh, nói gì đến chuyện tha thứ cho anh ấy. Tôi sẽ phải suy ngẫm và cố gắng tìm kiếm tận trong sâu thẳm lòng mình, trong lòng tin của mình bất kỳ sự tin tưởng nào còn sót lại từ cuộc hôn nhân của chúng tôi. Nhưng vào thời điểm đó, tôi thật sự không biết mình phải nên làm gì.

Ngay sau khi chúng tôi đến nơi nghỉ, Bill đã quay lại Nhà Trắng một lát để giám sát việc tấn công bằng tên lửa vào một trong những trại huấn luyện của Osama bin Laden ở Afghanishtan. Mỹ đã phải đợi lệnh phóng tên lửa cho tới khi các nguồn tin tình báo xác nhận rằng Bin Laden và các tướng lĩnh của hắn đang ở ngay các mục tiêu. Nhưng tên lửa đã không đánh trúng hắn, hiển nhiên chỉ là do chênh lệch giờ giấc. Trong những tình huống kinh điển dạng

"làm hay không làm gì cũng vậy", đây là một điều không hề mới mẻ. Mặc dù có các bằng chứng rõ ràng cho thấy Bin Laden chịu trách nhiệm về những cuộc đánh bom lãnh sự quán, nhưng Bill vẫn bị chỉ trích vì việc ra lệnh tấn.công hắn. Anh đã bị buộc tội là những gì anh làm là nhằm chuyển hướng sự chú ý của dư luận đối với những vấn đề cá nhân của mình. Những bàn tán về việc buộc tội anh của Đảng Cộng hòa và các nhà bình luận cứ râm ran. Đó là những người vẫn không hiểu được sự nguy hiểm của chính sách khủng bố nói chung và cụ thể là của Bin Laden và nhóm Al Qaeda.

Bill quay lại với vẻ mặt trầm ngâm. Chelsea thì dành hầu hết thời gian cho những người bạn thân của chúng tôi, Jill và Ken Iscol và Zack - con trai của họ. Họ đã dành cho đứa con gái đang bối rối và bị tổn thương của chúng tôi ngôi nhà và tấm lòng của họ. Thật là một sự hành hạ khủng khiếp cho cả tôi lẫn Bill khi mà cả hai phải quay lưng lại với nhau, nhưng cũng vô cùng khó khăn để thoát ra khỏi tình cảnh đó. Giới truyền thông thì đã đóng quân chờ đợi ngoài đảo kia và sẵn sàng xông tới ngay khi tôi và Bill xuất hiện trước công chúng. Tôi đã không có một chút tâm trạng nào cho các hoạt động có tính chất xã hội nhưng tôi đã vô cùng xúc động khi có những người bạn bên cạnh mình. Vernon và Ann Jordan tất nhiên vô cùng cảm thông với chúng tôi. Katharine Graham, người cũng từng trải qua sự phản bội đau đớn, đã mời tôi dùng bữa ăn trưa. Và sau đó thì Walter Cronkite gọi để mời cả gia đình chúng tôi cùng đi chơi thuyền buồm với anh ấy.

Thoạt đầu tôi đã chẳng muốn đi. Nhưng Walter và vợ anh ấy Betsy - đã an ủi chúng tôi khi nói về những người đòi hỏi sự sáng suốt của Bill cũng như chỉ trích tôi vì đã chịu đựng anh. "Thật không thể tin được", Walter nói. "Tại sao mấy người này lại không thể hiểu về cuộc đời chứ ? Bà biết không, đến từng tuổi này thì tôi biết những cuộc hôn nhân thật sự sẽ phải vượt qua rất nhiều thử thách. Không có ai là hoàn hảo cả. Thôi nào, tất cả cùng đi chơi thuyền thôi

Chúng tôi đã nhận lời mời của Walter. Mặc dù lúc đó tôi không có chút hứng thú nào, nhưng có lẽ việc đi chơi biển sẽ giúp tôi cảm thấy khuây khỏa và sự quan tâm nhiệt tình của gia đình Cronkite đã làm tôi phấn chấn lên.

Maurice Templesman, người thường đến Martha's Vineyard vào mỗi mùa hè cũng là một người bạn đáng mến. Tôi biết anh ấy nhiều hơn từ sau cái chết của Jackie, và anh ấy cũng đã đến thăm chúng tôi ở Nhà Trắng. Thỉnh thoảng anh gọi điện và mời tôi đến chỗ anh. Một chiều nọ, chúng tôi gặp nhau trên chiếc thuyền buồm nhẹ của anh, cùng nhau ngắm ánh đèn phát ra từ những chiếc thuyền đang nhè nhẹ đi vào vịnh Menamsha. Maurice kể cho

tôi nghe về Jackie, người phụ nữ mà anh luôn nhớ da diết, cuộc đời của Jackie cũng đã có những lúc khó khăn khổ sở như thế nào.

"Tôi biết rằng chồng của bà thật sự yêu bà", anh ấy nói, "và tôi hy vọng bà có thể tha thứ cho ông ấy".

Maurice không muốn xâm phạm vào đời tư của tôi nên chỉ đưa ra vài lời khuyên nhẹ nhàng, tôi cảm kích và biết ơn anh ấy. Thế rồi, chúng tôi ngồi im lặng bên nhau, cảm thấy lòng thật nhẹ nhàng, thanh thản vì bên cạnh có người bạn tốt.

Tôi nhìn lên bầu trời đêm đầy sao, cũng giống như khi còn bé ở Park Ridge nằm cuộn tròn trong chăn bên cạnh mẹ và ngước nhìn trời đêm. Tôi nghĩ rằng những chòm sao đã chẳng hề thay đổi từ khi những người thuỷ thủ đầu tiên ra đi khám phá thế giới, họ đã dùng những chòm sao này để định hướng đi. Tôi đã tìm ra con đường của đời mình trên một miền đất xa lạ, có vận may và niềm tin vĩnh hằng giúp tôi vững bước. Khoảng thời gian này, mọi sự giúp đỡ đều cần thiết và quý giá với tôi.

Tôi vô cùng biết ơn tất cả những sự ủng hộ và tư vấn mình đã nhận được, đặc biệt là từ Don Jones, vị mục sư mà tôi đã quen từ khi còn trẻ, người sau đó đã trở thành một người bạn thân thiết trọn đời. Don nhắc nhở tôi về một bài thuyết giảng cổ điển của nhà thần học Paul Tillich, "Bạn được chấp nhận", mà Don đã đọc trong một lần họp mặt của nhóm bạn trẻ ở Park Ridge. Tiền đề của nó là tội lỗi và sự khoan dung tồn tại song song hòa quyện vào nhau trong đời, sẽ không có cái này nếu thiếu cái kia và ngược lại. Sự mầu nhiệm của tha thứ đó là bạn không thể tìm kiếm nó. "Sự tha thứ sẽ đến trong chúng ta khi chúng ta tột cùng đau khổ", Tillich đã viết như thế.

Và sự tha thứ đã đến. Cho đến lúc đó, tất cả những gì tôi cần phải làm là vững bước qua mỗi ngày.

LUẬN TỘI

Vào khoảng cuối tháng Tám, không khí trong gia đình tôi đã bớt căng thẳng mặc dù vẫn chưa thật sự yên bình. Tuy rất đau lòng và thất vọng, những ngày dài một mình cho tôi nhận ra rằng tôi vẫn còn yêu Bill. Cho đến lúc này, điều mà tôi vẫn còn chưa biết được đó là cuộc hôn nhân của chúng tôi có thể tiếp tục hay nên tiếp tục. Dự đoán cho từng ngày tiếp theo thì dễ dàng hơn là dự đoán cho cương lai xa vời. Chúng tôi đã trở về Washington, trở về với một giai đoạn mới trong cuộc chiến chính trị không bao giờ kết thúc. Tôi vẫn chưa quyết định được có nên chiến đấu để giành lại người chồng và cứu lấy cuộc hôn nhân này, nhưng tôi đã quyết tâm phải đấu tranh vì Tổng thống.

Tôi phải biết thật rõ những cảm xúc của bản thân và tập trung vào những gì tôi cần phải làm cho chính mình. Thực thi nhiệm vụ cá nhân và nhiệm vụ chính trị mang đến cho tôi nhiều nguồn cảm xúc khác nhau - đòi hỏi những suy nghĩ và những phán xét khác nhau. Hai mươi năm qua, Bill vừa là một người chồng, vừa là một người bạn, một người chia sẻ với tôi tất cả những thử thách cũng như niềm vui trong cuộc sống. Anh thật sự là một người cha yêu thương đứa con gái của mình. Bây giờ, với những lý do mà anh ấy sẽ phải giải thích, anh đã làm tổn thương lòng tin của tôi, làm đau lòng tôi và tệ hơn nữa là nó đã giúp cho điều tra và kiện tụng một cách thiên lệch của họ.

Tình cảm cá nhân và niềm tin về chính trị của tôi hiện đang xung đột nhau. Là một người vợ, tôi muốn "vặt cổ" Bill. Nhưng ngoài việc là một người chồng, anh còn là Tổng thống của tôi nữa, và tôi nghĩ rằng, mặc dù như thế nào đi chăng nữa, Bill vẫn đang lèo lái nước Mỹ và thế giới trên một con đường mà tôi phải tiếp tục hỗ trợ. Cho dù anh ấy đã làm điều gì đi nữa, tôi không cho rằng người ta có quyền sỉ nhục anh như thế. Đời tư của anh, của tôi, của Monica Lewinsky và cả sự riêng tư của gia đình tôi nữa đều bị xúc phạm một cách tàn nhẫn và vô căn cứ. Tôi tin rằng những gì mà chồng tôi đã làm là một sai lầm về mặt đạo đức. Và việc nói dối tôi và đánh lừa dân Mỹ về việc làm sai trái đó cũng là một điều sai trái. Tôi cũng biết rằng sai lầm của anh không phải là sự phản bội đối với đất nước của mình. Mọi thứ tôi biết được qua cuộc điều tra Watergate đã thuyết phục tôi rằng sẽ không có căn cứ nào để luận tội Bill. Nếu những người như Starr và đồng minh của hắn có thể phớt lờ Hiến pháp và lạm quyền một cách dã tâm để tiến hành lật đổ Tổng thống thì thật sự tôi cảm thấy lo sợ cho đất nước của mình.

Chức vụ Tổng thống của Bill, thể chế Tổng thống và sự vẹn toàn của Hiến pháp đang treo trên bàn cân. Tôi hiểu rằng những gì tôi sẽ làm và những gì tôi sẽ nói trong vài ngày tới và vài tuần tới không những sẽ ảnh hưởng đến

tương lai của Bill và của tôi mà còn ảnh hưởng đến tương lai của cả nước Mỹ. Cuộc hôn nhân của tôi cũng vậy, cũng đang treo trên bàn cân, và tôi không biết chắc được cán cân sẽ, hoặc nên, nghiêng về hướng nào. Cuộc sống vẫn tiếp diễn và tôi cũng vẫn như thế. Tôi tháp tùng Bill đến Moscow cho chuyến viếng thăm chính thức vào ngày 1 tháng 9, sau đó đến Ireland để gặp Tony và Cherie Blair và đến phố Omagh, nơi đã xảy ra vụ đánh bom. Tiếng nổ của quả bom nặng 225 kg trong một khu mua sắm sầm uất đã không phá vỡ được lệnh ngừng bắn như kẻ đánh bom mong mỏi. Nó chỉ khiến mọi người cố gắng hơn cho nền hòa bình. Những người cứng rắn của cả hai bên trong cuộc xung đột đã bị sốc, và để đáp lại, lập trường của họ đã mềm mỏng hơn.

Gerry Adams, lãnh đạo của nhóm Sinn Fein - một cánh chính trị của tổ chức IRA, đã tuyên bố trước công chúng rằng bạo lực của cuộc chiến 77 năm qua nhằm chấm dứt sự thống trị của Anh quốc là "một vấn đề của quá khứ". Theo sau lời phát biểu của Adams, lần đầu tiên, David Trimble, lãnh đạo của Phong trào Hợp nhất Ulster đã đồng ý gặp gỡ Sinn Fein lần đầu tiên. Tất cả các bên thống nhất rằng những tiến triển đầy hy vọng đó sẽ không thể có được nếu không có sự ngoại giao trực tiếp của Bill Clinton và đặc phái viên của Bill là đại sứ George Mitchell, một lãnh đạo cũ của Thượng viện.

Sự bi thảm ở Oma nhắc đến những rủi ro đáng giá mà Bill phải gánh chịu vì nền hòa bình trên khắp thế giới, đến những điều tốt lành mà anh đã hoàn thành. Bill đã mất rất nhiều thời gian để cố gắng thuyết phục người Ireland, người Bosnia, người Serb, người Croatia, Kosovo, Israrel, Palestine, Hy lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Burundi và các dân tộc khác hãy từ bỏ những niềm đau quá khứ và vượt qua trở ngại để có được hòa bình. Những nỗ lực đó có khi thành công có khi thất bại. Nhiều thành công đã bị đổ vỡ như tiến trình hòa bình Trung Đông. Nhưng mặt khác, ngay những thất bại đó cũng thôi thúc con người tiến đến với nhau để hàn gắn lại những vết thương quá khứ trong tình nhân loại. Tôi luôn luôn tự hào và biết ơn Bill đã kiên trì theo đuổi những nỗ lực hòa giải cuộc tìm kiếm hòa bình.

Nhóm phóng viên tháp tùng Tổng thống đến Nga và Ireland không chỉ với mục tiêu tìm kiếm thông tin về sứ mạng hòa bình mà còn theo dõi cả hai chúng tôi như hình với bóng để tìm hiểu về tình trạng cuộc hôn nhân của chúng tôi. Chúng tôi có đứng gần với nhau hay đứng cách xa nhau? Liệu tôi có tỏ ra khó chịu hoặc bật khóc phía sau đôi kính râm? Và đâu là ý nghĩa của chiếc áo len mà tôi đã mua cho Bill ở Dublin, cái áo mà anh ấy mặc trong suốt hơn một tháng khi đến Limerick để chơi trận golf đầu tiên? Tôi thật sự muốn giữ lại những khoảng riêng tư của bản thân tôi và gia đình, nhưng tôi

tự hỏi không biết điều đó có thể thực hiện được nữa hay không.

Trong khi Bill đang thảo luận với những nhà lãnh đạo nước ngoài, Joe Lieberman - Thượng nghị sĩ bang Connecticut, đã lên tiếng công khai chỉ trích. Là một người bạn của Bill từ.lúc ông ta mới bắt đầu cuộc tranh cử lần đầu tiên cho chiếc ghế Thượng nghị sĩ bang Connecticut trong đầu thập kỷ 70, ông ta phát biểu trước Thượng nghị viện rằng hành động của Tổng thống là phi đạo đức và tai hại bởi vì "việc đó của Tổng thống sẽ được xem như là một thái độ có thể chấp nhận được đối vớiông gia đình Mỹ".

Khi Bill được các phóng viên ở Ireland phỏng vấn về phản ứng của mình trước lời công kích của Lieberman, Bill trả lời: “Tôi đồng ý với những gì ông ấy phát biểu, tôi đã từng nói rằng tôi đã mắc sai lầm. Đó là việc không thể bào chữa được, tôi rất lấy làm tiếc về điều đó. Tôi xin lỗi". Đây là lần đầu tiên chồng tôi đưa ra nhiều lời xin lỗi công khai không điều kiện. Nhưng tôi nhận thấy rằng những lời xin lỗi này sẽ không bao giờ đủ cho những nhà Cộng hòa cứng rắn và cũng chẳng đủ để làm tan đi những lời xì xầm trong Đảng Dân chủ. Những lãnh đạo khác của Đảng Dân chủ, bao gồm Dân biểu Richard Gephardt của bang Missouri, Thượng nghị sĩ Daniel Patrick Moynihan của bang New York và Thượng nghị sĩ Bob Kerrey của bang Nebraska, chỉ trích những hành động cá nhân của Tổng thống và cho rằng đứng về một phương diện nào đó Bill sẽ phải chịu trách nhiệm. Tuy nhiên không ai trong số họ ủng hộ việc luận tội.

Vào lúc chúng tôi trở về Nhà Trắng, có rất nhiều thử thách đối với tôi trên cả hai phương diện cá nhân và chính trị. Bill và tôi đã đồng ý sẽ tham gia vào việc tư vấn hôn nhân xem có giải pháp nào để cứu vãn cuộc hôn nhân của chúng tôi không. Ở một mức độ nào đó, tôi rất choáng váng và cố gắng đương đầu với vết thương nặng nề mà tôi đang phải gánh chịu. Ở một góc độ khác, tôi vẫn tin Bill là một người chồng tốt và là một Tổng thống tuyệt vời. Tôi đã coi bản luận tội của nhóm luật sư độc lập tấn công vào Tổng thống như là một cuộc chiến chính trị leo thang và tôi vẫn ở bên Bill.

Khi mọi người hỏi tôi làm thế nào mà tôi có thể vững vàng trong suốt một thời gian bị tổn thương như thế, tôi bảo họ rằng không có gì đáng phải lo nghĩ về việc mỗi sáng sớm thức dậy và lao đầu vào việc, ngay cả khi có khủng hoảng xảy đến trong gia đình mình. Mỗi người trong chúng ta đều có một khoảng thời gian khó khăn trong cuộc đời, và những kỹ năng cần thiết để đương đầu với khó khăn sẽ không khác gì giữa một Đệ nhất Phu nhân và một công nhân xe nâng. Chỉ có điều là tôi phải làm tất cả nhưng việc ấy trước mắt mọi người.

Ngay cả khi tôi không thể biết chắc về tương lai của cá nhân mình , tôi vẫn tin tưởng tuyệt đối rằng hành vi cá nhân của Bill và những nỗ lực sai trái nhằm che giấu điều đó cũng không thể cấu thành cơ sở pháp lý để dẫn tới việc luận tội theo Hiến pháp nước Mỹ. Tôi tin rằng anh phải chịu trách nhiệm về hành động của mình - trước tôi và Chelsea - chứ không phải trước một tiến trình luận tội nào. Nhưng rõ ràng là phe đối lập có thể dùng báo chí để tạo một bầu không khí trong đó các áp lực chính trị sẽ ngày càng căng thẳng nhằm buộc Tổng thống phải bị luận tội hoặc phải từ chức, bất chấp luật pháp. Tôi lo ngại về một số người thuộc Đảng Dân chủ có thể bị tác động để kêu gọi Bill từ chức. Vì thế, tôi cố gắng tập trung vào những gì có thể giúp họ được bầu lại vào tháng 11 tới. Cho dù những cuộc trưng cầu ý kiến cho thấy phần đông mọi người chống lại việc luận tội, nhiều đảng viên Đảng Dân chủ chuẩn bị tái ứng cử tin rằng họ phải cứng rắn đối với Tổng thống, nếu không họ có thể bị mất ghế. Đó là một mối lo lắng có thật ở một số khu vực. Tuy nhiên ở nhiều bang khác, việc luận tội và cuộc điều tra của Starr có thể là một vết nhơ cho các ứng viên Đảng Cộng hòa - những người đang cố tìm cách lợi dụng tình thế này.

Đầu tháng Chín, David Kendall nhận ra rằng OIC đã sẵn sàng để gửi một bản luận tội cho Ủy ban Tư pháp Hạ viện, nơi sẽ quyết định có đưa vụ việc ra trước cuộc họp toàn thể Hạ nghị viện để biểu quyết hay không. Tôi đã nghiên cứu mảng luật này vào năm 1974, khi còn là một nhân viên cho Ủy ban Tư pháp Hạ viện. Nhiệm vụ của tôi lúc ấy thảo một bản ghi nhớ, tóm tắt những thủ tục để luận tội một Tổng thống và một bản ghi nhớ khác về những tiêu chuẩn của một bằng chứng cần có để tiến hành một vụ luận tội. Theo Hiến pháp, Hạ viện phải phê duyệt các điều khoản luận tội dựa trên đa số phiếu, giống như là phê duyệt bản cáo trạng hình sự đối với một quan chức liên bang. Sau đó các điều khoản luận tội sẽ được gửi đến Thượng nghị viện để xét xử. Trong một phiên tòa hình sự, phán quyết có tội phải được sự thống nhất tuyệt đối của bồi thẩm đoàn, nhưng trong trường hợp này chỉ cần hai phần ba số nghị sĩ của Thượng viện nhất trí thì đã có thể kết luận Tổng thống có tội và bị phế truất. Theo Hiến pháp, việc luận tội chỉ dành cho những vi phạm nghiêm trọng nhất: "Tội phản quốc, hối lộ hoặc một số tội nặng khác và cách hành xử xấu xa". Những vị khai quốc công thần lập ra Hiến pháp đã xây dựng việc luận tội thành một tiến trình cẩn trọng và phức tạp bởi vì họ tin rằng loại bỏ một quan chức liên bang không phải là một việc đơn giản, nhất là trong trường hợp quan chức liên bang đó lại là Tổng thống.

Năm 1868, Hạ viện đã luận tội Tổng thống Andrew Johnson vì đã xem thường ý định của Quốc hội về việc áp đặt chính sách tái xây dựng thời kỳ hậu nội chiến cho miền Nam. Tôi nghĩ rằng Hạ viện đã sai, nhưng ít nhất họ

cũng đã chống lại Johnson trên cơ sở những hành xử của ông trong cương vị Tổng thống. Johnson đã bị xét xử và thoát nạn trong gang tấc với chỉ một phiếu. Richard Nixon là vị Tổng thống Mỹ thứ hai đối mặt với quá trình luận tội và tôi biết rất rõ rằng quá trình bảo vệ những chứng cứ pháp lý quan trọng đến mức nào theo như quy định và tinh thần của Hiến pháp. Cuộc điều tra đó được thực hiện được sự giám sát rất chặt chẽ và tuyệt mật trong vòng tám tháng trước khi những bản luận tội được đối chiếu với những hành động của Tổng thống Nixon khi ông trình diện trước Hội đồng xét xử. Chủ tịch Peter Rodino và L đặc biệt John Doar là những tấm gương về tính chuyên nghiệp, khôn khéo và công tâm.

David Kendall yêu cầu được có một bản sao hồ sơ luận tội của OIC trước khi hồ sơ này được chuyển đến Ủy ban Tư pháp Hạ viện để anh ấy có thể chuẩn bị cho một sự đáp trả - một yêu cầu căn bản dựa trên sự công bằng, và đã từng có một tiền lệ là vụ luận tội Tổng thống Nixon. Starr đã từ chối. Vào ngày 9 tháng 9, những người được ủy quyền của Starr đã lái hai chiếc xe tải vào tận chân cầu thang của trụ sở Quốc hội và bàn giao hơn 110.000 bản gọi là "báo cáo Starr" cộng với 36 thùng tài liệu hỗ trợ cho các viên chức an ninh của Quốc hội. Sự lan tỏa của bản báo cáo Starr này thật kinh khủng sau quyết định nhanh chóng của Ủy ban Luật Quốc hội cho phát tán bản báo cáo này lên mạng, thậm chí là hơn thế nữa.

Để tránh trường hợp công tố viên có thể lợi dụng những lời khai từ một người làm chứng không được kiểm tra chéo, nhằm làm ảnh hưởng đến tính công bằng của vụ kiện và làm phương hại đến người vô tội, luật liên bang quy định các bằng chứng trước bồi thẩm đoàn phải được giữ bí mật. Đây là một trong những nguyên lý căn bản trong hệ thống xét xử. Báo cáo của Starr được biên soạn dựa trên những lời khai sơ khảo trước bồi thẩm đoàn của những nhân chứng chưa hề được kiểm tra chéo, và nó đã được công bố rộng rãi ra công chúng mà chẳng đếm xỉa gì đến sự công bằng.

Tôi chưa đọc qua bản báo cáo của Starr, nhưng tôi được biết rằng từ "tình dục" (hoặc một vài biến thể của nó) được xuất hiện đến 581 lần trong tổng cộng 445 trang báo cáo. Trong khi đó từ Whitewater, được cho là chủ đề của cuộc điều tra của Starr, thì theo báo cáo chỉ xuất hiện có bốn lần, chẳng hạn như "Luật sư Độc lập vụ Whitewater". Việc phân phát bản báo cáo của Starr là một trò vẽ vời vô căn cứ và nó đang h thấp cả chức vị Tổng thống lẫn Hiến pháp. Việc công bố công khai như thế là một vết nhơ trong lịch sử nước Mỹ.

Starr kiến nghị Ủy ban Tư pháp Hạ viện xem xét 11 duyên do có thể cho

việc luận tội. Tôi cho rằng ông ta đã đi quá quyền hạn pháp lý của mình. Hiến pháp yêu cầu bộ phận lập pháp của chính quyền - không phải là một luật sư độc lập, do các bộ phận hành pháp và tư pháp lập ra - tiến hành điều tra các bằng chứng vi phạm có thể luận tội. Trách nhiệm của Starr là đệ trình những bản tóm tắt các dữ kiện một cách trung thực cho Ủy ban, sau đó Ủy ban sẽ chỉ định các nhân viên của mình tổng hợp các bằng chứng. Nhưng Starr sốt sắng tự phong cho mình là công tố viên, quan tòa và cả hội thẩm đoàn để luận tội Bill. Càng tin rằng Starr lạm dụng quyền hạn của mình, tôi càng thông cảm với Bill, ít nhất là trong chính trị.

Danh sách của Starr về các cáo buộc bao gồm những tố cáo rằng Tổng thống đã nói dối sau khi tuyên thệ về hành vi cá nhân, cản trở sự thực thi luật pháp và lạm quyền. Bill không bao giờ cản trở sự thực thi luật pháp và không bao giờ lạm quyền. Anh vẫn kiên định rằng mình không nói dối trước tòa. Theo đa số chuyên viên về Hiến pháp và các sử gia, dù anh có nói dối hay không, thì việc nói dối trước tòa về một vấn đề cá nhân không phải là cơ sở cho việc luận tội.

Một ngày sau khi Starr nộp báo cáo cho Quốc hội, Bill và tôi tham dự một buổi chiêu đãi của Hội đồng Kinh doanh Dân chủ. Tại buổi tiệc, tôi đã giới thiệu anh là "chồng của tôi và vị Tổng thống của chúng ta". Về phương diện cá nhân, tôi đã và đang cố gắng để tha thứ cho Bill, và sự giận dữ tột cùng của tôi đối với những kẻ chủ tâm hãm hại anh đã giúp sức cho tôi trong việc đó. Lịch làm việc của tôi đầy ắp những buổi gặp gỡ và tôi đã không bỏ qua một buổi nào. Ngày hôm đó, có một cuộc họp bàn về bài diễn thuyết của Tổng thống, một buổi về sự kiện phòng ng ung thư, một buổi chiêu đãi của AmeriCorps và nhiều buổi hội họp khác. Nếu các nhân viên Nhà Trắng thấy tôi làm việc bình thường trong ngày hôm ấy, tôi hy vọng điều đó sẽ động viên họ đứng vững. Nếu tôi có thể vượt qua được ngày đó thì họ cũng có thể.

Trong nhiều tuần lễ, Bill đã ngỏ lời xin lỗi tôi, Chelsea và bạn bè, thành viên nội các, nhân viên và đồng nghiệp vì anh đã không trung thực và làm mọi người thất vọng. Trong một buổi ăn sáng cầu nguyện tại Nhà Trắng cùng với những nhà lãnh đạo tôn giáo vào đầu tháng Chín, Bill đã thú nhận tự đáy lòng mình những sai lầm và cầu xin người dân Mỹ tha thứ. Nhưng anh sẽ không rời bỏ nhiệm sở của mình: "Tôi sẽ chỉ đạo luật sư của mình chuẩn bị những lời bào chữa thật mạnh mẽ, dùng tất cả những luận cứ chính xác có thể có được. Nhưng ngôn ngữ của luật pháp sẽ không che giấu sự thật mà tôi đã làm. Nếu sự hối lỗi của tôi là thành thật và kiên trì... thì điều tốt lành sẽ đến cho đất nước của chúng ta, cho bản thân tôi và gia đình tôi nữa. Trẻ em của đất nước này có thể thấu hiểu rằng tính liêm chính là quan trọng và sự

ích kỷ là sai trái, nhưng Thượng đế có thể thay đổi chúng ta và làm cho chúng ta trở nên mạnh mẽ hơn từ trong những nơi đổ nát " .

Bill đã chia sẻ với người dân Mỹ số phận chính trị của mình. Anh kêu gọi ở họ sự đồng cảm và rồi đáp trả bằng cách làm việc cho họ với cùng một tấm lòng tận tụy mà anh đã thể hiện trong cương vị Tổng thống từ những ngày đầu tiên bước vào Nhà Trắng. Và chúng tôi tiếp tục những buổi tư vấn tâm lý một cách đều đặn, ở đó chúng tôi buộc phải hỏi và trả lời cho nhau những câu hỏi thật sự hóc búa mà chúng tôi đã trì hoãn sau bao nhiêu năm bận rộn vì các chiến dịch tranh cử triền miên. Nhưng giờ đây, tôi muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân của mình, nếu như điều đó còn có thể.

Phảng của công chúng trước những lời xin lỗi thẳng thắn của Bill đã giúp tôi lên tinh thần. Công việc của Tổng thống vẫn được người dân tán đồng một cách vững chắc suốt cuộc khủng hoảng. 60% người dân Mỹ hoàn toàn nhất trí rằng Quốc hội không nên bắt đầu tiến trình luận tội, rằng Bill không nên từ chức và rằng những chi tiết trong bản báo cáo của Starr là "không phù hợp". Mức độ ủng hộ của người dân dành cho riêng tôi luôn luôn cao và thậm chí đạt được mức đỉnh điểm là vào khoảng 70%, chứng tỏ rằng về cơ bản người dân Mỹ rất công bằng và có tính cảm thông.

Mặc dù trường hợp luận tội này xưa nay là điều hiếm xảy ra và vô lý theo chuẩn của Hiến pháp, tôi cho rằng những người thuộc Đảng Cộng hòa trong Hạ viện vẫn theo đuổi nó khi họ nghĩ rằng họ có thể. Cách duy nhất để tránh việc luận tội là thể hiện sự vượt trội trong cuộc tuyển cử tháng 11. Thế nhưng có một điều gần như đã trở thành “truyền thống" là đảng cầm quyền ở Nhà Trắng thường hay mất ghế trong Quốc hội vào đợt tuyển cử giữa kỳ, như chúng ta đã thấy trong kỳ năm 1994 và đặc biệt là trong nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống. Khắp nơi các ứng viên của Đảng Dân chủ đều cảm thấy bất an về sinh mệnh chính trị của Tổng thống.

Vào ngày 15 tháng 9, một đoàn khoảng 20 nữ dân biểu Hạ viện thuộc Đảng Dân chủ đã gặp tôi tại Phòng Bầu Dục Vàng. Các dân biểu ngồi trên ghế salon và được phục vụ cà phê và bánh ngọt. Họ đến để thúc giục tôi tham gia cuộc tuyển cử sắp đến, tuy nhiên tôi nghĩ rằng họ cũng muốn thấy tận mắt và nghe tận tai xem làm thế nào mà tôi có thể đứng vững, cũng như muốn biết về những dự định của tôi sắp tới. Khi họ nhận ra rằng tôi thật nghiêm túc trong việc bảo vệ Hiến pháp, bảo vệ Tổng thống và Đảng Dân chủ, họ yêu cầu tôi tiến hành vận động tranh cử

Chúng tôi nói về việc làm thế nào để chuyển hướng chú ý của những người

bầu cử từ việc suy nghĩ đến việc luận tội trở lại những vấn đề mà cử tri cần quan tâm như liên bang sẽ giúp giảm sĩ số học sinh trong lớp thông qua việc xây dựng trường học, cải cách bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội, tăng cường chăm sóc và thực thi chế độ nghỉ dưỡng và bảo vệ môi trường.

Tôi trả lời với họ rằng: "Tôi sẽ giúp quý vị bằng tất cả các phương tiện mà tôi có thể, nhưng tôi cũng cần sự giúp đỡ của quý vị trong việc củng cố lại Đảng và duy trì chế độ hội nghị Đảng Dân chủ để chọn ra những người ứng cử - ủng hộ Hiến pháp và Tổng thống".

Bà Lynn Woolsey trả lời phóng viên báo chí sau buổi họp: "Chúng tôi đến đây không phải để bàn về hành vi của Tổng thống, mà là bàn về những gì quan trọng, quan trọng hơn cho người dân của đất nước này". Woolsey sau đó giải thích tiếp: "Chúng tôi đã nói với bà ấy rằng cùng là phụ nữ như nhau, chúng tôi biết rằng phụ nữ có thể làm nhiều chuyện trong lúc cấp bách... Do đó chúng tôi có yêu cầu bà hãy lên máy bay và hãy đến những nơi mà tiếng nói của bà ấy được trông mong nhiều nhất".

Và tôi đã làm như thế. Việc vận động chạy đua vào Quốc hội đã chiếm trọn ngày làm việc của tôi trong những ngày sau đó. Nhưng vào buổi tối thì thật khó khăn, đặc biệt là sau khi Chelsea rời nhà để trở lại trường Stanford, chỉ còn Bill và tôi cùng với nỗi ngượng nghịu về nhau. Tôi đã không xa lánh Bill như tôi đã từng làm trước đó, nhưng sự căng thẳng thì vẫn còn và chúng tôi không còn nhiều những tiếng cười đùa mà trước đây tôi và anh từng chia sẻ mỗi ngày.

Tôi không thuộc loại người thổ lộ tất cả những cảm xúc của mình, kể cả với những người bạn thân nhất. Mẹ tôi cũng thế. Chúng tôi có khuynh hướng giữ lại những suy nghĩ và cảm xúc cho riêng mình. Đặc điểm đó càng sâu đậm thêm khi tôi bắt đầu sống cuộc sống của mình dưới con mắt của công chúng. Tôi có phần được thư giãn hơn khi những người bạn thân Diane Blair và Betsy Ebeling đến ở cùng với tôi vài ngày vào giữa tháng Chín. Các bạn thân của tôi làm cho tôi vui, nhưng khi cuộc điều tra tàn nhẫn bắt đầu, tôi cảm thấy bị ép buộc để bảo vệ họ khỏi bị lôi kéo vào cuộc điều tra. Vào thời điểm sau tháng 8 năm 1998, tôi thậm chí còn có cảm giác rằng mình bị bỏ rơi và cô đơn bởi vì tôi không muốn nói chuyện với Bill như thường lệ. Tôi dành nhiều thời gian để sống một mình, để cầu nguyện và đọc sách. Nhưng tôi cảm thấy tốt hơn khi có bạn bè xung quanh, họ là những người đã biết rõ tôi, thăm hỏi tôi khi tôi mang thai, khi tôi bệnh, chia sẻ những niềm vui nỗi buồn và có thể hiểu được những gì tôi đang phải trải qua.

Ngày 17 tháng 9, khi Diane và Betsy đang viếng thăm tôi, thì Stevie Wonder gọi và hỏi liệu ông có thể gặp tôi ở Nhà Trắng. Tối hôm trước ông đã dự một buổi dạ tiệc với một người hâm mộ khác của ông, Tổng thống Czech Václav Havel, và phu nhân Dagmar, và giờ đây ông muốn bay trở về Mỹ để hát riêng cho tôi nghe một bài hát mà ông đã viết cho tôi.

Capricia dẫn Stevie, phụ tá và người con trai của ông vào hành lang lầu hai, nơi có để một cây đàn dương cầm bên dưới một bức tranh lớn của Willem de Kooning. Diane và Betsy ngồi trên một chiếc trường kỷ, tôi ngồi trên một chiếc ghế nhỏ gần cây đàn dương cầm khi Stevie bắt đầu ngân nga một giai điệu thật du dương. Ông chưa hoàn tất xong phần lời nhưng bài hát nói về sức mạnh của sự tha thứ, với phần điệp khúc: "Bạn không phải bước đi trên nước...” . Khi ông đàn, tôi cứ nhích gần hơn về phía cây đàn dương cầm cho đến khi tôi ngồi sát cạnh bên ông. Lúc Stevie kết thúc bài hát, mắt tôi rưng rưng và khi tôi nhìn quanh, nước mắt cũng chảy trên má Betsy và Diane. Đây là một trong những nghĩa cử đẹp nhất mà tôi nhận được trong giai đoạn cực kỳ khó khăn này.

Tôi cũng thật sự cảm động khi Tổng biên tập tạp chí Vogue Anna Wintour gọi đề nghị viết một bài báo và chụp ảnh tôi cho số ấn bản tháng 12. Đây là một lời đề nghị khá bốc đồng và khác thường mà tôi thấy khó có thể chấp nhận. Nhưng thực tế, trải nghiệm này đã hỗ trợ tinh thần của tôi rất nhiều vào lúc đó Tôi khoác bộ cánh bằng nhung đỏ lộng lẫy do nhà Oscar de la Renta thiết kế để chụp hình cho ảnh bìa. Cả ngày, tôi như chìm đắm vào một thế giới của những nghệ sĩ trang điểm và thời trang cao cấp. Những tấm ảnh do Annie Leibovitz chụp thật tuyệt, cho tôi một cơ hội được xinh đẹp hơn trong lúc đang buồn bã thế này.

Ngày 21 tháng 9, ngày mà Bill đọc diễn văn tại phiên khai mạc Liên hiệp quốc tại New York, đã bị biến thành một trò hề ngớ ngẩn nhất. Trong khi bản báo cáo của Starr không buộc Bill từ chức, giới lãnh đạo Đảng Cộng hòa đã giở quẻ và tiết lộ cuộn băng ghi hình lời chứng của Tổng thống trước ban bồi thẩm. Khi Bill bước vào Đại sảnh rộng lớn của Đại hội đồng Liên hiệp quốc trước sự tung hô nhiệt tình một cách bất thường, tất cả các đài truyền hình chính đồng loạt phát hình đoạn băng các phụ tá của Starr phỏng vấn Bill hồi tháng Tám. Trong khi hàng giờ thẩm vấn đau đớn diễn ra một cách chậm rãi trên làn sóng truyền hình, Bill đã có một bài diễn thuyết hùng hồn trước Liên hiệp quốc về mối đe dọa ngày càng gia tăng của chủ nghĩa khủng bố quốc tế và nhu cầu cấp bách về sự đồng tâm hiệp lực của cả nhân loại văn minh nhằm đối phó với vấn đề đó. Tôi chắc là có rất ít người Mỹ lắng nghe những lời cảnh báo của Bill về những mối nguy hiểm mà bọn khủng bố đang hướng

về chúng ta. Khi ông hoàn tất bài diễn văn, các Tổng thống, Thủ tướng và các đi biểu đã vỗ tay hoan hô nhiệt liệt. Sự đón nhận của đồng liêu quốc tế khẳng định cương vị lãnh đạo của Bill, một sự thừa nhận đúng lúc cho những việc tốt mà ông đã làm với tư cách một Tổng thống.

Bill cũng gặp gỡ Thủ tướng Pakistan, ông Nawaz Shrif, để bàn về biện pháp kiểm soát chương trình hạt nhân của Pakistan và mối nguy cơ chung của sự gia tăng vũ khí hạt nhân ở tiểu lục địa. Anh cũng bàn bạc với Tổng thư ký Liên hiệp quốc Kofi Annan về biện pháp đối phó với việc Iraq liên tục thách thức các giải pháp của Liên hiệp quốc. Sau đó, anh cùng tôi tham dự một diễn đàn về kinh tế toàn cầu tại Đại học New York, với sự tham dự của Tổng thống Ý Romano Prodi, Thủ tướng Thụy Điển Goran Persson, Tổng thống Bulgaria Petar Stoyanov và người bạn thân của chúng tôi Thủ tướng Anh Tony Blair.

Ngày hôm sau, khi chúng tôi trở về Nhà Trắng, dường như nỗ lực bêu riếu Tổng thống của phe Cộng hòa đã thất bại. Cảnh tượng Tổng thống vẫn giữ vẻ điềm tĩnh khi bị tra hỏi tới tấp bằng những câu hỏi quá đỗi thô tục mà không ai muốn trả lời dường như đã làm cho người dân Mỹ thông cảm hơn với tình huống khó xử của Tổng thống.

Tối hôm sau, Nelson Mandela, người cũng đã dự phiên họp Liên hiệp quốc hôm trước, đã đến thăm chúng tôi tại Nhà Trắng, cùng với phu nhân Graca Machel. Tại buổi tiệc chiêu đãi dành cho các vị lãnh đạo tôn giáo của Mỹ và châu Phi trong Phòng phía Đông, Mandela đã bày tỏ những tình cảm chân thành và sự kính trọng của ông đối với Bill. Sau khi ca ngợi mối giao hảo mà Bill đã vun đắp với Nam Phi và phần còn lại của châu Phi, Mandela đã nhẹ nhàng nói "Chúng ta thường nói đạo đức không cho phép chúng ta bỏ rơi bạn bè". Ông quay sang và nói thẳng với Bill "Và tối nay chúng tôi phải nói rằng, chúng tôi luôn nghĩ đến bạn trong thời khắc khó khăn và bất ổn này trong cuộc đời bạn". Mandela làm mọi người cười v vỗ tay tán thưởng khi ông hứa không "can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước này". Nhưng rõ ràng là ông đang yêu cầu người Mỹ hãy chấm dứt màn bôi nhọ danh dự này. Mandela, người đã kiềm chế sự tức giận của bản thân và tha thứ cho những người đã cầm tù mình, luôn luôn là một người rất sâu sắc.

"Nhưng nếu mong đợi của chúng ta, ước mơ và những lời cầu nguyện thành kính nhất không được đáp ứng", ông nói, "thì tất cả chúng ta nên nhớ rằng niềm vinh quang lớn lao nhất trong cuộc đời này không phải ở chỗ không bao giờ vấp ngã mà thể hiện bằng khả năng đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã".

Tôi vẫn đang cố đứng dậy. Bằng cách để thời gian trôi đi từng ngày và lại bắt đầu vào mỗi buổi sáng, tôi đang xây dựng lại cuộc đời mình một cách vô thức, từng ngày một. Tha thứ cho Bill là một thách thức lớn; song viễn cảnh phải tha thứ cho những sát thủ đánh thuê của cánh hữu thì dường như vượt quá khả năng tôi. Nếu Mandela có thể tha thứ, tôi sẽ thử. Nhưng điều đó thật khó, ngay cá với sự giúp đỡ của nhiều bạn bè và những người đi trước.

Vài tuần sau cuộc viếng thăm của Mandela, Đức Đạt lai Lạt ma ghé thăm tôi tại Nhà Trắng. Chúng tôi gặp nhau ở Phòng Bản Đồ, người tặng tôi một khăn choàng cầu nguyện màu trắng và bảo rằng người thường nghĩ đến tôi và cuộc đấu tranh của tôi. Người khuyên tôi nên mạnh mẽ và vượt qua nỗi cay đắng và sự giận dữ để đối diện với nỗi đau và sự bất công. Lời khuyên rủa người cũng giống với những lời động viên mà tôi nhận được từ nhóm bạn cầu nguyện của mình, đặc biệt là Holly Leachman và Susan Baker - những người thường đến thăm và cầu nguyện cùng tôi, nhân viên mật vụ Brian Stafford - khi ấy là Trưởng phòng Bảo vệ Tổng thống và Mike McCurry - thư ký báo chí của Tổng thống trong suốt những ngày khó khăn nhấtngười đến và đi, xem tôi sống như thế nào dưới áp lực. Những thành viên Đảng Dân chủ của Quốc hội gọi điện cho tôi và hỏi xem tôi có cần họ làm gì hay không. Một Nghị sĩ nói: "Hillary, nếu bà là em gái tôi, tôi đã đấm vào mũi Bill Clinton!". Tôi nói với ông ấy rằng tôi rất trân trọng sự quan tâm của ông ấy nhưng tôi thật sự không cần đến sự giúp đỡ như vậy. Một vài thành viên Đảng Cộng hòa thú nhận là họ không đồng ý với quyết định theo đuổi vụ luận tội của đảng.

Ngày 7 tháng 10, một phái đoàn những thành viên mới của Hạ viện đến gặp tôi tại Nhà Trắng. Một lần nữa, chúng tôi gặp nhau ở Phòng Bầu Dục Vàng khi ánh nắng chiều rọi ngang khung cửa sổ. Họ lo ngại rằng phe Cộng hòa sẽ ép buộc một cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm trước cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ. Tôi đã đưa ra những lời động viên tốt nhất mà tôi có thể. "Chúng ta không thể để họ buộc Tổng thống từ chức”, tôi nói. "Không thể như thế. Các bạn là thành viên Quốc hội. Công việc các bạn là bảo vệ Hiến pháp và làm những gì tốt nhất cho đất nước. Vì thế chúng ta hãy cùng vượt qua khó khăn này." Rồi tôi vận dụng kinh nghiệm 25 năm trước đây của mình để giải thích những gì Hiến pháp quy định về việc luận tội, về cách thức những người lập hiến hình dung quyền luận tội sẽ được sử dụng như thế nào, được diễn dịch ra sao sau 200 năm kể từ ngày ban hành Hiến pháp. Khi chúng tôi kết thúc cuộc họp, tôi cũng đảm bảo với các thành viên Quốc hội rằng nếu phải bỏ phiếu, cả Tổng thống và tôi đều muốn họ lắng nghe lương tâm và cử tri của họ; chúng tôi sẽ hiểu cho dù họ quyết định như thế nào đi nữa.

Các thành viên Dân chủ và một ít các thành viên Cộng hòa trung lập của Quốc hội thống nhất khiển trách - một cuộc bỏ phiếu khiển trách - là thích hợp nhất đối với việc làm của Bill. Nhưng những thành viên Cộng hòa có quyền lực đã chống đối với thỏa thuận một cách dữ dội. Henry Hyde, Chủ tịch Ủy ban Tư pháp Hạ viện, đã chế nhạo khái niệm khiển trách như là một "vụ luận tội dành cho người ăn kiêng". Hyde tỏ ra tuyệt đối không khoan nhượng. Ông ta đổ tội cho Nhà Trắng về bài báo ngày 16 tháng 9 đăng trên tạp chí Salon, một tạp chí Internet, đã viết rằng ông ta đã có một cuộc ngoại tình kéo dài suốt những năm 1960, trong khi ông ta đã cưới người vợ sau này. Hyde gọi việc không chung thuỷ của mình, xảy ra ở tuổi 40, là một "sự nông nổi của tuổi trẻ". Ông ta đã giận dữ và phẫn nộ vì giới truyền thông đã cho đăng tải một vi phạm mang tính riêng tư. Phe Cộng hòa đã yêu cầu một cuộc thanh tra tờ tạp chí. Mặc dù rất khác với Hyde về tư tưởng và quan điểm chính trị, tôi cảm thấy thông cảm về sự đau khổ của ông ta. Nhưng tôi cảm thấy khó hiểu tại sao ông ta không nhận thấy tính hai mặt trong hành động của chính mình nhỉ?

Cả mùa thu tôi đi dọc ngang khắp đất nước cho một chiến dịch dài hơi. Tôi yêu cầu mọi người hãy bỏ phiếu với suy nghĩ rằng cuộc sống của họ sẽ phụ thuộc vào việc bỏ phiếu đó. Tôi tập trung vào những vùng mà cuộc tranh đua gay gắt và những nơi có nhiều người biết đến tôi. Giống như sáu năm trước tôi đã vận động tranh cử cho Barbara Boxer, người bảo vệ chiếc ghế Nghị sĩ trước một đối thủ rất mạnh ở California, và cho Patty Murray, Nghị sĩ từ Washington, rất có năng lực với biệt danh "người mẹ mang giầy tennis". Tôi cũng đã cố gắng giúp đỡ Nghị sĩ Carol Mosley Braun ở Illinois. Trước khi kết thúc, tôi ghé Ohio, Nevada và trở về Arkansas để đại diện cho một ứng cử viên Nghị sĩ trẻ tuổi năng động, Blanche Lincoln. "Chúng tôi đã gởi một tín hiệu rõ ràng đến giới lãnh đạo của Đảng Cộng hòa trong Quốc hội rằng người Mỹ quan tâm đến những vấn đề có thực", tôi nói với đám đông ở Janesville, Wisconsin. "Họ quan tâm đến giáo dục, chăm sóc sức khỏe và an ninh xã hội. Và họ muốn một Quốc hội biết lo cho những gì mà họ

Tôi đã đặt hết tâm huyết vào chiến dịch của Nghị sĩ Charle Schumer nhằm đánh bại Nghị sĩ Al D'Amato của New York. Chuck Schumer là một đảng viên Dân chủ thông minh và cực kỳ tiến bộ, đồng thời là một trong những ủng hộ viên kiên định nhất của Bill. D'Amato đã chủ tọa phiên điều trần Whitewater tại Thượng nghị viện, ông đã triệu tập những người thư ký Nhà Trắng vô tội, những người gác cửa và một người giữ trẻ ra trước Ủy ban, nhưng không tìm thấy chứng cớ gì mà chỉ để lại cho họ gánh nặng về chi phí tòa án. Vị trí của D'Amato trở nên mong manh trước sự thách thức mạnh mẽ của Schumer.

Tôi đang ở New York tham dự một buổi gây quỹ cho Schumer thì nhận ra chân phải của mình bị sưng tấy và gần như không thể mang giầy được. Khi trở về Nhà Trắng, tôi đã gọi bác sĩ Connie Mariano. Sau khi khám sơ chân tôi, bà gởi tôi đến bệnh viện hải quân Bethesda để khám xem liệu tôi có bị nghẽn mạch máu do đã bay liên tục vòng quanh đất nước hay không. Kết quả chắc chắn là tôi đã bị nghẽn mạnh máu ở đầu gối phải và cần phải điều trị ngay. Bác sĩ Mariano bảo tôi phải nằm trên giường và uống thuốc tan máu ít nhất một tuần. Mặc dù tôi muốn quan tâm đến sức khỏe bản thân, nhưng tôi quyết định không hủy bất kỳ chặng nào của chiến dịch. Vì thế chúng tôi phải thỏa thuận. Bà ấy sẽ gởi một y tá đi theo tôi để phát thuốc và theo dõi tình trạng của tôi.

Khi ngày bỏ phiếu đến gần, Đảng Cộng hòa tung một chiến dịch quảng cáo rầm rộ tập trung vào vụ xì-căng-đan. Chương trình thất bại. Dường như các cử tri tỏ ra ghê tởm chiến thuật chính trị của phe Cộng hòa hơn là cuộc sống riêng tư của Tổng thống. Tôi tin rằng chúng tôi sẽ giành được nhiều ghế hơn nếu nhiều thành viên Dân chủ kêu gọi sự trung thực của các thành viên Cộng hòa trong việc luận tội. Nhưng đi ngược lại quy ước của Washington là một việc làm khá may rủi hầu hết các ứng viên. Những nhà phê bình vẫn đang tiên đoán một đợt phản công từ phía Cộng hòa.

Vào ngày bầu cử, những cuộc thăm dò bên ngoài phòng bỏ phiếu được tiến hành, Bill rất phấn khích, anh ngồi cùng với các nhân viên ở văn phòng của John Podesta tại Dinh Tây để theo dõi kết quả. John, một cố vấn chính trị rất hiểu biết và thông minh, đã từng phục vụ trong chính phủ nhiệm kỳ đầu của Bill với vai trò Thư ký Nhà Trắng, và gần đây trở thành Chánh văn phòng Nhà Trắng sau khi Erskine Bowles chấm dứt nhiệm kỳ. Một nhân viên phụ tá đang hướng dẫn Bill cách theo dõi kết quả bầu cử trên Intemet và anh ngồi tại máy vi tính của John, hăng hái lướt qua các trang web chính trị. Tôi cũng rất hồi hộp theo dõi kết quả bỏ phiếu như mọi khi. Vì thế tôi mời Maggie và Cheryl Mills, một luật sư hoàn hảo ở văn phòng luật, cùng xem bộ phim mới của Oprah Winfrey, dựa theo tiểu thuyết của Toni Morrison, Beloved. Khi chúng tôi quay lại vào buổi tối, có tin tốt: Kết quả cuộc bỏ phiếu thật lịch sử. Đảng Dân chủ chiếm thêm 5 ghế trong Hạ viện và vượt qua Đảng Cộng hòa với tỉ lệ sít sao: tỉ lệ bây giờ là 223 so với 211. Thượng viện vẫn không thay đổi với 55 thành viên Cộng hòa so với 45 thành viên Dân chủ. Barbara Boxer thắng trong đợt tái ứng cử ở Thượng viện, và tin tốt lành nhất của tối đó là Chuck Schumer đánh bại Al D'Amato ở New York. Phe Cộng hòa và những nhà bình luận truyền thông nghĩ rằng phe Dân chủ sẽ mất 30 ghế ở Hạ viện và 4 đến 6 ghế ở Thượng viện . Nhưng ngược lại, Đảng Dân chủ đã thắng ở Hạ viện, lần đầu tiên kể từ năm 1822, đảng của Tổng thống đương

quyền đã làm được như thế trong nhiệm kỳ thứ hai.

Một ngạc nhiên nữa lại đến không lâu sau đó. Ba ngày sau, thứ Sáu, ngày 6 tháng 11, Thượng nghị sĩ Moynihan đã có một cuộc phỏng vấn ghi hình với phóng viên huyền thoại của truyền hình New York, Gabe Pressman, tuyên bố rằng ông sẽ không tranh cử cho nhiệm kỳ thứ 5. Buổi phỏng vấn dự định phát trên truyền hìnhChủ nhật, nhưng thông tin đã bị tiết lộ sớm hơn.

Tối khuya thứ Sáu, tổng đài viên Nhà Trắng đã chuyển cho tôi cuộc gọi từ Nghị sĩ Charlie Rangel, cựu thành viên Quốc hội ở Harlem, một người bạn tốt của tôi.

"Tôi vừa mới nghe nói Thượng nghị sĩ Moynihan tuyên bố sẽ từ chức. Tôi hy vọng là bà sẽ xem xét việc tranh cử vì tôi nghĩ bà sẽ thắng", ông ta nói.

"Ôi, Charlie", tôi nói. "Tôi rất quý những gì ông nghĩ về tôi, nhưng tôi không quan tâm, mà hơn nữa, chúng tôi còn có một số vấn đề nổi cộm phải giải quyết ngay bây giờ."

"Tôi biết", ông ấy nói. "Nhưng tôi thật sự nghiêm túc. Tôi muốn bà suy nghĩ về việc đó."

Có lẽ ông ấy nói nghiêm túc nhưng tôi nghĩ ý tưởng tranh cử chiếc ghế nghị sĩ của Moynihan thật là ngớ ngẩn, mặc dù đây không phải là lần đầu tiên ý tưởng này được nhắc đến. Một năm trước đó, tại một buổi tiệc Giáng sinh ở Nhà Trắng, bạn tôi Judith Hope, Chủ tịch Đảng Dân chủ tại New York, đã nói rằng bà ta không nghĩ Moynihan sẽ tranh cử một lần nữa. "Nếu ông ta không tranh cử", bà ấy nói, "tôi mong bà sẽ làm". Lúc đó tôi nghĩ nhận xét của Judith không thực tế và vào thời điểm này tôi vẫn còn nghĩ như vậy.

Tôi có những thứ khác trong tâm trí mình.

TRÔNG CHỜ ÂN HUỆ

Cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 1998 đã gây ra một bất ngờ nữa khi Newt Gingrich từ bỏ vị trí Chủ tịch Hạ viện và tuyên bố rằng ông ta sẽ từ chức khỏi Quốc hội. Lúc đầu, sự việc này nghe có vẻ như là phần thắng đang nghiêng về phía chúng tôi và việc luận tội xem chừng đã thất bại. Bob Livingston của bang Louisiana đã được bố trí vào chỗ của Gingrich. Thế nhưng, Tom DeLay, lãnh đạo nhóm đa số và là người nắm quyền lực thật sự trong các cuộc họp kín của Đảng Cộng hòa, đã gây áp lực buộc các thành viên Cộng hòa chống lại bất kỳ sự thỏa hiệp hợp tình hợp lý nào, ví dụ như bỏ phiếu khiển trách chẳng hạn. Khi Erskine Bowles hỏi Gingrich tại sao Đảng Cộng hòa phải theo đuổi một tiến trình không đúng đắn mà cũng chẳng hợp hiến, Gingrich trả lời : "Vì chúng tôi có thể làm được điều đó".

Việc thẩm tra vụ Whitewatcr và vụ kiện tụng của Paula Jones mà ban đầu đã vẽ ra viễn cảnh của cuộc đối đầu nảy lửa về Hiến pháp nay đã chìm vào quên lãng. Những luật sư của Jones đã yêu cầu Thẩm phán Wright bác bỏ đơn kiện và ngụ ý rằng bà ta sẵn sàng dàn xếp vụ kiện một cách êm thấm với mức giá một triệu đô la. Rõ ràng, luật pháp đã ủng hộ Bill, thế nhưng trong ba thành viên hội đồng thẩm phán của Tòa phúc thẩm thứ tám có tới hai thành viên bảo thủ thuộc Đảng Cộng hòa. Chính hai vị thẩm phán này trước đó chỉ dựa trên cơ sở của những bài báo để quyết định loại bỏ Thẩm phán Henry Woods ra khỏi vụ kiện liên quan đến vụ Whitewater. Bill lo ngại rằng sự kiện này sẽ tạo ra tốt cho những chính trị gia của phe đối lập lại một lần nữa bóp méo luật pháp và các tiền lệ và rồi các thẩm phán sẽ quyết định đưa vụ này ra xét xử. Ngày 13 tháng 11, luật sư ủy nhiệm của Bill, Bob Bennett cho Bill biết rằng bà Jones đã đồng ý bãi bỏ vụ kiện với giá 850.000 đô la. Mặc dù không thích dàn xếp cho một vụ kiện mà mình đã thắng và dù rằng Thẩm phán Wright đã không đưa ra được một cơ sở pháp lý và chứng cớ thực tế nào, Bill tin rằng không còn cách nào an toàn hơn để kết thúc câu chuyện một cách êm thấm. Anh đã không đưa ra lời xin lỗi nào và cũng không chấp nhận việc làm của mình là sai trái. Bennett chỉ cho biết một cách đơn giản "Tổng thống đã quyết định ông ấy sẽ không tốn thêm thời gian cho vụ việc này nữa". Và thế là vụ việc kết thúc.

Hàng tuần liền tôi đã trông chờ Ủy ban Tư pháp Hạ viện phát hành một số lượng lớn lệnh triệu tập nhiều người ra hầu tòa vì việc này đã từng được thực hiện trong vụ luận tội Tổng thống Nixon năm 1974. Trách nhiệm của Ủy ban là tự tiến hành điều tra, không nghe theo những lý lẽ của các luật sư độc lập. Tôi rất phẫn nộ khi Hyde thông báo rằng Ủy ban sẽ gọi Kenneth Starr ra làm

nhân chứng quan trọng nhất. Starr đã nói suốt 2 tiếng đồng hồ không ngơi nghỉ và đã trả lời các câu hỏi của Ủy ban suốt buổi chiều hôm đó. Cuối cùng gần 9 giờ tối thì David Kendall đã có cơ hội kiểm tra chéo Starr. Các đảng viên Cộng hòa chiếm đa số trong Ủy ban đã buộc David phải làm việc trong một khoảng thời gian hạn chế đến mức phi thực tế. David bắt đầu bài bình luận của mình bằng một bản tóm tắt diễn biến sự việc.

"Công việc của tôi là phản biện lời khai dài suốt 2 tiếng đồng hồ không ngừng của luật sư độc lập, cũng như phản biện một cuộc điều tra kéo dài trong 4 năm và hao tốn đến 45 triệu đô la của vị luật sư này. Cuộc điều tra này gồm có ít nhất 28 luật sư, 78 nhân viên đặc nhiệm FBI và một con số chưa được công bố những thanh tra tư. Một cuộc điều tra đã tạo ra 114.532 mẩu tin trên báo và 2.513 phút phát hình của các đài hình, chưa kể đến những đợt phát sóng 24/24 về vụ xì-căng-đan trên truyền hình cáp; 445 trang danh sách những người liên đới; 50.000 trang tài liệu ghi nhận các lời khai kín trước bồi thẩm đoàn; 4 giờ băng ghi hình về việc lấy lời khai; 22 giờ băng ghi tiếng, mà một vài đoạn trong số đó được thu thập một cách trái phép, lời khai của rất nhiều nhân chứng, mà không một ai trong số đó được kiểm tra chéo.

"Và tôi có 30 phút để làm việc này."

Starr phải thừa nhận rằng ông ta đã không tự kiểm tra một nhân chứng nào trước bồi thẩm đoàn. Ông ta không có gì để đưa vào hồ sơ tham chiếu của mình. Nhưng ông ấy đã tuyên bố rằng cuối cùng OIC đã làm rõ rằng Tổng thống không có liên quan đến những sai phạm trong những cuộc điều tra gọi là Travelgate và Filegate

Barney Frank, một Nghị sĩ thuộc Đảng Dân chủ của bang Massachusetts, rất sắc sảo và tài giỏi, đã hỏi Starr rằng ông ta đã đi đến quyết định này vào lúc nào.

"Vài tháng trước", Starr trả lời.

"Tại sao trước thời điểm cuộc bầu cử ông hoãn lại việc công bố nó trong khi ông đã gởi một tham chiếu với nhiều điểm bất lợi cho Tổng thống và chỉ đến bây giờ... mới đưa chúng tôi lời giải tội cho Tổng thống, nhiều tuần sau cuộc bầu cử?”.

Ngài luật sư độc lập đã không có câu trả lời.

Ngày hôm sau, Sam Dash, một cố vấn về đạo đức của OIC, đã từ chức vì đã

không để ý đến những sai sót trước đây của ông Starr và thuộc hạ. Dashng là nhà tư vấn pháp luật dành cho Ủy ban Watergate của Thượng viện vào năm 1973 và 1974, đã viết một lá thư tố cáo Starr về việc lạm dụng chức quyền, tự ý xen vào tiến trình luận tội Tổng thống một cách bất hợp pháp. Nhưng việc ông ấy từ chức đã không mang lại kết quả rõ rệt gì cho vụ kiện. Tương tự là số phận lá thư ngỏ của 400 sử gia - bao gồm những người đồng ủng hộ như Arthur M. Schlesinger, Jr. của trường Đại học New York; Sean Wilentz của Đại học Princeton và C. Vann Woodward của Đại học Yale - công khai yêu cầu Quốc hội bác bỏ việc luận tội vì nó không phù hợp với những chuẩn mực Hiến pháp. Tuyên bố này của họ nên được giảng dạy trong những lớp học về bổn phận và quyền công dân:

“Là những nhà sử học và cũng là những công dân của nước Mỹ, chúng tôi lấy làm tiếc về cuộc vận động nhằm luận tội Tổng thống trong lúc này. Chúng tôi tin rằng nếu cuộc vận động này thành công thì nó sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự Hiến pháp của chúng ta.

Theo Hiến pháp của chúng ta, việc luận tội Tổng thống là một biện pháp hết sức quan trọng và nghiêm túc. Những người lập ra Hiến pháp (Framers) rõ ràng chỉ dành biện pháp này cho những trọng tội và những hành vi sai phạm nghiêm trọng trong quá trình thực thi quyền hành pháp. Nếu không, theo James Madison, sự luận tội vì bất cứ sai phạm nào khác cũng sẽ dẫn đến việc Tổng thống chỉ làm việc “nhằm làm hài lòng Thượng viện”. Cách làm đó sẽ phá vỡ hệ thống kiểm tra và cân bằng, mà đây chính là biện pháp bảo vệ chính yếu để chóng lại việc lạm dụng quyền lực công.

Mặc dù chúng tôi không tha thứ cho những hành vi cá nhân của Tổng thống Clinton hay ý định đánh lừa mọi người của ông ấy, nhưng theo chúng tôi những lời cáo buộc hiện chỉ dựa vào những gì mà Những người lập ra Hiến pháp cho là những nguyên cớ cho việc luận tội. Việc biểu quyết của Hạ viện nhằm thực hiện một cuộc thẩm vấn mở với Tổng thống, thực ất chỉ là một hình thức nhằm tìm kiếm bất kỳ vi phạm nào để cách chức Tổng thống.

Lý thuyết luận tội ẩn đằng sau những nỗ lực này là chưa từng thấy trong lịch sử. Những thủ tục pháp lý mới này là điềm xấu cho tương lai của các thể chế chính trị. Nếu cứ tiếp tục thực hiện, chức vị Tổng thống sẽ không còn như xưa và quyền lực và quyền lực cũng bị giảm bớt, và sẽ phụ thuộc vào sự quyết định đột ngột và thất thường của Quốc hội, điều chưa từng xảy ra trước đây. Chức vị Tổng thống, mà về phương diện lịch sử chính là trung tâm lãnh đạo trong suốt những thời kỳ gay go và quyết liệt của quốc gia, trong tương lai sẽ bị phá hỏng khi gặp những thách thức không tránh khỏi.

Chúng ta đang phải đối mặt với sự chọn lựa giữa việc bảo tồn hay phá hoại Hiến pháp. Chúng ta có muốn thiết lập nên một tiền lệ cho việc quấy rối các Tổng thống trong tương lai? Liệu chúng ta có muốn trói buộc chính phủ bằng việc điều tra và kết tội triền miên và cay nghiệt? Hay chúng ta muốn bảo vệ Hiến pháp và trở về với những việc cần làm cho công chúng?

Chúng tôi kêu gọi các bạn, dù bạn thuộc Đảng Cộng hòa, Dân chủ hay Độc lập, hãy phản đối lý thuyết luận tội mới đầy nguy hiểm này, và hãy yêu cầu phục hồi sự vận hành bình thường của chính phủ liên bang."

Vào đầu tháng 12, cha của Phó Tổng thống, ông Albert Gore đã qua đời tại tư gia ở Carthage bang Tennessee ở tuổi 91. Vào ngày 8 tháng 12, Bill và tôi đáp chuyến bay đến Nashville để dự lễ an táng tại War Memorial Auditorium. Al Gore đứng cạnh chiếc quan tài phủ cờ quốc gia và đọc một bài điếu văn rất hay để ca tụng cha của mình, từng là một Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ rất can đảm và mạnh mẽ, ông ấy đã đánh mất ghế nghị sĩ vào năm 1970 vì đã chống đối cuộc chiến tranh Việt Nam. Al nói với những lời xuất từ con tim của mình, pha chút hài hước và đồng cảm. Đó là bài diễn văn hay nhất của Al mà tôi đã từng nghe.

Người ta đã đoán già đoán non về mức độ ảnh hưởng của vụ xì-căng-đan luận tội đối với mối quan hệ giữa chúng tôi và gia đình Gore. Vào tháng Tám, cũng giống như những người khác, Al và Tipper cũng bị sốc khi Bill thừa nhận những việc làm sai trái của mình, nhưng cả hai đã giúp đỡ chúng tôi vượt qua thời khắc khó khăn đó, cả trong chuyện cá nhân lẫn chuyện chính trị. Bất cứ khi nào chúng tôi cần, họ đều có mặt. Đôi khi chúng tôi nhờ, nhưng đôi lúc họ chủ động giúp đỡ khi cảm thấy chúng tôi cần. Bắt đầu vào ngày 11 tháng 12 và kết thúc khá sớm vào ngày 12, Ủy ban Tư pháp biểu quyết giữa các đảng phái chính trị để giao 4 chương luận tội cho cuộc họp toàn thể Hạ viện để tiếp tục biểu quyết. Chẳng có gì ngạc nhiên cả, nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục nuôi hy vọng sẽ giành được sự ủng hộ đủ để thỏa hiệp một biện pháp khiển trách.

Trong khi Quốc hội tiếp tục theo đuổi việc luận tội Tổng thống, Bill vẫn tập trung vào bổn phận của mình và tôi cũng vậy. Tôi cảm nhận một cách mạnh mẽ rằng, là một Đệ nhất Phu nhân, tôi phải không ngừng thực hiện trách nhiệm và bổn phận của mình, kể cả một chuyến đi cùng các thành viên Quốc hội đến Puerto Rico, Cộng hòa Dominica và Haiti để cứu trợ và an ủi những người dân bị nạn sau cơn bão Georges. Việc giữ lịch làm việc theo thường lệ giúp tôi phấn chấn và tiếp tục đi tới. Tôi chưa bao giờ tự cho phép mình có một cuộc sống xa hoa chỉ với việc leo lên giường trùm chăn kín đầu.

Từ ngày 12 đến 1 5 tháng 12, Bill và tôi đã đến thăm Trung Đông. Chúng tôi đi cùng với Thủ tướng Benjamin "Bibi" Netanyahu và vợ của ông ta, Sara, tới Masada, một miền đất tượng trưng cho cuộc kháng chiến và tinh thần sẵn sàng tử vì đạo của người Do Thái. Mười bảy năm về trước, đến đây lần đầu tiên khi chúng tôi là thành viên của chuyến đi về vùng Đất Thánh dẫn đầu bởi Tiến sĩ W.O.Vaught, vị cố vấn tinh thần của Hội thánh Baptist miền Nam của Bill. Ông đã qua đời từ dạo ấy và tôi thường ước rằng ông ấy sẽ luôn ở bên cạnh để khuyên bảo và giúp đỡ Bill đương đầu với những khó khăn thử thách. Tôi hết sức trân trọng 3 vị mục sư đã có những hướng dẫn hết sức tận tình cho Bill, đó là ngài Phil Wogaman, ngài Tony Campolo và ngài Gordon MacDonald. Họ đã thường xuyên gặp gỡ và cùng cầu nguyện với Bill khi anh kiếm tìm sự đồng cảm, thấu hiểu và tha thứ.

Trong lần viếng thăm đó, chúng tôi đã đến Bethlehem; lần này chúng tôi quay lại đây cùng với ông Yasir Arafat để thăm Nhà thờ Nativity, nơi chúng tôi cùng hát những bài thánh ca Giáng sinh với những người Thiên Chúa giáo Palestine vẫn theo đuổi hy vọng về tiến trình hòa bình. Bill có kế hoạch đọc một bài diễn văn thật mới lạ tại Hội đồng Quốc gia Palesine và tổ chức các buổi họp khác với họ, sau đó chúng tôi đáp xuống sân bay Quốc tế Gaza, một phi trường mới toanh. Đây là một sự kiện quan trọng bởi vì việc mở cửa sân bay là một trong những nguyên lý của Hiệp ước Hòa bình Wye gần đây mà Bill là người trung gian hòa giải giữa Arafat và Netanyahu, nhằm nâng cao cơ hội phát triển kinh tế cho người Palestine.

Mặc dù Trung Đông đã có một bức tranh xán lạn vào thời điểm đó, Bill vẫn theo dõi rất sát sao sự phản kháng của Saddam Hussein, người đã không đồng ý cho lực lượng vũ trang Liên hiệp quốc tiếp tục thanh tra tại Iraq. Theo quan điểm chính trị, đây là thời điểm tồi tệ nhất để đáp lại Hussein bằng quân sự. Trong khi cuộc biểu quyết cho việc luận tội đang dần dần nở rộ, bất cứ hành động nào của Tổng thống cũng có thể được xem là cố ý làm xao nhãng hoặc làm trì trệ Quốc hội. Mặt khác nếu Bill hoãn lại việc bỏ bom Iraq, anh ấy có thể bị buộc tội hy sinh an ninh quốc gia để trốn tránh sức ép chính trị. Tháng chay Ramadan của người Hòi giáo sắp đcơ hội tấn công Iraq sẽ bị đóng lại. Vào ngày l6 tháng 12, các cố vấn quân sự và tình báo cho anh ấy biết rằng thời cơ đã đến. Bill đã ra lệnh tấn công Iraq để triệt hạ những địa điểm sản xuất vũ khí giết người hàng loạt và những mục tiêu quân sự khác

Lãnh đạo Đảng Cộng hòa, những người công khai theo chủ nghĩa hoài nghi, đã dời cuộc tranh luận về việc luận tội khi cuộc dội bom bắt đầu. Nghị sĩ Đảng Cộng hòa, Joel Hefley phát biểu "Quyết định của Clinton về việc đánh bom Iraq là việc lạm dụng lực lượng quân đội cho mục đích cá nhân một

cách đáng hổ thẹn". Trent Lott, Thượng nghị sĩ cầm đầu đa số của Đảng Cộng hòa đã chống lại sự phán đoán của Tổng thống một cách công khai. "Cả thời điểm lẫn chính sách đều đáng nghi ngờ," ông ta nói về những hành động quân sự. Lott đã phải rút lại lời phát biểu của mình vì nó được diễn dịch như là một ám chỉ rằng bè phái chính trị quan trọng hơn an ninh quốc gia trong Quốc hội này.

Lãnh đạo Hạ viện nhất định bắt buộc thực hiện cuộc biểu quyết về việc luận tội Tổng thống trong phiên họp cuối cùng của nhiệm kỳ, trước khi đa số của Đảng Cộng hòa bị giảm mất 11 thành viên khi nhiệm kỳ mới bắt đầu vào tháng 1. Vào ngày 18 tháng 12, khi bom đổ xuống Iraq, cuộc tranh luận về việc luận tội Tổng thống bắt đầu. Tôi đã cố gắng kiềm chế không thực hiện những lời phát biểu trực tiếp trước công chúng trong vòng vài tháng, nhưng buổi sáng hôm đó tôi đã nói với một nhóm phóng viên bên ngoài Nhà Trắng: "Tôi nghĩ rằng cũng giống tôi, đại đa số người Mỹ tán thành và tự hào về công việc mà Tổng. thống đang làm cho đất nước của chúng ta. Và tôi nghĩ rằng trong mùa lễ này, khi chúng ta ăn mừng lễ Giáng sinh, lễ Chanukah và Ramadan - và trong thời điểm dành cho sự suy ngẫm và hòa giải. giữa mọi người này - chúng ta buộc phải kết thúc sự chia rẽ vì nếu hợp lực lại, chúng ta có thể làm nhiều thứ với nhau h

Dick Gephardt yêu cầu tôi dự Buổi họp kín của các thành viên Dân chủ Hạ viện tại Điện Capitol ngay trước khi những cuộc biểu quyết diễn ra theo lịch về các điều khoản của việc luận tội. Đứng trước các đảng viên Đảng Dân chủ vào buổi sáng hôm sau, tôi đã cảm ơn tất cả những ai đã ủng hộ cho Hiến pháp, cho Tổng thống cũng là người lãnh đạo đảng, chồng tôi.

Tôi nói: "Có thể các bạn đã rất tức giận Bill Clinton, đương nhiên tôi cũng không bằng lòng với những gì chồng tôi đã làm. Nhưng luận tội không phải là cách giải quyết. Chúng ta đang bị lâm nguy nếu không tập trung vào những việc thật sự quan trọng hơn" . Tôi đã nhắc nhở họ rằng chúng ta là những công dân Mỹ đang sống tuân thủ theo luật pháp và chúng ta có trách nhiệm làm cho bộ máy nhà nước vận hành theo đúng Hiến pháp. Việc luận tội này là một phần của cuộc chiến tranh chính trị tiến hành bởi những người quyết tâm phá hỏng các chương trình của Tổng thống về kinh tế, giáo dục, an ninh xã hội, chăm sóc y tế, môi trường và tiến trình tìm kiếm hòa bình ở Bắc Ireland, Balkan và khu vực Trung Đông - tất cả những thứ mà chúng ta, những đảng viên Dân chủ đang tranh đấu. Chúng ta không thể để điều đó xảy ra được. Và dù cho cuộc biểu quyết diễn ra như thế nào đi chăng nữa thì Bill Clinton vẫn sẽ không từ chức.

Chúng tôi biết rằng những nỗ lực cuối cùng để tránh việc luận tội sẽ thất bại. Bước ra khỏi những dãy hành lang bằng đá cẩm thạch đã từng chứng kiến rất nhiều về lịch sử nước Mỹ, tôi buồn cho đất nước của mình vì hệ thống luật pháp đã bị lạm dụng, chung quy chỉ vì tham vọng lật đổ Chính quyền thông qua Quốc hội. Khi còn là một sinh viên mới tốt nghiệp trường luật, tôi đã nghiên cứu vụ luận tội vì động cơ chính trị đối với Tổng thống Andrew Johnson. Khi còn là nhân viên của Quốc hội tham gia điều tra Tổng thống Richard Nixon tôi biết chúng tôi làm việc cực nhọc như thế nào để đảm bảo việc luận tội được công bằng và phải được thực hiện theo đúng Hiến pháp.

Sự kiện quan trọng này gần như bị nhấn chìm bởi một màn kịch kỳ quái ngay trong phòng họp Hạ viện. Đêm trước khi cuộc biểu quyết bắt đầu, Bob Livingston, người được tiến cử làm Chủ tịch Hạ viện, bị vạch trần là một kẻ ngoại tình. Vào sáng thứ Bảy, khi Livingston đứng trước các đồng nghiệp trong căn phòng chính của Điện Capitol, mọi người đã biết ông ta thừa nhận rằng đã “lầm lạc" trong hôn nhân của mình. Khi ông ta yêu cầu Tổng thống từ chức, mọi người đã cật vấn và la ó giận dữ. Một lúc sau, ông ta làm mọi người sững sờ khi tuyên bố từ chức. Thêm một nạn nhân ngoài ý muốn của chiến dịch phát động từ chính đảng phái của mình - một chiến dịch tự hủy hoại mình. Cũng giống như Gingrich, ông ta rời khỏi Quốc hội.

Hai điều khoản bị bác bỏ, hai được công nhận. Bill bị luận tội về việc khai man trước bồi thẩm đoàn và tội cản trở công lý. Bây giờ anh ấy sẽ bị hầu tòa tại Thượng viện Hoa Kỳ.

Sau cuộc biểu quyết đề tiến hành việc luận tội, đoàn đại biểu Đảng Dân chủ đã đi xe buýt từ Điện Capitol đến Nhà Trắng để biểu lộ tình đoàn kết dành cho Tổng thống. Tôi khoác tay Bill khi chúng tôi bước ra khỏi Phòng Bầu Dục và gặp họ ở Vườn Hồng. Al Gore đã có những lời phát biểu động viên thật xúc động, ông gọi việc bỏ phiếu luận tội của Hạ viện là "một sự xâm hại lớn lao đối với một người mà tôi tin rằng sẽ được ghi nhận vào sử sách như một trong những vị Tổng thống vĩ đại nhất". Cũng giống như tôi, tỉ lệ ủng hộ Al trong công chúng cũng đã tăng lên cao. Người Mỹ đã hiểu điều gì

Bill cảm ơn những người đã trung thành tận tụy với anh và hứa sẽ không đầu hàng. Anh ấy nói sẽ kiên định "cho đến giờ phút cuối cùng trong nhiệm kỳ của tôi". Sự kiện tồi tệ vừa mới xảy ra lại tạo nên một chút kết quả lạc quan khác thường, và tôi lấy làm biết ơn sự nhìn nhận mà công chúng dành cho Bill. Nhưng tôi phải cố gắng hết sức chịu đựng cơn đau ở lưng của mình. Lúc về đến phòng của mình sau khi sự kiện kết thúc, tôi hầu như không thể đứng được nữa.

Đó là điều không thuận lợi trong lúc này vì nó rơi vào dịp lễ Giáng sinh, và dù luận tội hay không luận tội, Nhà Trắng vẫn phải tổ chức nhiều cuộc đón tiếp, điều đó có nghĩa là tôi phải đứng đón khách hàng giờ. Trụ được vài tiếng đồng hồ, ngay sau đó lưng tôi tê cứng và không thể di chuyển được. Đây chính là hậu quả của việc bị căng thẳng dồn dập và thủ phạm cũng chính là những đôi giày tôi đã mang.

Một trong những bác sĩ trị liệu của Nhà Trắng sau khi khám đã cho tôi biết "Thưa bà, gần đây có phải bà đã mang giày cao gót rất nhiều không ?".

"Vâng."

"Thưa bà", ông ấy đáp, "bà không nên mang giày cao gót nữa".

"Không bao giờ luôn ư ?"

"À vâng, không bao giờ". Ông ấy nhìn tôi một cách tò mò và hỏi "Với tất cả sự kính trọng thích đáng, thưa bà, tại sao bà phải mang nó ?"

Chúng tôi cảm thấy vừa thoải mái vừa khá kỳ quặc khi nghỉ lễ và làm những điều quen thuộc của dịp lễ cùng với bóng ma của phiên tòa Thượng viện đang lởn vởn trong phòngvị khách không mời mà đến. Tôi đã nhận được hàng trăm lá thư ủng hộ từ khắp nơi gởi về. Thư của Phu nhân Bird Johnson, người đã theo dõi sự kiện này tại quê nhà Texas, là một trong những lá thư sâu sắc nhất:

"Hillary thân mến,

Bà đã làm tôi sung sướng biết chừng nào khi tôi thấy bà ở bên cạnh Tổng thống trên tivi (có phải là Khu vườn phía Nam không ?). Điều đó nhắc nhở chúng tôi về những lĩnh vực như giáo dục và y tế, và những gì chúng ta cần phải làm. Tôi luôn cầu nguyện cho bà. Sau đó tôi thấy bà đến Điện Capitol để trao đổi với các Đảng viên Dân chủ và kêu gọi sự ủng hộ của họ.

Tôi rất vui vì điều đó, và tôi nghĩ ràng đó chính là những gì mà đại đa số nhân dân nghĩ đến.

Trân trọng kính chào,

Phu nhân Bird Johson"

Những lời lẽ rất rành rẽ và tử tế của bà Bird đã làm tôi ấm lòng. Điều đó

khiến tôi có thể đoán chắc rằng những người thấu hiểu áp lực mà tôi phải chịu sẽ nhận ra tại sao tôi lại kiên quyết ủng hộ chồng mình đến như vậy.

Một lần nữa chúng tôi lại đón giao thừa tại Renaissance Weekend ở Hilton Head, Nam Carolina. Có rất nhiều bạn bè và đồng nghiệp đã đến động viên chúng tôi và cám ơn Bill vì sự lãnh đạo của anh ấy với tư cách là một Tổng thống. Những lời nói cảm động nhất đến từ ngài cựu Đô đốc Hải quân Elmo Zumwalt, nguyên Chỉ huy trưởng lực lượng Hải quân trong chiến tranh Việt Nam. Ngài Zumwalt có một bài diễn thuyết. ngắn dành cho Chelsea có tựa đề là If These Were My Last Words. Ông ấy muốn con tôi không bao giờ quên những thành tựu của cha mình, ngay cả khi những sự kiện x trong Quốc hội đang đe dọa làm lu mờ những điều đó.

"Cha của con, vị tổng tư lệnh của ta", ông nói, "sẽ được nhớ đến như là một vị Tổng thống có khả năng làm cho sức mạnh quân sự của chúng ta được phục hồi sau 15 năm suy yếu, do đó bảo đảm sức sống liên tục của lực lượng quân đội..., là người đã ngăn chặn những cuộc tàn sát giết chóc ở Haiti, Bosnia, Ireland và Kosovo..., là người đã thúc đẩy tiến trình hòa bình ở khu vực Trung Đông..., người đã khởi xướng những cuộc tranh đấu và có những hành động cải tiến an ninh xã hội, hệ thống giáo dục và chăm sóc sức khỏe...”.

Ngài Zumwalt còn cho Chelsea biết rằng mẹ của nó cũng sẽ được nhớ đến "như người đã làm thế giới thức tỉnh" về quyền lợi của phụ nữ, trẻ em và những nỗ lực cải thiện đời sống của họ, cũng như về sự hỗ trợ cho gia đình trong cơn khủng hoảng. Những lời nói của ông ấy là một món quà vô giá dành cho Chelsea và cho cả tôi.

Nhưng thật đáng buồn vì đó là những lời nói cuối cùng Chelsea nghe được từ Zumwalt, ông đã mất một năm sau đó. Ông ấy sẽ được tổ quốc nhớ đến như một trong những nhà yêu nước và nhân đạo vĩ đại nhất ở thế hệ của ông ấy. Tôi và gia đình tôi cũng sẽ nhớ đến ông ấy như một người bạn thật sự chung thủy.

Phiên tòa ở Thượng viện bắt đầu vào ngày 7 tháng 1 năm 1999, ngay sau khi phiên họp Quốc hội thứ 106 tuyên thệ. Chánh án Tòa án Tối cao William Rehnquist đã có mặt tại Văn phòng Thượng viện để thụ lý vụ này. Thay vì mặc chiếc áo choàng màu đen đơn giản như thường lệ, ông ấy lại mặc một chiếc áo được thiết kế với đường viền màu vàng đồng ở chỗ hình chữ V nơi tay áo. Ông ấy trả lời với cánh nhà báo rằng đó là ý tưởng ông lấy từ phục trang của vở nhạc kịch hài Iolanthe i>của Gilbert và Sullivan. Thật là phù

hợp khi mặc một bộ phục trang màu mè đến thế để điều khiển một trò hề chính trị.

Tôi đã cố tình không xem phiên tòa trên ti-vi, phần vì tôi coi toàn bộ tiến trình xét xử này là một thất bại nặng nề của Hiến pháp, phần vì biết mình chẳng làm được gì để ảnh hưởng đến kết quả cả. Vụ kiện của Bill được một đội ngũ pháp lý sừng sỏ gánh vác - các luật sư của Nhà Trắng gồm Luật sư trưởng Chuck Ruff, Luật sư phó Cheryl Mills, Lanny Breuer, Bruce Lindsey và Greg Craig, người đã từ bỏ vị trí hàng đầu ở Bộ Ngoại Giao để gia nhập Nhà Trắng, và luật sư riêng của Bill, David Kendall và cộng sự của mình, Nicole Seligman.

Tôi đã gặp gỡ đội ngũ luật sư này để góp một số gợi ý về chiến lược và cách trình bày, tuy nhiên tôi không thể làm gì nhiều hơn ngoài sự hỗ trợ này. Vì cuộc biểu quyết để luận tội ở Hạ viện được xem như là một bản cáo trạng, các thành viên Đảng Cộng hòa của Hạ viện đã xuất hiện tại Thượng viện như là những "ủy viên công tố". Họ có ý định đưa ra những "chứng cứ" buộc tội, còn các luật sư của Bill thì bào chữa cho anh ấy. Không có nhân chứng sống. Thay vào đó, những công tố viên từ Hạ viện lại dựa vào những luận cứ và lời khai của bồi thẩm đoàn thu thập từ Sid Blumenthal, Vernon Jordan và Monica Lewinsky. Sid Blumenthal đã viết một bản tường trình những chuyện xảy ra ở hậu trường rất ly kỳ hấp dẫn của quá trình luận tội trong cuốn sách của ông ta - The Clinton Wars.

Hiến pháp đòi hỏi phải có hai phần ba số phiếu thuận để kết án Tổng thống trước khi ông ấy bị cách chức. Điều đó chưa bao giờ xảy ra trong lịch sử nước Mỹ, và tôi cũng không mong đợi nó xảy ra. Không ai trong số những người có liên quan lại thật sự nghĩ rằng có tới 67 Thượng nghị sĩ sẽ bỏ phiếu quy án nên những công tố viên Hạ viện không thấy có lý do gì để thực hiện một tiến trình truy tố có vẻ chuyên nghiệp. Có quá ít luật lệ quy định về những thủ tục hoặc những chứng cứ được đưa ra trong vụ kiện này. Kết quả là vụ kiện không giống như một phiên tòa thật sự cho lắm mà như một trận đả kích để lên án chồng tôi.

Trong suốt năm tuần diễn ra sự kiện, các luật sư của Tổng thống đã trình bày về luật pháp và những sự kiện mà tôi tin rằng các sử gia, các học giả sẽ chú ý đến khi cố gắng thấu hiểu khoảng thời gian đáng tiếc xảy ra trong lịch sử này. Trong cuộc tranh cãi hết sức sôi nổi, Cheryl dứt khoát bác bỏ luận điểm của các công tố viên Hạ viện rằng việc tha bổng Tổng thống sẽ không chỉ làm xói mòn luật pháp mà còn ảnh hưởng đến cả luật dân sự của quốc gia. Mills, một người Mỹ gốc Phi tuyên bố: "Tôi không lo lắng về dân quyền vì

những thành tích Tổng thống đã làm về dân quyền, về nữ quyền, về tất cả các quyền đủ để bác bỏ việc luận tội... Tôi đứng trước các bạn hôm nay vì Tổng thống Bill Clinton tin rằng tôi sẽ có thể đứng đây vì ông ấy".

Dale Bumpers, nguyên Thượng nghị sĩ đến từ Arkansas, đã thay mặt cho Bill tranh cãi rất hùng hồn. Bumpers là một nhà hùng biện lỗi lạc và cũng là một người bạn rất thân của Bin, đã đan kết lịch sử nước Mỹ và những câu chuyện của Arkansas một cách hết sức thuyết phục để yêu cầu cho Tổng thống được trắng án. Ông ấy đã nhắc nhở chúng tôi một cách rất mạnh mẽ rằng chính chúng ta đang đưa Hiến pháp ra tòa. Trong cuốn tự truyện The Best Lawyer in a One - Lawyer Town, Bumpers có thuật lại việc Bill đã nhờ ông ấy làm đại diện cho mình. Sau khi suy nghĩ kỹ, Bumpers nhận ra rằng "Mỗi gia đình ở Mỹ đều có thể liên quan tới những nỗi khổ cực và phiền toái ở một mức độ nào đó, ít nhiều giống với bi kịch mà gia đình Clinton đã trải qua". Và sau đó ông ấy hỏi: “Đâu rồi những nguyên lý về lòng vị tha và cứu rỗi, những thứ rất căn bản của Cơ Đốc giáo?

Trong suốt phiên tòa, tôi chưa bao giờ nghi ngờ khả năng chiến thắng của chúng tôi. Tôi dựa vào đức tin của mình mỗi ngày. Điều đó làm tôi nhớ lại một câu nói lúc còn ở trường học Chủ nhật: Đức tin giống như việc thoát ra khỏi một vách đá và mong sẽ có một trong hai kết quả sau - một là sẽ rớt xuống mặt đất khô cứng, hai là sẽ học được cách bay lên.

VƯỢT LÊN CHÍNH MÌNH

Cuộc đối đầu về Hiến pháp tại Quốc hội đã tạo ra một phông nền kỳ quặc cho sự suy đoán ngày càng tăng về việc tôi tham gia cuộc chạy đua vào vị trí Thượng nghị sĩ New York. Tôi còn chưa quan tâm gì đến việc chạy đua vào chiếc ghế của Thượng nghị sĩ Moynihan, nhưng đến đầu năm 1999, những nỗ lực hết mình của giới lãnh đạo Đảng Dân chủ đã làm tôi thay đổi ý định. Tom Daschle, thủ lĩnh nhóm thiểu số ở Thượng viện, người tôi vô cùng kính trọng, đã gọi điện động viên tôi. Nhiều đảng viên Đảng Dân chủ từ New York và trên khắp đất nước cũng làm như vậy. Tôi cảm thấy các đảng viên Đảng Dân chủ New York dày dạn khác sẽ thích hợp hơn cho cuộc chạy đua vì họ tỏ ra không kém phần nổi trội. Nữ đại biểu Quốc hội Nita Lowey, Trưởng ban Quản trị bang New York H. Carl McCall và Bộ trưởng Bộ Gia cư và Phát triển Đô thị dưới Chính quyền Clinton Andrew Cuomo những nhân vật đứng đầu danh sách đó.

Nhân vật có khả năng được đề cử của Đảng Cộng hòa là Rudolph Giuliani, Thị trưởng thành phố New York, sẽ là một đối thủ đáng gờm cho bất kỳ một ứng cử viên Đảng Dân chủ nào. Lo lắng về viễn cảnh mất đi một chiếc ghế đã có từ lâu đời của Đảng Dân chủ, các thủ lĩnh Đảng dốc sức đưa ra một ứng viên có tiểu sử xuất sắc tương đương, đó phải là người có thể huy động những khoản tiền thật lớn để đáp ứng yêu cầu của một cuộc chạy đua như thế. Trong một khía cạnh nào đó, tôi là một sự lựa chọn liều lĩnh - một nhân vật nổi tiếng của công chúng có lẽ có khả năng để đấu lại tiểu sử tầm cỡ quốc gia của Giuliani và những túi tiền kếch sù của đảng ông ta. Trong bối cảnh đó, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi ý tưởng ra tranh cử của tôi được khuấy động lên vài ngày trong năm mới trong chương trình Meet the Press của Hãng NBC.

Vị khách vào ngày Chủ nhật, mùng 3 tháng 1 là Thượng nghị sĩ Robert Torricelli bang New Jersey, người đứng đầu Ủy ban Chiến dịch tranh cử Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ, chịu trách nhiệm tuyển chọn ứng cử viên và quyên góp tiền cho các chiến dịch của Đảng Dân chủ. Người dẫn chương trình Tim Russert đã hỏi Torricelli về cuộc chạy đua vào Thượng viện và loan báo trên đài phát thanh rằng Torricelli tin chắc tôi sẽ tranh cử.

Khi nghe được những nhận định của Torricelli, tôi đã gọi điện cho ông ta. Tôi nói: "Bob, anh xuất hiện trên đó bàn luận về cuộc đời tôi. Anh biết là tôi sẽ không tranh cử. Tại sao anh lại phát biểu như vậy?”. Torricelli đã lảng tránh câu hỏi; tôi biết rõ là ông ta đã trải hết nỗi lòng mình. Andrew Cuomo và Carl McCall tự động rút lui khỏi cuộc chạy đua, thay vào đó họ đã chọn

cuộc tranh cử chức thống đốc bang năm 2002, còn Nita Lowey cho biết bà sẽ chờ một thời gian để quyết định có nên tiến hành một chiến dịch cho mình hay không.

Với mỗi diễn tiến như vậy thì công chúng lại càng suy đoán mạnh mẽ hơn về việc tham gia vào cuộc chạy đua của tôi. Nhưng trong chốn riêng tư, tôi lại được tư vấn là không nên tham gia vào cuộc đua đó. Một vài người bạn mà tôi đã nói chuyện nhất quyết thuyết phục tôi không ra tranh cử. Các nhân viên hàng đầu ở Nhà Trắng cũng phản đối. Họ lo lắng về những căng thẳng mà tôi sẽ phải chịu đựng với tư cách là một ứng cử viên và cái giá phải trả về tinh thần của một chiến dịch dài hơi.

Khi Quốc vương Hussein của Jordan băng hà vào ngày 7 tháng 2 sau khi can đảm chống chọi với căn bệnh ung thư, Bill và tôi dẹp tất cả sang một bên trong vài ngày để thực hiện một chuyến đi thật dài và thật buồn đến vùng Trung Đông, đến thủ đô Amman của Jordan. Các cựu Tổng thống Ford, Carter và Bush cũng đến đó trên chiếc Air Force One. Triển vọng cho hòa bình ở Trung Đông gánh chịu những tổn thất không thể bù đắp được với sự qua đời của hai vĩ nhân, đầu tiên là Rabin và giờ đây là Hussein. Đường phố Amman đông nghẹt những người đưa tang từ khắp nơi trên thế giới. Hoàng hậu Noor trong bộ trang phục màu đen và một chiếc khăn choàng đầu trắng nhã nhặn, chào hỏi các nhà lãnh đạo cấp cao đến tỏ lòng kính trọng đối với người chồng xuất chúng của bà. Không lâu trước khi băng hà, Quốc vương đã chỉ định con trai cả của mình là Abdullah làm người kế vị. Quốc vương Abdullah và Hoàng hậu vẹn toàn Rania của ông vượt xa mọi sự mong đợi của mọi người, có một phong độ tuyệt vời để gánh vác những trách nhiệm khó khăn đang chờ đợi họ.

Khi chúng tôi trở về nhà từ đám tang của Quốc vương, phiên tòa luận tội là một đám mây đen bao trùm lên gia đình chúng tôi. Bill và tôi vẫn đang phải nỗ lực khôi phục mối quan hệ của chúng tôi và cố bảo vệ Chelsea khỏi bị ảnh hưởng xấu của vụ cãi vã ở Quốc hội. Chen vào giữa mớ lùng ng đó là áp lực của công chúng đối với tôi trong việc quyết định về cuộc chạy đua vào Thượng viện - một quyết định mà tôi biết là sẽ có những tác động lâu dài và ngay lập tức lên cuộc sống của bản thân cũng như gia đình mình.

Cuộc trò chuyện với chuyên gia về chính trị New York Harold Ickes đã thuyết phục tôi, rằng tôi phải thừa nhận áp lực ngày càng gia tăng của công chúng về việc tranh cử của tôi và tôi nên xem xét việc thực hiện chiến dịch một cách nghiêm túc. Điểm mạnh nhất của Harold với tư cách một người bạn là tính bộc trực của ông ấy, có khi còn thẳng thắn quá mức. Cho dù vốn

là một người dễ chịu và dịu dàng, ông ấy có thể quát lên khiến bạn sợ chết khiếp. Mỗi một từ ông dùng là một từ rất mạnh bạo, ngay cả khi ông ta cho ra một câu khen ngợi. Bằng cách nói đa dạng điển hình thường thấy, ông đã cho tôi một số lời khuyên.

"Nếu bà định ra tranh cử, thì hãy xuất hiện trước công chúng và phát biểu theo kiểu Shermanesque ấy", Harold nói. "Nhưng nếu bà vẫn đang do dự về chuyện đó, hãy đừng vội tuyên bố điều gì hết. Khi vụ luận tội đang tiếp diễn thì không ai thúc ép bà đưa ra quyết định ngay bây giờ đâu."

Harold và tôi đồng ý gặp gỡ vào ngày 12 tháng 2, mà hóa ra là ngày Thượng viện phải bỏ phiếu về lời buộc tội. Tôi tin rằng đa số thành viên Thượng viện sẽ tuân theo những chỉ dẫn của Hiến pháp và bỏ phiếu tha bổng. Khi chúng tôi chờ đợi kết quả bỏ phiếu, tôi đã lắng nghe chăm chú sự đánh giá của Harold về chính trường New York và sự giảng giải của ông về những thăng trầm của một chiến dịch tranh cử vào chiếc ghế Thượng nghị sĩ New York. Harold trải ra một tấm bản đồ tiểu bang thật lớn, rồi chúng tôi mải mê nghiên cứu nó hàng giờ liền trong khi ông luôn miệng bình luận về những trở ngại mà tôi sẽ đương đầu. Ông chỉ vào các thành phố từ Montauk đến Plattsburgh đến Niagara Falls. Rõ ràng là để một chiến dịch ở bang New York 19 triệu dân, tôi sẽ phải hiện diện bằng xương bằng thịt khắp nơi trên một diện tích bang rộng 54 ngàn dặm này. Trên tất cả là việc tôi phải thông hiểu sự phức tạp của chính trị địa phương, của những khác biệt đầy kịch tính về tính cách, văn hóa và kinh tế của vùng bắc New York và các vùng phụ cận. Thành phố New York là một hành tinh riêng: là một nơi dầu sôi lửa bỏng của những nhà chính trị và các đảng phái. Năm khu vực của thành phố giống như năm tiểu-tiểu bang mà mỗi tiểu-tiểu bang đại diện cho những nhu cầu và thử thách khác nhau từ các địa hạt và các thành phố phía bắc cùng các khu phụ cận của Long Island và Westchester kề bên.

Cuộc bàn luận của chúng tôi kéo dài hàng giờ, Harold vẫn tập trung cao độ vào tất cả những mặt trái của việc dấn thân vào cuộc chạy đua. Tôi không phải là dân gốc New York, chưa bao giờ ra tranh cử và sẽ đương đầu với Giuliani, một đối thủ không mấy thân thiện. Chưa từng có phụ nữ nào xuất sắc thắng cử trên toàn bang New York. Đảng Cộng hòa sẽ làm mọi việc trong quyền lực của mình để cản trở tôi và sự nghiệp chính trịcủa tôi. Chiến dịch vận động sẽ hết sức khó khăn và làm kiệt quệ tinh thần. Và tôi sẽ thực hiện chiến dịch ở New York thế nào đây trong khi tôi là Đệ nhất Phu nhân? Bảng danh sách những trở ngại cứ dài thêm ra.

"Tôi thậm chí còn không biết bà có phải là một ứng cử viên xứng đáng

không nữa, Hillary à", ông ta nói.

Tôi cũng thế.

Chiều đó, Thượng viện Hoa kỳ đã bỏ phiếu tha bổng Bill trước những lời buộc tội với sự nhất trí cao. Không lời buộc tội nào nhận được đa số phiếu, chưa nói đến phải đạt được hai phần ba số phiếu. Đó là một kết quả đáng thất vọng cho phe Cộng hòa nhưng không đem lại niềm hân hoan nào cho chúng tôi mà chỉ là sự nhẹ nhõm. Quan trọng nhất làiến pháp và chức Tổng thống đã không bị ảnh hưởng.

Tôi vẫn còn chưa quyết định có tranh cử không, nhưng nhờ Harold, bây giờ tôi đã có một cái nhìn thực tế hơn về điều mà một cuộc vận động đòi hỏi. Phiên luận tội đã trôi qua, giờ đây là thời gian để suy nghĩ về vấn đề tranh cử hay không. Vào ngày 16 tháng 2, văn phòng của tôi đưa ra lời tuyên bố rằng tôi sẽ suy nghĩ cẩn thận về việc ứng cử trong thời gian tới và sẽ quyết định sau.

Harold đưa cho tôi một bản danh sách gồm 100 người New York cần phải tiếp xúc, và vào cuối tháng Hai, tôi bắt đầu gọi điện và gặp gỡ lần lượt từng người trong số họ. Đầu tiên là với Thượng nghị sĩ Moynihan và vợ ông, bà Liz là người đã tổ chức các chiến dịch tranh cử cho chồng và cực kỳ tinh thông về chính trị của New York. Thượng nghị sĩ Moynihan thể hiện một sự ủng hộ nhiệt tình trước công chúng, nói với Tim Russert của Hãng NBC là người đã từng làm việc cho ông, rằng "tinh thần làm việc hăng say kết hợp giữa Illinois và Arkansas, sự thông minh, trẻ trung, xuất chúng" của tôi sẽ phù hợp với New York và người New York. Ông ấy còn nói: "Bà sẽ được đón chào và bà sẽ chiến thắng". Lời nhận xét đó làm tôi kinh ngạc - nhất là tính từ "trẻ trung". Tôi còn được tham vấn với các cựu Thị trưởng thành phố New York Ed Koch và David Dinkins, họ rất ủng hộ và khích lệ tôi. Thượng nghị sĩ Schumer, người vừa mới vượt qua cuộc vận động toàn bang thật khốc liệt của mình, thì tỏ ra rất thực tế và sẵn sàng giúp đỡ. Người phát ngôn của Đảng Dân chủ Sheldon Silver, Chủ tịch Đảng Judith Hope và các thành viên Quốc hội, thị trưởng, các nhà lập pháp bang, trưởng địa hạt, các thủ lĩnh lao động, các nhà hoạt động và bạn bè, tất cả đều tham gia đóng góp ý kiến. Kể cả Robert F. Kennedy, Jr., một nhà hoạt động môi trường mà cha ông từng giữ chiếc ghế Thượng viện trước Thượng nghị sĩ Moynihan cũng tham gia. Ông rất nhiệt tình và hứa sẽ hỗ trợ tôi trong việcnh các vấn đề môi trường tại tiểu bang.

Tuy nhiên, số người vội vã can ngăn tôi cũng đông không kém số người

động viên tôi. Đặc biệt, các bạn bè thân thiết không thể hiểu nổi tại sao tôi lại xem xét một cuộc vận động vào Thượng viện đầy mệt mỏi sau những chấn động tinh thần trong vài năm vừa qua. Đoạn đời trên con đường vận động tranh cử sẽ khác xa với sự tiện nghi và an ninh chốn Nhà Trắng. Mỗi ngày sẽ bắt đầu vào lúc bình minh và ít khi kết thúc trước lúc tảng sáng của ngày hôm sau. Cách sống lưu động này còn hàm ý việc ăn trong khi đang bay, sống bằng chiếc vali hàng tháng trời và ở nhờ nhà bạn bè khắp bang. Tệ hơn cả, việc này có nghĩa là tôi sẽ có rất ít thời gian trong năm cuối cùng tại Nhà Trắng này để dành cho gia đình và thời gian cho bạn bè sẽ còn ít hơn nữa.

Còn có những mối nghi ngại về việc liệu Quốc hội có là nơi tôi có thể hoạt động hiệu quả nhất không. Trong nhiều tháng qua, tôi đã ngẫm nghĩ về những lựa chọn của mình trong cuộc sống sắp tới, sau khi ra khỏi Nhà Trắng. Một số người bạn nghĩ rằng tôi sẽ có nhiều ảnh hưởng hơn trong việc cổ vũ cho sự thay đổi trên vũ đài quốc tế so với làm việc ở Thượng viện gồm 100 thành viên. Sau gần ba thập kỷ làm luật sư và tám năm là Đệ nhất Phu nhân, tôi đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm đáng kể trong việc hoạt động vì phụ nữ, trẻ em và gia đình. Cho dù có thể thắng cử thì tôi cũng không chắc là có đáng hy sinh nền tảng mà tôi đã đạt được cho một cuộc vận động chính trị căng thẳng và những đòi hỏi hàng ngày trong cuộc sống của một chính trị gia hay không. Và còn có nhiều cơ hội khác để xem xét như việc tôi được đề nghị điều hành các hiệp hội, dẫn một chương trình truyền hình, đảm đương chức chủ tịch một trường đại học hay trở thành CEO của một tập đoàn. Đây là những lựa chọn hấp dẫn và thoải mái hơn nhiều so với triển vọng của một cuộc chạy đua chiếc ghế Thượng viện đầy khó khăn.

Mandy Grunwald, một nhà tư vấn tài năng về truyền thông đại chúng trưởng thành ở New York và là một nhân vật kỳ cựu trong các chiến dịch gần đây của Thượng nghị sĩ Moynihan đã lặp lại những lời cảnh báo của Harold. Bà báo trước rằng tôi sẽ phải học cách đối đáp với các tập đoàn báo chí New York vốn hay gây gổ (Đó không phải là một trong những chuyên môn của tôi !). Mandy thẳng thắn giải thích rằng dù tôi là một tên lính mới tò te, tôi cũng sẽ không nhận được bất kỳ một sự dễ dãi nào, các sai sót sẽ không được giới báo chí New York bỏ qua. Chúng sẽ được thổi phồng trên các trang báo, phát trên các bản tin địa phương lúc 6, 7, 12, 4, 5, 6, 10 và 11 giờ, và được các nhà báo chuyên mục chính trị mổ xẻ. Sau đó sẽ đến lượt các tay phụ trách các chương trình tọa đàm trên đài phát thanh vào cuộc. Và đó chưa phải là tất cả. Với bản chất lịch sử của một Đệ nhất Phu nhân chạy đua vào Thượng nghị viện, tôi còn phải chuẩn bị cho những "nghiên cứu" kỹ lưỡng bất ngờ hơn mức thông thường của giới báo chí New York đối với cuộc vận

động của mình. Ngay khi khả năng tranh cử của tôi gây cảm hứng cho các hãng thông tấn quốc gia và quốc tế thì văn phòng báo chí Nhà Trắng đã tràn ngập với các yêu cầu xin phỏng vấn.

Các dòng chảy khó lường của chính trị New York cũng gây cho tôi một số lo lắng. Những người New York am hiểu khuyến cáo rằng tôi không thể thắng cử được vì tôi không phải là người Ireland, người Ý, tín đồ Công giáo hay Do Thái giáo trong khi thành phần dân tộc vốn là điều cần phải chú ý trong một bang đa dạng như thế. Một thách thức khác thường nữa sẽ đến từ các cử tri nữ thuộc Đảng Dân chủ, nhất là ở nhóm phụ nữ có nghề nghiệp và trạc tuổi tôi; những người này bình thường sẽ là thành phần ủng hộ tôi, nhưng nay họ lại nghi ngờ các động cơ và quyết định của tôi về việc tôi vẫn giữ cuộc hôn nhân với Bill.

ột ngày mùa xuân, tôi đang xem lại bản danh sách các khó khăn tôi sẽ gặp phải thì Patti Solis Doyle, người lên chương trình và là một nhà tư vấn chính trị sắc sảo đã cắt ngang sự độc thoại trong tôi và thốt lên: "Hillary, tôi không nghĩ là bà có thể thắng cuộc đua này". Cô ấy quá chắc chắn về việc tôi không nên và sẽ không tranh cử đến nỗi cô và Jim, chồng cô đang lên kế hoạch dời nhà về Chicago.

Các nhân viên Nhà Trắng của tôi có các lý do khác để lo lắng về ý nghĩa của việc Đệ nhất Phu nhân đột nhiên trở thành một ứng cử viên tranh chiếc ghế thượng nghị sĩ. Các nhân viên của tôi đã cố gắng cật lực để phát triển chương trình chính trị trong nước của tôi. Họ muốn chắc chắn rằng tôi sẽ tiếp tục ủng hộ các nỗ lực này một khi tôi ra tranh cử. Tôi đã bảo họ rằng dù có chạy đua vào Thượng viện hay không thì tôi vẫn sẽ tiếp tục ủng hộ tất cả các sáng kiến mà họ và tôi đã nghĩ ra từ việc bảo tồn các của cải quốc gia đến việc chăm sóc học sinh sau giờ học. Triển vọng của chiến dịch cũng gợi lên một câu hỏi là liệu tôi có tiếp tục phục vụ như một đại diện cho các lợi ích của nước Mỹ ở nước ngoài nữa hay không. Xuyên suốt nhiệm kỳ của Bill, tôi đã chu du khắp thế giới để đại diện cho quyền lợi của phụ nữ, nhân quyền, sự khoan dung tôn giáo và nền dân chủ. Việc suy nghĩ và hành động mang tính toàn cầu có thể hoàn toàn đối lập với những gì tôi cần làm nếu tôi tiến hành một chiến dịch tranh chiếc ghế Thượng nghị sĩ New York. Giữa những cân nhắc đó, tôi còn phải tuân thủ các cam kết thăm viếng chính thức đến Ai Cập, Tunisia, và Morocco và một chuyến công du đến trại tị nạn của người Kosovo dọc theo biên giới Macedonia. Tôi đã lên tiếng ủng hộ mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của Bill tại NATO trong chiến dịch ném bom để buộc quân lính của Slobodan Milosevic rút khỏi Kosovo. Tôi đã giúp đỡ người Macedonia mở cửa trở lại các nhà máy dệt để người dân quay lại làm việc,

nhằm tránh đi một sự bất ổn về kinh tế có thể ục tiêu của NATO đưa người Kosovo trở về nhà của họ.

Trong mùa xuân đó, tôi bị rối tinh với mọi viễn tưởng của cuộc vận động cùng với các nhà tư vấn và bạn bè, mà mỗi cuộc thảo luận đều biến thành một cuộc tranh cãi mạnh mẽ về tương lai của tôi. Có một điều cũng được nhắc tới và được ví von như là "một vấn đề vợ chồng". Trong trường hợp của tôi, đó là một cách nói đơn giản. Luôn luôn khó định nghĩa vai trò thích hợp đối với người vợ hoặc chồng của một ứng cử viên chính trị. Tình trạng của tôi còn khó xử hơn và là tình huống độc nhất. Một số người lo ngại rằng Bill vẫn còn rất được ưa chuộng ở New York, và với một nhân vật chính trị xuất chúng như thế ở Mỹ thì tôi sẽ không bao giờ có thể tạo lập được tiếng nói chính trị độc lập. Những người khác thì cho rằng sự tranh cãi gần đây gắn liền với anh ấy sẽ lấn át thông điệp của tôi. Những cân nhắc hậu cần liên quan đến "người phối ngẫu của tôi" là rất tế nhị. Nếu tôi sắp sửa thông báo sự ứng cử của tôi tại một sự kiện khởi đầu, liệu Tổng thống Hoa Kỳ có ngồi yên đằng sau tôi trên sân khấu, hay anh ấy cũng phát biểu? Trong khoảng thời gian diễn ra cuộc chạy đua, anh ấy sẽ vận động cho tôi như anh vẫn làm cho các ứng cử viên Đảng Dân chủ khác trên khắp đất nước, hay sẽ gửi gắm tôi là người đại diện cho anh ấy như mọi lần? Một ranh giới rõ ràng cần được vạch ra giữa việc tự khẳng định mình như là một ứng cử viên theo quyền lợi của riêng tôi và việc tận dụng lợi thế từ sự ủng hộ và tư vấn của Tổng thống.

Một điều thuận lợi cho quá trình đưa ra quyết định của tôi là Bill và tôi đã đàm đạo trở lại về nhiều vấn đề, ngoại trừ vấn đề tương lai của mối quan hệ giữa chúng tôi. Thời gian trôi qua và cả hai chúng tôi đều bắt đầu thư giãn. Anh ấy nóng lòng được giúp đỡ và tôi tiếp nhự thông thạo của anh. Bill kiên nhẫn thảo luận từng mối lo ngại của tôi và cẩn thận đánh giá những rắc rối mà tôi gặp phải. Vị trí giờ đây đã đảo lại: Bill giữ vai trò mà tôi luôn luôn đảm nhận cho anh ấy trước đây. Khi Bill đưa ra lời khuyên thì tôi là người đưa ra quyết định. Cả hai chúng tôi đều biết rằng nếu tôi ra tranh cử thì tôi sẽ phải tự mình làm điều mà trước đó tôi chưa từng làm bao giờ. Với mỗi cuộc trò chuyện, tôi tự nhận thấy mình dao động rất nhiều. Một phút trước đó việc tranh cử dường như là một ý tưởng tuyệt vời thì phút tiếp theo tôi lại cho đó là ý tưởng điên rồ. Do đó, tôi tiếp tục đào sâu suy nghĩ về việc phải làm gì và chờ đến khi cảm thấy thích hợp.

Tôi cần một cú hích. Cuối cùng tôi đã tìm ra, nhưng nó chẳng phải đến từ một nhà tư vấn chính trị hay một thủ lĩnh nào thuộc Đảng Dân chủ. Vào tháng Ba, tôi đến thành phố New York để cùng với huyền thoại tennis Billie

Jean King tham dự vào một sự kiện quảng cáo cho bộ phim đặc biệt của HBO về phụ nữ trong thể thao. Chúng tôi tập trung tại Trường Thực nghiệm Sư phạm ở vùng lân cận Chelsea thuộc Manhattan, nơi có hàng chục nữ vận động viên trẻ tuổi đang đứng trên sân khấu được trang trí với dải băng khổng lồ mang dòng chữ "Vượt lên chính mình", tựa đề phim của HBO. Sofia Totti, đội trưởng đội bóng chuyền nữ giới thiệu tôi. Khi tôi tiến đến bắt tay cô, cô đã ngả người về phía tôi và thì thầm vào tai tôi.

"Hãy vượt lên chính mình, bà Hillary", cô ấy nói. "Hãy can đảm lên."

Lời động viên của cô đánh thức tôi mạnh mẽ và tôi bắt đầu nghĩ: Tôi có thể e ngại điều mà tôi đã thuyết phục những phụ nữ khác làm ư? Tại sao tôi lại do dự về việc tham gia cuộc đua này? Tại sao tôi không suy nghĩ nghiêm túc hơn về nó? Có lẽ tôi nên "vượt lên chính

Sự động viên của Sofia Totti và rất nhiều người khác nhắc tôi nhớ đến cảnh trong một bộ phim mà tôi yêu thích là A League of Their Own. Ngôi sao của đội bóng chày chuyên nghiệp nữ do

Geena Davis thủ vai muốn rời khỏi đội trước khi mùa giải kết thúc để trở về nhà với chồng mình. Khi huấn luyện viên của đội do Tom Hanks đóng không đồng ý với quyết định của cô ta thì cô ta đã nói: "Chỉ vì quá khắc nghiệt". Hanks đáp: "Rõ ràng là phải khắc nghiệt rồi. Nếu không thì ai cũng làm được - sự khắc nghiệt là điều làm nó trở nên vĩ đại". Sau nhiều năm làm vợ của một chính trị gia, tôi vẫn không có ý định sẽ bước từ hậu trường vào chính trường, nhưng tôi bắt đầu nghĩ rằng có lẽ tôi yêu thích vai trò độc lập trong chính trị. Trên khắp nước Mỹ và ở nhiều nước khác, tôi đã phát biểu về tầm quan trọng của phụ nữ khi tham gia vào chính trị và chính phủ, đảm đương các chức vụ dân cử và có tiếng nói riêng trong việc tạo dựng chính sách công và lập biểu đồ cho tương lai của quốc gia họ. Làm sao tôi có thể chối bỏ một cơ hội để thực hiện những việc giống như mình đã từng kêu gọi?

Nhiều người bạn của tôi vẫn chưa an tâm. Một chiều xuân nọ, Maggie Williams và tôi đi dạo thật lâu. Maggie, một trong những người bạn và nhà tư vấn thân cận nhất của tôi, là một phụ nữ có sự nhạy cảm chính trị tuyệt vời. Cô ấy biết rằng thời gian đưa ra quyết định đang gần kề. Cô đã lắng nghe tôi nói trong hơn một tiếng đồng hồ về việc tôi có nên tham gia cuộc chạy đua hay không.

Tôi bảo Maggie rằng: "Tôi chẳng biết nên làm gì nữa".

Cô ấy đáp: "Tôi nghĩ chuyện ấy thật là điên rồ. Và bất kỳ ai quan tâm đến bà cũng sẽ nói với bà như thế."

"Nhưng tôi nghĩ tôi sẽ làm chuyện ấy", tôi nói.

Tôi không bị ngạc nhiên trước phản ứng của Maggie. Cô ấy có ý muốn che chở và không muốn tôi bị tổn thương. Nhưng bằng cách cố gắng khuyên tôi né tránh chuyện đó, Maggie giúp tôi suy nghĩ đến cùng và đối diện với những lý do thúc đẩy tôi tiến lên phía trước.

Một số người nói rằng việc phục vụ cho Thượng viện có thể là một sự xuống cấp sau thời gian ở Nhà Trắng. Nhưng tất cả các vấn đề tôi quan tâm từ trước đến nay đều chịu sự ảnh hưởng của Thượng viện Mỹ. Và nếu tôi không phải là một Thượng nghị sĩ thì chắc chắn tôi phải cố gắng tác động đến nhưng người giữ cương vị đó. Bob Rubin đã bảo tôi: "Thượng viện Hoa Kỳ là cơ quan dân chủ quan trọng nhất trên thế giới. Thật vinh dự khi được lựa chọn vào phục vụ nơi đó".

Cơ chế điều hành một cuộc vận động cũng bắt đầu có vẻ thông suốt hơn. Tôi nghĩ tôi có thể thắng nếu quyên góp được 25 triệu đô la cần thiết cho cuộc chạy đua toàn bang New York. Một người bạn tốt của chúng tôi là Terry McAuliffe - người xứ Syracuse, là một tay quyên tiền hiệu quả và đầy kinh nghiệm - đã bảo tôi rằng nếu tôi sẵn lòng làm việc chăm chỉ hơn bao giờ hết trong suốt cuộc đời của tôi thì tôi có thể thắng. Điều đó đã khích lệ tôi rất nhiều. Tôi cũng nghĩ rằng tôi có thể xâm nhập vào thành trì truyền thống của Đảng Cộng hòa. Các khu vực phía bắc New York nhắc tôi nhớ đến vùng Pennsylvania láng giềng là nơi cha tôi đã gắn bó. Và nhiều vấn đề của vùng nông thôn New York cũng tương tự như các vấn đề đã từng làm đau đầu Arkansas như những bần cố nông cơ hàn, sự triệt tiêu dần những công việc sản xuất và thanh niên bỏ đi tìm kiếm những cơ hội tốt hơn. Ngoài ra, Thị trưởng Giullian có vẻ không mặn mà gì với việc dành thời gian cho những vùng ngoài thành phố New York mà phần lớn vẫn do Đảng Dân chủ điều hành. Nếu tôi chứng tỏ với các cử tri New York rằng tôi hiểu được các vấn đề mà gia đình họ đang đương đầu và kiên quyết dốc sức làm việc vì họ thì tôi có thể xứng đáng được bầu chọn.

Nếu như việc bầu cử đôi khi có vẻ như là một hành tinh biệt lập thì hiện thực vẫn còn nhiều vấn đề giúp tôi giữ vững lập trường qua suốt cuối mùa xuân và đầu mùa hè năm 1999. Cuối cùng thì vào ngày 12 tháng 4 năm 1999 Susan McDougal đã được tuyên bố trắng án về cáo buộc cản trở công lý trong vụ Whitewater sau khi đã trải qua 18 tháng trong tù vì từ chối tuyên

thệ trước Hội thẩm đoàn xứ vụ Whitewater. Trong quá trình diễn ra phiên tòa xét xứ bà, các nhân chứng khác đã bước lên phía trước tuyên bố rằng họ cũng bị Starr gây áp lực. Lại một sự bác bỏ khác đối với các thủ thuật pháp lý của Starr, nhưng tôi cảm thấy buồn cho cái giá đắt mà Susan McDougal đã phải trả. Bà luôn khẳng định rằng Starr đã gây áp lực buộc bà vu khống Bill và tôi, và khi bà từ chối thì đã bị xúc phạm và cầm tù, có một khoảng thời gian bị biệt giam. Tôi chợt nhớ đến một câu nói Trung Hoa có thể tóm gọn được suy nghĩ của tôi về những cuộc điều tra của Starr : "Nơi đâu có một mong muốn kết tội thì ở đó có bằng chứng".

Sau đó vào ngày 20 tháng 4, hai học sinh ở trường trung học Columbine ở Colorado đã nổ súng vào các bạn học của mình và bao vây nhà trường nhiều giờ liền trước khi tự kết liễu. Mười hai học sinh và một giáo viên đã thiệt mạng trong cuộc thảm sát. Có tin là những kẻ giết người trẻ tuổi này cảm thấy bị gạt ra ngoài trường học và đã lên kế hoạch tỉ mỉ cho cuộc tấn công để trả thù và chứng minh quyền lực của mình. Chúng đã có được một kho nhỏ chứa các loại súng lục, súng ngắn và những vũ khí khác mà một số trong đó được giấu dưới áo khoác khi chúng đến trường học

Một tháng sau vụ nổ súng, Bill và tôi đến Littleton, Colorado để thăm viếng các gia đình nạn nhân và những người sống sót. Thật xé lòng khi thấy khuôn mặt của các bậc phụ huynh, những người đã sống qua cơn ác mộng kinh hoàng nhất, chịu đựng nỗi mất mát những đứa con của mình vì một hành động bạo lực gây chấn động và vô nghĩa như vậy. Các bậc cha mẹ và các thanh thiếu niên tuổi học sinh yêu cầu Bill và tôi phải đảm bảo rằng những tổn thất nặng nề như vậy không phải là vô ích. Bill nói với các học sinh trường Columbine đang tụ tập trong phòng tập thể dục của một trường trung học gần đó rằng: "Các em có thể tạo ra một nền văn hóa của các giá trị thay vì một nền văn hóa bạo lực. Các em có thể giúp chúng tôi không để súng rơi vào những bàn tay xấu xa. Các em có thể giúp chúng tôi chắc chắn rằng những đứa trẻ gặp rắc rối - và luôn luôn có vài em như thế - được phát hiện sớm và tiếp cận để giúp đỡ".

Thảm kịch Columbine không phải là vụ đầu tiên, cũng không phải là vụ cuối cùng liên quan đến bạo lực súng ống tại một trường trung học Mỹ. Nhưng nó là một lời kêu gọi cho một hành động mang tính toàn liên bang hơn để giữ súng ống tránh xa những cánh tay bạo lực, rắc rối và tuổi trẻ - vốn là một sự kết hợp gây chết người. Bill và tôi triệu tập một cuộc họp có sự tham dự của bốn mươi thành viên Quốc hội từ cả hai đảng để thông báo một đề nghị từ Nhà Trắng về việc nâng độ tuổi hợp pháp để có thể sở hữu súng ngắn lên hai mươi mốt tuổi và giới hạn việc mua súng xuống mức một tháng một khẩu.

Và tôi đã lên tiếng một lần nữa về sự tràn lan các cảnh bạo lực trên truyền hình, phim ảnh và các trò chơi video. Cho dù công chúng kêu than, Quốc hội đã thất bại trong việc luật hóa hai biện pháp đơn giản liên quan đến súng: thứ nhất là vẫn không ngăn được việc cho phép công dân mua súng không cần kiểm tra giấy tờ và thứ hai là thất bại trong việc yêu cầu có khóa an toàn cho trẻ em được trang bị trên s

Việc Quốc hội không chống lại được sự vận động hành lang của những tay buôn bán vũ khí, cũng như chần chừ trong việc thông qua các quy định cần thiết về an toàn súng đạn đã khiến tôi tin rằng nếu tôi đóng vai trò của một Thượng nghị sĩ thì tôi có thể làm tốt hơn trong việc thông qua các luật cơ bản như vậy. Trong một cuộc phỏng vấn vào tháng Năm, tôi đã bảo với Dan Rather, biên tập viên tin tức của Hãng CBS rằng nếu tôi tranh cử vào Thượng viện thì đó là do những gì tôi đã học được ở nhưng nơi như Littleton - bất chấp những gì tôi đã trải qua ở Washington.

Cuộc chạy đua vào Nghị viện đã bắt đầu thành hình. Ở Texas, Giuliani gặp gỡ Thống đốc George W. Bush, người vừa mới tuyên bố thành lập một Ủy ban thăm dò chức Tổng thống. Viên Thị trưởng còn gán cho tôi là người ứng cử nghị viện ngoài địa hạt của mình và thông báo ràng ông ta sẽ đến Arkansas để quyên tiền cho chiến dịch của ông ta. Một thủ đoạn khôn khéo, tôi cho là thế - thủ đoạn đó đem lại cho ông ta sự chú ý và cả nguồn tiền, đồng thời cho tôi nếm mùi vị của một cuộc vận động sắp diễn ra. Nghị sĩ Lowey, một trong những thành viên được mến chuộng và có ảnh hưởng nhất của Quốc hội đã thông báo rằng bà sẽ không tham gia cuộc đua này. Vào tháng Sáu, tôi thực hiện bước đi cụ thể đầu tiên cần thiết cho một cuộc vận động vào Thượng viện, đó là thông báo rằng tôi sẽ thành lập một Ủy ban thăm dò. Tôi đã tranh thủ sự giúp đỡ của nhà tư vấn về phương tiện thông tin đại chúng Mandy Grunwald và Mark Penn, một nhà thăm dò ý kiến sâu sắc và khôn ngoan, người đã từng làm việc với Bill, và tôi bắt đầu phỏng vấn tuyển chọn các nhân viên tiềm năng cho chiến dịch tranh cử.

Trong suốt những năm ở Nhà Trắng, tôi thường trốn đến thành phố New York với mẹ tôi hoặc Chelsea để xem các chương trình biểu diễn ở Broadway, những cuộc triển lãm ở bảo tàng hoặc đơn thuần là thăm viếng bạn bè. Ngay cả trước khi tôi dự định tham gia cuộc chạy đua vào Nghị viện, New York đã là bang đứng đầu danh sách rút gọn của chúng tôi về những nơi chúng tôi muốn sống sau khi nhiệm kỳ của Bill kết thúc. Mong ước này lớn dần theo năm tháng và bây giờ đã được củng cố thành một quyết định vững chắc. Tuy Bill có ý định xây dựng một thư viện Tổng thống của anh ở Arkansas và dành nhiều thời gian ở đó, anh ấy cũng yêu thích New York.

Thực tế, đó là một nơi hoàn hảo cho các hoạt động của anh, với quỹ thời gian hợp lý để anh dành cho các chuyến công du và phát biểu trong nước cũng như ở nước ngoài, và tiếp tục phục vụ công chúng thông qua hiệp hội của anh ấy.

Chúng tôi đã bàn bạc về việc mua một căn nhà, và rất lâu trước đó chúng tôi đã săn lùng nhà. Nhưng một việc làm bình thường như thế đã trở nên phức tạp vì những mối lo ngại về an ninh của Cục Tình báo. Chúng tôi không thể sống trên một số loại đường phố nào đó, và bất kỳ căn nhà nào được chúng tôi mua đều phải có chỗ cho nhân viên an ninh. Tuy nhiên, việc tìm kiếm một ngôi nhà mới cũng đem lại niềm vui cho tôi. Chúng tôi đã sống ở dinh thự của Thống đốc bang Arkansas và Nhà Trắng, nhưng chúng tôi đã không sở hữu một ngôi nhà riêng nào trong gần hai mươi năm. Cuối cùng, chúng tôi đã tìm được một nơi hoàn hảo là một nông trại cũ và khu chuồng trại ở Chappaqua thuộc Hạt Westchester, phía bắc thành phố New York.

Lần đầu tiên đại diện cho chính bản thân mình, tôi cũng bắt đầu liên lạc với các nhà đóng góp tiềm năng. Tại một buổi gây quỹ chính cho Đảng Dân chủ ở Washington vào ngày 7 tháng 6 năm 1999, Bill và tôi đã được cựu Thống đốc bang Texas là Ann Richards đón tiếp trên sân khấu, bà là người nổi tiếng với khả năng pha trò dí dỏm và nhanh trí trong giới chính trị.

"Hillary Clinton, Thượng nghị sĩ mới kế tiếp từ New York, vĩ nhiên cùng với Bill, phu quân đáng yêu của bà", bà ta nói với giọng Texas đặc sệt, kéo dài. "Thưa quý vị, tôi cá là ông ta sẽ quấy rầy ra trò câu lạc bộ các cặp vợ chồng Thượng nghị sĩ."

Bill chấp nhận sự trêu ghẹo nhẹ nhàng đó và hân hoan trước sự ủng hộ của công chúng dành cho tôi. Anh ấy hiểu được sự hy sinh của tôi trong những năm qua để anh có một vị trí trong chính phủ. Giờ đây, nhận ra rằng tôi có cơ hội vượt qua vai trò thứ yếu của một người vợ của nhà chính trị và thử thách bản lĩnh chính trị của mình, anh ấy đã động viên tôi tiến nhanh về phía trước Thật là một hình ảnh lạ khi thấy anh ấy là người đứng bên ngoài quan sát, nhưng Bill đã nhiệt tình ủng hộ tôi vô điều kiện vì tôi vừa là vợ vừa là một ứng cử viên.

Tôi đã nhận được một sự nâng đỡ tinh thần khác vào cuối tháng Sáu từ một nguồn bất ngờ: Cha George Tribou, vị linh mục điều hành trường trung học dành cho các bé trai Công giáo ở Little Rock trong nhiều năm. Cha đã trở thành một trong những người bạn của tôi cho dù trước đây cha đã không tán thành sự lựa chọn nghề nghiệp của tôi. Có lần, cha đã nghỉ đêm tại Nhà

Trắng, và tôi đã thu xếp cho cha gặp Đức Giáo hoàng John Paul Đệ nhị trong thời gian Đức Giáo hoàng thăm St. Louis năm 1999. Cha Tribou đã viết cho tôi một lá thư đề ngày 24 tháng 6 năm 1999 như sau:

Hillary thân yêu,

Cha muốn nói với con những điều cha đã dạy dỗ học sinh trong 50 năm qua :

Chính tôi cho rằng vào Ngày Phán quyết, câu hỏi đầu tiên Đức Chúa Trời hỏi không phải về Mười Điều răn (cho dù Ngài hỏi đến sau đó !) mà điều ngài sẽ hỏi mỗi chúng ta là :

NGƯƠI ĐÃ LÀM GÌ VỚI THỜI GIAN VÀ CÁC TÀI N MÀ TA ĐÃ BAN CHO NGƯƠI ?...

Những người cảm thấy con không thể xử lý giới báo chí hay soi mói của New York và những lời chế nhạo của các đối thủ, thật ra đã không nhận ra rằng, con có thể xoay xở mọi việc vì con đã được tôi rèn trong lửa.

...Dòng cuối cùng : hãy tranh cử đi Hillary, hãy tranh cử ! Cha sẽ luôn luôn cầu nguyện cho con.

Những quyết định khó khăn nhất mà tôi đã thực hiện trong cuộc đời mình là duy trì cuộc hôn nhân với Bill và chạy đua vào Thượng viện. Cho đến bây giờ, tôi đã biết tôi muốn cuộc hôn nhân của chúng tôi kéo dài mãi mãi vì tôi yêu Bill và trân trọng biết bao những năm tháng chúng tôi đã cùng trải qua. Tôi biết tôi không thể một mình chăm sóc Chelsea tốt bằng cả hai chúng tôi cùng làm. Tôi không nghi ngờ việc tôi có thể tự mình xây dựng một cuộc sống vừa ý và kiếm được nhiều tiền, nhưng tôi hy vọng Bill và tôi có thể sống đến già cùng nhau. Cả hai chúng tôi cùng cam kết gầy dựng lại cuộc hôn nhân của mình với sự hỗ trợ của niềm tin, tình yêu và quá khứ bên nhau. Với một sự xác định rõ ràng hơn về con đường mà tôi muốn đi cùng Bill, tôi cảm thấy dễ dàng hơn trong việc dấn bước đầu tiên để vào Thượng viện.

Tôi biết rằng bất kỳ chiến dịch tranh cử nào cũng sẽ là một cuộc thử lửa. Cho dù đến lúc này tôi đã là một người vận động dày dạn, đặt chân đến hết đầu này rồi tận đầu kia của tổ quốc để thay mặt cho ứng cử viên cho chức Thống đốc, Nghị sĩ và cả Tổng thống, nhưng tôi chưa bao giờ xuất hiện để cổ động cho chính mình. Tôi sẽ phải học cách xưng hô với đám đông theo ngôi thứ nhất - tôi đã quen xưng "anh ấy," "cô ấy" hay "chúng tôi" chứ không phải là "tôi". Và thực tế sẽ có khả năng tôi nêu ý kiến chống lại các chính sách của Chính quyền Clinton nếu chúng không có lợi cho New York. Nhưng vào lúc

này, tôi chú trọng đến việc hiểu rõ các cử tri tương lai của tôi. Tôi hoạch định một chuyến "vi hành" vòng quanh New York vào tháng Bảy và tháng Tám để lắng nghe những nỗi lo lắng và nguyện vọng của dân chúng cùng các lãnh đạo địa phương đối với gia đình và cộng đồng của họ. Chuyến đi bắt đầu ở nơi thích hợp nhất cho việc phát động chiến dịch tranh cử chiếc ghế của Thượng nghi sĩ Daniel Patrick Moynihan - chính là ở nông trại rộng 900 mẫu tuyệt đẹp của ông ấy ở Pindars Corners. Khi tôi đến đó vào ngày 7 tháng 7, tôi nhìn thấy Thượng nghị sĩ, bà Liz vợ ông và hơn 200 phóng viên đang chờ nghe tuyên bố của tôi. Một nhân viên kỳ cựu của tôi Rick Jasculca đã kinh ngạc thốt lên: "Còn có cả một phóng viên đến từ Nhật Bản nữa kìa !".

Với ngài Thượng nghị sĩ đứng bên cạnh, tôi đã thông báo rằng tôi đang thành lập một Ủy ban vận động chính thức phục vụ cho việc tranh cử vào Thượng viện Hoa Kỳ. Tôi nói với giới báo chí có mặt: "Tôi cho là mọi người đã đặt những câu hỏi trong đầu như: Tại sao lại là Thượng viện? Tại sao lại là New York? Và tại sao là tôi?”. Sau đó tôi nói ngắn gọn về các vấn đề có tầm quan trọng với tôi và với New York cũng như tuyên bố tính hợp pháp của việc tôi ra tranh cử ở một tiểu bang mà tôi chưa hề sinh sống.

"Tôi cho rằng đó là một câu hỏi rất công bằng và tôi hiểu lý do để nhiều người nêu ra câu hỏi đó. Nhưng tôi nghĩ, có một công việc thật sự mà tôi phải làm là lắng nghe và học hỏi từ người dân New York. Và việc chứng tỏ rằng tôi làm được những gì có lẽ cũng quan trọng như - nếu không muốn nói là quan trọng hơn - nơi tôi sinh ra."

Một vài phút sau đó, Thượng nghi sĩ Moynihan và tôi quay vào căn nhà nông trại của ông để ăn chút thịt nguội và bánh bích quy. Ngay sau đó, tôi lại lên đ

TRỞ THÀNH THƯỢNG NGHỊ SĨ BANG NEW YORK

Là một tân ứng viên, tôi đã nghĩ đến những rào cản mà chắc chắn tôi sẽ phải va chạm nhưng tôi không ngờ rằng tôi lại cảm thấy thích thú với chiến dịch ứng cử đến như vậy. Từ lúc rời nông trại của Thượng nghị sĩ Moynihan để bắt đầu chuyến "vi hành" vào tháng 7 năm 1999, tôi hoàn toàn bị cuốn hút bởi những nơi mà tôi đi qua và những người tôi gặp khắp nơi ở New York.

Người dân New York kiên cường, năng động, luôn tin tưởng vào tương lai, tượng trưng cho tất cả những gì mà tôi rất trân trọng về nước Mỹ. Tôi dần dần biết đến những khu phố nhỏ, những nông trại ở vùng quê và những thành phố như Buffalo, Rochester, Syracuse, Binghamton và Albany - nơi đã từng một thời là trung tâm của Cuộc Cách mạng Công nghiệp Mỹ và nay đang vươn mình chuẩn bị cho Thời kỳ Công nghệ Thông tin. Tôi đã khám phá ra Adirondacks và Catskills cũng trải qua kỳ nghỉ ở bờ hồ Skaneateles và Placid. Tôi đã thăm các trường đại học, cao đẳng công lập và dân lập. Tôi đã tiếp xúc với các nhóm doanh nhân và nông dân dọc suốt từ Long Island đến bờ biên giới Canada, lắng nghe họ kể về những thách thức mà họ phải đối mặt. Và khi tôi tạm dừng chân trong ngôi nhà mới của mình tọa lạc ở một vùng ngoại ô xa trung tâm, những ngôi trường công liên công cộng đã gợi cho tôi nhớ về tình làng nghĩa xóm nơi tôi đã lớn lên.

Tôi yêu cái tiềm lực nguyên sơ, cuộc sống hòa trộn đa sắc tộc và những người dân hào hiệp, thẳng thắn của thành phố New York. Tôi kết bạn khắp nơi: trong mọi ngõ ngách của thành phố, tại những bữa cơm tối xã giao, ở những trụ sở của các nghiệp đoàn, trường học, nhà thờ, giáo đường của người Do Thái, những túp lều, những căn chòi. Những cộng đồng đa dạng của New York là các bằng chứng sống nhắc người ta nhớ đến một thành phố tượng trưng cho lời hứa độc nhất vô nhị của nước Mỹ đối với phần còn lại của thế giới, nhớ đến bi kịch 1 1 tháng 9 năm 2001 khi mà Manhattan bị những kẻ khủng bố tấn công - những kẻ luôn căm ghét và sợ sự tự do, sự năng động và sự tự nguyện lựa chọn - những đặc tính của người Mỹ.

Tôi mải mê nghiên cứu về lịch sử tiểu bang New York: Những người da đỏ Iroquois thuộc phe ly khai trong cuộc nội chiến Hoa Kỳ - những người mà cam kết của họ về các nguyên tắc dân chủ đã tác động đến nhưng nhà sáng lập của chúng ta - sống khắp nơi ở New York từ lúc New York chưa là tiểu bang; Cuộc Chiến tranh Cách mạng đã xảy ra và chiến thắng ở những ngôi làng mang tên Champlain, Mohawk và Hudson; chính những dòng sà lan

dọc theo kênh Erie đã khai phá cho sự phát triển kinh tế của những vùng còn lại trên đất Mỹ; những tác phẩm nghệ thuật, văn chương và văn hóa thế giới đã được thành hình tại thành phố New York; những phong trào đòi bãi bỏ chế độ nô lệ, đấu tranh cho quyền bầu cử của phụ nữ, công đoàn, quyền công dân, quyền bình đẳng cho người da đen, quyền tự do cá nhân, những quan điểm chính trị tiến bộ và quyền của những người đồng tính đều dấy lên từ vùng đất New York. Tôi dần dần yêu thích nhịp điệu của những sự kiện đã diễn ra trên tiểu bang khổng lồ và lộn xộn này. Tôi nhảy điệu salsa dưới Đại lộ số 5 hòa trong Đội Diễu hành Ngày Puerto Rico, ăn một miếng bánh mì kẹp xúc xích i chợ Tiểu bang và thử nhảy điệu polka ở lễ hội của người Ba Lan ở Cheektowaga.

Việc cân bằng những đòi hỏi của chiến dịch tranh cử với nghĩa vụ một Đệ nhất Phu nhân của tôi là một sự thử thách độc nhất vô nhị. Thực hiện ngay một lúc hai việc vừa thử thách đội ngũ nhân viên Nhà Trắng - những người đã từng cùng với tôi vượt qua mọi thăng trầm trong gần 8 năm - vừa thử thách nhóm hỗ trợ thực hiện chiến dịch chuyên nghiệp đang hỗ trợ tôi chạy đua vào chiếc ghế Thượng nghị sĩ ở New York. Đôi khi Nhà Trắng yêu cầu tôi thực hiện một chuyến công du hoặc thực hiện một sự kiện nào đó mà Tổng thống ưu tiên hoặc chỉ là theo ý thích của tôi trong tư cách một Đệ Nhất Phu nhân đều khiến các vị cố vấn cho chiến dịch của tôi một phen xanh mặt khi nghĩ đến việc tôi tham gia vào vấn đề nào đó mà không liên quan đến New York hoặc các vấn đề của New York. Mặc dù rơi vào những tình huống căng thẳng không tránh khỏi nhưng mọi người đều đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc, tuyệt vời.

Quả không phải là một chiến dịch êm đềm. Ngay từ khi bắt đầu, tôi đã mắc phải lỗi lầm. Mà những lỗi lầm trong chính trường New York thì không dễ dàng được bỏ qua. Khi dân Yankee đến Nhà Trắng để kỷ niệm chiến thắng Vô địch bóng chày (World Series) vào năm 1999, người điều hành Joe Torre đã đưa tôi một chiếc mũ và tôi đã nhanh chóng đội lên. Một hành động quá tệ hại. Không ai ngờ rằng tờ The Washington Post và tờ San Francisco Examiner đã tường thuật rằng trước đây tôi là một fan của Mickey Mantle cực kỳ phản động. Họ nghĩ rằng tôi đang giả vờ làm điều mà thực tế tôi không thể: là dân New York suốt đời. Qua những ngày kế tiếp, những cử tri của tôi đã nhìn thấy hàng loạt ảnh của tôi với chiếc nón Yankees và những lời chú thích kèm theo không được hay ho lắm.

Trường hợp tệ nhất xảy raến viếng thăm chính thức Israel vào mùa thu năm 1999, khi tôi đến dự một sự kiện với tư cách là Đệ nhất Phu nhân cùng với Suha Arafat - phu nhân của nhà lãnh đạo Palestine. Bà Arafat phát biểu bằng

tiếng Ả-rập. Nghe qua thiết bị phiên dịch từ tiếng Ả-rập sang tiếng Anh, bản thân tôi cũng như những thành viên khác của đoàn - những nhân viên Đại sứ quán Mỹ, những chuyên gia Trung Đông và những nhà lãnh đạo Mỹ gốc Do Thái - không ai nghe thấy nội dung phát biểu thái quá của bà ta về việc Israel đã dùng gas độc để điều khiển người Palestine. Vài phút sau đó, tôi bước lên bục để phát biểu, bà Arafat đã chào đón tôi bằng một cử chỉ ôm hôn - một cách chào truyền thống. Nếu như biết được những lời xúc phạm trong bài phát biểu đó, có lẽ tôi đã lập tức phản ứng. Ngay sau đó, bản tin nhanh New York đã đưa ngay hình ảnh tôi nhận nụ hôn trên má từ bà Suha Arafat kèm theo nội dung bài phát biểu của bà Arafat. Nhiều cử tri Do Thái nổi giận với phát biểu của bà Arafat là điều dễ hiểu và họ hoàn toàn thất vọng khi tôi đã không nắm lấy cơ hội đó để phủ nhận những phát biểu của bà ta.

Cuối cùng, chiến dịch tranh cử của tôi cũng đã vượt qua được những giai đoạn khó khăn nhất. Và bản thân tôi cũng đã rút ra được một bài học đắt giá về những nguy hiểm khi pha trộn vai trò ngoại giao quốc tế với những phức tạp về chính trị ở một nơi như ở New York.

Trong suốt chiến dịch, có một sự phân định khá hài hước giữa quan điểm quốc gia về cuộc tranh cử với những gì thực tế diễn ra ở New York. Các nhà bình luận, những học giả uyên thâm của quốc gia vẫn đinh ninh rằng chính vấn đề "người vận động tranh cử ngoài địa hạt của mình" sẽ hạ gục tôi và bản thân tôi sẽ bỏ cuộc. Và cũng theo cách bình luận thông thường, họ phê phán tôi về việc từ chối trả lời báo chí. Chính điều này cũng trở thành một đề tài chuyện phiếm cho các nhân viên dưới quyền tôi vì thực tế tôi vẫn thường xuyên tiếp xúc với báo chí New York trong sucuộc tranh cử. Mối quan hệ giữa tôi với báo chí ngày càng được cải thiện dưới sự giúp đỡ của Giám đốc Truyền thông Howard Wolfson. Howard đã từng làm việc cho Nita Lowey và Chuck Schumer nên đủ hiểu sự phức tạp, rối ren khi tiếp xúc với giới truyền thông New York. Ông đã xuất hiện trên truyền hình với những phát biểu hùng biện và thân thiện, đề cập đến chiến dịch tranh cử của tôi. Với sự hỗ trợ của Howard, cuối cùng tôi cũng có được thời gian để thư giãn, không phải canh chừng giới báo chí, và tôi dần dần cảm thấy thích thú với việc phỏng vấn hàng ngày của những nhà báo được cử đến để thực hiện việc thông tin về chiến dịch của tôi.

Càng ngày tôi càng xác định được vị trí của mình trong sự thăng trầm của chính trường New York và tôi hoàn toàn không có ý định rời bỏ cuộc tranh cử. Tôi chỉ đơn giản cố gắng tìm hiểu người dân New York và tạo cho họ một tình cảm đối với tôi. Mặc dù tiểu bang rất rộng lớn nhưng tôi vẫn xác định việc tiếp xúc trực tiếp với dân chúng vẫn tốt hơn là tiếp xúc gián tiếp

thông qua các phương tiện truyền thông được trả tiền. Sự quảng bá của các phương tiện truyền thanh, truyền hình là rất quan trọng và cần thiết, nhưng vẫn không thể thay thế được những buổi nói chuyện trực diện - những dịp mà ứng cử viên có thể học hỏi được nhiều hơn.

Mục tiêu của tôi là thăm tất cả 62 hạt. Và trong hơn 1 năm, tôi đã đi khắp tiểu bang trong chiếc xe Ford cải tiến mà báo chí gọi là HRC SpeedWagon, cùng với vị cố vấn lâu năm là Kelly Craighead và Allison Stein, một nhân viên vận động rất năng nổ. Tôi dừng lại để ăn tối, uống cà phê dọc đường giống như Bill và tôi đã từng làm trong chiến dịch vận động tranh cử của anh ấy. Ngay cả khi trong quán chỉ có một nhóm người, tôi vẫn ngồi xuống, dùng một tách cà phê và trò chuyện với họ về bất cứ đề tài nào mà họ đang nghĩ tới. Các nhà thực hiện chiến dịch chuyên nghiệp gọi đây là "chính trị bán lẻ" nhưng, đó là cách tốt nhất để tiếp cận với những vấn đề mà mọi người quan tâm hàng ngày.

Cách sống cuồng nhiệt này hoàn toàn khác xa cuộc sống trong Nhà Trắng. Bill và tôi đã dọn một ít đồ đạc đến ngôi nhà mà chúng tôi đã mua ở cuối ngõ phố cụt Chappaqua - cách thành phố New York về phía bắc chưa đến một giờ đồng hồ xe chạy; nhưng tôi cũng không có nhiều thời gian ở đó. Ngôi nhà thường trống trải, lực lượng mật vụ với một trạm chỉ huy tại một chuồng ngựa cũ được cải tạo lại phía sân sau nhà tôi. Hiếm khi nào tôi đi ngủ trước nửa đêm và thông thường 7 giờ sáng đã có mặt trên đường. Nếu có thời gian, tôi thường dừng lại để thưởng thức một chiếc bánh nướng, bánh mì kẹp trứng và cà phê tại nhà hàng Lange - một nhà hàng bán thức ăn ngon ở cuối đường nhà tôi.

Thay vì cảm thấy mệt mỏi, tôi lại thấy mình hấp thu được sinh lực từ chiến dịch tranh cử. Không những quen dần với biến động liên tục tại New York và các vấn đề liên quan, tôi còn dần khám phá ra những khả năng cũng như những hạn chế của mình đối với cuộc sống của một ứng cử viên chính trị. Và cuối cùng tôi đã vượt qua vai trò của một người đại diện để thực hiện chiến dịch như trước đây tôi vẫn quen làm cho chồng tôi và bạn bè tôi, để tự mình điều hành một chiến dịch tranh cử cho chính mình. Đây là một tiến trình chậm với rất nhiều cố vấn, bạn bè và ủng hộ viên đề xuất những lời khuyên thường xuyên - đôi khi mâu thuẫn nhau. Và, tôi đã học cách lắng nghe cẩn thận, cân nhắc các giải pháp rồi quyết định theo cách riêng của mình.

Cuối cùng, tôi nhận thấy mình đã bắt đầu có những kết nối với cử tri. Dần dần, tôi có thể cảm nhận tâm trạng của cử tri đã thay đổi đường đi của tôi. Khi bắt đầu chiến dịch, ở bất kỳ nơi đâu tôi đến, mọi người đều đổ xô ra đN

nhìn tôi. Đây chưa hẳn là cơ sở xác định sự ủng hộ của họ đối với tôi. Đám đông nhìn tôi chỉ vì hiếu kỳ. Sau vài chuyến viếng thăm các tỉnh lỵ, thành phố, sự xuất hiện của tôi ngày càng trở nên quen thuộc hơn và dường như cử tri cảm thấy thoải mái tự nhiên hơn khi chia sẻ những câu chuyện và những lo toan của họ với tôi. Chúng tôi đã có những buổi trò chuyện thật sự về những vấn đề họ quan tâm và mọi người bắt đầu ít để ý tới việc tôi từ đâu tới mà quan tâm nhiều hơn tới việc tôi sẽ làm gì. Những cử tri vùng nông thôn, kể cả những đảng viên Đảng Cộng hòa chăm chú lắng nghe những dự án của tôi nhằm phục hồi nền kinh tế khu vực. Họ đặt ra những câu hỏi hóc búa, cười rộ lên với những câu bông đùa của tôi hay khen ngợi về mái tóc của tôi. Càng ngày tôi càng thấy mình được tiếp đón nồng nhiệt hơn ở những nơi tôi đến.

Tìm hiểu tính đa dạng và tính phức tạp của chính trường tiểu bang rất quan trọng đối với tôi. Và cũng tương tự khi tiếp xúc với giới nữ, một vài người đã tỏ ra thất vọng hoặc khó chịu khi tôi vẫn tiếp tục cuộc hôn nhân với Bill. Tôi trân trọng những câu hỏi của họ và mong họ hiểu rằng quyết định của tôi hoàn toàn hợp lý đối với bản thân tôi cũng như gia đình tôi.

Tôi không muốn phát biểu để giải thích vấn đề cá nhân của mình. Tôi đã tham dự những buổi gặp gỡ thân mật tại nhà những nhóm nhỏ phụ nữ ủng hộ tôi ở nhiều nơi trên tiểu bang. Chủ nhà mời khoảng 20 người bạn và hàng xóm cùng uống cà phê với tôi. Chúng tôi đã nói chuyện hết sức tự nhiên, thoải mái, tránh được những ánh đèn của máy quay phim và những phóng viên chính trị. Tôi trả lời những câu hỏi về cuộc hôn nhân của tôi, lý do tại sao tôi dọn tới ở New York, về vấn đề chăm sóc sức khỏe, chăm sóc trẻ em và bất kỳ vấn đề gì mà họ nghĩ ra. Dần dần, nhiều phụ nữ có chiều hướng chuyển sang ủng hộ tôi, cp nhận việc tôi quyết định tiếp tục sống với Bill, ngay cả khi họ có cách chọn lựa khác trong trường hợp đó.

Chiến dịch tranh cử của tôi cũng đạt được nhiều thuận lợi từ cái gọi là "sự bùng nổ" - sự ủng hộ tăng lên đột ngột - sau khi tôi xuất hiện trong chương trình The Late Show with David Letterman vào tháng 1 năm 2000. Sự xuất hiện trên chương trình trò chuyện đêm khuya đã thu hút được sự quan tâm nhiều hơn so với hàng loạt bài diễn văn trong ngày về cùng một vấn đề. Tôi chưa hề có ý định tiếp tục chương trình - ít nhất cho tới thời điểm này - trước đợt bầu cử. Nhưng Letterman thường gọi điện cho Howard, nài nỉ tôi xuất hiện. Sau một tháng thuyết phục của Letterman, tôi đã đồng ý đến như một khách mời vào ngày 12 tháng 1.

Tôi hy vọng chương trình sẽ thú vị, nhưng vì biết rằng những chuyện hài

hước đêm khuya đôi khi cũng hay châm chọc những người khách mời nên tôi cũng rất hồi hộp. Letterman sống gần Chappaqua nên đã hỏi về căn nhà mới của chúng tôi và cảnh báo tôi rằng: "Bây giờ, mọi kẻ ngốc trong khu vực đó sẽ lái xe ngang qua và nhấn còi inh ỏi"

"Ồ, thế có phải kẻ đó là ông không ?", tôi hỏi. Letterman và khán giá ồ lên tán thưởng. Tôi cảm thấy thư giãn và thú vị. Vài tháng sau đó, tôi xuất hiện nhiều hơn tại các địa điểm giao tiếp, đóng vai "một kẻ vận động tranh cử ngoài địa hạt" với một khuôn mặt ngây ngô tại tiệc chiêu đãi giới báo chí hàng năm ở Albany và sau đó xuất hiện trên chương trình Tonight Show của Jay Leno.

Vào tháng 2 năm 2000, tôi chính thức tuyên bố việc ra ứng cử tại Trường Đại học New York gần nhà chúng tôi ở Chappaqua. Đám đông gồm những người ủng hộ đang hân hoan và những nhà lãnh đạo chính trị của cả tiểu bang. Bill, Chelsea và mẹ tôi cũng có mặt. Thượng nghị sĩ Moynihan giới thiêu tôi và kểv những chuyển ông đến thăm bà Eleanor Roosevelt tại nhà bà ấy ở Hyde Park. Câu kết sau cùng của ông là "Hillaly, bà Eleanor Roosevelt chắc hẳn rất quý bà.”

Patti Solis Doyle, người đầu tiên mà tôi tuyển dụng vào năm 1992, đã điều phối toàn bộ lịch trình làm việc của tôi tại Nhà Trắng và chiến dịch tranh cử, sau đó, cô ấy xin nghỉ phép đến Chính phủ để làm việc toàn thời gian tại New York, quán xuyến mọi công việc hậu cần và hỗ trợ cho việc thực hiện chiến lược của chiến dịch tranh cử. Patti cũng đã làm việc với cộng đồng dân châu Mỹ La tinh - một cộng đồng đang có ảnh hưởng và đang ngày càng phát triển nhanh. Sự ủng hộ nhiệt tình của cộng đồng này đối với chiến dịch tranh cử của tôi đã làm tôi rất vui mừng. Tôi rất tự hào về Patti, những gì cô ấy đã làm cho tôi thật sự ngoài mong đợi. Thỉnh thoảng tôi nhớ lại những ngày đầu tiên ở Nhà Trắng khi bố mẹ cô ấy - những người dân nhập cư từ Mexico - từng mơ ước một cuộc sống tốt hơn cho 6 người con của họ - đã đến dự lễ nhậm chức và khóc trong niềm vui sướng vì con gái họ đã là nhân viên của vị Đệ nhất Phu nhân nước Mỹ.

Tại chiến dịch, Patti đã tham gia vào đội ngũ nhân viên tài năng và kinh nghiệm do Bill de Blasio - nhà điều hành chiến dịch của tôi - phụ trách. Blasio được xem là một chiến lược gia đại tài và một đặc phái viên tin cẩn của nhiều cộng đồng ở New York. Đội ngũ của tôi còn có Giám đốc Truyền thông Howard Wolfson - người phụ trách hoạt động phản ứng nhanh đặc biệt; Giám đốc Chính trị Ramon Martinez - người chia sẻ với tôi những bản năng chính trị nhạy bén và động viên tôi trong việc tiếp xúc với những cử tri

mới và làm sao để "thể hiện tình cảm đối với họ"; Gigi Georges - người phụ trách điều phối chiến dịch tranh cử của tôi với chiến dịch của các ứng cử viên Dân chủ khác tại New York và huy động sự nỗ lực từ cơ sở; Phó Điều hành Chiến dịch về mặt chính sách - Neera Tanden - người nắm bắt mọi chi tiết và sắc thái của những vấn đề mà tiểu bang đang đương đầu; Giám đốc Nghiên cứu Glen Weiner - người nắm rõ đối thủ của tôi hơn cả nhân viên của chính họ và Giám đốc Tài chính Gabrielle Fialkoff - người xử lý thật khéo léo một công việc không mấy hứng thú nhưng vô cùng thiết yếu là kiếm tiền để triển khai chiến dịch tranh cử. Tất cả họ làm việc ngày đêm với hàng tá nhân viên phục vụ chiến dịch khác và hàng ngàn tình nguyện viên để làm cho chiến dịch tranh cử trở thành một trong những chiến dịch hiệu quả nhất mà tôi từng biết.

Lại thêm nhiều tin vui: Chelsea đã hoàn tất những chương trình ngoại khóa tại Stanford đủ để trở về nhà sau học kỳ đầu của năm cuối để giúp bố một số công việc tại Nhà Trắng và công việc của mẹ tại New York. Chelsea đã tham gia vào đội Speedwagon để vận động tranh cử cho tôi vào bất kỳ lúc nào con bé có thể, và chính điều này đã động viên tôi rất nhiều. Con bé dường như có năng khiếu trong con đường vận động tranh cử. Tôi rất tự hào là con gái tôi đã trở thành một thiếu nữ và đã trưởng thành sau 8 năm ở Nhà Trắng để trở thành một người tốt bụng, biết quan tâm đến mọi người và ngẩng cao đầu để sống. Tôi thật may mắn có một đứa con gái như vậy.

Trong những tháng đầu của chiến dịch, tôi đã giành được sự quan tâm của hầu hết các phương tiện truyền thông. Bây giờ thì tới phiên ông Thị trưởng. Người dân New York và giới báo chí cho rằng Giuliani đang có rất ít nỗ lực, không hơn gì ngoài chuyện huy động gây quỹ từ thiện để tranh cử chiếc ghế Thượng nghị sĩ. Ông đã tiến hành một chiến dịch chỉ nhằm vào thành phố New York. Ông hiếm khi ra khỏi nhà và nếu có thì lại tạo ấn tượng với mọi người rằng chính ra việc ở trong nhà lại tốt hơn. Ông chẳng có ý kiến gì về những giải pháp cho nền kinh tế nông thôn đang bị dao động, về sự căng thẳng giữa các chúng tộc đang ngấm khuấy động chính trường New York. Và ông ta đã bắt đắc sai lầm.

Vụ một cảnh sát bắn chết một người da đen tên Patrick Dorismond ở thành phố New York vào tháng Ba đã đào sâu thêm những điểm yếu chính tri của ngài Thị trưởng. Cách giải quyết vụ việc bi thảm này của Giuliani đã kích động thêm thái độ thù hằn vốn có giữa văn phòng của ông ta và cư dân thiểu số của thành phố. Trong trường hợp này, ngài Thị trưởng đã làm tăng thêm sự khủng hoảng thay vì cần phải có tiếng nói ôn hòa và quyết đoán hơn. Những công dân của những địa hạt lân cận, đặc biệt là những cư dân thiểu

số, cảm thấy những cảnh sát làm dưới quyền của ngài Thị trưởng không đáng tin cậy. Sự cảnh giác của họ càng tăng thêm do hàng loạt những trường hợp tương tự gây nhiều chú ý như việc bắn chết Amadou Diallo tại Bronx năm trước đó. Đến lượt các viên chức cảnh sát cảm thấy rất nản chí bởi họ luôn bị hiểu nhầm trong khi đã cố gắng làm việc hiệu quả, mà nguyên nhân chỉ vì giới lãnh đạo thành phố đang đấu đá với những cộng đồng trên địa bàn làm việc của họ. Khi Giuliani cho đăng tin về những hồ sơ phạm tội lúc còn vị thành niên của Dorismond, nhằm bôi nhọ một người đã chết thì ông ta chỉ làm cho hố ngăn cách càng sâu thêm và dân chúng càng giảm đi sự tín nhiệm đối với ông.

Giuliani càng tiếp tục sử dụng thuật hùng biện để chia rẽ thì tôi càng khẳng định mình phải thực hiện phương thức tiếp cận khác. Trong một bài phát biểu tại Nhà thờ Riverside ở Manhattan, tôi đã đưa ra một kế hoạch để cải thiện mối quan hệ giữa cảnh sát và những cư dân thiểu số, bao gồm cả những giải pháp như tuyển dụng, đào tạo và những bù đắp tốt hơn cho Sở Cảnh sát New York. Sau đó, tôi đã đến Harlem để phát biểu tại Nhà thờ Bethel A.M.E.

Cách giải quyết về trường hợp Dorismond của Giuliani hoàn toàn sai và tôi cũng dự định gọi điện cho ông ta để nói về việc đó. Thay vì xoa dịu sự căng thẳng và đoàn kếư dân thành phố thì ông ta đã xát thêm muối vào vết thương.

"Chúng ta đều biết New York đang thật sự có vấn đề. Dường như tất cả chúng ta đều nhận thấy ngoại trừ ngài Thị trưởng". Thánh đường chật ních người như muốn nổ tung vì những tiếng reo hò lẫn bài hát ca ngợi Chúa.

Sự xuất hiện của tôi tại Harlem đã tạo một bước ngoặt trong chiến dịch tranh cử. Sau hàng tháng dõi theo Giuliani, cuối cùng tôi đã trụ lại được và còn làm tốt cả việc vận động đến vùng nông thôn. Việc duy trì sự quan tâm liên tục đến các cử tri và những vấn đề tại địa phương đã được đáp lại bằng sự ủng hộ ngày càng tăng của dân chúng. Tôi cảm thấy như mình đang bắt đầu có được tiếng nói riêng trong việc thực hiện chiến dịch tranh cử và tìm thấy tiếng nói chính trị của mình.

Vào trung tuần tháng Năm, tôi được chính thức đề cử là ứng cử viên Thượng nghị sĩ bang New York tại hội nghị Đảng Dân chủ của tiểu bang tại Albany. Đó là một sự quy tụ nhiệt tình của trên 10.000 người gồm những nhà hoạt động đảng, các nhà lãnh đạo chính trị ở các vùng nội thị, ngoại ô, nông thôn, có cả Thượng nghị sĩ Moynihan và Schumer cùng nhiều người khác - những

người đã cho tôi những lời khuyên hết sức hào phóng và đã ủng hộ tôi để đạt đến đích của chiến dịch tranh cử. Đến phút cuối, vị Tổng thống của Hợp chủng quốc Hoa kỳ xuất hiện, tạo thêm sự hưng phấn cho đám đông - và cho cả ứng cử viên của Đảng Dân chủ.

Chỉ một thời gian ngắn sau việc đề cử, một chấn động đã làm rung chuyển chính trường New York. Ngày 19 tháng 5, Thị trưởng Giuliani tuyên bố rút khỏi cuộc chạy đua vào Thượng nghị viện sau khi bác sĩ chẩn đoán ông ta bị chứng ung thư tiền liệt tuyến và sau khi báo chí đưa tin về chuyện ngoại tình lâu nay của ông ta. Bỗng chốc ông ta trở thành người tranh cãi về cuộc sống riêng tư của mình trước công chúng. Mặc dù khác nhau về quan điểm chính trị, bản thân tôi không thích thú gì về vụ chuyển hướng hài hước này vì tôi biết quá rõ nỗi đau đớn riêng tư của người trong cuộc, nhất là với những đứa con của Giuliani.

Thị trưởng Giuliani đã kết thúc nhiệm kỳ của mình bằng sức mạnh, lòng thương yêu. Ông đã làm cả nước an lòng và khuây khỏa sau vụ tấn công ngày 11 tháng 9 năm 2001. Do công việc của chúng tôi cùng có một mục tiêu hướng về thành phố và những nạn nhân của đợt khủng bố nên chúng tôi đã tạo được một mối quan hệ hữu nghị, hữu ích mà tôi nghĩ đó là một sự ngạc nhiên cho chính chúng tôi.

Sự rút khỏi cuộc chạy đua của ngài Thị trưởng không phải là một sự giải tỏa mà tôi mong đợi như nhiều người dự đoán. Trong hàng tháng trời, tôi đã thực hiện một chiến dịch để chống lại ông ta. Có thể nói ông ta là một trong những đối thủ "gai góc" nhất của tôi và tôi cảm nhận được rằng việc ứng cử của tôi đưa đến cho cử tri New York một sự lựa chọn rõ ràng và cử tri đang đáp trả lại. Vào thời điểm Giuliani chấm dứt chiến dịch tranh cử, tôi đang dẫn trước 8 hoặc 10 điểm theo kết quả thăm dò dư luận. Bây giờ, tôi lại bắt đầu với một đối thủ hoàn toàn mới - nghị sĩ Rick Lazio.

Chiến dịch tranh cử đã chiếm gần hết thời gian trong cuộc sống của tôi. Khi tôi bứt ra được cũng là lúc tôi dành thời gian cho những sự kiện không thể bỏ qua của Nhà Trắng và thật đáng buồn rằng đó lại là thời gian dành cho một loạt những lễ tưởng niệm những người bạn và đồng nghiệp. Casey Shearer - đứa con trai 21 tuổi của người bạn thân của chúng tôi Derek Shearer và Ruth Goldway đã bị chứng đau tim định mệnh khi đang chơi bóng rổ một tuần trước khi tốt nghiệp Trường Đại học Brown. Vua Hassan Đệ nhị của Morroco đ đời vào tháng Bảy và Hoa Kỳ đã mất đi một người bạn và một đồng minh quý. Con trai ông và là người kế vị - Vua Mohammed Đệ lục đã mời Bill, Chelsea và tôi đến dự lễ tang và tại nơi đó, để bày tỏ sự

kính trọng, Bill đã cùng với hàng ngàn người đàn ông đi khoảng 3 dặm theo sau quan tài qua các con đường của Rabat với sự tiễn đưa của hàng triệu người Morroco.

Mùa hè năm trước, John F. Kennedy, Jr. cùng vợ ông là Carolyn và chị bà ấy là Lauren đã chết một cách bi thảm trong một tai nạn máy bay gần Martha's Vineyard. Bill và tôi đều rất mến John - người mà chúng tôi tình cờ quen biết trong những lần họp mặt thân mật tại nhà mẹ của ông ấy tại Vineyard và tại một số sự kiện công cộng. Chúng tôi có nhã ý mời John, chị ông ấy là Caroline và con của bà ấy viếng thăm Nhà Trắng vào bất kỳ lúc nào. Sau khi kết hôn, John đã cùng vợ thực hiện một chuyến du lịch mang tính cá nhân. Khi ông ấy nhìn thấy Bill đang sử dụng bàn làm việc của cha mình trước đây tại Phòng Bầu Dục, ông ấy đã lờ mờ nhớ lại rằng mình đã từng chơi dưới gầm bàn và liếc trộm qua ô cửa bên trong, khi Tổng thống Kennedy đang gọi điện thoại. Tôi nhớ John đã đứng yên lặng trước bức ảnh của cha mình - bức ảnh do Aaron Shikler họa lại và chúng tôi đã đặt vào một nơi hết sức trang trọng, nổi bật tại State Floor. Thật đau lòng khi chúng tôi lại đi dự một lễ tang nữa cho một người có nhiều hứa hẹn và khát vọng sống. Bây giờ, trong một thế giới khác, hẳn ông ấy đang quây quần bên những thành viên của gia đình mình - những người đã cống hiến rất nhiều cho đất nước chúng tôi.

Tôi lại nhận thêm tin dữ về người bạn Diane Blair của mình. Trong suốt chiến dịch tranh cử, tôi thường nhờ Diane tư vấn. Chị ấy tốt nghiệp Đại học Cornell và biết rất rõ về New York. Chị ấy luôn động viên tôi hãy thư giãn và vui sống, và luôn cười phá lên trước những câu chuyện về những bước đi sai lầm của tôi. Diane - một vận động viên tennis đầy nhiệtết và có thể xem là một mẫu người cân đối ở tuổi 61. Vào đầu tháng Ba năm 2000, chỉ một vài tuần sau khi Diane nhận được kết quả bình thường từ cuộc khám sức khỏe định kỳ, chị chợt để ý đến mấy cục u đáng ngờ trên chân mình. Trong vòng một tuần, chị được bác sĩ chẩn đoán bị di căn ung thư phổi. Diane đã gọi điện cho tôi để báo tin và tôi gần như bị suy sụp. Kết quả tiên lượng bệnh thật quá cay nghiệt, tàn nhẫn. Tôi chỉ nghĩ không biết mọi việc sẽ như thế nào nếu như trong những năm sắp tới tôi không có Diane bên cạnh. Trong suốt những tháng sau đó, mặc dù rất bận bịu với chiến dịch tranh cử, tôi vẫn dành thời gian gọi điện cho Diane hàng ngày. Bill và tôi đã bay tới Fayetteville, Arkansas nhiều lần để ở bên cạnh Diane và Jim, người đã chăm sóc cho Diane rất cẩn thận. Mặc dù đã trải qua những đợt hóa trị làm cho chị ấy yếu đi và bị rụng tóc, Diane vẫn dũng cảm chống chọi với bệnh tật, không bao giờ đánh mất nụ cười trên môi và lòng yêu thương trong trái tim rộng mở của mình. Cho đến những tháng cuối cùng, Diane vẫn cùng Bill cạnh tranh để xem ai có thể hoàn tất trò chơi ô chữ của tờ New York Times

Sunday Magazine nhanh hơn.

Khi Jim gọi điện cho tôi và báo tin thời điểm cuối đã đến gần, tôi đã bỏ lại tất cả để bay đến gặp Diane lần cuối. Lúc bấy giờ những y tá hồi sức cấp cứu - họ như những vị thánh sống trong mắt tôi - đã chăm sóc Diane 24/24. Quây quần bên chị ấy ngoài gia đình còn có vô số bạn bè chí cốt. Diane lúc tỉnh lúc mê khi tôi đứng cạnh giường, cầm tay chị ấy và cúi xuống để có thể nghe thấy những gì chị đang muốn trăng trối lại. Khi tôi chuẩn bị đi, tôi đã cúi xuống hôn tạm biệt Diane. Chị ấy đã nắm chặt tay tôi thì thầm: "Bạn đừng bao giờ từ bỏ chính mình và những gì bạn đã tin tưởng. Hãy chăm sóc Bill và Chelsea. Họ rất cần bạn. Và hãy thắng trong cuộc bầu cử này vì mình. Mình mong rằng mình sẽ có mặt khi bạn thắng cử. Mình yêu bạn". Lúc đấy, Bill và Chelsea cũng đã đến cạnh giường cùng tôi. Chị ấy nhìn chúng tôi đăm. "Hãy nhớ", chị ấy nói.

"Nhớ cái gì?", Bill hỏi.

"Chỉ cần nhớ."

Năm ngày sau chị ấy qua đời.

Bin, Chelsea và tôi cùng bay đến Fayetteville để dự lễ tưởng niệm cuộc đời khá đặc biệt của Diane. Như nguyện vọng của Diane, buổi lễ tưởng niệm vui vẻ, sống động, đầy ắp tiếng nhạc và những câu chuyện về cuộc đời chị ấy cũng như nhưng xúc cảm mạnh mẽ của công chúng đã làm cho thế giới của Diane tốt đẹp hơn. Chủ trì buổi lễ kỷ niệm, tôi đã phát biểu rằng Diane đã cống hiến quá nhiều so với cuộc đời ngắn ngủi của chị ấy và hơn cả những gì chúng ta có thể làm trong 300 hoặc 400 năm. Tôi không biết còn có ai đã từng cố gắng tích cực hay đã từng gặt hái nhiều thành công lúc còn sống như chị ấy. Bill đã ca ngợi Diane bằng những ngôn từ hết sức ngắn gọn nhưng thật cảm động: "Chị ấy đẹp và tốt bụng. Chị ấy nghiêm túc và hài hước. Chị ấy có nhiều khát vọng để làm những điều tốt và sống tốt nhưng chính yếu vẫn là sống vị tha". Diane đã làm cho cuộc sống của tôi có ý nghĩa hơn. Tôi chắc sẽ không bao giờ có được một người bạn nào tốt hơn như thế. Tôi sẽ mãi mãi nhớ Diane.

Ngày 11 tháng 7, Bill bắt đầu cuộc họp hai tuần tại Trại David với Thủ Tướng Ehud Barak và Chủ tịch Yasir Arafat trong một nỗ lực cố gắng giải quyết nhưng vấn đề phát sinh trong tiến trình thương lượng hòa bình giữa Israel và Palestine theo. Hiệp ước Oslo. Barak, nguyên là một vị tướng được tặng thưởng huân chương nhiều nhất, rất lo lắng về thỏa thuận cuối cùng để

có thể hoàn thành mong ước của Yitzhak Rabin - ngươi mà Barak đã từng phục vụ. Barak và người vợ hoạt bát của ông ta, Nava, đã nhanh chóng trở thành những người bạn - những người mà tôi rất thích sự có mặt của họ, ngưỡng mộ sự dấn thân cho hòa bình của họ. Không may, trong khi Barak đến Trại David để thiết lập hòa bình thì Arafat lại không đến. Mặc dù, Arafat luôn nhấn mạnh rằng cần phải lập lại hòa bình trong giai đoạn Bill đương quyền nhưng ông ấy lại chẳng bao giờ sẵn sàng để có những chọn lựa dứt khoát cần thiết cho một thỏa thuận.

Thời gian này, tôi vẫn luôn sát cánh bên Bill vì anh ấy ngày càng chìm trong một tâm trạng đầy thất vọng. Theo yêu cầu của Bill, Chelsea đã tháp tùng bố đến Trại David và đã tham gia vào nhóm dự những bữa tiệc thân mật và những cuộc tán gẫu. Bill cũng yêu cầu trợ lý của tôi - Huma Abedin - giúp anh ấy trong việc tiếp đón các phái đoàn. Là một người Mỹ theo đạo Hồi, sinh ra và lớn lên ở Arab Saudi, nói tiếng Ả-rập, Huma đã thể hiện những kỹ năng và phong cách thanh nhã của một nhà ngoại giao dày dạn kinh nghiệm khi cô ứng xử với các đại diện của Palestine và Israel trong giờ giải lao của những cuộc họp và qua trò chơi ném phi tiêu và trò chơi pun.

Cuối cùng, vào trưa ngày 25 tháng 7, Bill thông báo chấm dứt cuộc họp thượng đỉnh không thành công tại Trại David, thừa nhận anh ấy đã cảm thấy thất vọng nặng nề và sẽ cố thúc đẩy hai bên tiếp tục làm việc để tìm kiếm "một nền hòa bình trên cơ sở bình đẳng, lâu dài và toàn diện" . Những nỗ lực của họ tiếp tục trong suốt sáu tháng Bill còn làm việc ở Nhà Trắng và gần như thành công trong những cuộc đối thoại tại Washington và Trung Đông trong tháng 12 năm 2000 và tháng 1 năm 2001 khi Bill đưa ra lời đề nghị cuối cùng và tốt nhất cho một thỏa hiệp hòa bình. Cuối cùng Barak chấp nhận lời đề nghị của Bill nhưng Arafat từ chối. Những biến cố bi thảm xảy ra một vài năm sau này đã chứng tỏ sai lầm nghiêm trọng của Arafat.

Vào khoảng tháng 8 năm 2000, Hội nghị toàn quốc Đảng Dân chủ diễn ra tại Los Angeles. Bill và tôi có kế hoạch nói chuyện với các đại biểu trong đêm đầu tiên ngày 14 tháng 8, và sau đó rời thành phố đNnhường chỗ cho Phó Tổng thống Gore và người được chọn vào vị trí phó Tổng thống, Thượng nghị sĩ Joe Lieberman, tiếp nhận việc đề cử và điều hành hội nghị. Trên sân khấu, tôi đã được tiếp đón bởi những nữ Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ như Barbara Mikulski, Dianne Feinstein, Barbara Boxer, Patty Murray, Blanche Lincoln và Mary Landrieu - người đã từng phải chịu đựng những luận điệu xuyên tạc khi tham gia cuộc đua vào Thượng nghị viện vào năm 1996. Tập trung vào những gì tôi sắp làm trong thời gian tới, tôi muốn biết chắc rằng khi tôi đứng trên diễn đàn, mọi người dân Mỹ đều hiểu được rằng tôi đã hết

sức trân trọng cái đặc ân được phục vụ trong tám năm qua với tư cách là Đệ nhất Phu nhân của nước Mỹ. "Bill và tôi sắp khép lại một chương trong cuộc đời mình và chẳng bao lâu chúng tôi sẽ bắt đầu một chương mới... Xin cám ơn quý vị đã giúp tôi có được những cơ hội làm việc tại quê nhà cũng như vòng quanh thế giới về những vấn đề liên quan nhiều nhất đến trẻ em, phụ nữ, gia đình,... (và) cám ơn sự ủng hộ cũng như sự trung thành của quý vị trong những lúc thuận lợi cũng như khó khăn. Xin cám ơn... vì sự vinh dự và cầu xin Chúa ban cho quý vị một cuộc sống an lành.”

Bill phát biểu tiếp theo sau tôi. Bài phát biểu của anh đã gợi lên một sự luyến tiếc khắp Trung tâm Staples. Mọi người hô to "bốn năm nữa" và vây lấy anh ấy bằng sự nồng ấm và lời hô vang như sấm rền. Anh đã trình bày một cách hùng hồn về nhiệm kỳ Tổng thống của mình và nhiệt liệt tán dương Al Gore. Sau đó, chúng tôi ra đi khi vai trò của chúng tôi tại hội nghị đã hết.

Trong vòng mấy ngày, tôi bắt đầu chuẩn bị cho ba đợt tranh luận sắp tới với Lazio. Là một người thuộc Đảng Cộng hòa, trẻ trung, ăn ảnh, đến từ Long Island, Lazio có được sự ủng hộ mạnh mẽ của cử tri từ những khu vực ngoại ô. Không giống Giuliani, Lazio không có tư tưởng chia rẽ, không sắc sảo lắm, cũng không nổi tiếng bên ngoài quận hạt của anh ta. Nhưng được ủng hộ và động viên của những nhà lãnh đạo Đảng Cộng hòa khắp trong nước, anh ta đã xuất hiện như một ứng cử viên đối địch với tôi và tiến hành một chiến dịch truyền bá những thông tin tiêu cực về tôi trong suốt mùa hè. Chiến dịch đó đã không hiệu quả. Một trong những thuận lợi lạ lùng mà tôi có được là mọi người đều nghĩ là họ đã biết rõ về tôi, dù là tốt hay xấu. Vì thế, sự tấn công của Lazio không được mấy ai quan tâm. Cuộc vận động của tôi cũng hầu như bỏ qua tiếng nói cá nhân trong chiến dịch của Lazio mà chỉ tập trung xoáy sâu vào lý lịch bầu cử của anh ta cũng như công việc của anh ta trong Quốc hội với tư cách là trợ thủ cao cấp của Gingrich. Người dân biết rất ít về anh ta và những thông tin mà chúng tôi có được về anh ta là tất cả những gì mà họ cần để điền vào chỗ trống.

Cuộc tranh luận đầu tiên diễn ra tại Buffalo vào ngày 13 tháng 9 và đã được làm dịu đi bởi một người dân bản địa vùng Buffalo, Tim Russert, người dẫn chương trình Meet the Press của Đài truyền hình.NBC. Sau một loạt các câu hỏi về chăm sóc sức khỏe, kinh tế nông thôn và giáo dục, Tim Russert đã đưa lên một đoạn phim có sự xuất hiện của tôi trong chương trình Today khi tôi tiếp tục bảo vệ cho Bill một cách yếu ớt sau khi vụ bê bối Lewinsky bùng ra. Sau đó Russert hỏi phải chăng tôi cảm thấy “ân hận vì đã đánh lừa người dân Mỹ" và tôi có muốn xin lỗi vì "đã làm ô nhục người dân như một phần trong âm mưu rộng lớn của cánh hữu”.Mặc dù tôi sững sờ với câu hỏi đó, tôi

vẫn phải trả lời, vì thế tôi nói "Tim, anh biết đấy, đây là thời gian tôi vô cùng đau khổ cho gia đình tôi và cho đất nước của chúng ta. Nó là một cái gì đó mà tôi cảm thấy ân hận từ tận đáy lòng - một cảm giác mà bất cứ ai trải qua đều có thể hiểu được. Và tôi đã ước tất cả chúng ta có thể nhìn nhận nó từ góc nhìn của lịch sử, nhưng chúng tôi đã không làm được điều đó. Chúng tôi đang chờ đợi những ẩn sách viết về vấn đề đó... Tôi đã cố gắng chuẩn bị sẵn sàng cho dù mình phải đối mặt với tình huống nào đi nữa. Dĩ nhiên, tôi không đánh lừa ai cả. Tôi không biết sự thật. Và đã có nhiều nỗi đau liên đới mà chắc chắn chồng tôi đã thừa nhận... rằng anh ấy đã đánh lừa đất nước cũng như gia đình mình".

Những câu hỏi cũng xoay quanh các vấn đề trường học, môi trường và những vấn đề địa phương khác, và đó cũng là lúc Lazio đã mắc sai lầm trầm trọng : Anh ta tuyên bố kinh tế nông thôn "đã đi vào ngõ cụt". Nhưng đó là điều không thể nào nghe lọt tai đối với bất kỳ ai đã từng sống ở nông thôn hoặc đã từng có thời gian ở đó. Cho đến lúc đó, tôi đã thường xuyên đến thăm khu vực nông thôn và đã tổ chức những buổi thảo luận kỹ lưỡng với cư dân về những vấn đề như mất việc làm và thanh niên rời bỏ vùng quê. Tôi cũng đã phát triển một kế hoạch kinh tế cho khu vực này - một vấn đề mà các cử tri đang xem xét một cách nghiêm túc.

Khi tiêu điểm của cuộc tranh luận chuyển sang vấn đề quảng cáo chiến dịch và việc sử dụng cái được gọi là "tiền mềm" (soft money) - những quỹ chi tiêu của các ủy ban chính trị bên ngoài dưới danh nghĩa của một ứng cử viên hoặc một vấn đề nào đó - Russert đã đưa lên một đoạn phim quảng cáo của Lazio trong đó vị dân biểu này đứng bên Thượng nghị sĩ Daniel Patrick Moynihan trong một bức ảnh - một sự gán ghép không thể nào xảy ra. Đoạn phim quảng cáo đã làm méo mó sự thật để khai thác sự nổi tiếng của một công chức đáng kính của New York. Nó được chi trả bằng những khoản "tiền mềm", những đóng góp lớn mà các đảng chính trị, các nhóm bên ngoài sử dụng để ủng hộ cho một ứng cử viên hoặc tấn công đối thủ của họ. Hồi mùa xuân, tôi đã kêu gọi cấm đoán những hình thức "tiền mềm" nhưng tôi không đơn phương nói thẳng ý kiến của mình. Đảng Cộng hòa đtừ chối việc tuyên thệ từ bỏ việc sử dụng "tiền mềm" từ các nhóm bên ngoài, một vài cá nhân trong bọn họ đang bận huy động 32 triệu đô la để ủng hộ cho nỗ lực chạy đua vào Thượng nghị viện của Lazio.

Gần cuối buổi tranh luận, từ phía sau diễn đàn, Lazio bắt đầu khoác lác dọa nạt tôi về vấn đề "tiền mềm” và thách thức tôi cấm sự đóng góp lớn của Đảng Dân chủ vào chiến dịch tranh cử của tôi. Tôi không thể thốt ra được tiếng nào khi anh ta bước tới trước mặt tôi và vẫy vẫy một miếng tạm gọi là

miếng giấy "Sự Tự do của New York xuất phát từ Công ước Tiền Mềm" và yêu cầu tôi ký. Tôi từ chối. Anh ta sấn tới gần hơn, hét lên "Ngay đây, ký ngay bây giờ".

Tôi chỉ bắt tay nhưng anh ta tiếp tục làm phiền tôi. Tôi chỉ có đủ thời gian thốt ra một câu để đáp trả trước khi Russert chấm dứt cuộc tranh luận. Tôi không biết Lazio và những nhà cố vấn của anh ta có nghĩ rằng đó là hành động khiêu khích và chọc giận tôi hay không.

Trong suốt chiến dịch tranh cử, tôi cũng đã tôi luyện cho mình quen chịu đựng những vụ tấn công mang tính chất cá nhân và xác định rõ là phải tập trung tấn công vào các vấn đề chứ không phải là cá nhân Lazio. Và giống như niệm thần chú, tôi luôn miệng lẩm bẩm "vấn đề, vấn đề". Bên cạnh việc tỏ ra ích lợi hơn cho cử tri, dường như nó còn là một cách thực hiện chiến dịch tranh cử văn minh hơn.

Cuộc tranh luận là một bước ngoặt mới trong cuộc chạy đua đã giúp đẩy một số cử tri về phía tôi, mặc dù tôi chưa kịp nhận ra điều đó. Khi tôi rời sân khấu, tôi hoàn toàn chưa có ý niệm gì về cách thức mình đã làm và cũng chưa biết chắc những thủ đoạn đối đầu của Lazio sẽ được đón nhận ra sao. Đội ngũ của anh ta lập tức tuyên bố chiến thắng và báo chí đã mua tin này. Nhiều bài báo đầu tiên đã nêu bật những trò "phù phép" của Lazio và tất cả hầu như đã tuyên bố anh ta là người chiến thắng.

Dù sao thì đội của tôi vẫn lạc quan, vui vẻ. Ann Lewis và Mandy Grunwald có cảm tưởng Lazio đã hành động như một con bò mộng hơn là hình ảnh một người lịch sự mà anh ta đang cố gắng tạo ra. Hệ thống trưng cầu dân ý và phản ứng từ những nhóm trọng điểm chẳng bao lâu đã cho thấy: nhiều cử tri, đặc biệt là phụ nữ, cảm thấy khó chịu vì những thủ đoạn của Lazio. Như Gail Collins đã viết trong tờ The New York Times, Lazio đã "xâm chiếm" sân của tôi. Và nhiều cử tri không thích điều đó.

Những phản ứng của công chúng không hề ngăn chặn được việc Lazio tiếp tục chiến dịch ngày càng mang tính tiêu cực và cá nhân. Anh ta gởi đi một lá thư vận động gây quỹ từ thiện mà thông điệp trong đó có thể tóm tắt trong mấy chữ "Tôi đang chống Hillary Rodham Clinton". Chiến dịch của anh ta không vì người dân New York mà nhằm vào tôi. Vì thế, tôi bắt đầu nói chuyện với những thính giá khắp tiểu bang: “Người dân New York xứng đáng hơn thế nhiều. Tại sao chúng ta lại không bắt đầu bằng những từ như : công việc, giáo dục, sức khỏe, an ninh xã hội, môi trường, sự lựa chọn?".

Lazio cũng hâm nóng lại cuộc cải cách chăm sóc sức khỏe trong một loạt các thiết kế quảng cáo nhằm tác động tinh thần của các cử tri. Nhưng như tôi được biết từ nhiều tháng trước trên đường đến các nơi vận động cho cuộc tranh cử của mình, người dân New York dường như trân trọng những nỗ lực cải cách chăm sóc sức khỏe của tôi hơn, cho dù nó đã không thành công trong việc tân trang lại toàn bộ hệ thống. Gần đây, chi phí chăm sóc sức khỏe lại tăng vọt nên những tổ chức y tế và những công ty bảo hiểm đã tỏ ra chặt chẽ hơn trong cơ chế và chính sách giải quyết của họ. Trong suốt con đường vận đ'tranh cử, tôi thường đề cập đến việc cải cách từng bước và cách thức mà Thượng nghị viện có thể giải quyết vấn đề gia tăng chi phí chăm sóc sức khỏe thông qua hệ thống lập pháp.

Gần cuối cuộc tranh cử, vào ngày 12 tháng 10, chiến hạm USS Cole bị những kẻ khủng bố tấn công tại Yemen. Vụ nổ đã giết chết 17 thuỷ thủ Mỹ và xé toạc một lỗ trên thân tàu. Vụ tấn công này, giống như các vụ đặt bom tòa đại sứ, sau đó được xác định bắt nguồn từ Al-Qaeda - một mạng lưới những kẻ đạo Hồi cực đoan do Osama bin Laden cầm đầu đã tuyên bố chiến tranh với "những kẻ vô thần và quân thập tự chinh". Cái nhãn đó đã được gán cho tất cả người dân Mỹ và những dân tộc khác trên thế giới, kể cả những người đạo Hồi phản đối những cách thức bạo lực của những kẻ quá khích. Tôi đã bỏ nhiều sự kiện trong chiến dịch tranh cử để cùng Bill và Chelsea bay đến Căn cứ Hải quân Norfolk ở Virginia để dự lễ tưởng niệm. Tôi đã gặp gia đình của những nạn nhân vụ đánh bom vào các tòa đại sứ Mỹ vào tháng 8 năm 1998; tôi đã chia sẻ nỗi đau với gia đình của những thuỷ thủ Mỹ bị sát hại - những thanh niên, thiếu nữ đã phục vụ cho đất nước và mang lại an ninh cho một vùng đất khốc liệt trên thế giới.

Tôi khinh bỉ chủ nghĩa khủng bố và học thuyết hư vô mà nó đại diện, cho nên tôi rất hoài nghi khi Đảng Cộng hòa ở New York và chiến dịch của Lazio nói bóng gió rằng tôi, vì một lý do nào đó, đã dính líu đến những kẻ khủng bố đã tấn công chiến hạm USS Cole. Họ đã đưa lời buộc tội hèn hạ ti tiện này lên một chương trình quảng cáo trên ti-vi và một tin nhắn tự động qua điện thoại trực tiếp đến hàng trăm ngàn cử tri New York 12 ngày trước ngày bầu cử. Câu chuyện họ dựng lên là : tôi đã nhận tiền đóng góp từ một ai đó nằm trong nhóm ủng hộ những kẻ khủng bố - "đây cũng coi như là một loại khủng bố đã giết chết những thủy thủ của chúng ta trên tàu USS Cole". Bản tin truyền qua điện thoại kêu gọi mọi người hãy điện thoại cho tôi và yêu cầu tôi "chấm dứt ủng hộ những kẻ khủng bố". Thật bệnh hoạn. Thủ đoạn liều lĩnh vào phút cuối này được tung ra. Tuy nhiên, thủ đoạn này cuối cùng đã thất bại nhờ sự đáp trả hùng hồn, mãnh liệt từ chiến dịch tranh cử của tôi và sự giúp đỡ của Ed Koch, nguyên là Thị trưởng thành phố. Ông đã

cắt đoạn quảng cáo đó trên truyền hình và mắng Lazio. "Hãy ngưng ngay những trò đùa bịp bợm, nhớp nhúa."

Vào những tuần cuối của chiến dịch, tôi cảm thấy tự tin rằng mình sẽ thắng. Nhưng chúng tôi phải thực hiện một chiến dịch cuối cùng trong tuần lễ trước ngày bầu cử khi cuộc chạy đua đột ngột trở nên căng thẳng hơn. Ứng cử viên đảng đối lập, Lazio, đã tung ra một chiến dịch quảng cáo với hai diễn viên đóng vai hai phụ nữ vùng ngoại thành, họ hỏi nhau rằng: liệu tôi có quá trơ tráo khi xuất đầu lộ diện tại New York và có xứng đáng làm Thượng nghị sĩ hay không. Chúng tôi không biết có phải là do cử tri bị tác động bởi chương trình quảng cáo của Lazio hay bị ảnh hưởng bởi những cú điện thoại khủng bố, hay đơn giản sự "đổi ngôi" chỉ là may mắn tạm thời.

Tôi đã làm cho Mark và Mandy rối tinh lên cho tới hai giờ sáng hôm sau khi quyết định phải thực hiện nỗ lực cuối cùng để tiếp cận những phụ nữ vẫn còn do dự về vấn đề ứng cử của tôi. Theo tôi, Lazio đặc biệt yếu kém trong vấn đề nghiên cứu ung thư vú, một vấn đề mà tôi đã theo đuổi suốt 8 năm. Sau khi Lazio tham gia cuộc chạy đua vào Thượng nghị viện, giới lãnh đạo của Hạ nghị viện đã cho phép anh ta "chiếm dụng" một dự luật quan trọng về việc lập ngân quỹ hỗ trợ các bệnh nhân ung thư vú, đây là sản phẩm trí tuệ của Anna Eshoo - dân biểu bang California đã nhận được sự ủng hộ của cả hai đảng. Giới lãnh đạo Hạ nghị viện nêu tên anh ta với tư cách là người bảo trợ duy nhất cự luật đó để anh ta có thể dựa vào đó như một dấu hiệu cho sự cam kết đối với các vấn đề liên quan đến phụ nữ. Thật quá tệ hại. Tệ hơn nữa, khi dự luật đã được thông qua, chính anh ta là người ủng hộ cho việc cắt giảm ngân quỹ của chương trình. Tôi rất quan tâm đến việc nghiên cứu và chữa trị ung thư vú nên hết sức căm phẫn khi biết được Lazio đã chơi đòn chính trị trong vấn đề quan trọng và nhạy cảm này.

Marie Kaplan, một bệnh nhân sống sót sau căn bệnh ung thư vú và đã từng ủng hộ Lazio ngay chính trên địa hạt Long Island của anh ta, nay đã trở thành một trong những tình nguyện viên chiến dịch trung thành của tôi. "Tại sao chúng ta lại không nhờ Marie thực hiện một chương trình quảng cáo?", tôi đưa ra ý kiến. Và tôi đã thực hiện điều đó. Xét về nhiều mặt thì đây là một chương trình quảng cáo tốt nhất của chiến dịch. Marie giải thích những gì Lazio đã làm đối với dự luật lập quỹ hỗ trợ bệnh nhân ung thư vú và sau đó cô ấy nói: "Tôi có nhiều bạn bè hỏi về Hillary. Tôi đã nói với họ: 'Tôi biết cô ấy". Về các vấn đề ung thư vú, chăm sóc sức khoẻ, giáo dục và nữ quyền, Hillary không bao giờ ngoảnh mặt. Bà ấy sẽ luôn có mặt bên cạnh chúng ta". Marie đã tóm tắt mọi vấn đề mà tôi muốn mọi người nghĩ đến khi họ quyết định bỏ phiếu.

Tôi đã làm việc không mệt mỏi cho đến phút cuối, thực hiện chiến dịch tại Hạt Westchester cùng với nghị sĩ Nita Lowey buổi sáng sớm trước ngày bầu cử, 7 tháng 11. Bill và Chelsea đã bỏ phiếu cùng với tôi tại điểm bầu cử địa phương đặt tại trường tiểu học Douglas Graffin ở Chappaqua. Sau nhiều năm, tôi đã quen nhìn thấy tên của Bill trong lá phiếu nhưng lần này, tôi thật sự hồi hộp và tự hào khi nhìn thấy tên mình.

Kết quả kiểm phiếu vào buổi chiều hôm đó cho thấy tôi đã thắng cử vượt mức tưởng tượng. Tôi đang chuẩn bị thay quần trong phòng khách sạn thì Chelsea lao vào báo tin. Tỉ lệ cuối cùng là 55% so với 43%. Sự làm việc miệt mài đã được bù đắp và tôi thật sự biết ơn vì có được cơ hội đại diện cho New York cũng như có thể đóng góp xây dựng đất nước trong vai trò mới.

Trong khi đó, cuộc tranh cử Tổng thống thật sự đang trên đường trượt dốc. Lúc bấy giờ, chúng tôi gần như không để ý là chỉ còn 36 ngày nữa cả nước sẽ biết được tân Tổng thòng là ai. Chúng tôi cũng không thể tưởng tượng đã xảy ra những cuộc biểu tình, khiếu nại, kêu gọi, thách thức chung quanh cuộc bầu cử đang bị tranh chấp ở Florida. Chúng tôi đã bổ sung vào kho thuật ngữ chính trị của mình những từ như "bỏ phiếu bướm" và "gian lận phiếu”.

Những vấn đề không rõ ràng trong cuộc chạy đua vào Nhà Trắng đã phần nào làm giảm đi sự phấn chấn của tôi trong đêm bầu cử, nhưng thật sự thì không có gì có thể làm giảm bớt niềm vui chiến thắng tại buổi tiệc ở khách sạn Grand Hyatt gần Grand Central Terminal ở thành phố New York. Phòng tiệc chật ních nhân viên vận động tranh cử, bạn bè, những người ủng hộ và các cố vấn trung thành vì sự nghiệp của Hillary - những người đã vắng mặt ở Nhà Trắng trong tuần cuối cùng của chiến dịch để hỗ trợ cho những hoạt động "GOTV" (lôi kéo cử tri). Tôi gần như được bao bọc trong sự rộng lượng và phóng khoáng của người dân New York - những người đã lắng nghe tôi, biết tôi và cần đến sự giúp đỡ của tôi. Và tôi đã xác định là sẽ không làm cho họ thất vọng. Tôi cùng Bill, Chelsea, mẹ tôi và rất nhiều người ủng hộ hòa vào không khí buổi tiệc tràn đầy tiếng nhạc và bong bóng.

Sau khi đón nhận nhiều cái ôm hôn, bắt tay chúc mừng, tôi đã đứng trên bục để nói lời cám ơn những người đã ủng hộ tôi. Tôi nói "62 hạt, 16 tháng, 3 đợt tranh luận, 2 đối thủ và dùng hết 6 cái áo choàng, chúng tôi đã có mặt ở đâyả các bạn" .

Sau tám năm với tước hiệu mà không có chức vụ, giờ đây tôi đã là một "Thượng nghị sĩ chưa nhậm chức".

Hai ngày sau cuộc bầu cử Thượng viện, kết luận về cuộc tranh cử Tổng thống giữa Al Gore và George W. Bush vẫn còn đang trong vòng tranh cãi, tôi đã trở lại Nhà Trắng để tổ chức một buổi lễ kỷ niệm 200 năm thành lập Nhà Trắng. Đó có thể là một buổi tối khó xử vì không khí chính trị căng thẳng. Tất cả những cựu Tổng thống và Đệ nhất Phu nhân đều có mặt (ngoại trừ Tổng thống và bà Reagan không thể dự vì chứng bệnh Alzheimer của Tổng thống) cũng như hậu duệ, bà con của các Tổng thống. Một lễ hội trang trọng, hoành tráng do Hội Lịch sử Nhà Trắng tài trợ trở thành một buổi trình diễn nền dân chủ Mỹ khi mỗi cựu Tổng thống đều hùng hồn phát biểu về những chịu đựng mà đất nước Mỹ phải trải qua khi đối mặt với những cuộc tranh cãi và bạo động.

"Một lần nữa", Tổng thống Gerald Ford phát biểu, "nền cộng hòa lâu đời nhất thế giới đã chứng minh khả năng tồn tại bền vững của Hiến pháp, năng lực và sự cần thiết phải sát cánh bên nhau sau một chiến dịch gay go. Sự mâu thuẫn giữa những quan điểm chính trị của các đảng phái là điều hiển nhiên nhưng điều đó vẫn không ngăn cản sự chuyển giao chính quyền một cách êm thấm".

Đây là những bằng chứng sống cho thấy rằng nền tảng của nước Mỹ vẫn mạnh hơn những cá nhân, những chính trị gia và bằng chứng cho thấy rằng Tổng thống, Thượng nghị sĩ và các thành viên Hạ nghị viện đến rồi lại đi, nhưng chính phủ thì vẫn tiếp tục tồn tại hoạt động, không hề suy suyển.

Cuối cùng, Al Gore đã thắng phiếu phổ thông với trên 500.000 phiếu nhưng không được chọn làm Tổng thống theo quy phiếu cử tri đoàn (hay còn gọi là phiếu đại cử tri). Tòa án Tối cao biểu quyết 5-4 vào ngày 12 tháng 12 để chấm dứt việc kiểm lại phiếu ở bang Florida và xem như đã "đóng dấu” cho việc thắng cử của Bush. Hiếm khi nào trong lịch sử lại có trường hợp quyền bầu chọn của dân chúng lại bị ngăn cản bởi sự lạm quyền rành rành của ngành tòa án.

Ngay trước khi có yêu cầu kháng cáo, Thẩm phán Antonin Scalia đã yêu cầu ngưng ngay việc kiểm lại phiếu ở Florida vào ngày 9 tháng 12 năm 2000 một cách vội vã. Theo Scalia, nếu tiếp tục kiểm phiếu, có thể sẽ gây "tác hại không thể khắc phục được" cho Thống đốc Bush. Scalia viết: việc kiểm phiếu có khả năng sẽ "phủ một đám mây lên những gì mà Bush đã tuyên bố về tính hợp pháp trong việc bầu chọn ông ta". Lý luận của ông ngầm ám chỉ: Việc tiếp tục kiểm phiếu phải được ngưng ngay bởi vì có khả năng số phiếu đã cho thấy Bush đã không thắng cử. Quyết định trong vụ Bush v. Gore đã chống lại chính Tòa án Tối cao bảo thu. Thay vì trì hoãn phiên tòa cao nhất

của bang Florida về những vấn đề thuần túy về luật Tiểu bang thì Tòa án Tối cao lại can thiệp tìm kiếm những vấn đề liên bang để gạt bỏ nó. Và thay vì tiếp tục quan điểm hẹp hòi của họ đối với vấn đề bảo vệ bình đẳng, đảng chiếm đa số đã đi ra ngoài con đường của mình để tìm cách vi phạm việc bảo vệ sự bình đẳng.

Đảng chiếm đa số cho rằng tiêu chuẩn kiểm phiếu của bang Florida, đòi hỏi kiểm lại mọi thùng phiếu nếu nó phản ảnh mục đích rõ ràng của cử tri thì không đủ chuyên biệt bởi vì nó có thể được những người kiểm phiếu khác nhau diễn dịch theo nhiều cách khác nhau. Giải pháp của họ là từ chối quyền bầu cử đối với tất cả công dân đòi kiểm phiếu lại, cho dù những lá phiếu của họ được đánh dấu rất rõ ràng. Một điều lạ lùng, Tòa án Tối cao đã thận trọng khuyến cáo "việc xem xét của chúng tôi chỉ dừng lại ở những trường hợp hiện tại vì những vấn đông bằng trong tiến trình bầu cử thường có nhiều sự phức tạp". Họ thừa hiểu rằng quyết định khó có thể bảo vệ và cũng không có ý định để áp dụng nó cho những trường hợp khác. Đơn giản là họ đưa ra việc tranh cãi để gây chú ý và sau đó kết luận lại bằng cách buộc phải chấp nhận. Tôi không nghi ngờ gì rằng nếu Bush, chứ không phải là Gore, bị dẫn điểm trong vụ kiểm phiếu không hoàn tất, 5 vị thẩm phán bảo thủ chắc sẽ cùng quyết định kiểm lại tất cả các thùng phiếu.

Người dân Mỹ bây giờ không còn tranh cãi gì nữa về cuộc bầu cử và chấp nhận những nguyên tắc của luật pháp nhưng vì chúng tôi hướng tới cuộc bầu cử kế tiếp, chúng tôi phải đảm bảo rằng mỗi công dân khi đi bầu phải cảm thấy tự do, không bị ép buộc hoặc không bị từ chối tại những nơi bỏ phiếu với thiết bị tối tân hiện đại và những nhân viên đã được huấn luyện. Chúng tôi chỉ có thể hy vọng rằng Tòa án Tối cao sẽ có sự kiềm chế tốt hơn và khách quan hơn nếu như họ phái giải quyết một đợt bầu cử Tổng thống có nhiều vấn đề tranh cãi.

Bill và tôi gần như mất tinh thần khi biết kết quả bầu cử và lo lắng không biết đất nước sẽ ra sao khi những chính sách của Đảng Cộng hòa đã từng bị thất bại sẽ lại được thực thi. Tôi chỉ có một cảm giác thoải mái duy nhất là chẳng bao lâu nữa tôi sẽ bắt đầu công việc mới và có dịp sử dụng tiếng nói và lá phiếu của mình nhân danh những giá trị và chính sách mà tôi nghĩ là tốt nhất cho New York và cho nước Mỹ. Cuối cùng, ngày ấy cũng đã đến. Vì chỉ có thành viên của Quốc hội và nhân viên của họ được phép vào phòng họp Thượng viện - Tổng thống cũng không ngoại lệ - Bill phải chứng kiến lễ tuyên thệ của tôi từ phòng dành cho quan khách cùng với Chelsea và những thành viên khác trong gia đình. Đã 8 năm, tôi đã từng chứng kiến Bill phát biểu về những định hướng tương lai của đất nước trong chính tòa nhà này.

Ngày 3 tháng 1 năm 200 tôi đã bước lên bục để tuyên thệ "ủng hộ và bảo vệ Hiến pháp của Hoa Kỳ chống lại tất cả những kẻ thù ngoại bang và trong nước... và hoàn thành một cách tận tụy những nhiệm vụ của mình". Khi tôi xoay lại và nhìn về hướng phòng khách, tôi thấy mẹ, con gái và chồng tôi đang mỉm cười với tân Thượng nghị sĩ của New York.

Ba ngày sau, vào một buổi chiều mưa thứ Bảy, chúng tôi tổ chức một buổi tiệc chia tay trong một cái lều vải khổng lồ ở Khu vườn phía Nam cho tất cả những người đã làm việc hoặc tình nguyện làm việc tại Nhà Trắng suốt tám năm qua. Mọi người từ khắp đất nước đều có mặt để gặp gỡ bạn bè và hồi tưởng về những công việc mà họ từng làm cho Chính phủ. Thật là một buổi họp mặt cảm động, và cũng là dịp để Bill và tôi nói lời cám ơn cuối cùng với hàng trăm nam, nữ - những người đã làm việc cật lực với nhiều hy sinh về bản thân để tham gia phục vụ đất nước trong Chính quyền của Bill. Từ những người trợ lý chỉ mới 23 tuổi cho đến những thư ký chính phủ đã ngoài 60 tuổi - họ đều là những người đã giúp đôn đốc thực hiện chương trình làm việc của Bill và thể hiện tầm nhìn của anh đối với tương lai nước Mỹ.

Trong khi các nhân viên đang nâng cốc chúc mừng nhau thì Al và Tipper Gore đã đến với Bill và tôi hàng giờ tại buổi tiệc.

"Đây chính là ứng cử viên đã giành đa số phiếu trong cuộc bầu cử Tổng thống", tôi nói, giới thiệu Al với mọi người đang cụng ly, hô hào chúc tụng. Al đề nghị những ai đã lấy chồng, lấy vợ và sinh con trong thời gian làm việc cho Chính phủ thì giơ tay lên. Hàng loạt cánh tay giơ lên. Và sau đó, với sự sắp đặt của Capricia, mọi người ồ lên khi tấm màn sân khấn kéo lên và Fleetwood Mac xuất hiện từ sau cánh gà. Rồi thì ban nhạc tấu lên những thanh âm mở đầu cho bản nhạc “Don’t Stop Thinking About Tomorow”, - bản nhạc vui trong chiến dịch của Bill năm 1992 - đám đông cùng đồng ca như một dàn hợp xướng ồn ào vui vẻ điệp khúc của bài hát.

Tôi gần như thuộc nằm lòng bài hát. Đã một thời nó được xem là một câu nói sáo rỗng nhưng câu nói có thể đúc kết triết lý chính trị của tôi là "Luôn hướng về tương lai". Cần hướng về những gì mà chúng ta phải làm để nước Mỹ được an toàn hơn, thanh lịch hơn, thịnh vượng hơn, mạnh mẽ hơn và tốt hơn, và để làm sao mọi người dân Mỹ đều chuẩn bị cho việc cạnh tranh và hợp tác trong một cộng đồng toàn cầu. Khi tôi nghĩ về ngày mai của mình, tôi cảm thấy háo hức được làm việc tại Thượng nghị viện nhưng cũng cố gắng vượt qua nỗi nhớ những người đã đồng hành cùng chúng tôi, đặc biệt là cho những người đã không còn nữa.

Trong 2 tuần kể tiếp, tôi lang thang từ phòng này sang phòng kia, ghi lại trong trí nhớ tất cả những gì mà tôi yêu thích tại Nhà Trắng, say sưa nhìn ngắm các chi tiết kiến trúc, chăm chú xem những bức tranh trên tường, cố gắng nhớ lại cảm giác diệu kỳ mà tôi cảm thấy trong lần đầu tiên đến đây. Tôi ngồi nán lại ở phòng của Chelsea, tưởng chừng như vẫn đang nghe thấy tiếng cười của bạn bè Chelsea và những bản nhạc Chelsea yêu thích. Chelsea đã trưởng thành từ một đứa trẻ thành một thiếu nữ tại nơi này. Nhiều kỷ niệm đã lớn lên cùng Chelsea tại Nhà Trắng - kỷ niệm của con gái một vị Tổng thống rất hạnh phúc, tôi đoán chắc như vậy.

Mỗi buổi sáng và chiều, tôi đắm mình trong chiếc ghế ưa thích ở Phòng khách phía Tây - một nơi ẩn dật thật lý tưởng nơi mà hàng ngày, trong suốt 8 năm, tôi đón chờ Chelsea đi học về, gặp những nhân viên, tán gẫu với bạn bè, đọc sách và hồi tưởng. Vào lúc đó, tôi lại cảm thấy thích thú với khoảng thời gian cũng như nơi chốn đặc biệt này, yêu thích việc ngắm những tia nắng rọi qua khung cửa sổ hình quạt rực

Trong vài tuần cuối, không ít lần, tôi hồi tưởng lễ nhậm chức đầu tiên của Bill vào năm 1993 - một sự kiện sống động như vừa diễn ra ngày hôm qua, mà cũng lại có cảm giác như đã lùi vào dĩ vãng đã từ lâu lắm. Chelsea và tôi thả bộ lần cuối cùng xuống Khu vườn Trẻ - ẩn mình sau sân teunis - nơi mà con cháu của các vị Tổng thống còn để lại dấu tay trên nền xi măng. Bên ngoài Khu vườn phía Nam, Bill và tôi nhìn qua hàng rào, hướng về đài tưởng niệm Tổng thống Washington như chúng tôi đã từng làm trước đây không biết là bao nhiêu lần. Bill ném trái banh tennis cho con chó Buddy đuổi bắt trong khi con mèo Socks bám sát theo sau.

Những nhân viên Nhà Trắng bận rộn chuẩn bị đón Đệ nhất gia mới, những người sẽ cùng chúng tôi trò chuyện, uống cà phê, ăn bánh ngọt vào ngày 20 tháng 1 trước khi tất cả chúng tôi đến Điện Capitol để tuyên thệ. Đây là lần thứ 43 trong lịch sử nước Mỹ, người dân đã chứng kiến một sự chuyển giao quyền lực êm thấm, một nhiệm kỳ Tổng thống chấm dứt và một nhiệm kỳ khác bắt đầu. Khi chúng tôi vào Đại sảnh lần cuối với tư cách là người chủ Ngôi nhà của Nhân dân, những nhân viên cố cựu ở đây đã tụ họp lại để chia tay chúng tôi. Tôi cám ơn người trồng hoa về những bình hoa mà cô ấy đã cắm hết sức nghệ thuật đặt ở các phòng, tôi cám ơn đội ngũ đầu bếp về những bữa ăn mà họ đã chuẩn bị chu đáo cho chúng tôi, cám ơn những người quản gia đã lưu ý đến từng chi tiết nhỏ hàng ngày, cám ơn đội làm vườn đã chăm sóc những khu vườn và tất cả những nhân viên tận tụy khác - công việc của họ đã làm cho Nhà Trắng ngày càng rực rỡ hơn. Buddy Carter, người quản gia kỳ cựu của Nhà Trắng đã đón nhận cái ôm hôn tạm biệt của

tôi và chuyển thành một điệu nhảy vui nhộn. Chúng tôi nhảy, xoay tròn trên nền đá cẩm thạch. Chồng tôi xen vào, ôm tôi trong vòng tay như trước đây chúng tôi đã từng nhảy điệu valse dọc theo dãy hành la

Rồi thì tôi cũng phải nói lời chia tay với ngôi nhà tôi đã trải qua 8 năm sống cùng lịch sử.

PHỤ LỤC

Sau khi rời cương vị Đệ nhất Phu nhân, Hillary Clinton tiếp tục sự nghiệp chính trị độc lập của mình và trở thành Thượng nghị sĩ Đảng Dân chủ có ảnh hưởng lớn trên chính trường Hoa Kỳ. Chúng tôi xin giới thiệu với các bạn phần Phụ lục do Nhà báo Lê Đình Bì (Nguyên Trưởng ban Quốc tế Báo Thanh Niên) và First News thực hiện.

PHỤ LỤC 1

Dù chưa công bố việc tranh cử tổng thống Mỹ vào năm 2008, nhưng Thượng nghị sĩ bang New York, cựu đệ nhất phu nhân Mỹ, bà Hillary Rodham Clinton được đánh giá là ứng cử viên sáng giá nhất của Đảng Dân chủ hiện nay. Dư luận Mỹ chuẩn bị sẵn sàng cho một sự kiện lớn đầu tiên trong lịch sử nước Mỹ : Hoa Kỳ sẽ có vị nữ tổng thống đầu tiên và cử tri Mỹ sẽ có thể an tâm khi bên cạnh bà, ngay trong Nhà Trắng là vị phu quân tài ba, từng nắm quyền hành pháp Hoa Kỳ trong hai nhiệm kỳ : cựu Tổng thống Bill Clinton.

Một "ứng viên rất mạnh” khác - theo nhận xét của Thượng nghị sĩ Barbara Boxer - là cựu Phó Tổng thống Al Gore, nhân vật từng thắng phiếu phổ thông trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2000 nhưng thua phiếu cử tri đoàn trước ứng viên Đảng Cộng hòa George W. Bush sau cuộc kiểm phiếu gây nhiều tranh cãi ở bang Florida. Theo CNN ngày 16/9/2006, kết quả một cuộc thăm dò 517 người theo Đảng Dân chủ và cử tri độc lập có khuynh hướng dựa vào Đảng Dân chủ thì 37% ủng hộ bà Clinton làm ứng viên của Đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2008, trong khi ông Al Gore chỉ có 20% hậu thuẫn. Tuy nhiên, một số nhà phân tích cho rằng, với những tín hiệu thiên về bảo thủ của cử tri Mỹ trong năm 2006 thì liệu Đảng Dân chủ có dám đặt cược vào bà Clinton? Một loạt các câu hỏi khác cũng được đặt ra: Phải chăng đã đến lúc một phụ nữ có thể đảm nhận chức vụ Tổng thống Hoa Kỳ? Hình ảnh một phụ nữ nắm chức tổng tư lệnh quân đội một cường quốc hàng đầu thế giới đã được chấp nhận?...

Trong lịch sử Hoa Kỳ, chưa bao giờ có một phụ nữ làm Tổng thống và cũng chưa bao giờ một cựu Tổng thống trở lại sinh hoạt trong Tòa Bạch Ốc với tư cánh “phu quân của nữ Tổng thống”. Điều đó –ếu xảy ra – thì không chỉ là độc nhất vô nhị ở nước Mỹ, mà còn cả trên thế giới.

CÁI NHÌN CỦA CỬ TRI MỸ VỚI BÀ CLINTON

Vào cuối năm 2005, trong một chương trình mang tên Trò chơi quyền lực (Power Play), đài BBC Luân Đôn tổ chức cho hơn 15.000 khán thính giả của họ để bình chọn người lãnh đạo của một "Chính phủ toàn cầu giả tưởng” . Họ chọn ra 11 thành viên của chính phủ "ảo” trong số 100 nhân vật nổi tiếng và có ảnh hưởng lớn đến thế giới đương đại, bao gồm các chính khách, các nhà lãnh đạo, những doanh nhân lỗi lạc, những nhân vật hàng đầu thế giới trong nhiều lĩnh vực như ngân hàng, tài chính, tôn giáo, xã hội, văn nghệ sĩ, những tên tuổi nổi tiếng trong làng thể thao và giải trí...

Kết quả : Cả 11 người đứng đầu đều là nam giới, trong đó cựu Tổng thống Nam Phi - "người tù thế kỷ" Nelson Mandela - đứng hạng đầu, kế đến là cựu Tổng thống Mỹ Bill Clinton. Tổng thư ký Liên hiệp quốc Kofi Annan đứng thứ 11. Về nữ giới, người đứng cao nhất là bà Aung San Suu Kyi, thủ lĩnh đối lập nổi tiếng ở Myanmar - hạng 13, kế đến là bà Hillary Clinton - hạng l6. Như vậy, "nhà Clinton" có đến 2 người nằm trong top 20” của thế giới theo kết quả bình chọn này. Nên nhớ là trong số hơn 15.000 người tham gia cuộc bình chọn thì hơn một nửa là khán thính giả của BBC cư ngụ tại Hoa Kỳ. Điều đó có thể nói lên sự tín nhiệm của người Mỹ đối với ông bà Clinton (đương kim Tổng thống Bush đứng hạng 43).

Ngày thứ Hai 24/7/2006 tại cuộc họp thường niên của Hội đồng lãnh đạo Đảng Dân chủ Mỹ, bà Hillary đã lên tiếng phê phán đương kim Tổng thống Bush và Đảng Cộng hòa đang cầm quyền đã làm cho nền kinh tế Hoa Kỳ rối tung lên cũng như thất bại trong việc mang lại các dịch vụ cần thiết hợp với túi tiền của dân nghèo cùng tầng lớp trung lưu của Mỹ. Sau khi cáo buộc chính quyền của Đảng Cộng hòa đã không mang lại "an ninh kinh tế" cho dân Mỹ với những diễn biến đáng lo ngại như giá xăng dầu tăng vọt, chi phí y tế và giáo dục gia tăng, bà Hillary nói: "Họ đã không chăm sóc nước Mỹ. Họ đang làm phá sản đất nước và không có khả năng giải quyết nhiều vấn đề. Một lần nữa, nước Mỹ cần có hành động đáp ứng cho mọi người dân chứ không chỉ cho tầng lớp độc quyền bên trên". (Nguồn: AP.)

Ngược lại - theo bà Hillary - thì Đảng Dân chủ sẽ là "những yếu tố tạo đổi thay" vào mùa thu năm nay với việc chiến thắng để chiếm đa số trong Quốc hội. Bà tuyên bố: "Những người Dân chủ chúng ta phải làm sao để ngưng ngay việc chất những món nợ chồng chất lên đầu con cái chúng ta. Chúng ta phải bắt đầu làm những gì tốt đẹp nhất cho đất nước này và cho con cháu chúng ta".

Những tuyên bố của bà Hillary cùng nhắm đến việc nhắc nhở dân chúng Mỹ về tình trạng kinh tế khả quan nhất của nước Mỹ sau 2 nhiệm kỳ liên tiếp của

chồng bà, ông Bill Clinton, trong vai trò dẫn dắt đất nước. Còn nhớ, trong bài diễn văn của Tổng thống Clinton ngày 27/1/1998 về tình trạng đất nước, ông nhấn mạnh : "...Trong 3 thập niên, 6 vị tổng thống đã xuất hiện trước quý vị để cảnh báo về điều bất lợi mà việc thâm thủng ngân sách mang đến cho đất nước chúng ta. Tối nay, tôi xin công bố với các bạn rằng, sự thâm thủng (ngân sách) liên bang - vốn từng lên tới mức không thể hiểu nổi với 11 con số zero - nay là một con số zero đơn giản".

Phê phán và có kế hoạch khắc phục, nhân dịp này, bà Hillary đã đưa ra một bản tóm lược 20 trang kế hoạch phục hồi kinh tế mang tên American Dream Initiative (tạm dịch: Sáng kiến giấc mơ người Mỹ).

Theo kết quả thăm dò dư luận công bố vào tháng 7 năm 2006 của Viện Harris, nếu cuộc bầu cử Quốc hội Mỹ tiến hành vào thời điểm đó thì :

45% người lớn bỏ phiếu cho ứng viên Đảng Dân chủ.

31% người lớn bỏ phiếu cho ứng viên Đảng Cộng hòa.

17% người lớn bỏ phiếu cho những người khác.

7% chưa có quyết định.

Thăm dò cùng thời điểm của hãng Fox News - được xem là một "kênh" truyền thông của Đảng Cộng hòa - cũng cho kết quả với 42% cử tri ủng hộ Đảng Dân chủ và 34% ủng hộ Đảng Cộng hòa.

Ngay cả đương kim Tổng thống Mỹ George W. Bush cũng thừa nhận khả năng bà Hillary có thể trở thành tổng thống Mỹ là rất cao. Khi Bob Schieffer của đài CBS nói: "Thưa tổng thống, nếu như Thượng nghị sĩ Hillary trở thành tổng thống..." thì ông Bush đã nói: "Vâng : Bush, Clinton, Bush, Clinton", ý ông muốn ám chỉ đến việc hai gia đình thay nhau làm chủ Nhà Trắng: Bush (cha) rồi Bill Clinton, rồi đến ông, và "tới phiên" bà Hillary Clinton. Còn trong tang lễ của bà Coretta Scott King, khi cựu Tổng thống Bill Clinton nói: "Tôi rất hân hạnh có mặt ở đây cùng với tổng thống và các cựu tổng thống của tôi..." thì ngay tức thì có ai đó la to lên: "... và tổng thống tương lai" (hàm ý chỉ bà Hillary).

NHỮNG DẤU HIỆU CỦA MỘT NỮ ỨNG VIÊN TỔNG THỐNG HOA KỲ

Những bước đệm trong các thập niên qua: từ chức vụ Ngoại trưởng của bà

Albright đến Cố vấn Hội đồng An ninh Quốc gia Condoleezza Rice...

Bắc Âu và Nam Á là hai khu vực đã từ lâu có nhiều phụ nữ lãnh đạo hành pháp. Ở Pakistan, Ấn Độ, Bangladesh và Sri Lanka đã có phụ nữ là những quan chức chính phủ được bầu làm tổng thống, thủ tướng; thế nhưng tại Hoa Kỳ, đất nước tự hào là có một nền dân chủ lâu đời với quyền bình đẳng nam nữ thì lại chưa bao giờ có một nhân vật nữ nào làm chủ Nhà Trắng.

Những tháng đầu năm 2006 cũng ghi nhận thêm vai trò nổi bật của nữ giới khi bà Michelle Bachelet chiến thắng trong cuộc bầu cử và trở thành nữ Tổng thống đầu tiên của Chi-lê, một quốc gia Nam Mỹ. Trước đó tại châu Âu, bà Angela Merkel thay thế ông Schroeder để trở thành nữ Thủ tướng đầu tiên của nước Đức. Liệu cử tri Hoa Kỳ đã sẵn sàng cho một nữ tổng thống? Điều này có thể xảy ra sau các bước chuẩn bị tâm lý cho cử tri: từ việc bà Madeleine Albright được cử giữ chức Ngoại trưởng dưới thời Bill Clinton đến việc bà Condoleezza Rice đảm nhiệm chức vụ Cố vấn An ninh Quốc gia rồi Ngoại trưởng trong chính quyền của Tổng thống Bush hiện nay. Trong một tuyên bố đưa ra vào cuối tháng 8 năm 2006 bên ngoài trụ sở của tổ chức National Women's Hall of Fame, Thượng nghị sĩ Hillary nói rằng bà hy vọng Hoa Kỳ đã sẵn sàng chấp nhận một nữ tổng thống và điều này chỉ còn tùy thuộc vào thời điểm mà thôi. Bà tin chắc một ngày nào đó sẽ có một phụ nữ đảm nhiệm chức vụ "khó khăn nhất thế giới" này (nguồn: AP). Trong khi đó, trước khả năng bà Hillary Clinton có thể sẽ được Đảng Dân chủ tiến cử tranh chức tổng thống Mỹ vào năm 2008, Đảng Cộng hòa vẫn chưa tìm được ứng viên khả dĩ có thể đối đầu (dựa theo những thăm dò dư luận của cử tri) trừ trường hợp nữgoại trưởng Condoleezza Rice chí ít cũng được tiến cử làm ứng viên phó tổng thống trong liên danh tranh cử. Nhưng điều này lại dẫn đến một yếu tố khác nữa: liệu cử tri Mỹ đã sẵn sàng chấp nhận một nhân vật nữ gốc châu Phi? Dù rằng Ngoại trưởng Mỹ Condoleezza Rice được tạp chí Forbes số phát hành trong tháng 7 năm 2005 bình chọn là người phụ nữ quyền lực nhất thế giới.

Các nước rất nhiệt tình chào đón "phu quân" Clinton khi mời ông đi diễn thuyết

Sau hai nhiệm kỳ xuất sắc làm chủ Nhà Trắng, ông Bill Clinton được nhiều tập đoàn săn đón. Ông cũng được các tổ chức, các trường đại học, học viện... mời thuyết trình với những món tiền "cát-sê” trên 100.000 USD mỗi lần. Đặc biệt, kể từ năm 2005, khi tương lai chính trị của bà Hillary ngày càng tươi sáng, thì "danh giá" của ông Clinton cũng ngày càng cao theo. Ông được mời diễn thuyết nhiều hơn và tiền "cát-sê” cũng cao hơn. Theo báo cáo

công khai tài chính năm 2005 của Thượng nghị sĩ Hillary Clinton (kê khai ngày 12/5/2006) thì nguồn thu nhập chính của người phối ngẫu (ông Clinton) là từ diễn thuyết. Chỉ trong tháng 11 năm 2005, thu nhập do 7 lần diễn thuyết mang lại cho ông Clinton lên đến 1.225.000 USD, trong đó có lần diễn thuyết ở Dubai thuộc Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) ông được trả tới 300.000 USD. Trước đó, trong tháng 10 năm 2005, ông Clinton diễn thuyết ở Toronto, Canada với giá 350.000 USD và một lần ở Sydney, Australia, ông được nhận 300.000 USD.

Những kế hoạch chuẩn bị từ lâu

Một số nhà phân tích chính trị cho rằng, gia đình Clinton đã chuẩn bị từ lâu cho việc bà Hillary ra tranh cử Tổng thống Mỹ và chính sự thất bại của liên danh Đảng Dân chủ John Kerry - John Edwards hồi năm 2004 đã mở đường cho việc Đảng Dân chủ có thể đưa bà Hillary ra tranh cử vào năm 2008. Vì nếu ông John Kerry đắc cử thì ông sẽ tiếp tục tái tranh cử một nhiệm kỳ nữa vào năm 2008 và lúc đó, thời cơ cho bà Hillary sẽ rất hẹp, còn nếu đợi đến năm 2012 thì bà đã khá lớn tuổi.

Vào thời điểm tranh cử Tổng thống Mỹ năm 2004, có nhiều lời đồn đoán rằng ông Clinton có thể trở lại Nhà Trắng nếu như ra tranh cử phó tổng thống cùng liên danh với ông John Kerry vì Hiến pháp Hoa Kỳ qui định là không ai có thể làm tổng thống quá 2 lần, nhưng lại không áp dụng với chức danh phó tổng thống. Tuy nhiên, nhân vật mà ông Clinton hậu thuẫn lại chính là vợ ông và vào thời điểm đó, đã có nhiều đảng viên Dân chủ thúc giục Thượng nghị sĩ John Kerry chọn bà Hillary làm ứng viên phó tổng thống. Thượng nghị sĩ Hillary Clinton đã từ chối nên sau đó, ông Kerry chọ John Edwards làm ứng viên phó tổng thống. Dưới đây là trích đoạn cuộc phỏng vấn độc quyền mà bà Hillary dành cho Katie Couric của đài NBC ngày 16-4-2004 liên quan đến vụ việc :

Couric : Nếu như John Kerrt gọi điện cho bà vào ngày mai và nói : "Xin chào Thượng nghị sĩ Hillary, tôi mong muốn bà sẽ làm phó tổng thống cho tôi"...

Hillary : Tôi sẽ nói : "John, tôi thật sự không thể làm như thế. Nhưng tôi sẽ giúp ông, sẽ hậu thuẫn ông bằng mọi cách có thể được".

Couric : Nhưng thưa bà, Đảng Dân chủ rất cần bà.

Hillary : Như bạn biết đó, tôi không nghĩ sự việc đó sẽ xảy ra. Tôi muốn chứng tỏ rõ ràng rằng tôi không muốn điều đó xảy ra và câu trả lời của tôi sẽ

là “KHÔNG” nếu việc ấy xảy ra. Tôi không chuẩn bị gì cho điều đó cả.

Couric : Bà có nghĩ rằng người ta sẽ yêu cầu bà ra tranh cử tổng thống Hoa Kỳ? Tôi đang hỏi một câu vô vọng...

Hillary : Đó không phải là cách mà tôi suy nghĩ. Tôi không bao giờ nghĩ rằng cuối cùng mình trở thành Thượng nghị sĩ bang New York. Tôi cũng đã chẳng bao giờ nghĩ rằng, tay thanh niên tóc dài, rau rậm mà tôi lấy làm chồng rốt cuộc lại trở thành tổng thống nước Mỹ. Tôi không hề nghĩ như thế.

Ngoài ra, trong vụ "án tình Lewinsky", theo một số nhà phân tích nhận xét, một trong những lý do mà bà Hillary không "dứt tình" với ông Bill Clinton là vì bà còn nghĩ đến chuyện tương lai về sau, khi thời cơ đến, có thể ra tranh cử tổng thống Mỹ thì sự hậu thuẫn, cố vấn của ông Clinton là một lợi thế khó một đối thủ nào có được.

Ông Clinton ca ngợi vợ mình: "Cô ấy là một Thượng nghị sĩ tuyệt vời. Nếu có cơ hội phục vụ đất nước thì cô ấy sẽ là một nhân vật tuyệt vời, vĩ đại. Hillary là một con người hết sức đặc biệt. Tôi rất vui thấy vợ mình làm việc trong Thượng viện và hy vọng cô ấy sẽ có cơ hội hơn nữa để tiếp tục làm chính trị."

(Nguồn: BBC.)

QUAN ĐIỂM CỦA HILLARY CLINTON VỀ NƯỚC MỸ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ NGƯỜI MỸ QUAN TÂM HIỆN NAY

Về cuộc chiến tranh tại Iraq và cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ

Tháng 11 năm 2005, bà Hillary đột ngột tiến hành một chuyến đi Iraq. Bà là một người can đảm. Hồi năm 1996, bà Hillary đã từng đến Bosnia-Herzegovina để xúc tiến Hiệp định Hòa bình Dayttrở thành Đệ nhất Phu nhân Mỹ thứ hai đến thăm vùng chiến sự mà không đi cùng với Tổng thống (Người đầu tiên là Đệ nhất Phu nhân Eleanor Roosevelt).

Với tư cách là một Thượng nghị sĩ, bà Hillary đã gặp gỡ binh sĩ Mỹ đồn trú ở Iraq, khen ngợi họ và phê phán chính sách của Tổng thống Bush. Theo bà, cần phải "quốc tế hóa" vấn đề Iraq cũng như đề cao vai trò của Liên hiệp quốc tại đất nước này. Sau chuyến đi, bà đã kịch liệt chỉ trích chính quyền đã không bảo vệ binh sĩ ở trận tiền. Bà gọi việc trang bị không đầy đủ áo giáp cho binh lính và thuỷ quân lục chiến là việc làm "không thể tha thứ được”. Một tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ nghiên cứu về cái chết của 93 lính

thủy quân lục chiến trên chiến trường Iraq cho thấy có đến 74 người tử thương do đạn hay mảnh đạn ở phần thân trên hoặc vai, là những bộ phận cơ thể có thể tránh được sát thương nếu như được mặc áo giáp bảo vệ.

Sau cuộc điều trần tại Thượng viện của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Rumsfeld vào đầu tháng 8 năm 2006, bà Hillary tuyên bố là ông Rumsfeld nên từ chức do những thất bại về chính sách của Mỹ tại Iraq và Afghanistan, do đã đánh mất niềm tin đối với dân chúng cũng như Quốc hội Mỹ. Bà chỉ trích ông Rumsfeld đã đánh giá sai về lực lượng nổi dậy cũng như mức độ xung đột sắc tộc tôn giáo ở Iraq. (Nguồn: CNN).

Tổng thống Bush từng có tuyên bố nổi tiếng: "Công việc của tôi là bảo vệ nước Mỹ, và đó chính xác là những gì tôi sẽ làm." (My job is to protect America and that is exactly what I'm going to do). Thì nay, bà Hillary cũng không thua kém: "Chúng ta là người Mỹ. Chúng ta có quyền tham gia và tranh luận với bất cứ chính quyền nào." (We are Americans. We have the right to participate and debate any administration). Sau vụ tấn công khủng bố ngày 11/9/2001, bà Hillary xem vấn đề an ninh nội địa Hoa Kỳ là ưu tiên hàng đầu và hậu thuẫn cho hành động quân sự ở Afghanistan và Iraq. Trong một cuộc tập hợp tại thành phố New York ngày 20/7/2 để ủng hộ sự trả đũa của chính phủ Israel chống lại hành động của tổ chức Hezbollah, Thượng nghị sĩ Hillary hỏi đám đông: "Hãy thử tưởng tượng nếu như các tay khủng bố quá khích bắn hỏa tiễn vào lãnh thổ chúng ta qua ngả biên giới Mexico hay Canada. Lúc đó chúng ta chờ đợi hay tự vệ chống lại những kẻ quá khích?".

Về nền kinh tế nước Mỹ

Bà Hillary chỉ trích rằng chính sách kinh tế của Tổng thống Bush đang làm cho nước Mỹ "rối tung lên" và đặc biệt, bà có lợi thế khi nhắc cử tri nhớ về năng lực điều hành kinh tế cùng kết quả khả quan sau 2 nhiệm kỳ của phu quân Clinton trong Nhà Trắng. Chính vì điểm này mà Tổng thống Bush trong một tuyên bố vào tháng 8 năm 2006 đã phải khẳng định lại mục tiêu của chính phủ là tăng trưởng kinh tế và nhất là cắt giảm thâm thủng ngân sách còn một nửa vào trước năm 2009 so với mức thâm thủng hiện nay. Đây là cam kết của ông Bush trong kỳ vận động tái cử tổng thống năm 2004. Nay ông Bush muốn trấn an cử tri là với nguồn thu thuế dồi dào cùng chính sách cắt giảm chi tiêu thì mục tiêu này sẽ đạt được. Trong khi đó, theo dự báo của Văn phòng Ngân sách Quốc hội thì mức thâm thủng ngân sách trong tài khóa 2007 sẽ lên đến mức 286 tỉ USD, tức cao hơn mức dự báo (260 tỉ). Và Đảng Dân chủ có lý do để công kích những tuyên bố lạc quan của Tổng thống

Bush và chỉ trích chính sách kinh tế của Đảng Cộng hòa đã chỉ làm lợi cho một thiểu số giàu có mà quên đi tầng lớp lao động trung lưu và dân nghèo ở Mỹ. Bà Hillary nói rằng, bà đã đi khắp cả bang New York và đến nơi đâu cũng thấy dân chúng đang bị sức ép về tài chính rất lớn, trong khi những người Cộng hòa thì cứ huênh hoang rằng nền kinh tế trên đường hồi phục, việc làm gia tăng. Nhưng trên thực tế, họ đã không làm gì để ngăn chặn giá nhiên liệu tăng vọt, chi phí y tế cũng như tiền học phí gia tăng, họ đang làm phá sản đất n

Bà Hillary đã công bố một kế hoạch phục hồi kinh tế có tên American Dream Initiative bao gồm một loạt các phương cách để hồi phục lại và củng cố giai cấp trung lưu, đồng thời mở đường cho tầng lớp bên dưới thoát khỏi cảnh nghèo túng. Bà nhấn mạnh là những người Dân chủ đã từng thực hiện và nay có thể làm lại điều đó.

Tầng lớp trung lưu là lợi thế cạnh tranh của Hoa Kỳ. Tầng lớp này không chỉ hình thành nền kinh tế thành công của nước Mỹ mà còn vực dậy nền kinh tế thế giới.

Câu chuyện của gia đình bà, cha mẹ, ông bà của bà chính là câu chuyện Mỹ, là "giấc mơ" mà người Mỹ có thể đạt được qua sự vượt khó và đầu tư cho tương lai của họ.

Chương trình American Dream Initiative đưa ra kế hoạch hành động cho những năm sắp tới so với những gì mà chính quyền của Tổng thống Bush đã thực hiện trong 5 năm vừa qua. Theo đó, trong 5 năm qua, người Mỹ sống với số thâm thủng ngân sách rất cao. Lịch trình của bà Hillary sẽ lấy lại sự cân bằng ngân sách như những năm dưới thời ông Bill Clinton. Trong 5 năm qua, người Mỹ sống với mức lương trì trệ; kế hoạch mới sẽ mang lại mức sống căn bản cho tầng lớp trung lưu về giáo dục, chăm sóc y tế và hưu bổng đàng hoàng cho những ai có trách nhiệm. Trong 5 năm qua, chính quyền đã để cho nhiều quốc gia "qua mặt" Mỹ về hệ thống giáo dục đại học; chương trình mới này sẽ phục hồi lại những gì Hoa Kỳ từng có, từng chinh phục cư dân thế giới về giáo dục đại học cũng như chương trình giáo dục dài hạn, suốt đời. Trong 5 năm qua, cánh cửa về cơ hội và quyền sở hữu đã đóng lại đối với quá nhiều người Mỹ, tình trạng nghèo khổ gia tăng trên hàng triệu cư dân Hoa Kỳ; American Dream Initiative sẽ mở lại các cánh cửa, bảo đảm cho mọi người dân được hưởng mức lương công bằng, sở hữu nhà ở, tiếp cận đại học, thoát khỏi cảnh nghèo khổ để gia nhập vào tầng lớp trung lưu Hoa Kỳ.

Về vấn đề dân nhập cư bất hợp pháp

Đây là vấn đề gây tranh cãi nhiều và đau đầu cho các chính khách Hoa Kỳ. Theo những con số công bố vào tháng 8 năm 2006 của Phòng Thống kê Di trú thuộc Bộ An ninh Nội địa thì hiện nay, có từ 11,5 đến 12 triệu di dân bất hợp pháp đang sinh sống tại Mỹ, trong đó, nhiều nhất là ở bang California với khoảng 2,8 triệu người, kế đến là Texas với 1,4 triệu, Florida 850.000 người... Các tiểu bang có ranh giới giáp với Mexico đều có số lượng di dân bất hợp pháp đông đảo và Mexico "đóng góp" tới gần 6 triệu người trong tổng số gần 12 triệu di dân bất hợp pháp nói trên.

Con số rất lớn dân nhập cư bất hợp pháp này đã gây ra nhiều vấn đề xã hội và là đề tài tranh luận của các ứng cử viên trong mùa bầu cử giữa nhiệm kỳ vào tháng 11 năm 2006. Điều đáng nói là ngay cả chính quyền hay các chính khách, vào mùa tranh cử thường không gọi họ là dân nhập cư bất hợp pháp, mà lại dùng từ nhẹ nhàng hơn là "undocumented immigrants" (những dân nhập cư không có giấy tờ). Thật ra, bài toán giải quyết vấn đề khá là rắc rối nhưng tựu trung, sẽ có đạo luật mở đường cho những di dân lậu - nhất là những người đã ở lâu năm trên đất Mỹ - có điều kiện trở thành công dân Mỹ. Có nhiều chính khách ủng hộ một đề án khoan hồng cho di dân lậu khi đại đa số những người này cố gắng khắc phục khó khăn trong cuộc sống và chấp nhận làm những nghề mà dân chúng Mỹ không muốn làm như những công việc nặng nhọc, khó khăn, kém vệ sinh... Và đặc biệt, dân chúng Mỹ cũng thừa nhận sự cần thiết của những di dân lậu này. Trong các cuộc biểu tình mang tên "Ngày không có di dân" (A day without Immigrants) diễn ra khắp nước Mỹ vào ngày 1/5/2006, hàng triệu di dân gốc Mỹ La tinh nói tiếng Tây Ban Nha được sự đồng tình của di dân các sắc tộc khác, đã tuần hành yêu cầu chính quyền Washington cải cách luật di dân để khoan hồng cho dân nhập cư bất hợp pháp. Nhiều thành phố bị tê liệt do các cuộc biểu tình, đình công trong ngày này.

Trong khi đó, cơ quan lập pháp Mỹ lại có cái nhìn khác nhau. Hạ viện Mỹ với đạo luật HR4437 ban hành.năm 2005 với những quy định khắt khe nhằm chống di dân lậu đã bị những di dân các nước sinh sống ở Mỹ chống đối kịch liệt. Đạo luật cải cách di dân mới đây của Thượng viện Mỹ được đại đa số di dân ủng hộ, trong đó quy định việc thắt chặt an ninh biên giới, thiết lập “công nhân khách" (guest worker) và chương trình mở đường cho di dân lậu trở thành công dân Mỹ.

Vấn đề cho phép gần 12 triệu dân “nhập cư" lậu ở lại Hoa Kỳ hay trục xuất họ về nước đang được Quốc hội Hoa Kỳ thảo luận, nhưng hiện nay, đang có

dị biệt trong cách giải quyết vấn đề giữa hai Đảng Dân chủ và Cộng hòa. Cả hai đảng đều thận trọng trước một vấn đề có tầm ảnh hưởng đến kết quả cuộc bầu cử vào tháng 11 năm 2006, thế nên, có thể dự đoán được rằng, sẽ chưa có một đạo luật dung hòa của lưỡng viện Quốc hội Mỹ về vấn đề di dân được thông qua trước tháng 11 năm 2006.

Về phần mình, bà Hillary tỏ thái độ cứng rắn đối với di dân bất hợp pháp. Khác với những người Cộng hòa, bà chỉ trích những doanh nghiệp thuê mướn lao động nhập cư bất hợp pháp khi tuyên bố: "Mọi người hãy ngừng ngay việc thuê mướn di dân lậu. Sự việc nay không còn là vấn đề lao động rẻ tiền nữa, mà là vấn đề an ninh quốc gia". (Nguồn: The Washington Times.)

Về vai trò tương lai>

(Theo nội dung phát biểu của bà Hillary tại Hội nghị Munich ngày 13/02/2005).

Về quyền phủ quyết của 5 nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc, bà Hillary nhấn mạnh là nếu khi thành lập Liên hiệp quốc năm 1945 mà không có quyền phủ quyết đó thì Liên hiệp quốc cũng chỉ là một cơ quan yếu kém như tiền thân của nó là Hội Quốc liên (được thiết lập sau Thế chiến I). Không có quyền phủ quyết thì Thượng viện Hoa Kỳ cũng đã bác bỏ hiến chương Liên hiệp quốc như đã từng làm với Hội Quốc liên. Và nếu không có Liên hiệp quốc thì chắc chắn thế giới là một nơi nguy hiểm bội phần.

Hầu hết những xung đột hiện nay không đơn giản chỉ là một nước này xâm lấn một nước khác, mà thường là những xung đột ngay trong lãnh thổ một quốc gia, chẳng hạn như ở Rwanda, Bosnia, Kosovo, Đông Timor, Sudan, Congo và Afghanistan. Mỗi nơi đều có hoàn cảnh, điều kiện khác nhau nhưng tất cả đều cần đến sự quan tâm của toàn thế giới. Điều đó có nghĩa là Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc phải có quyết định cuối cùng là có nên hành động hay không.

Bà Hillary đặc biệt chú tâm đến mối liên hệ giữa Liên hiệp quốc và NATO. Theo bà, trong thời kỳ hậu chiến tranh lạnh, NATO cũng như các lực lượng quân đội đa quốc gia khác, có thể và nên đóng vai trò quan trọng trong những chiến dịch gìn giữ hòa bình để hỗ trợ việc thi hành các lệnh của Liên hiệp quốc. Nhiều trường hợp đã diễn ra thành công. Bosnia sau Hiệp ước Hòa bình Dayton 1995 chẳng hạn; 10 năm sau, Bosnia vẫn trong tình trạng an bình với lực lượng của EU thay thế cho NATO. Kosovo thì cung cấp một

kiểu mẫu khác, phức tạp hơn: Hành động quân sự của NATO năm 1999 không được phép của Liên hiệp quốc vì bị Nga phủ quyết, nhưng sau chiến tranh, nghị quyết 1244 của Hội đồng Bảo an đã ủy quyền cho NATO và Nga đã tham gia vào lực lượng đó, và hiện nay, một lực lượng hỗn hợp vừa ân sự lẫn quân sự của Liên hiệp quốc + NATO vẫn đang kiểm soát Kosovo trong khi chờ đợi một giải pháp cuối cùng cho lãnh thổ này. Tại Đông Timor năm 1999, khi một lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hiệp quốc tập hợp phải mất hàng tháng trời nên Hội đồng Bảo an đã cho phép một lực lượng đa quốc gia do Úc dẫn đầu tiến vào Đông Timor và chỉ 96 giờ sau khi lực lượng này hiện diện ở thủ phủ Dili, việc thảm sát thường dân vô tội Đông Timor đã chấm dứt ngay lập tức.

Có những câu chuyện về vai trò thành công của các lực lượng nói trên, tuy nhiên, cũng có nhiều nơi đã diễn.ra thảm kịch như ở Rwanda hay gần đây nhất là ở Sudan. Theo bà Hillary, bài học được rút ra trước tiên là Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc phải thực thi nghĩa vụ của mình. Một khi không làm như thế, thì dễ xảy ra thảm kịch như trường hợp thảm sát sắc tộc ở Rwanda. Kế đến, cần xem xét lại việc tổ chức các lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hiệp quốc vì chắc chắn là không thể thành công với một đội quân ô hợp, tập hợp một cách chậm chạp, trang bị lỗi thời, chỉ huy yếu kém... được huy động từ khắp các châu lục. Vì thế nên NATO có thể tham gia. Tại Bosnia, Kosovo, Afghanistan và nay - theo bà Hillary - ở Iraq, NATO cần đóng một vai trò chủ lực, nếu thích hợp và được các nước thành viên NATO đồng ý. NATO cũng có thể hoạt động ở những nơi khác nữa, với một vai trò giới hạn hơn, chẳng hạn như tham gia hậu cần, tiếp liệu... ở Sudan để tiếp tay cho Liên minh châu Phi. Bà Hillary khẳng định là không chủ xướng việc NATO hành động khắp mọi nơi nhưng bà nhấn mạnh là cần thiết phải rút ra bài học trong quá khứ để luôn lưu ý tới vai trò của NATO trong tương lai khi thực thi những nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc..

NGƯỜI CÓ THỂ CHIẾN THẮNG

Sau thất bại của ông Kerry trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2004, những người Dân chủ nay đang tin tưởng vào bà Hillary và hy vọng rằng bà là "Người có thể chiến thắng", bởi chính bà đã là người chiến thắng (trong cuộc bầu cử vào Thượng viện năm 2000). Với việc tái cử vào Thượng viện lần này, bà Hillary đã nhận được hơn 22 triệu USD (tính đến cuối tháng 6 năm 2006) so với cùng thời điểm của kỳ tranh cử năm 2000 bà chỉ nhận được 6,9 triệu USD. Những người đang vận động cho bà Hillary hy vọng số tiền ủng hộ sẽ tăng cao và nếu không sử dụng hết khoản tiền này vào việc tái cử thì "sẽ sử dựng vào cuộc tranh cử tổng thống".

"Bà ấy không thể, không thể chiến thắng", "Hãy tạo cơ hội cho một ai khác, để những người Dân chủ chúng tôi có thể chọn một ứng viên", "Những người Dân chủ rất lo ngại về cơ hội của bà ấy", "Hillary Clinton thật sự là một trong những người được đề cử yếu nhất để những người Dân chủ có thể tin tưởng giao phó trách nhiệm"... Những câu khẩu hiệu như thế không phải xuất hiện gần đây, mà là cách nay 6 năm, khi nhiều nhà bình luận và nhiều đảng viên Dân chủ cho rằng, sẽ "không có cửa" cho bà Hillary vào Thượng viện Mỹ. Thế nhưng, rốt cuộc, bà đã chiến thắng một cách vẻ vang với cách biệt đến 12% so với đối thủ (bà Hillary nhận được 55% phiếu bầu so với 43% của đối thủ Lazio). Trong bài viết đăng trên The Washington Post ngày 2/7/2006, James Carville và Mark J. Penn nhận xét : "...Chúng tôi không biết là Hillary sẽ ra tranh cử tổng thống hay không, nhưng là những cố vấn đã từng làm việc trong hai cuộc vận động tranh cử tổng thống thành công của Đảng Dân chủ trong hai thập niên qua, chúng tôi nghĩ rằng, nếu bà ấy tranh cử, bà ấy có thể chiến thắng...". Lý do bà Hillary có thể nắm chắc phần thắng - theo hai nhân vật này - là những thăm dò dư luận gần đây của Post - ABC News cho thấy có đến 68% ngự bà Hillary Clinton như là một nhà lãnh đạo mạnh. Thứ đến, là yếu tố "nữ quyền" trong các cuộc bầu cử. Và nên nhớ là ở Mỹ, cử tri nữ chiếm đến 54% và bà Hillary là nhân vật nổi bật trên chính trường Mỹ trong nhiều thập niên tranh đấu cho quyền lợi của nữ giới, không chỉ ở Mỹ mà trên toàn thế giới. Chính Tổng thống Bush tái đắc cử năm 2004 cũng nhờ gia tăng số phiếu bầu ở 2 khối cử tri: cử tri nữ và cử tri thuộc nhóm gốc Mỹ La tinh.

Bà Hillary được hậu thuẫn mạnh mẽ và hi vọng sẽ được Đảng Dân chủ tiến cử ra tranh ghế Tổng thống Mỹ năm 2008. Theo CNN ngày 14.9.2006, Thượng nghị sĩ Hillary đã dễ dàng đánh bại đối thủ Jonathan Tasini với số phiếu cách biệt 83% so với 17% (98% khu vực bầu cử đã kiểm phiếu) trong cuộc bầu cử sơ bộ của Đảng Dân chủ để đề cử ứng viên ra tranh ghế Thượng nghị sĩ bang New York. Như vậy, khi tái tranh cử Thượng nghị sĩ vào ngày 7/11/2006, đối thủ của bà Hillary là cựu Thị trưởng John Spencer của Đảng Cộng hòa. Theo tin AP, những thăm dò dư luận vào hạ tuần tháng 9 năm 2006 cho thấy 62% cử tri New York hậu thuẫn cho bà Hillary so với 26% đối với ông Spencer.

Cựu Tổng thống Bill Clinton chắc chắn sẽ là một "tài sản lớn” một khi bà Hillary quyết định ra tranh cử và được Đảng Dân chủ chính thức bầu chọn làm ứng viên của họ. Sức mạnh chính trị của Bill Clinton bên cạnh nữ Tổng thống Hillary chắc chắn sẽ là điều mà bất cứ cử tri Mỹ nào cũng có thể nhận thấy. Một Đệ nhất Phu nhân Hillary đã không là chiếc bóng bên cạnh chồng mình thì trong tương lai, một "Đệ nhất Phu quân" cũng không thể là chiếc

bóng bên cạnh vợ mình được. Dù theo luật định, nếu bà Hillary trở thành Tổng thống thì bà không thể bổ nhiệm ông Bill Clinton vào bất cứ một chức vụ chính thức nào trong chính quyền, nhưng một "cố vấn" Bill Clinton sẽ cực kỳ lợi hại.

Đó là một lợi thế không có đối thủ nào sánh được trên con đường trở lại Nhà Trắng của Hillary Rohdam Clinton - người phụ nữ đầy hứa hẹn sẽ trở thành nữ tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ.

PHỤ LỤC 2

CHÍNH TRƯỜNG NƯỚC MỸ TRƯỚC CUỘC BẦU CỬ TỔNG THỐNG 2008

Cuộc bầu cử sẽ diễn ra vào ngày 4/11/2008 để bầu ra vị tổng thống thứ 44 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Nhân vật chiến thắng là người nhận được quá bán số phiếu của cử tri đoàn (hay còn gọi là phiếu đại cử tri) - tức ít nhất 270 phiếu cử tri đoàn - và nhậm chức vào ngày 20/1/2009.

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA CUỘC BẦU CỬ NĂM 2008

Theo Hiến pháp Mỹ được bổ sung bằng Tu chính án 22, Tổng thống đương nhiệm George W. Bush sẽ không được tái ứng cử một nhiệm kỳ thứ ba. Trong vòng 3 chính quyền gần đây nhất nắm Nhà Trắng 8 năm liền (chính quyền của các vị Tổng thống Eisenhower, Reagan và Clinton) thì cả 3 vị Phó Tổng thống đều được tiến cử ra tranh ghế Tổng thống: Richard Nixon thất cử năm 1960, George W. Bush thắng cử năm 1988 và Al Gore thất cử năm 2000. Tuy nhiên, Phó Tổng thống đương nhiệm Dick Cheney đã tuyên bố hồi năm 2001 rằng ông sẽ không bao giờ ra tranh cử tổng thống. Ông cũng từng lặp lại tuyên bố này năm 2004 khi xuất hiện trên chương trình truyền hình Fox News Sunday khi nói: "Nếu được tiến cử, tôi sẽ từ chối; nếu được bầu chọn, tôi sẽ không phục vụ...". Những đồn đoán về ông Cheney không chỉ về tình trạng sức khỏe mà còn có những dự báo là ông có thể sẽ từ chức sau kỳ bầu cử giữa nhiệm kỳ tháng 11 năm 2006. Và nếu điều này xảy ra, nhân vật nào thuộc Đảng Cộng hòa thay thế ông sẽ trở thành ứng viên tiềm lực nhất của Đảng Cộng hòa ra tranh cử tổng thống năm 2008.

Người Mỹ gọi cuộc bầu cử tổng thống năm 2008 của họ là "open seat" election - tức cuộc bầu cử mà vị tổng thống đương nhiệm không phải là ứng cử viên. Trong trường hợp Phó Tổng thống Cheney phục vụ cho đến hết nhiệm kỳ và không ra tranh cử thì cuộc chạy đua vào Nhà Trắng năm 2008 sẽ là cuộc đua lần đầu tiên kể từ năm 1928 có tình huống là không ai trong số hai vị đứng đầu hành pháp (Tổng thống và phó Tổng thống) đứng ra làm ứng viên tổng thống. Còn trong trường hợp Ngoại trưởng Mỹ, bà Condoleezza Rice được Đảng Cộng hòa tiến cử ra tranh ghế tổng thống thì sự việc đó sẽ làm sống lại những "tiền lệ” có từ những thập niên đầu tiên trong lịch sử mới mẻ của Hoa Kỳ. Theo truyền thống những năm đầu lập quốc, chức vụ ngoại trưởng là bước đệm cho một nhân vật để sẵn sàng nắm cương vị đứng đầu hành pháp (Hiến pháp Mỹ hiện hành cũng quy định ngoại trưởng là nhân vật đầu tiên trong nội các tiếp quản chức vụ tổng thống sau

các vị: Phó Tổng thống, Chủ tịch Hạ viện, Chủ tịch tạm thời Thượng viện - vì Chủ tịch Thượng viện là do Phó tổng thống kiêm nhiệm). Lịch sử Hoa Kỳ ghi nhận nhiều vị Tổng Tư lệnh quân đội những năm cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19 đều đã từng giữ chức vụ ngoại trưởng trước khi được bầu làm tổng thống: Thomas Jefferson, James Madison, James Monroe, John Quincy Adams, Martin Van Buren và James Buchanan.

Những sự liện chính :

- Từ ngày 25 đến ngày 28/2008 : Đại hội toàn quốc Đảng Dân chủ.

- Từ ngày 1 đến ngày 4/9/2008 : Đại hội toàn quốc Đảng Cộng hòa.

- Ngày 4/11/2008 : Cử tri Mỹ đi bầu.

- Ngày 15/12/2008 : Các thành viên cử tri đoàn (đại cử tri) Mỹ tập họp ở từng bang để bỏ phiếu.

- Ngày 6/1/2009 : Kết quả chính thức được công bố trước lưỡng viện Quốc hội.

- Ngày 20/1/2009 : Lễ nhậm chức.

Vận động tài trợ và bầu cử sơ bộ

Cần nhớ là tại Mỹ, người ta chỉ nhắc tới hai Đảng Dân chủ và Cộng hòa vì đó là hai chính đảng lớn, chi phối toàn bộ hoạt động của chính trường nước này hiện nay, nhưng trên thực tế, vẫn còn có nhiều đảng nhỏ mà thật ra chỉ hoạt động trong các mùa bầu cử hay khi cần vận động cho một phong trào nào đó, như các Đảng Xanh (Green party), Đảng Cải cách (Reformn party), Đảng Xã hội (Socialist party USA)... Việc chuẩn bị bầu cử tổng thống ở Mỹ được tiến hành từ rất sớm để các ứng viên có thời gian vận động tài trợ cho chiến dịch tranh cử của mình. Với cuộc bầu cử tổng thống Mỹ 2008, các ứng viên đã phải "lên tiếng" từ cuối năm 2006 đến những tháng giữa năm 2007 và thông thường, rất ít ứng viên tuyên bố ra tranh cử vào cuối 200í dụ như trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ 2004, tướng 4 sao về hưu Wesley Clark là ứng viên thứ 10 - và là ứng viên sau cùng - ra tranh cử trong nội bộ Đảng Dân chủ khi ông tuyên bố vào ngày 18/9/2003 về dự định ra tranh cử tổng thống của mình). Các hãng, cơ quan thông tấn tổ chức thăm dò dư luận và đưa tin "ứng viên tiềm tàng" căn cứ vào số tiền mà ứng viên đó vận động tài trợ được nhiều hay ít. Trường hợp của Thống đốc Howard Dean là một thí dụ. Ông được xem là ứng viên hàng đầu của Đảng Dân chủ nhưng sau đó,

dần dà bị các ứng viên khác như John Kerry, John Edwards qua mặt.

Trước khi tổ chức đại hội toàn quốc để bầu chọn ứng viên chính thức, các cuộc họp nội bộ (state caucus) và bầu cử sơ bộ (primary) được tiến hành theo từng khu vực. Bắt đầu từ tháng 1 năm 2008, các cuộc hội họp nội bộ và bầu cử sơ bộ sẽ được tiến hành ở Iowa, New Hampshire, Nevada và South Carolina. Tiến trình này sẽ được tiếp tục tại các khu vực khác cho đến tháng 6 năm 2008 - nhưng thông thường thì chỉ đến khoảng tháng 3, các ứng viên nổi bật của Đảng Dân chủ và Cộng hòa đã nhận đủ số phiếu để có thể được đảng mình tiến cử. Trong tiến trình đó, nhiều ứng viên tự rút lui khi thấy không còn cơ may nào cho mình.

Tiến trình bầu chọn trong nội bộ đảng

Ở đây chúng tôi lấy trường hợp bầu chọn của Đảng Dân chủ trong kỳ bầu cử tổng thống Mỹ năm 2004 làm thí dụ.

Cuộc đua nội bộ được tiến hành rất sớm. Đầu tiên là Thống đốc bang Vermont, ông Howard Dean thành lập Ủy ban thăm dò (Presidential Exploratory Committee) ngày 31/05/2002, tức gần 2 năm trước cuộc bầu cử sơ bộ đầu tiên của Đảng Dân chủ. Do Vermont là một bang nhỏ và tên tuổi của vị thống đốc ít nổi tiếng ngoài khu vực nên ông Dean muốn "khởi sự” để hy vọng tên tuổi mình sẽ được thừa nhận. Và điều đó đã được khẳng định khi các cuộc thăm dò sau đó cho thấy ông luôn luôn là nhân vật dẫn đầu (front-runner) của Đảng Dân chủ trong giai đoạn đầu. Đến tháng 12 năm đó, Thượng nghị sĩ John Kerry của bang Massachusetrs mới thông báo trên đài NBC ý định thành lập Ủy ban tranh cử của mình. Tuyên bố của ông Kerry lập tức được nhiều đảng viên Dân chủ chú ý và xem ông là nhân vật thích hợp cho cương vị Tổng tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tương lai do ông là một cựu chiến binh. Hai tuần sau, cựu Phó Tổng thống Al Gore - và là ứng viên tổng thống năm 2000 - tuyên bố không ra tranh cử năm 2004, mở đường cho một loạt ứng viên lên tiếng tham dự : Thượng nghị sĩ John Edwards của bang North Carolina, Dân biểu Richard Gephardt bang Missouri, Mục sư Al Sharpton bang New York, và đặc biệt là Thượng nghị sĩ Joseph Lieberman, ứng viên phó tổng thống cùng liên danh với ông Al Gore năm 2000. Thượng nghị sĩ Lieberman trước đó đã cam kết không ra tranh cử để "nhường" cho ông Al Gore nên khi ông Gore khẳng định không ra tranh cử thì ông Lieberman không còn bị ràng buộc gì với những cam kết của mình. Đến tháng 2 năm 2003, có thêm 3 ứng viên: cựu Thượng nghị sĩ Carol Braun bang Illinois, Dân biểu Kucinich bang Ohio và Thượng nghị sĩ Bob Graham bang Florida.

Ngày 3/5/2003, những người Dân chủ nhóm họp tại Đại học South Carolina trong buổi tranh luận đầu tiên giữa 9 ứng cử viên. Một tháng sau, ứng viên Howard Dean chi một khoản tiền 300.000 USD để quảng bá trên truyền hình và chính thức nộp hồ sơ vận động tranh cử lên FEC. Kế đến, webside MoveOn lần đầu tiên tổ chức "bầu cử sơ bộ" trên mạng trong vòng 48 giờ của Đảng Dân chủ. Kết quả - dù là không chính thức, nhưng vẫn có tầm quan trọng và ý nghĩa trong việc vận động tài chính - cho thấy trong số 317.647 phiếu bầu,. ông Howard Dean nhận 44%, Dennis Kucinich 24%, trong khi ông John Kerry chỉ 16%. Do không có ứng viên nào vượt qua con số 50% để nhận được sự ủng hộ tài chính nên MoveOn quyết định hậu thuẫn cho tất cả các ứng viên. Tháng 7 năm 2003, những ứng viên hàng đầu của Đảng Dân chủ đã nhận được khoản tiủng hộ tranh cử như sau: Howard Dean 7,5 triệu USD; John Kerry 6 triệu; John Edwards và Joseph Lieberman mỗi người 5 triệu. Như vậy đến thời điểm cuối năm 2003, Howard Dean vẫn giữ vị thế là ứng viên hàng đầu của Đảng Dân chủ. Tuy nhiên, đến khi tướng 4 sao Wesley Clark từ tiểu bang Arkansas tuyên bố vào tháng 9 năm 2003 ý định ra tranh cử thì những đảng viên Dân chủ có khuynh hướng hậu thuẫn vị tướng này, xem ông là nhân vật có tầm nhìn chiến lược khả dĩ đối đầu với Tổng thống Bush về những thách thức của nước Mỹ sau sự kiện 11/9/2001. Nhiều nhà phân tích mô tả Tướng Clark sẽ dễ được bầu chọn hơn là Dean, cho dù ông Dean vẫn còn ở vị thế dẫn đầu.

Lợi thế của Howard Dean tiếp tục cho đến lúc Đảng Dân chủ tổ chức cuộc họp nội bộ đầu tiên ở Iowa, đặc biệt là khi cựu Phó Tổng thống Al Gore vào tháng 12 năm 2003 chính thức tuyên bố ủng hộ ông Dean. Tuy nhiên, kết quả cuộc họp nội bộ Đảng Dân chủ ở bang Iowa ngày 19/1/2004 đã cho một kết quả ngoài dự đoán: nhân vật dẫn đầu lại là John Kerry với 38% phiếu bầu của đại biểu; kế đến là John Edwards 32%. Người được dự báo đứng đầu là Howard Dean chỉ được có 18% phiếu và ông Dick Gephardt về hạng 4 với 11% phiếu bầu. Trong các cuộc thăm dò tại Iowa vài tuần trước bầu cử, hai ông Dean và Gephardt tranh nhau vị trí dẫn đầu nên sau kết quả này, cả hai ủy ban vận động tranh cử cho hai nhân vật này hết sức ngạc nhiên và thất vọng. Theo các nhà phân tích thì nguyên nhân thất bại là do việc quá tập trung vận động phản bác lẫn nhau giữa hai ông Dean và Gephardt; hậu quả là ông Gephardt rút lui khỏi cuộc đua.

Ông John Kerry tiếp tục chiến thắng tại cuộc bầu cử sơ bộ ở New Hampshire ngày 27/1/2004 rồi các bang tiếp theo nên ông Howard Dean tuyên bố bỏ cuộc. Các ứng viên khác cũng lần lượt rút lui. Ngày 11/3/2004, tại cuộc họp của Đảng Dân chủ ở Washington D.C., ông Kerry đã "tích lũy" được 2.162 phiếu của đại biểu - số phiếu cần thiết để được Đảng Dân chủ tiến cử ra

tranh ghế Tổng thống. Ngay lập tức, webủy ban Toàn quốc Đảng Dân chủ (Democratic National Committee - DNC) thừa nhận ông là ứng viên của đảng. Tổng thống Bush gọi điện chúc mừng Thượng nghị sĩ John Kerry vào ngay chiều hôm đó. Ngày 6/7/2004, ông Kerry chọn Thượng nghị sĩ John Edwards làm ứng viên phó tổng thống chung liên danh với mình và tại Đại hội toàn quốc Đảng Dân chủ tổ chức ở Boston, Massachusetts một tháng sau đó, liên danh Kerry-Edwards chính thức đại diện Đảng Dân chủ ra tranh ghế Tổng thống và phó Tổng thống Hoa Kỳ năm 2004. Liên danh này đã bị liên danh của Tổng thống và phó tổng thống đương nhiệm Bush-Cheney đánh bại trong cuộc bầu cử tháng 11 năm 2004 mà đề tài tranh luận chủ yếu nhắm vào việc điều hành cuộc chiến chống khủng bố. Ông Bush bảo vệ thành công về những hành động cần thiết của chính quyền trong khi ông Kerry phê phán rằng chính phủ của ông Bush thiếu khả năng, chưa hành động đúng mức.

NHỮNG ĐỐI THỦ CỦA BÀ HILLARY TRONG NỘI BỘ ĐẢNG DÂN CHỦ

Như trên đã trình bày, để được ra tranh cử tổng thống, các ứng viên phải vượt qua rào cản khó khăn nhất là làm thế nào để được đảng mình tiến cử. Trong trường hợp của bà Hillary, xin điểm xuyết một số đối thủ trong nội bộ Đảng Dân chủ, tính đến thời điểm tháng 10 năm 2006.

1. CỰU PHÓ TỔNG THỐNG AL GORE :

Nhiều người tin rằng ông Al Gore sẽ ra tranh cử lần này, mặc dù ông đã không tranh giành với ông George W. Bush vào năm 2004. Những người hậu thuẫn ông Gore bác bỏ luận điệu của một số người cho rằng ông ta khó mà "sống lại được" sau cuộc sát nút và có nhiều tranh cãi về kiểm phiếu tại bang Florida trong kỳ bầu cử tổng thống Mỹ năm 2000 (ông Gore thắng phiếu phổ thông : hơn ông Bush trên nửa triệu phiếu bầu, nhưng lại thua phiếu của cử tri đoàn : ông Bush được 271 phiếu, ông Gore 266 phiếu). Họ nhắc nhở là lịch sử cận đại của Hoa Kỳ đã ghi nhận trường hợp của ông Richard Nixon còn "thê thảm" hơn. Ông Nixon hầu như mất tất cả sau khi thua đúp: thất cử trước John F. Kennedy trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1960 rồi lại thua tiếp trong cuộc bầu cử thống đốc bang California trước ứng viên Pat Brown năm 1962. Thế nhưng, ông Nixon đã "sống lại" : 6 năm sau, ông đắc cử Tổng thống và 4 năm sau đó, lại tái đắc cử Tổng thống Mỹ.

Điểm khó khăn với ông Gore là hiện nay, các đảng viên Dân chủ có khuynh hướng tìm kiếm những khuôn mặt mới. Để có thể vượt qua các cuộc bầu cử sơ bộ, ông Gore phải làm sao thuyết phục được là mình dễ được cử tri bầu

chọn hơn là các ngôi sao đang lên. Đây là một công việc cực kỳ khó khăn dù sức khỏe và độ tuổi của ông còn rất thích hợp (ông Gore sinh năm 1948). Khi được hỏi về khả năng tái tranh cử tổng thống Mỹ năm 2008, ông Gore trả lời ngày 4/6/2006: "Tôi không có kế hoạch tái ứng cử, nhưng không bác bỏ một tương lai chính trị nào". Hiện nay, cựu Phó Tổng thống Al Gore hoạt động mạnh về môi trường, một lĩnh vực được công chúng quan tâm; ông thường đi thuyết giảng về đề tài trái đất nóng dần lên mà ông gọi là "cuộc khủng hoảng khí hậu". Ông Al Gore cũng là Chủ tịch công ty điều hành kênh truyền hình Current, thành viên hội đồng quản trị của Apple Computer và là cố vấn không chính thức cho Google.

2. JOHN KERRY :

Là ứng viên của Đảng Dân chủ bị ông George W. Bush đánh bại trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2004, ông Kerry vẫn là ứng viên tiềm năng trong cuộc tranh tài năm 2008 Đã từng là sĩ quan của hải quân Mỹ phục vụ 3 năm 8 tháng trong cuộc chiến tranh Việt Nam, sau 3 lần bị thương, ông trở về Mỹ năm 1970 và tham gia phong trào phản đối chiến tranh. Một ngày sau khi ra điều trần trước quốc hội Mỹ tháng 4 năm 1971, ông cùng khoảng 800 cựu chiến binh khác đã quăng hết những huy chương quân đội mà họ đã được trao tặng trước Tòa nhà Quốc hội Mỹ để phản đối cuộc chiến ở Việt Nam.

Sau khi thất cử trong cuộc bầu cử Hạ viện năm 1972, John Kerry quyết định theo học Đại học Luật Boston. Năm 1984 ông đắc cử Thượng nghị sĩ, đại diện bang Massachusetts và phục vụ tại Thượng viện Mỹ từ đó đến nay.

3. JOHN EDWARDS :

Là ứng viên Phó Tổng thống của Đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử năm 2004 và là Thượng nghị sĩ một nhiệm kỳ của bang North Carolina , ở tuổi còn khá trẻ (sinh năm 1953), ông John Edwards được xem là ứng viên tiềm tàng trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2008.Sinh trưởng trong một gia đình mà cha làm công nhân ngành dệt và mẹ là nhân viên bưu điện, Edwards là người đầu tiên trong gia đình tốt nghiệp đại học chuyên ngành kỹ thuật dệt. Sau đó, ông theo học luật tại Đại học North Carolina, Chapel Hill và tốt nghiệp với hạng danh dự. Trước khi bước vào lĩnh vực chính trị, Edwards thành công trong cương vị luật sư bảo vệ cho các nạn nhân trước những hành động bất chính trong ngành y như việc sử dụng dược phẩm hay điều trị sai trái. Vụ kiện nổi tiếng nhất mà ông chiến thắng xảy ra vào năm 1997 với Sta-Rite, một hãng sản xuất dụng cụ ống dẫn lưu dùng trong phẫu thuật. Bảo vệ cho nạn nhân, một cô gái trẻ, ông Edwards đã nói một mạch suốt một tiếng rưỡi

đồng hồ trước bồi thẩm đoàn mà không cần tham khảo ghi chú nào hết. Kết quả là tòa tuyên bố hãng Sta-Rite phải bồi thường cho nạn nhân 25 triệu USD, một khoản tiền bồi thường cá nhân lớn trong lịch sử xử án ở bang North Carolina. Còn John Edwards và một đồng sự được Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ (Association of Trial Lawyers of America) tặng giải thưởng toàn quốc về phục vụ công chúng. Tài sản mà ông Edwards có được thông qua văn phòng luật của ông lên đến 60 triệu USD. Tháng 12 năm 2003, trong thời gian vận động tranh cử tổng thống, ông cho xuất bản Four Trials, cuốn tự truyện tập trung vào những vụ kiện nổi tiếng mà ông từng tham gia tranh tụng.

Sau khi thất bại trong cuộc tranh giành vào ghế Nhà Trắng với liên danh George W. Bush-Dick Cheney năm 2004, ông Edwards thành lập One America Committee và được bổ nhiệm làm Giám đốc Trung tâm Cơ hội, Việc làm và Chống Nghèo đói tại Trường Đại học North Carolina ở Chapel Hill. Ông cũng làm tư vấn cho một ngân hàng đầu tư ở New York. Những người ủng hộ Edwards ra tranh cử tổng thống Mỹ năm 2008 thường căn cứ vào tuyên bố của ông trong cuộc tranh cử năm 2004: "Các bạn có thể thất vọng nhưng không thể từ bỏ. Cuộc chiến này chỉ mới bắt đầu”. Trong buổi trả lời phỏng vấn độc quyền dành cho chương trình "This Week" của George Stephanopoulos ngày 21/5/2006, John Edwards nói rằng ông đang nghiêm túc xem xét về cuộc chạy đua vào Nhà Trắng kỳ này.

4. JOSEPH BIDEN:

Là Thượng nghị sĩ đắc cử từ năm 1972 lúc mới 30 tuổi (là một trong năm Thượng nghị sĩ trẻ nhất trong lịch sử Thượng viện Hoa Kỳ), ông Biden hiện đang phục vụ nhiệm kỳ thứ 6 tại Thượng viện Hoa kỳ và là Thượng nghị sĩ phục vụ lâu nhất cho bang Delaware. Vào năm 1988, Biden đã dự định ra tranh cử tổng thống nhưng căn bệnh quái ác phình mạch nào (brain aneurysm) hai lần làm ông phải nhập viện hết 7 tháng và mất cơ hội để được Đảng Dân chủ tiến cử năm đó. Kể từ năm 1991, ông là giáo sư giảng dạy môn luật hiến pháp tại Trường Đại học Luật Widener. Tiếng nói của Biden rất "có trọng lượng" tại Thượng viện Mỹ, nơi ông là thành viên lâu của Ủy ban Tư pháp và từng làm chủ tịch Ủy ban này từ năm 1987 đến 1995. Ông cũng từng đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng viện từ năm 2001 đến 2003.

Năm 2003, ông Biden được xem là nhân vật có thể được đảng tiến cử ra tranh ghế tổng thống năm 2004 nhưng ông đã quyết định ngược lại khi nói rằng mình không đủ thời gian để vận động quỹ tranh cử. Một số người cho

rằng, ông có thể được Thượng nghị sĩ John Kerry chọn đứng chung liên danh tranh chức phó Tổng thống. Thế nhưng Biden lại có một đề nghị trái khoáy là ông Kerry nên chọn Thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa là John McCain. Ông Biden cũng từng có thời được đồn đoán đảm nhận chức vụ ngoại trưởng trong chính quyền của Đảng Dân chủ. Kể từ năm 2004 đến nay, Biden luôn nằm trong danh sách ứng viên tiềm tàng của Đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2008.

5. BILL RICHARDSON:

Ông Richardson đã từng là dân biểu Hạ viện Mỹ 15 năm trước khi trở thành Đại sứ Mỹ tại Liên hiệp quốc rồi Bộ trưởng Bộ Năng lượng dưới thời Tổng thống Clinton. Hiện đang là Thống đốc bang New Mexico và được xem là một nhân vật ôn hòa, một thành viên lãnh đạo trong Hội đồng lãnh đạo Đảng Dân chủ (DLC), ông là Chủ tịch Đại hội toàn quốc Đảng Dân chủ năm 2004 - đại hội đã tiến cử Thượng nghị sĩ John Kerry ra tranh cử tổng thống. Ông Richardson có mối quan hệ chặt chẽ với chính quyền trước đây của Tổng thống Clinton và là một trong những ứng viên tiềm năng trong trường hợp bà Hillary không được tiến cử.

Bill Richardson có mẹ là người Mexico, cha ông ra đời ở Nicaragua, lớn lên ở Boston và làm việc cho Citibank ở Mexico. Richardson lớn lên ở New Mexico đến năm 13 tuổi mới chuyển về Massachusetrs. Năm 2003 nhậm chức Thống đốc bang New Mexico, ông Richardson là Thống đốc người gốc Mỹ La tinh duy nhất tại Hoa Kỳ. Trong những năm gần đây, có nhiều tin đồn là Richardson nằm trong danh sách ứng viên phó tổng thống, nhưng theo một bản tin của AP năm 2005, ông đã thông báo ý định ra tranh cử tổng thống năm 2008.

6.WESLEY CLARK :

Tốt nghiệp trường võ bị West Point và nhận được học bổng Rhodes du học Đại học Oxford lấy bằng thạc sĩ kinh tế, ông Clark là tướng 4 sao đã hưu trí. Tướng Clark từng là Tư lệnh tối cao NATO từ 1997 đến 2000 và chỉ huy lực lượng đồng minh trong chiến dịch ở Kosovo.

Ông nội của tướng Clark là dân nhập cư từ nước Nga và Clark thông thạo các ngoại ngữ Nga, Đức và Tây Ban Nha. Sau khi rời quân ngũ, Clark là chuyên gia phân tích các vấn đề quốc tế và quân sự kể cả làm bình luận viên cho đài CNN. Tướng Clark nổi bật lên trong cuộc tranh cử nội bộ Đảng Dân chủ năm 2004 để đề cử ứng viên Tổng thống, nhưng sau các cuộc bầu cử sơ

bộ tháng 1 và 2 năm 2004, ông tuyên bố rút lui và hậu thuẫn Thượng nghị sĩ John Kerry.

Ngoài ra, còn khá nhiều ứng viên "chưa lên tiếng". Ông Tom Vilsack chẳng hạn. Là Thống đốc bang Iowa đầu tiên của Đảng Dân chủ trong vòng 30 năm qua, ông Vilsack tái đắc cử năm 2002 và hiện là một trong số những thống đốc có ảnh hưởng lớn trên chính trường Hoa Kỳ. Một nhân vật khác là Thượng nghị sĩ Evan Bayh tái đắc cử nhiệm kỳ hai ở Thượng viện với số phiếu áp đảo sau hai nhiệm kỳ làm Thống đốc bang Indiana. Là một trong những người lãnh đạo phong trào Dân chủ ôn hòa, ông Bayh là con của Thượng nghị sĩ Birch Bayh, nhân vật từng ra tranh đua trong các cuộc bầu cử sơ bộ của Đảng Dân chủ năm 1976 và bị Jimmy Carter đánh bại. Một nhân vật nữa là Thượng nghị sĩ Barack Obama, ngôi sao trẻ đầy h của Đảng Dân chủ. Ông được xem là ứng viên tiềm tàng cho cả những lần tiến cử sau này và với cuộc bầu cử năm 2008, ông Obama được xem là ứng viên phó tổng thống thích hợp nhất.

ĐIỂM MẶT ANH HÀO CỦA ĐẢNG CỘNG HÒA NĂM 2008

1. DICK CHENEY :

Đương kim Phó Tổng thống và là vị phó tổng thống thứ 46 của Hoa Kỳ, ông Cheney đã từng đảm nhiệm chức vụ Tổng thống Mỹ ngày 29/6/2002 khi Tổng thống George W. Bush trải qua cuộc khám nghiệm y khoa và phải gây mê trong ngày hôm đó. Ông Cheney "làm tổng thống" từ 11 giờ 09 phút đến 13 giờ 24 phút ngày 29/6/2002 thì Tổng thống Bush "lấy lại" quyền hành. Trong lịch sử Hoa Kỳ, chỉ có hai người được hành xử "quyền Tổng thống" như thế theo tu chính án 25 của Hiến pháp Mỹ. (Người kia là cựu Tổng thống Bush (cha): Khi còn là Phó Tổng thống dưới thời Tổng thống Ronald Reagan, ông Bush đã làm "quyền tổng thống" từ 11 giờ 28 phút đến 19 giờ 22 phút ngày 13/7/1985 khi Tổng thống Reagan phải trải qua cuộc phẫu thuật lấy đi một khối u nhỏ trong ruột già.)

Cuộc đời chính trị của Cheney bắt đầu từ năm 1969 ở tuổi 28, dưới thời của Tổng thống Nixon, khi ông là nhân viên của Nhà Trắng. Đến thời Tổng thống Ford, Dick Cheney làm trợ lý cho Tổng thống rồi sau đó, là Chánh Văn phòng Nhà Trắng trẻ nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Một bài báo đăng trên Rolling Stone mô tả vị trí của Cheney dưới thời Tổng thống Ford là "đã cùng với Donald Rumsfeld dàn xếp "một cuộc đảo chính" để Tổng thống Ford cách chức Bộ trưởng Quốc phòng James Schlesinger, bảo Phó Tổng thống Nelson Rockefeller tìm kiế một công việc khác và "bứng" ông Henry

Kissinger ra khỏi chức vụ cố vấn an ninh quốc gia. Sau đó, Rumsfeld được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Quốc phòng và Cheney nắm chức Chánh Văn phòng Nhà Trắng.

Năm 1978, Cheney tranh cử dân biểu Mỹ đại diện bang Wyoming, đánh bại đối thủ Dân chủ là Bill Bailey. Ông Cheney tái đắc cử 5 lần, phục vụ đến năm 1989 thì nhận chức Bộ trưởng Quốc phòng dưới thời chính quyền của Tổng thống Bush (cha). Hai sự kiện lớn trong thời ông làm Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ là cuộc chiến Vùng Vịnh và cuộc tấn công vào Panama bắt giữ tướng Noriega đem về Mỹ xử án.

Trong vị trí Phó Tổng thống Hoa Kỳ kể từ năm 2001, ông Cheney được mô tả là một nhân vật năng động và đầy quyền lực. Ông được ví như là "Thủ tướng" trong nội các của Tổng thống Bush hiện nay. Theo Hiến pháp Mỹ, Phó Tổng thống đồng thời là Chủ tịch Thượng viện và trong vai trò này, ông Cheney đã 7 lần bỏ lá phiếu quyết định tại Thượng viện Mỹ khi xảy ra trường hợp số phiếu thuận và chống ngang bằng nhau (tie-breaking vote).

Về khả năng ra tranh cử tổng thống Mỹ năm 2008, một trong những lo ngại lớn nhất là vấn đề sức khỏe của Cheney với căn bệnh tim mạch từ rất lâu. Là người từng nghiện thuốc lá nặng, ông Cheney bị cơn đau tim đầu tiên (trong 4 lần tính đến 2006) hồi năm 1978, lúc mới 37 tuổi, rồi sau đó vào các năm 1984, 1988 và 2000, trong đó có lần phẫu thuật nối động mạch vành hồi năm 1988. Vào tháng 1 năm 2006, ông phải nhập viện do bị khó thở và hiện nay, thỉnh thoảng ông phải dùng gậy khi đi bộ. Bởi thế nên tạp chí Insight số ra ngày 27/2/2006 đưa tin rằng có thể ông Cheney sẽ từ chức Phó Tổng thống sau cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ vào tháng 11 năm 2006. Trong trường hợp đó, những nhân vật sáng giá cho chức vụ Phó tổng thống Mỹ thay thế ông Cheney được dự đoán là: George Allen, George Pakati, Condoleeza Rice, Mitt Romney, Elizabeth Dole. Và bất cứ ai được đề cử vào chức vụ này thì sẽ có nhiều lợi thế được Đảng Cộng hòa tiến cử ra tranh ghế Tổng thống năm 2008.

2. JOHN MACCAIN :

Là Thượng nghị sĩ bang Arizona từ năm 1987 đến nay. Năm 1997, tạp chí Times bầu chọn ông là một trong số 25 nhân vật ảnh hưởng lớn nhất của Mỹ. Năm 2000, John McCain ra tranh làm ứng viên Đảng Cộng hòa tranh cử tổng thống nhưng bị ứng viên George W. Bush lúc đó là Thống đốc bang Texas đánh bại trong các cuộc bầu cử sơ bộ của Đảng Cộng hòa. Những tín hiệu gần đây cho thấy, ông có thể sẽ là ứng viên được Đảng Cộng hòa tiến

cử trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2008 dù tuổi đã khá cao (Thượng nghị sĩ John McCain sinh năm 1936). Trong trường hợp được tiến cử, rồi đắc cử tổng thống cuối năm 2008, lúc đó ông John McCain 72 tuổi, tức lớn hơn 3 tuổi so với vị tổng thống được bầu lớn tuổi nhất trước đây là Ronald Reagan. Và nếu ông tái đắc cử một nhiệm kỳ nữa thì ông sẽ lập kỷ lục khi rời Nhà Trắng ở tuổi 80. Tuy vậy, ông John McCain vẫn chứng tỏ mình còn sức khỏe để tiếp tục phục vụ.

Cả cha và ông nội của John McCain đều là đô đốc trong lực lượng Hải quân Hoa Kỳ. Cha ông, Đô đốc John S. McCain, Jr., là Tư lệnh lực lượng Mỹ ở Thái Bình Dương kể cả lực lượng Mỹ ở Việt Nam trong thời gian John McCain bị bắt làm tù binh ở Việt Nam. Cũng như cha và ông, sau khi học xong trung học, John McCain vào Học viện Hải quân Hoa Kỳ. Tốt nghiệp năm 1958 (và giống cả thứ hạng tốt nghiệp thấp như ông và cha), McCain đứng hạng thứ 895 trong tổng số 900 sinh viên. Sau đó, ông tiếp tục được huấn luyện để trở thành phi công của hải quân. Cuối tháng 10 năm 1967, chiếc A-4 Skyhawk do ông lái đi oanh kích miền Bắc Việt Nam đã bị bắn hạ xuống hồ Trúc Bạch. Ông bị bắt làm tù binh và được trả tự do năm 1973. Năm 1981 ông xuất ngũ. Năm tiếp theo, ông đắc cử vào Hạ viện. Trong cuộc bầu cử vào Thượng viện cuối năm 1986, John McCain được bầu chọn thay cho Thượng nghị sĩ Barry Goldwater nghỉ hưu. Thượng nghị sĩ John McCain hiện là một trong số ba cựu chiến binh trong cuộc chiến tranh Việt Nam đang phục vụ tại Thượng viện Hoa Kỳ. Hai người kia là Thượng nghị sĩ John Kerry bang Massachusetts và Thượng nghị sĩ Chuck Hagel bang Nebraska.

3. RUDOLPH GIULIANI :

Là Thị trưởng New York từ 1994 đến 2001, ông Giuliani nổi bật trên chính trường nước Mỹ sau sự kiện khủng bố 11/9/2001 trong vai trò điều phối các hoạt động sau thảm họa (ông được tạp chí Times bầu chọn là nhân vật của năm 2001). Rudolph Giuliani được xem là ứng viên tiềm tàng của Đảng Cộng hòa trong kỳ tranh cử tổng thống năm 2008 khi tên tuổi ông luôn nằm trong tốp dẫn đầu trong những cuộc thăm dò dư luận những tháng đầu năm 2006.

Ông Giuliani sinh trưởng tại New York, có ông bà là dân nhập cư từ Ý. Tốt nghiệp đại học luật năm 1968, Rudolph Giuliani hoạt động trong ngành tư pháp cho đến khi Tổng thống Reagan mãn nhiệm đầu năm 1989. Ông đắc cử Thị trưởng New York trong cuộc bầu cử năm 1993 với số phiếu sít sao là nhờ vào cương lĩnh chống tội phạm, ổn định trật tự xã hội. Tỉ lệ tội phạm ở New York giảm là yếu tố giúp ông tái đắc cử dễ dàng trong nhiệm kỳ kế

tiếp. Tháng 4/1999, ông thành lập Ủy ban thăm dò, chuẩn bị cho việc ứng cử vào Thượng viện Mỹ năm 2000, nhưng trước cuộc họp sơ bộ của Đảng cộng hòa vào tháng 5 năm 1999, ông rút tên do bị ung thư tuyến tiền liệt. Trong kỳ tranh cử đó, ứng viên của Đảng Cộng hòa là dân biểu Lazio đã thất bại trước cựu Đệ nhất Phu nhân Hillary Clinton.

4. CONDOLEEZZA RICE:Ngoại trưởng thứ 66 và đương nhiệm của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Bà là phụ nữ Mỹ gốc Phi đầu tiên, người Mỹ gốc Phi thứ nhì (sau cựu Ngoại trưởng Powell) và là người phụ nữ thứ hai (sau bà Madeleine Albright) nắm chức ngoại trưởng nước Mỹ. Bà Rice là Cố vấn An ninh Quốc gia trong nhiệm kỳ đầu tiên của Tổng thống George W. Bush (2001-2005). Trước khi tham gia chính quyền của Tổng thống Bush, Condoleezza Rice là giáo sư khoa học chính trị tại Đại học danh tiếng Stanford. Bà cũng từng là cố vấn về các vấn đề Đông Âu và Liên Xô trong giai đoạn Liên bang Xô viết tan rã vào thời của Tổng thống Bush (cha).

Vai trò của bà Rice trong chính quyền, đặc biệt trong giai đoạn Hoa Kỳ chủ xướng cuộc chiến chống khủng bố quốc tế sau sự cố 11/9/2001, khiến bà trở thành một nhân vật gây nhiều tranh cãi cho dù bà Rice nằm hàng đầu trong danh sách những viên chức công quyền được công chúng chấp nhận và yêu thích nhất. Condoleezza Rice được tạp chí Forbes bầu chọn là người phụ nữ quyền lực nhất thế giới trong hai năm liền 2004 và 2005. Tạp chí này vào tháng 6 năm 2006 xếp bà là người phụ nữ quyền lực thứ nhì thế giới sau nữ Thủ tướng Đức Angela Merkel. Bà Rice cũng là một trong hai người Mỹ gốc Phi nhiều lần được tạp chí Times bầu chọn vào số 100 nhân vật ảnh hưởng nhất thế giới. Những “vị thế" đó bắt nguồn từ việc bà Rice - trong chức vụ ngoại trưởng - là nhân vật xếp hàng thứ 4 trong danh sách những người kế nhiệm chức vụ Tổng thống Hoa Kỳ trong các trường hợp bất trắc. Điều này cũng cho thấy triển vọng tương lai mà những người hậu thuẫn Condoleezza Rice vào chức vụ Phó Tổng thống hay thậm chí, Tổng thống Hoa Kỳ, là có cơ sở.

Một trong những nguyên nhân mà bà Condoleezza Rice được bầu chọn là người phụ nữ quyền lực nhất thế giới là do, ngoài quyền lực của một Ngoại trưởng Hoa Kỳ, với chức danh này, bà là nhân vật xếp hàng thứ tư trong danh sách những người kế nhiệm chức vụ tổng thống Hoa Kỳ trong các trường hợp bất trắc. Đây là vị thế cao nhất dành cho một phụ nữ Mỹ. Trước đó, Ngoại trưởng Mỹ Madeleine Albright không thể nằm trong danh sách kế nhiệm tổng thống vì bà là người nhập tịch Mỹ, chứ không phải sinh trưởng tại Mỹ như bà Rice (Điều 2 Hiến pháp Mỹ quy định : ứng cử viên tổng thống phải là công dân Hoa Kỳ được sinh ra trên đất nước này, tuổi từ 35 trở lên và

có ít nhất 14 năm cư trú trên lãnh thổ Hoa Kỳ). Đạo luật kế vị tổng thống năm 1947 đã ghi rõ danh sách những người kế vị tổng thống, theo thứ tự, gồm 17 viên chức như sau :

Phó Tổng thống.

Chủ tịch Hạ Viện.

Chủ tịch tạm thời Thượng viện.

Ngoại trưởng.

Bộ trưởng Tài chính.

Bộ trưởng Quốc phòng.

Bộ trưởng Tư pháp.

Bộ trưởng Nội vụ.

Bộ trưởng Nông nghiệp.

Bộ trưởng Thương mại.

Bộ trưởng Lao động.

Bộ trưởng Y tế và Dịch vụ con người.

Bộ trưởng Nhà ở và Phát triển đô thị.

Bộ trưởng Giao thông.

Bộ trưởng Năng lượng.

Bộ trưởng Giáo dục.

Bộ trưởng Các vấn đề Cựu chiến binh.

Thời thơ ấu ở bang Alabama, cô bé Rice cũng phải đối diện với những phức tạp trong vấn đề kỳ thị sắc tộc ở địa phương. Đến tuổi 15, Rice định hướng cho mình sẽ trở thành một tay chơi dương cầm. Nhưng khi gia đình chuyển đến sinh sống ở Denver, Colorado năm 1967 do cha cô nhận chức vụ phụ tá Khoa trưởng Đại học Denver, Rice theo học trường này và tỏ ra thích thú

những bài giảng về chính trị quốc tế do giáo sư Korbel - thân phụ của cựu Ngoại trưởng Albright - phụ trách, nhất là về Liên Xô và các mối bang giao quốc tế (Vì thế bà Rice rất am tường về Liên Xô. Trong một lần gặp gỡ lãnh tụ Xô viết Mikhail Gorbachev, Tổng thống Bush (cha) đã giới thiệu bà là "người đã nói cho tôi biết những gì về Liên bang Xô viết"). Tốt nghiệp Đại học Denver chuyên ngành khoa học chính trị năm 1974 lúc mới 19 tuổi, Rice tiếp tục chuyên ngành này tại Đại học Notre Dame và nhận bằng thạc sĩ một năm sau đó. Năm 26 tuổi, Condoleezza Rice nhận bằng tiến sĩ khoa học chính trị tại Denver. Lúc đó, Rice đã thông thạo tiếng Nga cùng một số ngoại ngữ khác như tiếng Đức, Pháp và Tây Ban Nha. Sau khi tốt nghiệp năm 1981, bà Rice giảng dạy ở Đại học Stanford và từ đó đến nay, ngoài cương vị ở hội đồng quản trị một số công ty, tập đoàn, bà làm việc tại hai nơi là Nhà Trắng và Stanford.

Trong vai trò Ngoại trưởng nước Mỹ, chỉ trong năm đầu tiên, bà Rice đã đi nhiều hơn cả 5 năm của vị tiền nhiệm - Ngoại trưởng Powell. Theo thống kê, tính đến cuối năm 2005, bà đã du hành 384.000 km, thăm viếng 49 quốc gia và ngồi trên máy bay hơn 500 giờ.

Bà Rice l Đảng Dân chủ cho đến năm 1982 khi bà thay đổi nhãn quan chính trị, chống lại chính sách đối ngoại của cựu Tổng thống Carter. Hiện nay, bà Rice vẫn là một phụ nữ độc thân.

5. NEWT GINGRICH :

Là chính khách Mỹ nổi danh trong vai trò Chủ tịch Hạ viện từ 1995 đến 1999. Năm 1995, ông được tạp chí Times bầu chọn là nhân vật của năm do vai trò lãnh đạo "cuộc cách mạng" của Đảng Cộng hòa tại Quốc hội Mỹ, chấm dứt 40 năm dài phe Dân chủ chiếm đa số ghế tại Hạ viện.

Gingrich nhận bằng Tiến sĩ Lịch sử châu Âu hiện đại của Đại học Tulane, New Orleans năm 1971 rồi giảng dạy môn sử tại Đại học West Georgia đến năm 1978. Trong thời gian này, ông thử vận may trên chính trường với việc ra tranh cử vào Hạ viện Mỹ năm 1974 và 1976 nhưng cả hai lần đều thất bại. Đây là những năm khó khăn cho đảng viên Cộng hòa sau vụ tai tiếng Watergate. Năm 1978, Gingrich ra ứng cử lần thứ ba và chiến thắng, rồi sau đó tiếp tục đắc cử 10 nhiệm kỳ, phục vụ tại Hạ viện Mỹ từ 1979 đến 1999. Năm 1989, thủ lĩnh phe Cộng hòa thiểu số tại Hạ viện là Dick Cheney được bổ nhiệm giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng và Newt Gingrich được bầu chọn thay cho Cheney. Trong cuộc bầu cử tháng 11 năm 1994, phe Cộng hòa thắng thế, chiếm đa số ghế tại Hạ viện và Gingrich nắm chức Chủ tịch Hạ

viện.

Trong cuộc bầu cử Quốc hội năm 1998, những người Cộng hòa hy vọng sẽ giành chiến thắng và Gingrich dự báo phe Cộng hòa sẽ có thêm 3 ghế. Thế nhưng, kết quả ngược lại, phe Cộng hòa mất 5 ghế, một kết quả thật tồi tệ mà nguyên nhân là do ông Gingrich tập trung toàn bộ mũi dùi vào việc phế truất Tổng thống Clinton qua vụ tai tiếng với cô nhân viên thực tập Monica Lewinsky. Giữa những lời đe doạ "nổi loạn" trong nội bộ đảng, ông Gingrich chức Chủ tịch Hạ viện và không ra tái ứng cử nhiệm kỳ thứ 11. Sau khi rời Hạ viện, ông Gingrich vẫn tiếp tục tranh luận những vấn đề liên quan đến chính sách công và chính trị quốc gia qua việc làm bình luận viên hoặc xuất hiện trên các show truyền hình. Tháng 1.2005 ông xuất bản cuốn Winning the Future : A 21st Century Contract with America rồi tiến hành nhiều chuyến du hành tới Iowa và New Hampshire để thảo luận về cuốn sách, một động thái mà nhiều nhà phân tích cho rằng ông muốn đánh động ý định ra tranh cử tổng thống năm 2008.

6. JEB BUSH :

Đương kim Thống đốc bang Florida, em ruột Tổng thống George W. Bush và là con trai thứ của cựu Tổng thống Bush (cha). Năm 17 tuổi, trong một chương trình trao đổi học sinh, Jeb Bush được gửi đến Leon, Mexico và trong một cuộc đua xe mô tô, anh gặp Columba Garnica Gallo, một cô gái địa phương mà sau này anh cưới làm vợ. Và cũng nhờ vậy mà Jeb Bush rất thông thạo tiếng Tây Ban Nha. Trong thời gian làm thống đốc bang Florida, ông thường đọc diễn văn bằng cả Anh ngữ lẫn tiếng Tây Ban Nha vì rất đông cư dân Florida là người gốc Mỹ La tinh. Jeb Bush học rất giỏi, tốt nghiệp Đại học Austin chuyên ngành nghiên cứu Mỹ La tinh năm 1973 lúc mới 20 tuổi. Sau khi tốt nghiệp sớm, Jeb Bush cưới ngay Gallo, cô gái mà anh gọi là "người phụ nữ đầu tiên và duy nhất mà anh chưa một lần hò hẹn."

Jeb Bush làm việc cho Texas Commerce Bank đến năm 1977 thì chuyển gia đình đến Caracas, thủ đô của Venezuela để mở rộng hoạt động của ngân hàng. Ông trở về nước tham gia vận động tranh cử cho cha mình năm 1980. Tiếp đó, ông chuyển gia đình đến bang Florida và kinh doanh thành công trong lĩnh vực bất động sản. Nam 1994, Jeb Bush tranh cử thống đốc bang Florida và thất bại nhưng đến năm 1998 thì ông đánh bại đối thủ Dân chủ là ứng viên Mackay để trở thành Thống đốc bang Florida. Cùng lúc đó, người anh trai George W. Bush tái đắc cử vẻ vang nhiệm kỳ hai Thống đốc bang Texas. Anh nhà Bush trở thành những anh em ruột đầu tiên cùng nắm quyền lãnh đạo hai tiểu bang cùng một thời điểm kể từ khi anh em nhà Rockefeller

là Nelson và Winthrop cùng lúc làm Thống đốc New York và Arkansas từ 1967 đến 1971.

Jeb Bush không thể ra tranh cử Thống đốc bang Florida nhiệm kỳ thứ ba. Do vậy, một số người dự đoán là ông sẽ tranh ghế thượng nghị sĩ với Thượng nghị sĩ Dân chủ Bill Nelson trong cuộc bầu cử tháng 11 năm 2006, nhưng nay thì đã rõ ràng là không có trường hợp đó vì Đảng Cộng hòa đã tiến cử Katherine đối đầu với Nelson. Thế nên có những đồn đoán là có thể Jeb Bush sẽ ra tranh cử tổng thống năm 2008, cho dù vào cuối năm 2004, Jeb Bush đã một lần bác bỏ tin tức đó. Thế nhưng, vào rằng em trai mình sẽ là "một tổng thống vĩ đại".

7. BILL FRIST :

Là thủ lĩnh phe đa số tại Thượng viện Mỹ, Thượng nghị sĩ Bill Frist xuất thân là một bác sĩ phẫu thuật tim phổi. Năm 1972, lúc mới 20 tuổi và còn đang nghiên cứu về chính sách chăm sóc y tế tại Đại học Princeton, Frist xin thực tập vào mùa hè ở văn phòng của Dân biểu Joe Evins của bang Tennessee. Ông này khuyên Frist là nếu muốn theo nghiệp chính trị thì trước hết hãy theo học một chuyên ngành khác với chính trị học. Frist bèn theo học Đại học Y Harvard và nhận bằng tiến sĩ y khoa hạng danh dự năm 1978. Ông làm bác sĩ nội trú và tiếp tục nghiên cứu về phẫu thuật tim mạch. Năm 1989, ông thành lập Trung tâm phẫu thuật lắp ghép Vanderbilt. Frist đã tiến hành hơn 150 ca phẫu thuật tim và phổi.

Mãi đến năm 36 tuổi ông mới đi bầu lần đầu tiên. Hai năm sau, năm 1990, ông tìm gặp cựu thủ lĩnh phe đa số tại Thượng viện Howard Baker và tham vấn ông này về khả năng tham gia công quyền. Baker khuyên Frist nên chuẩn bị để theo đuổi việc tranh ghế vào Thượng viện Mỹ năm 1994. Frist bắt đầu chuẩn bị tìm kiếm hậu thuẫn bằng việc tham gia các phong trào các ủy ban của Đảng Cộng hòa liên quan đến y tế, tham gia cuộc vận động tranh cử của liên danh Bush-Quayle năm 1992. Trong cuộc bầu cử năm 1994, Frist đánh bại Thượng nghị sĩ Sasser và trở thành vị bác sĩ đầu tiên kể từ năm 1928 đắc cử Thượng nghị sĩ. Ông dễ dàng tái đắc cử lần hai năm 2000.

Thượng nghị sĩ Frist nổi bật năm 1998 khi hai nhân viên cảnh sát bảo vệ Quốc hội bị Weston bắn hạ bên ngoài Tòa nhà Quốc hội. Là bác sĩ có mặt sớm nhất, Frist đã nhanh chóng có biện pháp cứu chữa cho Weston, dù không cứu mạng được hai nhân viên cảnh sát. Ông Frist cũng là người đại diện cho Quốc hội trong thời kỳ nước Mỹ bị tấn công bằng vi-rút gây bệnh anthrax sau sự kiện khủng bố 11.9.2001. Năm 2003, Thượng nghị sĩ Trent

Lott từ chức thủ lĩnh phe đa số tại Thượng viện thì Bill Frist được các đồng viện Cộng hòa nhất trí bầu chọn thay cho ông Lott. Thượng nghị sĩ Frist trở thành vị thủ lĩnh phe đa số tại Thượng viện trẻ thứ hai trong lịch sử Hoa Kỳ. Trong cương vị này, những người ủng hộ ông cho rằng, cũng giống như trường hợp của Thượng nghị sĩ Bob Dole trước đây, Thượng nghị sĩ Bill Frist sẽ được Đảng Cộng hòa tiến cử ra tranh ghế tổng thống năm 2008 cho dù một số đối thủ chê ông là thiếu khả năng điều hành cần thiết để trở thành một ứng viên mạnh.

8. THOMAS RIDGE :

Là chính khách nổi bật trên chính trường Mỹ sau sự kiện khủng bố 11.9.2001, ông Ridge từng là dân biểu Hạ viện Mỹ (1983-1995), Thống đốc bang Pennsylvania (1995-2001), Trợ lý tổng thống về an ninh nội địa (2001-2003) rồi trở thành Bộ trưởng An ninh Nội địa đầu tiên của nước Mỹ (2003-2005). Tính đến năm 2005, ông là nhân vật chưa từng bị thất bại trong các cuộc bầu cử vào các chức vụ công quyền và là người từng có tên trong danh sách ông Bush chọn làm ứng viên phó tổng thống đứng cùng liên danh với ông (nhưng sau đó, ông Bu đã chọn Cheney).

9. MITT ROMNEY :

Thống đốc thứ 70 của bang Massachusetts, đang phục vụ nhiệm kỳ đầu tiên đến năm 2007 và ông đã tuyên bố không ra tái tranh cử chức thống đốc, nhưng lại thường được xem là ứng viên tiềm năng của Đảng Cộng hòa tranh ghế tổng thống năm 2008. Cha của Romney là ông George W. Romney, cựu Thống đốc bang Michigan và từng là ứng cử viên tổng thống.

Sau khi tốt nghiệp Đại học Luật Harvard và đồng thời nhận bằng M.B.A. của Harvard Business School năm 1975, Romney điều hành thành công công ty tư vấn về quản lý Bain&Company mà hiện nay có đến 32 văn phòng với hơn 2 .400 nhân viên trên 20 quốc gia. Năm 1984, Romney đồng thành lập Bain Capital, một trong những công ty đầu tư thành công nhất của Hoa Kỳ. Một trong số nhiều thành công đáng nhớ của Romney được cả nước thừa nhận là khi ông điều hành Thế vận hội mùa Đông 2002 ở Salt Lake City. Trước đó, Ủy ban điều hành Olympic ở Salt Lake City bị cáo giác hối lộ trong khi ngân sách thiếu hụt khiến cho cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch điều hành đều buộc phải từ chức. Romney được cử làm Chủ tịch kiêm Giám đốc điều hành Olympic này. Ông đã tổ chức một Olympic an toàn sau sự cố khủng bố 11.9.2001 và mang lại lợi nhuận 100 triệu USD. Romney đóng góp 1 triệu USD cùng tiền lương ba năm làm việc cho Olympic cho tổ chức từ thiện.

Những đối thủ của Romney thường chỉ trích ông là thiếu kinh nghiệm điều hành chính quyền.

10. RICK SANTORUM :

Thượng nghị sĩ bang Pennsylvania, là một khuôn mặt trẻ trên chính trường Mỹ. Santorum sinh năm 1958, tốt nghiệp Thạc sĩ quản trị kinh doanh (M.B.A.) Đại học Pittsburgh năm 1981 và Đại học Luật Dickinson năm 1986. Ông hành nghề luật sư cho đến năm 1990, lúc 32 tuổi, thì đắc cử vào Hạ viện Mỹ. Phục vụ tại Hạ viện 2 nhiệm kỳ thì Santorum được bầu vào Thượng viện năm 1994 sau khi đánh bại đối thủ Đảng Dân chủ là Thượng nghị sĩ Wofford, người lớn hơn ông 32 tuổi.

Những thăm dò dư luận trong mùa hè 2006 cho thấy, có thể Santorum gặp khó khăn khi tái tranh cử nhiệm kỳ 3 vào Thượng viện tháng 11 năm 2006 mà đối thủ là ứng viên Đảng Dân chủ Bob Casey, Jr., con trai của cựu thống đốc Pennsylvania. Trong một cuộc phỏng vấn dành cho tờ The Washington Post hồi tháng 7 năm 2005, ông Santorum tuyên bố không có ý định tranh cử tổng thống mà theo ông, trở ngại chính là vì ông có đến 6 đứa con tuổi từ 4 đến 14 mà ông nghĩ là không thể chăm sóc đàng hoàng nếu phải nhảy vào cuộc vận động tranh cử kéo dài khoảng 2 năm. Nhiều người cho rằng, như thế là ông Santorum sẽ không ra tranh cử tổng thống năm 2008, thế nhưng sau đó, Santorum lại nói là cánh cửa tự nó khép lại, chứ không khóa, không chốt gì cả.

11. GEORGE ALLEN :

Sinh năm 1952, hiện là Thượng nghị sĩ đại diện bang Virginia. Tốt nghiệp Đại học Luật Virginia năm 1977, hai năm sau, Allen tranh cử Hạ viện bang Virginia lần đầu nhưng thất cử (đứng hạng 3 trong số 4 ứng viên). Lần kế vào năm 1981, ông thắng cử và làm việc tại Hạ viện bang Virginia cho đến năm 1991 thì đắc cử Dân biểu Hạ viện Mỹ nhưng phục vụ không lâu vì hai năm sau, Allen lại chiến thắng trong cuộc tranh cử chức thống đốc bang Virginia. Ông là Thống đốc thứ 67 của bang Virginia, phục vụ từ 1994 đến 1998.

Trong cuộc bầu cử vào Thượng viện Mỹ năm 2000, ông Allen đã đánh bại Thượng nghị sĩ Dân chủ Chuck Robb - con rể cố Tổng thống Lyndon Johnson. Ông là đảng viên Cộng hòa duy nhất chiến thắng một Thượng nghị sĩ Dân chủ đương nhiệm trong năm đó. Về khả năng tranh cử tổng th theo một nghiên cứu nội bộ Đảng Cộng hòa do National Journal tiến hành vào

tháng 5 năm 2006, ông Allen đứng hạng nhì sau Thượng nghị sĩ John McCain trong danh sách những người được tiến cử ra tranh ghế Tổng thống Mỹ năm 2008.

Trên đây là những phân tích về các khả năng tranh cử tổng thống nước Mỹ năm 2008 của các nhân vật thuộc cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa. Nhưng theo nhận định của các hãng thông tấn và các nhà bình luận chính trị hàng đầu của Mỹ, khả năng đắc cử tổng thống của Hillarry Clinton là rất cao. Những hoạt động chính trị của bà Hillary cho các nhà quan sát những nhận định tích cực về khả năng tranh cử tổng thống của bà, và vấn đề này đang trở thành vấn đề thời sự hàng đầu ở Mỹ và của cả thế giới. Nước Mỹ cũng như thế giới sẽ thay đổi nhiều nếu có một tổng thống như Hillary Clinton. Hình ảnh và quan hệ quốc tế của cường quốc hàng đầu thế giới có sức ảnh hưởng lớn như Mỹ tùy thuộc rất nhiều vào vị tổng thống sau này. Tuy nhiên, cũng có nhiều nhà phân tích chính trị nhận xét, điều cốt lõi là với những tín hiệu chống lại khuynh hướng tự do, thiên về phe bảo thủ của đa số cử tri Mỹ thể hiện gần đây, không biết Hillary Clinton có thể chiến thắng trong cuộc đua lịch sử này để quay lại Nhà Trắng với cương vị là bà chủ của Tòa Bạch Ốc - nữ tổng thống đầu tiên của Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ?

HILLARY RODHAM CLINTON

- Sinh ngày 26/10/1947 tại Chicago, bang Illinois. Tốt nghiệp trung học ở trường Maine Township High School South và được trao giải nhất về khoa học xã hội của trường khi đang học năm cuối.

- 1964 : Vận động tranh cử Tổng thống cho ứng viên Đảng Cộng hòa Barry Goldwater.

- 1965 : Theo học Đại học Wellesley, bang Massachusetts, tích cực hoạt động cho Đảng Cộng hòa. Chịu ảnh hưởng của Giáo sư Alan Schechter nên nhãn quan chính trị chuyển qua trào lưu tự do và gia nhập Đảng Dân chủ.

- 1968 : Cái chết của Mục sư Martin Luther King, Jr. - nhà lãnh đạo Phong trào Dân quyền nổi tiếng - tác động mạnh đến cô sinh viên Hillary, vốn từng có dịp gặp gỡ và nghe ông diễn thuyết vào năm 1962.

- 1969 : Tốt nghiệp WellesleyCollege chuyên ngành Khoa học chính trị. Là sinh viên đầu tiên trong lịch sử của Đại học Wellesley được chọn để đọc diễn văn tại lễ tốt nghiệp.

- 1969 : Theo học trường luật nổi tiếng YaleLawSchool, là thành viên Ban

biên tập tạp chí Yale Review of Law and Social Action.

- 1970 : Làm việc tại Quỹ Bảo vệ Trẻ em ở Cambridge, Massachusetts vào mùa hè.

- 1972 : Vận động tranh cử Tổng thống cho ứng viên Đảng Dân chủ George McGovern.

- 1973 : Tốt nghiệp YaleLawSchool. Trong suốt những năm ở trường luật, Hillary làm việc thiện nguyện cho Trung tâm Nghiên cứu Trẻ em Yale, nghiên cứu các trường hợp lạm dụng trẻ em ở Bệnh viện New Haven và làm các dịch vụ pháp lý miễn phí cho dân nghèo. Cũng trong năm 1973, Hillary tham gia Ban cố vấn Ủy ban Tư pháp Hạ viện, chuẩn bị hồ sơ cho vụ án phế truất Tổng thống Nixon liên quan đến vụ tai tiếng Watergate.

- 1974 : Là một trong hai giảng viên nữ của Trường Luật Fayetteville, Đại học Arkansas, nơi người bạn trai và là bạn học cũ ở Yale Law School - Bill Clinton - cùng dạy ở đó.

- 1975 : Đám cưới Hillary và Clinton. Cả hai dời về sống ở thành phố Little Rock, bang Arkansas.

- 1976: Làm việc cho Hãng Luật Rose.

- 1978 : Bill Clinton đắc cử Thống đốc bang Arkansas. Hillary trở thành Đệ nhất Phu nhân Arkansas trong vòng 12 năm - có gián đoạn 2 năm do Bill Clinton thất cử năm 1980 rồi sau đó tái đắc cử 1982. Cùng năm 1982, Hillary bắt đầu sử dụng tên đầy đủ là Hillary Rodham Clinton.

- 1980 : Hạ sinh Chelsea, ái nữ duy nhất của Hillary và Clinton.

- 1983 : Được bầu chọn là Người Phụ nữ Arkansas của năm 1983.

- 1984 : Được bầu chọn là Người Mẹ Arkansas của năm 1984.

- 1988 : Tạp chí National Law Journal bầu chọn Hillary là một trong số 100 luật sư có ảnh hưởng nhất ở Mỹ. Được tạp chí này tái bầu chọn vào năm 1991.

- 1992 : Bill Clinton đắc cử Mỹ, Hillary trở thành Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ kể từ tháng 1 năm 1993 và kéo dài trong hai nhiệm kỳ Tổng thống của ông Clinton. Là Đệ nhất Phu nhân đầu tiên của Mỹ có học vị sau đại học. Trong

cương vị này, Hillary nổi tiếng với lập trường ủng hộ quyền phụ nữ trên khắp thế giới cũng như những cống hiến của bà cho các vấn đề trẻ em.

- 1997 : Hillary khởi xướng Chương trình Bảo hiểm Y tế Trẻ em.

- 2000 : Đắc cử Thượng nghị sĩ bang New York với nhiệm kỳ bắt đầu từ 3.1.2001. Là Đệ nhất Phu nhân đầu tiên được bầu vào Thượng viện Hoa Kỳ.

- 2006: Tái tranh cử Thượng nghị sĩ bang New York.